

**A DI ĐÀ KINH SỚ SAO
DIỄN NGHĨA
QUYỂN II**

**Liên Trì đại sư chùa Vân Khê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa**

阿彌陀經疏鈔演義

卷二

明古杭雲棲寺沙門株宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

越南譯本

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Quyển II

阿彌陀經疏鈔演義

卷二

明古杭雲棲寺沙門株宏述

明雲棲寺古德法師演義

民國淨業學人釋淨空演講

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Địa điểm: Đài Loan Cảnh Mỹ Hoa Tạng Đồ Thư Quán

Thời gian: Tháng 12 năm 1984

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Tập 31

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba mươi tám:

(Sớ) Cố tri chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm, xí nhiên vãng sanh, tịch nhiên vô vãng hĩ.

(疏) 故知終日念佛，終日念心，熾然往生，寂然無往矣。

(Sớ: Vì thế biết là suốt ngày niệm Phật, suốt ngày niệm tâm, hừng hực vãng sanh, [mà vẫn] lặng lẽ chẳng vãng sanh vậy).

Bắt đầu từ câu này, lần trước đã giảng đến câu “*đĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhẫn*” (dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhẫn).

Ý nghĩa của đoạn này hết sức trọng yếu, chúng ta hãy chú tâm quán sát, sẽ biết công phu niệm Phật của chính mình vì sao chẳng thể thành tựu, nguyên nhân là ở chỗ này. Đề chú giải tiểu đoạn này, sách Diễn Nghĩa có một đoạn văn tự giảng rõ ý nghĩa khá dài.

(Diễn) 又生即念念生滅, 此生滅妄心, 本自虛妄, 無有

(演) 又生即念念生滅, 此生滅妄心, 本自虛妄, 無有
實體, 故云體不可得。

(Diễn:) Lại nữa, “sinh” chính là sanh diệt trong từng niệm, cái vọng tâm sanh diệt này vốn hư vọng, chẳng có thật thể, nên nói: “Thế chẳng thể được”).

Đôi với đoạn này, chúng tôi cũng đặc biệt nêu ra lời khai thị “tam tâm bất khả đắc” trong kinh Kim Cang, tức “tam quá khứ bất khả đắc, tam hiện tại bất khả đắc, tam vị lai bất khả đắc”, đó là nói về vọng tâm. Bởi lẽ, chân tâm không có quá khứ, hiện tại, vị lai; chỉ vọng tâm mới có quá khứ, hiện tại, vị lai, những tâm này đều chẳng thể được! Hiện tại, cái tâm niệm Phật của chúng ta là vọng tâm, vì sao? Cũng là cái tâm sanh diệt. Nam-mô A Di Đà Phật, niệm trước được nối tiếp bởi niệm sau, đó là tâm sanh diệt. Do đây có thể biết: Bản thể của câu Phật hiệu cũng là Không, trọn chẳng thể được. Vọng tâm khởi tác dụng, nếu khởi lên một niệm thiện thì đó là thiện nghiệp. Khởi lên một niệm ác, sẽ tạo ác nghiệp. Vì vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do vọng tâm biến hiện, còn chân tâm hiện ra Nhất Chân pháp giới, đó là chân thật. Mười pháp giới chẳng phải là Nhất Chân, khác biệt với Nhất Chân pháp giới rất lớn.

Nếu vọng tâm ấy tạo ra nghiệp niệm A Di Đà Phật, quý vị hãy nghĩ xem: Nghiệp ấy là thiện nghiệp hay ác nghiệp? Thiện lẫn ác đều chẳng liên quan! Vì sao? Quả báo của một câu A Di Đà Phật chẳng ở trong ba ác đạo! Trong ba ác đạo không có A Di Đà Phật. Trong ba thiện đạo cũng chẳng có A Di Đà Phật. Trong Thanh Văn, Duyên Giác, cũng chẳng có A Di Đà Phật. Trong Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng có A Di Đà Phật. Tuy dùng vọng tâm, nhưng tạo nghiệp rất kỳ diệu, nghiệp của A Di Đà Phật là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, quý vị phải hiểu đạo lý này. Nếu quý vị biết sử dụng vọng tâm, thì [vọng tâm] cũng có thể khiến cho quý vị thành Phật trong một đời. Dùng cái tâm sanh diệt để

vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bỏ cái tâm sanh diệt, sử dụng chân tâm, sẽ vãng sanh từ cõi Thật Báo trở lên. Đủ thấy: Biết sử dụng cái tâm hay không là mấu chốt trọng yếu nhất để quyết định sự thành bại của chúng ta.

(Diễn) Đạt giả, ngộ tâm chi bản không dã.

(演) 達者悟心之本空也。

(Diễn: Đạt là ngộ cái tâm vốn không).

Chân tâm vốn là không, vọng tâm cũng vốn là không, vì chúng rốt ráo chẳng thể được.

(Diễn) Kỳ ngộ tâm không.

(演) 既悟心空。

(Diễn: Đã ngộ tâm là không).

Đã hiểu chân tâm và vọng tâm đều là không, chẳng thể được.

(Diễn) Tác chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm, sanh nhi bất sanh dã.

(演) 則終日念佛，終日無念，生而不生也。

(Diễn: Thì suốt ngày niệm Phật, suốt ngày vô niệm, sanh mà chẳng sanh).

Tuy Phật hiệu là từng tiếng tiếp nối chẳng gián đoạn, nhưng quyết định không có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, vì hiểu bản thể của chúng chính là Không. Hiểu rõ đạo lý này, công phu sẽ dễ thành tựu; không hiểu đạo lý này, người ấy (tức người niệm Phật) sẽ so đo, phân biệt, chấp trước. Ví như mỗi ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, lễ Phật bao nhiêu lạy, người ấy ganh đua với kẻ khác, chỉ sợ kẻ khác vượt trội mình, toàn là khởi vọng tưởng! Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, tình hình như vậy từ xưa đến nay thường có, người ấy chẳng biết tam luân thể không, dấu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cũng không cao. Ở đây, tôi đặc biệt thưa với quý vị: Nếu có cái tâm tranh cường hiếu thắng, quý vị nghĩ coi: Có thể vãng sanh hay chẳng? Chẳng thể vãng sanh! Vì tranh cường hiếu thắng là tâm sân khuê, là tâm

tham; chưa chế phục những phiền não ấy, làm sao quý vị có thể vãng sanh được? Đối nghiệp vãng sanh chỉ mang theo chủng tử của tập khí, chứ không thể mang theo [phiền não] hiện hành; cái tâm tranh cường hiếu thắng ấy chính là phiền não hiện hành.

Công phu đặc lực không do niệm Phật bao nhiêu câu, quý vị mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, công phu vẫn cứ không đặc lực như cũ! Không đặc lực nghĩa là không thể chế phục phiền não, công phu chẳng thể thành phiền, chẳng thể đặc nhất tâm, đó là không đặc lực. Do vậy, đối với người niệm Phật chúng ta, điều khẩn yếu là công phu đặc lực. Nếu người ấy mỗi ngày chỉ niệm mười tiếng Phật hiệu, chỉ tu thập niệm, mà mười niệm của người ấy đặc lực, thật sự có thể chế phục phiền não, sẽ rất tuyệt vời, đấy chính là công phu, nhất định phải hiểu đạo lý này! Cổ đại đức thường khuyên chúng ta: “*Châu bất ly thủ, Phật bất ly khẩu*” (xâu chuỗi chẳng rời tay, miệng chẳng ngớt niệm Phật), vì sao? Có đạo lý trong ấy: Nếu tâm chúng ta chẳng tưởng Phật, chẳng niệm Phật, sẽ suy nghĩ tán loạn. Quý vị có thể kiểm nghiệm xem chính mình có phải là như vậy hay không? Khi không niệm Phật, quý vị bèn tưởng Đông nghĩ Tây, nghĩ tới thiện niệm thì nó sẽ là chủng tử của nghiệp nhân trong ba thiện đạo; nghĩ tới chuyện ác, nó sẽ là chủng tử trong ba ác đạo. Vậy thì quý vị suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, tưởng Phật, tôi vừa mới nói đó, trong lục đạo không có A Di Đà Phật! Nói cách khác, quý vị chẳng tạo nghiệp nhân lục đạo, tương lai sẽ chẳng thọ quả báo luân hồi trong lục đạo, tốt đẹp là ở chỗ này! Do vậy, [chư Phật, Bồ Tát] mới bảo chúng ta hãy suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Phật, tưởng Bồ Tát, niệm Phật, niệm Bồ Tát; chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, nhất là phải chú ý: Công phu nhất định phải đặc lực. Muốn đặc lực, nhất định phải hiểu rõ Lý. Khi hiểu rõ Lý, quý vị sẽ có thể buông xuống; buông xuống thì mới đặc lực! Công phu chẳng đặc lực, căn bệnh là do không buông xuống, đó là căn bệnh lớn. Đây là giảng rõ câu “*chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm*” (suốt ngày niệm Phật, suốt ngày vô niệm), vô niệm có ý nghĩa như vậy đó.

(Diễn) Chung nhật vô niệm, chung nhật niệm Phật, bất sanh nhi sanh dã.

(演) 終日無念，終日念佛，不生而生也。

(Diễn: Suốt ngày vô niệm mà suốt ngày niệm Phật, chẳng sanh mà sanh vậy).

Niệm và vô niệm là tu nhân, sanh và bất sanh là quả báo. Sanh và bất sanh thì sao? Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận đã giảng rất hay: “*Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ*” (Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật sự đi). Vì sao nói thật sự chẳng đi? Thế giới Sa Bà do cái tâm của chúng ta biến hiện, thế giới Cực Lạc cũng do tâm của chúng ta biến hiện, quý vị đi về đâu? Vô lượng vô biên các cõi nước trọn hết mười phương đều chẳng ra ngoài nhất tâm. Vấn đề khẩn yếu là nhất tâm. Do vậy, đối với điểm này, quý vị quyết định chớ nên hoài nghi. Bộ Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận hết sức hay, nó cũng là một bộ luận rất trọng yếu trong Tịnh Độ, chuyên môn thảo luận và giảng rõ về sự vắng sanh.

(Diễn) Sanh nhi bất sanh, tắc sanh nguyên bất khả đắc, bất sanh nhi sanh, tắc bất sanh diệc bất khả đắc, thị chân vô sanh dã.

(演) 生而不生，則生元不可得，不生而生，則不生亦不可得，是真無生也。

(Diễn: “Sanh mà bất sanh” tức là sanh vốn chẳng thể được, “bất sanh mà sanh” thì bất sanh cũng chẳng thể được, đây là chân vô sanh).

Đối với mấy câu này, nếu chúng ta dùng Bách Pháp Minh Môn Luận để đối chiếu, sẽ giác ngộ ngay. Trong bách pháp, Sanh thuộc về Bất Tương Ứng Hành Pháp. Sanh đã thuộc về pháp Bất Tương Ứng [Hành Pháp]; Bất Sanh là pháp đối ứng với Sanh, đương nhiên cũng thuộc Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói “*bất tương ứng hành*” có nghĩa là: Pháp ấy chỉ là khái niệm trừu tượng, thật ra không có chuyện ấy. Y Tha Khởi¹ là giả, khái niệm trừu tượng càng giả hơn nữa. Nói cách khác, nó chỉ là một thứ vọng tưởng mà thôi, chẳng phải là sự thật. Do chúng ta bị thứ vọng tưởng này che lấp chân tánh của chính mình, nên nhìn sai lạc, nhìn lầm lẫn Thật Tướng của hết thảy các pháp. Phạm những gì có hình tướng đều là hư vọng, chúng ta thấy tướng hư vọng ấy. Vì sao

¹ Y Tha Khởi là một trong ba tánh (Y Tha Khởi, Biến Kế Sở Chấp và Viên Thành Thật) được lập ra bởi Duy Thức Học. Y Tha Khởi nghĩa là các pháp đều do các duyên hòa hợp, do tâm thức biến hiện, hư huyền chẳng thật. Một thí dụ thường dùng là dây thừng. Dây thừng là do các sợi gai và sức người bện thành. Lại xét đến sợi thừng thì sợi thừng do các tế bào của cây gai hợp thành, tế bào do các vi trần (phân tử, nguyên tử, lap tử v.v...), như vậy, sợi dây thừng chỉ do các duyên hòa hợp mà có, không có thực thể.

chúng ta chẳng thấy tướng chân thật? Vì trong chân tâm đã kèm thêm một tầng vọng tưởng như thế. Nếu bỏ được vọng tưởng ấy, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, hết thấy các pháp trước mắt đều là bất sanh, bất diệt. Đạt đến cảnh giới ấy thì mới chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, thật sự hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Hết thấy pháp bất sanh, bất diệt, đó là thật. Nay chúng ta thấy hết thấy pháp có sanh, có diệt, con người có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - dị - diệt, khoáng vật có thành - trụ - hoại - không, chúng ta đều thấy sai lầm! Thật ra, không có những chuyện ấy; nhưng nếu nói là chúng ta thấy lầm, chắc chắn chúng ta không thừa nhận, rõ ràng là có sanh - lão - bệnh - tử, làm sao nói không có cho được? Ở đây có một tầng đạo lý rất sâu, nhưng chúng ta không lãnh hội đạo lý ấy, mà cũng chẳng thấy được chân tướng sự thật. Trong phần trên, chúng ta đã từng thảo luận sự lý ấy; sau này, bước vào phần kinh văn, sẽ nghiên cứu và thảo luận cặn kẽ hơn. Điều này có quan hệ rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Đây là nói quan niệm Sanh chẳng thể được, mà quan niệm Bất Sanh cũng chẳng thể được. Hai bên Sanh và Bất Sanh đều tách lìa, đó gọi là Chân Vô Sanh. Đủ thấy: Cõi Diệt là ngưng dứt Sanh thì chẳng phải là Vô Sanh chân chánh, mà là Vô Tướng Định, quả báo là trời Vô Tướng trong Tứ Thiên Thiên, là ngoại đạo thiên.

(Diễn) Cố vân dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhãn.

(演) 故云以念佛心，入無生忍。

(Diễn: Vì thế nói: Dùng tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhãn).

Đây cũng là điều chúng ta mong cầu, chúng ta mỗi ngày niệm Phật, trong bài kệ Hồi Hướng có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, đủ thấy ai nấy đều có nguyện vọng này. Đây là cảnh giới nào? Cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Nói cách khác, trong Sự nhất tâm, vẫn sử dụng cái tâm sanh diệt; đạt đến Lý nhất tâm, sẽ bỏ sạch cái tâm sanh diệt ấy. Tâm sanh diệt đã bỏ, ý niệm Sanh và Vô Sanh cũng chẳng còn nữa; khi ấy sẽ chứng đắc Vô Sanh Nhãn.

“*Cố tri chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm*” (cho nên biết suốt ngày niệm Phật là suốt ngày niệm tâm). Nhất định phải nhớ kỹ hai câu này. Nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Thật sự hiểu ý nghĩa này thì niệm Phật sẽ biến thành cuộc sống của chính mình. Nếu không, dường như niệm Phật chẳng ăn khớp với cuộc sống! Có nhiều vị đồng tu

hoài nghi, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng thể gián đoạn, vậy thì chuyện gì tôi cũng chẳng thể làm được! Tôi làm việc gì thì phải suy nghĩ việc ấy, phải nghĩ đến vấn đề ấy, Phật hiệu bị gián đoạn, trong tương lai, tôi chẳng thể vãng sanh! Khi tôi mong mỗi vãng sanh thì chuyện gì tôi cũng đều chẳng phải làm, đâm ra Lý - Sự bị trở ngại, Sự - Sự bị trở ngại! [Những ai quan niệm như vậy] là không hiểu đạo lý! Quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này thì sự thật chẳng phải là như vậy, trên sự thật là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật vốn là niệm tâm. Nếu một câu A Di Đà Phật chẳng niệm cho đến mức tỏ lộ tự tánh thanh tịnh, quý vị sẽ chẳng thể đắc nhất tâm. Nhờ vào Phật hiệu để niệm cho ra cái tâm vô lượng giác của chính mình. Nam-mô A Di Đà Phật là quy y Vô Lượng Giác, Vô Lượng Giác là ai? Nếu nghĩ là Tây Phương A Di Đà Phật, quý vị đã sai rồi! Vô Lượng Giác là chân tâm của chính mình, là nhất tâm bất loạn của chính mình, nhất tâm bất loạn được gọi là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là nhất tâm bất loạn; vì nhất tâm là Vô Lượng Giác, trong kinh đã nói rất rõ ràng, rành rẽ “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”. Nếu nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, quý vị làm bất cứ chuyện gì trong thế gian này, nhất định sẽ làm hết sức viên mãn, tự tại như ý.

Chúng ta dùng nhất tâm để xử sự, dùng nhất tâm để đối người, dùng nhất tâm để tiếp vật, đầy đều là niệm Phật! Chúng ta vận dụng niệm Phật vào cuộc sống, sử dụng thuận tiện; nói theo cách bây giờ là niệm một cách sống động, vận dụng sống động, đừng niệm Phật một cách chết cứng! Niệm Phật hiệu mà không có tác dụng, niệm Phật một cách chết cứng, sẽ chẳng thể vãng sanh. Cuộc sống hiện thời của chúng ta là trong cảnh giới giác chứ không mê, có như vậy thì mới có thể chắc chắn vãng sanh. Bởi lẽ, các vị thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, vị nào cũng là giác chứ không mê, vị nào cũng đều là tịnh chứ chẳng nhiễm, tác dụng của Phật hiệu là ở chỗ này! Đây là “*chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm*” (suốt ngày niệm Phật, suốt ngày niệm tâm). Quý vị phải hiểu: Niệm Phật là niệm tâm. Niệm câu A Di Đà Phật là niệm cái tâm vô lượng giác của chính mình, tâm chính mình giác chứ không mê, tâm chánh chứ không tà, tâm tịnh chứ không nhiễm, niệm những điều đó! Phải niệm cho ra “giác - chánh - tịnh” của chính mình rồi sau đó vận dụng “giác - chánh - tịnh” vào cuộc sống. Chỗ hay, công đức và lợi ích của Niệm Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

“*Xí nhiên vãng sanh, tịch nhiên vô vãng hĩ*” (hừng hực vãng sanh, nhưng vẫn lặng lẽ chẳng đi đâu cả): “*Xí nhiên*” (熾然) là từ ngữ hình

dung người ấy có tướng quang minh, có tướng dũng mãnh, giống như lửa cháy rất mạnh, cháy rất to. Tuy chúng ta vẫn chưa ra đi (chưa vãng sanh), nhưng thân tâm của quý vị đã là người trong thế giới Cực Lạc. Hiện thời, niệm một cách sống động câu Phật hiệu này, niệm Phật quả thật là niệm cái tâm giác - chánh - tịnh của chính mình, tâm tâm tương ứng với giác - chánh - tịnh của Tây Phương thế giới A Di Đà Phật thì quý vị vãng sanh trong mỗi niệm. Sự vãng sanh ấy há chẳng phải là vãng sanh trong khi còn sống ư? Đấy chính là như cổ đại đức nói: *“Tu hành phải chuyển Thức thành Trí”*. Chúng ta niệm niệm đều chuyển mê - tà - nhiễm thành giác - chánh - tịnh. Giác - chánh - tịnh là Trí, mê - tà - nhiễm là Thức. Niệm niệm chuyển Thức thành Trí, niệm niệm chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, quý vị hãy nghĩ xem: Có phải là hừng hực vãng sanh, mà vẫn lặng lẽ không đi về đâu hay chẳng?

Tâm chuyển cảnh giới, đó là Phật, Bồ Tát. Tâm bị cảnh chuyển là phàm phu. Quý vị bị cảnh giới chuyển, làm sao có thể tránh khỏi lục đạo luân hồi? Khi nào chuyển được cảnh giới, quý vị đắc đại tự tại. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *“Nhược năng chuyển cảnh, tức đồng Như Lai”* (Nếu chuyển được cảnh thì giống như Như Lai). Đó là công phu chân chánh, là học Phật chân chánh.

(Sớ) Tâm, Phật, chúng sanh giả, kinh vân: “Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt”. Cái tâm tức thị Phật, Phật tức thị sanh, chư Phật tâm nội chúng sanh, niệm chúng sanh tâm trung chư Phật dã. Cổ vân nhất thể.

(疏) 心佛眾生者。經云：心佛及眾生，是三無差別。

蓋心即是佛，佛即是生，諸佛心內眾生，念眾生心中諸佛也。故云一體。

(Sớ: “Tâm, Phật, chúng sanh”: Kinh dạy: “Tâm, Phật, và chúng sanh, ba thứ này không sai khác”. Bởi lẽ, tâm chính là Phật, Phật chính là chúng sanh. Chúng sanh trong tâm chư Phật niệm chư Phật ở trong tâm chúng sanh, nên nói là nhất thể).

Đoạn này cũng nói rất rõ ràng. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta [như vậy], trong phần chú giải cũng có giải thích, quý vị hãy đọc lời chú giải.

(Diễn) Tam vô sai biệt giả, vị: Mê thử pháp hữu chúng sanh danh, ngộ thử pháp hữu chư Phật danh. Thử pháp chư pháp trung thật hữu tâm danh. Nhiên nhi mê ngộ bốn không, trung biên bất lập, chư Phật, chúng sanh, cập tâm, giai giả danh dã.

(演) 三無差別者，謂迷此法有眾生名，悟此法有諸佛名，此法諸法中實有心名。然而迷悟本空，中邊不立，諸佛眾生及心，皆假名也。

(Diễn: “Ba thứ không sai biệt”, ý nói: Mê pháp này bèn có cái tên chúng sanh, ngộ pháp này bèn có danh xưng chư Phật. Trong các pháp, pháp này quả thật có cái danh xưng là “tâm”, nhưng mê và ngộ vốn là không, ở giữa và hai bên chẳng lập; chư Phật, chúng sanh và tâm đều là giả danh).

Pháp chỉ có một! Cũng có các vị nghe xong, cảm thấy hết sức hoang mang, chúng ta thấy pháp nhiều quá, sâm la vạn tượng vô lượng vô biên, sao lại nói “pháp chỉ có một?” Tôi nghĩ quý vị đã từng nghe cô nhân nói “dĩ kim tác khí, khí khí giai kim” (lấy vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Quý vị nói xem: Là một hay nhiều? Quý vị vào tiệm kim hoàn xem các đồ làm bằng vàng, lóng lánh chói mắt, các kiểu, các dạng quá nhiều. Nếu quan sát kỹ, chúng đều bằng vàng! Trừ vàng ra, không có món thứ hai nào khác. Quý vị nói xem: Là một hay nhiều? Nhìn từ bản thể, là một. Các nhà Duy Thức chỉ thừa nhận Thức, chẳng thừa nhận Tướng. Thức là năng biến (chủ thể biến hóa), vạn pháp duy thức (muôn pháp chỉ từ Thức biến hóa ra), Thức là một, vạn pháp là cái được biến hiện (sở biến). Vạn pháp giống như các đồ vật, Thức ví như vàng. Chính vì chân tướng của sự thật là như thế, nên trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh mới dạy chúng ta: “Vô lượng tức nhất, nhất tức vô lượng” (vô lượng là một, một là vô lượng), đó là nói sự thật. “Một” là nói về tâm, thức, “vô lượng” là nói về hết thảy muôn hình tượng.

Ngày nay, các nhà khoa học cũng phát hiện “một”, vạn pháp quy về một. “Một” là gì? Là các lập tử cơ bản, đây là vật chất cơ bản. Những động vật, thực vật, và khoáng vật trong trợn hư không khắp pháp giới đều do các lập tử cơ bản kết hợp thành. Trừ lập tử cơ bản ra, trong vũ trụ không có vật thứ hai nào, các nhà khoa học hiện tại tin vào điều này. Chúng ta đem một người bỏ lên cân, mấy chục ký lô vật chất cơ bản

được cấu tạo bằng lập tử cơ bản đáng bao nhiêu tiền? Tính ra, người ấy chỉ đáng giá mấy đồng! Một người chỉ đáng giá mấy đồng mà thôi ư? Không có giá trị! Các nhà khoa học cũng dần dần hiểu rõ đạo lý này!

Do vậy, Phật, Bồ Tát rất thông minh, rất cao minh, các Ngài làm trò ảo thuật, biến đổi những thuật ngữ, tạo ra rất nhiều danh từ Pháp Tướng, nhưng những danh từ Pháp Tướng ấy đều chẳng thật. Những danh từ Pháp Tướng ấy được lập ra hết sức xảo diệu, khiến cho chúng ta từ những danh từ ấy, từ những danh từ giả huyền ấy, ngộ nhập chân tướng sự thật. Đó gọi là “*tá giả tu chân*” (nhờ giả để tu thật). “*Giả*” (假) là giả danh, giả tướng, ví như “*tâm, Phật, chúng sanh*”, cả ba danh từ này đều là giả danh; từ những giả danh ấy mà ngộ nhập Thật Tướng. Đó là mục đích của Phật pháp, chắc chắn chẳng phải là bảo quý vị hãy [chấp trước] chết cứng nơi giả danh. Do vậy, chớ nên ghi nhớ chết cứng giả danh; nhất định phải từ giả danh mà khai ngộ. Hiểu rõ đạo lý này, mới hiểu được đoạn văn trên đây.

“*Mê thử pháp*”, “*thử pháp*” là Thể - Tướng - Dụng như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đã nói. Thể - Tướng - Dụng là một mà ba, tuy ba nhưng một, toàn thể vũ trụ nhân sinh đều được bao gồm trong ấy. Mê mất Thể - Tướng - Dụng! Thể - Tướng - Dụng là con người thật sự của chính mình, nhà Thiền gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Mê mất Thể - Tướng - Dụng thì gọi là chúng sanh, Phật đặt cho họ cái giả danh là “*chúng sanh*”. Hễ ngộ Thể - Tướng - Dụng của chính mình, lại đặt cho họ một cái giả danh là Phật. Đủ thấy chúng sanh là người ấy, mà Phật vẫn là người ấy! Từ chỗ này, chúng ta có thể hiểu mối quan hệ giữa Phật và chúng sanh: Phật là chính mình, mà chúng sanh cũng là chính mình. “*Thử pháp chư pháp trung*”, “*thử pháp*” là nói về Thể - Tướng - Dụng của chính mình, “*thật hữu tâm danh*”, tâm là thể tánh của hết thảy các pháp, điều này nói rõ: Trong hết thảy các pháp, vẫn có danh từ này.

“*Nhiên nhi mê ngộ bốn không*” (nhưng mê và ngộ vốn là Không), đây là thực tại. Mê, do đâu mà mê? Quý vị có tìm ra Lý và Sự của cái mê ấy hay chẳng? Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật cùng A Nan và Phú Lô Na đã thảo luận vấn đề này. Đức Phật nói chúng ta mê, quý vị đi tìm Tướng và Thể của mê, tìm chẳng được! Quý vị tìm vô minh, vô minh ở đâu? Chẳng thể được! Vì sao chẳng thể được? Vì nó là hư vọng! Nếu nó là chân thật, nhất định sẽ tìm được! Tìm khắp mọi nơi mà chẳng thấy, mới biết nó là hư vọng. Một thứ đã mê, hết thảy đều mê; một thứ đã ngộ, hết thảy đều ngộ! Mê và ngộ quả thật có chuyện này, nhưng mê và ngộ

chẳng có tự tánh, không có tự thể; do vậy, “*mê ngộ bốn không*” (mê và ngộ vốn là không).

Biết mê và ngộ vốn là không, chúng ta nay đang mê, dấu mê nặng nề đến đâu đi nữa, quý vị cũng đừng kinh hoàng, cũng đừng sợ hãi. “Tôi mê nặng nề như thế, làm thế nào đây? Phải như thế nào mới có thể đoạn được mê tình?” Vậy là mê càng thêm mê, quý vị vĩnh viễn chẳng đoạn mê được! Vì sao? Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là mê, nghĩ “tôi tội nghiệp quá sâu, tôi mê hoặc, điên đảo”, đã mê càng thêm mê, không có cách nào đoạn được. Quý vị biết mê và ngộ vốn là không, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực, thứ gì cũng chẳng cần quan tâm tới, niệm chẳng bao lâu sẽ tự nhiên thông minh. Vì sao tự nhiên thông minh? Vì quý vị chẳng mê, chẳng suy nghĩ loạn xạ, đương nhiên sẽ dần dần thông minh.

Vì thế, vừa mở đầu sách Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư liền nói ba cương lĩnh Tín - Nguyện - Hạnh. Nói tới Tín, lão nhân gia nêu ra sáu điều; điều thứ nhất là phải tin vào chính mình, thường cảm thấy ta tội chướng quá nặng, ta mê hoặc, điên đảo, đánh mất niềm tin nơi chính mình sẽ chẳng có cách nào hết. Trong ba món Tư Lương, quan trọng nhất là kiến lập Tự Tín, tức là tin tưởng vào chính mình, tin tưởng mê và ngộ vốn là không, tin tưởng Bốn Giác vốn có, tin tưởng quý vị trong một đời nhất định thành tựu. Người như vậy mới gọi là pháp khí trong nhà Phật, trong một đời này quyết định có thành tựu.

“*Trung biên bất lập*”, “*trung*” và “*biên*” là những danh từ giả lập, được kiến lập tương đối. Vì có hai bên nên mới có chính giữa, vì có chính giữa nên mới hiển lộ hai bên, kiến lập đối ứng với nhau. Lìa khỏi hai bên, chính giữa chẳng thể có được! Lìa chính giữa, hai bên chẳng thể có được! Đức Phật nói tới Trung và Biên, quý vị phải ngộ đạo lý này, đây là đức Phật nói đến nghĩa chân thật. Đức Phật nói tới Trung mà quý vị chấp có cái Trung đó, nói tới hai bên (Biên), quý vị lại chấp trước có hai bên, hỏng rồi! Hiểu ý nghĩa Phật pháp như vậy thì tam thể chư Phật bị oan uổng. Tam thể chư Phật đều phải kêu oan, ý nghĩa của [lời] Phật chẳng phải ở chỗ này!

“*Chư Phật, chúng sanh, cập tâm*” (chư Phật, chúng sanh và tâm) cũng là những giả danh giống như vậy, nhằm khiến cho quý vị từ ba giả danh này mà ngộ nhập Thật Tướng. Thật Tướng là một, vốn là cùng một chuyện, bất đắc dĩ, vì diễn nói cho thuận tiện mà lập ra danh từ “*tâm*”. [Ai] mê cái tâm này thì đặt cho kẻ ấy cái tên là “*chúng sanh*”, ai ngộ cái tâm này thì đặt cho kẻ ấy cái tên là “*Phật*”. Thật ra chỉ là một chuyện!

Quý vị đã hiểu thông suốt, hoằng nhiên đại ngộ, nó vốn là một chuyện. Sau khi ngộ nhập, lìa khỏi hết thầy danh và tướng, chính là như cổ nhân đã nói: “*Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri*” (như người uống nước, lạnh, nóng tự biết).

Trong phần trên, chúng tôi đã có nói: “*Ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xú diệt*”, đây chính là Thật Tướng hiện tiền.

(Diễn) Giả danh vô thật, toàn thể tức chân.

(演) 假名無實，全體即真。

(Diễn:) *Giả danh không thật, toàn thể là chân.*

Lý và Sự là chân, danh tướng là hư vọng.

(Diễn) Cố tam pháp tương tức, vô hữu sai biệt.

(演) 故三法相即，無有差別。

(Diễn:) *Cho nên ba pháp chính là lẫn nhau, chẳng có sai biệt.*

Là một mà ba, tuy ba mà một, chẳng có sai khác. Đó là chân lý. Chính vì Lý và Sự thật sự là như thế, cho nên khi quý vị thành Phật, quý vị nhất định thấy chúng sanh trong đại địa cũng thành Chánh Giác, đó là chân tướng sự thật. Nếu quý vị cảm thấy chính mình đã thành Phật, còn có bao nhiêu người khác là chúng sanh đáng thương, điều ấy chứng tỏ bản thân quý vị chắc chắn chưa thành Phật. Thành Phật là tâm bình đẳng hiện tiền. Quý vị còn có sự sai biệt giữa chúng sanh và Phật thì quý vị là phàm phu, là chúng sanh. Khi nào quý vị đạt đến ba thứ (tâm, Phật, chúng sanh) không sai biệt, không sai biệt là bình đẳng, quý vị sẽ được gọi là Phật, có ý nghĩa như vậy đó. Do vậy, chúng ta hiểu rõ đạo lý này, phải thường xuyên kiểm nghiệm chính mình trong cuộc sống thường ngày xem công phu của chúng ta có tiến bộ hay là không? Cảnh giới của chúng ta có nâng cao hay chẳng? Đây tức là nói: Trong hết thầy các cảnh giới bất bình đẳng, tâm chúng ta có dần dần tiếp cận bình đẳng hay chẳng? Sự sai biệt có dần dần bị thu hẹp hay chẳng? Đó gọi là công phu đặc lực. Nếu khoảng cách ngày càng lớn là hỏng rồi, điên đảo mất rồi! Ý nghĩa của đoạn kinh này là như vậy.

Ở đây, đại sư chỉ rõ cho chúng ta biết: “*Cái tâm tức thị Phật, Phật tức thị chúng sanh*” (Bởi lẽ, tâm chính là Phật, Phật chính là chúng sanh). Do cả ba thứ “tâm, Phật, chúng sanh” không sai biệt, nên mới nói

“*chư Phật tâm nội chúng sanh, niệm chúng sanh tâm trung chư Phật*” (chúng sanh trong tâm của chư Phật, niệm chư Phật ở trong tâm chúng sanh). Nếu nói rõ ý nghĩa này hơn chút nữa, A Di Đà Phật và chính mình là một Thể. Chúng ta là chúng sanh trong tâm A Di Đà Phật; nay chúng ta niệm Phật là niệm A Di Đà Phật trong tâm chúng ta, là một, không hai. A Di Đà Phật và chúng ta là một Thể, đối với câu nói này, đối với chuyện này, quý vị phải khẳng định, nhận biết. Sau đó, quý vị lại suy nghĩ: Hết thấy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới chẳng phải là chúng sanh trong tâm A Di Đà Phật ư? Hết thấy người niệm Phật chẳng phải đều là niệm A Di Đà Phật trong tự tánh ư? Do vậy, chúng ta lại hiểu rõ một chuyện, tức là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình cùng một Thể*”. Nếu quý vị ngộ nhập “*tình và vô tình có cùng một Thể*”, chắc là chẳng bao lâu nữa, quý vị sẽ chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh, thật sự chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Thức thứ sáu và thức bảy đã chuyển, A Lại Da Thức liền biến thành Đại Viên Kính Trí, năm thức trước chuyển thành Thành Sở Tác Trí. A Lại Da biến thành Pháp Thân, Diệu Quán Sát và Bình Đẳng Tánh biến thành Báo Thân, năm thức trước biến thành Thiên Bách Úc Hóa Thân, chuyển tám thức thành bốn trí (Diệu Quán Sát Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Thành Sở Tác Trí, và Đại Viên Kính Trí). Đây là chân thật ngộ nhập “*tận hư không trọn pháp giới là chính mình*”.

(Sớ) Trung lưu lưỡng ngạn giả, Sa Bà dụ thử, Cực Lạc dụ bỉ.

(疏) 中流兩岸者，娑婆喻此，極樂喻彼。

(Sớ: “Giữa dòng hai bên”: *Sa Bà ví như bên này, Cực Lạc ví như bên kia*).

“*Trung lưu, lưỡng ngạn*” (giữa dòng và hai bờ) là tỷ dụ. Bờ bên này chỉ cho thế giới Sa Bà trong hiện thời. Thế giới Sa Bà khổ sở, hãy nên giác ngộ. Thế giới Cực Lạc ví như bờ kia.

(Sớ) Thỉ yên yếm khổ hân lạc.

(疏) 始焉厭苦欣樂。

(Sớ: Bắt đầu bằng chán khổ, thích vui).

Đây là chúng ta bắt đầu tu học. Nói chung, lúc bắt đầu thì dùng ý thức, dùng cảm tình. Thế giới này khổ quá, chúng ta muốn thoát khổ được vui. Do vậy, nhất tâm nhất ý cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Đây là công phu sơ bộ của người niệm Phật.

(Sớ) Ký yên khổ lạc song vong.

(疏) 既焉苦樂雙亡。

(Sớ: Khổ và sướng đã cùng mất rồi).

Đây là công phu được nâng cao hơn. Thế giới này khổ, thế giới Cực Lạc sướng, khổ lẫn sướng đều tách lìa, “*khổ lạc song vong*” (khổ lẫn sướng cùng mất) là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn sẽ đắc Chánh Thọ, mà cũng là thành tựu Niệm Phật tam-muội. Sự nhất tâm là Niệm Phật tam-muội, hai bên khổ và sướng đều chẳng thọ. Nếu còn có Khổ Thọ và Lạc Thọ, quý vị phải nhớ: Quý vị chưa đắc Niệm Phật tam-muội! Nói cách khác, quý vị không đạt được nhất tâm. Trong công phu thành phiền có Khổ Thọ và Lạc Thọ, trong nhất tâm bất loạn quyết định không có [những thứ cảm thụ ấy]. Trong Sự nhất tâm không có năm thứ cảm thọ: Khổ, lạc, ưu, hỷ, và xả. Chúng ta cũng có thể dùng điều này để khảo nghiệm công phu của chính mình, xem chúng ta niệm Phật đạt đến trình độ nào? Trong hoàn cảnh mà ta còn có cảm thọ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì nói cách khác, công phu của quý vị tận hết mức cũng chẳng qua là công phu thành phiền mà thôi, chưa đắc nhất tâm!

(Sớ) Chung yên diệc bất trụ u phi khổ phi lạc, sở vị: Nhị biên bất trước, Trung Đạo bất an.

(疏) 終焉亦不住於非苦非樂。所謂二邊不著，中道不安。

(Sớ: Cuối cùng, cũng không trụ trong “chẳng khổ, chẳng sướng”, nên nói: “Chẳng chấp vào hai bên, mà cũng chẳng an trụ nơi Trung Đạo”).

“An” (安) có nghĩa là “an trụ” (安住). Trung Đạo cũng chẳng trụ, cảnh giới ấy lại được nâng cao hơn một tầng nữa. Đó là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Trong ba cảnh giới này, cảnh giới đầu tiên là công phu

thành phiên, thứ hai là Sự nhất tâm bất loạn, thứ ba là Lý nhất tâm bất loạn. Cổ đại đức thường [diễn tả cảnh giới trong câu nói này] bằng câu nói: “*Ly tứ cú, tuyệt bách phi*”², tâm thật sự đạt được thanh tịnh! Thật sự đạt được thanh tịnh là Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Nhị biên vị hữu vô, Trung Đạo vị phi hữu phi vô, diệc hữu diệc vô.

(演) 二邊謂有無，中道謂非有非無，亦有亦無。

(Diễn: Nhị biên là Có và Không, Trung Đạo là chẳng phải Có, chẳng phải Không, mà cũng là Có, vừa là Không).

Đây chính là “*tứ cú*”. “*Hữu*” là một câu, “*Vô*” là câu nữa, “*phi hữu phi vô*” là câu thứ ba, “*diệc hữu diệc vô*” là câu thứ tư.

(Diễn) Bất trước bất an, chánh thị ly tứ cú xứ.

(演) 不著不安，正是離四句處。

(Diễn: “Chẳng chấp trước, chẳng an trụ” chính là lìa khỏi bốn câu).

“*Bất trước*” là không chấp tướng, “*bất an*” là trong tâm không vương mắc. “*Chánh thị ly tứ cú xứ*”: Bốn câu này là căn nguyên chung của vô minh phiền não. Lục đạo phàm phu, ngoại đạo, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng lìa khỏi bốn câu này. Do vậy, họ chẳng thể kiến tánh, chẳng thể đắc Lý nhất tâm bất loạn. Bỏ được, thoát khỏi bốn câu này thì mới có thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Đạt đến địa vị này, Thật Tướng của các pháp hiển hiện.

(Sớ) Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, ý cái như thị. Thị tác Thiền Tông, Tịnh Độ, thù đồ đồng quy, dĩ bất ly tự tâm, tức thị Phật

² Tứ cú là “*Hữu, Vô, diệc Hữu diệc Vô, phi Hữu phi Vô*” (Có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có mà cũng chẳng phải không). Đối với bốn câu này, lại đem mỗi câu phối hợp với bốn câu trên đây thành ra $4 \times 4 = 16$. Mười sáu câu ấy lại đem phối hợp với ba đời thành $16 \times 3 = 48$ câu. Bốn mươi tám câu ấy lại đem phối hợp với hai trạng thái (đã khởi và chưa khởi) thành ra 96 câu. Do vậy, 96 câu ấy phối hợp với “*tứ cú*” ban đầu thành một trăm câu nhằm chỉ tất cả những khái niệm và chấp trước về nhị biên trong thế gian. Một trăm câu ấy được gọi là “*bách phi*”.

cổ, tức thị Thiên cổ. Bĩ chấp Thiên nhi báng Tịnh Độ, thị báng tự bốn tâm dã, thị báng Phật dã, thị tự báng kỳ Thiên dã, diệc phát tư nhi dĩ hĩ.

(疏) 自性彌陀，唯心淨土，意蓋如是。是則禪宗淨土，殊途同歸，以不離自心，即是佛故，即是禪故。彼執禪而謗淨土，是謗自本心也，是謗佛也，是自謗其禪也，亦弗思而已矣。

(Sớ: “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ” có ý nghĩa như vậy. Do vậy, Thiên Tông và Tịnh Độ là khác đường, nhưng cùng về một nơi. Do chẳng lìa tự tâm nên chính là Phật, chính là Thiên. Kẻ nào chấp Thiên báng Tịnh Độ thì chính là báng bốn tâm của chính mình, báng Phật, báng Thiên của chính mình; đây cũng là do chẳng suy nghĩ đó thôi!)

Mấy câu này, câu nào cũng là lời chân thật. Trong thời đại hiện tại nó càng là khai thị trọng yếu. Hành môn và giải môn của chúng ta hiện thời đều chẳng đặc lực, chướng ngại lớn nhất chính là kiến giải môn hộ quá sâu. Nói cách khác, phân biệt, chấp trước quá nặng. Tâm lượng hẹp hòi, nhỏ nhen chẳng thể dung nạp, chịu đựng [những ý kiến hay đường lối tu hành khác với tông phái của chính mình]. Chẳng những học Phật không có thành tựu, mà còn tạo vô lượng tội nghiệp, báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Quý vị hãy nghĩ xem: Báng Tam Bảo là tội lỗi gì vậy? Quý vị đọc Giới Kinh, xem kinh Phạm Võng sẽ biết, quả báo là địa ngục A Tỳ đấy!

Kẻ học Thiên báng bỏ Tịnh Độ. Kinh Tịnh Độ có phải do đức Phật nói hay chẳng? Nếu là do đức Phật nói, quý vị hủy báng kinh điển Tịnh Độ có phải là báng Pháp và báng Phật hay không? Nếu người niệm Phật hủy báng Thiên Tông thì cũng là báng Phật, báng Pháp. Thiên cũng do đức Phật nói. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ: Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Chúng ta tự mình tu hành pháp môn này, chúng ta nhận định pháp môn này khế hợp căn cơ của mình, ta học pháp này sẽ được thụ dụng. Những pháp môn khác đều do đức Phật nói, đều hay, nhưng không khế hợp căn cơ của ta. Người khác tu tập những pháp môn ấy, chúng ta cũng tán thán. [Pháp môn ấy] khế hợp căn cơ của người ta, người ta tu pháp ấy sẽ có thành tựu. Làm sao có thể nói: Người ấy học

khác ta, ta bèn hủy báng người ấy? Đó là tà tri tà kiến, chẳng phải là chánh tri kiến.

Trong phần trước đã nói rõ ràng, rành mạch, mê và ngộ là một chuyện! Thành kiến sâu đậm, “tự khen mình, hủy báng người khác” là mê hoặc, điên đảo. Người ta đang mê, chẳng biết chính mình đang mê, lầm tưởng mê là giác. Nếu họ biết là họ đang mê, sẽ chẳng mê. Do vậy, chẳng những chúng ta chớ nên hủy báng hết thầy pháp môn, mà thậm chí đối với những tôn giáo và học thuật khác cũng đừng nên hủy báng, vì sao? Trong phần trên đã nói rất hay: Pháp là một, chẳng phải hai. Chỉ vì chúng sanh mê nên mới kiến lập những tướng sai biệt. Sai biệt chính là vô sai biệt, phải hiểu rõ đạo lý này. Thật sự hiểu rõ đạo lý thì mới có thể “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”.

Người nào tin tưởng Cơ Đốc Giáo, chẳng tin Phật pháp, quý vị có thể khen ngợi Cơ Đốc Giáo, khiến cho họ sốt sắng học, giúp cho họ sanh lên trời, đó mới là đúng. Ngàn vạn phần chớ nên nói đó là tà giáo, quý vị nói như vậy sẽ khêu gợi ác cảm nơi họ, tạo Tăng Thượng Duyên khiến cho họ hủy báng Tam Bảo. Kẻ ấy vốn chẳng hủy báng Tam Bảo, [do vì] quý vị nói hấn là tà giáo, hấn bèn nói Phật pháp cũng là ma quỷ. Quý vị khiến cho hấn tạo tội nghiệp hủy báng Tam Bảo, quý vị khiến cho hấn đọa vào địa ngục A Tỳ, ai làm cho hấn bị đọa? Người nào đó khiến ta bị đọa, quý vị nói xem: Kẻ đó chẳng thoát khỏi tội liên can! Nếu ngược lại, quý vị tán thán hấn, khơi gợi lương tri lương năng của chính hấn, [hấn sẽ cảm thấy]: “Chúng ta chửi bới Phật giáo là ma quỷ; ngược lại, Phật giáo khen ngợi Thượng Đế của chúng ta, nghĩ ra, tâm lượng của chúng ta quá nhỏ nhen, tâm lượng của người ta quá lớn”. Hấn sẽ sửa lỗi, đổi mới, kính trọng Tam Bảo. Tuy hấn không quy y, nhưng không hủy báng, mà tôn trọng, sẽ có ích cho hấn.

Do vậy, trong Tứ Tắt Đoàn của Bồ Tát thường nói: “*Bồ Tát ở chỗ nào cũng khiến cho hết thầy chúng sanh đều sanh lòng hoan hỷ*”, làm sao có thể khiến cho chúng sanh sanh phiền não ư? Đặc biệt là những kẻ chẳng tin tưởng Phật giáo, cũng nhất định chớ nên khiến cho họ sanh phiền não, đừng nên tăng trưởng tà tri tà kiến cho họ. Đó mới là đại từ đại bi.

(Diễn) Tự tâm thị Phật, thị Thiền giả.

(演) 自心是佛是禪者。

(Diễn: “Tự tâm là Phật” là Thiền).

“Phật” có nghĩa là giác chứ không mê. “Thiền” có nghĩa là Tĩnh Lự. Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó gọi là Thiền. Giác tánh là chẳng chấp lấy tướng, là như như bất động. Phật và Thiền là cùng một chuyện, chẳng phải hai chuyện.

(Diễn) Tự tâm giác chiếu tức thị Phật, tự tâm tĩnh lự tức thị Thiền.

(演) 自心覺照即是佛，自心靜慮即是禪。

(Diễn: “Tự tâm giác chiếu” chính là Phật, “tự tâm tĩnh lự” chính là Thiền).

Nếu ý nghĩa của chữ Tĩnh Lự chẳng dễ hiểu thì dùng hai câu kinh Kim Cang [để giải thích] sẽ dễ hiểu hơn. “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”: Như như bất động là Tĩnh, chẳng chấp lấy tướng là Lự. Hiểu rõ, thông suốt tướng cảnh giới bên ngoài, nhưng chẳng chấp tướng! Một chương dạy về cách ngồi Thiền của Lục Tổ mà [trong Đàn Kinh] đã giảng rõ hai câu kinh Kim Cang này; đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu học của Thiền Tông Trung Quốc.

(Diễn) Báng tự bản tâm giả.

(演) 謗自本心者。

(Diễn: [Hủy báng Tịnh Độ] là báng bản tâm của chính mình vì...)

Tri kiến sai lầm, phân biệt, chấp trước quá nặng, thành kiến quá sâu; do vậy, hủy báng Tam Bảo.

(Diễn) Dĩ Tịnh Độ nãi tự tâm chi Tịnh Độ cố. Thị báng Phật giả, dĩ bất ly tự tâm tức thị Phật cố.

(演) 以淨土乃自心之淨土故。是謗佛者，以不離自心即是佛故。

(Diễn: Tịnh Độ chính là Tịnh Độ trong tự tâm. [Báng Tịnh Độ] “là báng Phật”: Vì chẳng lìa tự tâm chính là Phật).

Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này, hằng ngày niệm một câu A Di Đà Phật, có báng Phật hay không? Nếu quý vị niệm một câu A Di Đà Phật chỉ là niệm tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng liên quan gì đến mình, đó là báng Phật. Vì sao? Quý vị chẳng hiểu “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Quý vị mê rồi, ngỡ Tịnh Độ và A Di Đà Phật đều ở ngoài cái tâm của chính mình. Cầu pháp ngoài tâm thì quý vị đã là ngoại đạo, quý vị chẳng liễu giải ý nghĩa của lời Như Lai đã nói.

Do vậy, phải hiểu: Tự - Tha bất nhị, Tự - Tha nhất Thể, vậy là đúng! Đây chính là Tín Tự, Tín Tha, Tín Nhân, Tín Quả, Tín Sự, Tín Lý như Ngẫu Ích đại sư đã nói [trong phần Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải]. Tự, Tha, Lý, Sự, Nhân, Quả là một, không hai, đó mới gọi là tin Phật. Ba món Tư Lương Tín - Nguyện - Hạnh được nói như vậy, hễ thiếu một điều nào, sẽ chẳng thể gọi là Tín. Nếu nói dễ nghe hơn một chút thì là “Tín chẳng đầy đủ”. Tuy có một chút tín tâm, nhưng chẳng viên mãn, bị thiếu khuyết, vì tín tâm của quý vị chẳng viên mãn, nên quý vị công phu không đắc lực, chẳng thể thành tựu. Nếu tín tâm đầy đủ, viên mãn, lẽ đâu quý vị chẳng thành tựu?

(Diễn) Thị tự báng kỳ Thiên giả, dĩ bất ly tự tâm tức thị Thiên cố
(演) 是自謗其禪者，以不離自心即是禪故。

(Diễn: “Là tự báng Thiên” vì chẳng lìa tự tâm chính là Thiên).

Chẳng hiểu tâm của chính mình là Thiên, chẳng hiểu tâm của chính mình là Phật. Thiên và Phật là một, không hai! Thiên là tự tâm tinh lự, Phật là tự tâm giác chiếu, là một, chẳng phải hai! Trong đoạn văn này, đại sư đã bảo chúng ta: Thiên Tông và Tịnh Độ khác đường, nhưng cùng về một nơi. Ngoài Thiên và Tịnh ra, còn có Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Luật Tông, tám tông phái lớn, có tông phái nào chẳng phải là “khác đường, nhưng về cùng một nơi”? Nếu nói cặn kẽ hơn thì tám vạn bốn ngàn pháp môn trong Tam Tạng kinh điển vẫn là “khác đường, nhưng cùng về một nơi”. Qua kinh Lăng Nghiêm, chúng ta đã thấy: Hai mươi lăm vị Bồ Tát là hai mươi lăm pháp Viên Thông, hai mươi lăm vị Bồ Tát ấy đại diện cho tám vạn bốn ngàn pháp môn, quy nạp hết thảy pháp môn thành hai mươi lăm loại lớn, mỗi vị đều là bậc nhất, không nói bậc nhì, vì sao? Các vị ấy đều kiến tánh, đủ thấy “khác đường, nhưng về cùng một nơi!”

Chúng ta nhất định phải phá tình chấp của chính mình. Hết thấy phân biệt, chấp trước, hết thấy xử sự bằng cảm tình, không gì chẳng phải là nghiệp, không gì chẳng phải là tội, giống như Địa Tạng Bồ Nguyện Kinh đã nói, chúng ta phải thật sự giác ngộ điều này. Chúng ta mong hằng ngày tiêu nghiệp chướng, tiêu tội nghiệp, quý vị phải hiểu lý, hiểu cách vận dụng như thế nào trong cuộc sống. Vận dụng tư tưởng và đôi tay của chúng ta như thế nào thì mới xa lìa hết thấy tội nghiệp. Thành tựu vô lượng vô biên công đức là do chính quý vị có biết sử dụng cái tâm hay không. Ở đây, chỉ nêu ra Thiền và Tịnh để làm thí dụ. Chấp trước Thiền, đề cao Thiền, báng bỏ Tịnh Độ tức là báng bỏ cái tâm của chính mình, báng Phật, báng Pháp, đồng thời cũng hủy báng pháp Thiền của chính mình, không chỉ báng người khác mà còn báng chính mình!

“*Diệt phát tư nhi dĩ hĩ*” (cũng do chẳng suy nghĩ đó thôi). Câu này ý nói: Sao quý vị không suy nghĩ kỹ càng? Đây thật sự là mê hoặc, điên đảo, người khai ngộ nhất định chẳng làm như vậy. Người khai ngộ tâm nhất định thanh tịnh, bình đẳng, mở rộng rạng ngời, tuyệt đối chẳng có phân biệt, chấp trước. Đây là người khai ngộ, là người hữu đạo, như đã nói: “*Hữu đạo là khai ngộ*”. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 32

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi, dòng thứ tư:

Tứ, quảng hiển trì danh sở bị.

(Tự) Thử tắc lý chí nhất tâm, toàn quy thượng trí, diệc phục thông hồ sự tướng, khúc vị độn căn.

四、廣顯持名所被。

(序) 此則理之一心，全歸上智，亦復通乎事相，曲為鈍根。

(Bốn, nói căn kẽ về những căn cơ thích hợp với pháp Trì Danh.

Tự: Đây chính là Lý nhất tâm, hoàn toàn quy về bậc thượng trí, nhưng cũng thông với sự tướng, mà cũng nhằm thích ứng với kẻ độn căn).

Đoạn lớn thứ hai trong khoa này là Biệt Tán, trong phần này có bốn đoạn vừa (trung đoạn), đây là đoạn cuối cùng, nêu ra những căn tánh được bao gồm bởi pháp Trì Danh Niệm Phật. Trong pháp môn Tịnh Độ thường nói: “*Tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâu*” (thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn). Đoạn này chủ yếu nêu lên sự lý ấy. Trong phần trước, chúng ta đã từng đọc thấy công phu Niệm Phật có ba loại khác nhau, đấy cũng là ba loại thành tựu khác nhau:

1) Lý nhất tâm là thành tựu tối cao, được gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, không hai, không khác với bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm.

2) Kế đến là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tương đương Nhị Thừa và Quyền Giáo Bồ Tát.

3) Lại thấp hơn một bậc nữa là công phu thành phiên, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trong đây cũng có ba bậc chín phẩm. Đây là chỗ thù thắng của pháp môn này; sự thù thắng vẫn chẳng phải chỉ có vậy! Điều đặc biệt nhất là chúng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư nghiêm nhiên cũng có những sự hưởng thụ như trong cõi Thật Báo và cõi Tịch Quang.

Thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị hỏi: Rốt cuộc là đạo lý gì? Nhân duyên gì? Trong bộ Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã giảng cặn kẽ cho chúng ta biết.

(Diễn) Thử tắc Lý nhất tâm giả, dĩ nhất tâm niệm Phật hữu Sự hữu Lý. Thượng văn sở chỉ nãi Lý nhất tâm dã.

(演) 此則理之一心者，以一心念佛有事有理，上文所指乃理一心也。

(Diễn: “Đây chính là Lý nhất tâm”: Do nhất tâm niệm Phật có Sự và Lý. Đoạn văn trên đây nói về Lý nhất tâm).

“*Thượng văn*” là đoạn văn vừa nói trong phần trước, hoàn toàn giảng về cảnh giới Lý nhất tâm. Học Phật, quý vị phải hiểu, nhất định phải nhớ, học Phật nói đơn giản là học “*sử dụng cái tâm*”. Phật, Bồ Tát dùng chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm. Dùng vọng tâm là không biết dùng tâm. Chẳng biết dùng tâm nên mới gọi là phàm phu hay chúng sanh. Người biết dùng tâm gọi là Phật, Bồ Tát. Thật ra Phật, Bồ Tát và phàm phu chúng sanh chẳng khác nhau, không hai, không khác! Biết dùng cái tâm chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Trước hết, phải nhận thức cái tâm. Hiện thời chúng ta không nhận biết, mê mất tâm tánh. Nếu quý vị chẳng tin tưởng lời này, hãy đọc kinh Lăng Nghiêm. Suốt ngày từ sáng đến tối, miệng thường nói chúng ta có cái tâm, đức Phật hỏi ngài A Nan: “Tâm ở chỗ nào?” Chân tâm và vọng tâm khoan bàn tới, trước hết, hãy hỏi quý vị tâm ở chỗ nào? Dem hỏi tôn giả A Nan câu này, tìm khắp nơi cũng chẳng thấy, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở khoảng giữa. Ngài A Nan nghiệm nhiên nghĩ tới bảy chỗ, bảy chỗ đều trật lất! Chúng ta chẳng thông minh như ngài A Nan, sợ còn chưa nghĩ được bảy chỗ! Do vậy, trước hết phải nhận biết cái tâm, rồi mới tu tâm. Tu tâm rồi mới biết dụng tâm. Toàn bộ Phật pháp theo quá trình như vậy. Cổ đại đức thường nói: “*Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ*” (Nếu ai biết cái tâm, đại địa không tác đất). Đây là nói về nhận biết cái tâm, vì sao một người nhận biết cái tâm thì đại địa không còn tác đất? Câu này có nghĩa là gì? Tâm là Chân Như bản tánh, đất là Tướng. Tâm ví như vàng, đất ví như đồ vật. Nếu quý vị nhận biết vàng, món đồ nào cũng đều là vàng, toàn thể là vàng, trong tâm mục của quý vị sẽ không còn có đồ vật nữa, ý nghĩa là ở chỗ này.

Trước hết, phải nhận biết, sau đó, tự mình phải tu, bắt đầu tu từ đâu? Bắt đầu tu từ Lý Thể của chân tâm, bản thể của chân tâm là gì? Bản thể là “*trực tâm*” trong Bồ Đề tâm, mà cũng là “*chỉ thành tâm*” như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói, chân thành đến cùng cực. Nói “*thành tâm*”, bản thân chúng ta đều cảm thấy tâm ta rất chân thành. Thật ra, cái tâm của quý vị đã sớm mê hoặc rồi! Quý vị đâu có tâm chân thành! Chử Thành nên giảng như thế nào? Trong Câu Khuyết Trai Bút Ký, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ Thành như sau: “*Nhất niệm bất sanh, vị chi thành*” (một niệm chẳng sanh gọi là Thành). Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối đầy vọng tưởng, suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, đâu có thành tâm!

Thành tâm là chân tâm, trong chân tâm đương nhiên không có vọng niệm. Có vọng niệm thì tâm chẳng thành. Có vọng niệm thì “*thành tâm*” biến thành “*vọng tâm*”. Trong thành tâm, chẳng sanh vọng niệm; trong vọng tâm, đương nhiên khởi lên vọng niệm. Do vậy, tâm biến thành vọng tâm, cũng là từ Chân Như bỗng tách biến thành A Lại Da, lại biến thành Mạt Na, biến lần thứ ba bèn thành sáu thức trước đó. Duy Thức gọi chuyện này là “*tam năng biến*”. Đây là từ chân khởi vọng, đạo lý là như vậy đó.

Trước hết, chúng ta phải nhận biết chân tâm, nhận biết rồi mới lại tu tâm. Tâm phải tu như thế nào? Phải rèn luyện trong cảnh giới, trải qua sự việc để luyện tâm. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, cho đến ý biết pháp, rèn luyện trong ấy, rèn luyện thanh tịnh, giống như trong kinh Kim Cang, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy tôn giả Tu Bồ Đề, nhưng thật ra, đức Phật dạy chúng ta hãy rèn luyện cái gì? Rèn luyện “*chẳng giữ lấy tướng, như như bất động*”. Rèn luyện điều này! “*Chẳng giữ lấy tướng*” là chẳng chấp tướng, chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, đó là tu tâm. Tu cái tâm thanh tịnh của chính mình, mà cũng là chính mình chân thật thụ dụng.

Tâm địa của chính mình đã thanh tịnh mới có thể lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh là tâm đại bi muốn giúp đỡ chúng sanh, thành tựu hết thảy chúng sanh. Nếu tự tâm chẳng thanh tịnh, mà quý vị muốn học theo các vị đại Bồ Tát phổ độ hết thảy chúng sanh, thường là chẳng thể độ chúng sanh, mà chính mình cũng bị kéo xuống nước. Chúng tôi thấy chuyện này rất nhiều, nguyên nhân là vì trong cảnh giới, chính mình chẳng thể chống đỡ được! Do vậy, tu học nhất định phải có tầng lớp, có thứ tự thuận: Đạt đến bậc Địa Thượng Bồ Tát (từ Sơ Địa trở lên),

mới thật sự biết dụng tâm, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Nói theo Biệt Giáo, Lý nhất tâm bất loạn là cảnh giới của bậc Địa Thượng Bồ Tát.

(Diễn) Toàn quy thượng trí giả.

(演) 全歸上智者。

(Diễn: Hoàn toàn quy về bậc thượng trí).

Chẳng phải là hạng người thông thường có thể làm được!

(Diễn) Dĩ Lý nhất tâm, vô phương sở, vô hình tướng, bất khả thấu đạt, vô dụng nghĩ nghị, phi túc cụ Bát Nhã linh căn, đơn đao trực nhập giả, tiền năng ngộ nhập.

(演) 以理一心，無方所，無形相，不可湊泊，無容擬議，非宿具般若靈根，單刀直入者，鮮能悟入。

(Diễn: Vì Lý nhất tâm không có nơi chốn, không có hình tướng, chẳng thể nắm níu được, không thể nào suy lường, luận định. Nếu chẳng phải là bậc sẵn có căn cơ Bát Nhã thần diệu từ trước, một mình ôm đao tiền thẳng vào, ít có kẻ nào có thể ngộ nhập được!)

Đây là cảnh giới của tầng cao nhất. Thật sự đạt đến nhất tâm, đương nhiên chẳng có nơi chốn. “*Phương sở*” là giới hạn, tức là phân chia đây và kia, giống như trong kinh Kim Cang đã nói “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”, đó là phương sở. Bốn tướng không có; chẳng phải là nói cảnh giới bên ngoài không có bốn tướng ấy, cảnh giới vẫn là có! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài là Phật, cũng có học trò. Trong các học trò, có Bồ Tát, có Thanh Văn Tăng, cũng có tứ chúng đệ tử, làm sao không có cho được? Trong tâm không chấp trước, chẳng phân biệt, hoàn toàn dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để đãi người, tiếp vật. “*Vô phương sở, vô hình tướng*” (không có nơi chốn, không có hình tướng) là nói về chuyện này.

Phương sở và hình tướng là pháp thế gian. Không có phương sở và hình tướng là tướng của pháp xuất thế gian. Xuất thế gian và thế gian chẳng hai, đó gọi là “từ ngay trong thế gian mà xuất thế gian”, phải hiểu đạo lý này. Đó cũng chính là nói: “*Phật pháp chẳng hoại thế gian pháp*”. Tâm của quý vị thanh tịnh, không nơi chốn, không hình tướng, đó là Phật pháp. Pháp thế gian quả thật có phương sở, có hình tướng, bất hoại! Bất hoại thế gian pháp. Do vậy, tùy duyên mà bất biến, bất biến mà

tùy duyên. Pháp thế gian là duyên, tùy thuận. Bất biến là gì? Tâm địa thanh tịnh của chính mình chẳng nhiễm mây trần, trọn chẳng phân biệt, chấp trước. Chính mình quyết định không có phân biệt, chấp trước, thứ gì cũng đều có thể được, thiên đường, địa ngục, Phật cảnh, ma cảnh đều được, Sự Sự vô ngại, đó là cảnh giới của bậc Bồ Tát kiến tánh, giống như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba lần tham học là ai? Pháp Thân đại sĩ! Đều là Lý nhất tâm bất loạn.

Hiện thời chúng ta có rất nhiều chuyện vẫn phải phân biệt, chấp trước, vì sao? Chẳng phải vì chính mình, mà vì hết thảy chúng sanh. Chúng ta hộ pháp là hộ trì chánh pháp; đối với sự hộ trì chánh pháp của chính mình thì chẳng có giới hạn nào, bất luận trong cảnh giới nào, chẳng giữ lấy tướng, như như bất động. Đây là hộ trì chánh pháp cho chính mình. Hộ trì chánh pháp của chúng sanh thì chúng sanh tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thường là cái gì họ được tiếp xúc trước tiên sẽ trở thành điều chủ yếu. Nếu tiếp nhận những tà pháp, họ sẽ coi tà là chân; về sau, gặp gỡ chánh pháp, họ nhận thấy chánh pháp khác với những pháp họ đã tiếp nhận trước kia, bèn bài xích, đoạn Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh. Do vậy, nhằm hộ trì hết thảy chúng sanh, nhất là hộ trì hết thảy hàng Sơ Học, chẳng thể không phân biệt, chấp trước. Sự phân biệt, chấp trước ấy là do lòng đại từ đại bi, làm con mắt chọn lựa pháp (trạch pháp nhãn) cho hết thảy chúng sanh.

Giảng đường của chúng ta là công khai, bất cứ ai chúng ta đều hoan nghênh đến đây giảng kinh, nhưng nhất định phải giảng kinh Di Đà, phải giảng pháp môn Tịnh Độ. Dẫu có giảng kinh luận nào khác, nhất định phải chỉ quy (hướng dẫn, quy kết) Tịnh Độ, vì sao? Mọi người chúng ta đều học Tịnh Độ. Nếu người đến [giảng kinh, thuyết pháp] là một đệ tử Phật, là chánh pháp, khá lắm! Người ấy đến giảng Thiên, khuyên mọi người đều học Thiên, đừng học Tịnh Độ. Đó cũng là Phật pháp, nhưng đến đạo tràng làm rối tâm chúng ta, phá hoại pháp của chúng ta. Tuy họ nói chánh pháp, nói Phật pháp, đáng được tán dương, nhưng phương pháp tu hành của chúng ta khác họ, đường lối không giống nhau, xin mời quý vị hãy đến nơi khác giảng, chẳng thể đến đây giảng! Nếu mỗi người niệm Phật chúng ta ở nơi này đều đắc Lý nhất tâm bất loạn thì chúng tôi hoan nghênh quý vị đến giảng, chẳng sợ gì hết. Vì sao? Chúng tôi ai nấy đều chẳng giữ lấy tướng, như như bất động, được rồi, không có vấn đề chi hết! Thiên, Giáo, Mật, Luật, Tịnh đều có thể nghe, thậm chí giảng Cơ Đốc Giáo, giảng Thiên Chúa Giáo đều có thể nghe được, đối với tôi chỉ có ích, chứ không gây hại. Điều này cần phải

đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới được! Thật sự nghe xong chẳng động tâm, nghe xong rành rẽ phân minh, sẽ tăng trưởng trí huệ; như như bất động là tăng trưởng nhất tâm bất loạn. Có bản lãnh ấy thì được! Không có bản lãnh ấy, vừa nghe, tâm liền dao động, vừa nghe, liền sanh phiền não, vẫn là chẳng nghe sẽ tốt hơn! Do vậy, đó là lý do vì sao đạo tràng này có người đến giảng thì hoan nghênh, có người đến giảng chẳng được hoan nghênh? Có đạo lý trong ấy.

Thầy Lý ở Đài Trung là một tấm gương rất tốt: Chỗ của Ngài là đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ, Ngài chẳng mời pháp sư bên ngoài đến giảng kinh, vì sao? Những người ở cùng tu hành với Ngài là những người vừa bắt đầu tu hành, tiếp xúc Phật pháp, tuyệt đại đa số là người mới học. Ngài chẳng dễ gì dạy mọi người tin vào Tịnh Độ, dạy mọi người niệm Phật. Nếu thỉnh cao tăng đại đức đến giảng đạo lý mấy hôm, tâm họ liền bị dao động, chẳng biết sẽ ra sao! Một phen nhọc nhằn của Ngài há chẳng phải là uổng phí ư? Đây quyết chẳng phải là báng pháp, mà là môn đình được thiết lập khác nhau. Giống như chúng ta đi học trong trường. Mỗi thầy giáo thuộc một trường phái riêng, khoa hệ học tập khác nhau! Ở đây, tôi học hệ Trung Văn, nghiên cứu văn học Trung Quốc; chỗ người kia học một khoa hệ khác, học ngành Toán, hoàn toàn chẳng giống với tôi. Mời một vị tiến sĩ ngành Toán đến giảng Toán Học [cho sinh viên] hệ Văn Học, sinh viên nghe giảng sẽ mê muội, hồ đồ, chẳng hiểu tí tẹo nào! Chẳng phải là nói thầy không giỏi, chẳng phải là nói thầy chẳng thuyết chánh pháp! Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Kinh Phật được gọi là Khế Kinh, vì trên thì khế hợp Lý được chứng bởi chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của chúng sanh đáng độ. Phải thích hợp với trình độ của chúng sanh, thích hợp với nhu cầu của họ, thích hợp với pháp môn của họ, thật sự có ích cho họ. Đó gọi là Phật pháp. Do vậy, đối với bậc thượng trí mà nói thì không gì chẳng có lợi, đối với họ có thể chẳng cần giới hạn nào. Năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm đã hiển thị một gương tốt, bày ra cho chúng ta thấy. Chúng ta hiểu rõ, sẽ tin được.

Gần đây, chúng tôi đọc một đoạn kinh Hoa Nghiêm, kinh nói trong thời đức Đại Thanh Vương Phật tại thế, có một vị hộ pháp là Chuyển Luân Thánh Vương. Sau khi đức Phật diệt độ không lâu, trong thế gian ấy hiện ra tướng suy loạn. Hiện tượng này rất giống với thời đại hiện thời của chúng ta: Người xuất gia trong nhà Phật mang hình tướng bại hoại, tà tri, tà kiến, lại còn có hành vi tà ác, phá hoại hoàn toàn hình tượng Phật pháp. Đương nhiên kiếp nạn của chúng sanh cũng hiện tiền,

đời ác ngũ trược, tướng trược ác hiện tiền. Vị Chuyển Luân Thánh Vương ấy hết sức từ bi, ngài thấy Phật pháp suy diệt, chính mình rất khó chịu. Do vậy, Ngài bèn phát tâm bỏ ngôi vua, đi xuất gia. Mục đích xuất gia là muốn hộ trì chánh pháp, nhưng điều trọng yếu nhất trong hộ trì chánh pháp đương nhiên là phải giảng kinh, thuyết pháp. Kinh nói: Các thứ ác tướng của chúng sanh Ngài đều nói ra. Nói xong, hết sức cảm thán, thân hình tự vọt lên hư không cao bằng bảy cây Bối Đa La (Pattra), đây là thị hiện thần thông. Chúng ta đọc kinh, đọc đến đoạn này, đức Phật từ mặt đất thăng lên không trung, có ý nghĩa gì vậy? Nếu quý vị đọc kinh Phật như thế, chính là y văn giải nghĩa (dựa theo văn tự để hiểu nghĩa), tam thế chư Phật đều kêu oan uổng! “Thăng lên hư không” có nghĩa là gì? Chẳng nhiễm mặt đất, trên đất là bụi đất. [“Thăng lên hư không”] có nghĩa là tâm địa thanh tịnh. Sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, đó gọi là “*thăng lên hư không*”. Bảy cây Bối Đa La: “Bảy” là con số viên mãn, nghĩa là: Ngũ dục lục trần, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng nhiễm, biểu thị ý nghĩa này. Chỉ có chẳng nhiễm mây trần hoằng dương chánh pháp thì người ta mới có thể tin tưởng, mới có thể tiếp nhận. Ngày nay, Phật pháp suy vi, Phật pháp bại hoại, tuy có người hoằng pháp, nhưng họ bị ô nhiễm, nói cách khác, pháp sư hoằng pháp quyết chẳng lìa khỏi mặt đất, chẳng khác gì mọi người, vẫn bị ngũ dục lục trần ô nhiễm.

Chúng ta thấy những cao tăng đại đức từ xưa đến nay, họ sở dĩ khiến cho người khác kính ngưỡng là vì họ chẳng nhiễm. Lão hòa thượng Hư Vân, Ấn Quang đại sư, chẳng nhiễm mây trần. Thầy Lý Bình Nam ở Đài Trung cũng chẳng nhiễm mây trần. Học trò cúng dường tiền cho Ngài, Ngài đem làm công tác từ thiện, đem hoằng pháp lợi sanh. Công danh của chính Ngài cũng chẳng tề, Ngài là Bí Thư Trưởng của phủ Phụng Ky Quan³, Ngài được đãi ngộ như một vị giản nhiệm quan⁴.

³ Phụng Ky Quan là gọi tắt của chức quan Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Phụng Ky Quan. Chức quan này do con cháu trực hệ của Không Tử đảm nhiệm, mang tính chất cha truyền con nối. Chức quan này có lai lịch rất cổ, từ thời Tần Thủy Hoàng, cháu đời thứ chín của Không Tử là Không Phụ được phong làm Lỗ Quốc Văn Thông Quân, kiêm nhiệm Thiếu Phó. Từ đó, trở đi các vương triều đều hết sức trọng đãi con cháu Không Tử, lần lượt phong nhiều chức hiệu khác nhau. Đến đời Tống Nhân Tông, do kiêng tên húy của tổ phụ, đã đổi chức Văn Tuyên Công của con cháu Không Tử thành Diển Thánh Công và danh hiệu này được giữ mãi cho đến cuối đời Thanh. Sau khi nhà Thanh bị lật đổ, chánh quyền Dân Quốc chủ trương phế bỏ tước hiệu của triều Thanh nên đổi Diển Thánh Công thành Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Phụng Ky Quan (chức quan thờ phụng Không Tử). Chức quan này có dinh thự riêng,

Tại trường học, Ngài mang thân phận Giáo Sư⁵, cũng dạy không ít lớp. Bản thân Ngài, khi ấy tôi ở chung với Ngài, mỗi tháng Ngài tiêu xài sáu chục đồng, sống cuộc đời thanh bần nhất, mỗi ngày ăn một bữa, mỗi bữa hai đồng! Ngài chẳng hưởng thụ, cả đời luôn sống như vậy. Quý vị thấy Ngài mặc một bộ quần áo theo kiểu Tôn Trung Sơn⁶, đại khái mặc suốt năm mươi năm, chẳng may thêm một bộ quần áo mới nào, không cần thiết! Y phục của ta chưa rách chưa hư thì vẫn còn có thể mặc được! Người ta thấy quần áo của Ngài quá cũ, tặng cho Ngài quần áo mới. Ngài nhận lấy, hai hôm sau tặng cho người khác. Sống cuộc đời đơn giản và thanh bần nhất. Quý vị hãy đến Đài Trung mà xem, Ngài sống trong một căn nhà nhỏ rộng mười mấy bình⁷. Do vậy, lời Ngài nói ra mọi người mới tin tưởng, mới chịu nghe. Nếu Ngài vừa muốn danh vừa ham lợi, cái gì cũng muốn, quý vị hãy nghĩ xem: Ai nghe lời Ngài? Ất cần phải có người như vậy, người chịu bỏ ngũ dục lục trần để tiếp nối huệ mạng của Phật, Phật pháp mới có thể tồn tại lâu dài trong thế gian!

Vị quốc vương tỳ-kheo ấy rất phi phạm, ngay cả ngôi vua Chuyển Luân Thánh Vương cũng có thể bỏ được, xuất gia, sống cuộc đời người xuất gia là ba y một bát, giáo hóa chúng sanh, cho nên Phật pháp của Đại Thanh Vương Phật lại dần dần được phục hưng trong thời kỳ Mạt Pháp. Do đây, ta có thể biết: Con người có thể hoằng đạo, chứ không phải đạo hoằng người. Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật cho đến ngày nay

có quyền hạn ngang với Ty Trưởng. Đến năm 1998, phế bỏ dinh thự này, chỉ giữ lại chức quan. Đến năm 2008, tại Đài Loan, được sự đồng ý của gia tộc họ Khổng, chức quan này không còn bổ nhiệm cho ai nữa. Ông Khổng Đức Thành chính là người cuối cùng giữ chức quan này, cụ Lý Bình Nam làm Bí Thư Trưởng cho ông Khổng Đức Thành.

⁴ Giản nhiệm quan: Theo quy chế của Trung Hoa Dân Quốc, giản nhiệm quan là viên chức hành chánh bậc hai, bao gồm những chức vụ trọng yếu như Thứ Trưởng, Ty Trưởng, Sảnh Trưởng (đứng đầu một Sở như Sở Giao Thông của một tỉnh chẳng hạn), Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, Thẩm Phán các tòa Đại Hình v.v... Cụ Lý là Bí Thư Trưởng của một vị Ty Trưởng mà được đối xử, cấp lương bổng như một vị Ty Trưởng.

⁵ Nguyên văn Giáo Thụ, đây là danh xưng gọi giảng viên thuộc các trường Đại Học.

⁶ Đây là kiểu áo dành cho nam giới do Tôn Văn (Tôn Trung Sơn) đề xướng, thường được các lãnh tụ khối xã hội chủ nghĩa thích mặc, mệnh danh là “áo lãnh tụ” hay “áo đại cán”, tức là áo sẫm màu, thường là đen, vải cứng, may cổ đứng cài chặt, tay dài, đằng trước có bốn túi, túi áo có nắp đậy.

⁷ Bình (坪) là một đơn vị đo diện tích của Nhật Bản. Do Đài Loan từng bị chiếm đóng nên dân chúng vẫn quen thói sử dụng bình. Một bình khoảng 3.3 mét vuông.

cũng có thể nói là suy đồi đến cùng cực, trong tương lai có khi nào phục hưng hay chẳng? Chắc chắn sẽ có lúc phục hưng, vì sao? Chỉ cần có người giống như vậy; có hai, ba vị, Phật pháp sẽ phục hưng! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật kiến lập Phật pháp tại Lộc Dã Uyên, bản thân Ngài cộng thêm năm vị tỳ-kheo là sáu người sáng lập giáo pháp. Nếu trong thời đại hiện tại, có sáu người xuất gia thật sự bỏ sạch sành sanh tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian lẫn xuất thế gian, nhất định giáo pháp sẽ phục hưng, sẽ tái lập Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế gian.

Vì thế, phải xả! Phải xả sạch sành sanh, đó là bậc thượng trí. Thật sự có thể xả sạch thì trong hết thảy hoàn cảnh đều chẳng bị chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Đó là thượng trí. Thượng trí có phải là những người thù thắng đặc biệt hay không? Chẳng phải! Ai cũng đều là bậc thượng trí. Hiện thời, thượng trí của quý vị bị ngũ dục lục trần ô nhiễm, nên thượng trí biến thành hạ trí, biến thành vô trí, bị vô minh, phiền não, ngũ dục, lục trần trói buộc. Do vậy, Phật pháp thường nói quý vị phải giải thoát, phải cởi gỡ những trói buộc, thoát khỏi những phiền não, khôi phục thượng trí.

Lý nhất tâm cũng từ công phu thành phiền và Sự nhất tâm dần dần tu thành. Thành Phật nhất định phải là Lý nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm chẳng thể thành Phật. Lý nhất tâm mới là Phần Chứng Phật. Ở đây, đại sư nói: Nếu chẳng phải là nhiều đời nhiều kiếp tu được “*Bát Nhã linh căn*”, tức là trí huệ Bát Nhã, “*đơn đao trực nhập*”, rất ít kẻ có thể ngộ nhập! Chúng ta nghe xong mấy câu này có cảm tưởng như thế nào? Có phải là nghĩ như thế này hay chẳng: Không được rồi! Đại khái ta không có phần! Nếu quý vị có quan niệm ấy, quý vị đã sai rồi! Nếu ngày nay quý vị đọc bộ Sớ Sao này, có thể tham dự pháp hội này, quý vị đã trọn đủ Bát Nhã linh căn từ nhiều đời nhiều kiếp. Nếu không, quý vị chẳng gặp được nhân duyên thù thắng này. “*Đơn đao trực nhập*” là gì? Một câu Phật hiệu niệm đến tột cùng là “*đơn đao trực nhập*”. Nhất tâm xưng niệm, chẳng gián đoạn, chẳng hoài nghi, đó thật sự là “*đơn đao trực nhập*”. Thắng thừng mà niệm, đừng hỏi tới nhất tâm hay không, chẳng hỏi là [đã chứng đắc] tam-muội hay chưa, vọng niệm gì cũng đều chẳng có, chỉ là nhất tâm niệm mà thôi, đến khi ấy, nhất tâm tự nhiên hiện tiền, đó là ngộ nhập!

Học vấn thế gian lẫn xuất thế gian đều chú trọng chuyên nhất, sợ bị phân tâm. Cổ đại đức thường dạy người, trên thực tế, ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Ngài giảng kinh nhiều dường

ấy, Ngài chẳng nhằm giảng cho một người. Quý vị thấy chúng đương cơ trong hết thầy các kinh chẳng phải là một người! Người đến thỉnh pháp nêu câu hỏi, đương nhiên người ấy gặp khó khăn, có nghi hoặc, đức Phật giảng cho người ấy, người ấy đại triệt đại ngộ, có thể ngộ nhập, có thể chứng quả. Người ấy khai ngộ, chứng quả là do từ một pháp môn mà đạt được, do từ một phương pháp mà thành tựu, chứ không do nhiều pháp môn, hay do nhiều phương pháp mà thành tựu, không hề có! Từ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm, chúng ta có thể thấy chuyện này rất rõ ràng. Năm mươi ba vị thiện tri thức đều nói chính mình chỉ đắc một pháp môn, một môn giải thoát. Đó là chứng minh! Họ sở dĩ có thể đắc Lý nhất tâm bất loạn, có thể thành Vô Thượng Đạo, là do thâm nhập một môn. Mê hoặc và khó khăn lớn nhất của chúng ta hiện thời là theo quá nhiều đường lối! Thoạt nhìn thì thấy pháp này khá lắm, pháp kia cũng rất tuyệt! Muốn học hết, muốn tu trọn, kết quả ra sao? Chẳng vào được cửa! Cửa quá nhiều, giống như chúng ta có ngôi giảng đường này, bốn mặt tám phương đều có mười mấy cái cửa. Cửa này cũng khá, cửa kia cũng rất tuyệt, muốn bước vào mấy cái cửa cùng một lúc thì kết quả ra sao? Vẫn đợi ở ngoài cửa, vào không được! Phàm là kẻ không vào được cửa, thầy đều phạm phải khuyết điểm này!

Lại nhìn vào các bậc cổ đại đức của Trung Quốc. Quý vị đọc Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện, hoặc đọc ngữ lục, quý vị phải đặc biệt lưu ý một chuyện: Chú ý họ nhập môn như thế nào, khai ngộ ra sao? Tuy trong quá khứ họ học rất nhiều, tạp nạp, nhưng đến cuối cùng, nhất định bỏ sạch, học một môn mới có thể vào được cửa. Nếu quý vị chẳng buông hết thầy những điều đã học, đã thấy, đã nghe xuống, chắc chắn chẳng thể vào được cửa! Nơi các bậc cổ đại đức Trung Quốc, bất luận là xuất gia hay tại gia, chúng ta cũng đều thấy hiện tượng này. Nếu quý vị thấy được đường ngõ này, sẽ có thụ dụng, chính mình mới thật sự hoảng nhiên đại ngộ, vốn là nhập đạo phải thâm nhập một môn thì mới thật sự phát hiện con đường thành Phật, phát hiện đường lối khai ngộ.

Giảng đường này của chúng ta cũng giảng các kinh luận khác, vì sao? Nhằm tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Là vì kẻ sơ cơ tâm chưa định, vẫn chưa hiểu thế nào là một môn, vẫn chưa có ý niệm ấy, giảng xen tạp những thứ này nọ, họ nghe xong hoan hỷ, môn này khá lắm, môn kia rất hay, tiếp dẫn họ đến. Tới khi cơ duyên chín muồi, có phải là quý vị muốn thật sự ngộ nhập hay chẳng? Có phải muốn thật sự được thụ dụng trong Phật pháp hay chẳng? Quý vị muốn thật sự ngộ nhập, thật sự thụ dụng, tốt lắm, hết thầy những thứ tạp nạp phải bỏ sạch, chuyên tu một môn! Do

vậy, đối với bộ kinh này, bản thân tôi nhằm giúp cho mọi người nghiên cứu, tu tập Phật pháp, trong studio thu hình, tôi tính giảng mấy bộ kinh, nhưng trong đạo tràng chỉ chuyên giảng một bộ kinh Di Đà, những thứ khác không giảng. Kinh luận rất nhiều, hy vọng mọi người phát tâm mỗi người hoằng dương một thứ, ai nấy đều là bậc nhất, chẳng có bậc nhì, cũng đừng nên ganh ghét, cũng đừng nên tranh giành. Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Kinh điển quả thật là phải thâm nhập một môn; thâm nhập nhiều môn, chắc chắn chẳng tốt đẹp gì!

Nhất là trong thời đại hiện tại, đây là thời đại cực kỳ nguy hiểm, là thời đại ngày hôm nay chẳng biết được chuyện ngày mai, nếu còn chưa buông xuống thì đúng là mê hoặc, điên đảo đến cùng cực! Do vậy, chuyện trong thế gian cứ sống qua ngày, niệm Phật là khẩn yếu! Không chắc ngày nào đại chiến thế giới lần thứ ba bùng nổ. Cuộc chiến ấy vừa bộc phát, cả địa cầu bị hủy diệt, tất cả sinh vật trên địa cầu đều biến mất. Cuộc chiến tranh ấy có bùng nổ hay không? Đại khái là không có khả năng, vì sao? Trận chiến tranh ấy là chiến tranh cùng nhau chết sạch, là cuộc chiến tranh không có thắng hay bại. Nếu nói là không có khả năng, có sao hằng ngày vẫn đang phát triển vũ khí hạch tử (nuclear weapon)? Chẳng có ngày nào ngưng nghỉ, hằng ngày đều phát triển, hằng ngày đều nghiên cứu, phát triển những thứ ấy để làm gì? Chuẩn bị chiến tranh! Những vũ khí khoa học hiện thời dùng computer để khống chế, một mai computer trục trặc, chiến tranh sẽ dấy lên, mọi người cũng chẳng biết vì sao mà chết, bị hủy diệt, đó là gì? Do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm, do nghiệp lực sai khiến.

Pháp thế gian không có cách nào nghĩ tưởng, không có lý do! Phật pháp có đạo lý, Phật pháp nói đến nghiệp lực. Chúng sanh có Cộng Nghiệp, mọi người đều là tạo ác, chẳng tạo thiện. Dẫu có một tí thiện pháp thì cũng xen tạp, chẳng phải là thuần thiện. Do vậy, trong kinh, đức Phật dạy: Thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Giảng kinh Phật, ấn hành lưu thông cũng là kinh Phật, nhưng mà như thế nào? Chẳng phải là ý nghĩa của Phật, mà là tà pháp, chẳng phải là chánh pháp. Nếu chúng ta hỏi: Ý nghĩa của Phật là gì? Dạy quý vị nhất tâm bất loạn, dạy quý vị tách rời hết thấy vọng tưởng, phân biệt, bỏ lìa hết thấy ngũ dục, lục trần, dùng lòng đại từ bi phục vụ hết thấy chúng sanh. Đó là ý nghĩa của Phật, là lời Phật răn dạy.

Quý vị nghe kinh Di Đà cũng chẳng ít lần, Yếu Giải cũng vừa mới đọc rồi. Toàn bộ Đại Tạng Kinh đều chẳng sánh bằng kinh Di Đà. Kinh Di Đà là kinh điển được hết thấy chư Phật khen ngợi. Nguyên văn của

tựa đề kinh này là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh (kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn, được hết thấy chư Phật hộ niệm). Quý vị hãy suy nghĩ đề mục này là như thế nào? Quý vị hãy kiểm xem, có bộ kinh nào được hết thấy chư Phật hộ niệm hay chăng? Hết thấy chư Phật, không sót một vị Phật nào! Kinh Hoa Nghiêm được xưng tụng là “vua trong các kinh”, nhưng kinh Di Đà là “vua của các vua!” Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Vì thế, tôi thường nói: Kinh Di Đà là kinh bậc nhất, một câu A Di Đà Phật là pháp môn bậc nhất; hiềm rằng mọi người chẳng tin tưởng, nên chẳng có cách nào hết! Một câu A Di Đà Phật là đơn đao trực nhập, nhập gì vậy? Nhập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do vậy, tôi tuyên cáo ở đây, tôi in kinh, chuyên in kinh Di Đà, những kinh khác không in. Chúng ta chuyên tu pháp môn này, hoằng dương, đề cao pháp môn này, toàn tâm toàn lực lưu thông kinh này, nhất tâm nhất ý nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, trừ ý niệm này ra, không có ý niệm thứ hai nào. Kinh Phạm Võng và Tứ Thập Hoa Nghiêm dùng làm tài liệu tham khảo cho chúng ta, chủ tu là bộ kinh Di Đà. Nếu chúng ta có tín niệm này, có nhận thức này, đó chính là Bát Nhã linh căn. Trong một đời này, nhất định có thể ngộ nhập, ngộ là thụ dụng hiện tiền, đại triệt đại ngộ, buông xuống hết thấy các pháp môn khác, bỏ hết, chuyên tu pháp môn này, đó là đại triệt đại ngộ. Chẳng phải là người đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng làm được! “*Nhập*”: Quyết định vãng sanh Tịnh Độ, chẳng hoài nghi một tí nào!

Đoạn tiếp theo nhằm giải thích câu “*diệc phục thông hồ sự tướng, khúc vị độn căn*” (cũng thông với sự tướng, nhằm thích ứng cho hàng độn căn). Phần trên đây nói về bậc thượng căn lợi trí, là bậc đại triệt đại ngộ, vậy thì đối với những người mới học, những người có căn tánh trung hạ sẽ như thế nào? Cũng được! [Kẻ căn tánh trung hạ] tu pháp môn này cũng có thể thành tựu, đấy chính là điều được nói trong đoạn này.

(Diễn) Bất ngộ tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, dẫn dĩ vọng niệm niệm Phật, ly thử sanh tử, thị tắc sanh Phật uyển nhiên, tịnh uế lịch nhiên, dĩ ngã chi sanh, cầu bỉ chi Phật, yếm thử ngũ trước, hân bỉ lạc bang, dữ bỉ lý tánh, toàn vô giao thiệp, thử tắc độn căn sở hành dã.

(演) 不悟自性彌陀，唯心淨土。但以妄念念佛，離此

生彼，是則生佛宛然，淨穢歷然，以我之生，求彼之佛，厭此五濁，欣彼樂邦，與彼理性，全無交涉，此則鈍根所行也。

(Diễn: Chẳng ngộ “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, chỉ dùng vọng niệm để niệm Phật, lìa cõi này, sanh sang cõi kia, nên Phật và chúng sanh rành rành, tịnh và uế phân minh, do ta là chúng sanh cầu đức Phật trong cõi kia, chán nhàm cõi ngũ trược này, ưa thích cõi vui sướng kia, hoàn toàn chẳng dính dáng đến lý tánh, thì đây chính là cách hành trì của hàng độn căn vậy).

Đoạn này nói về đời nghiệp vãng sanh, sanh vào hai cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư, vì chúng sanh trong hai cõi này chẳng ngộ “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, đều dùng cái tâm ý thức để niệm Phật. Tâm ý thức là vọng tâm. “Đản dĩ vọng niệm niệm Phật” (chỉ dùng vọng niệm để niệm Phật), vọng niệm là thức thứ sáu, tức Ý Thức, tức cái tâm ý thức, hiện thời chúng ta dùng cái tâm này. Tuy dùng cái tâm này, tôi thường khuyến khích các đồng tu phải nâng cao công phu của chính mình. Nếu quý vị hỏi: Lý nhất tâm là gì? Bỏ sạch vọng niệm là Lý nhất tâm, là chân tâm, quyết chẳng phải là ngoài vọng niệm bèn có chân tâm nào khác, chẳng phải vậy! Vọng tâm và chân tâm là một Thể. Tách rời hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì tâm ấy là chân tâm, là Lý nhất tâm, vì sao? Nhất tâm tương ứng với Lý, Lý là tâm, tâm là Lý, là một, không hai. Chẳng phải là chúng ta không thể đạt tới cảnh giới ấy, chúng ta có thể đạt đến!

Chẳng hạn như ngày nay chúng ta tin tưởng pháp môn này, từ hết thấy kinh sách, chúng ta quả thật hiểu rõ pháp môn này, buông hết thấy các pháp môn khác xuống, chuyên tu bộ kinh này, chuyên trì một câu danh hiệu này, đây chẳng phải là sử dụng vọng tâm. Dùng vọng tâm sẽ không thể làm được! Vọng tâm niệm một câu Phật hiệu là: Ta bị bệnh liền nhanh nhẩu niệm Dược Sư Phật, Dược Sư Phật có thể trị bệnh mà! Ta có tai nạn bèn nhanh chóng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát khéo tiêu tai. Tam tâm, nhị ý, kể ấy cầu nhiều quá! Ta thường bị ma chướng, hãy cấp tốc niệm chú Lăng Nghiêm, chú Lăng Nghiêm có thể trừ ma chướng. Đây chính là mê hoặc, điên đảo! Kể ấy chẳng nhất tâm, chẳng phải là thượng trí. Bậc thượng trí không có những ý niệm ấy, ý niệm gì cũng không có. Bậc thượng trí bỏ sạch những vọng tưởng,

chấp trước, tốt lành cũng bỏ, hung hiểm cũng bỏ, Phật cũng bỏ, ma cũng bỏ, ý niệm gì người ấy cũng chẳng có, chỉ có một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực, nhất định niệm đến mức tâm khai ý giải, đại triệt đại ngộ. Bậc thượng trí đi theo phương hướng ấy. Chúng ta nhất định phải hiểu, đây mới là đại sự chân chánh của chính mình.

Đối với kẻ sơ học, họ chưa đạt đến cảnh giới cao như vậy, bèn dạy họ hãy niệm Phật theo sự tướng, niệm Phật hiệu càng nhiều càng tốt; nhưng phải bảo họ: Câu Phật hiệu này cũng là vọng niệm, dùng vọng niệm này để ngăn dứt hết thảy vọng niệm tạp nhạp. Dùng vọng để dứt vọng, nó có thể hàng phục cái tâm, nó có thể chế phục phiền não. Như vậy thì mới có thể đới nghiệp vãng sanh. Do vậy, đừng hiểu lầm ý nghĩa ở chỗ này, chẳng phải là nói ta vừa niệm Phật vừa có thể khởi vọng tưởng, tạo tội nghiệp, mà tương lai vẫn có thể vãng sanh, đó là trật mất rồi! Nghiệp mang theo (đới nghiệp) chỉ là nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới. Chữ “*cựu nghiệp*” (nghiệp cũ) chỉ những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức, trong hiện tại chớ nên tạo ác nghiệp. Nếu hiện tại tạo ác nghiệp mà có thể vãng sanh thì người ta chỉ cần niệm Phật sẽ đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hết rồi, vì sao hiện thời người niệm Phật đông như thế mà người vãng sanh lại ít? Là vì chúng ta hiểu lầm ý nghĩa này, cứ ngỡ đới nghiệp vãng sanh là có thể mang theo tội nghiệp hiện tại. Hiện tại tạo nghiệp chẳng sao hết, tạo càng nhiều cũng chẳng ăn nhằm gì, đến khi ấy, ta vẫn có thể vãng sanh; đúng là [quan niệm sai lầm này] hại người lắm quá! Trong Tịnh Độ nói niệm A Di Đà Phật sẽ có thể vãng sanh, nhưng có điều kiện! Điều kiện tối thiểu là quý vị chẳng tạo ác nghiệp, chẳng mang theo nghiệp hiện tiền, mà mang theo những chủng tử tập khí sẽ nhất định có thể vãng sanh. Qua Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy những trường hợp như vậy hết sức nhiều, nhất định phải chú ý!

Hiện thời, chúng ta bỏ được càng nhiều thì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị càng cao. Những thứ ấy giống như khí cầu bay lên không trung bằng hơi nóng, nếu cái giỏ ở phía dưới khí cầu chứa quá nặng, nó sẽ chẳng thể bay cao, sắp xếp sao cho giỏ rất nhẹ, vứt những thứ trong ấy đi, khí cầu sẽ bay cao, càng bay lên cao hơn! Mười pháp giới thăng trầm vì nghiệp lực; chủng tử và tội nghiệp quá nhiều sẽ đọa xuống. Do vậy, ác nghiệp quá sâu sẽ đọa lạc trong địa ngục; nghiệp chướng tiêu trừ thì sẽ lại từ địa ngục siêu thăng, đó là thăng lên trên. Ba bậc chín phẩm trong bốn cõi của thế giới Tây Phương cũng giống như

thê! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn đèo thêm một phẩm sanh tướng vô minh, đây là nghiệp nhẹ nhất.

Nếu một tí nghiệp ấy cũng bỏ được, vị ấy sẽ viên mãn Bồ Đề. “Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc” (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để được), giống như Tâm Kinh đến cuối cùng đã nói “*vô trí, diệc vô đắc*”, có cùng một cảnh giới. Đây là cảnh giới tối cao, là viên mãn rốt ráo. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Chúng ta làm không được, đừng sợ! Dần dần sẽ làm được, làm được bao nhiêu bèn làm bấy nhiêu, bỏ được bao nhiêu bèn bỏ bấy nhiêu, nhất định phải bỏ, nhất định phải buông xuống. Chuyện vướng mắc trong lòng quá nhiều, chắc chắn không có chỗ nào tốt đẹp cả! Hãy nên buông bỏ.

Mức độ xả chưa đạt đến tiêu chuẩn thì là đời nghiệp vãng sanh. Hiện tượng đời nghiệp vãng sanh là Tịnh Độ và Uế Độ rành rẽ phân minh: Sa Bà uế ác, Cực Lạc thanh tịnh. “*Ly thử, sanh bỉ*” (lìa cõi này, sanh về cõi kia), chúng ta phải lìa bỏ thế giới Sa Bà, cầu sanh về thế giới Cực Lạc. “*Sanh Phật uyển nhiên*”: Giới hạn giữa A Di Đà Phật và chúng sanh rõ ràng, chúng sanh chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là chúng sanh. “*Tịnh uế lịch nhiên*”: Tịnh Độ và Uế Độ cũng rõ ràng, rành mạch; quả thật là hai thế giới hoàn toàn chẳng giống nhau. Nếu muốn sanh về thế giới ấy, nhất định phải đọc kinh, nhất định phải tu tâm, quyết định chẳng thể mang theo tập khí phiền não hiện hành. Nếu như quý vị mang theo tập khí phiền não hiện hành đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí ấy lại hiện hành ở bên đó, chẳng phải là quý vị đã làm rối loạn trật tự trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ư? Quý vị có tâm nóng giận, đến Liên Trì Hải Hội, trông thấy người này chẳng vừa mắt, thấy người kia còn oán hận, thế giới Cực Lạc chẳng thể dung nạp tâm thái ấy được! Nói cách khác, chẳng thể dung nạp thì rõ ràng là quý vị chẳng bước vào đó được! Quý vị không có tư cách tham gia đoàn thể của họ, quý vị chẳng được hoan nghênh!

Tất cả tập khí của quý vị: Tham, Sân, Si, Mạn, Ngã Kiến, Thân Kiến, Biên Kiến, những thứ tà kiến ấy đều chế ngự được, tuy chưa đoạn được cội gốc, nhưng tuyệt đối chẳng khởi hiện hành, một câu A Di Đà Phật nhất định có thể chế ngự được những thứ ấy thì thế giới Cực Lạc nhất định hoan nghênh hạng người như vậy. Chỉ cần quý vị đạt đến công phu ấy, quý vị có thể chế phục phiền não, quý vị hữu ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi lâm chung, đức Phật nhất định đến tiếp dẫn, vì sao? Quý vị là người được bọn họ (người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới) hoan nghênh, đức Phật nhất định đến tiếp dẫn quý vị. Quý

vị hội đủ điều kiện ấy, nhưng chẳng muốn vãng sanh, Phật chẳng thể tiếp dẫn quý vị được! Quý vị rất muốn vãng sanh, nhưng không đủ điều kiện, Phật thấy quý vị có ý nghĩ ấy, nhưng không thể được: Người đến chỗ ta sẽ làm rối loạn trật tự! Tuy A Di Đà Phật đại từ đại bi hoan nghênh quý vị vãng sanh, nhưng đại chúng nơi ấy chẳng thể dung nạp quý vị, quý vị chẳng thể ở chung với đại chúng được. Đây là điều kiện cơ bản mà!

Do vậy, chúng ta phải suy nghĩ, hiện thời chúng ta có thể ở chung với đại chúng được hay chẳng? Có thể bao dung, chịu đựng hay không? Nếu chúng ta có thể bao dung, chịu đựng thì có thể ở với nhau được. Chuyện gì chẳng vui lòng bèn A Di Đà Phật, hóa giải nó. Trong tâm rất vui thích, một câu A Di Đà Phật, cũng chẳng cần phải tăng trưởng cái tâm hoan hỷ. Nói chung, tu cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi trong hết thấy cảnh duyên; như vậy mới là nhân vật được Tây Phương Cực Lạc thế giới hoan nghênh. Quý vị nguyện vãng sanh, Phật mới có thể tiếp dẫn quý vị. Một chút chuyện chẳng đẹp ý bèn ghim trong lòng mấy bữa, dẫu suốt ngày từ sáng đến tối niệm mười vạn câu Phật hiệu, đến khi lâm chung A Di Đà Phật cũng chẳng dám đến tiếp dẫn quý vị. Vì sao? Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, sợ quý vị thấy người này chẳng vừa mắt, thấy người kia cũng chẳng vừa lòng. Do điều chẳng thuận mắt ấy, cõi nước thanh tịnh Tây Phương Cực Lạc thế giới lại bị quý vị biến thành ô uế, lại rối loạn. Do vậy, chẳng hoan nghênh! Chúng ta phải nhớ điều này!

Vì thế, Tịnh Độ ắt có điều kiện, điều thứ nhất là phải buông xuống, tức là phải bỏ thí, phải xả. Điều thứ hai là phải nhẫn nhục, phải có thể nhẫn. Quý vị đầy đủ hai điều kiện này, một là có thể bỏ, hai là có thể nhẫn, không có một ai chẳng thể vãng sanh! Nếu quý vị trọn đủ Lục Độ, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn, là bậc thượng trí. Do vậy, tối thiểu là viên mãn hai điều trong Lục Ba La Mật, tức là có thể buông xuống và có thể nhẫn nhục, chuyện gì cũng đều có thể chịu đựng được, có như vậy thì mới có thể đời nghiệp vãng sanh. Đây mới là điều kiện cơ bản để vãng sanh Tây Phương.

“*Dĩ ngã chi sanh*”: Ta là chúng sanh, “*câu bi chi Phật*”, cầu sanh nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. “*Yém thử ngũ trược*”: Chúng ta chẳng muốn ở lâu trong cõi nước ngũ trược ác thế này, chẳng muốn sanh tử luân hồi trong thế gian này, mong mau được vãng sanh. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có nói, thuở ấy, tôn giả Vy Đề Hy là mẹ của vua A Xà Thế gặp phải biến cố gia đình: Con trai bà ta muốn giết cha để đoạt ngôi vua. Nói theo cách bây giờ là “*chánh biến*” (biến cố chánh trị), nước nhà và gia đình phát sanh biến cố rất lớn, hết sức đau

khô! Do vậy, bà ta cầu Phật: Trong các thế giới của chư Phật, có thế giới nào thanh tịnh hay không? Con muốn rời khỏi cõi nước uế ác này, cầu sanh vào thế giới thanh tịnh. Đức Phật bèn thị hiện các cõi nước Phật cho bà ta thấy. Thích Ca Mâu Ni Phật trọn chẳng đặc biệt đề cao giới thiệu, mà đem mười phương cõi Phật đều thị hiện ra: “Bà hãy tự xem rồi tự chọn lựa!” Kết quả là bà ta xem xong, chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu Thích Ca Mâu Ni Phật dạy bà ta tu hành như thế nào thì mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là nội dung của Thập Lục Quán Kinh.

Thập Lục Quán Kinh nêu ra rất nhiều lý luận cho pháp môn Tịnh Độ. Tuy chúng ta không tu mười sáu phép Quán, không dùng những phương pháp ấy, nhưng phải hiểu đạo lý. Đạo lý ấy có thể vận dụng vào pháp môn Niệm Phật. Trong bộ Sớ Sao này, Liên Trì đại sư đã trích dẫn [Quán Kinh] không ít. Trong các đạo lý ấy, điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là cơ sở để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, chúng ta có làm được điều ấy hay chẳng? Điều này là phước đức. Kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy).

Kinh này đã nói rất rõ ràng, quý vị không có phước báo! Chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng kính trọng sư trưởng, lại còn thường có tâm sân hận, tạo mười ác nghiệp, quý vị mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, hét toạc cuồng hống cũng uổng công!

Điều thứ hai và điều thứ ba trong Tam Phước là tu thiện căn. Điều thứ hai “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*” là trì giới, là điều kiện thứ hai. Chúng tôi thừa cùng quý vị, điều kiện thứ nhất là điều kiện để sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, điều kiện thứ hai là điều kiện để sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nói cách khác, điều kiện thứ nhất là thành tựu công phu thành phiến, điều kiện thứ hai là thành tựu Sự nhất tâm bất loạn.

Điều kiện thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”. Khuyến tấn hành giả là hoằng pháp lợi sanh, là giảng kinh, thuyết pháp, khuyên người khác học Phật, đó là Lý nhất tâm bất loạn. Kinh này giảng rõ ràng, minh bạch, chỉ niệm Phật suông mà chẳng làm theo thì làm sao đạt được? Trong sự hiếu dưỡng

phụ mẫu, quan trọng nhất là khuyên cha mẹ niệm Phật, khuyên cha mẹ cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Đó là chân hiếu, đại hiếu.

(Sớ) Lý Sự nhất tâm, tường kiến hậu văn.

(疏) 理事一心，詳見後文。

(Sớ: Đối với Lý nhất tâm và Sự nhất tâm, xem giải thích chi tiết trong phần sau).

Bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư gồm bốn cuốn, có nửa cuốn, tức là một phần tám lời văn nhằm giải thích nhất tâm bất loạn, giảng giải cặn kẽ nhất, thấu triệt nhất. Xin coi phần giải thích chi tiết nơi trong phần sau.

(Sớ) Kim vị tự tánh duy tâm, chánh chỉ kinh trung Lý nhất tâm bất loạn ngôn nhĩ.

(疏) 今謂自性唯心，正指經中理一心不亂言耳。

(Sớ: Nay nói “tự tánh duy tâm” thì chính là nói tới Lý nhất tâm bất loạn như trong kinh đã nói).

Đoạn văn giảng về “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ” chính là giảng về nhất tâm bất loạn như trong kinh đã dạy. Nhất tâm bất loạn có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, đoạn này chuyên giảng về Lý nhất tâm.

(Sớ) Thượng trí nãi khắc thừa đương.

(疏) 上智乃克承當。

(Sớ: Bậc thượng trí mới có thể gánh vác được).

Người thông minh tốt bậc, người có trí huệ tốt bậc, vừa nghe [nói tới pháp môn này] liền trực tiếp gánh vác. Nói cách khác, người ấy vừa nghe thấy hợp lý, bèn lập tức làm theo, lập tức buông xuống được, đó là bậc thượng căn lợi trí.

(Sớ) Độn căn vị năng lãnh hà.

(疏) 鈍根未能領荷。

(Sớ: Kẻ độn căn chưa thể lãnh ngộ, gánh vác được).

“*Lãnh*” (領) là lý giải, tức là người độn căn hay căn cơ trung hạ nghe xong, chưa thể hoàn toàn lãnh ngộ; “*hà*” (荷) là gánh vác, họ cũng chẳng dám gánh vác. Ví như nghe nói pháp môn Niệm Phật này tốt đẹp, khá lắm! Tôi nghe người ta nói Thiền cũng khá, dường như cao minh hơn pháp này một tí. Lại nghe vị Thượng Sư nọ giảng Mật, nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong cái thân đời này), niệm Phật chẳng thể “*tức thân thành Phật*”, nghe xong nửa tin nửa ngờ, chẳng thể hoàn toàn tin tưởng. Thậm chí còn có kẻ mang tâm lý cầu may, tôi phải học nhiều thứ, vạn nhất một thứ chưa thể thành công thì còn có thứ khác! Do vậy, lạy Phật, Bồ Tát bèn lạy mấy vị, để đến lúc vạn nhất mà lạy Quán Thế Âm Bồ Tát không nương cậy được thì còn có Đại Thế Chí, quý vị nói xem còn có cách nào nữa hay chẳng? Thậm chí còn đi lạy Gia Tô (Jesus), lạy Thiên Chúa, lại lạy Quán Âm Bồ Tát, đến khi mạng chung, đại khái Gia Tô chẳng tới, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ tới, Quán Thế Âm Bồ Tát không nương cậy được thì còn có Thượng Đế! Quen biết nhiều người, nói chung sẽ có người giúp đỡ! Nếu chỉ ôm chân đơn độc một vị, vạn nhất vị ấy không tới thì làm sao đây? Vẫn còn giữ tâm lý cầu may, thật sự là sai lầm!

Nếu quý vị chuyên cầu một vị, khi gặp nạn gấp, vị ấy nhất định đến giúp quý vị, vì Ngài biết quý vị không có ai khác giúp đỡ, không thể chẳng đến được! Quý vị cầu cạnh quá nhiều vị, đến lúc gặp nạn gấp, chẳng sao! Ta không đến thì còn có người khác, vị ấy nói: “Không sao hết! Ta không tới, còn có người khác!” Kết quả là tới cuối cùng bèn trắng tay, chẳng có vị nào tới cả! Người có tâm lý cầu may như thế quá nhiều, đó đều là chướng ngại, đều do vọng tưởng của chính mình tạo thành, chẳng thể chuyên nhất! Do vậy, cảm ứng đạo giao với Phật, Bồ Tát là do nhất tâm bất loạn. Tâm quá tạp, quá loạn, sẽ không có cách nào khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với chư Phật và quý thần được! Do vậy, ở đây nói kẻ độn căn không hiểu, họ cũng chẳng thể gánh vác được!

(Sớ) Cố thử nhất tâm, bất chuyên chủ Lý, nhi diệc thông Sự.

(疏) 故此一心，不專主理，而亦通事。

(Sớ: Vì thế, nhất tâm chẳng chuyên chú trọng vào Lý, mà còn thông cả Sự).

Nhất tâm bất loạn, có Lý nhất tâm, mà cũng có Sự nhất tâm.

(Sớ) Dĩ Sự nhất tâm, nhân giai khả hành.

(疏) 以事一心，人皆可行。

(Sớ: Do Sự nhất tâm ai cũng có thể hành được).

Ai nấy đều có thể làm được.

(Sớ) Sở vị phu phụ chi ngu bất tiểu, nhi dữ tri dữ năng giả dã.

(疏) 所謂夫婦之愚不肖，而與知與能者也。

(Sớ: Ý nói: Kẻ ngu phu ngu phụ chẳng đáng kể tới mà vẫn có thể biết, có thể hành được).

Đàn ông, đàn bà, hiền hay ngu, phàm không ra gì đều có thể biết, đều có thể hiểu rõ, mà cũng đều có thể làm được. Đây chính là nói: “Thích hợp trọn khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn”. Pháp môn này nếu xét ra, trên là bậc Đẳng Giác Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, các Ngài cũng tu pháp môn này, từ kinh Hoa Nghiêm quý vị đã thấy rồi đó. Dưới thì lục đạo phàm phu, chẳng riêng gì con người, mà trong thế gian này, chúng ta thấy loài súc sanh niệm Phật được sanh về Tịnh Độ cũng chẳng ít. Dù thấy pháp môn này thật sự rộng lớn! Từ ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, ta có thể thấy được [điều ấy], nhưng điều kiện tối thiểu là phải chế phục phiền não. Đối nghiệp vãng sanh phải chế phục phiền não, tuyệt đối chẳng mang theo nghiệp hiện hành, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này. Người phiền não hiện hành đặc biệt nặng nề thì phải chú ý, đó là đại chướng ngại đối với vãng sanh, tổn hại chính mình, chứ chẳng liên can gì đến người khác. Chính mình chịu thiệt thòi, chính mình bị tổn thương, bỏ lỡ cơ hội tốt đẹp to lớn trong đời này, đáng tiếc quá đỗi! Tiếp theo đây là tỷ dụ:

(Sớ) Như thiên phổ cái, tự địa phổ kình.

(疏) 如天普蓋，似地普擎。

(Sớ: Như trời che khắp, như đất nâng đều).

Chẳng có phân biệt gì!

(Sớ) Đại tạo chi trung, vô khí vật cố.

(疏) 大造之中，無棄物故。

(Sớ: Trong đại tự nhiên, không bỏ vật nào).

Nay chúng ta gọi “đại tạo” là đại tự nhiên (thiên nhiên). Trong thế giới tự nhiên, không có một vật nào bị bỏ sót, trong toàn bộ đại tự nhiên, chẳng bỏ một vật nào! Đây là tỷ dụ: Trong pháp môn Tịnh Độ, bất cứ căn tánh nào cũng đều có thể vãng sanh, nhưng điều kiện căn bản là “chế phục phiền não, tuyệt đối chẳng để chúng hiện hành”. Chúng ta phải sốt sắng dùng một câu Phật hiệu để chế phục phiền não hiện hành, lúc nào chế phục được, lúc ấy quý vị sẽ có tin tức từ Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, có thể biết trước lúc mất, tương lai của chính mình là một bầu quang minh rõ ràng, minh bạch, cuộc sống ấy mới có ý nghĩa, mới có giá trị. Chỉ cần quý vị có thể chế phục phiền não, sẽ nhận được tin tức ấy.

Đây là đoạn lớn Tán Kinh, tức là đoạn lớn thứ hai, tới đây chúng tôi đã giảng xong!

Tập 33

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi một, đoạn lớn thứ ba trong phần lời Tựa là Cảm Thời (cảm thán trước thời thế) trong phần lời tựa. Đoạn này cũng gồm ba tiểu đoạn, xin hãy xem lời tựa.

(Tự) Nại hà thủ ngu chi bối, trước Sự nhi Lý vô văn, tiểu huệ chi lưu, chấp Lý nhi Sự toại phé. Trước Sự nhi mê Lý, loại môn đồng độc cổ thánh chi thư. Chấp Lý nhi di Sự, tỷ bản sĩ hoạch hào gia chi khoán.

(序) 奈何守愚之輩，著事而理無聞；小慧之流，執理而事遂廢。著事而迷理，類蒙童讀古聖之書；執理而遺事，比貧士獲豪家之券。

(Tựa: Hiềm rằng những kẻ chấp chặt ngu hèn, chấp vào Sự mà chẳng nghe Lý, phùng trí huệ nhỏ nhoi do chấp Lý bèn phé Sự. Chấp Sự mê Lý, giống như trẻ thơ ngây ngô đọc sách của bậc thánh hiền thời cổ. Chấp Lý bỏ Sự, giống kẻ nghèo có được bằng khoán của nhà giàu có).

Hai câu đầu là nói về pháp, hai câu sau là tỷ dụ. Chúng ta vừa đọc liền hiểu rõ. Trong phần trước đã nêu trọn sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ, trong đoạn này, đại sư ôm nỗi cảm hoài rất sâu: Pháp môn thù thắng hy hữu đường ấy, mà người có thể tin tưởng sâu xa tu học rất ít. Nói cách khác, bao nhiêu người học Phật ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, quả thật đáng tiếc quá! Đoạn này là Tổng Thán (lời than chung). Trước hết, chúng ta hãy xem kẻ “thủ ngu” là ai, phùng “thủ ngu” chỉ những ai?

(Diễn) Thủ ngu chi bối giả, ngu diệc bất năng chướng đạo, cố vân: “Nhân nhất năng chi, kỳ bách chi” đẳng, nhi quá tại “thủ” tự, nãi cao thôi thánh cảnh, hoạch địa tự hạn chi bối.

(演) 守愚之輩者，愚亦不能障道，故云人一能之己百之等，而過在守字，乃高推聖境，畫地自限之輩。

(Diễn: “*Những kẻ chấp chặt ngu hèn*”: Ngu cũng chẳng thể chướng ngại đạo, cho nên nói: “*Người khác làm một lần bèn thành công, ta gắng sức cả trăm lần [thì cũng thành công]*” v.v... nhưng lỗi là ở chữ *Thủ* (chấp giữ), chính là nói về hạng người đề cao thánh cảnh, tự vạch đất hạn định).

Lời giải thích trong đoạn này đúng là đập một gậy vào đầu chúng ta, hy vọng nhờ cú đập ấy, chúng ta sẽ tỉnh ra, vì sao? Chúng ta thường nghĩ chính mình rất ngu si, chính mình chẳng thể thành tựu. Tổ sư bảo chúng ta: Ngu cũng chẳng sao, ngu hoàn toàn chẳng thể chướng ngại đạo. Nói như vậy thì ngu cũng có thể học đạo, ngu cũng có thể chứng đạo. Thật đấy! Chẳng giả tí nào! Trong pháp môn Tịnh Độ, quả thật có rất nhiều ngu phu ngu phụ mà họ đều có thể vãng sanh, thậm chí còn kẻ chẳng biết một chữ nào, vẫn có thể Thượng Phẩm Thượng Sanh. Trong Vãng Sanh Truyện lẫn Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có những trường hợp ấy, đủ thấy ngu chẳng đáng sợ! Ngu thì phải như thế nào? Phải mạnh mẽ nỗ lực, tinh tấn, chẳng lười nhác. Cổ nhân nói: “*Nhân nhất năng chi, kỷ thập chi; nhân thập năng chi, kỷ bách chi*”, [nghĩa là] người ngu phải làm như thế này: Người ta học một lượt bèn hiểu, mình học mười lần; người ta học mười lần bèn biết, mình học một trăm lần. Chỉ cần chịu dốc sức, chịu nỗ lực, không ai chẳng thành tựu!

Những người thành tựu xưa nay ở trong nước lẫn ngoại quốc, chẳng nhất định đều là bậc thượng căn, không nhất định ai cũng là người thông minh, có thể nói quá nửa đều là kẻ ngu. Ai chịu nỗ lực, chịu học, phương pháp lại thích đáng, kẻ ấy bèn thành tựu. Kẻ ngu chẳng thể thành tựu là do lỗi tại “*thủ*”, [tức là] giữ lấy địa vị [ngu hèn] ấy, chẳng dám tiến lên, nên chẳng thể thành tựu. Người Nhị Thừa chẳng thể kiến tánh cũng do lỗi “chấp giữ”, “*thủ nội u nhàn*” (giữ lấy sự u tịch, thanh nhàn trong nội tâm), cho nên họ chẳng thể minh tâm kiến tánh, chẳng thể hồi Tiểu hướng Đại. “*Cao thôi thánh cảnh*” (đề cao thánh cảnh): Cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát quá cao, chúng ta chẳng thể chứng đắc được, chúng ta chẳng thể thành tựu trong một đời này được! Chỉ cần có ý niệm như vậy, người ấy sẽ chẳng thể thành tựu! Đó là “*hoạch địa tự hạn*” (tự vạch đất phân giới hạn), đại địa chẳng có ngăn mé, người ấy vạch ra giới hạn trên mặt đất để tạo phạm vi ngăn giữ chính mình. Đây là tỷ dụ về hạng người chấp giữ ngu muội.

Thật ra, sự tu học trong Phật pháp dễ dàng hơn bất cứ pháp môn nào trong thế gian. Để thành tựu pháp thế gian phải nhờ vào nhân duyên,

như câu nói: “*Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*” (Một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn). Tốt cũng chẳng dễ cầu được, mà xấu cũng rất khó bài trừ. Trong ấy có quả báo. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: “*Như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo*” (nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế). Muốn thay đổi quả báo, đâu phải là chuyện nói dễ dàng! Thế nhưng muốn tu hành thành Phật, chẳng khó! Vì sao? Vì ai nấy đều có đủ chủng tử Phật tánh, quý vị đã có tiền vốn, chỉ thiếu khuyết duyên. Nói cách khác, quý vị thiếu khuyết “tín, nguyện, trì danh”, chỉ cần đầy đủ ba điều kiện này, lẽ đâu chẳng thành tựu? Nhìn như vậy thì thành Phật quả thật dễ dàng thực hiện hơn hoàn thành bất cứ sự nghiệp thế gian nào, chỉ cần tự mình chịu nỗ lực, thâm nhập một môn. Nếu quý vị phát đại tâm, tu đại hạnh, giống như trong Quán Kinh đã nói: “*Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*” (Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, cố vũ hành giả). Đó là phát đại tâm, tu đại hạnh. “*Khuyến tấn hành giả*” là đem Phật pháp giới thiệu cho người khác, giảng giải cho người khác nghe, khuyên người khác học Phật, chúng ta ngày nay gọi việc này là “*hoằng pháp lợi sanh*”, đó là việc làm của hàng đại tâm Bồ Tát. Bản thân chúng ta có phải là đại tâm Bồ Tát hay chẳng? Điều này phải hỏi chính mình, quý vị có chịu phát tâm hay không?

Ngũ si chớ sợ, trình độ chẳng đủ cũng đừng hoảng. Thậm chí tuổi tác đã cao cũng đừng sợ! Sợ là sợ quý vị đề cao thánh cảnh, vạch đất tự hạn chế, sợ điều ấy! Hiện thời, tu học thuận tiện hơn quá khứ rất nhiều, càng là kẻ ngu lại càng thật sự có phước. Trước kia, người ngu khổ sở, nghe pháp sư giảng kinh, giảng một lần không nhớ. Nếu thỉnh pháp sư giảng lại lần nữa, chẳng dễ gì! Hiện thời có băng thu âm, pháp sư giảng kinh bèn thu lại, ta nghe một lần không nhớ, chẳng sao, ta mở băng thu âm nghe lần nữa, vẫn chưa nhớ thì lại nghe một lần nữa, giống như câu nói “*nhân nhất năng chi, kỷ bách chi*” ở đây. Người ta nghe một lượt bèn hiểu, ta nghe một trăm lần. Thật sự có nghị lực và siêng năng như vậy, kẻ ngu si cũng biến thành thượng căn lợi trí. Nghe hiểu ý nghĩa kinh văn, nghe minh bạch, khuyến tấn hành giả là giảng cho người khác nghe, chính quý vị thích giảng như thế nào bèn giảng như thế ấy, lời giảng chẳng phải là lời lẽ [học được] từ người khác, làm cho người nghe thật sự hiểu đạo lý. Theo cách học như thế, chính quý vị ở trên bục giảng cũng sống động, hoạt bát, chẳng thấy khô khan. Đây là lý do vì sao người ngu có phước trong hiện tại.

Người ngu hiện thời có phước báo hơn những người ngu trong thời xa xưa chẳng biết gấp bao nhiêu lần? Trước kia, người ta nghe thầy giảng, nghe một lượt không hiểu, thỉnh cầu lớp đàn anh, thỉnh người thông minh, những người này nghe một lượt bèn hiểu, thỉnh những người ấy giúp đỡ, phải cầu cạnh người khác! Người ta có lòng tốt thì tốt lắm, giúp đỡ quý vị, giải thích lần nữa cho quý vị nghe, điều này rất khó có! Do vậy, hiện tại, chúng ta phải hết sức lợi dụng những công cụ khoa học, khiến cho sự ngu muội của chúng ta biến thành trí huệ. Ngu đừng sợ, ngu chẳng chướng đạo, chỉ cần đừng chấp chặt cái ngu thì thường là người ngu thành tựu cao hơn kẻ thông minh. Do vậy, cổ nhân thường nói: “*Thông minh phản bị thông minh ngộ*” (Thông minh đâm ra bị làm lẫn bởi thông minh), bị làm lẫn bởi sự thông minh của chính mình, kẻ ấy chẳng chịu nỗ lực tinh tấn, đến cuối cùng chẳng thể thành tựu bằng người ngu si.

Do vậy, tu học quý ở chỗ thâm nhập một môn, vừa bắt đầu bèn nhất định học một thứ chi đó, phải học thuần thực, thấu triệt thứ ấy, vì sao? Chỉ có thấu triệt thuần thực thì mới có thể dấy lên công phu quán chiếu. Nói tới công phu quán chiếu, tức là ứng dụng lý luận, phương pháp và cảnh giới mà quý vị đã tu học vào cuộc sống thực tế, dùng trong ăn cơm, mặc áo, đi người, tiếp vật, dùng để xử lý hết thảy sự vụ thế gian, đó gọi là “*thực hành công phu quán chiếu*”. Học Phật như thế là học Phật sống động. Học và vận dụng Phật pháp sống động, chắc chắn chẳng do học nhiều! Hễ nhiều, sẽ chẳng đủ công lực. Do vậy, nhất định phải dồn công phu nơi một bộ kinh, thâm nhập một môn.

Trong quá khứ, khi tôi là học trò, khi còn học kinh, bản thân tôi có một cách làm, tức là học một bộ kinh thì nhất định phải giảng bộ kinh ấy từ đầu đến cuối mười lượt. Chẳng giảng đủ mười lượt, tuyệt đối chẳng học bộ kinh thứ hai. Giảng mười lượt rồi, tuy chưa thể nói là thấu triệt, nhưng cũng khá thuần thực, chính mình được thụ dụng. Lại học sang bộ thứ hai, công sức giảm một nửa, mà hiệu quả gấp bội, dễ dàng hơn nhiều! Là vì đã có căn bản, đã có cơ sở rồi. Bộ kinh thứ nhất chưa có cơ sở, chưa có căn bản, học rất tốn sức; nhưng mỗi người đều phải trải qua kinh nghiệm ấy, đều phải trải qua cửa ải khó khăn ấy. Chỉ cần qua được cửa ải thứ nhất, từ đây về sau sẽ ngày càng dễ dàng hơn!

Nếu như nói tương lai ta phải quyết định một pháp môn, muốn thành tựu nơi một pháp môn trong một đời, không cần phải vừa mở đầu bèn quyết định ngay. Học mười bộ hay tám bộ xong rồi mới quyết định thâm nhập một môn thì tín tâm càng đủ, chẳng dễ gì bị ngoại cảnh xoay

chuyên. Bởi lẽ, quý vị chỉ học đơn độc một bộ hay hai bộ, sẽ có lúc bị cảnh giới xoay chuyển: Nghe nói kinh Đại Thừa này hay, kinh kia cũng khá lắm, tâm bèn bị dao động! Thật sự chẳng bị ngoại cảnh lay động, [sẽ do tu tập] một môn mà chắc chắn thành tựu. Đoạn này nói về hạng người chấp giữ ngu muội, hoàn toàn chấp nơi sự tướng, chẳng hiểu lý rất ráo; vì thế, tự mình hạn chế chính mình. Đây là loại thứ nhất, loại thứ hai là kẻ tiểu huệ hoặc kẻ cuồng huệ.

(Diễn) Tiểu huệ chi lưu giả, học Bát Nhã Bồ Tát, tu cầu đại trí huệ.

(演) 小慧之流者，學般若菩薩，須求大智慧。

(Diễn: “Phường trí huệ nhỏ nhoi”: Bồ Tát học Bát Nhã cần phải cầu đại trí huệ).

Phường trí huệ nhỏ nhoi, đặc biệt nói về Bồ Tát học Bát Nhã. Bồ Tát học Bát Nhã phải cầu đại trí huệ.

(Diễn) Tiểu huệ giả cuồng huệ dã, thiên huệ dã, phi chân trí huệ.

(演) 小慧者狂慧也，偏慧也，非真智慧。

(Diễn: Tiểu huệ là cuồng huệ hoặc trí huệ lệch lạc, chẳng phải là trí huệ chân thật).

Chữ “*tiểu huệ*” chỉ kẻ cuồng huệ hoặc thiên huệ (trí huệ lệch lạc), chẳng phải là chân huệ. Đặc biệt là [đối với những người học Phật mà] khởi sự từ Bát Nhã. Nếu quý vị đọc cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông, quý vị sẽ hiểu rõ. Từ xưa đến nay, pháp sư giảng kinh đều mười phần thận trọng đối với kinh Kim Cang, chẳng dễ dãi, coi nhẹ mà giảng, vì sao? Sợ người khác hiểu lầm, sợ người khác nghe xong bèn đi vào con đường Đoạn Diệt Không, [cho rằng] hết thấy đều không, đã không rồi, có gì để mà học nữa chứ? Thứ trí huệ ấy là cuồng huệ. Đương nhiên trong ấy cũng bao gồm Thế Trí Biện Thông, đó là “*thiên huệ*”. Chẳng phải là [chấp trước] lệch vào một bên thì lại là cuồng vọng, những người ấy chẳng có trí huệ chân thật. Người có trí huệ chân thật là Lý Sự viên dung, Lý Sự vô ngại, vận dụng đồng thời Lý lẫn Sự, đồng thời tu học, chẳng hề chỉ chấp Lý, không màng tới Sự. Từ Sự

mới tỏ lộ được Lý, nương theo Lý mới có thể thành tựu Sự. Nếu chấp Lý phé Sự, cổ đại đức thường nói: Không ai chẳng bị đọa lạc! Chẳng thà chấp Sự phé Lý, chấp tướng tu hành, vẫn còn có thể đắc tiểu quả. Những kẻ chấp Lý phé Sự nhất định đọa lạc. Cổ đại đức thường nói: “*Ninh khả chấp Hữu như Tu Di sơn*” (thà chấp Có to như núi Tu Di), tức là hạng giữ lấy kiến chấp ngu muội, “*bất khả chấp Lý như giới tử*” (chớ nên chấp Lý bằng hạt cải). Căn bệnh chấp Lý phé Sự, chư Phật, Bồ Tát chẳng có cách nào cứu được!

(Diễn) *Hựu thử nhị nhân chi bệnh, tại chấp trước lưỡng tự.*

(演) 又此二人之病，在執著兩字。

(Diễn: *Căn bệnh của hai hạng người này là do hai chữ “chấp trước”*).

Gốc bệnh của hai hạng “*thủ ngu*” và “*tiểu huệ*” là do chấp trước.

(Diễn) *Cổ kinh vân: “Chúng sanh xú xú trước, dẫn chi linh đắc xuất”*.

(演) 故經云：眾生處處著，引之令得出。

(Diễn: *Cho nên kinh nói: “Chúng sanh chỗ nào cũng chấp, dẫn dắt cho họ thoát khỏi”*).

Đây cũng nêu ra bốn ý giáo hóa chúng sanh của đức Phật. Chúng sanh chỗ nào cũng chấp trước, chẳng chấp Không, bèn chấp Có. Phật pháp là gì? Phật pháp không gì chẳng nhằm dẫn dắt những kẻ chấp trước đột phá chấp trước, vượt thoát chấp trước, khiến cho họ thành tựu. Phật pháp từ đầu đến cuối đều phá chấp trước, mà kinh điển Bát Nhã là rõ ràng nhất.

(Sớ) *Thượng ngôn Phật Từ song bị trí ngu, kim ngôn chúng sanh bất thể Phật ý, hữu thiện giáo, vô thiện học, cố khả thán dã.*

(疏) 上言佛慈雙被智愚，今言眾生不體佛意，有善教，無善學，故可歎也。

(Sớ: Trong phần trên nói lòng Từ của Phật phủ khắp kẻ trí lẫn người ngu, nay nói chúng sanh chẳng thấu hiểu ý Phật. Tuy có người khéo dạy, nhưng chẳng có kẻ khéo học, cho nên đáng than thở vậy).

Đây là Liên Trì đại sư khôn ngoan cảm thán. Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, giáo hóa chúng sanh trọn khắp ba căn (thượng, trung, hạ), gồm thâm lợi căn lẫn độn căn, giống như Khổng lão phu tử “*hữu giáo vô loại*” (dạy học không phân biệt). Nay mấy câu này ngụ ý: Chúng sanh chẳng thấu hiểu ý Phật, Phật quả thật khéo dạy, là một vị thầy tốt nhất, Ngài có trí huệ tối cao, có kỹ xảo dạy học hết sức viên mãn, nay chúng ta nói là “phương pháp dạy học cao minh”. Quả thật khó thể gặp gỡ vị thầy giỏi như thế. Qua kinh luận, đâu đâu ta cũng thấy được, cũng cảm nhận được lòng Từ thiện xảo của đức Phật. Lỗi lầm tại nơi đâu? Lỗi lầm là do học trò chẳng biết học, chẳng khéo học! Có thầy giỏi, nhưng không có trò ngoan! Tuy thầy giỏi có đạo, có pháp, cũng chẳng có cách gì truyền thụ, không có truyền nhân. Chúng ta đọc đoạn văn này xong, chính mình phải hiểu rõ, truyền nhân thật sự của đức Phật không nhất định phải có trí huệ rất cao, không nhất định phải là thông minh, lợi căn, mà là kẻ giống như chúng ta cũng được, vì sao? Ngu chẳng thể chứng đạo, vấn đề là chúng ta có khéo học hay không? Người ta một lần là được, bản thân ta phải trăm lần. Đó là khéo học, đâu phải là có học cũng chẳng hiểu, trong một đời này chẳng có ai không thể thành tựu!

Sáng hôm nay, có các đồng học từ trường đại học Đài Loan đến đây thăm tôi, họ cũng có một nhóm nhỏ, cũng thường cùng nhau nghiên cứu kinh điển, tôi hỏi họ: “Tông chỉ nghiên cứu của quý vị là gì?” Tông chỉ, mục tiêu, phương hướng họ đều không nói được! Tôi nói: “Học với ai?” Họ thường thỉnh các vị pháp sư đại đức khác nhau đến giảng này nọ. Mỗi vị thầy là một đường lối, mười vị thầy là mười đường lối, quá khó, quá tạp! Do vậy, tôi khuyên họ: Nếu thường mời pháp sư đại đức bên ngoài đến diễn giảng, chẳng bằng chuyên môn thỉnh một vị pháp sư chỉ dạy trong suốt một thời gian dài thì mới có thể tu học thành công. Tôi nêu một thí dụ: Trong một năm, nghe mười người giảng kinh, thuyết pháp, học mười thứ, chẳng bằng suốt một năm dốc hết tinh lực chuyên học một thứ. Chỉ có thâm nhập một môn, mới thấu triệt cội nguồn pháp, thật sự có thể “*một kinh thông, hết thấy đều thông*”.

Hôm nay là ngày Rằm tháng Giêng, ánh trăng viên mãn, quý vị hy sinh dịp trăng thanh gió mát để đến đây nghe kinh, hy vọng Phật pháp, trí huệ, công đức của quý vị đều viên mãn. Để viên mãn, nhất định phải

thâm nhập một môn, điều này hết sức quan trọng! Do vậy, tôi bảo họ: Hiện tại đạo tràng của chúng ta chuyên giảng kinh Di Đà, mỗi Chủ Nhật chuyên môn niệm Phật. Giảng kinh Di Đà xong, lại giảng từ đầu, giáp vòng như thế vĩnh viễn không ngưng dứt. Quý vị hãy nghĩ xem, học theo cách này chính mình có tiến bộ hay không? Nếu không có tiến bộ, ngưng ở chỗ này. Quý vị giảng kinh này lần thứ nhất, giảng lần thứ hai giống hệt như lần thứ nhất, còn ai đến nghe nữa? Chẳng đến nghe! Giảng mười lượt là mười cách, giảng một trăm lượt là một trăm cách, mỗi lượt khác nhau, người đến nghe mỗi lần đều có ngộ xứ, mỗi một lần đều có thể đạt được lợi ích, không bỏ lỡ ngày nào, người ấy nhất định phải tới! Có người cho rằng kinh Di Đà giảng qua một lượt, nếu giảng lần thứ hai, còn ai đến nghe? Chẳng đến nghe thì đổi kinh khác! [Quan niệm như vậy khiến cho] chính mình chẳng thể thành tựu, mà còn làm cho người khác lầm lẫn. Do đây có thể biết: Thâm nhập một môn bèn đầy đủ vô lượng công đức. Do vậy, chúng ta phải thấu hiểu ý Phật, ý Tổ, phải hiểu thế nào là “*khéo học*”.

Đạo tràng của cổ đại đức có đạo phong và học phong độc đáo, đặc biệt. Chúng ta chuyên nghiên cứu một bộ kinh là học phong, mỗi ngày Chủ Nhật niệm Phật là đạo phong. [Đạo tràng có] học phong và đạo phong thì mới có thể kiến lập. Hôm nay đổi cách này, ngày mai đổi sang cách khác, đây là mờ mịt chẳng có mục tiêu, mù lòa, thiếu tông chỉ, đạo lẫn học đều mất, rất đáng tiếc! Ví như học Thiên, lấy Lục Tổ Đàn Kinh làm chủ, cứ nghiên cứu mỗi lượt, mỗi ngày Chủ Nhật mọi người cùng nhau tịnh tọa, cũng có thể kiến lập đạo phong và học phong. Sợ nhất là hôm nay Trương Tam, bữa mai Lý Tứ, phiền phức lớn lắm, lãng phí tinh lực và thời gian quý báu, rốt cuộc chẳng thành tựu chuyện gì hết!

(Sớ) Thủ ngu giả, ngu nhi cam ngu.

(疏) 守愚者，愚而甘愚。

(Sớ): “Thủ ngu” là ngu mà cam tâm chịu ngu).

“Cam” (甘) là cam tâm. Kẻ ấy đành lòng tình nguyện, chẳng muốn đột phá. Đây cũng là như thường nói “có cảm giác tự ty”. Cảm giác tự ty quá nặng, mất lòng tin nơi chính mình. Ngày mai đại học Văn Hóa mời tôi diễn giảng, chủ đề là “*thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*”. Nếu chúng ta đánh mất niềm tin nơi chính mình, làm sao có thể độc tôn được? Nếu thật sự nói “*thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*”,

sẽ biến thành cuồng huệ, chẳng rớt vào cam tâm giữ phận ngu phu, liền biến thành cuồng huệ. Trong đề mục ấy, nhất định phải giảng định nghĩa chữ Ngã. Ngã là gì? Kinh Niết Bàn nói “*bát tự tại Ngã*”, tức là trong kinh giảng tám điều để định nghĩa chữ Ngã, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Đó là Chân Ngã, không phải là Giả Ngã phân biệt, chấp trước. Phật pháp phá Ngã Chấp. Ngã Chấp đã phá rồi thì mới thật sự “thường, lạc, ngã, tịnh”. [Ngã nói ở đây] là Ngã trong “thường, lạc, ngã, tịnh”, ắt phải có lòng tin tràn trề vào chính mình thì mới có thể thành công.

(Sớ) Tiểu huệ giả, huệ nhi bất huệ.

(疏) 小慧者，慧而不慧。

(Sớ): “*Tiểu huệ*” là có huệ, nhưng không phải là trí huệ).

Tức là nói: “*Thông minh đâm ra bị thông minh làm cho làm lạc*”, thoát nhìn, dường như rất thông minh, thật ra rất ngu si, vì sao? Tiếp theo đây, lời Sớ sẽ nói cho chúng ta biết.

(Sớ) Lương dĩ Sự y Lý khởi, Lý đắc Sự chương, Sự Lý giao tư, bất khả thiên phế.

(疏) 良以事依理起，理得事彰，事理交資，不可偏廢

•

(Sớ): *Áy là vì Sự nương theo Lý mà khởi, Lý nhờ Sự mà hiển lộ, Sự và Lý giúp đỡ lẫn nhau, chẳng thể bỏ phế một phía nào).*

Lý và Sự chẳng thể bỏ phế một bên nào.

(Diễn) Sự y Lý khởi giả, Sự bất tự Sự, nhân Lý nhi Sự.

(演) 事依理起者，事不自事，因理而事。

(Diễn): “*Sự nương vào Lý khởi*”: Sự chẳng thể tự có Sự được, do Lý mà có Sự).

Đây là nói Sự chẳng thể tồn tại độc lập, phàm có Sự, ắt có Lý, quyết chẳng thể không có Lý mà sự tướng xuất hiện. Nói theo Tịnh Độ thì:

(Diễn) Nhân tự tánh Di Đà, cố khuyến nhân niệm Di Đà.

(演) 因自性彌陀，故勸人念彌陀。

(Diễn: Do tự tánh Di Đà nên khuyên người ta niệm Di Đà).

Niệm câu A Di Đà Phật là có đạo lý. Nói cách khác, chúng ta nhất định phải hiểu rõ: Nhờ vào danh hiệu của Tây Phương thế giới A Di Đà Phật, nhất định phải niệm cho ra A Di Đà Phật trong tự tánh, đó mới là công đức viên mãn. A Di Đà Phật trong tự tánh là gì? A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Giác. A Di Đà Phật trong tự tánh là tự tánh vô lượng giác, giác chứ không mê. Quý vị có thể đối với tự tánh giác mà niệm cho giác tánh của chính mình tỏ lộ, có cùng một cảnh giới “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” như trong Thiền gia. Thiền dùng phương pháp tham cứu để đạt tới cảnh giới này, người niệm Phật dùng một câu A Di Đà Phật cũng có thể đạt tới cảnh giới này. [Câu này nhằm] giảng rõ vì sao chư Phật Như Lai khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, nhất định phải hiểu ý nghĩa này.

(Diễn) Nhân duy tâm Tịnh Độ, cố khuyên nhân sanh Tịnh Độ.

(演) 因唯心淨土，故勸人生淨土。

(Diễn: Do duy tâm Tịnh Độ, nên khuyên con người sanh về Tịnh Độ).

Khuyên quý vị sanh về Tây Phương Tịnh Độ cũng có đạo lý. Cầu sanh về Tịnh Độ là Sự, “*duy tâm Tịnh Độ*” là Lý, vì Tây Phương Tịnh Độ do giác tánh của chính mình biến hiện, chẳng phải là pháp ở ngoài tâm. Ví như, tự tâm của chúng ta có thiện niệm, mà cũng có ác niệm. Thiện niệm thanh lương tự tại, ác niệm đủ mọi phiền não. Cầu sanh Tịnh Độ là bỏ vọng niệm, tăng trưởng thiện niệm, thân tâm chúng ta thoải mái đường ấy, cần gì phải tự tìm phiền não. Ý nghĩa là như vậy đó! Tận hư không trọn pháp giới đều chỉ do cái tâm của chính mình hiện ra, Uế Độ là duy tâm, Tịnh Độ vẫn là duy tâm. Đã cùng là duy tâm, vậy thì “*tự tâm giữ lấy tự tâm*”, hoàn toàn hợp lý, chẳng miễn cưỡng chút nào, mà còn chắc chắn thành tựu. Vì sao? Chẳng cầu nơi người khác! Pháp môn này cầu nơi chính mình, tự tâm cầu tự tâm, còn sợ gì chẳng thể vãng sanh? Do vậy, kẻ ngu cũng có thể vãng sanh. Cái ngu của kẻ ngu ấy chẳng trở ngại niệm Phật, chẳng trở ngại cầu sanh Tịnh Độ, chẳng chướng đạo! Đây là nói rõ Sự phải nương vào Lý để khởi.

(Diễn) Lý đắc Sự chương giả.

(演) 理得事彰者。

(Diễn: “Lý nhờ Sự mà hiển lộ” là...)

Nếu Lý mà không có Sự, Lý ấy cũng không thể hiển lộ.

(Diễn) Lý bất tự chương, do Sự nãi chương.

(演) 理不自彰，由事乃彰。

(Diễn: Lý chẳng thể tự phô rõ, phải do Sự mới được phô bày).

“Lý bất tự chương”, “chương” (彰) có nghĩa là rõ ràng, rành rành. Lý chẳng thể hiển hiện được. Ví như Bồ Thí Ba La Mật, Bồ Thí là xả, là buông xuống. Chỉ nói xả, nói buông xuống thì chúng là danh từ trừu tượng; chúng ta dùng Sự, đem hết thầy tài vật, đem hết thầy những chuyện cần thiết, mong cầu của chính mình buông xuống, bỏ được, Lý ấy mới hiện rõ ra. Giống như hành động và cách làm của Bàn cư sĩ là tướng viên mãn của Bồ Thí Ba La Mật. Quý vị nghĩ xem có đúng hay không? Nếu chúng ta có nhiều tiền của như thế, chẳng cần đến, hãy đem làm chuyện tốt, nhưng chuyện tốt chẳng bằng vô sự. Không cần tới chút tiền của ấy, bỏ đi; chuyện tốt cũng bỏ. Chuyện tốt cũng đều bỏ, đương nhiên chuyện xấu sẽ bỏ sạch sành sanh. Hết thầy thiện - ác, tốt - xấu đều bỏ hết. Đó là tướng viên mãn của Bồ Thí Ba La Mật. Nay chúng ta bỏ chuyện xấu, chứ chuyện tốt vẫn chưa bỏ được, tức là còn chưa buông xuống được! Ngài thị hiện tướng như vậy là tướng Ba La Mật viên mãn. Điều này giảng rõ Lý mà không có Sự sẽ không có cách gì hiển lộ được. “Do Sự nãi chương” (Do Sự [nên Lý] mới được phô bày), chúng ta lại xem pháp môn Niệm Phật.

(Diễn) Nhân niệm Di Đà.

(演) 因念彌陀。

(Diễn: Do niệm Di Đà).

Quý vị niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật là Sự. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, râu chuối chẳng rời tay, Phật hiệu chẳng lìa miệng, niệm đến cuối cùng niệm ra tự tánh Di Đà, tức là niệm ra giác

tánh, quả thật lục căn đối trước cảnh giới sáu trần bên ngoài là giác chứ không mê, đó là Lý.

(Diễn) Phương hiển tự tánh Di Đà.

(演) 方顯自性彌陀。

(Diễn:) Mới hiển lộ tự tánh Di Đà).

Hiện lộ toàn bộ Lý Thể nơi tự tánh.

(Diễn) Nhân cầu Tịnh Độ.

(演) 因求淨土。

(Diễn:) Do cầu Tịnh Độ).

Chúng ta cầu nguyện vãng sanh, đó là Sự.

(Diễn) Nãi ngộ duy tâm Tịnh Độ.

(演) 乃悟唯心淨土。

(Diễn:) Bèn ngộ duy tâm Tịnh Độ).

Đây là Lý, Lý là gì? Chính là “kiến tánh”, tức là như nhà Thiền gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, nhất định phải dựa vào Sự mới có thể hiển lộ. Cổ đại đức thường nói: “*Lịch sự luyện tâm*” (trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm). Đó gọi là “*tu hành*”. “*Lịch*” (歷) là từng trải, chúng ta từ sáng đến tối, không biết đã gặp bao nhiêu người? Gặp bao nhiêu chuyện? Rèn luyện trong mối quan hệ giữa người với người, luyện tâm đây! Tâm là gì? Tâm là Lý. Phải từ Sự để hiển lộ Lý, đó gọi là tu hành thật sự. Nếu gặp Sự liền mê hoặc, điên đảo thì chẳng gọi là tu hành. Tu hành tuyệt đối chẳng phải là niệm suông một câu Phật hiệu! Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, lễ Phật, mà chẳng liên quan gì với cuộc sống của chúng ta, chẳng ăn khớp với cuộc sống của chúng ta, chẳng gọi là tu hành.

Phật pháp là cuộc sống, chẳng trật khớp với cuộc sống của chúng ta. Chẳng những sau khi kiến tánh không trật khớp, mà trước khi kiến tánh cũng chẳng trật khớp. Học một phần, liền có một phần thụ dụng, học hai phần, liền có hai phần thụ dụng. Học sống động, vận dụng sống động, chẳng phải là học chết cứng. Những kẻ học chết cứng, ăn không

tiêu, chính là hạng “*thủ ngu*” như đang được nói ở đây, họ chẳng hiểu nghĩa chân thật của Như Lai.

Ở đây nói là “*chúng sanh bất thể Phật ý*”, tức là chẳng thấu hiểu ý Phật. Nhất định phải học sống động, vận dụng sống động thì mới gọi là “*tu hành thật sự*”, chính quý vị phải thụ dụng được! Cảnh giới của chính mình nhất định phải mỗi ngày một nâng cao, phiền não mỗi ngày một giảm nhẹ, trí huệ mỗi ngày một tăng trưởng, tín tâm và nguyện lực của quý vị ngày càng mạnh, hiện tượng ấy mới là thật sự đạt được thụ dụng trong Phật pháp. Nói tới chỗ này, những câu tiếp theo đây chẳng khó hiểu cho lắm.

(Diễn) Do thị tâm thị Phật, phương nãi thị tâm tác Phật.

(演) 由是心是佛，方乃是心作佛。

(Diễn: Do tâm này là Phật, nên tâm này mới làm Phật).

“*Tâm*” là Lý, “*Phật*” là sự tướng. Vì “*tâm này là Phật*”, nên đến cuối cùng “*tâm này làm Phật*”, thành Phật.

(Diễn) Nhân thị tâm tác Phật, phương hiển tự tâm thị Phật.

(演) 因是心作佛，方顯自心是佛。

(Diễn: Do tâm này làm Phật, nên mới thấy rõ tự tâm là Phật).

Lý và Sự giúp nhau thành tựu, làm nhân duyên cho nhau. Đạt đến cảnh giới này, Lý và Sự là một, không hai, hoàn toàn viên dung, như nước và sữa hòa lẫn thành một Thể. Trong lời Sớ, Liên Trì đại sư nói là “*Lý Sự giao tư*”, “*tư*” (資) là giúp đỡ, Sự giúp cho Lý hiển, Lý giúp cho Sự thành. Chúng làm nhân duyên cho nhau. Do điều này, Lý và Sự “*bất khả thiên phế*” (chẳng thể bỏ một bên nào), chúng ta nhất định phải nhớ kỹ điều này. Hiện thời, đối với chúng ta, Lý là gì? Lý là chúng ta nghiên cứu kinh. Từ kinh điển, chú giải, chúng ta nghiên cứu, thảo luận, hòng hiểu rõ những đạo lý ấy. Sự là gì? Sự là mỗi ngày từ sáng đến tối, trong mười hai thời chấp trì danh hiệu, đó là Sự. Hai đấng phải tiến hành đồng thời, quyết chẳng thể bỏ một bên nào. Nhất là như trong phần trên đã nói: Thâm nhập một môn. Khi chưa thành công, tuyệt đối chớ nên thay đổi pháp môn, tuyệt đối chớ nên đổi theo đường lối khác.

Đọc tụng Đại Thừa, kinh Di Đà là Đại Thừa, đặc biệt là Di Đà Sớ Sao, kinh Di Đà là một quyển kinh văn mông tanh như vậy, chúng ta

niệm đã quá nhiều, niệm chán ra rồi, chẳng còn thích thú gì hết! Sớ Sao hay lắm! Sớ Sao gần như đã trích lục tinh hoa của Đại Tạng Kinh. Đọc Sớ Sao là đọc tinh hoa của hết thầy các kinh, mà tinh hoa của hết thầy các kinh chỉ nhằm sáng tỏ đạo lý trong kinh Di Đà. Do vậy, đọc tụng Di Đà Sớ Sao là đọc tụng Đại Thừa, vì người khác diễn nói cũng là chuyên môn diễn nói pháp môn này. Lý Sự viên dung, Lý Sự viên tu, đó gọi là “*khéo học*”.

(Sớ) Trước thử chấp bỉ, quyết tộ đẵng nhĩ.

(疏) 著此執彼，厥弊等耳。

(Sớ: Chấp bên này hay chấp bên kia, mắc lỗi như nhau).

Hai lỗi này giống nhau, kẻ ngu chấp Sự phé Lý, kẻ tiểu huệ chấp Lý phé Sự, [hai hạng người này] đều chẳng thể đắc nhất tâm, đều chẳng thể đạt đến công phu thành thiền. Nói cách khác, đều chẳng thể vãng sanh. Vì sao? Không có thành tựu, hai căn bệnh này cùng lâm lạc như nhau.

(Sớ) Đồng mông dụ toàn ngu.

(疏) 童蒙喻全愚。

(Sớ: Kẻ hoàn toàn ngu mê ví như trẻ nhỏ).

“*Đồng mông*” là trẻ nhỏ, chúng chấp Sự mê Lý. Ví như xưa kia, trẻ nhỏ lớp Tiểu Học đọc sách cô không hiểu. Chỉ là đọc, học thuộc lòng. Dạy trẻ nhỏ chú trọng học thuộc, chẳng giảng giải. Vì sao không giảng giải? Trí huệ của chúng chưa mở mang, có giảng cho chúng nó, chúng nó cũng không hiểu, chỉ dạy chúng nó học thuộc. Có tốt hay không? Tốt đẹp rất lớn. Tuy trẻ nhỏ trí huệ chưa mở mang, nhưng trí nhớ tốt, phàm những thứ gì cần nhớ, lúc ấy đều dạy cho chúng nhớ, đến mười hai, mười ba tuổi mới dần dần hiểu sự việc, trí huệ mở mang thì mới nghe giảng.

Tại Trung Quốc, trong quá khứ, dạy học được chia thành hai giai đoạn: Tiểu Học chú trọng đọc tụng, đọc thuộc lòng; Thái Học tương đương với Đại Học hiện thời, chú trọng giảng giải, nghiên cứu, thảo luận. Do vậy, khi dạy trẻ trong độ tuổi Tiểu Học, học sinh rất khô, nhưng đến lúc học Thái Học, rất vui, đọc sách vui vẻ, hết sức tự tại. Vì sao? Tất

cả những kinh sách cần nghiên cứu thảo luận đã hoàn toàn học thuộc rồi. Do vậy, vào học không cần mang theo sách, giảng đến trang mấy, dòng thứ mấy, chữ nào cũng đều biết cả. Thầy cũng thuộc lòng, trò cũng thuộc lòng.

Do vậy, không cần dạy học trong lớp học. Cổ nhân dạy học, quá nửa dẫn học trò du sơn ngoạn thủy, vừa đi vừa giảng, tự tại lắm! Con người hiện tại không có phước khí ấy, vì sao? Con người hiện thời không học thuộc sách, cho nên vào Đại Học vẫn phải mang theo một cái cặp to, học hành không vui sướng gì! Trước kia, đi học là sung sướng, khổ thì chỉ khổ vài năm, trẻ nhỏ chịu khổ một tí, nó cũng chẳng cảm thấy khổ lắm. Do vậy, dạy trẻ nhỏ là...

(Sớ) Hôn trĩ vị khai, cần năng độc văn, liễu bất giải nghĩa.

(疏) 昏稚未開，僅能讀文，了不解義。

(Sớ: Tôi tắm, non nớt, đầu óc chưa mở mang, chỉ có thể đọc văn từ, trọn chẳng hiểu nghĩa).

Trước kia, trẻ nhỏ bảy tuổi đi học, đại khái [từ bảy tuổi] đến khoảng mười tuổi thuộc giai đoạn “đồng mộng”. Quý vị đọc sách Ngũ Chung Di Quy sẽ hiểu rõ đại lược tình huống dạy dỗ trẻ nhỏ vào thời cổ ở Trung Quốc; quý vị sẽ hiểu rõ phương thức của họ quả thật khá cao minh. Cái được chúng ta gọi là “phương pháp giáo dục khoa học” hiện thời quả thật chẳng thể sánh bằng phương thức áp dụng trong thời ấy. Phương pháp giáo dục thời ấy quả thật có ưu điểm, phối hợp với ý nghĩa của kinh để nói thì...

(Sớ) Sở vị chung nhật niệm Phật, bất tri Phật niệm giả dã.

(疏) 所謂終日念佛，不知佛念者也。

(Sớ: Đó gọi là “suốt ngày niệm Phật, mà chẳng biết vị Phật mà ta niệm là gì”).

Đây là tỷ dụ những kẻ không hiểu giáo lý, mỗi ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, một ngày niệm mấy ngàn câu, mấy vạn câu. Trong mỗi niệm, câu A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người ấy vãng sanh vào lúc lâm chung, có được vãng sanh hay không? Được chứ! Đói nghiệp vãng sanh, phẩm vị không cao, vì sao? Chưa mở mang trí huệ, không niệm ra được Phật Di Đà trong tự tánh. Niệm ra được tự tánh Di Đà, sẽ

là Thượng Phẩm Thượng Sanh, thuộc về Lý nhất tâm bất loạn. Chẳng hiểu Lý, tối đa là niệm đến mức công phu thành phiến. Do vậy, nhất định phải hiểu Lý.

Đủ thấy đối với pháp môn Niệm Phật này, kinh Di Đà chẳng thể không giảng, chẳng thể không nghiên cứu. Nếu nói người niệm Phật chỉ niệm một câu Di Đà, thật thà niệm Phật là tốt rồi, chẳng cần phải nghiên cứu kinh, vậy thì vì sao Liên Trì đại sư chú giải tỉ mỉ dường ấy? Vì sao Ngẫu Ích đại sư phải viết Yếu Giải? Đều nhằm giảng giải cho quý vị! Đặc biệt là Sớ Sao, mệnh môn, lớn lao, tinh vi, sâu xa, chỉ sợ quý vị không hiểu rõ, hoặc chỉ sợ quý vị tuy hiểu nhưng chưa thấu triệt. Đủ thấy người niệm Phật phải hiểu Lý, phải triệt để hiểu rõ đạo lý này thì một câu niệm Phật của chúng ta mới đắc lực. Nói “*đắc lực*” là niệm ra được vị Phật Di Đà trong tự tánh.

(Sớ) Bản sĩ dụ tiểu huệ.

(疏) 貧士喻小慧。

(Sớ: Kẻ nghèo ví như hạng tiểu huệ).

Đây là nói tới kẻ chấp Lý bỏ Sự. Những hạng chấp Lý mê muội Sự được ví như hạng tiểu huệ. Ở đây có một đoạn công án, tức là một câu chuyện nhỏ.

(Sớ) Tích hữu quần nhân.

(疏) 昔有窘人。

(Sớ: Xưa kia có kẻ cùng quần).

[“*Quần nhân*”] tức là người nghèo cùng, khôn khéo, gặp cảnh khó khăn.

(Sớ) Lộ hoạch di khoán.

(疏) 路獲遺券。

(Sớ: Trên đường nhặt được tờ bằng khoán đánh rơi).

Trên đường nhặt được tờ khế ước, tức giấy chứng nhận quyền sở hữu.

(Sớ) Kiến kỳ sở tài điền, viên, cung thất, kim, bạch, mẽ, túc, chủng chủng số mục, đại hỷ quá vọng, tự vân cự phú, bất tri sở tha nhân bảo, ư kỷ hà thiệp?

(疏) 見其所載田園宮室, 金帛米粟, 種種數目, 大喜過望。自云巨富, 不知數他人寶, 於己何涉。

(Sớ: Thấy trong tờ bằng khoán ấy chép số lượng và danh mục các thứ ruộng, vườn, nhà cửa, phòng ốc, vàng, lụa, gạo, thóc, mình rõ quá sức mong đợi, tự bảo “giàu to”, chẳng biết là đang đếm những món quý báu của người khác, chẳng dính dáng gì tới mình).

Chính mình nghèo khôn xiết kể, trên đường nhật được chứng từ ghi quyền sở hữu của người khác, trên ấy liệt kê đủ thứ số lượng các món tài sản, vàng, bạc, món báu, người ấy tự cho rằng ta đã phát tài. Thật ra, những món ấy của người khác, có liên quan gì tới mình đâu? Tự mình chẳng tu sẽ chẳng đạt được. Ngàn vạn phần đừng nghe kinh dạy: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, [bèn nghĩ] Tây Phương Cực Lạc thế giới do tự tánh của chính mình biến hiện, ta còn phải tu gì nữa? Tây Phương Cực Lạc thế giới là của ta! [Có ý nghĩ ấy, tức là] chẳng khác gì kẻ cuồng, hiểu lầm mất rồi! Tuy do Tánh Đức hiển lộ, không sai, nói về mặt Lý thì chắc chắn thông suốt, nhưng [trên mặt Sự, nếu] không có Tu Đức, chính mình sẽ chẳng thể thụ dụng bất cứ một thứ gì do Tánh Đức hiển lộ được. Đủ thấy: Chẳng thể phé Sự, nhất định phải biết Sự tu (tu hành nơi mặt Sự).

Sự tu thì phải tu hành thật sự. Quý vị phải đặc biệt hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm trong hai chữ “*tu hành*”. Hành (行) là hành vi, thân thể chúng ta tạo tác, lời lẽ phát ra từ miệng, ý niệm trong ý đều là hành vi; sửa đổi cho đúng những hành vi sai lầm thì gọi là “*tu hành*”. Ví như Lục Ba La Mật của Bồ Tát là sáu cương lĩnh lớn trong tu hành. Vì chúng ta có tâm tham, nên đức Phật dạy chúng ta tu bố thí, tu xả, xả gì vậy? Xả tâm tham! Vì chúng ta thường tạo ác nghiệp, nên đức Phật dạy chúng ta trì giới; trì giới là uốn nắn, sửa đổi ác nghiệp, đổi ác hướng lành. Ta có nóng giận, đức Phật dạy chúng ta tu nhẫn nhục, dùng nhẫn nhục để sửa lỗi nóng giận, cho đến dùng Bát Nhã để sửa đổi sự ngu si của chúng ta. Do đây biết: Sáu căn bệnh ấy chính là những hành vi sai lầm, đức Phật dùng phương pháp Lục Độ để sửa đổi hành vi sai lầm, đó gọi là “*tu hành*”. Đủ thấy: Tu hành quả thật là trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm

trong hết thấy hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), quyết chẳng phải là nói tôi mỗi ngày niệm Phật bao nhiêu câu, mỗi ngày lễ Phật bao nhiêu lạy, mỗi ngày ngồi tịnh tọa mấy tiếng. Trong tâm tham - sân - si vẫn chưa đoạn, chẳng gọi là “*tu hành*”. Vì sao? Những căn bệnh, những hành vi sai lầm ấy trọn chưa thể uốn nắn, sửa sai cho đúng.

(Diễn) Sớ tha bảo giả, Hoa Nghiêm vân: “Nhu nhân số tha bảo, tự vô bán tiền phân”.

(演) 數他寶者。華嚴云：如人數他寶，自無半錢分。

(Diễn: “Đếm món báu của người khác”: Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Nhu người đếm món báu của người khác, chính mình chẳng có nửa đồng*”).

Mang ý nghĩa này.

(Sớ) Sớ vị: Tuy tri “tức Phật tức tâm”, phán nhiên tâm bất thị Phật giả dã.

(疏) 所謂雖知即佛即心，判然心不是佛者也。

(Sớ: Ý nói: Tuy biết “Phật chính là tâm, tâm chính là Phật”, nhưng rành rành tâm chưa phải là Phật vậy).

Nói theo Lý thì không sai, “*tâm này chính là Phật, Phật chính là tâm*”, Quán Kinh dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật), đó là Lý. Chúng ta nay đang như thế nào? Tâm chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là tâm.

(Diễn) Phán nhiên tâm bất thị Phật giả, thị khẩu khẩu đàm không, bộ bộ hành hữu, khiết đắc nhục dĩ bão, lai tâm tăng thuyết Thiền giả.

(演) 判然心不是佛者，是口口談空，步步行有，喫得肉已飽，來尋僧說禪者。

(Diễn: “Rành rành tâm chẳng phải là Phật”: Tức là miệng luôn nói là Không, nhưng bước nào cũng là Có. Ăn thịt no kên, đến tìm Tăng nói chuyện Thiền).

Câu này có nghĩa là gì? Miệng đúng, tâm sai! Tâm và miệng chẳng thể hợp nhất, Lý và Sự chẳng thể viên dung. Rượu thịt ăn no kên, tìm pháp sư bàn Thiền, có phải là nực cười hay chẳng? Đây là tâm chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là tâm; lời nói và việc làm của chính kẻ đó hoàn toàn khác nhau. Tiếp theo đây là lời tổng kết:

(Sớ) Thị cố, ước Lý, tắc vô khả niệm, ước Sự, tắc vô khả niệm trung ngô cố niệm chi. Dĩ niệm tức vô niệm cố, Lý Sự song tu, tức Bản Trí nhi câu Phật Trí, phù nhiên hậu vị chi Đại Trí dã.

(疏) 是故約理則無可念，約事則無可念中吾固念之。以念即無念故，理事雙修，即本智而求佛智，夫然後謂之大智也。

(Sớ: Vì thế, ước theo mặt Lý thì không có gì để có thể niệm, ước theo Sự thì trong cái không có gì để có thể niệm, ta cứ kiên cố niệm. Do niệm chính là vô niệm nên Lý và Sự cùng tu, do từ Bản Trí mà câu Phật Trí nên sau đây mới gọi là Đại Trí vậy).

Mấy câu này rất khẩn yếu, ý nghĩa rất sâu.

(Diễn) Thị cố hạ thân chánh nghĩa, ước Lý tắc vô khả niệm giả.

(演) 是故下伸正義。約理則無可念者。

(Diễn: Từ chữ “vì thế” trở đi nhằm trình bày ý nghĩa chính xác: “Ước theo Lý thì không có gì để có thể niệm” là...)

Mấy câu từ chữ “*thị cố*” [trong lời Sớ vừa dẫn trên đây] trở đi, trình bày ý nghĩa chính xác [về Lý và Sự của niệm Phật]. Nếu nói theo Lý, “*vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, không có Phật mà cũng không có chúng sanh. Nói theo Lý thì không có gì để niệm!

(Diễn) Dĩ Thật Tướng Lý trung, tuyệt tư, tuyệt nghị.

(演) 以實相理中絕思絕議。

(Diễn: Vì trong Lý Thật Tướng, dứt bật nghĩ bàn).

Thật Tướng là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) *Cử tâm tức thác, động niệm tức quai cớ.*

(演) 舉心即錯，動念即乖故。

(Diễn: *Vì dấy tâm liền trật, khởi niệm liền sai).*

Chẳng thể dấy lên ý niệm, khởi ý niệm bèn trật. Khởi ý niệm bèn trật, còn có gì để có thể nói được nữa? Đó gọi là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xử diệt”, đây là ước theo Lý để nói. Nếu ước theo Sự để nói, trong vô niệm có thể hữu niệm, Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Lý.

(Diễn) *Niệm tức vô niệm giả, dĩ tức Sự tức Lý, tức niệm vô niệm.*

(演) 念即無念者，以即事即理，即念無念。

(Diễn: “Niệm chính là vô niệm”: Do Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, nên niệm là vô niệm).

“Niệm” là Sự, “vô niệm” là Lý. Lý chính là Sự, Sự chính là Lý; do vậy, niệm là vô niệm, vô niệm là niệm.

(Diễn) *Xả niệm nhi cầu vô niệm, thị do bát ba câu thủy, diệt khí cầu kim, thị Đoạn Diệt Kiến, khoát đạt không, phi vô niệm bản thể dã.*

(演) 捨念而求無念，是猶撥波求水，滅器求金，是斷滅見，豁達空，非無念本體也。

(Diễn: *Bỏ niệm để cầu vô niệm, khác nào gạt bỏ sóng để cầu nước, diệt các món đồ để tìm vàng, đó là kiến giải Đoạn Diệt, là rốt không, chẳng phải là bản thể của vô niệm).*

Quý vị phải nhớ kỹ mấy câu này vì chúng ta rất dễ phạm lỗi to lớn. Chúng ta thường tách rời hữu niệm và vô niệm thành hai thứ, [ngõ hữu niệm và vô niệm] hoàn toàn chẳng tương đồng, đâu biết Hữu và Vô là một, không hai. Chúng ta hằng ngày niệm Tâm Kinh, nhưng mấy ai có thể hiểu được ý nghĩa trong ấy? Tâm Kinh có nói mấy câu: “Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc”. Sắc và Không, Sắc là có, Không là không, Có và Không là một, chẳng hai.

Không là nói về Lý, Sắc là nói về Sự, Sự và Lý là một, không hai! Do vậy, Lý và Sự đều chẳng thể phé. Vì sao không thể? Lý chính là Sự, Sự chính là Lý.

Vừa nghe nói “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”, bèn nghĩ không niệm vẫn là niệm, ta khỏi cần niệm nữa! Há chẳng phải là làm lẫn ư? Nghĩ như vậy là gì? “*Đoạn Diệt Kiến, khoát đạt không*”, chẳng phải là vô niệm như đức Phật đã nói, quý vị đã hiểu làm ý Phật rồi! Đức Phật nói vô niệm là nói tới Thể; niệm và vô niệm là một, không hai. Đây mới là vô niệm thật sự. Vì thế mới nói “*Lý Sự song tu*”.

(Diễn) Tức Bản Trí nhi cầu Phật Trí giả, Bản Trí tức bản hữu chi trí, bất nhân tu đắc, bất do học thành. Bản tự cụ túc giả, sở vị Bản Giác thị dã.

(演) 即本智而求佛智者，本智即本有之智，不因修得，不由學成。本自具足者，所謂本覺是也。

(Diễn: “Từ ngay Bản Trí mà cầu Phật Trí”: Bản Trí là trí vốn sẵn có, chẳng do tu mà được, chẳng do học mà thành. Vốn tự đầy đủ, cái được gọi là Bản Giác chính là nó đấy).

Bản Trí là trí huệ sẵn có, là Bản Giác như Mã Minh Bồ Tát đã nói trong Khởi Tín Luận: “*Bản Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Vì vậy, trí vốn có thì ai mà chẳng có? Ai nấy đều có! “*Bất nhân tu đắc, bất do học thành*” (chẳng do tu mà được, chẳng do học mà thành), quý vị vốn có sẵn, trong bản tánh vốn sẵn đầy đủ [Bản Trí], chẳng cần phải học để đạt được.

Dùng Bản Trí cầu Phật Trí. Khởi Tín Luận gọi Phật Trí là Thi Giác, gọi Bản Trí là Bản Giác.

(Diễn) Phật Trí do đoạn Hoặc nhi hiển, tu chứng nhi thành, xuất triền phương đắc, sở vị Thi Giác thị dã. Bản Trí ước Lý cụ, Phật Trí ước Sự tạo dã.

(演) 佛智由斷惑而顯，修證而成，出纏方得，所謂始覺是也。本智約理具，佛智約事造也。

(Diễn: Phật Trí là do đoạn phiền não mà hiển lộ, do tu chứng mà thành, thoát khỏi trói buộc thì mới đạt được. Cái được gọi là Thi Giác chính là nó đấy. Bản Trí ước theo mặt Lý thì sẵn có, Phật Trí ước theo mặt Sự thì nó do [tu tập] mà thành).

Về mặt Lý, Bản Trí sẵn trọn đủ, nó là Lý. Phật Trí là “sự tạo” (tạo tác trên mặt Sự), [tức là] do tu mà thành. Không có Tu Đức, Tánh Đức chẳng thể hiện tiền. Không có Tánh Đức, Tu Đức cũng chẳng thể thành tựu. Đủ thấy mối quan hệ mật thiết giữa Lý và Sự! Nói thật ra, chúng là một Thể. Do điều này, người thật sự là bậc đại trí huệ, chắc chắn chẳng phé Lý, phé Sự. Chúng ta đọc kinh Lăng Nghiêm thấy Đại Thế Chí Bồ Tát tu pháp môn Niệm Phật, “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Nhiếp trọn sáu căn là Lý, tịnh niệm tiếp nối là Sự. Một câu A Di Đà Phật từng tiếng liên tục, trong mười hai thời chẳng gián đoạn, đây là gương sáng niệm Phật, có Sự lẫn Lý. Đẳng Giác Bồ Tát còn như thế, huống hồ chúng ta là kẻ mới học! Hy vọng các đồng tu phải khéo gắng hết sức mình. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây!

Tập 34

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi hai:

Di Đà Sớ Sao là một bộ kinh lớn, tuy kinh văn không dài, nhưng Liên Trì đại sư đem tâm đắc tu học suốt một đời nêu tỏ trong bản kinh này. Không chỉ như vậy, từ nội dung của Sớ Sao chúng ta thấy: Trên thực tế, lão nhân gia đã quán nhiếp hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian trong bộ kinh điển này. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư tán thán bộ sách này là “bác đại tinh thâm” (mênh mông, to lớn, tinh vi, sâu xa) chẳng quá lỗ một tí nào!

Không chỉ trong thời đại hiện tại, nói thật ra, Phật pháp kể từ thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật khai sáng, đức Phật dạy chúng ta điều gì? Tuy nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhưng thật ra, chỉ là bất đắc dĩ mà nói, phương tiện thiện xảo mà nói, chứ nói chân thật thì chỉ có một môn là pháp môn Niệm Phật! Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba)⁸. Nhất Thừa là gì? Thật thà niệm Phật là pháp Nhất Thừa. Cũng có những vị đồng tu nghe rồi chẳng phục, cho là người niệm Phật chúng ta tự mình khoác lác, nhưng nếu quý vị tìm tòi kỹ càng, bất luận tại Trung Quốc hay ngoại quốc, trong thời cổ hoặc thời đại hiện tại, không có một ai chẳng tôn trọng kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, là Nhất Thừa Viên Giáo, điều này được xưa nay, trong ngoài nước đều công nhận. Kinh Hoa Nghiêm giảng điều gì? Thừa quý vị, giảng về Niệm Phật. Niệm vị Phật nào? Niệm A Di Đà Phật. Nếu quý vị chẳng tin, cứ mở kinh Hoa Nghiêm ra xem, đến cuối cùng, kinh nói mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, tức là dạy quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là pháp môn bí mật của Nhất Thừa Viên Giáo, nguyên lai là như vậy đó!

Lại xem kỹ càng nội dung bộ kinh ấy, Thiện Tài đồng tử nêu gương tu hành, từ pháp hội của Văn Thù Bồ Tát đặt vững cơ sở, cơ sở gì vậy? Tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là tín tâm. Trong hội Hoa Nghiêm, ngài Văn Thù tượng trưng cho Tín. Kinh Hoa Nghiêm chia [các địa vị Bồ Tát] thành Thập Tín, Thập Hạnh, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, ngài Văn Thù tượng trưng cho Tín. Nói cách khác, chúng ta có thể tin tưởng pháp môn này tức là đã tốt nghiệp trong pháp hội của ngài Văn Thù. Đi ra tham học, vị thầy thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân, dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, vị thầy cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng những dạy Ngài niệm Phật, mà còn khuyên Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấu hiểu: Mở đầu và kết thúc đều là niệm Phật.

Nếu chúng ta hỏi: Thiện Tài đồng tử tham phỏng năm mươi một vị thiện tri thức⁹, Ngài tu pháp môn gì? Nhất định phải biết rõ điều này, Ngài tu pháp môn niệm A Di Đà Phật. [Đã tu] pháp môn niệm A Di Đà

⁸ Có lẽ người ghi lại văn bản đã chép nhầm ở chỗ này vì đây là hai câu trong kinh Pháp Hoa.

⁹ Nói năm mươi một vị thiện tri thức (thay vì năm mươi ba vị thiện tri thức) tức là không tính tỳ-kheo Đức Vân và Phổ Hiền Bồ Tát vì hai vị này đều dạy Thiện Tài đồng tử pháp môn Niệm Phật.

Phật, vì sao vẫn phải tham phông năm mươi một vị thiện tri thức? Thật ra, năm mươi một vị thiện tri thức tượng trưng cho tám vạn bốn ngàn pháp môn, đại diện cho vô lượng pháp môn; nhằm bảo với chúng ta ý nghĩa này: Vô lượng vô biên pháp môn bày ra trước mặt quý vị, chính mình phải như thế nào? Rành mạch, phân minh, rõ ràng, rành rẽ, như như bất động, vẫn là một câu Di Đà niệm đến tột cùng, đây là bí quyết của kinh Hoa Nghiêm, chúng ta nhất định phải nhận biết rõ ràng. Do vậy, pháp môn này là pháp môn bậc nhất, kinh này là kinh bậc nhất. Pháp hội tại nơi đây của mọi người chúng ta là pháp hội tối thù thắng bậc nhất, nhân duyên này quả thật chẳng dễ dàng, chúng ta phải nên quý tiếc!

Nói đến vãng sanh, gần đây nhất chúng tôi lại thấy một trường hợp. Chúng tôi ở Los Angeles một ngày, gặp được một vị đồng tu kể với tôi: Lão liên hữu ở Đài Trung Liên Xã là cư sĩ Sử Hoảng Hy đã vãng sanh. Ông ta biết trước lúc mất, không bệnh tật, qua đời, niệm Phật thành công. Do vậy, thầy Lý ở Đài Trung nghe tin này hết sức hoan hỷ. Vị lão cư sĩ ấy đã bảy mươi bảy tuổi, hôm trước ngày vãng sanh, cụ bảo vợ: “Tôi sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Bà vợ mừng ông chồng ăn nói lãng nhãng, vì cụ rất bình thường, chẳng bệnh tật gì! Đến ngày hôm sau cũng rất bình thường, sáng sớm vẫn ăn điểm tâm như thường lệ, buổi trưa nghe nói cụ còn ăn một chén bạch mộc nhĩ¹⁰, mười một giờ rưỡi cụ mất, còn viết di chúc để lại. Quý vị thấy rất tự tại! Không bị bệnh, tôi tin tưởng Cư sĩ vãng sanh có ảnh hưởng không gì lớn bằng đối với Phật giáo Los Angeles. Người niệm Phật thù thắng như vậy, ra đi tự tại ngàn ấy, tướng lành tốt đẹp ngàn ấy, điều này giống như trong Cơ Đốc Giáo nói là “*kiến chứng*” (làm chứng, testimony). Cụ chứng minh cho chúng ta thấy, đời này chẳng dễ luống uổng!

Vì thế, niệm Phật nhất định phải hiểu lý luận, phải hiểu cảnh giới. Trong cuộc đời này của chúng ta, phải coi chuyện này là đại sự bậc nhất, những chuyện khác đều là chuyện nhỏ nhặt! Ân no, mặc ấm là được rồi, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương. Không chỉ muốn sanh về thế giới Tây Phương, mà còn hy vọng phẩm vị cao hơn, như vậy mới là tốt đẹp! Nếu quý vị muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế

¹⁰ Bạch mộc nhĩ (Tremella) còn gọi là ngân nhĩ, tuyết nhĩ, ta thường gọi là “nấm tuyết”, là một loại nấm, được coi là có độ dinh dưỡng khá cao, thậm chí được tin tưởng là có tác dụng “diên niên ích thọ”, bổ tỳ, bổ gan, thanh lọc ruột và bao tử. Người Hoa thường chưng nấm tuyết với táo Tàu để làm thuốc thanh can, nhuận tỳ, giải độc.

giới, thì bộ Di Đà Sớ Sao này là đường lối tốt nhất, Liên Trì đại sư hướng dẫn, khiến cho chúng ta trước hết sẽ thông hiểu rành rẽ cái cảnh giới Tây Phương trước rồi sẽ hâm mộ, hướng về, nỗ lực tu học.

Xin xem lời tựa, đoạn thứ hai là Biệt Tán.

(Tự) Nhiên trước Sự nhi niệm năng tương kế, bất hư nhập phẩm chi công; chấp Lý nhi tâm thật vị minh, phản thọ lạc không chi họa.

(序) 然著事而念能相繼，不虛入品之功，執理而心實未明，反受落空之禍。

(Tựa: Nhưng chấp Sự mà có thể niệm liên tục, chẳng uống công lao, được nhập phẩm vị, chấp Lý nhưng chưa thật sự minh tâm, đâm ra mắc họa chẳng đạt kết quả gì).

Niệm Phật có Sự niệm và Lý niệm. Tôi khuyên quý vị đừng học Lý niệm, hãy học Sự niệm, nhưng phải hiểu rõ Lý. Hiểu rõ Lý có chỗ tốt đẹp nào? Dễ phá chấp trước, phá Ngã Chấp thì mới có thể chứng Sự nhất tâm bất loạn, phá Pháp Chấp có thể chứng Lý nhất tâm bất loạn. Chẳng hiểu Lý, chẳng dễ gì phá trừ chấp trước! Do vậy, nhất định phải hiểu Lý. Sự niệm, dầu chẳng thể đột phá hai thứ chấp trước, vẫn có thể niệm đến mức công phu thành phiền, đời nghiệp vãng sanh. Do vậy nói “*bất hư nhập phẩm chi công*”, “*phẩm*” (品) là phẩm vị, thấp nhất là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, người ấy dự vào phẩm vị. Nói cách khác, “*chấp Sự nhi niệm năng tương kế*” (chấp vào Sự để niệm, nhưng niệm liên tục), người ấy quyết định vãng sanh.

Nếu quý vị “*chấp Lý nhi tâm thật vị minh*” (chấp Lý mà chưa thật sự minh tâm), chưa đạt đến minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng có thành tựu bằng người Hạ Phẩm Hạ Sanh. Người ta Hạ Phẩm Hạ Sanh, còn quý vị chẳng đạt gì cả! Thật là đáng tiếc!

(Diễn) Tương kế, vị nhất tự nhất tự phân minh, nhất cú nhất cú tiếp tục.

(演) 相繼，謂一字一字分明，一句一句接續。

(Diễn: “Nói tiếp” là từng chữ phân minh, từng câu tiếp nối).

“*Nhất tự nhất tự phân minh*”: Chúng ta niệm sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật hay bốn chữ A Di Đà Phật, từng chữ rõ ràng. Cũng có những vị đồng tu hỏi tôi: Rốt cuộc chúng ta niệm bốn chữ hay là niệm sáu chữ? Bản chú giải này do Liên Trì đại sư trước tác. Trong Trúc Song Tùy Bút, Liên Trì đại sư có chép: Thuở ấy, có người hỏi Ngài: “Lão nhân gia dạy người ta niệm Phật như thế nào?” Ngài nói: “Tôi dạy người ta niệm sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật”. Người ta hỏi: “Còn chính lão nhân gia niệm thì sao?” Ngài đáp: “Tôi niệm A Di Đà Phật, chẳng thêm chữ Nam-mô”. Nam-mô là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “cung kính, quy y”. Niệm Nam-mô A Di Đà Phật tức là “quy y A Di Đà Phật, cung kính A Di Đà Phật”. Do vậy, người ta hỏi: “Do nhân duyên gì vậy?” Lão nhân gia nói: “Bản thân tôi chẳng còn nghĩ đến luân hồi trong đời sau. Đời này quyết định phải vãng sanh. Do vậy niệm bốn chữ, gạt bỏ những lời lẽ khách sáo”. Kinh Di Đà nói về chấp trì danh hiệu, danh hiệu là bốn chữ, chấp trì danh hiệu là đúng. Vì sao khuyên người thêm vào chữ Nam-mô? Là vì người khác đối với thế giới Sa Bà vẫn còn lưu luyến, vẫn chưa mong vãng sanh. Do vậy, kết thiện duyên với A Di Đà Phật, thêm vào chữ Quy Y, thêm vào chữ tỏ vẻ cung kính.

Do đây có thể biết: Nếu chúng ta thật sự quyết tâm trong một đời này muốn cầu sanh về thế giới Tây Phương, chẳng muốn đời sau sanh trong nhân gian nữa, quý vị có thể học theo Liên Trì đại sư, niệm bốn chữ, chữ nào chữ nấy phân minh, câu nào câu nấy liên tục chẳng gián đoạn. Trong tâm chớ để gián đoạn câu Phật hiệu này, niệm niệm tiếp nối, đó gọi là công phu. Nếu gián đoạn, sẽ chẳng gọi là công phu. “*Công phu*” trong pháp môn này chẳng phải là thứ võ công của Thiếu Lâm Tự, mà là một câu Phật hiệu không gián đoạn, đó gọi là công phu. Cũng có người hỏi: “Chúng tôi phải làm việc, chúng tôi phải suy xét vấn đề, hoặc trong lúc nói năng, phải trả lời người khác, làm như thế nào đây?” Khi ấy, hãy buông Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc. Làm xong việc, lập tức dấy lên Phật hiệu, như vậy là được!

Có thể thấy pháp môn này giống như kinh Hoa Nghiêm: Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Nói thì dễ dàng, thực hiện chẳng dễ dàng! Nếu quý vị không tin, hãy thử xem, sẽ thấy Phật hiệu có bị gián đoạn hay không? Nhất định bị gián đoạn. Hễ gián đoạn thì sao? Vọng niệm dấy lên ngay, khởi vọng tưởng liền. Có Phật hiệu thì chẳng có vọng tưởng; Phật hiệu vừa đoạn, vọng tưởng dấy lên ngay. Do vậy, ắt phải có người nhắc nhở, tức là như trước kia mọi người niệm Phật phải cộng tu, cộng tu là mọi người cùng dìu dắt lẫn nhau; do vậy mới có Niệm Phật Đường. Có thể

đến Niệm Phật Đường niệm Phật là có phước báo lớn! Đòi trước tu có phước, nên mới có cơ duyên đến Niệm Phật Đường. Hiện thời chúng ta không có Niệm Phật Đường, nói cách khác là thiếu phước báo; nhưng nói đi thì phải nói lại, mọi người không có phước báo, nhưng cá nhân quý vị còn có phước báo thì vấn đề là quý vị có biết hưởng phước hay không, quý vị có thể hưởng thụ phước báo ấy hay chăng?

Nói một người có phước báo là như thế nào? Ví như, chúng ta mỗi Chủ Nhật đều có hội niệm Phật, mọi người cùng nhau cộng tu. Khi chúng ta cộng tu, ở nơi này có đầu âm, đầu thành bằng ghi âm. Cầm băng ghi âm ấy về nhà, mở ra nghe giống như chúng ta đang cộng tu với nhau. Nhất là hiện thời có máy đầu âm loại nhỏ, có thể mang theo bên mình, bỏ trong túi áo, gắn ống nghe (headset), trong mười hai giờ chẳng gián đoạn. Máy đầu âm ấy còn tự động lật băng, tiện lợi lắm! Đây chẳng phải là phước báo hay sao? Do vậy, mỗi cá nhân quý vị có phước, quý vị bỏ trong túi mang theo bên mình để nghe, gắn ống nghe vào tai, máy tự động xoay tua, một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ Phật hiệu chẳng gián đoạn, quý vị có phước báo lớn lắm! Chẳng khác gì quý vị đang ở trong Niệm Phật Đường, lại còn chẳng trở ngại việc làm, chẳng mất thời gian. Đủ thấy con người hiện thời phải biết lợi dụng [khoa học kỹ thuật], quý vị có phước báo lớn hơn cổ nhân. Cổ nhân rời khỏi Niệm Phật Đường, Phật hiệu chẳng còn nữa. Hiện tại, rời khỏi Niệm Phật Đường, đi đường, vừa đi [vừa nghe] Phật hiệu không gián đoạn, thậm chí khi ngủ say, Phật hiệu cũng chẳng gián đoạn. Phước báo ấy lớn hơn cổ nhân rất nhiều! Quý vị phải biết sử dụng, phải biết lợi dụng! Nói cách khác, quý vị phải biết hưởng. Hiện tại, quý vị có phước báo, có biết hưởng hay không? Nếu chẳng biết hưởng, không có cách nào hết! Nếu quý vị biết hưởng, ai nấy đều có đại phước báo, ai nấy trong một đời này chắc chắn có thể vãng sanh; đây là do quý vị có chịu hưởng phước ấy hay chăng? Đây là giảng rõ về “*tịnh niệm tương kế*”.

(Diễn) Bất hư nhập phẩm giả, vị dẫn năng niệm niệm tiếp tục, vô hữu gián đoạn, tắc dĩ năng phục vọng.

(演) 不虛入品者，謂但能念念接續，無有間斷，則已能伏妄。

(Diễn: “Chẳng lường công, được nhập phẩm vị”, ý nói: Chỉ có thể niệm niệm tiếp tục, chẳng gián đoạn là đã có thể khuất phục vọng.)

Lời này là thật, chẳng giả tí nào. Trong tâm quý vị niệm niệm là A Di Đà Phật, tự nhiên chẳng có vọng niệm, không có vọng tưởng. Hễ Phật hiệu chẳng có thì gọi là “*thất niệm*”. Sau khi thất niệm, sẽ có hai hiện tượng: Một là tăng trưởng tà kiến, khởi vọng tưởng, tưởng Đông, nghĩ Tây. Một hiện tượng khác là tuy ý niệm gì cũng không có, nhưng tăng trưởng vô minh. Quý vị thấy đó: Nếu chẳng khởi tà kiến, sẽ đầy vô minh! Tà kiến và vô minh là căn bản sanh tử, là căn bản của lục đạo luân hồi. Làm sao để thoát khỏi luân hồi? Làm sao để khỏi sanh tử? Muốn vượt thoát luân hồi, đoạn sạch sanh tử, diệu pháp duy nhất là Phật hiệu liên tục, chẳng để nó bị gián đoạn giữa chừng, niệm niệm tiếp nối, cho nên có thể chế ngự vọng.

(Diễn) đắc thiểu phần tịnh, khả thành mạt phẩm.

(演) 得少分淨, 可成末品。

(Diễn:) Được ít phần tịnh, có thể thành tựu phẩm cuối cùng).

“*Tịnh*” là tâm thanh tịnh. Tuy tâm ấy chưa đạt đến thanh tịnh thật sự, nhưng trong khi tâm quý vị có Phật hiệu thì nó là thanh tịnh. Phật hiệu chẳng gián đoạn một phút thì quý vị được thanh tịnh trong một phút. Một giờ chẳng gián đoạn, quý vị được thanh tịnh một giờ. Một ngày chẳng gián đoạn, quý vị được thanh tịnh một ngày, phải nỗ lực! Đó gọi là “*tu Tịnh nghiệp*”. Do vậy, có chút phần thanh tịnh sẽ “*khả thành mạt phẩm*” (có thể thành tựu phẩm cuối cùng). Mạt phẩm chính là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đây là nêu lên một thí dụ để nói. Nếu quý vị niệm Phật vãng sanh, tuyệt đối chẳng phải là Hạ Phẩm Hạ Sanh, địa vị thấp nhất của quý vị cũng cao hơn phẩm vị ấy nhiều lắm!

(Diễn) 倅 hoặc thử nhân, túc hữu linh căn, tức ư thử thời, đốn minh đế lý, tùy kỳ thiển thâm, hoặc trung, hoặc thượng, câu bất khả tri, cố viết “bất hư”.

(演) 又或此人夙有靈根, 即於此時頓明諦理, 隨其淺深, 或中或上, 俱不可知, 故曰不虛。

(Diễn:) Hoặc lại có người do đã có linh căn từ trước, ngay trong lúc ấy bèn nhanh chóng hiểu đế lý, tùy theo túc căn cạn hay sâu, mà

vãng sanh bậc Trung hoặc bậc Thượng, đều không thể biết, nên nói là “chẳng lường uống”).

Mấy câu này là nói bổ sung, ý nghĩa hết sức viên mãn. Người quả thật có túc căn thì trong một đời này, chúng ta phát tâm học Phật, hoặc là phát tâm chưa được mấy ngày, vừa mới học Phật, nghe ở đây được một tiếng rưỡi, nghe rồi cảm thấy rất hứng thú, nghe xong lại muốn nghe thêm, chứng tỏ quý vị học Phật chẳng phải chỉ trong một đời này, mà đã trải nhiều đời nhiều kiếp học Phật. Chẳng những học Phật, mà còn tu pháp môn này. Đó gọi là quý vị có túc căn. Trong đời quá khứ đã tu học, vì sao chẳng thể vãng sanh? Tôi vừa mới nói đó thôi! Công phu của quý vị bị gián đoạn, không thể liên tục. Nói cách khác, một ngày trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, lúc tâm thanh tịnh thì ít, lúc tâm khởi vọng tưởng thì nhiều, lúc hôn trầm thì nhiều. Do vậy, quý vị chẳng thể thành tựu!

Điều kiện duy nhất để vãng sanh thế giới Tây Phương là giữ được cái tâm thanh tịnh. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh; trong hai mươi bốn giờ, tâm thanh tịnh phải hơn mười hai tiếng. Nếu tâm thanh tịnh mười hai tiếng, chẳng thanh tịnh mười hai tiếng, cơ hội vãng sanh của quý vị là năm mươi trên năm mươi, không đảm bảo! Nếu mỗi ngày chỉ có hai ba tiếng đồng hồ thanh tịnh, còn hai mươi một, hai mươi hai tiếng chẳng thanh tịnh mà mong được vãng sanh thì trong đời này không có cách gì hết, quý vị đi thi chẳng đậu! Chúng ta đời đời kiếp kiếp đều niệm Phật, nhưng thi trượt là do chưa đạt đến sáu mươi điểm! Vì thế, trong đời này gặp gỡ, lại tiếp tục tu tập, hy vọng đời này thi đậu. Cũng có thể là do trong đời quá khứ nhân duyên chẳng đủ, chưa phát minh ra [máy niệm Phật] có thể mang theo bên mình; đời này đã có cơ hội, mọi người hãy khéo lợi dụng nó. Vì thế, tôi khuyên các đồng tu, những món tiền [chi tiêu] khác có thể giảm bớt, nhưng tiền để mua [máy Niệm Phật hay máy thân âm] mang theo thân để nghe nhất định chẳng thể bớt. Chúng là thiện tri thức của chúng ta, trợ niệm, nhắc nhở chúng ta [nhớ tới Phật hiệu]. Nếu người nhà chẳng phản đối, trong nhà quý vị mở băng niệm Phật cho mọi người nghe. Nếu người nhà phản đối thì một mình quý vị nghe, đừng làm trở ngại người khác.

“Túc căn” cũng có sâu hay cạn khác nhau! Có người túc căn sâu dày, vừa tiếp xúc liền “đốn minh đế lý” (nhanh chóng hiểu lý chân thật), “đốn” (頓) là trong khoảng sát-na, “minh” (明) là hiểu rõ, “đế lý” (諦理) là chân lý. Nói theo thuật ngữ Phật pháp, đế lý là Chân Đế Khổ - Tập -

Diệt - Đạo, quý vị giác ngộ liền! Sự giác ngộ đầu tiên là thế gian khổ, thật sự khổ! Đời người trăm tuổi, cũng là trong khoảng khảy ngón tay đã qua. Đối với chuyện này, các đồng tu trẻ tuổi còn chưa cảm nhận được, chứ những người từ năm mươi tuổi trở lên đối với chuyện này khá mặn cảm, vì sao mặn cảm? Vô thường! Các đồng tu trẻ tuổi cũng chớ nên đắc ý, vì sao? Trên nẻo suối vàng không phân biệt già hay trẻ! Quý vị đến nhà đờn (tang nghi quán¹¹, nhà quàn, funeral home), ra nghĩa trang mà xem, bao nhiêu kẻ tuổi trẻ! Mười mấy tuổi, hai mươi tuổi đã chết, rất nhiều! Mạng người vô thường, sanh tử là chuyện lớn. Nếu chẳng thể giải quyết vấn đề này, chúng ta không cần bàn tới nữa! Đã có thể giải quyết, có thể vượt thoát, có sao chúng ta không làm? Hiểu rõ nhân quả thế gian rồi, Nhị Đế xuất thế gian tức Diệt Đế và Đạo Đế (nhân quả xuất thế gian) cũng hiểu rõ, có thể đốn ngộ. Đốn ngộ là một chuyện, thù thắng nhất là đốn chứng. Ngộ có hai thứ: Giải ngộ và chứng ngộ. Nếu đốn chứng thì kinh gọi là Lý nhất tâm bất loạn, đặc Thượng Phẩm Thượng Sanh. Nếu là giải ngộ, sẽ là Trung Phẩm, chứ không phải Thượng Phẩm.

“*Hoặc Trung, hoặc Thượng*”: Thế giới Tây Phương có bốn cõi, trong mỗi một cõi có ba bậc chín phẩm, [chín phẩm] nhân với bốn [cõi] thành ba mươi sáu; phân chia đại lược thành ba mươi sáu đẳng cấp. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong bất cứ đẳng cấp nào thì cũng tùy thuộc vào nỗ lực của chính mình, quyết định có thể thành tựu. Do vậy nói “*bất hư*” (chẳng luống uổng), chắc chắn có thể thành tựu. Hãy nhớ: Phải từng chữ phân minh, niệm niệm tiếp nối.

Đoạn tiếp theo giảng về Lý. Cháp Lý là chuyện đáng sợ nhất, vì nó là hiểu lầm.

(Diễn) “*Minh*” vị *u tự bốn tâm hốt nhiên khế hợp, tức sở vị: “Nhất phát, nhất thiết phát”* dã.

(演) 明謂於自本心忽然契合，即所謂一發一切發也。

(Diễn: “*Minh*” là *đột nhiên khế hợp bốn tâm, tức là nói: “Một thứ phát, hết thấy đều phát”*).

¹¹ Nguyên văn “thân nghi quán” (殯儀館). Không hiểu sao tại Việt Nam, nhất là trong Chợ Lớn, các nhà đờn vẫn ghi biển đề là Tang Nghi Quán, trong khi dòng chữ Hán dưới đó vẫn ghi rõ ràng là Thân Nghi Quán. “Thân” (còn đọc thành Tấn, hoặc Tẩn) là mai táng. Ở đây, thuận theo cách ghi ấy, chúng tôi vẫn dùng chữ Tang Nghi Quán.

Chấp Lý nhưng chưa minh tâm, “*minh*” có nghĩa là gì? “*Vị u tự bốn tâm hốt nhiên khế hợp*” (nghĩa là đột nhiên khế hợp bốn tâm). “*Nhất phát, nhất thiết phát*”, “*phát*” ở đây là nêu thí dụ, thật ra là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Một tức hết thấy, hết thấy chính là một*”. Cách nói này quá trừu tượng, chúng ta chẳng dễ gì hiểu được! Do vậy, ở đây tôi nêu lên một chuyện: “*Phát*” là phát tâm, nêu một chuyện để nói “*một tức hết thấy, hết thấy chính là một*”. Trong Thiên Tông gọi nó là “*minh tâm kiến tánh*”. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã giảng cảnh giới minh tâm kiến tánh rất minh bạch. Quý vị thấy người ấy “*bốn tâm hốt nhiên khế hợp*” (đột nhiên khế hợp bốn tâm), đó gọi là kiến tánh, hoặc đại triệt đại ngộ. “*Hốt nhiên khế hợp*”: Khế hợp gì vậy? Khế hợp bằng cách nào? Khởi Tín Luận nói: “*Thỉ Giác hợp Bốn Giác*”, đó là khế hợp. Hiện thời, tâm ta thanh tịnh, dùng cái tâm thanh tịnh ấy – tâm thanh tịnh ấy là Thỉ Giác – chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là Thỉ Giác, Chân Như bốn tánh của chúng ta là Bốn Giác. Niệm một câu A Di Đà Phật là Thỉ Giác, niệm niệm là Thỉ Giác; hễ nó khế hợp với Bốn Giác sẽ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đối với cảnh giới này, Lục Tổ nói rất hay: “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai thanh tịnh, hà kỳ tự tánh, bốn lai cụ túc*” (Nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ) viên mãn, chẳng thiếu khuyết mảy may nào! “*Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp*” (Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp), đây là kiến tánh, là “*phát một thứ, sẽ phát hết thấy*”.

“*Phát*” cũng có thể nói là “*phát minh*” (làm sáng tỏ, nêu rõ ra), tức là hiểu rõ hết thấy. Đã hiểu rõ thông đạt một chuyện, hết thấy đều hiểu rõ, hết thấy đều thông đạt, hết thấy Sự Lý thế gian và xuất thế gian đều chẳng có chướng ngại, đó gọi là “*phát*”, sáng tỏ. Đó là đúng! Đạt đến cảnh giới ấy, sẽ có thể [“*một thứ phát, hết thấy đều phát*”]. Trong cảnh giới ấy, niệm Phật chính là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Niệm là giác, giác chứ không mê; niệm là chân, chân chứ không vọng. Chân tánh và giác tánh của chúng ta hiện tiền, không có tạp niệm, chẳng có vọng niệm, đó gọi là “*niệm Phật*”. Nếu tâm địa hết sức thanh tịnh, chẳng có vọng niệm nào, tuy chẳng niệm Phật hiệu, mà cũng là niệm. Niệm Phật nhằm thanh tịnh cái tâm, tâm thanh tịnh chính là niệm Phật. Đạt đến mức độ ấy, sẽ có thể không cần niệm, không niệm mà vẫn là niệm, được rồi! Nếu chưa đạt đến cảnh giới ấy, quý vị nói “*vô niệm là niệm*”, tôi suốt ngày từ sáng đến tối chẳng niệm là niệm, “*phản thọ lạc không chi họa*” (đâm ra mắc họa chẳng đạt được gì), hồng bát rồi!

Thật ra, thật sự đạt đến công phu này, người ấy còn niệm Phật hay là không? Người ấy vẫn niệm! Vì sao vẫn niệm? Vô niệm mà niệm, niệm mà vô niệm! Người ấy vẫn niệm, tuyệt đối chẳng thể nói là không niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, trong hội Lăng Nghiêm, Ngài đã dạy chúng ta: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), Ngài vẫn niệm. Do đây có thể biết: Đẳng Giác Bồ Tát tuy đã chứng lý viên mãn, vẫn chấp trì danh hiệu, Ngài hiểu Lý, nhưng vẫn y như cũ, chẳng phé Sự. Chúng ta chẳng hiểu đạo lý này nên bỏ Sự, đương nhiên chẳng có kết quả gì!

(Diễn) *Phản thọ họa giả, vị nhược thị tu hành nhân, tắc đọa tà ngoại.*

(演) 反受禍者，謂若是修行人，則墮邪外。

(Diễn: “Đâm ra mắc họa” nghĩa là: Tuy là người tu hành, mà đọa trong tà môn, ngoại đạo).

“*Tà ngoại*” là tà môn, ngoại đạo, ở đây nói tới ngoại đạo ngay trong cửa Phật. Ngoại đạo ở ngoài Phật pháp có thể dễ dàng phân biệt, chứ ngoại đạo trong cửa Phật, chẳng dễ gì biện định được!

(Diễn) *Nhược phạm phu, ngoại đạo, tắc phước tận thọ luân.*

(演) 若凡夫外道，則福盡受輪。

(Diễn: Nếu là phạm phu, ngoại đạo, khi hết phước sẽ phải luân hồi).

Đây là hai hạng người: Một là người tu hành. Người tu hành đọa trong tà kiến nên biến thành ngoại đạo. Người ấy chẳng thể thành tựu trong một đời này. Nếu là phạm phu hoặc là ngoại đạo, khi hưởng hết phước báo, phải luân hồi y như cũ! Nếu chúng ta hỏi: Những người tu hành đọa trong tà môn, ngoại đạo, khi phước báo hết, người ấy có phải luân hồi hay không? Vẫn phải luân hồi giống hệt. Vì sao biết họ phải luân hồi giống hệt? Vì đời trước chúng ta là những người giống như vậy, hiện tại lại xoay chuyển luân hồi. Nếu đời trước chúng ta chẳng phải là hạng người như vậy, quý vị đã sớm về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng đến nơi đây! Quý vị chẳng nghe kinh ở chỗ tôi, mà nghe kinh nơi

A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc. Do vậy, trong đời trước, bọn ta mắc họa đọa lạc hư luống, ý niệm sai lầm!

(Diễn) Nhược khẩu khẩu đàm không, bộ bộ hành hữu giả, tác kính đọa tam đồ, vô hữu hư tức, cố vân “thọ họa”.

(演) 若口口談空，步步行有者，則徑墮三途，無有休息，故云受禍。

(Diễn: Nếu miệng luôn nói Không, bước bước hành Có, sẽ nhanh chóng đọa trong tam đồ, chẳng hề ngưng nghỉ, nên nói là “mắc họa”).

“Khẩu khẩu đàm Không” là nói Lý suông, đàm huyền thuyết diệu. “Bộ bộ hành Hữu”, “hành” là ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng. “Hữu” ở đây là tam hữu, tức Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu. Làm sao quý vị không đọa trong tam đồ cho được? Đó gọi là “mắc họa”, họa ấy là đại họa. Đâm ra mắc họa chẳng đạt kết quả gì!

(Sớ) Thượng văn song yết nhị bệnh.

(疏) 上文雙揭二病。

(Sớ: Đoạn văn trên đây nêu ra hai thứ bệnh).

“Thượng văn” là phần Biệt Tán, “song yết nhị bệnh”: [Nêu ra] hai căn bệnh.

(Sớ) Kim ư nhị bệnh, biệt cử kỳ ưu.

(疏) 今於二病，別舉其尤。

(Sớ: Nay đối với hai thứ bệnh, riêng nêu lên căn bệnh nặng nhất).

Hai thứ bệnh: Một là chấp Sự, hai là chấp Lý. “Ưu” (尤) là bệnh nặng nhất trong hai thứ ấy. Chấp trước là bệnh, hai thứ ấy đều là chấp trước, đều là bệnh. Bệnh chấp Không sẽ gặp đại họa, đọa tam đồ. Bệnh chấp Có, tuy vẫn có thể vãng sanh, nhưng phẩm vị chẳng cao; đều chẳng phải là hiện tượng tốt đẹp, đều gọi là Bệnh.

(Sớ) Vị trước Sự nhi tín tâm bất thiết, cố vô túc luận.

(疏) 謂著事而信心不切，固無足論。

(Sớ: Nghĩa là: Nếu chấp Sự mà tín tâm chẳng tha thiết, chẳng đáng để bàn tới).

“Trước Sự nhi tín tâm bất thiết” (chấp Sự mà tín tâm chẳng tha thiết), chẳng cần phải bàn tới nữa! Tu pháp môn này, cơ sở là tín tâm. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói hết sức minh bạch: Điều thứ nhất là phải tin vào chính mình. Quý vị phải biết: Phật, Bồ Tát gia trì, bảo vệ, giúp đỡ người có tín tâm. Không có tín tâm thì Phật, Bồ Tát tuy có oai đức, có trí huệ, thần lực, vẫn chẳng giúp được! Phật, Bồ Tát có thể giúp đỡ ai? Người có tín tâm! Quý vị có mười phần tín tâm, các Ngài có thể giúp quý vị mười phần. Quý vị có một phần tín tâm, các Ngài có thể giúp quý vị một phần. Các Ngài giúp đỡ quý vị tỷ lệ thuận với tín tâm.

Do vậy, chính mình phải có tín tâm đầy đủ, tự tin ta trong một đời quyết định vãng sanh Tịnh Độ, đời sau tuyệt đối chẳng luân hồi. Ta có tín tâm tràn trề, nên Phật, Bồ Tát tận hết sức giúp đỡ ta. Ta có tín tâm, tuy hiện tại thân thể ta còn ở trong thế gian này, nhưng ta đã là người trong thế giới Cực Lạc, chẳng còn là người của thế giới Sa Bà nữa. Quý vị không tin thì vẫn là người trong thế giới Sa Bà. Tôi tin, tôi chẳng phải là người trong thế giới Sa Bà. Chuyện này phải hỏi chính mình! Phải có tín tâm đầy ấp, tín tâm quyết định, chúng ta mới có thể thành tựu.

“Tín tâm bất thiết, cố vô túc luận” (Tín tâm chẳng tha thiết, chẳng đáng bàn tới), không có cách nào hết! Tuy là cả đời niệm Phật mà chẳng thể vãng sanh. Chẳng thể vãng sanh, nhưng cũng có điều hay! Niệm Phật là gieo viển nhân vãng sanh cho đời sau, kết duyên với thế giới Tây Phương; quý vị niệm Phật trong thế gian này cũng là phước báo. Tuy là phước báo, nhưng quý vị phải hiểu: Không nhất định sẽ hưởng [phước báo ấy] trong đường nào! Hưởng phước trong đường trời người là thù thắng nhất, trong quỹ đạo phước báo cũng lớn, trong súc sanh đạo cũng có phước báo lớn. Chúng ta thấy người ngoại quốc nuôi những con chó nhỏ, mèo nhỏ, phước báo của chúng lớn hơn loài người chúng ta, được chăm sóc không sót một điều nhỏ nhặt nào. Hiện thời, chó ở ngoại quốc có phòng mạch chuyên chăm sóc chó, mỗi ngày còn phải tắm rửa cho chúng, hầu hạ cho chúng nó thoải mái, dẫn chó đi tản bộ, dẫn chó đi chơi, phước báo rất lớn! Đây là do tu phước trong đời trước, đọa làm thân súc sanh. Vì thế, chúng ta tu phước trong đời này, đời sau không

nhất định hưởng phước trong nhân gian, không chừng sanh trong súc sanh đạo hay ngã quý đạo; phước cố nhiên được hưởng, nhưng không nhất định trong đường nào, phải biết điều này!

(Sớ) Giả sử chuyên trì danh hiệu, niệm niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, tuy hoặc bất minh đế lý, dĩ năng thành tựu tịnh thân, phẩm vị tưng ty, vãng sanh tất hĩ. Sở vị sĩ nhân tác bảng vĩ đẳng khoa diệc bất ác, dẫn khủng bảng thượng vô danh nhĩ. An đắc dĩ thủ ngu bệnh chi!

(疏) 假使專持名號，念念相繼，無有間斷，雖或不明諦理，已能成就淨身，品位縱卑，往生必矣。所謂士人作榜尾登科亦不惡，但恐榜上無名耳。安得以守愚病之！

(Sớ: Giả sử chuyên trì danh hiệu, niệm niệm tiếp nối chẳng gián đoạn, dầu chưa hiểu rõ đế lý, đã có thể thành tựu thân thanh tịnh, phẩm vị dầu hèn, ắt được vãng sanh. Đó gọi là học trò tên đề cuối bảng, vẫn là thi đậu, chẳng xấu hổ, chỉ sợ trên bảng chẳng có tên. Há nên coi “giữ phận ngu” là khuyết điểm ư?)

Sợ rằng trên bảng không có tên! Chứ trên bảng có tên dù là ghi tên chót bảng, cũng là đã vãng sanh rồi, cũng đã thành công rồi!

(Diễn) Trước Sự nhi tín bất thiết giả.

(演) 著事而信不切者。

(Diễn: Chấp Sự mà lòng tin chẳng tha thiết).

Nêu lên một trường hợp hết sức thực tế.

(Diễn) Như kim thế nhân, khẩu niệm Di Đà, tâm trì ngũ dục, không đàm Tịnh Độ, hệ niệm Sa Bà dã.

(演) 如今世人，口念彌陀，心馳五欲，空談淨土，繫念娑婆也。

(Diễn: Như người trong cõi đời này, miệng niệm Di Đà, tâm đuổi theo ngũ dục, bàn suông Tịnh Độ, tâm dính chặt Sa Bà).

Chúng ta phải răn dè cẩn thận chuyện này! Miệng niệm Di Đà, trong tâm vẫn tham luyến ngũ dục, lục trần thế gian, hằng ngày niệm Kệ Hồi Hướng cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng vẫn chẳng bỏ được thế giới Sa Bà trong hiện tại. Đó là miệng đúng, tâm sai, chẳng thể thành công! Đó gọi là “*trước Sự nhi tín bất thiết*” (chấp vào Sự nhưng tín tâm chẳng thiết tha). Người niệm Phật chân chánh, hết thầy tình duyên thế gian đều phải buông xuống hết; nếu có một chuyện gì không buông xuống được, vướng mắc trong lòng, đến cuối cùng nhất định bị lỡ làng. Phàm những ai biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, đều là những người đã buông bỏ sạch sành sanh.

Tôi vừa mới nhắc tới Sử cư sĩ, cụ có mười người con, đều sống ở Mỹ, có người tin tưởng Phật, có người chẳng tin Phật, phản đối Phật, có người sự nghiệp thành tựu, có người cũng rất bất đắc chí. Sử cư sĩ chẳng có chuyện gì vướng mắc trong lòng, tâm cụ thanh tịnh, trừ niệm Phật ra, chuyện gì cũng không màng, là thật sự buông xuống! Do vậy, cụ mới có thể biết trước lúc mất.

Chúng ta cũng thấy người niệm Phật mà “con gái tôi còn chưa gả chồng, con trai tôi chưa kết hôn”, không vãng sanh được, vì sao? Phiền não quá nhiều, chuyện vướng mắc trong lòng quá nhiều! Dầu cho con gái gả chồng, con trai đã kết hôn, lại còn chưa sanh cháu! Cháu sanh rồi thì chúng chưa khôn lớn! Lắm chuyện quá, vĩnh viễn không xong được! Dầu niệm Phật, trong đời này, người ấy chẳng có phần nơi thế giới Tây Phương!

(Diễn) Thành tựu tịnh thân giả, vị tam nghiệp hào vô nhiễm ô.

(演) 成就淨身者，謂三業毫無染污。

(Diễn: “Thành tựu tịnh thân” nghĩa là ba nghiệp chẳng ô nhiễm mây may).

“*Tam nghiệp*” là thân, miệng, ý. Quan trọng nhất là ý nghiệp, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần. Nói “*chẳng nhiễm mây trần*” thì Trần là ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh, lợi, ngũ ngũ, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thầy đều buông xuống. Trong tâm, trừ A Di Đà Phật ra, chẳng vướng mắc gì, đó gọi là “*thành tựu tịnh thân*”. Vì vậy, thứ gì quý vị cũng phải bỏ hết. Lại thừa cùng quý vị, chỉ có thứ gì quý vị cũng đều bỏ hết thì thứ gì cũng mới viên mãn. Ngày nay, quý vị tài sản chẳng viên

mãn, vì sao? Chẳng buông xuống! Chẳng buông xuống nên không viên mãn.

Tất cả đều buông xuống, sẽ đắc đại viên mãn. Viên mãn là gì? Quyết định chẳng thiếu khuyết. Quý vị không tin là vì quý vị có nghiệp chướng, nghiệp chướng gây chướng ngại cho lòng tin của quý vị. Nếu quý vị thật sự buông xuống, mới thật sự hiểu rõ Phật, Bồ Tát nói chẳng sai, vì sao? Đúng là đắc đại viên mãn. Do vậy, quý vị chẳng chịu buông xuống, nên tiền bạc chi dùng rất khổ sở. Tôi đắc tự tại, tôi được đại viên mãn nơi tiền tài. Chuyện gì cũng buông xuống thì chuyện gì cũng viên mãn, thứ gì cũng buông xuống được, sẽ đắc đại viên mãn.

(Diễn) Tức sở vị thuần thanh tuyệt điểm, nhất điều bạch luyện dã.

(演) 即所謂純清絕點，一條白練也。

(Diễn: Đây gọi là trong veo đến tốt bậc như một dải lụa tẩy gột trắng ngần).

“Bạch luyện” là nói tới thác nước¹², nước hết sức trong, nhìn từ mặt nước giống như một dải trắng ngần chẳng nhiễm mảy trần.

(Diễn) Vĩnh Minh vân.

(演) 永明云。

(Diễn: Ngài Vĩnh Minh nói).

Vĩnh Minh là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, là vị tổ đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông.

(Diễn) Cầu Tịnh Độ giả, tưng nhiều vị minh đạo nhân, dã tu thành tựu tịnh thân.

(演) 求淨土者，縱饒未明道眼，也須成就淨身。

(Diễn: Người cầu sanh về Tịnh Độ, dầu đạo nhân chưa sáng tỏ, vẫn cần phải thành tựu tịnh thân).

¹² Bạch luyện có nghĩa là vải lụa đã gột tẩy trắng tinh, cũng thường dùng để ví thác nước.

“Đạo nhân” là minh tâm kiến tánh, cũng là Lý nhất tâm bất loạn. Nếu công phu chưa đạt đến cảnh giới ấy, ắt cũng cần phải thanh tịnh thân tâm, chẳng nhiễm mảy trần. Đạt đến cảnh giới ấy, chắc chắn vãng sanh, phẩm vị cũng khá cao, chẳng ở trong Hạ Phẩm Hạ Sanh.

(Sớ) Nãi chí chấp Lý nhi tâm thật liễu minh, diệc bất tất luận.

(疏) 乃至執理而心實了明，亦不必論。

(Sớ: Còn như chấp Lý mà tâm đã thật sự liễu giải thông suốt, cũng chẳng cần phải bàn tới).

Người ấy chấp Lý, nhưng tâm thật sự hiểu rõ, thật sự minh tâm kiến tánh. Thật sự đạt đến minh tâm kiến tánh thì niệm và không niệm đúng là chẳng sao cả! Người ấy không niệm Phật cũng vẫn vãng sanh, chỉ cần người ấy muốn vãng sanh, muốn ra đi liền được. Vì sao? Người ấy có công phu “chẳng niệm mà cũng có thể vãng sanh”. Chẳng niệm mà cũng có thể vãng sanh, đâu có lạ lùng gì! Vì sao? Trong sách Di Đà Yêu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: “Đắc sanh dữ phủ, tại u tín nguyện chi hữu vô” (Được vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không?), nói rất rõ ràng! Có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không, chẳng nói tới niệm, chẳng nói tới chấp trì danh hiệu, chỉ nói tới tín nguyện. Quý vị phải hiểu. Đây là đối với người minh tâm kiến tánh mà nói, người ấy chưa hề niệm một câu Phật hiệu nào, nhưng người ấy tin tưởng, muốn sanh về đó, người ấy liền sanh, lại còn là Thượng Phẩm Thượng Sanh, chẳng cần niệm Phật. Khi chưa minh tâm kiến tánh, cần phải niệm Phật! Do vậy, Ngài lại nói: “Phẩm vị cao hạ, tại u trì danh chi thiện thâm” (Phẩm vị cao hay thấp là do công trì danh cạn hay sâu). Quý vị phải hiểu đạo lý này, đó là Lý lẫn Sự đều phải chiếu cố.

Thật sự hiểu rõ cái tâm, minh tâm kiến tánh rồi thì quý vị niệm hay chẳng niệm đều chẳng cần phải nhắc tới. Quý vị niệm cũng được, mà không niệm cũng được, hóa ra “quý vị muốn vãng sanh thì quý vị quyết định vãng sanh” là nói về hạng người này. Chúng ta chưa đạt đến công phu ấy! “Tâm thật sự liễu minh”, thưa quý vị, Kiến Tư phiền não đã đoạn, Trần Sa phiền não cũng đoạn, bốn mươi một phẩm vô minh tối thiểu phá được một phẩm, quý vị nghĩ xem cảnh giới của người ấy là gì? Nay chúng ta ngay cả Kiến Tư còn chưa đoạn được, ngay cả Thân Kiến trong Kiến Hoặc vẫn còn chưa thể phá được. Phạm phu lè tè sát đất, tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tám mươi một phẩm Tư Hoặc hoàn toàn có

đủ, làm sao có thể sánh bằng bậc kiến tánh? Con người quý nhất là tự biết rõ, hiểu chính mình có thân phận như thế nào, biết căn bệnh của chính mình ở chỗ nào thì mới có thể cho thuốc đúng bệnh, thuốc uống vào, bệnh lành!

Tại ngoại quốc, từng có người hỏi tôi: Sám trừ nghiệp chướng có phải là lễ Lương Hoàng Sám, lễ Thủy Sám hay không? Lạy Lương Hoàng Sám xong, Thủy Sám cũng đã lạy rồi, nghiệp chướng có tiêu trừ hay chẳng? Chẳng những không tiêu trừ, mà còn tăng thêm chẳng ít. Tôi nói lời này câu nào cũng chân thật! Chẳng những không tiêu nghiệp chướng mà còn tăng trưởng nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng là gì? Quý vị mỗi ngày nghĩ đến làm lỗi, có thể sửa lỗi thì gọi là sám trừ nghiệp chướng. Mỗi ngày suy nghĩ, hôm nay ta làm sai những chuyện gì? Chuyện nào hoặc ý niệm nào chẳng đúng pháp? Mỗi ngày có thể phản tỉnh tội lỗi của chính mình, sửa đổi khuyết điểm của chính mình, đó gọi là sám trừ nghiệp chướng. Đối với khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi, cho đến trong công việc của chính mình, giảng kinh, dạy học cũng giống như vậy, ngày ngày cải tiến. Cải tiến là tiêu nghiệp chướng. Ngày ngày có tiến bộ! Chẳng cải tiến, nghiệp chướng chẳng tiêu trừ. Đó là chân chánh cầu sám hối. Do vậy, sám hối là tinh tấn, là mỗi ngày một mới hơn.

Vì thế, ở Mỹ Quốc, người Mỹ kinh doanh không khá hơn người Nhật Bản. Công xưởng nào của người Mỹ hễ không làm ra tiền, ngay lập tức họ cắt giảm nhân viên, sa thải công nhân, hoặc công nhân bất mãn chủ nhân liền bãi công. Bãi công gây tổn thất quả thật hết sức nghiêm trọng. Người Nhật không giống như họ! Công xưởng của người Nhật Bản không làm ra tiền, chủ nhân giảm tiền lương của viên chức cao cấp. Chiêu này lợi hại lắm, công nhân thấy chủ nhân không lãnh tiền lương, viên chức cao cấp bị giảm lương, công nhân cấp dưới bèn ra sức làm việc, vì sao? Công nhân không bị giảm lương, nhân viên cao cấp bị giảm lương, cách làm ấy hợp lý; cho nên công nhân chịu bán sức. Công nhân bất mãn chủ nhân, muốn phản kháng, khi kháng nghị bèn buộc dải khăn trắng lên đầu, vẫn làm việc như thường lệ. Người Mỹ làm sao có thể hơn được người Nhật! Dùng Phật pháp để nói thì họ thật sự tiêu trừ nghiệp chướng. Do vậy, nhất định phải áp dụng Phật pháp vào trong cuộc sống của chính mình. Phật pháp chẳng phải là bàn suông, Phật pháp là cuộc sống thực tiễn. Do vậy, mục tiêu của Phật pháp là phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, thật sự lìa khổ, thật sự được vui!

(Diễn) *Tâm thật liễu minh, vị tam trí nhất tâm trung đắc.*

(演) 心實了明，謂三智一心中得。

(Diễn: “Tâm thật sự liễu minh” có nghĩa là đã đắc nhất tâm nơi Tam Trí).

“Tam Trí” là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí. “Nhất tâm trung đắc” là khai ngộ, Thiên Tông gọi là đại triệt đại ngộ.

(Diễn) *Dĩ đăng Sơ Địa.*

(演) 已登初地。

(Diễn: Đã đạt Sơ Địa).

“Sơ Địa” là Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Sơ Địa của Biệt Giáo được gọi là Sơ Trụ trong Viên Giáo.

(Diễn) *Nhập Vô Sanh Nhẫn.*

(演) 入無生忍。

(Diễn: Nhập Vô Sanh Nhẫn).

Thật sự chứng đắc hết thấy các pháp bất sanh bất diệt.

(Diễn) *U tự bản tâm hữu đại khai ngộ giả.*

(演) 於自本心有大開悟者。

(Diễn: Đối với bản tâm của chính mình có khai ngộ to lớn).

Người như vậy tuy chẳng niệm Phật, chỉ cần tin tưởng pháp môn này, chỉ cần muốn [vãng sanh], sẽ vãng sanh. Người ấy vãng sanh bèn là Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

“Chấp Lý nhi tâm thật liễu minh, diệc bất tất luận” (tuy chấp Lý nhưng thật sự liễu giải cái tâm, cũng chẳng cần phải bàn tới nữa), chẳng cần phải nhắc tới họ! Tiếp theo đây là thảo luận về hạng người “tâm thật vị minh, phản thọ lạc không chi họa” (chưa thật sự hiểu tâm, đâm ra mắc họa chẳng đạt được gì).

(Sớ) Giả sử sinh trì cuồng huệ, đăm trước ngoan hư, u tự bốn tâm tăng vị khai ngộ, nhi khinh đàm Tịnh Độ, miệt thị vãng sanh, vi hại phi tế, sở vị: Khoát đạt không, bát nhân quả, mãng mãng dăng dăng chiêu vọng họa giả dã.

(疏) 假使騁馳狂慧，耽著頑虛，於自本心曾未開悟，而輕談淨土，蔑視往生，為害非細，所謂豁達空、撥因果，莽莽蕩蕩招殃禍者也。

(Sớ: Giả sử là kẻ cuồng huệ luông tuông, đăm chấp hư vô trợ trợ, đối với bốn tâm chưa hề khai ngộ, mà thốt lời rẻ rúng Tịnh Độ, coi rẻ sự vãng sanh, gây hại chẳng nhỏ. [Hạng người đó] gọi là kẻ khoát đạt rỗng tuếch, bài bác nhân quả, chuốc lấy tai ương, họa hại mênh mông bát ngát vậy!)

Liên Trì đại sư bàn về một hạng người, hạng người này trong hiện tại quả thật chẳng ít. Ở ngoại quốc, có nhiều nơi đang tin tưởng Thiên, tin tưởng Mật, cho rằng những môn ấy thành tựu nhanh chóng; thật ra, đại đa số những người ấy là mê muội, mù quáng tin theo. Tôi đi các nơi trong những năm qua, có không ít người giác ngộ, quay đầu niệm A Di Đà Phật. Phàm là Sự sẽ đều có Lý; quý vị phải suy nghĩ nhiều về những đạo lý ấy thử xem nói theo Lý có thông suốt hay không! Nếu quý vị muốn tu Thiên, chẳng cần phải nói tới những môn Thiên bậc cao, môn Thiên thấp nhất là Sơ Thiên trong Tứ Thiên, đấy là [Thiền Định của] Sắc Giới Thiên, chưa thoát khỏi tam giới, vẫn phải sanh tử luân hồi. Điều kiện của Sơ Thiên là gì? Thoát ly Dục Giới. Dục Giới là ngũ dục: Tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ. Khi ngũ dục hiện tiền, thật sự chẳng động tâm thì mới là Sơ Thiên. Tôi hỏi quý vị nhé: Đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, quý vị còn động tâm hay chẳng? Nếu quý vị vẫn còn động tâm, đó là khẩu đầu Thiên, dã hồ Thiên, vô ích! Vẫn phải đọa lạc trong tam đồ, chẳng đủ tư cách tham Thiên! Mọi người nghe điều này bèn sợ hãi, suy nghĩ thấy chính mình đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ sợ rằng vẫn còn động tâm, chỉ đành quay đầu niệm Phật, đối nghiệp vãng sanh. [Nếu quý vị nói]: “Tôi đã nhứt nhẽ đối với ngũ dục, lục trần nhiều lắm, nhưng vẫn chưa đoạn được”, vẫn chưa được! Quý vị vẫn ở trong Dục Giới, chưa sanh lên Sắc Giới, chẳng dễ dàng đâu nhé!

Nói tới Mật, càng rối ren, phiền phức hơn. Hiển Giáo học chưa thông, đâu có tư cách học Mật! Mật là gia hạnh (hạnh phụ thêm) của Hiển Giáo. Trong Mật Giáo nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong cái thân này), không sai! Giống như quý vị đến trường tham quan lớp học dành cho Tiến Sĩ, họ học mấy tháng bèn tốt nghiệp, lấy được học vị Tiến Sĩ. Quý vị cũng đến tham gia lớp Tiến Sĩ, hai ba tháng sau cũng lấy được học vị Tiến Sĩ, có được hay chẳng? Không được! Vì sao? Quý vị chưa học Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, lẽ nào học ngay vào lớp Tiến Sĩ cho được? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Quý vị phải hiểu: Mật Giáo được kiến lập trên cơ sở Hiển Giáo.

Nếu chúng ta hỏi: Trong tương lai có cần phải học Mật hay không? Phải học! Chẳng học Mật, sẽ chẳng thể thành Phật, nhưng học Mật khi nào? Bát Địa Bồ Tát! Ở đây nói tới Sơ Địa, vừa chứng Sơ Địa, vẫn chưa đủ tư cách! Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông vẫn chưa đủ tư cách. Vì sao? Vừa mới chứng Sơ Địa! Bát Địa Bồ Tát gọi là Bất Động Địa, mới có tư cách học Mật, vị ấy đương nhiên tức thân thành Phật. Quý vị phải tự hỏi chính mình, rốt cuộc ta là Bồ Tát thuộc địa vị nào? Phải hiểu rõ ràng! Trừ địa vị ấy ra, muốn tức thân thành Phật thì còn có cách nào khác hay chẳng? Thưa quý vị, có! Niệm A Di Đà Phật là tức thân thành Phật. Nếu quý vị không tin, hãy đọc kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử thành Phật từ nơi nhục thân, Ngài thành tựu trong một đời. Ngài tu pháp môn nào vậy? Pháp môn Niệm Phật, pháp môn niệm A Di Đà Phật. Do vậy, pháp môn Niệm Phật là pháp môn thù thắng nhất trong Phật pháp.

(Diễn) Bất chánh chi vị cuồng.

(演) 不正之謂狂。

(Diễn: Bất chánh thì gọi là cuồng).

Kẻ ấy không đi theo đường chánh, nên gọi là Cuồng.

(Diễn) Cuồng huệ giả, tuy hữu trí huệ, phi chân huệ dã.

(演) 狂慧者，雖有智慧，非真慧也。

(Diễn: Cuồng huệ: Tuy có trí huệ, nhưng không phải là trí huệ chân thật).

Những người ấy chẳng phải là không thông minh, mà rất thông minh, nhưng chẳng phải là trí huệ chân thật. Trí thông minh ấy do phân biệt, chấp trước mà có, chẳng từ cái tâm thanh tịnh lưu xuất ra.

(Diễn) Hữu tòng học vấn đắc giả, hữu tòng công phu đắc giả, hữu tòng tà sư đắc giả, chủng chủng bất đồng.

(演) 有從學問得者，有從工夫得者，有從邪師得者，種種不同。

(Diễn: Có kẻ do học vấn mà được thông minh, có kẻ do công phu mà thành thông minh, có kẻ do tà sư mà thông minh, đủ loại khác nhau).

Những kẻ ấy đều chẳng phải là trí huệ chân thật, dấu từ công phu mà có, vẫn chẳng phải là trí huệ chân thật. Vì sao? Công phu phải tương ứng với lý luận mới được. Công phu và lý luận, cảnh giới chẳng tương ứng thì trí huệ đạt được vẫn là tà tri tà kiến. Từ cổ đến nay, tu đạo cầu học vì sao cần có thầy tốt? Không có thầy tốt có được hay chẳng? Không được! Trong Đàn Kinh, đoạn chép về Vĩnh Gia đại sư có nói rất rõ ràng: “Không có thầy mà tự ngộ, trước thời Oai Âm Vương Phật thì được. Kể từ sau Oai Âm Vương Phật, không thầy mà tự ngộ, đều là thiên nhiên ngoại đạo”. Do vậy, pháp thể gian hay xuất thể gian đều phải có sư thừa, đều phải có thầy chỉ dạy. Không có thầy chỉ dạy, sẽ là tu mù, luyện đui! Nhưng trong số thầy dạy, có tà, có chánh, kinh Lăng Nghiêm nói: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”. Nếu quý vị gặp được một vị thầy tốt, quý vị rất may mắn. Chẳng dễ gì gặp được! Minh sư khó cầu! Gặp phải một vị tà sư, phiền phức rất lớn. Tà tri tà kiến có các thứ khác nhau, đó là tà huệ!

(Diễn) Trì sinh giả, đại suất vị thập phương chư Phật nhất khẩu thốn tận, hà xứ cánh mịch Di Đà, thập phương thế giới triệt để hiện phiền, hà phương biệt cầu Tịnh Độ. Tái thuyết niệm Phật cầu sanh, tảo thị bát vu an bình, đầu thượng gia đầu dã.

(演) 馳騁者，大率謂十方諸佛一口吞盡，何處更覓彌陀，十方世界徹底掀翻，何方別求淨土。再說念佛求生，早是鉢盂安柄，頭上加頭也。

(Diễn: “Sính trì”¹³ là nói chung chung: Mười phương chư Phật một miệng nuốt sạch, chỗ nào tìm được Di Đà nữa? Mười phương thế giới lật ngược hết lên, riêng cầu Tịnh Độ ở chỗ nào? Lại nói: Niệm Phật cầu sanh, đúng là lấp cán vào bát, trên đầu chổng thêm đầu).

Đây là lời lẽ của những kẻ chẳng thật sự đại triệt đại ngộ trong Thiên Tông, là hạng biết một, hiểu nửa, tự cho mình là người hành Thiên, chê cười người niệm Phật. Những lời lẽ ấy hoàn toàn nói theo mặt Lý, nói theo Lý chẳng sai! Họ nói những lời ấy, nhưng có thật sự hiểu hay chẳng? Nếu thật sự hiểu, họ sẽ chẳng thốt ra! Thật sự hiểu được thì đó lại là một cách nói, vì sao? Thật sự hiểu được Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Người ấy còn có chướng ngại, “trên đầu chổng thêm đầu” là có chướng ngại. Đã có chướng ngại thì nói cách khác, kẻ ấy chẳng thông hiểu!

Gần đây nhất, có người nêu lên chuyện chẳng thể đời nghiệp, chỉ có thể tiêu nghiệp vãng sanh! Do vậy, những người tu Tịnh Độ trong lòng hoảng hốt. Tôi vừa đến nước Mỹ, lão cư sĩ Châu Tuyên Đức liền hỏi ngay: “Làm thế nào đây? Rốt cuộc như thế nào mới là đúng, đời nghiệp vãng sanh hay tiêu nghiệp? Tôi nói với cụ: “Đời nghiệp và tiêu nghiệp là một, chẳng phải hai. Có gì đáng để kinh hoảng sợ hãi hay chẳng? Mang theo một chút, tiêu một chút. Tiêu một chút, mang theo một chút. Chỉ có Phật mới có thể không đời nghiệp. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh, vẫn là đời nghiệp! Tuy kinh luận Tịnh Độ không có văn tự nói rõ chuyện đời nghiệp, nhưng tôi hỏi cụ: Trong kinh luận Tịnh Độ có ba bậc chín phẩm hay chẳng?” Có! Đã nói ba bậc chín phẩm mà nếu chẳng đời nghiệp, lẽ nào có ba bậc chín phẩm? Mang theo ít thì phẩm vị cao, mang theo nhiều thì phẩm vị ít. Đó là nói đời nghiệp. Nếu nói tiêu nghiệp thì tiêu nghiệp nhiều phẩm vị cao, tiêu nghiệp ít, phẩm vị thấp. Tiêu nghiệp và đời nghiệp chẳng phải là một ư?

(Diễn) *Bất minh vị chi ngoan. Ngoan hư giả, tuy trước Không lý, phi Chân Không dã. Như si nhân khẩu khẩu đàm Không, phạm phu Tứ Vô Sắc Định, ngoại đạo Vô Tướng, dĩ cập Phi Phi Tướng Âm Cảnh Không Ma, nãi chí viên hư vô tâm, chủng chủng bất nhất.*

(演) 不明謂之頑，頑虛者，雖著空理，非真空也。如

¹³ Trong lời Sớ dùng chữ “sính trì”, lời Diễn Giải ghi là “trì sính”, chúng tôi dịch theo chữ được dùng trong lời Sớ.

痴人口口談空，凡夫四無色定，外道無想，以及非非想陰境空魔，乃至圓虛無心，種種不一。

(Diễn: Chẳng hiểu rõ thì gọi là “ngoan” (trơ trơ). “Ngoan hư”: Tuy chấp vào lý Không, nhưng chẳng phải là Chân Không. Như kẻ si miêng luôn bàn về lẽ Không, Tứ Vô Sắc Định của phàm phu, Vô Tướng Định của ngoại đạo, và Phi Phi Tướng, Không Ma trong Âm cảnh, cho đến vô tâm viên hư, đủ thứ khác nhau).

Đoạn này hoàn toàn nói về những cảnh giới đều được nhắc tới trong kinh Lăng Nghiêm, những cảnh giới ấy được gọi là “ngoan hư”, đây cũng là căn bệnh lớn. Họ chẳng thấy được Lý thật sự và Sự thật sự, nói cách khác, vẫn là hiểu lầm, nghe Phật pháp mà hiểu lầm ý nghĩa, hiểu lầm tông chỉ của Phật, nên mới sanh ra những bệnh ấy. “Phàm phu Tứ Vô Sắc Định” là Tứ Không Thiên, “ngoại đạo Vô Tướng Định” là sanh trong Vô Tướng Thiên, “Phi Phi Tướng Âm Cảnh Không Ma” là cảnh giới của Tứ Thiên và Tứ Không. Những người ấy tưởng những cảnh giới đó là Niết Bàn viên mãn rốt ráo, đây là một thứ hiểu lầm to lớn. Vì vậy, phàm những ai sanh vào Tứ Thiên, Tứ Không Thiên, khi thọ mạng đã hết, nhất định đọa lạc, vì sao? Họ tự cho rằng ta đã chứng đắc cảnh giới Niết Bàn, cuối cùng cảnh giới ấy diệt mất, [bèn oán trách] “Phật vốn là nói dối, lừa gạt chúng ta”, báng Phật, báng Pháp, cho nên họ bị đọa lạc. “*Chúng chúng bất nhất*” (đủ thứ khác nhau), cảnh giới rất nhiều!

(Diễn) Đam trước giả, đại suất kiên thủ chấp giả, nhất hướng nhập Không, các các tự vị thành Vô Thượng Đạo dã.

(演) 耽著者，大率堅守執者，一向入空，各各自謂成無上道也。

(Diễn: Đắm chấp: Nói chung là chấp giữ chặt chẽ, một mực nhập vào Không, ai nấy tự bảo ta đã thành Vô Thượng Đạo).

Tôi vừa mới nói những điều này!

(Diễn) Khinh đàm, vị hình u khẩu. Miệt thị, vị tồn u tâm.

(演) 輕談，謂形於口。蔑視，謂存於心。

(Diễn: “Thốt lời rẻ rúng” là thể hiện ra miệng, “coi rẻ” là nghĩ trong lòng).

“Khinh đàm” là coi rẻ, “miệt thị” là nghĩ trong lòng. Trong tâm coi thường, miệng thốt lời hủy báng, đây là nói về hạng người như vậy. “Khinh đàm Tịnh Độ” là phê bình Tịnh Độ, coi thường pháp môn này, tự cho Thiên hoặc Mật là thù thắng nhất, cao nhất, lỗi lầm ở chỗ này. “Vi hại phi tế” (gây hại chẳng nhỏ), đây là mối hại lớn. Ngày nay Thiên và Mật nhìn từ bên ngoài thấy rất thịnh hành, nhưng đối với sự tu hành trong Phật giáo gây hại không nhỏ, chúng ta phải tự hiểu điều này. Những thứ ấy đối với Phật pháp là có điều tệ, chứ không có lợi. Từ xưa đến nay, tại Trung Quốc, chánh pháp đã tồn tại lâu dài, chúng ta phải có tín tâm nơi chính mình. Hãy đọc Cao Tăng Truyện, xem ngữ lục của các tông, đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bao nhiêu người thành tựu! Đó đều là sự thật.

Hiện thời vãng sanh chính mắt chúng ta thấy, đích thân nghe, ở ngay trước mắt, mà nếu vẫn chẳng tin tưởng, chẳng còn cách nào hết! Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 35

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi bốn:

(Sớ) Vấn: Hà cố bất cứu độn nhân, phản ức lợi giả?

(疏) 問：何故不答鈍人，反抑利者。

(Sớ: Hỏi: Sao không bắt lỗi kẻ độn căn, mà ngược lại chèn ép bậc lợi căn?)

Sau khi đại sư giải thích xong, chắc cũng có người ôm lòng hoài nghi: Vì sao chẳng quở trách kẻ căn tánh trung hạ, lại đặc biệt quở trách bậc thượng căn lợi trí? “Cữu” (咎) có nghĩa là chê trách. Trong phần trước nói đến “*cuồng huệ, ngoan hư*”, những loại người ấy đều là những kẻ được coi là thông minh, trí huệ trong hiện tại. Nói thông minh thì được, chứ bảo là trí huệ thì chưa chắc, vì sao vậy? Quý vị phải hiểu: Trong nhà Phật thường nói tới “bát nạn”, tức là tám thứ nạn mà con người gặp phải. Không chỉ gây chướng ngại cho mặt Hành và Chứng, mà còn chướng ngại đối với mặt lý giải, nên gọi là “*tao nạn*” (gặp nạn). Trong tám nạn ấy, có một thứ gọi là Thế Trí Biện Thông, trong đoạn này nói về hạng người ấy, cậy vào sự thông minh và biện tài của bản thân, chẳng chịu sốt sắng tu học, chẳng chịu thật thà tu học.

(Sớ) Đáp: Lợi giả thị tài cao cử, thường vị viễn thắng độn nhân.

(疏) 答：利者恃才高舉，常謂遠勝鈍人。

(Sớ: Đáp: Kẻ lợi căn thường cậy tài, ngạo nghễ, ngã mạn, thường nói: “Ta vượt xa những kẻ độn căn”).

Đây là nguyên nhân và lý do khiến họ mắc nạn: Thường tự cho là mình thông minh, trí huệ cao cả, kết quả xôi hỏng bỏng không! Thật sự có thành tựu là những người thật thà, luôn tự cảm thấy mình chẳng bằng ai. Kẻ thường cảm thấy mình chẳng bằng ai sẽ thành tựu dễ dàng! Vì sao? Họ khiêm hư. Kẻ ngạo nghễ, ngã mạn chẳng những học Phật không thể thành tựu, mà đối với học vấn thật sự trong thế gian cũng chẳng thể thành tựu được! Trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử nói: “*Như hữu Châu Công chi tài chi mỹ*”, [nghĩa là] giả sử có người tài hoa, đức năng giống như Châu Công¹⁴, Châu Công là thánh nhân, nhưng người ấy có

¹⁴ Châu Công tên thật là Cơ Đán, là con trai thứ tư của Châu Văn Vương (Cơ Xương), em trai của Châu Vũ Vương (Cơ Phát), do được phong thái ấp ở Châu Thành (nay thuộc huyện Phụng Tường, tỉnh Thiểm Tây) nên gọi là Châu Công. Con cháu của Châu Công là người nước Lỗ, nên Châu Công còn được gọi là Lỗ Châu Công. Khi Châu Vũ Vương mất, con trai là Châu Thành Vương (Cơ Tụng) còn nhỏ, Châu Công phù tá, giữ quyền nhiếp chánh, suốt ba năm dẹp nội loạn, chế định lễ nhạc, pháp luật, chú giải kinh Dịch, đặt vững nền tảng cho Nho Giáo cũng như vương triều nhà Châu. Ông nổi tiếng là người hiền lương, trung chánh, chí công vô

khuyết điểm, “sử kiêu thả lận” (mà nếu ngạo mạn lại còn keo kiệt), ngạo mạn, coi thường người khác, keo kiệt, “kỳ dư tắc bất túc quán hĩ” (thì những điểm [tài đức] khác chẳng đáng để xét tới nữa), chẳng cần nói tới người ấy nữa! Tài hoa của kẻ đó là giả, chẳng thật. Đủ thấy ngạo mạn thì học vấn thế gian cũng chẳng thể thành tựu, huống gì Phật pháp? Tổ sư đại đức thường quở trách hạng người thông minh lợi căn ấy!

(Diễn) Bất cữu độn nhân, phản ức lợi giả, vị trước Sự độn căn, bất tri Lý tánh, ưng đương ha trách, khai kỳ huệ tánh, phá kỳ ngu mê, sử do Sự nhập Lý, khả dã. Hà nãi xả bỉ ngu phu, phản ức lợi giả?

(演) 不咎鈍人，反抑利者，謂著事鈍根，不知理性，應當呵責，開其慧性，破其愚蒙，使由事入理可也。何乃捨彼愚夫，反抑利者？

(Diễn): “Chẳng bắt tội kẻ độn căn, ngược lại chèn ép người lợi căn”, ý nói: Đối với kẻ độn căn chấp trước Sự, chẳng biết Lý tánh, lẽ ra nên quở trách, để mở mang huệ tánh, phá trừ sự ngu si, mê muội cho họ, khiến cho họ sẽ từ Sự mà nhập Lý thì mới là điều nên làm. Sao lại bỏ kẻ ngu phu ấy, ngược ngạo chèn ép người lợi căn vậy?)

Đây là ý nghĩ của người hỏi, mấy câu này nói rất rõ ràng. Người độn căn thua kẻ thông minh trí huệ, nhưng hạng người này có ưu điểm: Thật thà! “Chấp Sự”: Chấp trước Sự, [bảo họ] niệm Phật mỗi ngày niệm một vạn tiếng, họ thật thà niệm một vạn tiếng, [bảo họ] niệm hai vạn tiếng, họ thật thà niệm hai vạn tiếng, chấp Sự, chấp tướng tu hành. Lý luận của pháp môn Niệm Phật hết sức sâu, cô đại đức nói: “Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo), Đẳng Giác Bồ Tát còn chưa hiểu rốt ráo lý ấy. Đủ thấy đạo lý này rất sâu! Một cuốn kinh Di Đà mỏng tanh, chúng ta đọc cũng chẳng thấy có cảm giác gì. Thế mà bộ chú giải này của Liên Trì đại sư là hai cuốn dày cộm; nếu chúng tôi giảng mỗi ngày, cũng phải mất một năm mới có thể giảng viên mãn. Ở đây, chúng tôi có thâm âm, ba trăm ba

tư. Do vậy, ông được hậu thế xưng tụng là thánh nhân. Tông Chân Tông từng truy tặng ông tước hiệu Văn Hiến Vương, và kinh điển Nho gia thường gọi ông bằng mỹ hiệu Nguyên Thánh.

mười lăm cuốn, một bộ kinh Di Đà đấy nhé! Có giảng hết ý nghĩa được chẳng? Thưa quý vị, chỉ là nói một phần trong vạn phần của ý nghĩa kinh Di Đà mà thôi! Do đây biết: Đạo lý này sâu xa, lý luận vi diệu.

Người chẳng hiểu Lý có thể vãng sanh hay chẳng? Đây là chuyện chúng ta hết sức quan tâm. Giả sử không hiểu Lý chẳng thể vãng sanh, chúng ta sẽ gặp khó khăn trước mắt liền, chẳng biết làm cách nào mới tốt đẹp! Nói thật ra, chẳng hiểu rõ Lý cũng có thể vãng sanh, chúng ta hãy an lòng. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi sẽ lại học, học trực tiếp với A Di Đà Phật, phải như vậy thì mới có thể rốt ráo. Chẳng hiểu Lý, phẩm vị vãng sanh thấp một chút, đừng sợ! Ngược lại, chính mình đã đến thế giới Tây Phương rồi! Giống như đi học, bắt đầu từ lớp Một, không sao hết, tôi đã được vào học, có thể học hết lớp Một sẽ có thể tốt nghiệp. Người hiểu Lý phẩm vị cao một chút, có thể học nhảy lớp, có ý nghĩa như vậy. Hiểu rõ đạo lý này, một mặt phải Sự Trì, chú trọng nơi Sự Trì, một mặt nghiên cứu lý luận, lý luận có thể giúp cho chúng ta nâng cao phẩm vị, điều này hết sức trọng yếu! Nếu chỉ bàn lý luận, chẳng chú trọng Sự Trì, đâm ra sẽ mắc họa chẳng đạt kết quả gì, chẳng có phần nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Học Phật thì quý vị phải biết: Phật pháp từ đầu đến cuối lấy trí huệ làm mục tiêu, như câu nói: “*Do Giới sanh Định, do Định khai Huệ*”. Trí huệ mở mang sẽ có thể phá mê, khai ngộ, lia khổ, được vui. Do vậy, học Phật phải mở mang trí huệ. Pháp môn Niệm Phật tợ hồ chú trọng cầu nguyện vãng sanh, chẳng chú trọng mở mang trí huệ. Do vậy, có những kẻ coi thường pháp môn này, cho rằng Thiền và Giáo cao minh hơn rất nhiều. Thật ra là hiểu lầm! Trí huệ do đâu mà khai? Từ tâm thanh tịnh mà khai, tâm đã thanh tịnh bèn khởi tác dụng là trí huệ. Những người có học vấn trong thế gian và xuất thế gian thường ví tâm ta như nước, tức tâm thủy. Khi nước bất động, chẳng có sóng mòi, bình tịnh, nó có tác dụng giống như tấm gương soi rõ ràng cảnh giới bên ngoài, đó gọi là trí huệ. Tâm thủy trong tâm dấy lên sóng mòi, vẫn có tác dụng, cũng soi được cảnh giới bên ngoài, nhưng soi thành méo mó, vặn vẹo, chẳng hoàn chỉnh. Hiện thời, tâm thủy của chúng ta dấy lên sóng mòi, phiền não nặng là gió to, sóng cả; phiền não nhẹ là gió nhỏ, sóng bé, nói chung là chẳng bình tịnh. Do vậy, đối với hết thảy sự lý thế gian và xuất thế gian, ta cũng biết được phần nào, chẳng hoàn chỉnh. Do biết phiền diện, nên dễ phát sanh hiểu lầm. Chẳng hạn như biết mặt này, chẳng biết mặt kia, chấp trước mặt này, phủ định mặt khác, đó là lầm lỗi. Chẳng thể thấy mọi mặt được, đó chính là vì tâm thủy của chúng ta dấy lên sóng mòi.

Thưa quý vị, pháp môn Niệm Phật chú trọng tu Định, khởi sự từ chỗ này. Nhất tâm bất loạn là Định, nhưng phương pháp này lại hết sức thuận tiện. Thưa quý vị, công phu chân chánh chẳng phải ở nơi công khóa sáng tối. Quý vị ấn định công khóa sáng tối: Buổi sáng niệm một quyển kinh Di Đà, niệm mấy ngàn câu Phật hiệu, điều này cố nhiên rất quan trọng, dưỡng thành thói quen niệm Phật. Thế nhưng công phu ấy phải được vận dụng trong cuộc sống thường nhật. Nếu quý vị không vận dụng được, sẽ giống như đi học tốt nghiệp xong, ra ngoài đời không sử dụng được, sở học vô dụng! Đây chẳng phải là uổng công học hành ư? Nếu quý vị vận dụng công khóa sáng tối vào cuộc sống, suốt ngày từ sáng đến tối đãi người, tiếp vật, khởi tâm, động niệm, chớ để công phu ấy gián đoạn, giữ cho một câu Phật hiệu miên mật giống như kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Ức (憶) là gì? Trong tâm có, trong tâm thường nghĩ đến Phật, nơi miệng thường niệm Phật. Đặc biệt là khi phiền não dấy lên, khi ý niệm vừa dấy lên, chẳng cần biết thiện niệm hay ác niệm, chỉ cần ý niệm dấy lên, ngay lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật. Đó gọi là công phu. Đây là quý vị vận dụng công khóa sáng tối vào cuộc sống, công phu đặc lực. Nói cách khác, quý vị chẳng thể có ý niệm nào khác, chỉ có một ý niệm. Hễ nó dấy lên, ý niệm thứ hai bèn là A Di Đà Phật, chẳng để cho vọng niệm tiếp nối. Một thời gian lâu sau, tâm quý vị sẽ dần dần định.

Do vậy, pháp môn này chú trọng tu Định, đặc biệt là trong giai đoạn hiện tại, nói thật ra, đây là công phu ổn thỏa, thích đáng, thực tiễn. Quý vị đừng ham cao chuộng xa, chỉ cầu nội tâm bình lặng. Tâm tĩnh đến cùng cực, trí huệ sẽ mở mang. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Tịnh cực, quang thông đạt*” (Tĩnh đến cùng cực thì quang minh (trí huệ) sẽ thông đạt). Quang ấy chính là trí huệ, sẽ thông đạt. Do vậy, công phu niệm Phật gồm ba giai đoạn. Tầng thứ nhất là công phu thành phiến, công phu gom thành một khối, ép thành một khối giống như chúng tôi vừa mới nói: Trong tâm quý vị vừa dấy lên một ý niệm, lập tức đổi nó thành A Di Đà Phật. Đó là sức mạnh của Phật hiệu, chế phục vọng niệm, chẳng cho nó dấy lên, ép thành một khối. Đạt đến cảnh giới ấy sẽ có thể vãng sanh, sẽ có phần trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Có những đồng tu thường đến hỏi: “Con phiền não, nghiệp chướng quá nặng, tạo tội nghiệp quá sâu, có thể vãng sanh hay chăng?” Người ấy rất hoài nghi, tội nghiệp trong đời này, tội nghiệp trong đời trước, tội nghiệp trong nhiều đời, nhiều kiếp, làm thế nào đây? Có được

vãng sanh hay chẳng? Nếu quý vị thường hoài nghi như thế, quả thật là đại chướng ngại. Chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tức là chương nói về phép Quán thứ mười sáu, đức Phật đã giảng: Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung mười niệm hay một niệm, đều có thể vãng sanh. Tôi nghĩ, các đồng tu tuy tạo tội nghiệp, vẫn chưa tội nặng đến mức đó! Vấn đề là một niệm khi lâm chung của quý vị có đúng là Phật hiệu hay không? Vấn đề ở chỗ này! Nếu một niệm lúc lâm chung đích xác là Phật hiệu, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, đã phát nguyện, lại chịu niệm, chắc chắn vãng sanh. Liên Trì đại sư và Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng, bản thân chúng ta phải tin tưởng!

Do vậy, lúc bình thường niệm Phật công phụ thành phiên, đây thật sự là sám trừ nghiệp chướng, gọi là “*chân sám hối*”. Quý vị hiểu nghiệp chướng là gì? Trong tâm có ý niệm là nghiệp chướng. “*Chân tâm vô niệm*”: Trong chân tâm không có ý niệm, không có vọng niệm. Hễ khởi tâm động niệm thì đều là vọng tâm, vọng tâm là nghiệp chướng, là sanh diệt tâm. Do đây, có thể biết rằng: Niệm một câu Phật hiệu nhằm chế phục vọng niệm, tiêu nghiệp chướng, sám trừ nghiệp chướng. Niệm niệm sám trừ nghiệp chướng, niệm niệm Định - Huệ viên mãn, còn có pháp môn nào thù thắng hơn pháp môn này? Tôi học Phật ba mươi mấy năm, chưa tìm ra bất cứ pháp môn nào thù thắng hơn pháp môn này. Điều này là chân thật, chẳng hư dối; nhưng phải hiểu Lý. Không hiểu rõ Lý, tuy vẫn có thể vãng sanh, nhưng nó gây chướng ngại khiến phẩm vị của quý vị sẽ cao hay thấp. Do vậy, càng hiểu rõ Lý càng tốt. Chẳng thể hiểu Lý thì Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng được, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lo chuyện ấy cũng được. Tốt nhất là Lý và Sự quân bình, đó là lý tưởng nhất, Định và Huệ dễ dàng thành tựu. Có thể thấy là đại sư hoàn toàn chẳng bỏ những kẻ độn căn, Ngài nói rất có lý.

(Diễn) Cái dĩ độn nhân tự tri bất như, cân cân tự thủ, vô kiêu, vô thị, vô quá, vô phi.

(演) 蓋以鈍人自知不如，斤斤自守，無驕無恃，無過無非。

(Diễn: Ấy là vì người độn căn tự biết chẳng bằng ai, tự giữ gìn cẩn thận từng chút một, chẳng kiêu ngạo, chẳng ý y, không lỗi, không sai).

Nhất định vãng sanh. Do vậy, thường là người thông minh chẳng bằng kẻ ngu! Quả thật, ít có kẻ thông minh hay có tri thức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, do họ có nhiều chướng ngại. Những bà cụ không biết chữ, chẳng hiểu biết gì, rất dễ vãng sanh! Họ chính là những người được nói tới ở đây. Những kẻ có học vấn, đúng như cổ nhân đã nói: “*Thông minh phản bị thông minh ngộ*” (Thông minh đâm ra bị thông minh gây lầm lạc), chẳng bằng bà cụ già, “*vô kiêu, vô thị, vô quá, vô phi*” (không kiêu, không ý mình, không lầm lỗi, không sai trái), thật thà niệm Phật, bà ta thật sự vãng sanh.

(Diễn) Lợi giả bất nhiên, cố ức chi dã.

(演) 利者不然，故抑之也。

(Diễn:) *Kẻ lợi căn không như vậy, cho nên phải chèn ép họ.*

Người lợi căn chẳng thật thà; do vậy, họ học này nọ hết sức khó khăn. Tuy thông minh một chút, nhưng thông minh không được sử dụng đúng đắn, đây là khuyết điểm của họ. Sự quở trách ở đây mang ý nghĩa ấy.

Chúng ta quay lại xem lời Sớ, lời đáp là “*lợi giả ý tài cao cử*” (kẻ lợi căn thường ý tài, cao ngạo), “*cao cử*” là ngạo nghễ, ngã mạn, “*thường vị viễn thắng độn nhân*” (thường nói mình vượt xa kẻ độn căn), tự cho mình là đúng, nghĩ mọi người chẳng sánh bằng mình.

(Sớ) Kim vị thử thuyết, sử chi họa hổ phát tự, phản lạc nhất trù.

(疏) 今為此說，使之畫虎弗就，反落一籌。

(Sớ:) *Nay vì hạ người này mà nói, khiến cho họ là những kẻ vẽ cọp chẳng thành, đâm ra thua mất một thè¹⁵.*

¹⁵ “Thua một thè” có nghĩa là thua kém. Trù (籌) là cái thè dùng để đếm, hay tính toán thời cổ. Trong sách A Di Đà Kinh Sớ Sao Sự Nghĩa, Liên Trì đại sư giải thích như sau: “*Trù là tính toán. Trương Lương nói: “Thỉnh tá tiền trợ, trù chi” (Xin mượn đôi đũa để tính toán) là dùng theo ý này. Lại nữa, cổ nhân chơi bài phạt kẻ thua uống rượu, dùng thè để ghi nhớ hình phạt. Dương Toán chẳng đồng ý với hình phạt của Doãn Quân, muốn sửa đổi, bèn cầm bút, trầm ngâm, hồi lâu sau nói: “Toán thua một thè”.*”

Tôi vừa mới nói ý nghĩa này!

(Sớ) Ký bỉ tri phi, hồi tâm niệm Phật, phi viết ức chi, thật tích chi nhĩ.

(疏) 冀彼知非，回心念佛，非曰抑之，實惜之耳。

(Sớ: Mong họ biết sai, hồi tâm niệm Phật, chứ không phải là chèn ép họ, thật ra là tiếc nuối cho họ).

Hai câu này nói quá hay, chẳng phải là chê trách, hạ thấp họ, mà thật ra là tiếc nuối giùm họ: Người thông minh trí huệ chịu niệm Phật, phẩm vị chắc chắn chẳng thuộc Trung Hạ phẩm. Lần này, tại Los Angeles, tôi gặp dịp cư sĩ Sử Hoằng Hy vãng sanh. Cụ năm nay bảy mươi bảy tuổi, viết di chúc rõ ràng, bảo với vợ: “Tôi biết trước lúc mất, không bị bệnh”. Trước hôm cụ qua đời một ngày, [nói mình] sắp về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bà vợ không tin, bảo ông cụ ăn nói lảng nhãng. Ngày hôm sau, cụ vãng sanh. Buổi sáng hôm sau rất bình thường, sáng dậy ăn điểm tâm, đến trưa, bà cụ nấu cho chồng một chén bạch mộc nhĩ, cụ cũng ăn, mười một giờ rưỡi qua đời. Quý vị thấy đó, rất tự tại! Năm trước, ở Hương Cảng, tôi cũng gặp một vị lão cư sĩ, tám mươi mấy tuổi, cụ biết trước lúc mất một tháng, báo tin cho pháp sư Sướng Hoài. Tôi tin cư sĩ Sử Hoằng Hy tuyệt đối chẳng phải là đến ngày hôm trước mới biết, tôi tin cụ nhất định đã biết từ sớm, thật đấy, chẳng giả tí nào! Cụ sang thế giới Tây Phương làm Phật. Những người ấy đều là tấm gương sống động cho chúng ta, phải thật sự buông xuống mới đạt được cảm ứng. Đây là người niệm Phật thành công. Chẳng chịu thật thà tu, chẳng chịu buông xuống, tức là tự mình chướng ngại chính mình. Do vậy, lời lẽ này của đại sư quả thật là mền tiếc những kẻ thông minh trí huệ, đặc biệt nhắc chúng ta: Niệm Phật phải chú trọng Sự Trì, ngàn vạn phần đừng nên chấp Lý phé Sự, kéo hỏng mất. Phải biết trong thời kỳ Mạt Pháp, thật sự thành tựu chỉ có pháp môn này.

Trước mắt, Điền phu nhân cũng là một tấm gương tốt, cũng có rất nhiều người quý vị biết bà ta, tức cư sĩ Diệp Mạn¹⁶! Tôi biết bà ta chưa

¹⁶ Bà Diệp Mạn (tên thật là Lưu Thế Luân), người Hồ Nam, sanh năm 1914, vợ ông Điền Bảo Đại, được coi là một chuyên gia văn hóa quán thông Nho - Đạo - Phật của Đài Loan. Ông Điền, chồng bà ta, từng làm đại sư tại Mỹ, Nhật, Phi Luật Tân, Úc v.v... Bà ta sáng lập Văn Hiền Học Hội nhằm truyền bá Tam Giáo, thành lập Văn Hiền Thư Viện tại Los Angeles, mỗi năm mở nhiều khóa giảng Tứ Thư, Đạo Đức

lâu, tuy nghe nói bà ta rất nổi tiếng, nhưng trước kia tôi không biết người này. Tôi từng nghe người khác kể, trước kia, khi bà ta giảng giải Phật Học bèn hủy báng Tịnh Độ, bảo Tịnh Độ chẳng đáng một đồng, bà ta học Thiên. Năm ngoái, tôi sang giảng kinh ở Los Angeles, bà ta đến nghe một lần, sau đấy trở về Đài Loan, bà ta thường đến nghe kinh, nghe xong, bảo tôi: “Tôi nghĩ mà rất hổ thẹn, đại khái là trừ niệm Phật ra, không có con đường thứ hai nào để đi cả!” Năm nay tôi ở Mỹ, bà ta cũng đi các nơi giảng giải Phật học, bà nói khác hẳn lúc trước một trăm tám mươi độ, hoàn toàn tán thán Tịnh Độ, chẳng giảng Thiên, thật chẳng dễ dàng!

Tịnh Độ thành tựu là đời nghiệp vãng sanh, là công phu thành phiền, thứ công phu này mỗi cá nhân chúng ta đều có thể làm được, thật sự có thể thành tựu. Thiên và Mật, theo tôi thấy đều chẳng thể thành tựu. Chắc cũng có vị muốn nói: “Thầy chưa hề tham Thiên!” Tuy tôi chưa hề tham Thiên, nhưng khẩu đầu Thiên rất cao minh! Trong nhà Thiên, trọng yếu nhất là kinh Kim Cang, Lục Tổ Đàn Kinh, Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư, Thiên Tông Tập, Đại Châu Hòa Thượng Ngũ Lục, tôi đều giảng nhiều lần. Do vậy, nói tới Khẩu Đầu Thiên, không ai sánh bằng tôi, tôi biết giảng, nhưng quý vị hỏi tôi: “Làm được hay không?” Thưa quý vị, tôi không làm được! Tôi nói được, nhưng không làm được. Tôi nói thật với quý vị, đừng nói tới những thứ Thượng Thượng Thiên xuất thế gian, Thiên Định thấp nhất trong thế gian tôi làm chưa được, đều chẳng dễ gì tu tập được.

Trong Thiên, thấp nhất là Sơ Thiên Thiên của Sắc Giới, tách khỏi Dục Giới. Dục Giới là gì? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tiếng tăm, lợi dưỡng. Những thứ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bày ra trước mắt, quý vị có còn động tâm hay chẳng? Nếu vẫn còn động tâm, Thiên của quý vị là Khẩu Đầu Thiên, là Dã Hồ Thiên, tôi cũng nói được mà! Quý vị động tâm thì nói cách khác, quý vị chẳng rời khỏi Dục Giới, chẳng thể vượt thoát Dục Giới trong tam giới! Pháp sư Quảng Khâm suốt đời tham Thiên, nay dạy người khác niệm Phật. Lão hòa thượng Hư Vân trong cuốn Khai Thị Lục cuối cùng của Ngài, hơn chín mươi phần trăm là khuyên người khác niệm Phật.

Kinh và kinh Phật. Bà ta cũng dạy học tại đại học Phụ Nhân tại Đài Loan, kiêm chủ biên tờ Phụ Nữ Tập Chí.

Mật lại càng chẳng cần phải nói nữa. Những thói tề của Mật rất nhiều, không cách nào kể xiết¹⁷. Thầy của tôi là Thượng Sư Mật Tông, Phật pháp của tôi được Chương Gia đại sư đặt vững nền tảng, tôi theo học với Ngài ba năm. Do vậy, những lẽ lỗi trong Mật Tông tôi hoàn toàn biết rõ. Không phải là tôi không hiểu, tôi cũng hiểu, tôi cũng là kẻ rất am hiểu! [Mật Tông] chắc chắn chẳng phải là kẻ sơ học mà hồng tu được! Mật và Thiên có tốt hay không? Tốt chứ! Quá tốt! Có phải học hay không? Phải học! Khi nào học? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới học. A Di Đà Phật là vị Kim Cang Thượng Sư cao minh nhất, học với Ngài, tuyệt đối chẳng bị đi vào ngõ rẽ, con đường này ổn thỏa, thích đáng hơn nhiều! Hiện thời, trong thế gian này, tìm một vị thầy, trong kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni nói rất hay, trong thời đại hiện tại, “*tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, yêu ma quỷ quái đều xuất gia, đều mặc ca-sa, đều dùng thân phận đại pháp sư xuất hiện trong thế gian, đều là yêu ma, quỷ quái, quý vị học với họ, lẽ nào chẳng lạc đường?

Do vậy, ngày nay tìm thầy khó lắm! Có người hỏi: Ông chẳng phải là yêu ma quỷ quái ư? Lẽ nào ông là thiện tri thức thật sự ư? Tôi thưa với quý vị, tôi chẳng phải là thiện tri thức, cũng chẳng phải là yêu ma, quỷ quái. Tôi giảng kinh ở các nơi, tôi chẳng dám tự nhận lấy thân phận làm thầy, chúng ta là đồng học. Chúng ta có thầy, thầy là ai? Là Liên Trì đại sư. Bản chú giải này là của Liên Trì đại sư, chúng ta tôn Liên Trì đại sư làm thầy. Nay tôi ở đây cùng với quý vị nghiên cứu lời giáo huấn của thầy, vị thầy này khá lắm! Năm trăm năm trước mọi người đều công nhận Ngài là thiện tri thức. Ngoài vị thầy này ra, còn có một vị thầy nữa: Ấn Quang đại sư. Nay chúng ta học với hai vị: Học theo ngài Liên Trì và ngài Ấn Quang. Do vậy, chúng ta đọc tụng, nghiên cứu, thảo luận, phạm vi giới hạn trong Liên Trì Đại Sư Toàn Tập và Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Chúng ta có hai thứ ấy, quyết định có thể vãng sanh, quyết định chẳng bị hồng chuyện.

¹⁷ Xin lưu ý ở đây Hòa Thượng không hề chê bai Mật Tông, Ngài chỉ chê thói tề của những người mạo danh tu Mật Tông. Nhất là hiện thời có những người học được một hai pháp, được “quán đánh danh nghĩa” (tức là tham dự các buổi empowerment nhằm kết duyên) của các Lạt-ma Tây Tạng, bèn ngộ nhận đã được quán đánh đúng pháp, lập tức lập tông, lập phái, lập đạo tràng, tự xưng là Thượng Sư hay Pháp Vương để quán đánh, truyền pháp cho người khác, lập ra rất nhiều dị thuyết, không giữ giới luật, thậm chí mạo nhận mình là hóa thân của vị này vị nọ, gây tổn hại rất lớn cho Mật Tông nói riêng và Phật pháp nói chung.

Do vậy, tôi với mọi người có thân phận đồng học, tôi học sớm hơn quý vị vài năm, chỉ như thê mà thôi! Phải nhận biết đường lối rõ ràng, thầy đã chọn chắc rồi! Người hiện thời thì sao? Tôi là phàm phu mắt thịt, tôi nhìn không ra, chẳng dám, vạn nhất gặp phải yêu ma quỷ quái, làm thế nào bây giờ? Chẳng phải là hồng mắt đại sự ư? Vì thế, đối với người hiện thời, chúng ta không có huệ nhãn để chọn lựa, chúng ta tìm cổ nhân. Cổ nhân được mọi người công nhận, tìm cổ nhân tôn làm thầy, làm tư thực đệ tử của cổ nhân sẽ không mắc khuyết điểm quá lớn, chúng ta có thể an tâm. Do vậy, nếu quý vị hỏi “thầy của ông là ai?” Thầy của tôi là Liên Trì đại sư, mọi người chẳng nói gì được nữa!

Tam, kết thán.

(Tự) Toại sử thùy thủ đồ cần, ý môn không vọng, thượng cô Phật hóa, hạ phụ kỷ linh, kim sanh dĩ cập đa sanh, nhất ngộ nhi thành bách ngộ, cam tâm khổ thú, thúc thủ tử môn, vô cứu, vô quy, khả bi, khả thông.

三、結歎。

(序) 遂使垂手徒勤，倚門空望，上孤佛化，下負己靈。今生以及多生，一誤而成百誤，甘心苦趣，束手死門，無救無歸，可悲可痛。

(Ba, kết lại lời than thở.

Tự: Khiến cho [đáng Từ Phụ] uổng công siêng khổ đuổi tay [tiếp dẫn], tựa cửa ngóng nhìn sông, trên cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc linh tánh của chính mình, đời này cùng nhiều đời, làm lần một điều thành trăm điều lầm lẫn, cam lòng ở trong ngõ khổ, bó tay nơi cửa tử, không được cứu, không chỗ quay về, đáng buồn, đáng đau thay!)

Đây là tổng kết ý nghĩa của đoạn văn trước đó: Những kẻ tự cậy mình thông minh, chẳng thuộc loại cuồng huệ thì cũng là tu mù, thật đáng tiếc! Mấy câu này của đại sư cảm thán vô hạn.

(Diễn) Toại sử thùy thủ đồ cần giả.

(演) 遂使垂手徒勤者。

(Diễn: Khiến cho [đàng Từ Phụ] uổng công siêng khổ duỗi tay [tiếp dẫn]).

Câu này nói về A Di Đà Phật.

(Diễn) Di Đà từ phụ, chung nhật thùy kim sắc tỳ, tiếp dẫn niệm Phật chúng sanh, chúng sanh bất khảng niệm Phật, thị thùy thủ đồ cần.

(演) 彌陀慈父，終日垂金色臂，接引念佛眾生，眾生不肯念佛，是垂手徒勤。

(Diễn: Di Đà từ phụ, suốt ngày duỗi cánh tay sắc vàng, nhằm tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật, nhưng chúng sanh chẳng chịu niệm Phật, đó là “uổng công siêng năng duỗi cánh tay”).

Quý vị nhìn thấy tượng A Di Đà Phật duỗi tay, thời thời khắc khắc mong quý vị đến, quý vị chẳng chịu đến, có cách nào bây giờ? Quý vị phải chịu đến, phải niệm Phật. Pháp môn này chỉ cần đầy đủ ba điều kiện: Tín, Nguyện, Hạnh. Đầy đủ ba điều kiện này, chắc chắn vãng sanh. Ba điều kiện này là nội dung của bộ kinh này. Do vậy, chúng ta tốn thời gian mấy năm để nỗ lực nghiên cứu, thảo luận bộ kinh này rất đáng công! Hiểu rõ lý luận, sẽ hiểu phương pháp, tin sâu, phát nguyện, y giáo phụng hành, một đời này của chúng ta là thân cuối cùng luân hồi trong sáu nẻo của thế giới Sa Bà, đời sau chẳng luân hồi nữa, đời sau vượt thoát lục đạo. Chuyện này rất có ý nghĩa, chúng ta mới thật sự chẳng bỏ uổng đời này. Con người sống trong thế gian này, những “được, mất” trong thế gian này là giả, chẳng thật, được sanh về thế giới Tây Phương là thật, chẳng giả! Do vậy, nhất định phải hiểu rõ chân - giả, thị - phi.

(Diễn) Di Đà chung nhật vọng chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ, như từ mẫu ý môn vọng tử, chúng sanh bất khảng niệm Phật, thị y môn không vọng.

(演) 彌陀終日望眾生求生淨土，如慈母倚門望子，眾生不肯念佛，是倚門空望。

(Diễn: Phật Di Đà suốt ngày mong chúng sanh cầu sanh về Tịnh Độ như mẹ hiền tựa cửa ngóng chờ con, chúng sanh chẳng chịu niệm Phật là “tựa cửa ngóng nhìn sông”).

Đây là nói tỷ dụ. Mấy câu dưới đây là nói theo phương diện biểu thị pháp. Biểu thị pháp rất trọng yếu; hiểu những pháp được biểu thị thì mới thật sự hiểu được nghĩa thú trong bộ kinh này.

(Diễn) Nhược ước Lý quán giả.

(演) 若約理觀者。

(Diễn: Nếu nhìn theo mặt Lý thì...)

Nhìn từ mặt Lý.

(Diễn) Thủ biểu đề huê chi bi.

(演) 手表提攜之悲。

(Diễn: Tay biểu thị lòng bi nâng đỡ).

Bi tâm, [Phật duỗi tay] biểu thị đại từ đại bi.

(Diễn) Mục biểu chiếu liễu chi Trí.

(演) 目表照了之智。

(Diễn: Mắt biểu thị Trí chiếu soi thấu suốt).

Con mắt biểu thị trí huệ. Tay là tay từ bi, mắt là mắt trí huệ.

(Diễn) Đồng thể chi bi, bất ly chúng sanh, vi thùy thủ thâm uyên. Tự nhiên chi trí, biến tại lục thú, vi ý môn vọng tử.

(演) 同體之悲，不離眾生，為垂手深淵。自然之智，遍在六趣，為倚門望子。

(Diễn: Lòng Bi đồng thể, chẳng lìa chúng sanh, là duỗi tay xuống tận vực sâu. Trí tự nhiên trọn khắp sáu đường là tựa cửa ngóng chờ con).

Mấy câu này thật sự rất quan trọng, nói rõ mối quan hệ giữa A Di Đà Phật và chúng ta. Nếu mối quan hệ này chẳng mật thiết, chúng ta sẽ hoài nghi Ngài: Ngài muốn tôi đến nơi đó là vì ý gì? Tôi còn suy xét, so đo, để khỏi bị Ngài lừa! Trước hết, phải hiểu rõ mối quan hệ, nếu đó là người thân của chúng ta như cha mẹ, quý vị sẽ an tâm, chẳng còn phải đắn đo nữa. Vậy thì A Di Đà Phật rốt cuộc là người như thế nào đối với chúng ta? Ngài và chúng ta có cùng một Thể. Nói ra điều này chắc mọi người rất khó tin tưởng! Quả thật chẳng dễ gì tin tưởng được! Nhưng câu nào trong kinh điển cũng là lời chân thật, tuyệt đối chẳng phải là vọng ngữ. Nếu muốn hiểu rõ chuyện này, phải đổ công sức kha khá nơi bộ Di Đà Sớ Sao này. Một bộ Di Đà Sớ Sao là đủ rồi! Nói thật ra, những lý luận ấy nằm trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác, nhưng kinh văn của các bộ đại kinh, đại luận hoàn toàn được trích dẫn trong bản chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao này. Do vậy, quý vị đọc bộ này là đủ rồi, chẳng cần phải đọc những bộ đại kinh, đại luận nữa, có bộ sách này là được rồi!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). Mười pháp giới, trên từ Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, dưới là lục đạo chúng sanh, được gọi là mười pháp giới. Mười pháp giới do đâu mà có? Từ tự tánh của chúng ta biến hiện ra. A Di Đà Phật và Tây Phương Tịnh Độ chẳng ra ngoài lẽ ấy, từ tự tánh giác của chúng ta biến hiện ra. Hiện tại, thế giới Sa Bà của chúng ta cũng do tự tánh biến hiện ra, do tự tánh mê biến hiện ra. Trong tự tánh của chúng ta có mê và ngộ, giác thì biến hiện thành cảnh giới của Phật, Bồ Tát; mê thì biến hiện thành cảnh giới của lục đạo luân hồi. Trong khóa tụng chúng ta cũng đọc thấy: “*Tam thể nhất thiết Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ*” (Ba đời hết thảy Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ), hoàn toàn nói về tự tánh. Do vậy, nói theo tự tánh thì gọi là lòng Bi đồng thể.

Chúng ta và A Di Đà Phật có cùng một bản thể, Triết Học hiện đại gọi [bản thể ấy] là bản thể của nhân sinh vũ trụ. Chúng ta có cùng một bản thể, cùng một căn bản. Do vậy, gọi là “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”, “duyên” là điều kiện, “từ” là yêu thương. “Vô duyên” là không có điều kiện, là từ bi thật sự. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ đồng thể cho lắm, chúng tôi nêu lên một tỷ dụ. Ví như tay trái của chúng ta bị muỗi chích, tay phải liền xua đuổi nó. Tay phải giúp đỡ tay trái, vì sao tay phải muốn giúp đỡ? Đồng thể!

Chúng ta và A Di Đà Phật có quan hệ như vậy, A Di Đà Phật rõ ràng đồng thể với chúng ta. Chúng ta nghĩ Ngài chẳng đồng thể với chúng ta, đã quên sạch rồi; thật ra, thật sự là đồng thể, quan hệ hết sức thân mật, nên Ngài mới thường duỗi tay tiếp dẫn chúng ta, nhưng bản thân chúng ta mê mắt, quên tuốt, chẳng thừa nhận.

(Diễn) *Đồ cần không vọng, thị Chân Như nội huân vô minh, nhi vô minh toàn bất cố Chân Như đã.*

(演) 徒勤空望，是真如內熏無明，而無明全不顧真如也。

(Diễn): “Uổng công siêng năng, ngóng chờ suông” là Chân Như hun đúc vô minh bên trong, nhưng vô minh hoàn toàn chẳng đoái hoài Chân Như).

“Chân Như nội huân vô minh” là A Di Đà Phật tiếp dẫn; “vô minh toàn bất cố Chân Như” là chúng ta chẳng muốn niệm Phật, chẳng cầu vãng sanh. Đây là nói theo Lý, nhưng cần hiểu rằng: Lý là Lý trong Sự, Sự là Sự trong Lý, Lý và Sự là một, chẳng phải hai. Hiểu rõ Lý, quý vị mới tin tưởng Sự này; có tin tưởng Sự này thì mới có thể thông đạt Lý. Như vậy thì mới có thể thật sự đạt đến Lý Sự vô ngại.

Chúng sanh mê hoặc, điên đảo, cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, “*thượng cô Phật hóa*” (trên phụ bạc sự giáo hóa của Phật), chữ Phật ở đây chỉ hai vị Phật: Thứ nhất là phụ bạc Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta, chúng ta chẳng nghe, tự cho mình là đúng, đó là cô phụ sự giáo hóa của Phật. Đối với chúng sanh, đức Phật giáo hóa mỗi người mỗi khác. Ví như cha mẹ dạy con cái, cá tánh và tính tình của mỗi đứa con khác nhau. Có đứa rất vâng lời, có đứa rất lì lợm. Do vậy, chẳng thể dùng một phương pháp để dạy bảo chúng nó. Đối với chúng sanh rất vâng lời, dạy kẻ ấy niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, chẳng cần phải nhọc lòng, nhất định thành tựu. Đối với chúng sanh rất lì lợm, dùng đủ mọi phương pháp để điều phục kẻ ấy, rất cực lòng! Phải tốn một thời gian dài mới có thể thành tựu. Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng: “*Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu; thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”. Nay chúng ta đang sống trong thời kỳ Mạt Pháp, nếu quý vị tu Tịnh Độ là rất vâng lời. Nếu quý vị học Thiên, học

Giới, tức là không chịu nghe lời, cô phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đồng thời lại cô phụ A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật hằng ngày trông ngóng chúng ta sanh về Tây Phương, chúng ta chẳng chịu về. Nhất định phải hiểu rõ nỗi khổ tâm của Phật, Bồ Tát. Do vậy, trên chẳng xứng với Phật, dưới chẳng xứng với chính mình. Nếu chính mình không có cơ duyên này thì chẳng nói làm chi, cơ duyên khó có được! Thật sự đúng như trong bài Khai Kinh Kệ đã nói, “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”. Đời này, chúng ta thật sự nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nên mới gặp được duyên phận này, quả thật chẳng dễ gì gặp được! “Hạ phụ kỷ linh” (dưới là phụ bạc linh tánh của chính mình), chúng ta gặp được, nếu chẳng chịu học đàng hoàng, tức là cô phụ chính mình.

Nếu quý vị suy nghĩ nhiều phen, [sẽ thấy] cửa Phật rộng lớn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, cơ sao quý vị gặp được một môn này? Đúng là chẳng dễ dàng. Do vậy, gặp được thì phải thật sự tu. Quý vị chẳng chịu nỗ lực, [tức là] cô phụ chính mình đấy!

(Diễn) Kim sanh, đa sanh, nhất ngộ bách ngộ giả, kim sanh ngộ thử thù thắng pháp môn.

(演) 今生多生，一誤百誤者，今生遇此殊勝法門。

(Diễn: “Đời này, nhiều đời, làm một, làm cả trăm”: Đời này gặp được pháp môn thù thắng này).

Thật đúng là thù thắng.

(Diễn) Như cửu khách tha hương, sạ văn gia tín, ưng đương dũng mãnh tinh tấn, cầu nguyện vãng sanh.

(演) 如久客他鄉，乍聞家信，應當勇猛精進，求願往生。

(Diễn: Như khách xa quê lâu ngày, vừa mới nghe tin nhà, hãy nên dũng mãnh, tinh tấn cầu nguyện vãng sanh).

Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, đây là nỗi sỉ nhục không chi lớn bằng! Những người cùng ở với chúng ta trong thuở ấy, ai sẽ thành Phật thì đã thành Phật, ai nguyện làm Bồ Tát thì đã là Bồ Tát, chúng ta vẫn ở trong sanh tử luân hồi, chúng ta phải nên cảnh giác điều này. Đừng nói đời quá khứ, hãy nói về đời hiện tại này,

trong số các đồng tu, tôi vừa mới nhắc tới cư sĩ Sử Hoảng Hy, cụ đã vãng sanh, đã giải thoát rồi, đúng là lìa khỏi tam giới lục đạo. Nay chúng ta vẫn chưa xuất ly! Sử cư sĩ cả đời thất ý trên con đường công danh: Sau khi đất nước độc lập, cụ làm tư lệnh quân đồn trú ở Cơ Long; tiên sinh Bành Mạnh Tập làm tư lệnh quân đội đồn trú ở Cao Hùng, đường công danh rất đặc ý, còn đường công danh của cụ Sử chẳng thuận lợi! Sau khi làm tư lệnh quân đồn trú, cụ làm sĩ quan tham mưu cao cấp tại Bộ Quốc Phòng mãi cho đến khi nghỉ hưu. Suốt đời chẳng toại chí. Do vậy, cụ thật thà niệm Phật, nay cụ đã thành Phật, chúng ta đâu thể sánh bằng!

Vì thế, được hay mất không nhất định, mất cái này, được cái khác. Cái mà cụ thật sự đạt được lần này không một ai có thể sánh bằng. Đây là một vị đồng tu ở ngay trước mắt chúng ta, chúng ta phải nỗ lực theo gót cụ, chớ nên tụt hậu. Nếu chúng ta vãng sanh, vẫn phải bị bệnh một trận rồi mới vãng sanh thì chúng ta vẫn chẳng bằng cụ, cụ không bị bệnh! Đây mới là chẳng cô phụ chính mình, mới là chẳng cô phụ những vị lão đồng tham. Tu những pháp môn khác, chẳng trông cậy được, thật đấy! Chúng ta thấy rất nhiều trường hợp nhân tiên rồi! Do vậy, hãy nên dũng mãnh, tinh tấn cầu nguyện vãng sanh.

(Diễn) *Nhi nãi du du dương dương, mạc nhiên bất cố, khởi phi đại ngộ?*

(演) 而乃悠悠揚揚，漠然不顧，豈非大誤。

(Diễn: *Mà cứ rề rà, mặc kệ chẳng đoái hoài, há chẳng phải là làm lẫn to lớn ư?)*

Như vậy thì sẽ làm hỏng đại sự liễu sanh tử đấy nhé! Đời này trong thế gian, chúng ta phải coi đại sự sanh tử là chuyện lớn bậc nhất, chuyện gì làm lẫn cũng chẳng sao, chuyện này chẳng thể lỡ làng được! Nếu lỡ làng đời này, phiền phức lớn lắm!

(Diễn) *Hựu bất duy kim sanh chi ngộ, kim sanh dĩ cập đa sanh, nhất ngộ nhi thành bách ngộ dã.*

(演) 又不唯今生之誤，今生以及多生，一誤而成百誤也。

(Diễn: *Lại nữa, chẳng phải chỉ làm lạc đời này, mà đời này cùng với nhiều đời, làm lạc một điều, trở thành trăm điều làm lạc)*

Nếu chúng ta bỏ uổng đời này, đời sau có được làm thân người hay chẳng? Chẳng dám quả quyết! Nếu muốn đời sau được làm thân người, đời này quý vị phải thực hiện Ngũ Giới Thập Thiện thì mới đạt tới tiêu chuẩn. Tuy đã thọ Ngũ Giới, thậm chí thọ Bồ Tát Giới, nhưng quý vị chưa làm đúng cách thì vô ích! Khó! Quá u là khó! Trong kinh điển, đức Phật đã nói rất nhiều: Sau khi đã mất thân người, lại được làm thân người là chuyện hết sức khó khăn! Dẫu được làm thân người, có cơ hội nghe nói tới Phật pháp hay không? Quý vị thấy toàn thế giới ngày nay có bốn mươi ức người, bao nhiêu người được nghe Phật pháp? Tỷ lệ không cân xứng! Quý vị có được may mắn như thế hay chẳng? Có được nghe Phật pháp hay chẳng? Dẫu được nghe Phật pháp, có được nghe Tịnh Độ nữa hay chẳng? Người nghe Phật pháp cũng chẳng ít, có mấy ai được nghe Tịnh Độ? Cứ loại bỏ từng tầng một, loại trừ đến cuối cùng, chẳng còn sót lại mấy ai!

Do vậy, đời này chúng ta gặp được cơ duyên này, quyết định chẳng để luống uổng. Đời quá khứ, có lẽ là chúng ta cũng bỏ lỡ nhiều lượt rồi, đời này chớ nên bỏ lỡ lần nữa! Dưới đây, sách Diễn Nghĩa dẫn một câu nói của cổ nhân để kết luận.

(Diễn) Cổ vân: “Hiệp lộ tương phùng như bất tiến, giá hồi yếu kiến định hoàn nan”, thị dã.

(演) 古云：狹路相逢如不薦，這回要見定還難，是也

•
(Diễn: Cổ nhân nói: “Đường hẹp gặp nhau không đón lấy, lần sau muốn gặp khó khôn cùng!” là nói về chuyện này vậy)

Đây là tỷ dụ những ý nghĩa vừa được nói trên đây, nhất định phải thành tựu, chẳng thể lỡ làng lần nữa! Nếu chẳng sót sáng tu học, chính là quý vị “cam tâm khổ thú, thúc thủ tử môn, vô cứu, vô quy, khả bi, khả thông” (đành lòng ở trong ngõ nhỏ, bó tay nơi cửa tử, không ai cứu, không nơi quay về, đáng buồn, đáng đau). “Khổ thú” là lục đạo luân hồi trong thế giới Sa Bà. Quý vị cam tâm luân hồi trong lục đạo, còn có cách nào nữa đây? Đời người có ý nghĩa gì? Đời người có gì đáng giá? Ngày nay, nhiều người cao đàm khoát luận (bàn luận những chuyện viễn vông, thiếu thực tế), bàn luận ý nghĩa và giá trị của đời người. Thật ra, nói xuyên suốt thì đời người từ lúc lọt lòng cho đến khi bước vào mộ, mỗi

ngày càng gần [cái chết] hơn, chẳng chịu bỏ lỡ mỗi phút, mỗi giây nào, đời người có ý nghĩa như vậy đó, có giá trị như vậy đó, đợi đến khi Diêm Vương bắt, quý vị mang theo được thứ gì ra đi? Thứ gì cũng chẳng mang theo được. Nói cách khác, chẳng có ai không đang chờ chết! Phải giác ngộ, đây chính là “*bó tay nơi cửa tử, không ai cứu, không chỗ quay về*”! Có thể trốn thoát hay chẳng? Được chứ! Người chịu niệm Phật, thật sự có thể thoát khỏi sự khống chế của vua Diêm La, quý vị phải chịu tu!

Năm nay, tôi ở ngoại quốc hơi lâu một chút, ở Hương Cảng hai tháng, ở nước Mỹ bảy tháng. Sau khi trở về, nghe có người nói: Tôi muốn bỏ lưng, không trông nom đạo tràng này, bỏ chạy, có rất nhiều nơi trách móc. Thật ra, nếu mọi người chịu lắng lòng suy nghĩ, quý vị sẽ hiểu đây là chuyện tôi nên làm. Đặc biệt là ở Mỹ, tại Mỹ không có Tịnh Độ. Tại Mỹ cũng không có ai dám nói Tịnh Độ, vì sao? Quý vị nói Tịnh Độ, mọi người sẽ chê cười. Vì sợ người ta chê cười, dầu chính mình niệm Phật, nhưng người ta hỏi tới, vẫn chẳng dám thừa nhận mình là người niệm Phật, vẫn phải nói tôi tham Thiền, vẫn phải nói giả dối, khởi vọng ngữ, giữ thể diện, quý vị nói xem còn có cách nào nữa chẳng? Tôi sang Mỹ hoằng dương Tịnh Độ, lót đường từ ba năm trước. Do vậy, năm đầu tiên tôi không giảng Tịnh Độ, mà giảng Mật, giảng Thiền, tôi biết giảng! Tôi ở Mỹ quốc giảng kinh Kim Cang, Lục Tổ Đàn Kinh, giảng Mật cũng chẳng ít, lót đường mà! Rồi tôi bảo họ: Thiền và Mật tôi đều hiểu, tôi chẳng phải là kẻ không thông hiểu [những pháp môn ấy]. Giáo tôi cũng hiểu, năm ngoái, tôi sang đó giảng kinh Hoa Nghiêm. Năm nay, tôi sang đó giảng Tịnh Độ, mọi người chẳng dị nghị. Những gì quý vị hiểu tôi đều hiểu, tức là tôi hiểu những pháp đó, chứ quý vị vẫn chưa hiểu! Cho nên rất nhiều người học Thiền, học Mật đều quay đầu. Có người quay đầu hoàn toàn, có người quay đầu nửa chừng, quay đầu nửa chừng là sao? Khi họ nghe giảng thì tin tưởng, cũng niệm Phật. Quý vị hỏi họ: “Ông còn cần đến Thiền và Mật hay không?” “Tôi tạm thời vẫn chưa buông xuống được!” Vẫn là muốn thử xem có linh hay không! Còn thử xem linh hay không là quay đầu nửa chừng, chưa quay đầu hoàn toàn! Đủ thấy là tôi sang ngoại quốc chẳng uổng công, quả thật đã khiến cho không ít người quay đầu. Quay đầu là bờ!

(Sớ) Thùy thủ giả, cổ vân: “Tẩu nịch viện chi dĩ thủ”. Ý môn giả, Vương Tôn Cổ mẫu vân: “Nhữ triều xuất nhi bất hoàn, tắc ngô ý môn nhi vọng”.

(疏) 垂手者，古云：嫂溺援之以手。倚門者，王孫賈母云：汝朝出而不還，則吾倚門而望。

(Sớ: “Duỗi tay” là như cổ nhân nói: “Chị dâu chết đuối, [em chồng] đưa tay cứu giúp”. “Tựa cửa” là như mẹ ông Vương Tôn Cổ nói: “Buổi sáng người ra khỏi nhà [mà tối] chưa về, ta tựa cửa trông ngóng”).

Những điều này không cần phải nói nhiều. “Duỗi tay” và “tựa cửa” đều có điển cố, đều là những từ ngữ có xuất xứ.

(Sớ) Kim vị chúng sanh một w khổ thú.

(疏) 今謂眾生沒於苦趣。

(Sớ: Ở đây có ý nói: Chúng sanh chìm đắm trong nẻo khổ).

“Một” (沒) có nghĩa là thoát xuất hiện, thoát biến mất. “Khổ thú”: Nói thật ra, sáu nẻo đều khổ, chứ chẳng phải chỉ có tam đồ. Tam đồ quá khổ! Nay chúng ta sanh trong nhân gian, hãy suy nghĩ cặn kẽ, trong thế gian này có vui sướng hay chẳng? Nếu nói thế gian có vui sướng, quý vị đã mê hoặc, điên đảo. Nếu quý vị hiểu đời người là khổ, quý vị đã giác ngộ. Thế gian không có vui, chỉ có khổ, chẳng vui!

Vui là gì? Vui là khổ tạm thời ngưng nghỉ. Quý vị cảm thấy vui, thật ra là [khổ] tạm ngừng mà thôi! Ví như quý vị một bữa không ăn, đói bụng rất khổ, đến khi cho quý vị ăn một bữa, vui sướng, chữa trị cái bệnh khổ ấy. Thế nhưng mấy tiếng đồng hồ sau lại không được rồi, bệnh khổ lại đổ ra, lại phải trị liệu lần nữa. Đây là rất khổ! Thân thể này là cái thân bệnh, bị bệnh đói, mỗi ngày phải “uống thuốc” ba lần, mỗi lần không uống thuốc sẽ chẳng cảm thấy tự tại. Quý vị thật sự nghĩ thông suốt chuyện này, sẽ hiểu con người thật sự khổ sở, chẳng vui sướng. Trời lạnh phải mặc y phục, trời nóng phải toát mồ hôi, khổ quá! Sao không khổ cho được? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, không có những nỗi khổ ấy, hằng ngày chẳng cần ăn, không ăn cơm bao năm cũng chẳng đói, tự tại lắm! Chúng ta thường nói “vị y thực bốn ba” (bươn chải vì cơm áo), Tây Phương Cực Lạc thế giới không nghe nói những lời này! Có chỗ tốt lành này, chúng ta nhất định muốn sang đó mới là người

thông minh. “*Một ư khổ thú*” (chìm đắm trong nẻo khổ), tam giới đều là khổ!

(Sớ) Phật viện chi như thùy thủ thâm uyên.

(疏) 佛援之如垂手深淵。

(Sớ: Phật giúp đỡ như duỗi tay [cứu người sa chân nơi] vực thẳm).

Đức Phật đến giúp đỡ chúng ta, làm Tăng Thượng Duyên cho chúng ta, giống như chúng ta rơi trong biển cả rất sâu, đức Phật duỗi tay giúp đỡ, cứu độ chúng ta.

(Sớ) Chúng sanh bôi giác hiệp trần, Phật niệm chi như ý môn vọng tử.

(疏) 眾生背覺合塵，佛念之如倚門望子。

(Sớ: Chúng sanh trái nghịch tánh giác, xuôi theo trần lao, đức Phật nghĩ nhớ như mẹ tựa cửa trông con).

“*Giác*” (覺) là giác ngộ, “*trần*” (塵) là trần lao, mê hoặc. Chúng sanh trái nghịch tánh giác của chính mình, tâm bị cảnh giới xoay chuyển, “*trần*” là lục trần. Tâm chuyển theo cảnh, khổ lắm! Hôm nay có đồng tu đến hỏi tôi: Trong nhà ông ta thờ một bức tượng Thích Ca Mâu Ni Phật, có người bảo ông ta: “Không được! Thờ tượng Phật thì hết thủy duyên phận đều chẳng dám đến nhà nữa”. Tôi nói: “Duyên phận gì?” [Ông ta trả lời]: “Thăng quan, phát tài, sanh con đẻ cái, những duyên phận ấy đều chẳng dám tới”. Tôi bảo ông ta: “Ai bảo ông thế?” Ông ta nói: “Có người bảo với con”. “Tôi cho ông biết: Kẻ ấy là yêu ma quỷ quái! Từ xưa đến nay, hoặc ngay trong hiện tại, bao nhiêu người thờ hình tượng Phật, Bồ Tát, trong nhà chuyện gì cũng cát tường như ý”. Quý vị hãy đọc A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, cúng dường Phật, Bồ Tát, chỉ có kẻ nào chẳng dám tới? Yêu ma quỷ quái chẳng dám đến cửa. Kẻ nói lời ấy đúng là yêu ma quỷ quái, mong quý vị sẽ vớt tượng Phật, Bồ Tát đi để chúng nó vào cửa cho tiện. Hiện thời, quá nhiều lời lẽ bịa đặt, yêu ngôn mê hoặc lòng người, trong tâm chúng ta luôn phải hiểu rõ! Nói cách khác, người học Phật đừng nên đoán mạng, xem tướng, xem Phong Thủy, đừng dùng tới chúng! Người học Phật không gì chẳng tự tại,

không gì chẳng cát tường. Phong Thủy tốt là gì? Quý vị thấy đó, trong tâm rất hoan hỷ, rất thỏa ý, đó là Phong Thủy tốt. Đừng nghe những lời bịa đặt đồn thổi của kẻ khác, thật đáng thương! Bị người ta lợi dụng, nói những câu khó nghe, bị người khác xoay mòng mòng, đó mới là ngu si! Do vậy, đừng tin tưởng những thứ đó, phải tin vào chính mình. Niệm niệm thân tâm thanh tịnh, hãy nên trái trần, hiệp giác, đó mới là đúng. Đừng bị cảnh giới chuyển, phải chuyển cảnh giới!

(Sớ) Viên chi tuy ân, niệm chi tuy thiết, thâm trầm bất khởi, viễn thế vô hoàn, thị cô Phật hóa dã.

(疏) 援之雖殷，念之雖切，深沉不起，遠逝無還，是孤佛化也。

(Sớ: Tuy giúp đỡ ân cần, dẫu nghĩ nhớ thiết tha, nhưng [lòng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ] chìm sâu, chẳng dấy lên, trốn đi xa chẳng trở về, đó là cô phụ sự giáo hóa của Phật vậy).

Những điều này đều nhằm tỷ dụ [chúng sanh] cô phụ sự giáo hóa của Phật, chẳng chịu quay đầu.

(Sớ) Hạ phụ giả.

(疏) 下負者。

(Sớ: Dưới là phụ bạc...)

“Hạ phụ” là cô phụ chính mình.

(Sớ) Phàm quyết hữu tâm, định đương tác Phật.

(疏) 凡厥有心，定當作佛。

(Sớ: Phàm những ai có tâm, nhất định sẽ thành Phật).

Câu này có nghĩa là phàm những ai có tâm, đều có thể thành Phật, nhất định thành Phật. Vậy thì phải hỏi: Quý vị có tâm hay không? Quý vị có tâm! Mắt có thể thấy, tai có thể nghe, đó là tâm. Đã có thấy, nghe, hay, biết, lẽ đâu chẳng thể thành Phật? Ở đây, tôi muốn bảo quý vị Phật là gì, phải nhận thức rõ ràng. “Trí giác viên mãn” thì gọi là Phật. Nói cách khác, quý vị có trí huệ viên mãn, có giác tánh viên mãn, sự viên

mãn này vốn sẵn viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã nói rất rõ ràng, những kinh điển khác không nói, vì đây chẳng phải là những điều đức Phật thường nói. Trong những bộ kinh ấy (tức kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác), đức Phật nói lời chân thật, “*nhất thiết chúng sanh bốn lai thành Phật*” (hết thảy chúng sanh vốn sẵn thành Phật), vốn sẵn là Phật! Vốn sẵn là Phật, mà nay quý vị biến thành phàm phu là vì quý vị đã trái nghịch giác tánh của chính mình, mê mất rồi! Tuy là mê, trí huệ viên mãn và giác tánh viên mãn của quý vị có bị tổn thất hay chẳng? Chắc chắn chẳng bị tổn thất, vẫn là viên mãn, nhưng chính quý vị không thừa nhận, tự mình quên mất. Khi nào quý vị giác ngộ, nó sẽ viên mãn y như cũ. Giác tánh đã vốn có thì chúng ta có thể khôi phục hay chẳng? Đương nhiên là có thể khôi phục! Mê là hư vọng, là giả, nhất định có thể đoạn được! Giác là chân, chắc chắn có thể chứng đắc. Chính mình phải có tín tâm. Do vậy, nhất định sẽ thành Phật.

(Sớ) Cố Phật giáo trì danh.

(疏) 故佛教持名。

(Sớ: Do vậy, Phật dạy trì danh).

Đây là một phương pháp thiện xảo nhất để quý vị phá mê, khôi phục sự viên giác của chính mình: Niệm Phật. Niệm A Di Đà Phật, hoặc là niệm sáu chữ “Nam-mô A Di Đà Phật”, sáu chữ này đều là tiếng Phạn, thật sự chẳng khác gì thần chú. Mật Tông trì chú, Nam-mô A Di Đà Phật là vô thượng chú. Cuối Tâm kinh có nói: “*Thị đại thần chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú*” (là đại thần chú, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng), chú ấy là gì? A Di Đà Phật là đại minh chú, là chú vô thượng, là chú không có gì sánh bằng. Tôi giảng Tâm Kinh là giảng theo cách này. Nam-mô có nghĩa là quy y, A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, dịch hoàn toàn sang nghĩa tiếng Hán là “quy y Vô Lượng Giác”. Giác là chẳng mê! Quy là trở lại, từ đâu mà trở lại? Từ mê quay trở lại, nương theo Giác. Vô lượng là thứ gì ta cũng phải giác. Do vậy, niệm một câu Phật hiệu này, thứ gì cũng phải giác! Câu Phật hiệu này nhắc nhở quý vị thời thời khắc khắc phải giác ngộ, giác chứ không mê. Giác chẳng mê là Phật, mê chẳng giác là phàm phu.

Do vậy, nhất định sẽ thành Phật. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp thiện xảo như vậy đó!

(Sớ) Dục nhân niệm ngã tự tâm, thành ngã tự Phật.

(疏) 欲人念我自心，成我自佛。

(Sớ: Muốn cho con người niệm tự tâm của chính mình, thành vị Phật của chính mình).

Hiểu ý nghĩa này rồi, Phật hiệu là tự tâm của chính mình. Quy y Vô Lượng Giác là quy y giác tánh của chính mình. Do vậy, niệm Phật là niệm giác tánh của chính mình, thành “tự Phật”, chứ không phải vị Phật của ai khác. Thật sự có một vị A Di Đà Phật, Ngài đã thành tựu như vậy, Ngài đem phương pháp này dạy chúng ta. Dạy chúng ta để ai nấy đều có thể thành tựu, nhưng sợ chúng ta còn có chướng ngại, gặp khó khăn, nên kiến lập một đạo tràng ở Tây Phương để giúp đỡ chúng ta, giúp cho chúng ta thành tựu. Cơ duyên này quả thật quá thù thắng.

(Sớ) Nhi mạc nhiên bất tín, ninh bất phụ kỷ linh hồ.

(疏) 而漠然不信，寧不負己靈乎。

(Sớ: Mà vẫn lơ là chẳng tin, há chẳng phải là phụ bạc linh tánh của chính mình ư?)

Đối với Lý Sự chân thật trong chương này, nếu chúng ta chẳng tin tưởng, chẳng chịu phát nguyện, chẳng chịu tu học, đây thật sự là cô phụ chính mình. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 36

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi sáu:

(Sớ) Kim sanh đa sanh giả, sanh sanh đọa lạc, vô hữu cùng dĩ dã. Nhất ngộ, bách ngộ giả, thử sanh tha quá, đa kiếp nan phùng dã. Nhập khổ thú, tự dăng thư ốc ư xí trung. Phó tử môn, loại ngu dương tự hồ đồ tứ, mạc vị cứu bạt, vô khả quy bằng, khởi bất ai tai?

(疏) 今生多生者，生生墮落，無有窮已也。一誤百誤

者，此生磋過，多劫難逢也。入苦趣，似蠅蛆飮於廁中。赴死門，類牛羊就乎屠肆。莫為救拔，無可歸憑，豈不哀哉。

(Sớ: “Đời này, nhiều đời”: Đời đời đọa lạc chẳng có cùng tận. “Một lần, trăm lần” là đời này bỏ lỡ, nhiều kiếp khó gặp. Vào nẻo khổ, dường như giòi tữa no ú trong nhà xí; vào cửa tử giống như trâu, dê bước vào lò mổ, chẳng được cứu vớt, không chỗ nương vè, há chẳng đau buồn ư?)

Đoạn này dễ hiểu, nói rõ đời này và nhiều đời đã làm lạc mà vẫn làm lạc.

Từ, thuật ý.

四、述意。

(Bốn, nêu bày dụng ý [viết Sớ Sao]).

Đoạn này là Liên Trì đại sư tự trình bày dụng ý vì sao Ngài chú giải kinh Di Đà.

(Tự) Châu Hoằng.

(序) 株宏。

(Tựa: Châu Hoằng).

Hai chữ Châu Hoằng là pháp danh của đại sư. Phạm tự xưng, bất luận trong khi nói hoặc trong khi viết, đều nên dùng lối khiêm hư. Khiêm hư nhất là xưng danh, tự khiêm; người khác gọi Ngài sẽ chẳng thể gọi thẳng tên, gọi thẳng tên là thiếu cung kính nhất. Đó là lễ nghi thời cổ. Con người hiện thời gặp mặt bèn gọi tên, còn gọi đủ cả tên lẫn họ. Trong thời cổ, điều này nhất định không thể được! Kẻ phạm tội mới gọi cả tên lẫn họ. Bình thường kêu tên chỉ có hai hạng người có thể kêu, thứ nhất là cha mẹ, thứ hai là thầy. Người khác gọi chúng ta thì sao? Gọi tên tự. Khách sáo hơn thì gọi tên hiệu, chúng ta gọi Ngài là Liên Trì đại sư.

Liên Trì là hiệu của Ngài, tôn kính Ngài [thì gọi bằng tên hiệu]. Chắc chắn Ngài chẳng thể tự xưng là Liên Trì, do trong quá khứ khiêm hư. Trước kia, ngay cả đế vương đối với bầy tôi cũng phải gọi tên tự của họ, cũng chẳng thể gọi tên thật! Nếu [bị vua chúa] gọi thẳng tên, tức là [kẻ bầy tôi ấy] đã phạm tội.

(Tự) Mạt pháp hạ phàm.

(序) 末法下凡。

(Tựa: Là phàm phu hạ căn đời Mạt Pháp).

Ngài sanh trong thời đại Mạt Pháp. Pháp vận của Phật gồm ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp. [Pháp vận của] mỗi vị Phật đều có ba thời kỳ, nhưng ba thời kỳ ấy dài ngắn không nhất định. Một mặt là do nguyên lực của từng vị Phật, mặt khác là do quả báo của chúng sanh. Chúng sanh có phước, pháp vận của Phật sẽ dài. Chúng sanh chẳng có phước báo, pháp vận của Phật bèn ngắn ngủi. Đây là cách nói thông thường. Chánh Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật – nói “*Chánh Pháp*” là kể từ sau khi đức Phật diệt độ – khoảng cách còn chưa xa, di giáo và giáo pháp thời đức Phật tại thế chẳng khác nhau, hết sức thuần chánh. Chúng ta gọi thời kỳ ấy là Chánh Pháp. Đến thời Tượng Pháp, thời gian ấy cách lúc Phật diệt độ đã xa, có kinh nói là một ngàn, có kinh nói là do phụ nữ xuất gia, Chánh Pháp bị giảm thiểu năm trăm năm, Chánh Pháp chỉ còn năm trăm năm. Chúng tôi cũng không bàn luận điều này, bất luận là năm trăm năm cũng được, mà một ngàn năm cũng xong, nói chung, chúng ta nay đang sống trong thời kỳ Mạt Pháp.

Tượng Pháp là một ngàn năm, tức là một ngàn năm thứ hai sau khi đức Phật diệt độ, cách Phật đã xa. Pháp càng lưu truyền càng sai ngoa, truyền lâu ngày đã bị biến chất, đây là đạo lý nhất định. Vì truyền lâu ngày, có nhiều ý kiến của người khác xen vào, chẳng thuần nữa. Tuy chẳng thuần, vẫn tương tự, vẫn giống. Đến thời kỳ Mạt Pháp, sau khi Phật diệt độ đã hai ngàn năm, tức là một ngàn năm thứ ba. Thời kỳ ấy gọi là Mạt Pháp. Mạt Pháp dài một vạn năm. Do vậy, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng là một vạn hai ngàn năm. Thời kỳ Mạt Pháp cách Phật càng xa. Nói cách khác, so với Tượng Pháp càng sai khác hơn nhiều.

Chiếu theo sách vở Trung Quốc ghi chép từ xưa đến nay, kể từ Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ mười hai năm. Trong Hư vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ có khảo chứng, dựa theo

những ghi chép xa xưa của Trung Quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất sanh nhằm năm Giáp Dần (1027 trước Công Nguyên) đời Châu Chiêu Vương, tính từ niên đại ấy, Thích Ca Mâu Ni diệt độ cách hiện tại ba ngàn lẻ mười hai năm¹⁸.

(Diễn) Mạt Pháp đối Chánh Tượng ngôn.

(演) 末法對正像言。

(Diễn: Mạt Pháp là đối với Chánh Pháp và Tượng Pháp mà nói).

Đối ứng với Chánh Pháp và Tượng Pháp để nói.

(Diễn) Chánh giả, chứng dã. Dĩ Hiện Lượng Trí, chứng Thật Tướng Lý, sơ nhất thiên niên, hữu giáo hành lý quả, cố viết Chánh dã.

(演) 正者，證也，以現量智，證實相理。初一千年，有教行理果，故曰正也。

(Diễn: Chánh là chứng. Dùng Hiện Lượng Trí để chứng Thật Tướng Lý, trong một ngàn năm thứ nhất có giáo, hành, lý, quả, nên nói là Chánh).

Phật pháp hết sức viên mãn, hết sức đầy đủ, có giáo pháp, hành pháp, lý pháp và quả pháp. Trong thời đại Chánh Pháp, người chiếu theo Phật pháp tu hành chứng quả hết sức nhiều. Hiện Lượng Trí là gì? Hiện Lượng là đối với Tỷ Lượng mà nói. Hiện Lượng là hiện tiền, tức là trí huệ do ta đích thân chứng được. Trí huệ chân thật chứng đắc lý Như Như¹⁹ của vũ trụ và nhân sinh, hiện thời gọi là “chân lý”; trong Phật pháp gọi [chân lý ấy] là Thật Tướng. Thật Tướng là tướng chân thật. Nay chúng ta thấy hết thấy tướng chẳng phải là tướng chân thật, mà là tướng hư vọng. Tướng chân thật rốt ráo là như thế nào? Nói xuyên suốt thì tướng chân thật và tướng hư vọng không khác nhau, là một. Đã là một, vì sao có chân và vọng? Nếu chúng ta dùng chân tâm, sẽ thấy cảnh giới hiện tại là tướng chân thật. Nếu dùng vọng tâm, sẽ thấy cảnh giới

¹⁸ Hòa Thượng giảng bộ Sớ Sao này vào năm 1984-1985.

¹⁹ Như Như có nghĩa là các pháp đều bình đẳng, không hai. Như là tên gọi khác của Lý, tức bản thể bất biến, bình đẳng, hoàn toàn vượt khỏi đối đãi, so lường, nên gọi là Như. Do pháp nào cũng đều là Như, nên gọi là Như Như (thường được diễn tả bằng câu: “Do cái này Như nên cái kia Như”), nhằm nhấn mạnh ý nghĩa vạn pháp bình đẳng, vô sai biệt.

bên ngoài là tướng hư vọng. Tướng chuyên theo tâm, đạo lý là như vậy đó. Chân tâm là tâm chẳng sanh chẳng diệt. Tâm có sanh và diệt là vọng tâm. Trong vọng tâm có sanh diệt. Chân tâm và vọng tâm chúng ta đều có đủ; không có chân, làm sao có vọng? Vọng do chân mà khởi. Chân tâm là cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Nay chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật cầu nhất tâm bất loạn; nhất tâm bất loạn là chân tâm của chính mình. Chân tâm của chúng ta chẳng thể hiện tiền, vì sao? Vọng niệm quá nhiều! Vọng niệm quá nhiều thì gọi là vọng tâm. Do vậy, pháp môn Niệm Phật nhằm khôi phục chân tâm của chúng ta. Nếu chúng ta khôi phục chân tâm, quý vị sẽ thấy cảnh giới trước mắt là Thật Tướng.

Thật Tướng rốt ráo là như thế nào? Thật Tướng: Tướng bên ngoài cũng bất sanh, bất diệt, mâu nhiệm đến cùng cực! Quý vị nói: Tôi không tin tưởng! Rành rành là có sanh diệt, sao lại nói bất sanh, bất diệt? Thưa quý vị, bất sanh bất diệt là thật, sanh diệt là giả! Do tâm quý vị sanh diệt, quý vị thấy tướng bên ngoài là tướng sanh diệt. Nếu tâm quý vị chẳng sanh diệt, sẽ thấy tướng bên ngoài là tướng chẳng sanh diệt. Đây rốt ráo chẳng phải là cảnh giới hiện tiền của chúng ta, chúng ta không có cách nào lý giải được! Nhưng chúng ta có thể dùng tỷ dụ để giảng rõ. Không thể tỷ dụ khít khao được, chỉ có thể dựa theo tỷ dụ để suy tưởng. Ví như chúng ta dùng một tấm gương để soi cảnh giới bên ngoài, tấm gương bất sanh bất diệt, những tướng hiện bóng trong gương cũng bất sanh bất diệt. Điều này dễ hiểu. Nếu chúng ta dùng máy chiếu phim [để tỷ dụ] thì ống kính đóng mở, đóng mở là nó có sanh diệt, chiếu tướng cảnh giới bên ngoài, tướng ấy cũng là tướng sanh diệt. Quý vị thấy cuộn phim gồm nhiều tấm. Nay chúng ta dùng cái tâm vọng tưởng, cái tâm suốt ngày từ sáng đến tối tưởng Đông nghĩ Tây giống như ống kính của máy chụp hình đóng mở không ngừng. Do vậy, thấy tướng cảnh giới bên ngoài là tướng sanh diệt. Tâm chúng ta không thể giống như tấm gương, khi nào chúng ta đắc nhất tâm bất loạn, trong Duy Thức gọi nhất tâm bất loạn là Đại Viên Kính Trí. “Viên” (圓) là viên mãn, “đại” (大) là rộng lớn, [Đại Viên Kính là] giống như một tấm gương [rộng lớn]. Gương chẳng có sanh diệt, soi tỏ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hết thấy muôn tướng cũng là bất sanh bất diệt. Đạt đến cảnh giới ấy, trong kinh Phật thường bảo là quý vị đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. “Pháp” (法) là hết thấy vạn pháp, “Vô Sanh” (無生) là hết thấy vạn pháp bất sanh, bất diệt, “Nhẫn” (忍) là đồng ý, thừa nhận. Tôi tự mình thấy, đức Phật nói bất sanh, bất diệt, tôi đồng ý, tôi thừa nhận. Vậy là cảnh

giới của quý vị và cảnh giới của Phật chẳng khác! Đã chẳng khác thì quý vị cũng thành Phật, cảnh giới Phật đầy nhé! Quý vị đạt đến cảnh giới ấy sẽ gọi là “thành Phật”. Nay chúng ta tu pháp môn này tức là tu pháp môn thành Phật. Đây là nói “Hiện Lượng Trí chứng Thật Tướng Lý”, Lý (理) là chân lý.

(Diễn) Tượng giả, tự dã.

(演) 像者, 似也。

(Diễn: Tượng là tương tự).

Đây chẳng phải là chân thật, chỉ tương tự.

(Diễn) Dĩ Tỷ Lượng Trí, y hy kiến đạo, phảng phát, bất chân. Đệ nhị thiên niên, hữu giáo, hành, lý, nhi vô quả chứng, cố viết Tượng dã.

(演) 以比量智, 依稀見道, 彷彿不真。第二千年, 有教行理, 而無果證, 故曰像也。

(Diễn: Dùng Tỷ Lượng Trí [để lãnh hội Phật pháp], thấy đạo ít ỏi, [Phật pháp trong thời này] hơi giống [với thời Chánh Pháp], chứ không thật. Trong một ngàn năm thứ hai, có giáo, hành, lý, nhưng không có chứng quả, cho nên gọi là Tượng).

Thời đại Tượng Pháp là một ngàn năm thứ hai [sau khi đức Phật diệt độ]. Người chứng quả ít ỏi, có tu hành, nhưng không có cách nào chứng quả. Quả được nói ở đây thông thường là nói tới Tứ Quả La Hán. Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả còn có thể chứng đắc, nhưng không có ai chứng được Tứ Quả La Hán. Đây là trong thời Tượng Pháp. Thời Chánh Pháp, người chứng A La Hán rất nhiều. Thời Tượng Pháp, người chứng A La Hán rất ít. Do vậy, trong thời Tượng Pháp, chúng ta thấy có Tam Quả thánh nhân, rất ít thấy Tứ Quả La Hán. Trừ những bậc tái lai ra, người thật sự tu hành mong chứng quả A La Hán chẳng dễ dàng đâu nhé!

(Diễn) Mạt Pháp tắc không đặng tự lượng²⁰, duy thượng đấu tranh, đồ hữu giáo lý, nhi vô hành quả, cố viết Mạt dã.

(演) 末法則空騰似量，唯尚鬥爭，徒有教理而無行果，故曰末也。

(Diễn: Mạt Pháp thì tung bưng so đo bằng trí kiến lệch lạc của chính mình, chỉ chuộng tranh chấp, chỉ có giáo lý, nhưng không có người hành và chứng quả, nên gọi là Mạt).

Mạt Pháp là thời đại hiện tại. Chiếu theo cách nói của Trung Quốc, hiện thời là một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ ba ngàn lẻ mười hai năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp đã hơn một ngàn năm, chúng ta thuộc một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Liên Trì đại sư cách chúng ta năm trăm năm. Năm trăm trước đây, Ngài là người sống vào cuối đời Minh. Khi ấy đã là thời Mạt Pháp, nói cách khác, đã từng là thời “đấu tranh kiên cố”. Tuy là đấu tranh kiên cố, nhưng so với hiện tại, vẫn tốt hơn rất nhiều. Trong thời ấy, tự viện, tùng lâm còn có mấy trăm người cùng tu. Trong tự viện hiện thời, hai người ở với nhau đã tranh chấp, đấu tranh kiên cố. Do vậy, chẳng những cảnh giới Hiện Lượng không có, mà ngay cả Tỷ Lượng cũng chẳng thể bàn tới.

Khoa học kỹ thuật phát đạt, thuật ấn loát tiên bộ, lưu thông kinh Phật tiện lợi hơn xưa kia rất nhiều. Thuở ấy, Liên Trì đại sư muốn đọc một bộ kinh, phải chép tay, chẳng có bản ấn loát. Hiện thời chúng ta chẳng cần phải tốn sức, chẳng cần phải chép kinh. Thuật ấn loát phát đạt có chỗ nào tốt đẹp hay chẳng? Có chỗ tốt đẹp, nhưng thói tệ càng lớn! Trước kia chúng ta không biết, chứ hiện thời biết rồi, có kinh điển nguy tạo, chú giải lệch lạc ý nghĩa kinh! Hiện thời có rất nhiều ngoại đạo dựa hơi Phật giáo, treo chiêu bài Phật giáo, nhưng bên trong là ngoại đạo, bảo thuyết của ngoại đạo là Phật giáo, thật ra, bên trong hoàn toàn chẳng

²⁰ Tự Lượng là cách so sánh để nhận hiểu sự vật dựa trên kiến giải chủ quan của chính mình. Do nó không thuộc ba thứ Lượng (Hiện Lượng, Tỷ Lượng, và Thánh Ngôn Lượng) nên gọi là Tự Lượng (Tự là tương tự). Do Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng dựa trên chánh tri chánh kiến hoặc dựa trên trí huệ của thánh nhân (Phật, Bồ Tát, La Hán, Thanh Văn, Duyên Giác), nên chúng còn gọi là Chánh Lượng. “Không đặng” là bay vọt lên không. Do vậy, “không đặng tự lượng” có nghĩa là so sánh, lãnh hội mọi pháp bằng tà tri tà kiến, thiên kiến của chính mình, rồi lập ra đủ mọi thứ ý kiến, tranh chấp tung bưng.

phải là Phật giáo. Họ cũng đọc kinh Phật, tụng Kim Cang, Tâm Kinh, nhưng những lời chú giải toàn là nói năng, nói cuội, những thứ “kinh điển” ấy hiện thời được lưu thông rộng rãi. Vì sao chúng được lưu thông với số lượng lớn ngàn ấy? Tín đồ của họ đông dường ấy? Thật ra, những thứ đó toàn là yêu ma, quỷ quái. Yêu ma quỷ quái thông hiểu Tâm Lý Học, nắm được những nhược điểm trong tánh tình con người; bởi lẽ, con người luôn thích tiện nghi, khoái nhất là không phải tu mà vẫn chứng quả.

Lũ yêu ma quỷ quái ấy nói: “Được rồi! Tôi dạy quý vị niệm một bài chú, dạy quý vị pháp thuật, quý vị vừa học sẽ thành tựu; cách ấy nhanh chóng, chẳng cần phải đoạn Hoặc, quá thuận tiện!” Do vậy, đạo của chúng được lưu truyền rộng rãi.

Chánh pháp dạy quý vị theo quy củ, mà không có ai chịu tiếp nhận. Ở Trung Quốc là như vậy mà ở ngoại quốc lại càng là như vậy. Do vậy, chúng ta thấy trong thế gian này, mười phần hết bảy tám phần là ngoại đạo dựa hơi Phật giáo. Hiện tượng chẳng tốt đẹp này, nếu chiếu theo cổ thư Trung Quốc ghi chép, chính là điềm báo trước đại kiếp nạn. Sách Tả Truyện ghi: Nước nhà sắp mất, nhất định có yêu ma quỷ quái làm loạn. Những thứ ngoại đạo dựa dẫm Phật giáo đều là yêu ma quỷ quái, nhận định về yêu ma quỷ quái như thế nào? Sách Tả Truyện viết: “*Nhân khí thường, tắc yêu hưng*” (Con người vứt bỏ lẽ thường thì yêu quái nổi lên), “*thường*” là bình thường, đúng mực. Không đi theo đường lối đúng đắn, yêu ma quỷ quái bèn hiện tiền. Do vậy, yêu quái chẳng phải là mặt xanh, nanh chĩa! Thấy những thứ ấy quý vị hoảng hồn, làm sao thân cận chúng nó cho được? Chúng chẳng đi theo “thường đạo”, chẳng tu chánh pháp, đi theo ngã dị đoan, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này!

“*Thường đạo*” là gì? Dị đoan là gì? Phân biệt như thế nào? Chúng tôi nghĩ mọi người rất quan tâm chuyện này. Quý vị có thể phân biệt, yêu ma quỷ quái dẫu nhiều, quý vị cũng đừng sợ chúng, vì sao? Quý vị nhận biết thì chúng chẳng thể gạt gẫm quý vị; sợ là quý vị không nhận biết chúng! Cách phân biệt đơn giản nhất là: Hễ là chánh pháp, điều thứ nhất là phải dạy quý vị tin vào chính mình, chẳng tin tưởng nơi những sức mạnh quái đản, lạ lùng. Điều thứ nhất là phải tin tưởng chính mình, điều thứ hai là tin Phật; đây là lời Phật dạy. Nếu điều thứ nhất là phải tin thần, tin tưởng Phật rồi kể đó mới tin vào chính mình, đó chính là ma thuyết, là điên đảo. Phật và thần được đưa ra như là oai quyền bậc nhất thì là ngoại đạo. Chúng ta nhất định phải phân biệt điều này.

Tiếp đó, chánh pháp dạy quý vị là “*y pháp, bất y nhân*”. Pháp là gì? Kinh điển. Nhân là gì? Là người giảng, là người chú giải, ta chẳng nương theo. Chúng ta lấy kinh làm chủ, chúng ta nghiên cứu chú giải, dựa theo chú giải của cổ nhân. Chúng ta chẳng nương theo chú giải của người đời nay. Vì sao? Chẳng đáng tin cậy, chưa trải qua sự thử thách của lịch sử. Chẳng hạn như bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã được lưu truyền năm trăm năm; trong năm trăm năm ấy, bao nhiêu bậc cao minh đã xem qua, công nhận tác phẩm này chẳng có vấn đề, chúng ta có thể tin tưởng. Nếu trong ấy có khuyết điểm, nó đã sớm bị đào thải rồi! Vì thời ấy, thuật ấn loát chưa thuận tiện, cần phải chép tay. Bản khắc gỗ là phải khắc từng chữ một, rất tốn công sức. Nếu chẳng phải là thứ chân chánh, ai chịu bỏ tiền [khắc in]? Ai bằng lòng lưu thông thứ ấy? Do vậy, lịch sử làm chứng cho chúng ta, chứng minh những gì Ngài nói là chân thật, chẳng phải là hư vọng. Phàm những thứ gì càng lâu xa, càng đáng tin cậy; văn chương cũng giống như thế. Phàm những thứ được lưu truyền là những thứ tốt đẹp. Ví như Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên là những đại văn học gia đời Đường, một đời họ đã viết không biết bao nhiêu văn chương, những thứ hay nhất được lưu truyền, những thứ dở hơn đều bị bỏ đi. Vì sao? Không có ai muốn lưu thông. Do vậy, những thứ ấy càng cổ xưa càng chân thật, càng có giá trị. Vì thế, tôi khuyên các vị hãy bớt xem những thứ văn chương của người hiện thời.

Thật ra, văn chương Văn Ngôn không khó! Bí quyết để học Văn Ngôn là đọc tụng, phải đọc thường xuyên. Trước kia, trẻ nhỏ học thuộc lòng, có thể học thuộc năm mươi hay một trăm bài cổ văn, chương ngại văn tự sẽ chẳng còn nữa. Hiện tại, chúng ta có cần phải đọc Cổ Văn Quán Chi hay chẳng? Thừa quý vị, không cần! Quý vị niệm kinh này là được rồi. Thiên văn chương này của Liên Trì đại sư là một bài văn chương Văn Ngôn rất đơn giản, mà cũng là văn chương hay nhất. Quý vị đọc bộ sách này, đọc hằng ngày, đọc suốt ba năm, sẽ thông thạo văn chương Văn Ngôn. Mỗi ngày đọc mấy đoạn, chẳng cần phải đọc những thứ khác. Không chỉ thông đạt văn chương Văn Ngôn, mà còn thông đạt kinh văn; một hành động không chỉ đạt được hai thứ, mà còn đạt nhiều thứ. Vì sao? Giáo, lý, hành, quả cũng đều có thể đạt được, có thể đặc nhất tâm là chứng quả. Đó là chánh pháp.

Tiếp đó, tà - chánh được phân biệt bởi cái tâm thanh tịnh. Phàm là chánh pháp, sẽ dạy quý vị bất luận trong cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng vậy, thường giữ cho cái tâm của chính mình thanh tịnh. Đó là chánh pháp. Nếu nó khiến cho cái tâm của quý vị loạn

cào cào, đó là tà pháp, chẳng phải là chánh pháp. Chánh pháp nhất định lấy Thiền Định làm cương lĩnh. Nói “tám vạn bốn ngàn pháp môn” thì “pháp” (法) là phương pháp, “môn” (門) là “môn kính” (門徑: đường lối). Phương pháp, mảnh khóc nhiều ngàn ấy đều nhằm tu Định. Nói cách khác, đều là tu tâm thanh tịnh. Phương pháp Niệm Phật này là một trong tám vạn bốn ngàn phương pháp, chúng ta dùng phương pháp này để tu tâm thanh tịnh. Nhất tâm bất loạn là Thiền Định, không chỉ là Thiền Định, mà còn là Thiền Định cao cấp, Thiền Định thượng thượng. Trong phần trước, tôi đã có nói: Thiền Định khó tu, khó thành! Phương pháp Niệm Phật thì được! Quả thật là có thể tu thành tựu. Công phu niệm Phật có ba đẳng cấp, công phu bước đầu là công phu thành phiến, giai đoạn này chưa đắc Thiền Định, mà là Tương Tự Định. Niệm đến Sự nhất tâm bất loạn là Thiền Định, gọi là Niệm Phật tam-muội. Niệm đến Lý nhất tâm bất loạn là thượng thượng Thiền Định. Cùng một phương pháp, cảnh giới dần dần nâng cao lên, đó là chánh pháp. Nếu cách hành trì nào khiến cho tâm hoảng loạn, hoặc dấy lên hoài nghi, chẳng cần biết nó tốt đẹp như thế nào, đều là ma đến nhiễu loạn, quyết định chẳng thể nghe theo!

Mấy hôm rồi có đồng học đến hỏi tôi: Trong nhà thờ tượng Phật, tượng Bồ Tát, đặt ở vị trí ấy, có người đến nói với ông ta, như thế này cũng chẳng đúng, như thế kia cũng chẳng đúng. Rốt cuộc phải làm thế nào? Đó là ma đến nhiễu loạn. Thờ phụng tượng Phật, tượng Bồ Tát, bất luận là ai cũng chắc chắn là cát tường. Thế nhưng cách cúng dường như thế nào thì nhất định phải hiểu. Thờ Phật có hai ý nghĩa trọng yếu:

1) Thứ nhất là thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình phải có tâm cung kính, điều này rất trọng yếu. Tâm cung kính là biểu hiện của Tánh Đức. Trong khóa tụng, quý vị thường đọc “*nhất thiết cung kính*” (hết thảy cung kính), chúng ta đối với người, đối với sự, đối với vật có phải là chí thành, cung kính hay chẳng? Nếu chí thành, cung kính, người ấy là Phật, là Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đối với người, đối với vật, đối với sự đều chí thành, cung kính. Phạm phu khác với Phật, Bồ Tát; phạm phu đối với người, sự, vật chẳng cung kính. Chư Phật, Bồ Tát đối với người, sự, vật cung kính, quyết định là bình đẳng, thanh tịnh, chẳng có cao, thấp, chẳng có ta thích người này, ta cung kính họ một chút, hoặc người kia là bề trên, là thân thích của ta, ta cung kính họ một chút. Kẻ nọ là oan gia đối đầu của ta, ta căm hận hắn, ta còn cung kính hắn hay sao? Đây là phạm phu! Phật, Bồ Tát không như vậy, Phật, Bồ Tát cung kính hết thảy, chẳng có phân biệt. Do vậy, chúng ta thờ tượng Phật là vì chúng ta cung

kính Phật. Do cung kính Phật, bèn lập tức nghĩ: “Ta phải cung kính hết thầy chúng sanh, phải cung kính hết thầy vạn vật”. Chẳng riêng gì Phật pháp nói như thế, mà ngay cả pháp thế gian cũng nói như thế.

Căn bản pháp luân của Phật pháp là kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm đến phần tổng kết cuối cùng là mười đại cương lãnh tu hành, tức mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Nguyện thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”. Đương nhiên chúng ta trông thấy chư Phật phải cung kính, nhưng thấy người khác chẳng phải là Phật thì quý vị đã sai rồi! Kinh dạy: “*Nhất thiết chúng sanh bốn lai thành Phật*” (Hết thầy chúng sanh vốn sẵn thành Phật). Do vậy, đối với mỗi một chúng sanh, quý vị đều phải cung kính giống như Phật. Đó là ý nghĩa thứ nhất trong việc thờ Phật, đó gọi là chân cúng dường. Có lẽ đâu thờ một bức tượng Phật chẳng đại cát, đại lợi?

2) Ý nghĩa thứ hai là báo ân. Phật là vị thầy bậc nhất của chúng ta. Chúng ta ngày nay có thể đạt lợi ích thù thắng nơi pháp, chúng ta đừng quên vị thầy căn bản. Do vậy, chúng ta thờ Phật, đừng nên coi Ngài như một vị thần, hãy coi Ngài như một vị thầy, giống như chúng ta thường thờ tổ tiên. Đây là truy ngược lại nguồn gốc để báo đáp. Vì vậy, thờ Phật có hai ý nghĩa hết sức trọng yếu.

Kế đó, trông thấy tượng Phật bèn hiểu chính mình cũng là Phật. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, đó là cô phụ linh tánh của chính mình, chẳng xứng đáng với chính mình. Chúng ta chẳng suy nghĩ loạn xạ, sẽ là Phật. Chúng ta suy nghĩ tán loạn, bèn là phàm phu. Do vậy thành Phật hay thành phàm phu là do trong một niệm của chính mình. Chính mình chẳng khởi vọng tưởng thì là Phật, Bồ Tát. Thế nhưng chúng ta cũng rất muốn không khởi vọng tưởng, mà vọng tưởng cứ dấy lên mãi, không làm sao được! Đây là do chính mình có nghiệp chướng, tiêu trừ nghiệp chướng như thế nào? Đây cũng là một câu hỏi lớn. Có người muốn mau chóng tiêu trừ nghiệp chướng, quý vị có cái tâm ấy, có nguyện vọng ấy, có kẻ thừa cơ nói: “Ông hãy bỏ tiền cất cái miếu ấy, hoặc làm gì đó, nghiệp chướng sẽ tiêu trừ”. Quý vị hãy nghĩ xem, bỏ hết tiền ra, nghiệp chướng có tiêu trừ hay không? Trong hết thầy cảnh giới, ta thật sự một niệm chẳng sanh thì nghiệp chướng tiêu trừ. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối vẫn khởi vọng tưởng, nghiệp chướng chẳng tiêu trừ! Chẳng những không tiêu trừ, mà quý vị còn thấy nó tăng thêm chẳng ít, vì sao? Muốn làm thêm chuyện tốt, làm công đức, làm công đức bèn lại có chướng ngại, lại có phiền bức! Chẳng phải là quý vị lại tăng thêm cả đống vọng niệm ư? Do vậy, chẳng những nghiệp

chương không tiêu trừ, mà ngược lại còn tăng trưởng chẳng ít nghiệp chương; đây cũng là ma đến nhiều loạn.

Phật pháp dạy quý vị bỏ thí, bỏ thí là gì? Là vứt bỏ vọng niệm của chính mình. Quý vị có tiền, tiền là chương ngại, vì sao? Có tiền bỏ vào ngân hàng lại sợ lợi tức ít, bỏ vào chỗ có tiền lời cao thì sợ chỗ đó sập tiệm, tâm quý vị bất an, vọng niệm nhiều quá, đây là chương ngại! Quý vị bỏ sạch hết tiền, chẳng cần đến nữa, thứ gì cũng đều bỏ, trong tâm chẳng có vướng mắc gì, đạo lý là như vậy đó. Bảo quý vị làm chuyện tốt, vẫn nghĩ ngại: “Ta làm bao nhiêu công đức, ta làm bao nhiêu chuyện tốt”, đây là trên chương ngại chồng thêm chương ngại, nghiệp chương không tiêu được! Tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn chính là hiện tượng nghiệp chương tiêu trừ. Tâm mỗi ngày một phiền não hơn, tức là nghiệp chương tăng thêm. Hiểu nguyên lý và nguyên tắc, sẽ dễ dàng phân biệt Phật và ma. Có tiền quả thật sẽ khởi vọng tưởng thì bỏ thí vẫn là tốt đẹp hơn. Đây là sự thật, chẳng giả tí nào!

(Diễn) Tứ giáo các hữu nội ngoại phạm.

(演) 四教各有内外凡。

(Diễn: Trong bốn giáo, mỗi giáo đều có nội phạm và ngoại phạm).

“Tứ giáo” là Tạng, Thông, Biệt, Viên, Thiên Thai đại sư nói như vậy. Nói đến phạm phu thì có nội phạm và ngoại phạm. Ngoại phạm giống như chúng ta hiện thời là ngoại phạm. Chữ “*nội phạm*” chỉ những ai? Phạm những ai chưa kiến tánh, nhưng đã đắc Thiên Định thì gọi là “*nội phạm*”, như A La Hán, Quyền Giáo Bồ Tát đều được coi là nội phạm. Đã kiến tánh thì mới là Bồ Tát thật sự. Lấy công phu Niệm Phật để nói, công phu thành phỉến là nội phạm, công phu chưa thành phỉến là ngoại phạm. Lý nhất tâm bất loạn mới gọi là thánh nhân, chẳng phải là phạm phu. Như vậy là công phu có nhiều tầng lớp.

(Diễn) Nhược nãi vị thông tứ giáo, bác địa phạm ngu, danh hạ phạm dã.

(演) 若乃未通四教，博地凡愚，名下凡也。

(Diễn: Nếu chưa thông hiểu tứ giáo, là hạng phạm ngu sát đất thì gọi là “hạ phạm”).

Đây là Liên Trì đại sư khiêm hư! Giống như trình độ của chúng ta trong hiện thời quả thật là phàm phu, là “hạ phàm” danh đúng với thật. [Liên Trì đại sư tự nhận là] hạ phàm mà có thể viết ra một bộ chú giải như thế này, quá khiêm hư, quá khách sáo, Ngài tuyệt đối chẳng phải là hạ phàm. Dưới đây, Ngài khách sáo mấy câu như “*cùng tu văn học*” (kiến giải hết sức lệch lạc, học muộn), xin xem chú giải.

(Sớ) Cùng tu văn học.

(Diễn) Tu giả, thiên ngưng giả, cùng, cực dã.

(疏) 窮陋晚學。

(演) 陋者，偏隅也。窮，極也。

(Sớ: Kiến giải lệch lạc tột cùng, học Phật muộn màng.

Diễn: “Tu” là lệch về một góc, “cùng” là tột bậc).

Có ý nghĩa như thế này: Kiến giải của chính mình chẳng viên mãn, kiến thức rất nông cạn, sai sót, thiếu học vấn, thiếu tu trì, thiếu đức hạnh. [Những điều này] đều là [Liên Trì đại sư] nói khách sáo.

(Diễn) Thử phương tại Diêm Phù Đề chi cực Đông, cổ danh Chân Đán quốc.

(演) 此方在閻浮提之極東，故名震旦國。

(Diễn: Phương này ở phía cực Đông của châu Diêm Phù Đề, nên gọi là nước Chân Đán).

Thời đại của Liên Trì đại sư, [người ta] còn chưa biết trái đất hình tròn, nhưng người chân chánh học Phật đều biết, nhưng không nói. Nói ra sẽ chuốc lấy phiền phức, vì sao? Mọi người không tin! Vì sao người học Phật biết? Vì trong Phật pháp nói tới mười phương thế giới, nói Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới. Trong mười phương đã có thế giới thì đương nhiên là chúng ta ở giữa hư không. Nếu chẳng ở giữa hư không, làm sao có mười phương thế giới? Vì vậy, đức Phật đã sớm nói rõ, nhưng không nói rõ rệt, người thông minh nghe nói sẽ nhận biết. Chữ “*Diêm Phù Đề*” (Jambudvīpa) chỉ quả địa cầu của chúng ta. Do [Trung Hoa] ở phương Đông, nên gọi là Chân Đán. Phương Đông là Chân [trong Bát Quái]. Mặt trời mọc từ phương Đông;

do vậy, trong quá khứ, người Tây Vực gọi Trung Quốc là Chân Đán (Cīnasthāna).

(Diễn) Đại sư nhất sanh tự cư học địa, bất cảm dĩ tiên bối tự xưng, cố xưng văn học.

(演) 大師一生自居學地，不敢以先輩自處，故稱晚學

•

(Diễn): Đại sư cả đời tự coi mình thuộc địa vị học trò, chẳng dám tự xưng là người thuộc lớp trước [so với người khác], vì thế xưng là kẻ học sau).

Xưng “văn học” là nói khiêm hư, “học địa” là học sinh. Suốt đời, Ngài tự coi mình là đứa học trò mới học, trọn chẳng dám dùng thân phận thầy giáo đối với người khác. Do vậy, xưng là “văn học”. “Đại sư”: Trong nhà Phật gọi đức Phật là đại sư, Bồ Tát cũng chẳng thể gọi [là đại sư]. Bồ Tát được gọi là “đại sĩ” như Quán Âm đại sĩ. Hiện thời, các pháp sư xưng là đại sư, hết sức thiếu khiêm hư. Liên Trì đại sư tự xưng là “hạ phàm”, hoặc xưng là “văn học”. Cổ đại đức thật sự tu hành chứng quả, xưng là “đại sĩ”; tại gia cư sĩ cũng có thể xưng như vậy, như Phó đại sĩ. Đối với người thế gian, có học vấn thế gian, giống như họa sĩ, nhạc sĩ, người ta gọi họ là “đại sư” thì được. Đó là cách xưng hô trong thế gian, chẳng phải trong cửa Phật. Phàm là đối với pháp sư trong Phật môn, đối với cư sĩ đã chính thức quy y Tam Bảo, chẳng thể xưng là “đại sư”. “Khai sĩ” là người đã khai ngộ, đây là tiếng xưng hô bậc Bồ Tát. “Đại sĩ” dịch từ chữ Ma Ha Tát, Đại Bồ Tát được gọi là “đại sĩ”, là bậc Bồ Tát đã đăng địa (chứng từ Sơ Địa trở lên). Các vị pháp sư dịch kinh trải các đời ở Trung Quốc được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, chẳng gọi là đại sư. Do vậy, người xuất gia chẳng thể xưng là đại sư, đó là tiếm việt (lấn lướt, quá phận).

Trong Thiên Tông xưng là “thiên sư”. Thầy của các vị đế vương thời cổ gọi là “quốc sư”, đều chẳng thể xưng là “đại sư”, chỉ có tổ sư Tịnh Độ Tông có thể xưng là “đại sư”, điều này rất đặc biệt. Vì sao? Quý vị phải hiểu: “Đại sư” là Phật, nếu quý vị gặp được “đại sư”, đời này nhất định chứng quả, nhất định thành tựu. Nói cách khác, nếu quý vị gặp được tổ sư Tịnh Độ Tông, mà có thể tin nhận, phụng hành, đời này nhất định vãng sanh thế giới Tây Phương. Vãng sanh thế giới Tây

Phương là thành Phật, vị ấy có thể xưng là “đại sư”, chẳng khác gì Phật. Do vậy, tổ sư Tịnh Độ Tông được gọi là “đại sư”.

Tổ sư Tịnh Độ Tông do đâu mà có? Chẳng phải là đời này truyền cho đời kia như Thiên Tông Trung Quốc, Đạt Ma tổ sư là đời thứ nhất, Huệ Khả là đời thứ hai. Họ có sư thừa (thầy truyền cho trò), từ đời này truyền xuống cho đời kia. Tịnh Độ Tông không có, tổ sư Tịnh Độ Tông là do “dân tuyền”, chẳng phải là thế tập. Cả đời vị ấy tu hành hoằng hóa, có công lao thù thắng đối với Tịnh Độ được mọi người công nhận. Do vậy, Ngài chẳng phải là kế thừa một cá nhân nào! Nếu đời nào không có người như vậy, đời ấy không có [tổ sư Tịnh Độ Tông]. Ví như vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ Tông và vị tổ sư thứ hai cách nhau mấy trăm năm, trong mấy trăm năm không có ai. Vị tổ sư đời thứ nhất là ngài Huệ Viễn triều Tấn, Ngài là người đề xướng pháp môn Niệm Phật đầu tiên, kiến lập liên xã tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Thuở ấy, những người cùng niệm Phật với Ngài gồm một trăm hai mươi ba người, ai nấy đều vãng sanh, là một trang thù thắng nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Vị tổ sư đời thứ hai là Thiện Đạo đại sư đời Đường, trong mấy trăm năm không có người thứ hai giống như vậy xuất hiện. Cận đại có Ấn Quang đại sư, mọi người công nhận Ngài là tổ sư đời thứ mười ba của Tịnh Độ Tông, do vậy, Ngài được tôn xưng là đại sư. Ở đây nói: “*Đại sư suốt đời coi mình thuộc địa vị học trò*”, đối với vị tổ sư một đời của Tịnh Độ Tông có thể gọi là “đại sư”, chứ đối với những người khác chẳng thích hợp cho lắm. Đây cũng là điều mọi người chúng ta nên biết.

(Tự) Vững thông huyền lý, tố bỉ không đàm, họa bính hà ích cơ trường, Yên thạch nan vu cổ mục.

(序) 罔通玄理，素鄙空談，畫餅何益饑腸，燕石難誣賈目。

(Tự): Chẳng thông lý diệu huyền, trọn thẹn bàn suông, bánh vẽ ích gì cho bụng đói, đá non Yên khó lừa mắt lái buôn [sành sỏi].

Những điều này đều có điển cố.

(Diễn) Vững thông huyền lý, vị vị năng thật khế diệu tâm.

(演) 罔通玄理，謂未能實契妙心。

(Diễn: “*Chẳng thông lý huyền diệu*”, ý nói: Chưa thể thật sự khế hợp diệu tâm).

“*Võng thông*” là chưa thông. “*Huyền lý*” là những lý huyền diệu sâu xa nhất trong Phật pháp. “*Diệu tâm*” là chân tâm, mà cũng là nhất tâm bất loạn như kinh này chủ trương, [Liên Trì đại sư] đặc biệt nói: Chưa thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, chưa chứng đắc! Ngài có phải là chứng đắc hay không, hay chỉ khiêm hư nói chưa chứng đắc? Điều này rất khó nói! Nói nghiêm ngặt, chưa thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sẽ không thể viết ra bộ chú giải này. Do vậy, những lời nói này vẫn là lời lẽ khiêm hư, khách sáo.

(Diễn) *Không đàm, tức y thông Thiên khách, văn tự học nhân, thính kỳ ngôn dã, siêu hiển thánh chi tiền. Kê kỳ hành dã, lạc phạm dung chi hậu. Tổ bỉ, vị bình tổ tự bỉ.*

(演) 空談，即依通禪客，文字學人。聽其言也，超賢聖之前；稽其行也，落凡庸之後。素鄙，謂平素自鄙。

(Diễn: “*Nói suông*”: Tức là giống như những kẻ thông hiểu Thiên, những người học thông hiểu văn tự, nghe lời họ nói [cảm thấy] vượt trội bậc hiển thánh. Xét đến những gì họ làm, thua cả hạng phạm phu tầm thường! “*Tổ bỉ*” nghĩa là tự khinh mình tầm thường).

Ngài tự mình chẳng chịu bàn suông, đó là tự khinh mình, chứ không phải là khinh thường người khác. [Những điều được nói ở đây] cũng là hiện tượng thường thấy trong thời kỳ Mạt Pháp, tức là: Phật pháp ngoài cửa miệng; nói được, nhưng không làm được! Họ rất biết nói, đương nhiên những gì họ nói là cái học do hỏi han, ghi nhớ mà ra. Họ đọc nhiều, nghe nhiều, cũng thường hỏi người khác, [nên gọi] là “*ký vấn chi học*” (học thức có được do ghi nhớ và thưa hỏi), chẳng phải là cảnh giới do chính mình đích thân chứng được. Đây gọi là “*không đàm*” (bàn suông). Phật pháp quý nhất là thực chứng, nghĩa là tự mình thật sự chứng đắc. Nói “*chứng đắc*” thì “*đắc*” là gì? Tâm Kinh nói: “*Vô trí, diệc vô đắc*” (không trí mà cũng chẳng đắc), đây gọi là “*chứng đắc*”. Chứng đắc gì? Chứng đắc “*vô trí, diệc vô đắc*”. Nếu quý vị có trí, có đắc, sẽ là chướng ngại. Lục Tổ nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuộm bụi trần*”, đây là nói về chân tâm. Chân tâm là nhất tâm, trong

nhất tâm thứ gì cũng không có. Nếu có trí, có một vật, lại có đặc, tức là lại có thêm một vật nữa, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Khi nào, bản thân quý vị đạt đến “*vốn chẳng có một vật*”, sẽ thật sự chứng đắc. Ở đây gọi [cảnh giới ấy] là “*thật khế diệu tâm*”, “*thật*” (實) là chân thật, “*khế*” (契) là khế hợp. “*Diệu tâm*” là chân tâm, quả thật “*vốn chẳng có một vật*”.

Khi Lục Tổ chứng đạo, nói ra cảnh giới của chính mình: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh*”. Tự tánh là tự tâm, bản tâm của chính mình là thanh tịnh. Hiện tại nó chẳng thanh tịnh là do chính mình gây ra, chẳng phải là người khác gây nên. Quý vị vốn chẳng có vọng niệm, hằng ngày tự mình khởi vọng tưởng, vậy thì còn có cách nào nữa đây? Chuyện ấy Phật, Bồ Tát chẳng thể giúp quý vị được, vì quý vị tự mình sanh vọng tưởng. Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta bằng cách nói cho chúng ta biết rõ ràng những nguyên tắc và nguyên lý, khiến cho chúng ta tự mình giác ngộ. Tâm ta vốn sẵn thanh tịnh, hóa thành suốt ngày tưởng Đông nghĩ Tây; cái suy tưởng ấy quả thật là vọng tưởng, vì quý vị nghĩ xem: Chẳng có thứ gì là chân thật, đều là giả. Vì sao biết chúng là giả? Vì cái tâm có thể suy tưởng ấy là giả, là pháp sanh diệt; niệm này sanh, niệm kia diệt. Kinh Kim Cang giảng về vọng tâm, bảo “*tam tâm bất khả đắc*”, quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Quý vị còn có suy tưởng gì nữa? Nếu “*tưởng*” là thật thì có thể tưởng, Phật cũng sẽ chủ trương, cũng bảo quý vị tưởng. Tưởng là giả, chẳng thật!

Chân tâm ly niệm, chân tâm không có niệm. Niệm mà không có niệm được gọi là “*chánh niệm*”. Niệm mà có niệm thì gọi là “*vọng niệm*”, hoặc “*vọng tưởng*”. Ngàn kinh vạn luận nói tới đạo lý này, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều nhằm khôi phục cái tâm thanh tịnh của chính mình. Phật pháp là như thế mà thôi! Do vậy, Phật pháp chẳng gạt người, Phật pháp câu nào cũng đều là chân thật. Lại thưa cùng quý vị, hết thầy tai nạn của chúng ta đều do vọng tưởng sanh ra. Nếu tâm địa thanh tịnh, tai nạn gì cũng đều chẳng có. Tâm thanh tịnh là tâm cát tường nhất. Trong tâm thanh tịnh có thể sanh ra trí huệ, tâm thanh tịnh có thể sanh ra vạn pháp. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta khôi phục tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là Phật pháp. Tâm thanh tịnh là Vô Thượng Bồ Đề, Phật pháp thường gọi nó là “*huyền lý*”. Phàm những kẻ có cái học thức “*ký vấn*” thì chẳng phải là học thức thật sự, vì nó chẳng lưu lộ từ tâm thanh tịnh!

Do điều này, học Phật nhất định phải có thiện xảo. Chẳng biết thiện xảo thì sao? Quý vị mỗi ngày đọc kinh, mỗi ngày nghe kinh, chẳng thể khai trí huệ! Quý vị đạt được một chút trí huệ cũng là cái học “kỳ vẩn”, chẳng phải là trí huệ thật sự. Chẳng những không thể khai trí huệ, mà ngược lại còn hằng ngày tăng trưởng Sở Tri Chương, phiền phức to! Người biết nghe phải nghe như thế nào? Nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, quý vị sẽ khai trí huệ, ở đây gọi là “*thật khéo điều tâm*”. Đây chính là như kinh Kim Cang đã nói: “*Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động*”. “Chẳng giữ lấy tướng” chẳng phải là không cần tướng. Chẳng hạn như nay chúng ta đối trước kinh bản, đó là tướng, tôi nói ở đây, quý vị nghe tại nơi ấy, đó là tướng. Đó là tướng tiếp xúc, tiếp xúc như thế nào? Chẳng chấp trước. Tôi đọc kinh, chẳng chấp tướng văn tự; tôi nghe giảng, chẳng chấp tướng ngôn thuyết. Trong tâm chẳng khởi vọng tưởng, ý niệm gì cũng chẳng có. [Nếu khởi lên ý nghĩ]: “Đoạn này giảng khá quá, đoạn kia giảng rất hay”, như vậy là hồng bút, quý vị chấp vào tướng mất rồi!

Chẳng chấp trước, quý vị có công phu ấy, bất luận người nào giảng kinh đều có thể nghe được, vì sao? Giảng rất hay, chẳng chấp tướng hay. Giảng thật tẻ, chẳng chấp tướng tẻ. Nói chung, chẳng chấp tướng sẽ là khéo nghe, là thật sự nghe. Trong cảnh giới này, quý vị rèn luyện điều gì? Rèn luyện nhất tâm bất loạn, đó là công phu thật sự. Do vậy, quý vị nghe xong, có khi hoát nhiên khai ngộ, ắt phải nghe như vậy thì mới có thể hoát nhiên khai ngộ. Nếu quý vị nghe xong, gật đầu: “Khá lắm! Hay quá!” Quý vị vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ, quý vị là phàm phu, chẳng biết nghe. Người thật sự biết nghe cao minh lắm! Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta ba nguyên tắc: Chẳng chấp tướng ngôn thuyết, chẳng chấp tướng văn tự, chẳng chấp tướng tâm duyên. “Tâm duyên” là trong tâm suy tưởng, trong tâm khởi ý niệm. Chẳng khởi ý niệm là như kinh Kim Cang đã nói: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. Đó gọi là tu hành chân chánh, là dụng công chân chánh.

Nếu quý vị học được phương pháp này, chẳng những trong giảng đường nghe kinh là như vậy, mà quý vị đi người, tiếp vật, trong hết thấy công việc đều như vậy. Chuyện gì cũng làm viên mãn, trong tâm thanh tịnh. Đó là sự nghiệp của Bồ Tát, chứ chẳng phải là bảo quý vị chuyện gì cũng đều chẳng làm, mà là chuyện gì cũng đều làm, nhưng thứ gì cũng thanh tịnh, thứ gì cũng chẳng chấp trước. Do vậy, Phật pháp chẳng lìa pháp thế gian. Pháp thế gian chính là Phật pháp. Trong Phật

pháp và pháp thế gian, không có giới hạn. Hết mê thì hết thấy gọi là pháp thế gian, vì sao? Đọa trong thế gian. Thế gian là mười pháp giới, có quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó là Thế. Có hết thấy giới hạn, đó là Giới. Vì sao? Khởi tâm động niệm thì hết thấy pháp đều là pháp thế gian. Nếu thật sự có thể “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, hết thấy pháp đều gọi là pháp xuất thế gian, không có một pháp nào là pháp thế gian. Do đây có thể biết: Thế gian và xuất thế gian cũng là do một niệm của chúng ta mê hay ngộ mà thôi! Hết mê thì xuất thế gian biến thành thế gian, ngộ rồi, thế gian biến thành xuất thế gian.

Lại thưa với quý vị, hết ngộ thì xuất thế gian cũng chẳng có. Pháp thế gian không có, xuất thế gian còn do đâu mà có nữa đây? Thế gian và xuất thế gian là hai pháp; hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Trong Đàn Kinh, sư Ấn Tông hỏi Lục Tổ: “Ngũ Tổ có giảng Thiên Định, giải thoát hay chẳng?” Lục Tổ trả lời: “*Thiên Định, giải thoát là hai pháp; hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp Bất Nhị*”. Quý vị hãy khéo suy nghĩ đạo lý này rồi mới đọc bản kinh này, sẽ thấy thú vị. Đọc rồi sẽ khai ngộ. Quý vị đọc hiểu thì rất tốt! Đọc không hiểu, cũng chẳng sao! Không hiểu, chẳng cần phải mong hiểu! Vì quý vị suy tưởng, sẽ rớt vào vọng niệm, khởi vọng tưởng, đây là vì quý vị có chướng ngại. Nếu không có chướng ngại, vừa đọc sẽ tự nhiên hiểu rõ, chẳng cần phải suy tưởng mới hiểu rõ. Đó là Ngộ. Do vậy, hết ngộ thì hằng ngày đều có ngộ xứ; quý vị không suy tưởng mà vẫn hiểu rõ chuyện này, đó là ngộ xứ.

Làm thế nào để khai ngộ? Tâm càng thanh tịnh thì càng có thể khai ngộ. Tâm càng thanh tịnh thì phạm vi ngộ càng rộng lớn. Hết chưa thể khai ngộ, đều là do vọng niệm quá nhiều, phiền não quá nặng. Phiền não và vọng tưởng đều là giả, trong chân tâm không có những thứ này. Chuyện này đã được giảng hết sức thấu triệt trong kinh Lăng Nghiêm, đặc biệt là trong đoạn kinh văn “*thập phiến hiển Kiến*” (mười phen chỉ rõ cái Thấy). Tánh Thấy là chân tâm, tánh Thấy là bất sanh bất diệt. Tánh Thấy vốn sẵn thanh tịnh, quyết định chẳng dính dáng tới vọng tưởng, phiền não! Điều này chứng minh trong chân tâm không có phiền não, chẳng có vọng niệm. Vọng niệm và phiền não đều từ vô minh sanh khởi, vô minh là mê hoặc, [vọng niệm và phiền não] từ mê hoặc biến hiện ra. Bản thân của mê là không thật, là hư vọng.

Chúng ta tự mình tu hành, công phu phải thực tiến. Tôi lại thưa cùng quý vị, chân chánh vận dụng công phu thì công phu chẳng ở nơi hình thức. Tôi mỗi ngày đối trước tượng Phật, niệm mấy quyển kinh, lần bao nhiêu chuỗi, lạy bao nhiêu lạy, đó gọi là “*công khóa*”, vẫn là hình

thức. Tương ứng với cái tâm thanh tịnh của chính mình, đó là công phu. Nếu chẳng tương ứng với cái tâm thanh tịnh của chính mình, chẳng phải là công phu. Dầu cho quý vị mới nửa đêm, ba giờ sáng đã dậy tụng khóa sáng, mà suốt ngày từ sáng đến tối vẫn khởi vọng tưởng, vẫn lo tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn ở trong ngũ dục, lục trần, thì là kẻ “hạ phàm” danh phù hợp thật, ngay cả danh xưng “*văn học*” cũng chẳng xứng! Bởi vậy, công phu chẳng ở nơi hình thức, mà là niệm niệm giác chứ không mê, niệm niệm chánh chứ không tà, niệm niệm tịnh chứ chẳng nhiễm. Từ xưa đến nay, không ít bậc đại đức thực hiện công phu gì vậy? Quý vị thấy trong Thiên Tông Tập, thiền sư Vĩnh Gia đã nói: Phương pháp tu hành của Ngài là “*cơ lai ngật phạn, khôn lai miên*” (đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ). Bụng đói bèn ăn cơm, buồn ngủ thì đi ngủ, tuyệt vời! Công phu của Ngài chẳng chấp vào hình thức, đó là công phu chân chánh, là công phu chân thật, chẳng ở nơi hình thức.

Công phu hình thức được đại chúng trong tự viện cùng nhau thực hiện. Quý vị ở nhà, cả nhà đều học Phật, hoặc người nhà chẳng phản đối học Phật, quý vị có thể áp dụng nghi thức. Nếu trong nhà có người chẳng tin Phật, có người tin Cơ Đốc Giáo, nếu quý vị làm chuyện ấy, trong tâm họ khó chịu. Nếu họ hủy báng, gây khó dễ cho quý vị, khiến quý vị sanh phiền não, đó là sự tu hành của chính mình có chướng ngại. Do vậy, chúng ta nhất định phải hiểu nguyên tắc và nguyên lý của Phật pháp, hiểu trong tình hình nào nên dùng cách tu như thế nào? Có thể tự lợi, lợi tha, đây là phương pháp tu hành tốt nhất. Tự lợi là nhất định chẳng trở ngại cái tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm ta ngày một thanh tịnh hơn, đó là tự lợi. Đồng thời lại có thể ảnh hưởng người khác, đó là lợi tha. Đối với nghi thức tụng niệm sáng tối của người tại gia, càng đơn giản càng hay, hãy chiếu theo cách tu trong cuốn Tây Phương Xác Chí: Tụng một biến kinh Di Đà, bảy biến Vãng Sanh Chú, niệm một ngàn câu Phật hiệu, sau khi niệm xong bèn lễ Phật, cách ấy tốt lắm. Cách ấy cũng phải có phước báo, không bị chướng ngại thì mới làm được! Nếu có chướng ngại thì mức thấp nhất là cách Thập Niệm sáng tối. Đó là gọi là “*định khóa*” (công khóa cố định). Trừ định khóa ra, tán khóa cũng rất quan trọng. “Tán khóa” chính là bất luận lúc nào, bất kể ở đâu, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn.

Phật hiệu nhằm đánh thức giác tâm của chúng ta. Một câu Nam-mô A Di Đà Phật có nghĩa như sau: Nam-mô là quy y, A là vô, Di Đà là lượng, Phật là giác. Dịch toàn bộ [Phật hiệu] sang nghĩa tiếng Hán là Quy y Vô Lượng Giác. Quy (皈) là quay đầu lại, chúng ta từ mê hoặc,

điên đảo quay đầu lại, nương vào Giác. Khởi vọng tưởng là mê hoặc, điên đảo; quay đầu trở lại, ta không khởi vọng tưởng nữa, niệm Nam-mô A Di Đà Phật, từ tà tri kiến mà quay đầu lại. Phàm là tri kiến thì đều là tà tri kiến, vì sao? Trong chân tâm không có tri kiến, cho nên nói: “*Vô tri, diệt vô đắc*”. Bát Nhã vô tri mà! Quý vị đọc kinh Đại Bát Nhã, Bát Nhã là gì? Bát Nhã vô tri, trong tâm thanh tịnh một niệm chẳng sanh, vô tri mà! Khi khởi tác dụng thì không gì chẳng biết. Ví như cái chuông, chuông chẳng vang ra tiếng, quý vị vừa gõ nó liền ngân vang, gõ mạnh bèn kêu to, gõ nhẹ sẽ kêu nhỏ. Khi quý vị gõ, nó chẳng động tâm: “Ông gõ tôi, tôi nên ngay lập tức ngân vang”, nó không có ý niệm ấy. Chân tâm của chúng ta cũng giống như thế! Do vậy, chân tâm không có niệm, chân tâm không có “tri”, nhưng khi khởi tác dụng thì không gì chẳng biết. Trong tâm quý vị “có tri” là hỏng rồi, như vậy là quý vị có cái chẳng biết. Do vậy, quý vị muốn cầu trí huệ, thì phải cầu gì? Cầu vô tri. Quý vị tính học cái này, tính học cái kia, càng học nhiều, càng rối ren, vì sao? Giống như cái chuông nhét chặt cứng thì gõ cách nào nó cũng chẳng ngân!

Do vậy, tâm phải thanh tịnh, phải rỗng rang, rỗng rang thì mới linh, linh giác đây! Hễ thấy liền biết, hễ nghe liền biết. Đó là “không gì chẳng biết”, trí huệ thật sự. Đó là tác dụng của tự tánh thanh tịnh tâm.

Trí huệ của Phật, Bồ Tát và cổ thánh tiên hiền đều là như vậy. Nói đến chỗ này, Liên Trì đại sư tự mình quả thật đã đạt đến chân tu thực tiến, vì những điều [được nêu ra] trong bản chú giải này đều là cảnh giới Hiện Lượng lưu lộ từ tự tánh thanh tịnh tâm của chính Ngài, tuyệt đối chẳng phải là bàn suông! Ngài nói câu nào cũng đều là chân thật. Hôm nay đã hết giờ rồi!

Tập 37

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi bảy:

(Sớ) Thượng minh niệm Phật hoạch như thị ích, bất niệm Phật chiêu như thị tổn, cố thuật kỹ ý, duy sùng niệm Phật, kim sơ tiên dĩ độn căn tự lượng dã.

(疏) 上明念佛獲如是益，不念佛招如是損，故述己意，唯崇念佛。今初先以鈍根自量也。

(Sớ: Trong phần trên đã nói rõ niệm Phật đạt được lợi ích như thế, không niệm Phật chiêu lấy tổn thất như vậy, cho nên trình bày ý mình: Chỉ đề cao niệm Phật. Nay, trước hết, do tự xét thấy mình là kẻ độn căn).

Chữ “*thượng*” (上) chỉ hai đoạn văn tự lớn trong phần trước, nói rõ lợi ích và công đức niệm Phật, nhất là đối với chúng tôi trong hai ba năm gần đây đã thấy những tướng lành niệm Phật vãng sanh hết sức hy hữu. Năm trước, có một vị lão đồng tu ở Hương Cảng Phật Giáo Đồ Thư Quán vãng sanh trong khi đang xem kinh. Cụ biết trước lúc mất, đã báo tin cho pháp sư Sướng Hoài một tháng trước đó, bảo pháp sư Sướng Hoài rằng cụ sắp ra đi, chẳng sanh bệnh. Hôm cụ mất, pháp sư Sướng Hoài sai người tới nhà cụ lấy Đại Tạng Kinh về, lão cư sĩ đang xem kinh, còn quở người ấy một trận: “Không sai! Tôi nói anh hôm nay đến lấy Đại Tạng Kinh về, nhưng không bảo anh lấy ngay bây giờ”. Người ấy bèn quay về, hai hôm sau trở lại lấy thì lão nhân gia đã vãng sanh rồi. Hỏi người nhà: “Cụ vãng sanh khi nào?” “Sau khi anh về hai tiếng đồng hồ, cụ ngồi vãng sanh ngay tại đó”. Do vậy, pháp sư Sướng Hoài hiện thời niệm Phật, là vì chính mắt thấy sự thật này. Gần đây nhất, tại Los

Angeles, tôi thấy Sử cư sĩ cũng là một người biết trước lúc mất, không bệnh mà mạng chung, ngàn vạn phần xác đáng cụ đã vãng sanh, báo trước chuyện này với người nhà: Cụ sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh nói rất kỹ về chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, chúng ta nhất định chớ nên xem thường, đọc lướt qua câu này. Sở dĩ pháp môn này được gọi là “*chẳng thể nghĩ bàn*” là vì Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo mới chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Ai mới chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái? Đẳng Giác Bồ Tát. Vì vậy, đọc tới câu này, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Hạ Phẩm Hạ Sanh mà viên chứng ba thứ Bất Thoái! Nói cách khác, người Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới bằng với Đẳng Giác Bồ Tát, chuyện này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin! Ngay cả trong kinh luận, đối với pháp môn này, chính đức Phật thường nói: “*Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Trong kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật đều chứng minh pháp môn này là pháp khó tin. Tuy khó tin, nhưng rất dễ thành tựu! Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư bảo chúng ta: “*Vạn người tu, vạn người đến*”, điều kiện tu học là Tam Tư Lương, tức là ba điều kiện trọng yếu: Thứ nhất là quý vị phải tin, thứ hai là phải chịu về đó, tức là quý vị phải phát nguyện, thứ ba là quý vị phải niệm Phật trì danh. Tín, Nguyện, Trì Danh là Tam Tư Lương, ba điều kiện ấy.

Chúng ta phải hiểu: Ở trong thế giới Sa Bà khổ sở! Bất luận quý vị thuộc địa vị như thế nào, giàu có cỡ nào, nhưng người nghèo có nỗi khổ của người nghèo, kẻ giàu có nỗi khổ của kẻ giàu, làm quốc vương cũng chẳng được tự tại, vẫn có nỗi khổ riêng. Lên cõi trời làm thiên vương còn bị A Tu La gây rối, phải giao chiến với bọn hắc, thiên vương cũng chẳng tự tại! Đức Phật bảo chúng ta: “*Tam giới đều khổ!*” Chỉ cần ở trong tam giới, tìm chẳng ra một cõi nào vui sướng cả! Chúng ta phải nên giác ngộ điều này. Do vậy, ở đây, Liên Trì đại sư rất miệng buốt lòng khuyên lơn, nhắc chúng ta, nói rõ công đức và lợi ích của niệm Phật. Không niệm Phật tổn thất quá u lớn lao, tổn thất không chi sánh bằng! Đây là nói với ai vậy? Nói với những người tu học các pháp môn khác. Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, họ chẳng niệm Phật, mà học các pháp môn khác. Nói thật thà, [những pháp môn khác] chẳng thể thành tựu, học chẳng thành công. Muốn thành tựu trong thời kỳ Mạt

Pháp, chỉ có pháp môn này! Liên Trì đại sư muốn chú giải bộ kinh này, soạn ra bộ Sớ Sao này, dụng ý là như thế này: Đề xướng pháp môn Niệm Phật, “*thôi sùng*” (đề cao) cũng có nghĩa là đề xướng.

Trong đoạn này, trước hết Ngài “*độn căn tự lượng*” (tự xét mình là kẻ độn căn). Nếu Ngài là người căn tánh rất nhạy bén mà tu pháp môn này, chúng ta nhất định sẽ nghĩ: Ngài là bậc căn tánh bén nhạy, thiện căn sâu dày, chúng ta chẳng bằng Ngài; nói chung, chúng ta chẳng có phần! Ngài thị hiện làm một kẻ độn căn, căn tánh của ta cũng rất độn, Ngài tu được thì nói chung là ta cũng có phần, khích lệ chúng ta không gì lớn bằng!

Đối nghiệp vãng sanh, tổ sư dạy chúng ta điều này. Hiện thời có người đề xướng chẳng chấp thuận đối nghiệp, chỉ có thể tiêu nghiệp vãng sanh. Cách nói ấy là muốn giữ bỏ cách nói này của tổ sư, nói như vậy có được hay chẳng? Tôi thưa cùng quý vị, chẳng thể được! Tuy bọn họ cũng tốn không ít tinh thần suy tưởng để tìm cách giữ bỏ lý luận của tổ sư, tốn chẳng ít công phu tra cứu kinh luận. Trong kinh luận chẳng có câu “*đối nghiệp vãng sanh*”, tiêu nghiệp thì có, có thể tìm được [những câu kinh nói về] tiêu nghiệp, chẳng tìm thấy đối nghiệp. Do vậy, họ phản đối thuyết đối nghiệp của tổ sư, bảo thuyết ấy không đúng. Nếu chúng ta hỏi: “Trong kinh luận Tịnh Độ, có phải là đã nói tới bốn cõi, ba bậc, chín phẩm hay chẳng?” Có! Từ hết thấy kinh luận, quý vị có thể thấy rõ ràng là đức Phật nói như vậy. Nếu chẳng đối nghiệp, ở đâu ra ba bậc, chín phẩm trong bốn cõi? Không có! Nếu chẳng đối nghiệp thì lại thưa với quý vị, chẳng cần vãng sanh nữa! Vãng sanh để làm gì? Chẳng đối nghiệp thì chỉ có một người thôi, ai vậy? Phật! Phật chẳng đối nghiệp. Đẳng Giác Bồ Tát còn đối nghiệp, chuyện này đã được hết thấy các kinh luận Đại Thừa nói rất rõ ràng. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh, Ngài vẫn còn đối nghiệp, sanh tướng vô minh là nghiệp! Quý vị hãy đọc về nghiệp tướng vô minh trong Duy Thức, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo nó; do vậy, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn đối nghiệp! Vì thế, có thể biết: Thuyết đối nghiệp vãng sanh tuyệt đối hợp lý! Chúng ta đừng bị những lời bịa đặt nhiễu loạn cái tâm thanh tịnh của chính mình; điều này rất quan trọng!

Phàm vãng sanh thế giới Tây Phương, không một ai chẳng đối nghiệp, chỉ có thể nói là đối nghiệp nhiều hay ít. Đối nghiệp nhiều, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đối nghiệp ít, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đối nghiệp nhiều, Hạ Phẩm Hạ Sanh; đối nghiệp ít, Thượng Phẩm Thượng Sanh, không một ai chẳng đối nghiệp. Vậy thì

nói “tiêu nghiệp” có hợp lý hay chẳng? Hợp lý! Người tiêu nghiệp nhiều thì đời nghiệp ít, tiêu nghiệp ít thì đời nghiệp nhiều. Tiêu một chút, mang theo một chút; mang theo một chút, tiêu một chút. Do vậy, nói đến “đới” (帶: mang theo) hay nói là “tiêu” đều được. Chỉ chấp nhận tiêu chứ không đới, hoặc chỉ chấp nhận đới chứ không tiêu, đều là trật, hoàn toàn làm lẫn rồi! Do vậy, chúng ta đọc kinh phải quan sát mọi mặt thì sau đây mới thấy viên mãn, thấy được lý viên mãn và ý nghĩa viên mãn.

Trước tiên, chúng ta thấy đại sư tự coi mình là kẻ “độn căn”, rất trì độn. Sách Diễn Nghĩa chú giải chữ “*tự lượng*” rất hay.

(Diễn) Tự lượng nhị tự cực giai, thánh chi sở dĩ thành thánh, hiền chi sở dĩ ích hiền dã.

(演) 自量二字極佳，聖之所以成聖，賢之所以益賢也

•

(Diễn: Hai chữ “tự lượng” tuyệt hay, thánh sở dĩ thành thánh, hiền sở dĩ càng thêm hiền [là do biết tự lượng]).

Thánh nhân sở dĩ thành thánh, hiền nhân sở dĩ càng thêm hiền huệ là vì bản thân họ biết “*tự lượng*”, tức là tự mình biết đánh giá chính mình. Vì sao nói “sử dụng hai chữ này cực hay”? Đại đa số người học Phật, học những pháp môn khác đều là chẳng tự lượng sức mình, chẳng có năng lực học Thiền mà cứ khăng khăng học Thiền. Không có năng lực học Mật mà cứ khư khư học Mật. Có người hỏi tôi: “Rốt cuộc Mật pháp là tốt hay không tốt?” Đương nhiên là tốt, lẽ nào chẳng tốt? Quá ư là tốt! “Trong Mật Tông nói thành Phật ngay trong thân này (tức thân thành Phật), lời ấy có thật hay không?” Thật đấy! Quả thật là thành Phật ngay trong thân này, lời ấy chẳng giả! “Tốt lắm! Vậy thì tôi cũng học ngay, học Mật sẽ được thành Phật ngay trong đời này”. Vậy là quý vị lầm lẫn quá đời rồi! Tôi có thể dùng một tỷ dụ để nói chuyện này: Ví như chúng ta đến trường đại học Đài Loan để thăm lớp học Tiến Sĩ của hệ đại học Đài Loan, quý vị thấy những sinh viên trong lớp ấy chẳng mấy chốc tốt nghiệp bèn có học vị Tiến Sĩ. Quý vị hãy nói xem: Đó có phải là sự thật hay không? Thật! Họ học mấy tháng bèn giật được học vị Tiến Sĩ. Quý vị nghe nói vậy, [tự nhủ]: “Tuyệt quá! Tôi cũng phải mau theo học. Nếu tôi học hết hai tháng thì cũng giật được mảnh bằng Tiến Sĩ”. Được chẳng? Trước lớp Tiến Sĩ, người ta còn có lớp Thạc Sĩ, còn có

Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, mẫu giáo, còn cả một con đường dài ngàn ấy, mà họ đã đi hết rồi. Quý vị không thấy khúc đầu, chỉ thấy được khúc đuôi! Mật Tông là như vậy đó!

Đối với thuyết “*tức thân thành Phật*” của Mật Tông, phải có tư cách nào mới có thể học được? Bát Địa Bồ Tát! Do vậy, quý vị phải tự lượng sức mình, quý vị có phải là Bát Địa Bồ Tát hay không? Bát Địa là Bất Động Địa (Acalā-bhūmi), Bát Địa Bồ Tát mới có tư cách học Mật, vậy thì những địa vị cao hơn như Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác đương nhiên là tức thân thành Phật! Cao hơn [Bát Địa] chỉ có ba địa vị, trong bốn mươi một đẳng cấp chỉ có ba đẳng cấp trên đây, rất gần với viên mãn. Bản thân chúng ta thuộc địa vị nào? Chẳng những không có tư cách Sơ Địa (Pramuditā-bhūmi), mà nói thật ra, ngay cả Sơ Tín cũng chưa đủ tư cách! Quý vị đâu có năng lực học Mật! Đây là chuyện không thể được! Thật sự là một vị Thượng Sư Mật Tông giỏi thì nếu quý vị muốn học Mật với vị ấy, Ngài sẽ đẩy quý vị ra khỏi cửa: “Anh không đủ tư cách”. Ví như viện nghiên cứu của trường đại học mở lớp Tiến Sĩ, quý vị ngay cả Tiểu Học còn chưa tốt nghiệp mà muốn đến đó theo học, muốn lấy học vị Tiến Sĩ, quý vị sẽ bị đuổi đi liền! Ngay cả đứng ngoài cửa cũng không cho, một vị Thượng Sư giỏi nhất định sẽ như thế. Nếu có vị Thượng Sư nói: “Không sao cả! Trong lớp Tiến Sĩ của ta, có thể đạt học vị Tiến Sĩ ngay lập tức, chưa học lớp Mẫu Giáo cũng chẳng sao hết, đến chỗ ta học, ta có thể cấp học vị cho nhà người”. Quý vị nghĩ xem: Cấp học vị ấy cho quý vị có ích gì hay không? Cơ quan giáo dục chẳng thừa nhận! Ví như trẻ nhỏ tốt nghiệp Mẫu Giáo, ta cũng cho nó đội nón vuông giống như một vị Tiến Sĩ bé, bộ Giáo Dục có thừa nhận hay chẳng? Chẳng thừa nhận! Do vậy, quý vị nhất định phải tự lượng.

Người thật sự tự lượng sẽ học điều gì? Người ấy nhất định thật thà niệm Phật, biết trong tám vạn bốn ngàn pháp môn còn có một pháp môn này để có thể nương cậy được. Hiện thời chúng ta có tư cách, trình độ nơi pháp môn này, được rồi! Chỉ cần đầy đủ ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh, chắc chắn thành công. Trong bộ kinh này, chủ yếu là thảo luận Tín - Nguyện - Hạnh, thế nào là Tín, phát nguyện như thế nào, niệm câu Phật hiệu này như thế nào, đó là những điều cần thảo luận trong bộ kinh này!

(Sớ) Mật Pháp, tác sanh chi bất thời.

(疏) 末法，則生之不時。

(*Sớ: Mạt Pháp là sanh chẳng đúng thời*).

Sanh trong thời kỳ Mạt Pháp cũng là nói “sanh chẳng gặp thời”. Không sanh nhằm thời kỳ Chánh Pháp của Như Lai, chẳng thể thấy Phật. Thế nhưng bản thân chúng ta cũng đừng nên quá áo não, còn có nhiều người chẳng bằng chúng ta. Rốt cuộc chúng ta còn sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, tuy không thể thấy Phật, nhưng hình tượng Phật vẫn còn, chưa được nghe Phật giáo huấn, nhưng kinh điển nhà Phật vẫn còn lưu truyền trong thế gian. Chúng ta đối trước kinh điển giống như đức Phật thuyết pháp cho chúng ta. Đây là một điều may mắn lớn trong những điều bất hạnh, chúng ta nhất định phải trân quý điều này! Nếu lần này chúng ta đánh mất nhân duyên này, nghĩ đời sau sẽ lại gặp nhân duyên này, khá khó khăn! Tất nhiên thế gian loạn lạc ngày càng sâu, nếu muốn khôi phục sự thuần phác như trong quá khứ thì thừa quý vị, chẳng làm được! Nếu quý vị không tin, hãy xem lịch sử xưa nay, trong, ngoài nước, thế gian chỉ có ngày càng loạn hơn, đời này kém đời trước.

Nếu chúng ta khởi vọng tưởng, đời này chẳng thành tựu, còn có đời sau thì đời sau chẳng biết là đến đời nào hay kiếp nào nữa! Thời kiếp ấy quá ư là dài! Trong thời kiếp dài ngàn ấy, quý vị phải chịu hết mọi nỗi khổ, chẳng biết đến bao giờ mới có thể được nghe Phật pháp? Do vậy, bài kệ Khai Kinh có nói, chúng ta được nghe Phật pháp là “*trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”. Đời này gặp gỡ, quý vị phải biết là do quý vị có phước báo to nhiều nên mới có thể gặp gỡ. Được gặp gỡ, đó là nhân duyên thù thắng của quý vị. Nói cách khác, đây là cơ hội thành Phật của quý vị.

Thành Phật là vãng sanh, vãng sanh là thành Phật. Trong đời này, quý vị có thể nắm chắc [cơ hội này], quý vị sẽ thành Phật trong đời này. Nếu quý vị chẳng khéo vận dụng, bỏ lỡ cơ hội này, quả thật đáng tiếc, thật sự đáng tiếc! Do đây có thể biết: Dẫu sanh chẳng đúng thời, vẫn còn rất may mắn!

(*Diễn*) **Bất sanh Chánh Tượng.**

(*演*) **不生正像。**

(*Diễn*: *Chẳng sanh trong thời Chánh Pháp hay Tượng Pháp*).

Đây là Chánh Pháp và Tượng Pháp.

(Sớ) Khứ thánh thời dao.

(演) 去聖時遙。

(Sớ: Thời gian cách Phật đã xa).

Chữ “*thánh*” (聖) chỉ Phật; thời gian chúng ta cách Phật đã lâu xa. Từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến hiện tại, theo niên đại được ghi chép bởi người Hán, tới năm nay (1985) là 3.012 năm, xa cách khá xa xôi.

(Sớ) Hạ phàm, tác báo chi bất thắng.

(疏) 下凡，則報之不勝。

(Sớ: Hạ phàm thì quả báo chẳng thù thắng).

“*Báo*” (報) là quả báo. Hiện tại, chúng ta có thân phàm, địa vị như thế nào? Phàm phu. Chẳng những là phàm phu, mà còn là phàm phu hạng bét! Chúng ta là phàm phu hạng bét, thượng đẳng phàm phu là ai? Chư thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, những phàm phu trong các cõi ấy là thượng đẳng, như Đại Phạm Thiên là phàm phu tối thượng đẳng.

(Diễn) Phi thánh hiện ứng tích, thị nghiệp hệ phàm phu dã.

(演) 非聖賢應蹟，是業繫凡夫也。

(Diễn: Chẳng phải là thánh hiện thị hiện, mà là phàm phu bị nghiệp chướng trói buộc).

Chúng ta chẳng phải là cô Phật hay Bồ Tát tái lai. Tôi lại thưa cùng quý vị, phàm những kẻ nào bảo họ là một vị Phật hay Bồ Tát nào đó tái lai, họ đều là nói dối, đều là gạt người! Ngàn vạn phần chớ nên tin tưởng họ, vì sao? Trong Phật pháp chẳng cho phép nói như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật đã căn dặn các vị đệ tử mai sau, chẳng cho phép họ tiết lộ thân phận; chỉ có một trường hợp được tiết lộ thân phận, tức là hễ tiết lộ bèn tịch ngay, tuyệt đối chẳng trụ trong thế gian này nữa, như vậy thì được. Lộ thân phận mà vẫn trụ trong thế gian thì là yêu ngôn mê hoặc đại chúng. Do vì hiện thời tôi nghe nói có rất nhiều pháp sư hoặc cư sĩ thường tự mình tuyên bố, hoặc bảo học trò của họ tuyên bố với bên ngoài, họ là vị Phật nào đó tái lai, có người nói là Văn Thù Bồ Tát tái lai.

Có kẻ nói hăn là tôn giả Đại Ca Diếp hầu bên cạnh Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Suốt ngày từ sáng đến tối đồn thổi ngoài phố! Đó là gạt gẫm người khác, dối gạt những chúng sanh ngu muội trong thế gian. Phàm những ai tin tưởng họ đều là phường mê hoặc, điên đảo, là những kẻ ngu si!

Trong quá khứ, vào thời Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, quốc vương khi ấy cũng là tín đồ Phật giáo rất kiên thành, vì muốn cầu phước, liền mở hội Thiên Tăng Trai nhằm cúng dường một ngàn vị xuất gia. Quốc vương làm Trai Chủ, cúng dường như vậy để cầu phước. Trong số ấy, nhất định sẽ có thánh hiền tăng đến nhận cúng dường, phước báo sẽ rất lớn. Khi dâng cỗ chay, đương nhiên có chỗ ngồi danh dự, mọi người đều rất khiêm hư, nhường nhau chẳng chịu ngồi. Khi ấy, từ bên ngoài có một vị xuất gia bước vào, diện mạo nhếch nhác, mặc quần áo rách teng beng, thấy mọi người đều giữ lễ nhường nhau vị trí ấy, lão nhân gia liền tiến tới trước ngôi xuống, ngồi ở vị trí cao nhất. Quốc vương thấy vậy trong tâm rất khó chịu, nhưng chẳng tiện nói thẳng ra, đều là người xuất gia mà, cũng chẳng biết vị này từ đâu đến, trước kia chưa từng gặp. Vị này có đặc điểm là trái tai rất dài. Do vậy mọi người gọi Ngài là “*đại nhĩ đóa hòa thượng*” (hòa thượng tai to). Thọ trai xong, quốc vương hỏi Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư: “Trẫm cúng trai tăng hôm nay, có thánh nhân đến nhận cúng dường hay không?” Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư nói: “Có! Chính là hòa thượng tai to, Ngài là Nhiên Đăng Cổ Phật tái lai”.

Vừa nghe nói vị ấy là Nhiên Đăng Cổ Phật, tuyệt diệu quá! Lập tức sai người đuổi theo, đi khắp nơi hỏi người ta có thấy vị hòa thượng ấy hay chẳng? Đuổi theo tới một nơi rất xa mới tìm được, thì ra Ngài trụ trong một hang núi. Thân phận bị bộc lộ, mọi người đều biết Ngài là Nhiên Đăng Cổ Phật, quốc vương phái người cung kính đến dập đầu nơi đó, lễ thỉnh Ngài về cung đình nhận cúng dường. Ngài nói một câu: “*Di Đà nhiều thiệt*” (Di Đà leo mép), A Di Đà Phật nói lung tung, lảm nhảm tiết lộ thân phận của Ngài. Nói xong, liền viên tịch, qua đời. Sứ giả lại nghĩ: “Di Đà leo mép? Vậy thì Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư vốn là A Di Đà Phật! Không sao! Vị Phật này đã viên tịch, vị Phật kia hãy còn”. Vội trở về báo với quốc vương: “Nhiên Đăng Cổ Phật đã viên tịch, nhưng A Di Đà Phật vẫn còn”. Quốc vương cũng rất cao hứng, Vĩnh Minh vốn là A Di Đà Phật tái lai. Đang cao hứng, bên ngoài có người báo tin chạy đến rất gấp, đưng phải quốc vương ngã lăn kềnh. Quốc vương hỏi: “Chuyện gì?” Người đến báo tin tâu: “Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đã

viên tịch”. Thân phận vừa bộc lộ liền ra đi, tuyệt đối chẳng ở trong cõi đời nữa!

Quý vị phải hiểu: Vào thời cổ ở Trung Quốc, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng hề có chuyện sau khi thân phận bộc lộ mà vẫn ở trên đời. Giống như Di Lạc Bồ Tát, lão nhân gia thị hiện làm hòa thượng Bồ Đai. Khi Ngài sắp tịch, tự nói Ngài là Di Lạc Bồ Tát. Nay chúng ta tạc tượng Ngài mập mạp, cười hề hề, Ngài là người đời Tống, cùng thời với Nhạc Phi, là người huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Lúc Ngài lâm chung, bảo đại chúng Ngài là Di Lạc Bồ Tát. Do vậy, về sau, chúng ta tạc tượng Di Lạc Bồ Tát là tạc tượng Ngài. Đây là kiến thức thông thường nhất định phải biết: Bộc lộ thân phận thì chắc chắn chẳng có lý do nào để trụ trong thế gian nữa!

Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Ngài bị bộc lộ thân phận thì quý vị có thể đọc *Vĩnh Tư Lục*²¹ sẽ thấy: Chuyện này được một vị đệ tử quy y với Ngài ghi chép. Cô ta [lúc ấy] là một thiếu nữ, đang học Sơ Trung (Trung Học Độ Nhất Cấp, cấp hai), trước kia chưa hề tiếp xúc Phật giáo, đột nhiên có một đêm nằm mộng, mộng thấy Quán Âm Bồ Tát. [Hình tượng] Quán Âm Bồ Tát rất quen thuộc, mặc y phục trắng, diện mạo rất từ ái, an tường, cô ta nhận ra ngay. Người chẳng tin Phật giáo cũng biết Quán Âm Bồ Tát. Trong mộng, cô ta thấy Quán Âm Bồ Tát bảo: “Đại Thế Chí Bồ Tát nay đang hoằng pháp tại Thượng Hải, người nên đến thân cận Ngài”. Cô ta thưa: “Con không biết Đại Thế Chí Bồ Tát, rốt cuộc là vị nào vậy?” Quán Âm Bồ Tát bảo cô ta: “Pháp sư Ấn Quang chính là Đại Thế Chí Bồ Tát”. Hôm sau, cô ta tỉnh dậy, cảm thấy rất kỳ quái, cũng rất băn khoăn, bèn hỏi người nhà, người nhà đều không biết, cũng chẳng biết trong Phật giáo có một vị Đại Thế Chí Bồ Tát, càng chẳng biết tới pháp sư Ấn Quang. Đến cuối cùng, hỏi một người thân thích trong gia tộc, ông ta biết có Đại Thế Chí Bồ Tát, nhưng không biết pháp sư Ấn Quang. Do vậy, cô ta hỏi dò, hỏi dò rất lâu, có người bảo cô ta: “Ở Phổ Đà Sơn có một vị pháp sư tên là Ấn Quang, không sai! Hiện thời Sư được các cư sĩ mời sang Thượng Hải hoằng pháp”.

Do vậy, người trong nhà rất vui sướng đến lễ bái lão hòa thượng. Gặp lão hòa thượng, cô ta bèn đem chuyện trong mộng kể lại. Lão hòa

²¹ *Vĩnh Tư Lục* tên gọi đầy đủ là *Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Tập* do Hải Lượng biên tập. Đây là tác phẩm tổng hợp những bài viết, câu đối, cảm hoài, những mẫu chuyện về Ấn Quang Đại Sư do các môn nhân, đệ tử viết ra sau khi Ngài đã viên tịch.

thượng mạng cô ta một trận toi bời: “Ta chẳng cho phép người kể chuyện này với bất cứ ai, đó là nói nhăng, nói cuội!” Thế nhưng Quán Âm Bồ Tát bảo cô ta, Đại Thế Chí Bồ Tát chỉ còn trụ thế bốn năm nữa; do vậy, sau khi bị pháp sư Ấn Quang quở mắng một trận, cô ta không dám nói nữa, nhưng bốn năm sau, quả nhiên Ấn Quang đại sư vãng sanh. Sau khi Ngài vãng sanh, cô ta mới đem câu chuyện này viết ra. Do vậy, mọi người mới biết: Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai!

Đâu có vị nào tự mình phô trương ta là Phật này, là Bồ Tát nọ tái lai? Phàm kẻ nào nói những lời đó, đều là yêu ma, quỷ quái, chắc chắn không thể tin tưởng. Đây là nói đến chuyện “*thánh hiền ứng tích*”, chuyện này tại Trung Quốc hết sức nhiều. Quý vị đọc Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện, tại Trung Quốc, trải các đời, các vị Phật, Bồ Tát dùng thân phận xuất gia và tại gia thị hiện trong thế gian này rất ư là nhiều! Hiện thời có hay không? Đương nhiên là có. Khi chúng sanh càng khổ nạn, Phật, Bồ Tát ứng hiện càng nhiều, nhưng chắc chắn quý vị chẳng nhận biết, các Ngài cũng chắc chắn chẳng bộc lộ thân phận. Hễ thân phận bị bộc lộ bèn ra đi lập tức, chúng ta hãy nên hiểu rõ điều này!

“*Thị nghiệp hệ phàm phu*” (là phàm phu bị nghiệp chướng trói buộc), đích xác! Chúng ta bị nghiệp buộc ràng. Nghiệp là gì? Thiện nghiệp, ác nghiệp. Trong thiện nghiệp sanh tham ái, bị tham ái ràng buộc. Trong ác nghiệp sanh sân hận, bị sân hận ràng buộc. Nói cách khác, thấy sắc, nghe tiếng, quý vị sanh phiền não, mừng, giận, buồn, vui, thất tình, ngũ dục là phiền não, quý vị bị nghiệp ràng buộc, chẳng được tự tại. Đây là phàm phu, phàm phu bị trói buộc bởi nghiệp. Do vậy, quả báo của chúng ta chẳng thù thắng. Phật, Tổ dạy chúng ta buông xuống vạn duyên, tức là buông xuống nỗi khổ do bị nghiệp ràng buộc, khiến cho chính mình trong cuộc sống, bất luận gặp thuận cảnh hay ở trong nghịch cảnh, thời thời khắc khắc giữ cho thân tâm của chính mình thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh là trong hết thảy pháp chẳng sanh phân biệt, chẳng chấp trước, cũng đừng khởi vọng tưởng. Vì sao? Những thứ ấy đều chẳng chân thật. Do vậy, cổ nhân dạy chúng ta: “*Thiểu thuyết nhất cú thoại, đa niệm nhất thanh Phật*” (Ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật). Nói những lời nhảm nhí, chẳng có ý nghĩa gì cả! Hãy niệm Phật cho nhiều!

Niệm Phật nhiều, quý vị phải hiểu: Niệm Phật là tiêu nghiệp chướng. Vì sao? Quý vị khởi tâm động niệm, khởi vọng tưởng là nghiệp chướng. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối nói những câu nhảm nhí, đó là nghiệp chướng. Niệm Phật, quý vị chẳng khởi vọng tưởng, cũng chẳng

nói nhằm nhí, há nghiệp chướng chẳng tiêu trừ ư? Chúng ta hằng ngày mong cầu tiêu tai, dùng phương pháp nào? Niệm Phật là phương pháp tiêu tai tốt nhất, là phương pháp tiêu nghiệp chướng hay nhất, quý vị phải biết dùng! Nếu chúng ta thật sự biết dùng, sẽ có thể giác ngộ, quả báo sẽ khá thù thắng. Nếu chẳng biết dùng, quả báo chẳng thù thắng. Quả báo thù thắng hay không là do một niệm của chúng ta giác hay mê.

(Sớ) Cùng tu, tắc kiến chi bất quảng.

(Diễn) Kiến chi bất quảng giả, bất sanh Trung Hoa Phật quốc, thân chá đa hiền quảng kỳ văn kiến dã.

(疏) 窮陬，則見之不廣。

(演) 見之不廣者，不生中華佛國，親炙多賢廣其間見也。

(Sớ): “Cùng tu” là kiến giải chẳng rộng rãi.

Diễn: “Kiến giải chẳng rộng”: Chẳng sanh trong Trung Hoa Phật quốc²², thân cận nhiều vị hiền nhân hồng mở rộng sự hiểu biết vậy).

Trong Phật pháp nói đến “sanh địa” tức là nơi chúng ta sanh ra. Nơi thù thắng nhất là nơi có Phật pháp hoằng dương. Quý vị rất dễ dàng tiếp xúc Phật pháp, đó là thù thắng. Nhìn từ điểm này, ngày nay chúng ta quả thật chẳng bằng thời đại của Liên Trì đại sư. Vì sao? Thời đại ấy, người hoằng dương chánh pháp vẫn còn đông. Tuy đông, nhưng cơ hội thân cận chẳng nhiều. Vì sao? Khoảng cách quá xa! Quý vị phải hiểu, hiện thời giao thông thuận tiện, thời ấy muốn nghe kinh phải đi đường bộ! Tự viện nào đang giảng kinh thì tự viện ấy cũng cách chúng ta mười dặm, hai mươi dặm, đi tới đi lui gần như phải mất năm, sáu tiếng đồng hồ đi đường. Do vậy, rất khó đi nghe kinh một lượt, chẳng giống như hiện thời lái xe hay ngồi xe bèn tới ngay, [thuở xưa] đâu được thuận tiện như vậy!

Tuy vậy, trong Bồ Tát Giới Kinh có nói, người đã thọ Bồ Tát Giới, trong vòng bốn mươi dặm có pháp sư giảng kinh mà quý vị không đi nghe thì sẽ phạm giới. Quý vị đến ủng hộ đạo tràng trong vòng bốn

²² Do thuở ấy, Trung Hoa là xứ phát triển, văn minh nhất, Phật giáo hưng thịnh nhất trong cả khu vực nên pháp sư Cổ Đức mới nói như vậy. Hãy nên hiểu theo nghĩa rộng: “Chẳng sanh Trung Hoa Phật quốc” là chẳng sanh vào những nơi có văn hóa phát triển, Phật giáo hưng thịnh.

mươi dặm, vào thuở ấy, đi đường bộ thì phải đi mấy tiếng đồng hồ? Phải đi năm tiếng, từ sáng tinh mơ, đi năm tiếng đến đó để nghe giảng kinh một buổi, quay về là năm tiếng nữa, thật sự chẳng dễ dàng! Quý vị có thời gian rảnh rang nhiều như vậy hay không? Đó là tính trong trường hợp quý vị chẳng cần đi làm. Chứ có công việc thì chẳng có cách nào hết! Đối với khoảng cách bốn mươi dặm, trong một ngày quý vị có thể đến rồi về, nơi ấy có giảng kinh thì quý vị phải đến nghe. Nếu trong một ngày chẳng thể đến rồi về, quý vị không đi cũng được. Hiện thời, bốn mươi dặm thâm vào đâu! Bốn mươi dặm là hai mươi kí lô mét, hiện thời quý vị ngồi xe hai mươi phút đã đến nơi rồi. Do vậy, về phương diện này, con người hiện thời có phước báo lớn hơn cổ nhân, nhưng nhân duyên giảng kinh chẳng bằng cổ nhân, vì sao? Trong thời đại hiện tại, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”. Tà và chánh chẳng thể phân biệt, quá ư là khó! Chúng ta hảo tâm học đạo, nếu gặp phải một gã tà sư, chẳng phải là oan uổng ư? Do vậy, xét theo điều này thì quả thật chẳng bằng trước kia.

Trước kia, trong thời đại đế vương, giảng kinh chẳng phải là tùy tiện giảng được. In kinh cũng chẳng thể tùy tiện in. Quý vị muốn in hay lưu thông một bộ kinh, phải được chánh phủ phê chuẩn, chẳng phê chuẩn sẽ chẳng thể tùy tiện lưu thông văn tự ấy. Do vậy, trước kia, kinh điển đều do hoàng đế ban phát, dấu soạn chú giải, trước hết phải dâng lên cho hoàng đế duyệt, hoàng đế có thời gian đâu mà xem? Ông ta kiểm những vị pháp sư, đại đức cư sĩ, tìm những vị chuyên gia [ra lệnh cho họ] đọc, xem [tác phẩm ấy] có vấn đề hay không? Không có vấn đề, được! Hạ thánh chỉ cho phép lưu thông, mọi người đều có thể khắc in. Nếu chẳng được quốc gia ban bố, nhất định cấm ngặt lưu thông. Giảng kinh, thuyết pháp, dù là pháp sư, hay là cư sĩ, cũng phải được triều đình hoặc là quan lại địa phương chấp nhận thì mới được! Hiện thời, dân chủ, tự do, quý vị thích in gì cứ in nấy, chẳng có ai can thiệp. Do vậy, hiện đại quả thật là không chỉ là “*ma cao một trượng, đạo cao một thước!*” Tình hình không phải chỉ là như vậy! Vì thế, chúng ta sống trong thời đại này, khôn đốn, mê hoặc nhất là vì chuyện này!

Nếu chúng ta muốn tránh né chuyện rối ren này, phải làm sao? Biện pháp duy nhất là đọc sách cổ. Sách cổ đã được khảo nghiệm qua lịch sử, chúng đã được chứng minh, khảo nghiệm, đã lưu truyền mấy trăm năm. Nếu chẳng phải thật sự là những thứ tốt đẹp, sẽ chẳng được lưu truyền, trong mấy trăm năm qua đã sớm bị đào thải! Những tác phẩm vẫn chưa bị đào thải, vẫn còn có thể được lưu truyền đến ngày nay, nhất

định khá có giá trị! Do vậy, chúng ta đọc sách cổ. Sách cổ có khó đọc hay chẳng? Chẳng khó! Chỉ cần quý vị có tâm nhẫn nại, dốc sức hai, ba năm! Cổ văn là văn chương viết theo thể loại Văn Ngôn, quý vị sẽ đọc thông thạo. Nhất là trong thời hiện tại, chúng ta học tập đâu không có thầy vẫn có thể tự tập luyện. Bộ Cổ Kim Văn Tuyển do Quốc Ngữ Nhật Báo phát hành cũng thu thập không ít bài cổ văn hay, chú âm (ghi chú cách đọc) lẫn chú giải đều tinh vi, tường tận, tự mình quả thật có thể tự trau dồi [bằng cách đọc bộ sách ấy]. Nếu toàn tâm toàn lực nghiên cứu kinh điển, chỉ cần chịu tốn chút công sức tra từ điển, [sẽ thấy] ý nghĩa sẽ chẳng khó hiểu. Quý vị phải biết, so ra, văn tự trong kinh Phật giản dị hơn cổ văn nhiều lắm, đó là văn tự đơn giản nhất trong thời ấy. Phật pháp đòi hỏi phổ biến lưu thông, cho nên chẳng dùng những câu chữ sâu xa, khó hiểu, sợ những người bình thường đọc không hiểu. Phật pháp trong khi phiên dịch đã được suy xét sao cho đại chúng hóa và phổ biến hóa. Do vậy, văn tự trong kinh Phật được gọi là “*biến văn*”, tức là loại văn biến thể, nói cách khác, là một loại văn Bạch Thoại thời ấy, rất dễ hiểu! Có nhiều bà cụ niệm Phật không biết chữ cũng có thể niệm kinh, hiểu được nghĩa kinh, đạo lý là ở chỗ này.

Nói đến “*kiến văn*” thì học Phật quả thật là phải cầu học rộng nghe nhiều. Nói theo mặt lý luận thì không sai, nhưng nói theo mặt Sự, phải có chừng mực, chúng ta chớ nên không hiểu điều này. Phương pháp học hành trong thế gian hiện thời giống như Hồ Thích²³ đã ví von: Học hành giống như kim tự tháp (pyramid). Kim tự tháp phía dưới rộng, trên đỉnh nhọn hoắt. Có ý nghĩa như thế này: Học vẫn phải học rộng nghe

²³ Hồ Thích (1891-1962), vốn có tên là Tự Môn, tự Hy Cương, về sau đổi tên thành Hồ Thích, tự là Thích Chi, bút danh Thiên Phong, Tạng Huy v.v... là người huyện Tích Khê, tỉnh An Huy, là một triết gia kiêm lãnh tụ văn hóa thời đầu Dân Quốc. Ông thường được coi là một học giả do nghiên cứu nhiều lãnh vực như văn học, triết học, sử học, khảo cứu, giáo dục, luân lý, hồng học (nghiên cứu tác phẩm Hồng Lô Mộng), từng được tặng giải Nobel văn học vào năm 1939. Ông cũng là một trong những lãnh tụ của phong trào Ngũ Tứ Vận Động, chủ trương phế bỏ Văn Ngôn, cải cách văn hóa, chuyên dùng Bạch Thoại, cực lực đề xướng chủ nghĩa thực nghiệm (pragmatism). Năm 1910 (lúc 18 tuổi), ông sang Mỹ học ngành canh nông tại đại học Cornell, sau đây chuyển sang học văn chương, đến năm 1914 theo học Triết tại đại học Columbia, trực tiếp học Triết với triết gia John Dewey. Năm 1917, về nước dạy học tại đại học Bắc Kinh. Ông từng làm đại sứ toàn quyền của Trung Hoa Dân Quốc tại Mỹ năm 1938 cũng như đảm nhiệm các chức vụ viện trưởng, khoa trưởng của nhiều đại học khác nhau. Ông đặc biệt tôn sùng triết gia A. L. Huxley và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tư tưởng của ông này.

nhiều rồi mới chuyên tinh một môn; đây là pháp thế gian. Đối với Phật pháp, phải lật ngược kim tự tháp, Phật pháp là “trước chuyên, sau rộng”. Quý vị học hành trong nhà trường, phải học mấy chục môn, càng học lên lớp cao hơn, học đến Đại Học, nghiên cứu sinh thì những thứ để học càng chuyên, giống như kim tự tháp lên đến chót đỉnh. Đó là nói theo học vấn thế gian. Phật pháp không như vậy, cổ nhân thường dùng cái cây để làm tỷ dụ, Phật pháp trước hết cầu điều gì? Cầu rễ, cầu gốc, gốc là cái thân chánh yếu, rồi từ cái thân chánh yếu mà trở cành, đơm hoa, kết quả, càng ngày càng rộng rãi. Do vậy, phương pháp tu học trong cửa Phật và pháp thế gian hoàn toàn tương phản: [Trong nhà Phật], trước hết đổ công sức nơi một môn, thành tựu môn ấy rồi mới có thể học rộng nghe nhiều. Do vậy, học rộng nghe nhiều chẳng phải là để nói với kẻ mới học. Ai tu “học rộng nghe nhiều”? Bồ Tát! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, đây là học rộng, nghe nhiều; nhưng quý vị phải hiểu: Căn bản của Thiện Tài là ở chỗ Văn Thù Bồ Tát, Ngài đã được đặt định cơ sở vững vàng, đã thành tựu trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, thành tựu Căn Bản Trí, đã tốt nghiệp rồi, đi ra ngoài tham học để cầu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là học rộng, nghe nhiều, Căn Bản Trí là chuyên dốc sức nơi một môn.

Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Ngài dạy Thiện Tài pháp môn niệm A Di Đà Phật. Tôi chẳng gạt quý vị, thật đây! Vì sao biết? Trong kinh Hoa Nghiêm không ghi chép, quý vị có dò kinh Hoa Nghiêm sẽ chẳng thấy. Vì sao tôi biết? Tôi dựa theo kinh điển để phán đoán. Sự phán đoán này tuyệt đối chính xác, vì sao? Chính Văn Thù Bồ Tát niệm A Di Đà Phật, trong kinh Hoa Nghiêm có chép Ngài cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, Ngài dạy các đồ đệ, nhất là đối với đồ đệ đặc ý nhất, chắc chắn phải dạy người ấy học cùng một pháp môn. Do vậy, tôi nghĩ Thiện Tài đồng tử nhất định tu pháp môn Niệm Phật. Đây là tôi dựa theo sự tu học của chính Văn Thù Bồ Tát để phán đoán. Thiện Tài đồng tử đi tham học, vị thiện tri thức đầu tiên Ngài gặp chính là tỷ-kheo Đức Vân, dạy Ngài niệm Phật, vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Nhìn từ những “sợi tơ nhện, dấu chân ngựa” này, nhất định là Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử niệm A Di Đà Phật, chẳng sai! Từ dấu tích ấy, chúng ta có thể thấy được!

Tiếp đó, còn có một chứng cứ rất rõ rệt, tức là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông chúng ta là thiền sư Pháp Chiếu. Trong lời tựa cuốn Niệm Phật Phổ có chép chuyện này rất rõ ràng. Phương pháp Ngũ Hội Niệm

Phật do đâu mà có? Do thiên sư Pháp Chiếu truyền lại. Ngài vốn học Thiên, đã đại triệt đại ngộ trong Thiên Tông. Lão nhân gia gặp được Văn Thù Bồ Tát ở Ngũ Đài Sơn, khi ấy, Ngài trụ tại một nơi thuộc Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam. Có một buổi sáng Ngài ăn cháo, chợt thấy trong bát đựng cháo xuất hiện cảnh giới giống như chúng ta nhìn vào màn hình TV vậy, thấy núi Ngũ Đài rõ ràng. Văn Thù Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp tại đó, có hơn một vạn Bồ Tát vây quanh. Ở cửa chùa ấy có đề bảng tên rất rõ ràng “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Cách đi đường như thế nào Ngài cũng biết rõ. Vì vậy, Ngài liền phát tâm triều bái Ngũ Đài Sơn. Đến Ngũ Đài Sơn, vì Ngài vốn đã trông thấy từ trước, đã có ấn tượng, nên đường lối rất quen thuộc, tìm được Đại Thánh Trúc Lâm Tự, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng một thời kinh. Nghe giảng xong, Ngài thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: “Thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh căn tánh rất tệ, phiền não rất nặng, tu pháp môn nào thì mới có thể thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài niệm Phật, khuyên Ngài tu pháp môn Niệm Phật. Ngài bèn hỏi: “Niệm vị Phật nào?” Bồ Tát liền dạy Ngài niệm A Di Đà Phật, còn dạy cho Ngài cách niệm như thế nào. Đó là [phương pháp] Ngũ Hội Niệm Phật. Đây là phương pháp do Văn Thù Bồ Tát truyền cho ngài Pháp Chiếu, ngài Pháp Chiếu truyền lại [cho hậu thế]. Do vậy, chúng ta biết Văn Thù Bồ Tát dạy Pháp Chiếu niệm A Di Đà Phật thì truyền dạy Thiện Tài nhất định cũng là niệm A Di Đà Phật.

Thiện Tài đồng tử niệm đến nhất tâm bất loạn, nên mới có tư cách đi tham phỏng. Niệm đến nhất tâm bất loạn, giống như cây đã có cội, có gốc, nên cành, lá, hoa, quả mới trở xum xuê. Đây chính là thứ tự tu học trong Phật môn khác với thế gian. Do vậy, trải các đời, Phật giáo Trung Quốc luôn có nhân tài xuất hiện, đời nào cũng có không ít nhân tài. Đến ngày nay, Phật giáo không có nhân tài, nhân tài thưa thớt, vì nguyên nhân nào? Chẳng tuân thủ phương pháp cố hữu! Hiện thời, Phật Học Viện được tổ chức giống như học viện thế gian, cũng lập ra mấy chục môn học, mời bao nhiêu vị thầy, giống như xây kim tự tháp, trước tiên là rộng rãi, đến cuối cùng không còn nữa. Từ sau khi kháng Nhật thành công, Đài Loan đã mở bao nhiêu Phật Học Viện, nhưng Phật Học Viện chẳng đào tạo nổi nhân tài là do phương pháp sai lầm. Tôi học Phật, học với thầy Lý ở Đài Trung mười năm, thầy Lý sử dụng phương pháp dạy học theo lối xưa: Mỗi học sinh chỉ được học một bộ kinh. Nếu quý vị phát tâm học hai bộ kinh, thầy không dạy. Ngài nói quý vị không có năng lực. Do vậy, mỗi học sinh chỉ có thể học một bộ kinh. Cách dạy học, cách nhìn, cách làm ấy của lão nhân gia hoàn toàn không giống

người khác. Trên thực tế, Ngài dạy học chỉ có hai năm, từ năm Dân Quốc 47 (1958) đến năm Dân Quốc 48 (1959), trong hai năm huấn luyện hai mươi mấy học trò, chúng tôi ai nấy đều có thành tựu, so với Phật Học Viện thì thành tựu cao hơn rất nhiều. Hiện thời hai mươi mấy người chúng tôi giảng kinh, thuyết pháp tại các nơi ở Đài Loan. Phương pháp quan trọng lắm! Nếu làm đúng cách, sẽ thật sự có nhân tài xuất hiện.

Người như thế nào mới có tư cách giảng kinh? Thưa quý vị, mỗi người đều có tư cách, quý vị đừng coi thường chính mình. Thuở ấy, chúng tôi vừa mới đến Đài Trung, nghe nói giảng kinh trong lòng sợ hãi, tôi làm sao giảng kinh được? Thuở ấy, tôi học Phật, trước nay chưa hề mơ tưởng trong tương lai sẽ giảng kinh, chuyện này quá khó khăn! Tôi nhất định không làm được, đâu dám có ý niệm ấy. Kết quả là khi ấy đúng dịp thầy Lý mở lớp dạy giảng kinh, tôi đến Đài Trung, lớp học ấy mới khai giảng được một tháng, mỗi tuần học một buổi, nói cách khác, tôi mới bỏ sót bốn buổi học. Tôi theo học lớp ấy vào buổi học thứ năm, vào lớp ấy xem thử, tín tâm của tôi liền đầy đủ, không khó lắm, tôi cũng làm được, vì sao? Thấy tuổi của những bạn đồng học bảy phần mười đều lớn hơn tôi, lớn hơn rất nhiều; lại thấy có những vị học vẫn không bằng tôi, tôi đã học xong Sơ Trung, họ vừa học xong Tiểu Học, còn có người chưa học xong Tiểu Học nữa, thua tôi! Những người đã học Cao Trung, học thức cao hơn tôi đại khái chỉ có ba bốn người. Tuổi lớn nhất là bà Lâm Khán Trị²⁴, khi ấy, bà ta đã sáu mươi, học xong Tiểu Học. Tôi thấy vậy, tín tâm vẹn mười, tôi có nhiều ưu thế hơn họ nhiều lắm!

Tôi được huấn luyện tại đó hai năm, vừa xuất gia liền giảng kinh, dạy trong Phật Học Viện. Tôi chưa từng theo học tại Phật Học Viện,

²⁴ Lâm Khán Trị (1907-1992) là một vị nữ cư sĩ nổi tiếng của Phật Giáo Đài Loan. Bà sanh tại trấn Lộc Cảng, huyện Chương Hóa (Đài Loan), trong một gia đình thư hương, nhưng mồ côi cha mẹ từ nhỏ, nếm trải đủ mùi nhọc nhằn. Năm 35 tuổi, do nghe danh pháp sư Bân Tông, bà chú tâm để ý học Phật, bắt đầu ăn chay, học Phật, quy y với pháp sư Vô Thượng, được đặt pháp danh là Pháp Viên. Năm Dân Quốc 38 (1949), do lão cư sĩ Lại Đổng Lương tiến cử, bà được theo học với lão cư sĩ Lý Bình Nam, được thầy đặt tự hiệu là Huệ Trị. Vâng lệnh thầy, bà xin thọ tại gia Bồ Tát giới tại chùa Đại Tiên ở Đài Nam do lão hòa thượng Khai Tham làm đàn đầu hòa thượng. Bà là một trong những phụ tá đắc lực của ngài Lý Bình Nam trong công tác kiến thiết, hoằng pháp lợi sanh tại Đài Trung Phật Giáo Liên Xã. Bà chủ trương “Phật hóa gia đình” nhằm an định xã hội, giảm thiểu chướng ngại trên đường vãng sanh. Bà cũng đi các nơi tuyên dương giáo pháp Tịnh Độ. Bà còn biên soạn các tác phẩm Niệm Phật Cảm Ứng Kiến Văn Ký, Phật Thuyết A Di Đà Kinh Thiển Giảng, Khuyến Tu Niệm Phật Pháp Môn Thiển Giảng

nhưng vừa xuất gia liền làm giáo sư trong Phật Học Viện, hiện nay tôi đã giảng dạy hai mươi bảy năm. Như vậy là mỗi người [trong số học sinh thưở ấy của thầy Lý Bình Nam] đều có thể thành tựu. Tôi chính thức dạy Đại Học tròn năm năm, tôi giảng kinh ở ngoại quốc, thính chúng bảy mươi phần trăm có học vị Tiến Sĩ. Do vậy, quý vị phải tự mình nỗ lực, chỉ cần đúng pháp thì không một ai chẳng thành tựu. Học giảng kinh phải có cái tâm thường hằng, nghị lực, đừng sợ chướng ngại. Đầu tiên, nhất định sẽ giảng không hay, nhất định bị người ta phê bình, quý vị đừng ngã lòng. “Người này giảng kinh không được”, quý vị càng phải phát tâm: “Do vì tôi giảng không được, tôi mới muốn lên đài giảng. Nếu tôi đã làm được, tôi chẳng cần giảng”. Phải như vậy mới được! Quý vị mới có thể thành công. Do chưa được nên phải luyện tập trên đài giảng; làm được rồi, đã vững vàng rồi, không giảng nữa! Quý vị dập đầu, chấp tay thỉnh, tôi vẫn chưa chắc giảng cho quý vị! Là vì chưa làm được nên mới giảng. Hết thầy chướng ngại đều chẳng thể ngăn trở quý vị, quý vị bèn thành công. Quý vị hãy suy nghĩ: Tuổi tác, học vấn của quý vị so với chúng tôi đều tốt đẹp hơn rất nhiều; do vậy, quý vị phát tâm, trong tương lai nhất định thành tựu vượt trội chúng tôi. Đây là chuyện đúng lý đương nhiên. Do vậy, nhất định phải chịu phát tâm.

Điểm đặc sắc của Đài Trung là học sinh học ngay trên giảng đài, chẳng phải là học ở dưới đài. Mỗi học sinh đều phải lên giảng. Đài Trung Liên Xã huấn luyện nữ chúng, Linh Sơn Tự huấn luyện nam chúng. Người nghe cũng từ bảy tám chục người cho đến hơn một trăm người. Những người ấy đúng là công đức vô lượng. Không có những người ấy đến ủng hộ, chúng tôi học cũng chẳng thành. Là vì có nhiều người đến nghe dường ấy, chúng tôi mỗi tuần phải lên giảng một lần, ắt phải chuẩn bị rất cẩn thận. Do vậy, khi học giảng kinh rất khổ, mỗi tuần tối thiểu phải giảng kinh một lần, có ba đêm không ngủ, chẳng biết phải làm sao cho tốt, ăn cơm chẳng biết mùi vị gì, toàn bộ tinh thần đều đổ vào kinh điển. Huấn luyện như vậy mới nên người được. Do vậy, học sinh trong Phật Học Viện không thành công, không xuất đầu lộ diện được là vì sao? Họ không nếm trải những nỗi khổ ấy.

Thưở ấy, chúng tôi giảng kinh, thầy Lý dặn nhất định phải soạn bài giảng. Quý vị phải biết, giảng kinh một tiếng rưỡi phải ghi chép một vạn năm ngàn chữ, do vậy, mỗi tuần phải soạn bài giảng đến một vạn năm ngàn chữ. Bài giảng ấy phải sửa đổi mấy lượt, lại còn phải luyện tập trước một lượt, hai lượt thì mới có thể lên bục giảng biểu diễn. Quý vị nghĩ xem có khổ hay không? Nhưng một bộ kinh giảng liên tục mấy

tuần lễ, ai nấy đều giảng phờ phạc. Ném trái nổi khổ ấy rất có giá trị! Sau khi giảng xong một bộ kinh, pháp hỷ sung mãn; giảng lần thứ hai sẽ đỡ tốn sức rất nhiều, vì đã có kinh nghiệm, càng giảng càng hay. Do vậy, nhất định phải lên đài giảng, nhất định phải soạn bài giảng, phải có chuẩn bị chu đáo. Có như vậy thì mới có thể thành công! Chẳng chịu khổ, sẽ không có cách nào hết, chẳng thể nào thành tựu! Đây là nói về chuyện học rộng, quý vị nhất định phải hiểu học Phật khác với học thuật thế gian. Nếu dùng phương pháp và thái độ của học thuật thế gian để học Phật, chắc chắn thất bại!

(Sớ) Văn học, tắc trí chi bất thâm.

(疏) 晚學，則智之不深。

(Sớ: “Văn học” là trí chẳng sâu).

“Văn học” là mới học, hậu học, trí huệ chẳng sâu.

(Diễn) Trí chi bất thâm giả, phi vi kỳ sư túc đức, cứu tu đạo hạnh, trí huệ thâm viễn dã.

(演) 智之不深者，非為耆師宿德，久修道行，智慧深遠也。

(Diễn: “Trí chẳng sâu”: Chẳng phải là bậc thầy tuổi cao, đức trọng, tu tập đạo hạnh đã lâu, trí huệ sâu xa).

“Kỳ” (耆) là đã có tuổi, từ sáu mươi trở lên đều có thể gọi là “kỳ”, tức là người già. Theo thói quen, thường là từ bảy mươi tuổi trở lên mới gọi là “kỳ”. Câu này có nghĩa là: Tuổi cao, đức trọng. “Cứu tu đạo hạnh, trí huệ thâm viễn”, tôi chẳng phải là như vậy, bất luận về tuổi tác, đức hạnh, đạo đức đều chẳng bằng người khác. Đây cũng là đại sư nói khiêm hư.

(Sớ) Sự thả vị năng, hướng phục tri Lý.

(疏) 事且未能，況復知理。

(Sớ: Sự còn chưa thể [tu tập], hướng còn biết Lý?)

“Sự” là gì? Là niệm Phật. Một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối tôi còn chưa niệm nên thân, hưởng chi lý Tịnh Độ rất sâu, làm sao tôi có thể hiểu rõ?

(Sớ) Minh sở ngôn bất túc thủ tín u nhân dã.

(疏) 明所言不足取信於人也。

(Sớ: Biết rõ lời của mình chẳng đáng cho người khác tin tưởng).

Bản thân tôi biết rất rõ, lời tôi nói chưa chắc người ta đã chịu tin tưởng. Đây là nói rõ chính mình là kẻ mới học. Chúng ta có thể thấy rất rõ ràng: Những lời này đều là lời lẽ khiêm hư của Liên Trì đại sư, thật sự khiêm hư.

(Sớ) Tố bỉ giả, tự tri thiển liệt, quý bỉ không đàm, sở vị: Sĩ kỳ ngôn nhi quá kỳ hạnh dã.

(疏) 素鄙者，自知淺劣，愧鄙空談，所謂恥其言而過其行也。

(Sớ: “Trợn thẹn” là tự biết mình nông cạn, kém hèn, xấu hổ vì nói suông, nghĩa là: Hổ thẹn vì lời nói vượt quá việc làm).

Tự mình biết căn tánh của chính mình nông cạn, kém hèn. Do vậy, chẳng muốn đàm huyền thuyết diệu, [tức là] chẳng muốn bàn luận những lý luận cao sâu, vì sao? Nói ra mà chính mình không làm được, “ngôn nhi quá kỳ hạnh”, đó gọi là “không đàm” (bàn suông). Tiếp theo đây có một tỷ dụ:

(Sớ) Họa bính khả tri.

(疏) 畫餅可知。

(Sớ: [Tỷ dụ] bánh vẽ [trong lời tựa] ý nghĩa dễ hiểu).

Bánh vẽ chẳng thể đỡ đói!

(Sớ) Yên thạch giả, tự ngọc nhi phi ngọc giả dã.

(疏) 燕石者，似玉而非玉者也。

(Sớ: Đá non Yên giống như ngọc, nhưng chẳng phải là ngọc).

Đây là tỷ dụ. “Yên thạch”²⁵ là loại đá khá đẹp, thoát nhìn giống như ngọc, nhưng thật sự chẳng phải là ngọc. Dưới đây, đại sư dẫn một câu chuyện nhỏ.

(Sớ) *Cổ hồ giả, Tây Vực cổ nhân thiện biệt bảo giả dã.*

(疏) 賈胡者，西域賈人善別寶者也。

(Sớ: “Cổ hồ”: Lái buôn Tây Vực giỏi phân biệt các vật báu).

“Cổ nhân” là người làm nghề buôn bán, nay chúng ta gọi họ là “thương nhân kinh doanh châu báu”. Những thương nhân kinh doanh châu báu ấy biết giá trị hàng hóa, họ có thể phân biệt bảo thạch là thật hay giả.

(Sớ) *Tích hữu đắc Yên thạch giả.*

(疏) 昔有得燕石者。

(Sớ: Xưa kia có người có được một tảng đá từ non Yên).

“Tích” là quá khứ, “hữu đắc Yên thạch giả”, nhặt được một tảng đá [từ Yên Sơn].

(Sớ) *Tự vị du cần.*

(疏) 自謂瑜瑾。

(Sớ: Tự bảo là ngọc quý).

“Du cần”²⁶ là ngọc quý. Người ấy tự cho là mình có một khối ngọc quý.

(Sớ) *Kiều huyễn tục mục, ký đắc trọng thụ.*

²⁵ Yên Sơn là một rặng núi thuộc tỉnh Hà Bắc, chạy từ phía Tây sông Triều Bạch đến Sơn Hải Quan, đỉnh cao nhất là ngọn Vụ Lĩnh. Đá núi này rất đẹp, có màu sắc tươi tắn, rục rờ, nếu không chú ý sẽ tưởng lầm là ngọc thạch.

²⁶ Du và Cần là tên những loài ngọc quý, chữ “du cần” thường được dùng để chỉ chung các loại ngọc quý, cũng như dùng làm mỹ từ để khen ngợi đức hạnh của người khác.

(疏) 驕眩俗目，冀得重售。

(Sớ: Kiêu căng, khoe khoang với những kẻ gà mờ, mong bán cao giá).

Người ấy hy vọng bán với giá rất khá, bán được rất nhiều tiền, rất ngạo mạn, khoe khoang, “tục mục” là những người không biết giá trị. Đối trước những kẻ không biết giá trị mà khoác lác.

(Sớ) *Dĩ thị cổ hồ, viết: “Thạch dã”. Đại tâm nhi phản.*

(疏) 以示賈胡，曰：石也。大慚而返。

(Sớ: Đưa cho lái buôn Tây Vực xem, người ấy bảo: “Đá đấy mà!” Hết sức xấu hổ, tháo lui).

Gặp phải người thông thạo, biết nó chẳng phải là bảo thạch, chẳng phải là ngọc, mà là đá, chính mình hết sức hổ thẹn. Những ý nghĩa bao hàm trong tử dụ này rất sâu! Ngọc quý ví như chánh pháp, đá non Yên ví như tà pháp, ngoại đạo. Về ngoại đạo thì có ngoại đạo trong nhà Phật, được gọi là “môn nội ngoại” (ngoại đạo trong Phật môn), lại còn có ngoại đạo dựa hơi Phật giáo, khoác chiêu bài Phật giáo, nhưng tu tập ngoại đạo. Do vậy, những đồng tu chúng ta phải chú ý: Có rất nhiều người thường gọi sách đến chỗ chúng ta, chớ nên tùy tiện bày ra, phải kiểm tra cẩn thận có phải là ngoại đạo hay không. Hoặc nhìn thấy những bản chú giải kinh Kim Cang, Tâm Kinh, xem kinh văn thì chẳng sai, nhưng nếu đọc lời chú giải sẽ thấy nói nhăng, nói cuội, lời lẽ yêu quái mê hoặc đại chúng, hại người! Nếu chúng ta nhận được những thứ sách ấy phải mau chóng đốt đi.

Ngàn vạn phần đừng cho rằng: Đốt đi sợ mắc tội! Không có tội! Đốt đi sẽ có công đức, vì sao? Chẳng hại người! Do vậy, đối với những loại sách vở đó, nhất định phải hết sức thận trọng. Tiếp theo đây là nói tử dụ:

(Sớ) *Dụ y hy kiến đạo, phảng phất bất chân, minh nhãn nhân tiền,堪能一笑.*

(疏) 喻依稀見道，彷彿不真，明眼人前，堪作一笑。

(Sớ: So sánh ví thấy đạo ít ỏi, chỉ mừng tượng chẳng thật, đáng làm trò cười trước người mắt sáng).

Trước kia là như vậy, hiện thời không như thế. Hiện tại, những thứ này rất nhiều, nhưng chúng ta quả thật thiếu huệ nhãn, rất khó phân biệt. Ở Mỹ, tôi gặp một vị đồng tu, ông ta nói cũng học Phật tại Đài Loan, nhưng chẳng biết là học với người nào trong giới Phật giáo, ông ta cũng rất tin tưởng. [Người ấy] thường kêu ông ta đến lễ bái, bỏ tiền làm công đức, lại hỏi mượn tiền của ông ta, mở hội gì đó. Kết quả là ông ta bị kẻ ấy lừa tới một trăm vạn. Tới Mỹ, nghe tôi giảng kinh, hoàn toàn khác hẳn những gì ông ta được nghe trước kia, ông ta mới biết mình bị lừa gạt quá sức. Do vậy, thế nào là tà, thế nào là chánh, chúng ta phải phân biệt rõ ràng, quyết định chớ tưởng đá là ngọc, chớ nên coi Phật pháp giả mạo là chánh pháp. Nếu quý vị hỏi: Chánh pháp là gì? Thì bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này thật sự là chánh pháp, hãy chiếu theo lý luận này để tu học, chắc chắn chẳng sai lầm. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 38

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi tám:

Nhi, minh kỹ sở thượng.

二、明己所尚。

(Hai, nói rõ điều mình ưa chuộng).

Trong đoạn lời Tựa này, “*minh*” là nói rõ, “*kỹ*” là Liên Trì đại sư tự xưng. [Câu “*minh kỹ sở thượng*” có nghĩa là] nói rõ điều Ngài ưa chuộng, tôn sùng. Nói cách khác, trong rất nhiều pháp môn ngàn ấy, bản thân Ngài chọn lựa pháp môn nào để khởi tu. Chọn lựa pháp môn sẽ bao gồm nhiều điều kiện trong ấy, chẳng phải là chọn lựa tùy tiện. Nếu chọn lựa tùy tiện, thì ở đây không cần phải nói nữa. Do vậy, chính mình nhất định phải lượng sức, pháp môn [được chọn lựa] ấy chẳng những phải thích hợp với căn tánh của chính mình, mà đồng thời còn phải chẳng trở ngại cuộc sống và công việc của chúng ta thì bắt đầu tu tập mới khá thuận tiện. Nếu không, rất khó thành tựu! Vì sao? Tu học Phật pháp lấy tâm thanh tịnh làm tông chỉ. Nếu có trở ngại, tâm sẽ chẳng dễ gì đạt được thanh tịnh. Khi không học Phật, tâm đây thanh tịnh; học Phật rồi, đâm ra tâm rối loạn toi bời; đó là chọn lựa pháp môn không thỏa đáng nên mới có hiện tượng ngược đời ấy.

(Tựa) Chi thừa tiên sắc, đốc phụng tư kinh, vọng Lạc quốc vi gia hương, ngưỡng Từ Tôn như hổ thị.

(序) 祇承先敕，篤奉斯經，望樂國為家鄉，仰慈尊如

怙恃。

(Tựa: Kính vâng theo lời sắc truyền từ trước, dốc lòng vâng theo kinh này, mong ngóng quê nhà nơi Lạc quốc, ngưỡng vọng đáng Từ Tôn như cha mẹ).

Chữ “*tiên*” (先) chỉ thầy dạy, nói gần gũi là thầy dạy, vâng theo lời thầy dạy bảo; nếu nói xa sẽ là vâng theo lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy.

“*Sắc*” (敕) là thánh chỉ của đế vương trước kia, đức Phật là pháp vương, do vậy, trong kinh luận cũng gọi lời Phật là “*sắc*”.

Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: “*Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu*”, trong thời kỳ Chánh Pháp chỉ cần tu giới luật bèn có thể chứng quả. “*Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu*”: Trong thời kỳ Tượng Pháp, cách Phật đã xa, tu Giới Luật rất khó khăn, chỉ dựa vào giữ Giới Luật chẳng thể chứng quả, chẳng thể khai ngộ, do vậy, phải tu Thiền Định. “*Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”: Chúng ta nay đang sống trong thời Mạt Pháp, Liên Trì đại sư cũng sanh trong thời Mạt Pháp. Nói cách khác, chúng ta hiện thời học Phật chọn lựa pháp môn này là “*chi thừa*”, “*chi*” (祇) là kính, [“*chi thừa*”] là kính vâng theo lời răn dạy của Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lão nhân gia đã dạy chúng ta như vậy, chúng ta phải vâng theo, phải tiếp nhận, y giáo phụng hành. “*Đốc phụng tư kinh*” (đốc lòng vâng theo kinh này): Chữ “*tư kinh*” chỉ bộ kinh này.

(Diễn) Tư kinh tán dương Cực Lạc, khuyến sanh Cực Lạc.

(演) 斯經贊揚極樂，勸生極樂。

(Diễn: Kinh này tán dương Cực Lạc, khuyên hãy sanh về Cực Lạc).

Bộ kinh này đặc biệt tán dương Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên chúng ta vãng sanh Tịnh Độ của Phật Di Đà. Đây là tông chỉ giáo học của bộ kinh này.

(Diễn) Cố vọng Lạc quốc vi gia hương.

(演) 故望樂國為家鄉。

(Diễn: Cho nên mong mỗi Lạc quốc là nơi quê nhà).

“*Lạc quốc*” là thế giới Cực Lạc, phải coi nơi ấy là quê nhà của chính mình!

(Diễn) Tư kinh chỉ thị Di Đà, khuyến niệm Di Đà, cố ngưỡng Từ Tôn như hộ thị.

(演) 斯經指示彌陀，勸念彌陀，故仰慈尊如怙恃。

(Diễn: Kinh này chỉ bày Phật Di Đà, khuyên niệm danh hiệu Phật Di Đà, vì thế, ngưỡng vọng đáng Từ Tôn như cha mẹ).

Bộ kinh này dạy chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dùng phương pháp nào? Kinh bảo chúng ta trong thế giới ở phương Tây có Phật, danh hiệu của Phật là A Di Đà. A Di Đà Phật từng phát ra bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật trong mười phương sanh về cõi ấy, dạy cho chúng ta phương pháp, khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật. Do vậy, chúng ta kính ngưỡng đáng Từ Tôn như cha mẹ. “*Hồ thị*”²⁷ là cha mẹ. Chúng ta coi A Di Đà Phật như cha mẹ của chính mình. Mấy câu dưới đây rất đáng cho chúng ta kiêng dè.

(Diễn) Thiên sanh lưu lãng, bất tri hà xứ thị ngã gia hương.

(演) 天生流浪，不知何處是我家鄉。

(Diễn: Ngàn đời trôi giạt, chẳng biết chốn nào là quê hương của mình).

Chúng ta sống sống chết chết, chết chết sống sống trong thế gian, không chỉ “ngàn đời”! Từ vô lượng kiếp đến nay đã sanh tử luân hồi không ngừng. Sanh tử luân hồi là thật. Chúng tôi ở Mỹ đã gặp một đồng tu, kê rõ cho chúng tôi nghe một câu chuyện. Ông ta nói đời trước của mình có thể là một Hoa kiều già sống tại Mỹ, chết đi, đầu thai vào Đài Loan. Ông ta buôn bán ở Đài Loan, lần thứ nhất đến Mỹ, con người lẫn nơi chốn đều xa lạ. Có một hôm lái xe, vô ý lái qua một thành phố nhỏ thuộc phía Nam vịnh Cự Kim Sơn (San Francisco Bay), lộ trình dự định của ông ta vốn chẳng phải là đi đến nơi ấy, chẳng biết vì sao lại lạc đường, lái xe đến nơi đó. Kết quả là đến chỗ đó, cảm thấy rất quen thuộc, ngay cả những con đường nhỏ ông ta cũng biết. Ông ta nghĩ: Đại khái trước kia ông ta là một Hoa Kiều sống bằng nghề đào quặng ở đó. Nếu không phải vậy, ta chưa hề đến nơi đó, vì sao lại quen thuộc với đường sá và nhà cửa ở nơi đó đến thế? Điều này chứng tỏ quả thật có đời trước.

²⁷ “*Hồ thị*” có nghĩa gốc là nương cây, nhờ vả. Bài Lục Nga trong thiên Tiểu Nhã kinh Thi có câu: “*Vô phụ hà hồ, vô mẫu hà thị*” (không cha nương vào đâu, không mẹ, cây vào đâu) nên cổ văn thường dùng chữ “*hồ thị*” để chỉ cha mẹ.

Có khi, chúng ta lữ du, đột nhiên cảm thấy địa phương nào đó rất quen thuộc, chứng tỏ trong đời quá khứ quý vị đã từng đến đó. Do điều này chứng tỏ: Con người quả thật có đời trước, đã có đời trước, đương nhiên có đời sau, có đời sau nữa. Vì vậy, quá khứ, hiện tại, vị lai ba đời là thật!

Lục đạo luân hồi quả thật là “*lưu lãng*” (trôi nổi), chính mình chẳng thể sống an ổn ở nơi nào. Chúng ta không có trụ xứ, từ lúc sanh ra liền bận bịu vì chuyện này: Tức là cái chết! Mỗi ngày càng gần với tử vong hơn, thọ mạng mỗi ngày một giảm thiểu, ngày ngày giảm thiểu mãi cho đến khi chết. Đời người là như vậy đó. Đây là “*lưu lãng*”. Các tôn giáo thông thường cho rằng sanh lên Thiên Đường là “*vĩnh sanh*” (sống đời đời), đó là hiểu lầm! Thiên Đường chẳng phải là sống đời đời, mà giống như con phù du trên mặt nước, thọ mạng chỉ có mấy tiếng đồng hồ! Con phù du thấy loài người thọ mạng khá dài, sống đến mấy chục năm. Phù du chỉ mấy tiếng đồng hồ là hết một đời, trông thấy thọ mạng loài người là mấy chục năm, một trăm năm, há chẳng phải là giống như chúng ta nhìn chư thiên ư? Phù du sống được mấy giờ, nó cảm nhận đây là một đời. Con người sống mấy chục năm, cũng cảm nhận là một đời. Chúng nó cảm thấy mấy tiếng đồng hồ quá ngắn ngủi, tạm bợ. Chúng ta cảm thấy mấy chục năm cũng hết sức ngắn ngủi, tạm bợ! Dầu có sanh lên trời Phi Tướng Phi Tướng, [thọ mạng] tám vạn đại kiếp, chư thiên vẫn cảm nhận [cuộc đời họ] ngắn ngủi, tạm bợ giống hết [như chúng ta], chẳng sai khác gì. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: Tam giới đều khổ! Trong tam giới chẳng tìm được chỗ nào an lạc. Quý vị muốn thật sự tìm được nơi chốn an lạc, ắt phải vượt thoát tam giới. Nói cách khác, muốn trốn thoát lục đạo luân hồi thì phải làm như vậy mới được. Đây là lời chân thật!

(Diễn) Vạn kiếp đào vong, vị thức hà nhân thị ngã phụ mẫu.

(演) 萬劫逃亡，未識何人是我父母。

(Diễn: Muôn kiếp trốn tránh, chưa biết ai là cha mẹ ta?)

Đây cũng là tỷ dụ, giống như kẻ trốn khỏi quê nhà, trái nghịch đức Phật, lia bỏ cha mẹ ra đi. Sau khi bỏ đi, không nơi nương cậy, cha mẹ là nơi ta nương cậy. Đương nhiên khi quý vị trưởng thành là chuyện khác; nếu là một đứa bé chưa trưởng thành mà lia khỏi cha mẹ, tình cảnh gian

khô ấy chúng ta có thể tưởng tượng mà biết được. Ngày nay chúng ta chịu hết mọi nỗi cay đắng trong lục đạo, chẳng được an vui.

(Diễn) *Tư kinh chỉ xuất, cảm bất huyền vọng nhi xí ngưỡng da?*

(演) 斯經指出，敢不懸望而企仰耶。

(Diễn: *Kinh này đã chỉ ra, dám đâu chẳng trông ngóng, ngưỡng vọng ư?)*

Rốt cuộc quê hương an ổn là đâu? Cha mẹ thật sự có thể nương tựa là ai? Trong kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã chỉ ra. Sau khi Ngài đã chỉ ra, chúng ta hãy nên mong mỏi, kính ngưỡng thì mới là đúng.

(Sớ) *Ký suy độn căn, sự tất sư cổ. Chi giả, kính dã. Thế chủ ngọc âm, Pháp Vương kim khẩu, quân danh viết “sắc”. Đốc phụng giả, phụng chỉ chí dã.*

(疏) 既揣鈍根，事必師古。祇者，敬也。世主玉音，法王金口，均名曰敕。篤奉者，奉之至也。

(Sớ: *Đã xét mình là độn căn, ắt phải tuân theo, tôn cổ nhân làm thầy. “Chi” là kính. Tiếng châu ngọc của đế vương trong cõi đời, miệng vàng của đấng Pháp Vương đều gọi là Sắc. “Đốc phụng”: Vâng giữ đến tột bậc).*

Đoạn này giải thích hai câu đầu trong đoạn lời tựa ở phía trên. “Suy” (揣) là “suy ma” (揣摩), cũng có nghĩa là chính mình nghiêm túc phản tỉnh, kiểm điểm. Nếu chúng ta căn tánh rất độn, nói cách khác, chẳng phải là hạng lợi căn rất thông minh, chúng ta ắt phải noi theo cổ nhân, “sự tất sư cổ”: Sự (事) là “sư pháp” (học theo, tuân theo), tôn cổ nhân làm thầy. Nếu quý vị có trí huệ thông minh đặc biệt thù thắng thì khỏi phải bàn tới; chứ nếu là người căn tánh trung hạ, ắt phải tôn cổ nhân làm thầy, chắc chắn sẽ có thành tựu, giống như Mạnh Phu Tử tôn Khổng Tử làm thầy, Ngẫu Ích đại sư tôn Liên Trì đại sư làm thầy, đều là “sư cổ” (tôn cổ nhân làm thầy), đều là lấy cổ nhân làm gương mẫu và điển hình tu học cho chính mình. Chữ “thế chủ” chỉ đế vương trong thế gian, mệnh lệnh, ý tứ của đế vương trong thế gian được gọi là Sắc (敕). Mọi người thường gọi Sắc là “thánh chỉ”. Đức Phật là Pháp Vương,

“*pháp vương kim khẩu*”. Chữ Kim có hai cách giảng: Theo phương diện biểu pháp thì “*kim*” (金) có nghĩa là tôn quý; nói theo mặt sự tướng, thân Phật là sắc vàng, cho nên [miệng Phật] gọi là “*kim khẩu*”. “*Đốc phụng*” là phụng hành đến tột bậc, nói cách khác, y giáo phụng hành một trăm phần trăm, tuyệt đối chẳng giảm bớt!

(Diễn) *Ký sửu độn căn giả, vi nhân bất khả bất tự sửu.*

(演) 既揣鈍根者，為人不可不自揣。

(Diễn: *Đã tự xét mình là độn căn: Làm người chẳng thể không tự suy xét).*

Câu này nói rất hay. Trong phần trên đã nói con người phải tự lượng, lượng sức mà làm thì bất cứ chuyện lớn hay nhỏ nhất định sẽ thành tựu. Do vậy, nhất định phải suy xét, cân nhắc sức mình, suy nghĩ căn tánh, trình độ, hoàn cảnh sống của chính mình và bối cảnh thời đại hiện tại đều phải hiểu rõ. Suy xét từ nhiều khía cạnh rồi mới quyết định đường lối cho chính mình: Ta đi theo đường lối này thì nên làm theo cách nào để đời này mới chẳng đến nỗi luống uổng! Đối với pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, muốn có thành tựu, đương nhiên thành tựu trong pháp xuất thế gian là bậc nhất. Thành tựu pháp thế gian nhằm giúp đỡ người khác, thành tựu pháp xuất thế gian nhằm thành tựu tịnh nghiệp của chính mình. Nói tới chuyện giúp đỡ người khác, có rất nhiều phương thức. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, những vị thiện tri thức ấy đại diện cho các ngành nghề, nam, nữ, già, trẻ, toàn là Bồ Tát, toàn là học Phật. Do vậy, học Phật không nhất định phải xuất gia, không nhất định phải sống trong chùa miếu. Quý vị ở trong công ty, hãng xưởng, cửa tiệm, hoặc là cơ quan chánh phủ, cho đến ở trong gia đình của chính mình, chỉ cần quý vị đúng pháp, những nơi ấy đều là đạo tràng, sẽ đều là Bồ Tát, đều có thể thành Phật, đều có thể vãng sanh. Quý vị muốn thông đạt, lý giải, nhất định phải đọc kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, “*tự xét mình*” hết sức trọng yếu!

(Diễn) *Tự sửu nhược quả lợi căn, tắc trượng phu tự hữu trung霄志, 不向如來行*
tiêu chí, bất hướng Như Lai hành xứ hành.

(演) 自揣若果利根，則丈夫自有冲霄志，不向如來行

處行。

(Diễn: Tự xét thấy mình nếu thật sự là lợi căn thì trượng phu tự có chí hướng xông trời thăm, chẳng noi theo hành xử của Như Lai để hành).

Nếu thật sự là hạng lợi căn bậc nhất thì được, người ấy quả thật có thể vượt Phật, trội Tổ, đốn ngộ, đốn chứng, nhưng người như vậy rất ít! Chúng ta đừng nói ai khác, nhìn vào lịch sử Phật giáo Trung Quốc, người giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông thì trước Huệ Năng đại sư chưa thấy ai như vậy, mà sau đại sư mãi cho đến ngày nay hơn một ngàn ba trăm năm cũng chẳng thấy có ai được như vậy. Đó là bậc lợi căn chân chánh. Do vậy, có thể đọc Đản Kinh, nhưng chắc chắn chẳng thể học theo. Vì sao? Chúng ta chẳng phải là hạng căn tánh ấy, học không được! Chưa thấy mấy ai Tham Thiền có thể khai ngộ! Quý vị không tin thì hãy đọc Đản Kinh, lúc Lục Tổ tại thế, có tới mấy ngàn người cùng tham Thiền với Ngài. Ngài trụ trì Tào Khê ba mươi bảy năm, người theo học với Ngài có mấy chục vạn người, thật sự khai ngộ chỉ có bốn mươi ba người mà thôi! Do vậy, quý vị tham Thiền chưa chắc khai ngộ, thật sự chẳng dễ dàng! Chúng ta nhất định phải giác ngộ điều này! Học Mật, nếu quý vị học mà đầu óc rất bình thường, kể như quý vị gặp vận may. Tôi thấy rất nhiều người học Mật, học được mấy năm, tinh thần đều bất bình thường, rắc rối to! Do vậy, chính mình nhất định phải hiểu căn tánh của chính mình. Trong pháp thế gian còn chẳng thể chụp giựt cơ hội, lươn lẹo, huống hồ Phật pháp! Xét theo lý luận, “*tức thân thành Phật*” hay lắm, nhưng về Sự thì không được! Tức thân thành Phật trên mặt Sự thì tôi xin thưa cùng quý vị, chỉ có bộ kinh này, chỉ có pháp môn Niệm Phật. Niệm Phật, đầu chỉ là Hạ Phẩm Hạ Sanh, vẫn là tức thân thành Phật, thật đấy! Do vậy, bộ kinh này được mười phương chư Phật cùng tán thán, mười phương chư Phật cùng giúp đỡ hoằng dương.

(Diễn) Kim ký độn căn, tất tu sự cổ.

(演) 今既鈍根，必須師古。

(Diễn: Nay đã là độn căn, ắt phải tôn cổ nhân làm thầy).

Hiện tại, chúng ta chẳng phải là lợi căn, đốn siêu chẳng được! Căn tánh của chúng ta hết sức trì độn, nghiệp chướng lại sâu nặng. Có sao

biết nghiệp chướng của chính mình sâu nặng? Ví như chúng ta niệm Phật lâu ngày, chẳng những không thể đắc nhất tâm, ngay cả công phu thành phiền cũng chẳng đạt được! Chẳng những công phu thành phiền không đạt được, kể cả khi quý vị niệm Phật trong thời gian tàn một cây hương, trong thời gian tàn một cây hương, tức một tiếng rưỡi ấy, còn khởi vọng tưởng mấy lượt. Đây chẳng phải là nghiệp chướng sâu nặng ư? Ngay cả trong vòng một tiếng rưỡi mà công phu chẳng thể thành phiền, vẫn còn khởi vọng tưởng; đây là tướng nghiệp chướng sâu nặng. Chính chúng ta phải biết rõ, đã có nghiệp chướng thì nhất định phải tôn cổ nhân làm thầy.

Con người hiện thời có quá nhiều vấn đề, chúng ta chớ nên nói người nào là tốt, người nào là xấu, chớ nên nói người khác đúng hay sai, người nào tu cho theo cách của người này, người ta tu cách của người ta, mình tu cách của mình, đôi bên chẳng liên can với nhau. Trong quá khứ, khi tôi theo thầy Lý, gặp mặt lão nhân gia lần thứ nhất, Ngài dạy tôi hai câu: Thứ nhất là “đừng khen ngợi người khác”, thứ hai, “đừng hủy báng người khác”. Tôi nghe dạy xong, có chút nghi hoặc, khen ngợi người khác là chuyện tốt. Vì sao chớ nên khen người khác? Suy nghĩ cả một hai tuần mới nghĩ thông suốt. Quả thật chớ nên khen ngợi người khác! Khen ngợi so ra còn gây hại dữ dội cho người ta hơn hủy báng, hủy báng khiến cho người ta sanh phiền não. Tán thán cũng khiến cho người ta sanh phiền não giống như vậy. Mọi người khen ngợi người ấy, người ấy bèn chẳng biết trời cao đất dày, cảm thấy chính mình rất phi phạm, ngạo nghễ, ngã mạn đều đầy hết lên, đạo hạnh chẳng thể tiến triển được nữa, chỉ có tụt lùi! Người nào mới có thể tán thán? Người tám gió thổi chẳng động thì quý vị có thể tán thán, mà cũng có thể hủy báng người ấy. Quý vị hủy báng người ấy, người ấy chẳng nổi giận. Quý vị khen ngợi người ấy, người ấy cũng chẳng nghĩ là đúng. Người ấy như như bất động. Đối với hạng người ấy [khen ngợi hay hủy báng] thì được! Vì thế, nếu muốn hại ai, hãy hết sức ca ngợi kẻ ấy, hết sức tán thán kẻ ấy! Do vậy, tu hành, khởi tâm động niệm, ngôn từ, cử chỉ đều phải có trí huệ. Thiếu trí huệ thì chính mình thường làm sai, còn tự nghĩ mình là đúng, trong Phật pháp gọi kẻ đó là ngu si!

Người đời nay rốt cuộc ai là thiện tri thức thật sự? Ai là thiện tri thức giả danh? Chúng ta không hiểu rõ. Tôi ví kinh Lăng Nghiêm như kính chiếu yêu. Nếu đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm thì yêu ma quỷ quái mạo danh Phật, Bồ Tát, quý vị vừa nhìn liền thấy rõ ngay, quý vị có thể nhận biết chúng. Thế nhưng rốt ráo vẫn là phải có một chút cơ sở nơi Phật

pháp thì mới được! Nếu không có cơ sở, hiện thời yêu ma quỷ quái cũng giăng kinh Lăng Nghiêm, như vậy là hỏng rồi! Tà - chánh chẳng phân biệt đích xác, phiền phức lớn lắm! Do vậy, Liên Trì đại sư từ năm trăm năm trước đã chỉ dạy chúng ta: Hãy lấy cổ nhân làm thầy, chắc chắn có thể nương cậy được! Nay chúng ta học Di Đà Kinh Sớ Sao, tôn ai làm thầy? Tôn Liên Trì đại sư làm thầy! Đây là người xưa từ năm trăm năm trước. Học Di Đà Kinh Yếu Giải là tôn Ngẫu Ích đại sư làm thầy. Ngài Ngẫu Ích là học trò của ngài Liên Trì, là tư thực đệ tử.

(Diễn) “*Sư cổ*” nhị tự xuất Thượng Thư, vị hậu giác giả, tất hiệu tiên giác chi sở vi dã.

(演) 師古二字出尚書，謂後覺者，必效先覺之所為也

•

(Diễn: Hai chữ “*sư cổ*” xuất phát từ sách Thượng Thư²⁸, ý nói: Kẻ hậu giác ắt phải noi theo hành vi của bậc tiên giác).

Chúng ta phải học theo bậc “*tiên giác*”. Họ là người giác ngộ và thành tựu trước chúng ta, họ nêu gương cho chúng ta, là gương mẫu chúng ta nên học theo. Đó là đúng. Trong thời cận đại, mọi người đều công nhận Ấn Quang đại sư là một vị thiện tri thức thật sự, thời đại của Ngài rất gần với chúng ta, Ngài sống trong khoảng cuối đời Thanh đầu thời Dân Quốc. Phạm những ai thân cận Ấn Quang đại sư đều thành tựu rất nhiều. Tại Đài Loan có không ít người đã từng thân cận Ngài, lâm chung vãng sanh hiện tướng lành hết sức tốt đẹp. Thầy Lý ở Đài Trung là học trò của Ấn Quang đại sư. Khi tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý dạy tôi hãy tôn Ấn Quang đại sư làm thầy, lấy đại sư làm gương, thầy bảo tôi học theo Ngài, còn đặc biệt cảnh tỉnh tôi: “*Cổ nhân chẳng học theo Tô Đông Pha, người thời nay chẳng học theo Lương Khải Siêu*”. Hai người này đều là đại cư sĩ trong nhà Phật, văn chương viết rất hay, Phật pháp cũng khá, vừa có thể giảng vừa có thể trước tác, nhưng không

²⁸ Thượng Thư còn gọi là Thư Kinh hoặc chỉ gọi gọn là Thư, là một trong năm bộ kinh điển trọng yếu của Nho Gia. Đây là một bộ Sử và là sách văn xuôi cổ nhất của Trung Quốc, được chia làm nhiều phần, mỗi phần đều gọi là Thư như Ngu Thư, Hạ Thư, Thương Thư, và Châu Thư. Nội dung ghi chép những ngôn luận và mệnh lệnh của các vương triều thời cổ. Đến đời Hán mới xuất hiện danh xưng Thượng Thư hàm nghĩa “bộ sách về thời thượng cổ”. Tục truyền, Thượng Thư thời cổ có đến 3.240 thiên, sau khi Khổng Tử san định, chỉ còn lại 120 thiên.

có thành tựu, chẳng thể vãng sanh! Họ biến thành Phật học gia (chuyên gia nghiên cứu Phật pháp), chẳng phải là học Phật. Do vậy, chớ nên học theo hai người ấy! Người thật sự có thành tựu trong Tịnh Độ thì chúng ta phải học theo. Đây là phương hướng mà chúng ta nên nỗ lực hướng theo.

Ví như chúng ta lần này gặp được cư sĩ Sử Hoàng Hy. Cụ biết trước lúc mất, không bệnh tật mà mất. Nếu người niệm Phật chúng ta cũng thành công, tương lai vãng sanh, nhưng khi vãng sanh bị mắc bệnh thì chẳng bằng cụ. Cụ không bị bệnh! Khi chúng ta vãng sanh, đến khi tắt hơi, mới thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, vậy là chúng ta chẳng bằng cụ. Cụ đã biết trước mấy ngày. Sự vãng sanh ấy ngàn vạn phần là sự thật, chẳng cần ai trợ niệm. Cũng có người hỏi: Cụ tu như thế nào? Thật ra, cụ cũng là phàm phu, hoàn toàn giống như chúng ta, chẳng có gì đặc biệt! Cụ ở trong chung cư dành cho người già tại Los Angeles. Phương pháp tu hành của cụ là suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật. Đặc điểm của cụ là thật sự buông xuống được: Con cái rất đông, cụ nhất loạt chẳng quan tâm tới, thấy con cái cũng giống như thấy khách vậy, đó là “*nhĩ tôn tự hữu nhĩ tôn phước*” (con cháu tự có phước của con cháu), đó là chuyện của các người! Do vậy, cụ niệm Phật mới có thể công phu thành phiên, đúng như trong kinh này đã nói: Chỉ có một niệm, không có niệm thứ hai; trong mười hai thời chỉ là một câu Phật hiệu.

Trước kia, tại Niệm Phật Đường của Tổ Sư, tức Niệm Phật Đường núi Linh Nham, trong mười hai thời Phật hiệu không gián đoạn, thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị đừng để gián đoạn Phật hiệu trong mười hai thời. Ban đêm thì sao? Ban đêm thì luân lưu niệm, nói chung có mấy người thay phiên nhau trực ban. Hiện thời có thể mở máy thu âm, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ niệm chẳng gián đoạn tại nơi đó, chẳng cần người trực ban. Hiện thời, tuy có thể lợi dụng máy móc, nhưng chúng ta thiếu thiện căn, vì sao? Chẳng dùng nó thì vẫn gián đoạn. Trước kia, trong Niệm Phật Đường phải có mấy trăm người cùng tu thì mới có thể làm được, mới có thể chia phiên để hai mươi bốn tiếng đồng hồ niệm chẳng gián đoạn. Hiện thời chúng ta không có phước báo ấy, nhưng hiện tại chúng ta có thể lợi dụng máy móc, mỗi người cũng có thể niệm Phật không gián đoạn trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Tại Mỹ, tôi nhắc các đồng tu, chúng ta phải giảm bớt ăn xài, thứ gì cũng nên tiết kiệm, giảm bớt, nhưng máy thu âm đừng nên tiết kiệm, nhất định phải mua, nhất định phải mua nhiều cuốn băng, thu thật nhiều cuốn băng niệm A Di Đà Phật. Có như vậy thì mới có thể không gián đoạn.

Có những đồng tu niệm rất đắc lực, rất có thụ dụng. Từng có một vị đồng tu, có lần bị tai nạn xe cộ, bị thương một chút. Do vậy, thường bị đau đầu, chữa trị suốt ba năm vẫn không hết, thường bị nhức đầu. Ông ta đến hỏi tôi, tôi dạy ông ta niệm Phật. Tôi bảo ông ta mua một máy cassette mang theo bên mình, mang ống nghe (headset) để nghe niệm Phật. Một hai tháng sau, ông ta đến nói với tôi: “Rất hữu hiệu, đầu không đau nữa!” Vì sao? Ông ta toàn tâm toàn ý chú tâm nơi A Di Đà Phật, dẫu đầu có đau ông ta cũng quên tuốt, quả thật có thể đạt được hiệu quả. Do vậy, nhất định phải niệm Phật cho nhiều!

(Sớ) Lạc quốc ngôn gia hương giả, tịch diệt Tịnh Độ, nãi đương nhân an thân lập mạng xứ, nhi xả ly cố lý, phiêu bạc tha hương, du tử linh đình, duy hữu tư quy nhất niệm nhi dĩ.

(疏) 樂國言家鄉者，寂滅淨土，乃當人安身立命處。

而捨離故里，飄泊他鄉，遊子伶仃，唯有思歸一念而已。

(Sớ: Nói “Lạc quốc là quê nhà”: Cõi Tịnh Độ tịch diệt chính là chỗ an thân lập mạng của hành nhân, nhưng lìa bỏ quê cũ, trôi giạt quê người, đưa con lang thang lênh đênh, chỉ có một niệm nghĩ quay về mà thôi!)

Đoạn này có ý nghĩa rất sâu, mà cũng hết sức thiết yếu. Chúng ta xem lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa.

(Diễn) Tịch diệt Tịnh Độ hạ.

(演) 寂滅淨土下。

(Diễn: Từ chữ “tịch diệt Tịnh Độ” trở đi...)

“Dĩ hạ” là đoạn văn mà chúng ta vừa mới đọc.

(Diễn) Thật tựu Lý thuyết.

(演) 實就理說。

(Diễn: Thật ra là nói theo Lý).

Hoàn toàn nói về lý luận niệm Phật.

(Diễn) Đản phiêu bạc tư quy.

(演) 但飄泊思歸。

(Diễn:) Nhưng đoạn văn nói tới “trôi giạt, nghĩ quay về”)

Giống như đứa con lang thang trôi giạt bên ngoài, thời gian đã lâu bèn luôn nghĩ đến quê nhà, mong quay về.

(Diễn) Diệc khả song ước Lý Sự.

(演) 亦可雙約事理。

(Diễn:) Cũng có thể nói là thuộc về Lý lẫn Sự).

Có thể nói là thuộc về Lý lẫn Sự, vừa có Lý, vừa có Sự.

(Diễn) Tịch diệt Tịnh Độ, tức Thường Tịch Quang Độ dã, thử nãi đương nhân cố hương điền địa, thị an ngã Pháp Thân, lập ngã huệ mạng xứ.

(演) 寂滅淨土，即常寂光土也。此乃當人故鄉田地，是安我法身，立我慧命處。

(Diễn:) Tịch diệt Tịnh Độ chính là cõi Thường Tịch Quang, đây chính là ruộng đất nơi quê cũ của hành nhân, là nơi ta an Pháp Thân, lập huệ mạng).

Điều này thuần túy là Lý. Ở chỗ này, chúng ta phải đặc biệt chú ý. Quê hương thật sự của chúng ta ở nơi nào? Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Kinh Hoa Nghiêm gọi Thường Tịch Quang Tịnh Độ là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới: Chân là chẳng hư vọng; Nhất chẳng dễ hiểu, nó không phải là một con số. Nếu rút vào con số sẽ là hư vọng, chẳng chân thật. Chữ Nhất ở đây là một đại danh từ nhằm biểu thị pháp. Nhất ở đây biểu thị cho pháp giới, là tổng tướng của hết thầy y báo và chánh báo trang nghiêm trong tận hư không, trọn pháp giới; chúng ta dùng chữ Nhất này để tượng trưng. Những chữ giống như vậy trong nhà Phật rất nhiều. Ví như Đại Phương Quảng, Đại chẳng phải là lớn như trong lớn - nhỏ, nó chẳng phải là tương đối. Tương đối là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa, rời khỏi lớn và nhỏ mới là Đại thật sự. Rời khỏi thiện và ác mới là chân thiện. Do vậy, thiện chẳng phải là thiện

trong thiện - ác, Tịnh cũng chẳng phải là tịnh trong nhiễm - tịnh. Ví như chúng ta nói đến giác là nói đến giác chân chánh, chẳng phải là giác do đối với mê mà nói. Giác trong giác - mê vẫn là mê, vẫn là bất giác. Chánh trong tà - chánh vẫn chưa phải là chánh, đó là cái Chánh do so sánh mà có, chẳng phải là thuần chánh. Hai bên tà và chánh đều bỏ hết, đó mới là Chánh thật sự. Hễ rớt vào một bên là không được, nói chung là hai bên [còn tồn tại thì còn thuộc trong vòng đối đãi, phân biệt, chấp trước].

Ba chữ “*Thường Tịch Quang*” biểu thị pháp, Thường biểu thị Pháp Thân, Tịch biểu thị Giải Thoát, Quang biểu thị Bát Nhã. Pháp Thân, Giải Thoát, Bát Nhã thường được gọi là “*tam đức mật tạng*” trong hết thảy các kinh Đại Thừa dùng ba chữ “Thường, Tịch, Quang” để biểu thị. Chúng ta học Phật chủ yếu là hy vọng chính mình có thể chứng đắc Pháp Thân, Giải Thoát và Bát Nhã trong tự tánh chẳng khác gì mười phương chư Phật. Do vậy, thành Phật, trên thực tế là chứng đắc Pháp Thân, Giải Thoát và Bát Nhã trong tự tánh. Pháp Thân không có sanh diệt, do vậy gọi là Thường, bất sanh, bất diệt. Pháp Thân là tịch tĩnh, một niệm chẳng sanh, đó là thanh tịnh đến cùng cực. Phương pháp tu hành trong kinh này chuyên môn dồn công phu nơi Tịch, Tịch là Định. Kinh này nói “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”, nhất tâm bất loạn là Tịch và Định, tâm chẳng điên đảo là Quang, tức trí huệ. Có người nói pháp môn Tịnh Độ có Định nhưng không có Huệ, lời nói ấy chẳng thông! Bộ kinh này đòi hỏi [hành giả] phải dốc sức chứng Thường Tịch Quang. Đã chứng được Tịch và Quang thì đương nhiên cũng chứng được Thường, ba món này hễ đạt được một sẽ đạt được cả ba, một mà ba, ba nhưng một.

“*Đương nhân cố hương điền địa*”: “*Đương nhân*” là người đang tuân phụng, là người niệm Phật, là bản nhân (chính mình). Thường Tịch Quang Tịnh Độ là “*cố hương điền địa*” (ruộng đất nơi quê cũ) của chúng ta, đây là tỷ dụ. Thiền gia ví von “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), bản nhân là chính mình. “*Thị an ngã Pháp Thân, lập ngã huệ mạng chi xứ*”: Chỗ mà Pháp Thân và huệ mạng của ta thật sự có thể gởi gắm chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

(Diễn) Xả ly phiêu bạc.

(演) 捨離飄泊。

(Diễn: Là bỏ phiêu giạt).

Đây cũng là tỷ dụ.

(Diễn) Mê tự bản tâm.

(演) 迷自本心。

(Diễn: Mê nơi bản tâm của chính mình).

“*Bản tâm*” là Thường Tịch Quang. Chúng ta mê mất Thường Tịch Quang của chính mình, quý vị phải nhớ: Mê mất trọn chẳng phải là thật sự mất. Nếu thật sự mất sẽ phiền phức to, đó là chuyện không thể nào xảy ra được! Chỉ là mê mất, mê mất là chính mình vốn có mà chính mình chẳng biết, tự mình không biết dùng. Nếu quý vị giác, sẽ biết sử dụng, sẽ đạt được Thường Tịch Quang. Nếu quý vị mê, sẽ chẳng biết dùng; tuy có Thường Tịch Quang, cũng giống như chẳng có Thường Tịch Quang. Đó là mê mất bản tâm của chính mình. Tướng của mê là...

(Diễn) Tùy trục lục trần.

(演) 隨逐六塵。

(Diễn: Đuổi theo sáu trần).

“*Sáu trần*” là cảnh giới bên ngoài: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. “*Tùy trục lục trần*” là tâm quý vị thường bị cảnh giới xoay chuyển, đó là mê.

(Diễn) Ước Sự.

(演) 約事。

(Diễn: Theo mặt Sự).

Nếu nói theo mặt Sự thì tướng của mê là gì?

(Diễn) Tắc thị bất nguyện vãng sanh, tham luyến thử độ.

(演) 則是不願往生，貪戀此土。

(Diễn: Tức là chẳng nguyện vãng sanh, tham luyến cõi này).

Đây là nói rõ cụ thể “*tùy trực lục trần*” (đuổi theo sáu trần). Đuổi theo sáu trần là gì? Quý vị chẳng nguyện vãng sanh, tham luyến thế giới này; còn có lưu luyến thì là mê. Phải hiểu: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là gì? Chúng cỡi Thường Tịch Quang, tức cỡi Thường Tịch Quang trong tự tánh, vì điều này. Do vậy, đối với bất cứ sự vật nào trong thế gian này đều chớ nên tham luyến, chỉ cần có may mắn tham luyến nào thì sẽ là chướng ngại, tham luyến là nghiệp chướng. Chúng ta phải phản tỉnh, nghiệp chướng của chính mình có tiêu trừ hay chẳng? Thật ra, nghiệp chướng của chính mình tiêu trừ thì chính mình nhận biết rõ ràng, chẳng cần phải hỏi ai khác! Hỏi người khác thì người công phu cao có thể thấy, thấy từ chỗ nào? Thấy quý vị đang khinh an, tự tại, đây là nghiệp chướng tiêu trừ. Thấy quý vị suốt ngày từ sáng đến tối nhủ mày, nhảm mồm, đương nhiên nghiệp chướng nặng nề. Đó là đạo lý nhất định. Tự mình phản tỉnh sẽ biết ngay. Nếu thân tâm của chính mình thanh tịnh, hết thấy đều buông xuống, nghiệp chướng của quý vị sẽ tiêu trừ. Nếu vẫn còn vướng mắc trong lòng, nghiệp chướng của quý vị rất nặng! Sử cư sĩ vãng sanh, nói thật ra, chẳng có gì khác, cụ buông xuống được. Do vậy, cụ mới có thể biết trước lúc mất. Nếu cụ không buông xuống được, có vướng mắc điều gì, sẽ không được, thật sự bị chướng ngại.

Do vậy, thật sự muốn vãng sanh thì bất cứ điều gì cũng đều buông xuống, tùy duyên sống qua ngày, thật thà niệm Phật! Đừng nói chuyện thế gian phải buông xuống, ngay cả chuyện xuất thế gian cũng phải buông xuống. Chuyện hoằng pháp lợi sanh cũng phải buông xuống, tùy duyên mà làm, chớ nên nắm níu. Nắm níu sẽ không buông xuống được, phải biết điều này! Tùy duyên nhưng không phan duyên, cơ hội xảy đến thì chúng ta làm, không có cơ hội thì chẳng bới chuyện ra. Cổ nhân nói: “*Đa nhất sự, bất như thiếu nhất sự, thiếu nhất sự, bất như vô sự*” (Nhiều thêm một chuyện chẳng bằng bớt một chuyện. Bớt một chuyện chẳng bằng không có chuyện gì). Chuyện đưa đến thì phải làm, chẳng đến thì không tìm, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sẽ thành Phật trong một đời này. Tâm không thanh tịnh, dẫu làm nhiều chuyện, thừa cùng quý vị, hưởng phước báo trong đường nhân thiên mà thôi! Bất luận quý vị làm bao nhiêu, tạo bao nhiêu công, lập bao nhiêu nghiệp, phước báo trời người! Nếu nhân địa chẳng thật, chẳng những không phải là phước báo mà còn là tạo nghiệp, càng chẳng đáng! Do vậy, chẳng những chúng ta không tạo tội nghiệp, mà phước báo nhân thiên chúng ta cũng không làm, nhất tâm nhất ý cầu sanh về Tịnh Độ, sánh bằng những người đã vãng sanh, đây mới là đúng!

(Diễn) *Tư quy nhất niệm, thị niệm niệm xứng lý, nhi quán đại sự vị mình, như táng khảo tử dã.*

(演) 思歸一念，是念念稱理，而觀大事未明，如喪考妣也。

(Diễn: *Một niệm nghĩ quay về là niệm niệm xứng lý, nhưng chưa thấy đại sự rõ ràng, giống như đang phải chôn cha mẹ vậy).*

Đây là nói chúng ta phải thật sự dụng công, “*tư quy*” (nghĩ tới chuyện trở về) là quay đầu, từ đâu quay đầu lại? Hãy quay đầu từ chỗ suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng. Ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, nay không vọng tưởng thì ý niệm của ta quy nhất. “*Nhất*” là gì? A Di Đà Phật! Ta chẳng có ý niệm thứ hai, chỉ có một niệm này (niệm A Di Đà Phật), chẳng khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm bèn A Di Đà Phật. Nói thật ra, chẳng khởi niệm cũng không được, chẳng khởi niệm là vô minh, còn khởi niệm là tà kiến. Chuyện này phiền phức lắm! Chỉ có một câu A Di Đà Phật, đã chẳng phải là vô minh mà cũng chẳng phải là tà kiến, đó gọi là “*chánh niệm phân minh*”.

(Diễn) *Ước Sự, tức thị thường ỨC, thường niệm, tự tự phân minh, cú cú tiếp tục, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm dã.*

(演) 約事，則是常憶常念，字字分明，句句接續，行住坐臥，唯此一念，無第二念也。

(Diễn: *Ước theo Sự thì là thường nhớ, thường nghĩ, từng chữ phân minh, từng câu tiếp nối, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai).*

Điều này hết sức quan trọng. Trong quá khứ, khi giảng kinh tôi đã có nói: Sau năm sáu mươi tuổi, quyết định phải chú tâm, phải tính toán cho sự vãng sanh Tịnh Độ của chính mình, chẳng thể nào bận bịu nữa! Giảng kinh, thuyết pháp, lập đạo tràng, độ chúng sanh để cho người trẻ tuổi lo liệu, hiện thời, chúng tôi coi Tây Phương Tịnh Độ là chuyện khẩn yếu bậc nhất, những chuyện khác không làm. Trừ kinh Di Đà và Tứ Thập Hoa Nghiêm, những thứ khác không giảng. Vì sao? Sanh tử là

chuyện lớn, đừng để chuyện vãng sanh của tôi bị lỡ làng, oan uổng quá, chẳng đáng tí nào!

Người ta đến tìm tôi giảng kinh, đưa tiền ra: “Thưa pháp sư! Tôi có mấy trăm ức, chúng ta lập một đạo tràng”, đó là chướng ngại, vì sao? Thấy quý vị muốn vãng sanh, tìm những thứ đó để ngăn trở, ngáng chân, không cho quý vị đi. Tôi chẳng bị họ gạt! Hiện thời, đối với tôi niệm Phật là bậc nhất, không có thứ hai, chỉ có thứ nhất. Kinh chỉ giảng một bộ, trừ bộ kinh này ra, không giảng kinh nào khác!

“*Đại sự vị minh*” (chưa hiểu rõ đại sự) Đại sự sanh tử vẫn chưa có tin tức, đây là “*vị minh*”. Biết trước lúc mất, là đã biết, hiểu rõ rồi! Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư biết trước thời điểm viên tịch một năm, Ngài hiểu rõ! Từ một năm trước, Ngài đã sai đồ đệ sang chùa Quốc Ân²⁹ dựng tháp, chuẩn bị để tương lai sau khi hỏa táng sẽ đặt tro vào đó. Trước khi mất một tháng, Ngài đối trước đại chúng tuyên bố Ngài sắp ra đi. Chuẩn bị hậu sự chu đáo trước đó một năm, đây là “*đại sự dĩ minh*” (đã hiểu rõ đại sự). Hiện thời, chúng ta không có tin tức, đại sự vị minh, không được rồi! “*Như táng khảo tử*”³⁰: Giống như cha mẹ đã qua đời, đau buồn khôn nguôi, mọi người đều phải thận trọng nhất đối với chuyện này. Khi trẻ tuổi xen tạp thì không sao, chứ hiện tại chẳng thể xen tạp được! Tiếp theo đây, đại sư dẫn hai câu nói của cổ nhân.

(Diễn) Cổ vân: “Thân tuy vị đáo liên hoa thổ, tiên tống tâm quy Cự Lạc thiên”.

(演) 古云: 身雖未到蓮花土, 先送心歸極樂天。

(Diễn: Cổ nhân nói: “Thân tuy chưa đến đất hoa sen, tâm đã gửi trước trời An Dưỡng”).

Hiện thời thân thể vẫn còn [ở nơi đây], chưa sanh về thế giới Cự Lạc, tâm đã sang nơi đó, niệm niệm đều ở Tây Phương Tịnh Độ. Quý vị hãy suy nghĩ, nếu tâm đã đi, lẽ nào chẳng vãng sanh? Nhất định sẽ vãng

²⁹ Chùa Quốc Ân ở trấn Tập Thành, huyện Tân Hưng, tỉnh Quảng Đông. Chùa Quốc Ân do chính Lục Tổ sai môn đồ sửa ngôi nhà cũ của Ngài ở Long Sơn thành chùa, đặt tên là Báo Ân Tự. Đến năm Thần Long thứ ba (707), Đường Trung Tông (Lý Hiền) mới xuống chiếu, ban biển ngạch, đổi tên thành chùa Quốc Ân.

³⁰ Khảo tử là tiếng gọi cha mẹ đã khuất. Thiên Khúc Lễ của sách Lễ Ký giảng: “*Sanh viết phụ mẫu, tử viết khảo tử*” (lúc còn sống thì gọi là cha mẹ, lúc mất thì gọi là khảo tử).

sanh! Lần đại chuyên giảng tòa này của chúng ta là giảng pháp môn Niệm Phật trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Chúng tôi lại giảng cương yếu kinh Di Đà, nói rõ những chỗ trọng yếu, mấu chốt trong lý luận, phương pháp và cảnh giới của Tịnh Độ một cách đơn giản, khiến cho chúng ta thật sự tìm được phương hướng trên con đường Bồ Đề, thật sự tìm được một con đường thoát lìa tam giới.

(Diễn) Hựu vân: “Tây Phương thắng hữu đãi đa thời, thâm thập thân tâm tảo quy khứ”.

(演) 又云: 西方勝友待多時, 收拾身心早歸去。

(Diễn:) Lại nói: “Tây Phương bạn quý đợi lâu rồi, thâm thập thân tâm về sớm thôi”.

“Thắng hữu” là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật đã đợi nơi đó lâu lắm rồi, đợi chúng ta đến đó. “Đãi đa thời”: Rất lâu rồi, chẳng phải là đợi mấy tiếng đồng hồ hay mấy ngày, cũng chẳng phải là mấy chục năm, mà là đợi không biết bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp! Đời đời kiếp kiếp chờ đợi mà quý vị vẫn chẳng tới! Đời này chúng ta đã biết rõ, chúng ta hãy nên quay đầu đi, đừng để Ngài phải đợi nữa. Phật Di Đà xò tay tiếp dẫn chúng ta nơi đó, chúng ta hãy nên “thâm thập thân tâm sớm trở về”.

(Sớ) Tì Tôn ngôn hồ thị giả, phụ viết ngô hồ, mẫu viết ngô thị.

(疏) 慈尊言怙恃者, 父曰吾怙, 母曰吾恃。

(Sớ:) Đức Tì Tôn được gọi là “hồ thị”, cha gọi là hồ, mẹ gọi là thị).

“Hồ thị” là tiếng gọi cha mẹ.

(Sớ) Phật dĩ đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh, thị hoài ngã dĩ thánh thai, tự ngã dĩ pháp nhũ, tức kim nội ngoại thân tâm, mạc bất hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập.

(疏) 佛以大慈大悲接引眾生, 是懷我以聖胎, 飼我以法乳, 即今內外身心, 莫不荷其恩力而得成立。

(*Sớ*: Đức Phật do lòng đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh, dùng thánh thai để chứa đựng ta, dùng sữa pháp nuôi dưỡng ta, ngay cả trong và ngoài thân tâm này chẳng có gì không nhờ ân đức và thần lực của Phật để thành lập).

Mấy câu này là sự thật, nhưng rất ít người biết.

(*Diễn*) Phật dĩ đại từ hạ, song ước Sự Lý.

(*Đ*) 佛以大慈下，雙約事理。

(*Diễn*: Từ câu “Phật do lòng đại từ” trở đi là ước theo Sự và Lý).

Trong đoạn này có cả Sự lẫn Lý.

(*Diễn*) Ước Sự, tác tứ thập bát nguyện, quảng độ hữu tình, thị tiếp dẫn chúng sanh.

(*Đ*) 約事，則四十八願，廣度有情，是接引眾生。

(*Diễn*: Theo mặt Sự thì bốn mươi tám nguyện rộng độ hữu tình là tiếp dẫn chúng sanh).

Đây là nói theo mặt Sự.

(*Diễn*) Thử phương niệm Phật, bỉ độ tiêu danh, thị hoài ngã dĩ thánh thai.

(*Đ*) 此方念佛，彼土標名，是懷我以聖胎。

(*Diễn*: Niệm Phật ở phương này, danh nêu ở cõi kia, đây là “dùng thánh thai để chứa đựng ta”).

Chúng ta là người ở nơi này, hãy phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, trong ao bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sanh một đóa sen, trên đóa sen ấy có ghi tên họ của chính mình. Tại Cự Kim Sơn có một đồng tu, trước kia đã tốt nghiệp đại học tại Đài Loan, di dân sang sống tại Cự Kim Sơn. Khi ông ta niệm Phật trông thấy hoa sen, trên hoa có ghi tên họ của chính mình. Ông ta thấy rồi, cũng chẳng kể với một người nào khác. Khi tôi sang đó giảng kinh, ông ta kể với tôi, tôi khích lệ ông ta: “Tướng lành ấy hết sức tốt đẹp, hãy nên nỗ lực, trong đời này quyết định chẳng bỏ luống uổng”. Trong Vãng

Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có ghi chép: Cổ nhân có không ít người thấy hoa sen của chính mình, đó chính là “*thánh thai*”. Trong tương lai khi chúng ta mạng chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, sẽ cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn chúng ta.

(Diễn) Thủy điều thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, thị tự ngã dĩ pháp nhũ.

(演) 水鳥樹林，咸宣妙法，是飼我以法乳。

(Diễn: Nước, chim, rừng cây, đều nói diệu pháp là “nuôi ta bằng sữa pháp”).

Đây đều là trường dưỡng thánh thai, nói tới cảnh giới trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hiện thời, chúng ta trong mười hai thời một câu danh hiệu A Di Đà Phật không gián đoạn, đây chính là “*pháp nhũ*”. Phật hiệu chớ nên gián đoạn giữa chừng, điều này khẩn yếu hơn bất cứ điều nào khác!

(Diễn) Phật từ gia bị, thân tâm tinh tấn, bất thoái Bồ Đề, thị hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập dã.

(演) 佛慈加被，身心精進，不退菩提，是荷其恩力而得成立也。

(Diễn: Phật từ gia bị, thân tâm tinh tấn, chẳng lui sụt nơi Bồ Đề, là nhận lãnh ân lực mà được thành lập vậy).

Hội này của chúng ta trong hiện tại, mọi người thảo luận vấn đề tại nơi đây, chúng ta có thể tinh tấn, có thể không lui sụt, đều là do A Di Đà Phật thần lực âm thầm gia trì, nên chúng ta mới có thể làm được. Có rất nhiều người hỏi tôi về chuyện giảng kinh, tôi nói: “Giảng kinh nếu chẳng được Phật lực gia trì thì ai có thể giảng kinh?” Lên đài giảng được thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì, nhờ vào thân miệng này để nói ra mà thôi. Do vậy, tâm nhất định phải thanh tịnh thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát. Như vậy mới là đúng. Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đây!

Tập 39

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi chín:

(Sớ) Phật dĩ đại từ đại bi, tiếp dẫn chúng sanh, thị hoài ngã dĩ thánh thai, tự ngã dĩ pháp nhũ, tức kim nội ngoại thân tâm, mạc bất hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập.

(疏) 佛以大慈大悲，接引眾生，是懷我以聖胎，飼我以法乳，即今內外身心，莫不荷其恩力而得成立。

(Sớ: Phật do lòng đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh là chứa đựng ta bằng thánh thai, nuôi dưỡng ta bằng sữa pháp, ngay cả trong và ngoài thân tâm hiện thời, không có gì chẳng nhờ vào ân đức và thần lực của Phật mà được thành lập).

Đối với sự tu học của chúng ta, đoạn này rất quan trọng.

(Diễn) Phật dĩ đại từ hạ, song viết Sự Lý. Ước Sự, tắc tứ thập bát nguyện, quảng độ hữu tình, thị tiếp dẫn chúng sanh.

(演) 佛以大慈下，雙曰事理。約事，則四十八願。廣度有情，是接引眾生。

(Diễn: Từ câu “Phật do lòng đại từ” trở đi nói về Sự lẫn Lý. Nói theo Sự thì bốn mươi tám nguyện rộng độ hữu tình là tiếp dẫn chúng sanh).

Trong đoạn này có cả Sự lẫn Lý. Nói theo mặt Sự, A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm tiếp dẫn chúng sanh, đây là chuyện thuộc phía Phật. Hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới chỉ cần xưng niệm Phật hiệu, lúc lâm chung, Phật nhất định đến tiếp dẫn, đây là chuyện của chúng ta. Điều mâu chốt là chúng ta có tin tưởng hay không, có chịu phát nguyện hay không? Nếu tin tưởng, chịu phát nguyện, trong một đời này nhất định sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói chung, đối với chuyện này, người ta thường cho rằng đây là chuyện viển vông: Thế giới Tây Phương là ở nơi đâu? Rốt cuộc nó có phải là chân thật hay không? Không chỉ người hiện thời hoài nghi, mà cổ nhân cũng hoài nghi. Do nỗi hoài nghi này mà bỏ lỡ nhân duyên.

Chúng ta phải biết: Phật chẳng nói dối. Phật hóa độ chúng sanh bằng rất nhiều phương pháp, chẳng cần phải dùng vọng ngữ để độ chúng sanh. Dẫu là nói dối vì mục đích tốt đẹp, nói dối tốt lành, đức Phật cũng chẳng dùng, vì sao? Giả sử trong một đời Ngài đã từng nói dối một lần, sẽ chẳng có ai tin tưởng lời Ngài nói. Nói chung, người ta thường hoài nghi: “Phật đã từng có lần nói dối, lần này cũng chắc gì đáng tin!” Do vậy, chắc chắn suốt đời đức Phật không nói dối. Thích Ca Mâu Ni Phật “*hiện quảng trường thiệt tướng*” (hiện tướng lưỡi rộng dài), đây là một tướng tốt lành trong ba mươi hai tướng, lưỡi thè ra có thể che khắp mặt. Kinh điển dạy: “Người bình thường ba đời không nói dối, lưỡi có thể liếm đến chót mũi của chính mình”. Đức Phật thè lưỡi có thể che cả mặt, cho thấy Ngài chẳng nói dối. Kinh Kim Cang dạy: “*Phật thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuồng ngữ giả*” (Phật là bậc nói lời chân thật, nói đúng như sự thật, nói đúng với bản chất của các pháp, chẳng nói lời dối gạt), chúng ta phải tin tưởng điều này! Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt đối chẳng phải là cõi nước lý tưởng (Utopia) do Thích Ca Mâu Ni Phật [tưởng tượng ra], mà là sự thật. Mười phương thế giới vô lượng vô biên, đức Phật trông thấy rất rõ ràng, minh bạch, giới thiệu cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta sanh về.

Cũng có người muốn hỏi: Mười phương thế giới vô lượng vô biên, loại Tịnh Độ giống như cõi nước của A Di Đà Phật cũng không ít, thậm chí có nhiều thế giới còn thù thắng hơn thế giới Cực Lạc, vì sao đức Phật chẳng bảo chúng ta sanh về những cõi đó, cứ khẳng khẳng bảo chúng ta hãy tới Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở đây có một điều mâu chốt là chữ “*duyên*”, duyên phận đây nhé! Trong thế gian của chúng ta nói tới duyên phận, mười phương thế giới cũng nói duyên phận. A Di Đà Phật

và chúng sanh trong thế giới này có duyên phận đặc biệt sâu đậm. Nói cách khác, Ngài đặc biệt hoan nghênh chúng sanh từ thế giới Sa Bà sanh về cõi nước của Ngài. Đã có duyên như vậy, mà phương pháp lại rất đơn giản: Chỉ cần quý vị niệm Phật, niệm đến mức thân tâm thanh tịnh. Quý vị phải nhớ: Nơi ấy gọi là Tịnh Độ, thân tâm chẳng thanh tịnh sẽ chẳng phù hợp điều kiện. Niệm một câu A Di Đà Phật là diệu pháp để thanh tịnh thân tâm, chúng ta nhất định phải tin tưởng.

Ở cõi này, hễ phát nguyện vãng sanh, chấp trì danh hiệu, kinh đã nói rất rõ ràng, liên hoa hóa sanh trong cõi kia. Tức là trong ao bảy báu nảy sanh một đóa hoa sen, hoa sen ấy dành cho người niệm Phật đó. Ta niệm Phật, trong ao bảy báu trở một đóa hoa sen, chắc chắn không sai. Hoa sen lớn hay nhỏ, ánh sáng, màu sắc mỗi hoa khác nhau, nguyên nhân là do niệm Phật siêng năng hay lười nhác. Quý vị niệm Phật rất siêng, hoa lớn dần, ánh sáng, màu sắc càng đẹp hơn. Nếu giải đãi, biếng nhác, mỗi ngày chỉ niệm Phật mấy tiếng, hoa liền bé, ánh sáng, màu sắc sẽ kém. Tốt đẹp hay kém cõi sai khác như vậy đó. Nếu quý vị muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trụ trong đại liên hoa thì Phật hiệu đừng nên gián đoạn, nhất tâm nhất ý niệm. Đồng thời, chúng ta càng phải nên cảnh giác: Trong thế gian không có chuyện gì là chân thật, chỉ có chuyện này là chân thật. Thế nhưng, chúng sanh mê hoặc, điên đảo, chuyện thật sự khẩn yếu mà chẳng làm, cứ khăng khăng suốt ngày từ sáng đến tối làm những chuyện chẳng liên quan, làm những chuyện sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng biết vun bồi hoa sen của chính mình cho to lớn. Đây là lầm lẫn lớn nhất!

“Hoài ngã dĩ thánh thai, tự ngã dĩ pháp nhũ” (dùng thánh thai chứa đựng ta, dùng sữa pháp nuôi dưỡng ta). Trong đây có hai ý nghĩa, Tây Phương Cực Lạc thế giới sáu trần thuyết pháp, dùng Phật pháp nuôi nâng Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. *“Pháp nhũ”* là nghe pháp, nghe pháp quả thật hết sức quan trọng. Trong Phật môn, vị có duyên phận sâu đậm nhất với chúng ta là Quán Thế Âm Bồ Tát, Nhĩ Căn của chúng ta nhạy bén nhất, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng là Nhĩ Căn nhạy bén; trong hội Lăng Nghiêm, phương pháp tu hành của Ngài *“phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”* (xoay tánh Nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng), từ âm thanh mà nhập pháp môn. Trong thế giới Tây Phương, sáu trần thuyết pháp, hiển thị thế giới Tây Phương cũng đặc biệt là Nhĩ Căn thụ dụng, đây là cái nhân tố (factor) căn bản để chúng ta có duyên với cõi ấy, đều là do Nhĩ Căn nhạy bén nhất.

Do đây có thể biết: Nghe pháp hết sức quan trọng! Chẳng qua chúng ta phải hiểu rõ: Nếu trong hiện tại, chúng ta học rộng nghe nhiều, cố nhiên là chuyện tốt, nhưng chắc chắn nó sẽ chướng ngại quý vị cầu sanh Tịnh Độ vì quý vị bị phân tâm! Thêm nữa, [học rộng nghe nhiều] chỉ có thể tăng trưởng thường thức (kiến thức thông dụng) về Phật học, chẳng thể khai trí huệ. Tăng trưởng thường thức về Phật học thì như Thanh Lương đại sư đã nói: “Tăng trưởng tà kiến!” Tri kiến quá nhiều, suy nghĩ loạn xạ, nghĩ trong kinh này đức Phật nói như thế này, trong kinh kia đức Phật nói như thế nọ. Phật thuyết pháp ở chỗ nào, quý vị bèn bị âm thanh nơi đó xoay chuyển, bị Phật pháp xoay chuyển. Khi quý vị đọc kinh, bèn bị kinh xoay chuyển, đây là phạm phu. Bị kinh, bị ngôn thuyết xoay chuyển nên đều là tà kiến³¹. Quý vị khởi phân biệt, chấp trước ở nơi đó, suy nghĩ loạn xạ tại nơi đó.

Do vậy, thường có những người học rộng nghe nhiều, chẳng bằng người suốt đời niệm A Di Đà Phật! Người ấy vãng sanh Tây Phương, hoa sen vừa to vừa đẹp; người cả đời học rộng, nghe nhiều, giảng kinh, thuyết pháp, thậm chí vẫn phải trôi nổi trong tam đồ, thua người [chỉ biết niệm Phật] ấy rất xa! Nguyên nhân là ở chỗ nào? Đọc kinh điển quá nhiều, học quá nhiều, quá tạp, chẳng có tín tâm kiên cố đối với Tịnh Độ. Vì kẻ đó biết quá nhiều pháp môn, lúc thì tham Thiền, lúc thì trì giới, lúc thì niệm chú, hoa dạng quá nhiều, quá tạp, đâm ra chẳng thể thành công! Nguyên cũng chẳng thiết, mà hạnh cũng chẳng đắc lực, niệm mấy tiếng A Di Đà Phật tạo thành nhân duyên cho đời sau mà thôi, đời này chẳng thể thành công! Chúng ta phải cảnh giác chuyện này!

Do vậy, thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật thì những thứ khác ta chẳng làm! Những kinh khác ta cũng không xem, giống như Liên Trì đại sư đã nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh nhiều dư tha nhân hành*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh để cho người khác hành). Lão nhân gia cả đời một kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật, là đủ rồi, chuyện gì cũng đều chẳng cần, nên Ngài có thể trở thành tổ sư một đời. Liên Trì đại sư suốt đời niệm Phật, bao nhiêu nghi thức trong Phật môn Ngài đều chẳng biết, bài Lu Hương Tán cũng không biết xướng, nhưng Ngài niệm Phật hiệu rất linh. Truyện ký có ghi chép: Thuở ấy, cả

³¹ Điều này không có nghĩa là kinh hay ngôn thuyết của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tổ là tà kiến, mà là vì người nghe khởi chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, suy lường xằng bậy, dính mắc nơi tướng văn tự và ngôn thuyết, nên gọi là tà kiến.

một vùng quanh chùa Vân Thê bị hạn hán, rất lâu trời không mưa, mọi người biết Ngài là một vị cao tăng có đạo đức bèn cầu lão nhân gia thay mặt chúng sanh cầu mưa. Ngài nói: “Tôi chẳng biết cách cầu như thế nào, nhưng người đến đông quá, mọi người đều cầu khẩn, làm sao bây giờ? Được rồi! Tôi hướng dẫn quý vị cùng niệm Phật!” Ngài cầm dẫn khánh hướng dẫn đại chúng, niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, bắt đầu niệm từ cửa chùa đi ra, đi nhiều quanh bờ ruộng, Ngài đi đến đâu, mưa trút đến đấy, linh dường ấy! Lão nhân gia niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, lòng Thành ắt linh!

Ý nghĩa thứ hai, “*pháp nữ*” là trong pháp hội giảng kinh hiện tại của chúng ta, giảng kinh gì vậy? Thừa với quý vị, nhất định phải giảng kinh Di Đà. Nhất định phải giảng pháp môn vãng sanh Tây Phương, chẳng thể giảng chi khác. Giảng những thứ khác sẽ gây rối ren, nhất định phải giảng pháp môn Niệm Phật. Có thể giảng bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này, đương nhiên là lý tưởng nhất, đại sư chú giải hết sức chu đáo, tường tận, thấu triệt. Trừ kinh này ra, cộng tu niệm Phật. Đây là pháp nữ của chúng ta trong hiện tại. Tỷ dụ này sánh ví rất hay! Trẻ thơ bị đứt sữa một ngày, sẽ chết đói. Chúng ta một ngày không nghe pháp, một ngày chẳng niệm Phật, Pháp Thân huệ mạng của chúng ta cũng bị chết đói. Do vậy, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng thể gián đoạn giữa chừng.

Phật lực gia trì, chúng ta mới có thể thật sự tinh tấn chẳng lui sụt. Nếu chẳng có Phật lực mà mong chẳng thoái chuyển, chẳng dễ dàng! Chúng ta mỗi ngày lạy Phật, lạy Phật để làm gì? Cầu Phật, Bồ Tát gia trì, con chẳng muốn bị thoái chuyển, đó là điều khẩn yếu. Còn như hết thấy sự nghiệp thế gian lẫn xuất thế gian, thuận lợi hoặc chẳng thuận lợi, cũng do Phật, Bồ Tát gia trì. Nhất tâm cầu Phật. Phật, Bồ Tát thời thời khắc khắc bảo vệ, gia hộ quý vị; nhưng cảnh giới có thuận, có nghịch, có rất nhiều nghịch cảnh, đang trong lúc ấy chẳng sung sướng gì, nhưng đến cuối cùng hóa ra là chuyện tốt, may là nghịch cảnh lại trở thành Tăng Thượng Duyên to lớn. Nếu chẳng phải là nghịch cảnh, sẽ chẳng thể thành công. Chẳng hạn như cư sĩ Sử Hoảng Hy vãng sanh, nếu cụ cả đời đắc chí, năm nào cũng thăng quan phát tài, cụ sẽ chẳng thể vãng sanh. Cụ suốt đời bất đắc chí, bèn làm sao? Thật thà niệm Phật, niệm đến cuối cùng, biết trước lúc mất, không tật bệnh mà qua đời. Cụ đã thành công, thật sự vãng sanh. Chẳng bị bệnh, trước hôm vãng sanh một ngày bảo với người nhà cụ sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngày hôm

sau liền mắt. Thông thường, nghịch Tăng Thượng Duyên³² là động lực thúc đẩy tinh tấn không chi lớn bằng khiến cho người ấy có thể thành công. Từ giảng đài, chúng tôi giới thiệu với quý vị bộ kinh này, cũng là được thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu không có Phật lực gia trì, chẳng biết sẽ giảng từ đâu. Đây là chúng ta trong hiện tại được lòng Từ của Phật gia bị.

“*Hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập*” (nuờng nhờ vào ân đức và thần lực [gia trì của Phật] mà được thành lập): Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Nói cách khác, trong cuộc sống thường nhật, từ sáng đến tối, đãi người, tiếp vật những chuyện vụn vặt trong thế gian lẫn xuất thế gian, đều được Phật lực gia trì, nghịch duyên dễ khiến cho chúng ta phản tỉnh quay đầu, thuận cảnh chẳng dễ dàng! Thuận cảnh thì vinh hoa phú quý càng mê càng sâu, nghịch cảnh thường kích thích khiến cho đạo tâm của con người phát khởi. Quý vị phải hiểu: Khổ nạn có thể chướng đạo, nhưng nó chỉ có thể chướng ngại những kẻ thiếu ý chí, chướng ngại kẻ hạ hạ căn, chẳng thể chướng ngại bậc trung căn trở lên. Càng bị vùi dập, càng dững mãnh, càng tiếp xúc cảnh duyên, [bản lãnh] càng lợi hại, chướng không được! Thế nhưng thuận cảnh không như vậy, thuận cảnh thì ngay cả người căn tánh bậc trung cũng không kham nổi, đắm chìm, mê man trong đó, đọa lạc trong tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu ngũ dục, lục trần, sức mạnh [mê hoặc] của thuận cảnh chẳng biết lớn gấp bao nhiêu lần nghịch cảnh? Do vậy, tu học Phật pháp, trước hết phải tu từ trong khổ nạn, trước hết tu từ trong nghịch duyên, tu thành công rồi, lại tu trong thuận cảnh.

Trong pháp môn này của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại diện cho nghịch cảnh là Tu Bồ Đề (Subhūti). Tu Bồ Đề là Không Sanh: Ngài vừa ra đời, vàng bạc, của cải trong nhà đột nhiên mất hết. Tu học trước hết từ nghịch cảnh, nghịch cảnh là tu Nhẫn Nhục, chịu đựng hết thấy khổ nạn, hết thấy tai hại. Trước hết, học chẳng dấy lên cái tâm sân khuể trong nghịch cảnh. Điều này rất có lý. Sân khuể là địa ngục! Chẳng khởi sân khuể thì trong lục đạo chẳng đọa địa ngục.

Trước hết, học lấy bản lãnh này; [tức là] trước hết là học cách chẳng đọa địa ngục. Sau đấy, trong thuận cảnh vẫn phải tu Nhẫn Nhục, nhẫn điều gì? Chẳng khởi tham ái, tâm quý vị mới có thể bình tịnh, mới có thể đạt được thanh tịnh. Hai thứ cảnh giới thuận và nghịch đều chẳng

³² Nghịch Tăng Thượng Duyên: Tăng Thượng Duyên do gặp nghịch cảnh. Tăng Thượng Duyên là cái duyên thúc đẩy khiến cho cái nhân mau chóng kết thành quả.

nhiễm thì trong tâm chẳng tiêm nhiễm, đối với hai thứ cảnh giới thuận và nghịch đều chẳng chấp tướng, đều chẳng động tâm thì mới có thể đạt đến nhất tâm bất loạn, mới hòng đắc công phu thành phiến. Do vậy, cảnh giới thuận và nghịch là Tăng Thượng Duyên, chỉ cần chúng ta vận dụng thích đáng!

(Diễn) Ước Lý, tắc tự tánh Di Đà, niệm niệm bất ly, thị từ bi tiếp dẫn. Chân Như bốn giác, nội huân vô minh, thị hoài ngã dĩ thánh thai.

(演) 約理，則自性彌陀。念念不離，是慈悲接引。真如本覺，內熏無明，是懷我以聖胎。

(Diễn: Ước theo Lý thì “niệm niệm chẳng lìa tự tánh Di Đà” là “từ bi tiếp dẫn”. “Chân Như bốn giác hun đúc vô minh bên trong” là “chứa đựng ta bằng thánh thai”).

Lý này càng sâu hơn! “*Tự tánh Di Đà*” là A Di Đà trong tự tánh. A Di Đà có nghĩa là vô lượng, trong tự tánh có vô lượng vô biên công đức, vô lượng vô biên trí huệ. Nói theo Lý thì là tự tánh A Di Đà. “*Niệm niệm bất ly*” là thật, chẳng giả tí nào, niệm niệm đều là [chẳng lìa tự tánh Di Đà]. Quý vị khởi vọng tưởng, suy nghĩ lung tung thì cũng là nó (tự tánh). Nếu không có nó, từ đâu mà quý vị suy nghĩ lung tung? Chẳng qua là quý vị sử dụng sai. Quý vị dùng nó theo mê, chẳng dùng theo giác. Nếu quý vị dùng theo giác, sẽ chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát; đáng tiếc là quý vị mê chứ không giác. Nếu giác ngộ, có gì chẳng phải là A Di Đà? Tất cả đều là A Di Đà! Do vậy, đây là nói theo Lý. Nói theo Lý, chúng ta và đức A Di Đà Phật trong thế giới Tây Phương chẳng khác gì nhau, đích xác là một, chẳng phải hai. Nói theo Sự thì hoàn toàn khác nhau: Ngài là đại triệt đại ngộ, chúng ta là đại mê, đại hoặc, mê hoặc, điên đảo, đây là chỗ khác nhau!

“*Chân Như bốn giác, nội huân vô minh*”: Đây cũng là nói theo Lý. Vấn đề là một chữ Chân. Chân là Như, là giác. Nay chúng ta chưa làm được chữ này, chúng ta chẳng chịu dùng Chân. Chân có hay không? Đương nhiên có! Có, nhưng quý vị không dùng, còn có cách nào nữa đây? Chúng ta có chân tâm, nhưng chẳng chịu dùng chân tâm, cứ khăng khăng dùng vọng tâm. Vọng tâm là tâm sanh diệt. Ý niệm của chúng ta sanh khởi, diệt mất, sanh rồi diệt, những ý niệm sanh diệt ấy là vọng tâm, là chẳng thật, chân tâm bất sanh bất diệt. “*Như*” (如): Là giống hết

nhau, chẳng hai, đó là Như. Mười phương chư Phật Như Lai dùng chân tâm; do vậy, Phật Phật đạo đồng. Nếu chúng ta cũng dùng chân tâm, sẽ giống như mười phương Như Lai, cũng chẳng khác nhau. Kinh Kim Cang giải thích chữ Như Lai như sau: “*Như Lai giả, chư pháp như nghĩa*” (Như Lai mang ý nghĩa “các pháp đều Như”), hết thấy các pháp, không có pháp nào chẳng Như, không có một pháp nào chẳng phải. Kinh Phật vừa mở đầu liền có câu “*như thị ngã văn*”, ngàn kinh vạn luận giảng điều gì vậy? Chính là giảng chữ Như. Đối với hai chữ “*như thị*” trong phần sau sẽ có chú giải. Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều đường ấy chính là nhằm chú giải Như là gì, Thị là gì, nhằm giảng hai chữ ấy. Trừ hai chữ ấy ra, đức Phật chẳng giảng bất cứ một câu pháp nào khác, giảng là giảng chữ Như, giảng là giảng chữ Thị. Như chính là Thị.

Do vậy, chỉ cần quý vị dùng chân tâm, vọng tâm sẽ tiêu mất. Vọng tâm là vô minh, “*nội huân vô minh*”, Chân là chẳng vọng, Thành là chẳng ngụy (dối trá). Nho gia nói đến lòng Thành: Chí thành tâm. Nho gia nói “*thành ý, chánh tâm*”. Thành ý là Chân Như bản giác, chánh tâm là “*nội huân vô minh*”, chẳng khác cách nói của Nho gia. Đấy chính là “*thánh thai*”, máu chột để thành Phật, thành Bồ Tát là ở chỗ này. Thành là gì? Chúng ta phải hiểu rõ điều này. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên có một cuốn bút ký, mang tựa đề Cầu Khuyết Trai Bút Ký. Người thế gian chuyện gì cũng đều mong viên mãn, nhưng tiên sinh giác ngộ, thông minh, cụ cầu điều gì? Cầu thiếu khuyết, không cầu quá viên mãn, viên mãn thì khuyết điểm sẽ xuất hiện. Cụ chẳng cầu viên mãn, mà cầu thiếu khuyết. Chuyện gì cũng khuyết một chút sẽ tốt đẹp; vì thế căn nhà nơi cụ ở đề tên là Cầu Khuyết Trai. Trong bút ký đọc sách của cụ có chú giải chữ Thành như sau: “*Nhất niệm bất sanh chi vị Thành*” (Một niệm chẳng sanh gọi là Thành). Thành là gì? Một niệm chẳng sanh, đó là Thành, có cùng ý nghĩa với “*nhất tâm bất loạn*” trong kinh điển của chúng ta; nhất tâm bất loạn là Thành. Tâm nếu nhất sẽ là Thành, khởi ý niệm là nhị tâm, lại khởi thêm một niệm nữa bèn là tam tâm. Chúng ta thường nói thông tục là “*tam tâm, nhị ý*”.

“*Tam tâm, nhị ý*” là thuật ngữ trong Phật pháp. “*Tam tâm*” là nói Tâm, Ý, Thức; “*nhị ý*” là nói tới Mạt Na Thức và Ý Thức (thức thứ sáu). Mạt Na (Manas-vijñāna) là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức, đấy là nhị ý. Tam tâm: Thức thứ tám là tâm, thức thứ bảy và thức thứ sáu đều có thể gọi là “tâm”. Hiện thời, chúng ta dùng tam tâm nhị ý, chẳng dùng nhất tâm. Dùng nhất tâm là Chân Như, là Bản Giác. Tôi muốn sớm có ngày thành Phật, hy vọng con đường thành Phật của tôi chẳng có chướng

ngại, phải làm như thế nào mới thành công? Đối người, đối sự, đối vật, phải dùng chân tâm thì mới được. Đối với người thân yêu của quý vị, đối với người quý vị chán ghét, đối với oán gia đối đầu, đều dùng chân tâm, quyết chẳng cái tâm thứ hai thì quý vị là Phật, là Bồ Tát. Nếu quý vị đối đãi hết thấy mọi người vẫn còn có phân biệt, người này đối với ta còn khá lắm, người nọ ta hơi ghét hẳn một chút, mỗi ngày quý vị niệm Phật mười vạn tiếng, nhưng vẫn là phàm phu trong sanh tử, chính là như cô đức đã nói “*gào rách toạc cuống họng cũng uống công*”, vô ích!

Phật, Tổ dạy chúng ta niệm Phật, dạy chúng ta niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Trong miệng chúng ta tuy niệm Phật, nhưng vẫn dùng tam tâm nhị ý, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, chẳng khởi tác dụng! Do vậy, quý vị niệm Phật hiệu, nhất định phải đặc lực. Đặc lực là gì? Tâm thanh tịnh, vọng niệm ít, dùng nhất tâm để xử sự thì Phật hiệu đặc lực. Nếu trong mười hai thời, Phật hiệu luôn chẳng gián đoạn, nhưng thấy sắc nghe tiếng vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, sẽ hoàn toàn thất bại. Chúng ta niệm Phật muốn thật sự thành tựu, phải sửa trừ những thói tật này của chính mình. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng đều là những căn bệnh lớn căn bản, phải sửa trừ chúng, niệm niệm đều quy về A Di Đà Phật, đó là “*thánh thai*”.

(Diễn) Phục tác cảnh giới chi tánh, dẫn phát hiện hành, thị tự ngũ dĩ pháp nhũ.

(演) 復作境界之性，引發現行，是飼我以法乳。

(Diễn:) Lại làm cho tánh cảnh giới dẫn phát hiện hành; đây là “nuôi nấng ta bằng sữa pháp”.

“*Tánh*” là thể tánh, mức độ ý nghĩa của hai câu này khá sâu. “*Cảnh giới*” là sáu trần bên ngoài, bên trong là lục căn và lục thức. Toàn bộ những thứ ấy đều thuộc về cảnh giới. Trong khi lục căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần, quý vị có thể thấy được tánh cảnh giới thì tốt lắm. Kinh Lăng Nghiêm nói “*bỏ Thức dùng Căn*”, rất nhiều đồng tu đến hỏi tôi: “*Bỏ Thức dùng Căn như thế nào?*” Qua kinh điển, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng, giải đáp cũng rất minh bạch, quý vị có biết dùng không? Chắc chắn là chẳng biết dùng! Vì sao? Biết dùng sẽ chẳng đến hỏi tôi! Đến hỏi tôi tức là vẫn chưa biết dùng. Đây là đạo lý nhất định. Làm như thế nào mới có thể thấy được Sắc tánh? Quý vị dùng tánh Thấy để thấy Sắc tánh, dùng tánh Nghe để nghe Thanh tánh. Những thứ ấy

chẳng gọi là lục trần, mà gọi là lục tánh. Thiên gia nói “*minh tâm kiến tánh*” là nói về cảnh giới này. Minh tâm là thành tâm (tâm chân thành), tức là nhất tâm. Quý vị phải hiểu: Nhất tâm là minh, nhị tâm là vô minh, là mê, là chẳng minh. Nhất tâm là minh; do vậy, nhất tâm thấy Sắc bên ngoài, sẽ thấy được Sắc tánh, chẳng phải Sắc trần. Sắc trần là gì? Trần (塵) có nghĩa là ô nhiễm; tánh chẳng ô nhiễm. Dùng nhất tâm để nghe, sẽ nghe Thanh tánh, chẳng phải là Thanh trần. Chỉ cần quý vị có thể dùng nhất tâm thì lục trần biến thành lục tánh, lục tánh là nhất tâm. Do vậy, gọi là minh tâm kiến tánh, “*dẫn phát hiện hành*” là kiến tánh. Kiến tánh chính là “*tự ngã dĩ pháp nuôi*” (dùng sữa pháp nuôi nâng ta), đây là nói theo mặt Lý. Nói theo Lý thì lại sợ quý vị vẫn chưa có cách nào để thấu hiểu; tiếp theo đây, [sách Diễn Nghĩa] thuyết minh cụ thể, hy vọng quý vị sẽ hiểu rõ, hy vọng quý vị có thể áp dụng vào cuộc sống hiện thực.

(Diễn) *Chiết toàn phủ ngưỡng, xuyên y, ngật phạn, bất ly giá cá, thị hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập dã.*

(演) 折旋俯仰，穿衣吃飯，不離這個，是荷其恩力而得成立也。

(Diễn): *Bẻ, xoay, cúi, ngửa, mặc áo, ăn cơm, chẳng rời điều này là “do nhờ vào ân lực mà được thành lập”.*

“*Chiết toàn phủ ngưỡng*” là nói tới động tác, động tác rất tự tại. “*Mặc áo, ăn cơm*” là chuyện bình thường. “*Giá cá*” (cái này) là tự tánh Di Đà, là Chân Như bản tánh.

(Diễn) *Cổ vân: “Dã lão phụ tân quy, thôn phụ liên tiêu chức, khán tha gia sự mang, thả đạo bằng thù lực? Vấn ông, ông bất tri, vấn cừ, cừ bất thức. Ta tai, kim cổ nhân, kỷ cá tri ân đức”.*

(演) 古云：野老負薪歸，村婦連宵織，看他家事忙，且道憑誰力？問翁翁不知，問渠渠不識。嗟哉今古人，幾個知恩德！

(Diễn): *Cổ nhân nói: “Lão tiều gánh củi về, mụ què suốt đêm dệt, thấy họ bận việc nhà, hỏi nhờ vào sức ai? Hỏi ông, ông chẳng biết, hỏi mụ, mụ không hay. Than ôi, người xưa nay, mấy ai biết ân đức”.*

“*Dã lão phụ tân quy*” (lão tiều gánh củi về) là nói người dẫn củi, hiện tại không thấy nữa. Hiện thời ngay trong làng quê cũng chẳng có ai dẫn củi. “*Thôn phụ liên tiêu chúc*” (Người đàn bà nhà quê thức suốt đêm dệt vải), tỷ dụ cuộc sống bận bịu: Chồng đi ra ngoài dẫn củi, bán củi, vợ ở nhà dệt vải, thức suốt đêm để dệt. Đủ thấy cuộc sống siêng năng, nhọc nhằn. “*Khán tha gia sự mang*” (Thấy họ bận việc nhà), suốt ngày từ sáng đến tối bận tíu tít, “*thả đạo bằng thùy lực*” (bèn hỏi nhờ vào sức ai): Suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu, ai đang bận? Sức đâu khiến quý vị cử động? “*Vấn ông, ông bất tri, vấn cừ, cừ bất thức*” (hỏi ông, ông chẳng biết; hỏi mụ, mụ không hay). Ý nghĩa này đã hiển thị rồi, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có pháp nào chẳng phải là tự tánh Di Đà, Chân Như bản giác? Pháp nào cũng đều là, pháp nào cũng đều Như, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Máu chốt là giác hay mê. Nói cách khác, giác hay mê nói cho nhiều, quý vị cũng nghe như gió thoảng bên tai. Chúng ta thay đổi danh từ, vẫn là cùng một chuyện, nhất tâm và loạn tâm (tam tâm, nhị ý). Bất luận là nhất tâm hay tam tâm nhị ý, nói chung, chẳng lia điều này. Do vậy, thành Phật là do nó, mà biến thành súc sanh, đọa địa ngục vẫn do nó, không có ai khác, đều là do Chân Như bản tánh của chính mình!

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp*” (vốn là một cái trong treo, sáng suốt tuyệt diệu, mà chia thành sáu thứ hòa hợp)³³, là một, không hai. Ví như điện, điện do công ty điện lực truyền ra là một, chúng ta truyền điện vào đèn nó sẽ tỏa sáng, truyền vào cái máy này nó sẽ khuếch đại âm thanh, nhưng đều là nó cả! Tất cả máy móc chạy bằng điện mà chúng ta sử dụng chỗ này đều là một thứ “*nhất tinh minh*”, cũng chia thành vô lượng vô biên tác dụng. Quý vị phải hiểu: “*Nhất*” chính là nhất tâm của quý vị. Tất cả hết thấy hoạt động, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn là tác dụng của nó, giống như nay chúng ta nói tới “*điện khí hóa*”. Nguyên lý là một thứ, nói thật ra, điện ngày nay vẫn là một trong vô lượng công đức của Chân Như bản tánh. Do điều này, chúng ta mới thật sự hiểu nhất tâm đáng quý, nhất tâm là cội nguồn, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có cội nguồn căn bản là nó.

³³ Theo Phật Học Đại Từ Điển, chữ “*tinh minh*” hình dung sự trong treo đến tột cùng, chỉ Chân Như bản tánh của chúng ta. Từ Chân Như bản tánh phát khởi tác dụng, mà cụ thể là sáu thức, tác dụng của sáu thức ấy chẳng trở ngại lẫn nhau, nên gọi là “*lục hòa hợp*”.

Trong tất cả các pháp môn, tiên nhập căn nguyên này một cách trực tiếp, ngắn gọn, thỏa đáng chính là bộ kinh Di Đà này, mục tiêu của kinh là “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”. Thiền gia nói “*tu từ căn bản*”, căn bản của mọi thứ căn bản là niệm Phật. Vì thế, pháp môn Niệm Phật được gọi là “*kính trung kính hựu kính*” (con đường tắt hơn những con đường tắt nhất trong những con đường tắt). Đạo lý là ở chỗ này. “*Kính*” (徑) là trực tiếp, là đường tắt, Đại Thừa là đường tắt. Thiền Tông là con đường tắt nhất trong những con đường tắt, niệm Phật lại là đường tắt hơn nữa trong các con đường tắt nhất, không có gì trực tiếp hơn được, không có đường nào trực tiếp bằng nó. Quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới chết sạch những tâm niệm so đo, kháng kháng niệm một câu A Di Đà Phật đến tốt cùng, mới có thể thật sự buông xuống vạn duyên. Không chỉ buông xuống hết thầy vạn duyên trong thế gian mà Phật pháp cũng buông xuống, ngàn kinh, muôn luận, vô lượng pháp môn thầy đều buông xuống, niệm một câu Di Đà này đến tốt cùng, vì sao? Nó là cách tu trực tiếp, thỏa đáng để tu căn nguyên.

(Sớ) Cù lao chi đức, hạo thiên võng cực, nhi nữ bạn khí bốn sanh, minh linh dị tánh, duy ưng hoài mộ chung thân, tả hữu vô phương, định tĩnh bất vi nhi dĩ.

(疏) 劬勞之德，昊天罔極，而乃叛棄本生，螟蛉異姓，惟應懷慕終身，左右無方，定省不違而已。

(Sớ: Ân đức cù lao, trời cao mệnh mông khôn sánh, thế mà ngộ nghịch, vứt bỏ đáng sanh ra mình, làm con nuôi cho kẻ khác họ, chỉ nên nhớ tưởng, ngưỡng mộ suốt đời, phụng dưỡng mọi lễ, sáng thăm, tới viếng, chẳng trái nghịch mà thôi).

Mấy câu này là nói tỷ dụ, dẫn dụng lời trong kinh Thi³⁴. “*Cù lao chi đức*”: Sánh ví A Di Đà Phật như từ phụ của chúng ta. Trong phần trên đã có nói: Phật Di Đà hằng ngày mong ngóng chúng ta quay đầu,

³⁴ Hai câu đầu trong đoạn này dựa theo ý bài thơ Lục Nga trong thiên Tiểu Nhã của kinh Thi: “*Lục lục giả nga, phi nga y hao, ai tai phụ mẫu, sanh ngã cù lao... vô phụ hà hồ, vô mẫu hà thị, xuất tặc hàm tuất, nhập tặc mị chí, dục báo chi đức, hạo thiên võng cực*” (cỏ nga xanh biếc, chẳng phải cỏ nga cũng là cỏ hao, xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn... Không cha nương ai? Không mẹ cậy ai? Ra thì thương xót, vào thì chăm nom, muốn báo ân đức, trời thăm mệnh mông, khôn ngăn sánh tày).

ngóng chờ chúng ta vãng sanh, nhưng chúng ta tự mình mê hoặc, điên đảo, cô phụ Phật ân. “*Minh linh dị tánh*”: “*Minh linh*”³⁵ là con nuôi, chẳng phải do chính mình sanh ra. Quan hệ giữa A Di Đà Phật và chúng ta giống như cha mẹ ruột [đối với con cái], chẳng phải là con nuôi, mà là do chính mình đẻ ra. Câu “*minh linh dị tánh*” sánh ví điều gì? Tỷ dụ từ bồn tánh, một niệm bất giác dấy lên vô minh, biến thành tám thức, giống như sâu minh linh làm con nuôi [cho tò vò]. Chúng ta hiện đang bị vô minh xoay chuyển, biến hiện thành cảnh giới gì vậy? Sáu nẻo luân hồi; nơi cái gốc sanh thành chẳng có lục đạo luân hồi, cái gốc sanh thành Nhất Chân pháp giới. “*Minh linh dị tánh*” tỷ dụ chúng ta nay đang mê hoặc, điên đảo, luân hồi trong sáu nẻo, “*bạn khí bồn sanh*” (ngỗ nghịch, vứt bỏ đấng sanh ra mình, tức là chống trái vứt bỏ bồn tánh), “*bồn sanh*” là Chân Như bồn tánh, trái nghịch Chân Như bồn tánh, trái nghịch tánh giác, xuôi theo trần lao, đây là hiện tượng của chúng ta trong hiện thời.

Hai câu kệ tiếp nhằm khuyên lơn chúng ta “*duy ưng hoài mộ chung thân*” (chỉ nên suốt đời nhớ tưởng, ngưỡng mộ): Nếu chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật này, chẳng thể nào nói tới hai chữ “*hoài mộ*”. Càng lý giải sâu đậm thì tâm hoài mộ càng thiết tha. “*Hoài*” (懷) là nhớ nhung trong lòng, niệm niệm chẳng quên. “*Mộ*” (慕) là ngưỡng mộ. “*Chung thân*” là cho đến chết. Chúng ta hoài niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngưỡng mộ những vị thượng thiện nhân vãng sanh Tịnh Độ, họ đã đến đó. Bản thân tôi học Phật ba mươi mấy năm, nghe tin mấy vị vãng sanh. Lần thứ nhất được nghe là do cư sĩ Từ Tịnh Dân kể chuyện cụ Lý Tế Hoa vãng sanh, biết trước lúc mất, không bệnh gì mà qua đời. Cụ tới giảng khai thị tại Niệm Phật Đoàn, giảng xong một tiếng rưỡi, bảo mọi người cụ muốn về nhà, bước xuống bục giảng, ngồi trên sofa, vãng sanh tại đó. Nhà của cụ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trở về nhà rồi! Đây là biết trước lúc mất, đã sớm báo với các bạn bè. Chuyện thứ hai là do pháp sư Sương Hoài kể với tôi, chuyện này cũng không giả, là

³⁵ Minh linh (螟蛉: Bollworm) là một loài sâu ký sinh trong thực vật, phổ biến nhất là loại sâu hại lúa hay hút nhựa khiến cây lúa chết khô (có lẽ là một loại rầy). Tò vò (quả lồi, 蝶赢, potter wasp) là một loại ong mình đen, vằn vàng, đốt rất đau. Tò vò thường bắt minh linh, đốt cho minh linh mê đi, nhưng không chết, nhốt vào tổ rồi đẻ trứng lên mình nó, khi tò vò con nở ra sẽ ăn sạch con minh linh ấy. Cổ nhân lầm tưởng tò vò không có con, phải bắt minh linh về nuôi nấng để nở thành tò vò con nên thường gọi con nuôi là “minh linh”.

chuyện xảy ra hồi năm ngoái. Lần này, tôi ở Los Angeles, được cư sĩ Châu Tuyên Đức kể cho tôi nghe, chuyện cũng chẳng giả, là chuyện xảy ra trước đây một tuần. Những vị vãng sanh ấy đều không bị bệnh, biết trước lúc mất, chúng ta hoài niệm, ngưỡng mộ họ. Trong tương lai chúng ta vãng sanh, nếu bị bệnh một trận, vẫn cần mọi người trợ niệm, thì chúng ta chẳng bằng họ, người ta không bị bệnh, chẳng cần người khác trợ niệm.

Có một năm tôi ở Phật Quang Sơn, có một công nhân kể cho tôi nghe một câu chuyện. Ông ta là người làng Tướng Quân, trong làng quê của ông ta có một bà cụ, suốt đời làm lành, lễ Phật, nhưng chưa từng đi học, ngược ngạo coi thần Thổ Địa cũng là Bồ Tát, Thành Hoàng Gia cũng là Bồ Tát, lễ bái khắp nơi. Ba năm trước, bà ta cưới dâu cho con trai. Con dâu là tín đồ Phật giáo, thông hiểu Phật pháp, bèn bảo bà ta đừng lạy thần, khuyên bà ta chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Bà cụ niệm suốt ba năm, khi vãng sanh bèn đứng vãng sanh, cũng là không bệnh tật mà mất. Bà cụ trọn chẳng nói trước với người nhà, khi ăn cơm tối, cụ bảo: “Ta cần tắm rửa”, bảo con trai và con dâu cứ ăn cơm trước, đừng đợi bà cụ, dăn dò như thế đó. Con trai, con dâu rất hiếu thuận, cứ thật thà đợi, đợi rất lâu chẳng thấy cụ bước ra, vào nhà tắm tìm cụ thì cụ không ở trong nhà tắm, cũng chẳng ở trong phòng, rốt cuộc khi đến Phật đường thì thấy cụ đứng tại đó, đã vãng sanh rồi. Người công nhân ấy bảo tôi: “*Niệm Phật vãng sanh là thật, chẳng giả tí nào!*” Chúng ta chẳng những hoài niệm, ngưỡng mộ A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, mà còn hoài niệm, ngưỡng mộ những vị thượng thiện nhân thật sự vãng sanh trong hiện tại, họ là gương mẫu, là điển hình cho chúng ta.

Tôi ở Cự Kim Sơn, Cam cư sĩ kể cho tôi nghe một chuyện vãng sanh: Một người họ hàng của bà ta ngòai niệm Phật qua đời, biết trước lúc mất, trước đó đã may sẵn cho người lớn, kẻ nhỏ trong nhà mỗi người một bộ áo tang, nhưng người trong nhà đều không biết. Cụ vãng sanh vào một buổi sáng sớm, người nhà đẩy cửa phòng bà cụ vào xem, thấy cụ ngòai trên giường, không còn thở nữa, xem lại thì thấy áo tang đã bày hết ra trước mặt, tự mình đã chuẩn bị hết thảy hậu sự chu đáo, con cháu khỏi phải bận lòng, rất tuyệt!

Do vậy, nhất định phải buông xuống các duyên trong cõi đời, chúng chẳng có gì là tốt đẹp cả. Trong thế gian này, chúng ta ăn no, mặc ấm là đủ rồi, chẳng cần phải tích cóp. Tích cóp là tai nạn, tích cóp là ma chướng, chướng đạo, chướng ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị. Tiên

sinh Tăng Quốc Phiên nói: “*Cầu khuyết, chẳng cầu viên mãn*”. Áo thiếu một chút, ăn uống cũng khuyết một chút, thứ gì cũng đều khuyết một chút, là vì khuyết một chút, quý vị sẽ chẳng lưu luyến thế giới này, quý vị sẽ luôn nghĩ: “Ta nhanh chóng về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn tốt hơn”. Thứ gì cũng đều rất viên mãn thì quý vị không bỏ đi được, chuyện này chẳng tốt! Do vậy thứ gì cũng đều khuyết một chút mới tốt, thời thời khắc khắc kích thích ý niệm vãng sanh của quý vị.

“*Tả hữu vô phương, định tĩnh bất vi*”. Tôi nêu ý nghĩa [của câu thành ngữ] được đại sư trích dẫn, chứ không nói tới ý nghĩa gốc của thành ngữ³⁶, trong lời chú giải có nêu ý nghĩa gốc ấy. “*Định tĩnh*” là niệm Phật. “*vô phương*” là niệm Phật chẳng có một phương pháp nhất định nào. Quý vị thích niệm như thế nào bèn niệm như thế ấy, chỉ cần niệm đến mức tâm thanh tịnh là đắc lực. Có người hỏi: “Niệm bốn chữ

³⁶ Từ ngữ “*tả hữu vô phương*” xuất phát từ đoạn văn sau đây trong thiên Đoàn Cung sách Lễ Ký: “*Sự thân hữu ân nhi vô phạm, tả hữu tỵ dưỡng vô phương, phục cần chí tử, trí táng tam niên. Sự quân hữu phạm nhi vô ân, tả hữu tỵ dưỡng hữu phương, phục cần chí tử, phương táng tam niên. Sự sư vô phạm vô ân, tả hữu tỵ dưỡng vô phương, phục cần chí tử, tâm táng tam niên*” (Thờ cha mẹ, hễ cha mẹ có lỗi, con nên ẩn giấu, đừng chống đối công khai, chăm sóc phụng dưỡng theo mọi cách đừng nề hà một phương cách bó buộc nào. Siêng năng hầu hạ cha mẹ cho đến khi cha mẹ mất, để tang ba năm. Thờ vua thì hễ vua có lỗi phải can gián, đừng ẩn giấu lỗi vua. Phụng sự vua đủ mọi lễ, nhưng phải có khuôn phép nhất định. Phụng sự cho đến khi vua chết, bèn để tang ba năm. Thờ thầy bèn chẳng chống đối thầy, mà cũng chẳng giấu lỗi của thầy, phụng dưỡng thầy đủ mọi lễ, nhưng không ràng buộc theo quy cách nhất định nào. Phụng sự cho đến khi thầy mất, để tang trong lòng ba năm). Do vậy, “*tả hữu vô phương*” có nghĩa là chăm sóc đủ mọi khía cạnh, không bị ràng buộc bởi một quy củ nào.

Từ ngữ “*định tĩnh*” xuất phát từ thiên Khúc Lễ trong sách Lễ Ký: “*Phàm vi nhân tử chi lễ, Đông ôn nhi Hạ sảng, hôn định nhi thần tĩnh*” (Phàm là lễ nghi của phật làm con thì mùa Đông giữ cho cha mẹ ấm áp, mùa Hạ giữ cho cha mẹ được mát mẻ, sáng thắm tối viêng). Trịnh Huyền chú giải: “*Định là xếp đặt giường gối ngay ngắn, Tĩnh là hỏi cha mẹ cảm thấy như thế nào [khi thức dậy]*”. Do đó, về sau, chữ “*định tĩnh*” thường được dùng để chỉ sự quan tâm, hỏi han của con cái đối với cha mẹ mỗi ngày. Liên Trì đại sư dùng hai thành ngữ này để nói người niệm Phật phải luôn nghĩ nhớ A Di Đà Phật như nghĩ tới cha mẹ, luôn niệm Phật, tưởng Phật, nhớ Phật đó là “*định tĩnh*”, miễn làm sao không quên Phật hiệu, tâm chẳng lìa tâm Phật, đừng chấp chặt một phương pháp niệm Phật cố định nào nên mới nói “*tả hữu vô phương*”. Tâm mình luôn đồng tâm Phật, chẳng bỏ pháp môn này chạy theo pháp môn khác nên gọi là “*vô vi*” (không trái nghịch).

hay là niệm sáu chữ? Niệm một âm hay là niệm bảy âm?”³⁷ Toàn là những chuyện chẳng ra đầu vào đầu cả! Vì sao? Đó là phương pháp, phương pháp không nhất định, niệm lớn tiếng cũng được, niệm nhỏ tiếng cũng xong, niệm thầm cũng được, niệm Kim Cang Trì cũng hay, không nhất định! Nói chung là [phải tuân thủ] một nguyên tắc: Phải niệm sao cho thân tâm tự tại. Điềm này rất quan trọng, phải niệm đến nhất tâm bất loạn.

Nếu khi niệm Phật mà khởi phân biệt, chấp trước thì đều là sai lầm. Cách niệm của tôi khác với cách niệm của người ta, đừng khởi lên tranh chấp. Tôi niệm cách này, tôi đặc nhất tâm, người khác niệm cách của họ đặc nhất tâm thì đều là vô lượng công đức, không nhất định cách tôi niệm là đúng, cách người khác niệm là sai! Cũng có thể là người ta niệm đúng, tôi niệm trật, vì sao? Người ta niệm Phật chẳng khởi tâm phân biệt, tôi niệm Phật khởi phân biệt, “tôi đúng, kẻ khác sai”, tôi trật lất rồi! Tôi nhị tâm, chẳng còn là nhất tâm nữa! Nhất là khi đại chúng cùng niệm Phật thì thường có khi pháp khí gõ trật nhịp, mọi người sanh phiền não. Vì sao người ấy sanh phiền não? Là vì niệm bằng tam tâm nhị ý, đương nhiên người ấy sanh phiền não. Nếu người ấy nhất tâm niệm, quý vị gõ sai như thế nào đi nữa, người ấy cũng không nghe, nhất tâm mà! Trong nhất tâm chẳng có đúng hay sai, tam tâm nhị ý mới có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng; đây là điều rất khẩn yếu!

(Diễn) Ước Lý, tác niệm niệm hồi quang phản chiếu, tùy thuận Chân Như. Ước Sự, tác từng sanh chí lão, hành, trụ, tọa, ngọa, túc hưng dạ mị, nhất cú Di Đà vô gián đoạn dã.

(演) 約理，則念念迴光反照，隨順真如。約事，則從生至老，行住坐臥，夙興夜寐，一句彌陀無間斷也。

(Diễn: Ước theo Lý, niệm niệm hồi quang phản chiếu, tùy thuận Chân Như. Ước theo Sự, từ lúc sanh ra cho đến khi già, đi, đứng, nằm, ngồi, sáng dậy, tối ngủ, một câu Di Đà chẳng gián đoạn).

Đây chính là “tả hữu vô phương, định tỉnh vô vi”. Nay chúng tôi trong một tiếng rưỡi giảng đôi chút như vậy, nhưng điều này thật sự hết sức quan trọng đối với sự dụng công niệm Phật của chúng ta, nhất là

³⁷ Nói là “niệm bảy âm” vì khi niệm câu hồng danh sáu chữ để đi kinh hành, chữ Đà sẽ được kéo dài thành hai âm tiết.

chúng ta đã thấy những tấm gương vãng sanh tự tại nhiều như thế. Trước kia, chúng ta nghe nói cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh. Quý vị xem cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, phía trước có một bức vẽ, ấy là hình vẽ ông ta vãng sanh, đứng vãng sanh! Ông Vương Đả Thiết ở Hành Châu cũng đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, nhưng thời gian niệm Phật không lâu, niệm ba năm thôi! Niệm ba năm mà có thể biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, lại còn đứng vãng sanh, chẳng dễ dàng! Lại thưa cùng quý vị, buông xuống được thì [vãng sanh] chẳng khó, chứ buông xuống không được thì [vãng sanh] khó lắm! Quá ư là khó! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, chịu nhất tâm hay không? Chỉ cần quý vị nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là quý vị thành tựu, niệm trong thời gian ba năm là đủ rồi!

Do vậy, hiện thời tôi không làm chuyện gì khác, chuyên niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Tôi biết tôi cũng chẳng còn mấy năm, đây là tính toán cho chính mình, hết sức khẩn yếu. Trước kia còn có thể giảng cho quý vị những kinh luận khác, đàm huyền, thuyết diệu, hiện thời không làm chuyện ấy nữa, nhất tâm nhất ý chuẩn bị vãng sanh. Nếu trong tương lai, tôi không vãng sanh, còn thua kém những người ấy, đúng là chuyện khó chấp nhận được! Hy vọng trong tương lai, khi tôi vãng sanh, kinh đã giảng xong, mọi người niệm Phật, tôi xin nghỉ, ra đi như vậy đó, tự tại xiết bao! Cổ nhân đã có trường hợp vãng sanh ngay trên giảng đài, tôi cũng hy vọng trong tương lai vãng sanh trên giảng đài. Hôm nay tôi giảng đến chỗ này, đến đây là hết một đoạn.

Tập 40

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi:

Tam, nguyên kỷ thích kinh.

(Tự) Nhưng dĩ tâm hoài kiêm lợi, đạo quý hồng thông, khái cổ sớ tiền kiến kỳ toàn, duy sở giải cần hành ư thế, từ tuy thiết nhi thái giản, lý vi lộ nhi bất chương, bất cực luận kỳ hồng công, trừ phát khởi hồ chân tín, đốn vong phu kiến, ký kiệt tâm tư, tổng thu bộ loại ngũ kinh, trực cứ Văn Thù nhất hạnh, nhi phục hội quy huyền chỉ, tác phần nhập Tạp Hoa, quán xuyên chư môn, tác bác tổng quản điển, vô nhất bất tiêu quy tự kỷ, hữu nguyện giai hồi hướng Bồ Đề, triển thử tinh thành, khát cầu gia bị.

三、原己釋經

(序) 仍以心懷兼利，道貴弘通，慨古疏渺見其全，惟數解僅行於世，辭雖切而太簡，理微露而不彰，不極論其宏功。儔發起乎真信，頓忘膚見，既竭心思，總收部類五經，直據文殊一行，而復會歸玄旨，則分入雜華，貫穿諸門，則博綜群典，無一不消歸自己，有願皆回向菩提，展此精誠，乞求加被。

(Ba, nêu lý do vì sao mình chú giải kinh này.

Tựa: Do tâm vẫn nặng lòng làm lợi cho người khác, đạo quý ở chỗ được lưu truyền rộng rãi. Cảm khái những bản sớ giải cổ ít thấy có bộ nào còn trọn vẹn, chỉ thấy vài bản chú giải ít ỏi được lưu hành trong cõi đời. [Những bản chú giải ấy] từ ngữ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý được hé lộ đôi chút, nhưng chưa nêu rõ ràng, chẳng luận đến cùng cực công đức to lớn của bộ kinh này, làm sao phát khởi lòng tin chân thật nơi mọi người? [Do vậy, tôi bèn] mau chóng quên mình kiến giải hời hợt, dốc cạn tâm tư, gồm thâu năm bộ kinh cùng bộ, cùng loại, trực tiếp dựa trên Nhất Hạnh của ngài Văn Thù, dung hội về tông chỉ huyền nhiệm, có đôi phần dung nhập kinh Hoa Nghiêm, xuyên suốt các pháp môn, tổng hợp rộng khắp các sách vở, không gì chẳng nhằm tiêu trừ mọi kiến giải phân biệt, kết quy tự tánh. Có nguyện nào cũng đều hồi hướng Bồ Đề, giải bày tấm lòng tinh thành này, cầu xin [Tam Bảo] gia bị).

Đoạn này có ý nghĩa hết sức trọng yếu, có thể nói là đại sư đã xác định một cách rất đơn giản nhưng trọng yếu địa vị của kinh Di Đà trong toàn bộ giáo pháp suốt một đời Thích Ca Như Lai. Do vậy, đoạn văn này hết sức khó có. Trước đoạn văn này, chúng ta đã thấy đại sư viết một đoạn vô cùng khiêm hư, quyết chẳng dám nhận mình là hạng trí huệ nhạy bén, căn cơ viên đốn. “Thích kinh” là viết chú giải cho bộ kinh này. Đã là một người rất tầm thường, làm sao có thể viết một bộ chú giải như thế này? Do vậy, nay Ngài nêu ra dụng ý viết chú giải kinh này của chính mình. Tuy [Ngài tự nhận mình] rất tầm thường, rất ngu, nhưng tấm lòng tự lợi, lợi tha chẳng kém Bồ Tát, hoàn toàn chẳng khác gì Bồ Tát. Tuy trí huệ và căn tánh chẳng bằng các vị đại Bồ Tát, nhưng tâm tự lợi, lợi tha, hoàn toàn chẳng kém các vị đại Bồ Tát. Vừa mở đầu, Ngài liền viết “*nhưng dĩ tâm hoài kiêm lợi*” (do tâm vẫn nặng lòng làm lợi cho người khác), Liên Trì đại sư tự nói rõ: Tâm Ngài vẫn nhằm tự lợi và lợi tha, chính mình đã thấy được lợi ích thù thắng, nhất định muốn tạo lợi ích cho người khác, đây là hành Bồ Tát đạo. “Đạo quý hoằng thông” (đạo quý ở chỗ được lưu truyền rộng rãi), chữ “đạo” chỉ pháp môn Niệm Phật.

(Diễn) Tâm thị đại sư phổ tâm.

(演) 心是大師普心。

(Diễn: Chữ “tâm” [trong lời tựa] chỉ cái tâm rộng khắp của đại sư).

“Phổ tâm” là tâm lợi ích trọn khắp đại chúng, mỗi người chúng ta phải học theo cái tâm này. Có rất nhiều đồng tu thường nói: “Chúng tôi nghiệp chướng rất nặng, hằng ngày cầu tiêu nghiệp chướng”. Nghiệp chướng có thể tiêu được hay không? Khá khó khăn! Cội nguồn của nghiệp chướng là gì? Quý vị tìm ra nó, sau đó sẽ tiêu trừ từ chỗ ấy, dẹp trừ nghiệp chướng từ căn bản, đừng tiêu trừ từ cành nhánh, khổ lắm! Khó khăn lắm! Chẳng thể tiêu hết được! Cội nguồn của nghiệp chướng là tự tư tự lợi; kẻ tự tư tự lợi thì nghiệp chướng nào cũng có. Có thể sửa trừ cái tâm tự tư tự lợi của chính mình, khởi tâm động niệm luôn nhằm lợi ích hết thảy chúng sanh thì nghiệp chướng của quý vị sẽ bị dẹp trừ tận gốc, chẳng còn nghiệp chướng nữa. Vì sao nói “không còn nghiệp chướng?” Không có ngã! Không có ngã thì làm sao có nghiệp chướng? Còn có gì để chướng ngại nữa đây? Đó gọi là “dẹp trừ tận gốc”. Nếu chuyện gì trước hết cũng nghĩ có lợi ích cho mình hay không thì nghiệp chướng của quý vị làm cách nào cũng chẳng tiêu được! Mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu cũng uổng công! Hằng ngày lạy Lương Hoàng Sám, dập đầu đến nứt trán, nghiệp chướng vẫn chẳng tiêu! Nếu có thể mở rộng cái tâm, khởi tâm động niệm luôn nghĩ làm lợi ích hết thảy chúng sanh, căn bản là chẳng nghĩ đến chính mình thì quý vị cũng chẳng cần niệm Phật, cũng chẳng cần lễ Phật mà nghiệp chướng hoàn toàn không có! Đây là lời thật, phải sửa lỗi, đổi mới. Căn nguyên của làm lỗi là do tự tư, tức là chuyện gì cũng nghĩ tới mình, đó là gốc bệnh!

Do vậy, Phật pháp từ đầu đến cuối là phá Ngã Chấp. Vì sao trong quá trình tu học lại dạy quý vị phát nguyện hồi hướng? Hồi hướng là đem hết thảy công đức và phước đức do quý vị đã tu, đã học ban cho người khác, chính mình không cần đến, đều vì người khác mà tu, chẳng phải vì chính mình mà tu. Nói cách khác, phải quên đi chính mình, đây là phương pháp phá Ngã Chấp tuyệt diệu trong Đại Thừa, mở rộng cái Ngã, mở rộng hòng biến đổi nó, khiến cho cái Ngã nhỏ nhoi chẳng còn nữa. Ngã là gì? Tận hư không khắp pháp giới là Ngã, nghĩ cho hết thảy chúng sanh chính là nghĩ cho mình, nghĩ cho mình thì phải nghĩ cho hết thảy chúng sanh, đây là tiêu nghiệp chướng. Chỗ thù thắng của đại sư là tâm Ngài trọn khắp, quyết chẳng tự tư tự lợi.

(Diễn) Đạo thị Phật pháp đại đạo.

(演) 道是佛法大道。

(Diễn): “Đạo” là Phật pháp đại đạo).

Từ ngữ “đại đạo” chỉ đạo niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; phải hoằng dương, phải lưu thông đạo này. “Thông” (通) là lưu thông, thông đạt mười phương, phải phổ biến, tuyên dương, viết thành sách. Chẳng những có thể thông đạt mười phương, mà còn lưu truyền ba đời, truyền từ đời này sang đời khác. Đại sư cách chúng ta hơn năm trăm năm, mà kinh bôn này vẫn còn lưu truyền trong thế gian, đoạn văn này nhằm nói rõ vì sao Ngài phải viết chú giải: Viết bản chú giải này là do đạo lý này. Đây là bôn ý của Ngài.

Có cần phải viết chú giải hay không? Trong phần sau sẽ nói, quả thật là cần thiết, vì sao? “*Khái cổ sớ tiền kiến kỳ toàn*” (Cảm khái vì những bản chú giải cổ ít thấy bộ nào trọn vẹn), “*khái*” (慨) là cảm khái. Kinh Di Đà từ xưa đến nay đã có không ít người viết chú giải, nhưng thời cổ chưa phát minh kỹ thuật ấn loát, sách vở đều chép bằng tay, số lượng hữu hạn, rất dễ bị thất lạc. Tuy người chú giải rất nhiều, nhưng truyền lại rất ít. Nay chúng ta thấy trong Đại Tạng Kinh, chú giải kinh Di Đà không nhiều, chẳng được mấy thứ, được truyền lại không nhiều, nhưng những bản chú giải cổ ấy rất đơn giản. Tuy chúng ta xem, cũng chẳng có cách nào khai quật những nghĩa lý được ẩn tàng trong bộ kinh này.

(Diễn) *Tiền kiến kỳ toàn giả, cổ lai phi vô diệu sớ.*

(演) 眇見其全者，古來非無妙疏。

(Diễn): “*Ít thấy bộ nào trọn vẹn*”: Từ xưa đến nay, không phải là chẳng có những bộ sớ giải hay).

“*Tiền*” (眇) là ít ỏi, chẳng dễ gì thấy [những bộ chú giải tồn tại] nguyên vẹn. “*Diệu sớ*” là những bản chú giải hay, từ cổ đến nay quả thật là có những bộ sớ hay.

(Diễn) *Đản u đoạn giản tàn biên³⁸, lược kiến nhất, nhị, tiển kiến toàn văn dã.*

(演) 但於斷簡殘編，略見一二，眇見全文也。

(Diễn: *Nhưng bị đứt đầu, đứt đuôi, thiếu sót, chỉ thấy đại lược một hai phần, ít thấy có bộ nào còn giữ được toàn bộ nội dung).*

Truyền lại cũng rất nhiều, nhưng chẳng trọn vẹn, bị thất lạc [nhiều chương, nhiều đoạn].

(Diễn) *Sổ giải cần hành giả, duy Hải Đông sớ, Việt Khê giải, Đại Hựu lược giải nhi dĩ.*

(演) 數解僅行者，惟海東疏、越溪解、大佑略解而已

• **(Diễn:** *“Chỉ có mấy bản chú giải ít ỏi được lưu hành”: Chỉ có bản sớ giải của ngài Hải Đông³⁹, bản chú giải của ngài Việt Khê⁴⁰, bản lược giải của ngài Đại Hựu⁴¹ mà thôi).*

³⁸ Thuở xưa chưa có giấy, phải viết vào những thẻ tre gọi là “*giản trát*” (簡札). Vì thế, “*đoạn giản tàn biên*” có nghĩa là sách vở đứt đầu, đứt đuôi, không toàn vẹn.

³⁹ Ngài Hải Đông chính là ngài Nguyên Hiếu (617-686), biệt hiệu là Tây Cốc Sa Di. Sư là người xứ Tân La, là sơ tổ của Hải Đông Tông (tông Hoa Nghiêm tại Đại Hàn). Ngài được sanh ra tại quận Áp Lương, nước Tân La (nay thuộc Khánh Thượng Bắc Đạo - Gyeongsangbuk-do, Đại Hàn), họ Tiết, thuở nhỏ có tên là Thệ Trảng. Sư xuất gia năm 29 tuổi tại chùa Hoàng Long. Do hâm mộ ngài Huyền Trang và Khuy Cơ, Sư cùng ngài Nghĩa Tương vượt biên sang Trung Hoa. Giữa đường gặp mưa phải nghỉ tại một nghĩa địa là nơi có nhiều quý yêu tác quái. Do vậy, Sư ngộ giải “*do tâm sanh nên các pháp sanh, tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Ngoài tâm không pháp, cần gì phải cầu nơi khác nữa*”, bèn thôi đi tiếp, quay trở lại Tân La. Sau khi đã giải ngộ tâm địa, Sư ẩn giấu thân phận bằng cách thị hiện cuồng ngạo, phóng túng, ngôn hạnh quái dị, vào tửu quán, nhà thờ, hoặc cầm đao vàng, trưng sất, tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm, hoặc vào núi sâu lặng lẽ tọa Thiền. Ngài chú giải các kinh Pháp Hoa, Lăng Già, Niết Bàn, Hoa Nghiêm, Duy Ma, Bát Nhã, Thắng Man, Giải Thâm Mật, Đại Vô Lượng Thọ, Di Lạc Thượng Sanh, Phạm Võng v.v... cũng như sớ giải các bộ luận Khởi Tín, Nhiếp Đại Thừa, Trung Biên, Thành Thật, Quảng Bách, A Tỳ Đàm, Tam Luận v.v... Tổng cộng đến hơn tám mươi một loại, nhưng chỉ còn giữ được mười sáu tác phẩm. Sau khi viên tịch, Sư được ban thụy hiệu là Đại Thánh Hòa Tịnh Quốc Sư. Tác phẩm chú giải kinh Di Đà được sách Diễn Nghĩa nhắc tới ở đây chính là A Di Đà Kinh Sớ. Ngài còn viết một bản sớ giải kinh Vô Lượng Thọ mang tựa đề Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu.

Ở đây chỉ nêu ra ba thứ, còn có mấy thứ nữa, nhưng vẫn là chẳng nhiều. Trong Đại Tạng Kinh chỉ có mấy loại, mấy loại ấy đúng như đại sư đã nói: “*Từ tuy thiết nhi thái giản*” (từ ngữ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản), chú giải khá đơn giản, nhưng thiết yếu, có thể nói là hữu ích đối với người thông đạt giáo nghĩa, tu hành lâu năm, nhưng đối với kẻ sơ học, chẳng dễ gì khiến cho họ tin tưởng và tiếp nhận pháp môn này, vì sao? Giảng chưa thấu triệt, chỉ là nêu ra cương lĩnh một lượt, không giảng cặn kẽ, không thâm nhập thảo luận, kẻ sơ học chẳng dễ gì đạt được lợi ích.

“*Lý vi lộ nhi bất chương*” (hơi hé lộ Lý nhưng chưa phô bày rõ ràng). “*Chương*” (彰) là rành rành, đã hé lộ đôi chút những đạo lý được giảng trong kinh, nhưng chẳng rõ ràng cho lắm. Đây là nói về tình hình của những bản chú giải của cổ nhân. Vì vậy, tất yếu phải viết bản chú giải mới. Đại sư nêu lý do vì sao Ngài tự viết Sớ Sao. Nếu cổ nhân đã viết rất hay thì hiện thời chúng ta chẳng cần phải nhiều chuyện, chẳng cần phải làm thêm chuyện chẳng cần thiết này! Nói thật ra, do cổ nhân

⁴⁰ Ngài Tánh Trùng (1253-1330), pháp tự Trạm Đường, còn có hiệu là Việt Khê, là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai, sống vào đời Tống. Ngài có họ ngoài đời là Tôn, người xứ Cối Kê (nay thuộc huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang). Mẹ Ngài mộng thấy mặt trời từ trên không rơi xuống, bèn hoài thai Ngài. Vừa tròn bốn tuổi, Sư đã cầm bút tự vẽ tượng Phật. Đưa kinh Phật cho Sư, Sư liền lập tức trì tụng trôi chảy. Năm Chí Nguyên 13 (1276), Sư thọ Cụ Túc Giới dưới tòa ngài Thạch Môn Thủ Luật Sư, về sau y chỉ ngài Phật Giám Tiêm Công để học Thiên Thai Giáo Quán. Sư từng vì dân chúng vùng Ngô Việt cầu mưa, giúp họ chôn cất người chết trong năm hạn hán. Năm Chí Trị nguyên niên (1321) đời Nguyên Anh Tông, Sư vâng chiếu vào kinh giáo chánh Đại Tạng Kinh, được ban hiệu là Phật Hải đại sư, rồi trụ trì chùa Thượng Thiên Trúc. Cuối cùng Sư quy ẩn tại chùa Phật Quả, kiên định tâm chí chuyên tu Tịnh Độ. Tác phẩm chú giải kinh Di Đà được sách Diễn Nghĩa nhắc đến ở đây chính là bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Cú Giải (xin chú ý: Cú Giải là giải nghĩa theo từng câu).

⁴¹ Ngài Cừ Am Đại Hựu (1334-1407) là cao tăng tông Thiên Thai, sống vào đời Minh, người huyện Ngô, tỉnh Cô Tô, pháp tự là Khải Tông, pháp hiệu Cừ Am, xuất gia năm mười hai tuổi, học Hoa Nghiêm với ngài Cổ Đình, rồi học Ma Ha Chỉ Quán với ngài Cửu Cao Thanh. Một hôm, do xem Thiên Thai Tứ Giáo Nghi của ngài Mông Nhuận đời Nguyên mà tỉnh ngộ, dần dần thông đạt cương yếu của tông Thiên Thai. Sư dựng thất đặt tên là Chân Như, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Năm 1405, Sư vâng chiếu trở về kinh, chỉnh lý Phật điển, biên tập những yếu nghĩa của kinh Bát Nhã. Tác phẩm trọng yếu gồm Tịnh Độ Chỉ Quy, A Di Đà Kinh Lược Giải, Kim Cang Kinh Lược Giải. Sau này, ngài U Khê Truyền Đăng viết lời sao cho bộ A Di Đà Kinh Lược Giải, đặt tên là A Di Đà Kinh Lược Giải Viên Trung Sao.

không làm, nên lão nhân gia chẳng thể không làm. Tiếp theo đó, Ngài nói rõ đạo lý: “*Bất cực luận kỳ hoằng công, trừ phát khởi hồ chân tín*” (Chẳng luận bàn tốt bậc tác dụng lớn lao của kinh này làm sao có thể phát khởi lòng chân tín cho mọi người?): “*Công*” (功) là công dụng của bộ kinh này, [soạn Sớ Sao nhằm] nói đến tác dụng, chỗ tốt đẹp của kinh. “*Hoằng*” (宏) là to lớn. Ứng dụng của bộ kinh này là gì? Kinh này dạy chúng ta vãng sanh trong một đời, một đời thành Phật, công dụng quá lớn. Nếu chẳng phô tỏ công dụng này đến tột cùng, người học Phật làm sao có thể thật sự sanh khởi tín tâm chân chánh đối với kinh này và pháp môn này? Đối với câu nói này (tức câu “*luận bàn tốt bậc tác dụng lớn lao của kinh này*”), lão nhân gia đã thật sự làm được, bộ Sớ Sao của Ngài đã thật sự làm được!

Hoàn toàn nêu rõ đại dụng (tác dụng lớn lao) của bộ kinh Di Đà này, khiến cho chúng ta đọc xong chẳng thể không tin, chẳng thể không phát nguyện, chẳng thể không cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, trong năm trăm năm, bộ Sớ Sao này quả thật đã độ vô số người niệm Phật, độ họ về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong lịch đại tổ sư, xét về sự công hiến cho Tịnh Độ Tông, chúng ta có thể nói là chẳng có vị nào hơn được Liên Trì đại sư, đó là sự thật! Vì các vị tổ sư khác lợi ích chúng sanh một đời, ảnh hưởng một đời, không có vị nào gây ảnh hưởng sâu xa như đại sư. Đại sư truyền lại bộ Sớ Sao này, trong thuở ấy Ngài độ chẳng ít chúng sanh. Đòi đòi kiếp kiếp chẳng biết bộ Sớ Sao này đã độ bao nhiêu người! Chẳng có ai có thể sánh bằng được!

“*Đốn vong phu kiến*”: Nhanh chóng quên đi tri kiến nông cạn, hèn tẻ, ngu si, hạ căn của chính mình. Vốn chẳng dám viết, nhưng nay vì những lý do trên đây mà chẳng thể không viết, chẳng thể không soạn chú giải. “*Ký kiệt tâm tư*”: Kiệt (竭) là tận lực, tận tâm tận lực viết một bản chú giải tường tận cho kinh Di Đà. Đây là nói rõ nhân duyên và lý do vì sao Ngài viết bản chú giải này.

Mấy câu tiếp theo đây rất quan trọng, ta cũng có thể thấy được quả thật đại sư Tông lãn Giáo đều thông, Tông là Thiên Tông, Giáo là Giáo Hạ, pháp thế gian lãn pháp xuất thế gian, không gì Ngài chẳng thông đạt, tuyệt đối chẳng phải là kẻ tầm thường. Nội dung của bộ chú giải này đã viết đến mức như Ngẫu Ích đại sư đã nói là “*bác đại tinh thâm, tổng thấu bộ loại ngữ kinh*” (rộng lớn, tinh vi, sâu xa, gồm thấu trọn vẹn năm kinh cùng bộ, cùng loại).

(Diễn) Tổng thu bộ loại giả.

(演) 總收部類者。

(Diễn: Gồm thu các kinh cùng bộ, cùng loại).

Những kinh cùng loại với kinh này, có tánh chất hoàn toàn tương đồng thì được gọi là “bộ loại”.

(Diễn) Thứ kinh dữ Đại Di Đà Kinh vi đồng bộ.

(演) 此經與大彌陀經為同部。

(Diễn: Kinh này cùng bộ với Đại Di Đà Kinh).

Đại A Di Đà Kinh chính là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh này (kinh A Di Đà) đồng bộ với kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ nói nhiều hơn, cặn kẽ hơn; kinh này nói rất đơn giản. Một đằng nói đại lược, một đằng nói rộng, nhưng tánh chất hoàn toàn tương đồng.

(Diễn) Dữ Thập Lục Quán, Cổ Âm Vương, Hậu Xuất Di Đà Kế Kinh vi đồng loại.

(演) 與十六觀、鼓音王、後出彌陀偈經為同類。

(Diễn: Cùng loại với các kinh Thập Lục Quán, Cổ Âm Vương, và Hậu Xuất Di Đà Kế Kinh).

Thập Lục Quán Kinh là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Tịnh Độ Tam Kinh Nhất Luận là Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và Vãng Sanh Luận. Cổ Âm Vương Kinh⁴² dạy niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ nên

⁴² Kinh này có tên gọi đầy đủ là A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni Kinh, đã mất tên người dịch. Trong kinh này, đức Phật ngự tại thành Chiêm Ba, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, gọi tên cõi ấy là Thanh Thái, xưng tán công đức trang nghiêm của cõi ấy, nói rõ tên họ song thân của A Di Đà Phật trước khi Ngài xuất gia (cha là Nguyệt Thượng, mẹ là Thủ Thắng Diệu Nhan), con trai tên Nguyệt Minh, cũng như tuyên dương Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà La Ni. Theo cổ đức, kinh này nói về Ứng Thân của A Di Đà Phật, vì Ngài thị hiện bỏ nước xuất gia, thị hiện tám tướng thành đạo thì phải là Ứng Hóa Thân, chứ không phải là Báo Thân Phật như trong Tịnh Độ Tam Kinh.

đồng loại với kinh này. Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh⁴³ có thể tài (genre) là kệ tụng, cũng nói về niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Hai bộ kinh này chẳng thường lưu thông, nhưng trong Đại Tạng Kinh có chép. Do vậy, tổng cộng có năm bộ. Dưới đây là lời giải thích về chữ “bộ loại”.

(Diễn) Bộ giả bộ thư, kỳ văn tuy bất đồng, nhi đồng nhất hạnh môn, thị nhất bộ thư dã.

(演) 部者部書，其文雖不同，而同一行門，是一部書也。

(Diễn: Bộ là bộ thư (sách nói về cùng một pháp). Lời văn tuy khác nhau, nhưng cùng [giảng về] một hạnh môn, nên là sách đồng bộ⁴⁴ vậy).

Thuộc về cùng một bộ.

(Diễn) Loại giả lưu loại, vị hành tuy bất đồng, nhi đồng quy Tịnh Độ, thị nhất lưu loại dã.

(演) 類者流類，為行雖不同，而同歸淨土，是一流類也。

(Diễn: Loại là những thứ có liên quan với nhau, tức là hành trì khác nhau, nhưng cùng hướng về Tịnh Độ, nên chúng là cùng một loại).

Đây là nói phương pháp tu hành nơi hành môn khác nhau, nhưng cùng là một, tức là mục đích giống nhau, đều nhằm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. [Câu “tổng thâu bộ loại ngữ kinh”] có nghĩa là lão nhân gia khi viết bản chú giải này đã gồm thâu tất cả những ý nghĩa trong lời kinh của năm thứ kinh điển Tịnh Độ đồng bộ, đồng loại này. Những kinh ấy là sách tham khảo chủ yếu nhất để Ngài soạn bản chú giải này. Nói cách khác, bản chú giải này chẳng phải là nói tùy tiện mà

⁴³ Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh được dịch vào thời Hậu Hán, đã mất tên người dịch, là một bài kệ tụng xưng tán sự thù thắng nhiệm mầu của cõi Cực Lạc.

⁴⁴ Chữ “đồng bộ” ở đây được dùng theo ý nghĩa: Tuy có hai kinh khác nhau, nhưng có thể coi như là những phiên bản chi tiết hay tóm lược của cùng một bộ kinh. Nói cách khác, hai kinh là một, giống như sách chỉ cùng một bộ, nhưng cách trình bày khác nhau.

câu nào cũng đều có căn nguyên, đều có kinh điển để làm căn cứ thì chúng ta mới có thể tin tưởng bản chú giải này. Bản chú giải này giống như kinh Phật vì nó trích lục hết thấy kinh luận để giải thích kinh văn của bộ kinh này.

“*Trực cứ Văn Thù nhất hạnh*”, “*trực*” (直) là trực tiếp, “*cứ*” (據) là y cứ (依據: dựa trên). Có người nói pháp môn Tịnh Độ chẳng coi trọng Bát Nhã, tức là không coi trọng trí huệ. Nếu đọc đến câu này, mỗi nghi nan ấy sẽ bị phá tan. Văn Thù Bồ Tát là trí huệ bậc nhất, bản Sớ Sao của Liên Trì đại sư trực tiếp dựa trên Nhất Hạnh tam-muội của Văn Thù Bồ Tát, làm sao không nói về trí huệ? Không chỉ giảng trí huệ, mà còn là giảng trí huệ cao độ. Câu này khá quan trọng, trong đoạn trên là dựa theo kinh, trong câu kế tiếp, [nói rõ] đích xác hạnh này là hạnh trí huệ tối cao.

(Diễn) Nhất Hạnh giả, Văn Thù Bát Nhã hội.

(演) 一行者，文殊般若會。

(Diễn: Nhất Hạnh [xuất phát từ] hội Bát Nhã của ngài Văn Thù⁴⁵).

Nói rõ xuất xứ.

(Diễn) Vân hà danh Nhất Hạnh tam-muội?

(演) 云何名一行三昧。

(Diễn: Thế nào là Nhất Hạnh tam-muội?)

Nhất Hạnh tam-muội là gì? “*Nhất Hạnh*” là một hạnh, không phải hai hạnh. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, Chánh (正) là “*chánh thường*” (bình thường, đúng lý), Thọ (受) là hưởng thụ. Vì thế, Chánh Thọ chính là Thiền Định, Thiền Định mới là sự hưởng thụ chân chánh đúng lý, mà cũng là “nhất tâm bất loạn” được nói trong kinh này. Nhất tâm bất loạn là Nhất Hạnh tam-muội, danh từ khác nhau, nhưng ý nghĩa chỉ một, cảnh giới giống hệt nhau.

⁴⁵ Tức là Nhất Hạnh tam-muội được dạy trong kinh Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật. Kinh này đã được Hòa Thượng Minh Lễ dịch ra tiếng Việt và xếp vào bộ Niệm Phật Viên Đón Tam Kinh.

(Diễn) Phật ngôn pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới, thị danh Nhất Hạnh tam-muội.

(演) 佛言法界一相，繫緣法界，是名一行三昧。

(Diễn: Đức Phật nói pháp giới một tướng, hệ duyên nơi pháp giới thì gọi là Nhất Hạnh tam-muội).

“*Pháp giới nhất tướng*”: Trong kinh Kim Cang, đức Phật giảng về “*nhất hiệp tướng*” rất rõ rệt. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất hiệp tướng, tức phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng*” (Một tướng hòa hợp chẳng phải là một tướng hòa hợp nên gọi là một tướng hòa hợp). Pháp giới đích xác là một tướng, một tánh, một tướng! Nhưng lũ chúng sanh chúng ta mê mẩn, chẳng biết pháp giới là Nhất Chân, nay chúng ta thấy pháp giới này là sâm la vạn tượng (muôn vàn hình tượng đông đảo, xúm xít). Chúng ta nói “mùi pháp giới”, nhưng nói thật ra, mùi pháp giới có nghĩa là vô lượng vô biên pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm nói tới Thập thì Thập không phải là con số, chẳng phải là từ một đến mười, chẳng phải là nói kiểu ấy! Thập biểu thị vô lượng vô biên, mang ý nghĩa biểu thị pháp. Nói thật ra, cảnh giới bên ngoài chính là pháp giới, chẳng thể nói là một hay nhiều. Nói cách khác, chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là nhiều. Vì sao? Về căn bản, chẳng có một, lấy đâu ra nhiều? Về căn bản đã chẳng có nhiều, nên chẳng thể nói là một. Một và nhiều là tương đối; chẳng có bên này, đương nhiên chẳng có bên kia! Do vậy, nói không được! Một hay nhiều là từ đâu mà nói? Từ sự phân biệt trong tâm của chúng ta. Đối với hết thảy cảnh giới, nếu tâm chúng ta chẳng khởi tâm động niệm, không phân biệt, không chấp trước thì khi ấy pháp giới là một, được gọi là một.

Nói thật ra, cái “một” (nhất) ấy cũng chẳng thể được. Bất đắc dĩ gọi là “nhất”, dùng phù hiệu này để đại diện, tượng trưng cảnh giới. Thật ra, nói Nhất là sai bét rồi! Nhất chẳng thể nói được, chính là “*mở miệng liền trật, động niệm liền sai*”. Pháp chân thật chẳng thể nói được, không có cách gì nói được, hễ nói là trật! Pháp chân thật chẳng thể nghĩ tưởng được, vừa nghĩ cũng liền trật. Nói hay nghĩ đều rớt vào Đệ Nhị Nghĩa, nhất định rớt vào tương đối. Lìa khỏi tương đối thì gọi là “*bất khả tư nghị*”, tức là không có cách nào tư duy, mà cũng không có cách nào nói rõ. Nghị (議) là nói rõ, thảo luận, [bất khả tư nghị là] chẳng thể suy nghĩ, bàn luận được. Hiện thời, do tình thế bất đắc dĩ, phải dùng Nhất để

tượng trưng. Hễ vừa khởi tâm động niệm thì pháp giới vô lượng vô biên. Do vô lượng vô biên bèn dùng Thập để tượng trưng, là vì trong các số đếm từ Một đến Mười, Mười là con số lớn nhất. Do mười mà thành trăm, do trăm mà thành ngàn, cho nên dùng Thập để tượng trưng vô lượng vô biên. Sau khi khởi tâm động niệm, từ Đệ Nhị Nghĩa mới nói đến một và nhiều. Trong Đệ Nhất Nghĩa, một và nhiều đều không có.

Pháp giới vốn là nhất tướng. Trong khi chúng ta chẳng khởi tâm động niệm, khi chẳng có phân biệt, chấp trước, pháp giới là nhất tướng. Trong cảnh giới ấy, sự cảm nhận của chúng ta gọi là Nhất Hạnh. Nhất Hạnh là gì? Muôn pháp bình đẳng, thanh tịnh giống hệt nhau. Hết thấy pháp chẳng bình đẳng là do tâm phân biệt của quý vị dấy lên. Quý vị chẳng có tâm phân biệt, pháp liền bình đẳng. Trong Bồ Tát hạnh, có một phương pháp tu hành gọi là Anh Nhi Hạnh. “*Anh nhi*” (嬰兒) là trẻ nhỏ vừa mới sanh được mấy tháng, Bồ Tát phải học theo chúng, học điều gì? Học chẳng phân biệt. Chẳng phân biệt thì là một vị, là Nhất Hạnh. Quý vị thấy trẻ thơ cho nó bú sữa, nó bú rất khoái chí; nó đại tiện, bốc lấy phân bỏ vào miệng ăn cũng rất khoái chí, chẳng khác gì nhau. Vì sao? Không phân biệt. Không phân biệt thì là một, chẳng phải hai. Hễ khởi tâm phân biệt, cái này tốt, cái kia xấu, ăn cái này ngon, ăn cái kia dở, Nhất Hạnh bèn mất đi, tam-muội cũng chẳng có!

Tam-muội là Chánh Thọ bình đẳng, là sự hưởng thụ chánh đáng, đúng mực. Sau khi [Chánh Thọ] mất đi, tam-muội bị biến chất, biến thành năm thứ thụ dụng, tức khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Vốn là một, biến thành năm. Trong năm thứ ấy có thiện - ác, đúng - sai, có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Nói cách khác, vô lượng vô biên phiền não từ đây mà sanh khởi. Vốn chẳng có phiền não, phiền não do vọng tâm sanh ra, từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Đây là nói về căn nguyên sanh tử phiền não của chúng ta, những thứ ấy đều là hư vọng, đều chẳng chân thật. Tách rời hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị muốn tìm phiền não hay sanh tử đều tìm chẳng được, trọn chẳng thể tìm sanh tử phiền não được! Đến khi ấy, sự hưởng thụ của quý vị là Nhất Hạnh tam-muội.

Cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát được gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Nhất Hạnh tam-muội là cảnh giới mà chính chúng ta vốn có, không có gì đặc biệt, chúng ta ai nấy đều có, nhưng hiện thời chúng ta đã đánh mất, trước mắt không có sự hưởng thụ này, trước mắt chúng ta phải lãnh nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Chúng ta phải hứng chịu như vậy đều là do phân biệt, chấp trước. Những gì hợp ý mình thì có Lạc Thọ, chẳng hợp ý mình bèn có Khổ Thọ. Có cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, những cảm nhận ấy

đều chẳng bình thường, chẳng đúng đắn, những cảm nhận ấy là hư vọng, chẳng chân thật. Học Phật không gì chẳng nhằm lia thoát những thứ hư vọng ấy, lia bỏ hư vọng, khôi phục chân thật, khôi phục cái chúng ta sẵn có, đó là học Phật.

(Diễn) Tu thị tam-muội giả.

(演) 修是三昧者。

(Diễn: Để tu tam-muội này thì...)

“Tu” là chúng ta muốn khôi phục, sửa đổi những sai lầm, hư ngụy của chúng ta, khôi phục Nhất Hạnh tam-muội, hãy nên tu bằng cách nào? Thứ nhất là...

(Diễn) Bất thủ tướng mạo.

(演) 不取相貌。

(Diễn: Chẳng giữ lấy tướng mạo).

Đó là bảo quý vị chớ nên chấp tướng, giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động). Cách nói này dùng chung cho hết thầy các kinh, chung cho hết thầy các pháp môn; câu này là lời nói chung của ngàn kinh, muôn luận. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều chẳng lia khỏi nguyên lý này. Nguyên lý và nguyên tắc là một, nhưng phương pháp, mảnh khóc vô lượng vô biên, những [phương pháp, mảnh khóc ấy] gọi là pháp môn. Vô lượng vô biên phương pháp, mảnh khóc đều nhằm đạt đến mục tiêu này, tức là “*chẳng chấp tướng, chẳng động tâm*”. Do vậy, đó là tổng thuyết. Sau khi đã nói ra tổng cương lĩnh, vậy thì phương pháp, thủ đoạn quá nhiều, chúng ta dùng cách nào đây? Đại sư chỉ cho chúng ta một phương pháp, chẳng phải là đại sư chỉ ra, mà là do Văn Thù Bồ Tát dạy, lão nhân gia bèn chọn lựa: “*Trực cứ Văn Thù Nhất Hạnh*”, [tức là] trực tiếp dựa trên Nhất Hạnh tam-muội của Văn Thù Bồ Tát, dựa theo khai thị ấy. Nói cách khác, pháp môn Niệm Phật do lão nhân gia truyền dạy vốn dựa trên lời dạy của Văn Thù Bồ Tát, chứ không phải do chính Ngài sáng chế! Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta điều gì?

(Diễn) *Hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự, tùy bỉ phương sở, doan thân chánh hướng, u nhất Phật niệm niệm tương tục, tức nhất niệm trung năng kiến quá khứ, vị lai chư Phật đấng.*

(演) 繫心一佛，專稱名字，隨彼方所，端身正向，於一佛念念相續，即一念中能見過去未來諸佛等。

(Diễn: *Buộc tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài, tùy theo Ngài ở nơi chốn nào mà giữ cho thân ngay thẳng, hướng thẳng về đó, đối với một vị Phật niệm niệm tiếp nối thì sẽ có thể ngay trong một niệm, thấy quá khứ và vị lai chư Phật).*

Chữ “*đẳng*” (等) [trong đoạn văn trên đây] do lão nhân gia thêm vào, vì sau đoạn kinh văn [vừa trích từ Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh vừa dẫn trên đây] còn có [những đoạn văn khác nữa], Ngài chỉ trích dẫn một đoạn. Đoạn văn này là lời Văn Thù Bồ Tát giảng trong hội Văn Thù Bát Nhã, nhằm dạy chúng ta hãy từ một vị Phật mà nhập môn. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài là học trò của Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài tu pháp môn nào? Dạy Ngài tu pháp môn Niệm Phật. Niệm vị Phật nào? Niệm A Di Đà Phật! Sao biết? Là vì trong phần sau, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đồng thời ta lại thấy chính Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Bản thân Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, đương nhiên Ngài cũng dạy Thiện Tài đồng tử niệm A Di Đà Phật, nhưng kinh không nói [toạc ra]! Từ hội Hoa Nghiêm, chúng ta thấy lần đầu tiên Văn Thù Bồ Tát dạy người khác, truyền trao pháp môn này. Trong hội Bát Nhã, lão nhân gia lại nhấn mạnh như thế ấy.

Vào đời Đường, thiền sư Pháp Chiếu là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông, đã đích thân gặp và thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: “Trong thời kỳ Mật Pháp, nên dùng pháp môn nào?” Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Thanh điệu Ngũ Hội Niệm Phật là do Văn Thù Bồ Tát dạy ngài Pháp Chiếu, ngài Pháp Chiếu truyền cho đời sau. Liên Trì đại sư là người đời Minh, lão nhân gia cũng trực tiếp dựa trên lời răn dạy của Văn Thù Bồ Tát. Do vậy, chúng ta tu pháp môn Niệm Phật là tu Nhất Hạnh tam-muội. Nhất Hạnh tam-muội là pháp tu của hết thầy Bồ Tát. Từ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng thấy Lục Tổ đại sư cũng răn dạy học trò tu Nhất Hạnh tam-muội, nhưng Ngài dùng phương pháp tham Thiền,

còn chúng ta tu Nhất Hạnh tam-muội bằng phương pháp Niệm Phật. Từ chỗ này, quý vị cũng hiểu rõ: Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu Nhất Hạnh tam-muội. Nếu chẳng phải là Nhất Hạnh tam-muội thì chẳng phải là Phật pháp!

Có nhiều đồng tu đến hỏi tôi, hiện thời yêu ma quỷ quái rất nhiều, làm sao phân biệt giữa Phật và ma? Từ tông cương lĩnh này rất dễ nhìn thấy. Phật quyết định là tu Nhất Hạnh tam-muội, ma chẳng tu Nhất Hạnh tam-muội. Nhất Hạnh tam-muội là nhất tâm, không có nhị tâm. Quý vị còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chẳng phải là nhất tâm. Nhất tâm quyết định thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, gộp cả ba chuyện này lại, một là ba, ba mà một. Ta đối với người nào đó rất từ bi, đối với người khác chẳng từ bi thì nói cách khác, lòng từ bi ấy chẳng bình đẳng! Ví như có tôn giáo [dạy rằng]: Thần yêu mến người nào tin tưởng thần; kẻ chẳng tin tưởng thì thần chẳng yêu thương. Đó là bất bình đẳng. Phật pháp không như vậy, Phật pháp đối với mọi người nhất định là từ bi bình đẳng. Quý vị tin tưởng Phật, tôn kính Phật, Ngài từ bi, yêu thương, che chở quý vị. Quý vị hủy báng, nhục mạ, phá hoại Phật, Phật vẫn từ bi bình đẳng đối với quý vị, tuyệt đối chẳng có hai tâm. Đó là Phật pháp. Tâm tuyệt đối là thanh tịnh, bình đẳng, từ bi; nhưng nơi biểu hiện trên sự tướng thì là chẳng bình đẳng, vì sao? Là vì nghiệp lực của chúng sanh chẳng giống nhau. Tâm Phật quyết định là thanh tịnh, bình đẳng, từ bi giống như cha mẹ đối với con cái. Cha mẹ yêu thương, che chở mỗi đứa con giống hệt nhau, nhưng cách biểu hiện đối với mỗi đứa mỗi khác, vì sao? Tính tình của con cái mỗi đứa khác nhau, cho nên biểu hiện sự chăm sóc bên ngoài chẳng thể nào giống hệt nhau, nhưng tâm địa quyết định là tương đồng, quyết định là giống hệt.

Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta hãy “*hệ tâm nhất Phật*”, “*hệ*” (繫) là hệ niệm, tức là trong tâm thường nghĩ tới, vì sao? Nghĩ tới một đức Phật, gắn chặt ý niệm nơi một vị Phật. Chúng ta không hệ niệm thì có được hay chẳng? Không được! Nếu quý vị chẳng hệ niệm một vị Phật, sẽ liền suy nghĩ lung tung, hệ niệm quá nhiều thứ! Tôi chẳng hệ niệm gì thì bèn hệ niệm vô minh, hệ niệm nơi [ý niệm] “thứ gì tôi cũng chẳng niệm”, vẫn còn có ý niệm ấy! Nói cách khác, ý niệm gì cũng không có thì phạm phu chưa làm được! Giống như người tu Vô Tướng Định “thứ gì tôi cũng chẳng tưởng”, thật ra, kẻ ấy vẫn còn có tưởng, kẻ ấy tưởng “thứ gì cũng đều chẳng tưởng”, tức là vẫn có tưởng, không có cách nào cả! Chưa làm được! Chính vì quý vị không làm được, nên mới dạy quý vị lìa khỏi hết thấy ý niệm, tưởng một thứ thôi, tức là dùng nhất niệm để

đôi tri vạn niệm. Pháp môn Niệm Phật dùng phương pháp này để đạt tới Nhất Hạnh tam-muội. Do vậy, pháp môn này màu nhiệm, quá sức màu nhiệm! “*Hệ tâm nhất Phật*” chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Ức Phật*”, trong tâm nghĩ tới Phật, nhớ đến Phật, “*chuyên xưng danh tự*”, đó là niệm Phật. Đại Thế Chí Bồ Tát nói “*ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, nghĩ tới Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Kiến Phật là thành Phật. Do vậy, hai câu này (tức “*hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự*”) chính là “*ức Phật, niệm Phật*”.

“*Tùy Phật phương sở, đốn thân chánh hướng*” (tùy theo phương hướng, nơi chốn của đức Phật ấy ở đâu mà giữ cho thân đốn chánh, hướng thẳng về đó), phải tương ứng! Kinh này dạy chúng ta niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở phương Tây, cho nên chúng ta thường nghĩ tới Tây Phương, nghĩ Phật cũng nghĩ tới Tây Phương, chỗ nào cũng tương ứng với Tây Phương. Chúng ta ngồi mặt hướng về phương Tây, chúng ta thờ Phật, tượng Phật thờ ở phương Tây. Mỗi ngày hướng về phía Tây lễ bái, tương ứng với Ngài. Đó là “*tùy Phật phương sở*”. “*Đốn thân chánh hướng*”: Đốn (端) là đốn chánh, chẳng thể tùy tiện, bừa bãi, mà phải giống như chúng ta gặp khách quý, tiếp khách vậy, nghi dung phải nghiêm túc, chỉnh tề, chớ nên thất lễ. Đối trước khách quý, chúng ta chẳng dám thất lễ thì làm sao có thể thất lễ đối với Phật, Bồ Tát cho được? Do vậy, nhất định phải đốn chánh nghi dung, mỗi ngày niệm Phật, lễ Phật.

“*Ư nhất Phật niệm niệm tương tục*”: Đây là nói về phương pháp niệm Phật. Nhớ Phật, niệm Phật chớ nên gián đoạn giữa chừng. Đó gọi là “*công phu*”. Công phu là nói chẳng gián đoạn. Có những đồng tu biết chỗ hay của niệm Phật, cũng rất muốn niệm Phật, nhưng không niệm được, niệm mấy tiếng bèn quên tuốt, đến hỏi tôi: “*Làm như thế nào?*” Quý vị phải hiểu: Đó là nghiệp chướng, bản thân quý vị có chướng ngại. Có nghiệp chướng thì làm sao? Biện pháp tốt nhất là quý vị đến tham gia hội niệm Phật. Hội niệm Phật là dựa vào đại chúng, mọi người cùng nhau niệm, khiến cho Phật hiệu của quý vị được dấy lên, dùng phương pháp này để nhắc nhở chính mình. Hiện tại còn có một phương pháp là mang theo bên mình máy nghe băng cassette niệm Phật, gắn ống nghe vào tai thì quý vị chẳng dễ gì quên mất. Đó là phương pháp tốt, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng gián đoạn!

Chính mình có thể thời thời khắc khắc dấy lên Phật hiệu, lại còn niệm rất hoan hỷ, niệm đạt được pháp hỷ sung mãn, thân tâm nhẹ nhàng,

an ổn, tự tại, đó là nghiệp chướng nhẹ đi, công phu đắc lực. Người thật sự niệm Phật trong ba năm hay năm năm, nhất định thấy cảnh giới này, phiền não dần dần giảm ít. Phiền não ít thì ý niệm phân biệt, chấp trước sẽ ít và giảm nhẹ hơn trước, tâm khai ý giải, tự nhiên có thể đạt được khinh an, có thể tự tại. Đây là cảnh giới niệm Phật tốt đẹp. Do vậy, nhất định phải nắm vững “*niệm niệm tiếp tục*”.

Câu tiếp theo là nói về quả chứng (quả báo chứng đắc do hành trì niệm Phật), đây là công phu, có công phu là quý vị có thâm hoạch. Trong Phật pháp gọi thâm hoạch là “*sở chứng*”, tức là cái quý vị đạt được, đạt được gì vậy? “*Năng kiến quá khứ vị lai chư Phật*”: Quá khứ vị lai mà đều có thể thấy được thì Phật trong hiện tại chẳng cần phải nói nữa! Do vậy, nói ba đời chư Phật quý vị đều có thể thấy. Đúng là giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật).

“*Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội*” là hạnh môn mà Liên Trì đại sư đã dựa vào để soạn bộ chú giải Di Đà Sớ Sao này. Trong đoạn trước có nói tới chỗ y cứ về mặt giáo lý của Ngài: Ngài dựa vào năm bộ kinh đồng bộ đồng loại của Tịnh Độ, đó là căn cứ lý luận, còn chỗ y cứ của phương pháp [tu hành] là dựa theo Nhất Hạnh tam-muội của Văn Thù Bồ Tát. [Có như vậy thì] chúng ta mới có thể dấy lên lòng tin đối với bản chú giải này vì Ngài chẳng nói tùy tiện, mà quả thật là có căn cứ. Không chỉ như thế, tiếp theo đây còn có một câu đề dung hội thông suốt [những ý nghĩa ấy]:

“*Nhi phục hội quy huyền chỉ, tặc phần nhập Tạp Hoa, quán xuyên chư môn*”. (nhưng lại quy về ý chỉ huyền nhiệm, có phần nào dung nhập kinh Tạp Hoa, xuyên suốt các môn). Thật tuyệt vời! Điều này cho thấy tác phẩm này là bác đại tinh thâm (rộng lớn, tinh tường, sâu xa), không còn phải bàn cãi gì nữa! “*Huyền chỉ*”: Chữ “*huyền*” (玄) là nói về mười huyền môn trong kinh Hoa Nghiêm.

(Diễn) Hội quy huyền chỉ giả, dĩ Tịnh Độ nhất môn, hội quy Hoa Nghiêm thập huyền diệu chỉ, như hậu Phân Viên trung sở minh.

(演) 會歸玄旨者，以淨土一門，會歸華嚴十玄妙旨，如後分圓中所明。

(Diễn: “Dung hội về ý chỉ huyền nhiệm” là đem một môn Tịnh Độ dung hội, quy kết vào mười ý chỉ huyền diệu của kinh Hoa Nghiêm, như trong phần giải thích ý nghĩa “kinh Di Đà có vài phần Viên Đốn” trong đoạn sau sẽ giảng).

Thật sự phi phạm! Trong phần sau của sách Sớ Sao sẽ nói cặn kẽ, đến phần luận Huyền Nghĩa của kinh này sẽ trình bày cặn kẽ hơn. Tiêu Bản A Di Đà Kinh và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là một, không hai. Tuy thường nói kinh Hoa Nghiêm và kinh này chẳng đồng loại mà cũng chẳng đồng bộ, nhưng nhìn từ đoạn văn này của Liên Trì đại sư, tự hồ chúng vừa là đồng loại vừa là đồng bộ. Xét theo Lý là đồng bộ, xét theo Giáo thì bất đồng. Nói trên phương diện Hạnh môn thì chẳng phải là đồng loại, nhưng xét theo phương diện quy túc thì là đồng loại, vì mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Kinh Hoa Nghiêm dùng phương pháp tu mười đại nguyện vương, kinh Di Đà dạy niệm A Di Đà Phật, phương pháp khác nhau, nhưng mục đích giống nhau, đều là cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng dẫn về Cực Lạc liên bang. Do vậy, hai bộ kinh này là một, không hai. Do điều này, trong bản chú giải này, Liên Trì đại sư trích dẫn kinh Hoa Nghiêm đặc biệt nhiều, dung hội, quy kết về huyền chỉ. Chỗ trọng yếu nhất trong kinh Hoa Nghiêm là giảng về mười huyền môn, tức “thập huyền diệu chỉ”.

“Phần nhập Tạp Hoa”, Tạp Hoa chính là kinh Hoa Nghiêm. “Phần nhập”: “Phần” (分) là bộ phận, “nhập” (入) là dung hợp. Kinh Hoa Nghiêm vốn có tên là Đại Phương Quảng Phật Tạp Hoa Trang Nghiêm Kinh; vì thế, Tạp Hoa chính là kinh Hoa Nghiêm. Một bộ phận của kinh Di Đà tương thông với kinh Hoa Nghiêm. “Nhập” có nghĩa là tương thông. “Quán xuyên chư môn”: “Chư môn” là nói tới tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ một pháp môn nào cũng có mối liên quan với pháp môn Niệm Phật. Nói cách khác, pháp môn Niệm Phật là tổng cương lĩnh của hết thảy các pháp môn, là chỗ hội tụ của hết thảy các pháp môn.

(Diễn) Quán xuyên chư môn giả, dĩ Niệm Phật nhất môn, quán xuyên nhất đại thời giáo chư hành pháp môn, như hậu thích nhất tâm bất loạn xứ sở mình.

(演) 貫穿諸門者，以念佛一門，貫穿一代時教諸行法

門，如後釋一心不亂處所明。

(Diễn: “Quán thông các môn”: Do một môn niệm Phật xuyên suốt các môn hành pháp trong giáo pháp cả một đời đức Phật, như trong phần giải thích về nhất tâm bất loạn trong phần sau sẽ giảng rõ).

Phương pháp Niệm Phật quán thông tất cả các pháp môn do đức Phật đã nói, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Trong phần sau sẽ trình bày cặn kẽ, tức là trong phần giải thích khái niệm “nhất tâm bất loạn” trong kinh văn. Liên Trì đại sư dùng bao nhiêu đoạn văn để giải thích bốn chữ “nhất tâm bất loạn” này? Văn tự chiếm tới nửa quyển, tức là dành ra một chương chiếm tới một phần tám toàn bộ tác phẩm để giải thích nhất tâm bất loạn. Giảng thật cặn kẽ! Cho đến khi ấy, Ngài sẽ giảng cặn kẽ, tỉ mỉ, rõ ràng, quý vị mới biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Ngày nay có rất nhiều người không tin Tịnh Độ, coi thường Tịnh Độ, tạo vô lượng vô biên tội lỗi. Họ chẳng đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư; nếu thật sự đọc Sớ Sao sẽ thay đổi quan niệm, sẽ chiếu theo Sớ Sao để tu hành, trong một đời không ai chẳng thành tựu!

“Tắc bác tổng quán điển”: “Bác” (博) là rộng rãi, “tổng” (綜) là tổng hợp, “quán điển” (群典) là hết thảy các kinh. Nay chúng ta gọi hết thảy các kinh là Đại Tạng Kinh, hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. [Bộ Sớ Sao này] tổng hợp rộng rãi các kinh. “Vô nhất bất tiêu quy tự tánh”: Kinh này niệm một câu A Di Đà Phật, câu Phật hiệu nào cũng tiêu quy tự tánh, chẳng tiêu quy tự tánh⁴⁶ thì làm sao có thể thụ dụng được? Niệm Phật chính là nói tới công phu chân chánh. Nói cách khác, biết niệm sẽ tiêu quy tự tánh. Chẳng biết niệm bèn chấp trước danh tướng. Chấp trước danh tướng sẽ chẳng thể tiêu quy tự tánh, cô nhân bảo là “niệm rách toạc cuống họng cũng uống công”, đây là do biết hay chẳng biết niệm vậy!

Nếu chúng ta hỏi: Tiêu quy tự tánh là như thế nào? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu, ý nghĩa của câu Phật hiệu này nếu dịch hoàn toàn sang tiếng Hán thì là “quy y Vô Lượng Giác”. Chính mình phải hỏi có giác nào chẳng phải là tự tánh? Giác là tự tánh! Từng tiếng nhắc nhở chính mình, phải từ mê hoặc, điên đảo, quay trở về

⁴⁶ Tiêu quy tự tánh: Tiêu trừ hết thảy các vọng tưởng, chấp trước, phân biệt, kiến giải hư vọng, nhận biết bản thể của các pháp là Chân Như tự tánh.

tự tánh giác, giác chứ không mê thì Phật hiệu ấy có vô lượng vô biên công đức. Do vậy, mới nói: “*Niệm một câu A Di Đà Phật, tiêu trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử*”. Giác rồi, tội nghiệp bèn tiêu mất, diệt trừ. Nếu quý vị mê, tội nghiệp bèn hiện tiền, chẳng tiêu được! Niệm niệm chẳng mê, đó là quy y Vô Lượng Giác.

Ở chỗ này, phải phân biệt thế nào là giác? Thế nào là mê? Nói cách khác, giác là gì? Mê là gì? Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lưỡi nếm vị, mũi ngửi hương, thân thể tiếp xúc, trong tâm khởi ý niệm, đó là lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần. Khi tiếp xúc cảnh giới, quý vị khởi tâm động niệm phân biệt, chấp trước, đó là mê, đó là tướng mê. Khi khởi tâm động niệm, quý vị chẳng để ý tới nó, thiện niệm cũng được, ác niệm cũng xong, nhiễm niệm cũng tốt, tịnh niệm cũng hay, một mực chẳng quan tâm tới chúng, ngay lập tức chuyển chúng (những ý niệm ấy) thành A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là giác, A Di Đà Phật là giác niệm. Trừ A Di Đà Phật ra, đều là mê niệm, đều chẳng phải là giác niệm, phải chuyển thật nhanh! Cổ nhân thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Quý vị lập tức chuyển ý niệm thành A Di Đà Phật, khiến cho một niệm A Di Đà Phật niệm niệm tiếp nối, chẳng để nó bị gián đoạn giữa chừng, chẳng để cho những vọng niệm khác dấy lên.

Cũng có những vị nghe lời này, nói: “Hiện tại chúng tôi chẳng thể làm được điều này! Nếu suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, chuyện gì tôi cũng không nghĩ tới, chuyện gì cũng chẳng làm, thì làm sao được?” Nay quý vị mới học, quý vị không có công phu. Nếu quý vị thật sự có công phu, quý vị nghĩ mọi chuyện, làm mọi chuyện, nhưng Phật hiệu vẫn chẳng gián đoạn. Hiện thời chưa làm như vậy được thì làm sao? Trong khi quý vị nghĩ đến mọi việc, trong khi làm việc, tạm ngừng Phật hiệu, suy nghĩ công chuyện, lo làm việc; làm việc xong xuôi rồi, buông chuyện đó xuống, khởi Phật hiệu lên, hiện thời chỉ có thể sử dụng phương pháp này. Sử dụng phương pháp này thuần thực, dùng được mấy năm, tâm thật sự thanh tịnh, quý vị vừa làm việc, vừa suy xét vấn đề, mà Phật hiệu vẫn chẳng bị gián đoạn. Do vậy, đây là vấn đề công phu. Nói cách khác, nếu quý vị suy xét vấn đề thì nghiệp chướng hiện tiền, ắt phải tạm thời buông Phật hiệu xuống. Chớ nên nóng ruột, cứ từ từ, tuần tự tiến hành. Do vậy nhất định phải biết “*tiêu quy tự kỷ*” (tiêu quy tự tánh) thì niệm Phật hiệu mới có ích. Đối với Sự và Lý này, trong Sớ Sao có những phần thảo luận rất tường tận, cặn kẽ.

“*Hữu nguyện giai hồi hướng Bồ Đề*”: Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán là Giác. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ. Bồ Đề là giác, có nguyện nào thì nguyện ấy đều phải giác, chẳng thể mê. “*Hữu nguyện giai hồi hướng Bồ Đề*”: Có nguyện nào cũng đều phải hồi hướng giác đạo, chẳng thể mê hoặc, điên đảo. Con người, bất luận là ai, người Hoa, người ngoại quốc, người đời xưa, người đời nay, người hiền, người ngu, ai nấy đều có nguyện, có ai không có nguyện? Nguyện quá nhiều! Hôm nay tôi tính ăn gì đó, đấy là nguyện. Nếu quý vị không có nguyện thì quý vị chẳng nghĩ ngợi. Hôm nay chúng ta tính đi đâu chơi, đó cũng là nguyện. Nguyện quá ư là nhiều! Từ sáng đến tối, chính mình còn chẳng hiểu rõ nguyện vọng của chính mình, chẳng biết có bao nhiêu nguyện! Người học Phật phải nhớ một nguyên tắc: Có nguyện thì nguyện phải giác, đừng mê. Bất luận nguyện gì, chỉ cần giác chứ không mê, nguyện nào cũng đều là thiện nguyện, đều là hảo nguyện. Nếu là mê thì ý nguyện đến Phật đường nghe kinh vẫn chẳng phải là hảo nguyện, vì sao? Quý vị mê, chứ không giác. Điều khẩn yếu là giác chứ không mê. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đó là giác; khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là mê.

Khi giảng tựa đề kinh Hoa Nghiêm, ngài Thanh Lương có nói mấy câu hết sức có lý. Ngài nói người học Phật, người nghe kinh chẳng hiểu nguyên lý và nguyên tắc này, nghe kinh cho nhiều, đọc cho lắm, đạt được hiệu quả gì? “*Tăng trưởng tà kiến*”, đó là chẳng tiêu quy tự tánh! Chẳng biết tiêu quy tự tánh thì nghe người này thuyết pháp như thế này, nghe người kia thuyết pháp như thế nọ, có chỗ giống nhau, có chỗ mâu thuẫn, vì sao nghe đến tình trạng ấy? Là vì quý vị phân biệt, chấp trước, suy nghĩ lung tung! Nếu quý vị chẳng nghe thì “*tăng trưởng vô minh*”, chuyện này phiền phức lắm! Chẳng nghe kinh, tăng trưởng vô minh, tu hành là “tu mù, luyện đui”, nghe kinh nhiều thì lại suy nghĩ lung tung, chuyện này thật là khó!

Cổ đại đức dạy kẻ mới học, mà thầy cũng dạy học trò như vậy: Chỉ cho phép nghe một người, chẳng thể nghe người thứ hai, vì sao? Vì quý vị chưa biết nghe, nghe nhiều sẽ suy nghĩ loạn xạ: Vị thầy này nói với tôi như thế này; vị thầy kia lại nói như thế nọ, người nọ lại nói như thế kia. Rốt cuộc ai đúng? Chính mình phân biệt, chấp trước càng ngày càng sâu hơn, mê càng sâu hơn. Do vậy, chỉ cho phép nghe một người. Nghe một người thì phân biệt, chấp trước vẫn có, nhưng giảm bớt rất nhiều! Vì thế, hiện thời con người tu hành khó khăn là vì sao? Không có thầy! Không có sư thừa. Hiện thời dân chủ, tự do, những nơi giảng kinh

quá nhiều, đi khắp nơi để nghe, ngày ngày tăng trưởng tà kiến, đó là tổn thất quá lớn.

Nếu thật sự gặp được một vị thầy tốt đẹp dạy dỗ quý vị, “quý vị chỉ nên nghe tôi, chớ nên nghe người khác”, quý vị nhất định sẽ có ác cảm: “Đừng nghe lời ông X.... Người ấy quá chuyên chế, quá bá đạo, chẳng đếm xỉa lý lẽ!” Do vậy, trong hiện thời, thật sự là thiện tri thức thì một câu cũng chẳng thể nói được! Chính quý vị thích như thế nào bèn làm như thế đó, đâm ra thành tựu hay không là do chính quý vị, chẳng liên can gì đến tôi! Thật sự biết tiêu quy tự tánh, nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, người ấy nghe kinh chỉ có ngộ xứ, cũng chẳng suy nghĩ lung tung, chẳng khởi vọng tưởng, chẳng phân biệt, chấp trước, người ấy thường xuyên nghe kinh, hoát nhiên khai ngộ, vì sao có thể khai ngộ? Là vì trong khi nghe kinh, người ấy chẳng có phân biệt, chấp trước, câu nào cũng đều rót vào tự tánh. Tự tánh không có phân biệt, tự tánh không chấp trước. Nghe kinh như vậy có chỗ tốt đẹp nào? Chính là dùng chánh pháp để hun đúc vô minh, hun lâu ngày sẽ biến thành hoát nhiên đại ngộ, đạo lý ở chỗ này!

Chẳng biết nghe thì nghe Phật pháp nhưng chẳng biết hun đúc vô minh, chỉ giúp cho quý vị tăng trưởng tri kiến. Nghe càng nhiều, kiến thức Phật học thông thường tăng thêm, nhưng không có sức phá vô minh. Do vậy, nghe kinh suốt đời chẳng thể khai ngộ, nghe Phật pháp

nói “pháp nào cũng là đạo”, quý vị hiểu, nhưng vì nghe nhiều, xem nhiều, thứ gì quý vị cũng hiểu, mà chẳng đoạn phiền não, chẳng thể phá vô minh, như vậy thì toàn bộ Phật pháp của quý vị biến thành pháp thế gian, giống như học thuật thông thường trong thế gian, biến thành một thứ Phật học thường thức, chịu thiệt thòi quá lớn! Đó chẳng phải là Phật pháp.

Nhất định phải biết “*tiêu quy tự tánh*”, “*hồi hướng Bồ Đề*”, Liên Trì đại sư nói hai câu này tuyệt vời! Nếu chính Ngài không tâm đắc điều này, không có công phu này, sẽ chẳng thể viết ra hai câu này. Nay chúng ta do đọc đoạn văn này, quý vị mới hiểu rõ giá trị của kinh Di Đà và giá trị của bộ Di Đà Sớ Sao.

“*Triển thử tinh thành, khát cầu gia bị*” (giải bày tâm lòng tinh thành, cầu xin [Tam Bảo] gia bị): Triển (展) là mở ra, vì Ngài muốn viết bản chú giải này, nên giải bày lòng tinh thành của chính mình, cầu Tam Bảo gia trì, khiến cho bản chú giải do chính mình viết không bị sai lầm. Nhất định phải được Tam Bảo gia trì; không có Tam Bảo gia trì sẽ chẳng viết được! Không có Tam Bảo gia trì, chẳng thể nào không sai lầm. Đây là cầu thần lực của Tam Bảo gia trì. Nếu quý vị hiểu rõ ràng, giác ngộ, thì suốt đời chúng ta đọc bộ kinh này là đủ rồi, hoằng dương bộ kinh này là đủ rồi, những thứ khác đều buông xuống hết, không cần đến nữa. Nếu làm những thứ khác sẽ là xen tạp, bộ kinh này đảm bảo quý vị thành Phật, đảm bảo vãng sanh, chắc chắn chẳng luống công. Hôm nay chúng tôi giảng đến đoạn này!

Tập 41

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi một.

(Sớ) Vị năng tự lợi, tiên năng lợi nhân giả, Bồ Tát phát tâm. Cố bất nhân độc thiện kỳ thân, tâm hoài kiêm lợi dã. Kiêm lợi chi đạo, hoằng pháp vi tiên. Nhi thử kinh chú sớ, kim đa mãn một, kê cổ vô diêu, tuy nhất nhị cần tồn, lược cử đại đoan, vị swóng quyết chỉ. Hoằng công giả, tức bất khả tư nghị công đức dã. Bất tri thử kinh cụ hữu như thị công đức, tắc nghi nhi bất tín, tín diệc bất chân, Sớ Sao chi tác, bất dung dĩ dã.

(疏) 未能自利，先能利人者，菩薩發心。故不忍獨善

其身，心懷兼利也。兼利之道，弘法為先。而此經註疏，今多泯沒，稽古無繇，雖一二僅存，略舉大端，未暢厥旨。宏功者，即不可思議功德也，不知此經具有如是功德，則疑而不信，信亦不真，疏鈔之作，不容已也。

(Sớ: Chưa thể tự lợi mà đã có thể làm lợi cho người khác trước, đây là Bồ Tát phát tâm. Vì thế, chẳng nỡ hưởng tốt lành cho riêng mình, nặng lòng toan làm lợi cho người khác. Đạo làm lợi cho người khác lấy hoằng pháp làm đầu; nhưng chủ thích, sớ giải của kinh này nay phần nhiều đã thất lạc, không có cách nào tìm được [trọn vẹn]. Các bản chú giải cổ tuy hãy còn một hai bản, nhưng những bản ấy chỉ nêu đại lược đầu mối, chưa diễn giải thông suốt tông chỉ của kinh này. “Hoằng công” tức là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng biết kinh này trọn đủ công đức như thế, sẽ nghi ngờ chẳng tin. Dầu có tin thì cũng chẳng tin thật sự, nên tôi chẳng dưng dưng phải viết Sớ Sao).

Đoạn này là trần thuật, Liên Trì đại sư tự nói rõ căn kẽ nhân duyên soạn bộ Sớ Sao. Chúng ta phải chú trọng nghiên cứu đoạn này kỹ hơn, vì sao? Sợ hiểu lầm! “*Vị năng tự lợi*” (chưa thể tự lợi): Tự lợi là tự độ; như thế nào thì mới là tự lợi? Nhất định phải vãng sanh thì mới là tự lợi. Chưa vãng sanh thế giới Tây Phương, chẳng thể nói là đã thực hiện tự lợi! “*Tiên năng lợi nhân*” (có thể làm lợi cho người khác trước) là bỏ mình vì người, đó gọi là “*Bồ Tát phát tâm*”. Nay chúng ta chưa thể tự lợi, mà cũng phát tâm lợi người, thử hỏi chúng ta có phải là Bồ Tát hay không? Nếu chúng ta nghiên cứu, thảo luận vấn đề này, quý vị phải hiểu: Câu nào của Liên Trì đại sư cũng là lời khiêm hư, khách sáo, chúng ta đừng tưởng lời khách sáo là thật! Ngài là bậc tái lai, Ngài nói “chưa thể tự lợi”, thì “tự lợi” chính là thành Phật, Ngài còn chưa thành Phật. Chưa thành Phật, nhưng có thể Ngài là bậc đại Bồ Tát tái lai. Lão nhân gia lui tới thế giới Tây Phương tự tại, còn chúng ta có làm được hay không? Chúng ta không có năng lực ấy. Do vậy, phải là như vậy thì mới gọi là “*Bồ Tát phát tâm*”, Ngài đã là Bồ Tát rồi!

Bồ Tát phát tâm, mức độ thấp nhất là Quyên Giáo Bồ Tát, tôi thiếu cũng là Sơ Tín Bồ Tát trong địa vị Thập Tín, đây là cấp bậc thấp nhất. Năm mươi một cấp bậc Bồ Tát là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Địa vị Sơ Tín chưa thể tự

lợi, họ phát tâm làm Bồ Tát. Nói theo Viên Giáo, địa vị Sơ Tín là địa vị như thế nào? Chúng ta phải hiểu rõ ràng. Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ, địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo tương đương với Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn (Srotāpanna) trong Tạng Giáo. Tu Đà Hoàn đã đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, nhưng chưa đoạn Tư Hoặc. Đã đoạn hết Kiến Hoặc, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến và Tà Kiến đều đoạn sạch. Chúng ta một phẩm [vô minh] chưa đoạn, là hạng phàm phu lè tè sát đất, muốn học đòi những vị Bồ Tát ấy phát tâm thì quá ư là khó! Nhưng quý vị phải hiểu rõ Lý, chính mình hãy tự cân nhắc trình độ của chính mình, quả thật có đủ [để học đòi hạnh Bồ Tát] hay không? [Nếu là] hạng người giống như đại sư thì không còn gì phải nói nữa, Ngài có thể! Do vậy, Ngài phát tâm viết bản chú giải này. Chúng ta phát tâm thì có thể viết được chú giải hay chẳng? Ngài phát tâm viết bộ chú giải này, chúng ta đọc còn chưa hiểu, nói gì tới viết! Do vậy, biết rằng: Chúng ta không có cách nào học theo hạng người như vậy, học không được! Nói thật ra, chúng ta cũng nên bắt chước tấm lòng từ bi của Bồ Tát. Nếu là người có lòng riêng tư, bản thân người ấy đã chứng địa vị Sơ Tín, vẫn mong đạt Nhị Tín, đạt đến Nhị Tín lại mong vượt lên một cấp cao hơn nữa là Tam Tín. Người ấy tạm thời đem chuyện nâng cao địa vị của chính mình gác qua một bên hòng giúp đỡ hết thảy chúng sanh, đó gọi là “*Bồ Tát phát tâm*”. Đó là “*vị năng tự lợi, tiên năng lợi nhân*” (chưa thể tự lợi mà đã làm lợi người khác trước), nhưng chính mình đã có chỗ đặt chân vững vàng rồi!

Nói theo hiện thời, chẳng phải là chúng ta không thể học, hễ có bản lãnh ấy thì có thể học theo [các vị Bồ Tát], nhưng bản lãnh tối thiểu là chúng ta niệm Phật đến mức công phu thành phiến. Nói cách khác, chúng ta có tư cách đối nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, dầu chỉ Hạ Phẩm Hạ Sanh vẫn được! Ta có thể nắm chắc điều này, ta chẳng cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh, ta chẳng cầu tăng cao phẩm vị, ta nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ mọi người, vậy là cũng có thể nói “*vị năng tự lợi, tiên năng lợi nhân*” (chưa thể tự lợi, mà đã có thể lợi người trước). Đây là Bồ Tát phát tâm. Nếu ngay cả Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư mà quý vị chẳng nắm chắc, quý vị chẳng thể phát cái tâm ấy, quý vị chẳng thể làm chuyện này! Chúng ta cần phải biết điều này, hễ chính mình đạt đến trình độ ấy thì hãy phát tâm, hãy nên giúp đỡ mọi người.

“*Có bất nhân độc thiện kỳ thân*” (vì thế, chẳng nỡ hưởng tốt lành cho riêng mình): Chính mình thật sự đạt được chỗ tốt lành và đạt được lợi ích trong Phật môn, muốn cho hết thảy chúng sanh cùng hưởng lợi ích và những điều tốt đẹp ấy, đó là [tâm hạnh của] Bồ Tát, tuyệt đối chớ nên hưởng riêng mình. “*Tâm hoài kiêm lợi*”: Kiêm lợi là muốn tạo lợi ích cho người khác. Bản thân tôi đã đạt được điều tốt đẹp nơi pháp môn này, cũng muốn làm cho người khác được hưởng sự tốt đẹp ấy. Nói tới kiêm lợi thì quan trọng nhất là hoằng pháp, đem pháp môn này giới thiệu với người khác. Chúng ta đạt được lợi ích nơi pháp môn này, nhưng người khác hoặc là đã học Phật, hoặc là chưa học Phật, hay người đã học Phật nhưng học các pháp môn khác, chúng ta thấy họ chẳng dễ gì đạt được lợi ích thật sự. Nói cách khác, họ chưa thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chưa đạt được lợi ích chân chánh ấy. Chúng ta giới thiệu pháp môn này với họ, đó là “*hoằng pháp*”. “*Kiêm lợi chi đạo*”: “*Đạo*” (道) là phương pháp, phương pháp lợi ích chúng sanh này lấy hoằng pháp làm đầu.

Sát nghiệp của Đài Loan quá nặng! Mỗi năm giết những động vật như lợn, bò, dê, gà, vịt, tính theo tỷ lệ thống kê dân số thì cao nhất thế giới, nhưng người Đài Loan tu phước nơi cửa Phật cũng đứng đầu thế giới. Bất quá là tu phước bao nhiêu năm, nhưng tu tạp, tu loạn. Giảng kinh là chuyện tốt đẹp! In kinh, in tạo hình Phật để lưu thông, cũng là chuyện tốt; nhưng giảng kinh có khi chẳng phải là giảng kinh Phật giáo, trong ấy cũng có khi kinh Phật giáo bị giảng thành pháp ngoại đạo! Đây là chẳng thuần, vừa tạp vừa loạn! In kinh cũng giống như vậy, tuy là kinh Phật, dù cho là kinh điển lấy từ Đại Tạng Kinh, nhưng quý vị phải biết: Kinh điển trong Đại Tạng Kinh nhiều đến mấy ngàn bộ, có những kinh thích hợp với cuộc sống của con người hiện đại chúng ta, chúng ta học những kinh ấy quả thật hữu dụng, nhưng phần lớn [những kinh khác] không vận dụng vào thời đại hiện tại được. Nếu quý vị in ra để lưu thông, chẳng có ý nghĩa gì hết! Đó gọi là “*ứng bệnh dữ dược*” (theo đúng căn bệnh mà cho thuốc). Con người hiện thời đang bị bệnh, nếu quý vị dâng lên họ loại thuốc phù hợp chứng bệnh, thuốc ấy sẽ cứu được mọi người. Nếu đưa ra nhiều loại thuốc quý nổi tiếng, nhưng không hợp với chứng bệnh thì tặng món thuốc ấy có ích gì hay chẳng? Vô ích!

Quý vị phải biết: Đại Tạng Kinh là thuốc; nhằm chữa bệnh cho hết thảy chúng sanh trong thuở ấy nên đức Phật nói ra, có những thứ thích hợp với thời đại của chúng ta, có những thứ chẳng phù hợp thời đại. Do vậy, in kinh phải chọn lựa, nhất định phải chọn lựa thận trọng. Chẳng

những phải chọn lựa kinh, mà chú giải cũng phải chọn lựa. Thông thường, những kinh luận trọng yếu được mọi người đọc tụng đã qua nhiều đời như kinh Kim Cang, kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, đó là những bản kinh lưu truyền phổ biến được người Hoa ưa thích. Nói chung, từ xưa đến nay có hơn một trăm vị cổ đức chú giải những kinh điển ấy, chúng ta có thể thấy điều này qua Đại Tạng Kinh. Chú giải nhiều ngàn ấy, mỗi một vị chú giải phát biểu kiến giải tâm đắc của chính mình, rốt cuộc những thứ ấy có ích cho chúng ta hay không? Rất khó nói! Do vậy, chọn lựa những bản chú giải cũng là một môn đại học vấn.

Trong những năm qua, những sách do Đồ Thư Quán của chúng ta ấn hành đều do tôi chọn lựa cẩn thận. Chú giải của người hiện thời tuy viết bằng văn Bạch Thoại, nhưng kiến giải chưa thấu triệt, chưa viên mãn, cũng có chỗ còn giải thích lệch lạc, hiểu lầm ý nghĩa kinh. Do vậy, tôi rất ít in những trước tác của người hiện thời. Tôi luôn chọn lựa những bản chú giải cổ, những bản được chọn đều là những chú giải đầy thâm quyền được mọi người công nhận, tức là những bản chú giải hay nhất. Tuy Văn Ngôn khó hơn [văn Bạch Thoại] một chút, nhưng nếu quý vị đọc quen sẽ thấy chẳng khó, quý vị đọc sẽ hiểu được. Có rất nhiều vị cư sĩ chẳng biết chữ, chưa từng đi học, nhưng có thể tụng kinh, hễ đổi sang sách khác họ sẽ không đọc được. Đó là “có cảm ứng”. Do vậy, nếu chúng ta thường đọc kinh, thường xem chú giải, xem dăm ba năm, quý vị sẽ tự nhiên thông đạt, chẳng thấy khó khăn gì nữa! Trong ấy có cảm ứng, chính quý vị đừng sợ, phải có tín tâm!

In kinh cũng là một mắt xích trọng yếu trong hoàng pháp. Hiện thời có thể nói là chúng ta có quan hệ rất mật thiết với Phật giáo quốc tế. Những kinh điển của chúng ta in, chẳng phải chỉ giảng ở Đài Loan mà chúng tôi còn giảng ở ngoại quốc, công đức ấy càng lớn hơn. Chúng tôi không chỉ in sách cho người ta xem, mà còn giảng những thứ đã in, đồng thời còn nhờ vào những phương tiện khoa học hiện thời, mỗi lần chúng tôi giảng đều thu âm lưu lại, cũng có băng thu hình, những thứ này cũng được lưu thông rộng rãi. Người ta lấy sách còn có thể lấy thêm băng thu âm, giống như đến nghe trong giảng đường vậy. Do vậy, nay chúng tôi giảng kinh ở chỗ này, thính chúng tuyệt đối không chỉ là ngàn này người đang ngồi ở nơi đây. Vì sao? Băng thu âm của chúng tôi lưu thông trong ngoài nước, bản kinh này cũng được lưu thông trong ngoài nước, không biết có bao nhiêu người đọc, bao nhiêu người nghe? Điều này cũng khích lệ chúng ta phải phát tâm hoàng pháp.

Tự mình đọc tụng, y giáo phụng hành, có thể ảnh hưởng tới người khác, đó là hoằng pháp. Chính mình phát tâm giảng kinh là hoằng pháp, giống như Liên Trì đại sư phát tâm soạn chú giải, dùng văn tự để lưu thông, đây cũng là hoằng pháp. Hiện thời lại còn có nhiều hình thức hơn, quý vị phát tâm thâm hình, thâm âm, lưu thông băng thâm hình và băng thâm âm, đó cũng là hoằng pháp. Do vậy, phương pháp hoằng pháp hết sức nhiều! Quý vị giới thiệu thân thích, bằng hữu nghe kinh, giới thiệu kinh cho họ đọc, [những chuyện đó] đều là hoằng pháp. Đây là nói “*hoằng pháp vi tiên*” (hoằng pháp đứng đầu). Trong kinh Kim Cang đã so sánh công đức, nói: Pháp Bố Thí là cao nhất, dùng bảy báu đầy ấp đại thiên thế giới để bố thí, vẫn chẳng bằng công đức diễn nói cho người khác nghe bốn câu kệ trong kinh điển. Điều này có cùng một ý nghĩa với lời Liên Trì đại sư đã nói ở đây: “*Kiểm lợi chi đạo, hoằng pháp vi tiên*” (đạo làm lợi cho người khác thì hoằng pháp đứng đầu).

“*Thử kinh chú sớ, kim đa môn một*” (chú thích, sớ giải của kinh này nay phần nhiều đã thất lạc): Từ xưa đến nay có nhiều bản chú giải bị thất lạc, có rất nhiều bản tàn khuyết không trọn vẹn. Tuy có một vài bản hoàn chỉnh, nhưng văn tự giản lược, ý nghĩa quá sâu, chẳng thuận tiện cho kẻ sơ học, chẳng có cách nào khơi gợi, phát khởi lòng tin của người ta được. Dựa trên lý do này, Liên Trì đại sư cảm thấy chẳng thể không viết Sớ Sao. Do vậy, những lời nói trong đoạn tiếp theo đó [của lời Tựa] đặc biệt chỉ ra công đức chẳng thể nghĩ bàn của bộ kinh này. “*Hoằng công*” là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Bất khả tư nghị, bất xuất y chánh nhân quả.

(演) 不可思議，不出依正因果。

(Diễn): “*Chẳng thể nghĩ bàn*” chẳng ra ngoài y báo, chánh báo và nhân quả).

“Y” (依) là y báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là hoàn cảnh. Chánh báo là thân thể quý vị sẽ có khi đến nơi ấy, liên hoa hóa sanh! Chẳng giống như trong thế giới này, thân thể này là cái thân xác thịt do cha mẹ sanh ra. Nhục thân này có sanh, lão, bệnh, tử, thân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, không có sanh, lão, bệnh, tử, không có những nỗi khổ ấy, sự thù thắng nơi hoàn cảnh y báo càng chẳng cần phải nói nữa! Quý vị có thể đọc kinh Hoa Nghiêm. Cổ nhân nói: “*Chẳng đọc kinh Hoa Nghiêm, chẳng biết sự phú quý trong*

nhà Phật”. Sự phú quý của người học Phật, các thứ trang nghiêm như trong kinh Hoa Nghiêm đã diễn tả chính là sự trang nghiêm nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp theo đó, sách nói rõ về y báo, chánh báo và nhân quả.

(Diễn) Y tắc Đồng Cư tức Tịch Quang.

(演) 依則同居即寂光。

(Diễn: Y báo thì cõi Đồng Cư chính là cõi Tịch Quang).

Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta vãng sanh, năng lực của chúng ta chỉ có thể sanh vào cõi Đồng Cư, tức là đời nghiệp vãng sanh. Chúng ta chỉ có bản lãnh này. Trong đời này, sợ rằng chúng ta không thể niệm đạt đến mức Lý nhất tâm hay Sự nhất tâm, những người làm được như vậy vô cùng ít, đó chẳng phải là chuyện kẻ tầm thường có thể làm được. Niệm đến mức công phu thành phiền, đời nghiệp vãng sanh, ai cũng có phần, đây chính là như Vĩnh Minh đại sư đã nói: “*Vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai! Thế nhưng chỗ chẳng thể nghĩ bàn là cõi Đồng Cư chính là cõi Thường Tịch Quang, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Cõi Thường Tịch Quang là cõi Tịnh Độ cao nhất, thù thắng nhất. Lý nhất tâm bất loạn Thượng Phẩm Thượng Sanh mới sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ; nhưng nơi này rất đặc biệt, đời nghiệp vãng sanh Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Đồng Cư sẽ hưởng thụ hoàn cảnh y báo hết như cõi Thường Tịch Quang. Kiểm khắp Đại Tạng Kinh, quý vị cũng không tìm thấy cách nói như thế ấy [khi giảng về các cõi Phật khác], chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật là có loại Tịnh Độ này. Mười phương đều có các thế giới của chư Phật, nhưng chẳng khuyên quý vị vãng sanh các cõi Phật ấy, mà cứ khẳng khẳng khuyên quý vị vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ là do điều tốt lành này. Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật tuyệt đối chẳng gạt gẫm chúng ta.

(Diễn) Chánh tắc Ứng Hóa tức Pháp Thân.

(演) 正則應化即法身。

(Diễn: Chánh báo thì Ứng Thân và Hóa Thân chính là Pháp Thân).

Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc đều ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Các Ngài có Hóa Thân và Ứng Thân. Ứng Thân và Hóa Thân cũng là Pháp Thân [lưu lộ ra], do vậy nói “*nhất Thế tam thân*”, chẳng thể nghĩ bàn! Y báo chẳng thể nghĩ bàn, chánh báo chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Bồ Tát là như thế, bản thân chúng ta sanh về nơi ấy cũng giống như thế, mẫu nhiệm là mẫu nhiệm ở chỗ này! Chúng ta tu các pháp môn khác, chứng Pháp Thân chẳng dễ dàng, vì sao? Dựa trên các pháp môn theo đường lối thông thường để nói, nhất định phải phá vô minh mới thấy một phen Pháp Thân. Quý vị chẳng phá vô minh, không có cách nào chứng đắc Pháp Thân! Trước khi phá vô minh, nhất định phải đoạn Kiến Tư phiền não và đoạn Trần Sa phiền não. Sau đây mới có năng lực phá vô minh, đây cũng chẳng phải là chuyện chúng sanh trong thời đại này dễ dàng thực hiện được! Trong ngàn vạn người, khó có được một người! Cũng có khi tìm chẳng được một người nào, quá ư là khó! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần đến được nơi đó liền chứng Pháp Thân, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Nhân tác thất nhật tiện đắc công thành.

(演) 因則七日便得功成。

(Diễn: Nhân thì bảy ngày liền được thành công).

Tu pháp môn này, phải tu bao lâu? Trong kinh, đức Phật thường nói: Phạm phu từ sơ học cho đến khi thành Phật phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Thành vị Phật gì vậy? Thành Tạng Giáo Phật! [Quả vị] Phật có Tạng, Thông, Biệt, Viên. Vị Phật do ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu thành là Tạng Giáo Phật. Hết thấy các kinh Tiểu Thừa đã nói như vậy. Viên Giáo Phật như kinh Hoa Nghiêm đã nói thì phải mất vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới tu thành, nhưng trong Tây Phương Tịnh Độ chỉ có bảy ngày. Bảy ngày bèn thành công! Trong pháp môn Niệm Phật, đả Phật Thất chính là [làm theo lời] kinh dạy: “*Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật*” (hoặc một ngày, hoặc hai ngày) cho đến “*nhược thất nhật*” (hoặc bảy ngày). Bảy ngày thành công mang ý nghĩa “*án định thời hạn để mong chứng đắc*”.

Cũng có các vị chẳng tin tưởng! Quý vị cũng đả Phật Thất không ít lần; kết quả chỉ sợ là sau khi đả Phật Thất, phiền não càng nhiều hơn, nghiệp chướng tập khí càng nặng hơn, ngay cả tin tức cũng chẳng có. Do

vậy, quý vị chẳng tin tưởng. Vì sao bảy ngày chẳng đạt hiệu quả? Thừa cùng quý vị, do quý vị niệm Phật chẳng đúng cách, nên quý vị niệm mà chẳng đạt hiệu quả, chẳng thể thành công! Nếu thật sự là một đạo tràng đúng pháp, treo chiêu bài đả Phật Thát “*bảy ngày liền vãng sanh*”, tôi tin là quý vị cũng tuyệt đối chẳng đến tham dự! Đến nơi ấy, tu bảy ngày xong phải chết mất rồi, làm sao có thể đến được? Chẳng thể đến được! Đủ thấy quý vị đả Phật Thát là “miệng có, tâm không”, về căn bản chẳng mong vãng sanh! Lòng tin chẳng thật, nguyện chẳng thiết tha, niệm cũng chẳng đúng pháp, làm sao có thể thành công? Nếu ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh của pháp môn này đều đúng pháp, bảy ngày sẽ thành công. Không riêng gì tổ sư Tịnh Độ Tông nói như thế, mà những vị đại đức trong các tông phái khác cũng nói như vậy. Chúng ta đọc cuốn Di Đà Kinh Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư, Ngài thuộc Pháp Tướng Tông, trong lời tựa của bản chú giải ấy, Ngài tán thán pháp môn này đến cùng cực, nhận định pháp môn này là “*chí viên, chí đốn*” và cũng tán thán kinh này: “*Bảy ngày thành công, không có pháp môn nào nhanh chóng hơn!*”

Nếu chúng ta hỏi: Trong bảy ngày có thể thành công, vậy thì trong quá khứ có ai làm được hay chẳng? Quý vị đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, [sẽ thấy] thật sự có! Trong tâm chúng ta mong tưởng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhưng chẳng mong đi ngay trong hiện tại. Nếu A Di Đà Phật hiện đến, chúng ta sẽ kéo nài, mặc cả với A Di Đà Phật: “Con còn phải sống mấy năm nữa, đợi khi con sống đủ tuổi thọ rồi sẽ đi”. Tâm ấy chẳng chân thành. Phật Thát hiện thời chỉ là thừa dịp bồi dưỡng tập quán niệm Phật, trừ điều này ra, thứ gì cũng chẳng thể đạt được!

Trong quá khứ tôi ở Đài Trung, thầy Lý bảo tôi: Thật sự đả Phật Thát thì số người [tham dự] nhất định chẳng thể vượt quá mười người. Hơn mười người, Chủ Thát Sư chẳng đủ tinh thần để chiếu cố trọn hết. Giống như thầy giáo dạy học sinh trong nhà trường, lớp ít học sinh, chỉ có từ mười mấy em đến hai mươi em, thầy có thể dốc trọn tinh thần vào từng em học sinh, đương nhiên học vấn của những học sinh ấy sẽ tốt đẹp. Nếu học sinh trong lớp là sáu chục, bảy chục, tám chục em, thầy đâu có đủ tinh thần! Chấm bài tập, quẹt một cái là xong, vì sao? Không có thời gian đọc! Do vậy, hiện thời rất nhiều học sinh trong trường làm bài tập, thầy chưa hề sửa lỗi. Chẳng giống như chúng tôi thuở trước! Thuở xưa, khi chúng tôi đi học, nói tới bài tập làm văn, thầy không chỉ sửa lỗi mà còn đến trước mặt chúng tôi chỉ dạy, giảng giải từng câu: Vì

sao thầy phải sửa theo cách như vậy? Giảng cho chúng tôi nghe. Vì sao? Học trò ít! Chỉ có mười mấy đứa, thầy có thời gian. Năm sáu chục đứa học trò thì thầy không có cách nào hết! Do vậy, Phật Thích chẳng thể hơn mười người, đó gọi là thật sự dụng công tu đạo.

Đồng thời, tôi cảm thấy nếu đã Phật Thích thì tốt nhất là trước hết phải nghiên cứu thảo luận kinh Di Đà kỹ càng một phen, giống như giảng giải tỉ mỉ sách Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa một lượt. Giảng xong chúng ta mới cử hành Phật Thích, hoặc mở liên tiếp bảy Phật Thích. Lý luận, phương pháp và cảnh giới đều hiểu rõ, nay chúng ta thực hành, chúng ta thực hiện. Phật Thích giống như đi thi, không học mà bắt đi thi thì thi cái gì? Đương nhiên lãnh zéro. Do vậy, trước hết nhất định phải giảng kinh, rồi mới tổ chức Phật Thích. Cách này khá đúng pháp, bảy ngày liền thành công, đó là nói về Nhân.

(Diễn) Quả tặc nhất sanh tiện tức Bất Thoái.

(演) 果則一生便即不退。

(Diễn: Quả thì hễ vãng sanh liền Bất Thoái).

Điều này cũng chẳng thể nghĩ bàn! Kinh nói: Vãng sanh liền viên chứng ba thứ Bất Thoái, tức Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Nếu chiếu theo đường lối thông thường để luận định thì Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn mới là Vị Bất Thoái, tuyệt đối chẳng đọa trong tam ác đạo, bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian mới chứng quả A La Hán, đó là Vị Bất Thoái. Hạnh Bất Thoái công phu càng cao hơn nữa, phải chứng từ A La Hán trở lên mới là Hạnh Bất Thoái. Đủ thấy đức Tu Đà Hoàn thì Vị Bất Thoái, nhưng Hạnh có thể lui sụt, mà Niệm cũng có thể thoái chuyển. Còn như A La Hán là Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái, nhưng Niệm có thể thoái chuyển. Mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cũng như Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo mới thật sự là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, ba thứ chẳng thoái chuyển. Tuy chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chẳng viên mãn, chưa phải là viên chứng (chứng đắc viên mãn). Ai viên chứng ba thứ Bất Thoái? Thấp nhất cũng phải là Thập Địa tức Pháp Vân Địa Bồ Tát hay Đẳng Giác Bồ Tát thì mới kể là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thôi, hễ vãng sanh thì dầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, người ấy cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái. Ở đây có nghĩa là: Quý vị đến nơi ấy, dầu là phàm phu

trong loài người, mang thân phận trời người, nhưng bằng với Đẳng Giác Bồ Tát, bằng với Thập Địa Bồ Tát, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Tuần sau là Đại Chuyên Giảng Tòa, chúng tôi sẽ giảng Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm và Di Đà Kinh Đại Ý, tôi sẽ giảng tường tận cho quý vị ba thứ Bất Thoái và cảnh giới trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, quý vị mới biết pháp môn này chẳng thể không tu. Hết thấy các kinh chúng ta đều có thể cột lại, cất trên gác cao, bỏ qua một bên, nhưng bộ kinh và bản chú giải này chẳng thể không đọc. Do vậy, chúng ta lưu thông bộ kinh điển này có vô lượng vô biên công đức.

(Diễn) Hà khả tư nghị?

(演) 何可思議。

(Diễn: Sao có thể nghĩ bàn được?)

“*Hà khả tư nghị*”: Chẳng thể nghĩ bàn được! Bốn chuyện sau đây đều chẳng thể nghĩ bàn: Y báo chẳng thể nghĩ bàn, chánh báo chẳng thể nghĩ bàn, nhân chẳng thể nghĩ bàn, quả chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn tương ứng với tựa đề gốc của kinh này, đó là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

“*Bất tri thử kinh cụ hữu như thị công đức*” (Chẳng biết kinh này trọn đủ công đức như thế), nói thật ra, người không biết quá nhiều, thật là đáng tiếc! Pháp môn thù thắng như thế ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. “*Nghi nhi bất tín*” (nghĩ ngờ chẳng tin): Hiện thời tuy Phật giáo rất phổ biến, bao nhiêu người học Thiên? Bao nhiêu người học Mật? Những tệ trạng trong Thiên chẳng ít, trong Mật lại càng nhiều hơn! So ra, Mật còn có lắm tệ trạng hơn Thiên. Vì sao? Có nhiều thứ giả vờ là Mật, yêu ma, quỷ quái, hoàn toàn dùng phù chú, thần thông để lừa gạt người ta ở khắp mọi nơi. Những người bị lường gạt quá nhiều! Họ chẳng tin tưởng pháp môn Niệm Phật mà tin vào những thứ ấy.

“*Tín diệc bất chân*” (lòng tin cũng chẳng thật): Đây là nói về tu pháp môn Tịnh Độ. Tại Đài Loan, pháp môn Tịnh Độ rất thịnh hành, rất nhiều nơi thường xuyên đả Phật Thát, đương nhiên họ tin [pháp môn] này; nếu chẳng tin, sẽ không thể tham gia Phật Thát, nhưng tin như thế nào? Không chân thật! Do vậy, chẳng đạt được hiệu quả. Lòng tin cũng không chân thật, vì sao không chân thật? Chưa thấu triệt lý luận, chẳng thật sự hiểu rõ công đức lợi ích của pháp môn này. Do vậy, “*Sớ Sao chi*

tác bất dung dĩ dã” (chẳng đặng đừng phải viết Sớ Sao), Liên Trì đại sư nói Ngài chẳng thể không viết bản chú giải này, đó là chuyện tất yếu phải làm. Mục đích soạn bộ Sớ Sao này là làm cho người ta sanh khởi lòng tin, đoạn nghi sanh tín, tăng trưởng tín tâm đối với pháp môn Niệm Phật, giúp họ thành tựu trong một đời. Đây là mục đích viết Sớ Sao của lão nhân gia, chính là vì tự lợi, lợi tha.

(Sớ) Phu kiến giả.

(疏) 膚見者。

(Sớ: Kiến giải hời hợt).

“Phu kiến” (kiến giải ngoài da) là thiên kiến (kiến giải nông cạn), đây là cách nói khiêm hư [của Liên Trì đại sư].

(Sớ) Cơ phu tại biểu, sở nhập bất thâm, dụ thiên kiến dã.

(疏) 肌膚在表，所入不深，喻淺見也。

(Sớ: Da thịt ở bên ngoài, sở nhập chẳng sâu, [dùng hình ảnh này] để sánh ví kiến giải nông cạn).

Tỷ dụ thiên kiến.

(Sớ) Thiên kiến hê năng trắc Phật thâm nghĩa.

(疏) 淺見奚能測佛深義。

(Sớ: Kiến giải nông cạn thì làm sao có thể suy lường nghĩa lý sâu xa của Phật?)

Đã là thiên kiến, mà ý nghĩa của kinh này lại quá sâu, quá áo diệu, làm sao có thể biết được? “Trắc” (測) là suy lường. Tuy chẳng thể hiểu rõ nghĩa thú rất sâu của bộ kinh này, nhưng mà như thế nào?

(Sớ) Nhi dĩ cứu thế tâm ân, đốn vong kỳ lậu dã.

(疏) 而以救世心殷，頓忘其陋也。

(Sớ: Nhưng do tâm cứu đời tha thiết, nhanh chóng quên mất chính mình thô hèn).

Đây là đại sư nói khiêm hư: Tuy chính mình kiến giải chẳng sâu, chẳng thấy tường tận, trọn vẹn, nhưng tâm lợi người rất thiết tha, cho nên cũng quên phứt những khuyết điểm của chính mình. Ý nghĩa là như vậy đó!

(Diễn) *Cơ phu tại biểu, sở nhập bất thâm giả, Sơ Tổ dục phản Thiên Trúc, mạng môn nhân viết: “Nhữ đẳng tận ngôn sở đắc”.*

(演) 肌膚在表，所入不深者。初祖欲返天竺，命門人曰，汝等盡言所得。

(Diễn): “Da thịt ở bên ngoài, sở nhập chẳng thâm”: Sơ Tổ (Bồ Đề Đạt Ma) sắp quay về Thiên Trúc, bảo các môn nhân: “Các ông hãy nói hết những gì mình đã đạt được”.

Đây là một công án. “Công án” (公案) là một danh từ trong Phật học, nói theo cách bây giờ thì là “cố sự” (故事: câu chuyện cũ), tức chuyện trong quá khứ, nhưng chuyện này là chuyện thật sự xảy ra. “Sơ Tổ” là Đạt Ma Tổ Sư, tức Sơ Tổ của Thiền Tông. Khi Ngài sắp trở về, bảo các đệ tử: “Các ông thân cận ta đã nhiều năm dường ấy, chính mình hãy nói xem rốt ráo các ông đã đạt được những gì?”

(Diễn) *Đạo Phó đối viết.*

(演) 道付對曰。

(Diễn): *Đạo Phó thưa.*

Đạo Phó là tên một môn đệ của Tổ Sư.

(Diễn) *“Như ngã sở kiến, bất chấp văn tự, bất ly văn tự, nhi vi đạo dụng”.*

(演) 如我所見，不執文字，不離文字，而為道用。

(Diễn): “Như con thấy thì chẳng chấp vào văn tự, chẳng lìa văn tự là tác dụng của đạo”.

Đây là tâm đắc, là kiến giải của Ngài. Theo thầy đã nhiều năm như thế, Ngài thấu hiểu một điều “tức văn tự, ly văn tự” [nghĩa là] chẳng

chấp trước văn tự chính là lia tướng văn tự. “*Bất ly văn tự*” chính là dùng văn tự, chẳng bỏ lia văn tự.

Văn tự là kinh điển. Kinh điển có cần thiết hay không? Cần chứ! Hằng ngày đọc kinh điển, nhưng hằng ngày chẳng chấp trước kinh điển. Điều này chẳng dễ dàng! Nhưng Tổ Sư nói như thế nào? Khá lắm! Ông có tâm đắc đây!

(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngã bì”.

(演) 祖曰：汝得我皮。

(Diễn: Tổ nói: “Ông được phần da của ta”).

Ông chỉ hiểu được một chút bên ngoài, ở ngoài da.

(Diễn) Ni Tổng Trì viết:

(演) 尼總持曰。

(Diễn: Ni sư Tổng Trì nói).

“Ni” là tỳ-kheo-ni, pháp danh là Tổng Trì.

(Diễn) “Ngã kim sở giải, như Khánh Hỷ kiến A Súc Phật quốc, nhất kiến cánh bất tái kiến”.

(演) 我今所解，如慶喜見阿閼佛國，一見更不再見。

(Diễn: Sự hiểu biết của con hiện nay giống như ngài A Nan thấy cõi nước của A Súc Phật, đã thấy rồi thì chẳng còn thấy nữa).

Khánh Hỷ là tôn giả A Nan. Tâm đắc của vị tỳ-kheo-ni này còn mạnh hơn ngài Đạo Phó một chút, bà ta nêu tỉ dụ: [Trong Duy Ma Cật Sớ Thuyết Kinh], tôn giả A Nan nương vào sức thần thông của Thích Ca Mâu Ni Phật thấy được cõi nước của A Súc Phật ở phương Đông. “*Nhất kiến cánh bất tái kiến*”, quý vị phải hiểu, “*nhất kiến*” là thấy bằng tánh Thấy, “*tái kiến*” là thấy bằng Nhãn Thức. Cảnh giới này cao hơn cảnh giới trước (cảnh giới của ngài Đạo Phó). Trong cảnh giới trước, thụ dụng chưa chân thật, cảnh giới này là thụ dụng chân thật.

(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngã nhục”.

(演) 祖曰：汝得我肉。

(Diễn: Tổ nói: “Bà được phần thịt của ta”).

Tỷ dụ sâu hơn một tầng nữa, nhưng hai thứ này đều gọi là “cơ phu” (da dẻ). Thấy và nhập chưa sâu!

(Diễn) Đạo Dục viết: “Tứ Đại bốn không, Ngũ Âm phi hữu, nhi ngũ kiến xứ, vô nhất pháp khả đắc”.

(演) 道育曰：四大本空，五陰非有，而我見處，無一法可得。

(Diễn: Đạo Dục nói: “Tứ Đại vốn là Không, Ngũ Âm chẳng có, nhưng theo chỗ con thấy, không có pháp nào để có thể đạt được”).

Quý vị hãy suy nghĩ, cảnh giới này giống như là Tâm Kinh đã nói: Đã có trí huệ kha khá, “chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không”. Lại giống như Lục Tổ đã nói: “Bốn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai” (Vốn chẳng có một vật, nào sợ nhuộm bụi trần).

(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngô cốt”.

(演) 祖曰：汝得吾骨。

(Diễn: Tổ nói: “Ông được phần xương của ta”).

Xương ở bên trong. Vị này đã đụng đến xương, hình dung kiến giải đã sâu, thấu hiểu rất sâu.

(Diễn) Tối hậu, Huệ Khả lễ bái.

(演) 最後慧可禮拜。

(Diễn: Cuối cùng, Huệ Khả lễ bái).

Huệ Khả là truyền pháp Nhị Tổ, chặt tay cầu pháp, Ngài nói như thế nào?

(Diễn) Y vị nhi lập.

(演) 依位而立。

(Diễn: Đứng yên tại chỗ).

Ngài Huệ Khả chẳng nói câu nào. Hỏi Ngài, Ngài lay xong, vẫn đứng tại chỗ, chẳng nói câu nào.

(Diễn) Tổ viết: “Nhữ đắc ngã tủy”.

(演) 祖曰：汝得我髓。

(Diễn: Tổ nói: “Ông được phần tủy của ta”).

Truyền địa vị Tổ Sư cho Ngài (Huệ Khả). Ngài không nói một câu nào, càng cao hơn những người trước đó. Sự thấu hiểu của Ngài triệt để nhất, viên mãn nhất. Vì sao? Thật sự đạt được tâm thanh tịnh, chẳng sanh mây niệm. Những vị trước đó còn khởi một niệm, nhưng Ngài thì một niệm chẳng sanh. Bát Nhã thật sự là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xư diệt”. “Khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai” (mở miệng liền trật, dấy niệm liền sai). Ngài chẳng mở miệng, chẳng động niệm, Đạt Ma Tổ Sư ấn chứng cho Ngài, Ngài đã đạt được tinh tủy của Phật pháp. Do vậy, truyền địa vị Tổ Sư cho Ngài.

(Diễn) Kim ngôn phu giả, vị sở kiến thậm thiển dã.

(演) 今言膚者，謂所見甚淺也。

(Diễn: Nay nói đến “da”, hàm ý: Sở kiến quá nông cạn).

Liên Trì đại sư dùng tỷ dụ này, chính mình khiêm hư, nói kiến giải của chính mình rất nông cạn. Chúng ta đọc Sớ Sao, rốt cuộc kiến giải của Liên Trì đại sư có nông cạn hay không? Nếu kiến giải của Ngài nông cạn thì chúng ta hồ thẹn quá. Ngài còn có thể hiểu đến phân “da thịt”, nhưng chúng ta còn chưa mò tới ngoài rìa! Điều này thật đáng răn dè! Sự khiêm hư cung kính của đại sư cũng đáng cho chúng ta học tập.

Đạo nghiệp chẳng thể thành tựu, mấu chốt là do sự thừa; hy vọng các đồng tu đặc biệt chú ý điều này! Từ xưa đến nay, không có sự thừa mà có thể thành tựu, chắc chắn chẳng thể nào được! Sự thừa chắc chắn chẳng thể miễn cưỡng, đó là duyên phận. Chúng ta cầu học có thể thành tựu hay không, nhất định phải hỏi chính mình: Tâm ta đối với thầy được mấy phần cung kính? Ấn Quang đại sư dạy chúng ta: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích”.

Chúng ta vừa mới nói đến một đoạn công án trong sách Diễn Nghĩa, bốn người sở đắc bất đồng, chắc chắn chẳng phải do Đạt Ma Tổ Sư giáo hóa khác nhau, chẳng bình đẳng, mà là do bốn người đối với thầy có tâm cung kính khác nhau! Một phần cung kính được một phần lợi ích, hai phần cung kính được hai phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích. Do vậy, chúng ta tìm thầy ở nơi đâu? Tìm người nào? Tìm người nào trong tâm quý vị cung kính nhất, kính ngưỡng nhất, quý vị đến bái người đó làm thầy, sẽ có thâm hoạch viên mãn. Nếu đối với thầy chẳng cung kính, dù học văn và đạo đức của vị thầy ấy tốt đẹp đến đâu đi nữa, quý vị theo vị ấy học suốt đời cũng chẳng đạt được gì!

Trong tương lai quý vị có thành tựu, muốn ra ngoài hoàng pháp lợi sanh. Ví như Lục Tổ, học trò của Lục Tổ đại sư sau khi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài, Ngài thường bảo họ ra ngoài hoàng hóa một phương, đến nơi đâu vậy? Đến địa phương nào mới là đạo tràng để người ấy hoàng hóa? Nói cách khác, chỗ nào có duyên với người ấy? Phải coi người ở nơi ấy có mấy phần cung kính đối với người ấy; giả sử có hai nơi, một nơi cũng rất cung kính, nơi kia cung kính hơn một chút, phàm là chúng sanh đối với người ấy có tâm cung kính thật sự, có tâm cung kính mười phần, nhân duyên của người ấy quyết định là ở nơi đó. Người ấy chẳng có tâm phân biệt. Đây tức là nói: Đạo là do cung kính mà có, tuyệt đối chẳng phải là thầy mong người khác cung kính mình, [nếu hiểu là thầy mong ta cung kính] thì sai mất rồi! Cung kính gì vậy? Cung kính tự tánh của thầy. Do cung kính là Tánh Đức, nó là lương tri lương năng trong bản tánh của quý vị, gặp duyên bên ngoài sẽ dễ phát khởi, Phật pháp gọi nó là “*công đức xứng tánh*”. Đạo lý là như vậy đó!

Lúc mới học bèn chọn lựa thầy, sau khi thành tựu phải chọn lựa đạo tràng, đều kiến lập trên cái tâm cung kính. Chính quý vị đã thành tựu rồi, nhưng lòng cung kính đối với hết thầy chúng sanh nhất định là bình đẳng. Chỉ có chúng sanh chẳng cung kính Phật, Bồ Tát, chứ không có vị Phật, Bồ Tát nào chẳng cung kính chúng sanh. Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh bình đẳng, chúng sanh đối với Phật, Bồ Tát chẳng bình đẳng. Do vậy, họ mới là chúng sanh, vì chúng sanh dùng cái tâm phân biệt, Phật, Bồ Tát dùng cái tâm bình đẳng; họ dùng cái tâm khác nhau. Vì thế, chúng sanh ở nơi nào kiên thành cung kính như vậy thì họ tương ứng với Tánh Đức của cái tâm bình đẳng, đã tương ứng thì đương nhiên phải giúp đỡ họ trước, khiến cho họ được thành thực sớm hơn một chút. Đây là điều chúng ta cần phải biết khi mới học và khi hoàng hóa trong tương

lai. Từ xưa đến nay, những vị đại thiện tri thức không có vị nào chẳng như vậy. Đức Phật giáng sanh trong thế gian này cũng phải chọn lựa nơi chốn, vì sao? Chọn nhằm nơi nào đó, người ta chẳng tin tưởng và cung kính Ngài, Ngài giáng thế nơi đó vô ích, chẳng khởi tác dụng. Chọn lựa một nơi nào tôn sư trọng đạo, thật sự có lòng chí thành cung kính đối với sư đạo để thị hiện thì mới có thể khởi tác dụng, thật sự có thể hóa độ chúng sanh.

(Sớ) Tâm tư giả, tâm chi quan tắc tư.

(疏) 心思想, 心之官則思。

(Sớ: “Tâm tư”: Công năng của tâm là suy nghĩ).

Giải thích chữ “tâm tư” trong câu “kiệt tận tâm tư” [trong lời Tựa] ở phần trước, trọn hết năng lực tư duy của chính mình, toàn bộ những gì chúng ta có thể suy tưởng được đều dâng hiến, nhất định chẳng giữ lại điều nào. Nói cách khác, đối với bộ kinh này, những ý nghĩa mà Ngài (Liên Trì đại sư) đã liễu giải, đã thấu hiểu đều giải bày trọn vẹn, chẳng giấu diếm mảy may nào, mà là dâng hiến toàn bộ. Đoạn tiếp theo này nhằm giải thích tâm tư là “tâm chi quan tắc tư”. Chữ “tâm” này không phải là quả tim của chúng ta, tim không có công năng tư duy. Hiện thời chúng ta thường nói tư duy bằng não, thật ra, chẳng phải là não! Nếu não có thể tư duy thì người vừa mới chết, não còn chưa hư, sao không tư duy? Nếu nó có thể suy nghĩ thì chẳng gọi người ấy là người chết. Do vậy, chẳng phải là não tư duy. Chữ Tâm ở đây chỉ tám thức, tám thức đều có công năng tư duy, A Lại Da, Mạt Na, thức thứ sáu, năm thức trước. Tiếp theo đây, Ngài nêu một thí dụ.

(Sớ) Nghiêu Thuần chi thánh, thượng kiệt tâm tư, ngã hà nhân tư, dung khả hốt dã.

(疏) 堯舜之聖, 尚竭心思, 我何人斯, 庸可忽也。

(Sớ: Nghiêu Thuần là thánh nhân mà còn phải dốc cạn tâm tư, tôi là hạng người như thế nào mà dám dễ dãi [chẳng suy nghĩ cẩn kẽ]).

Vua Nghiêu, vua Thuần là thánh vương khai quốc trước nhất của dân tộc Trung Hoa, là những đại thánh nhân, các Ngài còn phải dốc sạch tâm tư tạo phước cho trăm họ. Thánh nhân mà còn như thế, chúng ta là

phàm phu, là hạng người tầm thường, làm sao chẳng thể dụng tâm? Câu này có ý nghĩa như vậy đó!

(Diễn) *Nghiêu Thuấn thượng kiệt tâm tư giả, Thư vân.*

(演) 堯舜尚竭心思想者，書云。

(Diễn: “Nghiêu, Thuấn còn phải dốc cạn tâm tư”: Kinh Thư chép).

“Thư” là kinh Thư trong Ngũ Kinh, tức là sách Thượng Thư.

(Diễn) *Nghiêu Thuấn chi đạo, bất dĩ nhân chánh, bất năng bình trị thiên hạ.*

(演) 堯舜之道，不以仁政，不能平治天下。

(Diễn: Đạo của Nghiêu Thuấn là nếu chẳng cai trị bằng lòng nhân sẽ chẳng thể bình trị thiên hạ).

“Đạo” là căn cứ lý luận, là phương pháp và chánh sách để cai trị quốc gia của họ. “Nhân chánh”: “Nhân” (仁) là suy từ mình mà nghĩ đến người, luôn luôn nghĩ thay cho trăm họ, đó là “nhân chánh” (cai trị bằng lòng nhân). Như thường nói “thôi kỷ cập nhân” (suy từ mình mà nghĩ đến người), “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (điều gì chính mình chẳng muốn, đừng áp đặt lên người khác), đó là thực hành “nhân chánh”. Sách Tả Truyện⁴⁷ viết: “Quốc chi tương hưng, thính ư dân” (đất nước sẽ hưng thịnh nếu [nhà cầm quyền] nghe theo ý dân), nghe theo ý kiến của dân chúng, quốc gia sẽ cường thịnh, sẽ hưng vượng. “Quốc chi tương vong, thính ư thần” (Nước nhà sẽ mất nếu nghe theo lệnh thần), chuyện gì cũng nghe theo lệnh thần thánh, quốc gia ấy chắc chắn diệt vong!

Chư vị đồng tu phải nhớ: Chúng ta hiện thời có nhiều người chẳng nghe theo lời của con người, mà nghe theo lời thần thánh, chuyện gì

⁴⁷ Tả Truyện (tên gọi đầy đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện), còn gọi là Tả Thị Xuân Thu, vốn là một bộ biên niên sử cổ của Trung Quốc nhằm chú giải kinh Xuân Thu do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung sách lấy kinh Xuân Thu (do Không Tử san định làm gốc), thu thập các sự kiện từ các bộ sử khác như Châu Chí, Tấn Thừa, Trịnh Thư, Sở Ngột, chủ yếu ghi chép những sự kiện lịch sử trong thời Xuân Thu.

cũng phải van vái, thậm chí đoán mạng, xem tướng, coi Phong Thủy, luôn nghe theo những thứ ấy. Nếu một gia đình nghe theo những thứ đó, nhà ấy nhất định sẽ suy sụp nhanh chóng. Nếu mình quý vị nghe theo những thứ đó, cá nhân quý vị chẳng có tương lai. Vì sao? Toàn bộ vận mạng của quý vị bị quỷ thần khống chế, bị họ xếp đặt, tự mình chẳng thể làm chủ được! Nếu quý vị muốn bản thân phát đạt, gia đình hưng vượng thì chính mình phải làm chủ tể. Một nhà hưng vượng thì phải nghe theo ý kiến của người trong gia đình, gia đình ấy mới có thể hòa thuận. Một đoàn thể hưng vượng, phải tôn trọng ý kiến của đại chúng trong đoàn thể thì đoàn thể sẽ hưng vượng. Nghe theo lời thần, để thần xếp đặt, chắc chắn sẽ hỏng việc, đây là lời dạy của cổ thánh tiên hiền.

“*Nhân chánh*” thì phải nghe dân, tức là nghe ý kiến của bá tánh, chuyện gì cũng đều phải trao đổi với dân chúng. Do vậy, “*bất dĩ nhân chánh, bất năng bình trị thiên hạ*” (chẳng cai trị dân bằng lòng nhân, chẳng thể bình trị thiên hạ). “*Bình*” (平) là công bằng, “*trị*” (治) là cai trị. [Bình trị là] cai trị thiên hạ công bằng, hợp tình, hợp lý, đúng cách, nay chúng ta gọi là “*nhân quyền*”. Quý vị phải hiểu: Từ xưa đến nay, những vị cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc đều tôn trọng quyền lợi của dân. Trong số các hoàng đế của lịch sử Trung Quốc, nói thật ra những kẻ chuyên chế không có mấy người, tuyệt đại đa số là tôn trọng dân quyền, những người nghiên cứu chế độ chánh trị của Trung Quốc đều biết điều này.

(*Diễn*) *Hựu viết: Ký kiệt tâm tư yên, kế chi dĩ bất nhẫn nhân chi chánh, nhi nhân phú thiên hạ hĩ.*

(*演*) 又曰：既竭心思焉，繼之以不忍人之政，而仁覆天下矣。

(*Diễn*: *Lại còn chép: “Đã dốc cạn tâm tư, lại còn cai trị bằng chánh sách chẳng tàn nhẫn đối với con người, lòng nhân trùm khắp thiên hạ vậy!”*)

Những người lãnh đạo dân chúng nhất định phải dốc cạn tâm tư, chỉ sợ chính mình chưa suy nghĩ chu đáo khiến cho bá tánh chịu khổ. Do vậy, “*bất nhẫn nhân chi chánh*” (cai trị bằng chánh sách chẳng tàn nhẫn đối với con người), “*chánh*” (政) là chánh sự (政事: những sự việc thuộc vấn đề cai trị), làm cho hết thảy mọi sự đều chánh (đúng mực, chánh đáng), chánh (正) là chẳng tà, chẳng lệch lạc. “*Nhân phú thiên hạ*” (lòng

nhân bao trùm thiên hạ), “*nhân*” là nhân từ, đối với mỗi một chúng sanh, đối với mỗi một người dân đều bình đẳng, nhân từ, đó là đạo của tiên vương. Nghĩ đến chỗ này, cổ thánh tiên hiền đều làm như vậy, chúng ta phải nên bắt chước, họ nêu gương như vậy, là khuôn mẫu cho chúng ta.

Trong xã hội này, nếu chính chúng ta nghĩ đến cương vị, công việc của chính mình, trọn hết bổn phận của chúng ta, ai nấy đều dốc cạn tâm tư trọn hết bổn phận, lẽ đâu nước nhà chẳng hưng vượng? Nhìn từ địa vị của chính mình, luôn luôn nghĩ giùm người khác. Ví như chúng ta buôn bán, chính mình kinh doanh, nhất định phải tận hết tâm lực nghĩ giùm cho khách hàng, chúng ta nhất định bán những hàng hóa có phẩm chất chân thật, chẳng để cho khách hàng bị thua thiệt, mắc lừa. Chúng ta mua vào bán ra nhất định phải dụng tâm, phải tôn trọng người khác, phải tôn trọng xã hội, phải có công hiến cho xã hội, phải tạo lợi ích cho đại chúng. Đây là Bồ Tát, thương nhân ấy chính là Bồ Tát thương nhân. Chúng ta làm thợ, những sản phẩm cũng nhất định phải chân thật, nhất định chớ nên làm quấy quá, ăn bớt vật liệu, đó là Bồ Tát công nhân. Cho đến làm người nội trợ trong gia đình cũng phải dốc cạn tâm tư, đối với người già trẻ nhỏ trong gia đình đều chiếu cố, khiến cho họ thân tâm đều an ổn, đó là Bồ Tát nội trợ. Có điều gì nghĩ chẳng chu đáo, chưa nghĩ tới, chính mình phải nên tự trách, tự trách là sám hối, nhất định phải sửa đổi cho tốt đẹp hơn!

Cùng một đạo lý ấy, Liên Trì đại sư là người xuất gia, Ngài thấy chú giải của bộ kinh này từ xưa đến nay có những chú giải quá sâu, hoặc là văn tự chú giải quá giản lược, đến nỗi công đức chẳng thể nghĩ bàn trong kinh bị ẩn khuất, chẳng thể hiển hiện, thấu lộ, khiến cho người đọc tụng chẳng thể sanh lòng tin kiên định. Chính Ngài đã nhập cảnh giới này, nên cũng tận tâm trọn hết năng lực và bổn phận của chính mình hòng nêu rõ những công đức chẳng thể nghĩ bàn của kinh này cho chúng ta thấy, khiến chúng ta đọc xong, sau khi hiểu rõ sẽ sanh lòng tin, y giáo phụng hành, trong một đời này cũng có thể vãng sanh cõi Phật, Ngài đã thay Phật tuyên dương, giáo hóa chúng sanh.

Nếu chúng ta thật sự thấu hiểu ý nghĩa này, chẳng những hết thảy các kinh khác sẽ cột lại cất trên gác cao, mà còn như Liên Trì đại sư đã nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh nhiều dữ biệt nhân hành*” (Tam Tạng mười hai bộ dành cho kẻ khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành). Lão nhân gia chỉ có một bộ kinh này, chỉ có một câu A Di Đà Phật, đó là hạnh

môn, tâm Ngài đã định. Từ nay trở đi, hết thấy các pháp môn Ngài không còn nghe, không hỏi tới nữa, một câu A Di Đà niệm đến tột cùng, có như vậy thì mới có thể thành công. Pháp môn quý ở chỗ chuyên nhất. Chỉ có chuyên nhất thì mới có thể thành tựu. Ngài nói ra dụng ý, nhân duyên và lý do chú giải bản kinh này.

Tiếp theo đó, Ngài lại phải nói chỗ y cứ để chú giải bộ kinh này là gì? Chẳng phải là Ngài tùy tiện nói ra! Khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, đã dạy các đệ tử chúng ta bốn nguyên tắc để y cứ (Tứ Y Pháp): Thứ nhất, y pháp bất y nhân; thứ hai, y nghĩa bất y ngữ; thứ ba, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa; thứ tư, y trí bất y thức. Liên Trì đại sư tuân thủ pháp Tứ Y của Thích Ca Mâu Ni Phật, do vậy, chẳng thể tùy tiện viết chú giải. Ngài có chỗ y cứ, y pháp bất y nhân (nuông theo pháp, chẳng dựa theo người), Ngài y pháp, pháp gì vậy? Ngài nêu ra năm bộ kinh điển chủ yếu, tức là Tịnh Độ Tam Kinh, Cổ Âm Vương Kinh và Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh, năm thứ này là chỗ y cứ chủ yếu. Ngoài ra, những thứ tham khảo kèm thêm hết sức nhiều, từ Sớ Sao chúng ta cũng thường thấy những kinh luận mà Ngài trích dẫn đều là những kinh luận chủ yếu trong Đại Thừa, lấy chúng làm chỗ y cứ.

Xét theo công phu, Ngài cũng có y cứ, cũng chẳng phải là nói tùy tiện, Ngài dựa theo Nhất Hạnh tam-muội của Văn Thù Bồ Tát trong hội Bát Nhã, lấy đó làm nguyên tắc chỉ đạo tối cao cho Hạnh Môn của bộ Sớ Sao này, thật sự bất phàm! Chẳng dùng kiến giải hay ý tưởng của chính mình để chú giải, chúng ta hết sức bội phục Ngài ở chỗ này. Ngoài ra,

quan trọng nhất là kinh Hoa Nghiêm, nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm và kinh này hầu như có cùng một Thể. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng cũng lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm chỗ quy túc, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, lấy Di Đà Tịnh Độ làm chỗ quy túc. Những chỗ trích dẫn kinh Hoa Nghiêm để chứng minh trong bộ Sớ Sao này đặc biệt nhiều, những chỗ giảng đến những điều khẩn yếu hầu như đều dẫn dụng kinh Hoa Nghiêm. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 42

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi hai:

(Sớ) Bộ loại giả, chuyên đàm Cực Lạc Đại Bản đẳng ngũ kinh dã. Văn Thù giả, Văn Thù Bát Nhã kinh, chuyên xưng danh tự Nhất Hạnh tam-muội dã.

(疏) 部類者，專談極樂大本等五經也。文殊者，文殊般若經，專稱名字一行三昧也。

(Sớ: “Bộ loại” là những kinh chuyên giảng về Cực Lạc như năm kinh [Tịnh Độ]: Đại Bản v.v... Nói “Văn Thù” là chỉ kinh Văn Thù Bát Nhã, [kinh này giảng về] Nhất Hạnh tam-muội chuyên xưng niệm danh hiệu Phật).

“Bộ” là cùng một bộ (cùng giảng về một hạnh môn) chỉ cho Tịnh Độ Ngũ Kinh mà chúng ta đang nhắc đến. Danh xưng Ngũ Kinh⁴⁸ trong đoạn văn trên đây không phải là cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh đang được chúng ta lưu thông hiện thời. Bản thường lưu thông hiện thời thì kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ là Tịnh Độ Tam Kinh, người đời sau thêm vào Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm và Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm [của kinh Hoa Nghiêm], gọi chung là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Gần đây có người nói chẳng nên xếp phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa

⁴⁸ Chữ Tịnh Độ Ngũ Kinh trong lời Sớ của tổ Liên Trì chỉ ba kinh Tịnh Độ (A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh), Cổ Âm Thanh Vương Kinh và Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh.

Nghiêm vào Tịnh Độ Ngũ Kinh, mà nên dùng Bát Nhã Tâm Kinh. Điều này thật ra rất vô lý. Mấy năm gần đây nhất, Phật giáo trên thế giới hết sức rối loạn, bản thân chúng ta phải hết sức dè chừng, những gì cổ đại đức chọn lựa nhất định có lý!

Tịnh Độ Tam Kinh, Cổ Âm Vương Kinh, và Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh là căn cứ giáo lý để Liên Trì đại sư viết bộ chú giải này, đây là những kinh điển để Ngài y cứ. Ngài lấy năm kinh này làm chánh, đủ thấy chú giải và giảng đều chẳng dễ dàng, nhất định phải lấy kinh điển làm căn cứ. Giảng đến Hạnh Môn thì cách niệm Phật như thế nào? Phương pháp Niệm Phật rất nhiều, nói tổng quát thì có bốn loại lớn, trong mỗi một loại đều có rất nhiều phương pháp niệm, rốt cuộc là y cứ loại nào? Mà loại ấy là do ai truyền lại? Đây đều là những chuyện mà người niệm Phật chúng ta hết sức quan tâm. Trong kinh này, phương pháp niệm Phật do đại sư dạy cho chúng ta dựa trên “*Nhất Hạnh tam-muội chuyên xưng niệm danh hiệu*” trong kinh Văn Thù Bát Nhã. Nhìn từ phương diện này, bất luận về mặt kinh luận, hay về mặt phương pháp, chỗ y cứ của lão nhân gia đều có thể nói là tối thượng thừa, đáng cho chúng ta tin tưởng, nương cậy. Khi dẫn dụng kinh điển thì kinh được dẫn dụng nhiều nhất là kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Tạp Hoa giả.

(疏) 雜華者。

(Sớ: Tạp Hoa là...)

Tạp Hoa là kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Dĩ Hoa Nghiêm tánh hải vi Tông, minh giáo phi quyền thiện dã.

(疏) 以華嚴性海為宗，明教非權淺也。

(Sớ: Lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông, nhằm chỉ rõ giáo pháp này chẳng phải là quyền biến hay nông cạn).

Hoa Nghiêm là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, “*Tánh hải vi Tông*” (Tánh hải làm Tông) chính là nói về tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối đều nói về Chân Như bốn tánh.

(Diễn) Tánh hải vi Tông giả, Hoa Nghiêm tứ phần.

(演) 性海為宗者，華嚴四分。

(Diễn: “Tánh hải làm Tông”: Kinh Hoa Nghiêm có bốn phần).

Kinh Hoa Nghiêm gồm bốn phần “*Tín, Giải, Hành, Chứng*”, nói lên trọn vẹn Phật pháp, bất cứ phần nào cũng đều giảng rõ ràng, hết sức thấu triệt, tường tận. Đây chính là căn bản pháp luân của Phật pháp.

(Diễn) Ngũ châu.

(演) 五周。

(Diễn: Và năm tầng [nhân quả]).

“*Ngũ châu*” là nói tới nhân quả, kinh Hoa Nghiêm có năm tầng nhân quả⁴⁹.

(Diễn) Lục tướng, thập huyền, tứ chủng pháp giới, nhị thập chủng Hoa Tạng, cập vô lượng hương thủy hải, giai từng nhất tâm lưu xuất, cố dĩ “Tánh hải vi Tông” dã.

(演) 六相，十玄，四種法界，二十重華藏，及無量香水海，皆從一心流出，故以性海為宗也。

⁴⁹ Ngũ châu nhân quả: Sở Tín Nhân Quả, Sai Biệt Nhân Quả, Bình Đẳng Nhân Quả, Thành Hạnh Nhân Quả và Chứng Nhập Nhân Quả. Sở Tín Nhân Quả là phần giảng quả báo về mặt y báo và chánh báo của Như Lai (từ quyển một đến quyển mười một, gồm sáu phẩm). Sai Biệt Nhân Quả là nói đến lộ trình tu chứng thành Phật, nêu rõ nhân quả tu chứng của bốn mươi một địa vị tu chứng của hàng Pháp Thân đại sĩ (từ quyển mười hai đến quyển bốn mươi tám, gồm hai mươi chín phẩm). Bình Đẳng Nhân Quả là nói về nhân do tu Phổ Hiền Hạnh và quả nơi cảnh giới Như Lai, nhân quả tương dung, bình đẳng vô sai biệt (gồm hai phẩm, từ quyển bốn mươi chín đến quyển năm mươi hai). Thành Hạnh Nhân Quả tuyên thuyết nhân quả xuất thế, trước hết giảng ngũ vị nhân hạnh, sau luận về tám tướng thành đạo (gồm một phẩm, từ quyển năm mươi ba đến quyển năm mươi chín). Chứng Nhập Nhân Quả tuyên thuyết diệu môn nhập pháp giới (bao gồm toàn bộ những quyển còn lại), trước hết nêu rõ đại dụng tự tại nơi Phật quả, và nêu lên sự khởi dụng tu nhân của hàng Bồ Tát (mà điển hình là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài Đồng Tử).

(Diễn: Sáu tướng, mười huyền môn, bốn thứ pháp giới, hai mươi thứ Hoa Tạng, và vô lượng biển nước thơm, đều từ nhất tâm lưu xuất, vì thế, lấy Tánh hải làm Tông).

Nguyên tắc và nguyên lý của nhân sinh và vũ trụ được giảng trong kinh Hoa Nghiêm, nói chung chẳng ngoài “*lục tướng, thập huyền, tứ pháp giới*”. Hai mươi thứ thể giới Hoa Tạng⁵⁰ cũng mang ý nghĩa biểu

⁵⁰ Theo phẩm Hoa Tạng Thế Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm Kinh, Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải được nghiêm tịnh bởi việc tu trì thanh tịnh thể giới vi trần số đại nguyện do đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai đối trước mỗi đức Phật trong khi Ngài còn tu hạnh Bồ Tát, thân cận vi trần số Phật trong vi trần vô số kiếp trước. Hoa Tạng Thế Giới Hải được Tu Di Sơn vi trần số phong luân nhiếp trì. Trên tầng phong luân cao nhất là biển hương thủy (nước thơm), trong biển ấy có một hoa sen to tên là Chủng Chủng Quang Minh Hương Tràng. Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải ở ngay trên hoa sen ấy được bao quanh bằng Kim Cang Luân Sơn. Đất ở phía trong Kim Cang Luân Sơn đều do chất Kim Cang hợp thành. Trên đất ấy lại có bất khả thuyết Phật sát vi trần số biển nước thơm, mỗi một biển nước thơm được bao quanh bởi tứ thiên hạ vi trần số sông nước thơm. Trong mỗi sông nước thơm lại có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thể giới chủng. Trong mỗi thể giới chủng lại có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thể giới. Biển nước thơm ở ngay trung tâm có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang, trong đó có một hoa sen lớn. Trên hoa sen ấy có một thể giới chủng tên là Phổ Chiếu Thập Phương Xí Nhiên Bảo Quang Minh, hai mươi thứ thể giới trang nghiêm đều xuất hiện trong thể giới chủng ấy, xếp chồng lên nhau. Mỗi thứ thể giới trang nghiêm như vậy đều bao gồm Phật sát vi trần số thể giới. Hai mươi thứ thể giới ấy kê từ dưới lên trên như sau:

1. Tối Thắng Quang Biến Chiếu Hoa Tạng Thế Giới, dùng các thứ bảo ma-ni để trụ, Phật hiệu Ly Cầu Đẳng.
2. Chủng Chủng Hương Liên Hoa Diệu Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, dùng lưới hoa sen báu để trụ, Phật hiệu Sư Tử Quang Thắng Chiếu.
3. Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Phổ Chiếu Quang Hoa Tạng Thế Giới, nương vào các thứ anh lạc báu để trụ, Phật hiệu Tịnh Quang Trí Thắng Tràng.
4. Chủng Chủng Quang Minh Hoa Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Kim Cang Thi La Tràng nhiều màu để trụ, Phật hiệu Kim Cang Quang Minh Vô Lượng Tinh Tấn Lực Thiện Xuất Hiện.
5. Phổ Phóng Diệu Hoa Quang Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hết thảy cây cối được trang nghiêm bởi lưới bánh xe báu để trụ, Phật hiệu Hương Quang Hỷ Lực Hải.
6. Tịnh Diệu Quang Minh Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển cung điện Kim Cang để trụ, Phật hiệu Phổ Quang Tự Tại.
7. Chủng Hoa Diệu Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hết thảy các ngọn lửa có màu giống như các thứ báu để trụ, Phật hiệu Hoan Hỷ Hải Công Đức Danh Xưng Tự Tại Quang.

thị pháp. Thế giới Hoa Tạng vì sao có hai mươi thứ? Trong hội Hoa Nghiêm, đức Phật dùng “mười” để biểu thị đại viên mãn, kinh này dùng “bảy” để biểu thị đại viên mãn. Do vậy, chúng đều chẳng phải là con số, mà mang ý nghĩa biểu thị pháp. “*Nhị thập chủng*” là nói thế gian và xuất thế gian, thế gian có mười thứ, xuất thế gian có mười thứ, biểu thị đại viên mãn của xuất thế gian lẫn thế gian. Đồng thời còn hiển thị tự lợi và lợi tha. Tự lợi có mười thứ đại viên mãn, lợi tha cũng có mười thứ đại viên mãn. Kinh nói thế giới Sa Bà ở tầng thứ mười ba, tức tầng thứ mười ba trong hai mươi tầng [của thế giới Hoa Tạng], đương nhiên là tự lợi trước rồi mới lợi tha. Điều này có nghĩa là lợi tha vượt trội tự lợi. Những con số này chẳng phải là thật sự chỉ có tầng cấp nhiều ngàn ấy mà nhằm biểu thị pháp. Nếu nói đến tầng cấp [thật sự] thì có vô lượng vô biên.

8. Xuất Sanh Oai Lược Địa Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển các thứ tòa hoa sen bảo sắc [rộng lớn như] hư không để trụ, Phật hiệu Quảng Đại Danh Xưng Trí Hải Tràng.

9. Xuất Diệu Âm Thanh Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Ma Ni Vương thường lưu xuất mây hết thảy âm thanh nhiệm màu trang nghiêm để trụ, Phật hiệu Thanh Tịnh Nguyệt Quang Tướng Vô Năng Tồi Phục.

10. Kim Cang Tràng Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hết thảy trang nghiêm sự tử tòa Ma Ni để trụ, Phật hiệu Nhất Thiết Pháp Hải Tối Thắng Vương.

11. Hằng Xuất Hiện Đé Thanh Bảo Quang Minh Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển các thứ hoa đặc biệt lạ lùng để trụ, Phật hiệu Vô Lượng Công Đức Hải.

12. Quang Minh Chiếu Diệu Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Hoa Toàn Hương Thủy để trụ, Phật hiệu Siêu Thích Phạm.

13. Sa Bà Hoa Tạng Thế Giới, nương vào lưới hoa sen được gìn giữ bởi các phong luân nhiều màu để trụ, Phật hiệu Tỳ Lô Giá Na Như Lai Thế Tôn.

14. Tịch Tĩnh Ly Trần Quang Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển các thứ y báu để trụ, Phật hiệu Biến Pháp Giới Thắng Âm.

15. Chúng Diệu Quang Minh Đẳng Hoa Tạng Thế Giới, nương vào lưới tịnh hoa để trụ, Phật hiệu Bất Khả Tồi Phục Lực Phổ Chiếu Tràng.

16. Thanh Tịnh Quang Biến Chiếu Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển hoa sen các thứ hương diệm để trụ, Phật hiệu Thanh Tịnh Nhật Công Đức Nhân.

17. Bảo Trang Nghiêm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Quang Minh Tạng Ma Ni Tạng để trụ, Phật hiệu Vô Ngại Trí Quang Minh Biến Chiếu Thập Phương.

18. Ly Trần Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển diệu hoa sự tử tòa để trụ, Phật hiệu Vô Lượng Phương Tiện Tối Thắng Tràng.

19. Thanh Tịnh Quang Phổ Chiếu Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Vô Lượng Sắc Hương Diệm Tu Di Sơn để trụ, Phật hiệu Phổ Chiếu Pháp Giới Hư Không Quang.

20. Diệu Bảo Diệm Hoa Tạng Thế Giới, nương vào biển Nhất Thiết Chư Thiên Hình Ma Ni Vương để trụ, Phật hiệu Phước Đức Tướng Quang Minh.

Nếu nói toàn bộ vũ trụ và nhân sinh, nói theo thuật ngữ Phật học là “y chánh trang nghiêm”, tức là y báo và chánh báo đều “*tùng nhất tâm lưu xuất*” (lưu xuất từ nhất tâm). Nhất tâm là bản tánh, nhất tâm rộng lớn chẳng có ngăn mé. Do vậy, nó được sánh ví như biển. Trong thế gian của chúng ta, biển rộng nhất. Vì thế, lấy biển để tỷ dụ bản tánh của chúng ta, hoàn toàn là từ Chân Như bản tánh biến hiện ra. Rời khỏi tâm tánh, sẽ không có một vật nào khác, hết thấy kinh điển Đại Thừa đều nói như vậy. Bởi thế, lấy Tánh hải làm tông chỉ.

Trong đoạn này, chúng ta hãy đặc biệt chú ý “*nhất tâm*”. Nhất tâm lưu xuất pháp giới. Do vậy, pháp giới được gọi là Nhất Chân pháp giới. Đã là Nhất Chân thì Nhất Chân là chân thật, quyết định không có sai lầm, vì sao kinh lại nói tới mười pháp giới, hoặc nói vô lượng pháp giới? Những điều này do đâu mà có, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng. Nói mười pháp giới hay nói vô lượng pháp giới đều là nói phương tiện, vì chúng chẳng chân thật. Đã không chân thật thì sao lại phải nói? Tuy chẳng chân thật, nhưng có chuyện ấy tồn tại. Ví như nằm mộng, mộng chẳng phải là chân thật, nhưng mộng có hay không? Thật sự có! Tuyệt đại đa số con người đêm ngủ đều nằm mộng, mộng là có, nhưng chẳng phải là chân thật. Mười pháp giới, vô lượng pháp giới giống như nằm mộng. Kinh Kim Cang nói rất hay, “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Pháp hữu vi là mười pháp giới, vô lượng pháp giới. Đây là vì hàng sơ học chúng ta nên [đức Phật] chẳng thể không sử dụng pháp phương tiện để nói rõ những hiện tượng huyễn hữu này. “*Huyễn hữu*” là chẳng phải thật sự có, thật sự có chính là Nhất Chân pháp giới.

Pháp giới đã từ nhất tâm biến hiện, nên tu nhất tâm rất trọng yếu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu nhất tâm. Bất luận một pháp môn nào, danh xưng khác nhau, tuy danh tự khác nhau, nhưng cảnh giới đạt đến do tu học đều hoàn toàn tương đồng. Thế nhưng trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu nhất tâm bất loạn thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng thì chính là bộ kinh này. Hai câu quan trọng nhất trong kinh Di Đà là “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Tám chữ này là chủ thể và trung tâm của toàn bộ bản kinh. Dùng phương pháp nào để tu? Dùng một câu Phật hiệu, niệm sáu chữ “Nam-mô A Di Đà Phật”, hoặc niệm bốn chữ “A Di Đà Phật”. Dùng phương pháp ấy, trực tiếp, ổn thỏa, thích đáng để tu nhất tâm bất loạn, tu tâm không điên đảo. Khi bắt đầu tu học, đương nhiên tâm vẫn bị loạn, vẫn bị điên đảo, nhưng nếu quý vị nắm được, nhất định chẳng vứt bỏ, chẳng lui sụt, nhất định dấy lên tinh thần nắm chắc câu

Phật hiệu này để niệm; niệm rồi quý vị mới biết hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn, thật sự có thể đạt tới nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo!

Nhất tâm bất loạn là Thiên Định tối cao, là Tánh Định, tức đại định xứng tánh, tâm chẳng điên đảo là trí huệ tối cao. Do vậy, mỗi tiếng niệm Phật đều là phước huệ song tu, Định là phước. Chúng ta ở trong thế gian, phước báo chân chánh là gì? Định là phước báo chân chánh. Bất luận trong cảnh giới nào, đều chẳng bị cảnh giới xoay chuyển, ở trong cảnh giới như như bất động, người ấy có phước. Nếu tâm chuyển theo cảnh giới bên ngoài sẽ khá khổ sở. Vì sao? Quý vị bị vận mạng xoay chuyển, bị Phong Thủy xoay chuyển; vận mạng và Phong Thủy [bền trở thành] có thật. Nếu quý vị tu Định thành công, vận mạng và Phong Thủy không còn nữa, vì sao? Vận mạng và Phong Thủy bị quý vị chuyển. Phong Thủy không tốt, quý vị đến ngôi nơi đó, Phong Thủy sẽ chuyển biến tốt đẹp. Nó chuyển theo tâm của quý vị, chứ chúng ta không bị chuyển theo nó. Đây là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được cảnh, sẽ giống như Như Lai). Phật pháp thừa nhận con người có vận mạng, thế gian này có Phong Thủy, nhưng Phật pháp chẳng đề cao vận mạng và Phong Thủy! Phật pháp đề cao nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, tự chuyển vận mạng, tự chuyển Phong Thủy, tự tại lắm! Do vậy, học Phật nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

Hôm trước, tôi gặp một đồng tu, tuổi rất trẻ, làm nghề buôn bán. Có một tay tướng số muốn giúp anh ta đoán mạng, nhưng đòi tiền công ba mươi vạn. Tôi bảo anh ta: “Ông rất đáng thương, mạng ông chỉ đáng ba mươi vạn ư?” Người này rất thông minh, anh ta nói: “Tôi có ba mươi vạn đem làm công đức, tôi chẳng đưa tiền cho gã thầy bói”. Như vậy là đúng, anh ta có thể xoay chuyển vận mạng. Vì thế, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Còn có người xem Phong Thủy, tôi nghe nói mỗi lần coi cũng tốn mấy chục vạn. Nếu đem mấy chục vạn ấy bố thí, cứu tế, làm chuyện tốt, Phong Thủy sẽ chuyển theo quý vị, quý vị chẳng bị Phong Thủy chuyển. Học Phật nhất định phải hiểu lý!

Vì vậy, trong vô lượng pháp môn, trực tiếp tu nhất tâm là bộ kinh này, cái hay của bộ kinh này là ở chỗ này: Nếu quý vị đắc nhất tâm, đương nhiên sẽ nhập Nhất Chân pháp giới. Tôi giảng Hoa Nghiêm và khi giảng các kinh, thường nói gộp lại: Nhất Chân pháp giới là sở nhập, tức cảnh giới được nhập, nhất tâm bất loạn là năng nhập. Chỉ cần chúng ta đắc nhất tâm, quý vị liền nhập Nhất Chân pháp giới. Nhập Nhất Chân pháp giới chẳng phải là người tầm thường! Theo như kinh Hoa Nghiêm

nói: Đó là Pháp Thân đại sĩ, là đại Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư đại đức cực lực đề xướng pháp môn này, khuyên dạy chúng ta tu học pháp môn này. Nếu hoài nghi pháp môn này, sẽ chẳng thể sanh lòng tin, chẳng thể y giáo phụng hành, giống như lão pháp sư Ấn Quang đã nói: “*Nghiệp chướng sâu nặng!*” Phàm những ai có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành thì đều là người có thiện căn, phước đức, và nhân duyên đầy đủ. Nếu có đủ ba điều kiện này, quý vị sẽ có thể ổn thỏa, thích đáng thành tựu trong một đời này.

Có một ngày Hè, chùa Thiên Lâm mở khóa đại chuyên giảng tòa, cư sĩ Lam Cát Phú đến hỏi tôi một câu: “Kinh Phật nói thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, lời ấy là thật hay giả?” Cách nói ấy trong kinh Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều có, Phật còn có thể nói dối hay sao? Nhưng ông ta hoài nghi, ông ta đến hỏi tôi. Tôi bảo ông ta: “Vừa thật vừa giả!” Ông ta ngẩn ngơ, vì sao vừa thật vừa giả? Tôi bảo ông ta: “Nếu ba điều kiện thiện căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ thì ông có thể thành Phật ngay trong một đời, chẳng cần đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Trong ba điều ấy, nếu thiếu một điều, đời này sẽ chẳng thể thành tựu”. Tôi bảo ông ta hãy tự suy nghĩ, trong một đời, nếu ba điều kiện ấy đều đầy đủ thì có bao nhiêu người được như vậy? Ông ta suy nghĩ: Quả thật là phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Quả thật chẳng dễ dàng!

Thiện căn là gì? Thiện căn là tín giải (tin, hiểu), quyết định chẳng hoài nghi, hoàn toàn tin tưởng khẳng định. Không chỉ tin tưởng, mà còn có thể lý giải. Vì thế, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Y giáo tu hành là phước. Chẳng chịu y giáo tu hành, dầu có tin, dầu có giải, nhưng chẳng chịu làm thì người ấy tuy có thiện căn, nhưng chẳng có phước đức! Nhân duyên là Tăng Thượng Duyên. Ví như người thật sự có thiện căn và phước đức, nhưng trong một đời chẳng gặp gỡ Phật pháp, mà gặp ngoại đạo, người ấy cũng có thể tin, có thể hiểu pháp ngoại đạo, người ấy cũng sốt sắng tu hành, tu trở thành một gã ngoại đạo, đáng tiếc! Thiếu nhân duyên mà!

Trong nhân duyên, Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, làm sao có thể gặp được pháp môn Tịnh Độ? Pháp môn Tịnh Độ thành tựu trong một đời, những pháp môn khác chẳng thể thành tựu trong một đời; đời đời kiếp kiếp tu tập, vẫn là phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Điều này chứng tỏ: Nếu quý vị tin tưởng pháp môn này, chiếu theo pháp môn này tu hành, quý vị sẽ thành Phật trong một đời, chẳng cần phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nếu chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, mà học Thiên, học

Mật, học những pháp môn khác, thì thừa cùng quý vị, vẫn là phải ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Điều này tuyệt đối chẳng phải là gạt người!

(Sớ) Minh giáo phi quyền thiên dã.

(疏) 明教非權淺也。

(Sớ: Nói rõ giáo pháp này chẳng phải là quyền biến, nông cạn).

“Giáo” là pháp môn Tịnh Độ. “Giáo” là giáo học, giáo học này chẳng phải là Quyền. Quyền (權) là pháp phương tiện, chẳng phải là Quyền thì là gì? Chân thật! Chẳng phải là “thiên” (淺), tức là có mức độ khá sâu. Điều này là xác thực, cổ đại đức thường nói pháp môn này “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể hiểu thấu triệt*”; đủ thấy giáo này chẳng nông cạn, đừng coi pháp này là pháp nông cạn.

Có những người tự cậy mình thông minh, chẳng cam tâm tu pháp môn Niệm Phật, đại khái là họ thấy tu hành pháp môn Niệm Phật rất dễ dàng: Niệm một câu A Di Đà Phật chẳng cần phải quán tưởng, cũng chẳng cần phải tham cứu, chẳng cần đến bất cứ nghi thức nào, đi, đứng, nằm, ngồi trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật là được rồi, thật sự quá dễ dàng! Trên mặt Sự thì thực hành quá dễ dàng, nhưng trên lý luận lại rất sâu. Pháp môn này hết sức thích hợp với cuộc sống của con người hiện đại; con người hiện đại khá bận bịu, niệm Phật chẳng trở ngại công việc. Đây là nói về giáo học.

(Sớ) Quần điển giả, dẫn chư kinh luận dĩ chứng minh, ngôn phi臆見 dã.

(疏) 群典者，引諸經論以證明，言非臆見也。

(Sớ: “Quần điển”: Dẫn các kinh luận để chứng minh, ý nói chẳng phải là đoán mò).

Chú giải của đại sư chỗ nào cũng có kinh điển dẫn chứng, không có câu nào chẳng có căn cứ. Đây là chỗ hay của lão nhân gia, trọn chẳng do chính mình giả định, suy đoán rồi nói với người đời sau. Những điều do chính Ngài suy tưởng cũng vốn sẵn có trong kinh luận, vẫn là dẫn dụng kinh điển để làm sáng tỏ [chứ không nói là ý tưởng của chính mình], thật sự là “*y pháp, bất y nhân*”.

(Sớ) *Tường như nghĩa lý bộ loại nhị môn, cập hậu kinh văn trung biện.*

(疏) 詳如義理部類二門，及後經文中辯。

(Sớ: Muốn biết tường tận nghĩa lý của hai môn Bộ và Loại thì đến phần kinh văn ở phía sau sẽ biện định).

Tới phần sau, Ngài sẽ giảng tường tận cho chúng ta hình thái của Sớ Sao và dẫn chứng bằng những thí dụ trong kinh luận.

(Sớ) *Tiêu quy tự kỷ giả, minh bất chuyên sự tướng, cứu kỳ quy trước, tất giai tiêu hóa, dung hội, quy u ngã chi bốn tánh.*

(疏) 消歸自己者，明不專事相，究其歸著，悉皆消化融會，歸於我之本性。

(Sớ: “Tiêu quy tự kỷ” ý nói: Chẳng chuyên luận về sự tướng, xét đến chỗ quy kết, tất sẽ tiêu hóa, dung hội, gộp về bốn tánh của ta).

Tiêu quy tự tánh, câu này hết sức trọng yếu trong “nghe pháp, tu hành”. Chúng ta nghe kinh [được lợi ích hay không là do] có biết nghe hay là không? Người biết nghe, nghe xong sẽ khai ngộ; người không biết nghe, nghe xong rồi bèn tăng trưởng tà kiến, đó gọi là “*tử tại ngôn hạ*” (chết cứng nơi lời nói), chẳng khai ngộ. Đọc kinh cũng như vậy, đọc kinh thì là “*tử tại cú hạ*” (chết cứng nơi câu văn), chết cứng nơi từng dòng chữ, đọc sách chết cứng. Tất cả kinh luận đều nhằm khơi gợi, phát khởi ngộ tánh của chúng ta, giúp chúng ta khai ngộ. Kết quả là chúng ta càng đọc càng chẳng thể khai ngộ, càng đọc càng lăm chướng ngại, đây là không biết đọc! Thế nào mới là biết đọc? Biết tiêu quy tự tánh thì gọi là biết đọc, điều này rất quan trọng!

Tiêu quy tự tánh như thế nào? Ở đây, chúng tôi nói đơn giản dễ hiểu thì thứ nhất là chẳng chấp tướng, tức là “*bất chuyên sự tướng*” (chẳng chuyên chú nơi sự tướng). Con người hiện thời chuyên môn nghiên cứu danh tướng; danh từ, thuật ngữ dù hiểu rõ đến đâu đi nữa, bắt quá chỉ là một bộ Phật Học Từ Điển sống mà thôi, chẳng thể khai ngộ! Do vậy, học gì đều chớ nên ghi nhớ chết cứng danh tướng. Trong Phật pháp, danh tướng là công cụ để dạy học, là thủ đoạn, là phương pháp, chẳng phải là mục đích. Quý vị phải vận dụng nó để đạt đến mục đích, mục đích là khai trí huệ.

Do vậy, chớ nên chuyên chú nơi danh tướng, phải từ danh tướng mà tham cứu, quy kết (quy túc, đạt đến). Trong nhà Phật nói “tham cứu”, chẳng bảo quý vị nghiên cứu! Nghiên cứu và tham cứu khác nhau, nghiên cứu là dùng Ý Thức, tức thức thứ sáu, dùng khảo sát, suy nghĩ. Phật pháp chẳng dùng khảo cứu và suy nghĩ. Khảo cứu và suy nghĩ là phân biệt, chấp trước. Phật pháp dạy quý vị lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, nay quý vị cứ khăng khăng dùng hết thấy phân biệt, chấp trước, tức là đã hoàn toàn trái nghịch với Phật pháp mất rồi!

Dùng tâm ý thức là đại chương ngại trong khai ngộ. Tham Thiền, lìa tâm ý thức gọi là “tham cứu”. Dùng tâm ý thức thì chẳng gọi là “tham”. Tâm ý thức là gì? “Tâm” là A Lại Da Thức, tác dụng của A Lại Da Thức là ghi ấn tượng, giữ lại chủng tử. “Ý” là Mạt Na Thức, công năng của nó là chấp trước, tức Ngã Chấp và Pháp Chấp. “Thức” là thức thứ sáu, tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt. Nói cách khác, lìa tâm ý thức là gì? Nói đơn giản là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng ghi lại ấn tượng, đó gọi là “tham”, hay “tham cứu”. Tham Thiền phải dùng phương pháp này, nghe kinh cũng phải dùng phương pháp này, đọc tụng vẫn là dùng phương pháp này. Thậm chí chúng ta niệm một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*” cũng chẳng rời phương pháp này, quý vị mới có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo. Nhất tâm bất loạn là đại định, là đại định xứng tánh; tâm chẳng điên đảo là khai huệ, đại triệt, đại ngộ.

Chúng ta không hiểu nguyên lý và nguyên tắc, hằng ngày niệm một câu A Di Đà Phật vẫn là dùng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, đó gọi là “*tu mù, luyện đui*”; chỉ có thể nói là niệm thì tốt hơn chẳng niệm, vì sao? Tu mù luyện đui, trong A Lại Da Thức giữ lại chủng tử Phật. Nói như vậy là cảnh giới khá cao, dường như chẳng khác Tối Thượng Thượng Thiên và Mật tối cao. Nói như vậy thì sợ rằng kẻ sơ học chúng ta suốt một đời này chẳng có hy vọng vãng sanh. Quý vị hãy hết sức an tâm, vì sao? Tôi vừa mới nói: “*Lìa tâm ý thức, tiêu quy tự tánh*” đích xác là Thượng Phẩm Thượng Sanh trong Tịnh Độ, đây là đã đắc Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi Thật Bảo Trang Nghiêm. Nếu quý vị hiểu đường nẻo ấy, hãy lìa tâm ý thức mà niệm Phật. Chỗ thù thắng nhất trong pháp môn này chính là đời nghiệp vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chúng ta ai cũng có phần. Vì sao? Có thể phân biệt, chấp trước, cũng như có thể khởi vọng tưởng mà vẫn có thể vãng sanh! Chúng ta vừa nghe nói như vậy, trong lòng rất khoan khoái, vậy thì ta cũng có phần, ta cũng có thể vãng sanh. Ai nấy đều có phần trong cõi

Phàm Thánh Đồng Cư, còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì chẳng phải là ai cũng có phần. Những người như vậy [hiếm hoi như] lông phượng, sừng lân, nhưng điều chẳng thể nghĩ bàn nhất trong pháp môn Tịnh Độ là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì sự hưởng thụ, thụ dụng và cảnh giới trong ấy gần như chẳng khác gì cõi Thật Báo, cũng giống như đã sanh vào cõi Thật Báo, điều này chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, không chỉ rất nhiều người không tin Tịnh Độ, mà ngay cả nhiều vị Bồ Tát cũng không tin tưởng. Lý quá sâu, nhưng Sự đúng là như vậy. Nếu quý vị không tin, chẳng chịu vãng sanh Tịnh Độ, nhân duyên thù thắng này ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thật là đáng tiếc! Cổ nhân có tỷ dụ, giống như chúng ta bị bệnh quá nặng, hiện thời gặp được một thầy lang. Thầy lang chẩn đoán, ngay lập tức cắt thuốc, quý vị uống vào sẽ khỏi bệnh. Nếu quý vị chẳng chịu uống thuốc, mà hỏi thầy lang ấy: “Tôi bị bệnh gì? Bệnh do đâu mà có? Sanh bệnh vì nguyên nhân nào? Thuốc của ông do đâu mà có? Thuốc có tánh chất gì? Vì sao có thể trị lành bệnh này?” Những điều ấy đều muốn hiểu rõ thì phải theo học mấy năm ở đại học Y Khoa, chưa đến lúc hiểu rõ, quý vị đã mất mạng rồi! Lý Tịnh Độ là như vậy, cho nên quý vị hãy tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật, tin tưởng A Di Đà Phật là được rồi, đừng hỏi tới những chuyện khác! Một câu Di Đà niệm cho tốt đẹp, niệm đến đời nghiệp vãng sanh là thành công rồi!

Sau khi công phu thành phiền, quả thật có năng lực vãng sanh, lúc ấy tùy thuộc vào chính quý vị: Quý vị có muốn vãng sanh sớm hơn một chút hay không? Hay là muốn sống thêm vài năm nữa? Thừa cùng quý vị, sống thêm vài năm nữa, chẳng nhằm tham cầu hưởng thụ thế giới này! Phải hiểu đạo lý ấy, vì sao? Do tu hành trong thế giới Sa Bà khó hơn tu trong thế giới Cực Lạc, đã là khó khăn thì thành tựu sẽ cao. Vì thế, kinh dạy: “*Tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc bằng tu hành ở nơi đây một ngày*”. Chúng ta gạn hỏi: Tu hành ở nơi đây một ngày bằng người ta tu hành ở bên kia một trăm năm, thì nói cách khác: Nếu chúng ta sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, muốn nâng cao hơn một cấp tức là sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư thì gần như phải tu một vài đại kiếp, thời gian rất dài. Nếu chúng ta tu hành ở nơi đây, tón công phu mấy năm là được rồi!

Nếu quý vị niệm Phật đến mức công phu thành phiền, lại mong đạt đến Sự nhất tâm bất loạn thì tón thời gian năm năm hay mười năm sẽ đạt được. Như vậy thì vãng sanh Tây Phương sẽ chiếm tiện nghi rất lớn. Như vậy là đã nắm chắc vãng sanh nhưng chưa vãng sanh, vẫn tiếp tục

tu hành ở nơi đây, không gì chẳng nhằm nâng cao cảnh giới của chính mình, chứ không phải để tiếp tục hưởng thụ. Thế giới Sa Bà khổ sở, đâu có thứ gì tốt đẹp để hưởng thụ? Niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, còn có thể nâng cao lên thành Lý nhất tâm bất loạn, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Đến công phu thành phiền, lập tức mong vãng sanh, cố nhiên là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu, nhưng chẳng bằng ở nơi đây, trong một thời gian hết sức ngắn ngủi, nâng cao cảnh giới và phẩm vị của chính mình. Nhất định phải hiểu lý này; chẳng hiểu rõ thì việc nâng cao cảnh giới sẽ bị chướng ngại.

“*Tiêu quy*”: Tiêu (消) là tiêu hóa, dung hội. Tiêu hóa điều gì? Lý tiêu hóa nơi Sự, Sự dung hội với Lý. Lý và Sự là một, không hai. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm: “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”. Nếu chẳng thể tiêu hóa, dung hội, sẽ có chướng ngại! Rất nhiều đồng tu học Phật nói với tôi: “Đạo lý Phật pháp quả thật quá tốt đẹp, nhưng chẳng ăn khớp với cuộc sống của chúng tôi, chẳng thể áp dụng vào cuộc sống thường ngày”. Đây chính là “*Lý là Lý, Sự là Sự*”, Sự là cuộc sống thường ngày của chúng ta. Chưa thể tiêu hóa, dung hội những đạo lý ấy trong cuộc sống thường nhật, cho nên chúng ta chẳng thể thụ dụng trong cuộc sống được! Không thể thụ dụng thì học Phật sẽ học rất khổ. Nếu quý vị có thể thụ dụng thì học Phật sẽ vui sướng và tự tại lắm!

Giống như chúng ta ăn món gì đó, ruột gan của chúng ta rất tốt, sức tiêu hóa rất mạnh, hoàn toàn hấp thụ, biến thành dưỡng chất, bồi bổ thân thể, thân thể của quý vị sẽ cường tráng. Nếu quý vị ăn món gì chẳng tiêu hóa được, bệnh sẽ mỗi ngày một nghiêm trọng hơn, càng ăn càng khổ! Học Phật là như thế, phải biến một câu A Di Đà Phật thành cuộc sống của chúng ta. Cuộc sống của chúng ta là A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ tự tại!

Biến A Di Đà Phật thành cuộc sống của chúng ta như thế nào? Quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa của A Di Đà Phật. Ý nghĩa của câu danh hiệu này nói đơn giản nhất là Vô Lượng Giác. Danh hiệu này dịch âm từ tiếng Phạn của Ấn Độ. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, Vô Lượng Giác, thứ gì cũng đều phải giác ngộ, giác chứ không mê! Giác là sung sướng, mê bèn khổ sở. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, cho đến trong tâm khởi tâm động niệm, thấy đều là giác chứ không mê. Nói thô thiên một chút thì đi người, tiếp vật, mặc áo, ăn cơm, chẳng có thứ gì mê hoặc, thấy đều là giác chứ không mê, biến A Di Đà Phật thành cuộc sống của chính mình. Nếu nói cặn kẽ, bộ Sớ Sao này từ đầu đến cuối đều nhằm nói về chuyện

này, một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng nhằm nói về chuyện này, nhất định phải biến Phật pháp thành cuộc sống của chính mình, thật sự đạt đến “liạ khổ, được vui”.

Ví như tôi vừa mới nêu một thí dụ: Các vị đồng tu muốn đi xem bói, giá một lần xem bói là ba chục vạn đồng. Nếu gặp phải kẻ mê, hẳn ta sẽ thật sự chịu đê cho kẻ khác xem bói: “Nói chung, mạng ta khá lắm, đê cho hẳn ta coi bói thử! Trong tương lai ta sẽ kiếm được ba ngàn vạn, tốn ba chục vạn coi bói cũng đáng lắm chứ!” Kẻ ấy mê rồi, đem tiền cúng cho gã thầy bói. Hẳn đoán mạng cho quý vị, nhưng hẳn đâu có đảm bảo về mặt pháp luật. Tương lai quý vị chẳng phát tài, đến tìm hẳn, hẳn lại xù một quẻ khác: “Ông bị tổn âm đức ở chỗ nào đó, làm chuyện gì bất hảo ở đâu đó, cho nên phước báo dần dần giảm bớt!” Miệng người là hai nếp thịt, mặc cho hẳn nói cách nào cũng đều có lý hết! Tiền quý vị dâng sông cho hẳn xoi! Vì vậy, chớ nên mê! Người giác chứ không mê thì “ta có tiền nhiều dường ấy, ta đem làm chuyện tốt, thật sự làm công đức”.

Người giác ngộ chẳng tích góp tiền, có tiền bèn làm chuyện tốt. Người giác ngộ chẳng ky góp tiền trong ngân hàng, mà cất tại đâu? Cất trong pháp giới, cất nơi hết thấy chúng sanh, người ấy tự tại lắm. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huán cũng có thể hiểu rõ đạo lý này đôi chút, có thể tăng trưởng tín tâm. Của cải do đâu mà có? Trong kinh luận, đức Phật đã nói rất nhiều. Của cải do bố thí mà có. Bố thí là gieo nhân, Tài Bố Thí được của cải.

Do vậy, người trong thế gian phát tài to lớn, quý vị chẳng cần phải ngưỡng mộ kẻ ấy. Trong mạng kẻ đó có của cải nhiều ngàn ấy là do đời trước kẻ ấy tu Tài Bố Thí rất nhiều. Có những người có học vấn, có trí huệ, nhưng chẳng có tiền của gì hết, trí huệ do đâu mà có? Do đời trước tu Pháp Bố Thí. Pháp Bố Thí đặc thông minh, trí huệ, Tài Bố Thí đặc tiền của, Vô Úy Bố Thí đặc trường thọ, khỏe mạnh. Tu nhân nhất định đạt được quả báo.

Người thật sự hiểu đạo lý này thì của cải để ở nơi đâu sẽ có lợi tức lớn nhất? Thừa cùng quý vị, bố thí hết thấy chúng sanh sẽ có lợi tức lớn nhất. Phật môn nói: “*Xả nhất, đắc vạn báo*” (xả một, được quả báo cả vạn), thật đấy! Nhưng người ta chẳng tin, đây là vì kẻ ấy chẳng đủ thiện căn. Tín giải là thiện căn, sau khi tin, nếu quý vị chịu làm, chịu làm thì quý vị có phước báo. Tài, Pháp, Vô Úy, ba thứ bố thí này luôn “tuy một mà ba, tuy ba nhưng là một”.

Ví như in kinh thì in kinh cần phải có tiền, Tài Bố Thí đấy. Kinh điển là pháp, Pháp Bố Thí đấy! Người khác chiếu theo pháp đó tu hành, đây là Vô Úy Bố Thí. Tu một thứ bố thí bao gồm ba thứ bố thí, đó gọi là công đức bố thí viên mãn. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Ví như ở Đài Loan có rất nhiều người phát tâm phóng sanh, phóng sanh thuộc về Vô Úy Bố Thí; nhưng quý vị tự mình phóng sanh, chẳng bằng khuyên mọi người phóng sanh, công đức ấy càng lớn hơn!

Do vậy, tôi thường khuyên với các đồng tu phóng sanh in cuốn Hộ Sanh Họa Tập⁵¹, in nhiều sách vở, tranh ảnh khuyên mọi người phóng sanh. Thậm chí những tranh ảnh, văn tự tốt đẹp có thể đưa vào những đoạn phim quảng cáo trong rạp chiếu bóng, xem lâu ngày họ sẽ bị cảm động. Vì thế, khuyên người khác ăn chay, khuyên mọi người yêu thương bảo vệ loài vật chính là phóng sanh theo ý nghĩa càng rộng lớn hơn, công đức càng lớn hơn!

Dung hội lý luận vào cuộc sống khiến cho cuộc sống của chúng ta hoàn toàn tuân theo lý luận Phật pháp, học Phật pháp như vậy mới là hữu dụng. Nếu học Phật pháp mà chẳng liên quan gì đến cuộc sống của chúng ta thì quý vị hãy suy nghĩ: Chúng ta học để làm gì? Học Phật pháp là vì đời sau, nhưng đời sau còn chưa đến, chúng ta cũng chẳng cần phải lo lắng đến thế! Nếu Phật pháp là cuộc sống của chúng ta trong hiện tại, là cuộc sống hạnh phúc, viên mãn và sung sướng nhất, tôi nghĩ ai nấy đều muốn học!

(Sớ) Lương diêu thế xuất thế gian, vô nhất pháp xuất w tâm ngoại. Tịnh Độ sở hữu y báo, chánh báo, nhất nhất giai thị Bản Giác diêu minh.

(疏) 良繇世出世間，無一法出於心外，淨土所有依報正報，一一皆是本覺妙明。

(Sớ: Ấy là vì trong thế gian lẫn xuất thế gian, không một pháp nào ra ngoài tâm. Tất cả y báo và chánh báo của Tịnh Độ, mỗi thứ đều là Bản Giác diêu minh).

⁵¹ Hộ Sanh Họa Tập là một tập sách do họa sĩ “mạn họa” (manga) Phong Tử Khải, đệ tử của pháp sư Hoàng Nhất, vẽ theo sự hướng dẫn của ngài Hoàng Nhất. Dưới mỗi bức vẽ, ngài Hoàng Nhất chọn một bài thơ hay một đoạn văn ngắn nhằm khuyên đại chúng “bảo vệ tánh mạng loài vật chính là bảo vệ tánh mạng của chính mình”. Tập sách này được ra mắt lần đầu tiên vào năm 1929.

Câu này nêu rõ đạo lý nguyên do, tức là nói rõ vì sao phải tiêu quy tự tánh? Chẳng thể nào không tiêu quy tự tánh ư? Chẳng tiêu quy tự tánh thì quả thật chẳng được! Vì sao? Pháp thế gian và xuất thế gian, “*thế gian*” là nói [những pháp] thuộc tam giới lục đạo, “*xuất thế gian*” là nói tứ thánh pháp giới, Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trong nhà Phật gọi chung là mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*vô nhất pháp xuất u tâm ngoại*” (chẳng có một pháp nào ra ngoài tâm), đạo lý này rất sâu! Trong những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Viên Giác, đức Phật dạy chúng ta: “*Duy tâm sở hiện*”. Vì sao có mười pháp giới? Chúng là Tướng Phần trong tâm quý vị, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Nguyên lý của hết thảy biến hóa là thức, thức có thể biến, tâm có thể hiện. Thức và tâm là một, không hai. Nói “*tâm*” là nói đến Thể, nói “*thức*” là nói đến tác dụng. Bản thể có thể hiện, tác dụng có thể biến, nên mới có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sâm la vạn tượng, nhưng nói chung đều chẳng ra ngoài nhất tâm.

Tâm đã thanh tịnh thì chẳng những hết thảy sự vật trước mắt quý vị đều hiểu rất rõ, mà quá khứ, vị lai cũng đều biết rõ. Nếu cho rằng người biết quá khứ vị lai là thần tiên thì làm mất rồi! Chẳng có gì siêu phàm cả! Đây là những năng lực mà chúng ta có sẵn, mỗi một người chúng ta đều có! Vì sao người ta có, mà chính mình thì không? Tâm người ta thanh tịnh nên người ta có. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh nên năng lực ấy mất đi. Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông, những thứ thần thông này đều từ Định mà có. Nói cách khác, đây là những công năng vốn có trong Định. Định là tâm thanh tịnh, chúng ta nói tới nhất tâm bất loạn; tâm càng thanh tịnh sẽ càng gần với nhất tâm, năng lực ấy sẽ dần dần khôi phục. Do vậy, chẳng có gì là kỳ quái cả!

Nhưng loại thần thông này, trừ bản năng (năng lực vốn có) của chính mình và công phu định lực thật sự ra, còn có loại thần thông do quỷ thần dựa vào thân mà có. Tâm của người ấy trọn chẳng thanh tịnh, trọn chẳng đạt được công phu định lực, nhưng do có quỷ thần dựa vào thân nên kẻ đó cũng có năng lực ấy, cũng có thể biết quá khứ, hiện tại, vị lai, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nếu quỷ thần lìa bỏ thân thể kẻ đó, ngay lập tức kẻ đó mất sạch thần thông. Vì sao? Chẳng phải do chính kẻ đó có, mà do quỷ thần dựa vào thân thể kẻ đó để khởi tác dụng thần thông. Hiện nay, trong thế gian này, những chuyện như vậy quá nhiều, bất luận tại Trung Quốc hay tại ngoại quốc, rất nhiều yêu ma quỷ quái

dựa thân, nhưng chuyện này rất dễ nhận biết, chứ không phải là khó nhận biết, vì sao? Tâm thuật của kẻ ấy bất chánh, hành vi, cử chỉ đều chẳng đúng với chánh đạo, thường muốn hiếp đáp người khác, buộc quý vị phải làm việc cho hắn, hắn muốn xây chùa dựng miếu, muốn hóa duyên, muốn quý vị phải quyên tặng bao nhiêu tiền. Nói cách khác, quý vị bị hắn lợi dụng. Đó là những kẻ bị yêu ma quỷ quái dựa thân.

Phật pháp nhất định chẳng phải giống như vậy, vì sao? Mục tiêu lớn nhất trong Phật pháp là muốn cầu nhất tâm bất loạn, muốn cầu tâm không điên đảo. Nói cách khác, đó là tu Định, tu Huệ. Nếu thường nắm níu thì quý vị hãy nghĩ xem: Làm sao quý vị có thể đắc Định? Tâm quý vị làm sao thanh tịnh được? Chẳng thể nào! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên, tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh. Đạo tràng này từ lúc kiến tạo mãi cho đến ngày nay, chúng tôi chưa hề đi hóa duyên. Mọi người giúp đỡ đạo tràng này [chi tiêu] cũng vừa khít, mỗi tháng đạo tràng chẳng có tiền dư ra, tháng nào chi tiêu cũng vừa đủ, tốt lắm! Tuyệt khéo! Chúng tôi muốn làm thêm một ít chuyện, thu nhập tháng ấy bèn nhiều hơn một chút. Không làm gì, thâm nhập bèn ít hơn, tuyệt diệu vô cùng! Chẳng bận lòng! Phạm là muốn làm chuyện gì, nhất định làm thành công chuyện ấy, chẳng phan duyên, chẳng tích cớ. Thân tâm thanh tịnh, không có bất cứ áp lực nào, như vậy mới là tự tại! Chúng ta nhất định phải làm cách nào, làm như thế nào, muốn nghĩ cách để kiếm tiền, muốn đi hóa duyên, mệt chết luôn! Làm như vậy thì “được chẳng bù nổi mất”, tuyệt đối là sai lầm! Điều này cho thấy: Tâm chúng ta thanh tịnh là bậc nhất, trong tâm thanh tịnh, tự nhiên sanh trí huệ, có thể khôi phục những khả năng sẵn có của chúng ta. Không riêng gì hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, đương nhiên Tây Phương Tịnh Độ cũng bao gồm trong ấy; Tây Phương Tịnh Độ cũng ở trong nhất tâm, mà cũng chẳng ra ngoài mười pháp giới.

Câu “*Tịnh Độ sở hữu y báo chánh báo*” (tất cả y báo và chánh báo trong Tịnh Độ) chỉ thế giới của Tây Phương A Di Đà Phật, “*nhất nhất giai thị Bốn Giác diệu minh*” (mỗi mỗi đều là Bốn Giác diệu minh) đặc biệt nêu ra chỗ thù thắng. Phần trước nói “*vô nhất pháp xuất u tâm ngoại*” (không có pháp nào ra ngoài tâm), cái tâm chúng ta có tịnh, có uê, có mê, có ngộ; do vậy mới có mười pháp giới. Tịnh Độ chỉ có ngộ mà không có mê, chỉ có tịnh, chứ không có nhiễm, đây là điều kiện cần phải hội đủ để vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Phải nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thời thời khắc khắc giữ gìn cái tâm thanh tịnh của chính mình, đừng để nó bị ô nhiễm bởi

cảnh giới. Nói “ô nhiễm” tức là nói động tâm; khởi tham, sân, si, mạn là bị ô nhiễm. Thuận với tâm mình bèn khởi tham ái, quý vị đã bị ô nhiễm [bởi tham ái]. Chẳng hợp ý mình bèn dấy lên nóng giận, quý vị bị sân khuê ô nhiễm. Quý vị phải hiểu: Thất tình, ngũ dục là tướng trạng và hình dạng của ô nhiễm. Nếu đối với hết thấy cảnh giới, chúng ta chẳng khởi thất tình, ngũ dục, giữ tâm thanh tịnh, bình đẳng, hiểu rành rẽ, rõ ràng hết thấy cảnh giới, điều nào nên làm chúng ta bèn tận tâm tận lực làm, làm cho viên mãn, tâm ấy là tâm thanh tịnh. Tâm như vậy mới có thể sanh về Tịnh Độ, tương ứng với Tịnh Độ, đây là “*Bốn Giác diệu minh*”. Bốn chữ “*Bốn Giác diệu minh*” phát xuất từ kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác cũng có. Dưới đây là một tỷ dụ:

(Sớ) Thí chi bình, hoàn, thoa, xuyên, khí khí duy kim.

(疏) 譬之瓶環釵釧，器器唯金。

(Sớ: Thí như bình, hoa tai, thoa, xuyên, món nào cũng chỉ là vàng).

Cổ đức thường dùng tỷ dụ này: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Vàng ví như Thể, những món đồ ví như Tướng. Tướng tuy khác nhau, nhưng Thể là một. “*Bình*” (瓶) là bình đựng nước hoặc bình cắm hoa. “*Hoàn*” (環) là vòng đeo tai, “*thoa*” (釵) là trâm cài đầu, “*xuyên*” (釧) là vòng đeo tay, những món này đều bằng vàng. Đồ vật tuy khác, nhưng chất liệu giống nhau, món nào cũng đều bằng vàng.

(Sớ) Khê giản giang hà, lưu lưu nhập hải.

(疏) 溪澗江河，流流入海。

(Sớ: Khe, ngòi, rạch, sông, dòng nước nào cũng đều đổ vào biển cả).

Đây là tỷ dụ thứ hai, dùng nước làm tỷ dụ. “*Khe giản*” là những dòng sông nhỏ. “*Giang hà*” là những con sông lớn. Bất kể là sông cái hoặc suối nhỏ, nước giống nhau; đã thế, những dòng nước ấy đều chảy vào biển cả.

(Sớ) Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã.

(疏) 無不從此法界流，無不還歸此法界也。

(Sớ: Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất. Không có gì chẳng trở về pháp giới này).

Đây là nói rõ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, bao gồm cả hai pháp y báo và chánh báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, từ nhất tâm biến hiện ra, trở về nhất tâm, chẳng lìa ngoài nhất tâm. Vì vậy, nhất tâm là bản thể, là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Nhất tâm thì tâm ở nơi đâu? Đây là một câu hỏi rất lớn, nếu quý vị nói tâm ở trong thân thể của chúng ta, nếu quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết: Đức Phật gạn hỏi ngài A Nan tâm ở chỗ nào? A Nan trước hết nói tâm ở bên trong, bị Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi dồn đến mức không nói gì được, ép đến nỗi A Nan không có cách gì hết. Đại khái tâm chẳng ở bên trong, chẳng ở ngoài thân, ở bên ngoài chẳng phải, bên trong cũng không phải, khoảng giữa cũng không phải. Ngài A Nan rất thông minh, nghĩ đến bảy chỗ, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật đều bác sạch, bảy chỗ đều trật, rốt cuộc tâm ở nơi đâu? Nếu có thể hiểu được đoạn văn ấy, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, tâm không đâu chẳng tồn tại!

Trong phần trên đã có nói, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, những thứ được hiện và biến có thể vượt ra ngoài phạm vi của tâm hay không? Vượt không được! Do vậy, trong kinh đức Phật bảo chúng ta: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Tâm chúng ta quá lớn, tận hư không, khắp pháp giới đều nằm trong tâm chúng ta, tâm lượng to lớn! Hiện thời, tâm lượng của chúng ta quá nhỏ, hai người chẳng thể dung nạp lẫn nhau, đáng thương! Thật sự đáng thương! Mê rồi! Vì sao hai người chẳng thể dung nạp lẫn nhau? Vì họ khởi lên phân biệt, khởi lên chấp trước. Phân biệt, chấp trước chẳng phải là tâm (chân tâm), trong tâm (chân tâm) không có phân biệt, chấp trước, trong thức mới có phân biệt, chấp trước. Do vậy, chúng ta nói “tâm” tức là nói tới chân tâm, thức là vọng tâm. Trong vọng tâm có phân biệt, chấp trước, trong chân tâm không có. Chân tâm là thanh tịnh, bình đẳng. Khi tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng, hết thấy pháp giới quả thật là một, không hai, nên mới có thể thật sự tiêu hóa, dung hội. Vì vậy, tâm lượng nhỏ bé, sẽ không có cách nào tiêu hóa, dung hội, vì sao? Giới hạn quá nhiều, phân biệt, chấp

trước quá nhiều. Nếu bỏ được phân biệt, chấp trước, thì sẽ tiêu hóa, sẽ dung hội, vạn pháp quy nhất chính là dung hội. Trong Phật pháp còn có một danh từ khác [để gọi] sự dung hội ấy: Quý vị chứng đắc thanh tịnh Pháp Thân. Thanh tịnh Pháp Thân là y báo và chánh báo dung thông vô ngại. Chúng ta thường nói chứng đắc Pháp Thân là thành Phật. Chỉ có Phật mới có thể chứng đắc Pháp Thân.

(Diễn) Thế xuất thế gian bất xuất tâm ngoại giả, thế gian nhiễm pháp, xuất thế gian tịnh pháp.

(演) 世出世間不出心外者, 世間染法, 出世間淨法。

(Diễn: “Thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài tâm”: Thế gian là nhiễm pháp, xuất thế gian là tịnh pháp).

Thế gian là nhiễm pháp, là lục phạm pháp giới; xuất thế gian là tịnh pháp, tứ thánh pháp giới. Địa vị thấp nhất trong tứ thánh là A La Hán, A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não. Kiến Hoặc có năm loại lớn:

- Thân Kiến: Chấp trước thân này là ta. Hiện thời có ai chẳng nói thân là ta? Hết sức yêu thương, bảo vệ cái thân này, cho rằng thân là ta, đây là sai lầm. Vì quý vị có thứ chấp trước này, nên quý vị chẳng thể đắc nhất tâm, chẳng thể đắc thanh tịnh, chẳng thể liễu sanh thoát tử, vì sao? Quý vị chấp thân này là ta, thân là sanh diệt, nó nhất định phải sanh tử.

Khi nào quý vị hiểu cái thân này chẳng phải là ta thì hãy hỏi: Cái gì sanh tử? Không có sanh tử. Sanh tử thật ra không có. Trên thực tế, thân này chẳng phải là ta, trong thân không có Ngã, có đạo lý rất sâu ở nơi đây.

- Biên Kiến: Biên Kiến cũng là phân biệt, chấp trước. Phạm cái gì là tương đối thì đều là Biên Kiến. Có lớn phải có nhỏ. Có ta thì phải có người. Có đúng thì phải có sai. Có chánh thì phải có tà. Đó là Biên Kiến.

- Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến: Hai thứ này chúng ta thường gọi là “thành kiến”, [chúng ta hay nói] người nào đó có thành kiến rất sâu. Có thành kiến về phương diện tu nhân hay phương diện tu hành thì gọi là Giới Thủ Kiến. Có thành kiến nơi quả báo thì gọi là Kiến Thủ Kiến.

- Tà Kiến: Hết thấy những kiến giải sai lầm chẳng thuộc vào bốn loại lớn trên đây thì gọi là Tà Kiến.

A La Hán không có năm loại kiến giải sai lầm to lớn này, tâm thật sự thanh tịnh.

Tư Hoặc gồm năm loại lớn: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Tham ái, nóng giận, ngu si. Ngu si là tà - chánh, đúng - sai, chân - vọng chẳng thể phân biệt. Mạn là ngạo nghễ, ngã mạn. Nghi là hoài nghi Phật pháp và chánh pháp. Năm loại tư tưởng sai lầm này A La Hán cũng không có. Đủ thấy khi ấy, tâm vị ấy thật sự thanh tịnh, Phật học gán cho vị ấy một danh từ là Chánh Giác.

A La Hán là Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là “*xuất thế tịnh pháp*”. Trên A La Hán còn có Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, đương nhiên khỏi cần phải bàn tới rồi!

(Diễn) Nhiễm tịnh tuy thù.

(演) 染淨雖殊。

(Diễn: Nhiễm và tịnh tuy khác).

“Thù” (殊) là không giống nhau.

(Diễn) Bất ly tự tâm.

(演) 不離自心。

(Diễn: Chẳng lìa tự tâm).

“Nhiễm” do tự tâm biến hiện, “tịnh” cũng do tự tâm biến hiện. Tự tâm tịnh biến thành tứ thánh pháp giới, tự tâm nhiễm biến thành lục phàm pháp giới. Toàn là do một tâm biến ra.

(Diễn) Dĩ ly tâm vô lục đạo, ly tâm vô tam thừa cố.

(演) 以離心無六道，離心無三乘故。

(Diễn: Do lìa khỏi tâm không có lục đạo, lìa khỏi tâm chẳng có tam thừa).

“Tam thừa” là Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa.

(Diễn) Tịnh Độ y chánh, giai thị Bản Giác giả.

(演) 淨土依正，皆是本覺者。

(Diễn: Y báo và chánh báo của Tịnh Độ đều là Bản Giác).

Dựa trên những điều được giảng trong kinh này, kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh thì...

(Diễn) *Y tức bảo trì, hàng thụ đẳng, chánh tức Phật cập Bồ Tát, tam bối cứu phẩm đẳng.*

(演) 依即寶池行樹等，正即佛及菩薩三輩九品等。

(Diễn: *Y báo là ao báu, hàng cây v.v... Chánh báo là Phật, Bồ Tát và ba bậc chín phẩm vãng sanh v.v...)*

Phàm là những người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc về chánh báo.

(Diễn) *Như hậu văn sở minh, bảo trì tức tự tánh chi uông dương xung dung, hàng thụ tức tự tánh chi xuất sanh chúng thiện.*

(演) 如後文所明。寶池即自性之汪洋冲融，行樹即自性之出生眾善。

(Diễn: *Như trong phần sau [của Sớ Sao] sẽ giảng: Ao báu chính là tự tánh môn minh, bát ngát, hàng cây chính là tự tánh xuất sanh các điều lành).*

“Thụ” (樹) nghĩa là “thụ lập” (樹立: dựng lên), kiến tạo, kiến lập. Kiến lập hết thấy thiện pháp, dùng theo ý nghĩa này.

(Diễn) *Thanh Văn tức tự tánh Chân, Bồ Tát tức tự tánh Tục, Phật tức tự tánh Trung.*

(演) 聲聞即自性真，菩薩即自性俗，佛即自性中。

(Diễn: *Thanh Văn là Chân trong tự tánh, Bồ Tát là Tục trong tự tánh, Phật là Trung trong tự tánh).*

“Trung” là Trung Đạo. Đây là nói về Tam Đế: Chân Đế, Tục Đế và Trung Đế.

(Diễn) *Hựu phục nhất niệm cụ tức tam thiên, nhi tam thiên trung, sanh âm nhị thiên vi chánh.*

(演) 又復一念具足三千，而三千中，生陰二千為正。

(Diễn: Lại nữa, nhất niệm trọn đủ ba ngàn điều, nhưng trong ba ngàn điều ấy, chúng sanh và Ngũ Ấm gồm hai ngàn điều là chánh báo).

“Sanh” là chúng sanh, tức hữu tình chúng sanh. “Ấm” là Ngũ Ấm. Thân của hết thảy chúng sanh đều là thân Ngũ Ấm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. “Tam thiên” biểu thị hết thảy các pháp thiện, ác, Tánh, Tướng trong thế gian và xuất thế gian.

(Diễn) Quốc độ nhất thiên thuộc y.

(演) 國土一千屬依。

(Diễn: Một ngàn điều trong phạm vi cõi nước thuộc về y báo).

Nói tới y báo.

(Diễn) Quốc độ y chánh ký cư nhất tâm, nhất tâm khởi phân Năng, Sở, cố viết nhất nhất giai thị. Khí khí duy kim, thị toàn vọng toàn chân nghĩa. Lưu lưu nhập hải, thị hội vọng quy chân nghĩa.

(演) 國土依正既居一心，一心豈分能所，故曰一一皆是。器器唯金，是全妄全真義。流流入海，是會妄歸真義

◦
(Diễn: Cõi nước, y báo, và chánh báo đã thuộc trong nhất tâm thì làm sao có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở. Cho nên nói “mỗi pháp đều là”. “Món nào cũng chỉ là vàng” tức là ý nghĩa toàn chân tức vọng, toàn vọng tức chân. “Dòng nào cũng đổ vào biển” là ý nghĩa dung thông vọng để quy kết vào chân).

Chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa trong đoạn kinh văn này.

(Diễn) Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới giả, pháp giới vị Nhất Chân pháp giới, tức Khởi Tín Tâm Chân Như môn. Lưu hữu lưu xuất nghĩa, vị tùng bình đẳng pháp giới, nhất niệm bất giác, lưu xuất tam tế lục thô chủng chủng cảnh giới. Hoàn hữu hoàn chuyển nghĩa, vị: Nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng, nhi nhất thiết cảnh giới toàn thị diệu minh.

(演) 無不從此法界流，無不還歸此法界者，法界謂一真法界，即起信心真如門。流有流出義，謂從平等法界，一念不覺，流出三細六粗種種境界。還有還轉義，謂若離心念，則無一切境界之相，而一切境界全是妙明。

(Diễn: Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này. Nói “pháp giới” nghĩa là Nhất Chân pháp giới, tức là Tâm Chân Như môn trong Khởi Tín Luận. “Lưu” có nghĩa là lưu xuất, ý nói: Từ pháp giới bình đẳng do một niệm bất giác mà lưu xuất tam tế, lục thô và các thứ cảnh giới. “Hoàn” có nghĩa là hoàn chuyển (xoay trở về), ý nói: Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của hết thấy các cảnh giới, mà hết thấy cảnh giới hoàn toàn là diệu minh).

Ý nghĩa này rất sâu, lần sau chúng tôi sẽ giảng tường tận, hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 43

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi ba:

(Sớ) Lương diêu thế xuất thế gian, vô nhất pháp xuất u tâm ngoại. Tịnh Độ sở hữu y báo, chánh báo, nhất nhất giai thị Bồ Giác diệu minh. Thí chi bình, hoàn, thoa, xuyên, khí khí duy kim. Khê, giản, giang, hà, lưu lưu nhập hải, vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã.

(疏) 良繇世出世間，無一法出於心外，淨土所有依報正報，一一皆是本覺妙明。譬之瓶環釵釧，器器唯金。溪澗江河，流流入海。無不從此法界流，無不還歸此法界也。

(Sớ: Ấy là vì trong thế gian lẫn xuất thế gian, không một pháp nào ra ngoài tâm. Tất cả y báo và chánh báo của Tịnh Độ, mỗi thứ đều là Bồ Giác diệu minh. Ví như bình, vòng, thoa, xuyên, món nào cũng chỉ là vàng. Khê, suối, sông, rạch, dòng nào cũng đều đổ vào biển, không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này).

Bắt đầu xem từ đoạn này, đại ý của đoạn này đã nói trong lần trước, nhưng vì thời gian hạn chế nên tôi không thể giảng cặn kẽ được. Lần này, các vị đồng tu muốn tôi nói cặn kẽ hơn một chút. Do vậy, chúng ta lại bắt đầu xem từ chỗ này. Chỉ thú của đoạn này chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Hôm nay, các đồng tu nghe giảng phần mở đầu kinh Hoa Nghiêm, nghe giảng hai đoạn đầu trong phần Năm Tầng Huyền Nghĩa (Ngũ Trùng Huyền Nghĩa), ngày mai mới có thể thảo luận các phần Hiện Thể, Minh Tông, và Luận Dụng, nhưng đã có thể thấy được ý nghĩa rồi! Những điều này toàn là cảnh giới đích thân chứng nhập của Phật và đại Bồ Tát nơi quả địa. Đây mới gọi là pháp giới chân thật. Thường là đối với những cảnh giới giống như thế này, khi chúng ta mới tiếp xúc, ắt cảm thấy nghi hoặc vì chúng hoàn toàn khác với kiến thức và sự thấy nghe thông thường của chúng ta. Chúng ta đã quen với cảnh giới hư vọng, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay đã dưỡng thành thói quen, nay đức Phật giảng lẽ chân thật, đâm ra chúng ta rất khó tiếp nhận! Hy vọng các đồng tu học Phật huân tập lâu ngày sẽ có thể dần dần khế nhập, nhưng

điều quan trọng nhất là quý vị đích thân chứng đắc cảnh giới này thì mới là thụ dụng chân thật.

Trước hết, chúng ta phải tin tưởng. Do vậy, các bộ kinh lớn thường nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Lòng tin là nguồn đạo, là mẹ của các công đức). Trước hết phải tin tưởng, đức Phật quyết định chẳng dối gạt chúng ta. Đức Phật chế định căn bản đại giới là “bất vọng ngữ” thì làm sao đức Phật có thể dối gạt chúng ta được? Cũng có người nói: “Cũng có khi vì thiện ý đức Phật mà nói dối, mong chúng ta cảm thấy được an ủi!” Nếu quý vị nghĩ là thiện ý thì cách nghĩ ấy cũng sai bét rồi! Dẫu vì thiện ý, đức Phật cũng chẳng dùng đến vọng ngữ. Vì trong Phật pháp, nếu chúng ta phát hiện đức Phật đã từng nói dối một lần, tín tâm của chúng ta đối với đức Phật sẽ bị giảm bớt. Vì sao? Đức Phật đã từng nói dối một lần, đại khái là lần này chúng ta cũng khó thể tin cậy được! Tình hình này giống như trong thế gian, người Trung Quốc thường nói: “*Quân tử còn chẳng chịu làm, huống hồ Phật, Bồ Tát?*” Vì thế, kiến lập tín tâm hết sức trọng yếu. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, nói pháp môn nào, chắc chắn đức Phật chẳng nói dối một chữ, đúng như trong kinh Kim Cang, Ngài đã nói: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cuống ngữ giả*” (Như Lai là bậc nói lời thật, nói đúng như thật, chẳng nói sai khác, chẳng nói dối). Điều này khiến cho chúng ta có tín tâm to lớn không gì bằng. Vì thế, đầu tiên là phải tin tưởng.

Lòng tin trong Phật pháp không phải là mê tín. Tin rồi, nhất định phải cầu giải (thấu hiểu). Nói cách khác, chúng ta tin tưởng chuyện này, về mặt Sự thì hợp lý, có căn cứ lý luận. Sau khi đã hiểu rõ Lý, vẫn chưa phải là hết, còn phải chứng thực. Nếu chẳng đích thân chứng đắc, lòng tin ấy chẳng phải là lòng tin chân chánh. Phật pháp khác biệt các tôn giáo khác ở chỗ này. Phật pháp là phải cầu chứng, phải nhất định đích thân chứng thực những gì đã tin. Thật sự có thể giới Tây Phương, nơi ấy cũng thật sự có, mà cũng thật sự có thể chứng đắc được. Trong quá khứ, không phải ở Ấn Độ, mà ở Trung Quốc, quý vị đọc những điều được ghi chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, quả thật có người lúc vãng sanh bèn chứng đắc [cõi Cực Lạc].

Người thứ nhất nói rõ cho chúng ta biết là Huệ Viễn đại sư thời Đông Tấn. Ngài sống cùng thời đại với những danh nhân trong lịch sử Trung Quốc như Đào Uyên Minh, Tạ Linh Vận... Trong thời ấy, Cưu Ma La Thập đại sư cũng đến Trung Quốc vào lúc đó. Các vị này đều là những người rất nổi tiếng. Ngài Huệ Viễn lập Liên Xã tại Lô Sơn cùng

với các đồng tu chí đồng đạo hợp niệm Phật. Do vậy, Tịnh Độ Tông do lão nhân gia kiến lập đầu tiên, liên xã của Ngài là liên xã đầu tiên của Trung Quốc, Ngài là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông. Khi Ngài vãng sanh đã nói rõ cùng đại chúng đồng tu: Khi Ngài niệm Phật (Ngài suốt đời niệm Phật), từng ba lượt thấy thế giới Tây Phương hiện ra trước mặt. Ngài không nằm mộng, mà là đang trong lúc chỉ tịnh khi niệm Phật.

Điều này cũng chẳng giống như Thiên Tông tham Thiền, chẳng phải vậy, mà là khi niệm Phật đạt đến tâm thanh tịnh, Tây Phương Cực Lạc thế giới hiện tiền, trong một đời Ngài đã thấy ba lần. Ngài thấy cảnh giới ấy hoàn toàn giống như trong kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh đã nói. Lúc Ngài tịch, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và các vị thượng thiện nhân đến đón tiếp Ngài. Trong số ấy còn có những người Ngài quen biết, tức là những người cộng tu trong Liên Xã nhưng đã vãng sanh trước, đều cùng theo A Di Đà Phật đến đón tiếp Ngài. Cảnh giới ấy rõ ràng, rành mạch, chúng ta thường là do mắt thịt nên không thể thấy, nhưng Ngài có thể thấy, đó là thật, chẳng phải giả!

Vậy thì người không niệm Phật, thưa quý vị, khi họ lâm chung cũng có cảnh giới hiện tiền, nhưng chúng ta không thấy. Nếu quý vị muốn cầu chúng, có thể đến bệnh viện Vĩnh Dân, hoặc bệnh viện Tam Quân, quý vị hãy đến đó cầu chúng, các bác sĩ và y tá nơi đó đều biết. Trước khi bệnh nhân sắp mất một hai ngày, sẽ lại thấy người này, người nọ, thấy cả đồng người, nói với mọi người: “Người này đứng trước mặt tôi, người nọ đứng ở chỗ nào đó”. Chúng ta không thấy, nhưng những điều người ấy thấy hoàn toàn là chân thật, chẳng giả chút nào. Do vậy, quá nửa là họ thấy tướng ác, tướng hung ác.

Chúng tôi cũng có một vị đồng tu, khi cha ông ta bệnh nặng, cũng thấy có người rất hung ác. Họ đưa ông cụ ra ngoài phòng bệnh, đỡ cụ lên xe lăn để đưa cụ đi dạo trên hành lang. Khi trở về phòng, cụ chẳng dám vào, nói: “Trong đó có rất nhiều người, thái độ và diện mạo hết sức đáng sợ”, sợ đến nỗi cụ không dám bước vào. Người khác vào phòng xem chẳng thấy gì cả mà cụ vẫn chẳng dám vào. Ngày hôm ấy không có cách nào khác, chỉ đành đưa cụ về nhà. Đây là cảnh giới ác hiện tiền! Khéo sao trong nhà cụ con ruột, con dâu đều niệm Phật, nghe cụ kể cảnh giới ấy, tuyệt đối chẳng phải là giả; do vậy, họ khuyên cụ niệm Phật.

Niệm Phật mấy hôm, cụ bảo người nhà: “Cảnh giới ấy không còn nữa, chẳng thấy nữa!” Lại niệm mấy hôm, cụ thấy A Di Đà Phật. Chẳng những cụ trông thấy, mà con cái cụ cũng trông thấy, nhưng hai người trông thấy khác nhau. Con của cụ thấy một tượng A Di Đà Phật đứng

(sắc vàng), tượng Phật ấy tợ hồ ở trên cửa sổ. Cửa sổ được lắp kiếng trong suốt, thấy tượng Phật ấy dường như ở trên cửa sổ. Thấy rất lâu, gần như cả mười phút, tượng chẳng biến mất mà luôn ở đó. Đến cuối cùng càng nhìn thấy tượng càng nhỏ, nhỏ dần rồi biến mất. Do vậy, đây là cảnh giới chân thật, trọn chẳng phải là hoa mắt. Vì thế, cảnh giới ấy thật sự có, cảnh giới đều là duy tâm sở hiện; bởi vậy, nói “*chẳng ngoài nhất tâm, chẳng ở ngoài tâm*”. Chúng ta hãy đọc lời chú giải trong sách Diễn Nghĩa.

(Diễn) Thế xuất thế gian, bất xuất tâm ngoại giả.

(演) 世出世間，不出心外者。

(Diễn: “Thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài tâm” là...)

Chúng ta xem đoạn này.

(Diễn) Thế gian nhiễm pháp.

(演) 世間染法。

(Diễn: Thế gian là nhiễm pháp).

Trước tiên, chúng tôi giải thích “*pháp*” là gì. Trong nhà Phật, chữ này được dùng rộng rãi nhất. Do vậy gọi là Phật pháp, Phật pháp vô biên! Trong Phật môn, chữ “*pháp*” được giải thích là một đại danh từ chung, bao gồm hết thầy lý luận, hết thầy hiện tượng, hết thầy sự vật trong vũ trụ, có thể nói là quá nhiều, không thể kể xiết. Lớn như hư không, thế giới, nhỏ như một ngọn cỏ, một cái cây, một hạt vi trần, đều có thể nói quá phức tạp, quá ư là nhiều. Nếu chúng ta nói từng chuyện, sẽ chẳng thể nói cùng tận. Vì vậy, Phật pháp dùng một chữ để làm đại danh từ chung, chữ ấy chính là “*pháp*”. Do đó, “*pháp*” là đại danh từ chung cho hết thầy vạn sự vạn vật thuộc vũ trụ và nhân sinh.

Pháp chẳng có nhiễm hay tịnh, làm sao pháp có thể nhiễm hay tịnh cho được? Không thể nói nhiễm, mà cũng chẳng thể nói tịnh. Nhiễm hay tịnh là do tâm, nhiễm hay tịnh là do cái tâm của chính mình. Nếu đối với pháp này, tâm chúng ta chấp tướng, chấp trước nó, khởi lên ý niệm thì nó bèn nhiễm, bị ô nhiễm rồi! Nói thật ra là “*chẳng nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà chẳng nhiễm*”. Nếu tâm thanh tịnh thật sự bị ô nhiễm, há còn có thể trừ khử ô nhiễm được sao? Chẳng thể trừ được! Vì sao nói chẳng

nhiễm mà nhiễm? Ví như hai ngày nay trời u ám, chúng ta thấy trời kéo rất nhiều mây, mây che khuất ánh sáng mặt trời, mặt trời bị mây ô nhiễm rồi! Mây có thể ngăn che mặt trời hay chẳng? Chẳng thể nào! Một áng mây quá nhỏ. Các nhà khoa học hiện thời đã biết: Thái dương lớn hơn địa cầu một trăm ba mươi vạn lần, bỏ địa cầu vào trong mặt trời, bé tí, chẳng bị cháy tiêu hay sao? Mây làm sao có thể ngăn che mặt trời? Tình hình này chính là “chẳng nhiễm mà nhiễm”, [tức là] giống như bị nhiễm, chứ thật ra chẳng nhiễm. Do vậy, tâm thanh tịnh là chân thật, tâm ô nhiễm là giả, là bất đắc dĩ mà nói, là mê một lúc, trọn chẳng phải là cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị mất đi. Vì thế, đối với nhiễm mà nói tịnh, tịnh và nhiễm là tương đối, đều nhằm mục đích thuyết pháp thuận tiện mà lập ra danh tướng, đó là danh từ thuật ngữ.

Nói tới “nhiễm” tức là khởi lên ý niệm tham, sân. Trong cảnh giới chúng ta thường tiếp xúc, đối với những cảnh rất phù hợp ý nghĩ của chính mình bèn khởi tâm tham. Tham là nhiễm, vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có tham. Tham là phiền não, không có phiền não ấy. Đối với cảnh giới chẳng hợp ý nghĩ của chính mình bèn khởi tâm sân. Nóng giận do nghịch cảnh sanh ra, tham ái do thuận cảnh sanh ra, chúng đều ô nhiễm cái tâm thanh tịnh, ô nhiễm trí huệ quang minh sẵn có, nên gọi là “nhiễm”. Chúng tôi nêu lên hai thí dụ này, chúng là căn cội to lớn của nhiễm pháp; nếu nói cạn kẽ, sẽ chẳng thể nói hết được! Vì vậy, những thứ này đều gọi là “phiền não”.

Phật pháp nói tới vô lượng vô biên phiền não. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện nói “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Tham, sân là căn bản, là đại căn đại bản. Khi viết Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã quy nạp vô lượng vô biên phiền não thành hai mươi sáu loại lớn, có sáu món là Căn Bản Phiền Não, hai mươi món [còn lại] là Tùy Phiền Não. Rất nhiều đồng tu đã từng đọc luận này. Đây là những điều được giảng trong Bách Pháp Minh Môn Luận. Trong kinh luận, chúng ta thường thấy nói tới Kiến Tư phiền não, thật ra chúng chính là Căn Bản Phiền Não như trong Bách Pháp Minh Môn Luận đã giảng⁵². Kiến Hoặc gồm năm loại, Tư Hoặc gồm năm loại. Kiến Hoặc là những sai lầm về

⁵² Theo Bách Pháp Minh Môn Luận, Căn Bản Phiền Não gồm Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, và Bất Chánh Kiến, còn Kiến Tư Phiền Não thì gồm mười loại; vì sao lại nói Kiến Tư Phiền Não chính là Căn Bản Phiền Não? Nếu xét kỹ, ta thấy Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi chính là Tư Phiền Não (Tư Hoặc), còn Bất Chánh Kiến chính là Kiến Hoặc. Nếu phân tích tỉ mỉ thì Bất Chánh Kiến được chia thành năm thứ nhỏ hơn là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến và Tà Kiến.

mặt kiến giải, phát sanh từ những kiến giải sai lầm. Tu Hoặc là do tu tưởng sai lầm biến hiện. Những điều này đều là duy thức sở biến, biến ra, chúng thật sự không có, mà là giả có.

Nếu quý vị chẳng hiểu chân tướng sự thật này, chúng sẽ khởi tác dụng, quý vị bị chúng nó trói buộc, sẽ chịu khổ, có cảm giác khổ sở. Nếu quý vị quán sát, thấy thấu suốt nó là giả, chẳng thật, quý vị sẽ thoát khỏi những phiền não ấy. Có thể giải thoát, có thể vượt thoát, thậm chí có thể chuyển biến nó, đó gọi là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”. Thật ra, trí huệ và phiền não là một chuyện, khi mê thì là vô lượng vô biên phiền não; lúc ngộ bèn là vô lượng vô biên trí huệ. Nó là một thứ, chẳng phải hai thứ; phiền não ta không cần, được rồi, trí huệ cũng chẳng có. Bản thể của chúng là một, quý ở chỗ biết chuyển biến. Quý vị phải tự mình biết chuyển biến, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn. Thế là một, không hai.

Có nhiệm pháp tồn tại thì chúng ta gọi là thế gian; nếu không có nhiệm pháp thì chúng ta gọi đó là xuất thế gian. Thật ra, thế gian cũng chẳng có xuất hay nhập! Xuất thế và nhập thế cũng chỉ là một danh từ bị biến hóa mà thôi. Thuật ngữ văn tự đâu có thế gian hay xuất thế gian? Chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này. Vì vậy, một mê, hết thấy mê; một ngộ, hết thấy ngộ, quyết chẳng phải là nói ta ngộ nơi này, ta mê nơi kia, không có lẽ ấy! Đó là một, chẳng phải hai. Nếu nói bản thân chúng ta khai ngộ rồi, có rất nhiều người chẳng liễu giải chân tướng sự thật này, tự cho mình là khai ngộ, lại còn có những kẻ đi chứng minh cho người khác, tức là chúng nhận người khác khai ngộ. Tại Los Angeles, tôi đã từng thấy hiện tượng này.

Khi tôi đang giảng kinh, trong thính chúng có người bảo tôi: “Có năm người đã khai ngộ. Có vị Thượng Sư X... xoa đầu thọ ký cho họ, nói năm người ấy đã khai ngộ”. Trong số ấy, có hai người cũng đến thăm hỏi tôi, tôi vừa nhìn, [biết ngay là họ] chưa khai ngộ! Vì sao biết họ chưa ngộ? Họ đến thưa hỏi tôi, thỉnh giáo tôi mấy vấn đề, tôi trả lời: “Nếu quý vị đã khai ngộ, quý vị chẳng đến gặp tôi, cũng chẳng hỏi tôi này nọ. Nếu quý vị đến hỏi tôi, đến chỗ tôi thỉnh giáo, đủ thấy quý vị chưa khai ngộ. Đó là thật, chẳng giả chút nào! Vì sao? Tôi chưa khai ngộ, quý vị đã khai ngộ mà còn có câu hỏi phải đến hỏi tôi là một kẻ chưa khai ngộ, chẳng phải là quý vị điên đảo hay sao? Lẽ đâu có chuyện ấy? Gạt kẻ lơ mơ mà thôi!”

Họ bèn hỏi tôi: “Người khai ngộ là như thế nào?” Tôi nói: - Người khai ngộ thông đạt hết thấy. Quý vị đọc *Đàn Kinh*, *Lục Tổ* đã khai ngộ,

Lục Tổ hướng về ai thỉnh giáo? Chỉ có người ta đến thỉnh giáo Ngài, Ngài “một ngộ, hết thầy ngộ”. Lục Tổ chưa từng đọc kinh, bất cứ ai đem những điều gì trong kinh điển đến hỏi Ngài, Lục Tổ không biết chữ, quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài vừa nghe xong liền giảng đạo lý cho quý vị nghe, giảng thật viên mãn, chẳng sai tí nào. Đó là khai ngộ. Nay quý vị khai ngộ, nhưng cầm kinh điển xem không hiểu, còn đến hỏi tôi, chúng tôi quý vị chưa khai ngộ! Kẻ ẩn chứng cho quý vị đã khai ngộ là hạng gạt người!

Là vì trong hiện tại, những người trẻ tuổi ham cao chuộng xa, ưa lạ chuộng quái, vì thế có những kẻ cố ý giở trò để lường gạt, chính quý vị bị gạt mà không biết, thật đáng thương! Họ thọ ký cho quý vị, nói quý vị đã khai ngộ. Quý vị đi rồi, họ cười sau lưng quý vị: “Đồ ngốc nghếch! Thứ đàn độn! Lừa gạt nó mà nó vẫn chẳng biết gì! Nó cứ tưởng nó đã thật sự khai ngộ”. Do vậy, ngộ và chẳng ngộ, chính mình hiểu đích xác, ngộ thì tâm thanh tịnh, mê thì tâm khởi phiền não, tâm chẳng bình tịnh, vọng niệm rất nhiều; đó đều là hiện tượng mê hoặc.

(Diễn) Nhiễm tịnh tuy thù, bất ly tự tâm.

(Động) 染淨雖殊，不離自心。

(Diễn: Nhiễm tịnh tuy khác, chẳng lìa tự tâm).

“Nhiễm - tịnh” tuy là hai thứ cảnh giới khác xa nhau, nhưng “bất ly tự tâm”: Một đằng là tâm ngộ, một đằng là tâm mê. Nếu tâm ngộ thì là tịnh, được gọi là xuất thế gian. Nếu tâm mê thì là nhiễm, được gọi là thế gian. Đều là tâm, tâm giác hay mê [mà thôi]!

(Diễn) Dĩ ly tâm vô lục đạo.

(Động) 以離心無六道。

(Diễn: Vì lìa tâm thì không có lục đạo).

Cảnh giới được hiện bởi mê và ngộ khác nhau. Khi mê, Nhất Chân pháp giới biến thành cảnh giới lục đạo luân hồi. Do vậy, lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do chính mình biến hiện. Chính mình biến hiện cho chính mình thụ dụng, cho chính mình chịu đựng. Khổ quá! Ví như chính mình chế tạo xiềng chân, còng tay, chế tạo ra chúng để làm gì? Để tự trói buộc mình. Kẻ mê hoặc làm chuyện ấy, giống như tầm kéo kén tự

trói buộc mình. Người mê hoặc làm chuyện ấy. Sau khi đã ngộ thì là tam thừa.

(Diễn) *Ly tâm vô tam thừa cố.*

(演) 離心無三乘故。

(Diễn: *Lìa tâm thì chẳng có tam thừa).*

“Tam thừa” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, vượt thoát lục đạo. Do vậy nói: Ngộ thì lục đạo biến thành tam thừa, mê thì tam thừa biến thành lục đạo. Cảnh chuyển theo tâm, chẳng phải là tâm chuyển theo cảnh. Đức Phật chỉ điểm cho chúng ta điều này; nói thật ra, đúng là ân đức không chi lớn bằng! Do từ khai thị này, chúng ta đích xác có cơ duyên phá mê khai ngộ, có cơ hội ấy. Do trước kia, chúng ta không biết chân tướng sự thật này, Ngài bảo cho chúng ta biết.

Hiện tượng thật sự vốn là là cảnh giới chuyển theo tâm. Hễ cảnh giới chuyển biến theo cái tâm, con người sẽ rất tự tại! Nếu tâm chuyển theo cảnh giới, sẽ hết sức đau khổ: Bất luận gặp chuyện nhỏ nhặt nào, cũng đều phải hỏi ý thần, hỏi thầy bói, hỏi thầy Phong Thủy, khổ lắm, khổ đến cùng cực! Nhất cử nhất động đều bị trói buộc, tâm bị cảnh chuyển mà!

Nếu cảnh chuyển theo tâm, quý vị sẽ tự tại. Về căn bản, quý vị chưa biết sử dụng cách này. Bất luận quý vị ngồi ở nơi đâu, Phong Thủy nơi đó không tốt, chỉ cần quý vị ngồi xuống, Phong Thủy bèn chuyển biến, chuyển thành Phong Thủy tốt đẹp, tự tại lắm! Hoàn toàn do cái tâm thanh tịnh của chính quý vị. Quý vị tin vào bản thân thì cảnh giới sẽ chuyển theo quý vị. Quý vị chẳng tin tưởng chính mình, mà tin vào Phong Thủy, tin vào vận mạng, quý vị sẽ bị cảnh giới xoay chuyển! Do vậy, nói đến vận mạng thì chuyện này rất đơn giản, vấn đề là quý vị có lòng tin vào chính mình hay không? Quý vị có tâm thanh tịnh hay không? Quý vị có tâm thanh tịnh, có lòng tự tin, chắc chắn chuyển được vận mạng.

Đoạn này nhằm bảo với chúng ta như thế. Chính mình nhất định có thể làm chủ tể, mười pháp giới đều chẳng ra ngoài nhất tâm. Trong tam thừa, Bồ Tát đạt đến viên mãn rốt ráo thì gọi là Phật. Do vậy, nói

tam thừa bao gồm cả Phật. Bồ Tát và Phật cùng một loại, là Đồng Sanh Tánh⁵³, là một loại. Lại xem đoạn kể tiếp:

(Diễn) Tịnh Độ y chánh, giai thị Bản Giác giả.

(演) 淨土依正，皆是本覺者。

(Diễn: Y báo và chánh báo của Tịnh Độ đều là Bản Giác).

Vì sao thế giới Tây Phương trang nghiêm như thế? Đạo lý ở chỗ nào? Đức Phật bảo chúng ta: Sự trang nghiêm thanh tịnh của thế giới Tây Phương là do tâm thanh tịnh của chúng sanh ở nơi đó hiện ra. Do đây, có thể biết: Sự ô uế trong thế giới này là do cái tâm ô nhiễm của chúng sanh trong thế giới này hiện ra! Vì thế, nói thật ra, đối với đại hoàn cảnh sống, núi, sông, cõi nước của chúng ta, bản thân mỗi cá nhân chúng ta đều phải có trách nhiệm. Trong kinh nói rất rõ ràng, đó là “*cộng nghiệp sở cảm*”, tức là do cộng nghiệp của chúng sanh [cảm thành thế giới này]. Nếu trong một quốc gia, ai nấy đều tuân thủ pháp tắc, ai nấy giữ lễ, xã hội ấy sẽ tự nhiên xuất hiện sự an tường, hòa thuận. Nếu mỗi cá nhân đều chẳng giữ pháp tắc, mỗi cá nhân đều mách khỏe, lươn lẹo, xã hội nhất định động loạn, đó là đạo lý nhất định. Vì thế, cổ nhân có nói, như trong sách Tả Truyện đã chép: “*Quốc chi tương hưng, thính ư dân; quốc chi tương vong, thính ư thần*” (Nước sắp hưng thịnh, nghe theo ý dân; nước sắp mất, nghe theo lời thần). Hết thầy đều bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, quốc gia ấy nhất định phải diệt vong! Nếu nghe theo ý kiến của mọi người để lo liệu mọi sự, quốc gia ấy nhất định hưng vượng, nghe theo ý dân thì quốc gia ấy phải hưng thịnh.

Chúng ta thấy triều đình nhà Thanh là một tấm gương rõ rệt nhất! Người trong triều đình nhà Thanh chẳng phải là thiếu học thức, nhưng họ học hành mà chẳng biết vận dụng, xử sự hồ đồ! Chúng ta nhìn vào lịch sử của triều đình nhà Thanh, khi người Mãn Thanh vào bên trong quan ải, thuở ấy, họ thật sự nghe theo ý dân, tôn trọng ý kiến của quần chúng, cho nên có thể thu phục lòng dân Trung Quốc. Dân chúng Trung Quốc ủng hộ họ: “Họ có thể bảo vệ dân chúng, luôn luôn nghĩ cách tạo lợi ích cho dân chúng, chúng ta sẽ ủng hộ họ”. Nếu họ chẳng được đại đa

⁵³ Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký, hòa thượng Tịnh Không đã giảng như thế này: “*Dị Sanh là địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, Đồng Sanh là từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Sau khi đã minh tâm kiến tánh, quý vị sử dụng cùng một cái tâm giống như chư Phật, dùng chân tâm, nên gọi là Đồng Sanh Tánh. Khi chưa kiến tánh, dùng thức tâm (tám thức), chẳng dùng chân tâm, nên gọi là Dị Sanh*”.

số dân chúng ủng hộ, làm sao họ có thể lập quốc gần ba trăm năm? Đây chẳng phải là chuyện dễ dàng! Khi Thanh triều sắp diệt vong, trong quá khứ, Chương Gia đại sư đã bảo tôi: Ngài có quan hệ mật thiết với hoàng tộc nhà Thanh, Từ Hy thái hậu là đệ tử quy y của Chương Gia đại sư, [tức là đệ tử quy y] của vị Chương Gia thuộc đời trước, chứ không phải đời hiện tại.

Tôi đã từng hướng về lão nhân gia thưa hỏi chuyện cầu cơ. Vào lúc nhỏ, khi tôi đi học Tiểu Học ở Phước Kiến đã từng thấy chuyện này, thấy họ phò cơ⁵⁴. Sau khi đến Đài Loan cũng có thấy, nhưng thấy họ cầu cơ hoàn toàn khác hẳn. Do vậy, tôi rất hoài nghi, tôi thỉnh giáo lão nhân gia. Tôi tin tưởng cách cầu cơ ở Đại Lục, vì chẳng phải là một người [hầu cơ bút], lại còn chẳng phải là “cơ đồng” chuyên nghiệp. Thỉnh thần giáng cơ quá nửa là người kéo xe, gánh nước, bán củi, đều là những người không biết chữ, tùy tiện kiếm được, tùy tiện mời từ ngoài đường vào. Cầu cơ xong, tặng phong bao lì xì cho họ, làm như vậy đó. Tùy tiện mời đến, tuyệt đối thỉnh những người lao động nặng không biết chữ. Hai người phò cơ, viết chữ trên mâm cát, chữ viết rất quy củ, viết theo lối chữ Chánh Khải, chúng tôi ở bên cạnh nhìn đều nhận ra. Mỗi lần đại khái là trong một giờ có thể viết ra ba bốn chục chữ, không nhiều! Do họ là những người không biết chữ, nương vào sức của thần để di chuyển cơ bút. Vì thế, tôi cảm thấy chuyện ấy là thật, chẳng phải gạt người!

Nhưng khi đến Đài Loan xem cầu cơ, tôi cảm thấy phong cách gạt người trong ấy rất đậm: Họ là những người cầu cơ chuyên nghiệp, thay đổi người khác không được! Chỉ có một người, đã thế, cơ bút di động quá nhanh. Tôi rất chú ý, đứng bên cạnh xem, xem hồi lâu cũng chẳng nhận được chữ nào! Chỉ thấy họ vạch loạn xạ, miệng thì đọc, lệ vô cùng! Người bên cạnh ghi lại thì phải hai ba người ghi, chứ một người ghi không xuể, chưa đầy nửa tiếng đã viết mấy ngàn chữ, hết sức đáng nghi, tôi không tin tưởng! Do vậy, tôi đem chuyện này hỏi Chương Gia đại sư, Ngài bảo tôi: “Chuyện này không thật! Phàm những kẻ giáng đàn xưng là Phật, Bồ Tát nào đó, hay thần tiên nào đó giáng lâm đều là giả, đều là

⁵⁴ Gọi là “phò cơ” (đúng ra phải đọc là “phù cơ”, “phù” (扶) là nâng đỡ) vì đồng tử (thanh đồng, cơ đồng) gồm có hai người sẽ nâng cơ bút (thường có hình giống như cái giỏ, phía trước có mỏ nhọn thường khắc hình chim loan, nên còn gọi là “loan bút”; do vậy, cầu cơ theo lối này còn gọi là “phò loan”) để viết chữ xuống mâm đựng cát. Một hình thức ít phổ biến hơn là thanh đồng trực tiếp cầm bút gỗ viết xuống mâm cát.

gạt người, sự thật là quỷ thần mượn danh nghĩa Phật, Bồ Tát, thần tiên, họ cũng đến làm một chút chuyện tốt, do vậy, có linh thiêng. Chuyện nhỏ thì họ biết, nói rất chính xác, còn đại sự thì nói nhăng, nói càn, bịa đặt, đồn thổi, họ chẳng chịu trách nhiệm”. Do vậy, nói chuyện này là nói đến chuyện [vì sao] Thanh triều vong quốc!

Vào những năm cuối đời nhà Thanh, từ chính Từ Hy thái hậu cho đến vương công, đại thần, đối với chuyện quốc gia đại sự đều chẳng thể tự mình làm chủ, đều là thỉnh ý quỷ thần qua cơ bút, hoàn toàn nghe lời quỷ thần, kết quả suy bại đến nỗi nước mất nhà tan. Bởi lẽ, những quỷ thần ấy đâu có chịu trách nhiệm! Quý vị hỏi những chuyện cá nhân nhỏ nhặt, họ nói rất linh, hỏi tới chuyện quốc gia đại sự, họ bèn nói nhăng, nói càn. Vì thế, Chương Gia đại sư bảo tôi: “Những chuyện ấy quyết định chớ nên tin, hãy biết đó là quỷ thần gây rối, chứ không phải là Phật, Bồ Tát giáng đàn”, chúng ta phải nhận biết điều này. Quả thật có chuyện [ma quỷ tác quái] như vậy, chắc chắn chẳng phải là Phật, Bồ Tát [giáng cơ]!

“*Tịnh Độ y chánh*” (y báo và chánh báo của Tịnh Độ) cũng là cái tâm thanh tịnh của chính mình, do giác tâm biến hiện.

(Diễn) Y tức bảo trì, hàng thụ đẳng.

(演) 依即寶池行樹等。

(Diễn: Y báo chính là ao báu, hàng cây v.v...)

Y báo là nói tới hoàn cảnh sống của chúng ta, “*bảo trì, hàng thụ*” là như kinh A Di Đà đã nói “*thất bảo trì, bát công đức thủy, thất trùng hàng thụ, thất trùng la võng*” (ao bằng bảy báu, nước có tám công đức, bảy tầng cây, bảy tầng lưới báu), những câu này trong kinh văn rất đơn giản, nhưng thật ra, sự trang nghiêm ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Dùng “*thất*” nhằm biểu thị ý nghĩa viên mãn, chứ không phải là một con số. Nếu quý vị thấy thứ nào cũng là bảy thì chúng đều giống như cùng một khuôn mẫu định sẵn, đâu có ý nghĩa gì? Nhìn một cái rồi thôi! Có gì để coi đâu? “*Thất*” biểu thị viên mãn, như thế nào mới là viên mãn? Thuận theo ý nghĩ của chính mình là viên mãn; tôi thích như thế nào, nó liền biến hiện như thế ấy, đó gọi là viên mãn. Quý vị thích như thế nào, nó liền biến hiện như thế ấy. Đó là viên mãn.

Do vậy, mỗi thứ viên mãn, niệm niệm viên mãn, do viên mãn mà gọi là “*thất*”. “*Thất*” tượng trưng cho bốn phương, trên, dưới và chính

giữ; đó là viên mãn! Do đó, nó biểu thị ý nghĩa này, chứ không phải là một con số.

Trong kinh Hoa Nghiêm dùng “*thập*” cũng nhằm biểu thị sự viên mãn; do vậy, đều chẳng thể coi chúng như những con số. Nếu coi chúng là những con số, đã hiểu sai ý nghĩa mất rồi! Do vậy, từ điểm này, quý vị hiểu rõ kinh Phật chẳng dễ gì phiên dịch, khó dịch lắm! Chẳng trách gì người ngoại quốc dịch chữ Lương Túc Tôn thành “chỗ tôn quý nhất giữa hai đù”, nực cười thay! Do vậy, khi dịch “*thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ*” như những con số thì lầm lẫn quá lớn! Vì vậy, phải hiểu rằng: Đây là nhằm biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn.

“*Thất bảo trì*” tức là ao báu viên mãn, chẳng có tí khuyết điểm nào, hết sức hoàn mỹ! “*Bảy hàng cây*” nghĩa là cây cối hết sức viên mãn, chẳng có khuyết điểm gì, tận thiện, tận mỹ, biểu thị ý nghĩa đó. Do vậy, thứ gì cũng đều dùng chữ “*thất*”. Nói cách khác, không có khuyết điểm gì, thứ gì cũng viên mãn. Vì thế, Mật Tông có pháp tu Đại Viên Mãn (Dzogchen)⁵⁵, Tây Phương Cực Lạc thế giới là đại viên mãn, không có một pháp nào chẳng viên mãn, quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Đây là nói về sự viên mãn thanh tịnh nơi hoàn cảnh y báo.

(Diễn) Chánh tức Phật cập Bồ Tát tam bối cửu phẩm đẳng.

(演) 正即佛及菩薩三輩九品等。

(Diễn: Chánh báo tức là Phật, Bồ Tát, và ba bậc chín phẩm vãng sanh v.v...)

“*Chánh*” là chánh báo. Chánh báo là nói về hữu tình chúng sanh. Y báo là nói về vô tình, là hoàn cảnh. Nói theo cách hiện thời, thực vật và khoáng vật là y báo; động vật gọi là chánh báo. Giáo chủ là A Di Đà Phật. Một thế giới chỉ có một vị Phật, đó là “*giáo hóa chủ*”, giống như

⁵⁵ Theo Mật Tông Tây Tạng, Dzogchen chỉ trạng thái viên mãn, nguyên sơ, hoàn thiện của cái tâm. Theo ngụ ý, chữ này gần như tương đương với Thi Giác, vì trong các sách vở viết về Dzogchen, họ hay dùng tỷ dụ như sau: “Tâm đạt đến trạng thái Dzogchen sẽ giống như quả cầu pha lê phản chiếu màu sắc của vật đặt gần nó, nhưng quả cầu vẫn trong suốt”. Điều này giống như cách nói “tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch” trong Đại Thừa Phật giáo. Phép tu này được đề xướng bởi Cổ Mật (Nyingmapa) và cũng được các tông phái khác coi trọng. Theo truyền thuyết, phép tu này được sáng lập bởi Prahevajra, truyền cho Mañjuśrīmitra, Mañjuśrīmitra truyền cho Śrī Simha. Vị này truyền cho Liên Hoa Sinh đại sĩ (Padmasambhava), sáng tổ của Phật giáo Tây Tạng.

hiệu trưởng của một trường học, chỉ có một người, những người khác đều là Bồ Tát. Chư Phật từ các thế giới ở phương khác đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều phải dùng thân phận Bồ Tát, hiện thân phận Bồ Tát.

Giống như nói: Ngôi trường này chỉ có một hiệu trưởng, hiệu trưởng các trường khác có thể đến trường này để dạy thêm, lên lớp, nhưng họ đến trường của quý vị để dạy học, chẳng thể dùng thân phận hiệu trưởng, chẳng thể xuất hiện hai hiệu trưởng. Họ nhất định phải dùng thân phận “giáo thọ” (thân phận giáo sư chỉ dạy) trong ngôi trường này. Vì thế, mười phương chư Phật đến thế giới Tây Phương đều hiện thân phận Đẳng Giác Bồ Tát, chứ nói thật ra, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đều đã sớm thành Phật, nhưng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, các Ngài hoàn toàn dùng thân phận Đẳng Giác Bồ Tát để xuất hiện. Điều này cho thấy trong một thế giới chỉ có một vị Phật.

“*Tam bối cứu phẩm*” là người vãng sanh, là những người niệm Phật trong mười phương thế giới vãng sanh Tịnh Độ, từ ngữ này chỉ những người đó. Những vị Bồ Tát ấy đều là thả chiếc bè Từ, chẳng phải là người tầm thường, đã sớm thành Phật, nhưng lui xuống địa vị Bồ Tát đến thế giới Tây Phương giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh, đủ thấy sự trang nghiêm trong thế giới ấy.

Trong thế giới này, chúng ta kiếm một vị thiện tri thức hay người có chánh tri chánh kiến tìm không ra, luôn luôn chẳng dễ dàng! Tìm một vị A La Hán, Bồ Tát, càng khó hơn nữa; nhưng đến thế giới Tây Phương thì lại quá nhiều! Do vậy, nơi đó là hoàn cảnh tu học tốt đẹp.

“*Tam bối cứu phẩm*” là do vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị cao hay thấp khác nhau, giống như đi học: Có người học lớp Một, có người học lớp Hai, có người học lớp Ba, trình độ khác nhau. Thế giới Tây Phương có bốn cõi, có cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, và cõi Thường Tịch Quang, giống như trong học đường có Tiểu Học, Sơ Trung, Cao Trung, Đại Học.

Trong mỗi cõi đều có ba bậc chín phẩm. “*Tam bối*” là thượng, trung, hạ. “*Cứu phẩm*” là trong tam bối chia ra [thành những phẩm vị], trong thượng bối có thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, trong trung phẩm có trung thượng, trung trung, trung hạ, trong hạ phẩm có hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Do vậy, có tất cả chín phẩm. Bốn cõi có ba bậc chín phẩm, mỗi một cõi đều có ba bậc chín phẩm.

Nói đến chỗ này, trong một hai năm nay phát sanh một vấn đề, có người đề xuất một chủ trương mới: “Cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ chẳng thể đỏi nghiệp!” Truyền thuyết ấy lan truyền khắp trong ngoài nước, lan truyền rất phổ biến.

Do vậy, có rất nhiều đồng tu niệm Phật bị thuyết này lung lạc, lòng người kinh hoảng, chẳng biết phải làm như thế nào! Niệm Phật đã lâu như vậy mà chẳng thể vãng sanh, chẳng phải là hồng bút ư? Chẳng phải là niệm Phật ủng công ư? Dấy lên sóng gió rất to như vậy, có mấy năm thôi!

Năm trước, tôi đến Nữ Ước, khi cư sĩ Trâm Gia Trinh và tôi gặp mặt, ông ta đem ngay chuyện này hỏi tôi. Ở Los Angeles, lão cư sĩ Châu Tuyên Đức vừa gặp mặt tôi liền nêu ngay câu hỏi này. Cụ không biết niệm Phật phải theo đường hướng nào, bèn hỏi tôi câu này. Chắc là không ít người biết cư sĩ Châu Tuyên Đức, cụ là người sáng lập Huệ Cự⁵⁶, hiện là Đồng Sự Trưởng (Chairman of the board) của Huệ Cự Cơ Kim Hội.

Những người tra cứu kinh điển nói trong kinh điển không tìm thấy chữ “đỏi nghiệp vãng sanh”, trong kinh không có từ ngữ ấy, mà có chữ “tiêu nghiệp”. Vì vậy, họ chủ trương tiêu nghiệp, chứ không thể đỏi nghiệp. Ngay khi đó, tôi hỏi cụ: “Trong kinh vẫn có nói thế giới Tây Phương có ba bậc chín phẩm hay không?” Cụ nói: “Điều ấy có!” “Vậy thì được rồi! Nếu chẳng đỏi nghiệp, lẽ nào có ba bậc chín phẩm? Chẳng thể nào có chuyện ấy được!” Do vậy, quý vị đọc kinh đừng chấp chết cứng nơi văn tự. Có rất nhiều thứ đức Phật không nói rõ ra hay chưa nói đến, nhưng xét về ý nghĩa thì có. Nếu chẳng phải là đỏi nghiệp mà là

⁵⁶ Huệ Cự là một tổ chức bất vụ lợi do cụ Châu Tuyên Đức (1899-1989) thành lập nhằm mục đích truyền bá chánh pháp, uốn nắn lòng người theo khuôn mẫu đạo đức. Tổ chức này gồm năm bộ phận chính là Huệ Cự Tạp Chí Xã, Huệ Cự Xuất Bản Xã, Huệ Cự Phật Học Hội, Dư Thị Cơ Kim Hội và Chiêm Thị Cơ Kim Hội. Cụ Châu Tuyên Đức quê ở huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây, tốt nghiệp ngành hóa học công nghiệp tại đại học Bắc Kinh, từng làm giảng sư đại học, kiêm nhiệm chức vụ giáo vụ trưởng, hiệu trưởng của nhiều trường học tại Trung Quốc và Đài Loan. Dư Thị Cơ Kim Hội chính là quỹ tài trợ nhằm tưởng niệm tiên sinh Dư Gia Cúc (một học giả Phật Giáo và Nho Giáo thời cận đại) với mục đích tưởng thưởng khuyến khích các hoạt động chấn hưng phong hóa xã hội. Chiêm Thị Cơ Kim Hội là quỹ tài trợ do tiên sinh Chiêm Dục Trai (Chiêm Lệ Ngô) khởi xướng, quyên tặng, nhằm trao giải thưởng cho các luận văn nghiên cứu Phật giáo trong các trường đại học, cũng như tài trợ các hoạt động Phật giáo tại Canada.

tiêu nghiệp, sau khi nghiệp đã tiêu rồi, quý vị nghĩ xem có còn cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa chăng? Chẳng cần!

Vì sao chẳng cần? Nghiệp đã tiêu tức là thành Phật rồi! Chẳng đời nghiệp bèn thành Phật! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn kèm theo một phẩm sanh tướng vô minh, tra trong hết thầy kinh Đại Thừa đều thấy nói điều này, có đấy! Trong kinh có điều này! Nói cách khác, Đẳng Giác Bồ Tát đều là đời nghiệp. Chỉ có Phật chẳng đời nghiệp, Phật nào vậy? Phật trong Viên Giáo; còn Phật trong Tạng Giáo, Biệt Giáo, Thông Giáo đều đời nghiệp, chỉ có Viên Giáo Phật là chẳng đời nghiệp! Nói cách khác, [nếu bảo chỉ có tiêu nghiệp mới có thể vãng sanh, không thể đời nghiệp] thì không ai có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải là Viên Giáo Phật mới có tư cách vãng sanh. Ai đến đó? Nói không thông! Do đời nghiệp nên mới có ba bậc chín phẩm trong bốn cõi. Người đời nghiệp nhiều, phẩm vị thấp; người đời nghiệp ít, phẩm vị cao. Do vậy, quý vị thấy Đẳng Giác Bồ Tát chỉ mang theo một phẩm, mang theo ít nhất; còn như Sơ Trụ Bồ Tát thì mang theo bốn mươi phẩm vô minh, mang theo nhiều.

Cách nói tiêu nghiệp ấy có sai lầm hay không? Cũng chẳng sai lầm! Tiêu nghiệp nhiều thì đời nghiệp ít; tiêu nghiệp ít thì đời nghiệp nhiều. Do vậy, [tiêu nghiệp và đời nghiệp] là một, không phải hai. Chấp trước tiêu nghiệp, chẳng chấp nhận đời nghiệp, hoặc chấp trước đời nghiệp, chẳng chấp nhận tiêu nghiệp đều chẳng thông suốt, đều là làm lạc! Tôi giải thích với cụ như vậy, cụ nghe xong cũng cảm thấy có lý, tâm liền thoải mái, thật thà niệm Phật.

Phật pháp nói đến lý. Ở đây là ba bậc chín phẩm. Vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chúng ta dùng “tiêu” và “đời” để nói thì tiêu Kiến Tư phiền não hiện hành, mang theo chủng tử tập khí của Kiến Tư, người ấy có tiêu nghiệp và đời nghiệp bèn sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, chúng ta gọi [mức độ như vậy] là “công phu thành phiền”. Nếu niệm đến Sự nhất tâm bất loạn thì có thể nói là tiêu Kiến Tư phiền não, mang theo Trần Sa vô minh, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lại lên cao hơn một bậc nữa là Lý nhất tâm bất loạn, người ấy tiêu nghiệp càng nhiều hơn. Người ấy tiêu Kiến Tư, Trần Sa và một phần vô minh, tuy vô minh chưa tiêu hoàn toàn, nhưng tối thiểu phải tiêu một phẩm. Trong bốn mươi một phẩm vô minh, người ấy phải đoạn được một phẩm, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Có thể thấy: Đúng là tiêu nghiệp nhiều, đời nghiệp ít; tiêu nghiệp ít bèn đời nghiệp nhiều, cho nên mới có hiện tượng ba bậc chín phẩm. Tịnh Độ Tam Kinh và nhiều

kinh điển Đại Thừa khác khi giảng về Tây Phương Tịnh Độ đều nói điều này rất rõ ràng. Ở đây, sách Diễn Nghĩa chú giải như sau:

(Diễn) Như hậu văn sở minh.

(演) 如後文所明。

(Diễn: Như sẽ giảng trong phần kinh văn ở phía sau).

Phía sau sẽ lại bàn tới. Hiện thời, chúng ta chủ yếu bàn luận về “y báo và chánh báo trong cõi Tịnh Độ đều do Bốn Giác hiện ra”. Tiếp đó, sách viết:

(Diễn) Bảo trì tức tự tánh chi uông dương xung dung.

(演) 寶池即自性之汪洋冲融。

(Diễn: Ao báu chính là tự tánh mênh mông, bát ngát).

Ao báu báu do đâu mà có? Do như vậy mà có, từ trong tâm thanh tịnh nơi tự tánh mà hiển hiện.

(Diễn) Hàng thụ tức tự tánh chi xuất sanh chúng thiện.

(演) 行樹即自性之出生眾善。

(Diễn: Hàng cây chính là tự tánh xuất sanh các điều lành).

“Thụ” (樹: cây) mọc vừa cao vừa thẳng, có ý nghĩa vượt trời, biểu thị ý nghĩa này. Nếu chúng ta hiểu được nghĩa thú biểu thị pháp trong kinh điển thì thật ra ở ngay trước mắt, chúng ta thấy biển cả, thấy ao chuôm, quý vị cũng có thể hồi quang phản chiếu: Hình tượng ấy do một phần công đức trong tự tánh hiển lộ, mười phương thế giới không có pháp nào chẳng phải là như thế. Do vậy, trong Phật môn dùng biểu thị pháp làm công cụ dạy học.

Giống như hoa, quý vị thấy hoa, ngay lập tức nghĩ đến chúng ta phải tu nhân, phải tu nhân lành. Hoa rất đẹp, có thể khiến cho chúng ta vui vẻ, đó là thiện pháp. Do vậy, trông thấy [hoa], chúng ta [bèn nghĩ]: Phải tu nhân lành. Nhân lành thì mới có thể kết quả tốt lành. Do vậy, hoa tượng trưng cho nhân hạnh (hạnh trong khi còn tu nhân) của Bồ Tát. Chúng ta cúng Phật phải cúng bằng trái cây, vì quả tượng trưng cho quả Bồ Đề Niết Bàn. Do vậy, thấy quả, chúng ta bèn nghĩ đến mục đích tu

hành. Trong tương lai, chúng ta sẽ có kết quả. Trông thấy hoa, chúng ta biết hoa biểu thị “phải nhanh chóng tu nhân”. Vì thế, ta cúng Phật bằng những thứ ấy, chẳng phải là dâng cho Phật, Bồ Tát hương thụ. Phật, Bồ Tát chẳng cần những thứ ấy. Cúng cho ai? Cúng cho chính mình, tức là nhắc nhở chính mình phải cảnh giác, đó là công cụ để dạy học. Vì thế, sự dạy học trong cửa Phật từ mấy ngàn năm trước đã thật sự đạt đến mức nghệ thuật hóa, phải hiểu điều này.

Chúng ta cúng dường đèn, đèn tượng trưng cho quang minh nơi tự tánh. Vì vậy, bất luận tại nơi nào, trông thấy mặt trời, trông thấy mặt trăng, trông thấy các ngôi sao, trông thấy hết thấy đèn đuốc, quý vị vừa tiếp xúc liền ngay lập tức nghĩ tâm địa tự tánh của chính mình phải chánh đại quang minh, đó gọi là tu hành. Quý vị biết hoa tượng trưng cho nhân hạnh, vậy thì bất luận ở nơi đâu, hề thấy hoa thì chúng đều tượng trưng cho nhân hạnh. Tuyệt đối chẳng phải hoa cúng trong Phật đường mới biểu thị pháp, ra khỏi Phật đường thì không còn như vậy nữa! Nếu nghĩ như vậy, quý vị đã làm rồi! Phật đường là phòng học, những điều được dạy trong lớp học phải được ứng dụng bên ngoài phòng học. Quý vị phải quán như thế. Hết thấy các pháp thế gian, không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, không có một pháp nào chẳng ban cho quý vị khai thị không gì to lớn bằng, không có một pháp nào chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm.

Vì thế, kinh Hoa Nghiêm ở đâu? Tận hư không trọn pháp giới đều là kinh Hoa Nghiêm, không có một pháp nào chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm! Thật sự hiểu rõ thì quý vị mới biết sáu trần thuyết pháp, kinh Hoa Nghiêm chưa hề bị gián đoạn giữa chừng, vì sao? “Thấy sắc, nghe tiếng” đều biểu thị cảnh giới Hoa Nghiêm, đều là giảng kinh Hoa Nghiêm. Vấn đề là quý vị có biết nhìn và biết nghe hay không? Quý vị có hiểu sự thật này hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa, nhất là trong bộ [Hoa Nghiêm Kinh] Sớ Sao của Thanh Lương quốc sư đã chú giải điều này hết sức tường tận. Trông thấy cây cối, chúng ta cũng có thể độc lập, vượt thoát giống như cây vậy. Đó gọi là vượt thoát tam giới, “*xuất sanh các điều lành*”.

(Diễn) Thanh Văn tức tự tánh Chân.

(演) 聲聞即自性真。

(Diễn: Thanh Văn chính là Chân Đế trong tự tánh).

Đây là nói tới Chân Đế trong Tam Đế. Chân Đế là chú trọng nơi Lý Thể để nói, do vì người Nhị Thừa tu học chú trọng cái tâm thanh tịnh của chính mình; cho nên người Nhị Thừa chẳng phát tâm giúp đỡ chúng sanh. Vì sao? Nếu mọi người đọc Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh sẽ hiểu. Đức Phật và Bồ Tát đều nói: “*Chúng sanh trong Diêm Phù Đề* (tức là thế giới của chúng ta. Chúng sanh trong Diêm Phù Đề chính là chúng sanh trong thế giới của chúng ta) *wong ngạnh, khó giáo hóa*”. Vì vậy, A La Hán thông minh: Coi như xong! Ta chẳng độ chúng sanh, thêm một chuyện chẳng bằng bớt một chuyện, bớt một chuyện chẳng bằng không có chuyện gì! Một mình ta thanh tịnh, tự tại hơn nhiều lắm. Làm một kẻ giải thoát cho riêng mình, họ chỉ cầu tự giải thoát, chẳng bằng lòng giúp đỡ người khác. Do vậy, họ tu tâm thanh tịnh, chứng Thiên Chân Niết Bàn.

Do vậy, thành tựu của bậc A La Hán là thành tựu đại định, tâm thanh tịnh, tuy thành tựu đại định, nhưng không có trí huệ. Vì sao không có trí huệ? Tâm thanh tịnh rồi mà chẳng có trí huệ ư? Đúng vậy, tâm thanh tịnh rồi, chiếu theo lý mà nói thì sẽ có Căn Bản Trí, nhưng họ không phát tâm đại bi, nên tâm thanh tịnh chẳng sanh trí huệ, [cho nên] ngay cả Căn Bản Trí cũng không có! Thế nhưng ý niệm của vị ấy vừa chuyển, Căn Bản Trí liền lập tức hiện tiền. Vị ấy có sẵn tiền vốn, nhưng chưa chuyển nên như vậy. Chưa chuyển, nhưng vị ấy thật sự có tiền vốn. Vì thế, nếu vị ấy hồi Tiểu hướng Đại, Căn Bản Trí lập tức hiện tiền. Do vậy, gọi là Chân, là “*tự tánh Chân*”.

Lý Thể trong tự tánh cũng là Tướng Phần được hiện bởi tự tánh. Duy tâm sở hiện, nhưng chưa biến hóa, chưa khởi biến hóa. Cảnh giới được hiện là Tự Tánh Chân.

(Diễn) Bồ Tát tức tự tánh Tục.

(演) 菩薩即自性俗。

(Diễn: Bồ Tát chính là Tục Đế trong tự tánh).

Bồ Tát khởi biến hóa, Ngài muốn biến trí huệ, phước đức, và nhân duyên của chính mình thành Tha Thụ Dụng. Do vậy, tâm từ bi của Bồ Tát đặc biệt sâu nặng. Ngài muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giáo hóa hết thảy chúng sanh, phục vụ hết thảy chúng sanh. Bồ Tát chẳng sợ khổ sở, chẳng sợ đắng cay, nhọc nhằn, bỏ mình vì người, đó là Tục. Do vậy, Bồ Tát làm “*bất thỉnh chi hữu*” (bạn chẳng thỉnh) của chúng sanh. Quý

vị không thỉnh Ngài, Ngài tìm quý vị, đó là Bồ Tát. A La Hán thì không được! Nếu quý vị cầu Ngài, chưa chắc Ngài đã chịu đáp ứng, Ngài vẫn phải coi xem quý vị có duyên phận hay không. Có duyên phận với Ngài thì Ngài mới chịu dạy quý vị. Không có duyên phận, Ngài chẳng chịu dạy bảo! Chẳng như Bồ Tát, Bồ Tát đúng là đại từ đại bi. Vì thế, Bồ Tát tượng trưng cho Tục Đế, hòa quang đồng trần với hết thảy chúng sanh. Đó là Bồ Tát.

(Diễn) Phật tức tự tánh Trung đẳng.

(演) 佛即自性中等。

(Diễn: Phật chính là Trung Đế nơi tự tánh).

Phật đại diện cho Trung Đạo, Chân - Tục bất nhị, Chân - Tục như một, Chân chính là Tục, Tục chính là Chân. Đây là Phật. Do vậy, Trung Đạo mới là viên mãn thật sự. Do đây có thể biết rằng: Tam Thừa cũng là tướng được hiện trong tự tánh, cũng chẳng lìa tự tánh. Nếu lại mở rộng cảnh giới này ra để nói thì...

(Diễn) Hựu phục nhất niệm cụ túc tam thiên, nhi tam thiên trung, sanh âm nhị thiên vi chánh, quốc độ nhất thiên thuộc y. Quốc độ y chánh ký cư nhất tâm, nhất tâm khởi phân Năng - Sở? Cố viết “nhất nhất giai thị”.

(演) 又復一念具足三千，而三千中，生陰二千為正，國土一千屬依，國土依正既居一心，一心豈分能所，故曰一一皆是。

(Diễn: Lại nữa, một niệm có đủ ba ngàn thứ, nhưng trong ba ngàn thứ ấy, sanh âm gồm hai ngàn thứ thuộc về chánh báo, quốc độ có một ngàn thứ thuộc y báo. Cõi nước, y báo và chánh báo đã ở trong nhất tâm, há có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở ư? Vì thế nói “mỗi mỗi đều là”).

Đoạn này thuộc về giáo nghĩa Thiên Thai; trong Thiên Thai nói “nhất niệm tam thiên”, “nhất niệm” viên mãn “đầy đủ tam thiên”. Nói thật ra, “tam thiên” là nhân duyên, quả báo của hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao nói “tam thiên”? Con số “tam thiên” do đâu mà có? Từ kinh điển mà có! Đức Phật nói: Mê mất tự tánh là mê mất Nhất

Chân pháp giới, biến thành mười pháp giới. Nói theo mười pháp giới thì Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác được gọi là “tứ thánh pháp giới”, ở ngoài tam giới. Chúng sanh giác ngộ, do trình độ giác ngộ có sâu hay cạn khác nhau, cho nên có bốn loại lớn. Phật là giác ngộ viên mãn. Lục phàm hoàn toàn mê chướng giác (toàn mê bất giác), nhưng mức độ mê cũng có sâu hay cạn khác nhau, do vậy có thiên, Tu La, nhân, ngã quý, súc sanh, địa ngục. Lục phàm và tứ thánh nói gộp lại thì gọi là thập pháp giới, bèn có con số “*thập*” (mười) này.

Trong mỗi một giới, lại có mười pháp giới, chẳng hạn như loài người thì có người là Phật, có người là Bồ Tát, có người là Thanh Văn, có người là Duyên Giác. Trong loài người có “nhân trung thiên”, tức là phước báo lớn, cuộc sống giống như chư thiên. Trong loài người có “nhân trung nhân”, có “nhân trung Tu La”, Tu La có phước báo lớn, rất hung ác, rất tàn nhẫn. Có “nhân trung quý”, tức ngã quý. Quý vị thấy tại Phi Châu, rất nhiều người đói khát. Chỗ hết sức đáng yêu của người Mỹ là tuy bản thân họ rất tiết kiệm, nhưng thấy tin tức ấy, mọi người đều quyên tiền giúp đỡ. Gửi đồ đến nơi đó thì sao? Gửi đồ ăn sang đó, người ta không ăn được! Họ đã đói trong một thời gian quá lâu, khi ăn những thứ ấy vào, họ chẳng thể tiếp nhận được, chẳng thể hấp thụ; [đó là] ngã quý, địa ngục, súc sanh trong loài người! Do vậy, trong mỗi pháp giới lại có mười pháp giới, mười pháp giới [nhân với mười pháp giới trong mỗi một pháp giới] bèn thành một trăm pháp giới, tức “*bách giới*”. Nhưng trong mỗi một pháp giới lại có mười “*như thị*”, khái niệm này xuất phát từ kinh Pháp Hoa, từ “*như thị thể, như thị tánh, như thị tướng, như thị nhân duyên quả báo*” cho đến “*như thị bốn mặt cứu cánh*”. Một trăm nhân với mười thành một ngàn, con số này do đây mà có!

“*Tam thiên*” là do đâu là có? “*Danh tự nhất thiên*”: Chúng ta nói Phật, Bồ Tát, địa ngục, những danh tự, danh hiệu ấy gồm một ngàn thứ giả danh, Danh là giả danh. Cổ nhân Trung Quốc đã hiểu điều này: “*Danh khả danh, phi thường danh*”. Danh là giả danh, danh tự có đến một ngàn thứ. Đã có danh thì đương nhiên sẽ có sự thật! Danh tự có một ngàn thì cũng sẽ có một ngàn sự thật, hễ có một danh tự sẽ có một thực thể. “*Thực thể có một ngàn*”, đây là chuyện thuộc về thực tại, có một ngàn sự thể. Lại nói “*quốc độ hữu nhất thiên*” (cõi nước có một ngàn), quốc độ là y báo, tức là hoàn cảnh, hoàn cảnh chuyển theo tâm. Vì thế, hoàn cảnh có một ngàn. Ở đây nói [gộp chung giả danh, thực thể và quốc độ] thành “*tam thiên*” (ba ngàn).

Trong ba ngàn này, “*sanh âm nhị thiên vi chánh*”. “*Sanh âm*” chính là giả danh và thật thể. Chẳng hạn như nói tới Phật thì “*Phật*” là danh từ, tức là có giả danh, nhưng thật sự có Phật như Thích Ca Mâu Ni, thật sự có vị Phật này, cho nên Ngài là thực thể. Chúng ta nói đến người, “*người*” là giả danh, nhưng quả thật có thực thể này tồn tại. Do vậy, gọi là Sanh Âm. Âm chính là Ngũ Âm, thân thể của chúng ta là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, do Ngũ Âm tụ tập, hòa hợp mà có thân tướng này. Do vậy, “*Sanh Âm nhị thiên*” là do đây mà có, đây là chánh báo.

“*Quốc độ nhất thiên*” là y báo. “*Quốc độ*” cũng từ giả danh mà kiến lập, Phật pháp giới, nhân pháp giới, thiên pháp giới, đó là y báo, cho đến ngạ quỷ pháp giới, địa ngục pháp giới, súc sanh pháp giới là nói về y báo.

Tam thiên thì như trong kinh Pháp Hoa nói “*tánh cụ tam thiên*” (tánh có đủ ba ngàn) và “*Sự tạo tam thiên*”. Chúng ta gọi “*tánh cụ*” là “*duy tâm sở hiện*”, hiện ra những cảnh giới này, cũng gọi “*Lý cụ*”, tức là nói theo mặt Lý thì nó đầy đủ, có trọn vẹn những công năng này. Đó là nhất niệm, nhất niệm là nói “*Lý cụ*”. Tùy niệm chính là “*Sự tạo*” (tạo tác nơi mặt Sự). Đối với Sự tạo này, mỗi cá nhân chúng ta trong một ngày có mười pháp giới. Quý vị thấy một niệm của quý vị là Nam-mô A Di Đà Phật thì là Phật pháp giới; trong một niệm mà niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì là Bồ Tát pháp giới, nếu chúng ta nghĩ tưởng, tham muốn thứ gì đó thì là ngạ quỷ pháp giới; hễ nổi nóng thì là địa ngục pháp giới; không hiểu rõ Sự - Lý, hồ đồ, mờ mịt thì là súc sanh pháp giới. Do vậy, quý vị khởi tâm động niệm là một pháp giới, đó gọi là gì? Là “*tùy niệm*”.

Tùy niệm là Sự tạo. Do chúng ta có đủ nhân và duyên trong mười pháp giới này, nên trong hiện thời, quý vị muốn đến một pháp giới nào, quý vị phải không chế cái duyên đó. [Nếu quý vị nghĩ]: “*Nay tôi muốn thành Phật*” thì quý vị phải nắm chắc Phật pháp giới, đừng để vuột mất. Niệm niệm tương ứng với Phật pháp giới, tương ứng lâu ngày, tự nhiên sẽ thành Phật. Do vậy, “*niệm Phật thành Phật*” là do đạo lý như vậy đó. Nó luôn có lý luận tồn tại. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Thấy Phật là thành Phật, chẳng thành Phật sẽ chẳng thể thấy Phật! Trao đổi với quý vị về tam thiên như vậy, vì sao có tam thiên, vì sao có chuyện này? Tông Thiên Thai nói đến “*tam thiên*” tức là nói về toàn bộ vũ trụ và nhân sinh.

Những điều này đều do nhất tâm hiện ra; do vậy, “*nhất tâm khởi phân Năng Sở*” (há có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở); trong nhất tâm có thể chia thành Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, Năng cũng là nhất tâm, mà Sở cũng là nhất tâm. Năng Biên là nhất tâm, Sở Biên vẫn là nhất tâm. Do điều này, Phật pháp chẳng phải là triết học! Quý vị có hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Trong triết học, Năng chẳng phải là Sở, Sở chẳng phải là Năng, Năng và Sở đôi lập! Phật pháp giảng về Năng và Sở thì Năng và Sở chẳng đôi lập, chúng là một, không hai. Năng Biên là tự tâm, Sở Biên vẫn là tự tâm. Đặc biệt là Duy Thức, trong kinh luận Duy Thức, kinh Hoa Nghiêm cũng là một trong sáu kinh của tông Duy Thức; tức là tông Duy Thức dựa trên sáu bộ kinh và mười một bộ luận, trong sáu bộ kinh ấy có kinh Hoa Nghiêm. Đầu thời Dân Quốc, đại sư Âu Dương Cảnh Vô trong một bài giảng diễn tại đại học Trung Sơn đã nói rõ Phật pháp chẳng phải là tôn giáo hay triết học. Trong bài nói chuyện ấy, ông ta đã nói rất rõ ràng, vì sao Phật giáo chẳng phải là triết học? Triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể) đôi lập, trong Phật pháp không có đôi lập, từ đầu đến cuối không có đôi lập, đều là một chỉnh thể⁵⁷. Chính mình nói tới chính mình, chính mình phân tích chính mình. Đó là Phật pháp. Do vậy, “*nhất nhất giai thị*” (mỗi mỗi đều là). Tiếp theo đó, sách Diễn Nghĩa giảng:

(Diễn) Khí khí duy kim, thị toàn vọng toàn chân nghĩa.

(演) 器器唯金，是全妄全真義。

(Diễn: Món vật nào cũng chỉ là vàng, đây chính là nghĩa lý “toàn chân tức là vọng, toàn vọng tức là chân”).

Câu này dễ hiểu.

(Diễn) Lưu lưu nhập hải, thị hội vọng quy chân nghĩa.

(演) 流流入海，是會妄歸真義。

(Diễn: “Dòng nước nào cũng đổ vào biển” là nghĩa lý “gom vọng về chân”).

⁵⁷ “Chỉnh thể” (Entirety) là một khái niệm triết học đôi lập với khái niệm “bộ phận”. Chỉnh thể thường được hiểu là một đối tượng có kết cấu thống nhất, tuân theo một hình thức hay quy luật cấu tạo nhất định. Hiểu theo nghĩa rộng, “chỉnh thể” là toàn thể.

Bất luận là dòng nước lớn hay nhỏ đều đổ vào biển cả; hễ đổ vào biển cả rồi sẽ chẳng thể phân chia được nữa, quy về một Thể. Đó gọi là “*hội vọng quy chân*”, dùng ý nghĩa này. Tiếp đó, sách nói:

(Diễn) *Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới giả, pháp giới vị Nhất Chân pháp giới.*

(演) 無不從此法界流，無不還歸此法界者，法界謂一真法界。

(Diễn: *Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này. Nói “pháp giới” nghĩa là Nhất Chân pháp giới).*

“*Pháp giới*” này nói về Nhất Chân pháp giới, tức là bản thể. Do vậy, kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm là một, không hai. Nhất Chân pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm là “sở chứng”, kinh Di Đà nói tới nhất tâm bất loạn, đó là “năng chứng”. Chúng ta tu đến nhất tâm bất loạn, Nhất Chân pháp giới bèn hiện tiền. Do vậy, nếu chúng ta nói đến “nhập” thì nhất tâm là năng nhập, Nhất Chân pháp giới là sở nhập, Năng - Sở bất nhị. “Năng - Sở bất nhị” nghĩa là nhất tâm và Nhất Chân pháp giới là một, không hai. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này, trong tương lai sẽ nhập vào đâu? Nhập Nhất Chân pháp giới! Kinh Di Đà gọi Nhất Chân pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang, còn kinh Hoa Nghiêm gọi là Nhất Chân pháp giới. Trong phần chú giải lại nói:

(Diễn) *Tức Khởi Tín Tâm Chân Như môn.*

(演) 即起信心真如門。

(Diễn: *Tức là Tâm Chân Như môn trong luận Khởi Tín).*

“*Khởi Tín*” tức là Đại Thừa Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát trước tác. Trong quá khứ, chúng tôi cũng đã từng giảng luận ấy ở nơi đây. Trong các bản chú giải Đại Thừa Khởi Tín Luận, [có một] bản chú giải của người sống thời gần đây rất hay, thâm nhập mà diễn tả đơn giản rất tiện lợi cho người sơ học, tức là cuốn Đại Thừa Khởi Tín Luận Thuật Ký của pháp sư Từ Châu. Đây chính là bản giảng ký chép lời Ngài giảng, thâm nhập nhưng diễn tả đơn giản, chú giải hết sức hay, tiện lợi

cho người sơ học. Trong Khởi Tín Luận, tâm được chia thành hai môn, môn thứ nhất là Chân Như môn.

(Diễn) Lưu hữu lưu xuất nghĩa, vị tùng bình đẳng pháp giới, nhất niệm bất giác, lưu xuất tam tế lục thô chủng chủng cảnh giới.

(演) 流有流出義，謂從平等法界，一念不覺，流出三細六粗種種境界。

(Diễn: “Lưu” có nghĩa là lưu xuất, ý nói: Từ pháp giới bình đẳng, do một niệm bất giác mà lưu xuất tam tế, lục thô, và các thứ cảnh giới).

Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do đâu mà có? Trong Khởi Tín Luận có nói rõ. Thật ra, trong kinh Hoa Nghiêm cũng có, mà kinh Lăng Nghiêm cũng có, kinh Viên Giác cũng có; có thể tham khảo lẫn nhau thì mới có thể hiểu rõ chuyện đang được rất nhiều nhà triết học và khoa học thăm dò, tức là căn nguyên của vũ trụ và nhân loại từ lúc tối sơ diễn biến như thế nào, [nhưng những giải thích và giả thiết của họ] đều chẳng thể viên dung như trong kinh Phật đã giảng. Rất đáng tiếc là những nhà triết học và khoa học ngoại quốc chưa đọc kinh Phật, nhưng hiện thời đọc kinh Phật mà không đọc bằng tiếng Hán sẽ không thể được, vì kinh điển bằng tiếng Phạn gần như đã bị chôn vùi mất sạch. Dẫu có một ít phần được truyền lại, nhưng tàn khuyết, chẳng hoàn chỉnh, tìm chẳng được một bản hoàn chỉnh! Do vậy, hiện thời, trên thế giới muốn học Phật, chỉ có thể thật sự công phu vào bản dịch được lưu lại bằng tiếng Hán.

Nhưng những người ngoại quốc không hiểu tiếng Hán, họ cũng không có cách nào đọc được. Những người ấy thật sự rất thông minh, nếu họ thật sự được nghe Phật pháp, tôi tin tưởng năng lực ngộ giải của họ phải mạnh và cao hơn những người thông thường. Trong Phật pháp nói họ có thiện căn và phước đức, nhưng không có nhân duyên. Không có duyên phận này, không thấy được Phật pháp. Vì thế, kho báu phong phú dường ấy mà họ không có cách nào thụ dụng, hết sức đáng tiếc! Kinh Phật giảng những chuyện này hết sức viên mãn.

“Bình đẳng pháp giới” là tâm thanh tịnh; từ tâm thanh tịnh “nhất niệm bất giác” [dấy lên], đấy là vô minh. Trong Khởi Tín Luận nói “nhất niệm bất giác”, nhất niệm là chánh niệm, bất giác là mê mất một niệm ấy, câu này được giải thích như vậy. Quý vị mê nơi một niệm, nói

cách khác, quý vị khởi ý niệm nơi cảnh giới. Khi chẳng khởi niệm thì là “nhất niệm”. Khi khởi lên một niệm thì chữ “nhất” trong cái niệm được khởi ấy chẳng phải là con số, thật ra, vì chẳng thể diễn tả được, nên bắt đầc dĩ phải dùng chữ “nhất” để tượng trưng. Trên thực tế, nhất niệm là vô niệm, khi chẳng nảy sanh một ý niệm nào thì gọi là “nhất niệm”. Hễ khởi lên một ý niệm sẽ chẳng phải là “nhất niệm”. Do vậy, nhất niệm là Bồn Giác, mê mất Bồn Giác thì gọi là “bất giác”. Do mê mất nhất niệm sẽ biến thành bất giác. Do từ cái bất giác ấy, từ trong một niệm mê, bèn có [vạn pháp, vạn niệm]. Trong một niệm, quyết định chẳng có mê; khi khởi tâm động niệm bèn là mê.

Cái khởi tâm động niệm ấy, hễ một thứ mê, hết thấy đều mê. Vì thế, biến hiện ra “*tam tế, lục thô, chủng chủng cảnh giới*”. Cảnh giới ấy nói theo lý luận thì có trình tự, tức là có thứ tự, nhưng nói theo mặt sự tướng, nhất định chẳng thể thấy được. Ví như nói: Chúng ta dùng gương để soi cảnh giới bên ngoài thì nói theo lý luận, những vật thể ở gần đương nhiên sẽ được soi trước rồi mới chiếu những vật ở xa. Thế nhưng quý vị vừa chiếu, ngay trong một sát-na, thứ gì cũng đều cùng hiện ra. Cái chân tâm hiện tướng của chúng ta cũng giống như vậy, giống như tấm gương, “*tam tế, lục thô*” hiện ra cùng một lúc trong khoảng một sát-na. Trên lý luận là có thứ tự, nhưng trên sự tướng, tìm chẳng ra [thứ tự ấy]! Tốc độ của nó quá nhanh, không có cách nào có thể quan sát nó có thứ tự trước sau. Vì vậy, khởi nguyên của vũ trụ và nhân sinh đồng thời hoàn thành trong một sát-na, quyết định chẳng có trước hay sau. Đây là chân tướng, chân tướng sự thật, đạo lý trong ấy rất sâu xa. Nếu quý vị nghiên cứu, cũng sẽ thấy hết sức thú vị.

“*Tam tế*” là ba tế tướng (tướng nhỏ nhiệm) của A Lại Da Thức: Vô Minh Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng và Cảnh Giới Tướng. Chuyển Tướng còn gọi là Kiến Phần, Cảnh Giới Tướng còn gọi là Tướng Phần, Vô Minh Nghiệp Tướng còn gọi là Tự Chứng Phần. Nếu nói theo ba phần thì là Kiến Phần, Tướng Phần, Tự Chứng Phần; [còn nếu nói] bốn phần [thì là ngoài ba phần trên đây] thêm vào một thứ nữa là Chứng Tự Chứng Phần. Chứng Tự Chứng Phần và Tự Chứng Phần là một, không hai.

Những thứ này là ba tế tướng của A Lại Da Thức. Từ ba tế tướng lại triển khai thành “*lục thô tướng*” (sáu tướng thô). Sáu tướng thô này hình thành y báo và chánh báo trang nghiêm thế gian và xuất thế gian, nay chúng ta gọi là “*sâm la vạn tượng*” trong nhân sinh và vũ trụ. Đây

là nói về nguyên khởi của vũ trụ, mà cũng là nói đến cội nguồn của mê và ngộ.

Những điều này nhằm giải thích câu thứ nhất: “*Vô bất tùng thử pháp giới lưu*” (không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất), đều do Nhất Chân pháp giới biến hiện ra. Nhất Chân pháp giới là nhất tâm, đều từ nhất tâm hiện ra. “*Vô bất hoàn quy thử pháp giới giả*” (không gì chẳng trở về pháp giới này) nghĩa là...

(Diễn) *Hoàn hữu hoàn chuyển nghĩa, vị nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng.*

(演) 還有還轉義，謂若離心念，則無一切境界之相

•

(Diễn): “Hoàn” có nghĩa là hoàn chuyển (xoay trở về), ý nói: Nếu lìa tâm niệm, sẽ không có tướng của hết thấy các cảnh giới).

“Tâm niệm” là gì? Chính là phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị lìa hết thấy phân biệt, chấp trước, trong hết thấy cảnh giới chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tướng cảnh giới ấy sẽ không có. Do vậy, Vĩnh Gia đại sư nói: “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (Giác rồi ba cõi rộng toang hoang). Vậy thì nếu chúng ta hỏi: Khi ta chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước nơi cảnh giới thì có phải là cảnh giới bên ngoài sẽ đều không có hay chẳng? Không phải vậy! Cảnh giới bên ngoài vẫn còn, vậy thì “*vô đại thiên*” là không có thứ gì vậy? Trong tâm quý vị không có phân biệt đại thiên, chấp trước đại thiên, không có khởi tâm động niệm nơi đại thiên, không có những điều đó, chứ không phải là nói đại thiên thế giới không còn nữa. Đại thiên thế giới vẫn tồn tại! Nói cách khác, thật sự không có hết thấy phiền não sanh tử trong đại thiên thế giới, không có hết thấy mê hoặc, nghiệp chướng, không có những thứ ấy! “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi ba cõi rộng toang hoang): Trong đại thiên thế giới, thân tâm quý vị thanh tịnh. Khi ấy sẽ đại tự tại, giống như trong Tâm Kinh đã nói “*Quán Tự Tại*”, đại tự tại trong đại thiên thế giới. Đây là nói “*nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng*” (nếu lìa tâm niệm, ắt chẳng có tướng của hết thấy các cảnh giới).

(Diễn) *Nhi nhất thiết cảnh giới toàn thị diệu minh.*

(演) 而一切境界全是妙明。

(Diễn: Nhưng hết thấy cảnh giới hoàn toàn là diệu minh).

Toàn là những vật được hiện bởi diệu minh chân tâm. Đã là vật được hiện bởi diệu minh chân tâm thì thứ gì cũng đều là diệu minh chân tâm. Từ mộng cảnh, chúng ta có thể thấu hiểu điều này. Trong khi chúng ta nằm mộng, tôi nay quý vị nằm mộng, khi tỉnh giấc, đừng chồm dậy ngay, hãy suy nghĩ cặn kẽ: Ta vừa mới nằm mộng, toàn bộ mộng chính là tâm, mỗi một cảnh giới trong mộng đều là tâm ta, đều là tự tâm. Mộng do tự tâm biến hiện.

Do vậy, có điều gì trong mộng chẳng phải là tự tâm? Thứ nào cũng đều là tự tâm, không có một thứ nào chẳng phải. Vì vậy, sau khi giác ngộ, quý vị mới hiểu tận hư không trọn pháp giới hoàn toàn là tướng của tự tâm, lìa ngoài tâm không có một vật, đúng như tỷ dụ trong phần trước: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Không có một vật nào chẳng phải là vàng, đó gọi là “minh tâm kiến tánh”.

Tâm đã sáng suốt bèn thấy bất luận thứ gì bên ngoài cũng đều là tự tánh, bản thể là tự tánh. Tướng tuy hiện thiên sai vạn biệt, nhưng Tánh là một. Do vậy, nơi hữu tình chúng sanh [Tánh ấy được] gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một Tánh. Một Tánh, chứ không hai Tánh. Đoạn này nhằm nói lên ý nghĩa này.

Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đây. Đoạn này không dài, lần trước đã nói đại lược, hôm nay chúng tôi dùng thời gian

một tiếng rươi để nói cận kề với quý vị. Đây cũng là nói rõ căn cứ lý luận của Tịnh Độ cùng với kinh Hoa Nghiêm là một, không hai.

Tập 44

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi ba:

(Sớ) Hồi hướng Bồ Đề giả, phàm sở tu vi, hàm nguyện vãng sanh, thị danh hồi hướng, nhi hướng vô tha hướng, hồi hướng Tây Phương giả, hồi hướng tự tánh dã.

(疏) 回向菩提者，凡所修為，咸願往生，是名回向。

而向無他向，回向西方者，回向自性也。

(Sớ: Hồi hướng Bồ Đề là phàm những gì tu tập, thực hiện, đều nguyện vãng sanh. Đó gọi là hồi hướng, nhưng không hướng về nơi nào khác, hồi hướng Tây Phương là hồi hướng tự tánh).

Mấy câu này nhằm chú giải câu “*hữu nguyện giai hồi hướng Bồ Đề*” (có nguyện nào cũng đều hồi hướng Bồ Đề). Học Phật vì sao phải hồi hướng? Có những chuyện nào cần phải hồi hướng? Hồi hướng cho ai? Chúng ta cần phải hiểu rõ những điều này. Phàm là người thật sự học Phật, bất luận thiện sự nào, đại thiện, tiểu thiện, quý vị tu pháp thế gian hoặc xuất thế gian đều phải hồi hướng. Ở đây nói rất rõ ràng: “*Phàm sở tu vi*” (phàm những gì đã tu tập, tạo tác), “*vi*” (為) là tạo tác, “*tu*” (修) là tu hành, “*hàm nguyện vãng sanh*” (đều nguyện vãng sanh), bất luận làm chuyện gì, chúng ta chỉ có một mục tiêu: Cầu sanh Tịnh Độ! Ý niệm cầu sanh Tịnh Độ này thời thời khắc khắc chẳng thể quên mất! Làm hết thấy điều lành, làm thiện sự, tu phước thì tu phước ấy để làm gì? Giúp cho ta vãng sanh.

Vãng sanh cũng phải nhờ vào phước báo. Trong kinh luận thường nói: “*Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo*” (khi lâm chung, tâm không điên đảo), đó là đại phước báo. Đối với hết thấy thiện pháp đã tu, tuyệt đối chẳng cầu thiện quả trong hiện tại, chẳng cầu phước ấy. Tu phước nhưng chẳng muốn hưởng thụ phước báo ấy, muốn khi nào sẽ hưởng thụ? Lúc lâm chung không bị bệnh, đó là đại phước báo. Người thế gian nói đến “*ngũ phước*”, tức là phước gồm có năm loại lớn. Khi

tuổi thọ đã hết, tinh táo, sáng suốt, đó là một trong năm loại phước, nhưng phước này trọng yếu nhất trong năm loại phước. Vì sao? Mọi người đều biết có lục đạo, sau khi chết sẽ luân hồi [trong lục đạo]. Phàm là ác đạo, đều là do mê hoặc, điên đảo mới đi vào, có ai sáng suốt, tinh táo [mà khi lâm chung] đi vào ác đạo? Người khi lâm chung ngã bệnh, chẳng nhận biết người nhà, quyến thuộc, thậm chí bất tỉnh nhân sự, rất nguy hiểm! Trong tình hình ấy, đâu chúng ta trợ niệm giúp cho người ấy, tận hết tâm lực của chúng ta, người ấy có thể thụ dụng hay không? Rất khó nói! Nếu người ấy lúc lâm chung tinh táo, sáng suốt, chúng ta trợ niệm cho người ấy, sẽ rất có hiệu quả. Đủ thấy lúc lâm chung có quan hệ với phước báo trong cả một đời và nhân quả trong đời sau. Vì vậy, hết sức trọng yếu. Do điều này, trong đời này khi chúng ta còn sống, bất luận tu điều lành lớn hay nhỏ đều mong mỗi nó sẽ giúp cho chúng ta lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền, niệm Phật hiệu rõ ràng sáng suốt vãng sanh. Đó gọi là “*hồi hướng*”, ý nghĩa của “*hồi hướng*” là ở chỗ này.

Hồi hướng còn có một tầng ý nghĩa nữa là phá Ngã Chấp. Người thế gian Ngã Chấp khá nặng, khởi tâm động niệm chắc chắn chẳng quên cái ta. Hễ làm chuyện gì, ý niệm đầu tiên là nghĩ nó có lợi cho mình hay không. Ý niệm này là bản sinh, chẳng cần phải học, nói chung là mong [chuyện ấy] sẽ có lợi cho chính mình. Do đây có thể biết: Ngã Chấp tăng trưởng hằng ngày, Ngã Chấp là căn nguyên của Phiền Não Chướng. Không có Ngã Chấp, Phiền Não Chướng bị phá; không có Pháp Chấp, Sở Tri Chướng bị phá. Do vậy, đây là căn bản của hai thứ trọng chướng. Bất luận làm chuyện gì cũng đều chịu hồi hướng, Ngã Chấp sẽ nhạt bớt rất nhiều. Ta làm thiện sự nào cũng chẳng vì chính mình, mà vì hết thảy chúng sanh, ta có phước báo, chính mình chẳng cần hưởng, để cho chúng sanh hưởng, nhường cho mọi người hưởng, khiến cho cái Ngã nhỏ nhoi hóa thành Đại Ngã, như vậy mới là tốt đẹp!

“*Nhi hồi hướng vô tha hướng*” (nhưng hồi hướng không nhằm hưởng đến điều nào khác), đây là đặc biệt nói với người tu Tịnh Độ. Nếu chúng ta nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, quý vị niệm niệm đều phải hồi hướng Tây Phương, chớ nên hồi hướng về nơi nào khác, niệm niệm chẳng quên Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm đều tu Tây Phương. “*Hồi hướng Tây Phương*” là “*hồi hướng tự tánh*”. Kinh này dạy như vậy, mà kinh Hoa Nghiêm cũng nói như thế. Vì có những kẻ chẳng hiểu đạo lý này, chúng ta làm thiện sự nhiều ngàn ấy thay cho người khác, cuối cùng [chính mình] cũng chẳng đạt được gì, ta

làm để làm chi? Chẳng làm nữa! Do vậy, đến cuối cùng, [tổ Liên Trì] bảo quý vị hồi hướng Tây Phương là hồi hướng tự tánh viên mãn, toàn bộ vẫn là chính mình đạt được, thật sự đạt được. Nếu hiện thời vì cái Ngã nhỏ nhoi, vì thân thể hiện tại này của chính mình thì kết quả sẽ là điều gì cũng chẳng đạt được! Bởi lẽ, thân thể này khi sinh không mang theo đến, chết chẳng mang theo đi; nếu ta vì nó thì quý vị đã bị lừa rồi, chịu thiệt thòi rồi! Nếu vì tự tánh thì tự tánh là Chân Ngã, thân thể này là cái Ngã sanh diệt, còn tự tánh là Chân Ngã bất sanh bất diệt. Hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ hiểu hồi hướng là điều phải nên tu học.

(Diễn) Mạt nhị cú.

(疏) 末二句。

(Diễn: Hai câu cuối).

Hai câu cuối là hai câu “*triển thử tinh thành, cầu khát gia bị*” (giải bày tám lòng tinh thành này, cầu xin [Tam Bảo] gia bị) trong lời Tựa.

(Diễn) Nhiếp tiền khởi hậu.

(演) 躡前起後。

(Diễn: Thâu tóm phần trước, phát khởi phần sau).

Tổng kết phần trước, phát khởi tiểu đoạn Thịnh Gia (thịnh cầu gia bị) trong phần sau.

(Sớ) Dục hưng thiện sự, tất trượng Phật gia.

(疏) 欲興善事，必仗佛加。

(Diễn: Muốn làm chuyện tốt lành, ắt cậy nhờ Phật gia bị).

Ý nghĩa này rất sâu, mà cũng hết sức chân thật. Nếu không có Tam Bảo gia trì, chúng ta muốn thật sự làm một chuyện tốt lành nào sẽ rất khó, vì sao? Ma đến nhiều loạn, rất khó làm một chuyện tốt. Cổ đại đức cũng thường nói, [ví dụ như] dùng giảng kinh để nói, nếu không được Tam Bảo gia trì, chẳng thể giảng kinh này được, nhất định phải cậy vào Tam Bảo gia trì. Không được Tam Bảo gia trì, quý vị chỉ giảng tối đa là văn tự mà thôi, giống như thầy giáo dạy Quốc Văn trong nhà

trường, dạy văn tự, nhưng không có cách nào nói ra nghĩa lý được. Ý nghĩa của kinh Phật gần như là ý nằm ngoài lời, chẳng thể thấy nơi mặt văn tự, nhất định phải cầu Tam Bảo gia trì.

Có nhiều vị đại đức giảng kinh, quý vị hỏi họ: “Ông giảng kinh này như thế nào?” Chính họ không biết! Khi pháp sư Đế Nhân còn giảng kinh trên cõi đời, cư sĩ Tưởng Duy Kiêu⁵⁸ và cư sĩ Giang Vị Nông đều là thính chúng trong pháp hội của Ngài, họ đều là những đại cư sĩ xuất chúng vào thời đầu Dân Quốc. Viên Giác Kinh Thân Văn Ký là bút ký của ông Tưởng Duy Kiêu, ông ta vừa nghe vừa ghi. Ghi xong, trao cho lão hòa thượng xem, xin lão hòa thượng sửa chữa. Lão hòa thượng đọc bút ký xong, hỏi ngược lại ông ta: “Bài ký này của ông là do tôi giảng đó ư” Ông ta thưa: “Vâng!” [Hòa thượng nói]: “Làm sao tôi giảng khá như vậy được?” Chính Ngài cũng không biết! Tam Bảo gia trì đây! Khi lão hòa thượng giảng kinh, chính mình cũng có chuẩn bị, Ngài giảng nghĩa kinh Viên Giác, rốt cuộc là những điều Ngài giảng đều ở ngoài những thứ Ngài tính giảng nghĩa mà chính Ngài cũng chẳng biết! Đây là lên đài giảng được thân lực gia trì!

Thầy Lý ở Đài Trung cũng giống như vậy. Thầy Lý giảng kinh chuẩn bị rất cẩn thận. Thầy giảng kinh hôm thứ Tư thì ngày hôm ấy không tiếp khách, dành một ngày để định tâm, chuẩn bị cho khóa giảng kinh vào buổi tối; nhưng sau khi cụ lên giảng đài, những điều cụ nói ra khác với những gì cụ đã chuẩn bị, chẳng hề nói tới những điều cụ đã chuẩn bị. Những điều cụ nói trên giảng đài hoàn toàn chẳng phải là những gì cụ đã chuẩn bị. Thân lực gia trì! Quả thật là như thế. Tôi lên đài giảng kinh cũng vậy: Tôi bước xuống giảng đài, quý vị hỏi tôi giảng những gì, tôi không biết. Thông thường tôi giảng gì đều không chuẩn bị,

⁵⁸ Tưởng Duy Kiêu (8173-1958), tự Trúc Trang, biệt hiệu Nhân Thị Tử, người huyện Vũ Tấn, Thường Châu, tỉnh Giang Tô. Ông thuở nhỏ ốm bệnh, cứ phải nghỉ học thường xuyên, đến năm mười tám tuổi, do học Tiểu Châu Thiên Khí Công mới khôi phục sức khỏe. Năm hai mươi tám tuổi, mắc bệnh phổi nặng, bèn dứt tuyệt thế duyên, tịnh luyện Tiểu Châu Thiên để chữa bệnh. Bài viết của ông Tưởng về chuyện này đã được hòa thượng Viên Đức dịch thành phần phụ lục trong bộ Mật Pháp Nhất Tự Đà La Ni Kinh. Ông là một nhà triết học, giáo dục kiêm Phật học nổi tiếng đầu thời Dân Quốc, trước tác rất nhiều. Những tác phẩm trọng yếu có Trung Quốc Cận Tam Bách Niên Triết Học Sử, Lữ Thị Xuân Thu Hội Giáo, Phật Học Khái Luận, Phật Học Cương Yếu. Tác phẩm Chi Na Phật Sử Cương của ông đã được học giả Cảnh Dã Triết (Sakai Satoru) của Nhật dịch ra tiếng Nhật và ghép vào bộ Trung Quốc Phật Giáo Sử của mình. Ông còn hợp tác với Dương Đại Ứng để soạn bộ Trung Quốc Triết Học Sử Cương Yếu và Tổng Minh Lý Học Cương Yếu.

nhất là bộ kinh này đã được giảng nhiều lần, nhưng mỗi lần đều giảng khác nhau. Do vậy, không có thần lực gia trì sẽ chẳng được! Nhất định phải nhờ vào Tam Bảo gia trì. Đây là nêu lên một thí dụ, thí dụ này là như vậy đó, hết thấy thiện sự không có ngoại lệ! Do vậy, quý vị nhất định phải phát Bồ Đề tâm, phải tu Bồ Tát đạo thì mới có thể cảm ứng mười phương hết thấy chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên ủng hộ. Đó là điều mọi người mong cầu, cầu không được, nhất định phải nhờ vào cảm ứng. Do vậy, ở đây nói “*tất trọng Phật gia*” (ắt nhờ vào Phật gia bị), tức là Phật lực gia trì.

(Sớ) Bồ Tát thả nhiên, hướng phục phàm phẩm.

(疏) 菩薩且然，況復凡品。

(Sớ: Bồ Tát còn phải như vậy, hướng là hạng phàm phu).

Bồ Tát còn phải cầu Phật gia trì, hướng hô chúng ta là phàm phu ư? Phàm phu càng phải cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Đại sư soạn bản chú giải này cầu Phật gia trì.

(Sớ) Tinh giả vô nhị, thành giả bất hư, cổ vị: “Tinh thành chi cực, quý thần dữ thông”, nhi hướng Tam Bảo đại từ, mãn niệm chúng sanh, do như xích tử.

(疏) 精者無二，誠者不虛。古謂精誠之極，鬼神與通，而況三寶大慈，憫念眾生，猶如赤子。

(Sớ: Tinh là không hai, Thành là chẳng dối. Cổ nhân nói: “Tinh thành đến cùng cực, sẽ cảm thông quý thần”, hướng chi Tam Bảo đại từ, nghĩ thương xót chúng sanh như con đỏ).

Mấy câu này giảng về sự cảm ứng. Cầu cảm ứng như thế nào? Phải “*tinh thành*”, như thường nói “*thành tắc linh*” (thành kính sẽ linh). Trong sách Liễu Phàm Tứ Huán có nói: Xưa kia, khi vẽ bùa niệm chú, thầy bùa có thể giao tiếp với quý thần, bùa do ông ta vẽ sẽ linh. Thật ra, [chẳng phải chỉ riêng ông ta vẽ] bùa, bùa mới linh, bất cứ người nào trong số quý vị vẽ bùa đều linh, chỉ cần tuân theo một nguyên tắc: Thành! Hết chí thành ắt linh! Do vậy, bình thường phải luyện tập, phải vẽ bùa cho thật thuần thục. Khi vẽ, chấm bút xuống liền vẽ thành công một lá bùa, trong tâm chẳng khởi một ý niệm, lá bùa ấy bèn linh. Thành tâm

vẽ, chẳng sanh một niệm. Nếu có tạp niệm trong ấy, lá bùa đó chẳng linh. Niệm chú cũng giống như vậy. Có người niệm chú linh, có người niệm chú chẳng linh. Niệm bài chú ấy từ đầu đến cuối, trong ấy chẳng có một tạp niệm, đọc một hơi xong, trong tâm chẳng khởi một niệm, bài chú ấy sẽ linh. Chỉ cần khởi một vọng niệm, chú sẽ chẳng linh. Do vậy, biết rằng: Chú dài chẳng bằng chú ngắn, chú dài chẳng dễ nhiếp tâm, dễ khởi vọng tưởng. Khi niệm A Di Đà Phật không có vọng tưởng sẽ rất linh. Nếu niệm A Di Đà Phật mà vẫn khởi vọng tưởng thì câu Phật hiệu cũng chẳng linh. Đạo lý đơn giản như vậy đó, nhưng quý vị phải làm được. Vì thế, do tâm chí thành có thể giao tiếp với quỷ thần. Quỷ thần mà còn có thể giao tiếp được, huống là Phật, Bồ Tát ư? Năng lực của Phật, Bồ Tát lớn hơn quỷ thần quá nhiều. Cổ nhân nói: “*Tinh thành chi cực, quỷ thần dữ thông*” (Lòng tinh thành đến cùng cực sẽ cảm thông quỷ thần). Câu này được chép trong bộ sách Quản Tử.

(Diễn) *Quỷ thần dữ thông giả, Quản Tử vân: “Tu chi, tu chi, hựu trùng tu chi. Tu chi bất đắc, quỷ thần kỳ tương thông chi”, phi quỷ thần chi dữ thông, nãi tinh thành chi cực dã.*

(演) 鬼神與通者。管子云：思之思之，又重思之，思之不得，鬼神其將通之，非鬼神之與通，乃精誠之極也。

(Diễn: “*Thông với quỷ thần*”: *Quản Tử nói: “Hãy nghĩ đi, hãy nghĩ đi, lại suy nghĩ nữa đi. Suy nghĩ không ra thì quỷ thần sẽ giúp cho thông suốt”. Chẳng phải là quỷ thần giúp cho thông suốt, mà đây là do lòng tinh thành đến tột bậc [cảm vờ] vậy).*

Trong đoạn này có mấy câu rất nổi tiếng trong sách Quản Tử⁵⁹ luận về chuyện cảm ứng đạo giao. Chúng ta hy vọng cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát, hy vọng Phật, Bồ Tát thương gia trì chúng ta, điều kiện duy nhất là “*chí thành, cung kính*”. Bất luận trong cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, giữ cho cái tâm của chính

⁵⁹ Quản Tử là bộ sách được coi là do Quản Trọng (một chính trị gia nổi tiếng thời Xuân Thu, giúp Tề Hoàn Công thành tựu nghiệp bá) viết, nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng tác phẩm này chỉ được gán cho Quản Trọng nhằm tăng uy thế, vì sách có chép những sự kiện sau khi Quản Trọng đã mất. Sách gồm tám mươi sáu thiên, nhằm trình bày tư tưởng chính trị của Quản Trọng: Vận dụng pháp luật để cai trị. Sách này rất được các nhà tư tưởng thuộc phái Pháp Gia coi trọng, nhất là Hàn Phi Tử.

mình thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ cảm ứng. Nếu trong thuận cảnh mà tâm hoan hỷ thì không được rồi! Trong tâm thanh tịnh không có tâm hoan hỷ. Trong nghịch cảnh có phiền não thì tâm quý vị lại bị ô nhiễm, lại chẳng thanh tịnh. Chẳng thanh tịnh thì chẳng chí thành! Trong thành tâm không có mừng, giận, buồn, vui, tâm ấy vĩnh viễn thanh tịnh. Pháp hỷ khác hẳn, pháp hỷ không phải là hỷ như trong hỷ nộ (mừng, giận); hỷ, nộ, ai, lạc (mừng, giận, buồn, vui) là tương đối. Pháp hỷ từ nội tâm sanh ra, khác hẳn. Nó chẳng phải là phản ứng đối với cảnh giới bên ngoài, mà từ nội tâm sanh ra. Do vậy nói “pháp hỷ sung mãn” khác hẳn. Khi pháp hỷ thì tâm vẫn thanh tịnh, trong tâm không dấy lên sóng gió, chẳng có dấy lên hay chìm xuống, tâm là thanh tịnh, từ bi, bình đẳng, trong ấy có vô lượng hoan hỷ, không trở ngại mọi sự.

Tam Bảo là Phật, Bồ Tát, đại từ, đại bi, “*mãn niệm chúng sanh, do như xích tử*” (nghĩ thương xót chúng sanh như con đò), câu này là tỷ dụ, tỷ dụ Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng từ bi đối với chúng sanh. Từ bi và yêu thương có cùng một ý nghĩa, vì sao trong kinh Phật chẳng nói thương yêu, mà nói tới lòng Từ? Ở đây, cũng có một chút sai biệt, Ái (yêu thương) sanh từ “tình” (tình cảm, tình kiến), trong ấy có dính líu tình, ô nhiễm! Từ bi sanh từ lý trí, sanh từ trí huệ, chẳng ô nhiễm. Nói cách khác, lòng yêu thương do tâm thanh tịnh thì gọi là từ bi, lòng từ bi chẳng thanh tịnh thì gọi là Ái. Từ bi và Ái là một chuyện, nhưng một đẳng là tâm mê, một đẳng là tâm giác, tức là tâm giác ngộ. Tâm giác ngộ khởi tác dụng, chúng ta gọi nó là từ bi, tâm mê thì gọi là ái tình. Ái tình và từ bi là một, chẳng phải hai. Điều này nói rõ Phật, Bồ Tát hết sức yêu thương chúng sanh.

“*Đản hữu lợi ư chúng sanh, tinh thành cầu chi, ninh bất gia bị*” (Chỉ cần có lợi cho chúng sanh, [chúng sanh đã dùng] lòng tinh thành để cầu mong, lẽ đâu [Phật, Bồ Tát] chẳng gia bị?). “*Bị*” (被) là chữ Phá Âm⁶⁰, có cùng ý nghĩa với chữ Phi (披). Phật, Bồ Tát niệm niệm muốn cứu độ hết thảy chúng sanh, giống như trong Tứ Hoàng Thệ Nguyệt đã

⁶⁰ Phá Âm Tự là một chữ có nhiều âm đọc, tùy theo cách đọc mà sẽ có ý nghĩa khác nhau, tuy mặt chữ không đổi. Như chữ Bị trong đoạn này này có ba âm đọc:

- 1) Bị có nghĩa là tám chân, mang vác.
- 2) Bí có nghĩa là tóc giả
- 3) Phi là mang khoác.

Theo Hòa Thượng, chữ Bị ở đây phải đọc là Phi, theo ý nghĩa thứ ba; nhưng ta vẫn quen đọc là Gia Bị.

nói: “*Chúng sanh vô biên thế nguyên độ*”. Nay quý vị phát tâm muốn độ chúng sanh, sao các Ngài không hoan hỷ? Giống như quý vị giúp sức cho các Ngài, quý vị giúp đỡ các Ngài thì các Ngài cũng giúp đỡ quý vị. Quý vị chẳng chịu giúp đỡ các Ngài thì các Ngài cũng chẳng có cách nào hết, các Ngài muốn gia trì quý vị cũng chẳng được! Điều này cũng nhằm khơi gợi lòng tin nơi chúng ta: Thật sự phát tâm lợi ích chúng sanh thì Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng che chở, gia bị, không vị nào chẳng gia trì quý vị. Nếu vì chính mình hoặc vì gia đình mình cầu Phật, Bồ Tát gia trì thì sẽ khó khăn hơn. Phải là có nhân duyên khác thì mới có thể thật sự cầu được. Nếu không có nhân duyên nào khác, sẽ chẳng dễ dàng cho lắm! Nếu vì lợi ích hết thảy chúng sanh thì Phật, Bồ Tát gia trì rất dễ dàng; đây là lẽ đương nhiên, chắc chắn Phật, Bồ Tát gia trì. Bản thân chúng ta nhất định phải tin tưởng điều này!

Tiếp theo đây là bài kệ thỉnh gia bị của đại sư, thỉnh cầu Phật, Bồ Tát gia trì, ban cho Ngài trí huệ và năng lực để soạn một bản chú giải kinh Di Đà hay đẹp nhằm lợi ích hết thảy chúng sanh. Có bốn bài kệ, mỗi bài kệ gồm bốn câu, bốn bài là mười sáu câu.

Ngũ, thỉnh gia

(Tự) Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ, Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn, bất khả tư nghị Phật hộ kinh, Xá Lợi, Văn Thù chư thánh giả.

五、請加

(序) 歸命娑婆說法主，西方接引大慈尊，不可思議佛護經，舍利文殊諸聖者。

(Tự: Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ, Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn, kinh Phật hộ niệm chẳng nghĩ bàn, Xá Lợi, Văn Thù, các đức thánh).

Bài kệ thứ nhất là quy y, xem tiếp bài kệ thứ hai.

(Tự) Nhị độ lục phương biến trần sát, quá khứ, kiến tại cập đương lai, vô tận Tam Bảo hàm chứng tri, duy nguyện từ bi nhiếp thọ ngã.

(序) 二土六方遍塵刹，過去見在及當來，無盡三寶咸

證知，惟願慈悲攝受我。

(Tựa: Hai cõi, sáu phương khắp trần sát, quá khứ, hiện tại và tương lai, vô tận Tam Bảo cùng chứng tri, kính nguyện từ bi nhiếp thọ con).

[Xưa kia] chữ “*kiến*” (見) và chữ “*hiện*” (現) trong hiện tại có cùng một âm, có cùng một ý nghĩa. Bài kệ trước nói đến Tam Bảo của bản kinh này: Người nói bản kinh này là Thích Ca Mâu Ni Phật, vị được nói đến là A Di Đà Phật trong thế giới Tây Phương, đều là Bổn Sư của chúng ta.

Bài kệ thứ hai nói đến vô tận Tam Bảo, đặc biệt là “*sáu phương chư Phật khen ngợi khuyên tu*” trong kinh này, đây là nói tới mười phương hết thấy Tam Bảo, chúng ta đều phải nên quy y. Hai bài kệ cuối cùng chính thức thỉnh cầu Tam Bảo gia bị.

(Tự) Ngã kim vọng dĩ uế độ kiến, lãi trắc Như Lai thanh tịnh tâm.

(序) 我今妄以穢土見，蠡測如來清淨心。

(Tựa: Con nay làm dùng uế độ kiến giải, dò đoán Như Lai thanh tịnh tâm).

Đương nhiên là đại sư khiêm hư, nhưng nếu so với Phật để nói thì [lời này] cũng là chân thật. Chúng ta sống trong thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là cõi uế ác, chẳng phải là thế giới thanh tịnh, tâm địa bị lục trần ô nhiễm, đối với nghĩa thú trong kinh điển chỉ đoán mò mà thôi, làm sao có thể liễu giải nghĩa chân thật của Như Lai? Do vậy, trước hết dùng ngay cảnh giới ở ngay trước mắt của chính mình để nói, ý nghĩa ấy hết sức miến cưỡng!

(Tự) Ngưỡng thừa Tam Bảo đại oai thần, gia bị phàm ngu thành thắng trí.

(序) 仰承三寶大威神，加被凡愚成勝智。

(Tựa: Vâng nhờ Tam Bảo đại oai thần, gia bị phàm phu thành trí sáng).

Đây là cầu gia bị, ngưỡng mong oai thần Tam Bảo gia trì, khiến cho lũ phàm phu chúng con cũng có trí huệ thù thắng giống như chư Phật, Bồ Tát thì mới có thể hoằng truyền kinh này, mới có thể soạn chú giải cho bản kinh này.

(Tự) Sử ngữ ngôn ngôn phù Phật ý.

(序) 使我言言符佛意。

(Tựa: Khiến con từng chữ hợp ý Phật).

“Ngôn ngôn” là từng chữ một, [“sử ngữ ngôn ngôn phù Phật ý”] là từng chữ trong bản chú giải này đều phù hợp với ý nghĩa của Phật.

(Tự) Lưu thông hà nhĩ ích hàm linh.

(序) 流通遐邇益含靈。

(Tựa: Lưu thông xa gần lợi hàm linh).

Đây là bốn nguyện của Ngài: Chú giải kinh chẳng vì danh lợi, chẳng vì chính mình, mà nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ người khác, khuyên họ tu Tịnh Độ.

(Tự) Kiến văn tùy hỷ tất vãng sanh, đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả.

(序) 見聞隨喜悉往生，同證寂光無上果。

(Tựa: Thấy nghe tùy hỷ tất vãng sanh, cùng chứng Tịch Quang vô thượng quả).

Mục tiêu chỉ có như vậy mà thôi; đủ thấy Ngài nguyện nào cũng nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng vì chính mình.

(Diễn) Kệ trung sơ bát cú, thị tiên quy mạng.

(演) 偈中初八句，是先皈命。

(Diễn: Tám câu kệ đầu tiên là trước hết quy mạng [Tam Bảo]).

Trước hết, hai bài kệ đầu tiên trong phần trước là quy y.

(Diễn) Thứ bát cú, thị chánh thỉnh gia.

(演) 次八句，是正請加。

(Diễn: Tám câu kế tiếp là phần chính thức thỉnh Tam Bảo gia bị).

Tám câu tiếp theo là hai bài kệ sau, là phần “*chánh thỉnh gia*”, tức là chính thức thỉnh Phật lực gia trì.

(Diễn) Sơ trung hựu nhị.

(演) 初中又二。

(Diễn: Trong phần đầu lại gồm hai phần nhỏ).

“*Sơ trung*” là hai bài kệ quy y trong phần đầu, hai bài kệ này mang hai ý nghĩa.

(Diễn) Sơ tứ cú.

(演) 初四句。

(Diễn: Bốn câu đầu).

Tức là bài kệ thứ nhất.

(Diễn) Tựu bản kinh Tam Bảo.

(演) 就本經三寶。

(Diễn: Chính là [nêu rõ] Tam Bảo trong kinh này).

Tôi vừa mới nói với quý vị điều này.

(Diễn) Hậu tứ cú, chỉ vô tận Tam Bảo.

(演) 後四句，指無盡三寶。

(Diễn: Bốn câu cuối nêu ra vô tận Tam Bảo).

Mười phương Tam Bảo. Bài kệ thứ ba là...

(Diễn) Thứ trung hữu tam, sơ nhị cú, tiên xuất thỉnh gia sở dĩ.

(演) 次中有三，初二句，先出請加所以。

(Diễn: Phần tiếp theo gồm ba đoạn, hai câu đầu là trước hết nêu lên lý do thỉnh cầu gia bị).

Nêu lý do cầu Phật gia trì: Vì sao tôi phải cầu Phật gia trì?

(Diễn) *Trung tam cú, thị chánh cầu gia bị, hậu tam cú, thị hồi hướng Bồ Đề.*

(演) 中三句，是正求加被。後三句，是回向菩提。

(Diễn: *Ba câu trong đó là chính thức cầu gia bị, ba câu sau là hồi hướng Bồ Đề).*

Ba câu sau đó từ “*lưu thông hà nhĩ ích hàm linh*” cho đến “*đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả*”.

(Diễn) *Sa Bà, thử vân Kham Nhân, Phật cụ tam duyên từ danh đại từ. Thứ kinh Thanh Văn chúng trung, Xá Lợi vi thủ, Bồ Tát chúng trung, Văn Thù vi thủ, cố đặc tiêu xuất.*

(演) 娑婆，此云堪忍。佛具三緣慈名大慈，此經聲聞眾中舍利為首，菩薩眾中文殊為首，故特標出。

(Diễn: *Sa Bà được cõi này dịch là Kham Nhân. Đức Phật có đủ ba thứ duyên từ nên gọi là “đại từ”. Trong kinh này, ngài Xá Lợi Phất là thượng thủ trong chúng Thanh Văn, ngài Văn Thù là thượng thủ trong chúng Bồ Tát, nên đặc biệt nêu tên hai vị).*

Giải thích bài kệ thứ nhất. “*Sa Bà*” (Sahā-lokadhātu) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Kham Nhân; [ý nói] thế giới này khổ quá, nhưng chúng sanh trong thế giới này đều có thể chịu đựng, lại còn rất quen với hoàn cảnh xấu hèn này. Có nơi tốt đẹp muốn họ sanh về đó, họ chẳng muốn đi; do vậy mới có danh xưng này, cho nên gọi là thế giới Kham Nhân. Thế giới này hết sức bất hảo, thua kém quá xa các cõi thanh tịnh của chư Phật trong mười phương, nhưng chúng sanh ở nơi này mà thật sự muốn phát nguyện, muốn lìa bỏ thế giới này quả thật chẳng nhiều!

Đức Phật được gọi là “đại từ” vì đức Phật có đủ ba thứ duyên từ. Thông thường, chúng ta gọi duyên từ là Ái Duyên Từ. Đức Phật không có Ái Duyên Từ, nhưng chúng sanh thì có: Tôi thích ai đó, tôi rất từ bi đối với người ấy; tôi chẳng ưa kẻ nào, tôi chẳng từ bi đối với hắn. Đó là Ái Duyên Từ, đức Phật không có [loại duyên từ] này. Ngoài Ái Duyên Từ ra, đức Phật có trọn đủ ba thứ duyên từ khác: Chúng Sanh Duyên Từ,

Pháp Duyên Từ và Vô Duyên Từ. Ái Duyên Từ hoàn toàn xuất phát từ cảm tình của chính mình. Chúng Sanh Duyên Từ là Lý Trí, thường nói là “*thôi kỷ cập nhân*” (suy từ mình mà nghĩ đến người): Người kia chẳng có quan hệ gì với ta, nhưng khi kẻ ấy gặp khổ nạn, ta cũng nên trọn hết nghĩa vụ giúp đỡ kẻ ấy, không cần bất cứ báo đáp nào. Điều này thuộc về Chúng Sanh Duyên Từ. Chúng Sanh Duyên Từ là giống như những người có học vấn đạo đức trong thế gian; vào thời cổ họ là bậc thánh hiền quân tử, họ có thể làm được; nhưng không thể thực hiện Pháp Duyên Từ vì họ không hiểu.

Pháp Duyên Từ là gì? Phạm vi của nó lớn hơn hai loại trước nhiều lắm. Bồ Tát mới trọn đủ Pháp Duyên Từ. Ngài dựa vào đâu để thể hiện lòng từ bi đối với hết thảy chúng sanh? Dựa vào pháp. Dựa vào pháp nào vậy? Nay chúng ta nói đến pháp dễ hiểu nhất, như mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát là pháp, Ngài tu nhân bằng cách tu mười đại nguyện vương, đối với hết thảy chúng sanh Ngài nhất định từ bi. “*Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai*”, những cảnh giới ấy đều vô lượng vô biên. Vì sao phải từ ái đối với hết thảy hữu tình và vô tình như vậy? Ta phải tu pháp này. Bồ Tát tu pháp vô thượng Bồ Đề, nhất định đại từ đại bi đối với hết thảy chúng sanh. Điều này khác với [hai thứ duyên từ trong] phần trước, cảnh giới cũng hết sức rộng lớn, đồng thời cũng là sử dụng chân tâm [để tu pháp này].

Đạt đến quả địa Như Lai, chính là Vô Duyên Đại Từ Đồng Thể Đại Bi, đây chính là Pháp Duyên Từ đạt đến rốt ráo, đạt đến viên mãn. Đến khi ấy, lòng từ ái đối với hết thảy chúng sanh là vô duyên, tức là vô điều kiện, không có bất cứ điều kiện nào, không có bất cứ lý do nào, vì sao? Vì hết thảy chúng sanh hữu tình và vô tình hoàn toàn có cùng một Thể với chính mình. Kính người khác là kính chính mình, kính chính mình là kính người khác. Tự - Tha bất nhị, Tự và Tha là một Thể. Đây là lòng từ bi của Như Lai. Do đức Phật trọn đủ ba thứ Chúng Sanh Duyên Từ, Pháp Duyên Từ và Vô Duyên Từ, nên Ngài được gọi là “đại từ”. Vì thế, chúng ta xưng tụng Phật, Bồ Tát là “đại từ đại bi”, ở đây gọi là “*đại từ tôn*”. [Danh xưng này] được dùng để gọi Thích Ca Mâu Ni Phật và Cực Lạc thế giới đạo sư A Di Đà Phật trong kinh này, [danh từ ấy] chuyên dùng để gọi hai vị này.

Câu “*bất khả tư nghị Phật hộ kinh*” nói về cuốn kinh này. Cuốn kinh này chẳng thể nghĩ bàn, được mười phương ba đời hết thảy chư Phật hộ niệm. Kinh này vốn có tựa đề là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Ai xưng tán? Hết

thầy chư Phật. Không có một vị Phật nào chẳng khen ngợi bộ kinh này; không có vị Phật nào chẳng khen ngợi pháp môn này. Quý vị kiểm trọn khắp Đại Tạng Kinh, có bộ kinh nào khác là kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm hay chăng? Không có! Tìm không ra! Chỉ có một bộ kinh này là được hết thầy chư Phật hộ niệm.

Nếu chúng ta thật sự hiểu được ý nghĩa này thì trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị sẽ biết chọn lựa. Kinh này được hết thầy chư Phật hộ niệm, nếu quý vị nương theo bộ kinh này để tu học thì nói cách khác, hết thầy chư Phật đều phải hộ niệm quý vị. Quý vị chẳng cầu các Ngài hộ niệm, các Ngài cũng phải hộ niệm vì các Ngài phải hộ niệm bộ kinh này. Quý vị hằng ngày đọc tụng kinh này, chiếu theo kinh này tu hành, lẽ nào các Ngài không hộ niệm? Nếu quý vị hy vọng hết thầy chư Phật đều bảo vệ quý vị, hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị, thì không có gì khác cả: Hãy niệm A Di Đà Kinh, niệm A Di Đà Phật là được rồi! Lợi ích thù thắng này còn kiếm ở nơi nào được nữa? Kiếm không ra! Người thật sự thông đạt Phật pháp, nếu chẳng tu Tịnh Độ, chẳng giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy là kẻ xuẩn ngốc nhất, chẳng thể nào có hạng người như vậy được! Trừ phi kẻ ấy chưa thông hiểu, chưa từng thấy toàn bộ Phật pháp, chỉ thấy một bộ phận nào đó, thấy được phần này, chưa thấy được phần khác, nên chẳng thể tin tưởng. Nếu đã thấy toàn bộ thì nếu không phải là [do chính mình còn tham đắm nên] chẳng bỏ được nơi này, sẽ chẳng có lý do nào mà chẳng giữ lấy pháp môn Tịnh Độ! Bởi lẽ, pháp này quá thù thắng, hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này!

Lại còn có sáu phương Phật, đúng là màu nhiệm đến tột bậc! Kinh nói số lượng chư Phật trong mỗi một phương của sáu phương là “*như Hằng hà sa số*”; thật ra, chẳng phải chỉ bằng số lượng cát trong một sông Hằng. Một giải sông Hằng rốt cuộc có bao nhiêu hạt cát? Chư Phật quá nhiều, không có cách nào tính toán, cát sông Hằng thấm vào đâu! Những vị Phật ấy không vị nào chẳng tán thán. Trong mỗi một phương, Thích Ca Mâu Ni Phật nêu vài danh hiệu tượng trưng. Phật nhiều như thế, rốt cuộc, Thích Ca Mâu Ni Phật nêu bao nhiêu vị? Nêu vị này sẽ sót tên vị kia, nêu tên vị kia sẽ sót tên vị khác nữa; nói chung là nêu lên một, sót muôn vạn, rốt cuộc phải nêu như thế nào thì mới nên? Tùy tiện nêu mấy vị ư? Chẳng thể được! Phật chẳng nói tùy tiện! Phật chẳng ăn nói tùy tiện đâu nhé! Ngài nói năng luôn có dụng ý, luôn có ý nghĩa rất sâu! Những danh hiệu của mấy vị Phật được Ngài nêu lên đều hàm nghĩa rất sâu.

Mùa Xuân năm nay chúng tôi giảng Di Đà Kinh Yếu Giải tại Hương Cảng. Trên giảng đài, khi đọc đến đoạn kinh văn này, chợt nhận ra, do giảng kinh quá thuận thực, chẳng cần phải chuẩn bị sẵn, đột nhiên nhận thấy những danh hiệu Phật ấy bao hàm ý nghĩa chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, cứ một mực nói ra, thính chúng rất hoan hỷ. Giảng xong, tôi lại viết bút ký, tôi cảm thấy giảng [ý nghĩa của] những danh hiệu ấy chẳng sai, đều là biểu thị pháp. Danh hiệu chư Phật từ A Sóc Bộ Phật ở phương Đông cho đến vị cuối cùng là Như Tu Di Sơn Phật toàn bộ nhằm biểu thị pháp, biểu thị toàn bộ lịch trình của người tu Tịnh Độ từ sơ phát tâm cho đến khi thành vô thượng đạo. Vì thế, Ngài chẳng phải là tùy tiện nêu lên [danh hiệu chư Phật trong sáu phương], ý vị [của chuyện nêu danh hiệu này] chẳng khác với kinh Hoa Nghiêm cho lắm. Kinh Hoa Nghiêm dùng sự biểu diễn của Thiện Tài đồng tử để biểu thị pháp. Kinh Di Đà dùng danh hiệu của chư Phật trong sáu phương để biểu thị pháp. Ý nghĩa này càng đọc càng thấy có lý, tuyệt đối chẳng phải do tôi suy đoán, nhưng trong các chú giải của cổ nhân không có cách nói này. Sớ Sao Diễn Nghĩa và Yếu Giải cũng chẳng có cách nói ấy. Nếu chẳng phải được thần lực của Tam Bảo gia trì, tôi cũng không hiểu! Trên giảng đài chợt phát hiện liền nói một hơi, nói không sai. Do vậy, đây là kinh được chư Phật hộ niệm, chúng ta phải coi trọng. Vì thế, trong hết thầy các kinh, nếu quý vị hỏi tôi: Đối với toàn bộ Đại Tạng Kinh, nếu chỉ cho thầy học một bộ thì thầy muốn học bộ kinh nào? Thưa với quý vị, tôi muốn học A Di Đà Kinh, những kinh khác tôi đều chẳng cần. Nếu còn có thể chọn thêm một bộ nữa thì tôi muốn học kinh Hoa Nghiêm.

“*Xá Lợi, Văn Thù chư thánh giả*”: Trong phần Tụ có mười sáu vị tôn giả và bốn vị Bồ Tát. Trong mười sáu vị tôn giả ấy, ngài Xá Lợi Phất đứng đầu, trong bốn đại Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát được xếp đầu tiên. Do vậy, kệ tụng [thỉnh Tam Bảo gia bị] nêu tên hai vị này làm đại biểu.

(Diễn) Nhị độ cú, thị hoành biến nhất thiết xứ.

(演) 二土句，是橫遍一切處。

(*Diễn: Câu “hai cõi...” là theo chiều ngang, trọn khắp hết thầy mọi nơi.*)

Đây là nói tới câu “*nhị độ lục phương biến trần sát*”. Chữ “*nhị độ*” chỉ thế giới Sa Bà và Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Độ*” là quốc độ, mà cũng là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Chúng ta biết: Trong

kinh, đức Phật thường nói “đại thiên thế giới”, đây chính là tam thiên đại thiên thế giới, tức là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Khu vực giáo hóa của mỗi vị Phật được gọi là “đại thiên thế giới”, hoặc gọi là “tam thiên đại thiên thế giới”. Tuy gọi là “đại thiên thế giới”, mỗi đại thiên thế giới hoàn toàn chẳng to như nhau, mà lớn - nhỏ khác nhau. Vì sao lớn - nhỏ khác nhau? Do lúc tu nhân, chư Phật phát nguyện và các thứ nghiệp lực nhân duyên không giống nhau. Vì vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới lớn hơn thế giới Sa Bà rất nhiều. Thế giới của Ngài là đại tam thiên đại thiên thế giới, còn Sa Bà là tiểu tam thiên đại thiên thế giới. Nếu so sánh, sẽ thấy khác nhau. Đương nhiên trong thái hư cũng có những đại thiên thế giới to hơn thế giới của A Di Đà Phật, chẳng phải là không có. Những đại thiên thế giới nhỏ hơn thế giới Sa Bà cũng có. Vì thế, lớn - nhỏ khác nhau! Giống như ban đêm chúng ta nhìn lên trời thấy các ngôi sao, mỗi tinh cầu cũng lớn nhỏ khác nhau. “Hoành biến nhất thiết xứ”: Theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Đây là nói về không gian.

(Diễn) Quá khứ cú, thị thụ biến nhất thiết thời.

(演) 過去句，是豎遍一切時。

(Diễn: Câu “quá khứ” là theo chiều dọc trọn hết thấy các thời).

Câu “quá khứ, kiến tại cập đương lai” nói theo chiều dọc, tức là nói theo phương diện thời gian. Thời gian có đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, vì thế là “thụ biến nhất thiết thời” (theo chiều dọc trọn khắp hết thấy thời), trong đoạn trên là “hoành biến nhất thiết xứ” (theo chiều ngang, trọn khắp hết thấy mọi nơi). Đây là nói trọn hết thấy thời gian và không gian, chẳng bỏ sót một điều nào. Mười phương ba đời hoàn toàn bao gồm trong ấy. Cảnh giới này to lớn chẳng khác gì cảnh giới chúng ta đã đọc trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Cảnh giới hết sức rộng lớn, đủ thấy tâm lòng của đại sư.

Nay chúng ta làm một tí thiện sự có phạm vi rất nhỏ, đâu có thể nghĩ đến phạm vi to dường ấy, chỉ nghĩ tới một nhà của chính mình là được rồi: Phật, Bồ Tát bảo vệ, ban ân cho cả nhà con bình an, bảo vệ, che chở cho thân thích, bạn bè của con là tuyệt lắm rồi! Nếu lớn hơn một chút thì bảo vệ che chở huyện thị này của con, bảo vệ che chở Đài Loan, chứ những nơi khác chẳng hề nghĩ đến. Có mấy ai làm một chút thiện sự bèn mong cầu người trên cả thế giới tốt đẹp hay chẳng? Loại người như

vậy rất ít, ý niệm như vậy rất ít. So với Liên Trì đại sư, vẫn còn thua kém xa lắm. Tâm lượng của Liên Trì đại sư là tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng bỏ sót một tinh cầu nào. Vì thế, chúng ta học Phật, thường là khi đọc kinh, hãy suy nghĩ từ chỗ này, tâm lượng của chúng ta quá nhỏ, có tư cách gì để làm Phật? Vì vậy, thành Phật thì điều kiện đầu tiên là phải mở rộng tâm lượng, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Tâm lượng phải lớn!

“*Vô tận Tam Bảo hàm chứng tri*” (vô tận Tam Bảo đều cùng chứng biết). Thế giới vô tận, trong mỗi thế giới đều có Tam Bảo. Vì vậy, Tam Bảo cũng là vô tận. Vô tận Tam Bảo đều chứng minh cho con, chứng minh con phát tâm chân thật, thật sự vì lợi ích hết thảy chúng sanh, cầu Phật làm chứng cho con. “*Duy nguyện từ bi nhiếp thọ ngã*”: Không chỉ chứng minh cho con, mà còn mong Phật dùng thần lực giúp đỡ con, đại từ đại bi nhiếp thọ con. Vì sao phải cầu Phật nhiếp thọ? Tiếp theo đây là nêu ra lời thỉnh cầu gia bị rất rõ rệt: Chính mình đã có đại nguyện như vậy, nhưng không có năng lực! Con có ý nguyện, rất mong sao mỗi một chúng sanh đều nhận biết kinh Di Đà, đều nhận biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhưng nay con không có năng lực, con chưa làm được, con rất mong làm. Rất mong làm, nhưng vẫn chưa thể làm, chẳng thể làm thì không được rồi, nên làm như thế nào đây? Cầu Phật giúp đỡ. Con bằng lòng làm, cầu Phật giúp con làm chuyện này viên mãn. Năng lực của chính mình đúng là quá hữu hạn!

“*Ngã kim vọng dĩ uest độ kiến*” (con nay lầm lạc dùng kiến giải trong uest độ), “*kiến*” là kiến giải, tức kiến giải của phàm phu. Phàm phu làm sao thấu hiểu cảnh giới của Phật? Phàm phu làm sao có thể suy lường tri kiến của Phật cho được? Đương nhiên chẳng thể nào! “*Lãi trấc Như Lai thanh tịnh tâm*” (suy đoán hẹp hòi tâm thanh tịnh của Như Lai), “*lãi*” (蠹) là cái ống nhỏ, nhỏ tí tẹo. Nếu quý vị nhìn bên ngoài [qua một cái ống] thì cũng chỉ có thể thấy cục bộ, chẳng thấy được toàn thể. Điều này tỷ dụ kiến giải và kiến văn của chính mình hết sức nhỏ hẹp, không có cách nào nhập tri kiến của Phật được!

(Diễn) Như Lai thanh tịnh tâm giả.

(演) 如來清淨心者。

(Diễn: Tâm thanh tịnh của Như Lai là...)

Tức là tri kiến của Phật.

(Diễn) *Như Lai từng Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tụ Bát Nhã, cốt thử kinh tức thị Như Lai thanh tịnh tâm.*

(演) 如來從實相般若流出文字般若，故此經即是如來清淨心。

(Diễn: *Như Lai từ Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tụ Bát Nhã, nên kinh này chính là tâm thanh tịnh của Như Lai).*

Hết thầy kinh đều từ trí huệ Bát Nhã của Như Lai lưu lộ ra văn tự. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải*” (Phật pháp không có ai nói thì dù là người có trí vẫn chẳng thể hiểu được). Kinh Phật nhất định phải có người nói. Nếu không có ai giảng giải cho quý vị, đâu là người thông minh có trí huệ trong thế gian, vẫn chẳng hiểu! Vì sao không hiểu? Phật từ tâm thanh tịnh lưu xuất ngữ ngôn, văn tự, còn người thế gian tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm ô nhiễm, chẳng giống như tâm Phật, cho nên dễ tiếp xúc Phật pháp, nhất định sẽ hiểu lệch lạc ý nghĩa. Người ấy dựa vào tri kiến của chính mình để giải thích kinh Phật, nên phạm sai lầm! “*Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan*” (giải thích ý nghĩa của kinh điển dựa theo văn tự, ba đời chư Phật bị oan). Ba đời chư Phật đều kêu oan uổng, hiểu trật ý nghĩa mất rồi! Cho nên chẳng thể dựa theo văn tự để giải thích [kinh Phật].

Vậy thì cần phải do người nào nói? Cần phải có người hữu tu hữu chứng nói, vì người hữu tu hữu chứng tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi cảm ứng với tâm thanh tịnh, nên mới có thể thấu hiểu những ý nghĩa chân chánh trong kinh Phật. Do vậy, dùng tâm chẳng thanh tịnh để giảng kinh Phật thì chẳng có đạo lý ấy, giảng không nên thân! Quý vị muốn cầu Phật, Bồ Tát cảm ứng, cũng phải dùng cái tâm thanh tịnh mới hòng cảm ứng. Tâm chẳng thanh tịnh, có muốn cầu cũng chẳng cầu được! Chuyện này chẳng thể miễn cưỡng! Chẳng phải là ta đốt nhiều nén hương thơm, hằng ngày thắp đèn, lễ bái, ve vuốt, bợ đỡ, chắc là Phật sẽ từ bi đối với ta. Nếu quý vị nghĩ có thể dùng cảm tình để xử sự thì lầm to rồi!

Phật, Bồ Tát không xử sự bằng cảm tình, thuần túy là lý trí, chẳng nói tới chuyện tình cảm. Không hợp điều kiện này, quý vị sẽ chẳng có một tí biện pháp nào hết! Nếu tâm địa thanh tịnh, quý vị suốt ngày từ

sáng đến tôi chẳng hề thấp hương, chẳng dập đầu, chẳng lễ bái, chẳng thắp đèn, mà vẫn có cảm ứng, vì sao? Tịnh cảm ứng với tịnh!

Vì sao dạy quý vị những nghi thức? Nghi thức nhằm thời thời khắc khắc nhắc quý vị nâng cao sự cảnh giác của chính mình, nhắc quý vị về giác - chánh - tịnh, mang ý nghĩa này. Nếu tâm địa thanh tịnh quang minh, thắp đèn hay không cũng chẳng sao. Vì tâm địa của chúng ta quá tối tăm nên thường nhìn vào đèn, bèn nghĩ chúng ta phải quang minh, phải giác ngộ, mang ý nghĩa như vậy đó. Bởi lẽ, tâm thanh tịnh thì mới có thể cảm ứng. Do điều này, kinh Phật là tâm thanh tịnh của Như Lai, là vật được biến hiện bởi tâm thanh tịnh, đặc biệt là bộ kinh này. Bộ kinh này thanh tịnh hơn những kinh khác, vì sao? Thuần nhất giảng nhất tâm bất loạn, không vòng vèo, quanh co. Những kinh khác còn vòng vèo, quanh co, dần dần mới chuyển đến chỗ này. Kinh này thẳng thừng, thỏa đáng, vì thế, nói nó là đặc biệt thanh tịnh.

“Ngưỡng thừa Tam Bảo đại oai thần, gia bị phạm ngu thành thẳng trí”: Không có trí huệ thù thắng của Như Lai, Bồ Tát, sẽ không có cách gì nêu tỏ ý nghĩa của kinh này. Nếu muốn nêu tỏ ý nghĩa của kinh, đồng thời muốn phù hợp với trí Phật thì giống như trong bài kệ Khai Kinh đã nói *“nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*, thật sự là chuyện chẳng dễ dàng! Không được Tam Bảo gia trì, chắc chắn chẳng làm được. Tiếp theo đó, lời kệ nêu bày nguyện vọng *“sử ngã ngôn ngôn phù Phật ý”* (khiến cho từng chữ của con đều phù hợp ý Phật). Ba câu cuối là hồi hướng, cũng là nêu rõ mục đích ở nơi đâu: Giúp Phật lưu thông đại pháp *“lưu thông hà nhĩ”* (lưu thông xa - gần), *“hà nhĩ”* (遐邇) là xa - gần. Trong sự xa - gần này có thời gian và không gian. Thời gian là nói hiện tại và vị lai, quá khứ chẳng cần nói đến nữa! Không gian là từ gần đến xa, tức là như phạm phu chúng ta nói: Không gian hoạt động hiện thời của chúng ta tính đến cực hạn là quả địa cầu này.

Từ ngôi chùa Vân Thê ở Hàng Châu mà lão nhân gia đang trụ, từ chỗ này dần dần lưu truyền đến những khu vực khác, từ Trung Quốc truyền sang ngoại quốc, đây là từ gần đến xa, từ thế giới này của chúng ta lưu thông sang thế giới khác. Đó là nguyện vọng của đại sư, hy vọng các chúng sanh hễ ai trông thấy, nghe đến bộ kinh này đều có thể sanh lòng hoan hỷ. Nghe kinh trọn chẳng nhất định là phải nghe từ đầu đến đuôi. Có thể nghe hoàn chỉnh đương nhiên là tốt đẹp, nhưng quý vị phải hiểu: Giảng bộ kinh này mà có thể nghe từ đầu đến đuôi thì phước báo rất lớn. Đặc biệt là những bộ kinh lớn thì gần như chẳng thể nào [nghe giảng trọn vẹn từ đầu đến cuối].

Còn như bộ kinh này, trong quá khứ chúng tôi đã giảng hai lần ở Đài Bắc. Lần thứ nhất giảng tại Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, bốn năm mới viên mãn. Lần thứ hai giảng tại Đồ Thư Quán của chúng ta, năm năm viên mãn. Tổng cộng giảng ba trăm ba mươi lăm lượt, có ai mỗi buổi giảng đều có thể đến nghe? Chẳng thể nào! Vì vậy, chẳng sót một buổi nào chỉ có một mình tôi, chẳng vắng mặt buổi nào. Ngoài ra, không tìm được một ai khác.

Do vậy, nếu quý vị muốn tương lai chẳng bị sót buổi nào, hãy lên đài giảng kinh, quý vị sẽ chẳng bị khuyết. Nói chung, thính chúng bị những chuyện khác quấy rầy, một hai lần không đến được là chuyện thường, nhất là kinh dài như vậy sẽ bị vắng mặt. Nghe một lần cũng được, nghe một lần bèn được lợi ích một lần. Nghe một lần, cảm nhận một lần, có thể sanh lòng hoan hỷ. Nếu có thể tin nhận phụng hành, phát nguyện vãng sanh thì một lần cũng chẳng thể coi là ít, vô lượng vô biên công đức! Mục tiêu cuối cùng là “*đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả*”.

(Diễn) Tịch Quang vô thượng quả giả, tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ, giai chứng Tịch Quang nhi phi vô thượng.

(演) 寂光無上果者，四十一位法身大士，皆證寂光而非無上。

(Diễn: “Tịch Quang vô thượng quả”: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều chứng Tịch Quang, nhưng chưa vô thượng).

Trong kinh Hoa Nghiêm, “*bốn mươi một địa vị*” là các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng hải hội được mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Bốn mươi một địa vị tính từ Sơ Trụ, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Trong bốn mươi một địa vị này, không có cách nào tính trọn hết số người trong mỗi một địa vị, chẳng biết có bao nhiêu Sơ Trụ Bồ Tát, Nhị Trụ Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, số lượng quá nhiều! Nói chung, chẳng ra ngoài bốn mươi một loại này, đều là sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Từ kinh Hoa Nghiêm, ta có thể thấy được điều này: Họ sanh vào cõi Tịch Quang, nhưng cõi Tịch Quang và cõi Thật Báo là đồng thời chứng đắc, sanh vào cõi Thật Báo là sanh vào cõi Tịch Quang. Tịch Quang là Lý, Thật Báo là Sự, Lý - Sự vô ngại, Sự - Sự vô ngại. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, nhưng chưa phải là vô thượng.

(Diễn) Duy Diệu Giác nhất vị, nãi vi vô thượng quả dã.

(演) 唯妙覺一位，乃為無上果也。

(Diễn: Chỉ có địa vị Diệu Giác mới là quả vô thượng).

“Diệu Giác nhất vị” (địa vị Diệu Giác) là “vô thượng quả”. Vô thượng quả là Phật quả. Diệu Giác là Phật, tức [quả vị] Phật trong Viên Giáo, không có gì cao hơn, đã đạt đến tột đỉnh. Đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Học Phật đến chỗ này mới tính là thật sự viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa phải là thật sự viên mãn, nhất định phải đạt tới Diệu Giác mới là viên mãn. Đây là giới thiệu đơn giản đoạn văn “*thỉnh gia*”. Tiếp theo đó, chính đại sư có viết một đoạn chú giải.

(Sớ) Quy mạng, như Ba La Mật lệ, đảo ngữ pháp dã.

(疏) 歸命，如波羅密例，倒語法也。

(Sớ: Quy mạng là theo thể lệ như chữ Ba La Mật, cú pháp đảo ngược).

Đây là đảo ngược cú pháp. Vì kinh văn là từ tiếng ngoại quốc dịch sang tiếng Hán, trong những danh từ thuật ngữ được dùng, có rất nhiều từ ngữ là những câu dịch từ tiếng Phạn, có rất nhiều câu văn đảo ngữ, vẫn giữ nguyên hình thức trong tiếng Phạn, nhưng tình hình này không nhiều!

(Sớ) Quy nghĩa hữu nhị: Nhất giả quy đầu nghĩa, ngôn thế nhân chí trọng giả thân mạng.

(疏) 歸義有二：一者歸投義，言世人至重者身命。

(Sớ: “Quy” có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất là quay về, gieo vào, ý nói: Người đời coi trọng thân mạng nhất).

Người thế gian đại đa số coi trọng thân mạng nhất, không có gì quan trọng hơn! Nếu coi nhẹ thân mạng, coi trọng những thứ khác thì người như vậy chẳng nhiều, mà là thiểu số! Tuyệt đại đa số là coi trọng thân mạng của chính mình nhất!

(Sớ) Cử thân mạng nhi quy y, thành kính chí chí, vô nhị tâm dã.

(疏) 舉身命而歸依，誠敬之至，無二心也。

(Sớ: Đem trọn thân mạng quy y, thành kính tột bậc, chẳng có hai lòng).

Sự quy y ấy chỉ thành đến tột bậc, do vậy, dùng chữ “quy mạng”, tức là dùng thân mạng để quy y. “Quy mạng” bao hàm hai nghĩa, đây là nghĩa thứ nhất. Nghĩa thứ hai là...

(Sớ) Nhị giả, quy nguyên nghĩa, cử thân mạng nhi quy y, tức thị tổng nhiếp lục căn hoàn quy nhất tâm dã.

(疏) 二者歸元義，舉身命而歸依，即是總攝六根還歸一心也。

(Sớ: Nghĩa thứ hai là trở về nguồn, dốc trọn thân mạng quy y chính là nhiếp trọn sáu căn trở về nhất tâm).

“Nguyên” là “nguyên bản”, tức là căn bản của chúng ta, căn bản là nhất tâm. Trong nhà Phật, chấp tay có ý nghĩa gì? Chấp tay biểu thị nhất tâm: Mười đầu ngón tay biểu thị sự tán loạn; có thể thu gom cái tâm tán loạn, gom thành nhất tâm. [Chấp tay] biểu thị ý nghĩa này. Do vậy, hễ chấp tay, vừa thấy bàn tay chấp lại thì phải thu tâm lại. Tâm và hạnh bên ngoài phải tương ứng. Nếu chấp tay mà trong tâm vẫn khởi vọng tưởng thì sai mất rồi, trong và ngoài chẳng như nhau! Hình thức bên ngoài tưởng chừng như tràn ngập cung kính, nhưng bên trong vẫn khởi vọng tưởng, đấy chẳng phải là cung kính thật sự! Trong và ngoài giống hệt như một mối là cung kính thật sự. “Tổng nhiếp lục căn hoàn quy nhất tâm” (nhiếp trọn sáu căn trở về nhất tâm). Trong chú giải có nói...

(Diễn) Hoàn quy nhất tâm giả, nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp; kim phản lục hòa hợp, hoàn quy nhất tinh minh dã.

(演) 還歸一心者，元依一精明，分成六和合，今返六和合，還歸一精明也。

(Diễn: “Trở về nhất tâm”: Vốn là nương vào một cái tinh minh mà chia thành sáu thứ hòa hợp, nay quay ngược sáu thứ hòa hợp trở về một cái tinh minh).

Đây là những câu trích từ kinh Lăng Nghiêm. “Nhất tinh minh” là nhất tâm của chính mình, “lục hòa hợp” là sáu căn. Chân tâm quý vị từ sáu căn khởi ra sáu thứ tác dụng khác nhau, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai là nghe, nơi mũi là ngửi, nơi lưỡi là nếm; thật ra, chúng đều là tác dụng của nhất tâm. Nếu quý vị chẳng thấu hiểu ý nghĩa này thì chúng tôi nêu lên một tỷ dụ để quý vị dễ hiểu! Thí như điện từ nhà máy điện phát ra là một, chẳng có gì khác nhau, nhưng điện ở nơi đèn thì tỏa sáng. Đèn là một khí cụ, nó khởi tác dụng là ánh sáng. Nơi máy thu âm, điện khiến cho máy thu lại âm thanh của chúng ta. Tại máy sưởi điện thì nó tỏa nhiệt. Tùy theo đồ vật khác nhau mà điện khởi tác dụng khác nhau. Tuy khởi tác dụng khác nhau, nhưng đều là một dòng điện, tuyệt đối chẳng thể nói điện tỏa sáng và điện nơi máy thu âm là hai thứ, chẳng phải là một! Không có đạo lý ấy! Tác dụng nơi sáu căn của chúng ta quả thật là một, không hai, nó là chân tâm. Mắt của chúng ta giống như đèn, tai giống như máy thu âm, dòng điện khởi tác dụng tại những nơi đó. Vì thế nói là “nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp”, tại sáu căn khởi sáu thứ tác dụng khác nhau; tuy khởi sáu thứ tác dụng khác nhau, nhưng phải biết chúng hoàn toàn là nhất tâm.

“Kim phản lục hòa hợp, hoàn quy nhất tinh minh”: Nay chúng ta quay đầu lại, hợp sáu cái tâm nơi sáu căn này thành một, “thành tâm” (tâm chân thành) bèn hiện tiền. Nhất tâm phân tán nơi sáu căn, đó là tách rời ra; hiện thời chúng lại được quy nhất, biểu thị chí thành, biểu thị cung kính, đây là ý nghĩa “hoàn quy nhất tâm”.

(Sớ) Sa Bà ngôn Thích Ca, Tây Phương ngôn Di Đà, tiên Thích Ca giả, giáo sở diêu hưng dã. Nhự tử phong hầu, thượng bất bồi bổ; phạm phu nhập thánh, khởi đắc cô ân? Cổ hữu lâm chung phần hương tiên cúng dường Thích Ca giả, chánh thử ý dã.

(疏) 娑婆言釋迦，西方言彌陀。先釋迦者，教所繇興也，孺子封侯，尚不背本，凡夫入聖，豈得辜恩。古有臨終焚香先供養釋迦者，正此意也。

(Sớ: Ở cõi Sa Bà là nói đến Phật Thích Ca, tại Tây Phương là nói tới Phật Di Đà. Nói tới Phật Thích Ca trước là vì giáo pháp do Ngài mà hưng khởi. Trẻ thơ được phong hầu, còn chẳng quên cội gốc. Phàm phu dự vào bậc thánh, há lẽ phụ ơn? Xưa kia có người lâm chung bèn thấp hương cúng dường Phật Thích Ca trước, chính là vì ý này vậy).

Đoạn này nhằm giải thích vì sao trong bài kệ Quy Mạng, trước hết đại sư nói “*quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ*”, rồi lại nói “*Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn*”. Xếp Phật Thích Ca lên trước, A Di Đà Phật xếp ra sau, là vì chẳng quên nguồn cội. Có sao quý vị biết đến thế giới Tây Phương? Do Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, chẳng thể quên mất đại ân nhân! Nếu chúng ta chẳng lễ kính Thích Ca Mâu Ni Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ đuổi quý vị đi. Người giới thiệu có ân lớn như thế mà người còn quên bẵng thì có chấp nhận được chăng? Chẳng thể được! Do vậy, con người chớ nên quên nguồn cội. Nhà Phật coi trọng điều này, mà Nho gia cũng coi trọng. Đây cũng là điểm đặc sắc của văn hóa Trung Quốc. Vì thế, người Hoa thờ tổ tiên, không gia đình nào chẳng thờ tổ tiên. Thờ tổ tiên nhằm quay về cội, báo đáp nguồn gốc, kỷ niệm tổ tiên xa xưa nhất của chúng ta tuy đã xa cách nhiều đời, mấy ngàn vạn năm. Chúng ta cũng chẳng biết mặt mũi họ như thế nào, nhưng trong tâm luôn tưởng nhớ vị thủy tổ của chúng ta, mang ý nghĩa này! Đoạn này nhằm thuyết minh đạo lý này.

“*Tiên Thích Ca giả, giáo sở diêu hưng dã*” (nói tới Phật Thích Ca trước là vì giáo pháp do Ngài mà hưng khởi). Chữ “*giáo*” đặc biệt chỉ giáo pháp Tịnh Độ trong kinh Di Đà do Phật dạy cho chúng ta. “*Nhụ tử phong hầu, thượng bất bối bổn*” (trẻ thơ được phong hầu, còn chẳng quên gốc). Chỗ này có điển cố, tức là chuyện của Trần Bình⁶¹ đời Hán.

⁶¹ Trần Bình là đại thần của Hán Cao Tổ (Lư Bang) người làng Hộ Dũ xứ Dương Vũ (nay là huyện Nguyên Dương, tỉnh Hà Nam), đa mưu túc trí, từng phục vụ dưới trướng Hạng Vũ, rất được Hạng Vũ coi trọng. Về sau, đắc tội với Á Phụ Phạm Tăng nên phải trốn sang cầu cạnh Lư Bang. Vì Lư Bang nghi kỵ, không trọng dụng, nên Ngụy Vô Tri phải tiến cử. Về sau, Trần Bình giữ chức Thừa Tướng nhà Hán. Thuở bần hàn, Trần Bình tuy cao lớn, đẹp trai, học giỏi, khéo ăn nói, nhưng vì đã lớn mà chẳng có nghề nghiệp vững chắc, gia cảnh bần hàn, nên không ai gả con cho, ngoài ba mươi tuổi vẫn chưa có vợ. Mãi về sau, Trương Phụ là người giàu có trong làng, có đứa cháu nội đã năm lượt góa chồng, không ai dám lấy, Trần Bình đành phải bậm bụng xin cưới. Do vợ chăm làm, gia đình vợ giúp đỡ, Trần Bình khá lên, được phong làm Xã Tể (gần như xã trưởng). Mỗi lần trong làng tế lễ, phân chia thịt đã tế cho

Khi Trần Bình được phong hầu, ông ta nghĩ đến Ngụy Vô Tri là người đầu tiên đã tiến cử ông ta với Hán Cao Tổ. Nếu chẳng được ông ta tiến dẫn, Trần Bình sẽ không có cách nào thân cận Hán Cao Tổ. Nay ông ta được phong hầu, người giới thiệu ấy nhất định phải được phong thưởng. Do vậy, Hán Cao Tổ hết sức khen ngợi Trần Bình, nói ông ta không quên cội gốc. Nêu ra câu chuyện xưa như vậy.

“*Phàm phu nhập thánh, khởi đắc cô ân*”: Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ bèn là thánh nhân. Nói thông thường, Pháp Thân đại sĩ mới được gọi là thánh nhân, Ma Ha Tát mới gọi là thánh nhân, còn Bồ Tát được gọi là hiền nhân. Ma Ha là Đại, bậc đại Bồ Tát kiến tánh mới được gọi là thánh nhân. Phàm phu chúng ta đều Hạ Phẩm Hạ Sanh nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều được gọi là thánh nhân; đây là chỗ thù thắng trong thế giới Cực Lạc: Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ thành Phật, vì sao? Thành Phật trong một đời. Hiện thời, Mật Tông cường điệu chuyện “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này), chưa chắc đã trông cậy được! Vãng sanh Tây Phương tức thân thành Phật là chuyện tuyệt đối trông cậy được! Trong Thiền và Mật có rất nhiều ngộ rồi, ma chướng rất nhiều! Thật thà niệm Phật chắc chắn không có chướng ngại, thành tựu ổn thỏa, thích đáng; hai tông kia chẳng thể nào sánh bằng được! Do vậy, chẳng thể cô phụ ân đức giới thiệu của đức Bổn Sư.

“*Cổ hữu lâm chung phẫn hương tiên cúng dường Thích Ca giả*”: Đây là khi lâm chung vãng sanh, người ấy thấp hương cúng dường Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nhằm báo ân, ý nghĩa là ở chỗ này. Ai vậy?

người trong làng, các bô lão thường khen: “*Trần Bình như tử (thằng nhãi con Trần Bình) chia thịt rất khéo*”.

Ông Lưu Di Dân. Ông này cũng thật sự vãng sanh, chẳng giả tí nào! Ông ta thuộc Đông Lâm Liên Xã, ở cùng một nơi với Huệ Viễn đại sư. Huệ Viễn đại sư sáng lập Liên Xã trước nhất tại Lô Sơn. Họ gồm một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật, ai nấy đều vãng sanh. Đương nhiên vãng sanh chẳng phải cùng trong một ngày, có người ra đi sớm, có người ra đi trễ, nhưng quả thật ai nấy đều vãng sanh. Những người vãng sanh sau thấy người vãng sanh trước theo chân A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí cùng đến tiếp dẫn, mỗi người đều có tướng lành hết sức tốt đẹp. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, đây là một trang sử rạng rỡ nhất, vì ai nấy đều thành tựu, đạo tràng này có nhiều người thành tựu nhất.

Kể đó, trong Thiền Tông, thành tựu nhiều nhất là đạo tràng của Lục Tổ. Lục Tổ dạy học tại chùa Nam Hoa ba mươi bảy năm, người thành tựu tổng cộng là bốn mươi ba người. Những người đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài tổng cộng bốn mươi ba người. Bất cứ vị Tổ Sư nào trong lịch sử Thiền Tông cũng chẳng có cách nào sánh bằng Ngài, nhưng nếu so giữa Ngài và Viễn Công đại sư thì người được thành tựu nơi Viễn Công đại sư hơn những người thành tựu nơi Lục Tổ quá nhiều. Dầu là người đã đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông thì người ấy vẫn chưa rốt ráo, chưa phải là viên mãn, còn người vãng sanh Tịnh Độ đã rốt ráo viên mãn, chúng ta phải nên hiểu điều này! Khi ông Lưu Di Dân vãng sanh, lúc Phật đến tiếp dẫn, ông ta thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn mình, bèn vội đốt hương, trước hết lễ bái Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: Nếu chẳng phải do Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh giới thiệu, làm sao con có ngày hôm nay? Lễ Thích Ca Mâu Ni Phật xong, lại lễ bái A Di Đà Phật, theo A Di Đà Phật ra đi. Do có chuyện này, nhằm nói lên ý nghĩa muốn báo đáp ân đức của đức Bồ Sư, vàn muôn phần chớ nên quên mất người giới thiệu. Con người chớ nên quên cội gốc! Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 45

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi sáu:

(Sớ) Thuyết pháp chủ giả, thuyết pháp độ sanh, nhất độ chi trung, vô nhị Phật cố.

(疏) 說法主者，說法度生，一土之中，無二佛故。

(Sớ: “Thuyết pháp chủ”: Thuyết pháp độ sanh, trong một cõi không có hai vị Phật).

Đoạn này nhằm giải thích câu thứ nhất trong bài kệ Thỉnh Gia (thỉnh Tam Bảo gia hộ): “Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ”. Chữ “thuyết pháp chủ” chỉ đức Phật. Trong một tam thiên đại thiên thế giới chỉ có một vị Phật, Ngài được gọi là “thuyết pháp chủ”, giống như mỗi trường học chỉ có một hiệu trưởng. Chư Phật từ phương khác nếu đến ứng hóa tại nơi đây, tình hình này hết sức thường có, chỉ cần [chúng sanh trong cõi ấy] có duyên với Phật, Phật sẽ tùy thời thị hiện các thứ thân tướng trong mười phương để hóa độ chúng sanh, nhưng các Ngài thị hiện thì chẳng thể dùng thân phận Phật để thị hiện. Trừ thân phận Phật ra, bất cứ thân phận nào cũng đều có thể thị hiện được. Trong một thế giới, dùng thân phận Phật để thị hiện, nhất định chỉ có vị giáo hóa chủ.

(Sớ) *Tiếp dẫn giả, chúng sanh niệm Phật, Phật tùy tiếp dẫn. Dụ như hành lộ, nhược giả tiếp nhi tế chi, mê giả dẫn nhi đạo chi dã. Phục hữu nhị nghĩa: Hiện sanh tiếp dẫn, tác tư kỳ đạo tâm; lâm chung tiếp dẫn, tác nhiếp kỳ thần thức.*

(疏) 接引者，眾生念佛，佛垂接引，喻如行路，弱者接而濟之，迷者引而導之也。復有二義：現生接引，則資其道心；臨終接引，則攝其神識。

(Sớ: “Tiếp dẫn” là chúng sanh niệm Phật, Phật rủ lòng tiếp dẫn. Ví như đi đường, đối với người yếu đuối bèn nâng, dìu, giúp đỡ, đối với kẻ lạc đường bèn dẫn dắt, chỉ bảo. Lại có hai nghĩa: Tiếp dẫn trong lúc còn sống nhằm vun bồi đạo tâm cho người ấy; tiếp dẫn lúc lâm chung thì nhiếp thọ thần thức của người ấy).

Đây là giải thích ý nghĩa chữ “tiếp dẫn”. Ở đây nói tới “tiếp dẫn” thì đương nhiên là Tây Phương thế giới A Di Đà Phật. Ở chỗ này, đại sư dùng tỷ dụ để giảng chữ “tiếp dẫn”, tỷ dụ khá thân thiết. Ví như đi đường, người thể lực yếu đuối, chúng ta bèn nâng đỡ, dìu dắt, giúp đỡ người ấy. Đây là ý nghĩa “tiếp nhi tế chi”. “Tế” (濟) là giúp đỡ. Nếu người ta bị lạc đường, quý vị có thể chỉ điểm, hoặc nếu quý vị có thời

gian, cũng có thể dẫn họ đi một đoạn, đây là “*dẫn nhi đạo chi*”. Tiếp dẫn có hai thứ ý nghĩa, [nên lời Sớ mới viết là] “*phục hữu nhị nghĩa*”, [tức là] tiếp dẫn về Tây Phương lại gồm có hai tình huống: Thứ nhất là ngay trong khi còn sống.

(Diễn) *Hiện sanh tiếp dẫn giả.*

(演) 現生接引者。

(Diễn): *Tiếp dẫn ngay trong khi còn sống).*

Tình hình này rất nhiều, một người phát tâm thật sự niệm Phật, nếu tâm thanh tịnh thì gần như là thường có thể cảm thấy Phật ngầm ngầm gia trì.

(Diễn) *Bất hiện thân ngữ, minh minh gia bị.*

(演) 不現身語，冥冥加被。

(Diễn): *Chẳng hiện thân hay nói năng, âm thầm gia bị).*

Chúng ta chẳng thấy hình tướng, cũng chẳng nghe thấy âm thanh, nhưng trong tâm có thể cảm nhận được Phật ở bên cạnh.

(Diễn) *Tinh tâm âm tốc, phát bí thân thức dã.*

(演) 精心陰速，發彼神識也。

(Diễn): *Nhanh chóng ngầm cảm thông với tâm thuần chân, khiến cho thân thức của kẻ ấy phát khởi tác dụng⁶².*

⁶² Đây là hai câu trích từ đoạn sau đây trong kinh Lăng Nghiêm: “*Thử chư Kim Cang Bồ Tát Tạng Vương, tinh tâm âm tốc, phát bí thân thức, thị nhân ứng thời, tâm năng ký ức bát vạn tứ thiên Hằng hà sa kiếp, châu biến liêu tri, đắc vô nghi hoặc*”. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Dịch Giải (do cư sĩ Vương Trị Bình biên soạn), quyển bảy: “*Tinh tâm là cái tâm thuần chân. Cái tâm này trên có cùng một từ lực với chư Phật, dưới cùng một niềm bi ngưỡng với chúng sanh, cho nên có thể khiến cho thân thức thông sáng. Câu này có nghĩa là cái chân tâm ấy âm thầm được phát khởi nhanh chóng, khiến cho thân thức được phát huy tác dụng, nên câu kệ đó mới nói: Người ấy ngay lập tức có thể nhớ được chuyện trong tám vạn bốn ngàn Hằng hà sa kiếp, thông hiểu trọn khắp*”.

Đây là ý nghĩa cảm ứng đạo giao. Trừ tình hình này ra, cũng có khi hiện thân, nhưng điều này khá ít. Hoặc là trong khi niệm Phật thấy được tướng lành, hoặc là trong khi tịnh tọa thấy thân Phật, cũng có khi nằm mộng thấy Phật. Thấy Phật thì hoặc là nghe pháp, hoặc Phật xoa đỉnh đầu, đó là những hiện tượng tốt, đều là cảnh giới tốt. Bất quá là thấy hiện thân, trông thấy thân ấy, hoặc nghe âm thanh, thỉnh thoảng một hai lần thì được; nếu thường xuyên nghe thấy thì thưa cùng quý vị, đây là ma, chẳng phải Phật! Vì sao? Phật chẳng thể thường xuyên cho quý vị trông thấy. Thỉnh thoảng một hai lần [hiện thân] để tăng trưởng tín tâm của quý vị, đó là thật sự tiếp dẫn. “*Tư kỳ đạo tâm*” (vun bồi đạo tâm), nhằm chứng minh cho quý vị. Chứng minh một hai lần là đủ rồi, chứ thường xuyên trông thấy sẽ phiền phức lớn lắm. Đây chắc chắn không phải là Phật; quý vị phải chú ý điều này!

Có những đồng tu bảo tôi, lúc họ mới học Phật có rất nhiều tướng lành, hiện thời chẳng có gì hết, có phải là lui sụt hay không? Chẳng phải là lui sụt! Vì sao lúc mới học thường có? Đối với người mới học, nhất định phải giúp họ kiến lập tín tâm. Họ đã nhập môn rồi, đã sanh tín tâm rồi, mà còn thường xuyên thị hiện, chắc chắn họ sẽ đi theo con đường thần thông. Chạy theo thần thông sẽ đi vào tà đạo, quý vị phải chú ý điểm này. Chắc chắn Phật chẳng dùng thần thông để làm Phật sự. Hễ dùng thần thông để làm Phật sự thì chẳng phải là chánh pháp.

Đúng là Phật, Bồ Tát có thần thông, thần thông rộng lớn, vì sao chẳng dùng thần thông làm Phật sự? Vì Ma có thần thông! Nếu Phật dùng thần thông làm Phật sự, chúng nó cũng thường dùng thần thông, chúng ta không có cách nào phân biệt Phật và Ma. Phật dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh, còn Ma thì không. Nếu Ma cũng dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh thì là Phật, chẳng gọi là Ma nữa. Do vậy, Phật nhất định dùng chánh pháp chỉ dạy chúng sanh. Phàm những kẻ nào dùng thủ đoạn thần thông để tiếp dẫn chúng sanh, quý vị phải cẩn thận, đó chẳng phải là chánh pháp. Những thứ như Phong Thủy, đoán mạng, coi tướng đều chẳng phải là Phật pháp, đều là dùng tà pháp tiếp dẫn chúng sanh. Đức Phật dùng giáo học để tiếp dẫn chúng sanh, nhất định phải hiểu rõ điều này!

(Diễn) Lâm chung tiếp dẫn giả.

(演) 臨終接引者。

(Diễn: Tiếp dẫn lúc lâm chung là...)

Loại thứ hai là khi lâm chung. Lâm chung nhất định thấy hình tượng Phật.

(Diễn) Hiện thân ngữ ý.

(演) 現身語意。

(Diễn: Hiện thân, ngữ, ý).

Chẳng những quý vị thấy hình tượng Phật, mà Phật còn nói với quý vị. Có thể trông thấy tướng, có thể nghe âm thanh của Phật, đó là Phật tiếp dẫn quý vị.

(Diễn) Nhiếp kỳ thần thức, quy u Tịnh Độ.

(演) 攝其神識，歸於淨土。

(Diễn: Nhiếp thọ thần thức của người ấy về Tịnh Độ).

Tây Phương Tịnh Độ ở đâu, quý vị chẳng hiểu! Chẳng hiểu cũng không sao! Phật đến tiếp dẫn quý vị, cứ theo Ngài ra đi, Ngài dẫn quý vị đến đó. Do vậy người niệm hãy hết sức an tâm, đừng nghĩ hư không lớn dường ấy, rốt cuộc A Di Đà Phật ở tinh cầu nào? Đền đâu để tìm kiếm? Đừng bận tâm! Phật đến tiếp dẫn quý vị.

(Sớ) Đại từ tôn giả.

(疏) 大慈尊者。

(Sớ: “Đại từ tôn” là...)

Đức Thế Tôn đại từ đại bi.

(Sớ) Như mẫu ức tử, danh chi viết Từ. Từ vô dĩ gia, danh chi viết Đại. Tôn tức chủ nghĩa. Giao hồ ngôn chi, diệc khả Thích Ca thử độ chi tôn.

(疏) 如母憶子，名之曰慈。慈無以加，名之曰大。

尊即主義。交互言之，亦可釋迦此土之尊。

(Sớ: Như mẹ nhớ con nên gọi là Từ. Lòng Từ không gì hơn được nên gọi là Đại. Tôn có nghĩa là chủ. Gộp chung [các ý nghĩa này] để nói thì có thể dùng [danh xưng Đại Từ Tôn] để gọi đức Thích Ca trong cõi này).

Đây là giáo hóa chủ trong thế giới này, “giáo hóa chủ” là vị thầy căn bản.

(Sớ) Di Đà bỉ độ chi chủ dã.

(疏) 彌陀彼土之主也。

(Sớ: Phật Di Đà là giáo chủ trong cõi kia).

A Di Đà Phật là giáo chủ cõi Cực Lạc.

(Sớ) Kiêm nhị Như Lai, thị vị Phật Bảo.

(疏) 兼二如來，是謂佛寶。

(Sớ: Hai vị Như Lai cùng được gọi là Phật Bảo).

Câu này nói về hai vị Phật.

(Sớ) Bất Khả Tư Nghị Phật Hộ Niệm Kinh, thử kinh nguyên danh dã, thị vị Pháp Bảo.

(疏) 不可思議佛護念經，此經原名也，是謂法寶。

(Sớ: Bất Khả Tư Nghị Phật Hộ Niệm Kinh là tên gốc của kinh này, đây là nói về Pháp Bảo).

Tựa đề nguyên thủy của kinh này là Xung Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Quý vị phải đọc kỹ tựa đề kinh này, mới biết kinh này thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Là vì hết thấy các kinh do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm đều chẳng dùng danh xưng này. Bất Khả Tư Nghị là xưng tán những lý luận và phương pháp trong kinh này đều chẳng thể nghĩ bàn. Hết thấy chư Phật, tận hư không, trọn pháp giới, mười phương ba đời, chẳng sót một vị Phật nào. Nói cách khác, chẳng có bất cứ một vị Phật nào chẳng khen ngợi kinh này, chẳng hộ niệm bộ kinh này, quý vị mới hiểu được giá trị của kinh này cũng như biết được tánh chất quan trọng của pháp môn

này. Quý vị có nghe pháp môn nào khác mà được hết thầy chư Phật hộ niệm hay chăng? Chưa từng nghe nói! Kinh này được hết thầy chư Phật hộ niệm. Nếu quý vị thật sự phát tâm tu học pháp môn này, đọc tụng kinh điển này, niệm một câu A Di Đà Phật, quý vị đừng nên hoài nghi, quý vị chính là người được hết thầy chư Phật hộ niệm! Vốn như vậy mà! Hết thầy chư Phật hộ niệm kinh này, quý vị hằng ngày đọc tụng kinh này, hết thầy chư Phật chẳng hộ niệm quý vị thì hộ niệm ai? Quý vị đã được hết thầy chư Phật hộ niệm, mà nếu lại đi xem Phong Thủy, đoán mạng, chư Phật đều bỏ đi hết. Quý vị thấy đó: Chúng ta hộ niệm kẻ đó, hẳn cảm thấy không thể trông cậy được, vẫn phải tìm thầy tướng số, tìm thầy Phong Thủy, vẫn nghĩ lũ người kia mới đáng tin cậy, còn hết thầy chư Phật chúng ta chẳng đáng nương tựa, vậy thì đương nhiên chư Phật phải ra đi. Quý vị đại bất kính đối với chư Phật, chẳng có lòng tin đối với hết thầy chư Phật, phải biết điều này!

Như thế nào thì mới thật sự được thần lực của chư Phật gia trì? Đối với Phật, quý vị phải cung kính. Nguyên thứ nhất trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”. Điều đầu tiên của quý vị là đại bất kính thì làm sao được? Nhất định phải thật sự tin vào chính mình, quý vị ở nơi đâu, nơi ấy nhất định cát tường. Quý vị được chư Phật hộ niệm, lễ đâu chẳng cát tường? Thậm chí trong thế gian, chỗ Phong Thủy xấu hèn, Phong Thủy chẳng tốt đến đâu đi nữa, quý vị đến ngôi nơi đó, chỗ ấy bèn cát tường, vì sao? Quý vị được hết thầy chư Phật hộ niệm, chứ người khác thì không được, họ bị Phong Thủy, bị vận mạng xoay chuyển! Quý vị là người được hết thầy chư Phật hộ niệm, quý vị đến đó ngôi, Phong Thủy chuyển theo quý vị. Quý vị chẳng bị nó chuyển mà nó chuyển theo quý vị. Người nào có phước nhất? Người niệm Phật có phước nhất; thế gian và xuất thế gian chẳng có ai phước lớn bằng người niệm Phật! Quý vị không niệm Phật thì không có cách gì hết!

Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch kinh này, vì sao chẳng dùng tên gốc của bản kinh? Đây là lòng từ bi của lão nhân gia, lão nhân gia vận dụng phương tiện. Bởi lẽ, cách tu hành trong kinh này là xưng danh, tức là thọ trì danh hiệu. Vì thế, Ngài dùng danh hiệu để đặt tên kinh khiến cho vô lượng vô biên chúng sanh kết pháp duyên với Tây Phương Tịnh Độ. Người chẳng tu Tịnh Độ hỏi: “Đây là kinh gì?” “Kinh A Di Đà!” Quý vị thấy đó, quý vị vừa niệm một tiếng A Di Đà Phật. Do vậy, vô lượng vô biên chúng sanh kết pháp duyên với Tịnh Độ. Sở dĩ Ngài dùng danh hiệu của Phật để đặt tên kinh, chẳng dùng tựa đề gốc của bản kinh, đạo lý là ở chỗ này. Đây là Pháp Bảo.

(Sớ) Xá Lợi, Văn Thù đấng, văn kinh chúng dã, thị vị Tăng Bảo.

(疏) 舍利文殊等，聞經眾也，是謂僧寶。

(Sớ: Xá Lợi, Văn Thù v.v... là những người nghe kinh, đây là nói tới Tăng Bảo).

Nói rõ Tam Bảo trọn đủ, tán thán Tam Bảo trọn đủ. Trong Tự Phần của kinh này đã kể tên mười sáu vị tôn giả là bậc A La Hán. Kinh văn ghi rất rõ ràng: “*Giai thị đại A La Hán*” (đều là đại A La Hán). Đại và Tiểu khác biệt rất lớn. Chữ A La Hán thường được dùng để nói tới bậc A La Hán trong Tiểu Thừa, Đại A La Hán có ý nghĩa khác hẳn! “*Đại A La Hán*” có hai cách giải thích:

- Loại thứ nhất là hồi Tiểu hướng Đại. Hạng hồi Tiểu hướng Đại cũng có thể gọi là Đại A La Hán; nhưng cách giải thích này không phải là bản ý của chữ Đại A La Hán.

- Bản ý của chữ Đại A La Hán chỉ gì? Pháp Vân Địa Bồ Tát là bậc A La Hán trong Đại Thừa.

A La Hán (Arhat) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Học, đã học xong những điều Ngài cần phải học, tốt nghiệp rồi. Sở dĩ Tứ Quả trong Tiểu Thừa được gọi là A La Hán là vì Tứ Quả đã tốt nghiệp rồi, những pháp Tiểu Thừa Ngài đã học hết rồi, không cần phải học nữa. Trong Đại Thừa, phải đạt đến Thập Địa tức Pháp Vân Địa Bồ Tát mới là học xong pháp Đại Thừa, đáng gọi là Đại A La Hán. Ở đây, tuy kinh gọi các Ngài là Đại A La Hán, nhưng ý nghĩa rất sâu. Những vị A La Hán này đều thị hiện hình dáng A La Hán của Tiểu Thừa, nhưng trên thực tế họ là Bồ Tát. Trong ấy, không chỉ là Bồ Tát, mà nhiều vị còn là cổ Phật tái lai. Chẳng hạn như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Văn Thù đều đã thành Phật từ lâu, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật ở nơi đây hòng giáo hóa chúng sanh, các Ngài bèn lui xuống địa vị thấp hơn Phật, dùng thân phận học sinh của Thích Ca Mâu Ni Phật để xuất hiện trước mặt Ngài, giúp Ngài hoằng pháp lợi sanh. Đó gọi là “*nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ*” (một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ). Tình hình là như vậy đó!

Trong kinh, đức Phật cũng có nói: Ngài Văn Thù là thầy của bảy đức Phật, đã thành Phật từ sớm; trong số học sinh của Ngài, có bảy vị đã thành Phật. Ngài Xá Lợi Phất là Thanh Long Cổ Phật ở phương Đông tái

lai, chẳng phải là người tâm thường. Do vậy, nói [các Ngài là cổ Phật tái lai hay Bồ Tát thị hiện thân Thanh Văn] là nói đến Bản, nay chúng ta chỉ nói đến hình tướng trên mặt Tích, giống như diễn tuồng, không quan tâm đến thân phận [thật sự của diễn viên] sau sân khấu, chỉ xem họ đang đóng vai trò nào. Trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, các Ngài sắm vai Tiểu Thừa La Hán, lên sân khấu biểu diễn, còn [xét đến thân phận thật sự ở] phía sau sân khấu thì các Ngài đều đã thành Phật từ rất sớm. Điều này cũng ban cho chúng ta một sự khái thị to lớn, khái thị gì vậy? Chính là điều mà nay chúng ta gọi là “*tùy hỷ công đức*”. Chư Phật Như Lai cũng có thể tùy hỷ công đức của các đức Phật khác: Vị Phật này thị hiện giáo hóa chúng sanh ở nơi đây, các vị Phật khác đến tùy hỷ. Tùy hỷ bằng cách nào? Từ địa vị Phật lui xuống làm học sinh của Ngài, đến tùy hỷ, đến giúp Phật giáo hóa.

Trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Địa vị của Phật là thầy. Chỉ nghe nói có người tìm đến học, chưa nghe nói thầy phải qua chỗ trò để dạy. Trước mặt thầy, chỉ có học sinh thỉnh giáo thì thầy mới trả lời. Học sinh chẳng hỏi, thường là thầy chẳng nói năng gì. Vì thế, trong mỗi pháp hội đều có người đến khái thỉnh, người khái thỉnh là ai? Đều là các vị đại Bồ Tát hay cổ Phật thả chiếc bè Từ cố ý đến hỏi. Một đằng hỏi, một đằng đáp, giống như hai chiếc kèn hòa điệu, chúng ta ở bên cạnh nghe hỏi đáp bèn khai ngộ, đạt được lợi ích. Chúng ta có thể nêu ra những câu hỏi ấy hay chẳng? Không biết hỏi! Quý vị thấy Phật chỉ biết dập đầu, lời nào cũng chẳng thốt ra được! Ất cần phải có những người thông hiểu hỏi thay cho chúng ta. Cũng giống như vậy, chúng ta hiểu đạo lý sau đây: Bất luận người nào phát nguyện hoằng pháp lợi sanh, chúng ta đều phải tận tâm tận lực giúp đỡ người ấy.

Người mới học đang học giảng kinh, quý vị là một nhà Phật học, tu hành đã lâu, người ta là kẻ mới học. Những thứ họ giảng có gì quý vị chẳng biết hay chẳng? Quý vị còn giảng hay hơn họ, nhưng họ giảng thì quý vị có cần đi nghe hay chẳng? Phải đi nghe! Vì sao? Ủng hộ đạo tràng, giống như chư Phật Như Lai vậy, phải ủng hộ đạo tràng, làm Ảnh Hưởng Chúng. Trong thính chúng có một hạng người gọi là Ảnh Hưởng Chúng, tức là những người có thân phận, có địa vị, có học vấn, đến ngồi trong ấy nghe giảng, nhằm tạo ảnh hưởng đến người khác. Có những người mới đến nghe kinh, là hạng người sơ học trông thấy những vị như ngài X.... đều ngồi ở nơi đây, chắc là người giảng này khá lắm, chúng ta cũng đến nghe vậy. Họ tạo ảnh hưởng đến người khác. Nếu trong hội không có mấy vị “cao thủ” ngồi ở dưới, nói chung, dù người ấy giảng

như thế nào đi nữa, cũng chẳng có ai nghe! Có mấy người cao minh ngồi ở trong đó, tuy là ít người, nhưng trong tâm mọi người nghĩ khác hẳn: Người [đến nghe tuy] ít, nhưng ông X... là bậc cao minh mà cũng nghe giảng ở đây! Điều này tạo tín tâm to lớn cho những kẻ sơ học. Do vậy, Bồ Tát phải làm Ảnh Hưởng Chúng.

Bồ Tát Giới Kinh nói rất hay: Bất luận đạo tràng ở nơi đâu, hễ là đạo tràng chánh pháp; ngày nay tà - chánh rất khó phân biệt, kinh Lăng Nghiêm nói yêu ma quỷ quái đều vào trong cửa Phật, cũng cạo đầu, thọ giới, đắp y ca-sa, cũng bày kinh điển nhà Phật ra giảng, thấy kinh bốn là kinh Phật thật sự, nhưng họ giảng toàn pháp ngoại đạo! Chẳng dễ gì phân biệt điều này, phải cậy vào phước đức, nhân duyên của mỗi người. Trong khoảng cách bốn mươi dặm mà có pháp sư giảng kinh, hoặc cư sĩ giảng kinh thì cũng thế, thật sự giảng chánh pháp mà nếu chẳng đến nghe kinh thì sẽ phạm giới. Quý vị phải nhớ: Bốn mươi dặm là thời Thích Ca Mâu Ni tại thế; thời ấy chưa có xe hơi, bốn mươi dặm là khoảng cách từ nhà quý vị đến đạo tràng nghe kinh, có thể đi về trong một ngày. Đi từ sáng sớm, mỗi giờ đi được chừng tám dặm, bốn mươi dặm là năm tiếng đồng hồ, đến nơi đó nghe kinh một buổi rồi trở về nhà, lại đi năm tiếng nữa, tình hình là như vậy đó. Bồ Tát nghe kinh, ủng hộ Phật pháp, chân tinh tấn! Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp cho chúng ta nghe trong hiện thời thì bốn mươi dặm sẽ đổi thành lái xe năm tiếng đồng hồ. Trong khoảng cách lái xe năm tiếng đồng hồ mà quý vị chẳng đến nghe kinh thì quý vị phạm giới. Quý vị thọ Bồ Tát Giới, Bồ Tát Giới chớ nên tùy tiện thọ! Thọ rồi, quý vị phải thật sự làm, chẳng làm là hằng ngày quý vị phạm giới! Quý vị sám hối thì cũng chẳng sám được, sám chẳng hết. Vì thế, thọ Bồ Tát Giới phải rất cẩn thận, chớ nên tùy tiện thọ. Tam Bảo trọn đủ, tiếp theo đây, đại sư giải thích ý nghĩa của chữ Bảo.

(Sớ) Xung chi vi bảo, lược hữu lục nghĩa.

(疏) 稱之為寶，略有六義。

(Sớ: Gọi là của báu vì đại lược có sáu nghĩa).

Vì sao Phật - Pháp - Tăng được gọi là Bảo? Dưới đây, đại sư nêu ra sáu ý nghĩa.

(Sớ) Nhất, hy hữu nghĩa.

(疏) 一希有義。

(Sớ: Nghĩa thứ nhất là hy hữu).

Ý nghĩa thứ nhất là “*hy hữu*” (hiếm có). Chúng ta đọc câu này, chắc là nghĩ nó không đúng lắm. Người xuất gia đến đâu cũng thấy. Đài Loan có quá nhiều chùa miếu, tượng Phật nơi đâu cũng thấy, có sao là hy hữu? Quả thật là hy hữu! Nếu so sánh tỷ lệ trên cả thế giới, quý vị sẽ biết là quá ít. Nói theo thế giới ngày nay, Phật pháp hưng thịnh nhất ở Đài Loan, bất cứ nơi đâu cũng đều chẳng thể sánh bằng Đài Loan. Chỉ có một điều khuyết hãm là tà ma ngoại đạo đã xâm nhập Phật pháp, Phật pháp chẳng thuần, đó là điều đáng tiếc lớn nhất. Do vì Phật pháp hưng thịnh ở nơi đây, yêu ma quỷ quái xâm nhập với mục đích phá hoại Phật pháp. Phật pháp truyền đến tận ngày nay, Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị thấy trên hòn đảo nhỏ như thế này, nếu bị ma vương phá hoại, Phật pháp sẽ mấp mé bờ vực diệt vong, chúng sanh nhất định sẽ gặp đại khổ nạn; nhưng Phật pháp vẫn chưa đến nỗi diệt là vì pháp vận của Phật hãy còn chín ngàn năm. Giả sử Phật pháp ở Đài Loan bị diệt mất, có khả năng là Phật pháp ở những nơi khác sẽ dần dần phục hưng.

Chư vị đồng tu! Quý vị phải thật sự phát nguyện hộ trì chánh pháp, công đức ấy vô lượng vô biên. Phát tâm hộ trì Phật pháp, chư Phật, Bồ Tát không đặc biệt gia trì thì hộ pháp long thiên cũng đặc biệt bảo vệ, che chở quý vị. Hộ trì chánh pháp là sứ mạng quan trọng nhất trong suốt một đời học Phật của tứ chúng đệ tử.

(Sớ) Nhị ly cấu nghĩa.

(疏) 二離垢義。

(Sớ: Nghĩa thứ hai là lìa nhơ).

Ý nghĩa thứ hai là “*ly cấu*”. Cấu (垢) là ô nhiễm. Tam Bảo thanh tịnh tột bậc, Giác - Chánh - Tịnh là một nhưng ba, tuy ba mà một. Giác nhất định thanh tịnh, nhất định Chánh; Chánh nhất định thanh tịnh, nhất định là Giác. Người tâm địa thanh tịnh, nhất định là Giác, nhất định là Chánh. Tứ chúng đệ tử học Phật nhất định phải hiểu rõ: Chúng ta học Phật là học điều gì? Tu những gì? Người ta hỏi: “Quý vị tu học những gì?” Nếu quý vị đáp: “Tôi học Thiên, học Mật”, những câu trả lời ấy

không khớp với câu hỏi. Ví như ta hỏi: “Ông đến chỗ nào?” [Người được hỏi bèn trả lời]: “Tôi đi xe bus, tôi ngồi xe lửa”. Quý vị hãy nghĩ xem: Quý vị trả lời như thế đó! Tôi hỏi quý vị: “Học điều gì? Tu điều gì?” Quý vị nói: “Tôi niệm Phật, tham Thiền”. Niệm Phật, tham Thiền là phương pháp, chẳng phải là mục đích. Tôi hỏi về mục đích, quý vị đáp trật lất! Tu điều gì? Giác - Chánh - Tịnh. Quý vị dùng phương pháp nào để tu? Tôi dùng phương pháp niệm Phật, tôi dùng tham Thiền, đáp như vậy là đúng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là phương pháp, là phương tiện, niệm Phật cũng là một trong các phương pháp và phương tiện. Chính quý vị nhất định phải hiểu, tu là tu Giác - Chánh - Tịnh, học là học Giới - Định - Huệ.

Tam Bảo có nghĩa là ly cấu, nhưng quý vị phải nhớ: Ly cấu là chính mình ly cấu, đừng bận tâm tới người khác! Người khác thanh tịnh hay không, giác ngộ hay không, chúng ta chớ nên quan tâm tới, nhất định phải hỏi xem chính mình có giác ngộ hay không, bản thân ta có thanh tịnh hay không. Đó gọi là học Phật. Trì giới cũng giống hệt như vậy, bản thân chúng ta có Giới - Định - Huệ hay không, đừng hỏi tới người khác. Người khác có trì giới hay không chẳng liên quan gì đến chúng ta.

(Sớ) Tam thế lực nghĩa.

(疏) 三勢力義。

(Sớ: Nghĩa thứ ba là thế lực).

Tam Bảo quả thật có thế lực chẳng thể nghĩ bàn.

(Diễn) Thế lực giả, như tiền khả thông thần, năng sử vong giả tục, tử giả sanh, thế lực dã.

(演) 勢力者，如錢可通神，能使亡者續，死者生，勢力也。

(Diễn: Thế lực giống như tiền có thể cảm thông thần, có thể khiến cho cái đã mất lại được tiếp tục, cái đã chết lại sống, đây là thế lực).

Đây là nêu tỷ dụ, chẳng phải là chuyện thật! Nếu dùng kim tiền để hối lộ thì làm mọi chuyện sẽ thuận lợi, dễ hơn rất nhiều. Điều này được gọi là “*tiền năng thông thần*” (tiền có thể cảm thông thần). Quý vị phải

nhớ: Phạm là những vị thần chánh đáng đều chẳng nhận đút lót. Quý vị chẳng thể dùng kim tiền, tài vật để dâng cúng, bợ đỡ được! Vậy thì ai sẽ tiếp nhận? Yêu ma, quỷ quái sẽ tiếp nhận! Tiếp nhận xong, chúng nó có thật sự chịu trách nhiệm thay cho quý vị hay chẳng? Chưa hề thấy! Ngoài miệng nói là sẽ bảo vệ, ban ân cho quý vị, đến khi quý vị bị bệnh thì vẫn là bị bệnh, lúc phải chết thì vẫn phải chết, chúng nó đâu có bảo vệ, ban ân cho quý vị! Chúng nó chẳng chịu trách nhiệm! Nói chung, tà thần gạt gẫm con người, chánh thần chẳng lừa dối người khác. Vì thế, họ chẳng tiếp nhận đồ hối lộ của quý vị. Đoạn này nhằm nêu tỷ dụ về thế lực.

(Diễn) Kim Tam Bảo năng hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo, hà đẳng thế lực?

(演) 今三寶能降伏諸魔，制諸外道，何等勢力。

(Diễn: Nay Tam Bảo có thể hàng phục các loại ma, chế ngự các ngoại đạo, thế lực nào bằng?)

Thế lực của Tam Bảo cũng phải nhờ vào chúng ta thì mới có thể tỏ lộ, như thường nói: “*Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân*” (Con người có thể hoằng đạo, chứ không phải là đạo có thể hoằng người). Chúng ta là đệ tử Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, thân tâm thanh tịnh, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, ngoại đạo chẳng dám léo hánh gần bên quý vị. Thấy quý vị ngồi ở nơi đây, chúng nó sẽ chạy xa, có thế lực to lớn dường ấy. Tà cảm ứng tà, chánh cảm ứng chánh. Tà và chánh chẳng thể cảm ứng lẫn nhau. Nếu quý vị cầu chánh pháp, tâm quý vị là chánh thì sẽ cảm ứng chánh pháp. Tâm quý vị là tà thì sẽ khởi cảm ứng với tà pháp. Vì thế, chỉ cần cầu tự tánh chánh.

(Sớ) Tứ, trang nghiêm nghĩa.

(疏) 四莊嚴義。

(Sớ: Nghĩa thứ tư là trang nghiêm).

Chúng ta thường nói “*trang nghiêm đạo tràng*”, đạo tràng phải trang nghiêm. Đạo tràng dùng gì để trang nghiêm? Thừa cùng quý vị, dùng thanh tịnh để trang nghiêm, chẳng phải là xây cất vàng ngọc chói lộn, chẳng phải là pháp hội huy hoàng, nhộn nhịp, đồ chúng rất

đông, chẳng coi những điều ấy là trang nghiêm, mà coi thanh tịnh là trang nghiêm. Đây là nơi Phật, Bồ Tát, chánh thần (những vị thần chân chánh) cư trú. Các thứ trang nghiêm bằng bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do tâm thanh tịnh trong tự tánh biến hiện, chúng là sự trang nghiêm thật sự. Tiếp đó, nói đến chánh báo. Tướng hảo, quang minh là sự trang nghiêm nơi chánh báo. Nhìn vào tướng cũng có thể nói: “*Tướng chuyển theo tâm*”. Quý vị thường tu tâm từ bi, người ta vừa nhìn quý vị liền cảm thấy quý vị rất từ bi, quý vị cũng chẳng cần phải bảo họ: “Tôi rất từ bi”, không cần! Người ta vừa nhìn quý vị liền biết ngay. Tâm địa quý vị rất hiểm ác, người ta thoát nhìn [liền tự nhủ]: “Gã này chẳng dễ gì cư xử, rất đáng sợ!” Vừa nhìn liền thấy ngay. Do vậy, nếu quý vị tu chánh báo trang nghiêm, cũng là tu thanh tịnh, tu từ bi. Quý vị thấy tướng mạo của chư thiên đẹp đẽ lắm, vì sao họ đẹp đẽ? Họ tu “từ, bi, hỷ, xả”, tu Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Tướng hảo là do tu thành, đức Phật sắp thành Phật, trước khi thành Phật còn phải dành một trăm kiếp để chuyên môn tu tướng hảo, tu ba mươi hai vẻ đẹp, tám mươi thứ hảo, người thế gian gọi đó là “*đức tướng*”. Những thứ “*quý tướng*” hay “*hảo tướng*” được nói trong sách xem tướng, đức Phật đều có đầy đủ, chẳng sót một điều nào. Chẳng lẽ đức Phật vẫn còn thích tướng hảo? Chẳng phải vậy! Phật đã thành Phật rồi, cần gì phải tu những thứ đó? Vì chúng sanh mà tu. Nếu tướng Phật rất khó coi, gầy đét đẹn đẹt, vẻ mặt tối thui, Ngài ngồi nơi đó thuyết pháp, mọi người sẽ chẳng tin tưởng. Người ấy chẳng có phước báo, có gì phi phạm đâu? Lắc đầu, bỏ đi mất tiêu! Vì vậy, Phật nhất định phải tu tướng hảo. Mọi người biết Phật là người đàn ông đẹp trai trong thế gian, mọi người vừa nhìn thấy mặt Ngài, chẳng cần nghe Ngài thuyết pháp đã chẳng rời khỏi Ngài được, tướng hảo ấy hấp dẫn chúng sanh, là một loại phương tiện nhằm nhiếp thọ chúng sanh, chứ không phải là vì chính Ngài chuộng dáng vẻ đẹp đẽ. Vì thế, Ngài cần phải tu tướng hảo. Quý vị nhìn vào Biên Tướng Đồ⁶³, [sẽ thấy] Phật có tướng hảo, Bồ Tát có tướng hảo, còn tướng của La Hán thì lạ lùng, cổ quái, chẳng viên mãn, tuyệt đối chẳng thể sánh bằng Phật, Bồ Tát.

⁶³ Biên Tướng Đồ (còn gọi là Biên Tướng, Biên Tượng, Biên Hội, hay Biên) là những tranh vẽ hay phù điêu miêu tả những sự kiện trong kinh Phật (Phật đàn sanh, Phật nhập Niết Bàn, Phật chuyển pháp luân, Hoa Nghiêm Thập Xứ Cửu Hội Đồ v.v...), hoặc sự trang nghiêm nơi Tịnh Độ (như Tịnh Độ của A Di Đà Phật, Tịnh Độ của Phật Dược Sư, Tịnh Độ nơi Đâu Suất Nội Viện), hoặc cảnh tượng nơi địa ngục.

Do vậy, nếu phát tâm hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải tu chánh báo trang nghiêm, nhất định phải tu tâm thanh tịnh, phải tu “từ, bi, hỷ, xả” tứ vô lượng tâm. Điều xác thực là tướng mạo của chúng ta sẽ chuyển biến theo công phu tu hành của chúng ta. Quý vị thật sự tu hành thì sau khi tu dăm ba năm, quý vị đem hình chụp trước khi tu hành đối chiếu, khác hẳn! Công phu của quý vị càng sâu, tướng mạo cũng càng đẹp. Công phu tu hành của quý vị chẳng lừa được ai, vừa nhìn là biết ngay! Tướng đích xác chuyển theo tâm; tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh, tướng thanh tịnh. Tâm từ bi, tướng bèn từ bi, cử chỉ lẫn ngôn ngữ đều từ bi.

(Sớ) Ngũ tối thắng nghĩa.

(疏) 五最勝義。

(Sớ: Nghĩa thứ năm là tối thắng).

“Thắng” là thù thắng.

(Diễn) Tối thắng giả, thế gian thắng diệu vô quá thất bảo.

(演) 最勝者，世間勝妙無過七寶。

(Diễn: “Tối thắng: Sự thắng diệu trong thế gian không gì hơn bảy báu).

Đây là những thứ ai nấy đều quý báu.

(Diễn) Kim Phật xưng vi Lương Túc Tôn, Pháp xưng Ly Dục Tôn, Tăng xưng Chúng Trung Tôn, thị tối thắng dã.

(演) 今佛稱為兩足尊，法稱離欲尊，僧稱眾中尊，是最勝也。

(Diễn: Nay Phật được gọi là Lương Túc Tôn, Pháp được gọi là Ly Dục Tôn, Tăng được gọi là Chúng Trung Tôn; đó là tối thắng).

“Tôn” (尊) có nghĩa là tôn quý, thù thắng nhất. “Lương Túc Tôn”: Túc (足) có nghĩa là đầy đủ, viên mãn, chẳng bị thiếu khuyết. Chữ “lương” (hai thứ) chỉ trí huệ và phước đức. Trí huệ của Phật viên mãn,

phước báo cũng viên mãn. Thông thường chẳng nói tới phước báo, mà nói phước đức, phước là quả báo, đức là nhân. Phước là thiện quả, đức là thiện nhân. Nói “*phước đức*” là nhân và quả cùng nói. Đây mới gọi là viên mãn.

“*Pháp xưng Ly Dục Tôn*”: Pháp là chánh tri chánh kiến, đặc biệt dùng chữ Ly Dục Tôn, bao hàm ý nghĩa rất sâu, chỗ nào cũng nhằm khơi gợi chúng ta. Nếu trong tâm chúng ta có dục vọng, chánh tri chánh kiến sẽ bị chướng ngại, tri kiến bất chánh. Do vậy, Lão Tử cũng nói: “*Vô dục tắc cương, hữu dục thì đại*” (không ham muốn thì tánh tình mới kiên cường, có lòng khoan dung to lớn)⁶⁴. Trong tâm có dục vọng thì tri kiến làm sao có thể chánh? Chánh tri chánh kiến sanh từ cái tâm thanh tịnh. Sở dĩ Phật pháp dạy đoạn phiền não, phá Sở Tri Chướng, Nho gia dạy quý vị “*cách vật trí tri*” (trừ khử vật dục thì sẽ đạt đến sự hiểu biết tận cùng, dung thông, không thiên chấp), đều là vì muốn cho nội tâm của quý vị sanh khởi chánh tri chánh kiến. Đây là Ly Dục Tôn.

“*Tăng*” xưng là “*Chúng Trung Tôn*”. “*Chúng*” (眾) là đại chúng. Trong hết thảy đại chúng, Tăng là tôn quý nhất. Vì sao tôn quý nhất? Thanh tịnh nhất, Tăng là thanh tịnh nhất. Các đồng tu xuất gia càng phải đặc biệt chú ý điều này. Nếu chúng ta chẳng thanh tịnh, sẽ là chuyện rất phiền phức! Chẳng phải là cá nhân quý vị tạo tội, cá nhân quý vị tạo tội thì nhỏ, nhưng quý vị ô nhiễm toàn bộ Tăng đoàn, tội ấy to lắm! Vì quý vị là một phần tử trong Tăng đoàn, ô nhiễm toàn bộ Tăng đoàn, phá hoại Tăng đoàn, tội nghiệp ấy là tội “*phá hòa hợp Tăng*”. Tuy miệng quý vị chẳng hủy báng người xuất gia, cũng chẳng bài bác, chê bai đúng - sai, cũng chẳng chướng ngại đạo tràng, nhưng tâm địa quý vị chẳng thanh tịnh là đã hủy hoại [Tăng đoàn]. Do vậy, xuất gia chắc chắn chẳng phải là chuyện đơn giản. Cơ hội đọa địa ngục của người tại gia hết sức ít, cơ hội đọa địa ngục của người xuất gia đặc biệt nhiều! Do vậy, hễ xuống tóc xuất gia là đi vào đâu vậy? Vào trong cửa địa ngục! Thân tâm thanh tịnh là Phật tử, chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ. Nếu chẳng thanh tịnh thì đã ghi danh trong sổ bộ chốn địa ngục, chẳng vào đó cũng không được! Chúng ta nhất định phải hiểu điều này!

Các đồng tu phát tâm xuất gia phải suy nghĩ kỹ lưỡng, chẳng có con đường nào dễ đi, một là lên Thiên Đường, hai là xuống địa ngục, hãy đặc biệt lưu tâm cẩn thận. Nói thật ra, ma không có năng lực hủy diệt Tam Bảo, tà chẳng thể thắng chánh. Ai hủy diệt? Chính người xuất

⁶⁴ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của trang nhà Bách Độ Tri Đạo.

gia tự hủy diệt! Đó gọi là “*su tử thân trung trùng, tự thực su tử nhục*” (trùng trong thân sư tử, tự ăn thịt sư tử). Yêu ma quỷ quái là gì? Những người xuất gia [thân tâm không thanh tịnh] là yêu ma quỷ quái. Do vậy, chúng ta nhất định phải phản tỉnh, đã xuất gia thì hãy suy nghĩ chính mình có phải là yêu ma, quỷ quái hay không? Có phải là kẻ phá hoại Phật pháp hay không? Trong tương lai, quả báo ở nơi nào? Chính mình phải hiểu rõ ràng, đừng hỏi ai khác! Những gì chúng ta làm, khởi tâm động niệm nhằm hưng vượng Phật pháp hay là hủy diệt Phật pháp? Vì thế, trong những người xuất gia, có nhiều kẻ hủy diệt Phật pháp dữ dội, là tội khôi họa thủ (tội phạm đầu sỏ), tại gia cư sĩ là kẻ giúp người khác làm ác, miệng nói hưng khởi Phật pháp, nhưng hành vi đều là hủy diệt Phật pháp. Như vậy thì còn làm sao được nữa, thật là đáng thương!

(Sớ) Lục bất cải nghĩa.

(疏) 六不改義。

(Sớ: Nghĩa thứ sáu là không thay đổi).

“*Bất cải*” là chẳng biến đổi.

(Diễn) Bất cải giả, tinh kim bách luyện, dữ tân dữ diêu.

(演) 不改者，精金百煉，愈新愈妙。

(Diễn: “Bất cải”: Vàng ròng qua trăm lần nung luyện, càng mới, càng đẹp).

Đây là nói tới chuyện luyện vàng, dùng điều này để tỷ dụ. Nếu nung luyện vàng, luyện như thế nào đi nữa, vàng vẫn không thay đổi. Luyện vàng là dùng lửa mạnh để hun đúc, vàng chẳng thay đổi tánh chất.

(Diễn) Kim Phật tắc Pháp Thân thường trụ, vô hữu biến dị.

(演) 今佛則法身常住，無有變異。

(Diễn: Nay Phật là Pháp Thân thường trụ, chẳng hề đổi khác).

Pháp Thân của Phật vĩnh viễn chẳng bị biến đổi.

(Diễn) Pháp tắc hỏa bất năng phân, thủy bất năng phiêu.

(演) 法則火不能焚，水不能漂。

(Diễn: Pháp thì lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể cuốn trôi).

“Pháp” là nói tới Phật pháp, chánh pháp của Phật cũng chẳng diệt. Chánh pháp là tâm thanh tịnh, chánh pháp là Bồ Đệ Giác, chánh pháp là trí huệ Bát Nhã trong tâm tánh, chẳng phải là kinh điển. Kinh điển từ trí huệ Bát Nhã trong tâm tánh lưu lộ thành ngôn ngữ, được ghi chép lại mà thành. Chánh pháp là trí huệ Bát Nhã thanh tịnh, lửa chẳng thể đốt được, nước chẳng thể cuốn trôi, nó cũng chẳng bị biến đổi.

(Diễn) Tăng tác phùng ma bất thoái, ngộ nạn chuyển kiên, thị bất cải dã.

(演) 僧則逢魔不退，遇難轉堅，是不改也。

(Diễn: Tăng thì gặp ma chẳng lui sụt, gặp nạn càng kiên cố, đó là chẳng thay đổi vậy).

Đây là Tăng chân chánh, càng rèn luyện trong cảnh giới, càng tinh tấn. Càng rèn luyện, Định - Huệ càng tăng trưởng. Quý vị có thể hàng ma chứ chẳng bị ma chiết phục. Đó là Tam Bảo. Vì thế, Tam Bảo có ý nghĩa “chẳng thay đổi”.

(Sớ) Cụ như Yếu Tập trung thuyết, thôi nhi cực chi, Cực Lạc Sa Bà nhị độ, tứ duy thượng hạ thập phương, dĩ chí vi trần Phật sát, tắc biến nhất thiết xứ, quá, hiện, vị lai, tắc biến nhất thiết thời. Ư trung Tam Bảo, hoành cai thụ triệt, vô cùng tận dã.

(疏) 具如要集中說。推而極之，極樂娑婆二土，四維上下十方，以至微塵佛刹，則遍一切處，過、現、未來，則遍一切時。於中三寶，橫該豎徹，無窮盡也。

(Sớ: Nói đầy đủ thì như trong Yếu Tập⁶⁵ đã nói, suy luận đến tột cùng. Trong bốn phương, trên, dưới và mười phương của hai cõi Cực

⁶⁵ Yếu Tập chính là bộ sách Chư Kinh Yếu Tập (được xếp vào tập hai mươi bốn của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh), gồm hai mươi quyển, do ngài Đạo Thế soạn. Nội dung gồm những phần trích thuật trọng yếu từ các bộ kinh Đại Thừa và được phân loại thành các tiêu mục như Tam Bảo, Kính Tháp, Nhiếp Niệm, Nhập Đạo v.v... Tác

Lạc và Sa Bà cho đến các cõi Phật nhiều như vi trần, trọn khắp hết thảy các nơi, quá khứ, hiện tại, vị lai là trọn khắp hết thảy thời, Tam Bảo trong ấy vô cùng vô tận trọn khắp theo chiều dọc, tột cùng theo chiều ngang).

Từ cảnh giới mà nói thì Tam Bảo vô lượng vô biên. Sa Bà và Cực Lạc là hai đại thiên thể giới. Nơi bốn phương và trên dưới, mười phương của hai đại thiên thể giới này còn có vô lượng vô biên thể giới. “*Phật sát*” là một đại thiên thể giới, tức là một cõi Phật. Do vậy, các thể giới trọn khắp hư không, trọn khắp hết thảy mọi nơi. Có quá khứ, hiện tại, vị lai thì nói là “*tam thể*”. Tam thể là trọn khắp các thời. Theo chiều ngang thì trọn khắp hết thảy nơi, theo chiều dọc thì trọn khắp hết thảy thời, “*u trung Tam Bảo*” (Tam Bảo ở trong ấy) đều được bao gồm trọn hết. Đây là đối tượng mà đại sư quy mạng, lễ kính, cầu gia bị. Đối tượng ấy chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm đã nói, hoàn toàn tương đồng, tận hư không, khắp pháp giới, mười phương ba đời hết thảy Tam Bảo. Tiếp theo đó, đại sư lại giải thích cho chúng ta biết Tam Bảo còn có những ý nghĩa khác nữa.

(Sớ) *Hựu Tam Bảo giả, phục phân Sự Lý, hữu biệt, hữu đồng.*

(疏) 又三寶者，復分事理，有別有同。

(Sớ: Lại nữa, Tam Bảo lại chia thành Sự và Lý, có khác biệt, có tương đồng).

Điều này cũng chớ nên không biết. Đoạn này nêu lên một đạo lý rất quan trọng trong Tam Quy Y. Tiếp nhận Tam Quy Y cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Quy y chẳng đúng pháp thì cũng là phá hòa hợp Tăng! Hễ thọ Tam Quy [không đúng pháp] bèn giống như báo danh nơi địa ngục vậy, ghi tên vào sổ bộ rồi! Phát cho quý vị một bằng chứng nhận đã quy y, bằng chứng nhận quy y là gì? Là bằng chứng để trong tương lai quý vị vào địa ngục A Tỳ. Chuyện này rất phiền toái! Cớ sao nói “quy y là phá hòa hợp Tăng?” Quý vị nói: “Tôi quy y pháp sư này nọ, vị pháp sư này nọ là thầy quy y của tôi”, vậy là xong! Ghi cố định cái tên trong địa ngục rồi! Quý vị quy y Tam Bảo, làm sao có thể quy y vị pháp sư nào đó? Tam Bảo là nhất thể, quý vị dấy lên sự phân hóa trong ấy: Vị này là thầy quy y của tôi, vị kia chẳng phải. Như vậy là không

phẩm này còn được gọi là Thiện Ác Nghiệp Báo Luận, có tánh chất tương tự như bộ Kinh Luật Di Tướng của ngài Bảo Xương soạn vào đời Lương.

được! Quý vị thấy đó: Liên Trì đại sư quy y mười phương ba đời hết thầy Tam Bảo, quyết định chẳng phải là quy y một cá nhân nào. [Nếu nghĩ quy y Tam Bảo là quy y với một vị thầy nào đó] thì chính là phá hoại Tăng đoàn! Ngày nay Phật pháp suy vi, suy đến mức này, là do Tam Quy Y bị phá hoại. Người ta không quy y Tam Bảo, mà quy y một người nào đó. Mỗi người tạo một đảng phái, mỗi người lập một đoàn thể nhỏ, khiến cho Phật pháp mất tâm mất tích, rối lung tung xèng! “Người này nọ là đồ đệ quy y của tôi”, người đồ đệ quy y ấy nói: “Vị thầy này nọ là sư phụ quy y của tôi”, nói rất đặc ý, tương lai đều vào trong địa ngục A Tỳ!

Quý vị quy y Tam Bảo, vị xuất gia ấy chứng minh cho quý vị, chứng minh quý vị đã quy y, chứ quý vị chẳng thể quy y với người ấy, nhất định phải hiểu đạo lý này! Giống như vào đảng (Trung Hoa Quốc Dân Đảng) vậy, khi quý vị vào đảng, đảng bộ cấp trên phái người đến giám sát sự phát thệ, nhưng quý vị làm trật, quy y với người ấy, đi theo bè phái của người ấy. Xong rồi! Người ta phái mười người đến giám sát lễ phát thệ bèn trở thành mười đảng nhỏ, cử một trăm người đến giám sát bèn thành một trăm đảng nhỏ. Đảng ấy bị chia năm xẻ bảy, ngay lập tức suy vi! Do vậy, người ta đến yêu cầu tôi truyền trao quy y, tôi giảng đạo lý này rất rõ rệt, vì sao? Trong tương lai, quý vị tự đọa trong địa ngục A Tỳ, tôi không chịu trách nhiệm, tôi đã nói rõ rồi. Nếu quý vị nghĩ như thế này: “Tôi là thầy quy y của quý vị”, tôi chẳng thừa nhận. Quý vị đến thọ quy y, tôi đại diện Tam Bảo chứng minh cho quý vị. Quý vị quy y Tam Bảo, xưng là Tam Bảo đệ tử, lại còn quy y chỉ có một lần, chẳng quy y lần thứ hai. Ví như quý vị đã vào đảng, chỉ cần vào đảng một lần, chẳng thể nói tôi gia nhập đảng bộ ở Đài Bắc, chạy đến đảng bộ Cơ Long lại vào đảng lần nữa, không có đạo lý ấy! Các chi bộ đảng các nơi trong ngoài nước, nếu quý vị là đảng viên thì là người một nhà, quý vị phải hiểu đạo lý này. Nếu quý vị không hiểu những điều này, quý vị phá hòa hợp Tăng.

(Diễn) Sự Lý đồng biệt giả, Trụ Trì Tam Bảo vi Sự, Nhất Thể Tam Bảo vi Lý.

(演) 事理同別者，住持三寶為事，一體三寶為理。

(Diễn: “Sự giống nhau và khác nhau giữa Sự và Lý”: Trụ Trì Tam Bảo là Sự, Nhất Thể Tam Bảo là Lý).

Trước tiên nói rõ Sự là gì, Lý là gì, Trụ Trì Tam Bảo là gì? Trụ Trì Tam Bảo là nghi thức, hình tượng, Nay Phật chẳng còn ở trên đời, tượng Phật là Phật Bảo, bất luận là khắc, đắp hay tô vẽ, chúng ta thờ bức tượng này bằng sớ, nhằm tượng trưng cho Phật Bảo, đại diện cho Phật Bảo. Chúng ta lễ kính Phật, dùng tượng này để thay thế, khiến cho chúng ta có đối tượng lễ kính. Pháp Bảo là kinh điển, những kinh điển trong Đại Tạng Kinh là Pháp Bảo; nhưng quý vị phải nhớ: Đại Tạng Kinh do con người hiện thời biên tập tôi không đọc, tôi vẫn xem những bản được biên tập vào thời cổ. Vì sao? Kinh quyết định không có vấn đề, quan trọng nhất là các bản chú giải. Trước kia, những bản chú giải muốn được đưa vào Đại Tạng Kinh chẳng phải là có thể tùy tiện mà đưa vào. [Khi một bản kinh hay luận được đưa vào Đại Tạng Kinh sẽ] gọi là “*nhập tạng*”, trước kia, phải được thánh chỉ của hoàng đế ban xuống tuyên bố bộ kinh nào có thể nhập tạng, như vậy thì mới được. Vì thế, những trước tác của một tác giả nào dâng lên triều đình, dâng lên hoàng đế; đương nhiên hoàng đế đâu có thời gian đọc, nhất định sẽ tìm những cao tăng đại đức thật sự thông đạt Phật pháp, giao cho họ thẩm tra, họ công nhận tác phẩm ấy có thể nhập tạng, hoàng đế mới phê chuẩn.

Hiện thời, quốc gia chẳng quản lý chuyện này, chúng tôi in Đại Tạng Kinh, thấy tác phẩm nào của quý vị khá hay bèn gom vào Đại Tạng Kinh, in vào đây, biến thành Đại Tạng Kinh bản mới trong hiện thời. Vì thế trong bộ Đại Tạng Kinh mới, ngay cả những tác phẩm của yêu ma quỷ quái cũng được đưa vào, không ai thẩm tra, quý vị phải đặc biệt lưu ý điều này! Trong thời đại quá khứ, đích xác là quốc gia bảo vệ, hộ trì Phật giáo, tà tri tà kiến chẳng dễ gì trà trộn được! Pháp sư giảng kinh thuyết pháp cũng phải được quan lại địa phương chấp thuận, chẳng thể tùy tiện nói năng nói cuội. Quý vị viết tác phẩm nào nhất định phải dâng lên triều đình thẩm tra; nếu không, chẳng thể tự ý lưu thông. Chính quý vị viết để tự mình tham khảo thì được, chứ nếu muốn in ra để lưu thông, chắc chắn là không được, phải được quốc gia thẩm tra! Nói cách khác, chẳng đủ tiêu chuẩn, tri kiến bất chánh, sẽ không có cách nào lưu thông! Đây là cái hay của thuở xưa; sở dĩ Phật pháp có thể gìn giữ đến tận ngày nay là do có đạo lý trong ấy. Hiện thời, chẳng có ai thẩm tra, dân chủ tự do, cho nên tệ trạng của dân chủ tự do hết sức nhiều, tuy có mặt tốt đẹp, nhưng tác dụng phụ quá lớn. Chúng ta phải hiểu rõ những điều này!

Những thứ tốt đẹp của cổ thánh tiên hiền quá nhiều, đọc suốt đời chẳng hết! Vì thế, tôi thường khuyên các đồng tu đọc sách cổ. Đọc văn

chương Văn Ngôn trong sách cô không hiểu ư? Chẳng có lẽ ấy! Quý vị phải tự mình kiên định tín tâm, nếu đọc văn chương Văn Ngôn mà không có tín tâm thì còn học Phật gì nữa! Làm thế nào để kiến lập tín tâm học Phật? Thuở trước, có một người Mỹ theo học chương trình Tiên Sĩ của đại học Đài Loan, sống tại Đồ Thư Quán của chúng ta bốn tháng, nói tiếng Quan Thoại khá lắm. Ông ta có thể đọc kinh Hoa Nghiêm, có thể đọc chú giải của Thanh Lương đại sư. Ông ta học tiếng Hoa mới bốn năm, tôi rất bội phục. Ông ta hiện đang ở chỗ cư sĩ Trầm Gia Trinh bên Nữ Ước, đủ thấy [văn chương Văn Ngôn] không khó! Người ngoại quốc tốn thời gian bốn năm có thể đọc được văn chương Văn Ngôn của Trung Quốc, có thể thông hiểu. Chúng ta là người Hoa đọc văn chương Văn Ngôn càng thuận tiện hơn người ngoại quốc nhiều lắm!

Học văn chương Văn Ngôn bằng cách nào? Rất đơn giản, quý vị đọc Di Đà Kinh Sớ Sao từ đầu đến cuối một trăm lần sẽ thông thạo, sẽ giải quyết được vấn đề. Chữ nào không biết thì tra từ điển, đọc một trăm lần, cơ sở văn chương Văn Ngôn của quý vị đã được thành lập tốt đẹp. Quý vị lại xem hết thấy các kinh sẽ đều chẳng bị chướng ngại. Trước kia, cô nhân học cổ văn, học thuộc sách, quý vị có thể thuộc lòng năm mươi bài [cổ văn] sẽ có năng lực đọc [trôi chảy cổ văn], nếu có thể thuộc một trăm bài thì sẽ có khả năng viết. Trước kia, dạy học theo phương cách ấy. Hiện thời, chúng ta học văn chương Văn Ngôn, chẳng cần thuộc cổ văn, đọc kinh Phật là được rồi. Hằng ngày đọc, đọc ba năm sẽ tự nhiên thông suốt, sẽ chẳng có chướng ngại gì! Phải hiểu văn chương Văn Ngôn là chìa khóa để mở kho báu kinh nghiệm và trí huệ của cổ thánh tiên hiền đã tích lũy trong năm ngàn năm, văn chương Văn Ngôn là công cụ. Nếu quý vị nắm được cái chìa ấy, kinh điển trong Tam Tạng và Tứ Khố Toàn Thư quý vị đều thụ dụng. Những tác phẩm ấy đã được lịch sử khảo nghiệm, đều là học vấn chân thật, chẳng giống như những tác phẩm hiện thời chưa từng được khảo nghiệm. Quý vị có cái chìa khóa ấy, kho báu sẽ là của chính mình. Quý vị không có chìa khóa thì Tứ Khố Toàn Thư, Tam Tạng kinh điển thờ trong nhà chỉ là một đồng giấy vô dụng chất tại đó để nuôi lũ một sách, chẳng có công đức gì! Vì thế, hiện thời trong nhà thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh để thờ trong nhà, chính mình không đọc, lại chẳng chịu đưa cho người khác đọc. Trong nhà ta có thờ tượng Phật là có Phật Bảo, thờ Đại Tạng Kinh là có Pháp Bảo, nghĩ nhà mình Tam Bảo trọn đủ, sẽ có thần hộ pháp đến bảo vệ, giúp đỡ quý vị. Thật ra thần hộ pháp là ai? Kiểm tra kỹ lưỡng, chính là những con trùng nhỏ sống trong đồng sách, đó là thần hộ pháp! Kinh bị lũ trùng ăn sạch,

tạo tội nghiệp đây! Chính mình không xem, nhất định phải cho người khác mượn xem, lưu thông Phật pháp. Làm sao có thể keo lẩn Phật pháp cho được? Có sao chẳng để cho người khác coi? Sau mỗi bộ kinh đều ghi chữ “lưu thông”, đều có Lưu Thông Phần, hy vọng quý vị có thể lưu truyền khắp ba đời, thông suốt mười phương.

Hiện thời, còn có những kẻ hết biết nói gì luôn! Tạo tội nghiệp A Tỳ! Phía sau kinh điển in thêm dòng chữ “*giữ bản quyền, in lại ắt sẽ truy cứu trách nhiệm*”. Đây tức là quyết định chẳng cho phép lưu thông, bộ kinh này là của cá nhân tôi! Nói cách khác, kẻ ấy nhất định vào địa ngục A Tỳ. Kinh điển làm sao có thể làm theo cách ấy được? Quý vị thấy những kinh sách do cổ đại đức ân hành, phía sau nhất định in “*hoan nghênh lưu thông, công đức vô lượng*”. Nhất định in theo cách đó, hết sức mong mỗi quý vị lưu thông. Hiện thời nghiêm nhiên là “*chẳng được phép lưu thông, in lại ắt sẽ truy cứu*”, độc chiếm kinh điển và chú giải của cổ nhân, chướng ngại Phật pháp lưu thông, đoạn Pháp Thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh, chiếm bản quyền của Thích Ca Mâu Ni Phật, chiếm bản quyền của cổ nhân, giống như thế đó. Thích Ca Mâu Ni Phật và các vị cao tăng đại đức thời cổ đã trao bản quyền cho quý vị lúc nào vậy? Chưa hề nghe nói! Thật sự là hết cách nói luôn! Vì thế, chúng tôi thấy vậy cười khan! Phía sau kinh luận mà có in những chữ như vậy thì [những người đứng ra in] đều đã ghi danh trong sổ bộ của địa ngục A Tỳ. Có những đồng học thật sự tốt đẹp, tôi đều bảo họ: Chúng ta hoằng dương Phật pháp, phải cực lực hoằng dương những tác phẩm của cổ thánh tiên hiền, hãy in lại để giúp cho những tác phẩm ấy được lưu thông. Tác phẩm do chính mình biên soạn thì cũng phải hoan nghênh [người khác] in lại, cũng nhằm lưu thông rộng rãi lợi ích chúng sanh. Đây là Pháp Bảo trong Trụ Trì Tam Bảo, Pháp Bảo là kinh điển.

Tăng Bảo là người xuất gia, đây là nói về phàm phu Tăng. Họ tượng trưng cho một ngôi trong Tam Bảo. Trụ trì Tam Bảo duy trì, bảo vệ truyền thống Phật pháp. Nếu chẳng có trụ trì Tam Bảo, hình tượng Phật pháp sẽ không còn nữa, không có gì đại diện cho Phật giáo. Do vậy, trụ trì Tam Bảo công đức vô lượng vô biên. Người xuất gia dẫu phá giới, dẫu người ấy chẳng tuân thủ Thanh Quy, thậm chí họ là yêu ma quỷ quái trà trộn vào cửa Phật để làm chuyện phá hoại Phật giáo, nhưng họ có chút điểm tốt đẹp, tốt đẹp gì vậy? Mặc y phục [tăng sĩ] là tốt lành, vì sao mặc y phục này lại là tốt lành? Y phục này mặc vào, đi đường, người ta [gặp mặt] sẽ chào A Di Đà Phật, gieo một chủng tử Phật vào A Lại Da Thức của kẻ ấy. Chút điều lành này cũng chẳng thể nghĩ bàn, do đã vì

hết thấy chúng sanh mà gieo trồn khắp một chủng tử kim cang “thành Phật”. Vì vậy, kẻ ấy cũng làm ác, nhưng điều thiện cũng chẳng phải là không có, mà là cũng có!

Người tu hành chúng ta trông thấy Tam Bảo, nếu có thể quy về Nhất Thể Tam Bảo thì sẽ là tu hành chân chánh. Nhất Thể Tam Bảo là gì? Nhất Thể Tam Bảo là Tự Tánh Tam Bảo; Phật, Pháp, Tăng là chính mình. Phật tượng trưng cho Giác, giác chứ không mê. Giác tánh của chúng ta là Phật Bảo. Tri kiến của chúng ta là Pháp Bảo. Kinh Pháp Hoa nói “*nhập Phật tri kiến*”, tri kiến của Phật là chánh tri chánh kiến. Do vậy, tri kiến là Pháp Bảo. Hiện thời, chánh tri kiến của chúng ta biến thành tà tri kiến, biến thành như thế nào? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói rất rõ ràng: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ trên sự tri kiến chân thật (chánh tri kiến), lập ra một cái thấy biết [hư vọng]; đó là cái gốc của vô minh). “Tri kiến” là tốt, tri kiến là Phật tri Phật kiến, là Bốn Giác, đáng tiếc là trên chánh tri chánh kiến, quý vị lại lập ra một cái tri kiến của chính mình, tri kiến ấy là tà tri tà kiến, đó là vô minh.

Đạo lý này rất sâu, sự tương này hết sức rộng lớn, chẳng phải là bằng mấy câu mà hồng giảng rõ ràng, đều phải nói lan qua các bộ kinh to, luận lớn. Tri kiến nơi bốn tánh là Pháp Bảo chân thật, hết thấy Phật pháp đều lưu xuất từ tri kiến này. Tâm thanh tịnh là Tăng Bảo. Khi Lục Tổ khai ngộ đã nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự thanh tịnh*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh). Từ phương diện thanh tịnh mà nói thì là Tăng Bảo, từ giác không mê mà nói thì là Phật Bảo, từ chánh tri chánh kiến mà nói thì là Pháp Bảo.

Vì vậy, chúng ta trông thấy tượng Phật, phải nghĩ đến tự tánh giác, phải giống như Phật. Trong hết thấy mối quan hệ với con người, trong hết thấy thuận cảnh và nghịch cảnh, chúng ta đừng mê hoặc. Chẳng mê hoặc là luôn có thể giác chứ không mê. Đây là “tự tánh Phật Bảo”. Vì thế, tượng Phật có tác dụng rất lớn, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, trong hết thấy quan hệ giữa con người với nhau và trong các hoàn cảnh phải giác ngộ, đừng mê hoặc, tác dụng của nó là như vậy. Kinh điển bày ra ở chỗ này, bất luận quý vị đọc hay không, hãy thấy kinh điển, phải nghĩ: Chúng ta phải chánh tri chánh kiến, xa lìa tà tri tà kiến. Từ chỗ này mà quy về tự tánh, đây là “tự tánh Pháp Bảo” tỏa sáng ra ngoài. Thấy người xuất gia, bất luận trì giới hay phá giới, là Phật tử hay ma tử, chẳng cần biết, chẳng cần quan tâm tới, hãy thấy người xuất gia, liền nghĩ tới sự thanh tịnh của chính mình tức là “tự tánh Tăng Bảo”. Như vậy thì Trụ Trì Tam Bảo sẽ khởi tác dụng rất lớn đối với chúng ta, nhờ vào Trụ

Trì Tam Bảo để khơi gợi Nhất Thể Tam Bảo nơi tự tánh. Sự Lý này mới là bất nhị, Sự Lý này mới là “nhất như” (giống hệt như nhau). Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa giảng về “đồng, biệt” [như sau]:

(Diễn) Phật bất thị pháp đẳng, vi biệt.

(演) 佛不是法等為別。

(Diễn: Phật chẳng phải là Pháp v.v..., đó là biệt).

Phật chẳng phải là Pháp, Pháp chẳng phải là Tăng, đó là Biệt.

(Diễn) Hựu Phật hữu tam thân tứ giáo, Pháp hữu giáo hành lý quả, Tăng hữu Thập Thánh, Tam Hiền, Tứ Quả, Tứ Hướng, giai biệt dã.

(演) 又佛有三身四教，法有教行理果，僧有十聖三賢，四果四向，皆別也。

(Diễn: Lại nữa, Phật có ba thân, bốn giáo, Pháp có giáo, lý, hành, quả, Tăng có Thập Thánh, Tam Hiền, Tứ Quả, Tứ Hướng, đều khác biệt).

Phật có ba thân: Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, Ứng Hóa Thân Phật. Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên, có Tạng Giáo Phật, Thông

Giáo Phậ, Biệt Giáo Phậ và Viên Giáo Phậ. Đây là Tứ Giáo Phậ. Pháp có giáo pháp, lý pháp, hành pháp và quả pháp. Tầng có Thập Thánh, tức là Thập Địa Bồ Tát, Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Tứ Quả Tứ Hướng là các địa vị trong Tiểu Thừa. Có nhiều đẳg cấp khác biệt như vậy nên nói là Biệt.

(Diễn) Đồng thể Tam Bảo vi đồng.

(演) 同體三寶為同。

(Diễn: Tam Bảo có cùng một Thể, đó là đồng).

Nhất Thể Tam Bảo đượ nói trong phần trên là đồng thể. Đó là “đồng”.

(Diễn) Nội tự ước Lý, ngoại tha ước Sự.

(演) 內自約理，外他約事。

(Diễn: Ước theo bên trong và chính mình thì là Lý, ước theo bên ngoài và người khác thì là Sự).

Hễ hướng vào trong phản chiếu thì là Lý, những dấu tích hình tướng Trụ Trì Tam Bảo ở bên ngoài đều là Sự. Chúng ta phải nên nhận rõ điều này. “Sự Lý hữu đồng hữu biệt” ([xét theo] Sự và Lý [thì Tam Bảo] có đồng, có biệt). Ở đây là nói đại lược, “*như hậu văn biện*” (như trong phần kinh văn phía sau sẽ phân định), tương lai khi đến những phần sau, sẽ có một đoạn văn dài giảng giải cặn kẽ. Hôm nay thời gian đã hết, chúng tôi giảng tới đây.

Tập 46

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi bảy:

(Sớ) Cổ vân: “Phậ diệt độ hậu, phạm chư đệ tử, sở hữu trước thuật, giai quy Tam Bảo”. Lương điều thánh cảnh cao huyền, Phậ ngôn vi diệu, nhi dục dĩ phạm phu hào mạt chi trí, vớng tự bình lượng, thị nữi dụng lãi trắc hải, trì quản khuy thiên, mạn tự bì lao, sở đắck kỷ hà. Cố tất quy mạng Tam Bảo, minh hy gia bị!

(疏) 古云：佛滅度後，凡諸弟子，所有著述，皆歸三寶。良繇聖境高玄，佛言微妙，而欲以凡夫毫末之智，罔自評量，是乃用蠡測海，持管窺天，漫自疲勞，所得幾何。故必歸命三寶，冥希加被。

(Sớ: Cổ nhân nói: “Sau khi đức Phật diệt độ, phàm tất cả các trước thuật của hàng đệ tử đều quy về Tam Bảo”. Ấy là vì thánh cảnh cao vời, huyền diệu, lời Phật vi diệu, muốn dùng cái trí vụn vặt của phàm phu để tự làm lạc phê phán, đánh giá, đây là dùng bầu đong biển, cầm ống ngắm trời, đã chậm chạp lại còn tự nhọc nhằn, hiểu biết được mấy! Vì thế, ắt phải quy mạng Tam Bảo mong được ngắm ngòm gia bị).

Chuyện này cũng là sự thật. Chư Phật Như Lai cho đến các vị đại Bồ Tát khác hẳn lữ phàm phu chúng ta. Bọn phàm phu chúng ta chẳng dễ gì quan sát, nhận biết. Phàm phu thấy Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu, khác nhau ở chỗ nào? Dụng tâm không giống nhau. Phàm phu dùng cái tâm phân biệt, tức là cái tâm ý thức; Phật và các đại Bồ Tát dùng chân tâm, đó là bản tánh, đây là chỗ khác nhau! Trong Tánh chẳng có phân biệt, không có chấp trước, vĩnh viễn thanh tịnh. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng biết có bao nhiêu vọng niệm. Vọng niệm nhiều nên chẳng thanh tịnh, trí huệ sẵn có chẳng thể hiện tiền. Tuy sẵn có trí huệ, “*Bổn Giác vốn có*”, nhưng chẳng thể hiện tiền, đó là phàm phu.

Ngôn ngữ, văn tự của chư Phật đều từ tâm thanh tịnh, từ trong bản tánh lưu lộ, phàm phu muốn lý giải sẽ khá khó khăn, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạng năng giải*” (Phật pháp không có người nói thì tuy là kẻ có trí cũng chẳng thể hiểu). Người trí huệ thông minh bậc nhất trong thế gian cũng không có cách nào lý giải, nguyên nhân là vì dụng tâm khác nhau. Làm như thế nào đây? Cần phải có người từng trải giảng giải cho chúng ta, đây là một phương pháp. Một phương pháp khác là đọc tụng, khi đọc chẳng thể dùng tâm ý thức. Nói cách khác, đọc kinh, thậm chí đọc chú giải của cổ đại đức cũng như vậy, đừng phân biệt, đừng chấp trước, đừng suy tưởng trong đây có ý nghĩa gì. Quý vị phải hiểu đọc kinh là tu hành, tu Giới - Định - Huệ.

Có sao đọc kinh là tu Giới - Định - Huệ? Chúng ta phải biết Giới có nghĩa là gì? Tuy Giới Luật nhiều ngàn ấy, nhưng tinh thần của Giới

Luật chỉ có tám chữ: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành). Quý vị đọc kinh, trong tâm chẳng khởi ác niệm, tự nhiên “*chư ác mạc tác*”. Lẽ đâu một mặt niệm kinh, một mặt nghĩ tưởng chuyện ác, không có lẽ ấy! Vì thế, khi quý vị đọc kinh, tự nhiên là “*chư ác mạc tác*”. Kinh điển là tối thiện, tức là điều thiện nhất trong những điều thiện, là giáo huấn của Phật, Bồ Tát; kinh do Phật nói, chú giải do Bồ Tát giảng, tổ sư là Bồ Tát, tuyệt đối chẳng phải là phàm nhân. Quý vị đọc lời giáo huấn của Phật, Bồ Tát đó là điều tốt lành nhất, há còn có gì tốt lành hơn?

Quý vị phải biết: Niệm kinh là trì giới, là trì giới viên mãn, chẳng khuyết chút nào! Nếu quý vị đang niệm kinh mà nghĩ lời này có nghĩa là gì, câu này vì sao phải nói như vậy, sẽ chẳng có Giới. Vì sao? Do quý vị khởi vọng tưởng, vọng tưởng là ác, chẳng lành. Do đó, khi đọc kinh, chớ nên dấy vọng tưởng, đừng mong hiểu ý nghĩa. Còn như trong kinh này có những chữ lạ thì làm thế nào? Những chữ lạ thì tốt nhất là nên tra từ điển trước, ghi chú âm đọc bên cạnh, đây là biện pháp tốt nhất. Nếu không thì đừng đọc, chẳng đọc cũng không có lỗi gì, đọc sai sẽ phạm lỗi. Trừ việc tu Giới ra, [đọc kinh] còn là tu Định vì quý vị niệm kinh phải chuyên tâm, chuyên tâm là Định. Vì thế, [đọc kinh không khởi vọng tưởng] là tu Định. Đồng thời còn là tu Huệ, tu Huệ bằng cách nào? Huệ ấy là tu Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã nói Căn Bản Trí là “*Bát Nhã vô tri*”, tức là tu cái trí vô tri, đó là “*chân tri*”. Vì thế, niệm kinh từ “*như thị ngã văn*” cho đến “*tín thọ phụng hành*” rõ ràng, rành mạch. Đã rõ ràng, rành mạch, nhưng lại chẳng có phân biệt, chấp trước, cũng chẳng khởi vọng tưởng; niệm kinh như thế là tu hành, là tu Giới - Định - Huệ, lại còn tu hành Giới - Định - Huệ cùng một lúc, viên mãn một lượt, hết sức cao minh! Niệm như vậy là biết niệm, cách niệm này được Tam Bảo gia trì, cho nên nói “*độc kinh thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (đọc kinh ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa), được thần lực của Tam Bảo gia trì, niệm nhiều sẽ khai ngộ.

Có những người niệm nhiều nhưng chẳng khai ngộ, là vì người ấy niệm giống như chúng ta đọc sách: Vừa niệm vừa khởi vọng tưởng, như vậy là không được! Chẳng thể nào khai ngộ, vì tuy quý vị niệm kinh, nhưng trong ấy không có Giới, Định, Huệ. Có Giới - Định - Huệ, lẽ nào quý vị chẳng khai ngộ? Không có Giới - Định - Huệ sẽ chẳng khai ngộ, vì chẳng khác gì các phàm nhân trong thế gian đọc sách. Do đây có thể biết: Người tu hành niệm kinh khác với phàm phu niệm kinh. Phàm phu niệm kinh đích xác là đọc sách, dùng phân biệt, chấp trước, vọng tưởng

đề tư duy, dùng những thứ đó; người tu hành không giống như vậy, họ niệm kinh là tu hành, là tu Giới - Định - Huệ, hoàn toàn khác nhau!

Do vậy, từ Bồ Tát trở xuống, bất luận trước thuật hay soạn chú giải cho kinh luận, hoặc là làm sáng tỏ những nghĩa trọng yếu trong kinh, soạn luận, cho đến lên đài giảng kinh, vì người khác diễn nói, đều phải cậy thân lực của Tam Bảo gia trì. Nếu không có thân lực của Tam Bảo gia trì, quý vị sẽ chẳng lãnh hội, mà cũng chẳng nói ra được những nghĩa thú vị diệu trong kinh. Có rất nhiều người giảng kinh hay giảng chú giải của người khác, nhưng toàn là giảng những điều ngoài mặt của lời chú giải, đó gọi là “văn tự ngoài da”, chẳng thấu hiểu nghĩa lý, nguyên nhân là vì đâu? Rất đơn giản! Không được thân lực của Tam Bảo gia trì. Chúng ta có thể cầu thân lực của Tam Bảo được hay không? Chẳng được! Nhất định phải cảm ứng rồi mới có thể cầu được!

Cảm ứng gì vậy? Chính là cái tâm của chúng ta hiện thời có giống như tâm Phật hay không? Nói chung, tâm của quý vị có mấy phần giống Phật thì mới có thể khởi tác dụng cảm ứng, chẳng hoàn toàn giống mà là có phần nào giống; chẳng thật sự giống, mà rất gần gũi, tương tự. Hễ tương tự bèn có cảm ứng. Nếu tâm hoàn toàn chẳng giống với tâm Phật, dùng Phật pháp để tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu ngũ dục, lục trần, sẽ hoàn toàn chẳng tương ứng. Hoàn toàn chẳng tương ứng thì người ấy tuy nói cũng giỏi, viết cũng hay, nhưng quý vị chú tâm quán sát [sẽ thấy] tuyệt đối chẳng phải là như thế, [người ấy] đã biến toàn bộ kinh điển, kinh luận thành pháp thế gian. Đây chẳng phải là Phật pháp, mà là pháp thế gian; nói dẫu hay đến đâu đi nữa, quý vị nghe xong chẳng còn đọng lại ý vị gì. Người thật sự tu hành, quý vị nghe người ta nói một lần, cả đời chẳng quên, cổ nhân đã nói: “*Dur âm nhiều lương*” (tiếng nói dường như còn vang vọng, quanh mãi), nó còn đọng lại ý vị. Người càng gần như kiến tánh thì nội dung và ý vị những lời họ nói ra lắng đọng càng lâu dài.

Vì thế, nhất định phải cầu Tam Bảo gia trì. Mấy câu tiếp theo nhằm nói rõ đạo lý này. “*Lương diêu thánh cảnh cao huyền*” (ấy là vì thánh cảnh cao vời, huyền diệu). “*Thánh*” là thánh nhân. Cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát cao vời, chúng ta chẳng thể tưởng tượng được, chẳng thể nghĩ bàn! “*Phật ngôn vi diệu*”: Ý nghĩa nơi ngôn ngữ của Phật hết sức sâu. Do vậy, so sánh Phật pháp và thế gian pháp thì có một chỗ rõ ràng đặc thù nhất mà quý vị phải biết: Chúng ta học hành trong nhà trường, học Tiểu Học, Trung Học, nay đang học Đại Học, mỗi năm học sách giáo khoa khác nhau, năm nào cũng phải thay sách mới. Sách giáo

khoa trong Phật pháp rất đặc biệt, bắt đầu từ lớp Một Tiểu Học cho đến lớp Tiến Sĩ vẫn là một cuốn sách, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Ví như một bộ kinh A Di Đà này, khi quý vị bắt đầu học, bèn học kinh này, cho đến địa vị Đẳng Giác, quý vị vẫn học kinh này. Đây là chỗ vi diệu trong lời Phật. Càng đọc, càng thú vị! Quý vị mới học bèn có cảnh giới mới học, thấu hiểu một chút pháp vị, tương lai khi đạt đến Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh, cảnh giới quý vị lại thấy một cảnh giới khác! Vẫn là ngàn ấy chữ, nhưng quý vị thấy ý nghĩa khác hẳn. Người nông cạn thấy nông cạn, người sâu xa thấy sâu xa. Ý nghĩa trong kinh cạn hay sâu tùy thuộc cảnh giới của quý vị mà bất đồng; vì thế, càng đọc càng thú vị, chẳng giống như sách giáo khoa trong trường học, học xong rồi chẳng có ý vị gì hết, mà cũng chẳng muốn đọc nữa. Kinh Phật càng đọc càng thú vị, vì sao? Ý vị vô cùng!

Kinh Phật giảng bằng cách nào? Kinh này có nghĩa gì? Tôi thật thà thưa cùng quý vị, kinh không có ý nghĩa gì hết! Kinh cũng chẳng có cách nào giảng. Nếu có ý nghĩa, có cách giảng [nhất định], sẽ chẳng vi diệu! Nói cách khác, chương trình lớp Một sẽ chẳng thích hợp để dùng cho lớp Hai được, vì sao? Vì nó có ý nghĩa, nó có cách giảng, nên chẳng thích hợp để sử dụng [chương trình của lớp này cho lớp kia]. Chính vì nó không có ý nghĩa, nên quý vị phải thấu hiểu: Nó có vô lượng nghĩa. Do nó không có cách giảng, nên mới có vô lượng cách giảng. Đúng như câu nói: *“Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết”*. Kinh vốn vô tri, không có cách giảng, không có ý nghĩa, nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị niệm kinh mới hoàn thành Tam Học Giới - Định - Huệ cùng một lúc. Nếu quý vị có cách giảng, có ý nghĩa thì Tam Học Giới - Định - Huệ đều không có, [kinh Phật] biến thành pháp thế gian. Quý vị niệm những thứ này bèn cảm thấy mệt mỏi, chán ngán. Dem một cuốn sách thế gian bảo quý vị thật thà đọc, đọc mấy lượt, quý vị chán ngấy, nội dung trong sách ấy đã hoàn toàn biết rồi, đọc nữa có ý nghĩa gì nữa đâu? Những ý nghĩa trong kinh Phật là vô cùng tận, càng đọc càng hoan hỷ, càng đọc càng muốn đọc. Do vậy, lời Phật vi diệu!

Nếu giảng giải kinh A Di Đà tường tận thì một bộ kinh này, thưa cùng quý vị, giảng đến một trăm năm vẫn chẳng xong. Giảng suốt ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hay giảng trong vô lượng kiếp vẫn chẳng giảng xong, ý nghĩa ấy mầu nhiệm ở chỗ này. Xác thực là như thế, đối với ngàn ấy chữ, trong mỗi một chữ có vô lượng nghĩa, quý vị làm sao có thể nói là nó có một cách giảng nhất định cho được? Dầu cho các vị tổ sư đại đức từ xưa suốt đời tu hành, công phu tương ứng, mà giảng giải hoặc chú

giải thì cũng chỉ là cảnh giới do các Ngài thấy được. Mỗi người giảng, mỗi cá nhân chú giải là do cảnh giới tu hành của mỗi người khác nhau nên thấy khác nhau. Giảng giải sâu hay cạn, thiên lệch hay viên mãn thì cũng mỗi người mỗi khác. Chúng ta phải liễu giải bản chất của kinh Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Dùng trí huệ của phàm phu để “*võng tự bình lượng*” (tự làm lạc phê phán, đánh giá), hiện thời rất nhiều người giống như vậy. Tội lỗi ấy rất lớn!

(Diễn) Trước thuật giai quy Tam Bảo giả, thị học hữu sở tông, bất cảm tự dụng tự chuyên dã.

(演) 著述皆皈三寶者，示學有所宗，不敢自用自專也。

(Diễn: “Trước thuật đều quy vào Tam Bảo” là nêu rõ học vấn có cội nguồn, chẳng dám tự cậy, tự chuyên).

Đây là thái độ của người làm học sinh. Liên Trì đại sư nêu gương cho chúng ta thấy.

(Diễn) Dụng lãi trắc hải giả, Đông Phương Sóc đáp khách nạn vân: “Dĩ quản khuy thiên, dĩ lãi trắc hải, dĩ đĩnh tràng chung, khởi năng thông kỳ điều quán, khảo kỳ thiển thâm, phát kỳ âm thanh tai?”

(演) 用蠡測海者，東方朔答客難云：以管窺天，以蠡測海，以挺撞鐘，豈能通其條貫，考其淺深，發其音聲哉。

(Diễn: “Dùng bầu đong biển”: Đông Phương Sóc đáp lời khách cật vấn như sau: “Dùng ống ngắm trời, dùng bầu đong biển, dùng que gõng chuông, há có thể thông hiểu [bầu trời] tường tận, biết được biển sâu hay cạn, làm chuông phát ra âm thanh hay chẳng?”)

Những điều này đều nhằm nói kiến thức nông cạn, mỏng tanh, những điều được tiếp xúc hết sức hạn chế, cục bộ. Quý vị dùng cái ống để nhìn trời, thấy được bao lớn? Dùng điều này để làm tỷ dụ nhằm nói rõ tri kiến của phàm phu chúng ta hết sức hữu hạn, không có cách nào liễu giải cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, tự uổng công nhọc nhằn, sở đắc hết

sức hữu hạn. Nếu có thể đạt được một chút thì cũng coi như là khá lắm rồi, e rằng còn hiểu sai bét ý Phật, hiểu cong queo nghĩa kinh. Hiểu rõ đạo lý này, quý vị đọc chú giải, [sẽ hiểu] vì sao chúng tôi khuyên đồng tu hãy xem chú giải của cổ nhân? Cổ nhân hữu tu hữu chứng; nếu họ không có công phu tu chứng thật sự, trước tác của họ sẽ chẳng thể lưu truyền hậu thế. Chẳng giống như con người hiện thời, tốn một chút tiền bèn có thể in rất nhiều thứ lưu truyền khắp nơi. Cổ nhân chẳng cầu danh, chẳng cầu lợi, những tác phẩm ấy chẳng do các Ngài tự lưu thông mà đều do hậu nhân đọc, thấy những tác phẩm ấy quá hay bèn lưu thông. Người đời sau cũng chẳng quen biết các Ngài, cũng chẳng có quan hệ, trong ấy chắc chắn không có chuyện cảm tình, mà đều là đọc xong, bội phục quá, bèn bỏ tiền khắc ván lưu thông. Huống chi những trước tác của cổ nhân đã trải qua thời gian mấy trăm năm, trong khoảng thời gian ấy có bao nhiêu người đã đọc; nếu chẳng phải là những tác phẩm hay, sẽ chẳng được lưu truyền!

Đúng là những tác phẩm hay sẽ được lắm người lưu truyền! Chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này; vì lẽ đó, tôi khuyên mọi người đọc những tác phẩm của cổ nhân. Những tác phẩm của người bây giờ thỉnh thoảng dùng để tham khảo thì được, vẫn phải xem là do ai viết. Điều này đối với bản thân chúng ta, đặc biệt là kẻ sơ học, có ảnh hưởng hết sức sâu xa, quan hệ rất lớn, chẳng thể không lưu ý. Chọn mấy thứ nhất định để chúng ta thọ trì trong cả một đời là đủ rồi. Chớ nên tham nhiều, hy vọng có thể thâm nhập. Khi nào quý vị đã khai ngộ, hết thủy pháp thế gian và xuất thế gian quý vị chẳng học cũng thông đạt. Quý vị đọc Đàn Kinh, thấy Lục Tổ đại sư chẳng học mà thông đạt. Do vậy, điều khẩn yếu là thâm nhập.

Hiện nay, một đạo tràng giống như đạo tràng của chúng ta chẳng dễ có đâu nhé! Đạo tràng này của chúng ta là một môn thâm nhập; những đạo tràng khác, dầu là đạo tràng hoàng pháp, nhưng người giảng nhiều quá, khóa trình nhiều, chẳng chuyên, rất khó thụ dụng! Vì thế, tuyên truyền Phật pháp thì được, chứ đối với một người chân chánh tu hành mà nói thì chỉ là xen tạp. Do vậy, Bồ Tát đều như thế này: Trước khi làm hết thủy công việc trước thuật, diễn thuyết, đều cầu Tam Bảo gia trì.

“*Minh hy gia bị*” (mong ngấm ngấm gia bị). Bảo vệ, giúp đỡ ngấm ngấm, do thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì, khiến cho những gì đã nói, những điều chú giải chẳng đến nỗi sai lầm, mục đích là hy vọng lưu thông Pháp Bảo lợi lạc chúng sanh, tuyệt đối chẳng nghĩ đến lợi ích cá

nhân. Hễ nghĩ đến lợi ích cá nhân là trật, sẽ chẳng cảm ứng. Tâm Phật thanh tịnh, tâm Phật từ bi, chúng ta cũng phải dùng tâm thanh tịnh, tâm từ bi thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát. Hễ xen tạp một chút lòng riêng tư bèn chẳng được. Chúng ta phải biết, phải noi theo điều này.

(Sớ) Oai thần giả, như kinh ngôn Phật lực bất khả tư nghị, Pháp lực bất khả tư nghị, hiền thánh lực bất khả tư nghị.

(疏) 威神者，如經言佛力不可思議，法力不可思議，賢聖力不可思議。

(Sớ: “Oai thần” là như kinh nói Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, hiền thánh lực chẳng thể nghĩ bàn).

Đây là Tam Bảo: Phật là Phật Bảo, Pháp là Pháp Bảo, hiền thánh là Tăng Bảo. Dù thấy đây chẳng phải là phàm phu Tăng, mức độ thấp nhất cũng phải chứng Sơ Quả trong Tiểu Thừa thì mới được coi là “hiền nhân”. Trong Viên Giáo, nhất định phải từ Sơ Tín Vị Bồ Tát, từ địa vị Sơ Tín trở lên mới là hiền nhân. Nói theo phía người niệm Phật, phải đạt đến Sự nhất tâm bất loạn mới là hiền nhân; Lý nhất tâm bất loạn là thánh nhân. Chưa đạt được cảnh giới này, nhưng nếu đạt đến công phu thành phẩm thì là “trương tự hiền nhân” mới có thể có cảm ứng đạo giao.

Phát nguyện hoằng kinh, công đức vô lượng vô biên, nhưng quý vị chớ nên tham cầu công đức. Vì sao tôi phát nguyện hoằng kinh? Công đức quá lớn, nếu tôi không làm chuyện này, tôi sẽ không có công đức! [Đây chính là] quý vị dùng cái tâm tham đề hoằng pháp, tham cầu công đức! Tâm tham là phiền não lớn nhất, quý vị chưa đoạn phiền não, tâm chẳng thanh tịnh. Dẫu công đức to lớn, tôi chẳng vì công đức mà hoằng kinh, vì lẽ gì mà hoằng kinh? Vì lợi ích hết thảy chúng sanh mà hoằng kinh, vì báo Phật ân mà hoằng kinh, như vậy là đúng! Công đức đích xác to lớn, chẳng thể nghĩ bàn, trọn chẳng tham cầu, chẳng vì công đức mà hoằng kinh thì mới có cảm ứng. Vì lợi ích chúng sanh, đó là tâm đại từ bi.

Vì báo ân Phật bèn giúp Phật hoằng hóa; trừ phương pháp này ra, còn có phương pháp nào có thể báo ân Phật hay chăng? Không có biện pháp nào hết! Nói thật ra, báo ân Phật thì chỉ có lưu thông Pháp Bảo. Vì Phật chẳng cần gì hết, quý vị mỗi ngày hương hoa cúng dường thì mỗi ngày Phật có thưởng thức những thứ cúng dường ấy hay không? Chẳng

thể nào có chuyện ấy! Hương hoa cúng dường chẳng qua là để trọn một chút lòng mình, chứ thật ra điều quan trọng hơn là nhằm khơi gợi chính mình, khiến cho chính mình trông thấy hoa bèn lập tức nghĩ đến lục độ, vạn hạnh, nghĩ chính mình phải sốt sắng tu tập trên đường Bồ Tát đạo, mang ý nghĩa này, nhắc nhở chính mình. Đó là tác dụng lớn nhất. Do vậy, Tam Bảo chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Trượng Tam Bảo lực, năng sử ngu trung hốt thành thắng trí.

(疏) 仗三寶力，能使愚衷忽成勝智。

(Sớ: Nhờ sức Tam Bảo khiến cho đầu óc ngu muội chợt trở thành trí huệ thù thắng).

Chỉ cần quý vị thành tâm thành ý phát tâm làm [chuyện hoằng pháp], vốn rất ngu muội, chợt biến thành thông minh, do được sức oai thần của Tam Bảo gia trì, biến chuyện chẳng thể trở thành có thể, biến người ăn nói vụng về thành người có thể cảm động người khác, chạm vào dây tơ tình cảm trong tâm họ. Phải chí thành thì mới có thể cảm thông!

(Sớ) Phàm khẩu sở thuật, minh thông thánh tâm dã.

(疏) 凡口所述，冥通聖心也。

(Sớ: Phàm những lời nói ra đều ngầm thông thánh tâm).

Miệng phàm phu chúng ta nói ra điều gì, sẽ ngầm ngầm thông với ý tưởng của Phật, Bồ Tát, đó là thần lực gia trì. Nếu quý vị thật sự phát tâm, quý vị có thể thấu hiểu điều này. Thường là trước khi quý vị giảng kinh, quý vị phải chuẩn bị rất cẩn thận, chẳng chuẩn bị thì lên bục giảng sẽ không thể kết thúc bài giảng được. Chuẩn bị là dùng phàm tình, trong khi ấy, quý vị dùng cái tâm chí thành, tâm cúng dường, tâm báo ân, tâm lợi ích chúng sanh để viết bài giảng nhằm chuẩn bị chu đáo. Khi quý vị lên giảng đài, đột nhiên giảng những ý nghĩa khác hẳn những điều đã chuẩn bị, lại còn thù thắng, hay hơn những thứ đã chuẩn bị, mà trong lúc chuẩn bị, quý vị chẳng hề nghĩ tới. Đến khi lên bục giảng, chẳng biết do trí huệ ở đâu mà có thể nói ra [những điều ấy]. Từ xưa đến nay, những pháp sư giảng kinh đều có sự cảm ứng ấy. Chúng ta đọc cuốn Viên Giác Kinh Thân Văn Ký của pháp sư Đệ Nhàn, đây là bút ký do thánh chúng ghi lại; chính Ngài cũng có chuẩn bị, chính Ngài soạn bài ghi những ý

nghĩa sẽ được giảng, nhưng những điều được ghi chép trong Thân Văn Ký chẳng hề có trong bài giảng [do Ngài đã chuẩn bị sẵn]. Người ta ghi chép xong, đưa cho lão hòa thượng coi. Lão hòa thượng xem xong, hỏi người ấy: “Đây là lời tôi giảng ư?” Chẳng biết là do chính mình giảng; đây là thần lực của Phật, Bồ Tát gia trì.

(Sớ) Hà nhĩ giả, kiêm xứ dữ thời. Xứ tắc diêu nhất ngưng dĩ chí châu biến thập phương. Thời tắc diêu sát-na dĩ chí tận vị lai tế, giai danh “tự nhĩ cập hà” dã.

(疏) 遐邇者，兼處與時。處則繇一隅以至周遍十方，時則繇刹那以至盡未來際，皆名自邇及遐也。

(Sớ: “Xa gần” bao gồm nơi chốn và thời gian. Nơi chốn thì từ một góc cho đến trọn khắp mười phương; thời thì từ một sát-na cho đến hết đời vị lai, đều gọi là “từ gần đến xa”).

“Hà nhĩ” có nghĩa là xa gần, “hà” (遐) là xa, “nhĩ” (邇) là gần. Đối với thời gian và không gian mà nói thì đều có thể được. Nói theo phía không gian, từ một phương có thể thông đạt mười phương; nói theo phương diện thời gian thì từ một sát-na cho đến hết đời vị lai. Câu này nói lên ý nghĩa “*lưu thông*” và “*lợi ích*”. Ví như trong thuở ấy đại sư viết cuốn chú giải này, nay chúng ta đọc thấy câu này được ứng nghiệm. Thuở ấy, đại sư viết bản chú giải này tại Phương Trượng Thất chùa Vân Thê ở Hàng Châu, đến khi lão nhân gia viên tịch, các đệ tử lưu thông phổ cập tác phẩm này khắp cả nước. Ngày nay, bản này lại được truyền khắp thế giới.

Tại ngoại quốc có nhiều thư viện của trường đại học hay thư viện quốc gia đều có lưu giữ. Về mặt không gian, đúng là trọn khắp mười phương, thời gian lưu truyền đến năm trăm năm, đối với hết thảy chúng sanh tạo lợi ích quá lớn. Bao nhiêu người đọc bản chú giải của Ngài bèn phát tâm niệm Phật, đã vãng sanh thế giới Tây Phương. Bản chú giải này của Ngài đã tiếp dẫn họ. Chúng ta cũng nương nhờ sức [tiếp dẫn] của bản chú giải này, không được lão nhân gia chỉ dạy, chúng ta sẽ chẳng hiểu kinh A Di Đà, đọc cách nào cũng chẳng biết trong kinh này bao hàm ý nghĩa nhiều dường ấy. Vì thế, bản chú giải và diễn thuyết này thật sự tương ứng trí huệ và oai thần của chư Phật. Công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, đó là công đức lợi ích chúng sanh.

(Sớ) *Hàm linh giả, giản phi mộc thạch, vị nhất thiết hữu tình dã.*

(疏) 含靈者，揀非木石，謂一切有情也。

(Sớ) [Gọi là] “hàm linh” nhằm phân biệt chẳng phải là gỗ, đá, mà là nói về hết thảy hữu tình).

Chữ “hàm linh” chỉ hết thảy chúng sanh.

(Sớ) *Kiến văn tùy hỷ giả.*

(疏) 見聞隨喜者。

(Sớ) *Thấy, nghe, tùy hỷ là...*

“Kiến” (見) là thấy bản chú giải này, “văn” (聞) là nghe giảng. Trong giảng đường của chúng ta, quý vị vừa thấy vừa nghe, mà tùy hỷ thì sẽ có phần trong thế giới Tây Phương.

(Sớ) *Đản w thử kinh, mục lã nhĩ thính.*

(疏) 但於此經，目覽耳聽。

(Sớ) *Đối với kinh này, chỉ cần mắt nhìn, tai nghe).*

“Lãm” (覽) là chính mắt nhìn, “thính” là (聽) nghe giảng.

(Sớ) *Dĩ chí tạm nhĩ tùy thuận sanh hoan hỷ giả, giai thực thiện căn, đồng sanh bỉ quốc dã.*

(疏) 以至暫爾隨順生歡喜者，皆植善根，同生彼國也

•

(Sớ) *Cho đến tạm thời tùy thuận, sanh lòng vui mừng thì đều gieo trồng thiện căn, cùng sanh về cõi kia).*

Không nhất định phải đọc trọn bản chú giải từ đầu đến đuôi, cũng chẳng phải là nói nghe trọn kinh này từ đầu đến đuôi, chẳng phải vậy! Nghe một lần, hai lần, trong một hai lần ấy, quý vị thật sự sanh lòng hoan hỷ, tin tưởng, phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chắc chắn quý vị được vãng sanh. Trong một hai hội mà còn như thế, huống hồ quý vị

nghe trọn vẹn, đọc toàn bộ bản kinh, đọc toàn bộ cuốn Sớ Sao Diễn Nghĩa thì càng khỏi cần phải nói nữa! Ngẫu Ích đại sư hết sức tán thán cuốn Sớ Sao Diễn Nghĩa là “*bác đại tinh thâm*” (rộng lớn, tinh tường, sâu xa), không chỉ là tinh hoa của Phật pháp đều nằm trong đây, mà bản chú giải này còn trích dẫn kinh điển Đại Thừa hết sức nhiều, nhất là kinh Hoa Nghiêm. Đọc bộ Sớ Sao này giống như đọc một bộ Đại Tạng Kinh, tinh hoa đều nằm trong ấy. Hiểu ý nghĩa này, chúng ta có một bộ là đủ rồi, chẳng cần phải dụng công nơi những thứ khác, chết sạch lòng so đo, khăng khăng học một bản này là được rồi. Nếu còn hiềm chưa đủ, hãy dùng tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sớ Sao để bổ sung thì sẽ có thừa, ổn thỏa, thích đáng sanh về Tây Phương. Học thêm thứ khác, quý vị sẽ bị phân tâm, chẳng thể tập trung sức mạnh được, cầu nhất tâm sẽ bị chướng ngại. Vì thế, nay chúng ta không nên học [thêm pháp môn] nào khác, điều này cũng có quan hệ với chuyện có thể thành tựu trong một đời này hay không, hết sức quan trọng! Tiếp theo đây là nói về quả báo, Tịnh Độ.

(Sớ) Tịch Quang giả, Như Lai chân Tịnh Độ. Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc tự bốn tâm, Tịch Chiếu bất nhị, danh Thường Tịch Quang.

(疏) 寂光者，如來真淨土，生彼國已，見佛聞法，悟無生忍，得自本心，寂照不二，名常寂光。

(Sớ: Tịch Quang là Tịnh Độ thật sự của Như Lai. Sanh về cõi ấy, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc bốn tâm của chính mình. Tịch - Chiếu chẳng hai, gọi là Thường Tịch Quang).

Đây là lời giải thích về Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong Tịnh Độ. Tây Phương có bốn thứ Tịnh Độ, vì sao chẳng nói tới những thứ khác, chỉ nói tới Tịch Quang? Sách Diễn Nghĩa có chú giải như sau.

(Diễn) Như Lai chân Tịnh Độ giả, thượng tam độ vị vi chân, nhi Tịch Quang nãi vi chân.

(演) 如來真淨土者，上三土未為真，而寂光乃為真。

(Diễn: [Nói cõi Tịch Quang] là Tịnh Độ thật sự của Như Lai là vì ba cõi trước đó chưa phải là thật, cõi Tịch Quang mới là thật).

Cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm đều chưa chân thật, chỉ có cõi Thường Tịch Quang là chân thật, là Tịnh Độ chân chánh.

(Diễn) *Nhiên Tịch Quang diệc hữu tịnh uế bất đồng.*

(演) 然寂光亦有淨穢不同。

(Diễn): *Nhưng cõi Tịch Quang cũng có tịnh và uế khác nhau.*

Cõi Thường Tịch Quang chân thật mà còn có tịnh và uế ư? Nếu ông nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm có tịnh và uế thì chúng tôi còn có thể tưởng tượng được. Nếu nói trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ có tịnh và uế thì chẳng thể nghĩ bàn! Nói theo Lý, chắc chắn không có tịnh hay uế. Nói theo mặt Sự thì có, chúng tôi nêu lên một tỷ dụ để nói: Ví như cảnh giới bên ngoài chúng ta hết sức trong trẻo, sáng sủa, tư hào ô nhiễm cũng chẳng có; nhưng nếu chúng ta đeo kính râm có màu: Đeo kính đen thì thấy bên ngoài đen thui, đeo kính màu xanh thấy vách tường trắng đều thành xanh, đều thành có màu. Đây là tự mình có chướng ngại. Nói cõi Tịch Quang có uế là do chướng ngại ở nơi đâu? Vô minh chưa đoạn hết! Đeo cặp kính vô minh để nhìn cõi Tịnh Độ chân thật. Như vậy là tự mình sanh ô nhiễm, chẳng phải do Tịnh Độ bất bình đẳng, có ô nhiễm, Tịnh Độ không có [ô nhiễm hay bất bình đẳng]. Không riêng gì Tịnh Độ của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ không có ô nhiễm, mà Tịch Quang Tịnh Độ của lũ phàm phu sát đất chúng ta cũng chẳng có ô nhiễm. Nay cõi Tịch Quang của chúng ta hoàn toàn là nhiễm, Pháp Thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ Tát còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, cho nên Thường Tịch Quang Tịnh Độ của các Ngài còn có một phần ô nhiễm. Đoạn sạch một phần sanh tướng vô minh ấy, cõi Thường Tịch Quang nơi quả địa Như Lai sẽ được gọi là Cứu Cánh Tịch Quang (Tịch Quang rốt ráo), không có ô nhiễm. Phải hiểu lý này, cho nên, ở đây nói “*Tịch Quang cũng có tịnh và uế khác nhau*”.

(Diễn) *Tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ sở cư vi uế độ, duy Phật nhất nhân sở cư vi Tịnh Độ. Kim viết “Như Lai chân Tịnh Độ”, tác thị Thường Tịch Quang Tịnh Độ dã, danh chi vi chân giả. Diệu Tông Sao vân.*

(演) 四十一位法身大士所居為穢土，唯佛一人所居

為淨土。今日如來真淨土，則是常寂光淨土也。名之為真者。妙宗鈔云。

(Diễn: Cõi mà bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ở là uế độ, chỉ có mình cõi đức Phật ngự là Tịnh Độ. Nay nói “cõi Tịnh Độ chân thật của Như Lai” thì chính là [nói tới] cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ vậy, đặt tên cho nó là “chân”. Sách Diệu Tông Sao nói...)

Trích dẫn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao, đây cũng là một bản chú giải đầy thâm quyền trong Tịnh Độ Tông. Quý vị có đọc bản chú giải này hay không cũng chẳng sao, vì sao? Những câu văn hay đẹp và lý luận trọng yếu [trong ấy] đã được Liên Trì đại sư trích dẫn hết rồi!

(Diễn) Chư Phật Như Lai sở du cư xứ, chân thường cứu cánh cực vi Tịnh Độ, thị dã.

(演) 諸佛如來所游居處，真常究竟極為淨土，是也。

(Diễn: “Chỗ chư Phật Như Lai dạo chơi, cư trụ, chân thường rốt ráo tột bậc là Tịnh Độ” chính là nói về ý này).

Đây là mấy câu trong Diệu Tông Sao. Do đây biết: Chí nguyện của đại sư là cầu Tịnh Độ rốt ráo, mà cũng là cầu Phật quả rốt ráo. Ngài cũng khuyến khích chúng ta, hy vọng mỗi người chúng ta thấy nghe Sớ Sao cũng sẽ phát tâm giống như Ngài, cầu Tịnh Độ viên mãn rốt ráo, hãy nên như thế!

“*Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, ngộ Vô Sanh Nhân*” (Sanh về cõi ấy rồi, gặp Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân): Mấy câu này cũng là nói công phu niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn, được gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh; đây cũng là điều chúng ta hãy càng thêm nỗ lực [hòng đạt được]. Nếu quý vị hỏi: “Thượng Phẩm Thượng Sanh có thể cầu được hay không?” Nếu quý vị có mối hoài nghi ấy, sẽ cầu chẳng được! Pháp môn này hoàn toàn kiến lập trên cơ sở của lòng “*tự tín*” (tin vào chính mình); bản thân quý vị nhất định phải tin tưởng vào chính mình, có lòng tự tín kiên định, có lòng tự tín thanh tịnh thì thần lực của Phật có thể giúp đỡ và gia trì quý vị. Vì vậy, chính mình nhất định phải có lòng tự tín.

Cách tu ra sao? Trừ một câu Phật hiệu trong mười hai thời chẳng gián đoạn ra, còn phải tu mười đại nguyện vương, phải hiểu rõ mười thứ

hành pháp. Nói thật ra, mười thứ hành pháp và mười đại nguyện vương là áp dụng câu A Di Đà Phật vào cuộc sống như thế nào. Hành pháp và nguyện vương đều là một câu A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật là mười đại nguyện vương, là mười thứ hành pháp. Nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, thật sự có thể tu như thế thì trong hiện tại thân tâm tự tại, đắc lợi ích. Trong hiện tiền, chính quý vị sẽ cảm nhận được: Quý vị và A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Tây Phương Tịnh Độ cảm ứng đạo giao. Do vậy, quý vị chẳng còn lo ngại nữa, nhất định phải làm! Phải thực hiện một câu danh hiệu A Di Đà Phật trong cuộc sống thường nhật, làm như thế, sẽ nhất định đạt được hiệu quả ấy. “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”: Vô Sanh là chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trong Viên Giáo, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn thì mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát, tức là địa vị đầu tiên trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Địa vị [của người vãng sanh] chẳng khác gì [địa vị của] các vị Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong kinh Hoa Nghiêm, có thân phận giống nhau, địa vị giống nhau, trong một đời chúng ta có thể làm được, chẳng phải là không làm được!

Hôm nay có một vị đồng học hỏi tôi: Trong kỳ nghỉ hè này, chúng tôi có muốn mở giảng tòa hay không? Tôi nói: Quý vị muốn đến dự thì chúng tôi sẽ mở, nhưng quý vị phải nhớ: Bất luận chúng tôi mở khóa giảng vào kỳ nghỉ Đông hay nghỉ Hè, chúng tôi sẽ giảng hai thứ kinh này, không có loại thứ ba; nhưng quý vị hãy nghe thử xem, cảnh giới của tôi có được nâng cao hay không? Điều này rất thú vị! Giảng lần thứ hai khác với lần thứ nhất. Nếu giảng lần thứ hai mà giống như lần giảng đầu thì tôi cũng chẳng muốn giảng, mà quý vị cũng chẳng muốn nghe! Quý vị phải hiểu: Mỗi lượt giảng đều khác nhau. Không chỉ mỗi lượt giảng khác nhau, mà nếu quý vị chú tâm nghe tôi giảng kinh, sẽ thấy mỗi ngày khác nhau. Vì thế, tôi có thể pháp hỷ sung mãn, cảnh giới mỗi ngày đều khác nhau: Mỗi ngày niệm kinh này đều phát hiện những ý nghĩa mới. Vì thế, trong kinh này có vô lượng nghĩa, quý vị phát hiện vĩnh viễn bất tận! Mỗi lần xem là một lần thấy ý nghĩa mới xuất hiện, mỗi lần giảng là một lần thấy có ý nghĩa mới xuất hiện.

“*Tịch - Chiếu bất nhị, danh Thường Tịch Quang*” (Tịch - Chiếu chẳng hai, gọi là Thường Tịch Quang): Đây là lời giải thích danh từ Tịch Quang. Tuy là giải thích danh từ, nhưng trong ấy cũng nhằm dạy chúng ta phương pháp tu hành. Đây là môn tu học của Pháp Thân đại sĩ; nhưng nếu chúng ta chịu tu tập thì cũng dùng được, cái hay trong Phật môn là hay ở chỗ này! Phương pháp tu hành của đại Bồ Tát chúng ta cũng có

thể dùng được. Nay chúng ta dùng phương pháp của kẻ sơ học, nhưng đại Bồ Tát có khi vẫn chẳng thể bỏ phương pháp ấy, họ vẫn phải dùng. Đây chính là như trong tông Hoa Nghiêm đã nói: “*Hàng Bồ chẳng trở ngại Viên Dung, Viên Dung chẳng trở ngại Hàng Bồ*”. Hàng Bồ là theo thứ tự, Viên Dung là không có thứ tự, tức “đốn siêu”. Đôi bên đều có thể ảnh hưởng lẫn nhau, có thể vận dụng lẫn nhau, đây là chỗ tuyệt diệu trong Phật pháp.

(Diễn) Tịch Chiếu bất nhị giả, vị Tịch nhi thường Chiếu, Chiếu nhi thường Tịch, tức Tịch, tức Chiếu, tức Chiếu, tức Tịch.

(演) 寂照不二者，謂寂而常照，照而常寂。即寂即照，即照即寂。

(Diễn: “Tịch Chiếu bất nhị” nghĩa là: Tịch mà thường Chiếu, Chiếu nhưng thường Tịch, vừa Tịch vừa Chiếu, vừa Chiếu vừa Tịch).

Nếu chúng ta hiểu lý luận này, hiểu phương pháp này, sẽ có lợi rất lớn đối với công phu niệm Phật của chúng ta. Chiếu là gì? Chiếu là hiểu rõ hết thấy, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn hiểu rõ ràng, rành mạch, phân minh, đó là Chiếu. Chiếu là trí huệ, là trí huệ Bát Nhã khởi tác dụng. Quý vị phải nhớ: Chiếu chẳng phải là ý thức. Tịch là gì? Như như bất động, cái gì bất động? Thức thứ sáu tức Ý Thức bất động, thức thứ bảy bất động, thức thứ tám bất động. Thức thứ sáu tuy bất động nhưng vẫn phân biệt rõ ràng rành mạch, tuy phân biệt nhưng không có tâm phân biệt, [vẫn nhận biết cảnh giới] rõ ràng, rành mạch, đó gọi là Diệu Quán Sát Trí. Đó là Chiếu. Thức thứ bảy chẳng khởi tác dụng, không có Chấp Trước, không có Ngã Chấp, mà cũng không có Pháp Chấp, đó là Bình Đẳng Tánh Trí đang chiếu. Thức thứ tám chẳng khởi tác dụng, chẳng để lại ấn tượng, đó là Đại Viên Kính Trí đang chiếu.

Chiếu là gì? Tịch là gì? Mấu chốt ở chữ Tịch; quý vị phải bất động mới là đúng. Tịch là bất động, tức tâm bất động. Tâm có tám món, năm thức trước và thức thứ tám có thể không cần quan tâm đến, trọng yếu là thức thứ sáu và thức bảy. Thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là chấp trước. Tâm phân biệt của ta chẳng động, tâm chấp trước chẳng động, chẳng dùng đến nó. Đó là Tịch, tâm tịch rồi. Tịch khởi tác dụng là Chiếu; do vậy, “*Tịch mà thường Chiếu*”. Trong hết thấy cảnh giới, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta chẳng khởi tâm, chẳng

động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, [nhận biết] cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành mạch, phân minh, đó là Phật tri, Phật kiến, gọi là “*Tịch mà thường Chiếu*”.

Chiếu là hiểu rõ Lý, thấu triệt Lý rồi, hiểu hết thầy pháp như huyền, như hóa, giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyền, bọt, ảnh*” (hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng). Tướng thì có, nhưng Tánh là không, Sự có, Lý không, quý vị có thể chiếu kiến tướng chân thật của hết thầy các pháp như vậy, tự nhiên quý vị chẳng động tâm, làm sao có chấp trước? Làm sao có phân biệt? Chẳng thể có phân biệt, chấp trước! Chẳng khởi tâm động niệm đối với hết thầy cảnh giới, cái tâm khi ấy đã nhập Tánh Định. Bản tánh của quý vị vốn là định, tâm quý vị vốn sẵn thanh tịnh. Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh*”. Sự thanh tịnh ấy là Định, thanh tịnh là Tịch. Vì thế, trong khi ấy, Tịch - Chiếu, Chiếu - Tịch đồng thời, chẳng khác gì Pháp Thân đại sĩ. Đã chẳng khác thì chính quý vị cũng chứng đắc Pháp Thân, cũng trở thành Pháp Thân đại sĩ. Nếu trong cuộc sống thường nhật có thể dụng công như thế thì một câu A Di Đà Phật của quý vị chính là Lý nhất tâm bất loạn. Quý vị niệm A Di Đà Phật là Lý niệm, cảnh giới ấy hết sức cao. Nay chúng ta chưa làm được; tuy làm chưa được nhưng phải hiểu đạo lý này, biết có chuyện này, vì sao? Trong tương lai, sẽ dần dần nâng cao cảnh giới của chính mình, chớ nên ngừng nghỉ ở giai đoạn hiện tiền.

Cảnh giới này cao, nhưng không có cách nào [đạt được trong hiện tại], dạy quý vị sử dụng, quý vị cũng chẳng thể sử dụng. Dù quý vị sử dụng thì vẫn dùng cái tâm phân biệt: “Ta nay chẳng phân biệt, ta cũng chẳng chấp trước”. Có chấp trước hay không? Có phân biệt hay không? Quý vị đang phân biệt “ta chẳng phân biệt”, đang chấp trước “ta chẳng chấp trước”, [như vậy là] quý vị vẫn đang chấp trước! Vì thế, hiện thời quý vị chưa thể sử dụng, không có cách nào cả! Hiện thời, chúng ta vẫn dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, vẫn dùng phân biệt, chấp trước để niệm câu A Di Đà Phật. Trước tiên, phải niệm đến mức công phu thành phiến, thực hiện được tầng [công phu] này rồi, từ công phu thành phiến lại nâng cao lên thành Sự nhất tâm bất loạn, lại nâng cao lên nữa, nâng cao thành Lý nhất tâm bất loạn thì mới là cảnh giới ấy. Vì thế, chúng ta tu học phải đi theo thứ tự, chớ nên vượt cấp nhằm có thể đạt ngay cảnh giới đó. Người giống như Lục Tổ Huệ Năng thì mới có thể làm được như vậy; người bình thường chẳng thể làm được; nhưng nói “làm không được” là nói trong hiện tại, chứ mười năm hay hai mươi năm sau, tôi chẳng dám

nói! Cũng không chừng trong đây sẽ có chẳng ít người có thể làm được. Chỉ cần dụng công đúng cách; đúng lý và đúng pháp, sẽ có thể đạt đến cảnh giới này.

(Diễn) Danh Thường Tịch Quang giả.

(演) 名常寂光者。

(Diễn: Gợi là Thường Tịch Quang).

Cảnh giới này gọi là Thường Tịch Quang.

(Diễn) Thường tức Pháp Thân, Tịch tức Giải Thoát, Quang tức Bát Nhã, thị tam điểm bất tung hoành tịnh biệt, danh Bí Mật Tạng.

(演) 常即法身，寂即解脫，光即般若。是三點不縱橫並別，名秘密藏。

(Diễn: Thường là Pháp Thân, Tịch là Giải Thoát, Quang là Bát Nhã, ba điều này chẳng phải là ngang dọc, đồng thời hay sai khác⁶⁶, nên gọi là Kho Bí Mật).

Pháp Thân, Giải Thoát, Bát Nhã là ba nhưng một, tuy một mà ba, nên gọi là Tam Đức Bí Tạng. Hễ quý vị có thể đạt được một thì cả ba đều đạt được. Nếu chúng đắc Pháp Thân, nhất định sẽ có Giải Thoát và Bát Nhã. Bát Nhã là minh tâm kiến tánh, [hễ minh tâm kiến tánh] quý vị nhất định chứng đắc Pháp Thân. Giải Thoát là tự tại. Quý vị phải hiểu: Trong tâm thanh tịnh thì mới có tự tại; tâm chẳng thanh tịnh khởi lên ý niệm, sẽ chẳng tự tại mà có phiền não, có trói buộc! Trong tâm chẳng

⁶⁶ Đây là cách nói dựa theo kinh Niết Bàn khi đức Phật giảng về chữ Y trong tiếng Phạn. Chữ Y gồm có ba điểm xếp theo hình tam giác (đỉnh nhọn xoay xuống dưới). Phật dùng chữ Y để ví với tam đức bí tạng. Ba chấm ấy hợp thành chữ Y, chúng không thể tách rời mà phải đồng thời tồn tại thì mới thành chữ Y, do vậy nói “bất tung hoành” (chẳng dọc ngang), tức là không thể phân biệt chúng là khác nhau theo phương diện thời gian hay không gian. Ba điểm của chữ Y nếu xếp nằm cùng một hàng thì không thành chữ Y, ngoài chữ Y thì không có ba chấm này, ngoài ba chấm này thì không có chữ Y nên mới nói “bất tịnh biệt” (chẳng ngang hàng, chẳng tách rời). Mượn hình ảnh này để diễn tả tam đức chỉ là một trong những khía cạnh của chân tâm. Hễ chứng được một đức thì cả ba đức đều đồng thời tồn tại nên hòa thượng Tịnh Không mới giảng đơn giản là “ba nhưng một, tuy một mà ba”, rồi Ngài nói thêm như “chúng đắc Pháp Thân, sẽ nhất định có Giải Thoát” v.v...

sanh một niệm thì gọi là Giải Thoát, là đắc đại tự tại. Sự tự tại này từ Định mà có, từ trong cái tâm thanh tịnh hiển thị ra.

(Diễn) *Chư Phật trụ xứ, vô lượng thâm thâm pháp tánh dã.*

(演) 諸佛住處，無量甚深法性也。

(Diễn: *Trụ xứ của chư Phật là pháp tánh rất sâu vô lượng).*

Mười phương hết thấy chư Phật an tâm ở nơi nào? An tâm ở chỗ này, đây là chỗ quy y thật sự của chúng ta. Thường Tịch Quang là Vô Thượng Phật Quả.

(Sớ) *Vô Thượng Quả giả, Phật chứng viên mãn Đại Giác, siêu việt Nhị Thừa cập chư Bồ Tát, thử quả chi thượng cánh vô quá giả, danh Vô Thượng Quả, thị chứng Phật Nhất Thiết Chủng Trí dã.*

(疏) 無上果者，佛證圓滿大覺，超越二乘及諸菩薩，此果之上更無過者，名無上果，是證佛一切種智也。

(Sớ: *“Vô Thượng Quả”: Phật chứng Đại Giác viên mãn, vượt trội Nhị Thừa và các Bồ Tát. Quả này không có gì hơn được nên gọi là Vô Thượng Quả, tức là chứng Nhất Thiết Chủng Trí của Phật vậy).*

Vô Thượng Quả là quả vị Phật trong Viên Giáo.

(Diễn) *Viên mãn Đại Giác giả, ly mê viết Giác, ly tiểu viết Đại, ly nhân viết viên mãn.*

(演) 圓滿大覺者，離迷曰覺，離小曰大，離因曰圓滿。

(Diễn: *“Viên mãn Đại Giác”: Là mê gọi là Giác, là Tiểu gọi là Đại, là nhân gọi là viên mãn).*

Lời giải thích này đơn giản dễ hiểu, ý nghĩa hết sức đầy đủ. Trước hết, chúng ta phải học giác chứ không mê. Thế nào là giác? Thế nào là mê? Nhất định phải hiểu rõ ràng, rành rẽ. Khởi tâm động niệm là mê. Khởi phân biệt, chấp trước đối với cảnh giới bên ngoài là mê, chẳng hiểu rõ tướng bên ngoài, chẳng khởi tâm động niệm cũng là mê, chuyện này

khó làm lắm! Khởi tâm động niệm bèn sanh phiền não, khởi vọng tưởng, vọng tưởng bèn dậy lên. Chẳng khởi tâm động niệm mà hồ đồ, mờ mịt thì là vô minh, tăng trưởng vô minh. Quý vị thấy đó! Chẳng rót vào tà kiến, bèn rót trong vô minh. Chuyện này rắc rối lắm! Hãy nên làm như thế nào? Tịch Chiếu! Cảnh giới bên ngoài đã rõ ràng mà lại hiểu rất rành, bên trong chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, như vậy mới là đúng, như vậy mới là tu hành thật sự, mới là đặc pháp.

Cách tu này quả thật chẳng dễ dàng, nói thì dễ nhưng làm khó lắm! Không dễ dàng thì làm cách nào đây? Quý vị cứ thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, đó là biện pháp mau nhiệm. Chúng ta tiếp xúc bên ngoài, thấy sắc, nghe tiếng, chớ khởi vọng tưởng, đừng khởi ý niệm tham, sân, si, mạn, hãy khởi A Di Đà Phật. Không động niệm thì thôi, hễ động niệm bèn ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật là được. A Di Đà Phật cũng là một niệm, dùng một niệm này để ngưng dứt hết tất cả vọng niệm, vì một niệm này tương ứng với giác, còn vọng niệm tương ứng với mê. A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, một niệm này tương ứng với giác, những niệm khác tương ứng với mê, sẽ càng mê càng sâu. Lập tức chuyển vọng niệm thành A Di Đà Phật, giữ gìn giác tâm của quý vị, giác chứ không mê. Công phu của chúng ta phải dùng cách này. Do vậy, quý vị phải biết niệm Phật hiệu, tức là nói quý vị học xong phải biết dùng, dùng vào lúc nào? Trong khi quý vị hôn trầm, mê hoặc, phải dùng nó khi quý vị có suy nghĩ tà vạy hay có tà tri kiến, tức là khi khởi tâm động niệm liền phải dùng, khi mê hoặc, điên đảo phải dùng, dùng ngay một câu Phật hiệu giúp cho chính mình chẳng mê, chẳng tà. Đó gọi là quý vị biết niệm. Biết niệm Phật tức là quý vị biết dùng, sẽ có ích rất lớn cho quý vị trong cuộc sống thường ngày.

“*Ly Tiểu viết Đại*” (là Tiểu thì gọi là Đại), Tiểu là Tiểu Thừa, đây là nói về Đại Thừa; do vậy, [trì danh niệm Phật] là pháp Bồ Tát, [sự giác ngộ do tu pháp trì danh niệm Phật] chẳng phải là Tiểu Giác. Sự giác ngộ của A La Hán là Tiểu Giác. A La Hán là Chánh Giác, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, nên gọi là Đại Giác. Tuy đại, nhưng vẫn chưa viên mãn, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Đoạn sạch hết rồi thì mới gọi là viên mãn. Đại Giác viên mãn cũng chỉ có một người, tức là Phật trong Viên Giác. Ngoài một mình đức Phật ra, chỉ có thể gọi là Đại Giác, chứ không thể gọi là Đại Giác viên mãn.

(Diễn) Cánh vô quá giả, Thiên Thai vân: “Vô Thượng Sĩ giả, như thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn, cánh vô quá giả”, thị dã.

(演) 更無過者，天台云：無上士者，如十五日月，圓滿具足，眾星中王，最上最勝，威德特尊，更無過者，是也。

(Diễn): “Không gì hơn được” là như ngài Thiên Thai (Trí Giả đại sư) đã nói: “Vô Thượng Sĩ như trăng ngày Rằm, viên mãn đầy đủ, là vua trong các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý, không chi hơn được” là nói về điều này vậy).

Địa vị này không còn ai cao hơn được nữa, đã đạt đến tột đỉnh rồi. Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa dùng tỷ dụ để nói: Giống như trăng tròn ngày Rằm, ánh trăng vào bất cứ lúc nào khác đều chẳng thể sánh bằng! Nó viên mãn, chẳng có thiếu khuyết. Điều này tỷ dụ Phật quả trong Viên Giáo đã đạt đến tột đỉnh. “Vô Thượng Sĩ”: Thông thường, Sĩ (士) là người đọc sách, là phân tử tri thức, có học vấn, có đạo đức. [Vô Thượng Sĩ] có nghĩa là người không có ai cao hơn được về học vấn lẫn đạo đức, đạo đức đã đạt đến tột bậc, học vấn cũng đạt đến tột bậc, rốt ráo viên mãn có nghĩa là như vậy đó!

(Diễn) Nhất Thiết Chủng Trí giả.

(演) 一切種智者。

(Diễn): Nhất Thiết Chủng Trí là).

Đây là trí huệ nơi quả địa của Như Lai.

(Diễn) Cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đốn viên dã.

(演) 究盡諸法實相，邊際智滿，種覺頓圓也。

(Diễn): Thấu suốt tột cùng Thật Tướng của các pháp, trí đã viên mãn không còn bờ mé, nhanh chóng viên mãn Nhất Thiết Chủng Trí).

“*Chư pháp*” là hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Tướng chân thật (Thật Tướng) của hết thấy các pháp Ngài đều hiểu rõ. Các tôn giáo thông thường luôn tán thán thân của họ là đấng toàn tri toàn năng; thật ra, thân chẳng phải là toàn tri toàn năng. Đạt đến địa vị này mới là toàn tri toàn năng, chẳng giả tí nào! Nhất Thiết Chủng Trí là toàn tri toàn năng. “*Biên tế trí mãn*” là không có bờ mé, trí huệ không có ngăn mé. “*Chủng Giác đốn viên*”: Chử Chủng Giác chỉ Nhất Thiết Chủng Trí. Thế gian, xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không điều gì chẳng biết, không điều gì chẳng thể làm! Đức Phật bảo: Trí huệ và năng lực này mỗi cá nhân chúng ta vốn sẵn trọn đủ, chúng chẳng phải đến từ bên ngoài. Vì thế, Phật pháp nói tới bình đẳng là nói từ chỗ này, mỗi cá nhân đều là như vậy.

Hiện tại, toàn tri toàn năng của quý vị bị chôn vùi là vì quý vị khởi vô minh, tà kiến, khiến cho bản năng (năng lực sẵn có) bị mất đi. Kinh đã nói rất rõ ràng: Bản năng này [tuy nói là] bị mất, nhưng thật sự chẳng mất, chỉ là mê mất, khi nào quý vị giác ngộ, quý vị lại khôi phục [những bản năng ấy]. Mê mất là giống như quý vị ngủ thiếp đi, năng lực bị mất, chẳng thể khởi tác dụng, nhưng khi quý vị tỉnh giấc, bản năng lại khôi phục. Nó chẳng do học tập mà có, mà là năng lực sẵn có. Vì thế, Phật pháp dạy chúng ta: Vô lượng trí huệ và đức năng là những khả năng sẵn có; mục đích tu học của chúng ta không gì chẳng phải là khôi phục bản năng mà thôi! Trong các bộ kinh lớn, đức Phật đã nói: “*Nhất thiết chúng sanh, bốn lai thành Phật*” (hết thấy chúng sanh vốn thành Phật), hiện thời [tu học] chỉ là khôi phục diện mục Phật của quý vị mà thôi! Chỉ cần quý vị từ mê vọng quay trở lại là được rồi!

(Sớ) Kinh vân: “Giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”, tức trí đản đắc vãng sanh, tất cánh thành Phật, cố vân: Đồng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả đã.

(疏) 經云：皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。則知但得往生，畢竟成佛，故云同證寂光無上果也。

(Sớ) Kinh dạy: “Đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, nên biết chỉ cần được vãng sanh, sẽ rốt ráo thành Phật. Vì thế nói: “Cùng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả”.

Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này. Đại sư sợ chúng ta hoài nghi nên đặc biệt trích dẫn kinh - kinh do Phật nói - nhằm chứng minh, ngõ hầu chúng ta có thể đoạn nghi sanh tín. Như vậy thì mới chẳng cô phụ hảo ý của Phật, ý nghĩa trong đoạn này rất quan trọng. “*Giai đắc bất thoái chuyển*”: Chữ “*giai*” ở đây có nghĩa là chỉ cần ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ đều chẳng thoái chuyển.

Trong kinh còn nói “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, càng nhiệm màu hơn, càng chẳng thể nghĩ bàn hơn! Vì thế, sợ là sợ chẳng thể vãng sanh, chứ hề vãng sanh, nhất định sẽ thành Phật trong một đời, thành vị Phật nào vậy? Thành Viên Giáo Phật, chứng Vô Thượng Quả. Do vậy, ở đây Ngài thỉnh cầu Tam Bảo gia trì, đến cuối cùng bèn có nguyện này. Nguyện này chẳng phải là nói suông, mà có kinh Phật đề làm bằng chứng nhằm hy vọng chúng ta đều có thể “*cùng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả*”.

(Sớ) Khất cầu gia bị, ý cái như thử, dĩ thượng thông tự nhất kinh đại ý cánh.

(疏) 乞求加被，意蓋如此，以上通序一經大意竟。

(Sớ: Ý nghĩa “cầu xin gia bị” là như vậy, trên đây là đoạn “đại ý của kinh này” trong phần Thông Tự đã được giảng xong).

Đây là đoạn lớn thứ nhất trong phần Chú Giải, hôm nay chúng tôi giảng tới đây đã xong, tiếp theo đây sẽ là đoạn lớn thứ hai, giảng về Huyền Nghĩa. Đoạn lớn thứ ba mới thật sự giảng vào kinh văn.

Tập 47

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi chín:

Khai chương thích văn nhị.

開章釋文二。

(Chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn, gồm hai phần).

Đoạn này cũng khá dài, chia thành hai đoạn nhỏ hơn. Đoạn thứ nhất là “*lược tiêu*” (nêu đại lược những ý chính), đoạn thứ hai là giải thích chi tiết.

Tương thích thử kinh, tổng khái thập môn, nhất giáo khởi sở nhân, nhị tạng giáo đẳng nhiếp, tam nghĩa lý thâm quảng, tứ sở bị giai phẩm, ngũ năng thuyên thể tánh, lục tông thú chỉ quy, thất bộ loại sai biệt, bát dịch thích tụng trì, cửu tổng thích danh đề, thập biệt giải văn nghĩa.

將釋此經，總啟十門：一教起所因，二藏教等攝，三義理深廣，四所被階品，五能詮體性，六宗趣旨歸，七部類差別，八譯釋誦持，九總釋名題，十別解文義。

(Để giải thích kinh này, chia thành mười môn tổng quát như sau: Một là nhân duyên phát khởi giáo pháp, hai là kinh này thuộc về tạng nào và giáo nào, ba là nghĩa lý sâu rộng, bốn là các địa vị và phẩm vị được kinh này nhiếp thọ, năm là thể tánh được trình bày bởi kinh này, sáu là tông, thú, ý chỉ quy kết, bảy là sự sai khác giữa các kinh đồng bộ và đồng loại, tám là dịch, chú giải, tụng trì, chín là giải thích tổng quát tên kinh, mười là giải thích ý nghĩa riêng biệt của từng đoạn kinh văn).

Trước hết, đại sư nói rõ phương pháp Ngài sử dụng để giải thích bộ kinh này. Dùng phương pháp nào để giải thích? Tại Trung Quốc từ xưa đến nay, bất luận giảng kinh hay chú giải kinh đều có phương thức nhất định. Tuy nói là phương thức nhất định, nhưng hoàn toàn chẳng phải chỉ có một phương thức mà có nhiều thứ. Trong phần lời tựa kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đã thấy có mười mấy phương thức, trong đó nổi

đanh nhất là cách thức của hai tông Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Phương pháp của tông Hoa Nghiêm là “*thập môn khai khai*”, tức là dùng mười cương mục (mười chủ đề chính), dùng phương thức này để giải thích; còn tông Pháp Hoa thì dùng Ngũ Trùng Huyền Nghĩa (năm tầng huyền nghĩa), đơn giản hơn mười môn, chỉ có năm điều. Tông Hoa Nghiêm do kinh Hoa Nghiêm dùng “*mười*” để biểu thị pháp, “*mười*” tượng trưng cho viên mãn. Vì thế, các vị bên tông Hoa Nghiêm giải thích kinh văn cũng dùng mười đề mục. Những phương thức giải thích của các tông khác hiện thời rất ít được tuân hành.

Hiện thời, trong sự nghiên cứu Phật học, dấy lên rất nhiều biến hóa rất lớn, như cái gọi là “*phương pháp khoa học*”, tức là dùng phương pháp học thuật của Tây Phương để nghiên cứu kinh Phật. Nhìn bề ngoài, phương pháp ấy rất hợp thời trang, rất mới mẻ; thật ra, tôi nhận thấy nó chẳng thể sánh bằng phương cách của cổ nhân. Những điều cổ nhân giảng giải là Phật pháp, những điều con người hiện thời nêu ra là Phật học. Phật học và Phật pháp khác nhau! Phật pháp dạy chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, còn Phật học tối đa chỉ có thể coi như một thứ học vấn, chẳng liên quan gì đến sanh tử, mà cũng chẳng liên quan gì với đoạn phiền não. Chúng ta cần phải hiểu rõ điều này, lại còn phải nghiêm túc tu học. Dùng Phật pháp, ta có thể lừa gạt người khác cả đời [ta là một bậc thông gia, tu tập cao siêu], nhưng đến phút cuối lâm chung, ắt hiện nguyên hình, rốt cuộc quý vị có công phu hay không đều lộ hết ra, chẳng có cách nào giấu diếm được! Mấy hôm trước, pháp sư Quảng Khâm vãng sanh; tuy lão nhân gia sống đến chín mươi lăm tuổi trên cõi đời, Ngài chưa từng giảng kinh, cũng chưa hề tạo danh lợi, chưa từng làm ủy viên hội Phật giáo, thật thà tham Thiền, đến tuổi già bèn hoàn toàn niệm Phật, chẳng tham Thiền nữa, tự mình niệm Phật, dạy người khác niệm Phật. Đến phút cuối Ngài ra đi, biểu hiện cho chúng ta thấy: Biết trước lúc mất, không bệnh tật mà qua đời. Hiện thời, tôi cũng chưa từng thấy người xuất gia nào đến phút cuối cùng được như Ngài; nhưng trong giới cư sĩ tu hành rất tốt đẹp, tôi thấy khá nhiều người ra đi tự tại giống như lão hòa thượng! Do vậy, học Phật thì phải nghiêm túc tu học, chớ nên màu mè, chớ nên ham kỳ chuộng quái, cứ thật thà niệm một câu A Di Đà Phật là được rồi! Liên Trì đại sư hoàn toàn tuân thủ giáo huấn của cổ đức, đây là người chất phác. Được gọi là “*người chất phác*” chính là người tôn cổ nhân làm thầy, học theo cổ nhân, chẳng cầu phương cách hoa dạng mới mẻ!

(Sớ) Thử lệ Hoa Nghiêm Sớ chỉ.

(疏) 此例華嚴疏旨。

(Sớ: Đây là tuân theo thể lệ của bộ Hoa Nghiêm Sớ).

“Lệ” (例) là thể lệ. Ngài tuân theo thể lệ, phương pháp giải thích đại kinh của bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao.

(Sớ) Lược vi thập môn, tiền bát nghĩa môn.

(疏) 略為十門，前八義門。

(Sớ: Chia đại lược thành mười môn, tám môn đầu thuộc về nghĩa môn).

Tám môn đầu gọi là “nghĩa môn”, chúng ta thường gọi là phần Huyền Nghĩa. Huyền Nghĩa chính là đại ý của cả bộ kinh, luận định toàn bộ bản kinh.

(Sớ) Hậu nhị chánh thích.

(疏) 後二正釋。

(Sớ: Hai môn cuối là phần chính thức giải thích kinh văn).

Hai môn cuối là phần chánh thức giải thích kinh văn, trước tiên, phải bắt đầu bằng giải thích đề mục (tên gọi của bản kinh) rồi mới giải thích toàn bộ kinh văn.

(Sớ) Hựu thử dữ Thiên Thai Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, đại đồng tiểu dị.

(疏) 又此與天台五重玄義，大同小異。

(Sớ: Phần này lại tương đồng, chỉ sai khác đôi chút [nếu đem so với] năm tầng huyền nghĩa của tông Thiên Thai).

Chữ “Thiên Thai” chỉ tông Pháp Hoa, họ dùng năm điều mục để giải thích kinh. Năm điều mục ấy không ít, mười điều mục của tông Hoa Nghiêm chẳng nhiều. Vì sao nói chẳng nhiều, chẳng ít? Đem mười điều mục rút gọn lại thì thành năm điều; năm điều triển khai ra sẽ thành mười điều. Vì thế, quý vị phải hiểu: Thập Môn Khai Khái và Ngũ Trùng

Huyền Nghĩa nếu luận theo phương diện nội dung thì chẳng tăng, chẳng giảm, đều viên mãn cả!

(Sớ) *Cái khai chi thành thập, thúc chi thành ngũ, sảo hữu tường lược vân nhĩ.*

(疏) 蓋開之成十，束之成五，稍有詳略云爾。

(Sớ): *Bởi lẽ, tách ra thì thành mười, rút gọn lại thì thành năm, chỉ sai khác đôi chút là cận kẽ hay đại lược mà thôi).*

Mười điều là nói chi tiết một chút, năm điều là nói tinh lược một chút, nhưng nghĩa lý nhất định rất hoàn chỉnh. Quý vị đọc chú giải sẽ thấy trong đoạn này đã giải thích đơn giản mười hạng mục ấy. Trước hết, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa của mười hạng mục, sau đây mới có thể quán sát nội dung của toàn bộ bản kinh. Hạng mục thứ nhất là nói...

(Diễn) *Giáo khởi sở nhân giả.*

(演) 教起所因者。

(Diễn): *Cái nhân khiến cho giáo pháp được phát khởi ...)*

Chữ “giả” ở đây là từ ngữ nghi vấn, cái nhân khiến cho giáo pháp này khởi lên là gì vậy? Tiếp đó, sách giải thích cho chúng ta biết:

(Diễn) *Thánh nhân ngôn bất hư phát, động tất hữu do, phi vô nhân duyên nhi tuyên tư diễn, cố thủ chi dĩ khởi giáo nhân duyên.*

(演) 聖人言不虛發，動必有由，非無因緣而宣斯典，故首之以起教因緣。

(Diễn): *Thánh nhân chẳng thốt lời suông, hễ làm gì đều có nguyên do, chẳng phải là không có nhân duyên mà tuyên nói bản kinh này. Vì thế, trước hết nêu ra nhân duyên phát khởi giáo pháp này).*

Chữ “thánh nhân” chỉ chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát chẳng thể vô duyên vô cớ nói một câu nào, cũng chẳng thể vô duyên vô cớ cười với quý vị, không có chuyện ấy! Nhất cử nhất động của các Ngài đều có ý nghĩa rất sâu. Do đó, nhất định phải có đạo lý. Đức Phật nói bài kinh này vì nguyên nhân nào? Do đạo lý nào? Nhất định có đạo lý!

“*Động tất hữu do*”: “Do” (由) là nguyên do, lý do, nhất định phải có lý do. “*Phi vô nhân duyên nhi tuyên tư điển*”, chữ “*tư điển*” chỉ kinh Di Đà, [*“phi vô nhân duyên nhi tuyên tư điển”* nghĩa là] tuyệt đối chẳng phải là vô duyên vô cớ mà nói ra bộ kinh này. Do điều này, trước khi chúng ta nghiên cứu bộ kinh này, trước hết phải hiểu do nguyên nhân nào mà đức Phật nói ra bộ kinh này. Trong mười điều mục, điều thứ nhất là luận định “*giáo khởi sở nhân*”, “*giáo*” (教) là giáo học, “*khởi*” (起) là hưng khởi, “*sở nhân*” (所因) là nguyên nhân.

(Diễn) Phật giáo tuy quảng.

(演) 佛教雖廣。

(Diễn: Sự giáo hóa của đức Phật tuy rộng).

Chữ “*giáo*” ở đây là “*giáo học*”, sự giáo học và giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức rộng lớn, hết sức nhiều và phức tạp. Lão nhân gia xuất hiện trong thế gian thuở ấy, ba mươi tuổi chứng đạo, sau khi chứng đạo bèn bắt đầu hoằng pháp, tức là thị hiện thành Phật năm ba mươi tuổi, tám mươi tuổi viên tịch. Trong bốn mươi chín năm ấy, lão nhân gia chưa hề nghỉ một ngày nào, hằng ngày giảng kinh thuyết pháp, mỗi ngày giảng suốt tám giờ. Đệ tử đời sau ghi chép, chỉnh lý [những lời giảng ấy], nay chúng ta gọi [những ghi chép ấy] là Đại Tạng Kinh, những điều được lão nhân gia giảng giải quá phong phú!

Có phải là toàn bộ những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong suốt một đời Ngài được lưu lại trong Đại Tạng Kinh bằng tiếng Hán hiện thời hay không? Thưa quý vị, không phải. Vì những gì được phiên dịch [từ tiếng Phạn sang tiếng Hán] cũng chỉ là một phần mà thôi! Còn có rất nhiều kinh điển nguyên bản bằng tiếng Phạn chưa truyền sang Trung Quốc, và những kinh đã truyền sang Trung Quốc nhưng chưa được phiên dịch cũng rất nhiều! Chúng ta chọn lấy những bản kinh tốt nhất, quan trọng nhất, thích hợp cho người Hoa tu hành, chọn lựa những bản kinh ấy để dịch trước. Nói cách khác, tuy chưa phải là toàn bộ kinh giáo do đức Phật đã giảng, nhưng toàn bộ tinh hoa và những điều trọng yếu nhất trong những gì lão nhân gia đã nói đều đã được dịch ra.

(Diễn) Bất xuất Tam Tạng thập nhị bộ.

(演) 不出三藏十二部。

(Diễn: Chăng ra ngoài Tam Tạng mười hai phân giáo).

Tam Tạng là Kinh Tạng, Luật Tạng và Luận Tạng. Toàn bộ nội dung tư liệu dạy học của đức Phật được bao gồm trong ấy. “Thập nhị bộ”: Bộ là bộ loại, chứ không phải như trong hiện tại, chúng ta gọi một bộ sách là một Bộ, không mang ý nghĩa ấy. Hiện thời gọi Bộ là “thể tài” (genre), dùng thể tài văn chương nào để viết. Kinh Phật có tất cả mười hai loại thể tài khác nhau, có văn xuôi, thi ca, câu dài ngắn, kệ tụng, chú ngữ... có tới mười hai loại. Vì sao phải có nhiều thể tài dường ấy? Đợi đến phần sau, chúng tôi sẽ nói tiếp, giới thiệu cho quý vị. Nói đại lược thì không gì chẳng nhằm thích hợp căn tánh của chúng sanh. Ví như có nhiều người, quý vị bảo họ đọc sách, họ chẳng đọc, bảo họ học thuộc sách, họ [cảm thấy] khổ sở quá chừng! Bảo họ ca hát, họ rất vui lòng, đối với họ, ca hát được lắm. À! Anh thích ca hát thì đức Phật bèn nói kệ tụng, kệ tụng là những lời ca, đem phổ nhạc bèn có thể hát lên, đủ thấy đức Phật giáo hóa đúng là phương tiện thiện xảo đến tột bậc!

(Diễn) Vị ủy thử kinh hà sở nhiếp thuộc, cố thọ chi dĩ tạng giáo đẳng nhiếp.

(演) 未委此經何所攝屬，故受之以藏教等攝。

(Diễn: Chưa rõ kinh này nhiếp thuộc ra sao, nên chỉ ra kinh này thuộc về tạng nào, giáo nào).

Đây là điều mục thứ hai, vì sao xếp vào điều thứ hai? Trong Tam Tạng Kinh, kinh này thuộc về loại nào? Trong mười hai thứ thể tài, nó thuộc thể tài nào? Đây là những điều cần biết. “Tạng” (藏) là Tam Tạng, “Giáo” (教) là mười hai bộ. Người đời sau⁶⁷ sợ chúng ta thấy danh từ này sẽ hiểu lầm, tưởng kinh Phật chỉ có mười hai bộ, nên gọi là “mười hai phân giáo”.

(Diễn) Dĩ tri thử kinh Tam Tạng chi trung Tu-đa-la nhiếp.

(演) 已知此經三藏之中修多羅攝。

(Diễn: Đã biết kinh này thuộc về Kinh Tạng trong Tam Tạng).

⁶⁷ Chữ “người đời sau” ở đây chỉ những nhà dịch kinh, chú giải hay các giảng sư sau thời Tùy - Đường - Tống.

“*Tu-đa-la*” (Sūtra) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Kinh. Trong Tam Tạng Kinh - Luật - Luận, kinh này thuộc về Kinh Tạng.

(Diễn) Ngũ giáo chi trung thuộc Chung Đốn Viên.

(演) 五教之中屬終頓圓。

(Diễn: Trong ngũ giáo, kinh này thuộc về Chung Giáo, Đốn Giáo và Viên Giáo).

Chữ Giáo có nghĩa là Ngũ Giáo. Ngũ Giáo cũng là căn cứ trên cách giảng giải của tông Hoa Nghiêm. Thiên Thai đại sư phán định Tứ Giáo, Hiền Thủ đại sư phán định Ngũ Giáo. Ngài Hiền Thủ thuộc tông Hoa Nghiêm, Ngài phán định giáo pháp thành Ngũ Giáo tức Tiểu, Chung, Thi, Đốn, Viên. Ngũ Giáo là nói về quá trình dạy học. Tiểu Giáo giống như Tiểu Học, tức Tiểu Thừa Giáo. Thi Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, giống như Sơ Trung (cấp hai, Trung Học đệ nhất cấp), Chung Giáo là cuối cùng của Đại Thừa, giống như Cao Trung (Trung Học đệ nhị cấp, cấp ba). Đốn Giáo là “đốn siêu” (nhánh chóng vượt qua), chẳng cần có đẳng cấp, có thể không cần phải học Tiểu Học và Trung Học, trực tiếp học Đại Học, đây là đưa trẻ thiên tài, Đốn Giáo là như vậy đây! Viên Giáo giống như nghiên cứu sinh (hậu đại học), viên mãn nhất. Trong Ngũ Giáo, kinh Di Đà thuộc giáo nào? Nó thuộc về giai đoạn cuối của Đại Thừa, là chung cực (kết thúc tột bậc) của Đại Thừa, mà cũng thuộc về Đốn Giáo. Không chỉ là Đốn Giáo, mà còn có một phần ý nghĩa Viên Giáo. Do vậy, nếu dùng Ngũ Giáo để nói thì kinh Di Đà có đủ các ý nghĩa Chung, Đốn, Viên. Do vậy biết kinh này thuộc về cách tu học cao cấp trong Đại Thừa, chẳng tầm thường!

(Diễn) Vị tri Viên Đốn chi nghĩa thâm viễn quảng hiệp, cố thọ chi dĩ nghĩa lý thâm quảng.

(演) 未知頓圓之義深淺廣狹，故受之以義理深廣。

(Diễn: Do chưa biết ý nghĩa Viên Đốn sâu, cạn, rộng hẹp [như thế nào] nên nêu ra sự sâu rộng của nghĩa lý).

Chúng ta chẳng hiểu nghĩa Viên Đôn sâu, cạn, rộng, hẹp [như thế nào], nên ắt cần phải bàn luận với mọi người về sự sâu rộng nơi nghĩa lý. Cũng cần phải hiểu điều này thì quý vị mới có thể thật sự lý giải rằng căn cứ lý luận của kinh Di Đà khá sâu, khá viên mãn, những điều này sẽ kiến lập tín tâm cho chúng ta. Nếu quý vị chẳng hiểu những đạo lý này, dẫu có niệm A Di Đà Phật, cùng tu với mọi người, nhưng tín tâm chẳng kiên cố, tín tâm chẳng thanh tịnh. Chẳng kiên cố, sẽ dễ bị dao động. Chẳng hạn như người ta bảo quý vị “Thiên hay lắm”, quý vị bèn tham Thiên. Nói “Mật tuyệt lắm”, quý vị bèn niệm chú. Lại nói “Giới Luật tốt lắm”, quý vị bèn đắp y, khất thực. Đây là tín tâm của quý vị chưa kiên cố, bị dao động. Tín tâm chẳng thanh tịnh có nghĩa là gì? Chẳng thanh tịnh tức là lắm nỗi nghi ngờ: Ta niệm Phật có phải là hạnh chân thật hay chẳng? Có thật sự được vãng sanh hay không? Vạn nhất không thể vãng sanh thì làm thế nào đây? Tuy chẳng lay động, nhưng tín tâm chẳng thanh tịnh, sẽ thường hoài nghi. Quý vị hiểu rõ “nghĩa lý rộng sâu” (nghĩa lý thâm quảng) thì tín tâm vừa kiên cố, vừa thanh tịnh, chẳng hoài nghi. Vì vậy, điều mục này quả thật là rất trọng yếu.

(Diễn) *Ký tri nghĩa lý bao bác xung thâm, vị thâm thử kinh bị hà căn khí, cố thọ chi dĩ sở bị giai phẩm.*

(演) 既知義理包博冲深，未審此經被何根器，故受之以所被階品。

(Diễn: *Đã biết nghĩa lý bao dung, mênh mêng, tinh xác, thăm thăm, nhưng chưa rõ kinh này thích hợp với căn khí nào, nên phải nêu bày những địa vị, phẩm vị được tiếp độ bởi kinh này).*

Đã biết nghĩa lý rồi, “bao bác” có nghĩa là trọn vẹn, “bao” (包) là bao dung. Không chỉ hết thầy Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm được bao gồm toàn bộ trong kinh này, kinh Di Đà tuyệt vời! Mà còn thừa với quý vị, pháp của mười phương ba đời hết thầy chư Phật đã nói cũng chẳng ra ngoài phạm vi của kinh này. Thật sự “bao bác” (bao dung, mênh mêng), “bác” (博) là rộng lớn. “Xung thâm” (冲深) là tinh thâm, bác đại tinh thâm (mênh mêng, to lớn, tinh tường, sâu xa)! Nếu quý vị đã thảo luận vấn đề “nghĩa lý rộng sâu”, thật sự khẳng định bộ kinh này có nghĩa lý bác đại tinh thâm, quý vị hãy nghĩ xem: Kinh văn không bao nhiêu, nhưng nay chúng ta thấy chú giải của

Liên Trì đại sư là hai cuốn sách dày, đủ thấy đúng là sâu, đúng là rộng! Mỗi ngày chúng tôi giảng một tiếng rưỡi, giảng xong bộ kinh này phải mất trọn một năm. Kinh Di Đà chẳng đơn giản, đừng coi thường! Đây là nói “*đã hiểu kinh này là bác đại tinh thâm rồi!*”

Thế nhưng kinh này “*bị hà căn khi?*” (thích hợp hạng căn khi nào). Nói theo cách bây giờ là phải có điều kiện và tư cách như thế nào thì mới có thể tiếp nhận, mới có thể tu học được? [Do vậy], tiếp theo đó bèn nói tới “*sở bị giai phẩm*” (địa vị và phẩm vị được tiếp độ bởi kinh này). “*Giai*” (階) là giai cấp (tầng bậc), “*phẩm*” (品) là phẩm loại, muốn đàm luận với quý vị người như thế nào mới có thể tu học. Đừng bị những điều đã nói trên đây dọa chết khiếp: Sâu dường ấy, rộng ngàn ấy, sợ rằng ta chẳng đủ tư cách, ta cũng không có cách nào học pháp này. Do vậy, phải bảo quý vị: Pháp môn này ai cũng đều có thể học, mẫu nhiệm ở chỗ này!

(Diễn) Dĩ tri thử kinh bị cơ phổ biến.

(演) 已知此經被機普遍。

(Diễn: Đã biết kinh này thích hợp trọn khắp các căn cơ).

Gia bị hết thầy chúng sanh, người thuộc ba hạng căn tánh thượng - trung - hạ ai nấy đều có thể tu học, tâm chúng ta đã định, tâm cũng đã an: Ta cũng có tư cách học pháp môn này, ai nấy đều có tư cách học, lại còn đều có thể thành tựu.

(Diễn) Vị tri năng thuyên hà vi thể tánh, cố thọ chi dĩ năng thuyên thể tánh.

(演) 未知能詮何為體性，故受之以能詮體性。

(Diễn: Chưa biết thể tánh dùng để giảng giải là như thế nào, nên nêu ra thể tánh đã dùng để giảng giải).

“*Thể*” (體) là bản thể, “*tánh*” (性) là tánh chất. Người hiện thời gọi “*thể tánh*” là “*căn cứ lý luận*”. Đức Phật giảng bộ kinh này như thế nào? Căn cứ lý luận để giảng là gì? Điều này có ý nghĩa khác với điều thứ nhất (giáo khởi sở nhân). Điều thứ nhất là nhân duyên, do nhân duyên nào mà Ngài nói với chúng ta, đây là hỏi về nhân duyên, vì sao Ngài nói với tôi? Còn ở đây là căn cứ vào đâu để nói? Ngài dựa trên điều

gì? Nếu Ngài nói: “Đại khái, ta tưởng tượng như vậy đó”, chúng ta sẽ chẳng thể tin tưởng! Nếu là Ngài tưởng tượng thì không được rồi! Nhất định phải có căn cứ lý luận. Có căn cứ lý luận và sự thật thì chúng ta mới có thể tin tưởng được! Do vậy, phải bàn luận điều này, thật sự kiến lập tín tâm của chúng ta đối với bộ kinh này và pháp môn này.

(Diễn) *Dĩ tri năng thuyên chi Thê như thị cai la, vị thâm sở tông tôn sùng hà nghĩa, cố thọ chi dĩ tông thú chỉ quy.*

(演) 已知能詮之體如是該羅，未審所宗尊崇何義，
故受之以宗趣旨歸。

(Diễn: *Đã biết Thê để nói kinh này bao trùm như thế, chưa biết rõ [kinh này] đề cao tôn sùng những nghĩa lý như thế nào, nên nêu ra Tông, Thú, chỉ quy).*

Năng Thuyên Thê Tánh chính là phần Biện Thê trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, do vậy nó là một đề mục hết sức quan trọng. Chúng ta biết chỗ Phật y cứ là “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*” để giảng cho chúng ta pháp môn này, dạy chúng ta phương pháp tu học, nhưng chúng ta không biết cách tu ra sao? “*Tông thú chỉ quy*” là phương pháp tu hành. Đã hiểu rõ căn cứ lý luận rồi, nhưng dùng phương pháp nào để tu? Hạng mục này nhằm giảng rõ phương pháp cho chúng ta. “*Tông*” (宗) là tông chỉ, “*thú*” (趣) là quy thú (歸趣: hướng đến), quy hướng, dùng phương pháp nào để tu? Sau khi tu, kết quả sẽ như thế nào? Tông là tu hành, Thú là kết quả; chiếu theo phương pháp ấy để tu học, kết quả cuối cùng sẽ là gì? Điều này chính là phần Minh Tông và Luận Dụng trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa.

(Diễn) *Dĩ tri thử kinh chỉ thú xung huyền, vị thâm đương bộ đẳng loại vi hữu kỷ chủng, cố thọ chi dĩ bộ loại sai biệt.*

(演) 已知此經旨趣沖玄，未審當部等類為有幾種，
故受之以部類差別。

(Diễn: *Đã biết chỉ thú của kinh này mênh mông, huyền diệu, nhưng chưa rõ những kinh có cùng bộ loại với kinh này gồm bao nhiêu thứ, vì thế phải nêu ra bộ loại sai biệt).*

Phương pháp tu hành và công đức lợi ích do tu hành chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây dùng hai chữ “*xung huyền*” để hình dung; hai chữ này tương ứng với tên gọi gốc của bản kinh này. Tên gọi nguyên gốc của kinh này là Xung Tán Bất Khả Tư Nghị; “*xung huyền*” có nghĩa là chẳng thể nghĩ bàn: Phương pháp chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn, thật sự quá thù thắng, nên nói “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Trong phần trước, tôi cũng từng thưa với quý vị đôi chút, điều chẳng thể nghĩ bàn thứ nhất là như kinh này đã dạy: Chỉ cần vãng sanh liền viên chứng ba món Bất Thoái, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thảy các kinh giáo, đức Phật chưa hề nói như vậy. Viên chứng ba thứ Bất Thoái, hãy đặc biệt chú trọng chữ Viên, đó là quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Tu hành chẳng thể nghĩ bàn, do một câu A Di Đà Phật bèn có thể đới nghiệp vãng sanh, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Trong pháp môn này, điều chẳng thể nghĩ bàn cao tốt nhất chính là hai chuyện này; bởi lẽ, lý luận quá sâu, phương pháp quá huyền diệu!

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, biết chuyện này, nhưng chẳng hiểu những kinh đồng loại với kinh này có bao nhiêu thứ. Vì thế, tiếp theo đây, phải nói rõ “*bộ loại sai biệt*”. “*Bộ*” là đồng bộ, tức là những kinh điển nói về cùng một chuyện. Ví như kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đồng bộ với kinh này vì đều giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới; còn có Cổ Âm Vương Kinh cũng là đồng bộ. “*Đồng loại*” thì như kinh Hoa Nghiêm là đồng loại. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, cũng lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm mục tiêu, nhưng phương pháp tu hành khác kinh này. Kinh này niệm A Di Đà Phật, kinh kia tu mười đại nguyện vương. Phương pháp tu hành khác nhau, nhưng mục đích là cùng một chỗ, đều là về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp A Di Đà Phật, nên thuộc cùng một loại.

(Diễn) Dĩ tri bộ loại tường lược đồng biệt.

(演) 已知部類詳略同別。

(Diễn: Đã biết bộ loại tường tận hay sơ lược, giống nhau hay khác nhau rồi).

Đã được giới thiệu nên hiểu rõ rồi, nhưng chúng ta còn có nghi vấn.

(Diễn) *Vị ủy dịch từ hà thời, phạm hữu kỷ dịch.*

(演) 未委譯自何時，凡有幾譯。

(Diễn: Chưa rõ [kinh này] được dịch từ thời nào, có mấy bản dịch).

Kinh Phật từ tiếng Phạn (Sankrit) dịch ra, chúng ta vẫn chưa biết bộ kinh này được dịch vào thời nào? Người nào dịch? Được phiên dịch mấy lần? Sau khi kinh điển được truyền đến Trung Quốc, có bao nhiêu người phiên dịch? Có bao nhiêu bản dịch? Ví như kinh Kim Cương có sáu bản dịch, Tâm Kinh có mười mấy bản dịch, nhưng được lưu hành rộng nhất là bản dịch của ngài Huyền Trang, hai trăm sáu mươi chữ, bản dịch của Ngài đơn giản nhất.

(Diễn) *Dĩ chí chú thích trì tụng hữu hà linh nghiệm, cố thọ chi dĩ dịch thích tụng trì.*

(演) 以至註釋持誦有何靈驗，故受之以譯釋誦持。

(Diễn: Cho đến chú giải, trì tụng có linh nghiệm như thế nào; vì thế, nêu lên các chi tiết về dịch thuật, chú giải, tụng trì).

Trải qua các đời, phiên dịch có cảm ứng như thế nào? Chú giải có cảm ứng như thế nào? Người thọ trì, đọc, tụng, y giáo tu hành có cảm ứng gì? Những điều này giống như cái gọi là “*kiến chứng*” (làm chứng, testimony) trong Cơ Đốc Giáo. Do sự chứng thực này, chúng ta mới chết sạch lòng so đo, khẳng khẳng thọ trì. Trước khi giải thích kinh văn, phải nêu lên phương pháp giải thích kinh văn thì mới thật sự có thể khiến cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Diễn) *Đại chỉ ký trần.*

(演) 大旨既陳。

(Diễn: Tông chỉ đại lược đã trần thuật rồi).

“*Đại chỉ*” là đại ý của toàn bộ kinh văn, “*trần*” (陳) là trần thuật.

(Diễn) *Tùy văn giải thích.*

(演) 隨文解釋。

(Diễn: Dựa theo lời kinh để giải thích).

Sau khi đã nói đại ý xong, đương nhiên phải giải thích kinh văn. Giải thích kinh văn thì trước hết phải giải thích tên kinh, trước hết phải giải thích [tên gọi] Phật Thuyết A Di Đà Kinh.

(Diễn) Tiên minh tổng đề, sử tri cương lĩnh, cố thọ chi tổng thích danh đề.

(演) 先明總題，使知綱領，故受之總釋名題。

(Diễn: Trước hết phải giảng rõ tên gọi chung của cả bộ kinh để [người đọc] biết cương lĩnh [của bộ kinh này], nên nêu ra phần “giải thích chung danh hiệu của kinh”).

Trước tiên, phải hiểu rõ ý nghĩa của tên kinh này, đề mục (tên gọi của một bài văn) là tổng cương lĩnh của một bài văn chương.

(Diễn) Tổng nghĩa tuy tri, biệt văn nan hiểu.

(演) 總義雖知，別文難曉。

(Diễn: Tuy đã biết ý nghĩa chung, nhưng từng lời kinh văn riêng biệt vẫn còn khó hiểu).

Chữ “*biệt văn*” chỉ phần kinh văn. Đã hiểu rõ tựa đề kinh, nhưng đọc đến kinh văn, mỗi một chữ, mỗi một câu trong kinh văn đều chứa đựng vô lượng nghĩa, chúng ta là kẻ sơ học chẳng thấy được [những ý nghĩa ấy]!

(Diễn) Tòng “như thị ngã văn” chí chung.

(演) 從如是我聞至終。

(Diễn: Từ “như thị ngã văn” cho đến hết kinh).

Cho đến hết bộ kinh này!

(Diễn) Vi hà đẳng văn, thị hà đẳng nghĩa.

(演) 為何等文，是何等義。

(Diễn: Hành văn như thế nào, có nghĩa như thế nào?)

“Hà đẳng văn” có nghĩa là dùng thể tài nào? Kết cấu chương pháp như thế nào? “Hà đẳng nghĩa” là trong ấy chứa đựng những ý nghĩa nào?

(Diễn) Sử trảm ẩn chi nghĩa chương u hàn mặc.

(演) 使沈隱之義彰於翰墨。

(Diễn: Khiến cho những ý nghĩa ẩn kín được phơi bày trên giấy mực).

Nay chúng ta gọi “hàn mặc” là “bút đoan” (ngọn bút). Nhờ ngòi bút diễn tả mọi điều rõ ràng, hiển thị trọn hết, khiến cho người ta vừa đọc liền hiểu rõ ngay. “Chương” là ý nghĩa đều rõ ràng.

(Diễn) Cố thọ chi dĩ biệt giải văn nghĩa dã.

(演) 故受之以別解文義也。

(Diễn: Cho nên phải giải thích ý nghĩa của từng đoạn văn riêng biệt).

Đây là điều thứ mười, đến chỗ này là giải thích rõ vì sao có mười môn này? Nhưng thứ tự của mười môn chẳng rối loạn, vì từng điều một được sanh khởi nối tiếp nhau, giống như chúng ta nêu câu hỏi, đáp xong câu hỏi thứ nhất, từ lời đáp cho câu hỏi thứ nhất, tức từ điều thứ nhất bèn sanh ra câu hỏi thứ hai. Trả lời câu hỏi thứ hai xong, lại có thể sanh ra câu hỏi thứ ba, cho đến câu thứ mười là viên mãn. Hết thấy nghi vấn đều được giải trừ!

(Diễn) Ngũ Trùng Huyền Nghĩa giả, nãi năng triệu chi Danh, sở thuyên chi Thể, hội Thể chi Tông, Tông sở thành Dụng, thượng giáo tướng, như Thiên Thai giáo.

(演) 五重玄義者，乃能召之名，所詮之體，會體之宗，宗所成用，上四教相，如天台教。

(**Diễn:** Năm tầng huyền nghĩa: Cái Danh có thể chiêu vời, cái Thể để giảng nói, Tông tương ứng với Thể, Dụng nhằm thành tựu Tông. Bốn giáo tướng đầu [trong mười môn của tông Hiền Thủ] giống như phần Phán Giáo trong tông Thiên Thai).

Một hàng rưỡi này nhằm thuyết minh đơn giản vì sao gọi là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa. Trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, điều thứ nhất là Danh, giải thích tên gọi của bộ kinh. Phương pháp của Ngũ Trùng Huyền Nghĩa khác với phương pháp của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm giảng Huyền Nghĩa trước, đến cuối cùng mới giải thích tựa đề kinh; còn Ngũ Trùng Huyền Nghĩa vừa mở đầu liền giải thích tựa đề kinh. Giải thích tựa đề kinh xong mới đàm luận huyền nghĩa. “*Năng triệu chi Danh*” (cái Danh có thể chiêu vời) cho nên xếp nó lên đầu. Thứ hai là “*sở thuyên chi Thể*”, “*thuyên*” (詮) là giảng nói kinh. [“*Sở thuyên chi Thể*”] chính là căn cứ lý luận để giảng nói một bản kinh. Đây là tánh chất, thể tánh của kinh. Hạng mục thứ ba là Minh Tông, tức [giải thích] tông chỉ. “*Hội Thể chi Tông*”: Tông là phương pháp tu hành, Thể là căn cứ lý luận. Phương pháp tu hành nhất định phải tương ứng với căn cứ lý luận. Do vậy, gọi là “*hội Thể*”. Nếu phương pháp tu hành chẳng tương ứng với thể tánh, quý vị tu học sẽ uổng phí công phu, chẳng thể tương ứng!

Quý vị phải hiểu: Nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật, nói thật ra là Danh, cái Danh có thể cảm vời [muôn vàn công đức]. Rất hy hữu! Cưu Ma La Thập đại sư đã dùng danh hiệu Phật để đặt tên kinh; đây là điều tâm đắc thù thắng của lão nhân gia, Ngài có dụng tâm riêng. Tựa đề gốc của kinh này chẳng phải là A Di Đà Kinh, [danh xưng] A Di Đà Kinh là do Ngài đặt ra, dụng ý rất sâu, vì sao? Câu danh hiệu này tương ứng với thể tánh của kinh này. A Di Đà Phật là danh tự gì? Chính là danh tự Chân Như bốn tánh của chúng ta, là danh tự của tự tánh Di Đà. Quý vị niệm danh tự này bèn minh tâm kiến tánh mà chẳng hay chẳng biết, niệm ra chân tánh.

Chúng ta có kẻ niệm Phật suốt đời, vì sao chẳng thể kiến tánh? Chẳng thể kiến tánh cũng chẳng sao, chỉ cần quý vị vãng sanh thì vãng sanh rồi sẽ kiến tánh. Vãng sanh là viên chứng ba thứ Bất Thoái, vãng sanh là kiến tánh, quá màu nhiệm! Trong một đời này còn chưa vãng sanh mà niệm một câu A Di Đà Phật bèn kiến tánh, có [trường hợp ấy] hay không? Có! Từ xưa có rất nhiều người tuy chưa vãng sanh nhưng niệm một câu Phật hiệu bèn kiến tánh. Ai kiến tánh? Liên Trì đại sư kiến

tánh. Vì sao biết? Nếu Ngài chưa kiến tánh, sẽ chẳng thể viết ra bộ Sớ Sao này. Ngẫu Ích đại sư kiến tánh; nếu Ngài chưa kiến tánh, sẽ chẳng thể viết Yêu Giải. Cận đại, Ân Quang đại sư kiến tánh; nếu Ngài chưa kiến tánh, sẽ chẳng thể viết ra Văn Sao. Quý vị thấy đó, vì lẽ nào các vị ấy kiến tánh? Niệm một câu A Di Đà Phật bèn kiến tánh.

Ở đây, tôi phải thưa cùng quý vị, nhất định phải hiểu ý nghĩa trong kinh này thì niệm một câu Phật hiệu mới tương ứng, có tương ứng với chân tánh thì mới có thể niệm đến mức thấy tánh. Do điều này, chẳng thể không thâm nhập nghiên cứu kinh này! Quý vị nói: “Tôi niệm một câu A Di Đà Phật, tôi cũng lười nghiên cứu kinh, tôi cũng chẳng muốn đi nghe giảng”, được hay không? Được chứ! Nhưng trong đời này, quý vị chẳng kiến tánh. Quý vị có thể vãng sanh, nhưng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới kiến tánh. Nếu nghĩ “nếu nay tôi niệm Phật kiến tánh thì kiến tánh có chỗ nào hay ho?” Kiến tánh thì vãng sanh phẩm vị sẽ cao. Nói cách khác, đối với kinh luận này, quý vị nhất định phải đồ công nghiên cứu sâu xa. Chẳng những phải nghiên cứu, mà còn phải nghiên cứu thâm nhập. Sau đây, mỗi câu Phật hiệu mới tương ứng với tự tánh Di Đà. Đã tương ứng với tự tánh Di Đà, nhất định cũng sẽ tương ứng với A Di Đà Phật là vị giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong là tương ứng về mặt Lý với Tánh, ngoài là tương ứng nơi mặt Sự với đức Phật ấy (A Di Đà Phật bên Tây Phương Cực Lạc thế giới). Lý Sự bất nhị, công đức niệm Phật ấy vô lượng vô biên. Do vậy, Tông này được gọi là “*hội Thế chi Tông*” (Tông tương ứng với Thế).

“*Tông sở thành Dụng*”: Sau khi tu hành, nhất định phải có tác dụng to lớn. Tác dụng là vãng sanh, tức là thành Phật. Có thể nói: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật! Nhưng quý vị phải hiểu: Phải thật sự vãng sanh, chứ giả thì không được. Vãng sanh giống như lão hòa thượng Quảng Khâm, lúc lâm chung không bệnh tật, nói đi là đi liền, muốn đi bèn đi ngay. Phải ra đi tự tại đường ấy. Đó là vãng sanh thật sự, hễ vãng sanh là thật sự làm Phật, chẳng giả! Lão hòa thượng Quảng Khâm vừa vãng sanh bèn thật sự thành Phật, viên chứng ba thứ Bất Thoái. Chắc chắn phẩm vị vãng sanh của Ngài chẳng thấp mà là vãng sanh trong phẩm vị cao. Tôi chỉ gặp mặt lão hòa thượng Quảng Khâm một lần khi tôi giảng kinh Địa Tạng tại chùa Pháp Hoa, lão nhân gia có đến nghe kinh một lần.

Tầng thứ năm trong Ngũ Trùng Huyền Nghĩa là Phán Giáo, Giáo là Giáo Tướng. Đối với Phán Giáo thì trong mười môn [của tông Hoa Nghiêm], các phần Giáo Khởi Sở Nhân, Tạng Giáo Đẳng Nhiếp, Sở Bị

Giai Phẩm, Bộ Loại Sai Biệt đều thuộc về giáo nghĩa, đều thuộc vào Phán Giáo. Ngũ Trùng Huyền Nghĩa đã gộp chung các phần này lại. [Do vậy, sách Diễn Nghĩa viết]: “*Thượng tứ giáo tướng, như Thiên Thai Giáo*” (Bốn giáo tướng đầu trong mười môn [của tông Hoa Nghiêm] tương ứng với phần Phán Giáo của tông Thiên Thai). Tông Thiên Thai có Tứ Giáo Nghi (bốn phương cách giáo hóa) nhằm chuyên môn thuyết minh phương pháp dạy học trong tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai có Tứ Giáo Nghi, tông Hiền Thủ có Ngũ Giáo Nghi, tức là các phương pháp giảng dạy [khác nhau].

(Diễn) Kim Hiền Thủ.

(演) 今賢首。

(Diễn: Nay tông Hiền Thủ).

“*Kim*” là hiện tại. Liên Trì đại sư chọn dùng phương pháp của tông Hoa Nghiêm, tức Thập Môn Khai Khái.

(Diễn) Tắc hữu thập môn sai biệt.

(演) 則有十門差別。

(Diễn: Bèn có mười môn sai biệt).

Mười môn có sai khác với Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai, nhưng thật ra thì...

(Diễn) Đại đồng tiểu dị.

(演) 大同小異。

(Diễn: Giống nhau ở những điểm chánh yếu, sai khác nơi những chi tiết nhỏ nhặt).

Đặc biệt nói rõ cho chúng ta biết.

(Diễn) Sảo hữu tường lược giả, thử tường bỉ lược dã.

(演) 稍有詳略者，此詳彼略也。

(Diễn: Có tường tận hay đại lược khác biệt đôi chút là do cách này nói tường tận, cách kia nói khái lược).

“Thử” là tông Hiền Thủ, do tông Hoa Nghiêm có mười hạng mục nên tường tận hơn; tông Thiên Thai chỉ có năm hạng mục, giản lược hơn. Do vậy nói: “Thử tường bỉ lược”.

(Diễn) Thử trung Thích Danh, tức Thiên Thai Danh.

(演) 此中釋名, 即天台名。

(Diễn: Phần Thích Danh ở đây chính là phần Thích Danh trong [Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của] tông Thiên Thai).

Phần Tổng Thích Danh Đề chính là phần Thích Danh của tông Thiên Thai.

(Diễn) Thử trung Năng Thuyên Thê Tánh, tức Thiên Thai Thê.

(演) 此中能詮體性, 即天台體。

(Diễn: Phần Năng Thuyên Thê Tánh ở đây chính là phần Biện Thê trong tông Thiên Thai).

Năng Thuyên Thê Tánh là phần Biện Thê trong tông Thiên Thai.

(Diễn) Tông Thú Chỉ Quy tức Thiên Thai Tông.

(演) 宗趣旨歸, 即天台宗。

(Diễn: Phần Tông Thú Chỉ Quy chính là phần Minh Tông trong tông Thiên Thai).

Tông Thú Chỉ Quy chính là phần Minh Tông của tông Thiên Thai.

(Diễn) Sở Bị Giai Phẩm, tức Thiên Thai Dụng.

(演) 所被階品, 即天台用。

(Diễn: Phần Sở Bị Giai Phẩm là phần Dụng trong tông Thiên Thai).

Sở Bị Giai Phẩm là phần Lục Dụng trong tông Thiên Thai.

(Diễn) Du ngữ tức Thiên Thai Giáo Tướng dã.

(演) 餘五即天台教相也。

(Diễn: Năm phần còn lại tương ứng với phần Giáo Tướng của tông Thiên Thai).

Năm thứ còn lại được tông Thiên Thai gọi là Giáo Tướng. Nội dung của Ngũ Trưng Huyền Nghĩa và Thập Môn Khai Khải chẳng sai biệt, chỉ là phương thức [diễn đạt] khác nhau. Đã giới thiệu đại ý xong, dưới đây chúng ta sẽ thảo luận sâu hơn từng điều một.

Nhị, tường thích.

二、詳釋

(Hai, giải thích cặn kẽ).

“Tường thích” là đối với mười hạng mục, mỗi một hạng mục là một đoạn, đoạn thứ nhất là Giáo Khởi Nhân Duyên, lại chia thành Tổng Nhân Duyên và Biệt Nhân Duyên.

Sơ Tông.

Tiên minh Tổng giả, vị Như Lai duy vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ở thế, tất nhất đại thời giáo, tổng kỳ đại ý, duy dục chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chỉ tri kiến. Kim thử kinh giả, trực chỉ chúng sanh dĩ niệm Phật tâm nhập Phật tri kiến cố.

初總

先明總者，謂如來唯為一大事因緣出現於世，則一代時教，總其大意，唯欲眾生開示悟入佛之知見。今此經者，直指眾生以念佛心入佛知見故。

(Thứ nhất là nhân duyên chung.

Trước hết, nói rõ nhân duyên chung, chính là Như Lai chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời; cho nên ý nghĩa chung của toàn bộ giáo pháp trong một đời đức Phật chỉ là “vì muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật”. Nay kinh này chỉ thẳng cho chúng sanh biết: Hãy dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật).

Văn chương của Liên Trì đại sư hay tuyệt vời! Thật sự đạt yêu cầu về phép tắc văn chương của cổ nhân Trung Quốc “*giản, yếu, tường, minh*”, tức là đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng. Do vậy, rất nhiều đồng tu muốn học văn chương Văn Ngôn, học văn chương Văn Ngôn chẳng có bí quyết nào khác: Phải đọc thuộc văn chương Văn Ngôn, nhưng không cần đọc cổ văn, đọc bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này được rồi! Đây là văn chương Văn Ngôn hay nhất, đã học được văn mà còn hiểu ý, một công mà đạt nhiều chuyện, còn gì vui sướng hơn? Quý vị muốn học văn chương Văn Ngôn, nếu thuộc văn chương đến mức nhuần nhuyễn, thấu triệt, quý vị sẽ không chỉ biết đọc mà cũng biết viết. Do vậy, nhất định phải đọc nhuần nhuyễn.

Trước hết, nói đến Tổng Nhân Duyên. Vì nhân duyên gì Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này? Trước hết, chúng ta hãy thảo luận vấn đề này. Đức Phật xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Vì sao Ngài phải đến? Chúng ta cũng tới thế gian này, vì sao chúng ta phải đến? Chúng ta chẳng thể không đến, nghiệp báo mà! Đã tạo nghiệp, hiện tại phải hứng chịu quả báo, lẽ nào quý vị chẳng đến cho được? Đương nhiên phải đến! Đức Phật chẳng tạo nghiệp, có sao Ngài cũng đến? Ngài đến khác với chúng ta, do đâu mà chúng ta biết nguyên nhân Ngài đến đây? Chính đức Phật tự nói ra! Đoạn văn này trích từ kinh Pháp Hoa, đức Phật “*vì một đại sự nhân duyên*” mà xuất hiện trong thế gian. Đại sự gì vậy? Chính là “*khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật*”, vì chuyện như vậy đó! Đức Phật xuất hiện trong thế gian bốn mươi chín năm, tông chỉ giáo hóa chúng sanh của Ngài là tám chữ ấy. Mục tiêu dạy học là [khiến cho chúng sanh] “*nhập tri kiến của Phật*”. Nói cách khác, nhập tri kiến của Phật là thành Phật.

Đức Phật xuất hiện trong thế gian giáo hóa chúng sanh, mục tiêu là gì? Hy vọng mọi người đều thành Phật. Ngài vì lẽ này mà đến. “*Khai thị*” là chuyện của lão nhân gia, là chuyện của thầy, còn “*ngộ nhập*” là chuyện của chúng ta! Ngài đã khai thị, chúng ta có thể ngộ nhập hay không? “*Khai*” là mở mang, hiện thời tâm chúng ta đóng chặt, giống như có cái nút chặn, lấp chặt. Do vậy, quý vị chẳng thể minh tâm kiến tánh. Đức Phật dùng đủ mọi phương pháp thiện xảo để cậy tung cái nút ấy hòng mở tung cái tâm của chúng ta. Sau khi đã mở ra, bản thân chúng ta vẫn chưa thể hiểu rõ; do vậy, lại phải tiến hơn bước nữa, chỉ dạy chúng ta từng chuyện một, đó là chuyện của thầy. Thầy chỉ có thể làm đến đây, chỉ dạy từng chuyện, chúng ta là học sinh thì phải nên hoằng nhiên đại ngộ. Ngộ rồi phải nhập cảnh giới ấy, giống như Phật, chẳng

khác gì! Do vậy, Phật khai thị [cho chúng ta hiểu] tri kiến của Phật, chỉ bày tri kiến của Phật, hy vọng chúng ta ngộ và nhập tri kiến của Phật. Vì thế, học sinh phải ngộ nhập! Nếu học sinh chẳng thể ngộ nhập, thầy đã uổng công khai thị mất rồi! Quý vị phải hiểu: Khai thị là chuyện của Phật, thấp nhất cũng là chuyện của hàng Bồ Tát. Đây là nhân duyên khiến Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian.

Liên Trì đại sư đã chỉ bảo chúng ta: “*Kim thử kinh giả*” (nay trong kinh này), trong bộ kinh này, đức Phật đã dùng phương pháp nào để khai thị? “*Trực chỉ chúng sanh dĩ niệm Phật tâm nhập Phật tri kiến*” (chỉ thẳng cho chúng sanh biết hãy dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật), thật phi phạm! Kẻ tầm thường sẽ chẳng nói nổi câu này! Do vậy, tôi nói Liên Trì đại sư là bậc kiến tánh.

(Diễn) Tiên minh tổng giả, tổng quát nhất đại thời giáo dã.

(演) 先明總者，總括一代時教也。

(Diễn: “Trước hết, nói rõ nhân duyên chung”: Nêu nhân duyên chung của toàn bộ giáo pháp trong suốt một đời đức Phật).

Đây là giải thích ý nghĩa của chữ Tổng, “nhất đại thời giáo” là giáo học trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật.

(Diễn) Nhất đại sự nhân duyên giả, phi tam phi ngũ vi nhất.

(演) 一大事因緣者，非三非五為一。

(Diễn: “Một đại sự nhân duyên”: Chẳng phải ba, chẳng phải năm, mà là một).

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật mới nói ra toàn bộ ý Ngài: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam*” (chỉ có pháp Nhất Thừa, chẳng hai, cũng chẳng ba). Trong quá khứ, đức Phật giảng hai thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, hoặc giảng ba thừa: Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, nhưng trong hội Pháp Hoa, Ngài phủ định hết những chuyện trước kia.

Phật pháp chỉ có một thừa, chứ không có ba thừa, mà cũng chẳng có năm thừa. Năm thừa bao gồm [ba thừa, kể thêm] nhân thừa và thiên thừa. “*Phi tam, phi ngũ, vi nhất*”: Nhất Thừa, đó là một. Một đại sự

nhân duyên thì chữ “một” chỉ điều gì? Pháp Nhất Thừa, chỉ có pháp Nhất Thừa. “Đại” là gì vậy?

(Diễn) Xưng Thể nhi châu viết Đại.

(演) 稱體而周曰大。

(Diễn: Tương ứng trọn khắp với Thể thì gọi là Đại).

“Đại” chẳng phải là lớn trong “lớn, nhỏ”, chẳng phải là Đại tương đối, nhưng bắt buộc dĩ phải dùng chữ này để tán thán và hình dung, vì sao? “Xưng Thể nhi châu”: Thể là Chân Như bốn tánh của chúng ta, “châu” có nghĩa là “châu biên” (周遍: trọn khắp), viên mãn, chẳng có mảy may thiếu khuyết nào! Cảnh giới và sự lý này chắc chắn chẳng thể diễn tả được, cũng chẳng có cách nào tưởng tượng được. Đó gọi là “ngôn ngữ dứt bặt, tâm hạnh xir diệt”. Bắt buộc dĩ phải dùng chữ Đại để tán thán và hình dung. Đó là ý nghĩa bao hàm trong chữ Đại.

(Diễn) Xuất thế nghi tắc viết Sự.

(演) 出世儀則曰事。

(Diễn: Vượt khỏi các pháp tắc thế gian nên gọi là Sự).

Vượt trôi các nghi thức, pháp tắc trong thế gian nên gọi là Sự.

(Diễn) Chúng sanh bốn cụ vi Nhân, chư Phật chỉ thị vi Duyên.

(演) 眾生本具為因，諸佛指示為緣。

(Diễn: Chúng sanh sẵn có là Nhân, chư Phật chỉ dạy là Duyên).

Gọi là “đại sự nhân duyên” thì đại sự này vốn là điều hết thảy chúng sanh vốn sẵn có. Khi Lục Tổ khai ngộ, lão nhân gia ngộ nhập, Ngũ Tổ Nhân đại sư giảng kinh Kim Cang cho Ngài nghe. Ngũ Tổ khai thị cho Ngài, Ngài nghe đến chỗ “vng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm” (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm) liền ngộ nhập. Vừa ngộ nhập, lão nhân gia bèn nói: “Hà kỳ tự tánh, bốn lai thanh tịnh” (nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh), tự tánh là chân tâm của chính quý vị, nó vốn sẵn thanh tịnh, chẳng ô nhiễm. “Hà kỳ tự tánh, bốn lai cụ túc” (nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ), đây chính là ý nghĩa Nhân được nói ở đây, vốn đầy đủ, chẳng

thiếu khuyết mấy may nào! Đầy đủ gì vậy? Chẳng có một pháp nào không đầy đủ. Quý vị vốn sẵn đủ trí huệ giống hệt như chư Phật, trí huệ của quý vị viên mãn, đức hạnh viên mãn, năng lực viên mãn, tài nghệ viên mãn, cho đến phú quý cũng viên mãn, chẳng có thứ gì không viên mãn, quý vị vốn sẵn đầy đủ!

Tuy vốn sẵn đầy đủ, nhưng hiện thời tôi vốn sẵn đầy đủ mà chẳng thể dùng thì làm thế nào đây? Có thể dùng chứ! Phía sau [hai câu nói trên đây], lão nhân gia lại nói: “*Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp*” (nào ngờ tự tánh có thể sanh ra muôn pháp). Có thể sanh ra muôn pháp, nên ta mới có thể thụ dụng; chứ nếu đầy đủ mà chẳng thể sanh thì ta cũng chẳng thể thụ dụng được! Đầy đủ mà có thể sanh nên thứ gì cũng đều thụ dụng được. Quý vị mở Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh ra xem, từ phần đầu kinh văn, quý vị sẽ thấy bất luận sự hưởng thụ nào của Phật, về mặt tinh thần hay vật chất, nhân gian chúng ta không có cách nào sánh bằng! Cô nhân nói: “*Không đọc Hoa Nghiêm, sẽ chẳng biết sự phú quý khi thành Phật*”. Chẳng hiểu thành Phật có chỗ tốt đẹp nào! Những thứ hưởng thụ vật chất và tinh thần ấy từ đâu mà có? Vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh của chính mình, [tự tánh] có thể sanh ra chúng, chứ không phải do cầu từ bên ngoài, chẳng phải do hữu ý tạo tác, chẳng phải vậy, mà là tự tánh vốn sẵn trọn đủ, có thể sanh ra vạn pháp, nhất định phải hiểu đạo lý này!

Nói cách khác, chúng ta vốn là kẻ phú quý, vốn chẳng có phiền não, vốn chẳng có đau khổ, hiện thời chúng ta tạo thành một thân đầy thống khổ phiền não, khổ chẳng thể nói nổi, nguyên nhân là đâu? Mê mất tự tánh! Tự tánh là tri kiến của Phật. Quý vị mê mất tri kiến của Phật. Phật là ai? Chính quý vị vốn là Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Chẳng phải là quý vị thành Phật trong tương lai, chẳng phải là thành Phật trong hiện tại, mà quý vị vốn đã thành Phật! Vốn đã thành Phật, nói cách khác, quý vị vốn chẳng có phiền não, vốn sẵn giàu có, đầy đủ, vốn chẳng ngu si! Hiện thời, quý vị ngu si, phiền não, sanh tử, nghiệp chướng trùng trùng, đều do quý vị mê mất bản tánh của chính mình, nên mới xuất hiện các huyễn tướng ấy. Do vậy nói: “*Chúng sanh bốn cụ vi Nhân*” (Chúng sanh vốn sẵn đủ là Nhân). Tuy có cái nhân ấy, nhưng nếu không có Phật khai thị thì bản thân chúng ta chẳng nhận biết. Vì vậy, nhất định cần phải được Phật khai thị thì chúng ta mới hoằng nhiên đại ngộ, mới có thể tiến nhập. Đối với chúng ta mà nói, sự giáo hóa của Phật là Tăng Thượng Duyên, hết thấy [những đức năng, phẩm

đức, thần thông, tự tại v.v...] đều là những thứ chính mình vốn sẵn trọn đủ.

(Diễn) Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến giả.

(演) 開示悟入佛之知見者。

(Diễn: Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật là...)

Tám chữ này hết sức trọng yếu.

(Diễn) Tam trí viên hiển viết Phật Tri, ngũ nhãn viên minh viết Phật Kiến.

(演) 三智圓顯曰佛知，五眼圓明曰佛見。

(Diễn: Ba trí hiển lộ trọn vẹn thì gọi là Phật Tri, ngũ nhãn viên minh gọi là Phật Kiến).

Quý vị thấy: Với tri kiến này, há chẳng thành Phật ư? Tam Trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chung Trí và Nhất Thiết Chung Trí. Nhất Thiết Trí là Chánh Giác, Đạo Chung Trí là Chánh Đẳng Chánh Giác, Nhất Thiết Chung Trí là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ba trí viên mãn, lại còn khởi tác dụng rành rành, đó gọi là Phật Tri. Phật ở đây là Tự Tánh Phật, là chính mình. Nay nếu chúng ta hỏi: Mỗi cá nhân đều đầy đủ, lại còn viên mãn ba trí này, vì sao hiện thời ba trí của chúng ta chẳng hiển lộ? Vì chúng ta có Vô Minh phiền não, nên Nhất Thiết Chung Trí bị mê mất, chẳng hiển hiện. Vì chúng ta có Trần Sa phiền não, nên Đạo Chung Trí bị ngăn che, cũng chẳng thể hiển hiện được! Vì chúng ta có Kiến Tư phiền não, Nhất Thiết Trí cũng chẳng thể hiển hiện được. Ba trí ấy bị ba thứ phiền não ấy chướng ngại, ngăn lấp, nên tuy có mà chẳng hiển hiện, tuy đầy đủ viên mãn mà chẳng khởi tác dụng. Giống như mặt trời tuy rất rực rỡ, nhưng bị mây dầy che lấp, chúng ta chẳng thấy mặt trời, thấy bên ngoài vẫn là một bầu tối tăm. Do bị mây che lấp, chẳng phải là mặt trời không tỏa sáng. Nói cách khác, hoàn toàn chẳng phải là quý vị không có Phật Tri, mà vì có ba món phiền não ngăn lấp Phật Tri của quý vị. Muốn trí huệ thấu lộ, quý vị phải đoạn phiền não. Kiến Tư phiền não bao gồm năm thứ Kiến Hoặc và năm thứ Tư Hoặc, tổng cộng là mười loại. Quý vị đoạn sạch mười loại này, Nhất Thiết Trí sẽ thấu xuất. Tiến thêm bước nữa là đoạn hết Trần Sa phiền não, Đạo Chung Trí sẽ hiện tiền. Đến cuối

cùng, Vô Minh cũng phá trừ, Nhất Thiết Chúng Trí hiện tiền. Quý vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này!

Tiếp theo đó, nói tới Phật Kiến. Nói thật ra, Tri và Kiến là một chuyện, Tri là nói về tâm, Kiến là nói về [tâm] khởi tác dụng, tức là thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm nhận, đều dùng một chữ Kiến để tượng trưng. Phật có Ngũ Nhãn, đương nhiên cũng có Ngũ Nhĩ, Ngũ Ty, Ngũ Thiệt, Ngũ Thân, Ngũ Ý, Ngũ Căn. Đối với sáu căn, dùng một căn làm đại biểu. Kinh Kim Cang giảng Ngũ Nhãn rất cặn kẽ: Đức Phật có Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Huệ Nhãn, Pháp Nhãn và Phật Nhãn. “*Ngũ nhãn viên minh*” đối với hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không gì chẳng biết. Hiện thời, các tín đồ tôn giáo ca ngợi Thượng Đế, xưng tụng Ngài là “toàn tri toàn năng”, nhưng thật ra, Thượng Đế cũng mê hoặc, điên đảo, toàn tri toàn năng ở chỗ nào? [Thượng Đế] chẳng khác chúng ta cho lắm, có khi còn thua chúng ta. Chúng ta không học Phật thì thua kém Thượng Đế, nhưng học Phật rồi, Thượng Đế chẳng bằng chúng ta. Thật vậy! Toàn tri toàn năng là chính chúng ta, bản thân mỗi người đều là toàn tri toàn năng. Đáng tiếc là quý vị mê mất nên tri năng (năng lực nhận biết) của quý vị chẳng thể khởi tác dụng.

(Diễn) Chư Phật tri kiến, chúng sanh bản cụ.

(演) 諸佛知見, 眾生本具。

(Diễn: Chúng sanh vốn sẵn trọn đủ tri kiến của chư Phật).

Đây là đức Phật nói lời chân thật với chúng ta, chứ không nói chỉ riêng Ngài có, còn chúng ta chẳng có. Trong mắt Phật, Ngài thấy hết thấy chúng sanh là bình đẳng, vì sao? Phật có toàn tri toàn năng, mỗi một chúng sanh đều toàn tri toàn năng, chắc chắn chẳng khác gì nhau! Do vậy, tâm Phật đối đãi bình đẳng với hết thấy chúng sanh. Chúng ta đối đãi hết thấy chúng sanh chẳng bình đẳng là vì chúng ta đã mê mất, tức là mê mất chính mình, nên tâm quý vị mới bất bình đẳng. Do vậy, tâm bình đẳng là Phật tâm; tâm bình đẳng là chân tánh.

(Diễn) Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, vị khai thị ngộ nhập.

(演) 住行向地, 為開示悟入。

(Diễn: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa là khai thị ngộ nhập).

Đây là các tầng cấp của Bồ Tát: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa. Khai là Thập Trụ, Thị là Thập Hạnh. Ngộ là Thập Hồi Hướng, Nhập là Thập Địa. Đây là đem từng chữ phối hợp với từng tầng địa vị để giảng; thật ra, bốn mươi một địa vị từ Sơ Trụ cho đến Thập Địa, trong mỗi địa vị đều có “*khai thị ngộ nhập*”.

(Diễn) Khai giả, như khai thiên niên bảo tạng.

(演) 開者，如開千年寶藏。

(Diễn: Khai giống như mở kho báu ngàn năm).

Tâm tánh của chúng ta chính là kho báu, vốn sẵn thanh tịnh, vốn sẵn đầy đủ, có thể sanh ra vạn pháp, thật sự là kho báu. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là do tự tánh của chính chúng ta hiện, do duy thức sở biến, thật sự là kho báu. Do chúng ta mê, nên đức Phật mở ra cho chúng ta.

(Diễn) Thị giả, nhất nhất chỉ trần.

(演) 示者，一一指陳。

(Diễn: Thị là chỉ bày từng điều một).

Chỉ dạy chúng ta từng chuyện, trần thuật cho chúng ta. “*Chi*” là chỉ dạy, “*trần*” là nói rõ.

(Diễn) Ngộ giả, khoáng nhiên hiểu liễu.

(演) 悟者，豁然曉了。

(Diễn: Ngộ là hiểu thông suốt).

Hoảng nhiên đại ngộ, nay đã hiểu rõ ràng. Trước kia mê muội, nay đã hiểu rõ ràng.

(Diễn) Nhập giả, hòa thân nhất đảo dã.

(演) 入者，和身一倒也。

(Diễn: Nhập là hòa làm một với bản thân).

Đây là tỷ dụ, hợp với nó thành một thì gọi là “nhập”, hoàn toàn dung hợp thành một Thể. Đoạn này nhằm giải thích “khai, thị, ngộ, nhập”, đây là nói chung nhân duyên của giáo pháp suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kinh này “*dĩ niệm Phật tâm, nhập Phật tri kiến*” (dùng tâm niệm Phật để nhập tri kiến Phật), đó là “*biệt chỉ*” (chỉ dạy riêng biệt), chỉ bày pháp môn này, tức pháp môn Tịnh Độ. Có rất nhiều phương pháp để nhập tri kiến của Phật, nên gọi là “tám vạn bốn ngàn pháp môn”, môn nào cũng đều nhằm nhập tri kiến của Phật. Nhưng kinh này có pháp môn nhập tri kiến của Phật thuận tiện nhất, là pháp môn thuận tiện nhất trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà cũng là pháp môn ổn thỏa, thích đáng nhất, là pháp môn nhanh chóng nhất, là pháp môn viên mãn nhất. Tôi chỉ thừa cùng quý vị đến chỗ này, rốt cuộc là ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, viên đốn như thế nào, lần sau chúng tôi sẽ nói tiếp. Hôm nay thời gian đã hết rồi.

Tập 48

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi hai:

(Sớ) Kim dân nhất tâm trì danh, tức đắc Bất Thoái, thử nữi trực chỉ phàm phu tự tâm cứu cánh thành Phật, nhược năng để tín, hà tu biến lịch tam thừa, cứu kinh đa kiếp, bất việc nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề, khởi phi đại sự?

(疏) 今但一心持名，即得不退，此乃直指凡夫自心究竟成佛。若能諦信，何須遍歷三乘，久經多劫，不越一念，頓證菩提，豈非大事。

(Sớ: Nay chỉ nhất tâm trì danh liền đạt được Bất Thoái. Đây chính là chỉ thẳng thừng: Từ tự tâm của phàm phu mà rốt ráo thành Phật. Nếu có thể tin tưởng chắc chắn [điều này], cần gì phải trải khắp ba thừa, qua nhiều kiếp lâu xa, chẳng ngoài một niệm mà nhanh chóng chứng Bồ Đề, đây há chẳng phải là đại sự ư?)

Ý nghĩa của tiêu đoạn này là biệt chỉ “nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế” (một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Trong hội Pháp Hoa, sau khi đức Phật nói câu này, các tông giải thích khác nhau. Nói cách khác, mỗi tông có phương pháp tu học riêng và có thứ tự thành Phật riêng của tông ấy. Nhưng nói rõ ràng, chúng ta dựa trên mục đích cuối cùng khách quan nhất để nói, quả thật không chỉ hơn được kinh này, vì sao? Phương pháp tu hành trong kinh này là “*nhất tâm trì danh*”, hãy chú ý hai chữ “*nhất tâm*”. Nay chúng ta trì danh, vì sao chẳng thể thụ dụng? Nguyên nhân là do chúng ta trì danh luôn dùng cái tâm tán loạn để trì danh, chẳng dùng nhất tâm! Nếu nhất tâm trì danh, không ai chẳng thành tựu. Nếu muốn chính mình thật sự sớm có ngày thành tựu, quý vị chẳng thể không chú ý điều này! Vì sao biết là tâm tán loạn? Ví như tôi niệm Phật, vẫn mong tham thoại đầu, vẫn mong niệm chú, trì giới, thậm chí còn muốn đọc những kinh khác, nghe những thứ Phật học giảng diễn khác, tâm bèn loạn, chẳng thể nhất tâm.

Chúng ta thấy có rất nhiều vị đại đức từ xa xưa, các Ngài thành tựu do suốt đời tu hành một bộ kinh Di Đà và một câu Phật hiệu. Trong Phật đường của các Ngài chỉ thờ mình A Di Đà Phật, chẳng có tượng của vị Phật thứ hai, kinh là một bộ kinh Di Đà, chẳng thấy bộ kinh thứ hai, đó gọi là “*nhất tâm trì danh*”. Nay trong nhà chúng ta, kinh Phật chất đống, tâm tán loạn, chẳng phải là nhất tâm. Do vậy, niệm Phật suốt mười mấy năm, niệm mấy chục năm, ngay cả tin tức cũng chẳng có! Chẳng thể nói pháp môn này không linh, mà do chính mình phạm sai lầm, chính quý vị không nắm vững nguyên tắc. Do vậy, nói thật thà thì trong hiện thời, người xuất gia tu hành thành tựu chẳng bằng người tại gia, người tuổi trẻ chẳng bằng người cao tuổi. Người tuổi tác đã cao, chuyện gì cũng đều buông xuống, tuổi đã già nua, chẳng cầu vãng sanh cũng không được! Kinh họ cũng chẳng nghe, cũng chẳng đọc, suốt ngày từ sáng đến tối thật thà một câu A Di Đà Phật, họ bèn thành công. Do điều này có thể biết: Thật sự thành công là nhất tâm xưng danh! Chư vị nhất định phải hiểu đạo lý này. Tịnh Độ Tông có rất nhiều vị tổ sư suốt đời giảng một bộ kinh, suốt đời giảng kinh Di Đà hai ba trăm lần, chẳng giảng bộ kinh thứ hai nào! Điều này nhất định tương ứng với sự tu hành của các Ngài, các Ngài có thể trở thành tổ sư một đời chẳng phải là vô lý!

Pháp môn thù thắng là nhìn từ chỗ nào? Thù thắng ở chỗ này, vì sao? Không có ai làm chuyện xen tạp, không có thứ tri kiến nào khác xen lẫn vào đó, đó là thù thắng nhất. Thù thắng nhất là tâm địa thanh tịnh, chuyên nhất, thù thắng khôn sánh! Đạo tràng thù thắng chẳng do đông người, mà do chuyên nhất. Đạo tràng của Viễn Công đại sư chỉ có

một trăm hai mươi ba người, chẳng kể là nhiều, nhưng ai nấy đều vãng sanh. Vì sao? Vì họ chuyên, vì họ nhất, đó là thù thắng. Đạo tràng ngày nay dăm ba người, quyết định chẳng tính là ít! Dăm ba người cùng tu với nhau, trong tương lai ai nấy đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới thật sự là trang nghiêm cõi Phật! Do vậy, kỵ nhất là loạn tâm. Loạn tâm thì tu bất cứ pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu.

Nếu nhất tâm xưng danh, sẽ giống như kinh dạy: “*Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật*” cho đến “*nhược thất nhật*” bèn thành tựu. Lợi căn thì một ngày thành tựu. Kẻ căn tánh chậm lụt, nghiệp chướng nặng nề, tội nghiệp sâu nặng thì cũng chẳng quá bảy ngày. Trong phần trên, tôi đã từng kể với quý vị nhiều câu chuyện vãng sanh, những điều đó đều chứng minh cho chúng ta thấy: Quả thật họ vãng sanh, họ làm được! Kinh nói từ một ngày cho đến bảy ngày, bảy ngày chẳng phải là giả mà là sự thật ngàn phần vạn phần xác đáng. Chúng ta đả Phật thất, khi vào thất như thế nào mà khi ra thất vẫn giống hệt như cũ là vì trong bảy ngày quý vị luôn trì danh bằng loạn tâm, cho nên vô ích, chẳng đắc lực. Nhất tâm trì danh là tu nhân.

“*Túc đắc Bất Thoái*” (liền đạt Bất Thoái), đây là nói tới quả báo. Quả báo quá thù thắng, bởi lẽ, lập tức có thể chứng đắc Bất Thoái Chuyển. Bất Thoái Chuyển chẳng phải là chuyện rất đơn giản, đừng nên xem thường. Nói cách khác, bản thân chúng ta học Phật chẳng phải chỉ một đời này, nhất là quý vị có thể gặp gỡ pháp môn này, đúng như kinh này đã dạy: Do thiện căn, phước đức, nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp thì mới có thể gặp gỡ. Đã là đời đời kiếp kiếp tu học, đáng tiếc là chúng ta công phu chẳng đắc lực, thường xuyên thoái chuyển, tiến tiến, lùi lùi, chẳng thể thành tựu. Điều này cũng chứng tỏ đời đời kiếp kiếp niệm Phật đều dùng cái tâm tán loạn để niệm Phật, chẳng buông tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian xuống được. Tâm tán loạn, lúc tưởng cái này, khi nghĩ cái nọ, đối với hết thầy kinh, luận, pháp môn trong Phật pháp chẳng buông xuống được! Nói chung là muốn nghe thêm mấy bộ kinh, muốn đọc thêm mấy bộ luận, đi tham học nhiều hơn!

Nói đến tham học thì Thiện Tài đồng tử cũng tham học, có sao chúng ta chẳng thể tham học? Nói thật thà, chúng ta đâu có tư cách như Thiện Tài! Quý vị hãy nghĩ xem, Thiện Tài đồng tử đi tham học khi nào? Dùng niệm Phật để nói thì khi Ngài đã đắc Lý nhất tâm bất loạn rồi mới đi tham học. Do vậy, Ngài đã trọn đủ điều kiện để tham học, có bản lãnh tham học, còn nay chúng ta dựa vào đâu? Người ta đi tham học là nhất tâm trì danh đi tham học, tuyệt đối chẳng có gì [có thể] phá hoại nhất

tâm của Ngài, Ngài có năng lực ấy. Chúng ta ngày nay hễ tham học tâm bèn loạn ngay, không có cách nào tiếp nhận cảnh giới bên ngoài; vừa tiếp xúc bèn loạn, vừa tiếp xúc trong tâm liền khởi vọng niệm, dấy vọng tưởng. Đây là thiếu tư cách tham học mà muốn bắt chước Bồ Tát tham học bên ngoài sẽ mắc lỗi, nhất định phải hiểu rõ điều này! Cổ đại đức đi tham học đều phải là đại triệt đại ngộ. Trong Thiền Tông, đã đại triệt đại ngộ rồi mới có tư cách tham học, [trò đã đại triệt đại ngộ thì] thầy nhất định bảo quý vị đi tham học, chẳng giữ quý vị lại. Trong Tịnh Độ Tông thì chúng đặc Lý nhất tâm bất loạn rồi mới có tư cách tham học, nhưng Tịnh Độ Tông tham học không nhiều, vì sao? Vì pháp môn này là vô thượng đạo thỏa đáng, thẳng thừng, chẳng cần phải tham học. Điều này cũng hiển thị sự thù thắng của pháp môn này!

“Trục chỉ phàm phu tự tâm cứu cánh thành Phật” (chỉ thẳng tự tâm phàm phu có thể rốt ráo thành Phật): Câu này xuất phát từ kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác cũng có nói: *“Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật”*, vấn đề là bản thân chúng ta có thể tin tưởng hay không. Bản thân tôi có thể tin, có thể tin mà vẫn là phàm phu! Làm thế nào để khôi phục diện mục sẵn có của chính mình? Nhà Thiền thường nói *“bỏn lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra”*, bỏn lai diện mục là Phật, khôi phục bằng cách nào? Nhất tâm trì danh; dùng phương pháp này để khôi phục, nhưng quý vị phải tin [vào chính mình có khả năng thành Phật]. Do chính quý vị thiếu lòng tự tin, nên quý vị mới suy nghĩ cách đi tham học! *“Biến lịch tam thừa, cứu kinh đa kiếp”* (trải khắp tam thừa, trải qua nhiều kiếp lâu xa): Quý vị phải đi theo đường lối ấy (trải khắp tam thừa) là do chẳng tin tưởng! Như vậy thì không có cách nào hết! Quý vị càng làm như vậy, thời gian tu học của chính quý vị càng bị lỡ làng, chẳng thành tựu nhanh chóng, thù thắng như người chuyên nhất; bởi lẽ, trí huệ là cái mà quý vị vốn sẵn trọn đủ. Quý vị vốn sẵn trọn đủ trí huệ Bát Nhã, trí huệ ấy không phải do bên ngoài đưa tới. Chẳng phải là nói tôi đọc kinh Đại Bát Nhã thì trí huệ Bát Nhã của tôi sẽ mở mang, chẳng hề có đạo lý ấy! Nếu quý vị tán tâm niệm kinh Đại Bát Nhã, dẫu quý vị niệm cả trăm lần, vẫn cứ hồ đồ!

Kinh có ích hay không? Hữu ích! Kinh giúp quý vị khai ngộ, quả thật là hữu dụng; nhưng phải đọc như thế nào? Phải dùng cái tâm thanh tịnh để đọc tụng. Mỗi một bộ kinh đều giúp quý vị khai ngộ; đối với tất cả pháp môn, chỉ cần chọn lấy một thứ. Một thứ thì mới có thể ngộ, hễ hai thứ sẽ chẳng ngộ! Nhất tâm mới có thể ngộ, nhị tâm chẳng thể ngộ. Quý vị hãy chú tâm đọc Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, người ta khai

ngộ đắc nhất tâm, đây chính là đạt được kết quả nơi một pháp môn. Người nào tu rất nhiều pháp môn, đọc rất nhiều kinh điển, quý vị thấy người ấy có ngộ xứ hay chăng? Không có! Từ xưa đến nay, không hề có trường hợp như vậy, nhưng các đại đức xưa kia cũng trước tác rất nhiều, cũng chú giải kinh nhiều lắm, chuyện này là như thế nào? Thừa với quý vị, đó là chuyện sau khi đã ngộ. Đã ngộ rồi mới có tư cách tham học, có thể đọc nhiều, nghe nhiều, tiếp xúc nhiều, giảng nhiều, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài. Chưa đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng có tư cách tham học! Quý vị phải hiểu đạo lý này. Trước khi ngộ, quyết định là thâm nhập một môn, ngộ rồi mới có thể đơm hoa kết quả.

Do vậy, quý vị nhất định phải tin vào chính mình, tin cái tâm thanh tịnh của chính mình đúng như Lục Tổ đã nói: “*Vốn sẵn đầy đủ, có thể sanh ra vạn pháp*”. Tự tánh là tâm thanh tịnh, là nhất tâm. Bởi lẽ, nhất tâm là chân tâm, rất gần với Phật, có thể tương ứng với Phật. Tâm tán loạn là tâm phàm phu, chẳng tương ứng với Phật. Dùng cái tâm tán loạn nên mới phải trải qua nhiều kiếp, thời gian dài lâu. Dùng nhất tâm, thời gian [tu học] ngắn ngủi, cho nên từ một ngày cho đến bảy ngày liền có thể thành tựu. Ở đây nói “*nhất niệm đốn chứng Bồ Đề, khởi phi đại sự*” (nhánh chóng chứng Bồ Đề trong một niệm, há chẳng phải là đại sự?). Dùng điều này để giải thích câu “*nhất đại sự nhân duyên xuất hiện u thế*” trong kinh Pháp Hoa, giảng giải câu “*khai thị ngộ nhập Phật tri chi kiến*”, đúng là chẳng còn gì hay hơn được nữa, mà cũng là thù thắng nhất trong các cách thuyết pháp của các tông!

Chúng ta lại xem sách Diễn Nghĩa giảng “*tâm niệm Phật*”, tâm niệm Phật nhập tri kiến của Phật, [điều này] hết sức trọng yếu đối với sự tu học hiện tiền của chính mình.

(Diễn) Niệm Phật tâm, tức tối sơ Sự Lý nhị trì chi tâm.

(演) 念佛心，即最初事理二持之心。

(Diễn: Tâm niệm Phật chính cái tâm Sự Trì và Lý Trì ban đầu).

Nhất tâm trì danh có hai phương thức khác nhau: Một là Sự Trì, hai là Lý Trì. Trong Sự Trì không có Lý Trì, nhưng trong Lý Trì có Sự Trì. Quý vị phải nhớ: Có Lý, ắt có Sự; nhưng có Sự, chưa chắc đã có Lý! Có Lý mà không có Sự sẽ thành rỗng tuếch, chẳng phải là trì danh. Sự Trì là gì? Chiếu theo phương pháp được giảng trong kinh, trong mười hai thời chấp trì danh hiệu, đừng để câu Phật hiệu này bị gián đoạn, đó

gọi là Sự Trì. Giống như những kẻ hạ căn, căn tánh kém cõi hơn, không biết chữ, nghe Phật pháp cũng chẳng hiểu, quý vị bảo họ niệm A Di Đà Phật, được rồi, họ niệm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật sốt sắng! Quý vị bảo họ mỗi ngày niệm Phật mười vạn câu, họ thật thà niệm mười vạn câu. Quý vị hỏi: “Có ý nghĩa gì?” Họ chẳng biết, chẳng hiểu. “Niệm Phật có gì hay ho?” “Tôi cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Đến khi lâm chung, Phật thật sự đến tiếp dẫn họ. Quý vị đừng xem thường Sự Trì! Sự Trì lâu ngày sẽ có thể khai ngộ, vì sao? Người ấy nhất tâm, tâm thanh tịnh không có vọng niệm; cho nên niệm lâu ngày có thể khai ngộ, đắc Định, đó gọi là Sự Trì. Sự Trì cũng có thể niệm đến Sự nhất tâm hay Lý nhất tâm, hoàn toàn chẳng kém Lý Trì.

Lý Trì là gì? Hoàn toàn thông đạt đạo lý, lý luận, phương pháp và cảnh giới của pháp môn Tịnh Độ, thật sự liễu giải “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, người ấy hiểu đạo lý này. Đó là Lý Trì. Có niệm Phật hay chẳng? Vẫn niệm! Niệm giống hết như người Sự Trì, đó gọi là “Lý Trì chân chánh”. Nếu biết “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, [bèn nghĩ] chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối chẳng niệm thì chẳng niệm vẫn là niệm, làm lẫn to lớn quá! Kết quả chắc chắn là xôi hỏng, bỏng không! Đó là “*ác thủ Không*” (chấp Không một cách sai trái), hiểu làm mất rồi! Quý vị nhất định phải nhớ kỹ: Lý Trì chẳng lìa Sự Trì, Sự Trì thì chưa thấy rõ Lý. Đối với hai phương pháp này, chỉ cần nhất tâm thực hiện [một phương pháp] sẽ có thể nhập tri kiến của Phật. Nhập tri kiến của Phật là chứng quả.

(Diễn) Nhập Phật tri kiến, nãi tối hậu Tịch Quang vô thượng quả.

(演) 入佛知見，乃最後寂光無上果。

(Diễn: Nhập tri kiến của Phật chính là quả sau cùng: Vô Thượng Tịch Quang).

Chúng ta thường nói tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là tri kiến viên mãn của Phật. Nếu nói tới tri kiến của Phật, quý vị niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn bèn nhập tri kiến của Phật. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là nhập tri kiến của Phật một phần, là “*phần chứng*”. [Phật tri kiến] được nói tới ở đây là viên mãn, nó chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Diễn) Tức thứ Sự Lý nhị trì, giai tùng hữu niệm nhi khởi.

(演) 即此事理二持，皆從有念而起。

(Diễn: Hai thứ Sự Trì và Lý Trì này đều bắt đầu từ hữu niệm).

Hai thứ trì danh đều bắt đầu từ “*hữu niệm*”; do vậy, chỗ hay của pháp môn này là ở chỗ này. Hiểu Lý hay không, chẳng sao cả! Hiểu Lý, rất tốt! Không hiểu Lý, cũng được, chẳng giống như các pháp môn khác. Trong các pháp môn khác, nhất định phải hiểu Lý trước rồi mới tu hành, quá trình là “*tín, giải, hành, chứng*”, các pháp môn đều chiếu theo trình tự ấy, nhưng pháp môn này không như vậy! Có thể không cần hiểu mà vẫn có hành, sau khi hành sẽ có giải, có chứng, hoặc chúng ta có thể nói là hành và giải đồng thời, chẳng phân chia trước sau. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, những pháp môn khác đều là giải trước hành sau; pháp môn Tịnh Độ đặc biệt dễ dàng, đặc biệt đơn giản là do đạo lý này!

Nhưng quý vị phải nhớ: Phải chuyên nhất thì mới được! Chẳng chuyên sẽ vô ích. Nói thật thà, bất luận độn căn hay lợi căn, thật sự muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này, chẳng có bí quyết đặc biệt nào khác, chỉ có một bí quyết là nhất tâm. Tôi không xem hết thấy các kinh, chẳng phải là do những kinh khác không hay, mà do vì xen tạp, khiến tôi phân tâm. Tôi chẳng nghe các pháp sư khác giảng kinh, chẳng phải vì họ giảng không hay, mà vì tôi nghe xong sẽ dấy vọng niệm, sẽ bị phân vân. Nói cách khác, nhất tâm của chính mình bị phá hoại. Cổ nhân bảo: “*Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm*” (Thà lay động nước của ngàn con sông, chẳng lay động cái tâm của người tu đạo). Nghe kinh thì tôi tu niệm Phật, nhất tâm trì danh, nghe người kia giảng Thiên, nghe người nọ giảng Mật, tâm tôi cũng động, cái tâm tu đạo của tôi bị phá hoại. Người khác giảng kinh, người ta chẳng kêu mình đến nghe, mà là quý vị tự mò đến. Người ta chẳng phá hoại đạo tâm của quý vị, mà chính quý vị cam tâm tình nguyện đến đó, khiến đạo tâm của chính mình bị nhiễu loạn, còn nói gì được nữa? Chính chúng ta tự làm lạc! Nếu bản thân nắm chắc, chẳng động tâm thì được, đạo tràng nào cũng có thể đến tham học, giống như Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần vậy. Chính mình chẳng nắm vững, vẫn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, vậy thì chính quý vị phải dè chừng! Do vậy, bắt đầu tu học phải từ hữu niệm.

(Diễn) Niệm chi ký cửu, căn trần tự không, chư niệm tự lạc.

(演) 念之既久，根塵自空，諸念自落。

(Diễn: Niệm đã lâu ngày, căn và trần tự rỗng không, các niệm mất hết).

Đây là nói quý vị công phu đắc lực, đắc lực là như thế nào? Đắc lực là “*căn trần tự không*” như chúng ta thường nói: Quý vị đã thấy thấu suốt! “*Chư niệm tự lạc*” là quý vị đã buông xuống. Quý vị thật sự thấy thấu suốt, thấy thấu suốt như thế nào? Quý vị chẳng giữ lấy tướng, tức chẳng chấp tướng, giống như kinh Kim Cang đã dạy: “*Bất thủ u tướng*” (chẳng giữ lấy tướng). Buông xuống sẽ chẳng động tâm, đấy là “*như như bất động*”. Đó là công phu thành tựu, Niệm Phật tam-muội hiện tiền. Cảnh giới ấy thấp nhất cũng là Sự nhất tâm bất loạn, đây đã đạt đến công phu này.

(Diễn) Nhược phục tinh tấn bất dĩ, hòa niệm Phật chi niệm diệt phục thoát lạc, đốn nhập Vô Tâm tam-muội.

(演) 若復精進不已，和念佛之念亦復脫落，頓入無心三昧。

(Diễn: Nếu tinh tấn chẳng ngơi, ngay cả ý niệm niệm Phật cũng mất, sẽ nhanh chóng nhập Vô Tâm tam-muội).

Đây là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Nếu công phu nâng cao lên một tầng nữa, sẽ là “*tinh tấn chẳng ngơi*”. Tinh tấn chẳng ngơi thì có còn phải niệm hay chẳng? Vẫn phải niệm! Tuy là bên ngoài chẳng giữ lấy tướng, bên trong chẳng động tâm, nhưng câu Phật hiệu vẫn liên tục không ngắt, giống như Đại Thế Chí Bồ Tát trong kinh Thủ Lăng Nghiêm: “*Đô nhiếp lực căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Người ấy niệm Phật hiệu từng câu liên tục không gián đoạn, trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Dẫu ý niệm niệm Phật cũng chẳng có, cũng chẳng chấp trước, nhưng vẫn niệm Phật hiệu; khi ấy; niệm Phật đúng là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. “*Vô niệm mà niệm*” chẳng phải là không niệm, vẫn niệm! A Di Đà Phật, A Di Đà Phật từng tiếng chẳng ngắt. Đã là niệm, vì sao lại nói là vô niệm? “*Vô niệm*” là nói đến cảnh giới của chính người đó; còn “*niệm*” là nói theo mặt hình tướng. Trên hình tướng, quả thật người ấy niệm Phật, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Luận theo mặt cảnh giới, cảnh giới của người ấy cao lắm, thật sự nhập “*tam luân thể không*”, chẳng thể tìm

được cái tâm năng niệm, mà đức Phật được niệm cũng bất khả đắc, danh hiệu được chấp trì ở giữa [cái tâm niệm Phật và đức Phật được niệm] cũng bất khả đắc. Tam luân thể không đầy! Đó là nói về cảnh giới.

Lão hòa thượng Quảng Khâm vãng sanh, Ngài thật sự vãng sanh. Lão nhân gia trước khi viên tịch đã nói hai câu: “*Chẳng đến, cũng chẳng đi, chuyện gì cũng chẳng có*”. Cảnh giới “*chuyện gì cũng chẳng có*” chính là tam luân thể không, cảnh giới trong hai câu ấy là cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Vì sao biết Ngài chắc chắn vãng sanh? Quý vị biết Ngài tham Thiên, đến cuối cùng tu pháp môn Tịnh Độ, tự mình niệm Phật, mở Niệm Phật Đường khuyến mọi người niệm Phật. Có nhiều người đã gặp lão pháp sư, hướng về lão pháp sư thỉnh giáo, lão pháp sư đều dạy họ niệm A Di Đà Phật. Đương nhiên chính Ngài là người niệm Phật. Người niệm Phật ra đi tự tại ngàn ấy, chắc chắn vãng sanh, không còn bàn cãi gì nữa!

Vì thế, bản thân chúng ta, nhất là người xuất gia, càng phải đề cao cảnh giác, trong một đời hiện tại này, quý vị còn chưa chết thì còn có thể giở trò gian lận, có thể nghĩ ra những thứ màu mè; tục ngữ có câu: “*Hòa thượng bắt tác quái, cư sĩ bắt lai bài*” (Hòa thượng chẳng giở trò, cư sĩ chẳng đến lễ). Nhưng đến lúc cuối cùng, chân tướng của quý vị sẽ hoàn toàn bộc lộ; quý vị tu thật hay giả, chẳng lừa được ai! Đến phút cuối cùng, chẳng thể gạt ai, mọi người đều trông thấy rõ ràng, rành rẽ. Nếu quý vị chết hồ đồ, ắt đọa trong tam đồ.

Đồng tu tại gia tu hành, niệm Phật tự tại vãng sanh, tôi thấy rất nhiều. Trong số những vị xuất gia, tôi thấy mình lão hòa thượng Quảng Khâm là như vậy. Do vậy, người xuất gia chẳng bằng người tại gia! Tôi vừa mới nói: Người trẻ tuổi chẳng bằng người lớn tuổi. Người cao tuổi thật sự buông xuống, không có vọng niệm. Pháp sư nào giảng kinh người ấy cũng chẳng nghe, người ấy thấy niệm Phật ở nhà là khẩn yếu, không xen tạp. Người trẻ tuổi thích đến nhiều đạo tràng, thích đi các nơi tham học. Tham học đến mức đầu óc suy nghĩ loạn xạ, tà tri, tà kiến; do vậy, chẳng bằng người cao tuổi. Người cao tuổi có thành tựu, người trẻ tuổi rất khó có thành tựu. Nghe kinh nhằm mục đích đoạn nghi sanh tín; nếu chẳng nghi hoặc, đã tin tưởng, ta còn nghe để làm gì nữa? Chẳng cần nghe! Quay về nhà thật thà niệm Phật là được rồi, chắc chắn thành tựu!

Mấy câu tiếp theo đây nhằm nói về người đã khai trí huệ. Sau khi đắc Sự nhất tâm, trí huệ Bát Nhã nhất định hiện tiền.

(Diễn) Tự nhiên Ngũ Âm câu tiêu, viên minh phát hóa.

(演) 自然五陰俱消，圓明發化。

(Diễn: Tự nhiên Ngũ Âm đều tiêu, viên minh sẽ phát khởi tác dụng).

“Viên” (圓) là viên mãn, “minh” (明) là quang minh, tức trí huệ Bát Nhã phát khởi, hiện tiền khởi tác dụng, đúng như Tâm Kinh đã nói: “Chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không”, nhưng quý vị phải hiểu: Trí huệ Bát Nhã phải từ Vô Tâm tam-muội thì mới có thể hiện tiền. Vô tâm là chân tâm, nói cách khác, hễ có tâm thì đều là vọng tâm. Hữu tâm niệm Phật vẫn là vọng tâm. Người mới học luôn bắt đầu bằng hữu niệm, đây là bắt đầu tu hành bằng vọng tâm. Tu đến mức công phu thành thiền vẫn là vọng tâm, vẫn là hữu tâm; đạt đến Sự nhất tâm bất loạn vẫn là hữu tâm! Phải đạt đến Lý nhất tâm bất loạn mới nhập Vô Tâm tam-muội. Do vậy, Lý nhất tâm bất loạn, “vô tâm” là không có vọng tâm, chứ không phải là chẳng có chân tâm! Chữ “vô tâm” trong Vô Tâm tam-muội nghĩa là “không có vọng tâm”, nói cách khác, chân tâm hiện tiền. Hễ có vọng tâm, chân tâm sẽ chẳng thể hiện tiền. Không có vọng tâm, chân tâm bèn hiện tiền. Trí huệ Bát Nhã từ chân tánh thấu lộ, có thể chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không. Do đây biết rằng: Chính mình vốn sẵn trọn đủ kinh Đại Bát Nhã, chẳng phải do bên ngoài đưa tới. Nếu quý vị muốn tu Đại Bát Nhã, nhất định phải tu cái tâm thanh tịnh.

Hôm nay, có một cư sĩ hỏi tôi:

- Quán Âm Bồ Tát niệm một biến chú Đại Bi liền nhanh chóng vượt lên địa vị Thập Địa. Chú Đại Bi rất linh, chẳng thể không niệm!

- À! Ông niệm bao nhiêu biến?

- Mỗi ngày nói chung con niệm mười biến.

- Niệm bao nhiêu năm như vậy mà như thế nào? Có vượt lên Thập Địa hay chẳng? Vẫn là phàm phu! Vì sao ông chẳng vượt lên được? Là vì ông niệm khác với cách Quán Âm Bồ Tát niệm! Chẳng phải là âm thanh khác nhau, không phải là nhịp điệu khác nhau, không phải là chữ [trong bài chú] khác nhau; những thứ đó đều giống nhau, nhưng dụng tâm khác nhau! Ông dùng cái tâm gì? Ông dùng tâm vọng tưởng. Không chỉ là cái tâm vọng tưởng, mà còn là cái tâm phiền não lớn nhất. Ông dùng cái tâm tham: “Tôi muốn nhanh chóng đạt lên Thập Địa. Tôi niệm thêm mấy biến, tôi sẽ đạt lên Thập Địa”. Ông thấy đó: Ông dùng tâm tham để niệm. Phật pháp là đoạn tham, sân, si. Ông dùng tham, sân, si để tu học, tăng trưởng tham, sân, si, làm sao thành công cho được? Quán

Âm Bồ Tát niệm một biến chú Đại Bi là dùng tâm đại từ đại bi để niệm, cho nên Ngài mới có thể nhanh chóng vượt lên Thập Địa. Chúng ta niệm một vạn biến đều là tự tư, tự lợi, vô ích!

Quý vị phải hiểu: Chú Đại Bi là nói tới tâm đại bi; tâm đại bi chẳng thể hiện tiền thì niệm chú Đại Bi cũng uổng công. Đủ thấy dụng tâm như thế nào chính là mấu chốt của người tu hành. Đoạn văn tiếp theo đây giảng về tác dụng.

(Diễn) Như thị nãi siêu Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm, Bồ Tát sở hành Kim Cang Thập Địa, Đăng Giác viên minh.

(演) 如是乃超十信、十住、十行、十迴向、四加行心，菩薩所行金剛十地，等覺圓明。

(Diễn: Như thế cho đến vượt thoát Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm, hạnh Kim Cang Thập Địa của hàng Bồ Tát, Đăng Giác viên minh).

Thật sự phi phạm! Quý vị phải biết: Đối với lý và sự thật này, tra cứu trọn khắp ngàn kinh muôn luận chẳng thấy có cách nói như thế này. Các địa vị trong tu hành theo thứ tự nhất định phải trải qua Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh, Thập Địa, quý vị mới có thể thành Phật; chứ vượt qua ngay thì đâu có chuyện như vậy? Chẳng thể nào! Thế nhưng chỉ có pháp môn này đặc biệt! Hiện thời có lắm kẻ tự xưng họ đã khai ngộ, đã chứng Tu Đà Hoàn, chứng quả A La Hán, chứng địa vị Bồ Tát. Quý vị đọc đoạn này xong, chuyện ấy đâu có gì phi phạm! Quý vị đã chứng Đăng Giác, vẫn chưa bằng tôi! Tôi đã vượt qua rồi! Ngàn vạn phần đừng bị kẻ khác lừa gạt.

Trong hiện tại, đối với pháp môn này, quả thật quý vị chưa thể vượt thoát. Quý vị là phạm phu, nhưng hề vãng sanh bèn vượt thoát. Bất luận quý vị vãng sanh trong phẩm vị nào, đều là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, kinh đã giảng rất rõ ràng: “*Viên chứng ba thứ Bất Thoái*”. Tôi thường nhắc nhở các đồng tu, quý vị phải chú ý chữ Viên. Vì sao? Viên chứng ba thứ Bất Thoái là Đăng Giác Bồ Tát, Đăng Giác Bồ Tát thật sự vượt thoát. Ngài có thể thật sự vượt qua [những địa

vị] Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh⁶⁸, Kim Cang Thập Địa. Nếu nói tới ba thứ Bất Thoái, luận theo Viên Giáo, Thập Trụ Bồ Tát mới chứng ba thứ Bất Thoái. Luận theo Biệt Giáo, phải là từ Sơ Địa trở lên mới chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn; đạt đến Đẳng Giác mới là viên mãn. Địa vị Đẳng Giác ấy phải là Đẳng Giác trong Viên Giáo, chứ Đẳng Giác của Biệt Giáo vẫn chưa được! Biệt Giáo Phật cũng không được! Phải là Đẳng Giác trong Viên Giáo thì mới có thể nói là “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”. Tịnh Độ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, bất cứ ai vãng sanh, chỉ cần thật sự là vãng sanh, chúng ta có thể nói: “Người ấy đã thành Phật”. Đó là đại đạo để thành Phật, là con đường tắt để thành Phật.

(Diễn) Nhập ư Như Lai diệu trang nghiêm hải.

(演) 入於如來妙莊嚴海。

(Diễn: Vào trong biển trang nghiêm mâu nhiệm của Như Lai).

Cách nói này hoàn toàn giống với kinh Lăng Nghiêm.

(Diễn) Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc.

(演) 圓滿菩提，歸無所得。

(Diễn: Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đạt được).

Hai câu này cũng trích dẫn từ kinh Lăng Nghiêm. Thế, Tướng và tác dụng của Chân Như bốn tánh được hiển lộ trọn vẹn.

(Diễn) Thị chi vị nhập Phật tri kiến dã.

(演) 是之謂入佛知見也。

(Diễn: Điều đó gọi là ‘nhập tri kiến của Phật’).

Đoạn này nhằm giải thích từ ngữ “*nhập Phật tri kiến*”. Giải thích hết sức viên mãn! Đây là một thứ nhập Phật tri kiến viên mãn.

⁶⁸ Tứ Gia Hạnh là Noãn Pháp, Đánh Pháp, Nhẫn Pháp, và Thế Đệ Nhất Pháp. Theo tông Duy Thức, để tu hành đạo Bồ Đề, nhằm tu tập phước đức và trí huệ và tiên nhập địa vị Kiến Đạo trong Biệt Giáo, phải tu hành Tứ Gia Hạnh, thành tựu địa vị Lục Trụ trong Biệt Giáo để tiếp tục tiến lên những địa vị cao hơn.

Chúng ta đọc xong đoạn văn trên đây, có cảm giác: Trong một đời mà chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, phải kể như may mắn nhất. Sau khi gặp được pháp môn này, nếu chẳng thể nhất tâm thọ trì, đúng là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, đáng tiếc lắm! Nếu các vị nói: “Hiện thời tôi còn rất trẻ, tôi có thể học nhiều một chút, đọc nhiều một chút, nghe nhiều một chút, khi tôi về già tôi mới chuyên tu, đây chẳng phải cũng là rất tốt hay sao?” Phải đấy! Cũng khá lắm! Nhưng tôi thưa với quý vị: Tôi đã làm như vậy đó. Lúc tôi còn trẻ, thứ gì cũng xem! Một bộ Đại Tạng Kinh còn chưa đủ, tôi tích góp bảy tám bộ Đại Tạng Kinh, muốn học rộng nghe nhiều; nhưng tôi thấy người trẻ tuổi đi theo con đường ấy, tôi cảm thấy hết sức tiếc nuối, vì sao? Bây giờ, tôi hối hận chẳng kịp!

Nếu thuở ấy, thật sự có một vị thầy giỏi chỉ điểm cho tôi, chẳng qua nói thật thà thì khi ấy tôi cũng rất ngoan cố, muốn bảo tôi thật sự tu một môn, chắc tôi cũng chẳng cam tâm, tôi chẳng chịu làm! Khi ấy, nếu tôi thâm nhập một môn thì thưa với quý vị, dù ngày nay tôi chưa thể đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, chắc chắn chứng đắc Sự nhất tâm bất loạn, quả thật có thể chứng đắc! Có thể tự do tự tại vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thích đi lúc nào bèn đi lúc ấy, thích ở trong thế gian này mấy năm bèn trụ mấy năm, thật sự có thể làm được như vậy. Lãng phí thời gian tốt đẹp nhất trong kinh điển khác, quá đáng tiếc! Tôi nói ra kinh nghiệm và sai lầm của chính mình để mọi người tham khảo, nếu quý vị muốn giảm theo lối cũ của tôi thì ráng chịu, tôi chẳng còn gì để nói nữa!

Nếu quý vị chịu nghe lời tôi, quý vị sẽ thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, cao hơn tôi rất xa. Nếu quý vị cứ đi theo con đường cũ của tôi, chắc chắn sẽ không bằng tôi, quý vị sẽ tụt sau tôi một khoảng cách rất lớn, không có cách nào vượt qua được!

(Diễn) 本欲度眾生成佛者。

(演) 本欲度生成佛者。

(Diễn: 本欲度眾生成佛者)

Đây là lời giải thích cho câu “*bản dục độ chúng sanh tất giai thành Phật*” (vốn muốn độ các chúng sanh tất đều thành Phật) trong lời Sớ.

(Diễn) Pháp Hoa vân: “*Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, Định Huệ lực trang nghiêm, dĩ thử độ chúng sanh. Nhược dĩ Tiểu Thừa hóa, nãi chí u nhất nhân, ngã tắc đọa xan tham, thử sự vi bất khả*”.

(演) 法華云： 佛自住大乘，如其所得法，定慧力莊嚴，以此度眾生；若以小乘化，乃至於一人，我則墮慳貪，此事為不可。

(Diễn: Kinh Pháp Hoa nói: “*Phật tự trụ Đại Thừa, đạt được pháp như vậy, sức Định Huệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sanh. Nếu dùng Tiểu Thừa độ, dẫu chỉ độ một người, ta bèn đọa keo tham, chuyện ấy chẳng thể được*”).

Trích dẫn một đoạn kinh Pháp Hoa nhằm thuyết minh bốn hoài xuất thế, cũng như bốn nguyện của đức Thế Tôn. “*Phật tự trụ Đại Thừa*”, nếu nói xuyên suốt thì Đại Thừa rất ráo viên mãn là Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao biết? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta [như thế]. Nếu chúng tôi nói kinh Hoa Nghiêm là pháp Đại Thừa rất ráo viên mãn, quý vị có tin tưởng hay chẳng? Đương nhiên tin, không bàn cãi gì nữa! Kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân trong Phật pháp, hết thảy các kinh đều là quyền thuộc của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm là pháp Đại Thừa viên mãn rất ráo, tới cuối cùng, “*Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, vậy thì thế giới Cực Lạc chẳng phải là Đại Thừa viên mãn rất ráo ư? Do đây, có thể biết: Đức Phật giảng kinh Di Đà nhằm thẳng thừng, thỏa đáng khuyên mọi người hãy cầu sanh Tịnh Độ, đây sẽ là thật sự thỏa thích bốn hoài của Phật. Thế nhưng, chúng sanh không tin tưởng, thành Phật đâu có đơn giản như vậy? Một câu A Di Đà Phật bèn thành Phật ư? Quý vị không tin tưởng! Bất đắc dĩ phải đi đường vòng, quý vị thích đi lòng vòng bèn để quý vị đi vòng quanh, đó là chuyện không làm sao khác được, là chuyện bất đắc dĩ. Do vậy, trước hết, đức Phật phải nêu ra bốn nguyện độ sanh của chính mình.

Mấy câu này hoàn toàn nói về pháp hội Hoa Nghiêm. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo, trong mười bốn ngày vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mấy câu này có ý nghĩa như vậy đó. “*Như kỳ sở đắc pháp*” (như các pháp do Phật đã đắc): Kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn giảng về những pháp do chính Phật chứng đắc, “*Định Huệ lực trang nghiêm, dĩ thử độ*

chúng sanh” (sức Định Huệ trang nghiêm, dùng những pháp ấy để độ chúng sanh). Đây là thời Hoa Nghiêm trong năm thời thuyết pháp. Nếu đức Phật thật sự dùng pháp Tiểu Thừa hay pháp nhân thiên để giáo hóa chúng sanh, đức Phật sẽ có lỗi với chúng sanh. Do vậy, đức Phật tự nói: “*Nhược dĩ Tiểu Thừa hóa, nãi chí ư nhất nhân, ngã tắc đọa xan tham*”, [tức là] đối với một người nào mà ta dùng pháp Tiểu Thừa để giáo hóa thì ta có lỗi với người ấy, Phật bèn phạm lỗi tham lam, keo kiệt. “*Thử sự vi bất khả*” (chuyện này chẳng thể được), đức Phật quyết định chẳng làm chuyện ấy.

Do đây mà biết rằng: Gọi là Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, hay Bồ Tát, đều là pháp phương tiện. Trong hội Pháp Hoa, đức Phật mới nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai cũng chẳng ba, trừ Phật nói phương tiện). Đây là đức Phật phương tiện mà nói ra [các pháp Tam Thừa], pháp chân thật là pháp Nhất Thừa. Tôi lại thưa cùng quý vị: Pháp Nhất Thừa là gì? Niệm một câu A Di Đà Phật chính là pháp Nhất Thừa. Có mấy ai hiểu rõ? Mấy ai chịu tin tưởng? Người nào thật sự nghe hiểu, thật sự tin tưởng, người ấy có đại phước báo, người ấy chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Vì người ấy muốn thành Phật trong một đời, muốn thành tựu trong một đời, đương nhiên chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Bất đắc dĩ quyền thuyết Tam Thừa giả.

(演) 不得已權說三乘者。

(Diễn: Bất đắc dĩ quyền biến nói pháp Tam Thừa).

Ở đây đều là dùng nguyên văn kinh Pháp Hoa để thuyết minh.

(Diễn) Pháp Hoa vân: “Ngã sở đắc trí huệ, vi diệu tối đệ nhất, chúng sanh chư căn độn, vân hà nhi khả độ?”

(演) 法華云：我所得智慧，微妙最第一，眾生諸根鈍，云何而可度。

(Diễn: Kinh Pháp Hoa nói: “Trí huệ ta chứng đắc, vi diệu tốt bậc nhất, các chúng sanh căn độn, làm thế nào để độ?”)

Mọi người chẳng tin tưởng pháp do đức Phật đã giảng, hoài nghi! Thậm chí còn bài xích, hủy báng. Đức Phật chẳng muốn chúng sanh tạo

nghiệp, phải làm sao? Ấn pháp Nhất Thừa đi, bắt đặc dĩ phải nói pháp thích ứng căn cơ. Quý vị thích Nhân Thừa bèn giảng Nhân Thừa, kẻ thích Thiên Thừa bèn giảng Thiên Thừa, thích Thanh Văn bèn giảng Thanh Văn, thích Duyên Giác bèn giảng Duyên Giác. Đây là bắt đặc dĩ, đó gọi là “*ủy khúc câu toàn*” (khéo léo uyển chuyển để đạt tới sự toàn vẹn), thiện xảo phương tiện, nên mới có cái gọi là Tam Thừa hay Ngũ Thừa. Đây là vì chúng sanh căn tánh chậm lụt. Đức Phật thuyết pháp theo cách này thì cũng có tiền lệ để noi theo: Cổ Phật giáo hóa chúng sanh cũng dùng phương pháp ấy!

(Diễn) *Tâm niệm quá khứ Phật, sở hành phương tiện lực, ngã kim sở đắc đạo, diệc ưng thuyết Tam Thừa.*

(演) 尋念過去佛，所行方便力，我今所得道，亦應說三乘。

(Diễn: *Nghĩ lại Phật quá khứ, cũng hành sức phương tiện. Nay với đạo ta đắc, cũng nên nói Tam Thừa).*

Sau thời Hoa Nghiêm, tạm thời gác pháp chân thật qua một bên, dùng phương tiện thiện xảo để tiếp dẫn đại chúng; nhưng đến hội Pháp Hoa, căn tánh của chúng sanh đã chín muồi; đã chín muồi thì nói cách khác là họ đã khá thông minh, trí huệ, cũng có hùng tâm, nghị lực rất lớn, khi ấy, rất nên khai Quyền hiển Thật, phải nói pháp chân thật.

(Diễn) *Hậu chí cơ thực, hội tam quy nhất giả.*

(演) 後至機熟會三歸一者。

(Diễn: *Về sau, đến khi căn cơ [của chúng sanh] chín muồi, bèn gom tam thừa về nhất thừa).*

Một đời đức Phật giáo hóa đến lúc cuối cùng, căn cơ của học sinh đã chín muồi, lại nói pháp Nhất Thừa.

(Diễn) *Pháp Hoa vân: “Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trì Phật phương tiện thuyết”.*

(演) 法華云：十方佛土中，唯一乘法，無二亦無

三, 除佛方便說。

(*Diễn*: Kinh Pháp Hoa chép: “Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng chẳng ba, trừ Phật phương tiện nói”).

Nói ra pháp chân thật, Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Ngũ Thừa là [Tam Thừa] kể thêm Nhân, Thiên. Những thừa này đều là nói phương tiện.

(*Diễn*) *Duy thử nhất sự thật, dư nhị tắc phi chân.*

(*Động*) **唯此一事實, 餘二則非真。**

(*Diễn*: Chỉ một sự thật này, hai thứ kia chẳng thật).

Nói với quý vị Tiểu Thừa và Đại Thừa đều chẳng phải thật, chỉ có một Phật Thừa là chân thật.

(*Diễn*) *Chung bất dĩ Tiểu Thừa, tế độ u chúng sanh.*

(*Động*) **終不以小乘濟度於眾生。**

(*Diễn*: Trọn chẳng dùng Tiểu Thừa để tế độ chúng sanh).

Đây là nguyên tắc tối cao để Phật giáo hóa chúng sanh. Đức Phật cũng thật sự hậu đãi chúng sanh.

(*Diễn*) *Phương thủ bốn ý giả, Pháp Hoa vân: “Ngã bốn lập thế nguyện, dục linh nhất thiết chúng, như ngã đẳng vô dị, như ngã tích sở nguyện, kim giả dĩ mãn túc”.*

(*Động*) **方酬本意者, 法華云: 我本立誓願, 欲令一切眾, 如我等無異, 如我昔所願, 今者已滿足。**

(*Diễn*: “Mới là phù hợp với bốn ý”: Kinh Pháp Hoa chép: “Ta vốn lập thế nguyện, muốn hết thấy mọi loài, giống như ta chẳng khác. Như xưa ta phát nguyện, nay đã được trọn vẹn”).

Đức Phật hy vọng chúng ta giống như Ngài. Khi chúng ta nên khiêm hư lại chẳng khiêm hư, khi chẳng nên khiêm hư lại quá mức khiêm hư! Bình thường đãi người tiếp vật phải nên khiêm hư thì quý vị

ngạo nghễ, ngã mạn, coi thường người khác; hiện thời đối với Thích Ca Mâu Ni Phật lẽ ra chẳng cần khiêm hư thì quý vị lại khiêm hư quá mức: “Con chỉ mong Hạ Phẩm Hạ Sanh là tốt lắm rồi, con làm sao dám sánh bằng Phật?” Phật mong quý vị giống như Ngài, đừng nên khách sáo quá đáng! Đây mới là bổn nguyện của Phật. Làm sao để nhanh chóng giống như Ngài? Thừa quý vị! Chỉ có vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Hề vãng sanh, tuy chưa thật sự thành Phật, nhưng quý vị đã chẳng khác Phật cho mấy! Vì sao? Viên chứng ba thứ Bất Thoái, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị nói người [vãng sanh] ấy là Phật thì người ấy chẳng phải, người ấy là phàm phu, người ấy đời nghiệp vãng sanh. Nếu quý vị nói người ấy là phàm phu thì người ấy đã viên chứng ba thứ Bất Thoái, địa vị viên chứng ba món Bất Thoái là Đẳng Giác Bồ Tát! Người ấy đã chẳng phải là Đẳng Giác Bồ Tát, mà cũng chẳng thể coi là phàm phu. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, là chỗ thù thắng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, bộ kinh này được mười phương ba đời hết thảy chư Phật khen ngợi là do đạo lý này!

Trong mười phương ba đời hết thảy các thế giới Phật, không có cảnh giới này, chỉ riêng thế giới của A Di Đà Phật là đầy đủ viên mãn. Chúng ta có thể khẳng định bộ kinh này được mười phương ba đời hết thảy chư Phật cùng nhau hoằng dương, và nó còn là bộ kinh trọng yếu nhất trong các kinh được hoằng dương, là pháp môn thù thắng nhất. Nói cách khác, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác đều nhằm phụ trợ, giúp đỡ pháp môn này. Pháp môn này thật sự là pháp môn chủ chốt, nhưng hiện thời mấy ai có thể nhận biết bộ kinh này? Hiểu rõ chân tướng sự thật này? Ai thật sự hiểu rõ, người ấy sẽ chết sạch so đo, khăng khít niệm câu Phật hiệu. Thật sự hiểu rõ rồi, thứ gì cũng đều chẳng cần nữa, còn dạy quý vị xem kinh gì nữa? Một bộ kinh là đủ rồi, chẳng cần đến bộ thứ hai! Tu pháp môn nào nữa? Một câu A Di Đà Phật là được rồi!

Cổ đại đức mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, các Ngài chẳng niệm kinh, mà cũng chẳng trì chú. Trong mười hai thời, mười vạn câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là khóa tụng của các Ngài. Ngày nào cũng như thế, Thượng Phẩm Thượng Sanh! Đây là người thật sự nhận biết pháp môn này nên mới có thể làm được, đó gọi là “*duy thượng trí dĩ hạ ngu bất di*” (chỉ có bậc thượng trí và kẻ ngu muội nhất mới chẳng thay đổi ý nguyện). Bậc thượng trí đã thấu triệt toàn bộ rồi, chết sạch so đo, khăng khăng niệm một câu Phật hiệu đến tột cùng. Kẻ hạ ngu chẳng biết chữ, chưa từng học hành, chuyện gì cũng chẳng hiểu, quý vị có giảng cho họ, họ nghe cũng chẳng hiểu, một câu A Di Đà Phật cũng

niệm đến tột cùng, hằng ngày họ niệm được mười vạn câu Phật hiệu. Họ nói điều này dễ làm, vì sao? Chẳng cần dùng đến đầu óc! Họ có thể thành công. Do vậy, bậc thượng trí dễ thành công, kẻ hạ ngu cũng dễ thành công. Khó thực hiện nhất là những kẻ nửa vời, nói là thượng cũng không được, bảo là hạ cũng chẳng xong!

(Diễn) *Chúng chúng pháp môn thiên thâm bất nhất giả.*

(演) 種種法門淺深不一者。

(Diễn): *Đủ mọi pháp môn sâu hay cạn khác nhau.*

Đây là đức Phật vì hạng người giữa vời (không thượng, không hạ) mà nói, loại người này phiền phức nhất, khó độ nhất, đúng là “*cang cường nan hóa*” (ương ngành khó giáo hóa) như Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh đã nói.

Đây là hạng người căn tánh bậc trung, ương ngành, khó giáo hóa. Bậc thượng trí và kẻ hạ ngu rất dễ hóa độ, Phật chẳng phải bận lòng, họ là học sinh ngoan của Phật. Phiền phức nhất là những kẻ căn tánh bậc trung.

(Diễn) *Như A Hàm bảo chúng, Phương Đẳng đàn ha, Bát Nhã đào thải đẳng.*

(演) 如阿含保證，方等彈呵，般若淘汰等。

(Diễn): *Như A Hàm bảo đảm, Phương Đẳng quở trách, bài xích, Bát Nhã đào thải.*

Đây là ba quá trình trong sự dạy học của đức Phật. Thời A Hàm (Āgama) có thể nói là đức Phật dạy lớp Tiểu Học, dùng pháp Tiểu Thừa. Thanh Văn và Duyên Giác đều căn cứ trên kinh luận A Hàm. A Hàm cũng có Tam Tạng, tức là Tam Tạng của Tiểu Thừa, có Kinh, Luật, Luận. Chiếu theo những lý luận và phương pháp ấy để tu học, quý vị có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chứng Sơ Quả của Tiểu Thừa. Khi ấy, bảo đảm quý vị chẳng đọa vào ba ác đạo. Chữ “*bảo chúng*” ở đây có ý nghĩa như vậy. Đồng thời lại còn có một thứ “*bảo chúng*” nữa: Từ nay trở đi, bảy lần sanh trong cõi trời hay trong nhân gian, sẽ chứng quả A La Hán. Chắc cũng có người muốn hỏi: Nếu đến lần tái sanh thứ bảy, khi ấy trong thế giới không có Phật thì làm cách nào? Không có Phật thì cũng chẳng cần phải đợi đến đời thứ tám! Khi

không có Phật, tự mình có thể chứng quả, gọi là Độc Giác, đó là một loại Duyên Giác. Nếu gặp Phật, chứng quả A La Hán. Khi không có Phật xuất hiện trong thế gian, bèn chứng Bích Chi Phật (Pratyekabuddha), Bích Chi Phật là Độc Giác, tự mình khai ngộ, chứng quả. Hai thứ bảo đảm: Bảo đảm thứ nhất là chẳng đọa trong tam ác đạo, bảo đảm thứ hai là bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, nhất định chứng quả, vượt thoát tam giới.

Đến thời Phương Đẳng (Vaipulya), khi ấy, đức Phật bèn quở trách, khuyến khích những người tu Tiểu Thừa phát Bồ Đề tâm, hồi Tiểu hướng Đại. Đức Phật quở trách Tiểu Thừa A La Hán và Bích Chi Phật là “*bại chủng*” (hạt giống lép), không có tương lai gì! Họ tốt nghiệp Tiểu Học, cho là đủ rồi, chẳng muốn học hành nữa, rất đáng tiếc! Phải nên cố vũ họ học Trung Học, khích lệ họ học cao hơn. A Hàm giống như tốt nghiệp Tiểu Học. Trong Phật pháp, A La Hán và Bích Chi Phật giống như tốt nghiệp Tiểu Học, chưa mở mang trí huệ, chưa kiến tánh, trong Giới - Định - Huệ họ chỉ thành tựu Giới và Định, chưa có trí huệ. Chúng ta thường nói họ thành tựu Cửu Thứ Đệ Định vì tám món Định trước đó đều thuộc thế gian, chưa vượt thoát thế gian, nên gọi là “thế gian Thiên Định”. Tứ Thiên và Tứ Không gọi là “thế gian Thiên Định”. Đệ Cửu Định đã vượt thoát tam giới, vượt thoát sanh tử luân hồi, nhưng A La Hán và Bích Chi Phật chưa kiến tánh. Đối với người niệm Phật chúng ta mà nói, nếu chỉ bàn về phương diện đoạn phiền não, luận theo phương diện ấy, cảnh giới ấy hoàn toàn giống với cảnh giới Sự nhất tâm bất loạn. Là vì A La Hán, Bích Chi Phật đã đoạn sạch Kiến Tư phiền não, mà người đắc Sự nhất tâm bất loạn cũng đã đoạn sạch [các phiền não ấy]. Nhưng quý vị phải hiểu: Xét theo phương diện này, người niệm Phật bình đẳng với Bích Chi Phật và A La Hán, ngang hàng, nhưng xét theo các phương diện khác, người niệm Phật vẫn cao hơn rất nhiều. Bất luận là xét theo trí huệ hay công đức, A La Hán và Bích Chi Phật tuyệt đối chẳng thể sánh bằng! Cao hơn quá nhiều! Do vậy, trong thời Phương Đẳng, đức Phật đặc biệt quở trách Tiểu Thừa, khuyến khích tu học Đại Thừa.

Giai đoạn thứ ba là thời Bát Nhã. Nếu tính cả thời Hoa Nghiêm, thì đây là thời thứ tư. “*Bát Nhã đào thải*”, có giống như trường học loại bỏ học sinh hay chẳng? Không phải vậy! Đào thải những phân biệt, chấp trước của chính mình. Vì sao? Vì trong sự dạy học của thời Phương Đẳng, quả thật nói rất nhiều kinh, quý vị có rất nhiều phân biệt, chấp trước, sợ quý vị chết cứng trong danh tướng, sợ quý vị chấp chết cứng

vào cảnh giới chẳng chịu buông bỏ. Vì vậy, “*Bát Nhã đào thải*” là đào thải hết thảy phân biệt, vọng tưởng, chấp trước của chính mình.

Bát Nhã giảng Không, trừ danh nhất là phần Kim Cang Bát Nhã trong bộ kinh Đại Bát Nhã. Hiện thời chúng ta đọc kinh Kim Cang tức là đọc một quyển trong bộ Đại Bát Nhã⁶⁹ gồm sáu trăm quyển, đặc biệt lấy ra phần này để lưu thông riêng biệt, nhằm đào thải sạch những phàm tình của chúng ta. Đây là nói về quá trình tu học, đào thải phàm tình hồng nhập Nhất Thừa. Do vậy, đến hội Pháp Hoa, khai Quyền hiển Thật, nhập tri kiến của Phật, có một quá trình như vậy.

(Diễn) Hà tu biến lịch Tam Thừa giả.

(演) 何須遍歷三乘者。

(Diễn: Há cần trải khắp ba thừa).

Nếu quý vị nhất tâm trì danh, chẳng cần noi theo khuôn khổ này. Khuôn khổ này cực nhọc, quả thật là lỗ làng chẳng ít thời gian, phải phí không ít tinh thần để tu học. Nếu quý vị thật sự có thể tin tưởng thì đối với những giải thích trong phần trước sẽ “*nhược năng đế tín, hà tu biến lịch Tam Thừa*” (nếu có thể tin chắc chắn, cần gì phải trải khắp ba thừa), quý vị thẳng thừng thỏa đáng tu pháp Nhất Thừa, chẳng cần phải đi vòng vo, chẳng cần phải chuốc lấy những phiền phức đó!

Tôi in ba bản kinh Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao, Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản và Tây Phương Công Cứ, những sách khác tôi không in. Tôi in ba thứ kinh này, giảng ba

⁶⁹ Trước khi ngài Huyền Trang dịch kinh Đại Bát Nhã đã có rất nhiều hội trong bộ này được dịch riêng lẻ. Có thể nói không sai là toàn bộ những bản kinh nào có chữ Bát Nhã trong tựa đề đều là một hội của kinh Đại Bát Nhã. Kinh Kim Cang (Vájra-cchedikā-prajñā-pāramitā-sūtra) hiện thời còn giữ được sáu bản dịch:

1. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, do ngài Curu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần. Đây là bản được lưu hành rộng rãi nhất từ xưa đến nay.
2. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch vào đời Đường.
3. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Chân Đế dịch vào đời Tùy.
4. Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Đạt Ma Cấp Đa dịch vào đời Tùy.
5. Năng Đoạn Kim Cang Hội tức hội thứ chín trong kinh Đại Bát Nhã do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường.
6. Phật Thuyết Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường.

thứ kinh này, tự mình tu hành cũng chiếu theo ba cuốn sách ấy, những thứ khác không cần. Vì sao? Nếu chẳng chuyên nhất, e rằng trong tương lai, khi tôi vãng sanh sẽ phô bày vết tích rất khó thông cảm được! Tôi hy vọng trong tương lai sẽ vãng sanh trên giảng đài, vì tôi cả đời giảng kinh, đến khi vãng sanh, giảng kinh xong, mọi người niệm Phật, tôi xin phép mọi người cho nghỉ để tôi vãng sanh thế giới Tây Phương, tự tại lắm, ra đi ngay trên giảng đài.

Cổ nhân đã có người như vậy, có mấy vị pháp sư giảng kinh tịch ngay trên giảng đài. Tôi hy vọng trong tương lai cũng tịch trên giảng đài; do vậy, hiện thời nhất tâm nhất ý muốn làm chuyện này, những chuyện khác đều là chuyện nhỏ nhặt, lông gà, vỏ tỏi, ai thích làm thì cứ làm, tôi chẳng làm những chuyện ngốc nghếch ấy. Chẳng thể làm chuyện ngốc nghếch nữa, phải làm chuyện chánh đáng! Do vậy, nhất định phải chuyên, nhất định phải nhất.

Trong tương lai, nếu tôi ở ngoại quốc, các vị đồng học phải ghi nhớ: Nếu khi quý vị công phu chẳng gián đoạn, liên tục nỗ lực, mọi người theo lệ thường thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu đến đây niệm kinh, đọc bản chú giải này. Mọi người hợp lại gõ mõ và dẫn khánh để cùng nhau niệm, công đức ấy cũng hết sức thù thắng. Quý vị niệm thuần thực thì khi nghe tôi giảng, quý vị sẽ có cảm nhận khác hẳn. Ở nhà một mình chưa chắc quý vị đã chịu niệm, cũng như bị người trong nhà lôi kéo quý

vị xen tạp, chẳng bằng đến nơi đây niệm.

Do vậy, công khóa của chúng ta nhất định đừng để gián đoạn! Công đức niệm kinh chẳng thể nghĩ bàn, cũng có thể khai ngộ. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 49

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi hai.

Đoạn này nói về Giáo Khởi Sở Nhân, trong khoa này, đại sư đã giảng rõ rất nhiều điều, nói hết sức chu đáo, cặn kẽ. Đoạn trước nói về Tổng Nhân Duyên, từ đây trở đi là Biệt Nhân Duyên. Nói Tổng là nói đến nhân duyên hưng khởi của giáo pháp trong suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật; Biệt là chuyên môn nói về bộ kinh này, tức là nhân duyên hưng khởi của pháp môn Niệm Phật. Nói cách khác, đối với chúng ta, điều này đặc biệt quan trọng.

Nhị biệt.

Biệt tức chuyên tựu thử kinh.

二別

別則專就此經。

(Hai là biệt nhân duyên.

Biệt tức là chuyên nói về kinh này).

Câu này nói rất rõ ràng, chuyên môn nói về bộ kinh này.

Phục hữu thập nghĩa.

復有十義。

(Lại có mười nghĩa).

Trong phần trước, tôi đã từng thưa với quý vị: Liên Trì đại sư đã chọn dùng phương thức Thập Môn Khai Khải của tông Hoa Nghiêm để chú giải bộ kinh này. Do vậy, Ngài cũng mô phỏng cách thức Thanh Lương đại sư chú giải kinh Hoa Nghiêm, luôn dùng “mười” để biểu thị pháp.

Ở đây, Ngài cũng dùng “mười”, dưới đây sẽ có mười ý nghĩa. “Thập nghĩa” : Trong đoạn này nêu ra tên gọi của chúng, mỗi ý nghĩa đều được giảng rõ và giải thích tường tận trong phần sau.

Nhất, đại bi mẫn niệm Mạt Pháp, vị tác tân lương cố.

一、大悲憫念末法，為作津梁故。

(Một là do đại bi nghĩ thương đời Mạt Pháp nên làm cầu bến).

Trong ý nghĩa thứ nhất, chúng ta phải chú ý từ ngữ “mẫn niệm Mạt Pháp” vì thời đại chúng ta đang sống chính là thời kỳ Mạt Pháp của Phật giáo. Nói cách khác, bộ kinh này nhắm thẳng vào chúng sanh thời Mạt Pháp mà nói. “Tân lương” là cầu bắc ở bến đò, tỷ dụ kinh này giống như một chiếc cầu để thoát lìa sanh tử, viên chứng Bồ Đề cho chúng sanh trong thời Mạt Pháp, đủ thấy tính chất trọng yếu của kinh này.

(Diễn) **Mẫn niệm Mạt Pháp giả, Mạt Pháp, tác khứ thánh thời dao.**

(演) **憫念末法者，末法，則去聖時遙。**

(Diễn: “Nghĩ thương Mạt Pháp”: Mạt Pháp là xa cách thánh đã lâu).

“Dao” (遙) là xa xôi. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến nay, theo cách tính toán của cổ nhân Trung Quốc thì đến nay đã là ba ngàn lẻ mười hai (3.012) năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ. Dẫu theo cách tính toán của người ngoại quốc thì cũng là hơn hai ngàn năm trăm năm rồi! Thời gian cách xa chúng ta hết sức lâu xa.

(Diễn) **Thánh hiền ẩn phục.**

(演) **聖賢隱伏。**

(Diễn: Thánh hiền ẩn khuất).

Chữ “thánh” chỉ kiến tánh Bồ Tát. Chúng ta thường nói Tam Hiền Thập Thánh, tức là Đẳng Địa Bồ Tát, đây là thánh nhân. Nói theo Tiểu Thừa thì Tứ Quả A La Hán mới được kể là “thánh nhân”, từ Tam

Quả trở xuống đều gọi là “hiền nhân”. Những vị Bồ Tát và các đại Bồ Tát đều ẩn mất, không xuất hiện. Vì sao nhằm lúc chúng sanh đáng thương nhất, chư Phật, Bồ Tát đều chẳng xuất hiện độ chúng sanh, do đạo lý nào vậy? Quý vị phải biết: Phật, Bồ Tát chẳng có lòng riêng tư! Phật, Bồ Tát độ chúng sanh cũng chẳng biết mệt nhọc, mà cũng chẳng chán ngán, vì sao các Ngài không xuất hiện? Quý vị phải hiểu vì sao các Ngài xuất hiện, vì sao các Ngài không xuất hiện, phải hiểu đạo lý này. Khi chúng sanh ưa thích chánh pháp, Phật, Bồ Tát liền đến. Khi quý vị ưa thích tà pháp, các Ngài chẳng đến. Quả thật, trong thế gian hiện thời, quý vị giảng chánh pháp cho chúng sanh, họ rất khó tiếp nhận. Nếu quý vị bày vẽ màu mè đôi chút để gạt gẫm họ, họ sẽ hào hứng chịu bị lừa! Không có cách chi hết!

(Diễn) Tà pháp xí thịnh chi thời.

(演) 邪法熾盛之時。

(Diễn: Lúc tà pháp lừng lẫy).

Trong quá khứ, quả thật tà pháp chẳng lừng lẫy bằng hiện thời. Hiện tại, đúng là tà pháp thịnh hành quá mức. Đây chính là lúc chúng sanh đáng thương nhất, chúng ta đang sống trong thời đại này, làm thế nào để phân biệt tà và chánh? Đây là chuyện hết sức khó khăn! Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta, đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, kinh nói có năm mươi một loại ma, số lượng trong mỗi một loại đúng là nhiều như cát sông Hằng, quý vị làm thế nào để phân biệt được? Những loài ma bậc thượng và trung gần như chẳng khác gì Phật, rất khó phân biệt! Nếu quý vị không thể phân biệt, nhất định đi vào ma đạo, suốt một đời tu hành, đến cuối cùng chẳng đạt kết quả gì, quả thật rất đáng tiếc! Do vậy, nhất định phải phân biệt Phật và ma thì chúng ta mới có thể thật sự hộ trì chánh pháp của chính mình.

Nói đến chuyện “hộ pháp” trong nhà Phật, điều thứ nhất là phải hộ trì chính mình. Chẳng thể hộ trì chính mình, lẽ nào có thể hộ trì Phật pháp? Chắc chắn chẳng thể hộ trì Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật được! Đầu tiên là phải hộ trì chính mình! Trong thời đại này, rất nhiều pháp môn và kinh luận bị lũ ma lợi dụng, chúng nó treo chiêu bài Phật pháp để phá hoại Phật pháp. Chuyện này không có cách gì nói cặn kẽ được. Nếu nói cặn kẽ, đúng là nói mãi chẳng hết! Chính chúng ta phải có năng lực phân biệt. Không thể phân biệt thì làm thế nào đây? Quý vị

phải vâng giữ pháp môn Tịnh Độ. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị: Nhất tâm trì danh là được rồi, tuyệt đối là chánh pháp, chú trọng nơi nhất tâm, tuyệt đối chẳng bị những thứ tri kiến khác lay động. Trong một đời này, ta giữ vững chủ ý, nhất tâm chấp trì danh hiệu cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nhất định sẽ thành công trong một đời này.

Pháp sư Quảng Khâm niệm Phật ra đi, Ngài nhất tâm trì danh. Tôi nghe người ta nói: Khi lâm chung, lão nhân gia lớn tiếng bảo đại chúng niệm Phật. Ngài nói: “*A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc Bồ Tát đều đã đến*”, bảo mọi người mau chóng quỳ xuống đất đánh lễ nghênh tiếp, lớn tiếng niệm Phật. Tướng lành ấy chẳng thể nghĩ bàn; đúng như kinh đã dạy: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Ngài đích thân thấy Tây Phương Tam Thánh và các vị thượng thiện nhân đên nghênh tiếp Ngài ra đi, điều này chẳng giả. Ngài cũng làm gương, nêu điển hình cho chúng ta. Chúng ta muốn thành tựu thì một bộ kinh này là đủ rồi!

Nhị, đặc u vô lượng pháp môn, xuất thắng phương tiện cố.

二、特於無量法門，出勝方便故。

(Hai, đây là phương tiện đặc biệt thù thắng nổi trội trong vô lượng pháp môn).

Pháp môn vô lượng vô biên; từ vô lượng vô biên pháp môn, chọn lấy một pháp môn thù thắng thuận tiện nhất, [đức Phật] luôn luôn nghĩ thay cho chúng ta. Do vậy, quý vị phải biết: Pháp môn này là pháp môn thù thắng nhất và thuận tiện nhất trong hết thảy pháp môn.

(Diễn) Xuất thắng phương tiện giả, chúng sanh hữu Hằng sa phiền não.

(演) 出勝方便者，眾生有恆沙煩惱。

(Diễn: “*Phương tiện xuất thắng*”: Chúng sanh có phiền não nhiều như cát sông Hằng).

Những pháp môn ấy do đâu mà có? Vì sao có nhiều như thế? Vì chúng sanh có quá nhiều phiền não. Những pháp môn của Phật đều nhằm đối trị phiền não của chúng sanh.

(Diễn) Phật thuyết Hằng hà pháp môn, giai phương tiện dã.

(演) 佛說恆河法門，皆方便也。

(Diễn: Đức Phật nói Hằng hà pháp môn, đều là phương tiện).

Bất luận pháp môn nào, quý vị nhất định phải nhớ pháp môn ấy là [do đức Phật] nói phương tiện, ngay cả Thiền lẫn Mật đều là nói phương tiện. Không nói ra pháp môn chân thật được vì nó chẳng thể nghĩ bàn! Lão hòa thượng Quảng Khâm lúc lâm chung nói một câu: “*Không đến, không đi, không có chuyện gì!*” Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, đó là pháp môn chân thật. Kinh Duy Ma có nói pháp môn Bất Nhị, Bất Khả Tư Nghị, đó là pháp môn chân thật. Ngôn ngữ không có cách gì diễn tả pháp môn chân thật; phàm những gì có ngôn thuyết đều là pháp phương tiện, nhưng thù thắng nhất trong các pháp phương tiện là pháp môn Niệm Phật. Vì sao nói nó là thù thắng nhất? Vì nó gần với pháp chân thật nhất. Quý vị hãy suy nghĩ: Có pháp môn nào gần với “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xir diệt, chẳng thể nghĩ bàn*” nhất hay chẳng? [Pháp môn Tịnh Độ] còn sót lại một câu A Di Đà Phật, nhưng nếu bỏ nốt câu này, [pháp môn ấy] sẽ là pháp chân thật, đủ thấy nó là pháp gần với pháp chân thật nhất, nên được gọi là pháp môn thù thắng nhất.

(Diễn) Duy thử pháp môn, phương tiện trung chi phương tiện, cố viết “thắng phương tiện”.

(演) 唯此法門，方便中之方便，故曰勝方便。

(Diễn: Chỉ có pháp môn này là phương tiện nhất trong các phương tiện, nên gọi là phương tiện thù thắng).

Pháp phương tiện thù thắng nhất!

Tam, khích dương sanh tử phàm phu, linh khởi hân yếm cố.

三、激揚生死凡夫，令起欣厭故。

(Ba là vì dấy động, cổ vũ sanh tử phàm phu, khiến họ khởi lòng ưa [Cực Lạc] chán [sanh tử]).

“*Khích*” (激) là dấy động chúng ta, “*duơng*” (揚) là cổ vũ, khích lệ chúng ta, hy vọng chúng ta có thể đề cao cảnh giác trong lục đạo sanh tử luân hồi, phải phát tâm vượt thoát luân hồi.

(Diễn) *Khích duơng sanh tử phàm phu giả, phàm phu xuất sanh nhập tử, khoáng kiếp trầm luân, bất tri sanh tử khả yếm, Niết Bàn khả hân.*

(演) 激揚生死凡夫者，凡夫出生入死，曠劫沉淪，不知生死可厭，涅槃可欣。

(Diễn: “Dấy động, cổ vũ phàm phu sanh tử”: Phàm phu ra sanh vào tử, trầm luân bao kiếp dài lâu, chẳng biết sanh tử đáng chán, Niết Bàn đáng ưa).

Sanh tử luân chuyển vĩnh viễn không ngừng nghỉ, quả thật là chuyện rất phiền phức! Chẳng biết chân tướng của sự thật thì gọi là “*tùy nghiệp lưu chuyển*” (chuyển vần theo nghiệp), thật sự đáng thương! Người giác ngộ đôi chút, biết hiện tượng này, cũng biết nó đáng sợ, nhưng có cách gì để liễu sanh tử, thoát tam giới hay chăng? Lại cũng chẳng có cách gì. Quý vị hãy suy nghĩ: Từ cổ đến nay, bao nhiêu nhà đại học vấn, khoa học gia, triết gia, nhà tôn giáo đều muốn giải quyết vấn đề này, nhưng không có ai làm được! Đây cũng chính là lý do vì sao đức Phật phải xuất hiện trong thế gian. Đức Phật xuất hiện trong thế gian là vì những chúng sanh ấy mà đến. Quý vị muốn liễu sanh tử, ra khỏi tam giới, nhưng không có cách nào; đức Phật biết phương pháp, Ngài đến dạy quý vị. Chúng ta nhất định phải biết sanh tử đáng sợ, đáng chán. Con người ta chết đi, theo như kinh Địa Tạng đã nói, tuyệt đại đa số chưa đầy bốn mươi chín ngày lại luân hồi, lại đi đầu thai. Sống chẳng được bao lâu lại chết, chết rồi lại sanh ra, sanh rồi lại chết, sanh sanh tử tử, vĩnh viễn chẳng xong! Nếu quý vị suy nghĩ cặn kẽ sẽ thấy chuyện này rất kinh hoàng, rất đáng sợ, nhưng bản thân không có cách nào! Đó là chân tướng sự thật, chúng ta nhất định phải giác ngộ [chuyện này].

Niết Bàn là gì? Niết Bàn là bất sanh bất diệt. Vượt thoát sanh tử luân hồi, từ đây về sau, vĩnh viễn không còn sanh tử, không còn sanh tử thì gọi là Niết Bàn. Lão hòa thượng Quảng Khâm nói “*không đến, không đi*”, đây là Niết Bàn. Thế nhưng Ngài thật sự chứng đắc Niết Bàn, chứng Niết Bàn là chứng trong khi còn sống, chứ không phải chết rồi mới

chứng. Vì sao Ngài ra đi? Ngài đã từng nói Ngài sẽ bế quan một năm, đệ tử liền hỏi Ngài: “Thầy nói sẽ bế quan một năm, nhưng sao bây giờ lại ra đi?” Ngài bảo các đồng tu: “Thân thể này quá già, quá cũ rồi, chẳng thể dùng được nữa! Tự mình hãy nên đổi lấy một căn nhà mới, thay một công cụ mới, chứ cái này quá cũ rồi, chỗ nào cũng gây chướng ngại!” Giống như quý vị sống trong một căn nhà quá xưa, quá cũ, chẳng đập đi, xây cái mới chẳng được, không có cách gì ở nữa! Thân thể là cái nhà, quá xưa, quá cũ, ắt cần phải thay đổi, trọn chẳng có chết, thay một căn nhà khác mà thôi! Quý vị thấy Ngài tự tại lắm, thay thân thể rất tự tại, quả thật bất sanh mà cũng bất diệt.

Bọn chúng ta không có năng lực thay đổi tự tại. Thay đổi tự tại [như lão pháp sư Quảng Khâm] thì càng thay đổi, càng tốt đẹp, càng thay đổi, càng thù thắng! Phạm phu rất tệ hại, càng thay đổi, càng kém cỏi, đổi căn nhà thân người thành súc sanh, từ súc sanh đổi thành ngựa quý, từ ngựa quý lại đổi thành địa ngục. Người ta đổi thành thân Bồ Tát, đổi thành thân Phật, khác hẳn chúng ta! Niết Bàn đáng ưa là điều chúng ta ngưỡng vọng, tin ưa.

(Diễn) Như Pháp Hoa Kinh vân: “Bất thức khổ tận đạo, bất tri cầu giải thoát” cố.

(演) 如法華經云：不識苦盡道，不知求解脫故。

(Diễn: Như kinh Pháp Hoa chép: “Chẳng biết đạo hết khổ, chẳng biết cầu giải thoát”).

“Thức” (識) là nhận thức, hiểu rõ. Quý vị chẳng nhận biết, không hiểu rõ. “Khổ tận đạo” là phương pháp diệt hết khổ, “đạo” là phương pháp. Nếu quý vị không có biện pháp dứt sạch khổ, làm sao giải thoát được? Do vậy, nhất định phải biết diệt khổ như thế nào. Khổ là quả báo, quả báo do đâu mà có? Quả đương nhiên có nhân, không có nhân sẽ chẳng thể kết quả. Nhân là tạo nghiệp, quý vị tạo thiện nghiệp sẽ thọ báo trong ba thiện đạo, tạo ác nghiệp sẽ thọ báo trong ba ác đạo. Nói tóm gọn một câu, quý vị tạo nghiệp gì sẽ chẳng trốn khỏi quả báo đó, không có cách nào trốn được!

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Trong quá khứ, chúng ta đã tạo bao nhiêu nghiệp, không chỉ trong một đời, mà còn là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tạo rất nhiều nghiệp, có cách vượt thoát hay chẳng? Có biện pháp, nhưng chỉ có một biện pháp! Cố nhiên, đức Phật đã nói vô lượng

pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là phương pháp, nhưng với những phương pháp ấy, quý vị chẳng thể thành tựu trong một đời, cần phải tu học trong một thời gian dài. Thời gian càng dài, càng lắm vấn đề. Vì sao? Sợ đi lâm đường! Tục ngữ thường nói: “*Đêm dài lắm mộng!*” Chuyện này phiền lắm! Tốt nhất là có thể thành tựu trong một thời gian ngắn, “*thời gian ngắn*” là chúng ta có thể thành tựu trong một đời. Ví như đức Phật giảng các pháp môn khác từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian quá dài! Tuy nhiên, chúng đắc quả Tu Đà Hoàn là đã được bảo đảm; [có nghĩa là] chúng đắc Tu Đà Hoàn thì trong Viên Giáo gọi địa vị này là Sơ Tín Vị Bồ Tát, đã được bảo đảm chắc chắn không đọa trong tam ác đạo. Đây là điều đảm bảo thứ nhất. Bảy lần qua lại trong cõi trời và nhân gian, nhất định chúng A La Hán, vượt thoát tam giới; đó là điều bảo đảm thứ hai. Phải trải qua bảy lần sanh tử trong cõi trời và nhân gian, thọ mạng trong nhân gian không dài, nhưng cõi trời thọ mạng dài lâu. Vì thế, vẫn là “*đêm dài lắm mộng*”, vẫn là chuyện phiền phức!

Nhanh chóng nhất, thời gian ngắn lẽ nhất, chỉ có pháp môn Niệm Phật: Thành tựu trong một đời! Vì thế, nó là phương tiện thù thắng. Chúng ta muốn cầu giải thoát, phải thật sự thấy rõ sanh tử luân hồi đáng sợ, hy vọng sẽ thành tựu trong một đời này thì chúng ta phải dứt khoát chọn lựa pháp môn này. Sau khi đã chọn lựa dứt khoát, cả đời này chẳng thay đổi. Quý vị nhất định phải nhớ kỹ câu này: “*Suốt đời chẳng thay đổi!*” Tôi đọc kinh là đọc bộ kinh này. Bộ kinh này có chú giải, đọc nhiều lần chắc chắn sẽ có lợi. Lợi gì vậy? Đọc nhiều sẽ có thể khai ngộ. Dựa theo một bộ sách, tu học một pháp môn, tốt nhất là đừng nghe những kinh khác. Đối với những pháp môn khác, tốt nhất cũng đừng xem, chẳng nghe, chẳng hỏi tới, vì sao? [Có như vậy thì] chúng ta mới có thể thật sự nhất tâm trì danh. Sau khi quý vị đã tiếp xúc [nhiều pháp môn, kinh điển khác nhau], quý vị sẽ bị phân tâm!

Vì thế, chuyên tu Tịnh Độ, trong quá khứ có những vị pháp sư như Ấn Quang đại sư là vị tổ sư gần đây nhất, lão nhân gia chuyên tu Tịnh Độ. Đối với đồ đệ của Ngài, những người được Ngài truyền quy y, quý vị đọc Văn Sao sẽ nhận thấy: Lão hòa thượng chẳng giống những pháp sư khác! Các pháp sư khác thì sao? Mong mỗi đồ đệ thường xuyên đến gặp mình. Nếu mấy ngày không gặp, bèn: “Sao đã lâu ngàn ấy mà người không tới?” Lão hòa thượng khác hẳn mọi người, nếu quý vị đến gặp Ngài nhiều lần, [Ngài sẽ quở]: “Vì sao người đến đây?” “Con đến thăm sư phụ”. “Sư phụ có gì hay đâu mà gặp? Người đã gặp mặt đôi ba

lần rồi!” Ngài quở trách, đũa vè: “Sao người chẳng ở nhà thật thà niệm Phật? Uổng phí thời gian, lãng phí tiền bạc chạy tới đây để làm cái quái gì?” Ngài quở người, do vậy, Ân Quang đại sư chẳng chủ trương [chèo kéo] tín đồ đến chùa; đây là một vị thiện tri thức chân chánh!

Cụ Quảng Khâm đã vãng sanh, gần đây nhất có nhiều người muốn đến gặp Ngài, đến thưa chuyện với tôi, tôi cũng quở họ, tôi nói: “Ông đến đó để làm gì? Góp phần náo nhiệt! Đi xa xôi đường ấy, ngồi xe mười mấy tiếng đồng hồ, mệt mỏi rã rời. Nếu ông định tâm, chính mình ở nhà niệm một quyển kinh, niệm mấy ngàn câu Phật hiệu hồi hướng cho Ngài; đây là công đức thật sự, mình lẫn người đôi đảng cùng có lợi, chẳng cần phải góp phần náo nhiệt!”

Tứ, hóa đạo Nhị Thừa chấp Không, bất tu Tịnh Độ cố.

四、化導二乘執空，不修淨土故。

(Bốn là nhằm giáo hóa, hướng dẫn hàng Nhị Thừa chấp Không chẳng tu Tịnh Độ).

Không chỉ tiếp dẫn phàm phu, mà còn tiếp dẫn bậc A La Hán, Bích Chi Phật.

(Diễn) Hóa đạo Nhị Thừa giả, Nhị Thừa dẫn chứng Thiên Không, bất ngộ Pháp Tánh.

(演) 化導二乘者，二乘，但證偏空，不悟法性。

(Diễn: “Hóa đạo Nhị Thừa”: Nhị Thừa chỉ chứng Thiên không, chẳng ngộ Pháp Tánh).

Ở đây nói về Tiểu Thừa A La Hán và Bích Chi Phật, chứ Tam Quả vẫn chưa đủ tư cách. Tứ Quả A La Hán chứng Thiên Không. Thiên Không là Niết Bàn, tức Thiên Chân Niết Bàn. [Các vị ấy] đã vượt thoát sanh tử luân hồi trong lục đạo. Tuy đã vượt thoát, nhưng họ trụ trong Niết Bàn. Đó là sai lầm. Niết Bàn của hàng Tiểu Thừa là Định, khác với Niết Bàn của Đại Thừa. Đại Thừa Niết Bàn là Định Huệ viên dung: Trong Định có Huệ, trong Huệ có Định.

Tiểu Thừa thiên chân (thiên lệch về phía Chân Đế), lệch sang một bên, chỉ có Định, thiếu Huệ. Niết Bàn mà các vị ấy đã chứng chẳng phải

là Niết Bàn rốt ráo viên mãn. Họ chẳng ngộ Pháp Tánh, chẳng ngộ tức là thiếu trí huệ.

(Diễn) *Trâm không trệ tịch.*

(演) 沈空滯寂。

(Diễn: *Đắm chìm nơi Không, vướng mắc nơi Tịch).*

Người Tiểu Thừa vẫn còn chấp trước, không có Ngã Chấp, nhưng có Pháp Chấp, chấp trước Không. Phạm phu chấp Có, người Tiểu Thừa chấp Không. Chính họ an trụ trong cảnh giới tịch tĩnh. “Tịch” là thanh tịnh tịch diệt. Họ thật sự chẳng sanh phiền não, căn bản phiền não đã đoạn rồi.

(Diễn) *Trung chỉ hóa thành.*

(演) 中止化城。

(Diễn: *Dừng nơi hóa thành ở giữa đường).*

“Hóa thành” (cái thành được biến hóa ra) là tỷ dụ. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy họ đại pháp rốt ráo liễu nghĩa, nhưng họ không chịu tiếp nhận. Do vậy, dùng phương tiện để giáo hóa họ, giống như nói có cái trạm ở giữa đường, tức trạm vận chuyển, trước hết làm cho họ đạt đến cảnh giới ấy (cảnh giới Niết Bàn của Tiểu Thừa). Đã đạt đến cảnh giới ấy, họ ở lại, không muốn đi nữa. Đó là chuyện phiền phức, căn bệnh của người Tiểu Thừa là ở chỗ này: Ngừng nghỉ nơi hóa thành ở giữa đường!

(Diễn) *Bất tín hữu tha phương Tịnh Độ cố.*

(演) 不信有他方淨土故。

(Diễn: *Vì chẳng tin có Tịnh Độ ở phương khác).*

Nếu hiện thời quý vị sang thăm Thái Lan, quý vị sẽ biết: Thái Lan là nước Tiểu Thừa. Người Thái chẳng tin rằng có một vị Phật nào khác, họ chỉ tin mình Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng tin có mười phương hết thảy chư Phật. Họ cho rằng tu hành cao lắm chỉ có thể chứng quả A La Hán, chẳng thể thành Phật! Thành Phật chỉ có một mình Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng tin có những vị Phật ở phương khác. Họ cũng chẳng tin pháp Đại Thừa, họ rất chấp trước. Do vậy, chẳng tin vào các cõi Tịnh Độ ở phương khác. Đức Phật vì các thánh giả Nhị Thừa mà giảng kinh này,

giảng pháp môn này, khuyên họ hồi Tiểu hướng Đại, lìa bỏ hóa thành, vãng sanh Phật quốc. Vì thế, pháp môn này có vô lượng vô biên công đức.

Ngũ, miễn tấn sơ tâm Bồ Tát, thân cận Như Lai cố.

五、勉進初心菩薩，親近如來故。

(Năm là vì khuyến khích, sách tấn hàng sơ tâm Bồ Tát thân cận Như Lai).

Đối với Đại Thừa Bồ Tát cũng dùng pháp môn này để giáo hóa họ. Tâm Bồ Tát khác với tâm Tiểu Thừa. Từ bản thân chúng ta hiện thời sẽ có thể thấy được chính mình là căn tánh Đại Thừa hay là căn tánh Tiểu Thừa? Đừng hỏi ai khác! Chính mình phản tỉnh sẽ biết ngay. Nếu là căn tánh Tiểu Thừa, sẽ chỉ cầu tự lợi, chẳng nghĩ giúp đỡ người khác. Nếu giúp đỡ người khác thì cũng rất hữu hạn, chẳng thật sự phát tâm chủ động giúp đỡ người khác. Tâm như vậy là tâm Tiểu Thừa. Tâm Bồ Tát là chủ động giúp hết thầy chúng sanh, vui vẻ giúp đỡ người khác, ưa thích giúp đỡ người khác, có thể bỏ mình vì người, đó là tâm Bồ Tát. Nếu quý vị học Phật mà là chủng tánh Bồ Tát thì là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. [Đức Phật giảng kinh này nhằm] khuyến khích, cổ vũ hàng Sơ Tâm.

(Diễn) Miễn tấn sơ tâm giả, Sơ Phát tâm Bồ Tát, dục w Sa Bà thế giới cứu độ chúng sanh, nhân lực vị sung, tự tha câu nịch, hữu hà lợi ích?

(演) 勉進初心者，初發心菩薩，欲於娑婆世界救度眾生，忍力未充，自他俱溺，有何利益。

(Diễn: “Khuyến khích kẻ sơ tâm”: Hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát muốn cứu độ chúng sanh trong cõi Sa Bà, nhưng sức nhân nại chưa đầy đủ, mình lẫn người đều chết đuối, có lợi ích gì đâu?)

Quý vị học hạnh Bồ Tát, tu pháp Lục Độ, rất tốt! Nhưng Định lực chưa đủ, trí huệ chẳng đủ, tuy tu pháp môn Lục Độ, khó tránh khỏi rất nhiều lầm lỗi, chúng ta nhất định phải biết điều này. Chúng sanh trong thế giới Sa Bà ương ngành, khó giáo hóa, nghiệp chướng sâu nặng. Cứu độ chúng sanh: “Cứu độ” nói đơn giản thì chính là phục vụ chúng sanh, muốn giúp đỡ chúng sanh. Quý vị tận tâm tận lực giúp đỡ họ, mà họ vẫn

chửi mắng quý vị, còn nói quý vị là kẻ bất hảo. Quý vị nghe vậy cũng cảm thấy khó chịu, muốn ngã lòng thì quý vị chưa phải là Bồ Tát. Bồ Tát đạo khó hành lắm! Do vậy, tu hạnh Tiểu Thừa dễ dàng, tu hạnh Đại Thừa khó khăn!

Nếu định lực không đủ, “*nhẫn lực*” chính là Định lực, trong ấy cũng bao gồm trí huệ. Định và Huệ chẳng đủ thì ta cùng người đều chẳng được lợi ích. Tôi nêu lên một thí dụ để nói với quý vị. Chúng ta chẳng bàn chuyện gì khác, bàn tới chánh pháp thì trong chánh pháp cũng phải có nhẫn lực đầy đủ mới được. Chúng ta hãy xem vì sao trong thời cổ người xuất gia lần tại gia tu hành chứng quả nhiều dường ấy? Trong mỗi một triều đại, quý vị đọc Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện thấy có nhiều người thành tựu dường ấy. Vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể thành tựu? Nói thật thà thì trước kia những thứ dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài ít, nên họ có thể chuyên tâm, đương nhiên cũng là do mọi sự chẳng thuận tiện. Hiện thời quá thuận tiện, do quá thuận tiện nên sức dụ dỗ mê hoặc quá lớn, những thứ dụ dỗ mê hoặc quá nhiều!

Chúng ta không nói đến những thứ dụ dỗ, mê hoặc bởi tiếng tăm, lợi dưỡng, không nói tới những thứ ấy, chỉ bàn tới Phật pháp. Trước kia, người ta muốn có được một bộ kinh điển chẳng hề đơn giản, phải đến đâu tìm kiếm? Ngoài chợ không bán. Dẫu có bán, nhưng giá tiền cao quá, người ta chết khiếp, vì sao? Vì sách do thợ làm ra. Quý vị thấy đó: Chữ trên khuôn in phải khắc từng chữ một trên ván gỗ. Mỗi tấm ván tôi thiếu phải dày chừng đó, nói chung, bản khắc ván của một cuốn sách phải chất đầy một hai gian nhà. Còn cách in sách thì như thế nào? Lấy ván khắc của từng trang, trước kia dùng mực chế bằng muội (bồ hóng) gỗ tùng⁷⁰, dùng bàn chải lông ngựa phết mực lên ván in, giấy Mao Biên⁷¹ trải ra, áp từng tấm lên khuôn in. In một bộ sách theo kiểu này sợ rằng phải mất thời gian đến ba ngày. Quý vị hãy nghĩ xem: Mua bộ sách này phải tốn bao nhiêu tiền? Trước kia, trong phòng khách của nhà phú quý bày mấy bộ sách vì người bình thường chẳng thể mua sách nổi!

Vì vậy, sách do đâu mà có? Sao chép. Muốn đọc một bộ kinh, lão hòa thượng truyền cho quý vị, bảo quý vị học bộ kinh nào, quý vị phải

⁷⁰ Nguyên văn “*tùng yên mặ*”. Thành phần chủ yếu của loại mực này là bồ hóng (bồ hóng) thu được do đốt gỗ tùng, thêm vào băng phiến (long não, borneol), xạ hương hòa với chất a giao (chất keo từ da trâu hầm),

⁷¹ Mao Biên là một loại giấy nổi tiếng ở tỉnh Giang Tô, có màu vàng nhạt, sợi giấy mịn, mỏng, nhưng bền chắc, hút mực rất tốt. Giấy để lâu ít bị ngả màu, lại không dật lắm. Do vậy, nó được dùng chủ yếu để in sách.

vào lâu Tàng Kinh của nhà chùa để sao chép. Người ấy tự mình sao chép một bộ, tốn công rất nhiều, nên cũng rất trân quý, rất quý trọng, suốt đời đọc bộ kinh ấy. Vì thế, hầu như ai nấy đều chuyên tu, nên có thể thành công. Hiện thời quá dễ dàng, cả bộ Đại Tạng Kinh cũng chẳng bao nhiêu tiền, người có thâm nhập trung bình thì nhà nào cũng đều có thể bày một bộ. Hôm nay mở ra cuốn này, ngày mai lật coi cuốn khác, đọc mấy chục năm mà vẫn chẳng thông suốt tí xíu nào! Kinh điển quá nhiều sẽ sanh ra sức dụ dỗ, mê hoặc, bộ này khá lắm, bộ kia cũng hay tuyệt, bộ nào cũng phải đọc qua! Có thể nói là khi đọc bộ sách này, chẳng biết đến thứ khác, đợi đến khi đã đọc xong, những thứ trước đó đều quên sạch, chẳng đạt được lợi ích!

Căn bệnh của chúng ta là chẳng thể nhất tâm, chẳng thể chuyên. Đừng bàn tới pháp thế gian, sức dụ dỗ mê hoặc của Phật pháp cũng ghê gớm lắm! Phật pháp cũng dụ dỗ mê hoặc con người rất mạnh. Huống hồ hiện thời chùa cũng lắm, pháp sư cũng đông. Không chỉ pháp sư đông đảo, mà còn có những cư sĩ tại gia, cư sĩ tại gia làm gì vậy? Chẳng thể cao hơn pháp sư thì gán vô một chút Mật, ta tự phong là Thượng Sư, còn cao hơn pháp sư nữa! Chỗ nào cũng đều dụ dỗ, mê hoặc con người, khiến quý vị không biết đường nào mà lần, đạo tâm của quý vị bị phá hoại! Cổ nhân nói: “*Ninh động thiên giang thủy, bất hoại đạo nhân tâm*” (Thà khuấy động nước ngàn con sông, chẳng phá hoại tâm của người tu đạo). Hiện thời nơi nào ta cũng thấy phá hoại tâm lòng người tu đạo, quý vị không có cách gì tu hành! Bởi lẽ, tu hành là tu nhất tâm, là tu Định. Quý vị không có cách nào tu Định thì những thứ dụ dỗ, mê hoặc trong Phật môn như tôi đã nói sẽ khiến cho quý vị không biết đường nào mà theo. Do vậy, sự tự hành lẫn hóa tha của quý vị đều bị đọa lạc.

Vì sao cổ nhân có thành tựu? Họ chuyên nhất! Do thời kỳ ấy giao thông chẳng thuận tiện, luôn phải đi bộ. Quý vị đến đạo tràng thì nhiều nhất là một đạo tràng, nếu nhiều hơn nữa thì là hai đạo tràng, chẳng thể tới rất nhiều. Hiện thời, tuy giao thông phát triển, nhưng lòng người chẳng định, phước báo chẳng bằng cổ nhân; hưởng thụ vật chất vượt trội cổ nhân, nhưng công phu định lực thật sự thua kém cổ nhân quá xa. Giả sử ngày nay chúng ta vẫn có thể chuyên nhất, giữ vững một bộ kinh, một pháp môn, một đạo tràng, quý vị sẽ vượt trội cổ nhân, vì sao? Nếu kéo cổ nhân sang hiện tại, sợ rằng đại đa số chẳng thể thành tựu, xác thực là như thế! Một người có thể chống lại dụ dỗ, mê hoặc chẳng dễ dàng! Trước mọi thứ dụ dỗ, mê hoặc mà vẫn như như bất động, người ấy thật sự cao minh! Vì thế, quý vị thành tựu trong hiện thời thì ngay cả cổ đức

trông thấy quý vị cũng chẳng thể không cúi đầu, chẳng thể không bội phục. Do vậy, nhất định phải chuyên nhất, nhất là phải chuyên tâm tu Tịnh Độ; bởi lẽ, pháp môn này là pháp môn thành Phật trong một đời.

(Diễn) Tát tu cầu sanh Tịnh Độ, thân kiến Di Đà, đắc nhãn phương khả hoàn lai cố.

(演) 必須求生淨土，親見彌陀，得忍方可還來故。

(Diễn: Ất cần phải cầu sanh Tịnh Độ, đích thân gặp Phật Di Đà, đắc [Vô Sanh] Nhãn rồi mới có thể trở lại).

Đây là Bồ Tát, chúng ta gấp rút niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ vì lẽ gì? Vì thỏa mãn đại nguyện độ chúng sanh của ta, từ thế giới Tây Phương quay về, thả chiếc bè Từ quay trở lại, trở về độ chúng sanh. Quý vị mang thân phận Bồ Tát, có Định lực, mà cũng có Huệ lực, Định - Huệ đầy đủ. Trong bất cứ cảnh giới nào quý vị đều có thể chẳng lay động, đều có thể chuyên nhất. Chính quý vị có thể chuyên nhất, mà cũng tạo ảnh hưởng khiến người khác chuyên nhất. Đây chính là vô lượng vô biên công đức.

Lục, tận nhiếp lợi độn chư căn, tất giai độ thoát cố.

六、盡攝利鈍諸根，悉皆度脫故。

(Sáu vì có thể nhiếp trọn các căn lợi độn, đều làm cho họ được giải thoát).

Những đoạn trên là nói về phàm phu, Nhị Thừa, Bồ Tát, câu này có phạm vi càng rộng hơn nữa: Hết thảy căn tánh đều cùng được bao gồm toàn bộ!

(Diễn) Tận nhiếp lợi độn giả.

(演) 盡攝利鈍者。

(Diễn: Nhiếp trọn các căn lợi độn...)

Đây là nói về căn tánh của chúng sanh. Căn tánh của chúng sanh khá phức tạp. Trong Phật pháp, căn tánh được chia thành hai loại lớn là lợi căn và độn căn.

(Diễn) *Giáo tiểu, tắc bất bị đại căn.*

(演) 教小，則不被大根。

(Diễn): *Dạy pháp Tiểu Thừa sẽ chẳng hợp với căn tánh đại căn).*

Chữ “đại căn” chỉ người lợi căn. Nếu quý vị dạy pháp Tiểu Thừa, người căn tánh Đại Thừa sẽ chẳng muốn tiếp nhận, chẳng thích tu tập. Nếu quý vị giảng pháp Đại Thừa, kẻ căn tánh Tiểu Thừa chẳng tiếp nhận.

(Diễn) *Giáo đại, tắc hạ căn tuyệt phân.*

(演) 教大，則下根絕分。

(Diễn): *Dạy pháp Đại Thừa, kẻ hạ căn trọn chẳng có phần).*

Không có phần! Giống như lúc đức Thế Tôn thị hiện thành Phật thuở ấy, giảng kinh Hoa Nghiêm suốt mười bốn ngày dưới cội Bồ Đề, đó là “giáo đại”. Phạm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng có phần! Vì thế nghe kinh Hoa Nghiêm là những ai? Từ kinh văn, chúng ta thấy: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. “Bốn mươi một địa vị” chính là Thập Trụ Bồ Tát, Thập Hạnh Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, kèm thêm Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giáo. Những vị này đều là hàng đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, các Ngài nghe giảng, cảm thấy ý vị tràn trề. Những thánh giả Nhị Thừa và phạm phu khác chẳng thấy, chẳng nghe! Pháp hội của đức Phật trang nghiêm như thế, chúng ta chẳng thấy, mà cũng chẳng nghe. Phạm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi lặng lẽ dưới cội Bồ Đề, ai biết Ngài đang giảng kinh Hoa Nghiêm? Ai biết có nhiều vị Bồ Tát ngàn ấy đang nghe? Kẻ căn tánh nhỏ nhoi chẳng có phần trong Đại giáo! Bộ kinh này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) *Kim tắc thượng tự Bồ Tát, hạ cập du du phạm phu, vô cơ bất tiếp cố.*

(演) 今則上自菩薩，下及悠悠凡夫，無機不接故。

(Diễn): *Nay thì trên từ hàng Bồ Tát, dưới đến kẻ phạm phu lơ mơ, không căn cơ nào chẳng tiếp độ).*

Đây chính là “*thích hợp khắp ba căn, thấu trọn lợi căn lẫn độn căn*”. Có thể thấy được tầm rộng lớn, thù thắng của pháp môn này. Trong các buổi giảng, tôi thường nhắc nhở quý vị, bản thân tôi chấp thuận, tiếp nhận, tin tưởng, chiếu theo pháp môn này tu học là nhờ công sức của kinh Hoa Nghiêm. Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm mười mấy năm, bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 60 (1971), giảng mãi cho đến hiện tại chưa ngừng. Đây cũng là nhân duyên không đủ, giảng kinh Hoa Nghiêm một lượt mà vẫn chưa giảng viên mãn. Đại khái chỉ giảng được nửa bộ. Thầy Lý ở Đài Trung mỗi tuần giảng một lần, lão nhân gia bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 53 (1964), đã giảng hơn hai mươi năm mà mới giảng được một phần ba. Vì thế, trong quá khứ, thầy Lý đã hướng về thính chúng tuyên bố: “Tôi muốn giảng kinh Hoa Nghiêm viên mãn, rồi giảng một bộ A Di Đà Kinh lần nữa xong mới vãng sanh”. Các đồng tu ở Đài Trung đặc biệt lên Đài Bắc kiếm tôi, hỏi tôi: “Ước chừng thầy còn trụ thế bao lâu?” Tôi căn cứ vào tốc độ giảng kinh trước kia, tính toán tỉ mỉ, tôi nói thầy có thể sống tôi thiếu một trăm ba mươi tuổi. Nếu không, sẽ chẳng giảng xong kinh Hoa Nghiêm. Vì mỗi tuần thầy chỉ giảng một lần, còn có người phiên dịch, chỉ giảng một tiếng, nhưng bộ kinh này bản thân tôi đã giảng gần hai ngàn giờ. Bộ kinh này giảng xong phải từ hai ngàn năm trăm giờ cho đến ba ngàn giờ, phải mất thời gian dài như vậy.

Thế nhưng năm ngoái, lão nhân gia lại thay đổi chủ ý, Ngài nói Ngài chẳng cần giảng xong kinh. Vì thế, các đồng tu kiếm Ngài: “Thưa thầy! Thầy nói kinh phải giảng xong!” Thầy nói: “Nếu tôi giảng chín mươi năm, quý vị có thể nghe chín mươi năm hay không?” Mọi người không có năng lực đến nghe giảng suốt chín mươi năm! Vì vậy, đồng tu ở Đài Trung bảo tôi: “Năm ngoái, thầy đã bảo mọi người: Ngài giảng kinh hai năm nữa rồi không giảng”. Quý vị phải biết: Ngài không giảng sẽ vãng sanh. Lúc đó, chúng tôi rất sợ thầy sẽ nhanh chóng vãng sanh, nên tìm một bộ kinh lớn để giữ thầy lại. Kinh Hoa Nghiêm cũng là do tôi góp phần khai thỉnh, tám người chúng tôi khai thỉnh, thương lượng cách giữ chân thầy như thế nào, chẳng để thầy ra đi. Mọi người suy tưởng: Chỉ có cách thỉnh thầy giảng một bộ kinh lớn! Kinh chưa giảng xong, thầy sẽ chẳng tiện ra đi! Năm nay thầy đã chín mươi tám tuổi, vẫn đang giảng kinh.

Điều này cho thấy qua kinh Hoa Nghiêm, tôi cảm nhận sâu xa pháp môn này là pháp môn duy nhất để mười phương ba đời hết thầy chư Phật tiếp dẫn và thành tựu chúng sanh. Tốc độ giảng kinh Hoa Nghiêm của tôi nhanh hơn tốc độ của thầy Lý, vì tôi dành thời gian

giảng nhiều, lúc giảng nhiều nhất là giảng suốt sáu ngày một tuần, tôi dùng thời gian nhiều hơn Ngài. Vì sao biết [pháp môn Tịnh Độ là pháp môn duy nhất để mười phương ba đời hết thầy chư Phật tiếp dẫn và thành tựu chúng sanh]? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, phẩm cuối cùng là Nhập Pháp Giới Phẩm. Thanh Lương đại sư chia kinh này thành bốn phần “Tín, Giải, Hành, Chứng”. Phần cuối cùng chính là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tứ Thập Hoa Nghiêm là một bộ kinh hết sức hoàn chỉnh, lấy Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát làm đại biểu, Thiện Tài đồng tử nêu gương cho người tu hành. Thiện Tài là ai? Thiện Tài là người tu hành, là người tu học Phật pháp Đại Thừa. “*Thiện*” (善) là nói người ấy có thiện căn, “*Tài*” (財) là nói người ấy có phước đức. Tu học Đại Thừa mà không có thiện căn, thiếu phước đức sẽ không xong! Do vậy, thiện căn và phước đức phải đầy đủ, gặp một vị thầy giỏi, một vị thiện tri thức tốt đẹp, nhân duyên đầy đủ, thật đúng như trong kinh này đã nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Vì vậy, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải trọn đủ ba điều kiện, nhất định phải có thiện căn, có phước đức, lại phải có nhân duyên gặp gỡ một vị thiện tri thức chân chánh.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là thiện tri thức chân chánh, từ chỗ này chúng ta nhận biết, thấu hiểu, lãnh ngộ: Thầy của ngài Thiện Tài là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát tu pháp môn gì? Thừa quý vị, tu pháp môn Niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong kinh Hoa Nghiêm đã nói điều này rất rõ ràng! Thiện Tài là học trò đắc ý nhất của Văn Thù, đương nhiên Ngài nhất định truyền dạy pháp môn Niệm Phật. Chúng ta hãy mở phẩm Nhập Pháp Giới đọc kỹ, quý vị sẽ biết, quả nhiên không sai, xác thực là Ngài học pháp môn Niệm Phật. Niệm vị Phật nào? Niệm A Di Đà Phật, tức là pháp môn này của chúng ta. Thiện Tài đồng tử tu pháp này. Sở dĩ đến cuối cùng Ngài tham học năm mươi ba lần, quý vị phải hiểu vì sao thầy Ngài bảo Ngài đi tham học năm mươi ba lần? Quý vị phải hiểu ý nghĩa sau đây: Năm mươi ba lần tượng trưng cho các pháp môn và tri kiến khác nhau. Nói cách khác là các thứ dụ dỗ, mê hoặc thế gian và xuất thế gian, tượng trưng cho những thứ ấy. Năm mươi ba vị thiện tri thức có vị học Phật, cũng có vị là ngoại đạo, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề đều có. Trong ấy chỉ có năm vị tỳ-kheo xuất gia, cư sĩ tại gia chiếm đại đa số, ngoại đạo cũng không ít. Các thứ dụ dỗ mê hoặc như vậy, quý vị đều trông thấy, nghe

thấy, nhưng tâm quý vị chẳng động; đó gọi là “năm mươi ba lần tham học”. Quý vị thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, nhưng một câu A Di Đà Phật vẫn niệm đến tột cùng, quyết định chẳng bị lay động. Đó gọi là “năm mươi ba lần tham học”.

Do vậy, đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát làm một màn biểu diễn: Mươi đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Không chỉ dẫn Thiện Tài về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà còn dẫn trọn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; quý vị hãy nghĩ xem điều này có ý nghĩa ra sao? Đây là nhằm bảo quý vị: Quý vị tu hành muốn thành A La Hán, thành Bích Chi Phật, thành Bồ Tát thì có thể thực hiện được trong những thế giới phương khác. Quý vị muốn thành Phật, tức là thành Tạng Giáo Phật, thành Thông Giáo Phật, thành Biệt Giáo Phật thì đều có thể tu trong các thế giới nơi phương khác; nhưng muốn thành Viên Giáo Phật, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì chỉ có một chỗ, tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Qua kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được chuyện thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này, mới hiểu pháp môn Niệm Phật là pháp môn bậc nhất, là pháp môn phương tiện thù thắng bậc nhất để mười phương Như Lai giáo hóa chúng sanh trong vô lượng vô biên pháp môn.

Quý vị đọc Hoa Nghiêm rồi mới chết sạch so đo, kháng khí niệm A Di Đà Phật. Trước khi thông suốt kinh Hoa Nghiêm, tôi cũng chẳng khác gì quý vị cho mấy. Hôm nay tính đọc kinh này, ngày mai toan xem kinh khác! Tôi giảng kinh hai mươi bảy năm, trong quá khứ giảng nhiều thứ quá, vì sao? Do không chống đỡ nổi sự dụ dỗ, mê hoặc. Nếu tôi vừa học Phật bắt đầu giảng kinh, liền giảng một bộ kinh, giảng bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này suốt hai mươi bảy năm, ngày nay quý vị trông thấy tôi, ngay cả pháp sư Quảng Khâm trông thấy tôi cũng phải kêu tôi là A Di Đà Phật. Thật đấy, chẳng giả đâu!

Sở dĩ pháp môn quý ở chỗ chuyên nhất là vì chuyên nhất bèn thành công. Quá nhiều quá tạp thì thứ gì cũng chẳng tinh, đã chẳng thể lợi người, mà cũng chẳng thể lợi mình, hết sức đáng tiếc! Chúng tôi đọc bản kinh này, thấy mấy câu của Liên Trì đại sư, cảm thấy rất hợp lý! Kinh Hoa Nghiêm tiếp độ chúng sanh căn tánh Đại Thừa, kinh Di Đà thích hợp khắp ba căn, bất luận căn cơ như thế nào cũng đều bao gồm toàn bộ, quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, phải hiểu: Chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là kinh Di Đà. Văn Thù, Phổ Hiền đều cầu sanh thế giới Tây Phương, đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Chúng ta ngàn vạn phần đừng coi thường pháp môn này, đừng coi rẻ pháp môn này.

Hầu như tất cả những người thật sự thành tựu đều là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Thất, hộ trì đa chướng hành nhân, bất tao đọa lạc cố.

七、護持多障行人，不遭墮落故。

(Bảy là vì hộ trì hành nhân nhiều chướng ngại chẳng bị đọa lạc).

Đối với chúng ta mà nói, điều này quan trọng nhất, vì sao? Đối với chúng ta mà nói, chúng ta có lắm chướng ngại.

(Diễn) Hộ trì đa chướng giả, thử độ nghiệp phong hạo đại.

(演) 護持多障者，此土業風浩大。

(Diễn: Hộ trì kẻ nhiều nghiệp chướng: Cõi này gió nghiệp to lớn mênh mông).

“Nghiệp” là tạo nghiệp. Tạo nghiệp là gì? Thưa quý vị, khởi tâm động niệm là tạo nghiệp. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài bèn phân biệt, chấp trước, khởi vọng tưởng, đó gọi là “tạo nghiệp”. Tôi vừa mới nói: Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, những thứ dụ dỗ, mê hoặc quá nhiều, những sản phẩm mới khác lạ mỗi tháng, mỗi ngày. Chúng ta lợi dụng máy móc thu phát hình ảnh để giảng kinh, chúng ta là người làm chuyện này đầu tiên ở nơi đây, bắt đầu từ sáu năm trước. Hiện thời, những máy móc ấy cứ mỗi ba tháng lại xuất hiện sản phẩm mới, những thứ trước kia đều trở thành lạc hậu. Sức dụ dỗ, mê hoặc rất lớn. Khác lạ mỗi ngày, mỗi tháng, khiến cho chúng ta nghe đến hay tiếp xúc, chẳng thể không động tâm. Hễ quý vị vừa động tâm, liền bị ma khống chế. Do vậy, quý vị phải hiểu: Yêu ma quỷ quái là gì? Yêu ma quỷ quái chướng ngại quý vị, khiến quý vị sanh phiền não, giày vò quý vị. Những kẻ hằng ngày vắt óc suy nghĩ, tìm những thứ mới mẻ hoa dạng, tìm những sản phẩm mới để giày vò quý vị, là vì lẽ gì? Quý vị vừa trông thấy, trong lòng bèn nghĩ đồ đạc trong nhà mình đã lỗi thời, hãy mau mua thứ mới. Mua thứ mới chưa được mấy ngày, lại có thứ mới mẻ hơn xuất hiện. Tiền quý vị kiếm được hoàn toàn bị họ lừa sạch. Không chỉ bị họ lừa gạt, mà quý vị còn hằng ngày khổ não, lo lắng, làm cách nào cũng chẳng đuổi kịp bọn họ. Bàn tay của họ gọi là “bàn tay ma” (ma chướng), [mọi người] đều bị bàn tay ma nắm gọn. Quý vị

chẳng thoát ra được, nhưng nếu quý vị giác ngộ, ma chẳng có một tí biện pháp nào cả!

Một bộ quần áo tôi mặc mười năm chẳng rách, mặc kệ quý vị thích hoa dạng như thế nào, tôi như như bất động, tôi vẫn mặc bộ quần áo này. Mặc bộ quần áo này ra ngoài, người ta cười cợt, dè bieu, tôi bảo quý vị: “Cười đến chết cũng đáng, kẻ khác chết, tôi chẳng chết!” Nói chung, quý vị là kẻ được hàng Bồ Tát thương xót, chỉ sợ người khác cười chết luôn. Do vậy, quý vị vĩnh viễn bị ma khống chế, rất khổ sở! Một cái tử lạnh mà khéo gìn giữ, tối thiểu dùng được mười năm. Quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, chẳng bị lay động bởi cảnh giới bên ngoài, sẽ sống dễ dàng, sống tự tại, rất thoải mái!

Nếu quý vị hằng ngày truy cầu những thứ mới mẻ hoa dạng, sẽ khổ sở chẳng kham, khổ sở quá mức! Thế nhưng mọi người đều mê, mê man những thứ mới mẻ, kiêu cạo, những kẻ [ché ra những thứ ấy] là ma, là yêu ma quỷ quái. Nếu quý vị thật sự hiểu đạo lý này, đừng để chúng nắm giữ, đừng để chúng lừa gạt, tâm phải định. Tâm quý vị đã định, ma chẳng thể làm gì quý vị được, đạo nghiệp của quý vị mới có thể tăng trưởng, cuộc sống mới có thể dư giả, mới có thể sung sướng, chẳng bị ngoại cảnh lay động. Đây chính là nói tới “*nghiệp phong to lớn mệnh môn*”.

(Diễn) Trần cảnh thô cường, nan w tu tấn.

(演) 塵境粗強，難於修進。

(Diễn: Trần cảnh thô tháp, mạnh mẽ, khó thể tu hành tăng tấn).

“*Tu*” là tu hành, “*tấn*” là tăng tấn. Quả thật, xã hội hiện thời là trở lực (sức ngăn trở) không gì lớn bằng. Chỗ nào cũng đều dụ dỗ, mê hoặc quý vị. Không chỉ hoàn cảnh bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, mà còn có thứ dụ dỗ mê hoặc nghiêm trọng hơn nơi mặt tình cảm con người. Các pháp sư trong đạo tràng này ta đều có tình thân thiết, quen biết, không đến sẽ ngại lắm! Có ý nghĩ “ngại lắm” ấy, đạo nghiệp của chính mình bị làm lỡ, đúng như trong phần trước có nói: Sơ Phát Tâm Bồ Tát chẳng thể độ chúng sanh, mà cũng chẳng độ được chính mình. Do vậy, hãy suy nghĩ, sẽ thấy thái độ của lão pháp sư Ấn Quang vẫn là chính xác. Cổ nhân thường nói: “*Vô sự bất đặng Tam Bảo điện*” (không có chuyện gì, chẳng lên điện Tam Bảo). Quý vị đến đó để làm gì? Nghe kinh thì có thể tới, đả Phạt Thất có thể tới; chứ pháp hội nhằm cầu phước, tu phước, có đến hay không chẳng sao cả! Nghe kinh hòng hiểu rõ Lý, cho nên phải tới.

Niệm Phật là khảo thí công phu tu hành, cho nên cần tới. Những thứ khác đều chẳng tất yếu, quý vị đến để làm gì? Bởi lẽ, đạo nghiệp là khẩn yếu!

(Diễn) *Kim tác niệm Phật chúng sanh, Phật thường trụ đỉnh, vĩnh vô ma sự cố.*

(演) 今則念佛眾生，佛常住頂，永無魔事故。

(Diễn: *Nay chúng sanh niệm Phật thì Phật thường ở trên đầu, vĩnh viễn không có ma sự).*

Điều này là chân thật, nhưng quý vị phải nhớ kỹ: Quý vị phải thật sự niệm Phật thì mới được. Quý vị nhất tâm trì danh, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí thường hộ niệm quý vị. Không chỉ Tây Phương Tam Thánh hộ niệm, mà kinh này giảng đến phần sau, quý vị mới biết: Mười phương hết thấy chư Phật, không một vị nào chẳng hộ niệm, vì sao? Vì bộ kinh này là kinh được hết thấy chư Phật hộ niệm. Quý vị nhất tâm thọ trì, nói cách khác, hết thấy chư Phật, không một vị nào chẳng hộ niệm quý vị, làm sao quý vị gặp chướng ngại cho được? Đương nhiên là chẳng thể! Nếu quý vị tam tâm, nhị ý là xong, Phật chẳng thể hộ trì quý vị, vì sao? Quý vị chưa thành thực, chưa thể thành tựu trong một đời

này. Nhất tâm trong một đời này ta quyết định muốn vãng sanh Tịnh Độ, vậy thì chư Phật nhất định giúp đỡ, nhất định chiếu cố, nhất định thỏa nguyện cho quý vị. Quý vị tam tâm, nhị ý thì chính mình chẳng có quyết tâm. Do vậy, chẳng được chư Phật hộ niệm.

Chư vị phải hiểu rõ đạo lý này. Không phải là Phật đối xử bất bình đẳng với chúng sanh, mà do chúng sanh có ý niệm sai biệt. Đại đa số con người miệng nói muốn vãng sanh, nhưng trong tâm vẫn chẳng có ý nghĩ ấy! Vì thế, chư Phật hiểu rất rõ, các Ngài chẳng đến làm phiền quý vị. Quý vị thật sự có ý niệm ấy, thái độ sẽ hoàn toàn biến đổi, biến đổi bắt đầu từ chỗ nào? Điều thứ nhất, quý vị mỗi ngày chỉ đọc tụng bộ kinh này, tuyệt đối chẳng đọc bộ kinh thứ hai. Tôi nói với quý vị: Thờ tượng một vị Phật, hằng ngày nhìn vào tượng vị Phật ấy. Dù có tượng Phật tốt đẹp hơn nữa, cũng chẳng ngó tới, thật sự chuyên tâm, thật sự nhất tâm xưng danh. Vẫn còn nghĩ phải đọc cái này, xem cái nọ; cái này khá quá, cái kia cũng rất hay, quý vị chẳng chuyên tâm. Nói cách khác, quý vị chẳng được chư Phật, Bồ Tát gia trì! Quý vị phải đặc biệt ghi nhớ điểm này!

Vì thế, chúng ta thờ một bức tượng Phật, suốt đời đừng nên thay đổi, đừng nên cải biến, đến khi quý vị lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, A Di Đà Phật sẽ hiện thân giống hệt bức tượng quý vị đang thờ, chẳng thể hiện thân khác, vì sao? Quý vị hằng ngày nhìn Ngài, ấn tượng rất thân thiết. Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân, sẽ hiện thân tương thân thiết nhất đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị thờ suốt đời, lễ bái suốt đời, đến lúc ấy, Ngài quả nhiên đến đón tiếp quý vị, sẽ hoan hỷ lắm! Vì thế, thờ một bức tượng Phật, niệm một bản kinh, điều gì cũng chuyên nhất, trong mười hai thời, niệm niệm chẳng lìa bốn chữ hồng danh. Niệm sáu chữ cũng được. Đó mới là “*nhất tâm trì danh*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 50

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi bốn:

(Huyền Nghĩa) Thất, hộ trì đa chướng hành nhân, bất tao đọa lạc cố.

(玄義) 七、護持多障行人，不遭墮落故。

(**Huyền Nghĩa:** Bấy là vì hộ trì hành nhân lắm chướng ngại khiến cho họ chẳng bị đọa lạc).

“*Chướng*”: Chúng ta thường nói tới Nhị Chướng, Tam Chướng. “*Đa chướng*”: Nhất là trong thời Mật Pháp, nói cách khác, trong thời đại hiện tại của chúng ta, không chỉ là ngũ dục lục trần đem lại rất nhiều chướng ngại cho chúng ta. Ví như những điều mắt chúng ta thấy, tai chúng ta nghe đều khiến chúng ta khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là chướng ngại. Vì sao nói khởi tâm động niệm là chướng ngại? Phật pháp bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều lấy Thiền Định làm máu chốt tu học. Nói cách khác, tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng qua là những phương pháp hay phương cách khác nhau, tức là có tám vạn bốn ngàn loại phương tiện hay phương pháp khác nhau, nhưng đều tu điều gì? Tu Thiền Định mà thôi! Trong kinh đã nói rõ ràng pháp môn này là “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*”. Đây là Thiền Định, nhất tâm bất loạn là Thượng Thượng Thiền. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ: Chỉ cần gây chướng ngại cho nhất tâm bất loạn, khiến cho tâm chúng ta điên đảo, vọng tưởng, thì đều gọi là “*chướng ngại*”.

Trong thế gian hiện thời, chướng ngại quá nhiều, không thể kể xiết! Không chỉ pháp thế gian gây chướng ngại, mà lại thừa cùng quý vị, trong Phật pháp cũng chướng ngại trùng trùng! Người thế gian bị ngũ dục, lục trần chướng lấp, đọa lạc trong sanh tử luân hồi; người xuất gia học đạo bị kiến giải gây chướng: Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến, hai thứ kiến giải này gây chướng ngại, khiến họ chẳng đắc Thiền Định, chẳng thể đắc nhất tâm. Quả thật lắm chướng ngại! Vì thế, tôi thường khuyên các đồng tu: Chúng ta học thứ gì thì học một thứ, học hai thứ sẽ phân tâm, học ba thứ càng hỏng bét! Đúng như Thanh Lương đại sư khi giải thích đề mục kinh Hoa Nghiêm đã nói: Quý vị học nhiều thứ sẽ tăng trưởng tà kiến, đúng là chẳng giả chút nào! Tà kiến là gì? Chỉ cần là tri kiến thì đều gọi là tà kiến. Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có tri kiến, quý vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ hiểu rõ. Tôn giả Phú Lô Na thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni Phật: “*Vô minh do đâu mà có?*” Đức Phật bảo rõ ràng: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bản*” (Từ trên tri kiến lại lập thêm một cái biết nữa, đó là cội gốc của vô minh). Quý vị có tri kiến, đây chính là cội gốc của vô minh. Trong kinh Bát Nhã có câu: “*Bát Nhã vô tri*”. Vô tri là Phật tri Phật kiến, là tri kiến của Phật, là bản thể của cái tâm thanh tịnh, khi nó khởi tác dụng sẽ là “*không gì chẳng biết*”.

Tâm Phật thanh tịnh chẳng sanh một niệm. Khi Ngài đối trước đại chúng đông đảo dường ấy, chúng ta có rất nhiều phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, khổ não, đức Phật bèn giải đáp cho chúng ta từng điều một, phá trừ cho chúng ta. Đây chính là Ngài “*không gì chẳng biết*”, từ cái tâm thanh tịnh lưu lộ Bát Nhã trí chiếu. Do vậy, đó mới gọi là trí huệ chân chánh. Trí huệ chân chánh từ nhất tâm bất loạn mà có. Nói cách khác, nó vốn sẵn trọn đủ trong nhất tâm, chẳng phải do học được từ bên ngoài. Vì thế, chúng ta đã muốn tu nhất tâm bất loạn thì quý vị chỉ có thể đi theo một con đường mới hòng đạt được nhất tâm bất loạn. Quý vị đi theo hai con đường, sẽ chẳng thể nào không loạn! Quý vị đi ba con đường hay bốn con đường, mong chẳng bị loạn là chuyện không thể nào được! Vì thế, kinh chỉ cần học một thứ, thâm nhập một môn, đọc tụng cũng như thế. Đọc kinh là tu hành, là tu nhất tâm bất loạn, là Tam Học Giới - Định - Huệ hoàn thành cùng một lượt.

(Diễn) Hộ trì đa chướng giả, thử độ nghiệp phong hạo đại.

(演) 護持多障者，此土業風浩大。

(Diễn: Hộ trì kẻ lắm chướng ngại: Cõi này gió nghiệp to lớn, mênh mêng).

“Nghiệp” là nghiệp lực, “phong” (gió) là tỷ dụ. Gió là động, do nghiệp lực thúc đẩy quý vị.

(Diễn) Trần cảnh thô cường.

(演) 塵境粗強。

(Diễn: Trần cảnh thô tháp, mạnh mẽ).

Các thứ cảnh giới ngũ dục lục trần dụ dỗ, mê hoặc quý vị. Hiện thời, ngay cả Phật pháp cũng dụ dỗ, mê hoặc quý vị. Chúng ta là người nhất tâm niệm Phật, thấy đạo tràng nọ đã Thiên Thất, bên đạo tràng kia lại đang giảng kinh thuyết pháp. Ngoài ra, còn có Mật Tông đang học trì chú ở nơi kia, khiến tâm hoa của quý vị nhiều loạn, chẳng biết noi theo đường nào! Những chuyện ấy phá hoại nhất tâm, phá hoại đạo nghiệp của quý vị. Tục ngữ có câu: “*Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm*” (Thà khuấy động nước của ngàn con sông, chẳng khuấy động tâm người tu đạo). Ngũ dục lục trần khiến tâm quý vị dao động, vô

lượng pháp môn trong Phật pháp cũng khiến cho quý vị dao động. Do vậy, nguyên nhân khiến cho học Phật chẳng dễ gì thành tựu là ở chỗ này. Nếu có thể giữ vững một pháp, người ấy quyết định thành công.

Từ xưa đến nay, những bậc đại thiện tri thức vãng sanh không có bí mật nào khác, chỉ là suốt đời giữ vững một câu A Di Đà Phật, niệm đến tột cùng, họ bèn thành công. Chẳng những họ không tiêu nhiệm ngũ dục, lục trần, mà đối với vô lượng pháp môn cũng chẳng động tâm. Trong vô lượng pháp môn, ta chỉ vãng giữ một pháp môn là đủ rồi. Nếu quý vị đối với Phật pháp và thế gian pháp thứ gì cũng đều muốn học, sẽ đúng như Ấn Quang đại sư thường quở trách những kẻ sơ học: “*Muốn trở thành bậc đại thông gia, thứ gì cũng đều học, thứ gì cũng đều thông, kết quả, thứ gì cũng chẳng thể thành tựu*”. Đây chính là “*tham đa, tước bất lạn*” (tham nhiều, nhai chẳng nát). Mỗi thứ đều hiểu lớt phớt bề ngoài, thứ gì cũng chẳng đắc lực!

(Diễn) Nan u tu tân.

(演) 難於修進。

(Diễn: Khó thể tu hành tăng tấn).

Học nhiều, chẳng những không có tiến bộ, mà tu hành cũng sanh ra lắm chướng ngại to nặng, chẳng biết tu cái gì cho tốt đẹp. Do vậy, từ xưa đến nay, trong đạo tràng nhất định có tông chỉ, có đạo phong và học phong độc đáo đặc biệt, người ở nơi ấy nhất định có thành tựu. “*Đạo phong*” là pháp môn tu hành, là pháp môn tiêu biểu, là pháp môn được mọi người cùng nhau tu học. Đó là đạo phong. Ví như thư viện của chúng ta đề cao pháp môn Tịnh Độ. Mỗi Chủ Nhật kết hội niệm Phật, đó là đạo phong của chúng ta. Thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu chỉ giảng một bộ A Di Đà Kinh, đó là học phong của chúng ta. Kinh của chúng ta là một bộ, giảng xong bèn giảng lại từ đầu, giảng từng biến, từng biến vĩnh viễn không ngưng nghỉ, thâm nhập một môn! [Đó gọi là học phong].

Các vị đồng tu ở nơi đây cũng nghe rất lâu, mỗi một biến đều khác nhau, mỗi biến chẳng giống nhau. Có đồng tu nói với tôi: “Gần đây, kinh này giảng quá sâu, có những người mới học nghe không hiểu!” Không sai! Quả thật có sâu một chút. Nếu vẫn dùng phương pháp cũ như trước đây, giảng nông cạn như vậy, mọi người cũng chẳng muốn nghe, đều bỏ đi hết! Rốt cuộc, người mới đến thì ít, các đồng tu lâu năm thì nhiều, mỗi

biên [giảng] khác nhau thì quý vị mới biết mỗi chữ, mỗi câu trong bộ kinh này quả thật chứa đựng vô lượng nghĩa.

**(Diễn) Kim tác niệm Phật chúng sanh, Phật thường trụ danh
vĩnh vô ma sự cố.**

(演) 今則念佛眾生，佛常住頂永無魔事故。

**(Diễn: Nay chúng sanh niệm Phật thì Phật thường ở trên đỉnh
đầu, vĩnh viễn không có ma sự).**

Đây là sự thật, vì sao? Vì bộ kinh này là kinh được hết thầy chư Phật hộ niệm. Mười phương ba đời không có một vị Phật nào chẳng hộ niệm bộ kinh này, không có vị Phật nào chẳng hoằng dương bộ kinh này, không có vị Phật nào chẳng khuyên người vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ. Nếu quý vị niệm kinh Di Đà, tu hành pháp môn này, trong mười hai thời chẳng quên một câu A Di Đà Phật, chẳng phải là một hai vị Phật bảo vệ, che chở quý vị, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật đều phải chiếu cố quý vị, đều phải hộ niệm quý vị, làm sao quý vị gặp ma sự cho được? Quý vị chẳng gặp! Quý vị phải cẩn thận: Người tham Thiền, người trì chú học Mật dễ gặp ma chướng. Người niệm Phật mà thật sự niệm Phật, tuyệt đối chẳng có ma chướng. Đây là chỗ đặc biệt thù thắng của pháp môn này. Vì thế, đức Phật phải nói bộ kinh này, nhất là vì trong thời Mạt Pháp lắm chướng ngại, kinh này có thể hộ trì người tu hành, [khiến cho người ấy] chẳng đến nỗi gặp phải ma chướng, chẳng đến nỗi đọa lạc!

**(Huyền Nghĩa) Bát, đích chỉ tức hữu niệm tâm, đắc nhập vô
niệm cố.**

(玄義) 八、的指即有念心，得入無念故。

**(Huyền Nghĩa: Tám là nhằm chỉ đích xác: Dùng ngay cái tâm
hữu niệm để niệm Phật hòng nhập vô niệm).**

Điều này hết sức trọng yếu. Có rất nhiều người thường đến hỏi: “Chúng tôi nay đang dùng cái tâm phân biệt, tâm chấp trước để niệm Phật. Chúng tôi niệm bằng hữu tâm thì có thể thành công hay chẳng?” Thưa quý vị, có thể thành công! Hữu tâm niệm là Sự niệm. Trì danh niệm Phật có hai phương thức: Một là Sự Trì, hai là Lý Trì. Nhất tâm bất

loạn có hai thứ: Có Sự nhất tâm và có Lý nhất tâm. Hữu tâm niệm là Sự Trì, khi đạt đến vô tâm niệm bèn là Lý Trì; nhưng hiện thời chúng ta chưa thể học Lý Trì được, vì sao? Công phu chẳng đủ! Nhất định là trước hết phải từ Sự Trì, sau đây mới tiến nhập Lý Trì. Chúng ta đừng coi thường Sự Trì, vì sao? Quyết định vãng sanh! Thế giới Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư đều do Sự Trì thành công mà vãng sanh; còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì phải do Lý Trì mới có thể vãng sanh.

Nói đến công phu niệm Phật, có thể chia thành ba tầng cấp: Thứ nhất là công phu thành phiền. Quý vị phải biết, công phu thành phiền thật sự thì quý vị thành tựu vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng có ba bậc chín phẩm, ba phẩm bậc Thượng, ba phẩm bậc Trung và ba phẩm bậc Hạ. Đại khái từ Trung Thượng trở lên, tức là bốn tầng cấp Thượng Thượng, Thượng Trung, Thượng Hạ và Trung Thượng, có thể biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh. Vì thế, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới muốn đi lúc nào bèn ra đi lúc đó, muốn trụ thêm mấy năm bèn trụ bấy nhiêu năm thì phải niệm đến công phu nào? Thưa quý vị, niệm đến mức công phu thành phiền là được rồi. Công phu thành phiền bậc Thượng là đủ rồi, hoàn toàn chưa đạt đến nhất tâm bất loạn, chứ đã đạt đến nhất tâm bất loạn thì chẳng cần phải nói nữa.

Khi đạt tới Sự nhất tâm bất loạn, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Công phu này nếu dùng Tiểu Thừa để giảng thì tương đương với A La Hán và Bích Chi Phật, là công phu khá cao. Vì thế, A La Hán và Bích Chi Phật vẫn dùng hữu tâm, vẫn chưa đạt đến vô tâm. Nói theo Viên Giáo, vô tâm phải từ Sơ Trụ trở lên, còn trong Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên. Đây là hạng đại Bồ Tát, họ được kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Thân đại sĩ, mới đạt đến vô tâm. Do vậy, chúng ta niệm Phật, nhất định phải hiểu cảnh giới này. Công phu hiện thời của chúng ta thuộc tầng cấp nào, phải hiểu rõ ràng, minh bạch, chính mình hằng ngày phải nâng cao cảnh giới, giống như lão hòa thượng Quảng Khâm biết trước lúc mất, đến đi tự tại. Tôi thưa cùng quý vị: Mỗi một người đều có thể làm được, chỉ cần quý vị chịu tin tưởng, thật sự y giáo phụng hành, chiếu theo những lý luận, phương pháp và cảnh giới đã giảng trong kinh này để tu hành, không ai chẳng thành công.

Lại thưa cùng quý vị: Đây là đại sự duy nhất của chúng ta trong một đời này, những chuyện khác đều là chuyện “lông gà, vỏ tỏi” chẳng liên can gì tới mình, là chuyện thuộc về sanh tử, thuộc luân hồi, chẳng

phải là chuyện liên can tới ta. Nay chúng ta muốn liễu sanh tử, vượt thoát luân hồi thì phải thành Phật trong một đời này. Kinh này đã giảng rất khéo: Dẫu là Hạ Phẩm Hạ Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái bèn thành Phật. Nói cách khác, chẳng vãng sanh thì thôi, chỉ cần vãng sanh thì bất luận phẩm vị cao hay thấp sẽ đều thành Phật! Còn có pháp môn nào khác có thể thù thắng hơn pháp môn này hay chăng?

(Diễn) *Đích chỉ hữu niệm tâm giả, hữu niệm, tức niệm Phật chi tâm, vô niệm, tức Chân Như chi Thể.*

(演) 的指有念心者, 有念, 即念佛之心, 無念, 即真如之體。

(Diễn): “Chỉ đích xác dùng cái tâm hữu niệm để niệm Phật”: Hữu niệm là cái tâm niệm Phật, vô niệm là Thể của Chân Như).

“Vô niệm” là nói tới bản thể, tức là “Chân Như chi Thể”, đó là bản tánh của Chân Như, [hay nói gọn là] bản tánh. Lục Tổ đại sư nói rất hay: “Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn thanh tịnh”, đó gọi là “vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần?” Đây là vô niệm, vô niệm là bản thể của tự tánh. Hữu niệm là tự tánh khởi tác dụng. Hữu niệm được nói ở đây chính là cái tâm ý thức.

(Diễn) *Nhất thiết pháp môn, vô phi giáo nhân ly niệm, quy w Chân Như.*

(演) 一切法門, 無非教人離念, 歸於真如。

(Diễn): *Hết thấy các pháp môn, không pháp môn nào chẳng dạy người ta lìa niệm, trở về Chân Như).*

Câu này là tông cương lãnh của toàn bộ Phật pháp. Hết thấy pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, [kể cả] pháp môn Niệm Phật cũng không ra ngoài lệ ấy. Mục đích vãng sanh Tây Phương của pháp môn Niệm Phật là sanh vào Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Vì thế, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải tiếp tục tu hành không ngừng. Nếu chúng ta sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phải biết trên đó còn có cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Thường Tịch Quang. Giống như học hành trong nhà trường, quý vị đậu

Đại Học mới là năm thứ nhất, phía trên còn có năm thứ hai, năm thứ ba, năm thứ tư thì mới tốt nghiệp. Pháp môn này cũng không nằm ngoài lệ ấy, cũng phải “*quy u Chân Như*” (trở về Chân Như); nhưng trong các hạnh môn khác, để đạt đến cảnh giới này, phải trải qua một thời gian rất dài, thường nói là “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”. Vô lượng kiếp tu hành mới có thể thành tựu, nhưng pháp môn Tịnh Độ thật sự thành tựu trong một đời. Chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu viên mãn Bồ Đề cũng là một đời. Vì thế, pháp môn này được gọi là “*Phật pháp thành tựu trong một đời*”.

(Diễn) Kim thử pháp môn, bất tất xả niệm, đắc nhập vô niệm cố.

(演) 今此法門, 不必捨念, 得入無念故。

(Diễn: Nay pháp môn này không cần xả niệm mà nhập vô niệm).

Chúng ta chẳng khởi nghi hoặc, chẳng bận lòng, một câu Phật hiệu niệm đến tột cùng, cũng chẳng cần phải hỏi là hữu niệm hay vô niệm, cứ niệm là được rồi. Niệm đến khi tâm cảnh của quý vị thanh lương, tự tại, tự nhiên sẽ có cảm ứng. Đó là chỗ thù thắng của pháp môn này.

(Huyền Nghĩa) Cứu, xảo thị nhân u vãng sanh, thật ngộ Vô Sanh cố.

(玄義) 九、巧示因於往生, 實悟無生故。

(Huyền Nghĩa: Chín là khéo léo chỉ bày: Do vãng sanh mà thật sự ngộ Vô Sanh).

Ý nghĩa này giảng như thế nào? Chúng ta hãy xem sách Diễn Nghĩa.

(Diễn) Thật ngộ Vô Sanh giả, pháp bản vô sanh.

(演) 實悟無生者, 法本無生。

(Diễn: “Thật ngộ vô sanh”: Pháp vốn vô sanh).

Đây là sự thật. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật đã nói: “*Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*” (Pháp này trụ pháp vị, tướng thế

gian thường trụ). Hết thấy pháp thật sự bất sanh bất diệt, trong cảnh giới của Bồ Tát, [sự thấy biết ấy] gọi là Vô Sanh Pháp Nhân. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị sâu thấy hết thấy pháp bất sanh, bất diệt. Vì thế, đức Phật nói “hết thấy pháp vô sanh”, Ngài đã thấy. “*Nhân*” có thể hiểu là “đồng ý”. Đức Phật nói hết thấy pháp bất sanh, con đồng ý, con chấp nhận, đó gọi là Vô Sanh Pháp Nhân. Thế nhưng đối với lũ phàm phu chúng ta thì chưa được, bọn phàm phu chúng ta thấy hữu tình chúng sanh có sanh, già, bệnh, chết, vô tình chúng sanh như thực vật có sanh, trụ, di, diệt, khoáng vật cho đến tinh cầu có thành, trụ, hoại, không. Sanh diệt trong từng sát-na, vô thường! Chúng ta thấy như vậy! Đức Phật và các vị đại Bồ Tát thấy hoàn toàn khác hẳn chúng ta. Đức Phật và các vị đại Bồ Tát thấy hết thấy pháp bất sanh bất diệt, chúng ta không có cách nào tiếp nhận điều này, không có cách gì thấu hiểu được. Nhưng điều đức Phật nói chính là chân tướng, còn những gì chúng ta thấy là “vọng tướng” (tướng hư vọng). Khi nào chúng ta mới có thể thấy được chân tướng sự thật? Tôi lại thưa cùng quý vị: Thật ra, tướng đều là chân thật, trong tướng đâu có chân hay vọng? Chân hay vọng là do cái tâm của chính mình.

Cái tâm của chúng ta hiện thời là tâm sanh diệt, vọng tâm, khởi lên ý niệm, một ý niệm này vừa sanh, ý niệm kia bèn diệt, đó gọi là “*sanh diệt tâm*”. Dùng cái tâm sanh diệt thấy Thật Tướng của các pháp thì tướng bất sanh bất diệt cũng biến thành tướng sanh diệt, giống như dùng máy thu hình để quay phim, một giây chụp được hai mươi bốn tấm. Mỗi lần ống kính mở bèn chụp một tấm, ngay lập tức đóng lại, sau đó mở ra lại chụp tấm thứ hai. Trong một giây mở đóng hai mươi bốn lần, chụp được hai mươi bốn tấm. Đặt hai mươi bốn tấm phim ấy trong máy chiếu để chiếu liên tục, quý vị sẽ thấy hình ảnh giống như thật, điện ảnh mà! Thật ra là từng tấm phim một, chúng bất động, căn bản là không có sanh diệt. Trên màn bạc quý vị thấy những động tác, nhưng nếu mở cuộn phim ra xem, nó không có động tác, bất sanh, bất diệt! Tâm chúng ta giống như ống kính đóng mở trong máy thu hình. Do cái tâm sanh diệt mà thấy cảnh giới bên ngoài là tướng sanh diệt, chuyện là như vậy đó. Vì sao Phật, Bồ Tát thấy hết thấy pháp bất sanh bất diệt? Phật, Bồ Tát đã diệt cái tâm sanh diệt, đã đạt nhất tâm bất loạn. Sanh diệt là nhị tâm, chẳng phải là nhất tâm. Nhất tâm là bất sanh bất diệt. Do vậy, quý vị dùng cái tâm bất sanh bất diệt để nhìn cảnh giới bên ngoài thì nó cũng là bất sanh bất diệt. Quý vị dùng cái tâm sanh diệt, sẽ thấy cảnh giới bên ngoài là sanh diệt.

Những điều đức Phật đã dạy trong kinh là dựa trên Nhị Đế để thuyết pháp. Nhị Đế là gì? Một là Chân Đế, tức cảnh giới do chính Ngài đã chứng đắc, Ngài nói lời chân thật, bảo chúng ta hết thấy các pháp bất sanh bất diệt. Tục Đế là thuận theo tri kiến của mọi người, theo kiến thức thông thường, nói hết thấy pháp có sanh, có diệt, nói hết thấy pháp vô thường, tùy thuận chúng ta mà nói. Giữa Chân Đế và Tục Đế, quyết định không có mâu thuẫn, chúng ta phải thấu hiểu điều này. Pháp chân thật là “*pháp vốn vô sanh*”, đã là vô sanh, đương nhiên vô diệt. Trung Quán Luận giảng đạo lý này bằng “*bát bất*” như sau: “*Bất sanh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị, bất lai, bất khứ*” (chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng khác, chẳng đến, chẳng đi). Câu nào cũng đều là lời chân thật.

(Diễn) *Chúng sanh mê muội, ở vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt.*

(演) 眾生迷昧，於無生中，妄見生滅。

(Diễn: *Chúng sanh mê muội, từ trong vô sanh mà lầm lạc thấy có sanh diệt).*

Đó gọi là phàm phu, gọi là chúng sanh. Mê hoặc, điên đảo, nhìn sai chân tướng sự thật, nhìn chẳng sanh diệt thành có sanh diệt. Do vậy bèn có khổ não, hễ sanh thì quý vị bèn hoan hỷ, hễ diệt bèn đau khổ. Những thứ “*khổ, lạc, ưu, hỷ, xả*” ấy nói thật ra cũng là giả, cũng chẳng thật, chúng là một loại cảm nhận không đúng mực, không bình thường. Cảm nhận đúng mực bình thường sẽ gọi là Tam-muội. Chữ Tam-muội như trong kinh Phật nói được dịch [sang tiếng Hán] là Chánh Thọ. Chánh Thọ tức là sự hưởng thụ đúng mực, bình thường. Sự hưởng thụ đúng mực bình thường là thanh tịnh, trong hết thấy cảnh giới tâm không có phân biệt, chấp trước. Vì thế, nói hết thấy khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng nhận lấy, đó gọi là Chánh Thọ. Cái tâm ấy gọi là Phật tâm. Chúng ta học Phật chủ yếu là học cái tâm này, tâm ấy là chân tâm, là bản tánh. Học Phật không gì chẳng nhằm khôi phục cái bản tánh ấy mà thôi!

(Diễn) *Túng dục diệt sanh quy vô, kỳ sanh chuyển xí.*

(演) 縱欲滅生歸無，其生轉熾。

(Diễn: Nếu muốn diệt “*sanh diệt*” để trở về vô sanh thì cái tâm *sanh diệt* ấy càng mạnh mẽ).

“*Sanh*” là sanh diệt. [“*Diệt sanh*”] là diệt trừ sự sanh diệt. “*Quy vô*” là vô sanh. [“*Diệt sanh quy vô*”] là diệt trừ sự có sanh diệt nhằm trở về vô sanh. Quý vị muốn làm như vậy sẽ bị rắc rối lớn, “*kỳ sanh chuyển xí*” (sự sanh diệt ấy càng thêm mạnh mẽ): “*Sanh*” ấy chính là tâm sanh diệt, [quý vị toan diệt trừ cái tâm sanh diệt] thì cái tâm sanh diệt ấy ngày càng lừng lẫy. Nếu quý vị không tin, có thể thử xem! Quý vị ngồi nơi đó: “Tâm tôi chuyện gì cũng không nghĩ đến, tôi niệm A Di Đà Phật”. Ngồi chưa được bao lâu, chẳng biết là bao nhiêu ý niệm từ nơi đâu khởi lên! Càng mong trấn áp những ý niệm ấy, ý niệm càng nhiều; trấn áp cách nào cũng không trấn áp được, đó là “*kỳ sanh chuyển xí*”. Chuyện này phiền phức lắm!

Nói thật ra, trọn chẳng phải là lúc bình thường quý vị không có vọng niệm nhiều như thế. Lúc bình thường vọng niệm cũng nhiều ngàn ấy, nhưng quý vị không cảm nhận được. Một phen lắng lòng chú ý, mới phát hiện vọng niệm nhiều dường ấy. Làm như thế nào? Quý vị đừng sợ! Từ xưa đến nay, ngay cả lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, tuyệt đại đa số các đồ đệ của Ngài giống hệt như chúng ta, chẳng có sai biệt gì; nhưng quý vị phải cảnh giác: Hãy mặc kệ vọng niệm, đừng quan tâm đến chúng. Quý vị càng quan tâm, vọng niệm càng nhiều; càng cố ngăn dứt, càng chẳng được! Biện pháp tốt nhất là xoay chuyển sức chú ý. Ví như chúng ta niệm Phật, toàn bộ tinh thần tập trung nơi Phật hiệu, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, ta chỉ chú ý sao cho Phật hiệu không gián đoạn, vọng niệm sẽ mất, [vọng niệm] nhiều cũng được, ít cũng được, thiện niệm cũng được, ác niệm cũng được, nhất loạt không quan tâm đến nó. Quý vị mặc kệ vọng niệm, nó sẽ tự nhiên ít đi!

Toàn bộ tinh thần chuyên chú nơi một câu Phật hiệu, câu Phật hiệu sẽ hữu lực. Có sức gì vậy? Có sức mạnh diệt vọng niệm. Có rất nhiều người chẳng biết phương pháp này; vọng niệm vừa khởi, kẻ ấy không dám niệm Phật nữa. Kẻ ấy nói: “Khi tôi không niệm Phật thì chẳng có vọng niệm. Khi vừa mới niệm Phật, vọng niệm càng nhiều”. Để cho vọng niệm diệt mất Phật hiệu, vậy là hồng bút rồi! Chẳng thể được! Làm lẫn to lớn! Do vậy, đồng tu gặp phải tình hình ấy đừng sợ hãi, nhất định phải dùng Phật hiệu để diệt vọng niệm, ngàn vạn phần đừng để vọng niệm diệt Phật hiệu, [nếu để vọng niệm diệt mất Phật hiệu thì] không có cách nào hết! Phương pháp này chính là dùng sức chú ý để

đốc toàn bộ tinh thần nơi Phật hiệu, đó gọi là công phu. Vọng niệm của quý vị ngày một giảm thiểu, quý vị niệm Phật có tiến bộ, cảnh giới hết sức tốt đẹp. Khi nào niệm đến mức vọng niệm không còn nữa, đó chính là công phu thành phiền. Tuy chẳng có vọng niệm, nhưng hoàn toàn chưa đoạn phiền não, thì gọi là công phu thành phiền. Vọng niệm không có, mà phiền não cũng đoạn, quý vị đã đắc nhất tâm bất loạn.

Ở đây có một sự khảo nghiệm, phải thường tự khảo nghiệm chính mình trong cảnh giới. Ví như quý vị gặp thuận cảnh chẳng sanh tâm hoan hỷ, trong nghịch cảnh chẳng sanh tâm nóng giận, do công phu ấy, quý vị mới thật sự nắm vững sự vắng sanh. Nếu nói “hiện thời, tôi không có hết thấy vọng niệm” mà người ta chửi quý vị mấy câu, tuy chẳng nổi nóng ùng ùng, nhưng nói chung vẫn có một tí bực bội, công phu quý vị nêu tính hết mức chỉ là công phu thành phiền, chưa đạt đến nhất tâm bất loạn! Vì sao? Nếu đạt đến nhất tâm bất loạn thì Kiến Tu phiền não thấy đều đoạn hết, chẳng sanh nữa, lẽ nào quý vị vẫn còn sanh [lòng bực bội]? Vẫn còn có lúc [nóng giận] trời lên đôi chút thì chúng tỏ quý vị chưa đoạn phiền não, chỉ là công phu sâu, đè nén phiền não, khiến cho phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành. Thứ công phu này là công phu thành phiền, là đời nghiệp vắng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Người thật sự đoạn phiền não, tâm chắc chắn thanh tịnh. Nay quý vị cầm dao giết người ấy, người ấy cũng chẳng có một niệm sân hận vì tâm sân hận đã đoạn, không còn tâm sân hận. Nay quý vị đem bảy báu trong khắp tam thiên đại thiên thế giới cúng dường người ấy, người ấy cũng chẳng sanh lòng hoan hỷ vì người ấy chẳng có tâm tham, đã thật sự đoạn rồi! Vì thế, hề có mấy may ưa ghét nào, chúng tỏ quý vị chưa đoạn phiền não, công phu dù tốt đẹp đến mấy vẫn là “lấy đá đè cỏ”. Chỉ cần đá đè được cỏ, chắc chắn sẽ vắng sanh. Đó là ba bậc chín phẩm vắng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Dùng công phu này thì chẳng có cách nào thành tựu trong các pháp môn khác được! Trong các pháp môn khác, nhất định phải đoạn Kiến Tu phiền não rồi mới có thể liễu sanh tử, xuất tam giới. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có mình pháp môn này là đời nghiệp vắng sanh, chỉ cần quý vị chế ngự phiền não là được rồi, không cần đoạn! Quý vị phải hiểu, đoạn phiền não khó lắm, khuất phục phiền não thì chúng ta có thể làm được. Trong một đời, chúng ta có thể khuất phục phiền não, không thành vấn đề! Tôi có thể nói là ai nấy đều có thể làm được, nhưng đoạn phiền

não thì chẳng thấy ai cũng đều có thể làm được! Trong ngàn vạn người, khó được một kẻ!

Trong thứ tự tu hành, nhất định là trước hết phải chế phục phiền não. Chế phục rồi tiến thêm bước nữa là mong đoạn phiền não. Đoạn phiền não rồi tiến thêm bước nữa là cầu khai trí huệ. Công phu có ba tầng cấp. Thật ra, điều này cũng chẳng khác gì những điều đã nói trong Thiên Tông. Trong tác phẩm chú giải kinh Kim Cang, cư sĩ Giang Vị Nông nói học Thiên có ba tầng cấp. Thật ra, ba tầng cấp như ông ta đã nói cũng là một thứ mang tánh nguyên tắc trong Phật pháp. Thiên chẳng tách rời, mà Giáo cũng chẳng tách rời nguyên tắc ấy. Công phu thứ nhất là quán chiếu, quán chiếu và công phu thành phiền tương đồng. Tầng thứ hai là chiếu trụ; chiếu trụ giống Sự nhất tâm bất loạn. Tầng công phu thứ ba là chiếu kiến, giống như Lý nhất tâm. Trong Tâm Kinh, “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”, đây là chiếu kiến, là tầng công phu cao nhất. Đối với người niệm Phật, [công phu này] là Lý nhất tâm bất loạn; nhưng thấp hơn công phu này thì nhất định phải có chiếu trụ hay quán chiếu. Vì vậy, yêu cầu thứ nhất của chúng ta trong hiện thời là mong sao một câu Phật hiệu có sức mạnh hàng phục phiền não.

Thật ra, phương pháp trong kinh Kim Cang không hay bằng pháp môn Niệm Phật. Trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề nêu ra hai câu hỏi: Nên trụ như thế nào và nên hàng phục cái tâm như thế nào. Dem hai câu này hỏi người niệm Phật thì đâu cần phải nói nhiều như thế? Tôi phải làm thế nào để hàng phục vọng niệm và cái tâm vọng tưởng ư? Niệm A Di Đà Phật là được rồi! Tâm của tôi phải trụ ở nơi đâu ư? Trụ nơi A Di Đà Phật là được rồi! Quý vị thấy đó: Kinh Kim Cang nói dài dòng dường ấy, đối với người niệm Phật, một câu A Di Đà Phật giải quyết hết sạch, đơn giản hơn nhiều! Pháp môn này đúng là đơn giản nhất, thẳng chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, chí viên, chí đốn, chẳng phiền phức tí nào. Pháp môn này thù thắng, những điều tốt đẹp trong pháp môn này quá nhiều!

(Diễn) Kim nữ xảo thị vãng sanh, thật ngộ Vô Sanh cố.

(演) 今乃巧示往生, 實悟無生故。

(Diễn: Nay bèn khéo chỉ bày vãng sanh để thật sự ngộ Vô Sanh vậy).

“*Ngộ Vô Sanh*” là ngộ Vô Sanh Pháp Nhân, [người ngộ Vô Sanh] là Pháp Thân đại sĩ, Lý nhất tâm bất loạn. Không cần tu Lý nhất tâm bất loạn ở nơi đây, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi sẽ tu, chắc chắn thành công! Tu tại nơi này, thật là khó khăn. Ở nơi đây, trước hết, chúng ta chỉ tu giai đoạn thứ nhất để cầu vãng sanh. Sau khi đã vãng sanh, chúng ta lại tu Vô Sanh Pháp Nhân. Kinh Nhân Vương có nói Ngũ Nhân Bồ Tát, tức là chia Bồ Tát thành năm loại. Vô Sanh Pháp Nhân Bồ Tát thuộc loại thứ tư [trong Ngũ Nhân], thuộc tầng cấp thứ tư, địa vị này rất cao. Vô Sanh Pháp Nhân được chia thành ba phẩm: Thượng phẩm là Cửu Địa tức Thiện Huệ Địa Bồ Tát, trung phẩm là Bát Địa tức Bất Động Địa Bồ Tát, hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhân là Thất Địa tức Viễn Hành Địa Bồ Tát. Cao hơn [Vô Sanh Pháp Nhân] là Tịch Diệt Nhân cũng có ba phẩm: Hạ phẩm là Thập Địa tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, trung phẩm là Đẳng Giác, thượng phẩm là Phật, địa vị này hết sức cao. Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo chân thật chỉ dạy chúng ta một con đường, bảo chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự ngộ nhập “*hết thấy các pháp vốn bất sanh*”, ngộ nhập cảnh giới ấy. Nói cách khác, thấp nhất cũng là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa Bồ Tát, hết sức gần với Phật.

(Huyền Nghĩa) Thập, phục minh kính lộ tu hành, kính trung chi kính cố.

(玄義) 十、復明徑路修行，徑中之徑故。

(Huyền Nghĩa: Mười, lại chỉ rõ đường tắt tu hành, là đường tắt nhất trong các đường tắt).

Chúng ta cũng hết sức vui thích mong cầu, “*kính lộ*” là đường gần. Ai muốn đi đường vòng? Ai muốn đi đường xa xôi? Bất luận chúng ta đến nơi nào, đều mong đi theo đường gần nhất, đỡ mất thời gian, đỡ tốn sức. Trong Phật pháp, Tiểu Thừa là đường xa, Đại Thừa là đường gần. Trong Đại Thừa, trong các con đường tắt lại có con đường tắt hơn. Thiên là đường tắt nhất trong những con đường tắt, nhưng trong Thiên lại có đường tắt hơn nữa là niệm Phật! Vì thế, niệm Phật được gọi là “*kính trung kính hựu kính*” (là con đường tắt hơn con đường tắt nhất trong những con đường tắt). Nói cách khác, nó là con đường gần nhất để thành Phật, quyết định có thể thành Phật trong một đời. Chúng ta thấy: Qua các đời, những vị đại đức vãng sanh bất luận xuất gia hay tại gia,

chẳng biết bao nhiêu vị từ Thiên mà quay lại. Lão hòa thượng Quảng Khâm từ Thiên trở về Tịnh, Ngài vốn là người đi theo đường tắt, phát hiện nơi đường tắt còn có một con đường tắt hơn nữa, Ngài đi theo con đường gần nhất bèn thành tựu. Chúng ta phải thật sự giác ngộ điều này!

(Diễn) Niệm Phật, dĩ thị tu hành kính lộ, nhi trì danh niệm Phật, dẫn dĩ tứ tự hồng danh, trực đăng Bất Thoái, sự bất phiền nhi công cực đại, cố vị kính trung chi kính.

(演)念佛，已是修行徑路。而持名念佛，但以四字洪名，直登不退，事不繁而功極大，故為徑中之徑。

(Diễn: Niệm Phật đã là đường tắt trong tu hành, mà trì danh niệm Phật chỉ dùng bốn chữ hồng danh để lên thẳng Bất Thoái, hành trì chẳng phiền phức mà thành công to lớn nhất, cho nên nó là đường tắt nhất trong các con đường tắt).

Đây là dựa theo Niệm Phật để nói. Có rất nhiều phương pháp niệm Phật: Có Quán Tưởng, Quán Tượng, Thật Tướng và Trì Danh, nhưng Trì Danh là thuận tiện nhất, là con đường tắt trong tu hành. Trong một đời này, chúng ta có thể gặp gỡ pháp môn này, quý vị phải biết đó là do thiện căn, phước đức, nhân duyên tu thành trong vô lượng kiếp. Ba điều kiện ấy quý vị đều có đủ, đúng như kinh Di Đà đã dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà hòng sanh về cõi ấy). Nay chúng ta hội đủ cả ba điều kiện ấy, lẽ đâu chẳng vãng sanh? Nhất định vãng sanh! Nếu chẳng thể vãng sanh, hãy tự trách chính mình lười nhác, chính mình nghiệp chướng nặng nề, nghe [giảng giải pháp môn Tịnh Độ] xong mà đối với pháp môn này vẫn nửa tin nửa ngờ! Thế nào là nửa tin nửa ngờ? Quý vị chẳng chuyên tâm, vẫn muốn học pháp môn khác, vẫn muốn đọc kinh điển khác, chẳng thật sự tin tưởng pháp môn này, đó gọi là nghiệp chướng.

Điều gì khiến cho nghiệp chướng không còn? Trong một đời này, ta niệm bộ kinh này, niệm một câu A Di Đà Phật, nghiệp chướng gì cũng chẳng còn! Quý vị hãy nghĩ xem, quý vị còn có chướng ngại nào nữa! Quý vị nghe ở nơi kia đang giảng kinh Pháp Hoa, tâm lại động: “*Kinh Pháp Hoa tuyệt lắm!*” Đó là nghiệp chướng! Chướng ngại ngay lập tức dấy lên, quý vị đã khởi nhị tâm. Lại nghe ngóng ở chỗ nọ: “*Kinh*

Bát Nhã khá quá! Kinh Bát Nhã là mẹ của chư Phật”, tâm lại động, lại toan học Bát Nhã. [Trông thấy] vị pháp sư nọ trì giới, lại đắp y trì bát. Đúng là một gã hồ đồ, đó gọi là nghiệp chướng. Thứ gì cũng đều chẳng làm, [chỉ nên] làm một thứ thôi, nghiệp chướng bèn tiêu trừ, không còn nữa. Vì thế, tiêu trừ nghiệp chướng, có thể tiêu trừ sạch sẽ nghiệp chướng hay không là do chính mình nhận biết, là do một niệm của chính mình. Trong các buổi giảng, tôi thường nhắc nhở quý vị đồng tu: Tập khí của chúng ta quá nặng, tâm tham không buông xuống được, thứ gì cũng đều muốn học, thứ gì cũng đều muốn biết một chút! Biết nhiều, nghiệp chướng nhiều! Cổ nhân nói: “Tri sự đa thời, phiền não đa” (Khi càng biết nhiều, càng lắm phiền não). Quý vị biết kinh điển nhiều quá! Tri kiến của quý vị nhiều quá! Tri kiến là chướng ngại của người học Phật. Phiền não nhiều, nhất định đọa trong tam ác đạo. Tri kiến nhiều, đọa nghiệp chẳng thể thành tựu. Tri kiến chướng ngại pháp xuất thế gian, phiền não chướng ngại pháp thế gian. Do vậy, càng ít tri kiến càng tốt!

Nhưng người trẻ tuổi tập khí nặng nề, căn bệnh này to đùng. Tôi nói với quý vị, quý vị chẳng phục. Quý vị vẫn muốn học nhiều, học rộng, nghe nhiều, vẫn muốn thân cận nhiều vị thiện tri thức, đến các nơi quy y loạn xạ: Tôi quy y bảy tám vị thầy, người kia quy y mười mấy vị thầy, đúng là hết biết nói gì nữa! Thầy đông quá, quý vị nghĩ xem: Phải học theo vị nào mới nên? Vị sư phụ này bảo tôi học Thiên, vị sư phụ kia bảo tôi học Mật. Được rồi, tôi học hết, học một đống loạn cào cào, kết quả là thứ gì cũng học chẳng thành! Quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này:

Ngày hôm nay quý vị có thể ngồi tại giảng đường này trong một tiếng rưỡi là do trong đời đời kiếp kiếp về trước, quý vị đều là người tu hành đã thân cận chư Phật Như Lai. Vì sao ngày hôm nay lại đọa lạc đến mức này? Là vì quý vị muốn học rộng nghe nhiều, muốn thân cận nhiều vị thiện tri thức, muốn quy y nhiều vị pháp sư. Vì thế, hôm nay thành ra nông nổi này, đã sai lầm rồi! Thật sự muốn giác ngộ thì phải nhanh chóng quay đầu, chỉ đi theo một con đường, đi hai con đường chắc chắn chẳng thông! Một bộ kinh, một pháp môn, nhất là pháp môn này thật sự đơn giản!

“Đản dĩ tứ tự hồng danh” (chỉ dùng bốn chữ hồng danh) A Di Đà Phật, “trục đặng Bất Thoái” (lên thẳng Bất Thoái), chúng ta chớ nên xem thường, đọc lướt qua câu này. Phải hiểu “trục đặng Bất Thoái” chẳng phải là chuyện tầm thường! Ba thứ Bất Thoái thì mức độ thấp

nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, có phần nơi hội Hoa Nghiêm, là Pháp Thân đại sĩ. Chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, ngang bằng với Quán Âm, Thế Chí.

“*Sự bất phiền nhi công cực đại*”: Niệm một câu A Di Đà Phật đúng là đơn giản, dễ hiểu, chẳng phiền phức. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, không một pháp môn nào có công đức lợi ích sánh bằng được! Thế nhưng vấn đề mấu chốt là quý vị có thật sự tin hay không? Đối với hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian quyết chẳng động tâm, đó là “chân tín”. Quý vị còn đọc kinh khác, xem sách khác, còn đến các nơi nghe người ta giảng diễn, tức là quý vị không có chân tín, như vậy là vô ích! Chân tín là chết sạch so đo, khẳng khái nơi một môn này. Đối với những kinh sách xếp nơi giá sách bên cạnh, thấy mà như chẳng thấy, chẳng liên can gì với ta. Những thứ đó để cúng dường người khác, cúng dường những người chẳng tin, còn ta đã tin rồi, Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa để cúng dường chúng ta. Những thứ khác thuộc Tam Tạng mười hai phần giáo để cúng dường những ai chưa tin.

Thật sự đầy đủ Tín - Nguyện - Hạnh thì người ấy chỉ có một bộ kinh này, những kinh khác đều buông xuống hết. Đây mới là thật sự đầy đủ lòng tin thanh tịnh, tín tâm kiên định. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, điều kiện để vãng sanh thế giới Tây Phương là tín nguyện, điều kiện khiến cho phẩm vị cao hay thấp là “*tri danh sâu hay cạn*”. Quý vị càng niệm nhiều, phẩm vị sẽ cao, niệm ít thì phẩm vị thấp. Có thể vãng sanh hay không là do tín nguyện quyết định. Nếu quý vị tam tâm nhị ý, đây chẳng phải là chân tín. Vì thế, có tín tâm kiên định, tín tâm thanh tịnh thì trong một đời này, chúng ta nhất định thành tựu, quyết định chẳng bị lỡ làng. Vì thế, pháp môn này chẳng khó!

Tôi giảng kinh tới nay là hai mươi bảy năm rồi, mọi người hỏi tôi về tâm đắc, A Di Đà Phật là tâm đắc của tôi. Nếu tôi chẳng giảng suốt hai mươi bảy năm, tôi cũng chẳng tin tưởng! Tôi học Phật hơn ba mươi năm, giảng kinh hai mươi bảy năm, bản thân tôi thể nghiệm được. Vì thế, hiện thời tôi chẳng giảng những thứ khác. Có những đồng tu trong số quý vị nghe tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy tôi giảng kinh Hoa Nghiêm là giảng về gì vậy? Toàn là giảng A Di Đà Kinh. Cầm cuốn kinh Hoa Nghiêm để giảng kinh A Di Đà, câu nào cũng đều là giảng kinh A Di Đà, bản thân tôi thật sự đạt được điều tốt đẹp này, thật sự đạt được lợi ích này.

Tôi thưa cùng quý vị: Tôi quyết định vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tôi nắm chắc điều ấy, quyết định vãng sanh! Khuyến mọi

người đều nên vãng sanh, tốt đẹp lắm! Có nhiều người muốn di dân sang Mỹ, không nên! Nước Mỹ vẫn nằm trong lục đạo luân hồi! Nhất định phải di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là ổn thỏa, thích đáng. Chúng ta tiếp tục đọc phần Sớ, đó là lời chú giải cho đoạn văn Huyền Nghĩa.

(Sớ) Thích kiên hạ văn.

(疏) 釋見下文。

(Sớ: Lời giải thích xin xem trong kinh văn ở phần sau)

“Thích” (釋) là giải thích. Trong phần sau, Liên Trì đại sư sẽ giải thích tường tận từng điều. Ở đây, chúng ta nói đại lược, chẳng qua nhằm giảng diễn đề mục mà thôi, nội dung đều nằm trong những phần sau.

(Sớ) Nhi sanh khởi hữu tự, dụ như câu tảo.

(疏) 而生起有序，喻如鈎鎖。

(Sớ: Nhưng sanh khởi có thứ tự, ví như các mắt xích).

Đây là nói rõ: Mười ý nghĩa này mỗi điều đều có quan hệ liên đới, trước tiên nói điều thứ nhất, từ điều thứ nhất sanh ra điều thứ hai, từ điều thứ hai lại sanh ra điều thứ ba. Mười ý nghĩa liên kết với nhau. Vì sao biết? Đoạn văn này do chính Liên Trì đại sư tự viết, Ngài chỉ sợ chúng ta không thấy rõ nên bảo cho chúng ta biết.

(Sớ) Sơ, dĩ chúng sanh mê nịch, vị tác tân lương.

(疏) 初、以眾生迷溺，為作津梁。

(Sớ: Điều thứ nhất, do chúng sanh mê muội, chìm đắm nên làm cầu bến cho họ).

Đây là ý nghĩa thứ nhất trong phần nhân duyên. Chúng sanh quá thật đáng thương, mê hoặc, điên đảo, “mê” (迷) là ngu si, vô minh, “nịch” (溺) là chìm đắm trong ngũ dục lục trần, không có sức để tự mình vượt thoát. Vì thế, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi làm “tân lương” cho chúng ta. “Tân” (津) là bến đò, “lương” (梁) là cái cầu. Chính quý vị không có năng lực vượt sông, hãy vượt sông sẽ chết đuối, các Ngài đại từ đại bi dựng cầu cho quý vị để quý vị bình an vượt qua. Đây là nói tỷ dụ.

Phật độ chúng sanh bằng chính pháp môn Niệm Phật này, đây gọi là “*độ rốt ráo, độ chân thật*”, những pháp môn khác đều là phương tiện độ, người thật sự thấu hiểu ý nghĩa này không nhiều. Bản thân tôi lãnh hội điều này, được đặc lực là nhờ mười lăm năm giảng kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, nên tôi mới hiểu niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc là độ rốt ráo, là độ chân thật. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong Hoa Tạng hải hội còn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đủ thấy dầu sanh về Hoa Tạng, sau đây vẫn cần phải quay một vòng, vẫn phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng đi thẳng thừng, rốt ráo, thỏa đáng như chúng ta, tôi mới bèn thật sự thấu hiểu vì sao kinh này gọi là “*kinh được hết thấy chư Phật hộ niệm*”. Mười phương thế giới hết thấy chư Phật độ chúng sanh, chỉ có một pháp môn này. Người ta không tin tưởng pháp môn này, nên [đức Thế Tôn mới phải] quẹo đường vòng, nói ra các pháp môn khác, nói tới cuối cùng, vẫn phải quay về pháp môn này, đó là sự thật ngàn vạn phần xác đáng.

Nói cách khác, bất luận quý vị tu học một pháp môn nào, đến cuối cùng chẳng tu pháp môn này sẽ không được! Quý vị nói dù cao, dù hay đến đâu đi nữa, Thiên cũng thế, mà Mật cũng thế, bất luận người ấy học pháp nào, đến cuối cùng, chẳng tu pháp môn này sẽ chẳng viên mãn Bồ Đề! Vì thế, có thể tiếp nhận, tin tưởng pháp môn này, chiếu theo pháp môn này để tu học sẽ là đại thiện căn, đại phước đức! Chúng ta nhất định phải cảnh giác điều này, cũng phải do may mắn chúng ta mới có thể gặp gỡ pháp môn này; đó là nhờ thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp đến nay, thật sự giống như trong bài kệ Khai Kinh đã nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”.

(Sớ) Nhị, sở dĩ năng vi tân lương giả, vị hữu tối thắng phương tiện cố.

(疏) 二、所以能為津梁者，為有最勝方便故。

(Sớ: Thứ hai, sở dĩ có thể làm cầu bến là vì có phương tiện tối thắng).

Vì sao nói là có thể làm cầu bến cho chúng sanh? Là vì có phương tiện thù thắng nhất.

(Sớ) Tam, hà danh tối thắng phương tiện? Dĩ năng trực độ phàm phu cố.

(疏) 三、何名最勝方便，以能直度凡夫故。

(Sớ: Ba, vì sao gọi là phương tiện tối thắng? Do có thể trực tiếp độ phàm phu).

Chẳng đi đường vòng, mà là thẳng chóng. Do thành tựu trong một đời, chẳng giống như các pháp môn khác phải chuyển qua bao nhiêu khúc quanh, quẹo bao nhiêu góc, đến cuối cùng vẫn phải trở về nơi đây. Pháp môn này thẳng chóng cho nên là phương tiện tối thắng.

(Sớ) Tứ, khởi độ phàm phu, diệt độ Nhị Thừa thánh nhân cố. Ngũ, khởi độ Nhị Thừa, diệt độ Bồ Tát cố. Lục, khởi độ nhân trung, diệt độ nhất thiết chúng sanh cố.

(疏) 四、豈獨凡夫，亦度二乘聖人故。五、豈獨二乘，亦度菩薩故。六、豈獨人中，亦普度一切眾生故。

(Sớ: Bốn, há chỉ độ phàm phu mà còn độ thánh nhân Nhị Thừa. Năm, há chỉ độ Nhị Thừa, mà còn độ Bồ Tát. Sáu, há chỉ độ con người mà còn độ khắp hết tất cả chúng sanh).

Mấy câu này có thể nói gộp lại, tức là như thường nói “*thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn*”, trên là từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, không một ai chẳng độ, đủ thấy pháp môn này rộng lớn thù thắng. Nguyên tắc là một, chỉ cần quý vị tin tưởng, chỉ cần quý vị phát nguyện là được rồi, chỉ cần quý vị niệm một câu Phật hiệu đến tột cùng thì sẽ thành công. Quý vị phải hiểu: Tín nguyện thanh tịnh cũng có thể diệt tội, cũng có thể trừ chướng. Tôi vừa mới nói: Tôi thật sự tin tưởng môn này, những môn khác tôi không quan tâm đến, chướng ngại của tôi không còn nữa, tội chướng tiêu trừ rồi!

“Tôi tin tưởng pháp môn này, nhưng vẫn tu tập pháp khác”, vậy là chướng ngại của quý vị chưa tiêu trừ, lòng tin chưa thanh tịnh, giống như năm trước, khi tôi giảng kinh ở Mỹ, cũng đặc biệt nhấn mạnh pháp môn Niệm Phật. Ở Mỹ, phong khí học Thiên và Mật hết sức mạnh mẽ, tôi giảng xong, trong thính chúng có không ít người quay đầu; nhưng có người bèn hỏi các đồng tu của họ, trong số ấy có mấy người rất có địa vị, tiếng tăm, hỏi họ: “Nghe như thế nào?” Họ nói: “Rất hay! Tôi phát tâm

tu Tịnh Độ”. Người ta hỏi: “Chuyện tu Mật của ông thì tính sao?” “Tạm thời chẳng buông bỏ, tôi còn thử xem có linh hay không?” Người ấy tạm thời [ngưng tu Mật], chẳng buông bỏ, đó là lòng tin chưa thanh tịnh! Nếu lòng tin thật sự thanh tịnh thì đã bỏ phía bên kia rồi. Lòng tin đã thanh tịnh, đích xác tiêu tai, thoát nạn, diệt tội, trừ chướng; vì thế, người ấy nhất định vãng sanh.

Quý vị hằng ngày muốn tiêu tai diệt tội, chẳng biết dùng phương pháp nào cho tốt đẹp. “Tôi lạy Lương Hoàng Sám, tôi bái Thủy Sám”, những thứ ấy đều gọi là xen tạp! Nếu tín tâm thanh tịnh, những thứ ấy đều buông xuống hết, chướng ngại không còn nữa. Tâm thanh tịnh, tội chẳng còn. Trong tâm có vọng niệm, bèn có nghiệp chướng, có tội nghiệp. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, suy nghĩ kỹ càng đạo lý này. Suy nghĩ thông suốt đạo lý, quý vị sẽ chịu làm, mà cũng yên lòng, nhất định không có nghi hoặc! Sau đó, câu Phật hiệu của quý vị mới có thể đắc lực.

(Sớ) Thất, khởi độ bình xir độ sanh, thiên độ chướng ngại cố.

(疏) 七、豈獨平處度生，偏度障難故。

(Sớ: Bấy, nào phải chỉ độ những chúng sanh bình thường, mà còn riêng độ [những kẻ gặp] chướng ngại).

Ý nghĩa này càng thù thắng. Chẳng những chúng sanh bình thường có thể đắc độ, mà còn khăng khăng độ những chúng sanh mắc chướng nạn đặc biệt nặng nề. Đây là nói đến bản thân chúng ta vậy. Chúng ta nay quả thật là nghiệp chướng nặng nề, ngày nay chúng ta gặp nạn cũng nặng nề hơn cổ nhân, chướng nạn lớn nhất trong các chướng nạn. Pháp môn này thật sự độ chúng ta.

(Sớ) Bát, tuy vân độ sanh như thị quảng đại, thật bất ly chúng sanh nhất niệm đắc nhập vô niệm cố.

(疏) 八、雖云度生如是廣大，實不離眾生一念得入無念故。

(Sớ: Tám, tuy nói độ sanh rộng lớn như thế, nhưng thật ra chúng sanh chẳng lìa nhất niệm mà được nhập vô niệm).

Câu này là nói theo Lý, nhằm đặc biệt củng cố tín tâm cho chúng ta, khiến cho chúng ta thấu hiểu pháp môn này quyết chẳng thua các pháp môn khác. Vì sao? Pháp môn này có căn cứ lý luận cao nhất, thù thắng nhất.

(Diễn) Niệm nhập vô niệm giả, niệm thể bản Không, nhân vọng cố hữu.

(演) 念入無念者，念體本空，因妄故有。

(Diễn: “Từ hữu niệm nhập vô niệm”: Bản thể của niệm vốn là Không, do vọng mà thành Có).

Phàm là hữu niệm thì đều gọi là vọng niệm.

(Diễn) Kim dĩ vọng tức vọng, như dĩ độc công độc, bệnh dữ thể bình, vọng cùng chân lộ cố.

(演) 今以妄息妄，如以毒攻毒，病愈體平，妄窮真露故。

(Diễn: Nay dùng vọng để dứt vọng, như dùng độc trị độc, bệnh lành, thân thể bình phục, vọng hết, chân lộ).

Mấy câu này nêu ra lý luận. Trong tất cả vọng niệm, nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có phải là vọng niệm hay chẳng? Đương nhiên là vọng niệm, nhưng quý vị phải hiểu: Có những vọng niệm gần với chánh niệm. Có những vọng niệm hoàn toàn tương phản với chánh niệm một trăm tám mươi độ. Trong hết thảy vọng niệm, chỉ có duy nhất một niệm này (niệm A Di Đà Phật) là gần gũi với chánh niệm nhất. Một niệm này nhắc nhở quý vị trong từng niệm hãy lia hết thảy vọng niệm. Nếu chúng ta thêm Nam-mô vào một niệm này thành Nam-mô A Di Đà Phật sẽ có nghĩa là “quy y Vô Lượng Giác”. Giác là chánh niệm, bất giác là vọng niệm. Do vậy, niệm niệm quy y Vô Lượng Giác. Do vọng niệm này gần với chánh niệm nhất, cho nên gọi là phương pháp “dĩ độc công độc, dĩ vọng tức vọng” (dùng độc để trị độc, dùng vọng để dứt vọng). Một câu A Di Đà Phật dứt hết thảy vọng niệm.

Tôi vừa mới thưa cùng quý vị: Khi niệm Phật, có vọng niệm dấy lên. Khi vọng niệm dấy lên, đừng quan tâm tới nó, hãy tập trung tinh thần vào câu Phật hiệu, căn bản là ta không quan tâm xem vọng niệm ấy dấy lên hay diệt mất. Đây là dùng một niệm để đối phó hết thảy vọng

niệm. Công phu sử dụng lâu ngày, dùng dăm ba năm, trong thời gian tàn một cây hương, tức là từ một tiếng đến một tiếng rưỡi, trong một câu Phật hiệu này chẳng dấy lên vọng niệm nào, hoặc là nếu trong [thời gian ấy, niệm] một câu Phật hiệu mà còn khởi lên dăm ba vọng niệm, công phu của quý vị khá tốt, chẳng giống như hiện thời: Niệm được một hai phút, không biết bao nhiêu là vọng niệm sanh khởi. Đây chính là kinh nghiệm của cổ nhân, dùng biện pháp “*dùng vọng dứt vọng, dùng độc trị độc*”.

“*Bệnh dữ*” (lành bệnh) chính là vọng niệm chẳng sanh, tâm khôi phục sự thanh tịnh. Vọng niệm chẳng sanh là công phu thành tựu. Công phu thành phỉen đạt từ trung phẩm trở lên là vọng niệm chẳng sanh. Có đoạn vọng niệm hay chưa? Chưa đoạn! Vì công phu của quý vị rất đặc lực, cho nên vọng niệm chẳng sanh. Thừa cùng quý vị, đạt đến mức vọng niệm chẳng sanh thì quý vị đã cảm ứng đạo giao cùng chư Phật. Nói cách khác, quý vị đã nhận biết tin tức về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tự mình pháp hỷ sung mãn.

Quý vị rất có tín tâm đối với chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã đạt được tin tức rồi, tín tâm tăng trưởng. Vì thế, trong thế gian này, phải biết tiếng tăm, lợi dưỡng, phú quý, những thứ lộn xộn ấy đều là giả, đừng phí uổng thời gian tốt đẹp vào những chuyện ấy! Làm những chuyện ấy, nói chung là sanh tử luân hồi, tạo nghiệp tam ác đạo.

Vì thế, hiện thời tu đạo là tu đạo gì vậy? Tu ba ác đạo! Tu tham - sân - si chẳng phải là tu ba ác đạo đó sao? Đều là đạo! Người ta nói người ta tu đạo, không sai? Kể ấy tu, nhưng tu ba ác đạo! Hằng ngày tu cái tâm tham là tu ngạ quỷ đạo; thấy người khác bèn ghen ghét, sân hận là tu địa ngục đạo; tà chánh, thị phi không rõ ràng, hồ đồ, mờ mịt là tu súc sanh đạo. Kể ấy tu những đạo ấy!

(Diễn) Sanh đắc vô sanh giả, sanh vô hữu Thể, dĩ niệm vi Thể.

(演) 生得無生者, 生無有體, 以念為體。

(Diễn: “Do sanh mà đắc vô sanh”: Sanh không có Thể, lấy niệm làm Thể).

“Niệm” là vọng niệm, hết thầy pháp sanh diệt đều từ tâm sanh diệt biến hiện ra. Đúng là “*phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như*

mộng, huyền, bào, ảnh” (hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng). Kinh Kim Cang nói những lời chân thật như vậy.

(Diễn) Niệm bất không, tác sanh bất không, niệm không, tác sanh không cố.

(演) 念不空，則生不空，念空，則生空故。

(Diễn: Niệm chẳng không nên sanh chẳng phải là không, nếu niệm là không thì sanh cũng không).

Có niệm là có sanh diệt. Khi vô niệm thì sanh diệt chẳng còn, nên mới có thể thấy pháp tánh. Thiền gia nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” thì mới có thể đạt được cảnh giới này.

(Sớ) Cửu, ký tức niệm đắc vô niệm, diệt tức sanh đắc vô sanh cố.

(疏) 九、既即念得無念，亦即生得無生故。

(Sớ: Chín là đã do niệm mà đắc vô niệm, thì cũng do sanh mà đắc vô sanh).

Đây là nói về cảnh giới, công phu tu học của chúng ta đã đạt đến mục đích.

(Sớ) Thập, thông cai tiền cửu.

(疏) 十、通該前九。

(Sớ: Điều thứ mười bao gồm cả chín điều trước).

Nói rõ pháp môn này là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các đường tắt.

(Sớ) Tri thử trì danh niệm Phật, kính trung chi kính cố, hựu diêu thị kính trung chi kính, nãi năng tâm lương Mật Pháp cố.

(疏) 知此持名念佛，徑中之徑故，又繇是徑中之徑，乃能津梁末法故。

(Sớ: Biết pháp trì danh niệm Phật này là đường tắt nhất trong các con đường tắt, lại nữa, do là con đường tắt nhất trong các con đường tắt nên mới có thể làm cầu bến trong thời Mật Pháp).

Đặc biệt chỉ ra: Trong thời đại hiện tại của chúng ta là “*thời kỳ Mật Pháp, đấu tranh kiên cố*”, trong hoàn cảnh đại chương đại nạn như vậy, muốn cầu liễu sanh tử xuất tam giới, trừ pháp môn này ra, tôi chỉ thành khẩn thiết thưa cùng quý vị, không có con đường thứ hai nào để đi cả!

Thiền và Mật tôi đều biết, tôi không phải là kẻ lơ mơ, tôi đã giảng không ít kinh điển, ngữ lục của Thiền Tông. Tôi giảng Lục Tổ Đàn Kinh rất nhiều lần, kinh Kim Cang tôi giảng cặn kẽ nhất. Do vậy, nói đến khẩu đầu Thiền, tôi mạnh hơn bọn họ, họ nói không lại tôi. Nói đến Mật thì tôi không học Mật, nhưng thầy tôi là đại sư Mật Tông, tôi là học trò của Chương Gia đại sư, tôi theo học với Ngài ba năm, những đường lối trong Mật Tông tôi đều biết, không có gì có thể lừa được tôi!

Chọn đi chọn lại, vẫn chỉ có pháp môn này là đáng nương tựa, quyết định có thể thành công. Những pháp môn khác tuy hay, nhưng tôi chẳng dám nói là tôi nắm chắc có thể thành tựu trong một đời này, chẳng dám nói như thế.

Đối với pháp môn này, bản thân tôi dám nói là tôi quyết định nắm chắc trong một đời này, tôi có thể thành công. Vì vậy, tôi cũng biết các vị đồng tu nếu thật sự chết sạch so đo, khẳng khẳng tu học pháp môn này, ai nấy đều thành tựu, ai nấy đều thành Phật trong một đời. Hôm nay tôi giảng đến chỗ này.

Tập 51

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi lăm:

(Huyền Nghĩa) Sơ, đại bi mãn Mật Pháp vị tác tân lương giả, Phật thành đạo thời, dĩ đương trước thế, hướng kim Mật Pháp, chánh nhập đấu tránh, chuyển triển lãg di, hậu chi hựu hậu, giai lại thử kinh thân lực, cứu bạt dư sanh, khởi phi chí cực bi tâm, dự thùy tế độ.

(玄義) 初大悲憫末法為作津梁者，佛成道時，已當濁世。況今末法，正入鬥爭，轉展陵夷，後之又後，皆賴此經神力，救拔餘生，豈非至極悲心，預垂濟度。

(Huyền Nghĩa: Thứ nhất, “đại bi thương xót đời Mật Pháp mà làm cầu bến”: Khi đức Phật thành đạo đã nhằm đời trước, hướng chi nay là đời Mật Pháp, đúng vào lúc tranh đấu, hiếp đáp lẫn nhau, đời đã sau lại càng sau hơn nữa, đều nương vào thân lực của kinh này để cứu vớt các chúng sanh trong đời sau, há chẳng phải là bi tâm đến tột bậc rủ lòng ban sẵn cách tế độ ư?)

Bắt đầu từ chỗ này, từ đây trở đi có mười tiêu đoạn, đại sư giảng tỉ mỉ nhân duyên [vì sao] đức Phật nói kinh [A Di Đà]. Đây là tiêu đoạn thứ nhất. Đối với đoạn này, sách Diễn Nghĩa có lời chú giải như sau:

(Diễn) Vị tác tân lương giả, tân, tế độ xír; lương, kiều dã. Dĩ nhất cú Di Đà, vận thử ngạn chúng sanh trí ư bỉ ngạn, thị vị tác tân lương dã.

(演) 為作津梁者，津，濟度處；梁，橋也。以一句彌陀，運此岸眾生置於彼岸，是為作津梁也。

(Diễn: “Làm cầu bến”: Tân là chỗ tế độ, lương là cầu. Dùng một câu Di Đà đưa chúng sanh từ bờ này sang bờ kia, đấy là “làm cầu bến”).

Đây là tỷ dụ, tu học Phật pháp khác với pháp thế gian. Mục đích của sự tu học pháp thế gian chẳng ngoài học lấy một kỹ năng, hoặc là

học một số kiến thức, chúng ta cũng có thể gọi đó là trí huệ, tức trí huệ thế gian, nhằm vào mục đích ấy. Tu học Phật pháp nhằm mục đích liễu sanh tử, xuất tam giới. Do vậy, hoàn toàn khác với pháp thế gian. Mục đích khác nhau, đương nhiên cách thức tu học cũng khác nhau. Có những chỗ nhìn vào thì tu Phật pháp dường như giống hệt pháp thế gian, nhưng thật ra đó là nhìn từ bề ngoài, chứ nội dung thực chất hoàn toàn khác nhau.

Xuất thế thật sự chẳng đơn giản. Từ kinh điển, chúng ta thường thấy, nếu chính mình lưu ý một chút, quý vị sẽ nhận thấy: Chiếu theo cách nói của đức Phật trong kinh điển, mỗi đồng tu chúng ta không phải là đời này mới học Phật. “Đời này mới học Phật” tức là trong đời quá khứ chưa hề tiếp xúc, quý vị sẽ không thể ngồi ở đây một tiếng rưỡi được, ngồi năm phút hay mười lăm phút đã muốn bỏ đi rồi. Quý vị có thể an tâm ngồi ở đây một tiếng rưỡi, lần sau vẫn lại tới, quý vị chẳng đơn giản lắm đâu: Nhiều đời nhiều kiếp đều học Phật, nhưng học Phật như thế nào? Chẳng thể vượt thoát tam giới, vẫn ở trong sanh tử luân hồi. Do đây, có thể biết: Liễu sanh tử, thoát luân hồi đích xác là chẳng dễ dàng, chuyện này khó khăn hơn hết thảy các pháp thế gian rất nhiều! Pháp thế gian cao nhất là sanh lên trời, trong kinh Phật đã nói rõ: Có hai mươi tám tầng trời, cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, [sanh lên trời] chẳng khó khăn cho lắm! Muốn vượt thoát tam giới, so ra khó khăn hơn nhiều!

Đức Phật dạy chúng ta rất nhiều pháp môn, đây cũng là phương pháp. Những phương pháp ấy có những thứ ta có thể chọn lấy, có những thứ ta không có cách gì chọn được, vì những phương pháp ấy đích xác là mỗi người mỗi khác, chẳng hề thấy mỗi thứ phương pháp đều sử dụng thích hợp cho mọi người chúng ta. Nếu dùng sai phương pháp, chẳng những chúng ta không đạt được lợi ích, mà ngược lại còn bị hại. Do vậy, Phật pháp là do Phật, Bồ Tát dùng để cứu người, nhưng nếu dùng không thích hợp thì cũng có thể hại người. Giống như thuốc thang vậy, thuốc có thể trị bệnh, có thể cứu người, nhưng dùng không phù hợp, sẽ khiến bệnh nặng hơn, cũng khiến cho người ta mất mạng. Tác dụng của Phật pháp đích xác là giống hệt như tác dụng của thuốc thang. Vì thế, chúng ta nhất định phải chú tâm cẩn thận, nhất định phải có thiện tri thức hay người từng trải chỉ dạy. Trong đại kinh, đại luận, đức Phật bảo chúng ta: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải*” (Phật pháp không có người nói thì dù có trí cũng chẳng thể hiểu được). Người thông minh trí huệ bậc nhất trong thế gian cầm lấy kinh Phật [để đọc], cũng chẳng có

cách nào [hiểu đúng ý Phật], họ lý giải theo kiểu dùng tri kiến thế gian để hiểu Phật pháp, đây chẳng phải là chân thật nghĩa trong Phật pháp, giống như trong bài kệ Khai Kinh đã nói: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, khá là khó khăn! Do vậy, khi đức Phật tại thế thì không có vấn đề gì, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, cũng chẳng đến nỗi khiến cho chúng ta mê hoặc, lệch lạc. Nay chúng ta sống nhằm thời kỳ Mạt Pháp, Phật chẳng còn ở nơi đời, Bồ Tát lẫn Thanh Văn đều chẳng trụ thế, phiền phức to lớn. Trong vô lượng pháp môn, chúng ta chọn lấy phương pháp nào thích hợp, chẳng đến nỗi sai lệch, chẳng đến nỗi lầm lẫn, chẳng đến nỗi mắc hại, mà lại còn có thể thành công? Nói đến chỗ này, quý vị bèn hiểu rõ: Đức Phật nói ra kinh này là vì ý nghĩa này.

“*Đại bi môn niệm Mạt Pháp vị tác tân lương*” (Đại bi thương xót đời Mạt Pháp, làm cầu bến). Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng “*thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh nghiệp thành tựu*”, tu Tịnh Độ sẽ có thành tựu! Chúng ta sống trong thời Mạt Pháp, nếu không nghe lời Phật, vẫn tu học các pháp môn khác, đi theo ngã rẽ, trong tương lai chẳng có thành tựu, quý vị chẳng thể trách Phật. Đức Phật đã nói rõ ràng, nhưng chính quý vị không chịu nghe lời! Chính quý vị thật sự chịu nghe, chiếu theo lời Phật răn dạy để tu hành, chắc chắn có thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, người tu pháp môn này thành tựu quá nhiều. Chúng ta thấy truyện ký ghi chép [cũng như thấy] trước mắt, người niệm Phật tự tại vãng sanh, biết trước lúc mất, không có bệnh khổ, chúng ta thấy không chỉ một hai người mà thấy rất nhiều người! Đây mới thật sự là chỗ từ bờ này sanh tử sang bờ kia Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, bất sanh, bất tử. Bộ kinh này là công cụ để độ thoát chúng ta, “*tân lương*” là công cụ.

(Diễn) Phật thành đạo hạ, tuy văn hữu tam chuyển, thuyết đại bi hữu tam, nhi chánh ý trọng tại Mạt Pháp, quán đề trung Mạt Pháp nhị tự khả tri.

(Sớ) Dĩ đương trước thế giả.

(演) 佛成道下，雖文有三轉，說大悲有三，而正意重在末法，觀題中末法二字可知。

(疏) 已當濁世者。

(Diễn: Từ chữ “Phật thành đạo” trở đi, tuy lời văn có ba lần chuyển ý, nói ra lòng đại bi có ba thứ, nhưng ý nghĩa chánh yếu là nói

đến thời Mạt Pháp, nhìn vào hai chữ Mạt Pháp trong tựa đề, ta có thể biết được ý nghĩa ấy.

Sớ: “Đã thuộc đời trước” là...)

Trước hết, chúng ta phải hiểu thế nào là Trước? Có trước thì đương nhiên sẽ có lúc “thanh” (trong treo). Kinh Phật dạy chúng ta: Tuổi thọ cao nhất của con người là tám vạn năm, tuổi thọ ngắn nhất là mười năm. Cứ mỗi một trăm năm bèn tăng một tuổi, mãi cho đến khi [con người thọ] tám vạn bốn ngàn năm, bèn từ tám vạn bốn ngàn năm giảm dần, cứ mỗi một trăm năm giảm một tuổi, lại giảm đến mười tuổi. Một chu kỳ tăng giảm như vậy gọi là một kiếp. Con người trường thọ nhất định là phước báo lớn; tuổi thọ ngắn, phước sẽ mỏng. Từ tám vạn bốn ngàn năm giảm mãi xuống hai vạn năm, cõi nhân gian chẳng tốt đẹp, tình hình đó được gọi là “trước thế” (đời ô trước). Nói cách khác, khi con người tuổi thọ cao hơn hai vạn năm, lúc ấy chẳng gọi là “trước thế”. Từ hai vạn tuổi trở xuống bèn gọi là “trước thế”.

(Sớ) Nhân thọ nhị vạn tuế thời, tức nhập Kiếp Trước.

(疏) 人壽二萬歲時，即入劫濁。

(Sớ: Khi con người thọ hai vạn năm, chính là lúc bước vào Kiếp Trước).

Đây là lúc bước vào đời Ngũ Trước.

(Sớ) Thích Ca xuất thời, nhân thọ bách tuế.

(疏) 釋迦出時，人壽百歲。

(Sớ: Khi Phật Thích Ca ra đời, con người thọ một trăm tuổi).

Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian ba ngàn năm trước, thuở ấy, thọ mạng của con người là một trăm năm, đây là tuổi thọ trung bình. Cứ mỗi một trăm năm, [tuổi thọ của nhân loại] giảm một tuổi. Chiếu theo cách tính toán của Trung Quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến nay là ba ngàn lẻ mười hai (3.012) năm, cứ mỗi một trăm năm giảm một tuổi, từ một trăm tuổi đã bị giảm mất ba mươi năm. Do vậy, tuổi thọ trung bình của người trong thế gian hiện thời là bảy mươi tuổi. Tuy y được phát triển, có những nơi tuổi thọ được kéo dài hơn, nhưng nạn đói tại Phi Châu khiến cho chẳng biết bao nhiêu người chết

đói? Nếu tính trung bình, nói chung [tuổi thọ của con người hiện thời] sợ là chưa đến bảy mươi năm! Vì thế, trong hiện tại, không chỉ là đời ác Ngũ Trược, mà còn phải kể thêm sự xấu ác này. Đời ác Ngũ Trược là vậy đó!

(Diễn) Nhị vạn tuế thời tức nhập Kiếp Trược giả, dĩ nhị vạn tuế tiền phiền não khinh vi tà kiến bạc thiểu, nhân thiên chúng thịnh, tam ác đạo hy, thọ mạng cứu trường, thời do vị trược cố.

(演) 二萬歲時即入劫濁者，以二萬歲前煩惱輕微邪見薄少，人天眾盛，三惡道稀，壽命久長，時猶未濁故。

*(Diễn: “Khi tuổi thọ còn hai vạn năm bèn bước vào Kiếp Trược”:
Do trước khi tuổi thọ của con người chỉ còn hai vạn năm, phiền não nhẹ ít, tà kiến mỏng ít, chúng trời người đông đảo, tam ác đạo thưa thớt, thọ mạng lâu dài, nên thời kiếp chưa trược).*

Khi con người thọ từ hai vạn năm trở lên, Kiến Tư phiền não rất nhẹ, tà kiến cũng ít. Đủ thấy con người thuở ấy hết sức thuần phác, khi ấy, số lượng trời người đông đảo, số lượng chúng sanh trong ba ác đạo ít ỏi. Thuở ấy là thuở tốt đẹp, chúng sanh có phước báo. Sau khi [tuổi thọ của con người chỉ là] hai vạn năm, phiền não dần dần dấy lên, tà kiến cũng tăng trưởng, số lượng trời người dần dần giảm thiểu, số lượng chúng sanh trong tam ác đạo ngày càng nhiều hơn. Khi đó bèn bước vào thời Kiếp Trược.

(Diễn) Thích Ca xuất thời nhân thọ bách tuế giả, ư Trụ Kiếp trung, kim đương đệ cửu lộc lô tiểu kiếp, hữu tứ Phật xuất.

(演) 釋迦出時人壽百歲者，於住劫中，今當第九轉輪小劫，有四佛出。

*(Diễn: “Khi Phật Thích Ca ra đời, con người thọ một trăm tuổi”:
Trong Trụ Kiếp, nay đang lần lượt chuyển đến tiểu kiếp thứ chín, có bốn vị Phật xuất hiện).*

Theo như kinh Phật dạy, hiện tại có một ngàn vị Phật. Quá khứ có một ngàn vị Phật, hiện tại có một ngàn vị Phật, tương lai có một ngàn vị Phật. Chúng ta kể từ hiện tại để nói thì kiếp hiện tại được gọi là Hiền Kiếp, vì trong kiếp này có một ngàn vị Phật xuất hiện trong thế gian. Bạc

thánh hiền rất nhiều nên gọi là Hiền Kiếp (Bhadrakalpa). Một đại kiếp có bốn trung kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không. Trong các trung kiếp Thành, Hoại, Không chẳng có Phật xuất thế, Trụ Kiếp mới có Phật xuất thế. Trong trung kiếp Trụ Kiếp có hai mươi tiểu kiếp, hiện thời chính là tiểu kiếp thứ chín của Trụ Kiếp. Trong một tiểu kiếp có một ngàn vị Phật xuất thế, vì thế gọi là Hiền Kiếp. Đây là một thịnh sự hiếm có. Trong tiểu kiếp này, trong quá khứ đã có bốn vị Phật xuất thế.

(Diễn) Kiếp sơ bát vạn tuế, giảm chí lục vạn tuế.

(演) 劫初八萬歲，減至六萬歲。

(Diễn: Đầu tiểu kiếp này, [tuổi thọ của con người] là tám vạn năm, giảm tới sáu vạn năm).

Trong tiểu kiếp thứ chín, khi tuổi thọ con người là tám vạn năm, cứ mỗi một trăm năm bèn giảm một tuổi, khi tuổi thọ giảm xuống còn sáu vạn năm, khi ấy, có một vị Phật xuất thế.

(Diễn) Câu Lưu Tôn Phật xuất.

(演) 拘留孫佛出。

(Diễn: Câu Lưu Tôn ra đời).

Câu Lưu Tôn (Kṛakucchanda) là dịch âm tiếng Phạn của Ấn Độ, [danh hiệu này] có nghĩa là: Những gì nên đoạn Ngài đều đã đoạn. Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh phiền não là những thứ đáng nên đoạn, Ngài đều đã đoạn sạch. Còn có một ý nghĩa khác là “*thành tựu đẹp đẽ, màu nhiệm*”, đương nhiên là thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Diễn) Giảm chí tứ vạn tuế, Câu Na Hàm Phật xuất.

(演) 減至四萬歲，拘那含佛出。

(Diễn: [Tuổi thọ] giảm đến bốn vạn năm, Câu Na Hàm Phật ra đời).

Khi tuổi thọ con người lại giảm đến bốn vạn năm. Câu Na Hàm (Konāgamana) cũng là dịch âm tiếng Phạn của Ấn Độ, có nghĩa là Kim Tịch. Kim (vàng) đứng đầu bảy món báu, đây là tỷ dụ. Ví như kinh Bát Nhã dùng kim cang để tỷ dụ, Kim Cang Bát Nhã! [Trong danh hiệu của]

vị Phật này cũng mang ý nghĩa dùng kim cương làm tỷ dụ. “Tịch” (寂) là thanh tịnh tịch diệt. Câu Na Hàm có hai ý nghĩa: Một là ý nghĩa quý báu, hai là ý nghĩa tịch diệt.

(Diễn) Giảm chí nhị vạn tuế, Ca Diếp Phật xuất.

(演) 減至二萬歲，迦葉佛出。

(Diễn: Giảm đến hai vạn năm, Ca Diếp Phật ra đời).

Khi giảm đến hai vạn năm, đã bước vào thời Kiếp Trước. Vừa mới bước vào Kiếp Trước, vị Phật thứ ba là Ca Diếp Phật (Kāśyapa Buddha) xuất thế. Ca Diếp dịch sang nghĩa tiếng Hán là Âm Quang (nuốt mất ánh sáng). Quang minh của Ngài đặc biệt thù thắng, chỉ cần Ngài ở nơi đâu, những quang minh khác đều chẳng còn thấy nữa. Ví như buổi tối thấp đèn, cảm thấy rất sáng sủa, nhưng nếu ban ngày thấp một ngọn đèn điện hay thấp một ngọn nến dưới ánh nắng mặt trời, vì ánh sáng mặt trời quá mạnh, quang minh của chúng sẽ bị khuất lấp. Chữ Ca Diếp có ý nghĩa như thế này: Quang minh thanh tịnh thù thắng nhất.

(Diễn) Giảm chí bách tuế, Thích Ca Phật xuất.

(演) 減至百歲，釋迦佛出。

(Diễn: Giảm đến một trăm tuổi, Phật Thích Ca ra đời).

Tuổi thọ giảm còn một trăm năm, khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ra đời. Thích Ca Mâu Ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Năng Nhân Tịch Mặc. Nhân (仁) là nhân từ, Ngài dùng lòng nhân từ đối đãi với con người, dùng lòng nhân từ bình đẳng để đối đãi hết thảy chúng sanh, nên gọi là Thích Ca. Mâu Ni là Tịch Mặc (寂默), cũng có nghĩa là nói tâm Ngài hết sức thanh tịnh, chẳng sanh một niệm. Nói đến chỗ này, chúng ta ắt phải hiểu, Phật không có danh hiệu, danh là giả danh. Người Trung Quốc cũng biết: “Danh khả danh, phi thường danh”. Danh là giả, chẳng thật! Danh hiệu của Phật, Bồ Tát thuận theo tâm của chúng sanh mà kiến lập. Ngày nay chúng ta lập ra danh hiệu nói chung là do chính mình ưa thích. Trước kia, cổ nhân có quan niệm khác với con người hiện thời. Đối với người thuở trước, cha mẹ đặt tên cho con cái nhằm nói lên lòng mong mỏi, mong con khôn lớn sẽ phải giống như thế. Người hiện thời đặt tên thì tên gọi phải tốt lành, kể ra cũng không sai! Nếu tên gọi ấy

đem đi xem Bát Tự⁷², xem nét bút thì sẽ trở thành mê tín. Vì sao? Hoàn toàn bị cảnh giới bên ngoài thao túng, chính mình chẳng thể làm chủ. Chính mình có thể làm chủ thì phiền não nhẹ nhàng; chính mình chẳng thể làm chủ, phiền não sẽ nặng nề!

Danh hiệu của Phật vì chúng sanh mà kiến lập, đức Phật xuất hiện trong thế gian lấy việc giáo hóa chúng sanh làm chức trách, danh hiệu là tông chỉ giáo học của Ngài. Ngài dùng điều gì để dạy chúng sanh, ắt Ngài phải nêu ra một tông chỉ. Tông chỉ ấy chính là danh hiệu của Ngài. Trong giai đoạn hiện tiền, giống như trong giai đoạn này của Thích Ca Mâu Ni Phật, bất luận vị nào đến đây để làm Phật, đến giáo hóa chúng sanh, vị ấy nhất định phải dùng danh hiệu này, nhất định phải dùng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni. Ví như Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật đến đây giáo hóa, Ngài dùng danh hiệu nào? Ngài sẽ lấy tên là Thích Ca Mâu Ni, xưng là A Di Đà Phật có được hay không? Không! Chẳng thích hợp để sử dụng! Vì sao chẳng thích hợp để sử dụng? Trong giai đoạn hiện tiền, chúng sanh mắc bệnh: Thứ nhất là thiếu tâm từ bi, tự tư, tự lợi, cho nên Ngài đặc biệt nêu ra lòng nhân, mong mọi người có thể nhân từ. Đây chính là như trong Phật môn thường nói: *“Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”*.

Mục tiêu giáo học này nhằm thích hợp với thời đại của chúng ta, đem danh hiệu này qua Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thích ứng. Vì sao? Người trong thế giới Tây Phương ai nấy đều nhân từ, nếu quý vị vẫn bảo họ *“lấy từ bi làm gốc”* thì không dùng được, đối với họ chẳng có ý nghĩa gì hết. Đối với chúng ta là những kẻ thiếu lòng từ bi, nói *“từ bi làm gốc”*, như vậy thì có ý nghĩa, cho nên nhất định phải dùng danh hiệu này. Kế đó, chúng sanh ở nơi đây lòng người tán loạn, chẳng thanh tịnh! Vì vậy nêu ra Mâu Ni, Mâu Ni là tâm thanh tịnh. Nói cách khác, mục tiêu giáo học trong giai đoạn hiện tại là *“từ bi, thanh tịnh”*. Đây là những ý nghĩa bao hàm trong danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhằm thích ứng khít khao với giai đoạn hiện tiền, đối ứng căn bệnh của chúng sanh mà nói. Vì thế, chúng ta niệm Phật hiệu, Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu quý vị đối với người khác thiếu từ bi, tâm

⁷² Bát Tự (còn gọi là Tứ Trụ) là cách đoán vận mạng dựa trên bốn yếu tố năm, tháng, ngày, giờ, từ bốn yếu tố ấy tính ra Can và Chi của chúng nên thành ra tám chữ, vì thế gọi là Bát Tự. Dựa trên Ngũ Hành tương sanh, tương khắc mà luận đoán vận mạng.

“Đếm nét bút” là dựa theo cách viết tên gọi trong tiếng Hán có bao nhiêu nét bút mà vận dụng Âm Dương Ngũ Hành để thiết lập quẻ Dịch tương ứng hồng đoán vận mạng.

địa chẳng thanh tịnh, quý vị niệm danh hiệu Phật bao nhiêu đi nữa cũng ưởng công, cũng vô ích. Vì thế, niệm một câu danh hiệu nhằm niệm cho ra lòng từ bi và cái tâm thanh tịnh của chính mình!

Thích Ca Mâu Ni Phật đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật, Ngài nhất định đổi danh hiệu, đổi thành A Di Đà Phật, vì sao? Là vì danh hiệu này đến nơi ấy chẳng thích hợp. Mỗi người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều từ bi, thanh tịnh, nên danh hiệu này qua bên đó chẳng khởi tác dụng; do vậy, nhất định phải đổi danh hiệu, tức là đổi mục tiêu và tông chỉ dạy học, phải là vô lượng giác, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian phải giác chứ không mê, A Di Đà Phật có nghĩa là Vô Lượng Giác. Thấy danh hiệu Phật này, bèn có thể nghĩ tới thời đại đức Phật xuất hiện, có thể biết chúng sanh có những căn bệnh gì. Giống như chúng ta hiểu dược tánh, trông thấy món thuốc ấy, liền biết người đó mắc bệnh gì!

(Diễn) Giảm chí tam thập tuế, tiểu tam tai tức khởi.

(演) 減至三十歲，小三災即起。

(Diễn: [Tuổi thọ] giảm đến ba mươi tuổi, tiểu tam tai bèn dấy lên).

Cứ mỗi một trăm năm bèn giảm một tuổi, giảm cho đến khi tuổi thọ trung bình [của con người] là ba mươi năm; nói cách khác, bốn ngàn năm sau, thế gian này bèn có tiểu tam tai dấy lên. Tiểu tam tai là đao binh kiếp (chiến tranh), đói kém, ôn dịch lưu hành rộng khắp cả thế giới. Trong quá khứ, khi tôi đọc kinh thấy nói tiểu tam tai, tôi rất nghi hoặc, khi tuổi thọ con người là ba mươi năm mới có đao binh kiếp. Trong Đệ Nhị Thế Chiến, Trung Hoa và Nhật Bản đánh nhau suốt tám năm, chiến tranh trên cả thế giới chết chóc nhiều ngàn ấy, sao chẳng gọi là đao binh kiếp? Nghĩ thế nào cũng chẳng thông, kết quả là khi đi một vòng quanh Nhật Bản, hoảng nhiên đại ngộ! Tôi đến Trường Kỳ (Nagasaki)⁷³ và Quảng Đảo (Hiroshima) mới hiểu đao binh kiếp là đại chiến hạch nhân (chiến tranh bom nguyên tử, nuclear war). Đức Phật đã sớm biết chiến tranh hạch nhân. Kinh nói đao binh kiếp chỉ có bảy ngày, tiếp theo là bảy tháng lẻ bảy ngày ôn dịch, đây chính là những căn bệnh do bụi bức xạ

⁷³ Đúng ra chữ 崎 trong danh xưng 長崎 phải đọc là Khi, nhưng do các sách báo Việt Ngữ thường phiên âm là Kỳ nên chúng tôi tuân thủ cách đọc này.

nguyên tử. Sau khi ôn dịch, bảy năm bảy tháng lẻ bảy ngày là nạn đói, chết đói. Nơi bom nguyên tử nổ, trong vòng sáu bảy năm đầu, cỏ cây không mọc được. Trong kinh Phật nói đến tiêu tam tai, quả thật là nói về đại chiến hạch nhân. Cuộc chiến tranh ấy chỉ có bảy ngày, cả thế giới bị hủy diệt. Không chết trực tiếp thì cũng gián tiếp chẳng tránh khỏi kiếp nạn này. Phàm những ai nhiễm phải bụi bực xạ nguyên tử da dẻ thấy đều nứt toác, trạng huống thâm thảm. Cây cỏ trên mặt đất chẳng mọc, đương nhiên chết đói. Chúng ta hiểu rõ chuyện này, đúng là phải khéo tu phước. Nếu như chúng sanh đều tạo mầm tội, tội nghiệp nặng nề, tai nạn ấy sẽ xảy ra nhanh hơn. Mọi người đều tu phước thì tai nạn ấy sẽ chậm trễ. Tiêu tam tai chính là nói về chuyện này, quả thật đáng sợ.

(Diễn) *Chỉ ư thập tuế, giảm chi cực dã.*

(演) 至於十歲，減之極也。

(Diễn: *Cho đến [khi tuổi thọ chỉ còn] mười năm tức là đã giảm đến tột cùng).*

Tuổi thọ của con người giảm đến mười tuổi, đây là giảm đến tột cùng.

(Diễn) *Hựu quá bách niên tăng nhất tuế, tăng chi bát vạn tứ thiên tuế.*

(演) 又過百年增一歲，增至八萬四千歲。

(Diễn: *Lại qua một trăm năm bèn tăng một tuổi, tăng cho đến [khi tuổi thọ của con người là] tám vạn bốn ngàn năm).*

Vào thời ấy, phước báo của con người lại hiện tiền.

(Diễn) *Kim Luân Vương xuất thế, tăng chi cực dã.*

(演) 金輪王出世，增之極也。

(Diễn: *Khi Kim Luân Vương ra đời [là lúc tuổi thọ con người] tăng đến tột cùng).*

Một chu kỳ tăng giảm như vậy là một kiếp. Khi tuổi thọ con người dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm, khi ngắn nhất là mười năm. “*Kim Luân Vương xuất thế*”: Vị quốc vương ấy có đại phước đức, cho nên gọi

là Luân Vương (Cakravarti-rajā). Phạm vi thống trị của một Luân Vương chẳng phải là quả địa cầu như nay ta thường nói, địa cầu chỉ là một phần lãnh thổ thống trị của Ngài. Nếu dựa theo kinh để nói thì [khu vực thống trị của Luân Vương] được gọi là một “tứ thiên hạ”. Một tứ thiên hạ gần giống như một Thái Dương Hệ ngày nay, hoặc một tinh hệ (galaxy). Vua có phước báo lớn dường ấy, có năng lực lớn ngần ấy, thống trị một khu vực to dường ấy.

Nói đến thống trị thì trước hết chánh lệnh của nhà vua phải thấu đạt; vì thế, công cụ giao thông của nhà vua là Luân Bảo (Cakra-ratna). Luân Bảo giống như đĩa bay, tốc độ hết sức nhanh, rất nhiều người tin tưởng có người ngoài không gian. Kim Luân Vương đại khái là người ngoài không gian. Địa cầu của chúng ta cũng nằm trong phạm vi hoạt động của vua, thuộc vào lãnh thổ của nhà vua. Đây là Kim Luân Vương, nhỏ hơn một chút là Ngân Luân Vương, Đồng Ngân Vương và Thiết Luân Vương. Thiết Luân Vương cai quản một châu.

(Diễn) *Quá thị dĩ hậu, đệ thập tiểu kiếp, hựu quá bách niên giảm nhất tuế, giảm chí bát vạn tuế thời, Di Lặc hạ sanh.*

(演) 過是以後，第十小劫，又過百年減一歲，減至八萬歲時，彌勒下生。

(Diễn: *Sau thời gian ấy, trong tiểu kiếp thứ mười, [tuổi thọ của con người] sau một trăm năm giảm một tuổi, giảm đến khi tuổi thọ là tám vạn năm, Di Lặc Phật hạ sanh).*

Con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, cứ mỗi trăm năm giảm một tuổi, giảm đến khi còn tám vạn tuổi, khi ấy, Di Lặc Bồ Tát ra đời. Thích Ca Mâu Ni là vị thứ tư trong Hiền Kiếp, Di Lặc là vị Phật thứ năm. Khi ấy, Ngài mới xuất hiện trong thế gian, Ngài đến thành Phật. Nhất Quán Đạo nói ngài Di Lặc hiện thời đã thành Phật, đây chính là ăn nói quàng xiên, chẳng hề có chuyện ấy! Di Lặc Bồ Tát thành Phật trong tiểu kiếp thứ mười, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trong tiểu kiếp thứ chín. Ngài Di Lặc hiện đang làm Bồ Xứ Bồ Tát, mang thân phận Đẳng Giác Bồ Tát.

(Diễn) *Thử hậu phục hữu cửu bách cửu thập ngũ Phật tương kế nhi xuất, tận nhị thập tiểu kiếp mãn.*

(演) 此後復有九百九十五佛相繼而出， 盡二十小劫滿。

(Diễn: Sau đây lại có chín trăm chín mươi lăm vị Phật kế tiếp nhau xuất thế, cho đến hết hai mươi tiểu kiếp mới xong).

Đây là nói trong trung kiếp Trụ Kiếp có nhiều vị Phật xuất hiện như vậy. Hết hai mươi tiểu kiếp xong, đại tam tai bèn dấy lên.

(Diễn) Đại tam tai khởi, hoại thế giới dã.

(演) 大三災起， 壞世界也。

(Diễn: Đại tam tai dấy lên, thế giới bị hư hoại).

Sau Trụ Kiếp là Hoại Kiếp, thế giới này bị hư hoại. Đoạn này nhằm nói rõ ý nghĩa này, đặc biệt yêu cầu chúng ta hãy thấu hiểu: [Từ hiện tại cho tới khi] Di Lạc Phật xuất thế là một giai đoạn thời gian khá dài, chẳng phải trong hiện thời. Ngàn vạn phần đừng bị những lời đồn thổi mê hoặc! Trong thời gian này, chúng ta muốn thành tựu thì quý vị phải tuân thủ giáo huấn của Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chiếu theo bộ kinh Di Đà này để tu pháp môn Tịnh Độ, chắc chắn có thành tựu. Giống như gần đây nhất, lão pháp sư Quảng Khâm đã làm chứng cho chúng ta: Niệm Phật quả thật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó mới gọi là “hễ liễu thoát, sẽ vĩnh viễn liễu thoát”. Điều này là chân thật, chính là điều những người học Phật chúng ta mong cầu.

Trong đoạn văn này, đại sư nói rõ: Trong thời kỳ Mạt Pháp, phải nương cậy bộ kinh này để cứu độ hết thảy chúng sanh tội khổ. Đây là lòng từ bi của Thích Ca Mâu Ni Phật đã đạt đến mức cùng cực, vì chúng ta nói ra bộ kinh này, truyền dạy pháp môn này.

(Sớ) Chánh nhập đấu tránh giả, tiền ngũ bách niên.

(疏) 正入門爭者， 前五百年。

(Sớ: “Đúng là lúc bước vào thời tranh đấu”: Năm trăm năm trước...)

Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, pháp vận của Phật chia thành năm giai đoạn, giống như kinh Kim Cang đã nói “ngũ ngũ bách niên” (năm lần năm trăm năm). Năm lần năm trăm năm là cứ mỗi năm

trăm năm lại có một lần biến hóa. “*Biến hóa*” chẳng phải là Phật pháp có biến hóa, mà quý vị phải biết: Lẽ nào Phật pháp bị biến hóa? Phật pháp thuần chân, chẳng vọng, chẳng bị biến hóa; nhưng phiền não của chúng sanh ngày càng nặng hơn. Do vậy, cách dạy học của Phật pháp qua mỗi một thời kỳ ắt phải điều chỉnh thích đáng thì chúng sanh mới có thể đạt được lợi ích. Giống như trị bệnh, phải căn cứ trên bệnh tình để điều chỉnh [cách chữa trị]. Trong năm trăm đầu tiên, tức là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ năm trăm năm, cách Phật vẫn chưa xa, trong năm trăm ấy...

(Sớ) Giải thoát kiên cố.

(疏) 解脫堅固。

(Sớ: Giải thoát kiên cố).

“*Giải thoát*”: “*Giải*” là giải trừ, tức giải trừ phiền não. “*Thoát*” là thoát khỏi sanh tử luân hồi. Trong giai đoạn này, những người như vậy rất nhiều, chiếu theo Phật pháp tu hành, thật sự chứng quả. Chúng ta nói tới chứng quả, đoạn phiền não thì Giải là đoạn phiền não, thoát tam giới; Thoát là ra khỏi tam giới. Tiểu Thừa A La Hán làm được [điều này], nói theo Đại Thừa thì bậc Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giác cũng làm được; nhưng [sự chứng quả trong giai đoạn này như đã chép] trong kinh Phật đều là nói về Tiểu Thừa. Thật ra, Đại Thừa được phát dương quang đại tại Trung Quốc, chứ thuở ấy, tại Ấn Độ, Tiểu Thừa thịnh hành, Đại Thừa rất ít.

(Sớ) Tiệm thứ ngũ bách, Thiên Định đa văn nhi cập tháp tự.

(疏) 漸次五百，禪定多聞而及塔寺。

(Sớ: Trong những giai đoạn năm trăm năm lần lượt kế tiếp là các thời Thiên Định, đa văn và chùa tháp [kiên cố]).

Đây là nói tới mấy giai đoạn sau đó. Trong năm trăm năm thứ hai là thời “*Thiên Định kiên cố*”, người giải thoát ít, tức là người có thể đoạn phiền não thoát tam giới rất ít, rất hiếm có, nhưng người đắc Thiên Định đông đảo. Đắc Thiên Định, nhưng chưa giải thoát, có gì tốt đẹp? Chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo! Thiên Định tu thành tựu, quả báo là Tứ Thiên Thiên hay Tứ Không Thiên trên cõi trời, tuyệt đại đa số là ở trong Tứ Thiên Thiên, tức Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên và Tứ

Thiên. Sanh lên trời hưởng phước trời, chứ vượt thoát tam giới hiểm lắm. Đây là năm trăm năm thứ hai sau khi Phật diệt độ, tức là một ngàn năm sau.

Trong năm trăm năm thứ ba là thời “*đa văn kiên cố*”, tức là sau khi Phật diệt độ một ngàn năm trăm năm, người đấng Thiên Định chẳng nhiều, nhưng mọi người làm gì? Đa văn, giảng kinh, thuyết pháp, chú giải kinh điển, phong khí ấy rất thịnh hành. Đức Phật diệt độ một ngàn năm, Phật giáo truyền sang Trung Quốc, khi ấy là cuối thời kỳ Thiên Định kiên cố, bắt đầu thời kỳ đa văn. Do vậy, Thiên được truyền sang Trung Quốc như thế đó, vào các đời Ngụy, Tấn, Tùy, Đường, Đại Thừa Phật giáo thịnh hành, mỗi một đạo tràng giảng kinh, thuyết pháp, những kinh luận trọng yếu được rất nhiều người chú sớ. Đây là thời đa văn kiên cố. Nói theo pháp thế gian, “*đa văn*” chính là thời đại hoàng kim của Phật pháp, dường như đời sau hưng thịnh hơn đời trước, nhưng xét theo thành tựu để nói thì đời sau chẳng bằng đời trước!

Năm trăm năm thứ tư là thời “*tháp tự kiên cố*”, đa văn cũng chẳng được nữa, con người phiền não nặng nề, tà kiến ngày càng nhiều, chẳng có năng lực nghiên cứu Phật pháp, mà cũng chẳng có hứng thú, đi các nơi cất chùa, dựng tháp, làm chuyện ấy, nên gọi là “*tháp tự kiên cố*”, chuyên môn tu phước! Mỗi ngày làm pháp hội, làm pháp hội để tu phước. Ngày nay tổ chức Phật Thất hay Thiên Thất đều là pháp hội, đều nhằm tu phước, vì sao? Chẳng đúng pháp! Phật dường thật sự đã Phật Thất thì trong bảy ngày bảy đêm ấy chỉ có một câu Phật hiệu, chẳng thể khởi lên ý niệm thứ hai, trong miệng chỉ có một câu Nam-mô A Di Đà Phật, chẳng thể nói chuyện gì khác. Niệm vừa xong một cây hương bèn nhà họ Trương hay, nhà họ Lý dở, đó là pháp hội, chẳng phải là Phật Thất! Trong khi đã Phật Thất, nhất định chẳng cho nói năng, mà tiếng niệm Phật trong suốt bảy ngày bảy đêm chẳng thể gián đoạn.

Chúng ta không có tinh thần ấy, không có thể lực ấy, làm như thế nào đây? Luân lưu, thay phiên nhau đến niệm. Mỗi người niệm tám tiếng đồng hồ, đặt ra ba ban, luân phiên niệm như vậy. Trong Niệm Phật Đường tiếng Phật hiệu quyết định chẳng thể gián đoạn, làm như vậy đó! Trước kia tại núi Linh Nham của Ấn Quang đại sư, buổi tối có bốn người trực ban niệm Phật trong đại điện. Do vậy, tiếng Phật hiệu chẳng gián đoạn. Suốt năm từ đầu đến cuối không gián đoạn, đó gọi là đạo tràng niệm Phật. Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, hằng ngày trong Niệm Phật Đường tối thiểu có bốn người đang niệm Phật; do vậy, họ có thể giữ cho tiếng Phật từ đầu năm đến cuối năm nhất định không gián

đoạn, đó gọi là Niệm Phật Đường. Do đây có thể biết Thiên Đường cũng phải như thế, bất cứ lúc nào nhìn vào, nói chung luôn có người đang tọa Thiên tại đó, cũng là luân phiên. Vì thế, dựng tháp, xây chùa, làm pháp hội là tu phước báo. Tu phước chẳng tu Huệ, tu phước báo rất lớn, hưởng hết phước ấy, nhất định đọa lạc, nhưng người ấy đến đời sau vẫn có thể hưởng phước, chứ đời sau nữa thì không đảm bảo.

Đến năm trăm năm thứ năm, càng tệ hơn, phước cũng chẳng tu, mà tu chuyện gì?

(Sớ) Kim đương đấu tránh kiên cố chi thời, cánh vi khả mãn.

(疏) 今當鬥爭堅固之時，更為可憫。

(Sớ: Nay đang là lúc tranh đấu kiên cố, càng đáng thương lắm!)

Liên Trì đại sư ra đời vào thời ấy, nhằm đúng lúc thời kỳ tranh đấu kiên cố bắt đầu. Tranh đấu bắt đầu từ đâu? Thừa quý vị, bắt đầu từ quy y. Do vậy, quý vị học Phật liền tham gia vào đường lối tranh đấu kiên cố. Đây là sư phụ, là môn phái của tôi, kia chẳng phải là sư phụ, chẳng phải là môn phái của tôi, hễ vạch giới hạn trong ấy, bèn có tranh đấu. Do vì Ngẫu Ích đại sư trông thấy hiện tượng ấy, Hoàng Nhất đại sư khi biên tập cuốn Ngũ Giới Tướng Kinh Thiển Yếu đã trích yếu ngữ lục của Ngẫu Ích đại sư ghép vào sách ấy, [đọc thiên pháp ngữ ấy], chúng ta thấy Ngẫu Ích đại sư hết sức cảm thán! Ngài cho rằng đây là sự sai lầm to lớn nhất!

Người học Phật trước kia là giác chứ không mê, quy y Tam Bảo là quy y Giác - Chánh - Tịnh. Chương Truyền Hương Sám Hối trong Lục Tổ Đàn Kinh dạy về phương pháp tu hành, chia thành năm quá trình theo thứ tự, giảng hết sức rõ ràng. Khi truyền trao Tam Quy, Ngài nói: “*Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”, hoàn toàn dịch sang nghĩa tiếng Hán, vì sợ nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, quý vị nghe xong sẽ mê hoặc, chẳng hiểu Phật, Pháp, Tăng, nghĩ Tăng là một người, quy y vị xuất gia ấy, đó là sai lầm! Quy y Phật, trông thấy tượng Phật bèn nghĩ là Phật, đó cũng là sai lầm! Phật là Giác, giác chứ không mê. Vì thế, Lục Tổ nói “*quy y Giác, quy y Chánh*”, Chánh là chánh tri chánh kiến, từ tà tri tà kiến quay về nương tựa chánh tri chánh kiến. Quy y Tăng, Tăng tượng trưng thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, từ nhiễm ô mà quay trở lại, nương vào thanh tịnh. Tăng còn tượng trưng cho hòa hợp, Tăng đoàn Lục Hòa Kính. Từ chẳng hòa hợp quay về

nương tựa hòa hợp. Nay chúng ta nói đến “đoàn kết” thì hòa hợp chính là ý nghĩa đoàn kết, đừng nên phân hóa một đoàn thể!

Vào đời Minh của Liên Trì đại sư, hiện tượng quái lạ ấy bắt đầu phát sanh, tức là phân chia xé lẻ, vấn đề này khá nghiêm trọng. Nếu chẳng nghiêm trọng, tổ sư chẳng nói lời này. Vì thế, Tăng đoàn bị phá hoại, đó là tranh đấu, tạo mầm tội to lớn. Vì thế, học Phật thọ Tam Quy nếu chẳng đúng pháp thì thọ Tam Quy bèn ghi danh trong sổ bộ của địa ngục A Tỳ, vì sao? Quý vị tham gia tranh đấu kiên cố, tham gia tiêu diệt Phật pháp. Diệt Phật pháp, phá hòa hợp Tăng là tội Ngũ Nghịch. Quả báo của tội Ngũ Nghịch là địa ngục A Tỳ. Vì thế, quý vị nhất định phải có tâm cảnh giác. Chúng ta học Phật, phát cái tâm tốt lành, tương lai học vào địa ngục, quả thật chẳng đáng tí nào! Vì sao lại vào địa ngục? Vẫn là không biết chi cả, cứ hồ đồ đi theo. Vì thế, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, thường là chính mình tạo nghiệp mà chính mình chẳng biết!

Khi Tam Quy, phải biết quý vị quy y Tam Bảo, nhất là trông thấy Trụ Trì Tam Bảo, ngay lập tức phải trở về Tự Tánh Tam Bảo thì công đức Tam Quy vô lượng vô biên. Quý vị thấy Trụ Trì Tam Bảo, tức là thấy hình tướng của Tam Bảo, lập tức hồi quang phản chiếu trở về Tự Tánh Tam Bảo, quý vị sẽ được ba mươi sáu vị thần hộ pháp bảo vệ, vì sao? Quý vị thật sự là đệ tử Phật. Nếu quý vị nói “vị pháp sư nọ, vị đại đức kia là sư phụ của tôi” thì thưa quý vị, chẳng có vị thần hộ pháp nào ngó tới quý vị! Ai đến tìm quý vị? Yêu ma quỷ quái, vì sao? Quý vị mạo nhận là đệ tử Phật, chẳng phải là đệ tử chân chánh của Phật. Vì thế, khi Tam Quy, người xuất gia đại diện Tăng đoàn, đại diện Tam Bảo chứng minh cho quý vị, tuyệt đối chẳng phải là quy y với người đó! Nhất định phải hiểu ý nghĩa này! Ngàn vạn phần chớ nên hiểu lầm! Vì thế, tranh đấu kiên cố bắt đầu từ Tam Quy. Truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới chẳng đúng pháp, nên Phật pháp mới suy vi, bại hoại. Nếu trao truyền Tam Quy Ngũ Giới đúng pháp, Phật pháp quyết định hưng vượng.

“*Kim đương đấu tránh kiên cố chi thời, cánh vi khả mẫn*” (nay đang thời tranh đấu kiên cố, càng đáng thương): Chúng sanh càng đáng thương hơn, vì sao? Cơ hội đọa lạc ác đạo quá nhiều, hết sức khổ! Một người trong một đời, khởi tâm động niệm, nói năng mà chẳng đọa trong ác đạo gần như là chuyện không thể nào xảy ra. Quý vị bất tri bất giác hủy diệt Phật giáo, còn tưởng là chính mình đang làm chuyện tốt đẹp trong cửa Phật, quả thật đáng thương!

(Sớ) Hậu chi hựu hậu giả.

(疏) 後之又後者。

(Sớ: “Đã sau lại còn sau hơn” là...)

Liên Trì đại sư nói tình huống này càng về sau càng tệ.

(Sớ) Nãi chí pháp diệt, bội cánh khả mẫn.

(疏) 乃至法滅, 倍更可憫。

(Sớ: Cho đến khi pháp diệt, càng đáng thương gấp nhiều lần).

Khi Phật pháp sắp diệt, nếu hiện thời chúng ta chẳng thật sự hiểu ý nghĩa của Phật pháp thì chẳng thể nào hộ trì tốt đẹp được, Phật pháp cũng bị hủy diệt với tốc độ nhanh hơn, chính chúng ta phải cảnh giác điều này. Chúng ta có thể nghe chánh pháp, nhất định phải ghé vai gánh vác sứ mạng hộ trì chánh pháp, trước hết phải gìn giữ Giác - Chánh - Tịnh của chính mình, đó là hộ trì pháp của chính mình, rồi mới giúp đỡ người khác, hộ trì Giác - Chánh - Tịnh của chính người đó. Đó gọi là hộ trì Phật pháp của đại chúng. Có thể hộ trì chính mình, hộ trì đại chúng chính là hộ trì chánh pháp của mười phương chư Phật. Chúng ta không làm sẽ chẳng có ai làm, công tác này phải bắt đầu từ bản thân chúng ta.

(Sớ) Cô Phật thuyết thử kinh, lược nhi kế chi, đại bi hữu tam.

(疏) 故佛說此經, 略而計之, 大悲有三。

(Sớ: Vì thế, đức Phật nói kinh, nếu tính đại lược thì có ba thứ tâm đại bi).

Do vì duyên này, đức Phật mới vì chúng ta mà nói ra bộ kinh này, vì chúng ta tuyên dương pháp môn này nhằm cứu độ chúng sanh khổ nạn trong thời kỳ Mạt Pháp. Ở đây, đại sư nói ra ba thứ tâm đại bi của Phật.

(Sớ) Nhất giả, Phật tại thế thời, lân thử Ngũ Trược, thuyết nan tín pháp, thị vi đệ nhất trọng đại bi mẫn niệm chúng sanh.

(疏) 一者佛在世時, 憐此五濁, 說難信法, 是為第一重大悲憫念眾生。

(Sớ: Một là thuở Phật tại thế, do thương xót đời Ngũ Trược này mà nói pháp khó tin. Đây là lòng đại bi lớn lao nghĩ thương chúng sanh thứ nhất).

Kinh này chẳng nói trong thời hiện tại, mà được nói trong thuở đức Phật tại thế. Nói cách khác, kinh được nói ngay trong thời Chánh Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ vì khi Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong thế gian, cõi đời đã thuộc đời ác Ngũ Trược đã lâu, chúng sanh đã khá đáng thương. Từ lịch sử của Ấn Độ, chúng ta có thể thấy được điều này. Khi đức Phật giáng thế, nhằm đúng thời kỳ tư tưởng tại Ấn Độ hết sức hỗn loạn, có tới chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Nếu dùng pháp thế gian để nói thì là “*thời đại tư tưởng, học thuật bùng nổ*”, giống như thời đại Bá Gia Chư Tử vào thuở Xuân Thu Chiến Quốc tại Trung Hoa. Nói theo Phật pháp, đó là thời đại tà tri tà kiến hết sức hỗn loạn! Phật pháp có cách nhìn khác với pháp thế gian. Vì thế, khi đức Phật xuất hiện, nêu ra chánh tri chánh kiến, nói ra pháp môn này. Người chiếu theo pháp môn này tu hành, đắc độ vãng sanh hết sức đông đảo. Từ kinh điển chúng ta có thể thấy được điều này!

(Sớ) Nhị giả, Phật diệt độ hậu, phước huệ nhật thiểu, tội chướng ích thâm, cố thuyết thử kinh, hàm linh vị lai tuy bất kiến Phật, Phật diệt pháp tồn, dẫn hữu tín giả, tốc siêu sanh tử, thị vi đệ nhị trọng đại bi mãn niệm chúng sanh.

(疏) 二者佛滅度後，福慧日淺，罪障益深。故說此經，咸令未來雖不見佛，佛滅法存，但有信者，速超生死，是為第二重大悲憫念眾生。

(Sớ: Hai là sau khi đức Phật diệt độ, phước huệ [của chúng sanh] ngày càng nông cạn, tội chướng càng sâu, vì thế, nói kinh này để cho các chúng sanh trong đời mai sau tuy chẳng thấy Phật, đức Phật đã diệt, nhưng pháp vẫn còn, chỉ cần có lòng tin sẽ mau vượt thoát sanh tử. Đây là lòng đại bi to lớn nghĩ thương chúng sanh thứ hai vậy).

Đức Phật đã sớm nghĩ: Sau khi Ngài diệt độ, tuy đức Phật chẳng còn ở trên đời, nhưng kinh này lưu thông tới đời sau, chiếu theo phương pháp này tu hành sẽ chẳng khác gì Phật còn ở trên đời. Sau khi đức Phật diệt độ, quả thật chúng sanh phước huệ dần dần giảm thiểu. Quý vị phải biết: Thế giới hiện thời là thế giới nổi tiếng về khoa học kỹ thuật, chúng

ta thấy chúng sanh hiện thời phước báo lớn hơn thời cổ, trí huệ cũng thông minh hơn cổ nhân, đó là Thế Trí Biện Thông, chứ không phải phước huệ như trong Phật pháp đã nói. Vì sao? Con người hiện thời thông minh, nhưng phiền não cũng nhiều, tăng trưởng đối đãi. Người thông minh nhất trong thế gian hiện thời sợ chiến tranh hạch nhân nhất, vì vũ khí hạch nhân do chính họ phát minh. Phát minh ra rồi suốt ngày từ sáng đến tối phập phồng, chẳng phải là chính mình tự chuốc lấy phiền muộn ư? Có khoa học gia nào chẳng lo lắng về đại chiến nguyên tử? Vẫn cứ miệt mài muốn phát minh, đó chẳng phải là phước, chẳng phải là trí huệ chân chánh. Người thật sự có trí huệ biết lý luận, nhưng không nói, đó là có trí huệ, vì sao? Chẳng bận lòng vì chiến tranh hạch nhân. Vì thế, người phương Tây không có trí huệ, người Trung Quốc có trí huệ!

Khoa học kỹ thuật của Trung Quốc theo lịch sử ghi chép thì vào thời Hán đã học kỹ thuật phi hành bằng tàu lượn (glider), Gia Cát Lượng chế tạo mộc ngư lưu mã (trâu ngựa gỗ có thể cử động được), tức là những phương tiện chuyên vận được cơ giới hóa. Vì thế, có thể nói khoa học kỹ thuật của Trung Quốc sớm hơn người phương Tây rất nhiều, nhưng người Trung Quốc có trí huệ, hủy bỏ những thứ ấy, chẳng để cho chúng được lưu truyền. Nguyên nhân là vì sau khi những thứ khí cụ khoa học ấy bị những kẻ có dã tâm lợi dụng thì chúng sanh trên thế giới sẽ mắc không biết bao nhiêu hoạn nạn to lớn. Người Trung Quốc nghĩ xa, mong giữ bình an cho người đời sau. Nói cách khác, họ phải có trách nhiệm đối với lịch sử, có trách nhiệm với đời sau. Vì thế, họ biết những thứ ấy, nhưng không nói ra, chẳng làm, đó là đại từ đại bi, đó là trí huệ lưu lộ. Người phương Tây rốt cuộc theo tư tưởng công lợi (Utilitarianism), hề biết bèn ngay lập tức bộc lộ ra, ngay lập tức chế tạo, hậu quả là hiện thời hối hận chẳng kịp, đây là thiếu trí huệ, thiếu phước báo.

Nếu nói đến hứng thú về mặt tình cảm trong cuộc sống thì chúng ta ngày nay chẳng bằng cổ nhân. Tuy đèn điện sáng rực như thế rất tiện cho chúng ta, nhưng nó thiếu ý vị thơ mộng như nến. Phi cơ lẹ làng đường ấy, nhưng không có ý vị ngất ngây rất đặc biệt như dong thuyền. Tình thơ ý mộng trong cuộc sống của cổ nhân quả thật là chân thiện mỹ, có sự hưởng thụ như vậy! Hiện thời không còn nữa, hiện thời suốt ngày từ sáng đến tối là cuộc sống tất bật, khổ não vì đủ thứ áp lực. Đời sống của con người trong thế gian này thua xa những con vật cưng (pet). Tôi nhìn những con vật cưng, cảm thấy chúng nó rất vui sướng, con người chẳng bằng súc sanh! Nhất là quý vị thấy những con thú cưng ở ngoại

quốc, người ngoại quốc nuôi chó, bất luận là chó hoang hay chó nuôi trong nhà, chúng có phước báo lớn hơn con người, vì sao? Con người phải hầu hạ chúng nó, chúng nó đâu phải hầu hạ con người! Người tu phước phải chú ý, đừng để đời sau biến thành súc sanh hưởng phước, [nếu bị như vậy thì] cũng chẳng tốt đẹp gì! Vì thế, đường lối giải thoát duy nhất vẫn là phải niệm Phật. Đây là lòng từ bi thứ hai. Kinh văn này càng đọc càng thấy hợp lý, đủ thấy cổ nhân đúng là thấy xa trông rộng.

(Sớ) Tam giả, như Đại Bản ngôn: “Phật diệt cửu viễn, đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, độc lưu thử kinh trụ thế độ sanh, tối hậu phương diệt, tắc tri thao thiên chi tế, thượng tác Từ hàng. Đại dạ phương trầm, do xứng pháp cụ. Thị vi đệ tam trọng đại bi mẫn niệm chúng sanh dã.

(疏) 三者如大本言，佛滅久遠，當來之世，經道滅盡，獨留此經住世度生，最後方滅，則知滔天之際，尚作慈航，大夜方沈，猶稱法炬，是為第三重大悲憫念眾生也

。

(Sớ: Thứ ba là như kinh Đại Bản nói: “Phật diệt độ đã lâu xa, trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, riêng lưu lại kinh này trong cõi đời để độ chúng sanh, diệt mất sau cùng, nên biết là khi nước ngập tận trời, còn làm chiếc bè Từ, thuở đêm sâu tối mịt, vẫn xứng làm đuốc pháp. Đây là lòng đại bi nghĩ thương chúng sanh to lớn thứ ba vậy).

Đây là tầng ý nghĩa thứ ba, nói về lúc toàn bộ Phật pháp đã diệt sạch.

(Diễn) Kinh đạo diệt tận giả, thử tự Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Ban Châu Tam Muội Kinh, chung chí thập nhị phân giáo, tất giai diệt tận, độc lưu A Di Đà Kinh trụ thế bách niên, tối hậu phương diệt dã.

(演) 經道滅盡者，始自首楞嚴經，般舟三昧經，終至十二分教，悉皆滅盡，獨留阿彌陀經住世百年，最後方滅也。

(Diễn: “*Kinh đạo diệt hết*”: Bắt đầu từ kinh Thủ Lăng Nghiêm và kinh Ban Châu Tam Muội, cuối cùng đến mười hai phần giáo thầy đều diệt sạch, riêng lưu lại kinh A Di Đà tồn tại trên đời một trăm năm, diệt mất cuối cùng).

Đây là nói về quá trình toàn bộ Phật pháp diệt mất trong tương lai. Diệt mất đầu tiên là kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm chẳng diệt thì Phật pháp chẳng diệt. Vì sao? Nếu quý vị đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm thì hiện thời bất cứ loài yêu ma quỷ quái nào mạo danh Phật pháp trong thế gian, quý vị vừa nhìn liền thấy thấu suốt, có thể phân biệt được! Vì thế, kinh này nhất định bị diệt trước. Trong quá khứ, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, đã nói kinh Lăng Nghiêm là kính chiếu yêu. Nếu kính chiếu yêu chẳng diệt, yêu ma quỷ quái chẳng dám xuất hiện. Vì thế, nếu kinh này bị phá hoại trước tiên thì mọi người chẳng thể phân biệt [đâu là ma, đâu là Phật] nên yêu ma quỷ quái mới có thể xuất hiện. Đặc biệt là nửa phần sau của quyển thứ sáu trong kinh Lăng Nghiêm, tức chương Tứ Chung Thanh Tịnh Minh Hối (bốn loại giáo huấn thanh tịnh rõ ràng) dạy quý vị phân biệt Phật và ma như thế nào, phân biệt tà và chánh như thế nào. Cuối kinh Lăng Nghiêm từ nửa sau quyển chín cho đến quyển thứ mười, kinh vẫn gồm một quyển rưỡi giảng về năm mươi thứ Âm Ma, giảng về những cảnh giới mà quý vị sẽ nhất định gặp phải trong quá trình tu hành. Năm mươi loại [Âm Ma] chính là ma chướng! Số lượng trong mỗi một loại là vô lượng vô biên, quý vị nói tu hành chẳng gặp ma chướng ư? Không có chuyện ấy đâu nhé. Nếu quý vị có năng lực biện định, nếu quý vị nhận biết chúng nó, nhận biết chúng nó chẳng đáng sợ, chúng nó sẽ chẳng thể chướng ngại quý vị. Sợ rằng quý vị chưa nhận biết, sẽ bị mắc lừa!

Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lần, hiện thời vẫn có người tìm tôi xin giảng, tôi không giảng nữa. Tôi nói hiện thời tôi giảng kinh Di Đà, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Do đây có thể biết: Kinh Di Đà công đức vô lượng vô biên. Khi hết thầy kinh pháp đã diệt sạch, kinh này vẫn còn lại trên đời suốt một trăm năm, diệt mất sau cùng. Do đây có thể biết rằng: Bộ kinh này công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Học Phật chỉ có nương theo bộ kinh này thì còn có hy vọng, còn có thể vãng sanh Tịnh Độ. Thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đúng là từ bi đến mức cùng cực.

(Diễn) Pháp diệt thời, ca-sa tự nhiên biến bạch.

(演) 法滅時袈裟自然變白。

(Diễn: Khi pháp diệt, áo ca-sa tự nhiên đổi thành trắng).

Đây là nói theo hình tướng. Ca-sa (Kasāya) là “*nhiễm sắc y*” (y nhuộm màu xậm), đến khi pháp diệt, không ai mặc y nhiễm sắc nữa!

(Diễn) Tạng kinh tự nhiên vô tự, thập lục La Hán tận thâm thế gian nhất thiết kinh pháp trừ u đồng tháp, nhiều tháp kinh hành, tán ngôn: “Thích Ca pháp diệt”.

(演) 藏經自然無字，十六羅漢盡收世間一切經法貯於銅塔，遶塔經行。歎言：釋迦法滅。

(Diễn: Tạng kinh tự nhiên không còn chữ. Mười sáu vị La Hán gom sạch hết thầy các kinh pháp trong thế gian chứa trong tháp đồng, đi kinh hành quanh tháp, than thở: “Pháp của Phật Thích Ca đã diệt”).

“*Thán*” (歎) là khôn ngăn xúc cảm than thở; lúc ấy, mười sáu vị đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là mười sáu vị Đại A La Hán thu cất các kinh điển, chứa trong cái tháp bằng đồng.

(Diễn) Nhiên hậu thử tháp trầm chí Kim Cang tế, tắc thế giới pháp diệt dã.

(演) 然後此塔沈至金剛際，則世界法滅也。

(Diễn: Sau đó, tháp ấy chìm xuống tận Kim Cang Tế⁷⁴, tức là pháp diệt mất trên toàn thế giới).

Giáo pháp của cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật cáo chung, ắt phải đợi đến năm mươi sáu ức vạn năm sau. Di Lạc Phật đến thế gian này thị hiện thành Phật, lại giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị phải biết: Thời gian mà thế gian này có Phật pháp rất ngắn ngủi, tạm bợ; nói chung là một vạn hai ngàn năm. Thời gian không có Phật pháp hết sức dài, tức

⁷⁴ Kim Cang Tế (Vajra-tala-sthāna): Theo luận Câu Xá, phía dưới đại địa là Kim Cang Tế, tức là vật chất ngưng đọng khi thế giới mới thành lập. Kim Cang có nghĩa là kiên cố. Có thể hiểu đại lược Kim Cang Tế chính là phần cốt lõi nâng đỡ mặt đất, hoặc nếu hiểu hạn hẹp, thô thiển theo chỉ riêng địa cầu thì Kim Cang Tế chính là phần ở giữa bao quanh lõi quả đất, nằm phía dưới mặt đất.

là cách một khoảng thời gian gồm năm mươi sáu ức vạn năm không có Phật pháp. Không có Phật pháp, chúng sanh chẳng có cơ hội vượt thoát tam giới, chẳng có cơ hội thoát sanh tử luân hồi. Vì thế thời gian luân hồi dài lâu!

Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp gỡ pháp môn này, nói cách khác, có được cơ duyên này, chúng ta có thể đắc độ trong một đời này, có thể giải quyết vấn đề, nếu bỏ lỡ một đời này, phiền phức sẽ to lớn. Tuy đời sau quý vị có phước báo, nhưng có thể gặp Phật pháp hay không, đó là một vấn đề lớn! Thế giới ngày nay có bốn mươi mấy ức người, có bao nhiêu người được nghe kinh hay nghe một câu A Di Đà Phật trong một đời? Vì thế, có thể đọc bộ kinh này, nghe một câu A Di Đà Phật, chẳng dễ dàng đâu nhé! Lấy ngay Đài Bắc để nói thì gần tới hai trăm vạn người, nếu quý vị kiểm tra trọn khắp, trong hai trăm vạn người, trong đời này có mấy người nghe kinh này một lần? Có mấy người niệm một câu A Di Đà Phật? Tuyệt đại đa số, sợ rằng đến tám mươi phần trăm, trong một đời này chưa hề nghe kinh, chưa hề niệm một câu Phật hiệu. Nơi Phật giáo hưng thịnh nhất mà còn như thế, huống hồ những nơi khác? Vì thế, nhất định phải trân quý nhân duyên khó được này, quả thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, nhưng nay chúng ta có thể gặp gỡ thì phải trân quý điều này!

“*Độc lưu thử kinh*” (riêng lưu lại kinh này) là đến lúc cuối cùng trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại sư nói “*tắc tri thao thiên chi tế, thượng tác Từ hàng. Đại dạ phương trầm, do xưng pháp cự*” (nên biết lúc nước ngập tận trời, còn làm chiếc bè Từ, thuở đêm sâu tối mịt, vẫn xưng làm đuốc pháp). Hai câu này là dùng tỷ dụ để nói.

(*Diễn*) *Thao thiên chi tế, đại dạ phương trầm giả: Dụ chúng sanh phiền não nhật thâm, vô minh nhật hậu. Cổ vân: “Si vân ái dĩ đãi tánh thiên hôn, thức hỏa giao tiên tâm đỉnh phát” thị dã.*

(*Đản*) 滔天之際、大夜方沈者，喻眾生煩惱日深，無明日厚，古云痴雲靄靄性天昏，識火交煎心鼎沸是也。

(*Diễn*: “*Khi nước ngập tận trời, thuở đêm sâu tối mịt*”: Sánh ví chúng sanh phiền não ngày một sâu, vô minh ngày càng dày. Cổ nhân nói: “*Mây si dòn phủ khiến bầu trời chân tánh tối om, lửa thức chen nhau nung cái vạc tâm sôi sùng sục*” là nói về chuyện này).

“*Ái đãi*” (愛逮) là mây mù bốc lên, nay chúng ta đi trên xa lộ, có đoạn thường thấy có sương mù, đi lại trong sương mù khá nguy hiểm. Ở đây là nói ngu si phiền não khiến cho chúng ta mê mất chánh đạo, bất tri bất giác đi vào đường tà, ngộ tà là chánh. Câu cuối cùng nhằm hình dung phiền não, Ngũ Âm lừng lẫy. Đây là do ba tầng đại bi nghĩ thương chúng sanh mà đức Phật giảng kinh này.

(Sớ) Thí chi từ phụ, ưu niệm hậu côn.

(疏) 譬之慈父，憂念後昆。

(Sớ: Ví như cha lành, nghĩ lo cho con cháu).

“*Hậu côn*” là hậu duệ.

(Sớ) Tâm vô tận cố.

(疏) 心無盡故。

(Sớ: Do tâm vô tận vậy).

Đối với con cháu đời sau, Ngài nghĩ hết sức sâu xa, làm thế nào để con cháu đời đời kiếp kiếp đều có thể bảo toàn, đều đạt được hạnh phúc. Người Trung Quốc dụng tâm ở chỗ này nhiều hơn người ngoại quốc. Người ngoại quốc suy tính cho con cháu quả thật không nhiều lắm. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nghĩ giùm con cháu quá nhiều, nếu nay chúng ta không khéo học sẽ chẳng xứng với tổ tiên. Điều đầu tiên là văn chương Văn Ngôn, mọi người chẳng học văn chương Văn Ngôn, làm sao có thể xứng với tổ tiên? Đây là tổ tiên đã suy nghĩ thay cho chúng ta, đây là một thứ công cụ để truyền trao trí huệ và kinh nghiệm. Hôm nay đã hết thời gian rồi.

Tập 52

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi bảy, đoạn thứ hai của phần Giáo Khởi Nhân Duyên.

(Huyền Nghĩa) Nhị, đặc u vô lượng pháp môn xuất thắng phương tiện giả, nhập đạo đa môn, bốn vô giản trách, hiểm di khúc trực, nan dị du phân, tác vô lượng môn trung, Niệm Phật nhất môn, tối vi phương tiện. Lược trần hữu tứ: Nhất, bất trị Phật thế, đắc thường kiến Phật phương tiện. Nhị, bất đoạn Hoặc nghiệp, đắc xuất luân hồi phương tiện. Tam, bất tu dư hạnh, đắc Ba La Mật phương tiện. Tứ, bất kinh đa kiếp, đắc tột giải thoát phương tiện.

(玄義) 二、特於無量法門出勝方便者，入道多門，本無揀擇，險夷曲直，難易攸分，則無量門中，念佛一門，最為方便。略陳有四：一不值佛世，得常見佛方便；二不斷惑業，得出輪迴方便；三不修餘行，得波羅密方便；四不經多劫，得疾解脫方便。

(Huyền Nghĩa: Hai, “đặc biệt trong vô lượng pháp môn nêu ra phương tiện thù thắng”: Có nhiều môn để vào đạo, vốn không chọn lựa, nhưng chia ra thành [các đường lối] hiểm trở, thông suốt, cong, thẳng, khó, dễ rất khác nhau, nên trong vô lượng môn, một môn Niệm Phật là thuận tiện nhất. Nêu đại lược thì có bốn điều như sau: Một, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] dù không gặp lúc Phật tại thế mà vẫn thường được thấy Phật. Hai, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà vẫn thoát luân hồi. Ba, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng tu các hạnh khác, mà đắc Ba La Mật. Bốn, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng trải nhiều kiếp, mau được giải thoát).

Đây là nhân duyên thứ hai khiến đức Phật nói kinh này. Tuy Phật pháp có rất nhiều pháp môn, có thể nói chúng đều là pháp phương tiện, nhưng trong các pháp phương tiện, phương pháp [Niệm Phật] này là pháp môn phương tiện thù thắng nhất. Pháp này rốt ráo thù thắng như thế nào? Tiếp đó, Ngài nêu ra bốn điều. Bốn điều này quả thật là bốn thứ

chẳng thể nghĩ bàn. Vừa mở đầu, Ngài bèn nói theo Lý: “*Nhập đạo đa môn, bốn vô gián trạch*” (Có nhiều môn để vào đạo, vốn không chọn lựa). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều bình đẳng, môn nào cũng đều có thể chứng Vô Thượng Đạo, cho nên nói: Pháp môn bình đẳng, không hai, không khác!

(Diễn) *Nhập đạo đa môn giả, như Lăng Nghiêm, nhị thập ngũ nhân các thuyết Viên Thông phương tiện.*

(演) 入道多門者，如楞嚴，二十五人各說圓通方便。

(Diễn): “*Có nhiều môn để nhập đạo*”: Như trong kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị [thánh giả], mỗi vị đều nói phương tiện Viên Thông).

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật hỏi các vị Bồ Tát rốt ráo dùng phương pháp nào tu hành để chứng quả, ngay khi ấy, hai mươi lăm vị Bồ Tát, mỗi vị đều nói ra phương pháp tu hành chứng quả của mình, nhưng mỗi một vị đều nói pháp môn của mình là bậc nhất. Vì thế, không có thứ hai, môn nào cũng là bậc nhất! Hai mươi lăm vị Bồ Tát này tượng trưng cho vô lượng pháp môn do đức Phật đã nói. Cớ sao vô lượng pháp môn chỉ có hai mươi lăm vị Bồ Tát đại diện? Quy nạp vô lượng pháp môn thành hai mươi lăm loại; hai mươi lăm loại ấy gồm sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại. Gộp chung tất cả các pháp môn, nói chung chẳng ngoài hai mươi lăm loại lớn này, tức là mười tám giới cộng thêm bảy đại. Vì thế, [hai mươi lăm pháp Viên Thông] đại diện cho tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vô lượng pháp môn, môn nào cũng đều có thể nhập đạo, môn nào cũng là bậc nhất. Nói theo Lý, pháp môn thật sự bình đẳng, chẳng cần phải chọn lựa, chẳng cần chọn lọc. Nói theo Sự, do căn tánh của chúng ta khác nhau, cho nên phải chọn lựa. Vì thế, nói “*hiểm di khúc trực, nan dị du phân*” (chia ra hiểm trở, thông suốt, cong, thẳng, khó, dễ rất khác nhau), đạo lý ở chỗ này.

Có những pháp môn rất khó tu học, người bình thường chẳng thể tu học được. Có những pháp môn tu học dễ dàng hơn. Dẫu dễ dàng, nhưng nói thật ra, căn tánh của mỗi người vẫn khác nhau. Ví như có người thích niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu liên tục không gián đoạn, người ấy niệm rất hoan hỷ. Có kẻ chẳng thích niệm Phật, niệm một chút bèn gián đoạn. Quý vị bảo họ tụng niệm khóa tụng sáng tối, niệm một tiếng rười òng hồ thì họ niệm được! Quý vị bảo họ

suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, họ chẳng làm được! Đủ thấy căn tánh khác nhau. Có những người thích tụng kinh, càng tụng càng thấy thú vị. Tụng kinh thì được, cả ngày tụng suốt mười tiếng đồng hồ cũng chẳng mệt, chẳng chán; nhưng bảo họ niệm Phật, niệm một tiếng đồng hồ bèn ngủ gục. Căn tánh của mỗi người khác nhau, do vậy mà pháp môn này có khó, dễ! Đủ thấy khó hay dễ chẳng phải do chính pháp môn! Chính vì như thế, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức bảo chúng ta: Nhất định phải chọn lựa [pháp môn] phù hợp căn tánh và sự ưa thích của chính mình. Thế nhưng chọn lựa thì chúng ta thường là chưa thâm nhập toàn bộ Phật pháp, chưa thể liễu giải, pháp môn nhiều ngàn ấy, chọn pháp môn nào mới là tốt đẹp đây? Nếu mỗi pháp môn đều thử, thử xong rồi sẽ quay lại chọn lựa, sợ rằng dầu chúng ta sống đến hai trăm năm vẫn thử chưa xong! Đây cũng là một vấn đề khó khăn trong thực tế. Chúng ta không có thọ mạng dài lâu như vậy, không có thời gian dài như vậy, há chẳng làm lỡ đại sự của chính mình ư? Vì thế, Phật, Bồ Tát phải chọn lựa thay cho chúng ta.

Tuy dạy chúng ta pháp môn này, nhưng trong pháp môn này còn có phương tiện, ví như vừa mới nói đến niệm Phật, niệm Phật có bốn loại: Trì Danh, Quán Tướng, Quán Tượng, Thật Tướng. Có bốn loại lớn. Trong mỗi một loại, lại có rất nhiều phương tiện, thật sự là “*đại khai phương tiện môn*” (mở rộng cửa phương tiện)! Chỗ thù thắng của pháp môn này được nêu ra trong bốn điều kế tiếp, tức là bốn món chẳng thể nghĩ bàn. Món thứ nhất là “*bát tri Phật thế, đắc thường kiến Phật phương tiện*” (phương tiện chẳng gặp lúc đức Phật tại thế mà thường được thấy Phật). Học Phật mà nếu chẳng gặp Phật, rất khó thành tựu!

(Diễn) *Bát tri Phật thế, vị Thích Ca dĩ quá.*

(演) 不值佛世，謂釋迦已過。

(Diễn: “*Chẳng gặp Phật tại thế*”, ý nói: Phật Thích Ca đã diệt độ).

Thích Ca Mâu Ni Phật đã không còn ở trên đời, đã diệt độ.

(Diễn) *Từ Thị vị lai.*

(演) 慈氏未來。

(Diễn: *Di Lặc Phật chưa giáng thế*).

“*Từ Thị*” là Di Lạc Phật, Ngài còn chưa xuất thế. Trong Di Lạc Hạ Sanh Kinh, đức Phật bảo chúng ta: Năm mươi sáu ức vạn năm sau, Di Lạc Bồ Tát mới giáng sanh, thời gian ấy khá dài. Di Lạc Bồ Tát còn chưa giáng sanh; do vậy, hiện thời chúng ta chẳng có cơ hội gặp Phật.

(Diễn) Đắc thường kiến Phật hữu tam nghĩa.

(演) 得常見佛有三義。

(Diễn: “Thường được thấy Phật” có ba ý nghĩa).

Thế nhưng tu pháp môn này có thể thấy Phật, trong ấy có ba ý nghĩa.

(Diễn) Nhất, lâm chung chi tế, Phật lai tiếp dẫn.

(演) 一、臨終之際，佛來接引。

(Diễn: Một, lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn).

Quý vị thấy Phật, nhất định thấy Phật đến dẫn quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Gần đây nhất, khi lão pháp sư Quảng Khâm vãng sanh, thấy Tây Phương Tam Thánh dẫn các vị thượng thiện nhân trong thế giới Tây Phương đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh, đó là “*thấy Phật*”.

(Diễn) Nhị, dĩ sanh chi hậu, thường kiến Di Đà.

(演) 二、已生之後，常見彌陀。

(Diễn: Hai, là sau khi đã vãng sanh, thường gặp Phật Di Đà).

Sau khi quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hằng ngày gặp Phật. Không chỉ thấy A Di Đà Phật, mà chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới đều thường gặp gỡ. Trong kinh nói rất rõ ràng, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có thói quen mỗi sáng sớm đều đi lễ Phật, lễ bao nhiêu vị Phật? Lễ mười vạn ức Phật! Lại thưa cùng quý vị: Mỗi ngày lễ mười vạn ức Phật khác nhau. Phật vô lượng vô biên, mỗi ngày lễ mười vạn ức, do vậy, họ có thể gặp vô lượng Phật. Duy nhất pháp môn này mới có phương tiện thù thắng ấy, học các pháp

môn khác sẽ không có cách nào thấy Phật nhiều ngàn ấy, rất khó thành tựu trong một đời!

(Diễn) *Tam, Thiên Quán chi trung, đắc đở thánh tướng.*

(演) 三、禪觀之中，得睹聖相。

(Diễn: *Ba, là trong lúc Thiên Quán, được thấy hình tướng của chư thánh).*

Quý vị phải nhớ: Nói “*Thiên Quán*” chẳng phải là bảo quý vị tham Thiên! Thiên Quán là nhất tâm, khi trong tâm thanh tịnh, quý vị niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh, niệm đến mức nhất tâm; khi ấy, quý vị cũng thấy Phật, thấy Bồ Tát. Rất nhiều vị đồng tu chúng ta có được cảnh giới như vậy, còn có rất nhiều vị đồng tu tự mình thật sự thấy Phật, thấy Bồ Tát, họ mới tin tưởng. Vì thế, tâm thanh tịnh mới có cảm ứng với Phật, nhất tâm bất loạn là Thiên Định vô thượng rất sâu, chúng ta cần phải hiểu điều này. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn thứ nhất.

Thứ hai là “*bát đoạn Hoặc nghiệp, đắc xuất luân hồi phương tiện*” (phương tiện chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà có thể thoát luân hồi).

(Diễn) *Bát đoạn Hoặc phương tiện giả, như Tiểu Thừa tất đoạn tận Kiến Tư, phương xuất tam giới.*

(演) 不斷惑方便者，如小乘必斷盡見思，方出三界。

(Diễn: “*Phương tiện chẳng đoạn Hoặc*”: *Như Tiểu Thừa ắt phải đoạn hết Kiến Tư phiền não thì mới ra khỏi tam giới*).

Đây là nói về thánh nhân Tiểu Thừa. Tứ Quả A La Hán nhất định phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não rồi mới có thể vượt thoát tam giới, vượt thoát lục đạo. Nếu đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì nói thật ra, chắc chắn là phạm phu chẳng thể thực hiện trong một đời được! Đừng nói Kiến Tư phiền não, bất cứ một điều nào trong Kiến Hoặc cũng đều chẳng dễ gì đoạn trừ trong một đời!

Đối với Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, quý vị có thể đoạn sạch sành sanh bất cứ một thứ nào trong một đời, quả thật chẳng dễ dàng! Nói cách khác, quý vị tu các pháp môn khác, tu những pháp Tiểu Thừa, có thể thoát tam giới, liễu sanh tử hay chẳng? Chẳng thể nào!

(Diễn) Đại Thừa nhân trực chỉ mạng căn đoạn tận, nghiệp thức khô cạn, thí xuất sanh tử.

(演) 大乘人直至命根斷盡，業識枯乾，始出生死。

(Diễn: Người Đại Thừa thì mãi cho đến khi mạng căn đoạn sạch, nghiệp thức khô cạn, mới ra khỏi sanh tử).

Điều kiện này chẳng khác người Tiểu Thừa. Lấy Viên Giáo để nói thì Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín đã đoạn sạch Kiến Tư phiền não, nghiệp thức khô cạn, vượt thoát tam giới. Địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo có mức độ đoạn Hoặc tương đương với quả Tu Đà Hoàn bên Tiểu Thừa, tức là bằng với Sơ Quả. Sơ Tín Bồ Tát của Viên Giáo bằng với Sơ Quả trong Tiểu Thừa. Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo bằng với Tứ Quả trong Tiểu Thừa. Quý vị biết [để đạt tới những quả vị ấy] thật sự khó khăn, chẳng dễ dàng! Sơ Quả thánh nhân có hai điều đảm bảo: Thứ nhất là đảm bảo không đọa trong tam ác đạo, đảm bảo thứ hai là sanh trong cõi trời cõi người bảy lần rồi sẽ nhất định chứng quả A La Hán. Thế nhưng con người trong thế gian thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thọ mạng lâu dài, thời gian ấy tính ra đều là những con số thiên văn. Vì thế, chúng ta cần phải hiểu rõ, phải thấu triệt, liễu sanh tử xuất tam giới chẳng hề dễ dàng!

(Diễn) Cổ vân: “Hào ly hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân, miết nhĩ tình sanh, vạn kiếp ky tỏa”.

(演) 故云毫釐繫念，三途業因，瞥爾情生，萬劫羈鎖。

(Diễn: Cho nên nói: “Mảy may hệ niệm là nghiệp nhân trong tam đồ, tình sanh trong chớp mắt, ràng buộc vạn kiếp”).

Chúng ta phải đọc bài kệ này nhiều lần, phải học thuộc. Mười sáu chữ này đơn giản, nhưng đã nói lên căn bản sanh tử luân hồi. Vì sao quý vị chẳng thể thành tựu? Phía trên đã nói “*pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp*”, chẳng sai! Cái gốc bệnh khiến cho quý vị chẳng thể thành tựu là ở chỗ này. Nói theo cách bây giờ, “*hệ niệm*” là trong tâm quý vị vướng mắc, quý vị chỉ có tư hào vướng mắc, sẽ chẳng ra khỏi lục đạo. Chẳng ra khỏi lục đạo, sẽ phân nhiều ở trong tam đồ, ít khi sanh

trong tam thiện đạo. Chuyện này rất phiền phức. Khi nào tâm quý vị mới chẳng có vướng mắc gì? Người học Phật chúng ta phải dè chừng sâu xa!

Chúng ta học Phật nhằm mục đích nào? Cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhằm mục tiêu ấy. Đã là cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, những chuyện chẳng liên can với Tây Phương Tịnh Độ đều buông xuống hết. Không chỉ buông xuống pháp thế gian, mà pháp Đại Thừa, pháp Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo đều buông xuống hết. Đây mới là thật sự tin tưởng. Kinh chỉ niệm một bộ. Nói thật ra, một bộ kinh là đủ rồi. Pháp môn là một câu A Di Đà Phật, niệm một rồi bèn đọc kinh, đọc một rồi bèn niệm Phật. Đây là đại sự duy nhất của chúng ta trong một đời, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Đây mới gọi là “lòng tin chân thành, nguyện thiết tha”, nhất định vãng sanh. Chúng ta hãy suy nghĩ xem những chuyện vướng mắc trong bụng dạ có quét sạch được hay không?

“*Miết nhĩ tình sanh, vạn kiếp ky tảo*” (Tinh sanh trong chớp mắt, ràng buộc vạn kiếp): Tảo (鎖: xiềng) là hình cụ (dụng cụ để tra tấn), là một loại gông cùm, còng tay, xiềng chân, đây là tỷ dụ. Ngay cả trong một thời gian cực ngắn, sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài bèn khởi lên vọng niệm. “*Tình sanh*” là khởi ý niệm, dấy vọng niệm. Câu trước là nói lúc sáu căn chưa tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chính mình khởi vọng tưởng, tập khí phiền não, vướng mắc trong lòng chưa buông xuống được! Hai câu sau là nói khi quý vị đối cảnh nảy sanh tình thức, cũng là đối trước cảnh dấy lên ý niệm. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy chúng ta: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng giữ lấy tướng, như như bất động). Như như bất động là nói tới hai câu trên [trong bài kệ ở đây], chân tâm của chính mình thanh tịnh, vướng mắc gì cũng chẳng có, chẳng động tâm. Hai câu kệ sau là chẳng chấp tướng. Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm, như vậy mới là đúng! Nếu nói “ngoài chấp tướng, bên trong động tâm”, đây chính là căn bản của luân hồi trong tam đồ lục đạo, chúng ta không có cách nào thoát lia được! Phương pháp Niệm Phật nói “đổi nghiệp vãng sanh”, chính là nói “*chẳng đoạn Hoặc nghiệp*”, chưa đoạn được những thứ này! Tuy chưa đoạn nhưng phải thế nào? Phải chế phục nó!

(Diễn) Kim thử niệm Phật, dẫn năng phục vọng, tức đắc vãng sanh cố.

(演) 今此念佛，但能伏妄，即得往生故。

(Diễn: Nay pháp niệm Phật này, chỉ cần khuất phục vọng niệm, liền được vãng sanh).

Chế phục vọng niệm, chúng ta làm được điều này. Muốn đoạn trừ nó, quả thật chẳng dễ dàng! Chính mình thật sự nỗ lực một chút, sẽ có thể chế phục Hoặc nghiệp. Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm, tạm thời chế ngự, tạm thời “*chẳng chấp tướng, chẳng động tâm*” thì làm được, như vậy là có thể đời nghiệp vãng sanh. Pháp môn này so với các pháp môn khác thật sự thuận tiện hơn ở chỗ này, hết sức khó có!

“*Bát tu dư hạnh, đặc Ba La Mật phương tiện*” (là phương tiện chẳng tu các hạnh khác mà đặc Ba La Mật). Ba La Mật (Pāramitā) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*công đức viên mãn*”.

(Diễn) Bát tu dư hạnh phương tiện giả, như Bồ Thí, tất tu tam luân không tịch.

(演) 不修餘行方便者, 如布施, 必須三輪空寂。

(Diễn: “Phương tiện chẳng tu các hạnh khác”: Như Bồ Thí ắt cần phải tam luân không tịch).

Đây mới là Bồ Thí Ba La Mật, tức là Bồ Thí Độ viên mãn.

(Diễn) Trì Giới, tắc bất khuyết, bất phá.

(演) 持戒, 則不缺不破。

(Diễn: Trì Giới thì chẳng thiếu sót, chẳng phá giới).

Trì Giới nhất định phải chẳng thiếu sót, chẳng phá giới thì Trì Giới mới là viên mãn.

(Diễn) Nãi chí tùy Định cụ túc, phương viết Ba La Mật.

(演) 乃至隨定具足, 方曰波羅密。

(Diễn: Cho đến Định phải đầy đủ thì mới gọi là Ba La Mật).

Trong Lục Độ chỉ nêu lên hai điều, sau đó còn có Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Bát Nhã, muốn thực hiện viên mãn thứ nào cũng đều chẳng dễ dàng!

(Diễn) Thành phi dị tu dã.

(演) 誠非易修也。

(Diễn: Thật chẳng dễ tu vậy!)

Nay chúng ta nói tới tu Lục Độ, mỗi một điều chỉ có thể thực hiện được một hai phần trong ngàn vạn phần mà thôi, không có cách nào thực hiện viên mãn. Tu thành tựu rất khó khăn, nhưng đối với pháp môn này thì...

(Diễn) Kim tư niệm Phật, bất xuất nhất tâm, vạn hạnh cụ túc cố.

(演) 今茲念佛，不出一心，萬行具足故。

(Diễn: Nay pháp niệm Phật này chẳng ra ngoài nhất tâm, mà muôn hạnh đầy đủ).

Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Dùng một câu A Di Đà Phật, nếu quý vị niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì Lục Độ vạn hạnh thấy đều viên mãn, chẳng cần phải tu những hạnh khác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng cần phải tu trọn, một môn này đầy đủ hết thấy các pháp môn; đây là điều chẳng thể nghĩ bàn thứ ba.

Điều thứ tư là “bất kinh đa kiếp, đắc tột giải thoát phương tiện” (là phương tiện chẳng cần trải nhiều kiếp, mà mau chóng đạt giải thoát). “Tật” (疾) là mau chóng, chúng ta xem lời chú giải của đoạn này.

(Diễn) Y dư pháp tu, thiên sanh luyện tánh, bách kiếp điều tâm, phương đắc giải thoát.

(演) 依餘法修，千生煉性，百劫調心，方得解脫。

(Diễn: Nương theo pháp khác để tu thì ngàn đời luyện tánh, trăm kiếp điều phục cái tâm, mới hòng giải thoát).

Đây là nói về các pháp môn thông thường. Quý vị tu các pháp môn khác, thời gian dài lắm! Thông thường, trong kinh Tiểu Thừa, đức Phật nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, nhưng trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói là vô lượng kiếp. Luận theo phía phàm phu chúng ta, để tu thành Phật phải trải qua một thời gian rất dài. Dù đã thành Phật rồi, kinh còn nói: Bồ Tát tu thành Vô Thượng Đạo còn phải dùng một trăm kiếp

đề tu tướng hảo, tu phước, vì sao? Thiếu phước báo sẽ chẳng thể độ chúng sanh, vẫn phải đặc biệt dùng thời gian một trăm kiếp để tu phước như vậy mới hòng phổ độ chúng sanh.

(Diễn) *Thiền môn tuy vẫn nhất sanh liễu đạo, diệc nãi đa kiếp huân tu.*

(演) 禪門雖云一生了道，亦乃多劫熏修。

(Diễn: *Thiền môn tuy nói liễu đạo trong một đời, vẫn là nhiều kiếp huân tu).*

Thiền và Mật đều giống nhau, Mật Tông nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay nơi thân này), nhà Thiền nói “*nhất sanh liễu đạo*”, chẳng phải là trong một đời mà tu thành! Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ người ấy đều tu, đời này thành thực nên mới có thể thành tựu! Đời quá khứ không có cơ sở thiện căn sâu dày, chỉ dựa vào sự huân tu trong đời này, sẽ chẳng thể thành công. Trong lịch sử Thiền Tông Trung Quốc, người thành tựu cao nhất là Lục Tổ đại sư. Trong lịch sử Thiền Tông Trung Quốc, không có một vị tổ sư [Thiền Tông] nào có thể sánh bằng Ngài. Một đời Ngài độ người thành tựu có bốn mươi ba người minh tâm kiến tánh đại triệt đại ngộ, chẳng phải là ai cũng đều có thể thành tựu. Lục Tổ trụ tại chùa Nam Hoa⁷⁵ ba mươi bảy năm, khi ấy, chùa có tên là Bảo Lâm, suốt đời Ngài chẳng lìa khỏi đạo tràng ấy. Ba mươi bảy năm dạy học, chẳng biết có bao nhiêu người tu theo, người thành tựu mới chỉ là bốn mươi ba vị. Há có phải là ai cũng có phần ư? Do vậy, phải hiểu rằng: Bốn mươi ba vị ấy đều đã nhiều kiếp huân tu, nhân duyên chín muồi trong hội của đại sư nên mới đắc độ. Chẳng phải là hạ phạm phu lè tè sát đất mà hòng thành tựu!

⁷⁵ Chùa Nam Hoa thuộc thành phố Thiệu Quan, tỉnh Quảng Đông, nằm bên bờ sông Tào Khê. Chùa này do Tam Tạng Trí Dược khai sơn vào năm Thiên Giám nguyên niên (502) đời Lương, đến thời Lục Tổ trụ tích, hoằng dương Thiền Tông tại Tào Khê, chùa có tên là Bảo Lâm. Năm Thần Long nguyên niên (705), Đường Trung Tông hạ chiếu đổi tên chùa thành Trung Hưng Tự. Năm Thần Long thứ ba (707), lại đổi tên thành Pháp Tuyên Tự. Năm Khai Bảo nguyên niên (968) đời Tống, Tống Thái Tổ hạ chiếu đổi thành Nam Hoa Thiền Tự và chùa giữ tên này cho đến ngày nay. Chùa trải qua nhiều cơn biến động, có lúc bỏ hoang như vào cuối đời Tùy, hoặc cháy sạch như vào năm Long Sóc nguyên niên (661) đời Đường Cao Tông. Chùa tiếp tục bị cháy nhiều lần dưới đời Nguyên. Chùa được trùng tu quy mô như hiện thời do công sức của hòa thượng Hư Vân vào năm Dân Quốc 22 (1933).

Nhưng pháp môn Niệm Phật này thật sự khác hẳn! Chúng ta thấy Huệ Viễn đại sư thời Tấn là người đầu tiên đề xướng pháp môn Niệm Phật. Ngài lập liên xã tại Lô Sơn tỉnh Giang Tây, trên thực tế là một cái am tranh, có một trăm hai mươi ba người cùng tu, ai nấy đều vãng sanh. Một trăm phần trăm thành tựu! Những người thành tựu nơi Lục Tổ đại sư có thể nói là thành tựu một phần vạn, trong một vạn người chỉ có một người [thành tựu], nhưng Lô Sơn Liên Xã của Viễn Công là một trăm phần trăm thành tựu, không ai chẳng thành tựu. Nhìn từ chỗ này, khó và dễ rành rành! Tu pháp môn này, chắc chắn có thể thành tựu; tu các pháp môn khác, chưa chắc đã có thể thành tựu, tùy thuộc vào thiện căn, phước đức, và nhân duyên của quý vị trong quá khứ. Tiếp đó, Ngài dẫn lời Vĩnh Gia đại sư:

(Diễn) Như Vĩnh Gia vân.

(演) 如永嘉云。

(Diễn: Như ngài Vĩnh Gia nói).

Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói về chính mình.

(Diễn) “Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu, bất thị đẳng nhân sanh cuồng hoặc”, thị dã.

(演) 吾早曾經多劫修，不是等閒生誑惑是也。

(Diễn: “Tôi đã tu qua bao nhiêu kiếp từ lâu, chẳng phải là chuyện dễ dãi mà hồng dối gạt, mê hoặc [người đời]⁷⁶”, chính là nói về chuyện này).

⁷⁶ Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của lão pháp sư Tràm Sơn Đàm Hu trong bài Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư Chứng Đạo Ca Lược Giải. Lão pháp sư Đàm Hu giảng như sau: “Hoặc thị hoặc phi nhân bất thức, nghịch hành, thuận hạnh thiên mạc trắc. Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu, bất thị đẳng nhân tương cuồng hoặc: Trên thế giới dù đúng hay sai, không gì chẳng phải do sức Bát Nhã, nhưng nhân gian đều chẳng biết. Còn đối với thuận hạnh hay nghịch hạnh, dù bậc cao nhân trên cõi trời cũng chẳng suy lường được. Thiên thượng nhân gian đều chẳng thể nhận biết suy lường thì tôi là một ông Tăng nghèo hèn, làm sao có thể nhận biết, suy lường được? Cần phải biết Phật pháp, chẳng do đông người, cũng chẳng vì cao quý, mà chỉ do tin tưởng, ngưỡng vọng chân thật. Nhiều đời, nhiều kiếp huân tập, mới có thể tự liễu giải thấu triệt. Tôi nay đã liễu giải là do đã từng tu hành nhiều kiếp trong quá khứ. Đây không phải là chuyện dễ dãi, lơ mơ mà toan đem chuyện này dối gạt,

Vĩnh Gia đại sư là một trong bốn mươi ba người [đắc độ] trong hội của Lục Tổ. Ngài tự nói: Ngài đã tu hành nhiều đời nhiều kiếp, chẳng phải là hạng người ơ hờ, chẳng phải là trong một đời này, mà là tu hành nhiều đời nhiều kiếp. Nói cách khác, bất cứ pháp môn nào khác đều là tu nhiều đời nhiều kiếp, chẳng hề nói “thành tựu trong một đời!” Thật sự nói “thành tựu trong một đời” chỉ có pháp môn này. Điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, mà cũng là “pháp khó tin” được nhắc đến một lần nữa trong kinh này.

(Diễn) Kim tư niệm Phật, đản xưng niệm Di Đà, tật đăng bỉ ngạn cố.

(演) 今茲念佛，但稱念彌陀，疾登彼岸故。

(Diễn: Nay pháp Niệm Phật này chỉ xưng niệm Di Đà bèn mau chóng lên bờ kia).

Đây là pháp môn phương tiện cầu được giải thoát nhanh chóng nhất. Nói thật ra, bất cứ một pháp môn nào cũng đều chẳng nhanh hơn pháp môn này, bất cứ một pháp môn nào cũng đều chẳng thể ôn hòa, thích đáng hơn pháp môn này. Pháp môn này ôn hòa, thích đáng, viên đốn, thẳng chóng, nhanh lẹ. Đối với chúng ta mà nói, quả thật là pháp môn bậc nhất!

(Sớ) Pháp môn giả, đạo thể u huyền, tòng môn thử nhập, vị môn bất đồng, cố vân vô lượng.

(疏) 法門者，道體幽玄，從門始入，為門不同，故云無量。

(Sớ: “Pháp môn”: Đạo thể sâu xa, huyền diệu, từ cửa mà bắt đầu tiến vào. Do cửa vào khác nhau, nên nói là “vô lượng”).

mê hoặc người đời. Đây là chuyện kiến lập đạo tràng, há phải là chuyện phù phiếm ư?” Cũng xin lưu ý là các bản Chứng Đạo Ca đang lưu hành đều chép là “bất thị đẳng nhàn, tương cuống hoặc”, riêng sách Diễn Nghĩa chép là “bất thị đẳng nhàn, sanh cuống hoặc” (có lẽ là do lỗi ấn loát).

Trước hết giải thích chữ “*pháp môn*”, rồi nói số lượng của pháp môn quả thật quá nhiều. Pháp là gì? Môn là gì? Xin hãy xem chú giải.

(Diễn) Pháp môn giả, quỹ sanh vật giải viết “pháp”, thánh trí thông du viết “môn”.

(演) 法門者，軌生物解曰法，聖智通游曰門。

(Diễn: “Pháp môn”: Tuân theo sẽ khiến cho hữu tình chúng sanh nảy sanh sự hiểu biết thì gọi là “*pháp*”; nhờ đó mà thông đạt trí của chư thánh thì gọi là “*môn*”).

Đây là định nghĩa của hai chữ “*pháp môn*”. Quý vị phải nhớ, trong tương lai, bất luận quý vị đọc kinh luận nào, chỉ cần thấy chữ “*pháp môn*” đều hiểu theo cách giảng ở đây, không có cách giải thích thứ hai. “*Quỹ*” (軌) là quy tắc, có nghĩa là “*quỹ đạo*”, nay chúng ta thường gọi là “nguyên lý, nguyên tắc”. Chữ “*vật*” (物) chỉ hữu tình chúng sanh. Ngài không nói “*người*”, vì nói “*người*” thì những loài chúng sanh trong thiên đạo, súc sanh, quỷ, địa ngục không có phần. Ngài nói “*vật*” thì hữu tình chúng sanh trong lục đạo đều bao gồm. Hữu tình chúng sanh trong lục đạo chiếu theo “*quỹ đạo*” này, tức là chiếu theo pháp tắc, “*quỹ*” có nghĩa là pháp tắc, phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc, sẽ có thể sanh Giải, tức là có thể lý giải, thông hiểu, đó gọi là “*quỹ sanh vật giải*” (tuân theo quy tắc sẽ khiến cho hữu tình chúng sanh thông hiểu). Đó gọi là “*pháp*”. “*Môn*” là khai trí huệ. Quý vị từ phương pháp này mà mở mang trí huệ, đó gọi là Môn. Trí huệ ấy chẳng phải là trí huệ thông thường, mà là trí huệ của Phật, Bồ Tát; do vậy gọi là “*thánh trí*”. Chư Phật, Bồ Tát đều dựa theo phương pháp ấy để khai trí huệ, nên gọi là “*thánh trí thông du*”, “*thông*” (通) là thông đạt, thông suốt, chẳng trở ngại, đó gọi là Môn. Đây là định nghĩa của hai chữ “*pháp môn*”. Dưới đây là lời giải thích những ý nghĩa được bao hàm [trong hai câu Sớ].

(Diễn) Đạo thể u huyền giả.

(演) 道體幽玄者。

(Diễn: “Đạo thể u huyền” là...)

Nói thật ra, chữ “đạo” chỉ Chân Như tự tánh của chúng ta, mà cũng là bản thể của hết thầy muôn pháp. Nói cách khác, toàn thể vũ trụ và nhân sinh, kể cả bản thân chúng ta từ đâu mà có? Từ chỗ này mà có, từ đây mà sanh. Bản thể có thể sanh, trong Phật pháp gọi [bản thể] là “tự tánh, bản tánh”. Bản tánh có thể sanh, nó là bản thể của đại đạo, hết thầy vạn pháp được sanh bởi nó. Cái có thể sanh (năng sanh) và những cái được sanh (sở sanh) là một, không hai. Nếu luận theo Thể thì “*năng sanh*” không có hình tướng, không có nơi chốn.

(Diễn) Đạo vô hình tướng, vô phương sở.

(演) 道無形相，無方所。

(Diễn: Đạo không có hình tướng, không có nơi chốn).

Mắt chúng ta không thấy được, tai không nghe thấy, cũng chẳng mò được, thậm chí cũng chẳng nghĩ tưởng được!

(Diễn) Bất khả thấu đạt, vô dung nghĩ nghị.

(演) 不可湊泊，無容擬議。

(Diễn: Chẳng thể nắm bắt, không thể suy tưởng, bàn luận được).

“*Bất khả thấu đạt*” là mảy may miễn cưỡng cũng chẳng thể được! “*Vô dung nghĩ nghị*”: Không có cách nào suy tưởng hay bàn luận. Đó gọi là “*ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xức diệt*”. Hình dung Chân Như bản tánh như vậy đó. Thật ra, hình dung như thế nào thì cũng chẳng có cách nào hình dung cho khít khao. Chúng ta phải tự chú tâm thấu hiểu điều này.

(Diễn) Luận Ngữ vân: “Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu”, thị dã.

(演) 論語云：仰之彌高，鑽之彌堅，瞻之在前，忽焉在後是也。

(Diễn: Sách Luận Ngữ có chép: “Càng ngẩng lên trông, càng thấy cao, càng khoét thì càng cứng, mới nhìn thấy đằng trước, chợt ở đằng sau” là nói về ý này vậy).

Mấy câu này nhằm hình dung đạo của Không phu tử chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây, dùng mấy câu này để tỷ dụ đạo thể; đạo thể u huyền chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Tụng môn thí nhập giả.

(演) 從門始入者。

(Diễn): “Từ cửa mà bắt đầu tiến vào” là...

“Môn” là pháp môn, nhất định có phương pháp thì quý vị mới có thể khế nhập, quý vị mới có thể thấu hiểu.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: “Hốt môn thiên vương tứ dữ hoa ốc, yếu nhân môn nhập”.

(演) 楞嚴云: 忽蒙天王賜與華屋, 要因門入。

(Diễn): Kinh Lăng Nghiêm chép: “Chợt được vua trời ban cho căn nhà đẹp đẽ, phải do cửa để vào”).

Đây là mấy câu do ngài A Nan bạch cùng Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu chẳng tìm được cửa, sẽ không có cách nào khế nhập. Nhất định phải có đường lối thì chúng con mới có thể chứng nhập!

(Diễn): Luận Ngữ vân: “Bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miếu chi mỹ, bách quan chi phú”.

(演) 論語云: 不得其門而入, 不見宗廟之美、百官之富。

(Diễn): Sách Luận Ngữ chép: “Chẳng tìm được cửa để vào, chẳng thấy tông miếu đẹp đẽ, trăm quan giàu có”).

Những điều này đều nhằm nói lên: Học Phật nhất định phải có đường lối. Đường lối khác nhau, nên có vô lượng vô biên [pháp môn] giống như hai mươi lăm môn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đã được nhắc đến trong phần trước. Có người từ sáu căn mà nhập đạo, có người từ sáu thức mà nhập đạo, có người từ bảy đại mà nhập đạo. Chẳng hạn như Quán Thế Âm Bồ Tát từ Nhĩ Căn mà nhập, Đại Thế Chí Bồ Tát từ Kiến Đại trong bảy đại mà nhập. Bảy đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức. Điều này nêu rõ cửa vào nhập đạo của từng người.

Pháp môn là phương pháp; phương pháp khác nhau, nhưng phải biết: Tuy phương pháp khác nhau, nhưng cảnh giới sau khi chứng nhập chẳng khác. Giống như giảng đường của chúng ta có rất nhiều cửa, bất luận quý vị theo cửa nào bước vào, cửa tuy khác nhau, nhưng bước vào sẽ thấy [bên trong] hoàn toàn giống nhau, chẳng khác! Do vậy, Phật pháp là “*phương tiện hữu đa môn, quy nguyên vô nhị lộ*” (phương tiện có nhiều môn, về nguồn không hai đường). Trở về nguồn là một, chắc chắn chẳng có sai khác. Cửa vào rất nhiều vậy!

(Sớ) Quyền xảo tiếp dẫn, linh đắc nhập môn, danh vi phương tiện.

(疏) 權巧接引，令得入門，名為方便。

(Sớ: Quyền xảo tiếp dẫn khiến cho được vào cửa, gọi là phương tiện).

Giải thích “*phương tiện*” là gì, phạm là pháp môn thì đều gọi là “*phương tiện*”.

(Diễn) Quyền xảo tiếp dẫn linh đắc nhập môn giả, thử môn biến nhất thiết xứ.

(演) 權巧接引令得入門者，此門遍一切處。

(Diễn: “Quyền biến khéo léo tiếp dẫn, khiến vào được cửa”: Môn này trọn khắp hết thảy các nơi).

Đây là nói tới pháp môn trong Phật pháp, vô lượng vô biên pháp môn đúng là “*biến nhất thiết xứ*” (trọn khắp hết thảy mọi nơi). Sáu căn, sáu thức, sáu trần, bảy đại bao gồm hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng sót một pháp nào, quả thật là “*trọn khắp hết thảy mọi nơi*”.

(Diễn) Đầu đầu khả nhập, pháp pháp kham quy.

(演) 頭頭可入，法法堪歸。

(Diễn: Thứ gì cũng đều có thể nhập, pháp nào cũng đáng về).

Vấn đề là quý vị có biết cách sử dụng hay không. Không biết sẽ chẳng có cách nào. Phải biết sử dụng thì đúng là thứ gì cũng là đạo.

(Diễn) Cổ vân.

(演) 古云。

(Diễn: Cổ nhân nói).

Đây là mấy câu “*cơ phong*” trong nhà Thiên.

(Diễn) “*Xứ xứ lục dương kham hệ mã, gia gia hữu lộ thâu Trường An*”. Kỳ như chúng sanh bất tri, xứ xứ phùng cừ, đầu đầu thác quá dã.

(演) 處處綠楊堪繫馬，家家有路透長安，其如眾生不知，處處逢渠，頭頭錯過也。

(Diễn: “Chón chón dương xanh kham buộc ngựa, nhà nhà có lối thâu Trường An”. Nếu chúng sanh chẳng biết, thì ở đâu cũng vương mắc, đối với bất cứ chuyện gì cũng lỡ làng).

Vào thời ấy, Trường An là kinh đô. Nói thật ra, chẳng có một pháp nào không thể nhập đạo, đáng tiếc là chúng sanh chẳng tự mình nhận biết, tự mình mê hoặc, do vậy “*xứ xứ phùng cừ*”. “*Cừ*” (渠) là chỗ nước đọng, không vượt qua được. “*Đầu đầu thác quá*” (Chỗ nào cũng bỏ lỡ): Nhân duyên này quá tốt đẹp [mà chúng sanh luôn bỏ lỡ], đức Phật tiếp dẫn hết thảy chúng sanh đích xác là tùy cơ tiếp dẫn, hoàn toàn chẳng có phương pháp cố định. Nếu có một phương pháp cố định, lẽ nào cả đời lão nhân gia phải nói kinh nhiều ngàn ấy? Cớ sao Ngài phải nói ra các pháp môn nhiều ngàn ấy? Đích xác là không có một phương pháp cố định nào để nói, mà cũng không có phương pháp cố định nào để tiếp dẫn chúng sanh. Đúng là “*tùy cơ tiếp dẫn*” (tiếp dẫn thuận theo căn cơ của từng đối tượng), người nào gặp được Phật cũng đều đắc độ.

Hiện thời, chúng ta muốn bàn đến “*thắng phương tiện*” (phương tiện thù thắng, tuyệt diệu nhất) trong những pháp phương tiện. Chữ “*thắng*” là nhằm thắng vào chúng ta để nói. Nói cách khác, [pháp môn được đức Phật dạy trong kinh này] rất thích hợp hoàn cảnh hiện tiền, căn tánh và trình độ của chúng ta. Chúng ta chiếu theo phương pháp này để tu hành, trong một đời này nhất định có thành tựu. Đối với chúng ta mà nói thì pháp phương tiện này là phương tiện thù thắng.

(Sớ) Nhi ngôn thắng giả, phương tiện trung phương tiện dã.

(疏) 而言勝者，方便中方便也。

(Sớ: Nói “thắng” tức là [pháp này] là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện).

Đó gọi là “thắng phương tiện”.

(Sớ) Tức Quán Kinh sở vị “dị” dã.

(疏) 即觀經所謂異也。

(Sớ: Chính là như Quán Kinh gọi là “dị” (khác lạ) vậy).

Liên Trì đại sư nói đến “thắng phương tiện”, tức là như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh gọi là “dị phương tiện” (phương tiện lạ lùng).

(Sớ) Đa môn giả, hoặc vị môn môn khả dĩ nhập đạo, hà tất niệm Phật vãng sanh.

(疏) 多門者，或謂門門可以入道，何必念佛往生。

(Sớ: “Nhiều môn”: Có kẻ nói: “Môn nào cũng đều có thể nhập đạo, sao cứ phải niệm Phật vãng sanh?”)

Người nói như vậy có thể nói là từ xưa đến nay đều có, mà còn là số đông nữa, chúng ta thường gặp họ. Học Phật, thấy Phật, cần gì cứ phải nhất định thấy A Di Đà Phật? Cầu sanh cõi Phật, có gì cứ nhất định phải sanh về Tây Phương Tịnh Độ? Thế giới của chư Phật vô lượng vô biên, có thể giới Phật nào chẳng đáng sanh về? Vì sao cứ khẳng khẳng phải sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới? Những lời ấy dường như rất hợp lý, thật ra chẳng phải, vì sao? Trong ấy có khó, dễ, sai khác rất lớn!

(Sớ) Nhi hữu dị hữu nan.

(疏) 而有易有難。

(Sớ: Nhưng các pháp môn có dễ, có khó).

Đã có khó và dễ thì phải chọn lựa!

(Sớ) Bất phương vô giản trạch trung nhi thuyết giản trạch.

(疏) 不妨無揀擇中而說揀擇。

(Sớ: Chẳng ngại gì nói “chọn lựa” trong cái “vốn không chọn lựa”).

Về Lý thì không có chọn lựa, nhưng chiếu theo căn tánh của chúng ta mà nói thì cần phải chọn lựa!

(Sớ) Hiểm giả khi khu nan hành, khúc giả hu hồi nan đáo, dụ dư môn dã.

(疏) 險者崎嶇難行，曲者紆迴難到，喻餘門也。

(Sớ: “Hiểm” là gập ghềnh khó đi, “khúc” là ngoắt ngoéo khó đến. [Dùng chữ “hiểm khúc”] để sánh ví các pháp môn khác).

Tỷ dụ các pháp môn khác. Lời chú giải ở đây hết sức đơn giản, nhưng ý nghĩa hết sức sâu rộng.

(Diễn) Khi khu nan hành giả, như tiền hạo bác nan trì, u thâm võng thố đẳng.

(演) 崎嶇難行者，如前浩博難持，幽深罔措等。

(Diễn: “Gập ghềnh khó đi” là như trong phần trước đã nói: Mênh mông, bát ngát khó nắm giữ, sâu thẳm khó thể thực hiện v.v...)

Bất luận Hiền Giáo, Mật Giáo, kinh điển vừa nhiều, vừa khó, lại vừa sâu, chúng ta muốn lý giải, tu học, quả thật chẳng dễ dàng!

(Diễn) Hu hồi nan đáo giả.

(演) 紆迴難到者。

(Diễn: “Ngoắt ngoéo khó đến” là...)

Nếu quý vị không đi đường thẳng, mà đi theo con đường quanh co, vòng vèo, ngoắt ngoéo, sẽ phải qua rất nhiều đường vòng mới hòng đến nơi. Vì thế, phải trải qua thời gian rất lâu.

(Diễn) Như Tăng-kỳ tích hạnh, khoáng kiếp cần tu đẳng.

(演) 如僧祇積行，曠劫勤修等。

(Diễn: Như tích tập công hạnh trong A-tăng-kỳ kiếp, siêng tu bao kiếp dài lâu v.v...)

Tu học các pháp môn khác, hao phí thời gian quá nhiều.

(Sớ) Di thân tắc dị hành, dụ niệm Phật nhân giai khả vi.

(疏) 夷坦則易行，喻念佛人皆可為。

(Sớ: Bằng phẳng thì dễ đi, ví như niệm Phật ai cũng có thể làm được).

“Di thân” (夷坦) là tỷ dụ. Tỷ dụ con đường bằng phẳng, đường to, thẳng thớm, chẳng có ngõ rẽ, quý vị không biết đường cũng có thể đến nơi. Vì sao? Chỉ có một con đường, noi theo con đường ấy mà đi, cứ đi tới phía trước sẽ đến. Nếu có nhiều khúc quanh, ngoắt ngoéo, sẽ chẳng dễ gì kiếm lối được, dễ bị lạc đường! Quý vị tu pháp môn này chẳng đến nỗi lạc lối. Nói cách khác, tu các pháp môn khác, ma chướng rất nhiều, dễ gặp ma chướng. Tu pháp môn này dễ dàng, vì pháp môn này là con đường thẳng, chỉ cần quý vị thật sự tin là được rồi! Hạ quyết tâm chẳng thay đổi chủ ý, sẽ chẳng đến nỗi chuốc lấy ma chướng, pháp này dễ dàng hơn rất nhiều!

(Sớ) Trực tiếp tắc dị đáo, dụ niệm Phật tốc siêu sanh tử.

(疏) 直捷則易到，喻念佛速超生死。

(Sớ: Thẳng tắt sẽ dễ đến, ví như niệm Phật mau vượt thoát sanh tử).

Pháp môn này là pháp môn thẳng chớng. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy: Người đầu tiên từ nhục thân mà thành Phật trong một đời là Thiện Tài đồng tử, vì sao Ngài có thể làm được? Ngài tu pháp môn thẳng chớng này! Trong kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ thuộc thế giới Hoa Tạng tu những pháp môn khác, đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn họ về Cực Lạc. Bọn họ đi vòng vèo quanh co về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhìn từ kinh Hoa Nghiêm, Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ quy y cuối cùng

trong Đại Thừa Phật pháp. Bất luận quý vị tu một pháp môn nào, đến cuối cùng đều quay về Tây Phương Tịnh Độ. Đã quay về Tây Phương Tịnh Độ thì niệm A Di Đà Phật là phương pháp thẳng chóng nhất. Chúng ta phải nên hiểu điều này! Dưới đây, Ngài dẫn một đoạn công án.

(Sớ) Như Vy Đề Hy, diệc biến quán thập phương thế giới, nhi duy nguyện sanh Cực Lạc dã.

(疏) 如韋提希，亦遍觀十方世界，而惟願生極樂也。

(Sớ: Như bà Vy Đề Hy cũng quán khắp mười phương thế giới, nhưng chỉ nguyện sanh về Cực Lạc).

Đây là một thí dụ hết sức rõ rệt! Phu nhân Vy Đề Hy (Vaidehi) cũng thuộc dòng dõi vua chúa. Trong thời đức Phật tại thế, bà ta là mẹ của vua A Xà Thế (Ajatasatru). Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh được nói ra là do nhân duyên này.

(Diễn) Vy Đề biến quán nguyện sanh Cực Lạc giả.

(演) 韋提遍觀願生極樂者。

(Diễn: “Vy Đề Hy quán khắp [mười phương thế giới chư Phật], nguyện sanh về Cực Lạc” là...)

Bà ta gặp nạn, con bất hiếu, cấu kết với Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa muốn hại Thích Ca Mâu Ni Phật, chính mình muốn làm vị Phật mới, xúi giục A Xà Thế phản bội cha, mưu hại cha ruột, tự mình đoạt lấy ngôi vua, trở thành tân vương, Hai người âm mưu với nhau, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Mẹ ông ta bị giam chặt trong cung cấm, chẳng cho ai đến thăm viếng. Bà ta là một đệ tử kiên thành của Phật, ở trong cung không biết làm sao, bèn hướng lên hư không van vái, cầu xin Thích Ca Mâu Ni Phật cứu bà ta. Đức Phật biết chuyện này, liền phái vị [đệ tử] thân thông đệ nhất là Mục Kiền Liên đi thăm bà, rồi đích thân đức Thế Tôn cũng đến hoàng cung.

(Diễn) Thế Tôn tòng đỉnh phóng quang, chiếu thập phương giới.

(演) 世尊從頂放光，照十方界。

(**Diễn:** Đức Thế Tôn từ đỉnh đầu phóng quang, chiếu mười phương cõi nước).

Đức Thế Tôn thị hiện thần thông.

(**Diễn**) Phục thân bảo quang, kết vi kim đài, kỳ trung phổ hiện thập phương Phật độ, linh Vy Đề biến quán, Vy Đề độc nguyện sanh ư Cực Lạc dã.

(演) 復收寶光，結為金臺，其中普現十方佛土，令韋提遍觀，韋提獨願生於極樂也。

(**Diễn:** Lại thân quang minh báu, kết thành đài vàng, trong ấy hiện khắp các cõi Phật trong mười phương, bảo Vy Đề Hy hãy nhìn tròn khắp, nhưng Vy Đề Hy chỉ mong sanh vào Cực Lạc).

Thích Ca Mâu Ni Phật dùng sức thần thông thị hiện, đem toàn bộ Tịnh Độ của mười phương chư Phật thị hiện trong không trung cho phu nhân Vy Đề Hy đều có thể thấy được. [Đức Phật dạy]: “Sau khi nhìn xong, bà hãy tự chọn lựa thế giới của vị Phật nào mà bà ưa thích”. Phu nhân Vy Đề Hy nhìn từng cõi xong, chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, dùng phương pháp Quán Tưởng. Vì thế, Thập Lục Quán Kinh là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói với phu nhân Vy Đề Hy, truyền xuống như vậy, bà ta nguyện sanh Cực Lạc.

(**Sớ**) Đắc thường kiến Phật giả, Khởi Tín Luận ký thị Chân Như tam-muội, cập nhị môn Chỉ Quán cánh, phục vân: “Hữu sơ học thị pháp, kỳ tâm khiếp nhược. Dĩ Sa Bà bất thường trị Phật, cụ vị tín tâm nan tựu. Như Lai hữu thắng phương tiện, nhiếp hộ tín tâm, vị chuyên ý niệm Phật, tức sanh Phật độ, thường kiến ư Phật. Như Tu Đa La thuyết: “Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh, chung vô hữu thoái”. Thử kinh tắc thất nhất tâm, Phật hiện tại tiền, thị dã. Cố tri Linh Sơn dĩ quá, Long Hoa vị lai, vô Phật thế trung nhi đắc kiến Phật, thị danh tối thắng đệ nhất phương tiện.

(疏) 得常見佛者，起信論既示真如三昧，及二門止

觀竟。復云：有初學是法，其心怯弱，以娑婆不常值佛，懼謂信心難就。如來有勝方便，攝護信心，謂專意念佛，即生佛土，常見於佛。如修多羅說：專念西方極樂世界阿彌陀佛，即得往生，終無有退，此經則七日一心，佛現在前，是也。故知靈山已過，龍華未來，無佛世中而得見佛，是名最勝第一方便。

(Sớ: “Thường được thấy Phật”: Khởi Tín Luận đã dạy Chân Như tam-muội và hai môn Chỉ - Quán xong, lại nói: “Có kẻ mới học pháp này, tâm kẻ ấy khiếp hãi, yếu ớt, vì trong cõi Sa Bà chẳng thường gặp Phật, hoảng sợ cho rằng tín tâm khó trọn. Như Lai bèn có phương tiện thù thắng để nhiếp trì, bảo vệ tín tâm, đó là: Dốc trọn ý niệm Phật, liền được sanh vào cõi Phật, thường thấy Phật. Như kinh có dạy: “Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, liền được vãng sanh, trọn chẳng thoái chuyển”. Kinh này nói bảy ngày nhất tâm, Phật bèn hiện ra trước mặt, chính là nói tới ý đó. Vì thế biết: Hội Linh Sơn đã qua, thời Long Hoa chưa tới, trong đời không có Phật mà được thấy Phật, nên gọi là phương tiện tối thắng bậc nhất).

“Tu Đa La” là Kinh, “Linh Sơn dĩ quá” là Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ. “Long Hoa vị lai” là nói Di Lạc Phật chưa ra đời. Trước tiên, đại sư dẫn lời văn từ Khởi Tín Luận để nói. Chân Như tam-muội và “hai môn Chỉ Quán” đều là những thứ hàng sơ học chúng ta mong đạt được. Chân Như tam-muội là gì? Chúng ta phải nhận biết chính xác định nghĩa của danh từ thuật ngữ này. Chân Như (Tathāta) là tiếng Phạn dịch ra, Chân là chẳng vọng, Như là Sự và Lý hoàn toàn tương ứng. Ví như “dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng”, Tánh giống như Tướng, Tướng giống như Tánh, nhất như, vô nhị như. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói mười món như thị (thập như thị), đây là nói về Chân Như. “Tam-muội” (Samādhi) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ đúng mức, bình thường. Đúng mức, bình thường là gì? Ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động. Sự thụ dụng ấy đúng mức, bình thường. Nếu chấp tướng động tâm sự cảm nhận ấy không đúng mức, bất bình thường! Năm thứ cảm nhận “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả” là những thứ hưởng thụ không đúng mức, bất bình thường của phàm phu

trong tam giới lục đạo. Sự hưởng thụ của chư Phật, Bồ Tát, A La Hán là đúng mực, bình thường, trong tâm các Ngài không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, đối với hết thảy pháp đều có cái nhìn bình đẳng. Vì sao? Không có một pháp nào chẳng thật, không có một pháp nào chẳng Như!

(Diễn) Chân Như tam-muội, hữu chánh quán, hữu phương tiện.

(演) 真如三昧，有正觀、有方便。

(Diễn: Chân Như tam-muội có chánh quán và phương tiện).

Tức là nói Chân Như tam-muội gồm hai thứ.

(Diễn) Chánh Quán, tức pháp giới nhất tướng, nhất thiết chư pháp, bình đẳng vô nhị.

(演) 正觀，即法界一相，一切諸法，平等無二。

(Diễn: Chánh Quán là pháp giới một tướng, hết thảy các pháp bình đẳng không hai).

Đây là Chánh Quán. Quý vị biết hết thảy pháp bình đẳng, không hai. Do vậy, trong hết thảy các pháp quý vị mới chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, vì sao? Nó là một, không hai, khởi tâm động niệm liền rớt vào hai, ba. Nếu khi nó đã là một, chắc chắn chẳng có khởi tâm động niệm, đó là Chánh Quán. Chúng ta niệm Phật, niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì mới có thể nhập cảnh giới này, đó gọi là “chứng nhập”, thật sự được thụ dụng, là “chứng ngộ”. Phương tiện là nói tới giải ngộ; tuy được thụ dụng, nhưng không chân thành, thiết tha như trong phần trên (tức chứng ngộ), chưa thật sự được như vậy.

(Diễn) Phương tiện giả, vị thôi cầu Ngũ Ấm Sắc chi dữ tâm, chung bất khả đắc.

(演) 方便者，謂推求五陰色之與心，終不可得。

(Diễn: Phương tiện là truy tìm Ngũ Ấm, sắc và tâm, trọn chẳng thể được!)

Ví như Tâm Kinh nói “chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không”, đây

chính là Phương Tiện Chân Như tam-muội. Kinh Kim Cang nói: Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, “ba tâm chẳng thể được”. Tâm quá khứ đã qua đi, tâm hiện tại chẳng trụ. Nói tới hiện tại thì hiện tại đã trở thành quá khứ, tâm vị lai vẫn chưa sanh, vẫn chưa xảy đến. Ba tâm đều chẳng thể được. Thử hỏi quý vị dùng cái tâm nào? Quả thật chẳng thể được! Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, về căn bản là không có chuyện ấy, tự sanh phiền não! Trong hoàn toàn hư vọng, tự mình cho là có chuyện như vậy, thật sự là không, quyết định là hư vọng.

(Diễn) Nhược năng quán sát tri tâm vô niệm, tức đắc tùy thuận nhập Chân Như môn cố.

(演) 若能觀察知心無念，即得隨順入真如門故。

(Diễn: Nếu có thể quán sát biết tâm vô niệm, liền được tùy thuận nhập Chân Như môn).

Nếu bản thân chúng ta có thể khéo quán sát thì đây là “quán chiếu” như trong Phật môn thường nói. “Quán sát” là quán chiếu, biết chân tâm vô niệm, bản tánh vô niệm. Lục Tổ nói: “Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần”. Vốn chẳng có ý niệm, hữu niệm là có vọng niệm. Vốn là vô niệm, ý niệm của quý vị sẽ ngưng dứt, dứt bật hết thấy vọng niệm, chân tâm bản tánh của quý vị sẽ hiện tiền; đây là Chân Như tam-muội hiện tiền, chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát. Đây là nói về Chân Như tam-muội.

(Diễn) Nhị môn Chỉ Quán giả.

(演) 二門止觀者。

(Diễn: Hai môn Chỉ và Quán là...)

Đây đều là nguyên tắc trong dụng công, mà cũng là đại cương của pháp môn. Chính là vì từ pháp môn này có thể chia thành rất nhiều pháp môn, có thể gọi nó là tổng cương lãnh của các pháp môn.

(Diễn) Chỉ, vị chỉ nhất thiết cảnh giới tướng.

(演) 止，謂止一切境界相。

(Diễn: “Chỉ” là dứt hết thấy các tướng cảnh giới).

“*Chỉ*” là đình chỉ, ngưng nghỉ. Ngưng cái gì? Ngưng hết thấy vọng niệm, tức là Định, tức là nhất tâm, “*ngưng hết thấy các tướng cảnh giới*”.

(Diễn) *Hữu ly cảnh, trừ tâm, nhị pháp.*

(演) 有離境、除心、二法。

(Diễn): *Có hai pháp Chỉ là lìa cảnh và trừ tâm.*

Hai thứ phương pháp, một là “*lìa cảnh*”, hai là “*trừ tâm*”. Giống như cách tu hành của người Tiểu Thừa. Người mới học quá nửa là dùng phương pháp lìa cảnh, vì sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi vọng niệm, vậy thì làm sao? Tìm nơi núi sâu chẳng in dấu chân người, tìm nơi ấy để tu hành. Xa lìa cảnh giới thành thị phồn hoa, xa lìa cảnh giới, như vậy thì tâm người ấy sẽ dần dần bình tịnh. Đây là lý do vì sao người mới học phải trụ nơi tịch tĩnh. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Tĩnh Xứ. Người tu hành phải chọn lựa nơi này làm đạo tràng, đó là lìa cảnh; nhưng lìa cảnh trị đằng ngọn chứ chưa trị tận gốc. Quan trọng nhất là trừ tâm. Trừ tâm là trừ bỏ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước trong tâm, đó mới là căn bản. Trong Chỉ lại có nhiều phương pháp, phía sau sẽ còn nói thêm.

Nếu nói đến Quán thì Quán là quán chiếu, tức là vận dụng trí huệ, còn Chỉ đặt nặng nơi Định, dùng công phu định lực. Quán là dùng trí huệ để quán chiếu.

(Diễn) *Quán vị phân biệt nhân duyên sanh diệt tướng.*

(演) 觀謂分別因緣生滅相。

(Diễn): *Quán là phân biệt tướng nhân duyên sanh diệt.*

“*Quán sát*” chính là quán sát hết thấy pháp, hết thấy các pháp đều từ nhân duyên sanh và cũng do nhân duyên mà diệt. Nói cách khác, nếu quý vị nhận biết hết thấy các pháp không có tự thể, thì đó là cách quán sát trí huệ. Chúng ta thường nói “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Vì thế, Chỉ và Quán đôi bên giúp đỡ lẫn nhau, giúp cho nhau thành tựu: Buông xuống giúp quý vị thấy thấu suốt, thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống. Quý vị thật sự có thể thấy hết thấy các pháp do nhân duyên sanh và do nhân duyên mà diệt;

nói cách khác, hết thấy các pháp không có tự tánh, không có tự thể độc lập.

Nói tới “nhân duyên” thì có rất nhiều điều kiện kết hợp thành, nó không có tự thể. Hiện thời khoa học phát triển, chúng ta đối với hết thấy vật thể, hết thấy hình tướng, cho đến hết thấy sinh vật đều có sự hiểu biết kha khá, tuy hiểu biết chúng, nhưng vẫn chưa giác ngộ, vẫn mê nơi đó. Quán là dùng trí huệ chân chánh. Quán rồi phải giác ngộ. Giác ngộ hết thấy pháp vốn không có tự tánh; do vậy, đối với hết thấy các pháp chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, thật sự buông xuống. Đó là tác dụng của Quán.

(Diễn) Hữu pháp tướng, đại bi, đại nguyện, tinh tấn, tứ hạnh.

(演) 有法相、大悲、大願、精進，四行。

(Diễn: Quán có bốn hạnh là pháp tướng, đại bi, đại nguyện và tinh tấn).

Có bốn thứ phương pháp tu hành.

(Diễn) Thị pháp, chỉ tu hành ngũ môn.

(演) 是法，指修行五門。

(Diễn: Chữ “thị pháp” (pháp này) [trong đoạn văn trích dẫn từ Khởi Tín Luận trong lời Sớ] chỉ năm môn tu hành).

“Phục vân” là lại nói. “Hữu sơ học thị pháp, kỳ tâm khiếp nhược” (lại có kẻ mới học pháp này, tâm kẻ ấy kinh hãi, yếu ớt): Đối với câu “sơ học thị pháp”, lời chú giải giảng: “Chữ ‘thị pháp’ chỉ năm môn tu hành”, [năm môn tu hành] chính là Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn và Chỉ Quán. Chỉ Quán là Thiền Định, [“năm môn”] là những phương pháp tu hành ấy.

(Diễn) Sơ học thị pháp giả, chỉ Bất Định Tụ chúng sanh, tu tín vị mãn giả.

(演) 初學是法者，指不定聚眾生，修信未滿者。

(Diễn: Từ ngữ “kẻ mới học pháp này” chỉ Bất Định Tụ chúng sanh, thuộc địa vị tu tín chưa viên mãn).

Đây là nói tới kẻ mới học. “*Bất Định Tu*” là tâm quý vị còn do dự, chưa định, lúc nghĩ học cái này, lúc toan học cái khác, nghe nói cái này cũng hay lắm, cái kia cũng khá, đó gọi là “*Bất Định Tu*”. Đây là

hiện tượng của kẻ mới học. Khi nào tâm quý vị định lại, công phu của quý vị mới đắc lực. Nếu đối với pháp môn, tâm quý vị do dự, chẳng dứt khoát, bất luận quý vị tu pháp môn nào, bất luận quý vị tu trong một thời gian lâu chừng nào, công phu chẳng đắc lực, giống như con phù du trên mặt nước, vật vờ cuốn theo chiều gió, chẳng có cội rễ! Nhất định phải chọn lấy một pháp môn trong hết thảy các pháp môn, cố định tại một pháp môn. Tu học như thế, quý vị sẽ nhận thấy công phu dần dần đắc lực, cảnh giới mỗi năm mỗi khác, mỗi tháng chẳng giống nhau. Thậm chí quý vị xem kinh, mỗi ngày có ngộ xứ, cùng là một bộ kinh mà mỗi lần xem là một lần thấy được ý nghĩa mới mẻ, đây là quý vị có sở đắc. Không có cảnh giới ấy, chứng tỏ tâm quý vị vẫn chưa định. Chân tâm thật sự định thì hằng ngày niệm Phật hiệu, thân tâm càng sung sướng, mỗi lúc đọc kinh thì lần nào đọc cũng đều có ngộ xứ. Đích xác khác hẳn!

(Diễn) Kỳ tâm khiếp nhược, thị tâm ký liệt, Sa Bà bất thường tri Phật, thị ngoại khuyết thắng duyên, cố tín hạnh nan thành, tương dục thoái dã.

(演) 其心怯弱，是心既劣，娑婆不常值佛，是外缺勝緣，故信行難成，將欲退也。

(Diễn: Tâm kẻ ấy khiếp nhược là cái tâm đã kém hèn. Sa Bà chẳng thường gặp Phật là bên ngoài thiếu duyên thù thắng, vì thế, tín hạnh khó thành, sắp bị thoái chuyển).

Kẻ Bất Định Tự công phu tiến tiến, lùi lùi, thường là tiến ít, lùi nhiều, đây là hiện tượng nơi đại đa số con người. Còn tiến nhiều, lùi ít là do quý vị đòi quá khư túc căn sâu dày. Hôm nay đã hết thời gian rồi!

Tập 53

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi bảy:

(Huyền Nghĩa) Nhị, đặc u vô lượng pháp môn xuất thắng phương tiện giả, nhập đạo đa môn, bản vô giản trách, hiểm di khúc trực, nan dị du phân, tắc vô lượng môn trung, Niệm Phật nhất môn, tối vi phương tiện. Lược trần hữu tứ: Nhất, bất tri Phật thế, đắc

thường kiến Phật phương tiện. Nhị, bất đoạn Hoặc nghiệp, đắc xuất luân hồi phương tiện. Tam, bất tu dư hạnh, đắc Ba La Mật phương tiện. Tứ, bất kinh đa kiếp, đắc tột giải thoát phương tiện.

(玄義) 二、特於無量法門出勝方便者，入道多門，本無揀擇，險夷曲直，難易攸分，則無量門中，念佛一門，最為方便。略陳有四：一不值佛世，得常見佛方便；二不斷惑業，得出輪迴方便；三不修餘行，得波羅密方便；四不經多劫，得疾解脫方便。

(Huyền Nghĩa: Hai, “đặc biệt trong vô lượng pháp môn nêu ra phương tiện thù thắng”: Có nhiều môn để vào đạo, vốn không chọn lựa, nhưng chia ra thành [các đường lối] hiểm trở, thông suốt, cong, thẳng, khó, dễ rất khác nhau, nên trong vô lượng môn, một môn Niệm Phật là thuận tiện nhất. Nêu đại lược thì có bốn điều như sau: Một, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] dù không gặp lúc Phật tại thế mà vẫn thường được thấy Phật. Hai, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà vẫn thoát luân hồi. Ba, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng tu các hạnh khác mà đắc Ba La Mật. Bốn, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng trải nhiều kiếp, mau được giải thoát).

Phần chú giải từ đây trở đi đều nhằm chú giải đoạn văn này. Lời chú giải khá dài; lần trước, tôi đã giảng một đoạn.

(Sớ) Phục vân: “Hữu sơ học thị pháp, kỳ tâm khiếp nhược. Dĩ Sa Bà bất thường trị Phật, cụ vị tín tâm nan tựu. Như Lai hữu thắng phương tiện, nhiếp hộ tín tâm, vị chuyên ý niệm Phật, tức sanh Phật đạo, thường kiến ư Phật. Như Tu Đa La thuyết: “Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh, chung vô hữu thoái”.

(疏) 復云：有初學是法，其心怯弱，以娑婆不常值

佛，懼謂信心難就。如來有勝方便，攝護信心，謂專意念佛，即生佛土，常見於佛。如修多羅說：專念西方極樂世界阿彌陀佛，即得往生，終無有退。

(Sớ: Lại nói: “Có kẻ mới học pháp này, tâm kẻ ấy khiếp hãi, yếu ớt, vì trong cõi Sa Bà chẳng thường gặp Phật, hoảng sợ cho rằng tín tâm khó trọn. Như Lai bèn có phương tiện thù thắng để nhiếp thọ, bảo vệ tín tâm là dốc trọn ý niệm Phật, liền được sanh vào cõi Phật, thường thấy Phật. Như kinh có dạy: “Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật bèn được vãng sanh, trọn chẳng thoái chuyển”).

Đoạn văn này đặc biệt nói về cảnh giới tu học của chúng ta trong hiện tại: Chẳng gặp Phật, tu hành quả thật rất khó khăn. Khó ở chỗ nào? Đúng như đại sư đã nói ở đây: Tín tâm chẳng dễ kiến lập! Trong kinh Hoa Nghiêm và Đại Trí Độ Luận, đức Phật đã nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ của công đức). Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nhắc tới ba món tư lương. Ngài nói Tín gồm có sáu điều, điều thứ nhất là tin vào chính mình. [Sáu thứ Tín là] tín tự, tín tha, tín nhân, tín quả, tín Sự, tín Lý. Trong sáu điều này, khó nhất là “*tín tự*” (tin vào chính mình). Nếu chính mình đánh mất lòng tin vào chính mình, năm thứ tín tâm sau đó đều chẳng thể kiến lập! Dầu có năm thứ tín tâm phía sau, [nhưng do thiếu lòng tin vào chính mình], bản thân chúng ta vẫn chẳng thể thành tựu. Do vậy, cái tâm tự tin hết sức trọng yếu. Ở đây cũng nói “*tín tâm nan tựu*” (lòng tin khó thành). Trong phần tiêu chú (lời chú giải của sách Diễn Nghĩa) đã phân tích rất hay.

(Diễn) Kỳ tâm khiếp nhược, thị nội tâm ký liệt.

(演) 其心怯弱，是内心既劣。

(Diễn: Tâm khiếp nhược là trong tâm đã kém hèn).

“*Nội tâm ký liệt*” là thiếu lòng tự tin. Bên trong chẳng có lòng tự tin, bên ngoài lại chẳng gặp Phật, đây là nội duyên lẫn ngoại duyên đều khuyết. Tu hành như thế nếu chẳng gặp thiện tri thức chân chánh; nhất định sẽ đi theo con đường oan uổng. Nếu đi theo con đường oan uổng lắm phen, rốt cuộc vẫn có thể mò ra được chánh đạo thì coi như vẫn còn may mắn. Nếu lạc trong tà ma ngoại đạo, quả thật oan uổng quá! Do

điều này, thiện tri thức đóng vai trò mấu chốt quyết định thành bại trong sự tu học của chúng ta hiện nay.

Thiện tri thức là ai? Rất khó nói! Quá ư là khó! Trước mắt chúng ta, những gì chúng ta có thể thấy và nghe, trong tâm ta luôn có nghi hoặc. Chuyện này phiền phức rất lớn. Trong tâm có nghi hoặc, đó là chướng ngại của chúng ta. Tuy nhiên, có những vị tri thức, chúng ta đến gặp họ, họ dạy chúng ta thật thà niệm Phật là được rồi! Câu nói này rất mơ hồ, thành thật theo kiểu nào? Chẳng lẽ hiện thời chúng ta không thành thật ư? Rốt cuộc như thế nào mới được coi là thật thà? Từng câu hỏi nối tiếp nhau, có nhiều câu hỏi đến ngàn ấy. Nói cách khác, tín tâm của chúng ta có vấn đề. Người thật sự có tín tâm sẽ chẳng có nghi vấn. Chỉ cần có nghi vấn thì tức là tín tâm chưa đủ, đấy là chướng ngại rất lớn!

Vì thế, tôi thường khuyên lơn, cổ vũ các đồng tu: Thiện tri thức chân chánh của chúng ta là bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa này. Liên Trì đại sư là thầy của chúng ta; tuy Ngài đã khuất, nhưng còn cuốn sách này lưu hành là được rồi. Pháp sư Cổ Đức là học trò của Ngài, cuốn Diễn Nghĩa này là bút ký ghi chép [lời giảng của Liên Trì đại sư]. Thuở ấy, khi lão hòa thượng giảng Sớ Sao, ngài Cổ Đức được nghe rất nhiều lần, nghe xong ghi chép lại, nay trao cho chúng ta làm tài liệu tham khảo. Vì thế, đã có Sớ Sao, lại có Diễn Nghĩa, tức là chẳng khác gì chúng ta đích thân nghe lão hòa thượng thuyết pháp. Chúng ta có thể tôn lão hòa thượng làm thầy, coi Ngài là thiện tri thức, chúng ta đi theo đường này sẽ chẳng lạc lối!

Thật thà niệm Phật là gì? Trong Sớ Sao Diễn Nghĩa đã có câu trả lời sáng sủa, xác đáng. Chúng ta có thể thật sự thấu hiểu và tin tưởng bộ kinh này, chết sạch lòng so đo, khăng khăng thực hiện, tin sâu, nguyện thiết, nhất tâm trì danh, trong một đời này, chúng ta nhất định có thành tựu. Đấy mới là vị thiện tri thức thật sự của chúng ta. Nếu muốn thành công, mấu chốt là “nhất tâm”. Nói “nhất tâm”, ắt phải buông xuống vạn duyên. Không chỉ buông xuống hết thảy cảnh duyên thế gian, mà pháp xuất thế gian (Phật pháp) cũng phải buông xuống. Nếu chúng ta vẫn muốn đọc tràn lan ngàn kinh muôn luận, sẽ đứng như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Muốn vọng tưởng làm một vị đại thông gia, kinh luận nào cũng đều hiểu, đến cuối cùng chẳng thành tựu một thứ gì!*” Thật sự có thể thấy thấu suốt, buông xuống, đó mới gọi là “nhất tâm”, đó mới gọi là “tín tâm thành tựu”, tín tâm của quý vị đã đầy đủ rồi!

Đáng sợ nhất là xen tạp, vừa thấy cảnh giới bên ngoài tâm bèn động: Thấy [người khác hành] Thiên, bèn muốn tham Thiên, nghe người ta nói Mật hay lắm, bèn niệm chú. Chuyện này phiền phức rất lớn! Há chẳng nghe cô đức thường nói: “*Niệm chú chẳng bằng niệm Phật*”. Lời này là thật! Ở đây, chúng ta in cuốn Tây Phương Công Cứ, trong ấy có một tác phẩm là Tây Phương Xác Chỉ, phân lượng không nhiều, nhưng quả thật là một cuốn sách hay. Trong ấy có rất nhiều giáo huấn hết sức quý báu. Vì người bình thường chúng ta thường phạm những căn bệnh ấy, nên Ngài (Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát) nhắc nhở quý vị. Nếu có thể tuân thủ, chẳng thể nào không có thành tựu, ngăn ngừa chúng ta lui sụt.

(Diễn) Tín tâm hữu tứ chủng: Nhất giả, tín căn bản, sở vị, nhạo niệm Chân Như pháp cố.

(演) 信心有四種：一者信根本，所謂樂念真如法故。

(Diễn: Tín tâm có bốn loại: Thứ nhất là tin vào căn bản, nghĩa là: Thích nghĩ đến pháp Chân Như).

Điều này là tin vào chính mình. Chữ “*căn bản*” chỉ chính mình, “*nhạo*” (樂) là vui thích, có nghĩa là mến thích. Thích gì vậy? Thích Chân Như. Điều này hết sức khó có. Thông thường, người ta chẳng thể phân biệt chân và giả, ngộ giả là chân, những thứ họ ưa thích toàn là hư giả, chẳng ưa thích chân thật. Pháp càng chân thật càng đơn giản; pháp càng chân thật càng bình phàm, chất phác; còn những pháp giả trá thì mới có những điều kỳ quái. Người ta thường ưa kỳ chuộng quái. Giả trá nên mới phải giở trò quái lạ, thứ thiệt đâu cần giở trò ma mãnh!

Một câu A Di Đà Phật là thật, là Chân Như. Một câu A Di Đà Phật là chính mình, phải hiểu rõ điều này! Chúng tôi tuy vẫn chưa giảng xong bộ kinh này, nhưng cũng nói không ít. A Di Đà Phật là tự tánh Vô Lượng Giác, quý vị có tự tánh hay chẳng? Đương nhiên có tự tánh, đấy là Vô Lượng Giác trong Chân Như của chính mình. Chúng ta mỗi ngày niệm câu Phật hiệu này chính là “*nhạo niệm Chân Như pháp cố*”. Tuy một câu này chỉ là một danh hiệu mà thôi, nhưng niệm danh hiệu lâu ngày, sẽ đánh thức Chân Như bản tánh của quý vị trong mê hoặc, điên đảo, thật sự là như thế; đặc biệt nếu quý vị có thể nhất tâm xưng niệm, hiệu quả hết sức to lớn! Vì sao? Chân Như là nhất tâm, là bản tánh. Nói chung, danh hiệu này trong kinh Phật có tới mấy chục loại, nhưng đều

nói về cùng một chuyện. Cái được gọi là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra) trong nhà Thiền cũng chính là nó. Đối với pháp môn tu học thì chúng ta tu học gì vậy? Tu học kiến tánh. Niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn thì cái tâm ấy là kiến tánh. Nhà Thiền gọi Lý nhất tâm là “*minh tâm kiến tánh*”, trong Mật Tông gọi nó là “*tam mật thành tựu*”. Có thể thấy là cách nói khác nhau, nhưng cảnh giới hoàn toàn giống nhau! Nhưng trong tất cả các pháp môn, thật sự nói đến vấn đề kiến tánh, thật sự nói đến Chân Như thì có thể nói là pháp môn Niệm Phật “*thắng tất nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, viên đốn nhất*”. Ngẫu Ích đại sư bảo như vậy. Xét ra, bốn câu này đúng là chẳng sai một tí nào! Dựa theo bốn câu này để nói thì có thể nói là trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có một pháp môn nào viên mãn rốt ráo như vậy. Chúng ta phải tin tưởng điều này, đó là “*tín căn bản*” (căn bản của lòng tin). Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật sẽ có thể chứng Chân Như bốn tánh, có thể chứng Pháp Thân Lý Thể, có thể khôi phục diện mạo vốn có của chính mình.

(Diễn) Nhị giả, tín Phật hữu vô lượng công đức, thường niệm thân cận cúng dường cung kính, phát khởi thiện căn, nguyện cầu Nhất Thiết Trí cố.

(演) 二者信佛有無量功德，常念親近供養恭敬，發起善根，願求一切智故。

(Diễn: Hai là tin Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ thân cận, cúng dường, cung kính, phát khởi thiện căn, nguyện cầu Nhất Thiết Trí).

Thứ hai là tín tha (tin vào người khác), người khác là ai? Chẳng phải ai khác, “*tha*” là Phật. “*Tha Phật*” (vị Phật khác), hiện thời chúng ta có hai vị Tha Phật: Một là tin tưởng Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, hai là tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật là chân thật chẳng dối, tính cách chân thật của thế giới ấy giống hệt như thế giới đang hiện hữu trước mắt chúng ta. Chúng ta còn phải tin vào mười phương thế giới hết thấy chư Phật chẳng nói dối, mỗi vị đều tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây là tin tưởng hết thấy chư Phật. Đương nhiên, chúng ta càng phải nên tin Bôn Sư Thích

Ca Mâu Ni Phật chẳng dối gạt chúng ta, lão nhân gia đề cao, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định [cõi ấy] là chân thật nhất.

Trong phần trên, chúng tôi có nhắc đến phu nhân Vy Đề Hy. Đức Thế Tôn thị hiện các cõi Phật trong mười phương cho phu nhân Vy Đề Hy thấy, lão nhân gia (phu nhân Vy Đề Hy) xem xong, chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới để vãng sanh. Vì vậy, chúng ta phải tin tưởng Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chuyện này đúng là rất khó tin! Bản thân tôi nếu không thâm nhập kinh Hoa Nghiêm, tôi cũng không tin, người khác nói với tôi cách nào tôi cũng không tin. Đã nhập kinh Hoa Nghiêm rồi mới thật sự nhận thấy, vốn là khi Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp lần đầu tiên, trong mười bốn ngày, vì hàng Pháp Thân đại sĩ giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Bộ kinh này giảng về phương pháp tu hành, có tới hơn hai ngàn môn, nói nhiều ngàn ấy, nhằm nói Niệm Phật là bậc nhất. Rốt ráo là niệm vị Phật nào vậy? Tuy trong phần trước kinh vẫn không nói, nhưng phần sau có nói: Trong phần sau, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, chúng ta có thể suy ra, biết phần trước nói niệm vị Phật nào? Niệm A Di Đà Phật. Đối chiếu trước và sau, quý vị sẽ hiểu rõ. Pháp môn Niệm Phật này, đã là “thẳng chóng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, đơn giản, dễ dàng nhất, viên đốn nhất”, đương nhiên, đức Phật muốn truyền dạy pháp này đầu tiên. Đức Phật giảng cho mọi người hết thảy pháp môn, đầu tiên là muốn giảng pháp môn này. Quả nhiên đúng như vậy, trong kinh Hoa Nghiêm quả thật giảng pháp môn này đầu tiên! Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, tới tham phỏng vị [thiện tri thức] đầu tiên là tỳ-kheo Đức Vân, Ngài bèn dạy Thiện Tài đồng tử pháp môn Niệm Phật. Từ khởi đầu và kết thúc [của năm mươi ba lần tham học], quý vị có thể thấy pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn.

Do quá thẳng chóng, quá đơn giản, càng đơn giản, mọi người càng chẳng tin tưởng, cho là thành Phật đâu thể nào dễ dàng dường ấy? Tu hành đâu có đơn giản như vậy! Chẳng biết đại đạo chân chánh sẽ đơn giản ngàn ấy, dễ dàng ngàn ấy! Nếu quý vị không tin, sẽ tự chuốc phiền phức, chính mình đi đường vòng, thật sự là “được chẳng bù nổi mất”! Do vậy, chúng ta nhất định phải tin Phật. Tin Phật thì phải thường thân cận Phật, hiện thời, Phật chẳng ở trước mặt chúng ta, chúng ta thân cận bằng cách nào? Chúng ta mỗi ngày đọc kinh, đọc kinh là nghe đức Phật giáo huấn, đó là thân cận Phật. Chúng ta mỗi ngày niệm Phật, niệm Phật là thân cận Phật, niệm đâu nghĩ tại đó! Huống chi, kinh đã nói rất rõ ràng: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*”

(Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật). Do vậy, chúng ta phải coi niệm Phật là đại sự duy nhất của chúng ta trong cuộc đời này.

Hôm qua, chúng ta mở hội Niệm Phật, trong hội Niệm Phật thường yêu cầu tôi nói mấy câu. Tôi đâu có nhiều câu hay ho để nói như thế? Do vậy, lật lại Tây Phương Xác Chi. Xem xong, hết sức cảm thán. Trong quá khứ, tôi đọc Tây Phương Xác Chi đã nhiều lượt, có sao tôi chẳng thấy những lời yếu khẩn ấy? Nói thật ra, trong quá khứ tôi đã có những khuyết điểm mà chính mình chẳng phát hiện được! Tôi thấy có hai chuyện trong sách ấy:

Chuyện thứ nhất là có một vị đồng học muốn tìm một nơi có hoàn cảnh thanh tịnh để tu hành, [Giác Minh Diệu Hạnh] Bồ Tát bèn khai thị cho ông ta: “Nếu không tìm được hoàn cảnh ấy, suốt đời ông chẳng tu hành hay sao?” Bồ Tát dạy ông ta: “*Tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh. Chỉ cần tâm thanh tịnh, chẳng cần phải tìm hoàn cảnh*”. Lời này đúng quá! Hoàn cảnh tốt hay xấu là do nghiệp báo của chúng ta, đời quá khứ chẳng làm thiện nghiệp, lẽ nào có hoàn cảnh tốt! Do vậy, muốn cầu một hoàn cảnh tốt chính là khởi vọng tưởng. Chẳng bằng thâm nhập cái tâm, hoàn cảnh tốt cũng xong, xấu cũng xong, hết thấy mặc kệ nó! Nhất tâm niệm Phật chính là hoàn cảnh tốt, đây mới là chính xác. Rất nhiều người chúng ta giống như vậy, [cứ than thở] hoàn cảnh hiện thời chẳng thích hợp, lại đi tìm một hoàn cảnh tốt đẹp để tu hành. Tìm mấy chục năm chẳng ra, công phu chẳng tiến triển tí nào! Đó là một chuyện.

Chuyện thứ hai là tự mình muốn làm một ít chuyện tốt đẹp, nhưng không có sức, không có sức thì làm sao? Hóa duyên! Đi ra ngoài mộ hóa (quyên mộ, khuyến hóa). Bồ Tát nói: Tra khắp Đại Tạng Kinh, không có hai chữ “mộ hóa”. Vì thế, Ngài quả trách chuyện này rất gắt gao! Tôi suy nghĩ, thấy rất có lý, Phật pháp nói tùy duyên, chứ không phan duyên. Nếu chúng ta mộ hóa để làm chuyện gì đó, tức là đã phan duyên, tâm chẳng thanh tịnh. Vì thế, chúng ta làm chuyện gì cũng phải nên hữu duyên mới làm. Không có duyên, chúng ta có tâm, chỉ cần có tâm nhưng chưa có cơ duyên, chúng ta vẫn là niệm niệm công đức viên mãn. Đừng nói “tôi không làm sẽ chẳng có công đức”, chẳng phải vậy! Quý vị phát tâm bèn có công đức, công đức viên mãn. Sau khi quý vị phát tâm, quý vị bèn phan duyên sẽ chẳng có công đức! Cơ duyên thành tựu sẽ khiến cho chuyện ấy tự nhiên thành tựu, chớ nên có mảy may miễn cưỡng nào. Điều này rất có lý. Vì thế, nhà Phật từ xưa đến nay không mộ hóa.

Thuở đức Phật tại thế, phương thức sống là đi khất thực, chẳng kiến lập bất cứ thứ gì. Giảng kinh, thuyết pháp tùy duyên, chẳng nói nhất định phải dựng giảng đường, dựng đại điện tại đâu, không hề có! Tùy tiện tại nơi nào đó, người ta tụ tập lại bèn bắt đầu giảng, đứng cũng giảng được, mà ngồi cũng giảng được, ngồi trên mặt đất, núi, rừng, cội cây, không đâu chẳng phải là đạo tràng! Nghĩ đến quá khứ quả thật là như vậy. Vì thế, ý niệm ấy (tức ý niệm hóa duyên) là vọng niệm, chúng ta cũng phải nên dứt trừ [ý niệm ấy] thì tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh, niệm Phật mới đắc lực. Hằng ngày suy tưởng còn có chuyện chưa làm thành công, làm sao niệm Phật đắc nhất tâm cho được? Làm sao đắc công phu thành phiến? Cuối cùng vẫn rớt trong sanh tử luân hồi, chẳng đáng tí nào! Do vậy, chúng tôi suy nghĩ những điều Bồ Tát vừa nói ấy, càng nghĩ càng thấy có lý! Huống chi trong các bộ kinh lớn thường răn dạy chúng ta: Bồ Tát phát tâm nghĩ muốn độ hết thảy chúng sanh, điều kiện tiên quyết là phải tự độ mình. Chính mình chưa thể vượt thoát luân hồi trong sáu nẻo, nghĩ độ cho người khác thoát khỏi sanh tử luân hồi, đó là chuyện chẳng thể nào được! Vì thế, trước hết phải tự độ, tự độ rồi mới có năng lực, mới có thể thả chiếc bè Từ độ thoát hết thảy chúng sanh.

Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói rất rõ ràng: Thoạt tiên Ngài là người sống vào đời Tấn. [Thuở ấy], có tất cả mười người, là bạn bè thân thiết, mọi người cùng nhau tu niệm Phật. Bản thân Ngài vì ngã bệnh, cảm thấy nghiệp chướng của chính mình rất nặng, nên phát tâm trong bảy ngày bảy đêm chẳng ngủ, niệm Phật không ngớt, cầu sanh Tịnh Độ, sám trừ nghiệp chướng. Bảy ngày bảy đêm nhất tâm niệm Phật, Ngài thật sự niệm được A Di Đà Phật hiện đến. Sau đấy, năm bảy mươi mấy tuổi, Ngài mới vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng những người đồng học với Ngài bị đọa lạc. Vì sao? Ngoài học Phật ra, họ còn học Đạo (tu tiên) kèm thêm. Vào thời đại Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, Đạo Giáo hết sức thịnh hành, thế lực cũng rất lớn. Có nhiều đạo sĩ luyện đan⁷⁷, giảng thuật trường sanh, còn có rất nhiều pháp

⁷⁷ Đạo giáo đề xướng hai cách luyện đan:

1. Nội đan: Tập trung tư tưởng điều khiển các luồng “chân khí” trong người để xung phá, khai phóng các huyết đạo trọng yếu trong người, kết hợp với hít thở và các động tác võ thuật để đả thông kinh lạc, luyện tâm thân không già, không bệnh, trường sanh bất lão. Họ chủ trương thân thể giống như cái lò nung thuốc (linh đan lô) nên gọi là “nội đan”, quan niệm thân này là một tiểu vũ trụ. Dùng phương pháp nội đan để hợp nhất Âm Dương, hòa nhập làm một với vũ trụ. Từ quan điểm này, phát sanh ra thuật Khí Công, Nội Gia Quyền, Thái Cực Quyền v.v... Những nhân vật cự phách của

thuật, giống như hiện thời ta gọi là “thần thông”. Bọn họ ưa thích những thứ ấy, một mặt học Phật, một mặt học Đạo. Kết quả đời đời kiếp kiếp chẳng có thành tựu. Trong một đời này, bọn họ vẫn mang tập khí Lão - Đạo, cầu cơ phò loan. Vì thế, Bồ Tát xuất hiện trong đàn cầu cơ, bảo cho họ biết nhân duyên: Tám trăm năm trước, chúng ta là bạn bè xưa, thầy cho đến hiện thời các ông vẫn đọa lạc trong tình cảnh ấy, nhưng cũng rất khó có là mấy người các ông vẫn tụ tập một chỗ. Do vậy, lần này ta nhờ vào đàn cầu cơ để xuất hiện hồng độ mấy người các ông!

Từ đoạn khai thị này, chúng ta hiểu: Nhất tâm xưng niệm bảy ngày bảy đêm nhất định hữu hiệu, cho nên Phật Thích mới làm theo cách này. Trong quá khứ, thầy Lý cũng thường bảo chúng tôi: “Thật sự đả Phật Thích, quyết định không thể nhiều hơn mười người!” Hơn mười người, vị Chủ Thích Sư không có cách nào có đủ tinh thần để chiếu cố [từng người]. Thật sự đả Phật Thích là bảy ngày bảy đêm không ngủ, không nghỉ, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, chẳng cho một vọng niệm dấy lên, tâm cầu gì cũng chẳng có. Bởi lẽ, quý vị có tâm mong cầu thì cái tâm chẳng thanh tịnh, đó là nhị niệm, là vọng niệm. Bảo quý vị thật sự niệm Phật, thật sự dụng công. Ngay cả cơ duyên niệm Phật bảy ngày bảy đêm chúng ta cũng chẳng có! Quý vị có thể làm được hay chẳng? Quý vị ở nhà đóng cửa niệm bảy ngày bảy đêm, người nhà nhất định nghĩ quý vị bị bệnh thần kinh, lẽ đâu có cách niệm Phật như vậy? Quý vị chuốc lấy phiền phức, chướng ngại quá nhiều! Không chỉ là trong nhà có chướng ngại, mà đến tự viện đả Phật Thích vẫn có chướng ngại. Ai cũng chẳng bằng lòng thấy quý vị niệm Phật suốt bảy ngày bảy đêm, khổ sở như vậy, người ta có lòng tốt sợ quý vị niệm đến ngã bệnh, hảo tâm biến thành chướng ngại! Do vậy, [người có thể niệm Phật suốt bảy ngày bảy

trường phái này là Hứa Tôn, Ngụy Hoa Tôn, La Phù Sơn, Thôi Hy Phạm, Tư Mã Thừa Trinh, Chung Ly Quyên, Lã Động Tân, Trương Bá Đoan, Vương Trùng Dương (tổ sư Toàn Chân Giáo), Trương Tam Phong...

2. Ngoại đan: Trường phái này do Ngụy Bá Dương, Đào Hoàng Cảnh, Cát Hồng đề xướng, dùng các phương thức bí truyền để nấu, sắc, nung luyện các loại thuốc và kim loại nhằm uống vào sẽ thành tiên, trường sanh bất tử. Từ đây phát sanh ra những ngành luyện kim, giả kim thuật, bùa chú, lời pháp v.v... Đa số những thứ kim đan theo các sách cổ hết sức đề cao các chất kim loại độc, coi những thứ như chì, thủy ngân là mẹ của các kim loại, nên rất nhiều người uống vào đã bị trúng độc, hộc máu chết tươi. Đường Vũ Tông tin lời mê hoặc của đạo sĩ, uống kim đan, nửa điên, nửa tỉnh, bệnh ngặt nghèo, suốt mười ngày không nói được câu nào. Đường Tuyên Tông uống kim đan “trường niên dược” do thái y Lý Nguyên Bá chế, thổ tả không ngừng, lưng lở loét nát bấy, qua đời.

đêm không gián đoạn] có phước báo rất lớn! Bảy ngày bảy đêm, bên cạnh có người hộ thất chăm sóc quý vị, đến giờ sẽ chuẩn bị trà, cơm chu đáo cho quý vị. Khi ăn cơm, Phật hiệu cũng không gián đoạn, chắc chắn chẳng có một câu tán tâm tạp thoại (tâm tán loạn, nói chuyện xen tạp), đó gọi là tu hành chân chánh, rất khó có! Đó chính là “*thường niệm thanh tịnh cúng dường, cung kính*”, thứ gì cũng đều có; chỉ cần phát tâm niệm Phật như vậy thì toàn bộ đều có. Dùng gì để cúng dường? Dùng cung kính xưng niệm để cúng dường, nhất tâm là cúng dường, nhất tâm là cung kính, nhất tâm là thiện căn; chỉ cần đạt đến nhất tâm bất loạn, Nhất Thiết Chứng Trí sẽ tự nhiên hiện tiền. Chúng ta phải tin Phật.

(Diễn) Tam giả tín pháp hữu đại lợi ích, thường niệm tu hành chư Ba La Mật cố.

(演) 三者信法有大利益, 常念修行諸波羅蜜故。

(Diễn: Ba là tin pháp có lợi ích to lớn, thường nghĩ tu hành các Ba La Mật).

Ở đây có bốn thứ “pháp”: Có giáo pháp, giáo pháp là kinh điển, tức là sách giáo khoa do Thích Ca Mâu Ni để lại cho chúng ta. Trong sách giáo khoa có lý luận, gọi là Lý pháp; lại còn dạy cho chúng ta phương pháp tu hành, đó là Hành pháp, cũng dạy cho chúng ta rất nhiều cảnh giới, đó là Quả pháp. Bởi vậy, “Giáo, Lý, Hành, Quả” đều là pháp; nhưng quý vị phải hiểu: Lý, Hành, Quả đều nằm trong kinh, cho nên vẫn tự là chủ thể diễn nói pháp, còn Lý, Hành, Quả là pháp được diễn nói [bởi văn tự]; hoặc cũng có thể gộp Giáo vào đó, Giáo - Lý - Hành - Quả là pháp được diễn nói, còn văn tự là chủ thể diễn nói.

Do vậy, nếu chúng ta hiểu rõ kinh điển sẽ có lợi ích to lớn. Vì thế, phải thường xuyên đọc tụng kinh điển. Điều cuối cùng trong Tam Phước của Quán Kinh là “*tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa*”, kinh điển Đại Thừa cũng rất nhiều; có phải là kinh điển nhiều ngàn ấy chúng ta đều phải đọc hết hay chẳng? Thừa quý vị, không nhất định! Chúng ta vẫn là chọn lấy một bộ trong hết thảy các kinh, vì sao? Tâm dễ chuyên, dễ nhất. Nếu đọc quá nhiều, kinh này và kinh kia nói quá khác nhau, chúng ta sẽ hoài nghi, sẽ có phân biệt. Đây chính là như Thanh Lương đại sư đã nói: Quý vị càng đọc nhiều, càng tăng trưởng tà kiến. Chỉ cần quý vị có phân biệt bèn là tà kiến. Do vậy, kinh vẫn phải là học một thứ mới nên. Vì mỗi pháp môn đều có thể thành vô thượng đạo, cho nên mới nói: “*Pháp*

môn bình đẳng, không có cao - thấp”, quyết chẳng phải là pháp môn này dành cho ta khi mới học, trong tương lai, sau khi đã học một khoảng thời gian, chúng ta lại đổi sang một pháp môn khác; nếu [nghĩ] như vậy, quý vị đã có ý nghĩ “pháp môn cao - thấp” mất rồi! Thật ra, chẳng cần phải chuoéc lấy nỗi phiền phức ấy!

Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy [pháp môn] Thiện Tài đồng tử [tu là niệm] là một câu A Di Đà Phật. Thiện Tài đồng tử tu hành bèn chuyên tu pháp môn Niệm Phật, tức là niệm A Di Đà Phật. Thầy của Ngài niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử thành Phật ngay nơi nhục thân. Trong quá trình tham học, từ Sơ Trụ mãi cho đến Đẳng Giác, cho đến khi viên mãn Bồ Đề là một câu A Di Đà Phật, hoàn toàn chẳng đổi sang pháp môn nào khác. Tuy Ngài đi tham phỏng khắp nơi, tham phỏng năm mươi ba vị thiện tri thức, nhưng Ngài chẳng học theo những pháp môn của các vị ấy, quyết định chẳng “thấy lạ, nghĩ khác”, vì sao? Cuối cùng là “*luyện đức, lễ từ*” (luyện mộ đức hạnh, lễ bái, từ tạ), “*luyện đức*” là rất cảm tạ Ngài, “*lễ từ*”: “*Lễ*” là cung kính, “*từ*” là gì? Tôi vẫn học theo cách của tôi, tôi chẳng học theo đường lối của Ngài. Tôi hiểu đường lối của Ngài, tuy hiểu nhưng không học, vẫn thật thà niệm một câu A Di Đà Phật này. Đó gọi là “*luyện đức lễ từ*”. Nói thật ra, sẽ là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Ngoại bất trước tướng, nội bất động tâm*” (Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm). Có bản lãnh ấy thì mới có thể tham học. Đích xác là tham học, một mặt giúp quý vị mở mang trí huệ, quý vị vừa nhìn liền hiểu rõ, đó là trí huệ; mặt kia là giúp cho quý vị đắc Thiên Định rất sâu, tức là nhất tâm bất loạn. Vì sao? Tất cả cảnh giới trước mặt đều nhằm khảo nghiệm quý vị, nếu quý vị như như bất động, chứng tỏ quý vị thật sự đắc nhất tâm. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được điều này.

Do vậy, quý vị đồng tu nhất định phải biết: Quý vị muốn tu hành các Ba La Mật thì một môn là đủ rồi! Nay chúng ta dùng một câu A Di Đà Phật, Lục Độ viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm nói mười món Ba La Mật đều viên mãn, chẳng cần phải tìm bên ngoài. Tiếp đó, lời Sớ có nêu lên một thí dụ: “*Nhi kim nhất tâm niệm Phật, vạn duyên tự xả, tức Bồ Thí Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chư ác tự chỉ, tức Trì Giới Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, tâm tự nhu nhuyễn, tức Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, vĩnh bất thoái đọa, tức Tinh Tấn Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, du tướng bất sanh, tức Thiên Định Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chánh niệm phân minh, tức Bát Nhã Ba La Mật*” (Nay nhất

tâm niệm Phật, tự bỏ vạn duyên, tức Bồ Thí Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, các điều ác tự ngưng, tức Trì Giới Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, tâm tự mềm mỏng, tức Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, vĩnh viễn chẳng lui sụt, đọa lạc, tức Tinh Tấn Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, các tướng khác chẳng sanh, tức Thiền Định Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chánh niệm phân minh, tức Bát Nhã Ba La Mật). Chúng ta đối chiếu [lời giải thích ấy] với câu “*thường niệm tu hành chư Ba La Mật*” (thường nghĩ tu hành các Ba La Mật) ở đây thì một câu A Di Đà Phật có trọn đủ, chẳng cần phải tìm kiếm những thứ phiền toái khác, điều này chẳng giả đâu! Bởi lẽ, một câu A Di Đà Phật đầy đủ Lục Độ vạn hạnh nên nó thật sự thuận tiện, thật sự đơn giản. Một câu Phật hiệu phước huệ song tu, lại còn là phước huệ viên mãn, phước huệ rất ráo. Quý vị hãy suy nghĩ: Quý vị đến nơi đâu để tìm được một pháp môn như thế này!

(Diễn) Tứ giả, tín Tăng năng chánh tu hành, tự lợi, lợi tha, thường nhạo thân cận chư Bồ Tát chúng, cầu học như thật hạnh cố.

(演) 四者信僧能正修行，自利利他，常樂親近諸菩薩眾，求學如實行故。

(Diễn: Bốn là tin Tăng có thể tu hành chân chánh, tự lợi, lợi người, thường thích thân cận các vị Bồ Tát để cầu học hạnh như thật).

Ở đây là nói đến Tăng. Nói thật ra, ở đây có bốn niềm tin. Đối với ba điều trước đều không thành vấn đề, vấn đề ở nơi điều này. Điều này quả thật có vấn đề lớn! Nhưng đến cuối cùng đại sư bảo: “*Thường nhạo thân cận chư Bồ Tát chúng*” (thường thích thân cận các vị Bồ Tát). Tăng là ai? Thừa quý vị, Quán Âm, Thế Chí! A Di Đà Phật là Phật, còn Quán Âm và Thế Chí là Tăng, các Ngài chẳng phải là Phật. Bồ Tát Tăng, Thanh Văn Tăng, phàm phu Tăng. Phàm phu Tăng chẳng đáng tin cậy lắm, Bồ Tát Tăng thật sự đáng tin cậy. Bồ Tát Tăng là ai? Chúng ta rất khó biết, bất quá, nếu chúng ta rất lắng lòng quan sát thì cũng chẳng khó biết, như trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát cũng là phàm phu. Ngài vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa quý vị, vãng sanh liền thành Bồ Tát Tăng. Hễ vãng sanh, sẽ chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Người trước tác bộ Sớ Sao này là Liên Trì đại sư, cũng như pháp sư Cổ Đức đều là những người đã vãng sanh. Đối với những người được ghi trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ta

nay đều có thể gọi họ là Bồ Tát Tăng. Đại sư là tổ sư của Tịnh Độ Tông, chúng ta thân cận lão nhân gia quyết định không sai lầm. Cận đại, lão pháp sư Ấn Quang là vị tổ sư gần đây nhất của Tịnh Độ Tông, Ngài là hóa thân của Đại Thế Chí Bồ Tát; tuy lão nhân gia hiện thời đã khuất bóng, nhưng bộ Văn Sao còn lưu truyền trên thế gian, chúng ta thường đọc Văn Sao cũng là thân cận Bồ Tát Tăng.

Nay chúng ta tìm một người nào đó để học, dầu người có danh vọng to lớn, thanh danh về đức hạnh cao đến đâu đi nữa, chưa chắc đã đáng nương cậy, vì trong thời gian này “*tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”, chúng ta là phạm phu mắt thịt không cách nào phân biệt được! Vạn nhất làm lỡ, sẽ không biết làm thế nào, đúng là “*sai chỉ hào ly, lạc lối ngàn dặm*”. Chúng ta thọ mạng hữu hạn, nói cách khác, thời gian tu hành chẳng nhiều, chẳng thể sai lầm chút nào. Muốn chẳng sai lầm chút nào, quý vị phải thân cận Bồ Tát Tăng hay Thánh Hiền Tăng. Vì thế, chúng ta đọc Liên Trì Đại Sư Toàn Tập, nếu quý vị nói đọc một cuốn sách này nhiều lượt cảm thấy khô khan thì thật sự là quý vị chưa có tâm đắc. Nếu có tâm đắc, ý vị của mỗi lần đọc sau sẽ nồng đậm hơn lần trước. Học rồi tu tập, cũng chẳng sướng lắm ư? Sung sướng là sự hỷ duyệt từ trong nội tâm phát ra, pháp hỷ sung mãn! Đọc đến mức khô khan, chẳng có ý vị gì tức là về căn bản, quý vị chẳng hiểu gì, không có tâm đắc, chưa thụ dụng được!

Nếu đọc Liên Trì Đại Sư Toàn Tập thì phạm vi rộng hơn một chút, hoặc là đọc Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập là đủ rồi, những thứ khác chẳng thể quá nhiều! Quá nhiều, quá tạp, chắc chắn sẽ không hay! Ngài Ngẫu Ích là học trò của Liên Trì đại sư, họ có mối quan hệ sư thừa, nói chung là theo cùng một phương hướng, đi cùng một đường. Đọc thêm nữa là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, tôi nghĩ là đủ lắm rồi, chớ nên tham nhiều hơn! Nếu chúng ta muốn một đời hoàng dương [pháp môn Tịnh Độ] thì trong phạm vi những sách ấy, hoàng dương suốt một đời này vẫn chẳng hết. Huống chi nếu thật sự phát tâm hoàng dương pháp môn này, suốt đời chuyên giảng một bộ kinh này là đủ rồi, hãy chuyên môn hoàng dương bộ kinh này. Cũng có các vị hỏi: Bộ Sớ Sao lớn ngàn ấy, chúng tôi giảng ở đây một lượt, mỗi ngày đều giảng mà phải mất cả một năm, người ta thỉnh tôi đến giảng kinh, thỉnh tôi giảng trong vòng một tuần thì giảng bằng cách nào? Quý vị có thể trích lục đại cương để giảng. Quý vị phải hiểu: Bộ Sớ Sao có thể kéo dài hay rút gọn, có thể giảng sâu hay cạn, vận dụng khéo léo ở chỗ nhất tâm, lẽ nào chẳng giảng được? Có nhiều nơi bên Mỹ mời tôi đến giảng kinh, thời gian chỉ hạn định là tám

buổi, giảng bằng cách nào? Giảng kinh Di Đà, tôi soạn đại cương để giảng trong bảy lần, bảy lần giảng viên mãn, buổi cuối cùng dành để trả lời câu hỏi, mở cuộc họp nghiên cứu thảo luận. Nghe giảng suốt bảy ngày, những tâm đắc cảm tưởng, nghi vấn của quý vị đều nêu ra, tôi sẽ giải đáp. Do vậy viên mãn. Năm ngoái tôi soạn cuốn Giảng Nghĩa là dựa theo sách Yếu Giải để biên soạn; nếu dựa theo Sớ Sao thì tài liệu càng phong phú hơn. Vì thế, trong một đời, bất luận tại đạo tràng nào hoàng dương bộ kinh này, chắc chắn chẳng khó khăn gì!

Mục đích tin Tăng là muốn “*cầu học như thật hạnh cố*” (vì cầu học hạnh như thật). Mấy vị đại sư này cả đời chuyên môn niệm Phật, vị nào cũng thật sự có thành tựu, đây là điều chúng ta phải học tập theo. Tín tâm có bốn loại, bốn loại tín tâm này chúng ta đều phải có đủ, chẳng thể khuyết một điều nào!

Ta quay lại đọc tiếp Sớ Sao, “*Như Lai hữu thắng phương tiện*” (đức Như Lai có phương tiện thù thắng), tức là Phật có pháp phương tiện thù thắng nhất, “*niếp hộ tín tâm*” (niếp thọ, bảo vệ tín tâm), “*niếp*” (攝) là nhiếp thọ, “*hộ*” (護) là hộ trì, hộ trì tín tâm của chúng ta, đức Phật dùng phương pháp nào? Chính là dạy chúng ta “*chuyên ý niệm Phật, tức sanh Phật độ*” (chuyên dốc lòng niệm Phật, liền sanh vào cõi Phật), “*chuyên ý*” là chuyên tâm. Hiện thời, chúng ta vẫn chưa thể dùng chân tâm, chúng ta dùng cái tâm ý thức thứ sáu. Về mặt hành, dùng cái tâm ý thức thứ sáu cũng được, [muốn sanh vào] cõi Phạm Thánh Đồng Cư hay cõi Phương Tiện Hữu Dư đều có thể dùng cái thức thứ sáu, tức Ý Thức, để niệm. Nếu lìa thức thứ sáu tức là lìa Ý Thức, lìa tâm ý thức, phẩm vị sẽ cao, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sanh vào cõi Thường Tịch Quang, những người bình thường chưa thể làm được. Dùng cái tâm ý thức thứ sáu để niệm thì chúng ta ai nấy đều có phần. Công phu tốt đẹp, có thể niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, kém hơn một chút thì cũng có thể do niệm đến mức công phu thành phiến, đời nghiệp vãng sanh. Nói cách khác, sanh về Tây Phương Tịnh Độ ai cũng có phần, quý vị phải chuyên niệm.

Đến thế giới Tây Phương sẽ thường gặp Phật, hằng ngày gặp Phật, thời thời khắc khắc chẳng lìa A Di Đà Phật. Chẳng những không lìa A Di Đà Phật, mà quý vị cũng có thể thời thời khắc khắc thuận theo lòng muốn mà thân cận mười phương chư Phật Như Lai, những chướng nạn hoàn toàn tiêu trừ. “*Như Tu Đa La thuyết*” (như kinh đã nói), Tu Đa La là kinh điển, trong kinh có nói “*chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh, chung vô hữu thoái*” (chuyên

niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật liền được vãng sanh, trọn chẳng thoái chuyển), quyết định chẳng thoái chuyển.

Trong phần trước, [sách Sớ Sao] có câu “*tín tâm nan tựu*”, “*tựu*” (就) là thành tựu. [“*Tín tâm nan tựu*”] là tín tâm khó thành tựu. Trong phần trước, chúng ta chỉ nói về tín tâm, phần tiếp theo sẽ giảng về “*nan tựu*”.

(Diễn) Tựu giả, thành tựu, tức tín thành tựu phát tâm dã. Luận vân: “Tín thành tựu phát tâm giả, phát hà đẳng tâm? Lược thuyết tam chủng: Nhất giả, trực tâm, chánh niệm Chân Như pháp cố; nhị giả, thâm tâm, nhạo tập nhất thiết chư thiện hạnh cố; tam giả, đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố.

(演) 就者，成就，即信成就發心也。論云：信成就發心者，發何等心。略說三種：一者直心，正念真如法故；二者深心，樂習一切諸善行故；三者大悲心，欲拔一切眾生苦故。

(Diễn: Tựu là thành tựu, tức lòng tin thành tựu bền phát tâm. Luận chép: “Lòng tin thành tựu bền phát tâm, phát những tâm nào? Nói đại lược thì có ba thứ: Một là trực tâm, vì chánh niệm pháp Chân Như; hai là thâm tâm, vì thích tu tập hết thấy các thiện hạnh; ba là đại bi tâm, vì muốn dẹp trừ nỗi khổ của hết thấy chúng sanh”).

Bồ Tát phát tâm thành tựu, phát Bồ Đề tâm. Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng ba thứ Bồ Đề tâm.

(Diễn) Nan giả, vị tu hành tín tâm, kinh nhất vạn kiếp, phương đắc thành tựu cố.

(演) 難者，謂修行信心，經一萬劫，方得成就故。

(Diễn: “Khó khăn” ý nói: Tu hành [hòng thành tựu] lòng tin, phải mất một vạn kiếp mới thành tựu).

Khó thật sự, chẳng phải là khó khăn giả tạm. Nếu quý vị ngày nay thật sự thành tựu tín tâm, có thể buông hết các pháp thế gian và xuất thế gian xuống, nhất tâm nương theo bộ kinh này, nhất tâm xưng danh cầu

nguyện vãng sanh, chính quý vị sẽ biết rõ: Trong đời quá khứ, tôi thiếu đã trải qua một vạn kiếp [để tu thành tựu lòng tin ấy]. Nếu không, nhất định sẽ thấy lạ, nghĩ khác, tâm bất định! Nếu thật sự chết sạch lòng so đo, khăng khăng [tu trì], chúng tôi trong quá khứ quý vị đã tu một vạn kiếp. Vì thế, thành tựu tín tâm quả thật chẳng dễ dàng. Tiếp theo đó, sách giảng: Vãng sanh thế giới Tây Phương bèn đắc bất thoái chuyển.

(Diễn) Chung vô hữu thoái, ước hữu tam chủng.

(演) 終無有退，約有三種。

(Diễn: Trọn chẳng thoái chuyển, nói đại lược gồm có ba thứ).

Nói đại lược thì có ba thứ.

(Diễn) Nhất như liên hoa vị khai thời, tín hạnh vị mãn, vị danh Bất Thoái, dẫn dĩ xử vô thoái duyên, cố xưng Bất Thoái.

(演) 一如蓮花未開時，信行未滿，未名不退，但以處無退緣，故稱不退。

(Diễn: Một, như lúc hoa sen chưa nở, tín hạnh chưa trọn vẹn, chưa thể gọi là Bất Thoái, chỉ vì đã ở trong hoàn cảnh không có duyên gây thoái chuyển, nên gọi là Bất Thoái).

Chiếu theo Lý mà nói, đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định vẫn có thể thoái chuyển. Thật sự chẳng thoái chuyển thì phải sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, vì [người trong] cõi Thật Báo Trang Nghiêm đã kiến tánh, sử dụng chân tâm, dùng Chân Như bản tánh, người dùng chân tâm sẽ chẳng bị thoái chuyển. Từ cõi Phương Tiện Hữu Dư trở xuống, vẫn là dùng cái tâm ý thức. Tâm ý thức là vọng tâm, dùng vọng tâm nhất định bị thoái chuyển. Vì sao [chúng sanh trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới không bị thoái chuyển? Do không có duyên gây thoái chuyển! Điều này tốt lắm! Bất luận là hoàn cảnh vật chất, hay hoàn cảnh quan hệ giữa con người với nhau, đều giúp cho quý vị tiến lên, không có gì nhiều loạn khiến đạo tâm của quý vị bị lui sụt. Vì thế, quý vị có muốn lui sụt cũng chẳng thể lui sụt được! Do vì lẽ này, quý vị mới chẳng thoái chuyển.

Từ cõi Phương Tiện Hữu Dư trở xuống, liên hoa hóa sanh, hoa sen chưa nở, luôn ở trong hoa sen. Hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh, đấy chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. “*Hoa nở thấy Phật*” là thấy Báo Thân Phật, tức là vị Phật như trong bài kệ tán Phật đã nói: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải*”, vị Phật như vậy đó, đại Phật. Còn vị Phật mà ta được thấy trong hoa sen chính là Hóa Thân Phật. Quý vị ở trong hoa sen thì A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, chư Phật, Bồ Tát mà quý vị trông thấy đều là hóa thân trong hoa sen để thuyết pháp. Hơn nữa, ở trong hoa sen, tuy mỗi người đều có hoa sen riêng dành cho mỗi cá nhân, nhưng rất kỳ lạ là trong hoa sen của ta cũng dường như thấy có đồng người ngẩn ấy, mà người khác từ trong hoa sen của họ cũng thấy ta, nhưng thật ra mỗi người ở trong một hoa sen riêng. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, quý vị ngàn vạn phần đừng khởi vọng tưởng: Hai người chúng ta vãng sanh, sanh về bên đó, tôi cũng chẳng gặp bạn, mà bạn cũng chẳng thấy tôi, giống như chúng ta sống trong hai căn nhà, bạn ở bên đó, tôi ở bên này, hai người chúng ta vẫn chưa thấy mặt nhau. Không phải vậy! Tuy là hai hoa sen, nhưng chính quý vị cảm thấy giống như ở cùng một chỗ; cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, quý vị hằng ngày thấy Phật, chẳng qua là thấy Hóa Thân Phật mà thôi! Hóa thân Phật bao lớn? Tùy thuộc phước báo của quý vị: Phước báo nhỏ thì thấy Phật nhỏ, phước báo lớn thấy Phật lớn. Bởi lẽ, Phật tùy loại hiện thân; hoa sen của quý vị to, đương nhiên thân quý vị cũng to, Phật cũng to. Hoa sen của quý vị nhỏ, đương nhiên quý vị thấy Phật cũng nhỏ, cùng một đạo lý! Hoa sen lớn hay nhỏ là do công phu niệm Phật của chúng ta sâu hay cạn mà biến hiện ra. Chỉ cần chúng ta phát tâm ở đây, niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao sen bảy báu nơi thế giới Cực Lạc sẽ sanh một đóa hoa sen. Kinh còn nói rất rõ ràng: Trên hoa sen có ghi tên họ, trong tương lai [khi hành nhân] vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị niệm Phật công phu càng siêng năng, hoa sen ngày càng to hơn, ánh sáng và màu sắc ngày càng tốt đẹp hơn. Quý vị niệm Phật biếng nhác, bê trễ, hoặc chẳng muốn niệm, học những pháp môn khác, hoa sen ấy dần dần chết khô, không còn nữa. Nay chúng ta dốc hết tánh mạng niệm Phật tại nơi đây nhằm vun quén đóa sen to trong ao bảy báu. Nếu chúng ta thích tranh đua, hãy nên tranh đua về độ lớn nhỏ, ánh sáng, màu sắc của hoa sen. Quý vị ở trong nhân gian ganh đua của cải, địa vị, những thứ ấy đều là giả, vì sao? Quý vị chết rồi sẽ chẳng mang thứ gì theo được, hoàn

toàn là giả. Do vậy, niệm Phật nhiều để vun quén cho hoa sen của mình to lớn, đó là thật, quyết định chẳng giả!

Thật sự gặp gỡ pháp môn này, gặp được bộ kinh này, quý vị thật sự có phước báo. Do vậy, từ nay trở đi, giảng đường chúng ta hễ in kinh bèn in A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, chỉ hoằng dương một thứ này, hy vọng ân hành số lượng càng nhiều càng tốt. Ngoài ra là đề xướng Tây Phương Công Cứ nhằm tiếp dẫn kẻ sơ cơ hoặc người vừa mới niệm Phật.

(Diễn) Nhị, tín vị mãn túc dĩ khứ, hoa khai kiến Phật, nhập Thập Trụ vị.

(演) 二信位滿足以去，華開見佛，入十住位。

(Diễn: Hai là sau khi đã viên mãn địa vị Thập Tín, hoa nở thấy Phật, bước vào địa vị Thập Trụ).

“Thập Trụ” là địa vị Thập Trụ trong Viên Giáo, [“nhập Thập Trụ vị”] là chứng địa vị Sơ Trụ.

(Diễn) Đắc thiểu phần kiến Pháp Thân, trụ Chánh Định vị dã.

(演) 得少分見法身，住正定位也。

(Diễn: Được thấy Pháp Thân ít phần, trụ trong địa vị Chánh Định).

Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đây là Bất Thoái. Chỗ thù thắng nhất trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là ở ý nghĩa Bất Thoái thứ nhất (tức là “không có duyên thoái chuyển trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư”), vì chúng ta chẳng hề thấy loại Bất Thoái thứ nhất trong bất cứ một cõi Phật nào. Nói cách khác, [trong các cõi Phật khác] chắc chắn là thoái chuyển, tiến tiến, lùi lùi. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ hiểu, trong kinh Hoa Nghiêm, Thập Tín Bồ Tát không có địa vị, đến Thập Trụ mới kể là [thuộc vào] bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, chứ địa vị Thập Tín trước đó thì không tính, bắt đầu từ Thập Trụ mới nói [là Pháp Thân đại sĩ]. Vậy thì Thập Tín có [phần trong hội Hoa Nghiêm] hay không? Có, nhưng không được coi là có địa vị [trong thế giới Hoa Tạng] vì sao? Tiến tiến, lùi lùi. Nói cách khác, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín

trong thế giới Hoa Tạng vẫn là tiên tiến, lù lù, còn Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong thế giới Cực Lạc chẳng thoái chuyển. Điều này rất lạ lùng, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta hiểu rõ sự lý này, nhất định phải quý tiếc pháp môn này. Thế giới Hoa Tạng chẳng thể sánh bằng Tây Phương Cực Lạc thế giới về mặt thù thắng.

Lại nghĩ đến bản thân chúng ta dụng công tu hành, quý vị có thể chứng đến địa vị Thập Tín là khá lắm, nhưng nếu quý vị không thể vãng sanh thì vẫn bị thoái chuyển. Địa vị Thất Tín trong Thập Tín đã đoạn sạch Kiến Tư phiền não, bằng với bậc A La Hán trong Tiểu Thừa, nhưng vẫn bị thoái chuyển. Bởi lẽ, bậc A La Hán còn mê khi cách ảm. Nếu A La Hán đầu thai vào nhân gian, sẽ quên sạch sành sanh những chuyện trước lúc được sanh ra, Ngài vẫn còn mê hoặc, điên đảo. Do đây biết rằng: Chỗ hết sức thù thắng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết sức khó có [chính là không có duyên thoái chuyển]. Đã thế, ai cũng có thể sanh về nơi ấy! Có những người rất quật cường, đức Phật khuyên họ sanh về Tây Phương, họ khăng khăng không chịu tin tưởng: “Tôi muốn sanh về Đông Phương. Đông Phương có Dược Sư Lưu Ly Phật, tôi đến đó chẳng tốt hay sao? Vì lẽ gì tôi phải nhất định về Tây Phương?” Đến Đông Phương Lưu Ly thế giới, quý vị thật sự có thể sanh về đó được, nhưng nếu quý vị thuộc vào địa vị Thập Tín thì vẫn còn thoái chuyển, quý vị phải cẩn thận chuyện này! Địa vị Thập Tín trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thoái chuyển, điều nào thù thắng hơn? Chính quý vị có thể hiểu rõ!

(Diễn) Tam giả, Tam Hiền vị mãn, nhập Sơ Địa dĩ khứ, chứng biến mãn Pháp Thân, sanh vô biên Phật độ, như Phật ký Long Thọ đấng, trụ Sơ Địa, sanh Tịnh Độ dã.

(演) 三者三賢位滿，入初地以去，證遍滿法身，生無邊佛土，如佛記龍樹等，住初地，生淨土也。

(Diễn: Ba là đã viên mãn địa vị Tam Hiền, đã chứng từ Sơ Địa trở lên, chứng Pháp Thân trọn khắp, sanh trong vô biên cõi Phật, như Phật thọ ký cho ngài Long Thọ v.v... trụ Sơ Địa, sanh trong Tịnh Độ).

Đây là nói tới Địa Thượng Bồ Tát trong Viên Giáo, tức bậc Đẳng Địa (chứng nhập từ Sơ Địa trở lên). Tu viên mãn địa vị Tam Hiền, nhập Sơ Địa. Lão nhân gia nêu lên thí dụ: Long Thọ Bồ Tát là Sơ Địa Bồ Tát

trong Viên Giáo, Ngài cũng niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Ngài Long Thọ rất phi phàm! Tám tông phái Đại Thừa của Trung Quốc đều công nhận Ngài là tổ sư đời thứ nhất, Ngài là tổ chung của tám tông. Vì sao? Tám đại tông phái lưu xuất từ Ngài, Ngài đúng là bậc học rộng nghe nhiều. Ngài đã lấy kinh Hoa Nghiêm từ cung rồng. Sau khi đức Phật nói kinh này xong, trong thế gian không ai có thể thọ trì, Đại Long Bồ Tát đem kinh này cất giữ trong long cung. Long Thọ Bồ Tát đến thăm long cung, thấy kinh này bèn đem về, khi ấy, thế gian mới có Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Vì vậy, tông Hoa Nghiêm cũng tôn Ngài làm tổ sư đời thứ nhất. Bản thân Ngài là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, sách Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có ghi truyện ký về Ngài. Sơ Địa Bồ Tát sanh về Tịnh Độ, đương nhiên sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

(Sớ) Thử kinh tắc thất nhật nhất tâm, Phật hiện tại tiền, thị dã.

(疏) 此經則七日一心，佛現在前，是也。

(Sớ: Kinh này nói bảy ngày nhất tâm, Phật bèn hiện trước mặt, chính là nói về chuyện này).

Nói tới mau chóng thì chẳng có gì mau chóng hơn. Có người học đạo nào chẳng hy vọng mau chóng thành tựu? Càng nhanh càng tốt, thật đấy! Nhanh nhất thì không chi hơn được pháp môn này!

(Diễn) Thử kinh tắc thất nhật nhị cú, thị dẫn bốn kinh vi chứng, nhi tứ đoạn văn trung giai dẫn bốn kinh vi chứng giả, minh phân thử tứ chủng, phi ức kiến dã.

(演) 此經則七日二句，是引本經為證，而四段文中皆引本經為證者，明分此四種，非臆見也。

(Diễn: Hai câu “kinh này nói bảy ngày...” chính là dẫn kinh này để làm chứng, trong bốn đoạn văn đều dẫn kinh này làm chứng, nhằm chỉ rõ: [Lời Sớ] chia [tín tâm] thành bốn loại như thế, chẳng phải là đoán mò).

Nói rõ câu nào cũng đều phát xuất từ kinh điển, căn cứ trên kinh điển, chứ không do chính mình suy đoán. Đức Phật dạy răn kẻ hậu học “y pháp, bất y nhân”.

Ưu điểm của Liên Trì đại sư và pháp sư Cổ Đức là mỗi câu đều có kinh điển làm chứng cứ, quyết chẳng phải là quan niệm hay suy luận của chính các Ngài. Bản thân các Ngài đã “*y pháp, bất y nhân*”, nghiêm ngặt tuân thủ pháp Tứ Y, chính các Ngài đã thành tựu như vậy, mà còn giúp cho mọi người chúng ta đều được thành tựu.

(Sớ) Cố tri Linh Sơn dĩ quá.

(疏) 故知靈山已過。

(Sớ: Nên biết: “Hội Linh Sơn đã qua”).

Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ.

(Sớ) Long Hoa vị lai.

(疏) 龍華未來。

(Sớ: Hội Long Hoa chưa đến).

Di Lạc Bồ Tát vẫn chưa thị hiện thành Phật.

(Sớ) Vô Phật thế trung, nhi đắc kiến Phật, thị danh tối thắng đệ nhất phương tiện.

(疏) 無佛世中，而得見佛，是名最勝第一方便。

(Sớ: Trong đời không có Phật mà được thấy Phật, đó gọi là phương tiện tối thắng thứ nhất).

Hiện thời không có Phật trụ thế, chúng ta dựa vào pháp môn này có thể thấy Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật. Đây là “*phương tiện tối thắng bậc nhất*”. Trong phần trên có nói bốn thứ phương tiện, đến đây đã giảng xong phương tiện thứ nhất. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 54

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bảy mươi một:

(Sớ) Đắc xuất luân hồi giả, diêu Hoặc khởi nghiệp, diêu nghiệp cảm báo, vãng lai lục đạo, luân chuyển vô cùng, y dư pháp tu, trực chí Hoặc tận, thì đắc xuất ly.

(疏) 得出輪迴者， 繇惑起業， 繇業感報， 往來六道， 輪轉無窮， 依餘法修， 直至惑盡， 始得出離。

(Sớ: “Được thoát luân hồi”: Do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm báo, qua lại sáu đường, luân chuyển vô cùng, nương theo các pháp khác để tu thì phải mãi cho đến khi đã hết Hoặc mới được lìa thoát).

Trong hết thấy các kinh, luận, đức Phật thường bảo chúng ta những lời này. Chẳng dễ gì thoát khỏi luân hồi trong tam giới. Nếu chúng ta chẳng thể vượt thoát, khổ nạn quá nhiều! Có những nỗi khổ nạn phải hứng chịu đời đời kiếp kiếp vẫn chẳng xong, đạo lý này chẳng khó hiểu chi! Nếu chúng ta lảng lòng suy tưởng, chuyện trong quá khứ đã chẳng nhớ được, nhưng đại khái là trong một đời này, vẫn có thể nghĩ xem chúng ta đãi người xử sự đối với hết thấy chúng sanh rốt cuộc là kết nhiều thiện duyên, hay là kết lắm ác duyên? Chúng ta phải thấu hiểu điều này: Nếu chúng ta đãi người xử sự kết nhiều ác duyên với chúng sanh thì nói cách khác, trong tương lai, quả báo nhất định là khổ nhiều, vui ít. Nếu trong một đời này, chúng ta kết lắm thiện duyên, ít ác duyên, sẽ rất khó nói, vì sao? Quý vị thấy như trong Bách Pháp Minh Môn Luận

đã nói: Tâm Sở tương ứng với Tâm Vương. Phiền Nã Tâm Sở gồm hai mươi sáu loại, Thiện Tâm Sở⁷⁸ chỉ có mười một loại. Do đây có thể biết: Tâm ý thức khởi tác dụng vốn là ác nhiều, thiện ít.

Chúng ta mở lịch sử ra xem, thật ra, thời gian nhân loại có lịch sử⁷⁹ cũng rất ngắn, Trung Quốc được coi là có lịch sử lâu đời nhất, cũng chẳng qua là năm ngàn năm lịch sử. Các nhà khảo cổ hiện thời cho rằng nhân loại có mặt trên địa cầu tối thiểu là một trăm mấy ức năm trở lên, nhưng lịch sử của nhân loại mới chưa đầy vài ngàn năm. Từ lịch sử, tức là dựa trên mấy ngàn năm lịch sử, chúng ta quan sát những quả báo mà chúng sanh cảm vơi, lấy đao binh kiếp đê nói, hoặc là dựa trên tai họa tự nhiên để nói, quả thật mỗi ngày một nghiêm trọng hơn. Đó là quả báo. Vì sao mỗi ngày một nghiêm trọng hơn? Chiến tranh xưa kia, đối với khoảng cách xa nhất cũng dùng cung tên, cung tên bắn được bao xa? Chiến tranh hiện thời dùng bom nguyên tử, quý vị nghĩ xem quả báo thâm trọng, khốc liệt đến nhường nào? Nếu quán như thế, quý vị sẽ thật sự ngộ rằng: Không thể trụ trong lục đạo luân hồi, chắc chắn không thể sống cuộc đời thoải mái trong ấy được! Do vậy, nhất định phải vượt thoát. Vượt thoát quả thật có khó, có dễ! Trong kinh luận thường nói, ở đây đại sư cũng trích dẫn, trước hết nói phải làm như thế nào mới có thể thoát luân hồi; trước hết, quý vị phải hiểu luân hồi hình thành như thế nào? Trước hết, phải hiểu đạo lý này!

Luân hồi là “*diêu Hoặc khởi nghiệp*” (do Hoặc tạo nghiệp), Hoặc (惑) là mê hoặc. Do mê hoặc mà tạo nghiệp, mê là gì? Tâm động là mê. Khởi Tín Luận có nói: “*Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh*” (do một niệm chẳng giác mà có vô minh). Tướng trạng của giác ngộ là tướng thanh tịnh; bởi lẽ, giác tâm là thanh tịnh. Tướng trạng của mê là vọng động; mê là động! Phật pháp dạy chúng ta tu hành, pháp môn tuy rất nhiều, nhưng thật sự có mấy ai có thể nhận biết, hiểu được? Đúng là chúng sanh có các thứ bệnh, đức Phật có các món thuốc. Thuốc chẳng tệ, mà cũng chẳng mắc phải những căn bệnh ngặt nghèo, thế mà hiện thời chẳng những không trị lành bệnh, mà trái lại bệnh còn nặng hơn, tức là dùng thuốc chưa thích đáng!

⁷⁸ Thiện Tâm Sở gồm Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tinh Tấn, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả và Bất Hại. Trong đó Tàm là tự thẹn với mình, Quý là xấu hổ đối với người.

⁷⁹ Ý nói: Nhân loại bắt đầu ghi chép các sự kiện lịch sử.

Nhìn ngược lại, đối với pháp môn, chúng ta chưa nhận biết rõ ràng, nảy sinh rất nhiều hiểu lầm đối với pháp môn, nghĩa là sao? Ví như có những kẻ chấp vào pháp môn này, hủy báng hết thảy các pháp môn khác, đó là sai lầm! Dầu quý vị tu hành pháp môn này tốt đẹp đến đâu đi nữa, mà nếu quý vị hủy báng một pháp môn nào khác, chúng ta hãy xét xem cái tâm của quý vị có động hay chẳng? Nếu tâm quý vị chẳng động, làm sao quý vị hủy báng được? Nếu tâm quý vị chẳng động, làm sao quý vị phân biệt được? Tâm động là mê, là nghiệp. Quý vị học Phật lại tạo nghiệp, tạo ra nghiệp ấy sẽ rất phiền phức, vì nghiệp ấy chẳng giống như nghiệp thế gian. Nếu nghiệp ấy là nghiệp phá hoại Pháp Thân huệ mạng của người khác thì sẽ nặng lắm, nghiệp ấy chính là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Không chỉ dừng nên hủy báng, mà ngay cả hoài nghi cũng chớ nên. Vì vậy, nói: Nghi ngờ, hủy báng Tam Bảo chính là mê hoặc, là tạo nghiệp.

Do điều này, chúng ta thường bất tri bất giác tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Hễ có nghiệp, sẽ cảm quả báo, vì vậy nên mới “*vãng lai lục đạo, luân hồi vô cùng*” (qua lại trong sáu đường, luân hồi vô cùng). Từ vô thủy kiếp đến nay là như vậy, đời đời kiếp kiếp chẳng có thuở thoát ra. Nếu nói đến tu hành, nói đến học Phật, chắc chắn chúng ta chẳng chỉ [tu hành hay học Phật] trong một đời này, mà cũng là đời đời kiếp kiếp đều tu học, nhưng chưa thoát ra. Ở đây, đại sư nói nguyên nhân chưa thoát ra được là “*y dư pháp tu*” (nuông theo pháp khác để tu tập), tức là nói tới tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị nuông theo phương pháp khác để tu. “*Trục chí Hoặc tận, thì đắc xuất ly*” (mãi cho tới khi hết Hoặc, mới được thoát lìa). Câu này nên hiểu như thế nào? Tôi nghĩ nó chẳng khó hiểu đối với những vị đồng tu tu học đã lâu!

(Diễn) Trục chí Hoặc tận, thì đắc xuất ly giả, Tu Hoặc bất tận, bất xuất tam giới.

(演) 直至惑盡始得出離者, 思惑不盡, 不出三界。

(Diễn): “Mãi cho đến khi hết Hoặc mới được thoát lìa”: Tu Hoặc chưa hết, chẳng ra khỏi tam giới).

Đây là nói về luân hồi trong tam giới lục đạo. Nếu Kiến Hoặc đã hết, chẳng đạo trong ba đường ác. Tu Hoặc đã hết, sẽ vượt thoát khỏi lục đạo luân hồi. Tu Hoặc gồm năm loại lớn là tham, sân, si, mạn, nghi, đó là nói đại lược. Chúng ta hãy suy nghĩ, chúng ta có đoạn được [Kiến Tu

Hoặc] hay chẳng? Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến, năm thứ kiến giải sai lầm này (tức Kiến Hoặc) quý vị có đoạn được hay chẳng? Nếu chưa thể đoạn thì nói cách khác, chúng ta vẫn có phần trong tam đồ, chưa thoát khỏi tam ác đạo. Năm loại kiến giải sai lầm lớn thấy đều đoạn sạch, vẫn chưa ra khỏi luân hồi. Chúng ta phải nghĩ nhiều về chuyện này! Quý vị dùng các pháp môn khác đề tu, đến rốt cuộc chẳng có thành tựu. Nếu quý vị nghĩ thông suốt thì mới giác ngộ, có thể làm được hay không?

(Diễn) Trần Sa bất tận, bất xuất Nhị Thừa giới.

(演) 塵沙不盡，不出二乘界。

(Diễn: Chưa đoạn Trần Sa phiền não, chưa ra khỏi giới hạn Nhị Thừa).

Trong phần trên là nói tới Kiến Tư phiền não, [ở đây] lại nói: Nếu Trần Sa phiền não chưa đoạn, chắc chắn chẳng thể vượt khỏi phạm vi Tiểu Thừa.

(Diễn) Vô minh bất tận, bất xuất Bồ Tát giới.

(演) 無明不盡，不出菩薩界。

(Diễn: Vô minh chưa hết, chẳng ra khỏi phạm vi của Bồ Tát).

Đây là Đại Thừa Phật pháp, viên thành Phật đạo, chúng ta tạm gác lại hai điều sau (tức Trần Sa và Vô Minh chưa đoạn) không bàn tới; trước hết, hãy nói về luân hồi trong lục đạo trong tam giới. Chúng ta không có năng lực vượt thoát, đây là một vấn đề lớn. Bản thân tôi học Phật ba mươi năm, các tông, các phái đều mon men đôi chút, tôi chẳng dám nói ai khác, chính mình quay đầu nghĩ lại: “Không được rồi! Quá khó!” Muốn liễu sanh tử thoát luân hồi thì chẳng có hy vọng gì! Sau đây mới thật sự phát hiện: Chỉ có một con đường đối nghiệp vãng sanh, chỉ có con đường này!

(Sớ) Nhi thác chất thế gian, thăng trầm vị bảo.

(疏) 而託質世間，升沈未保。

(Sớ: Nhưng gởi thân trong thế gian, thăng hay trầm chẳng đảm bảo).

“*Chất*” (質) là nhục thân (cái thân xác thịt). Ngài không nói đến thịt, mà cũng chẳng nói đến thân, nói đến “*chất*” là do đối với lục đạo hữu tình dùng chữ này để chỉ chung [sắc thân] của họ. Trong lục đạo luân hồi, bất luận quý vị đang thọ thân trong đường nào, nói chung quý vị có thể chất sắc tướng. Nếu quý vị ở trong lục đạo, đúng là “*thăng trầm vị bảo*” (thăng hay trầm chẳng đảm bảo). Quý vị tu ba thiện nghiệp sẽ sanh trong tam thiện đạo. Tạo ba ác nghiệp sẽ đọa trong tam ác đạo; nhưng chúng ta suy nghĩ kỹ càng, chúng ta đích xác là tạo thiện nghiệp ít, tạo ác nghiệp nhiều. Nói cách khác, cơ hội thăng lên ít, thường là cơ hội đọa xuống thì nhiều. Đó là đạo lý tất nhiên.

(Sớ) Duy tư Niệm Phật, đởi Hoặc vãng sanh, dĩ kỷ niệm lực, cập Phật nhiếp thọ đại thần lực cố.

(疏) 唯茲念佛，帶惑往生，以己念力，及佛攝受大神力故。

(Sớ: Chỉ có pháp Niệm Phật này là mang theo Hoặc nghiệp vãng sanh nhờ vào niệm lực của chính mình và đại thần lực của Phật nhiếp thọ).

Dùng niệm lực của chính mình, đó là tự lực; đại thần lực của Phật nhiếp thọ là Phật lực. Do vậy, pháp môn này được gọi là Nhị Lực Pháp Môn. Đây là dạy cho chúng ta một sanh lộ, nói thật ra, sanh lộ chỉ có một đường! Lão hòa thượng Quảng Khâm viên tịch đã hiện thân thuyết pháp cho chúng ta, Ngài cũng đi theo con đường này [nhằm khiến cho chúng ta] hiểu: Không có con đường nào khác để có thể đi thông suốt cả!

(Diễn) Đởi Hoặc vãng sanh giả.

(演) 帶惑往生者。

(Diễn: “Mang theo Hoặc nghiệp vãng sanh” là...)

Đây là đởi nghiệp vãng sanh.

(Diễn) Quán Kinh Thượng Thượng Phẩm sanh giả, đoạn Vô Minh Hoặc; Trung Thượng Phẩm sanh giả, đoạn Kiến Tư Hoặc; nữ chí Trung Hạ Phẩm sanh giả, thí đoạn Kiến Hoặc.

(演) 觀經上上品生者，斷無明惑；中上品生者，斷見思惑；乃至中下品生者，始斷見惑。

(Diễn: Theo Quán Kinh, người vãng sanh trong Thượng Thượng Phẩm đoạn Vô Minh Hoặc; người vãng sanh trong Trung Thượng Phẩm đoạn Kiến Tư Hoặc; cho đến vãng sanh trong Trung Hạ Phẩm là người mới đoạn Kiến Hoặc).

Đây là nói đến Tam Bối Vãng Sanh (ba bậc vãng sanh). Thượng Thượng Phẩm vãng sanh phá một phẩm vô minh, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trung Thượng Phẩm vãng sanh là sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng khác gì các pháp môn khác. “Nữ chí Trung Hạ” (cho đến Trung Hạ) là nói về những người vãng sanh trong Trung Hạ phẩm, “thí đoạn Kiến Hoặc” (mới đoạn Kiến Hoặc), Tư Hoặc chưa đoạn xong, nhưng đã đoạn Kiến Hoặc. Đoạn Kiến Hoặc là Trung Hạ Phẩm.

(Diễn) Nhược hạ bối tam phẩm, tắc toàn vị đoạn Hoặc.

(演) 若下輩三品，則全未斷惑。

(Diễn: Nếu là ba phẩm thuộc bậc Hạ thì hoàn toàn chưa đoạn Hoặc).

“Hạ bối” là [ba phẩm] Hạ Thượng, Hạ Trung, Hạ Hạ. “Toàn vị đoạn Hoặc” là Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh thấy đều chưa đoạn. Nói “đối nghiệp vãng sanh” là chỉ cho hạng người như vậy. Nếu nay chúng ta nói “đoạn Hoặc”, sợ rằng chẳng có cách nào làm được. Không cần nói đoạn Kiến Tư, chỉ đoạn Kiến Hoặc mà chúng ta cũng chẳng đoạn được, không có năng lực ấy. Vì thế, chỉ cầu đối nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nay chúng ta chỉ có một hy vọng là đi theo con đường như vậy, nhưng đối với con đường này, tức là con đường sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị cũng phải nhớ rằng:

(Diễn) Đản sảo năng phục vọng, thành tựu tịnh thân.

(演) 但稍能伏妄，成就淨身。

(Diễn: Chỉ có thể hơi khuất phục vọng, thành tựu tịnh thân).

Câu này hết sức quan trọng, nói chung là phải có thể khuất phục phiền não, tức là nói quý vị chưa đoạn phiền não, nhưng có thể chế ngự nó. Nói “*phục*” (伏) tức là chẳng để cho phiền não dấy lên hiện hành, phiền não vừa mới khởi lên bèn dùng một câu Phật hiệu để chuyển biến nó, thay thế nó, đó gọi là “*phục phiền não*”. Do vậy, trong mười hai thời, chúng ta giữ cho một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, niệm niệm đều là A Di Đà Phật. Nếu chẳng niệm Phật, Kiến Tư phiền não sẽ dấy lên. Vì sao bảo quý vị “trong mười hai thời chẳng dứt Phật hiệu?” Đây chính là vì sợ phiền não dấy lên. Cổ nhân bảo đây là biện pháp “*dùng đá đè cỏ*”, đè nén nó, chẳng cho nó dấy lên hiện hành, đó gọi là “*phục Hoặc*”. Thân tâm của chúng ta thanh tịnh, có thể đạt được một chút khinh an, như vậy thì sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, gọi là “*đời Hoặc vắng sanh*”, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Nay chúng ta thật sự nói tới “liễu sanh tử, thoát tam giới” thì trừ con đường này ra, quý vị hãy nghiêm túc suy nghĩ, bất luận quý vị tu học một pháp môn nào, có thể [thoát sanh tử] hay không? Tu tập sao cho ngoài mặt dễ coi thì vô ích, trong tương lai phải luân hồi ra sao thì vẫn luân hồi như thế ấy, phải sanh tử như thế nào thì vẫn là sanh tử như thế ấy, đó mới là oan uổng! Vì thế, cổ đại đức thường dạy chúng ta hãy thật thà niệm Phật, đừng mong dễ coi. Chúng tôi học Phật nhiều năm như vậy, tinh ngộ sâu xa, biết lời cổ đại đức nói câu nào cũng đều là buốt lòng, rất miêng, toàn là kinh nghiệm cả đời [của các Ngài], ngàn vạn phần đừng coi đó là những lời nói tầm thường quá nhàm mà hờ hững, để rồi chính mình bị thiệt thòi. Do vậy, hãy nên quay đầu lại, buông vạn duyên xuống, thật thà niệm Phật; dầu là chuyện hoằng pháp lợi sanh vẫn là “nhiều chuyện chẳng bằng ít chuyện, ít chuyện chẳng bằng không có chuyện gì”.

Nguyện lực của chúng ta phải to lớn, nhưng chớ nên bới ra việc, nguyện lực quả thật phải là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, phải có bi nguyện ấy, phải có đại nguyện ấy; nhưng nếu quý vị tìm chuyện để làm thì đã sai rồi, tâm chẳng thanh tịnh! Nếu duyên chín muồi, quý vị sẽ chẳng thể không làm. Quý vị phải tận tâm tận lực làm cho viên mãn. Không có duyên thì chẳng phan duyên. Ví như các đồng tu ở nơi đây rất vui vẻ bỏ tiền bỏ sức để dựng ngôi chùa này, dựng đạo tràng này, chúng

ta chỉ đành xây dựng, duyên đã chín muồi rồi. Nếu chưa có cái duyên ấy, tự mình vắt óc suy nghĩ: Tôi muốn lập đạo tràng tại đây, nhưng không có cách nào, bèn đi khắp nơi hóa duyên, đó là trật! Không có duyên, chắc chắn chớ nên phan duyên. Hễ duyên đưa đến, chắc chắn chẳng thể tránh né. Quý vị tránh né là thiếu từ bi. Không có duyên bèn phan duyên thì quý vị chẳng thanh tịnh. Hai bên thanh tịnh và từ bi chẳng thể lệch vào một bên, chẳng thể coi trọng [một bên nào], phải bình đẳng tu học, như thế thì mới có thể tránh khỏi lầm lỗi.

Dầu là hoằng pháp lợi sanh nhằm giúp đỡ người khác, nhất quyết chẳng đánh mất sự thanh tịnh của chính mình. Vì sao? Chính mình mới có thể đắc độ. Nếu không, khá lắm là giúp đỡ người khác, chứ chính mình cũng chẳng ra khỏi tam giới, biến thành phước báo hữu lậu trong tam giới, vẫn không có cách nào vãng sanh. Người biết tu thì chính mình nhất định vãng sanh Tịnh Độ, lại có thể giúp đỡ người khác, giúp đỡ người khác chẳng trở ngại sự thanh tịnh của chính mình; sự thanh tịnh của chính mình chẳng trở ngại việc giúp đỡ người khác; đó mới gọi là công phu chân chánh!

(Sớ) Nhất sanh bỉ quốc, tức siêu tam giới, bất thọ luân hồi.

(疏) 一生彼國，即超三界，不受輪轉。

(Sớ: Hễ sanh về cõi kia liền vượt thoát tam giới, chẳng bị luân hồi).

Dầu chúng ta là Hạ Phẩm Hạ Sanh, đời nghiệp vãng sanh, nhưng lợi ích, công đức thù thắng ấy quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Đây chính là điều mà chúng ta nỗ lực suốt đời hòng đạt được!

(Sớ) Kinh vân: Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí, thị dã. Thị vi tối thắng đệ nhị phương tiện.

(疏) 經云：眾生生者，皆是阿鞞跋致，是也。是為最勝第二方便。

(Sớ) Kinh dạy: “Chúng sanh sanh về Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí” chính là nói về ý này. Đây là phương tiện tối thắng thứ hai).

Trong bốn thứ phương tiện, đây là điều thứ hai. Đại sư trích dẫn kinh điển để giảng giải, toàn là lấy từ kinh [A Di Đà] này: “Chúng sanh

sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí” (Chúng sanh sanh về Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Bất Thoái Chuyển, “*giai thị*” là không một ai chẳng như vậy. Trong kinh hoàn toàn chẳng nói “Thượng Thượng Phẩm đều là” hoặc “Thượng Trung Phẩm đều là”, không nói như thế, chẳng có cách nói như vậy, mà đương nhiên [mọi người trong cõi Cực Lạc] đều là [Bất Thoái Chuyển], Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng là [Bất Thoái Chuyển]. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

A Bệ Bạt Trí là Bất Thoái Chuyển, có ba loại Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Nếu chiếu theo sự tu học trong các pháp môn thông thường, muốn đạt đến địa vị có đủ ba thứ Bất Thoái thì [địa vị ấy] khá cao. Trong Biệt Giáo phải là từ Sơ Địa trở lên; trong Viên Giáo phải là từ Sơ Trụ trở lên mới có thể đắc ba thứ Bất Thoái. Những điều được dạy trong kinh này tuyệt đối chẳng phải là đức Phật vọng ngữ, Ngài tuyệt đối chẳng dùng lời lẽ này để dụ dỗ, mê hoặc chúng ta, không phải vậy! Đối nghiệp vãng sanh, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng chứng ba thứ Bất Thoái. Nói cách khác, chẳng sanh về Tây Phương thì thôi, hễ sanh về Tây Phương sẽ chẳng khác bậc Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, không hai, không khác. Do vậy, kinh này ngay cả đức Phật cũng bảo là “*pháp khó tin*”. Tu các pháp môn khác [muốn chứng ba thứ Bất Thoái] phải tu đến địa vị Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo, quá khó, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chiếu theo Biệt Giáo để nói thì phải dùng một A-tăng-kỳ kiếp tu hành mới đạt đến Sơ Địa, nhưng chúng ta trong một đời mấy chục năm ngắn ngủi, hoặc là trong mấy năm bèn tu thành công, đây là như Ngẫu Ích đại sư đã nói: Pháp môn này chí viên, chí đốn. Đốn là “*đốn siêu*” (nhANH chóng vượt trời), không có pháp môn nào nhanh chóng hơn! Không có pháp môn nào viên mãn hơn! Ngay cả tổ sư của tông Pháp Tướng là Khuy Cơ đại sư cũng nói pháp môn Niệm Phật viên đốn đến tột bực. Trong sách A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ có một đoạn tán thán kinh này đến cùng cực.

Phương tiện thứ hai là “*phương tiện chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà thoát khỏi luân hồi*”, phương tiện thứ ba là “*phương tiện chẳng tu các hạnh khác mà đắc Ba La Mật*”. Tiếp theo đây, sách Sớ Sao giảng về phương tiện thứ ba.

(Sớ) Đắc Ba La Mật giả.

(疏) 得波羅密者。

(Sớ: Đắc Ba La Mật là...)

Ba La Mật (Pāramitā) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “rốt ráo viên mãn”. Dịch theo nghĩa gốc là “đạt đến bờ kia”, người Hoa quen dịch là “rốt ráo viên mãn”.

(Sớ) Chư Bồ Tát chúng, hữu Hằng sa kiếp trung, tu Lục Độ vạn hạnh, vị năng mãn túc.

(疏) 諸菩薩眾，有恆沙劫中，修六度萬行，未能滿足。

(Sớ: Các hàng Bồ Tát có vị trải số kiếp nhiều như cát sông Hằng tu Lục Độ, muôn hạnh, nhưng chưa thể trọn vẹn).

Đây cũng là thật, Bồ Tát đời đời kiếp kiếp đều tu Lục Ba La Mật, kinh Hoa Nghiêm có nói Thập Ba La Mật, có viên mãn hay không? Không! Nhưng pháp môn Niệm Phật của chúng ta tu một môn là viên mãn rồi. Vì sao một môn mà viên mãn? Mấy câu dưới đây hết sức quan trọng.

(Sớ) Nhi kim nhất tâm niệm Phật.

(疏) 而今一心念佛。

(Sớ: Mà nay nhất tâm niệm Phật).

“Nhất tâm niệm Phật” là pháp môn này. Niệm Phật phải nhớ nhất tâm, mấu chốt ở chỗ nhất tâm. Phàm là công phu niệm Phật chẳng đắc lực là do người ấy chẳng dùng nhất tâm, mà dùng tán tâm, loạn tâm. Suốt ngày từ sáng đến tối dùng cái tâm suy nghĩ loạn xạ để niệm Phật nên chẳng đắc lực, suốt một đời này chẳng thể thành tựu. Vì sao chẳng thể thành tựu? Chưa thể chế phục phiền não. Dầu chẳng thể đoạn phiền não, quý vị phải chế phục nó! Tâm tán loạn, tâm vọng tưởng chẳng thể chế phục phiền não; nhất tâm có thể chế phục phiền não. Vì thế, đây là điều trọng yếu. Nhất tâm sẽ không có ý niệm thứ hai, đó mới gọi là nhất tâm.

Nếu nói thật thà thì như thế nào mới là hiểu kính chư Phật, tuân phụng Tam Bảo? Nhất tâm niệm Phật! Bởi lẽ, Phật, Bồ Tát, thầy, Tam Bảo đều hy vọng quý vị mau thoát lìa tam giới, mong quý vị mau chứng đắc ba thứ Bất Thoái. Nếu quý vị chứng đắc, đây là hiểu thuận nhất. Đây cũng là niềm kỳ vọng chân thật của các Ngài. Nếu quý vị một mặt niệm Phật, một mặt nghĩ đến chuyện khác, thế là hỏng bét! Đó là ngu si, chẳng phải là hiểu thuận. Một mặt niệm A Di Đà Phật, một mặt vẫn suy nghĩ đến chuyện của thầy, chẳng hạn cụ Quảng Khâm viên tịch, đồ đệ của Ngài vừa niệm A Di Đà Phật vừa nghĩ đến thầy, đây là lầm lẫn quá đỗi! Vì sao? Quý vị chắc chắn chưa thể chế phục phiền não, quý vị suy tưởng, đây chính là vọng tưởng, là vọng niệm. Quý vị chuyện gì cũng chẳng tưởng, tâm địa đạt đến thanh tịnh mới có thể thoát lìa. Các Ngài cũng mong mỗi quý vị thanh tịnh, nhưng tâm chúng ta chẳng thanh tịnh.

Chúng ta đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, vì sao Ấn Quang đại sư thường quở trách các đệ tử của Ngài là do đạo lý này: Họ chưa hiểu! Phàm phu kiến giải sai lầm, nói chung là dùng phàm tình để làm Phật sự. Làm Phật sự nhằm tu cái tâm thanh tịnh, dùng tâm lý giao thiệp thù tạc của phàm phu để tu cái tâm thanh tịnh, làm sao tu thành công cho được? Thuở Ấn Quang đại sư tại thế, nếu quý vị thỉnh Ngài truyền trao Tam Quy mà đến gặp Ngài mấy lượt, Ngài bèn quở mắng quý vị, chẳng cho phép đến. Vì sao? Sợ quý vị khởi xen tạp, sợ quý vị loạn tâm. Đó chính là yêu thương, quan tâm đệ tử thật sự. “Ông đến đây để làm gì?” “Con đến gặp thầy”. “Thầy có gì hay đâu mà xem? Gặp một hai lần mà vẫn chưa đủ hay sao?” Có lý lắm! Thật sự có lý! Thầy mà còn chẳng cho phép quý vị thường gặp gỡ Ngài, há Ngài bằng lòng cho quý vị gặp người khác ư? Đạo tràng của thầy mà còn chẳng chấp thuận quý vị đến nhiều lần thì thầy hy vọng quý vị đến đạo tràng các nơi ư? Vì sao ngăn cấm? Sợ quý vị chẳng thể nhất tâm, đạo lý ở chỗ này!

Nếu quý vị đã nhất tâm bất loạn, hằng ngày gặp gỡ thầy cũng chẳng sao! Đến đạo tràng nào cũng chẳng sao! Công phu của quý vị đã thành tựu. Thật sự giống như kinh Kim Cang đã nói: Ngoài chẳng chấp tướng, “*bất thủ u tướng*” (chẳng giữ lấy tướng), trong chẳng động tâm, “*như như bất động*”, vậy là được, có thể đến! Quý vị đắc đại tự tại, thật sự giải thoát. Có công phu ấy thì mới được! Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, do Ngài đã đặc công phu nên mới có tư cách ra ngoài đi tham học. Nếu bên ngoài vẫn chấp tướng, bên trong vẫn động tâm, tốt nhất là đóng cửa ở nhà thật thà niệm Phật, ngay cả thầy cũng chẳng cần phải tới thăm. Thế nhưng người

nghiệp chướng nặng nề không thể đóng cửa [thật thà niệm Phật được], ắt phải chạy lung tung bên ngoài, chạy như vậy sẽ chẳng thể thành tựu. Đóng cửa cũng chẳng được, muốn thành tựu khó quá! Do vậy, mấu chốt của niệm Phật là hai chữ “nhất tâm”, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này!

(Sớ) Vạn duyên tự xả, tức Bồ Thí Ba La Mật.

(疏) 萬緣自捨, 即布施波羅密。

(Sớ: Vạn duyên tự bỏ, tức là Bồ Thí Ba La Mật).

Nhất định xả, quý vị chẳng xả sẽ chẳng thể nhất tâm. Hễ nhất tâm, Lục Độ vạn hạnh bèn viên mãn. Nếu quý vị chẳng bỏ vạn duyên, lúc nghĩ Đông, khi nghĩ Tây, làm sao đắc nhất tâm được? Nhất tâm là không có hai niệm. Không chỉ ngũ dục lục trần trong thế gian phải buông xuống, mà Phật pháp cũng chẳng tham cầu, cũng buông xuống, đây là bồ thí rốt ráo viên mãn. Bồ Thí là xả, xả gì vậy? Xả vọng niệm, xả phân biệt, xả chấp trước, xả tham, sân, si. Tâm người ấy thanh tịnh, chẳng có chuyện gì vướng mắc, đó mới gọi là nhất tâm niệm Phật. Quý vị vẫn còn nghĩ cái này, tưởng cái nọ, tức là nhị tâm, tam tâm, rất khó chế phục phiền não, chế phục không được! Nhất định phải là nhất tâm niệm Phật. Vì thế, người niệm Phật chẳng thể không buông bỏ hết thấy cảnh duyên. Cảnh là hoàn cảnh vật chất, Duyên là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự đều phải buông xuống, đó là nhất tâm. Do vậy, Bồ Thí Ba La Mật bèn viên mãn.

(Sớ) Nhất tâm niệm Phật, chư ác tự chỉ, tức Trì Giới Ba La Mật.

(疏) 一心念佛, 諸惡自止, 即持戒波羅密。

(Sớ: Nhất tâm niệm Phật, các ác tự dứt, tức là Trì Giới Ba La Mật).

Người niệm Phật có cần trì giới hay không? Người niệm Phật trì giới viên mãn. Khi đi tìm những giới luật [để trì] thì giới luật viên mãn của quý vị bị phá hoại. Kết quả là quý vị đạt được điều gì? Trì “phá giới chẳng viên mãn!” Trong hết thấy giới điều, quý vị chỉ có thể thọ trì một hai điều, giữ một, sót cả vạn. Quý vị chẳng hiểu “trong nhất tâm, giới luật bèn viên mãn”. “Giới” (戒) có nghĩa là gì? Ngăn điều sai, dứt điều

ác. Tinh thần của toàn bộ Luật Tạng là hai câu: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành). Quý vị nhất tâm niệm Phật, các điều ác tự nhiên ngưng dứt, tự nhiên không làm nữa! Một mặt niệm Phật, một mặt vẫn nghĩ đến chuyện xấu xa, đây chẳng phải là nhất tâm. Nhất tâm không có hai niệm, chẳng những không có ác niệm, mà thiện niệm cũng không có! Ác niệm không có thì giới luật Tiểu Thừa bèn viên mãn. Thiện niệm cũng chẳng có thì giới luật Bồ Tát viên mãn. Đây là Trì Giới Ba La Mật.

Nói như vậy, người niệm Phật chúng ta có cần trì giới hay không? Người thật sự niệm Phật, Giới - Định - Huệ thấy đều có trong ấy, chẳng cần phải tìm kiếm phiền phức. Liên Trì đại sư lão nhân gia mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, những chuyện gì khác đều chẳng làm. Liên Trì đại sư chẳng niệm kinh, mà cũng không niệm chú, mỗi ngày là mười vạn câu A Di Đà Phật. Lão nhân gia niệm bốn chữ, đi, đứng, nằm, ngồi đều là Phật hiệu. Ngài cũng chẳng có khóa sáng, khóa tối, đó gọi là nhất tâm niệm Phật. Chúng ta thấy Ngài điều gì cũng không tu, nhưng Ngài thứ gì cũng viên mãn, thứ gì cũng trọn đủ. Điều này đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa, đáng cho chúng ta học tập.

(Sớ) Nhất tâm niệm Phật, tâm tự nhu nhuyễn, tức Nhẫn Nhục Ba La Mật.

(疏) 一心念佛，心自柔軟，即忍辱波羅密。

(Sớ: Nhất tâm niệm Phật, tự tâm mềm mại, tức Nhẫn Nhục Ba La Mật).

Nếu còn có chuyện gì chẳng thể nhẫn thì tâm chúng ta chưa nhất! Nếu tâm đã đạt đến nhất thì ý niệm về chữ Nhẫn chẳng còn, còn phải nhẫn nữa ư? Không có! Còn phải nhẫn tức là tâm vẫn chưa thanh tịnh, còn chưa thể nhất. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuốm bụi trần?*” Quý vị còn có một vật để “nhẫn”, chứng tỏ tâm quý vị chưa thanh tịnh, chưa thể nhất. Đạt đến nhất thì nhẫn cũng chẳng có, chẳng cần nói đến nhục, ngay cả nhẫn còn kiếm không ra! Nhẫn nhục bèn viên mãn.

(Sớ) Nhất tâm niệm Phật, vĩnh bất thoái đọa, tức Tinh Tấn Ba La Mật.

(疏) 一心念佛，永不退墮，即精進波羅密。

(Sớ: Nhất tâm niệm Phật, vĩnh viễn chẳng lui sụt, đọa lạc, tức là Tinh Tấn Ba La Mật).

Tổ sư đại đức mỗi ngày mười vạn câu Phật hiệu, miên mật chẳng gián đoạn. Đây là Tinh Tấn. Không chỉ kẻ sơ học chúng ta phải nỗ lực, mà đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, Phật hiệu vẫn chẳng gián đoạn! Trong chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm có câu: “*Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Trong hội Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát mang thân phận Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, mang thân phận như vậy. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài mang thân phận Đẳng Giác Bồ Tát. Ngài có thông hiểu Lý hay chẳng? Ngài đã viên mãn từ lâu, về Sự thì sao? Về Sự bèn chẳng gián đoạn. Phật hiệu từ trước đến giờ chưa hề gián đoạn. Đây gọi là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, là Tinh Tấn. Chấp Sự phé Lý vẫn có thể thành tựu, nhưng thành tựu không cao. Nếu chấp Lý phé Sự, nhất định đọa trong ba ác đạo.

Chấp Lý phé Sự là gì? Về Lý thì dường như đã hiểu, nhưng nơi mặt Sự chẳng niệm, tự mình cho rằng chẳng cần phải niệm Phật, làm lần quá đổi! Người thật sự thông đạt Lý chắc chắn chẳng phé Sự. Phàm những kẻ phé bỏ Sự, hoàn toàn chẳng thật sự thông hiểu Lý! Bản thân chúng ta phải giác ngộ và kiểm điểm chỗ này. Do vậy, trong tâm chúng ta Phật hiệu chớ nên gián đoạn, nơi miệng có gián đoạn cũng không sao, miệng niệm lâu sẽ mệt, trong tâm chớ nên gián đoạn, nhưng miệng niệm thì có thể điều thân, đồng thời cũng có thể điều tâm. Trong khi ta hôn trầm, khi Phật hiệu chẳng dấy lên, bèn lớn tiếng niệm mấy câu, tinh thần bèn phấn chấn. Do vậy, niệm Phật chậm hay nhanh, lớn tiếng hay nhỏ tiếng tùy theo tâm của chính mình mà điều chỉnh, không nhất định, niệm sao cho thoải mái, niệm chẳng hôn trầm thì niệm như vậy là tốt đẹp, điểm này rất quan trọng.

(Sớ) Nhất tâm niệm Phật, dư tưởng bất sanh, tức Thiền Định Ba La Mật.

(疏) 一心念佛，餘想不生，即禪定波羅密。

(Sớ: Nhất tâm niệm Phật chẳng sanh suy tưởng gì khác, tức là Thiền Định Ba La Mật).

“*Thiền*” (Dhyāna) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tĩnh Lự, Tĩnh (靜) là không có vọng niệm, Lự (慮) cũng chẳng phải là vô niệm. Chẳng phải hữu niệm, chẳng phải vô niệm. Chẳng phải hữu niệm là không có hết thảy vọng niệm. Chẳng phải vô niệm là có một niệm, niệm ấy là A Di Đà Phật. Vì thế, nó viên mãn hơn Thiền, thù thắng hơn Thiền. Điều này các vị có thể suy tưởng được, dễ hơn Thiền! Chỉ có một câu Phật hiệu, chẳng cần phải dùng công phu tham cứu trong ấy, đó là Thiền Định, chẳng khác gì cách tu trong nhà Thiền. Nếu quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh, hoặc ngữ lục của Thiền Tông, họ sử dụng công phu hoàn toàn giống như công phu của người niệm Phật, chỉ là phương pháp khác nhau. Họ dùng quán tâm, tham thoại đầu, dùng những phương pháp ấy hòng đạt đến cảnh giới này. Đi, đứng, nằm, ngồi đều là tham Thiền.

Từ Đàn Kinh chúng ta thấy: Người thật sự dụng công, Lục Tổ ở núi Hoàng Mai từ đầu đến cuối chưa vào Thiền Đường. Ngũ Tổ truyền pháp cho Ngài tại Phương Trượng Thất, cũng chẳng phải là Thiền Đường. Ngài tu pháp Thiền ở nơi đâu? Tu trong phòng giã gạo. Suốt ngày từ sáng đến tối Ngài giã gạo, bữa củi, nhưng Ngài tu Thiền. Ngài tu Thiền Định ở nơi ấy. Ngài suốt ngày từ sáng đến tối làm công chuyện, nhưng đang tu Thiền Định. Ở chỗ này, chúng ta phải hiểu cách tu Thiền Định như thế nào, chẳng phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách, xếp bằng nhìn vào vách tại nơi đó là tạo tư thế [nhắm huân tập sự định tâm].

Đàn Kinh có định nghĩa về Thiền. Trong chương Giáo Thọ Tọa Thiền đã nói rất rõ Thiền là gì? Chẳng chấp tướng. Định là gì? Chẳng động tâm. “*Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”, đó gọi là Thiền Định. Sở dĩ ngồi [Thiền] là vì người ta ngồi một chỗ, người ấy bất động, giữ lấy ý nghĩa đó, chứ không phải thật sự bảo quý vị suốt ngày từ sáng đến tối ngồi tại đây, mà nhằm bảo quý vị chớ động tâm! Tâm chẳng động là “*tọa*”, tâm chẳng chấp tướng là “*Thiền*”. Vì thế, Lục Tổ suốt ngày từ sáng đến tối làm lưng, bận bịu suốt ngày từ sáng đến tối mà Ngài tọa Thiền tại nơi đó. Vì sao? Ngài chẳng giữ lấy tướng, chẳng động tâm, trọn chẳng trở ngại công việc, đó gọi là “*tọa Thiền*”. Người niệm Phật công phu còn dễ dàng hơn, còn thù thắng hơn nữa. Trong mười hai thời, đi, đứng, nằm, ngồi, bất luận quý vị đang làm việc gì, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, đây chẳng phải là Thiền thì là gì vậy? Thật sự nhất tâm bất loạn. Vì thế, đây là Thiền Định Bát Nhã Ba La Mật. Không chỉ tu Thiền Định, mà còn là Thiền Định viên mãn rốt ráo.

Thuở ấy, khi thầy Lý giảng kinh Lăng Nghiêm ở Đài Trung. Lúc ấy Ngài đã giảng kinh mười một, mười hai năm tại Đài Trung. Các đồng tu tâm bất định, cho rằng theo học với thầy Lý mười mấy năm toàn là nghe giảng những bộ kinh nhỏ, người ta ở chỗ khác giảng kinh to luận lớn, toàn là giảng Thiên, giảng Mật, toàn là những pháp môn ở trình độ cao, còn chúng ta học pháp của ông già bà cả! Do vậy nghe xong, trong tâm chính mình cảm thấy rất khó chịu, dường như ta chẳng bằng người, cảm giác tự ty rất nặng, thấy người khác cao ngất ta chẳng bèn gót. Do vậy, thầy Lý bèn giảng kinh Lăng Nghiêm ở đó, kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh to. Giảng kinh Lăng Nghiêm, thầy nói: “*Niệm A Di Đà Phật là tu Lăng Nghiêm Đại Định*”. Lấy kinh Lăng Nghiêm để chứng minh, hai mươi lăm vị Bồ Tát trong hai mươi lăm pháp Viên Thông đều tu Lăng Nghiêm Đại Định. Đại Thế Chí Bồ Tát dùng phương pháp Niệm Phật để tu Lăng Nghiêm Đại Định. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu A Di Đà Phật là tu Lăng Nghiêm Đại Định mà chính mình vẫn không biết, cho nên quý vị tu chẳng thành công!

Nếu quý vị thật sự hiểu, đối với hết thầy pháp môn, chúng ta tán thán, nhưng không học. Vì sao tán thán? Vì những pháp ấy đều do đức Phật nói, chúng ta khen ngợi Phật. Chúng ta khen ngợi những người tu các pháp môn đó, tán Tăng! Chúng ta tán thán pháp môn, tức là tán Pháp! Chúng ta tán thán Tam Bảo, nhưng chúng ta có học hay chẳng? Không học! Chúng ta vẫn niệm A Di Đà Phật. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể đạt đến mục đích, quý vị thích đi theo con đường đó thì được thôi! Tôi đi theo con đường này cũng chẳng sai, đều tốt đẹp cả! Tôi chẳng cưỡng ép quý vị đi theo con đường này của tôi, quý vị cũng chẳng cần phải ép buộc tôi đi theo con đường đó. Chúng ta đường ai nấy đi, xem ai tới trước? Hễ tới nơi thì đều tốt đẹp, không có gì chẳng tốt đẹp! Do vậy, chúng ta phải tán thán Tam Bảo, quyết định đừng hủy báng Tam Bảo, phải hiểu đạo lý này!

(Sớ) Nhất tâm niệm Phật, chánh niệm phân minh, tức Bát Nhã Ba La Mật.

(疏) 一心念佛，正念分明，即般若波羅密。

(Sớ: Nhất tâm niệm Phật, chánh niệm phân minh chính là Bát Nhã Ba La Mật).

Bát Nhã là trí huệ. Trí huệ là giác. Người niệm Phật tâm thanh tịnh, nhất tâm. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian quý vị có thể thấy, nghe, tiếp xúc, không gì chẳng hiểu rõ, không gì chẳng thông đạt; sự hiểu rõ thông đạt ấy chính là Chánh Niệm. Tuy hiểu rõ, tuy thông đạt, nhưng trong hết thấy cảnh giới quyết chẳng khởi phân biệt, quyết chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng, đó gọi là Chánh Niệm. Nếu khởi phân biệt, khởi chấp trước, dấy vọng tưởng thì là tà kiến, [hay nói chi tiết hơn là] tà tư tà kiến, chẳng gọi là Chánh Kiến. Vì thế, người nhất tâm niệm Phật chẳng mê hoặc, không gì chẳng biết, thứ gì cũng đều hiểu! Nói ngược lại, kẻ tán tâm niệm Phật, kẻ loạn tâm niệm Phật, hết thấy các pháp bày ra trước mặt, nhưng chẳng thể phân biệt rõ ràng tà - chánh, đúng - sai, hiểu lầm; đây là ngu si, mê hoặc, chẳng phải là trí huệ Bát Nhã.

Nhất tâm niệm Phật, Lục Ba La Mật thấy đều viên mãn, thấy đều đầy đủ. Quý vị nghĩ xem: Chúng ta còn phải tu gì nữa? Trong phần trên đã nói rất hay! Quý vị tu những thứ khác, Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Thiền Định, Tinh Tấn, tu trong Hàng sa kiếp vẫn tu chưa viên mãn. Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng! Nếu quý vị thật sự nhất tâm niệm Phật, mọi thứ đều viên mãn. Quý vị chẳng tin tưởng phương pháp tu hành viên mãn dễ dàng nhất, vẫn muốn tìm cành vật lá, tự chuốc lấy phiền phức thì còn có cách nào nữa đây? Vì thế, nếu quý vị thật sự tin tưởng pháp môn này, chính là đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Tổ sư đã giảng cho chúng ta cặn kẽ ngàn ấy, chẳng dễ dàng! Sở dĩ chúng ta không chịu học là vì tâm chưa buông xuống được, chính mình chưa chịu tu học đang hoang. Dưới đây là một câu nói hay nhất.

(Sớ) Thôi nhi cực chi, bất xuất nhất tâm, vạn hạnh cụ túc.

(疏) 推而極之，不出一心，萬行具足。

(Sớ: Suy xét đến cùng cực thì chẳng ngoài nhất tâm mà vạn hạnh trọn đủ).

Không chỉ là Lục Độ [trọn đủ] như đã nói trong phần trên, mà vô lượng vô biên pháp môn thấy đều đầy đủ. Không chỉ đầy đủ, mà còn đúng như trong phần trước đã nói: Đầy đủ rốt ráo viên mãn, đây là nhất tâm. Vì thế, trong hết thấy hạnh môn, bộ kinh này và pháp môn này là trực tiếp tu nhất tâm, chỗ thù thắng của nó là ở chỗ này. Kinh vẫn nói rất

rõ ràng, nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo, trực tiếp dạy quý vị tu nhất tâm. Trực tiếp liễu sanh tử, trực tiếp thoát tam giới, trực tiếp thành Phật, không đi vòng quanh. Càng trực tiếp như vậy thì càng dễ dàng, càng đơn thuần, nhưng chúng sanh càng chẳng chịu tin tưởng! Nói chung, chúng sanh thích kỳ quái, ham kỳ chuộng lạ, nên đây là pháp khó tin!

(Diễn) *Lục Độ vạn hạnh, hữu Đại Tiểu Thừa Sự Lý bất đồng, nhi Lý trung, hữu phục thâm thiển, như Thiên Thai Tứ Giáo sở minh.*

(演) 六度萬行，有大小乘事理不同，而理中，又復深淺，如天台四教所明。

(Diễn: *Lục Độ vạn hạnh có Đại Thừa, Tiểu Thừa, Sự, Lý khác nhau, nhưng trong Lý lại có mức độ sâu và cạn [khác nhau] như trong Tứ Giáo của tông Thiên Thai đã nói).*

Tứ Giáo của tông Thiên Thai và Ngũ Giáo của tông Hiền Thủ đều giảng căn kẽ về Lục Độ vạn hạnh của Bồ Tát.

(Diễn) *Bất xuất nhất tâm vạn hạnh cụ túc giả, thử nhất tâm diệc phân Sự Lý, nhược Lý nhất tâm cụ túc vạn hạnh, tự bất tất thuyết.*

(演) 不出一心萬行具足者，此一心亦分事理，若理一心具足萬行，自不必說。

(Diễn: *“Chẳng ra ngoài nhất tâm mà vạn hạnh trọn đủ”: Nhất tâm này cũng chia thành Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Nếu là Lý nhất tâm đầy đủ vạn hạnh thì chẳng cần phải bàn nữa).*

Đương nhiên chúng ta đều thừa nhận điều này, thế nhưng Sự nhất tâm thì sao?

(Diễn) *Tức Sự nhất tâm, tuy vị nhập Lý, nhi ư Tạng Giáo Sự Lục Độ, Sự vạn hạnh, diệc khả vân cụ túc dã.*

(演) 即事一心，雖未入理，而於藏教事六度、事萬行，亦可云具足也。

(Diễn: Ngay như Sự nhất tâm, tuy chưa nhập Lý, nhưng đối với Lục Độ và vạn hạnh thuộc mặt Sự trong Tạng Giáo cũng có thể nói là trọn đủ).

Đối với những hạnh tu tập của hàng Bồ Tát thuộc Tiểu Giáo, quý vị cũng viên mãn. Hàng Bồ Tát Tiểu Giáo tu tập Lục Độ vạn hạnh chẳng được thuận tiện như người [niệm Phật] đặc Sự nhất tâm. Hàng Bồ Tát Đại Thừa tu tập Lục Độ vạn hạnh chẳng dễ dàng bằng người niệm Phật đã đặc Lý nhất tâm. Không chỉ Lục Độ vạn hạnh thuộc mặt Lý phải mất vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, mà theo như kinh dạy, Lục Độ vạn hạnh thuộc mặt Sự trong Tiểu Giáo cũng phải tốn ba đại A-tăng-kỳ kiếp. “Ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật” là thành Phật trong Tạng Giáo, quý vị phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể viên mãn. Người niệm Phật đạt đến Sự nhất tâm bèn viên mãn.

Đối với những đạo lý giống như vậy, chúng ta chớ nên không hiểu, chớ nên không tin tưởng! Tu hành phải đặc biệt chú trọng nhất tâm! Chúng ta dùng nhất tâm để niệm Phật, dùng niệm Phật cầu nhất tâm. Hai phương pháp này giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, chẳng dùng nhất tâm để niệm Phật, quý vị sẽ chẳng đạt được niệm Phật nhất tâm!

(Sớ) Như Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân.

(疏) 如大本法藏願云。

(Sớ: Như trong kinh Vô Lượng Thọ, ngài Pháp Tạng nguyện rằng...)

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ, tỳ-kheo Pháp Tạng trong lúc tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện.

(Sớ) Nhược ngã thành Phật, quốc trung hữu tình, bất hoạch thần thông tự tại Ba La Mật Đa, bất thủ Chánh Giác.

(疏) 若我成佛，國中有情，不獲神通自在波羅密多，不取正覺。

(Sớ: Nếu tôi thành Phật mà các hữu tình trong nước tôi chẳng đắc thần thông tự tại Ba La Mật Đa, tôi chẳng lấy ngôi Chánh Giác).

Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật từng phát hoằng nguyện như vậy. Ngài nói sau khi chính mình thành Phật, trong cõi nước của Ngài, trong khu vực giáo hóa của Ngài, “*hữu tình*” là hữu tình chúng sanh, nêu chẳng đạt được “*thần thông tự tại Ba La Mật Đa*”, tức là chẳng đạt được thần thông viên mãn rốt ráo, tự tại viên mãn rốt ráo, Ngài “*bất thủ Chánh Giác*” (chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác), tức là Ngài quyết chẳng dùng thân phận Phật thị hiện trong thế gian, mà dùng thân phận Bồ Tát. Nói cách khác, nay Ngài dùng thân phận Phật xuất hiện trong thế giới Tây Phương, vậy thì nguyện này nhất định viên mãn, nhất định đã trở thành hiện thực.

Do vậy, quý vị chẳng sanh vào thế giới Tây Phương thì thôi, hễ sanh vào thế giới Tây Phương, nhất định đạt được thần thông tự tại viên mãn rốt ráo. Kinh còn dạy chúng ta: “*Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí*” (Chúng sanh sanh vào cõi đó, đều là Bất Thoái Chuyển) là do đạo lý này. Vì thế, trong các thế giới của chư Phật khắp mười phương, quả thật chúng ta kiểm khắp hết thấy các kinh, không thấy có cách nói này! Trong kinh Hoa Nghiêm cũng không có cách nói như vậy. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng [hàng Pháp Thân đại sĩ] phải cầu sanh Tịnh Độ thì mới có thể đạt đến viên mãn rốt ráo. Đối với bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị có thể nói là các Ngài chẳng có thần thông tự tại ư? Có, nhưng chưa viên mãn. Viên mãn là địa vị nào vậy? Chính là phải thành Phật, Phật quả rốt ráo mới là viên mãn.

Do vậy, chúng ta thường thấy kinh nhắc tới ba thứ Bất Thoái ấy, nhưng phải đặc biệt chú ý “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”. “*Đều là A Bệ Bạt Trí*” tức là đã viên chứng ba thứ Bất Thoái. Có chữ Viên thì sao? Đối với chữ Viên thì mức độ thấp nhất là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng khác gì quả địa Như Lai mới gọi là Viên. Do quả thật là như thế, chúng ta phải chết sạch lòng so đo, khẳng khẳng tin tưởng, chớ nên có mảy may hoài nghi. Hoài nghi thì trong tương lai sẽ bỏ lỡ cơ duyên này, đó là [lỗi lầm] của chính mình, chứ không phải do Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát, tổ

sư chẳng có lỗi gì, các Ngài đã nói rõ ràng, rành mạch, nhưng chúng ta không tin tưởng, tự mình hoài nghi, tức là chính mình có nghiệp chướng, các Ngài chẳng chướng ngại chúng ta, chính chúng ta chướng ngại chính mình. Chúng ta chẳng thành tựu, đừng trách móc người khác!

(Sớ) Thị vi đệ tam thắng phương tiện.

(疏) 是為第三勝方便。

(Sớ: Đây là phương tiện thù thắng thứ ba).

Chẳng cần tu các hạnh khác mà có thể viên mãn Lục Độ Ba La Mật. Nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự tiếp nhận, phước báo của quý vị quá lớn, trong đời này quyết định thành tựu. Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng tới đoạn này!

Tập 55

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bảy mươi hai:

(Sớ) Đắc tột giải thoát giả, Trí Luận vân: “Hữu chư Bồ Tát, tự niệm báng Đại Bát Nhã, đọa ác đạo trung, lịch vô lượng kiếp, tuy tu đư hạnh, bất năng diệt tội, hậu ngộ tri thức, giáo niệm A Di Đà Phật, nãi đắc diệt chướng, siêu sanh Tịnh Độ”.

(疏) 得疾解脫者，智論云：有諸菩薩，自念謗大般若，墮惡道中，歷無量劫，雖修餘行，不能滅罪，後遇知識，教念阿彌陀佛，乃得滅障，超生淨土。

(Sớ: “Mau chóng được giải thoát”: Trí Độ Luận nói: “Có các Bồ Tát tự nghĩ mình hủy báng Đại Bát Nhã, đọa vào trong ác đạo, trải vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh nhưng chẳng thể diệt tội; sau đây gặp tri thức dạy họ niệm A Di Đà Phật, bèn diệt được chướng, siêu sanh Tịnh Độ).

Đại sư trích dẫn một đoạn công án trong Đại Trí Độ Luận nhằm thuyết minh sức diệt tội giải thoát lớn nhất, hiệu quả rõ ràng nhất cũng là do niệm Phật. Hiện thời có rất nhiều người chẳng hiểu rõ đạo lý này,

chẳng tin niệm Phật có công đức to lớn. Tuy niệm Phật nhưng cũng chẳng tương ứng, [vì] người ấy thiếu tín tâm! Tu các pháp môn khác có thể diệt tội hay không? Rất nhiều vấn đề, hoặc là chính mình tu, hoặc quý vị quán sát người khác tu học, quý vị thấy rốt cuộc là có thể diệt tội hay không? Thật ra, tội từ tâm sanh; do lẽ này, tội vẫn là từ tâm diệt. Nếu tâm có ý niệm bèn là có tội, diệt tội phải nhờ vào tâm. Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói rất nhiều, [mà quý vị cũng] đọc quá nhiều rồi, tâm chẳng thanh tịnh bèn sanh ra “tội nghiệt” (mầm mống tội chướng). Nếu tâm thanh tịnh, sẽ diệt tội, diệt chướng. Nói thật ra, đạo lý này hoàn toàn chẳng khó hiểu.

Chúng ta hãy suy nghĩ: Phải làm sao để tâm được thanh tịnh? Nói thật ra, niệm Phật khiến cho tâm ta có thể chuyên nhất, được thanh tịnh, thù thắng hơn hết thảy các pháp môn khác. Vẫn có những kẻ nói: “Niệm Phật luôn luôn là niệm một câu A Di Đà Phật, niệm lâu ngày sẽ không có ý nghĩa gì hết!” Kẻ ấy bèn giải đãi, chẳng muốn niệm nữa. Đây là chưa hiểu rõ đạo lý! Chúng ta niệm Phật, tác dụng là ở chỗ nào? Tác dụng [của niệm Phật] là tâm thanh tịnh. Trong tâm chỉ cần vừa khởi ý niệm, bất luận thiện niệm hay ác niệm, chỉ cần có ý niệm, ta liền nhanh chóng thay nó bằng A Di Đà Phật, đó là đúng.

Đúng như cổ đức đã nói: “*Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm). Giác là gì? Đổi thành A Di Đà Phật là giác. Chẳng niệm A Di Đà Phật thì đều là vọng tưởng, đều là vọng niệm. Không chỉ hết thảy các pháp trong thế gian này đều là vọng niệm, mà ngay cả trong Phật pháp cũng có rất nhiều vọng niệm. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Do vậy, tác dụng của niệm Phật là không gì chẳng nhằm tiêu trừ vọng niệm mà thôi! Do vọng niệm chẳng ngừng, cho nên Phật hiệu chẳng thể gián đoạn. Hễ Phật hiệu gián đoạn, vọng niệm lại dấy lên.

(Diễn) Trí Luận trung tội tức thị chướng.

(演) 智論中罪即是障。

(Diễn: Theo Trí Độ Luận, tội tức là chướng).

Đại Trí Độ Luận viết: “*Tội tức thị chướng*”, [nghĩa là] tội chính là chướng.

(Diễn) Dĩ tội năng chướng đạo.

(演) 以罪能障道。

(Diễn: Vì tội có thể chướng ngại đạo).

“Đạo” là gì? Là nhất tâm. Quý vị phải nhớ điều này: Đạo là gì? Tâm thanh tịnh là đạo. Nhất tâm bất loạn là đạo. Tội có thể chướng ngại đạo! Tội nghiệp dấy lên, tâm sẽ chẳng thanh tịnh, tâm chẳng chuyên nhất.

(Diễn) Cố phục vân chướng dã.

(演) 故復云障也。

(Diễn: Cho nên lại nói là “chướng”).

Tội chính là chướng.

(Diễn) Thử niệm Phật nãi đắc diệt giả.

(演) 此念佛乃得滅者。

(Diễn: Chướng này do niệm Phật bèn được diệt trừ).

Đây là trích dẫn một đoạn văn trong Đại Trí Độ Luận; trước tiên, chúng tôi giới thiệu ý nghĩa của đoạn văn này. Ở đây, chẳng phải là kẻ tầm thường, mà là hàng Bồ Tát, “hữu chư Bồ Tát” (có các Bồ Tát), đương nhiên các vị Bồ Tát này chẳng phải là Ma Ha Tát, chẳng phải là đại Bồ Tát. Nói thông thường thì là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, hoặc Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên Giáo. Bồ Tát tự suy nghĩ: Trong quá khứ, [chính mình đã] “báng Đại Bát Nhã, đọa ác đạo trung, lịch vô lượng kiếp, tuy tu dư hạnh, bất năng diệt tội” (hủy báng Đại Bát Nhã, đọa trong ác đạo, trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh khác, nhưng chẳng thể diệt tội). Nếu tội diệt, người ấy sẽ kiến tánh. Sở dĩ hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín chưa thể chứng nhập Sơ Trụ, hàng Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo chưa thể đăng địa, nguyên nhân là ở chỗ này. Người niệm Phật chúng ta tuy niệm Phật, nhưng chưa thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn thì cũng giống như vậy, có cùng một nguyên nhân! Lý nhất tâm bất loạn thì mới phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Đó là “tội diệt”. Nếu không, sẽ là chướng đạo, chướng ngại Lý nhất tâm bất loạn. Tu các pháp môn khác, không có cách nào thành tựu, chẳng thể diệt tội! Quý vị có thể đắc Định, vượt thoát tam giới, sanh tử, luân hồi, nhưng chưa thể kiến tánh, chưa

thể phá vô minh. Nói cách khác, dấu công phu tu tập tốt đẹp đến mấy đi nữa, bất quá cũng chỉ bằng với A La Hán, Bích Chi Phật; công phu đoạn chứng⁸⁰ đạt đến mức đó là cùng, kể như đã rất khá rồi!

Dùng phương pháp nào để có thể nhanh chóng diệt tội, trừ chướng, hòng minh tâm kiến tánh? Đại Trí Độ Luận cho biết: Sau này, những vị Bồ Tát ấy gặp thiện tri thức dạy họ niệm A Di Đà Phật. Quý vị phải biết: Phạm người nào có thể dạy quý vị niệm A Di Đà Phật, người ấy là chân thiện tri thức, chẳng giả tí nào. Ai dạy quý vị tu các pháp môn khác, chẳng thể coi người ấy là chân thiện tri thức được! Vì sao? Trong một đời này, quý vị chẳng thể thành tựu; dạy quý vị niệm A Di Đà Phật, quý vị quyết định có thể thành tựu trong một đời này. Đây là thiện tri thức thật sự. Nhưng tuy gặp được thiện tri thức thật sự, thường là chính mình chẳng tin tưởng, vậy là không có cách nào hết! Phải tự trách chính mình thiện căn, phước đức, nhân duyên chưa đầy đủ. Kinh nói rất hay: Pháp môn này “*chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”. Nói cách khác, phạm là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngay cả kẻ Hạ Phẩm Hạ Sanh, cũng đều là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nhân duyên là gặp được thiện hữu khuyến quý vị niệm Phật, quý vị chịu tiếp nhận, chịu tin tưởng, chịu y giáo phụng hành, đó là quý vị có nhiều thiện căn, lắm phước đức. Nếu chẳng tin tưởng, tức là chẳng có thiện căn, chẳng chịu niệm Phật; đây là thiếu phước! Làm như vậy thì người ấy mới có thể diệt tội, diệt chướng, “*siêu sanh Tịnh Độ*”.

Quý vị đọc đoạn văn này trong Đại Trí Độ Luận, hãy quay lại, nghĩ xem kinh Hoa Nghiêm có bao giờ chẳng phải là như vậy hay không? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, cũng là khuyến các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng hải hội cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị dẫn đầu. Hai vị đại Bồ Tát dẫn dắt [đại chúng phát nguyện] cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, vì sao? Là để diệt tội, phá căn bản vô minh, chúng Vô Thượng Bồ Đề! Quý vị mới hiểu sự thù thắng của pháp môn này, thật sự là thù thắng khôn sánh! Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền chẳng khuyến các vị Bồ Tát tham Thiền, chưa hề thấy, chưa thấy Văn Thù và Phổ Hiền bảo mọi người hãy trì chú học Mật, chưa hề thấy! Chúng ta chỉ thấy Văn Thù và Phổ Hiền bảo mọi người hãy niệm

⁸⁰ Đoạn chứng: Đoạn vọng tưởng phiền não, chứng đắc quả thù thắng (theo Phật Học Đại Từ Điển).

Phật, chúng ta thấy điều này trong hội Hoa Nghiêm. Nếu quý vị chẳng tin tưởng niệm Phật thì không có cách nào hết! Đây chính là căn bản pháp luân của đức Phật, hiển thị cảnh giới thù thắng trang nghiêm như thế cho chúng ta thấy. Chúng ta thấy rồi phải giác ngộ. Thấy xong, phải nên chọn lựa pháp môn này, chớ nên làm loạn! Trong chú giải, [có giải thích] vì sao Niệm Phật có thể diệt tội?

(Diễn) Bỉ Phật hữu bất tư nghị oai thần lực cố, bất tư nghị đại nguyện lực cố.

(演) 彼佛有不思議威神力故， 不思議大願力故。

(Diễn: Vị Phật ấy có sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn, có đại nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn).

Chữ “bỉ Phật” chỉ A Di Đà Phật. A Di Đà Phật nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, thần thông chẳng thể nghĩ bàn, các thứ phương tiện thiện xảo đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, Ngài có công đức thù thắng dường ấy.

(Diễn) Cố thử niệm A Di Đà Phật, tức Đại Bát Nhã.

(演) 故此念阿彌陀佛， 即大般若。

(Diễn: Do điều này, niệm A Di Đà Phật chính là Đại Bát Nhã).

Người ấy trước kia hủy báng Bát Nhã, tạo nghiệp báng pháp ấy. Đã báng Pháp, đương nhiên sẽ báng Phật, vì Pháp do đức Phật nói. Không chỉ báng Phật, mà đồng thời cũng báng Tăng. Vì sao? Có không ít người chiếu theo pháp môn ấy để tu hành. Quý vị báng Pháp, đương nhiên cũng báng bỏ những người tu hành [pháp môn ấy]. Do vậy, gọi là “hủy báng Tam Bảo”. Tội ấy hết sức nặng, dẫn chịu tội trong ác đạo đã mãn hạn, thoát ra, trong A Lại Da Thức tội nghiệp ấy vẫn chưa hoàn toàn tiêu sạch, chưa tẩy xóa hết. Dùng phương pháp Niệm Phật mới có thể đạt được thanh tịnh. “Niệm A Di Đà Phật, tức Đại Bát Nhã” (niệm A Di Đà Phật chính là Đại Bát Nhã). Nhìn từ ý nghĩa của danh hiệu, chúng ta thấy A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, Giác là Bát Nhã. Giác là không mê; hễ mê bèn có tội chướng. Giác ngộ rồi, tội chướng tiêu trừ. Vì vậy, chúng ta niệm Phật chính là tu pháp môn Đại Bát Nhã.

Thiền Tông Trung Quốc, đặc biệt là chi phái do ngài Đạt Ma truyền sang, hoàn toàn tu Bát Nhã Ba La Mật. Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh sẽ biết ngay. Tuy gọi là Thiền Tông, hoàn toàn chẳng phải là tu Thiền Định trong Lục Độ, mà là tu Bát Nhã Ba La Mật trong Lục Độ. Về sau, Lục Tổ hoàn toàn lấy kinh Kim Cang làm tông chỉ, lấy hai câu trong kinh Kim Cang: “*Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động*” [làm tông chỉ]. Quý vị hãy nghĩ xem: Điều này có khác gì chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật hay không? Nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật, chẳng phải là tu Đại Bát Nhã thì là tu cái gì? So với Thiền Tông, còn thuận tiện hơn, còn thiện xảo hơn! Tiếp theo đó là nêu tỷ dụ:

(Diễn) Như nhân tòng địa đảo, hoàn tòng địa khởi dã, thử tật đắc giải thoát chi nhất chứng.

(演) 如人從地倒，還從地起也，此疾得解脫之一證。

(Diễn: Như người do đất mà ngã, vẫn phải từ đất mà đứng dậy. Đây chính là một chứng minh cho [điều khẳng định] “mau được giải thoát”).

Đây là chứng minh thứ nhất. Niệm Phật dễ dàng nhất, nhanh chóng đạt đến giải thoát nhất, vượt thoát lục đạo sanh tử luân hồi.

(Sớ) Hựu Thập Trụ Đoạn Kết Kinh vân: “Thị thời tọa trung, hữu tứ ức chúng, tự tri tử thử sanh bỉ, khiên liên bất đoạn, dục vi chi nguyên, nhạo sanh vô dục quốc độ, Phật ngôn: - Tây Phương khứ thử vô số quốc độ, hữu Phật danh Vô Lượng Thọ. Kỳ độ thanh tịnh, vô dâm, nộ, si, liên hoa hóa sanh, bất diêu phụ mẫu. Nhữ đương sanh bỉ”. Cổ Đại Bản vân: “Bồ Tát dục linh chúng sanh tốc tật an trụ Vô Thượng Bồ Đề giả, ưng đương khởi tinh tấn lực, thính thử pháp môn”.

(疏) 又十住斷結經云：是時座中，有四億眾，自知死此生彼，牽連不斷，欲為之源，樂生無欲國土。佛言西方去此無數國土，有佛名無量壽，其土清淨，無淫怒痴，蓮華化生，不繇父母，汝當生彼。故大本云：菩薩欲令眾生速疾安住無上菩提者，應當起精進力，聽此法門。

(*Sớ*: Lại nữa, *Thập Trụ Đoạn Kết Kinh* chép: “*Hiện diện [trong hội giảng kinh] khi ấy có bốn ức người tự biết chết đây, sanh kia, đây dựa chẳng dứt, mà dục là cội nguồn, [nên họ] thích sanh về cõi vô dục. Đức Phật dạy: ‘Ở phương Tây, cách đây vô số cõi nước, có vị Phật tên là Vô Lượng Thọ, cõi nước của Ngài thanh tịnh, không có dâm, giận, si, hóa sanh trong hoa sen, chẳng do cha mẹ [sanh ra], các ông nên sanh về đó’. Vì thế, kinh Đại Bản nói: “Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh mau chóng an trụ nơi Vô Thượng Bồ Đề, hãy nên dấy lên sức tinh tấn, nghe [ta giảng] pháp môn này”*).

Đây là một đoạn kinh văn của *Thập Trụ Đoạn Kết Kinh*⁸¹. Bốn ức người đều là những vị đắc thần thông, đều có Túc Mạng Thông, đối với sanh tử luân hồi, quá khứ, hiện tại, vị lai, họ thấy rất rõ ràng, sự luân hồi ấy vĩnh viễn không ngừng nghỉ, do nguyên nhân nào tạo thành hiện tượng ấy? Tiếp đó, kinh văn chép: “*Dục chi vi nguyên*” (Dục là nguồn cội). Dục là Ngũ Dục: Tài, sắc, danh, vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Trong kinh Phật thường nói: Tài, sắc, danh, vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là năm cội rễ của địa ngục. Quý vị chỉ có một điều [trong những điều ấy], sẽ chẳng thể thoát luân hồi được! “*Tử thử, sanh bỉ*” (Chết đây, sanh kia) là nói về lục đạo luân hồi, chết trong đường này, sanh trong đường kia, chết trong đường kia, lại sanh vào đường khác, sanh sanh, tử tử vĩnh viễn chẳng xong, “*khiên liên bất đoạn*” (dây dưa không ngắt), cội nguồn là vì tham luyến Ngũ Dục.

Chúng ta lại nói tới những người tu đạo, Tiểu Thừa hay Đại Thừa đều không ra khỏi tam giới, vẫn luân hồi trong lục đạo là do nguyên nhân nào? Những người tu đạo ấy chẳng nhiễm Ngũ Dục Lục Trần thế gian, nhưng vì sao vẫn sanh tử luân hồi? Trong kinh, đức Phật có dạy: Lỗi lầm của họ là những sai trái về mặt kiến giải. Người thế gian có Ngũ Dục, đó là căn bản sanh tử. Người học Phật chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới là do có kiến giải sai trái: Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến. Quý vị cần phải biết, hai thứ kiến giải này thuộc về Kiến Hoặc. Kiến

⁸¹ *Thập Trụ Đoạn Kết Kinh* có tên gọi đầy đủ là *Tối Thắng Văn Bồ Tát Thập Trụ Trụ Cầu Đoạn Kết Kinh* gồm ba mươi ba phẩm do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần. Trong kinh này, đức Phật Thích Ca ngự tại Kỳ Viên, phóng quang chiếu suốt mười phương pháp giới. Lúc ấy từ phương Đông có Cháp Chí Thông Huệ Bồ Tát và năm vạn Bồ Tát vây quanh đến nơi đây nghe pháp. Trong số ấy, có một vị Bồ Tát tên là Tối Thắng Bồ Tát bèn hỏi Phật pháp yếu. Thích Ca Mâu Ni Phật bèn dùng pháp *Thập Trụ* để đáp.

Hoặc chưa trừ thì người Tiểu Thừa chẳng thể chứng Sơ Quả, [tức là] chẳng thể chứng đắc quả Tu Đà Hoàn. Nếu nói theo phía Viên Giáo Đại Thừa, hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín đã đoạn Kiến Hoặc. Nói cách khác, [người chưa đoạn Kiến Hoặc] vẫn ở ngoài địa vị Thập Tín, chưa chứng đắc Sơ Tín.

Hai thứ kiến giải này: Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi tu nhân; Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi quả báo. Có những thành kiến ấy, nhất định sanh ra tranh chấp, nhất định có hủy báng, giống như các vị Bồ Tát được nhắc đến trong phần trên, vì sao họ hủy báng Bát Nhã? Là do có hai thứ sai lầm về kiến giải này. Kẻ tu Thiên hủy báng người học Giáo, kẻ học Hiền Giáo hủy báng người học Mật; kẻ học Mật hủy báng người học Hiền Giáo, cho rằng học Hiền Giáo chẳng thể thành công, tam mật gia trì “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong cái thân hiện đời). Họ tin họ sẽ tức thân thành Phật, đây là Kiến Thủ Kiến. Họ tin chỉ có Mật Tông mới có thể thành tựu, những pháp môn khác đều chẳng thể thành tựu; đó là Giới Thủ Kiến. Chỉ cần có hai thứ kiến giải này tồn tại, chuyện gì cũng chẳng thể thành tựu, vẫn phải sanh tử luân hồi y như cũ, chuyện này phiền phức lắm! Do vậy, người học đạo phải trừ khử Kiến Hoặc, người không học đạo phải ly dục thì mới có thể vượt thoát sanh tử luân hồi. Chỉ cần có một thứ nào trong Dục và Kiến chưa buông xuống được, sẽ chẳng thể vượt thoát sanh tử luân hồi, chúng ta phải nên hiểu điều này!

Bốn ức người thông minh thấy chân tướng sự thật này, muốn sanh vào một cõi nước vô dục, có thể tìm một nơi nào không có Ngũ Dục lục trần, nơi ấy tốt lắm, chúng ta chẳng tạo tội nghiệp nữa. Họ có ý nghĩ ấy, đức Phật liền bảo họ: “*Tây Phương khứ thử vô số quốc độ*” (Ở Tây phương cách đây vô số cõi nước). Kinh Di Đà bảo là [cõi Cực Lạc cách Sa Bà] mười vạn ức cõi Phật. “*Vô số*” là một con số lớn, là một nơi khá xa xôi. Nơi ấy “*hữu Phật danh Vô Lượng Thọ*” (có Phật hiệu Vô Lượng Thọ), tức là A Di Đà Phật. “*Kỳ độ thanh tịnh, vô dâm, nộ, si*” (cõi ấy thanh tịnh, không có dâm, giận, si), chúng ta thường nói “*dâm, nộ, si*” là tham, sân, si. Chúng sanh nơi ấy không có Tam Độc, [tức là] không có tham, sân, si. Trong tâm chúng sanh không có tham, sân, si, quý vị nghĩ xem: Xã hội của họ thanh tịnh lắm! Tất cả hết tẩy tội chướng đều sanh từ tham, sân, si; không có tham, sân, si thì trong xã hội ấy không có người tạo tội, không có kẻ làm ác. Do vậy, gọi là “*chư thượng thiện nhân*”. Không tham, sân, si là thiện, là thiện nhân, hướng hồ lại theo A

Di Đà Phật học Phật, nên gọi là “*thượng thiện*”. Bởi đó, Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là thượng thiện nhân.

“*Liên hoa hóa sanh, bất diêu phụ mẫu*” (hóa sanh trong hoa sen, chẳng do cha mẹ sanh thành): Chúng ta có được cái thân này thì cha mẹ là duyên. Không có cha mẹ làm Tăng Thượng Duyên, chúng ta chẳng thể có thân người. Thế giới Tây Phương không cần, thế giới Tây Phương là liên hoa hóa sanh. Chúng ta có cần vay mượn hoa sen hay chẳng? Không cần! Chúng ta ở nơi đây sanh một niệm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao bầy báu nơi thế giới Cực Lạc liền trở một đóa sen, tự tại lắm! Chẳng phải là mượn hoa sen của người khác để sanh vào cõi ấy, mà là hoa sen của chính mình. Khởi tâm động niệm ở nơi đây, trong ao bầy báu liền có hoa sen. Nếu quý vị tín tâm rất kiên cường, nguyện rất thiết tha, niệm rất siêng năng, hoa sen ấy ngày càng lớn, ánh sáng và màu sắc ngày một tốt đẹp. Nếu quý vị ngã lòng, hoặc đổi sang học pháp môn khác, chẳng niệm Phật nữa, mà tham Thiên, học Mật, hoa sen ấy sẽ dần dần chết khô, không còn nữa! Vì thế, liên hoa hóa sanh là hoa sen do cái tâm của chính mình biến hiện ra, chứ không do ai khác, mà cũng chẳng phải do A Di Đà Phật trồng đóa sen ấy ban cho quý vị. Chẳng phải vậy! Chân thật là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, là cảnh giới được biến hiện bởi tự tánh. Đức Phật khuyên họ “*nhữ đương sanh bỉ*” (các ông hãy nên sanh về đó), khuyên những người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đoạn kinh này trích từ Thập Trụ Đoạn Kết Kinh.

“*Có Đại Bản vân*” (vì thế, kinh Đại Bản nói): Lại trích dẫn kinh. Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ chép: “*Bồ Tát dục linh chúng sanh tốc tạt an trụ Vô Thượng Bồ Đề giả*” (Bồ Tát muốn cho chúng sanh mau chóng an trụ Vô Thượng Bồ Đề), Bồ Tát luôn đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, mong chúng sanh ai nấy mau chóng thành tựu. Không chỉ muốn thành tựu, mà còn hy vọng họ có thể thành tựu viên mãn rốt ráo. Thành tựu viên mãn rốt ráo là Vô Thượng Bồ Đề. Phải như thế nào thì mới đạt được mục đích ấy? “*Ung đương khởi tinh tấn lực thính thử pháp môn*” (Hãy nên dấy lên sức tinh tấn nghe pháp môn này). Ở đây đặc biệt chú trọng nơi nghe, vì sao? Nếu chẳng hiểu rõ ràng, thấu triệt lý luận, chẳng rõ phương pháp, chẳng nhận biết cảnh giới, quý vị chẳng tránh khỏi thoái chuyển nơi pháp môn này, quý vị thấy các cảnh giới khác cũng chẳng tránh khỏi động tâm, như vậy thì sẽ chẳng thể thành tựu nơi pháp môn này. Do vậy, nhất định phải hiểu rõ ràng lý luận, phương pháp, cảnh giới; sau đấy quý vị mới thật sự chịu chết sạch so đo,

khăng khăng thâm nhập một môn, quyết định thành tựu trong một đời này!

(Diễn) *Thập Trụ Đoạn Kết Kinh* trung, tử tử sinh tử, giai nhân dục cố.

(演) 十住斷結經中，死此生彼，皆因欲故。

(Diễn): Trong kinh *Thập Trụ Đoạn Kết* có nói: Chết đây sinh kia đều vì lòng dục).

Đều vì Ngũ Dục Lục Trần.

(Diễn) *Tây Phương vô dục, cố đốn siêu sinh tử, tử tận đắc giải thoát chi nhị chứng.*

(演) 西方無欲，故頓超生死，此疾得解脫之二證。

(Diễn): *Tây Phương không có dục, nên nhanh chóng vượt thoát sinh tử. Đây là chứng minh thứ hai cho sự giải thoát nhanh chóng).*

Đây là chứng minh thứ hai.

(Diễn) *Khởi tinh tấn lực thính thử pháp môn giả, thính pháp hữu tam: Nhĩ thính, tâm thính, cập ư thân thính.*

(演) 起精進力聽此法門者，聽法有三：耳聽、心聽及於神聽。

(Diễn): “*Dấy lên sức tinh tấn nghe pháp môn này*”: Nghe pháp có ba loại: Nghe bằng tai, nghe bằng tâm thức, và nghe bằng chân tâm).

Tuy đều đang nghe, nhưng mỗi người sử dụng cái tâm khác nhau. “*Nhĩ thính*” là nghe như gió thoảng qua tai, nghe là nghe vậy, nghe xong rồi thôi, chẳng có ấn tượng gì, đó gọi là “*nhĩ thính*”. Người ấy chẳng nhớ, cũng chẳng liễu giải ý nghĩa, càng chẳng nói tới chuyện y giáo phụng hành. “*Tâm thính*” là thật sự dùng tâm, nghe xong có thể ghi nhớ, có thể tư duy những đạo lý đã được kinh nói tới, có thể thành tựu. Cuối cùng là “*thần thính*”.

(Diễn) Hạ sĩ nhĩ thính, như phong quá nhĩ, trung sĩ tâm thính, phả năng giải nghĩa, thượng sĩ thân thính, thâm ngộ Thật Tướng.

(演) 下士耳聽，如風過耳；中士心聽，頗能解義；
上士神聽，深悟實相。

(Diễn: Kẻ căn cơ bậc hạ nghe bằng tai, như gió thoảng qua tai, người căn cơ bậc trung chú tâm nghe, khá hiểu ý nghĩa; người căn cơ bậc thượng nhất tâm nghe, ngộ Thật Tướng sâu xa).

Kinh chú trọng nơi “*thần thính*”. Thần thính và tâm thính có khác nhau hay chẳng? “*Tâm*” là tâm ý thức, chúng ta thường nói “chú ý nghe”, tức là Ý Thức chuyên chú, nhằm bảo quý vị đừng “nghe tai nọ lọt qua tai kia”, đừng nghe như gió thoảng qua tai mà hãy chú ý! Bình thường khi chúng ta không chú ý, tai tuy cũng nghe, nhưng nghe không rõ ràng, đây là điều đích xác. Khi tôi mới học Phật, lúc ấy còn đang đi làm, tôi ở tại Bắc Đầu, đến Đài Bắc nghe kinh phải ngồi xe lửa. Buổi tôi trở về, thấy xe lửa còn nửa tiếng nữa mới tới, bèn ngồi chờ trên băng ghế dài ở phía sau ga xe lửa. Đường rầy ở ngay sau đó, cách một tấm ván, cửa sổ đều mở toang ra, nửa giờ hãy còn sớm mà! Chúng tôi mang theo kinh, đọc tại đó, chú ý xem kinh, chẳng chú ý nghe tiếng xe lửa. Xem kinh một chốc, nhìn thấy đã đến giờ rồi mà sao xe lửa vẫn chưa tới? Người trong ga bảo tôi: “Xe lửa vừa mới đến, lại chạy mất rồi!” Thế mà tôi không biết! Vì sao? Không chú ý! Tôi tin rằng các vị cũng đã từng gặp tình cảnh như vậy. Không chú ý! Không chú ý nhìn thì tuy có nhìn nhưng chẳng thấy rõ; chẳng chú ý nghe, tuy có nghe, âm thanh của xe lửa to như thế mà trọn chẳng nghe! “*Tâm thính*” chính là chú ý nghe.

“*Thần thính*” là gì? Thần thính là nhất tâm lắng nghe, càng tuyệt diệu hơn nữa! Tức là bỏ đi cái tâm ý thức, lìa tâm ý thức. Tham Thiền phải lìa tâm ý thức để tham, nghe kinh cũng lìa tâm ý thức để nghe. Như vậy là cao minh! Nếu quý vị biết nghe, nói thật ra, biết nói chẳng bằng biết nghe. Nói thật ra, có thể dùng nhất tâm để nghe, dù người nói là tốt hay xấu cũng chẳng sao cả! Nhưng nếu quý vị “*tâm thính*” (nghe bằng tâm ý thức), thì người nói là tốt hay xấu sẽ có ảnh hưởng rất lớn. Đây là vì công phu của quý vị chưa đạt đến mức [đắc lực], nên cần có thiện tri thức giúp đỡ, làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị. Nếu chính mình nhất tâm, cảnh giới bên ngoài chẳng quan trọng nữa! Vì sao? Quý vị nhất tâm nghe, nhất tâm là chân tâm. Quý vị sử dụng chân tâm. Trong cảnh giới,

không gì chẳng phải là “trải qua sự việc để luyện tâm”. Luyện điều gì? Luyện sử dụng chân tâm. Như vậy thì mới có thể đắc Thật Tướng. “Thâm ngộ Thật Tướng” (ngộ Thật Tướng sâu xa). Nhà Thiền gọi [thâm ngộ] Thật Tướng là “kiến tánh, minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ nói “thâm ngộ Thật Tướng”, còn người niệm Phật gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”, có thể chứng Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Kim ngôn tinh tấn thính pháp, thị bất dĩ duyên tâm thính pháp, dĩ thần thính dã.

(演) 今言精進聽法，是不以緣心聽法，以神聽也。

(Diễn: Nay nói “tinh tấn nghe pháp” thì chẳng phải là dùng cái tâm phan duyên để nghe pháp, mà là dùng nhất tâm để nghe).

“Duyên tâm” là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Thức thứ sáu tức Ý Thức và thức thứ bảy (Mạt Na Thức) đều là “duyên tâm”, tức là cái tâm phan duyên (nắm níu): Dùng Ý Thức duyên theo Thanh Trần. Đây là nói rõ ba cách nghe!

Do đây, có thể biết rằng: Chẳng thấu triệt Giáo là không được! Thứ tự tu học trong những pháp môn khác nhất định phải là Tín, Giải, Hành, Chứng, chẳng thể lâm loạn! Thế nhưng pháp môn này đặc biệt; nếu quý vị tin tưởng, sẽ có thể gộp chung Giải và Hành, không cần phải [theo thứ tự] trước sau, chẳng có trước sau. Đây là chỗ thuận tiện của pháp môn này. Ta một mặt niệm Phật, niệm Phật là Hành. Ta tin tưởng, ta muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta hằng ngày niệm A Di Đà Phật, đó là Hành. Một mặt Hành, một mặt cầu Giải, tức là Giải và Hành đồng thời. Những pháp môn khác là “Giải trước, Hành sau”. Nếu không, quý vị chẳng Giải mà Hành sẽ là “tu mù, luyện đui”. Nhất định phải Giải trước rồi mới hiểu cách Hành ra sao. Dưới đây là tỷ dụ:

(Sớ) Thị tri nghĩ sơn phong thủy, trì tạt thiên thù.

(疏) 是知蟻山風水，遲疾天殊。

(Sớ: Do vậy biết: Con kiến trèo lên núi và thuyền đã thuận gió lại còn thuận nước, nhanh hay chậm khác biệt một trời một vực).

“Nghĩ sơn”: Nghĩ (蟻) là con kiến. Giống như con kiến trèo lên núi, trèo rất chậm chạp. “Phong thủy” là nói tới chuyện giông thuyền.

Chúng ta đi xa ngồi thuyền, thuyền buồm đã thuận gió, lại xuôi con nước, tốc độ hết sức nhanh chóng. Đây là tỷ dụ sự nhanh - chậm khác nhau. Nhanh và chậm sai khác một trời một vực, khác biệt quá lớn!

(Diễn) Nghĩ sơn phong thủy giả, Liên Tông Bảo Giám vân: “Đư môn học đạo, như nghĩ tử thượng w cao sơn”.

(演) 蟻山風水者，蓮宗寶鑑云：餘門學道，如蟻子上於高山。

(Diễn: “Nghĩ sơn phong thủy”: Sách Liên Tông Bảo Giám viết: “Học đạo trong các môn khác, như con kiến trèo lên non cao”).

Tu học các pháp môn khác, tu học thành công sẽ chậm chạp, giống như con kiến trèo lên núi cao, phải rất lâu mới trèo tới nơi.

(Diễn) Niệm Phật vãng sanh, tự phong phàm dương w thuận thủy.

(演) 念佛往生，似風帆揚於順水。

(Diễn: Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió, lướt theo con nước thuận).

Tốc độ hết sức nhanh chóng, rất nhanh chóng tới nơi. Cổ nhân có thơ rằng: “*Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn*” (Giang Lăng ngàn dặm một ngày về), tức là vừa thuận nước lại được thuận gió, một ngày có thể đi cả ngàn dặm. Trước kia, đó là tốc độ nhanh nhất.

(Sớ) Cổ vị dục đắc nhất sanh thủ biện, tiện w thị pháp lưu tâm, thị danh tối thắng đệ tứ phương tiện.

(疏) 古謂欲得一生取辦，便於是法留心，是名最勝第四方便。

(Sớ: Cổ nhân nói: “Muốn được thành tựu trong một đời thì phải lưu tâm nơi pháp này”. Đấy gọi là phương tiện tối thắng thứ tư).

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt chú ý câu nói này. Nếu quý vị thật sự muốn thành tựu trong một đời này, “*thủ biện*” là thành tựu. “Tôi

muốn đạt được, muốn lo liệu thỏa đáng” thì quý vị phải đặc biệt lưu ý phương pháp Tịnh Độ Niệm Phật này, chớ nên coi thường bỏ qua. Học các pháp môn khác, quả thật không được! Nếu quý vị không tin, hãy quan sát kỹ càng, tạm thời chúng ta không hỏi đến cổ nhân, hãy xem những người có thành tựu trong hiện tại, họ tu pháp môn nào? Pháp sư Quảng Khâm thuở trẻ tham Thiền, vì sao Ngài không nêu gương noi Thiền? Thiền không xong! Về sau Ngài vẫn phải quay lại chuyên tu Tịnh Độ, niệm A Di Đà Phật thì mới thành công. Đây là một trường hợp bày ra ngay trước mặt chúng ta gần đây nhất.

Lại nói đến thầy Lý ở Đài Trung, năm nay cụ đã chín mươi tám tuổi, năm ba mươi một tuổi cụ bắt đầu học Phật. Khi ấy, cụ ở Trung Quốc Đại Lục, thân cận không ít thiện tri thức. Ngài tham Thiền tám năm, được Thiền sư nổi danh ở Đại Lục chỉ dạy mà chẳng khai ngộ. Sau đấy, Ngài lại học Mật, theo học với các vị Hô Đồ Khắc Đồ⁸² Tây Tạng và Mông Cổ, chúng ta thường gọi họ là Hoạt Phật (Phật sống). Học Mật tám năm, cụ từng bảo chúng tôi: Cụ học hơn hai trăm pháp môn, học những thứ ấy quả thật hết sức nghiêm túc, lũ chúng ta chắc chắn chẳng thể sánh bằng. Học Mật tám năm chẳng tương ứng! Khi ở chung với các đồng học chúng tôi, trong Mật Tông có bài chú Ân Thân, cụ học chú ấy, cũng niệm tới mười vạn biến, chiếu theo phương pháp ấy tu tập. Cụ niệm chú ấy một lượt, hỏi chúng tôi còn thấy cụ hay không? Chúng tôi vẫn trông thấy cụ, [thần chú] chẳng linh rồi! Không có cách nào hết! Cụ cũng học Giáo mười mấy năm, những vị thầy chỉ dạy cụ đều là những

⁸² Hô Đồ Khắc Đồ (Xutugtu, Khutukhtu, Khutagt) là tiếng Mông Cổ, có nghĩa là “thánh giả”, là danh xưng để gọi các vị Lạt-ma cao cấp người Mông Cổ hoặc Tây Tạng sống trong các khu vực thuộc quyền quản trị của nhà Thanh, thường được coi là hóa thân của Phật, Bồ Tát, A La Hán theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng. Theo quy chế nhà Thanh, những Lạt-ma nào thuộc cấp bậc này đều được chép vào sổ bộ của viện Lý Phiên. Mỗi khi một Hô Đồ Khắc Đồ qua đời, các đệ tử tìm được một đứa trẻ mới “hóa thân” của vị Hô Đồ Khắc Đồ tiền nhiệm, phải được triều đình nhà Thanh phê chuẩn. Hai vị Hô Đồ Khắc Đồ nổi tiếng nhất của Mông Cổ là Triết Bố Tôn Đan Ba (Jetsundampa) cai quản vùng Bắc Mông Cổ và Chương Gia Hoạt Phật (ICang-skya Khutukhtu). Vị sau cai quản vùng Nam Mông Cổ và có quan hệ mật thiết với triều đình nhà Thanh. Chương Gia Hoạt Phật được coi là hóa thân của vị A La Hán Đạt Tôn (tức tôn giả Xa Nặc, người đánh xe ngựa của Thái Tử Tất Đạt Đa). Jetsumdamba Khutukhtu được coi là hóa thân của học giả Taranatha Anandagarbha (1575-1634) của Tây Tạng. Ngài Taranatha từng sang Mông Cổ truyền giáo và lập nhiều tu viện tại đây nên được coi như là một trong những vị tổ sư khai sáng của Phật giáo Mông Cổ.

nhà Phật học lừng lẫy thời đầu Dân Quốc. Cụ học Duy Thức với cụ Mai Quang Hy⁸³, thân cận rất nhiều thiện tri thức, nhưng đều chẳng thông suốt! Lãng phí thời gian nhiều năm, mà thuở ấy chính là thời đại hoàng kim [trong đời cụ], lúc tuổi còn trẻ. Cuối cùng, cụ gặp được pháp sư Ấn Quang, đúng là cứu mạng. Pháp sư Ấn Quang dạy cụ thật thà niệm A Di Đà Phật, cụ được thành tựu hoàn toàn do niệm Phật. Từ đấy trở đi, cụ bỏ sạch những pháp môn đã học, chuyên niệm A Di Đà Phật. Đây cũng là nêu gương cho chúng ta trong hiện tại!

Cụ tự nói cụ “sinh tử tự tại”, đương nhiên chẳng phải là gạt người. Nếu lừa dối người khác tức là đại vọng ngữ. Cụ học Phật kiên thành như thế, tuyệt đối chẳng thể phạm đại vọng ngữ, trên giảng đài, cụ công khai nói với mọi người: Cụ muốn đi lúc nào sẽ ra đi lúc ấy. Muốn ở lại bao nhiêu năm sẽ ở lại đời bấy nhiêu năm. Thành tựu vì đâu? Do niệm Phật mà thành tựu! Lũ học trò chúng ta nghe thầy nói lời này, hy vọng thầy trụ thế thêm vài năm nữa. Làm thế nào để giữ cụ trụ thế lâu hơn? Cụ trụ thế để giảng kinh, chẳng giảng kinh sẽ không trụ thế. Do vậy, các đồng học thương lượng, khi ấy chúng tôi có tám người, đề xướng, tôi là một trong số đó, thỉnh cụ giảng kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm giảng chưa xong, chắc là cụ sẽ chẳng tiện ra đi. Dùng cách này để giữ thầy nhiều năm nữa. Ngài thành tựu ước chừng năm bảy mươi mấy tuổi, thành tựu vào lúc ấy, sinh tử tự tại. Khi tôi theo học với lão nhân gia, cụ đã bảy mươi tuổi.

⁸³ Cụ Mai Quang Hy (1880-1947), tự Hiệt Vân, là một nhà Phật học nổi tiếng đầu thời Dân Quốc, sở trường về Duy Thức. Cụ Mai là cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, quê ở Nam Xương, tỉnh Giang Tây, thuở bé học Nho, từng đỗ kỳ thi Hương, rất được Tổng Đốc Hồ Quảng Trương Chi Đồng coi trọng, đề cử làm Giám Đốc trường Võ Bị. Cụ từng được ông Trương Chi Đồng gửi sang du học Nhật Bản, theo học tại trường Lục Quân Chấn Vũ, được huấn luyện thành sĩ quan chỉ huy. Sau khi tốt nghiệp, cụ lại học tại đại học Tảo Đạo Điền về ngành kinh tế chính trị. Cụ không màng công danh, do được người đồng hương là Khuê Bá Hoa khuyên giải, bèn theo học Phật với tiên sinh Dương Nhân Sơn, dốc sức nghiên cứu các bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận, Pháp Hoa, Tam Luận cũng như các kinh điển trọng yếu của các tông. Từ đấy, cụ chuyên học Phật, từng tuyên bố: “*Nếu chẳng phải sách Phật chẳng đọc, chẳng phải Phật hạnh chẳng làm*”. Cụ hợp tác chặt chẽ với Thái Hư đại sư trong phong trào chấn hưng Phật giáo, viết nhiều bài có giá trị cho tờ Hải Triều Âm. Những tác phẩm tiêu biểu của cụ là Tướng Tông Cương Yếu, Tướng Tông Cương Yếu Tục Biên, Đại Thừa Tướng Tông Thập Thắng Luận, Tướng Tông Sử Truyền Lược Lược, Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận Giải Lục Tập Chú, Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chương Duy Thức Chú v.v...

Do đây, có thể biết: Pháp môn Niệm Phật đúng là thành tựu trong một đời, điều này chẳng giả! Nếu quý vị chẳng tin, quý vị đã bỏ lỡ cơ hội trong một đời này. Đời này bỏ lỡ, mong có cơ hội này lần nữa trong tương lai chẳng dễ dàng đâu nhé! Vì thế, chính quý vị phải khéo phản tỉnh, sau khi chấm dứt một đời này, ta còn có thể được làm thân người trong đời sau hay chẳng? Đó là một vấn đề lớn! Dẫu đời sau được làm thân người, Phật giáo hiện thời đã rối loạn đường ấy, quý vị có thể gặp được một vị thiện tri thức chỉ dạy quý vị pháp môn Tịnh Độ hay chẳng? Dẫu có thể gặp gỡ, quý vị có chịu tin tưởng hay không? Quý vị có tiếp nhận hay không? Những câu hỏi lớn này đều là ẩn số, nghĩ đến [những điều ấy], quả thật đáng sợ lắm! Nếu muốn thành tựu, chắc chắn chẳng thể đợi đến đời sau, kiếp sau; nhất định phải thành công trong một đời này.

Nghe kinh không gì chẳng nhằm đoạn nghi sanh tín mà thôi! Nếu quý vị chẳng ngờ vực pháp môn này, thật sự sanh khởi tín tâm, kiên định, nghe kinh hay không nghe cũng không sao. Thật sự có thể thành công là do một câu A Di Đà Phật, bốn chữ thôi, đơn giản lắm! Do không buông xuống được, nên mới nghe kinh, không ngừng un đúc, dần dần thông hiểu đạo lý, thấy rõ ràng nên hay không nên buông xuống, vấn đề là như vậy đó! Do vậy, nhất định phải giác ngộ, phải cảnh giác, phải sốt sắng niệm. Đó là nhân duyên thứ hai. Lại xem điều thứ ba.

(Huyền Nghĩa) Tam, khích dương sanh tử phàm phu linh khởi hân yếm giả.

(玄義) 三、激揚生死凡夫令起欣厭者。

(Huyền Nghĩa: Ba là khích động hàng phàm phu sanh tử dấy lòng ưa chán).

Đây là lý do thứ ba khiến đức Phật nói bộ kinh Di Đà này. “*Khích*” (激) là khích động, Dương (揚) có nghĩa là cổ vũ, khích lệ. Khích động, cổ vũ bọn phàm phu sanh tử chúng ta biết chán lìa thế giới Sa Bà cực khổ, sanh lòng hâm mộ cõi Tây Phương thù thắng trang nghiêm. Vì thế, đức Phật nói ra pháp môn này.

(Huyền Nghĩa) Dĩ chư chúng sanh trầm mê tự tánh.

(玄義) 以諸眾生沈迷自性。

(Huyền Nghĩa: Do các chúng sanh trầm luân, mê mất tự tánh).

“Trầm” là trầm luân, “mê” là mê mất.

(Huyền Nghĩa) Cam thọ luân hồi, khoáng kiếp chí kim, tăng vô tỉnh lệ.

(玄義) 甘受輪迴，曠劫至今，曾無省勵。

(Huyền Nghĩa: Cam chịu luân hồi, từ bao kiếp đến nay, chưa từng tỉnh ngộ, gắng sức).

“Tỉnh” là phản tỉnh, “lệ” là cố gắng.

(Huyền Nghĩa) Cố thị khổ lạc lưỡng độ, viên khai Chiết Nhiếp nhị môn, khích chi dương chi, tử hân tử yếm, thắng tâm ký phát, tịnh nghiệp tư thành.

(玄義) 故示苦樂兩土，爰開折攝二門，激之揚之，俾欣俾厭，勝心既發，淨業斯成。

(Huyền Nghĩa: Vì thế, chỉ bày hai cõi khổ vui, bèn mở hai môn Chiết - Nhiếp, khích động, cổ vũ, khiến cho [chúng sanh] vui mừng, chán nhàm. Tâm thù thắng đã phát, Tịnh nghiệp bởi đó được thành tựu).

Lời văn không nhiều, nhưng ý nghĩa hết sức phong phú!

(Diễn) Khích dương sanh tử phàm phu giả, sanh nhi tử, tử nhi sanh.

(演) 激揚生死凡夫者，生而死，死而生。

(Diễn: “Khích động, cổ vũ hàng phàm phu sanh tử”: Sống rồi chết, chết rồi sống).

Đây là nói về sanh tử luân hồi, nói tới hiện tượng sanh tử nhọc nhằn.

(Diễn) Vạn kiếp thiên sanh, vô hữu cùng dĩ, cố danh sanh tử phàm phu.

(演) 萬劫千生，無有窮已，故名生死凡夫。

(Diễn: Muôn kiếp vạn đời chẳng có cùng tận, nên gọi là “sinh tử phàm phu”).

Trong kinh Phật thường nói “sinh tử bì lao” (sống chết mệt mỏi, nhọc nhằn), chẳng ngưng nghỉ, hết sức khổ. Kinh Địa Tạng nói người chết chưa đầy bốn mươi chín ngày lại đầu thai, đầu thai xong lại sanh, già, bệnh, chết. Chết rồi lại sanh, già, bệnh, chết, vĩnh viễn luân hồi chẳng ngưng nghỉ. Chỉ cần chẳng thoát khỏi luân hồi, nói chung, quý vị phải ghi nhớ: Sinh tử luân hồi mỗi lúc càng tệ hơn, đời sau chẳng bằng đời trước, đời sau khổ hơn đời trước. Vì sao biết? Chúng ta cũng chẳng cần nghĩ đến đời quá khứ, cũng chẳng cần suy xét đời vị lai, mà hãy suy nghĩ một đời này, quý vị sẽ hiểu ngay chân tướng sự thật ấy. Trong một đời, chúng ta khởi tâm động niệm đãi người tiếp vật là thiện nhiều hay ác nhiều? Nếu trong một đời khởi lên nhiều ác niệm, thấy lắm kẻ gai mắt, ít kẻ hợp nhãn, thiện niệm ít, đương nhiên quả báo đời sau sẽ là ác nhiều hơn thiện, khổ nhiều hơn vui, nhất định là như vậy! Hiện tại tạo tác cái nhân ra sao, đời sau sẽ mắc quả báo như thế ấy. Chúng ta từ vô lượng kiếp mãi cho đến nay, đời sau kém đời trước, chất chồng lại! Chúng ta cảm thấy đời này khổ sở, nếu chẳng thoát luân hồi, đời sau còn khổ hơn đời này, chỉ có một bề khổ sở hơn! Tuyệt đối chẳng có chuyện khổ mãi, đến cuối cùng sẽ được vui sướng, không có chuyện ấy đâu nhé! Sung sướng đến tột bậc sẽ biến thành đau thương, nhưng đau thương tột bậc chẳng sanh ra vui sướng, phải hiểu đạo lý này! Vì thế, chẳng thoát luân hồi, đúng là không thể [chịu đựng] được!

(Diễn) Khích giả, khích lệ.

(演) 激者，激勵。

(Diễn: “Khích” là khích lệ).

Kích thích, phát khởi chúng ta.

(Diễn) Linh nhân khởi yếm.

(演) 令人起厭。

(Diễn: Khiến cho con người sanh lòng chán ngán).

Biết thế giới này đáng sợ. Nỗi sợ hãi trong thế giới chẳng phải là vì hoàn cảnh hiện thời đáng sợ, mà là sanh tử đáng sợ. Đây là nỗi sợ hãi “hễ luân hồi trong thế gian này thì đời sau tệ hơn đời trước!”

(Diễn) Dương giả, cổ dương, linh nhân khởi hân.

(演) 揚者，鼓揚，令人起忻。

(Diễn: Dương là cổ vũ, tán dương, khiến cho con người dấy lòng hơn hờ).

[Chữ “dương”] mang ý nghĩa cổ vũ, khích lệ.

(Diễn) Trầm mê tự tánh giả, mê giả, hôn mê, trầm giả, mê chi cực dã. Tự tánh, tức chú trung bình đẳng pháp môn.

(演) 沈迷自性者，迷者，昏迷；沈者，迷之極也。

自性，即註中平等法門。

(Diễn: “Trầm mê tự tánh”: “Mê” là hôn mê, “trầm” là mê đến tột cùng. Tự tánh chính là pháp môn bình đẳng được nhắc tới trong lời chú giải).

Quý vị phải hiểu: Tâm bình đẳng là tự tánh. Hễ là người tu học Đại Thừa thì đều phải phát Bồ Đề tâm. Theo như Đại Thừa Khởi Tín Luận đã nói, Bồ Đề tâm thứ nhất là trực tâm. Đây chính là bản thể của Bồ Đề tâm. Thâm tâm và đại bi tâm đều là tác dụng của Bồ Đề tâm. Có Thể, có Dụng. Thông thường, đối với những danh từ này, chúng ta xem xong [cảm thấy] rất khó thấu hiểu! Do vậy, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói phương tiện, dùng cách nói hiện thời để nói thì trực tâm là gì? Chính là tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng là trực tâm. Thâm tâm là gì? Tâm thanh tịnh là thâm tâm. Đại bi tâm là tâm từ bi. Có thể đồng cảm với hết thấy chúng sanh, thương xót hết thấy chúng sanh, đó là đại bi tâm. Vì thế, đại bi tâm là tha thụ dụng của bình đẳng tâm, dùng để đãi người tiếp vật; còn tâm bình đẳng để chính mình hưởng thụ thanh tịnh, nhất tâm bất loạn. Do vậy, tâm bình đẳng là Thể.

Trong hết thấy cảnh giới, chúng ta đều thấy là bất bình đẳng. Tâm bất bình đẳng là vọng tâm. Bất bình đẳng chính là tâm phàm phu. Tâm bình đẳng là tâm Phật. Chúng ta đã học Phật, phải tu cái tâm bình đẳng trong hết thấy cảnh giới bất bình đẳng. Tu hành thì quý vị tu cái hạnh gì?

Trong tâm hạnh của chúng ta có những lầm lạc thì phải sửa đổi, đó gọi là tu hành. Tâm vốn là bình đẳng, nay nó bất bình đẳng thì bất bình đẳng là sai lầm. Nếu có thể hồi quang phản chiếu để khôi phục sự bình đẳng, đó gọi là “chân tu hành”. Dốc sức nơi nội tâm, đó là chân tu, tu bình đẳng nơi chỗ hết sức bất bình đẳng. Vì thế, tu học Phật pháp phải thực hiện từ nơi đâu? Nơi oán thân bình đẳng. Oán thân là một điều vô cùng bất bình đẳng, tu bình đẳng ở ngay nơi bất bình đẳng nhất. Đó là một phương pháp tốt đẹp!

“*Trầm mê tự tánh*”: Hiện thời mê mất cái vốn sẵn bình đẳng, biến thành bất bình đẳng; trong hết thấy các pháp, sanh tâm cao thấp, khởi tâm động niệm phân biệt, chấp trước, đây là trầm luân, mê muội đến tột cùng. Vì lẽ nào bị mê mất? Ở đây cũng có mấy câu giảng giải rõ ràng:

(Diễn) Do tối sơ nhất niệm vô minh, sanh khởi lục thô tam tế, toại tánh tâm thất chân, điên đảo hành sự, luân hồi thị trung, tự thủ lưu chuyển dã.

(演) 由最初一念無明，生起六粗三細。遂性心失真，顛倒行事，輪迴是中，自取流轉也。

(Diễn: Do một niệm vô minh lúc thoát đầu mà sanh khởi sáu tướng thô, ba tướng tế, cho nên tánh tâm mất đi sự chân thật, làm việc điên đảo, luân hồi ở trong ấy, tự mình giữ lấy sự lưu chuyển).

Luân hồi sanh tử trong lục đạo do chính mình tạo ra, do chính mình tạo tác, chính mình chịu khổ ở trong ấy. Tự làm, tự chịu. Đây là nói về cảnh giới hiện tiền của chúng ta và chân tướng của cuộc sống trong hiện tại.

Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta bộ kinh này, chỉ dạy chúng ta:

(Diễn) Thị khổ lạc lưỡng độ giả, vị Lạc Bang chi dữ khổ vực.

(演) 示苦樂兩土者，謂樂邦之與苦域。

(Diễn: “Chỉ bày hai cõi khổ vui”: Nói tới Lạc Bang và cõi khổ sở).

Chữ “*Lạc Bang*” chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới; chữ “*khổ vực*” chỉ thế giới Sa Bà hiện tiền của chúng ta.

(Diễn) Kim bảo chi dĩ nê sa.

(演) 金寶之與泥沙。

(Diễn: Vàng, chất báu và bùn, cát).

Nói về hoàn cảnh. Tây Phương Cực Lạc thế giới là bảy báu, còn đất ở cõi này là bùn, đất, cát, đá, chẳng thể sánh bằng. Đường sá của chúng ta trải nhựa đường, còn đường của người ta lát bằng vàng ròng. Thật sự nghĩ đến điều này, những thứ châu báu hoàng kim của quý vị sẽ đều bỏ hết, vì sao? Đến thế giới Cực Lạc, khó thể chấp nhận! Đó là những thứ người ta dùng để lót đường, quý vị quán lên cổ mang sang đó sẽ cảm thấy rất khó coi. Những thứ đó người ta dùng làm vật liệu xây dựng, là miếng gạch, hòn ngói, quý vị giắt đầy trên thân, rất khó coi! Câu này nhằm nói hai thế giới khác nhau, sự thụ dụng về mặt vật chất khác nhau.

(Diễn) Thai ngục chi vọng hoa trì.

(演) 胎獄之望華池。

(Diễn: Trong thai ngục ngóng về ao hoa).

Đây là nói về chỗ để sanh ra. Đầu thai vào thế giới này, mẹ mang thai mười tháng. Ở trong bào thai như trong địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi! Chỗ để sanh về trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoa sen trong ao bảy báu, làm sao có thể sánh bằng được?

(Diễn) Cúc lâm chi tỷ quỳnh thụ.

(演) 棘林之比瓊樹。

(Diễn: So sánh rừng gai góc với cây quỳnh).

“Cúc lâm”: Cúc (棘) là “kinh cúc” (荆棘:gai góc), [“cúc lâm”] là rừng cây có gai. “Cúc lâm” là nói về thế giới này của chúng ta. Chúng ta đi vào rừng cây ấy, chỗ nào cũng đều có thể gặp nguy hiểm. Bảy hàng cây trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều do bảy báu hợp thành, tuyệt đối an toàn; điều này cũng chẳng thể sánh bằng.

(Diễn) Thành do tâm phân cấu tịnh, kiến lưỡng độ chi thăng trầm dã.

(演) 誠由心分垢淨，見兩土之升沈也。

(Diễn: Thật sự là do tâm chia ra nhơ và sạch, nên thấy có sự thăng trầm nơi hai cõi).

Vì sao thế giới này khác hẳn? Thừa quý vị, cảnh chuyển theo tâm đấy! Do vậy, kinh Hoa Nghiêm mới dạy chúng ta: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (Hữu tình và vô tình cùng viên thành Nhất Thiết Chung Trí). Chẳng phải là cảnh giới chuyển tâm, mà là tâm chuyển cảnh giới! Nếu quý vị thật sự biết “*tâm chuyển cảnh giới*” thì còn có Phong Thủy hay chăng? Hiện thời chúng ta nói đến Địa Lý, Phong Thủy, có đấy! Từ đâu mà có? Do cái tâm biến hiện ra. Tâm chuyển Phong Thủy, chứ không phải là Phong Thủy có thể chuyển biến chúng ta. Phong Thủy chuyển chúng ta thì chúng ta đáng thương quá! Vật do chính mình biến hiện, mà kết quả chính mình lại bị nó trói buộc, giống như con tằm kéo kén để tự nhốt mình trong ấy, còn có gì ngu si hơn nữa? Thật sự hiểu rõ đạo lý này, còn có Phong Thủy hay không? Có! Quả thật có! Nhưng chúng ta có cần phải kiếm [một nơi] có Phong Thủy và Địa Lý tốt đẹp hay chăng? Không cần thiết! Tu từ cái tâm của quý vị! Tâm quý vị tốt đẹp, quý vị đi đến chỗ nào, Phong Thủy sẽ chuyển theo tâm quý vị. Quý vị đến ngôi nơi chỗ Phong Thủy xấu, hai ngày sau nó sẽ chuyển biến thành tốt đẹp! Nếu tâm quý vị không tốt, tìm một chỗ Phong Thủy tốt, quý vị ở đó chưa đầy hai ngày nó đã chuyển thành xấu. Phong Thủy chuyển theo tâm của quý vị mà!

Đại hoàn cảnh do cộng nghiệp của chúng sanh cảm thành. Trong đại hoàn cảnh, tâm địa của đại đa số con người trong thế giới này không thanh tịnh, đều là phàm phu, cho nên mới có cõi khô, bùn, cát, rừng gai. Tâm địa của con người nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, chẳng có tham, sân, si! Tâm địa ai nấy đều thiện lương, vì ai nấy đều phát Bồ Đề tâm. Chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ chẳng thể vãng sanh thế giới Tây Phương.

Thế giới Tây Phương là Đại Thừa Phật pháp, nhất định phải phát Bồ Đề tâm [mới có thể vãng sanh]. Vì lẽ đó, người trong thế giới Tây Phương ai nấy đều thanh tịnh, chân thành, từ bi; bởi vậy, hoàn cảnh vật chất do cộng nghiệp cảm thành cũng hết sức thù thắng. Đây là do tâm phân cấu - tịnh mà hai thế giới khác nhau.

(Diễn) Khai Chiết - Nhiếp nhị môn giả.

(演) 開折攝二門者。

(Diễn: “Mở hai môn Chiết và Nhiếp” là...)

“Khai” là khai khái (開啟: mở ra, khơi gợi), đức Phật khai thị cho chúng ta.

(Diễn) Chúng sanh đam luyện Sa Bà, Phật tác cực ngôn Sa Bà chi khổ dĩ chiết phục chi.

(演) 眾生耽戀娑婆，佛則極言娑婆之苦以折伏之。

(Diễn: Chúng sanh say đắm, quuyến luyện Sa Bà, đức Phật bèn cực lực nêu ra nỗi khổ trong Sa Bà để chiết phục).

Chúng sanh đang khổ mà chẳng biết khổ, vẫn chẳng nỗ lực, vẫn lưu luyện, vẫn không buông xuống được! Khổ như vậy mà họ trọn chẳng buông xuống, còn có cách nào nữa đây? Do vậy, đức Phật chẳng thể không đem từng nỗi khổ nói cho họ nghe, hòng khiến họ giác ngộ!

(Diễn) Chúng sanh vô tri Tịnh Độ.

(演) 眾生罔知淨土

(Diễn: Chúng sanh chẳng biết Tịnh Độ).

“Vô tri” là không hay biết, chẳng biết Tây Phương có Cực Lạc Tịnh Độ; vì thế, đức Phật giới thiệu cho chúng ta.

(Diễn) Phật tác cực ngôn Tịnh Độ chi lạc dĩ nhiếp thọ chi.

(演) 佛則極言淨土之樂以攝受之。

(Diễn: Đức Phật bèn cực lực giảng về niềm vui nơi cõi Tịnh Độ để nhiếp thọ họ).

Chuyện này chỉ nên tin tưởng vào Thánh Ngôn Lượng của Phật. Dựa vào đâu mà ta có thể tin tưởng Phật? Dựa vào sự kiện đức Phật chẳng vọng ngữ. Vọng ngữ là đại giới của chư Phật, chắc chắn Phật chẳng lừa dối chúng ta. Đức Phật nói câu nào cũng đều chân thật, giống như kinh Kim Cang có nói: “Phật thị chân ngữ giả” (Đức Phật là bậc

nói lời chân thật), “*chân*” là chẳng giả; “*thật ngữ giả*”, “*thật*” là chẳng hư dối; “*như ngữ giả*”, “*như*” là nhất định giống hệt với sự việc, không tăng, không giảm, nói đúng sự việc, sự việc đúng như lời nói; “*bất vọng ngữ giả, bất cuồng ngữ giả*” (là bậc chẳng nói láo, chẳng nói gạt gẫm). Chúng ta phải tin tưởng. Không tin lời Phật thì thật sự là ngu si! Chúng ta hãy suy nghĩ thêm, đức Phật chẳng thể lừa dối chúng ta. Phàm là kẻ dối gạt người khác, hẳn nhất định có mong cầu, nhất định có mục đích, đức Phật cầu mong điều gì nơi chúng ta? Đức Phật mong chúng ta cúng dường, mong chúng ta lay lục Ngài ư? Không có đạo lý ấy! Ngài chẳng mong cầu gì hết! Đức Phật chẳng mong cầu điều gì nơi chúng ta, nên chẳng có lý do gì để lừa gạt chúng ta! Vì thế, Ngài nói ra câu nào cũng tốt lành cho chúng ta, nói toàn lời chân thật.

(Diễn) Thị u niệm Phật nhất pháp, cụ Chiết Nhiếp nhị môn dã.

(演) 是於念佛一法，具折攝二門也。

(Diễn: Trong một pháp niệm Phật có đủ cả hai môn Chiết và Nhiếp).

Nói về pháp môn Niệm Phật thì Chiết là muốn cho chúng ta cảnh giác, lia khỏi chuyện khổ tội bậc này. “*Nhiếp*” (攝) là nhiếp thọ, làm cho chúng ta hâm mộ cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Câu này nhằm giải thích câu “*viên khai Chiết Nhiếp nhị môn, khích chi, dương chi*” (bèn mở hai môn Chiết và Nhiếp để khích động, cổ vũ) [trong lời Sớ], mong mỗi chúng ta sẽ ưa thích Cực Lạc, chán ngán Sa Bà.

“*Thắng tâm ký phát*” (tâm thù thắng đã phát), “*thắng*” là thù thắng. “*Thắng tâm*” là gì?

(Diễn) Thắng tâm, vị dũng mãnh tâm, tinh tấn tâm.

(演) 勝心，謂勇猛心、精進心。

(Diễn: Tâm thù thắng là tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn).

Đây là “*thắng tâm*”.

(Diễn) Tịnh nghiệp sở dĩ bất đắc thành tựu, giai do du du dương dương, tâm bất mãnh lợi nhĩ.

(演) 淨業所以不得成就，皆由悠悠揚揚，心不猛利耳。

(Diễn: Sớ dĩ Tịnh nghiệp chẳng thành tựu đều là vì cái tâm lãn chán, do dự, chẳng mạnh mẽ, quả quyết vậy).

Nguyên nhân là ở chỗ này. Vì sao chẳng thể thành tựu? Nay chúng ta nói là hờ hững, thờ ơ. Như vậy là không được rồi! Chẳng thể thành công, nhất định phải sốt sắng. Khi Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề, Ngài cũng hạ quyết tâm: Chẳng chứng Bồ Đề, sẽ chẳng bằng lòng đứng lên. Ngồi dưới gốc cây, nguyện thà chịu chết cũng chẳng đứng dậy! Ngài có quyết tâm như thế, nên mới thành công. Xưa kia có nhiều vị đại đức phát tâm niệm Phật, đóng cửa nhất tâm niệm A Di Đà Phật, chẳng thành công sẽ không mở cửa. Nghị lực quyết tâm như thế mới có thành tựu. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy rất nhiều [trường hợp như vậy], thông thường là bao nhiêu ngày? Quá nửa là bảy ngày thành công. Ngày nay chúng ta không có quyết tâm ấy!

“*Tấn*”, phải tinh tấn. “*Tinh*” là chẳng có mảy may xen tạp, tức là phải thật sự buông xuống vạn duyên. Chẳng những hết thầy pháp thế gian phải buông xuống, chẳng có mảy may vướng mắc nào, mà Phật pháp cũng phải buông xuống! Ngàn kinh vạn luận, vô lượng pháp môn thầy đều buông xuống, một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, như vậy thì mới có thể thành công.

(Diễn) Quả năng nhất nhật dụng lực, phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn, công phu vô bất thành tựu.

(演) 果能一日用力，發大勇猛，發大精進，工夫無不成就。

(Diễn: Nếu có thể dùng sức trong một ngày, phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn, không ai chẳng thành tựu công phu).

Tương lai, khi giảng đến phần kinh văn “*nhất tâm bất loạn*” sẽ có một đoạn chú giải rất dài để thảo luận vấn đề này. Người lợi căn một ngày bèn thành công, kẻ tội chướng oan nghiệt dẫu nặng đến đâu đi nữa, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, bảy ngày cũng có thể thành công. Vì thế, kinh đã định kỳ hạn cho chúng ta “*hoặc một ngày, cho đến bảy ngày*”, bảy ngày là tội nặng nhất, tức Ngũ Nghịch, Thập Ác. Theo Đại Trí Độ Luận đã dẫn trong phần trước, quý vị tạo tội nghiệp, tu các pháp môn khác trải qua vô lượng kiếp, tội vẫn chưa diệt hết, nhưng pháp môn này trong bảy ngày có thể diệt tội, được vãng sanh. Sách Tây Quy Trục Chỉ trong bộ An Sĩ Toàn Thư đã nêu ra rất nhiều trường hợp.

Tình hình cổ nhân niệm Phật vãng sanh có nhiều vị biết chính mình tội lỗi oan nghiệt sâu nặng, đóng cửa, giống như “*dũng mãnh, tinh tấn*” đang được nhắc tới ở nơi đây. Niệm dăm ba ngày liền cảm được A Di Đà Phật hiện đến, tự tại vãng sanh. Do vậy, niệm Phật phải tuân theo cách niệm như vậy.

(Diễn) Cố vân thắng tâm ký phát, Tịnh nghiệp tư thành.

(演) 故云勝心既發，淨業斯成。

(Diễn: Cho nên nói: “Tâm thù thắng đã phát, Tịnh nghiệp nhờ đây mà thành”).

Tâm này thù thắng nhất! “*Tịnh nghiệp tư thành*” vãng sanh Tịnh Độ, quý vị đã thành công, đã gặp A Di Đà Phật. Sự thù thắng sau khi đã vãng sanh càng chẳng cần phải nói nữa. Chúng ta phải nhớ kỹ! Vì thế, làm chuyện khác, tổn hao tinh thần, thời gian như thế, nói thật ra là lãng phí, đáng tiếc quá! Vì sao chẳng chuyên tu pháp môn Niệm Phật? Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 56

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản trang bảy mươi tư:

(Sớ) Nhược cứ bình đẳng pháp môn, phi cầu phi tịnh, tắc hân yếm vô địa, Chiết Nhiếp hà thi? Dẫn kim sanh tử phàm phu, mê tâm trực cảnh, bị lịch luân hồi, đầu xuất đầu một, cam tâm nhẫn thọ, tăng vô nhất niệm tỉnh phát phần lệ, cầu nguyện xuất ly, nhi phục giá kỳ hân yếm, dục linh trực ngộ tự tâm, thị do điền oa tính phụ, bất dữ chi thủy, nhi phản trách dĩ xung tiêu, chỉ ích trầm luân, ư sự hà tế?

(疏) 若據平等法門，非垢非淨，則欣厭無地，折攝何施。但今生死凡夫，迷心逐境，備歷輪迴，頭出頭沒，甘心忍受，曾無一念省發奮勵，求願出離，而復遮其欣厭，欲令直悟自心，是猶田蛙井鮒，不與之水，而反責以沖霄，祇益沈淪，於事何濟。

(Sớ: Nếu dựa trên pháp môn bình đẳng chẳng cầu, chẳng tịnh thì ưa thích và chán nhàm chẳng còn chỗ tồn tại, hai môn Chiết và Nhiếp thì thỏ vào đâu? Chỉ vì hàng phàm phu sanh tử hiện thời, mê tâm đuổi theo cảnh, trải đủ mọi nổi luân hồi, thoát ra, thoát vào, cam tâm chịu đựng, chưa hề có một niệm phản tỉnh, phát tâm dũng mãnh, cầu nguyện thoát là. Thế nhưng lại ngăn lấp cái tâm ưa - chán [của họ], mà cứ muốn làm cho họ ngộ trực tiếp cái tâm thì sẽ giống như chẳng ban nước cho con ếch ngoài đồng hay con cá diếc dưới giếng, lại ngược ngạo trách chúng chẳng thể tung mình vọt lên tận trời thăm. [Hóa độ kiêu đó] chỉ càng [làm cho kẻ phàm phu sanh tử] tăng thêm trầm luân, có ích gì đâu?)

Đây là phần giải thích cho nhân duyên thứ ba trong phần trước. Phật pháp là pháp bình đẳng, nhưng trong pháp bình đẳng, đức Phật vì chúng ta mà phương tiện nói ra rất nhiều pháp môn bất bình đẳng. Nói “bất bình đẳng” là vì trong con mắt thịt của lũ phàm phu chúng ta thấy dường như [những pháp môn ấy] bất bình đẳng, chứ thật ra, chúng là bình đẳng. Vì sao? Chúng được kiến lập trên tánh bình đẳng. Đoạn Sớ này đã giảng rất rõ vì sao chúng ta thấy [những pháp môn ấy] bất bình đẳng? Vì tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Chúng ta dùng tri kiến phàm phu để nhìn Phật thì Phật cũng là phàm phu, mắt Phật nhìn chúng sanh,

thấy phàm phu đều là chư Phật. Tình hình khác biệt phát sanh từ chỗ này! Do vậy, nói chân thật thì [mọi pháp đều] bình đẳng.

Trong pháp bình đẳng chẳng có cấu hay tịnh. Nếu nói thế giới Sa Bà là một thế giới cấu uế, thế giới Cực Lạc là thế giới thanh tịnh, đó là nói phương tiện. Còn nói chân thật, sẽ chẳng có [cấu uế hay thanh tịnh], chắc chắn không có tình hình ấy. Chẳng những không nói đến nhiễm, ngay cả tịnh cũng chẳng có. Vì sao? [Biện định là] nhiễm hay tịnh tức là đã lập ra tương đối. Không có nhiễm, lẽ đâu có tịnh? Không có tịnh, đương nhiên cũng chẳng có nhiễm! Những điều này hoàn toàn là những hiện tượng do tâm địa của chính mình mê hay ngộ mà sanh ra. Giác ngộ rồi thì phảng phất là hết thảy thanh tịnh⁸⁴. Khi nhiễm ô, dường như hết thảy đều dơ xấu! Đây đều là huyền tướng sanh từ kiến giải lầm lạc của chúng sanh, chẳng phải là chân tướng. Chân tướng là tướng bình đẳng.

Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy cảnh giới của Phật và các đại Bồ Tát là Nhất Chân pháp giới, đây là thật, còn mười pháp giới chẳng chân thật. Mười pháp giới đều là nói phương tiện. Đừng nói lục đạo phàm phu, ngay cả Phật [pháp giới trong mười pháp giới] cũng là nói phương tiện. Vì sao? Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng có Phật mà cũng chẳng có chúng sanh. Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này, vì đối với chúng sanh mới nói Phật, đối với Phật mới nói có chúng sanh. Không có chúng sanh, sẽ chẳng có Phật. Không có Phật, cũng chẳng có chúng sanh. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã diễn tả ý nghĩa này như sau: “*Vốn chẳng có một vật*”. Trong tâm thanh tịnh chẳng có một vật nào; đó mới gọi là thật sự thanh tịnh. Nếu cảm thấy ta rất thanh tịnh, thôi rồi! Trong cái tâm thanh tịnh có thêm một sự thanh tịnh, sự thanh tịnh ấy chính là “*có vật*”; sự thanh tịnh ấy chẳng phải là thanh tịnh nữa. Vật ấy là gì vậy? Vô minh đấy!

Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (từ trên tri kiến lập thêm một cái biết, đó là cội gốc của vô minh). Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na thỉnh giáo Thích Ca Mâu Ni: “Vô minh vì sao mà có? Vô minh sanh ra khi nào?” Trong kinh Phật cũng thường nói “*vô thi vô minh*”. Lời nói này hết sức có ý vị, “*vô thi*” là không có mở đầu. Vì không có mở đầu, nên vô minh là hư vọng, chẳng

⁸⁴ Nói là “phảng phất” vì phải đạt đến Phật quả mới thật sự thấy hết thảy pháp đều thanh tịnh. Từ Đăng Giác trở xuống, do vẫn còn vi tế vô minh nhiều hay ít, nên chưa thể thấy hết thảy các pháp thanh tịnh trọn vẹn như Phật được.

chân thật. Nếu thật sự có mở đầu, chuyện ấy sẽ phiền phức, chẳng dễ gì đoạn được; bởi lẽ, mê không có khởi đầu, ngộ là vốn có, còn mê chẳng có mở đầu. Nói cách khác, mê hoàn toàn là hư vọng.

Pháp bình đẳng là thật, thuận chân, chẳng vọng. Nếu chúng ta hỏi pháp bình đẳng ở chỗ nào? Tôi thưa cùng quý vị: Nếu trong cảnh giới, quý vị sử dụng chân tâm, chẳng dùng vọng tâm thì cảnh giới hiện tiền là pháp bình đẳng. Vọng tâm là gì? Vọng tâm là tâm sanh diệt. Cái tâm hiện thời của chúng ta là “ý niệm này khởi lên, ý niệm kia diệt mất”. Ý niệm sanh diệt gọi là “sanh diệt tâm”. Tâm sanh diệt là hư vọng, chúng ta lập tức có thể thấu hiểu [điều này]. Ví như nay chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chẳng dùng cái tâm sanh diệt có được hay chẳng? Chẳng dùng cái tâm sanh diệt thì chúng ta có thấy cảnh giới bên ngoài rõ ràng hay chẳng? Nghe có rõ ràng hay chẳng? Thứ gì cũng thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, tức là dùng chân tâm.

Chân tâm thì ví như kinh Lăng Nghiêm đã lấy Nhãn Căn trong sáu căn để làm tỷ dụ, Nhãn Căn thấy sắc, tánh Thấy của Nhãn Căn là chân tâm. Nơi mắt là tánh Thấy, nơi tai là tánh Nghe; căn tánh của sáu căn là chân tâm. Dùng chân tâm thì pháp giới bình đẳng. Dùng chân tâm, không có phân biệt, không có chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Vì thế, con mắt thấy sắc tướng bên ngoài, ý niệm thứ nhất là chân tâm, không dấy lên phân biệt, không động ý niệm, đó là chân tâm. Đến ý niệm thứ hai, vọng tâm dấy lên, nổi lên phân biệt, dấy lên chấp trước. Vì thế, ý niệm thứ hai là mê. Ý niệm thứ nhất chẳng mê, ý niệm thứ hai là mê, càng về sau mê càng sâu. Hễ thấy [sắc tướng, hay sự tình] mà hoan hỷ, tâm tham dấy lên; [còn như thấy sắc tướng hay sự việc] chẳng ưa thích, tâm sân khuể nổi lên. Một chuỗi những Tâm Sở tương ứng liên đới sanh khởi! Vọng tâm đã là hư vọng thì những Tâm Sở liên đới càng hư vọng hơn! Quý vị phải biết: Mừng, giận, buồn, vui, thất tình. Ngũ Dục là những thứ hư vọng nhất trong các thứ hư vọng, trong chân tâm của chúng ta vốn không có những thứ này, vốn chẳng có một vật mà!

Chư Phật, Bồ Tát khác với chúng ta, các Ngài hoàn toàn dùng niệm thứ nhất, chẳng dùng niệm thứ hai. Niệm thứ nhất gọi là nhất tâm. Pháp môn này tu nhất tâm bất loạn, trực tiếp tu nhất tâm. Chỗ thù thắng của pháp môn này là ở chỗ này, không quanh quẹo vòng vo. Nếu trong hết thảy cảnh giới, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thời thời khắc khắc giữ vững niệm thứ nhất, chẳng bao lâu quý vị sẽ làm Phật, sẽ thành Phật. Chính vì tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay của chúng ta quá nặng, nên chẳng giữ được niệm thứ nhất, vừa tiếp xúc, niệm thứ hai bèn

nhANH chóng nổi lên, lập tức mê ngay, dấy lên phân biệt, chấp trước, khởi tham, sân, si, mạn. Hiểu rõ đạo lý này, nó chẳng phải thật, mà là vọng, lầm lẫn mong sao “vọng” chẳng sanh, thì nó càng khăng khăng sanh ra, chúng ta muốn đoạn dứt cách nào, vẫn chẳng thể đoạn dứt được! Phiền não ở chỗ này, mà gốc bệnh cũng ở chỗ này!

Pháp môn này dạy chúng ta phương pháp niệm Phật, tức là hễ ý niệm dấy lên, bất luận là ý niệm gì, thiện niệm cũng thế, mà ác niệm cũng thế. Nói chung, thiện hay ác đều chẳng phải là chánh niệm, đều là những thứ thuộc về vô minh. Chánh niệm là vô niệm; vô niệm thì cảnh giới bên ngoài lại càng rõ ràng, sống động, chứ không phải là lặng lẽ, chết cứng. Dùng phương pháp nào? Dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế [ý niệm ấy]. Câu Phật hiệu ấy là niệm gì vậy? Vẫn là vọng niệm. Trong tâm thanh tịnh đâu có A Di Đà Phật! Bởi thế, một niệm [A Di Đà Phật] này vẫn là vọng niệm; phương pháp [Niệm Phật] là dùng một vọng niệm để thay thế hết thảy vọng niệm, dùng một niệm dứt hết thảy vọng niệm, sử dụng phương pháp này!

Ngoài việc thay thế hết thảy vọng niệm ra, một câu A Di Đà Phật còn có hai thứ công đức:

- Công đức thứ nhất là nhắc nhở chính mình hãy chánh niệm, vì Nam-mô A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “quy y Vô Lượng Giác”. Nói cách khác, thường nhắc nhở chính mình phải giác, đừng mê! Giác tâm bất động, giác tâm là thanh tịnh; mê mới vọng động. Vì thế, niệm một câu Phật hiệu này hòng nhắc nhở chính mình, tâm chúng ta làm sao còn động nữa?

- Công đức thứ hai là ở Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có một vị Phật, danh hiệu của Ngài là A Di Đà Phật. Theo như kinh nói, trong khi tu nhân, Ngài đã từng phát nguyện, kiến lập một đạo tràng tu hành như thế đó trong thế giới ấy, hoan nghênh các đồng tu niệm Phật trong mười phương đều đến nơi đó tấn tu. Ngài có lời nguyện như thế. Hơn nữa, đạo tràng ấy đã kiến lập xong, là thật, chẳng phải giả. Vì thế, chúng ta niệm Phật hiệu của Ngài sẽ có duyên với Ngài; đây là như chúng tôi đã nói: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tham dự cộng tu trong đạo tràng ấy.

Trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói đến sự trang nghiêm thù thắng nơi đạo tràng ấy và tình hình tu tập trong bao kiếp của A Di Đà Phật khi Ngài còn đang tu nhân, đều nói rất rõ ràng, minh bạch. Nếu chúng ta thật sự liễu giải, không những là đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới tin sâu chẳng ngờ, mà sau đó, chính mình quả thật cũng nắm

chắc và có tín tâm đối với sự tu hành. Tu học như vậy mới thật sự đạt đến “liạ khổ, được vui”, thật sự đạt đến pháp hỷ sung mãn. Nỗi vui sướng ấy sanh từ cái tâm thanh tịnh, chứ không phải do Ngũ Dục Lục Trần bên ngoài kích thích. Do vậy, pháp môn này là pháp trực tiếp để cầu bình đẳng, trực tiếp tu Nhất Chân pháp giới. Vì thế, Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới đồng thời tồn tại.

Thật ra, pháp giới chẳng có chân hay vọng. Chân hay vọng là do chính cái tâm của chúng ta biến hiện. Chúng ta dùng chân tâm để nhìn thế giới này, thế giới này sẽ là chân thật, là Nhất Chân pháp giới, là pháp giới bình đẳng. Trong ấy không có tịnh hay uế, tất cả hết thảy tương đối, cao, thấp, thảy đều chẳng tồn tại. Đó gọi là “*bình đẳng chân pháp giới*”. Chúng ta vừa dấy lên một niệm, chân pháp giới (Nhất Chân pháp giới) ngay lập tức biến thành các thứ pháp giới chẳng bình đẳng. Đức Phật nói lời chân thật: “*Cảnh chuyển theo tâm*”, chứ không phải là tâm chúng ta chuyển theo cảnh! Chúng ta dùng chân tâm sẽ thấy chân pháp giới; dùng vọng tâm sẽ thấy tứ thánh lục phàm; nhưng Nhất Chân pháp giới vĩnh viễn không biến đổi, tứ thánh lục phàm có thể biến, thuận theo cái tâm của chúng ta mà thay đổi.

Nếu nói đến công phu tu hành của chúng ta thì Thiền gia nói “*minh tâm kiến tánh*”, tánh là gì? Tánh ở đâu? Tánh có hình dạng ra sao? “*Minh*” là chẳng mê. Minh và Vô Minh là tương đối kiến lập. Cái tâm hiện thời của chúng ta là vô minh, do vô minh nên mới sanh phiền não, mới sanh ra các thứ chướng ngại, mới biến hiện lục đạo luân hồi. Chúng đều từ trong vô minh biến hiện ra! Nếu trừ bỏ vô minh, sẽ minh, tức là minh tâm, trong tâm đã khử sạch vô minh, tâm quý vị liền khôi phục sự sáng suốt. Nói cách khác, giác chứ không mê bèn gọi là “*minh tâm*”. Hễ minh tâm sẽ kiến tánh. Tánh là thuần chân, chẳng vọng. Tánh là gì? Không có một thứ gì chẳng phải là tánh. Sáu căn, sáu trần, sáu thức đều cùng là Pháp Tánh, đúng như cổ nhân đã sánh ví: “*Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng*”. Hễ quý vị biết giá trị, mới biết tất cả những món đồ vốn đều là vàng. Cổ nhân ví những món đồ ấy như Tượng, tức những tượng được hiện như sâm la vạn tượng, nhân sinh, vũ trụ; vàng ví như Tánh. Tánh và Tượng là một, không hai; bản thể của sâm la vạn tượng trong tận hư không, trọn pháp giới là Tánh. Tượng trạng của Tánh gọi là Tượng. Do vậy, Tánh và Tượng chẳng hai, Lý và Sự hết như một, là một, không phải hai!

Nay chúng ta đang mê, tách rời Tánh và Tướng, chấp vào Tướng. Chấp Tướng chẳng thấy Tánh, căn bệnh ở chỗ này. Ví như tôi hỏi quý vị, trong nhà quý vị có vàng hay không?

[Quý vị đáp]: - Không có!

- Thật sự là không có ư? Quý vị có vòng đeo tay, có nhẫn hay chẳng?

- Rất nhiều!

- Rất nhiều ư? Vậy chúng chẳng phải là vàng thì là gì vậy? Chấp vào Tướng! Vòng đeo tay, nhẫn, đồ trang sức cài đầu rất nhiều, nhưng không có vàng?

Phàm phu chúng ta hiện thời mê hoặc đến mức độ ấy, tách rời hiện tượng ra [khỏi bản chất], đây là mê hoặc, điên đảo! Bởi vậy, cuộc sống của người kiến tánh hết sức hoạt bát, hết sức tự tại, cho nên gọi là giải thoát, gọi là tự tại! Họ thật sự nhận biết chính mình, tận hư không trọn pháp giới là chính mình. Đó là cảnh giới hết sức kỳ diệu, chúng ta không có cách nào lý giải được. Vì thế, trong kinh Phật thường dùng tỷ dụ, mong chúng ta sẽ từ tỷ dụ mà thấu hiểu, ngộ nhập.

Kinh Phật thường lấy mộng làm tỷ dụ. Tỷ dụ mộng cảnh quả thật đã ban cho chúng ta một sự khái thị rất lớn vì mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng. Thời gian nằm mộng rất ngắn, cho nên quý vị tỉnh giấc liền biết nó là giả, chẳng thật. Nếu giấc mộng rất dài, quý vị sẽ chẳng cảm thấy mộng là giả, nhất định ngỡ nó là thật. Do thời gian rất ngắn, khi quý vị tỉnh giấc, nhớ lại những chuyện trong mộng, [biết đó] là giả, chẳng thật. Thế nhưng quý vị có nghĩ thêm “giấc mộng ấy do đâu mà có” hay không? Nếu quý vị suy nghĩ đến nơi đến chốn, sẽ thấy giấc mộng ấy từ trong tâm của chính mình biến hiện. Cái tâm biến hiện ấy giống như Tánh, cảnh được biến hiện trong mộng chính là cái mà nay ta gọi là “*y báo và chánh báo trang nghiêm, sâm la vạn tượng*”. Núi, sông, đại địa, hư không trong mộng, rất nhiều nhân vật từ đâu mà có? Đều do tâm của quý vị biến hiện.

Đã do tự tâm của quý vị biến hiện thì chúng ta phải hỏi: Có thứ nào trong mộng cảnh của quý vị chẳng phải là chính mình? Trong mộng có chính quý vị, đúng là chính mình không sai! Ngoài chính mình ra, tất cả những nhân vật khác có phải là chính mình hay không? Vẫn là chính mình, do chính mình biến ra mà! Núi, sông, đại địa trong mộng do chính mình biến ra. Hư không trong mộng cũng do chính mình biến ra, không có thứ gì chẳng phải là chính mình! Vì thế, người thật sự minh tâm kiến tánh, thưa quý vị, nhân sinh quan và vũ trụ quan của người ấy khác hẳn

chúng ta, vì sao? Người ấy thật sự thấu hiểu hết thấy các pháp trong tận hư không, trọn pháp giới là do tự tánh của người ấy biến hiện.

Khi Lục Tổ khai ngộ, Ngài hướng về Ngũ Tổ nói ra cảnh giới ngộ nhập của chính mình. Ngài chỉ nói năm câu, Ngũ Tổ liền ấn chứng, tức là Ngài nói về công năng của tự tánh. Tự tánh là chân tâm, công năng của chân tâm là: “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai thanh tịnh*” (Nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh) tương ứng với lời Ngài đã nói [trước đó]: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần?*” [Chân tâm] vốn sẵn thanh tịnh, chẳng do tu mà có. Vốn sẵn thanh tịnh, hiện thời là thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh? Vẫn là thanh tịnh, quyết định chẳng như! Nếu quý vị nói là ô nhiễm thì “ô nhiễm” là nói phương tiện, là giả, chẳng thật. Giống như chúng ta nói: “Mây quá dày che lấp ánh mặt trời, hôm nay trời âm u!” Mây có thật sự che lấp mặt trời hay chẳng? Không có! Mây cách mặt trời quá xa, mặt trời quá lớn, mây làm sao có thể che lấp được? Đây là nói phương tiện. Mê là một hiện tượng tạm thời, tự tánh quả thật chẳng mê, vốn sẵn thanh tịnh.

Ngài lại nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn lai cụ túc*” (Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ). Hết thấy trí huệ, hết thấy đức năng, hết thấy tài nghệ, chẳng phải do bên ngoài đưa tới, mà tự tánh vốn sẵn có đủ, đó gọi là Tánh Đức, chẳng phải là Tu Đức. “*Hà kỳ tự tánh, bốn vô dao động*” (Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động), ý nghĩa này lại càng chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nói “có đến, có đi”; thật ra, chẳng đến, chẳng đi! Không có đến - đi chính là như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”. Không có đến - đi, đó là nói thật. Đến, đi là do quý vị thấy lầm, do quý vị mê hoặc. Không có đến, đi! Câu cuối lại càng hay hơn nữa: “*Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp*” (Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra muôn pháp). Giống như chúng ta nằm mộng, trong mộng biến ra các cảnh giới nhiều dường ấy, nó có thể sanh, có thể biến ra.

Do vậy, người giác ngộ đối đãi hết thấy chúng sanh bằng cái tâm bình đẳng, dùng cái tâm đại từ đại bi, vì sao? Là vì ta và người không hai, lợi người là lợi chính mình. Ta và người chẳng phải là hai người, mà là một người, là vật được biến hiện trong tự tánh. Do vậy, lòng từ bi của Phật được gọi là Đồng Thể Đại Bi, nhất là kinh Hoa Nghiêm đã nói rõ ràng: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí*” (Hữu tình và vô tình cùng viên thành Nhất Thiết Chứng Trí). Không chỉ hữu tình chúng sanh có cùng một Thể, mà vô tình chúng sanh vẫn là cùng một Thể. Từ cảnh trong mộng, chúng ta có thể thấu hiểu chuyện này. Thức thứ sáu, tức Ý Thức của chúng ta, khi nằm mộng đã biến hiện mộng cảnh. Sau khi chân

tâm của chúng ta bị mê, nó biến hiện ra vũ trụ, tinh cầu, vô lượng vô biên thế giới, hết thảy chúng sanh, vốn chỉ là một chuyện như vậy đó thôi!

Tự mình biến hiện thì chính mình có thể hưởng dụng. Hễ giác ngộ bèn có sự hưởng dụng thanh tịnh ấy. Nếu mê hoặc, sẽ chịu đựng rất khổ. Ví như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng do chính mình biến hiện, biến hiện để chịu khổ trong đó! Đây là sự thụ dụng do mê muội đến cùng cực. Đối với Phật, Bồ Tát, nhất là chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm, thấy các thứ trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là sự thụ dụng giác ngộ. Hai thứ thụ dụng khác nhau, nói “thụ dụng khác nhau” thì vẫn là dựa theo cái nhìn thuộc cảnh giới phàm phu chúng ta!

Người thật sự giác ngộ sẽ thấy sự thụ dụng trong thiên đường và địa ngục tự tại như nhau, vì sao? Vì người ấy tự biết, tự mình biết, cho nên sự thụ dụng của người ấy là bình đẳng, trong hết thảy cảnh giới chắc chắn không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Người mê hoặc mới có năm thứ cảm nhận ấy, người giác ngộ sẽ không có. Vì thế, cảm nhận của người giác ngộ gọi là Chánh Thọ, trong kinh Phật gọi [sự cảm nhận của người giác ngộ] là tam-muội. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ. Chánh Thọ là trong hết thảy cảnh giới không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả; sự cảm nhận ấy mới gọi là Chánh Thọ; bởi lẽ, tâm người ấy là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Đây là nói về pháp giới bình đẳng và pháp môn bình đẳng.

Pháp bình đẳng nói với ai? Phải nói với Pháp Thân đại sĩ. Họ đều đã kiến tánh, nói với họ thì họ mới có thể thấu hiểu, vì đó chính là cảnh giới của họ. Hễ chưa minh tâm kiến tánh, chúng ta cũng chỉ là nghe nói sao bèn biết như vậy mà thôi, rốt cuộc chẳng phải là cảnh giới của bản thân chúng ta, không có cách nào đạt đến được. Đây là lý do vì sao kinh điển phải giảng về khổ, vui, phải nói tới hai thế giới khác nhau, bảo chúng ta hãy nhàm chán Sa Bà, ưa cầu Cực Lạc. Đủ thấy những lời ấy hoàn toàn để nói với lũ phàm phu chúng ta, chúng ta phải hiểu đó là đức Phật nói phương tiện; nhưng cách nói phương tiện này thật sự hữu ích đối với chúng ta, có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Trong pháp giới bình đẳng, đương nhiên chán và ưa cũng chẳng có, nhiễm và tịnh cũng chẳng có, há còn có Chiết và Nhiếp nữa ư? Đương nhiên chẳng nói tới! Vẫn là trước hết nói Chân, rồi mới kéo lui cảnh giới lại, nói về cảnh giới hiện tiền của chúng ta.

Hiện thời, chúng ta là phàm phu sanh tử, tự mình phải thừa nhận điều này. Tuy sanh tử là hư vọng, chẳng chân thật, nhưng chúng ta giống như đang nằm mộng, cảm thấy nó rất thật, chẳng thấy được nó là giả. Trong giấc mộng, bản thân quý vị cũng chẳng biết mình đang nằm mộng, trong mộng có khổ, có vui, quý vị phải hứng chịu giống hệt. Nếu trong khi đang nằm mộng mà hiểu là ta đang nằm mộng, mộng là giả, trong mộng có thể coi nó thoải mái là giấc mộng, quý vị sẽ rất vui sướng, du hí trong mộng mà! Trong mộng có cọp đến xoi quý vị, chẳng sao cả! Ta cho nó xoi, phát tâm lòng từ bi ấy, nhưng quý vị cũng bận tâm. Vì sao? Quý vị biết tất cả đều chẳng thật, cọp cũng chẳng phải là thật, là do mộng biến hiện, chính mình cũng là mộng cảnh biến hiện, cho nên quý vị ung chịu, chẳng bận tâm. Quý vị chẳng biết là mộng cảnh, sẽ sanh tâm hoảng sợ, sanh phiền não. Vì thế, người giác ngộ và người chưa giác ngộ khác nhau! Nay chúng ta bất giác, chưa giác bèn có sanh, có tử, mà sanh tử quả thật là vấn đề lớn nhất, nghiêm trọng nhất, nên gọi là “*sanh tử đại sự*”.

Mấy câu dưới đây nói về căn nguyên sanh tử, “*mê tâm trục cảnh*”, bốn chữ này là nguồn cội của sanh tử. Vì sao có lục đạo luân hồi? Tổ sư nói toạc ra cho chúng ta biết: Nếu tâm chúng ta chẳng mê, chẳng đuổi theo cảnh giới bên ngoài, sẽ chẳng có sanh tử!

(Diễn) *Mê tâm trục cảnh giả, bất tri tâm chi bản không, tùng thí kịp chung, niệm niệm sanh diệt, thị vị mê tâm.*

(演) 迷心逐境者，不知心之本空，從始洎終，念念生滅，是謂迷心。

(Diễn: *Mê tâm đuổi theo cảnh, chẳng biết tâm vốn là không, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, đó là mê tâm).*

“*Mê tâm*” là sanh diệt tâm.

(Diễn) *Bất thức cảnh chi bản tịch.*

(演) 不識境之本寂。

(Diễn: *Chẳng biết cảnh vốn vắng lặng).*

“*Cảnh*” là cảnh giới bên ngoài, “*tịch*” nghĩa là rỗng không, bản thể của nó chính là Không.

(Diễn) Tùy trục lục trần, đối cảnh tạo nghiệp, thị vị trục cảnh.

(演) 隨逐六塵，對境造業，是謂逐境。

(Diễn: Chạy theo sáu trần, đối cảnh tạo nghiệp thì gọi là “đuổi theo cảnh”).

“Mê tâm” là chẳng nhận biết chính mình, chẳng liễu giải chính mình. “Trục cảnh” là chẳng liễu giải cảnh giới bên ngoài. Trong lần ngoài đều mê; do vậy mới có sanh tử luân hồi. Sự giáo học của Phật pháp nhằm phá tan cả hai cái ả mê muội này, [khiến cho] trong lần ngoài đều giác. Tôi vừa mới nói lảm lờ như vậy, nhưng đều là nói về tâm. Tâm là thanh tịnh, trong tâm chẳng có một vọng niệm nào. Trong chân tâm không có vọng niệm. Thừa quý vị, bản thể của cảnh giới là Không. Đây chẳng phải là nói “cảnh giới tiêu mất mới là Không”. Chẳng phải vậy! Mà [là nói] bản thể của nó chính là Không.

Nhưng hiện thời chúng ta không có cách nào chứng thực tướng cảnh giới chân thật này, vì sao chẳng thể chứng thực? Tâm chúng ta chẳng Không! Vì thế, quý vị thấy cảnh giới dường như là chân thật, mà cũng chẳng Không. Khi nào tâm của quý vị đã là Không, ngoại cảnh cũng là Không. Tâm Không, cảnh Không, kinh Hoa Nghiêm nói đó là “*Sự Sự vô ngại*”. Vách tường ở đây chúng ta có thể xuyên qua hay chẳng? Đương nhiên có thể xuyên qua, vì sao? Thân thể của chúng ta là Không, bản thể của nó là Không. Bản thể của tường cũng là Không. Không và Không chẳng trở ngại lẫn nhau, thần thông có nguyên lý như vậy đó. Nay chúng ta vì sao không thể xuyên qua được? Chúng ta ngỡ thân thể là thật, nghĩ vách tường cũng là thật, chẳng xuyên qua được! Quả thật là như thế!

Trong quá khứ, khi còn đang cầu học, thầy dạy chúng tôi một phương pháp, bảo tôi hãy thí nghiệm. Thầy nói: Khi anh nằm mộng, có lúc nhận biết mình đang nằm mộng. Nếu nhận biết tình hình ấy, anh có thể làm thí nghiệm. Mộng là giả, vách tường cũng là giả, thân ta cũng là giả, đụng phải [tường vách] có xuyên qua được hay chẳng? Quả nhiên là vừa đụng phải bèn xuyên qua được. Vì sao? Vì quý vị biết nó là giả, giả và giả chẳng trở ngại lẫn nhau. Hiện thời chúng ta không có cách nào quán thân thành Không, quán thành Giả, mà cũng chẳng có cách nào quán vách tường thành Không, hay Giả. Vì thế, hễ anh đụng phải liền đụng đến vỡ đầu tuôn máu mà vẫn chẳng xuyên qua được! Thật sự đạt

đến cảnh giới này, sẽ xuyên qua được. Vì sao chúng ta không xuyên qua được? Vì quý vị có tâm, có ý niệm. Hễ thật sự đạt đến vô niệm thì sẽ được. Vì thế, chuyện này chẳng có gì là phi phạm, mà là một thứ năng lực vật vãn!

Qua truyện ký, chúng ta thấy lão hòa thượng Hư Vân có kinh nghiệm ấy, pháp sư Viên Anh cũng có kinh nghiệm đó. Trong lời tựa của bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Ký, pháp sư Viên Anh kể: Có một lần Ngài đang tịnh tọa trong liêu phòng, khóa cửa lại, chẳng cho người khác quấy nhiễu. Ngồi một lúc, chợt nghĩ đến chuyện gì đó bèn bước ra, nhưng Ngài hoàn toàn chẳng nghĩ là cửa đã khóa, cứ đi ra, đi ra xong, chợt nhớ lại, ta chưa mở cửa, nhìn lại thì quả nhiên cửa đã đóng, làm sao ta đi ra được? Trong sát-na ấy, Ngài không có ý niệm gì, vô tâm, vô niệm, liền đi qua được. Thật ra, hoàn toàn chẳng phải là thần thông, Ngài không có năng lực ấy. Trong lúc vô niệm, quên mất cái thân, mà cửa cũng quên luôn, cửa đóng chặt chưa mở mà vẫn đi ra được. Nếu Ngài có một niệm nghĩ đến cái thân, nghĩ đến cái cửa, ắt Ngài phải mở cửa mới đi ra được. Cửa chẳng mở, Ngài sẽ chẳng bước ra được! Quý vị nghĩ xem có phải là cảnh chuyển theo tâm hay chẳng?

Tâm chuyển theo cảnh là phạm phu. Ngày nay qua báo chí, chúng ta thấy nhân viên ngân hàng thụt két đều là do mắc lừa bởi những kẻ giả danh quý thân, bị ngoại cảnh xoay chuyển. Phong Thủy, tướng mạng có hay không? Thật sự có, nhưng những thứ ấy có thể biến đổi theo tâm của chính mình, tướng chuyển theo tâm mà! Tâm quý vị thay đổi, tướng sẽ thay đổi, mạng cũng thay đổi, Phong Thủy cũng thay đổi theo. Chỉ có kẻ ngu si mới cầm tiền đưa cho thầy Phong Thủy xin giúp sửa đổi Phong Thủy. Có đổi được hay không? Tuyệt đối chẳng thể thay đổi được! Thay đổi từ chỗ nào? Thay đổi từ tâm địa của quý vị thì mới thật sự có thể thay đổi. Không chỉ những kẻ ấy chẳng có năng lực thay đổi, mà thiên thần, quý thân, chư Phật, Bồ Tát cũng đều chẳng có năng lực giúp quý vị thay đổi. Phật, Bồ Tát bảo cho quý vị biết nguyên lý là muốn cho quý vị thay đổi vận mạng của chính mình, nhất định phải hiểu đạo lý này!

Trong Phật pháp, chắc chắn không có mê tín. Do vậy, trước hết, quý vị phải tạo dựng lòng tự tín, từ cái tâm mê mà khai ngộ, sau đây sẽ được thụ dụng tự tại nơi cảnh giới, chẳng cần phải theo đuôi. Nói “thụ dụng tự tại” là tâm có thể an trụ trong cảnh giới, phú quý thì yên phận phú quý, nghèo hèn bèn yên phận nghèo hèn. Đó là đạo. Muốn thay đổi hoàn cảnh của chính mình cho tốt đẹp hơn, ắt phải thay đổi từ nội tâm thì mới có hạnh phúc thật sự, chẳng cần hết thầy quý thân giúp đỡ, đây

mới là chánh pháp. Chúng ta đánh mất lòng tin nơi chính mình, đến khắp nơi cầu quỷ thần, cầu Phật, cầu Bồ Tát, toàn là “*mê tâm chạy theo cảnh*”, chắc chắn chẳng thể vượt thoát sanh tử luân hồi.

“*Đầu xuất, đầu một*” (thoạt vào, thoạt ra) là thăng trầm trong lục đạo, tạo thiện nghiệp bèn thọ sanh trong ba đường lành, tạo ác nghiệp bèn thọ báo trong ba đường ác. Quả báo thiện - ác chẳng sai mảy may. Thường nói: Con người trước lúc bốn mươi tuổi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của nghiệp lực đời trước. Trước khi đầy bốn mươi tuổi bèn chịu quả báo của đời trước. Có những kẻ tuổi trẻ phát đạt, đó là do phước báo từ đời trước. Nếu kẻ ấy lúc phát đạt bèn làm càn làm quấy, chẳng làm chuyện tốt, từ tuổi trung niên trở đi sẽ dần dần suy bại. Thậm chí đến tuổi xế chiều suy sụp chẳng kham, hết sức đáng thương! Do đời này chẳng tu đây! Phước báo thuộc đời trước, đời này nhất định phải thật sự tu tập tốt đẹp thì tuổi già mới thông dong. Do vậy, từ bốn mươi tuổi trở đi, sẽ chịu ảnh hưởng to lớn bởi [nghiệp lực trong] đời này, sức mạnh của [nghiệp lực] đời trước rất yếu mỏng. Vì thế, tuổi bốn mươi có chuyển biến rất lớn! Tuổi già tốt đẹp là do đời này tu tập, tuổi trẻ tốt đẹp là do đời trước tu tập. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Chính mình nắm giữ vận mạng trong tay, vận mạng do chính mình sáng tạo, chính mình kiến lập, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Không chỉ chó nên làm chuyện ác, mà ý niệm ác cũng chó nên khởi lên. Vì vậy, pháp môn này dạy chúng ta đổi mọi khởi tâm động niệm thành A Di Đà Phật, dùng phương pháp này để tu cái tâm thanh tịnh, cái tâm bình đẳng của chúng ta. Nói thông thường, con người sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng giác ngộ, chẳng nghĩ xuất ly, những người như vậy chiếm số lượng rất lớn. Vì thế, nhân duyên được nghe pháp khá khó khăn, trong kinh, đức Phật đã từng nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Được làm thân người, được nghe Phật pháp là có cơ hội thoát lìa sanh tử, vượt thoát luân hồi. Nếu quý vị chẳng được nghe Phật pháp, sẽ chẳng có cơ hội ấy.

Người trong thế gian chẳng nghe Phật pháp, chỉ biết sanh lên trời là tốt đẹp, [cho đó] là tối thượng thừa. Mức độ thấp hơn là chuẩn bị làm quỷ, muốn làm một con quỷ có phước báo! Lúc còn sống, thấy tuổi tác đã cao, bèn làm như thế nào? Đốt giấy tiền vàng mã nhiều một chút, chuẩn bị cho tương lai chết đi làm quỷ sẽ có cái để tiêu dùng thoải mái. Kẻ ấy chuẩn bị sẵn tài sản trong ngục quỷ đạo, đã dự bị cho chính mình ở trong ấy. Trong tương lai, đọa lạc trong quỷ đạo có thể hưởng thụ hay chẳng? Rất khó đảm bảo! Những kẻ đó đều là ngu si! Rành rành có lục

đạo, vì sao lại tính làm quý sau khi chết? Vì sao chẳng tính toán hồng đời sau lại được làm thân người, lại hưởng phú quý trong nhân gian, mà cam tâm tình nguyện làm quý? Toàn là ngu si! Tệ hơn nữa còn có địa ngục và súc sanh. Vì thế, phải biết luân hồi trong lục đạo đáng sợ, thật sự đáng sợ! Sanh lên trời chẳng dễ dàng, phải có đủ tư cách để sanh lên trời. Có một biện pháp để vượt thoát luân hồi lục đạo là tu pháp môn này, đối nghiệp vãng sanh, tu các pháp môn khác rất khó!

Nay đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp, có thể nói là thế gian này tà tri tà kiến đã đầy ắp cả xã hội. Đối với người học Phật mà nói thì là gặp khó khăn, bị quấy nhiễu rất lớn, mà cũng gặp chướng ngại rất lớn, chẳng dễ gì thành tựu! Hiện thời, ngay cả một đạo tràng thanh tịnh mà chúng ta tìm mãi không ra. Nói tới “đạo tràng thanh tịnh”, đó là đạo tràng chuyên tu một pháp môn, quyết định có thể thành công. Nếu trong một đạo tràng có mấy pháp môn, đâu thường xuyên giảng kinh, nhưng không giảng một thứ, các thứ kinh luận đều giảng, đạo tràng ấy chẳng thanh tịnh. Đạo tràng giảng kinh của cổ nhân chuyên hoằng dương một bộ kinh, giảng xong một bộ liền bắt đầu giảng lại từ đầu. Đó gọi là “đạo tràng thanh tịnh”.

Qua truyện ký, chúng ta thấy Thanh Lương quốc sư giảng kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm có phân lượng thật lớn! Lão nhân gia cả đời giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lần. Tôi bắt đầu giảng từ năm Dân Quốc 60 (1971) đến nay là năm Dân Quốc 75 (1986), vẫn chưa giảng xong một lần! Lão nhân gia giảng năm mươi lần như thế nào? Đạo tràng của Ngài thù thắng, mỗi ngày giảng tám tiếng đồng hồ. Sự tu hành trong tự viện xưa kia đúng là khác hẳn [hiện thời], ai đến ở trong đó ba năm nhất định sẽ thay đổi hình dạng, vì sao? Người ta công khóa mỗi ngày mười sáu tiếng đồng hồ, vào giảng đường nghe giảng tám tiếng đồng hồ, đó là Giải Môn. Tám tiếng tu hành, tu hành thông thường gồm hai loại: Một là niệm Phật, hai là tham Thiền. Niệm Phật là Niệm Phật Đường, tham Thiền là Thiền Đường. Tám tiếng đồng hồ tịnh tọa hay chạy hương⁸⁵ trong Thiền Đường, tám tiếng đồng hồ nghe kinh, thời gian

⁸⁵ Chạy hương (bảo hương) là một trong bốn quy củ của Thiền Đường, nhất là trong Thiền Thất: Hành hương, bảo hương, tọa hương và tham Thoại Đầu. Hành hương là bước nhanh, bảo hương là đi rào thật nhanh, gần như chạy lúp xúp, tọa hương là tịnh tọa. Sở dĩ ba quy củ này đều có chữ Hương vì dùng thời gian tàn một nén nhang làm hạn (một cây nhang dài cháy hết trong vòng một tiếng cho đến một tiếng rưỡi). Theo pháp sư Tâm Đạo, Bảo Hương có từ thời hoàng đế Ung Chánh nhà Thanh. Vua Ung Chánh đặc biệt kính ngưỡng quốc sư Ngọc Lâm. Sau khi ngài Ngọc Lâm viên tịch,

còn sót lại để ăn cơm, giặt quần áo, ngủ nghỉ. Vì thế, không có thời gian để suy xướng nghĩ bậy.

Một ngày tám tiếng đồng hồ thì chúng ta tính xem, một năm là giảng xong rồi! Một bộ kinh Hoa Nghiêm có thể giảng viên mãn. Giảng một bộ kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối là ba ngàn giờ. Do vậy, vừa khít một năm. Lão nhân gia giảng năm mươi lần là giảng năm mươi năm, Ngài rất thọ, sống hơn trăm tuổi. Bộ kinh lớn là như thế, mà một bộ kinh nhỏ cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Có nhiều vị tổ sư của Tịnh Độ Tông suốt đời chuyên giảng kinh Di Đà, giảng mấy trăm lần, tức là cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Như ngài Trí Giả chuyên giảng kinh Pháp Hoa trên núi Thiên Thai, “*cửu tuần đàm diệu*” (đàm luận lễ huyền diệu trong chín mươi ngày), người đời sau truyền tụng là “*mỹ đàm*” (giảng giải hay khéo), chỉ giảng tựa đề kinh Pháp Hoa đã giảng đến ba tháng. Trong đạo tràng thuở trước, một bộ kinh giảng xong bèn giảng lại từ đầu, nay chúng tôi cũng bắt chước cô nhân: Giảng xong một biên Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, sẽ bắt đầu giảng lại từ đầu. Đạo tràng của chúng ta giảng bộ kinh này, ngày Chủ Nhật mọi người cùng nhau niệm Phật cộng tu. Nói chung, có thể coi đạo tràng của chúng ta là một đạo tràng thanh tịnh, quý vị nhất định phải khéo duy trì, bảo vệ, [đạo tràng này] hết sức khó có!

Chẳng thỉnh pháp sư bên ngoài tới giảng là có đạo lý, vì nếu thỉnh sẽ như thế nào? Nhiều loạn tín niệm của mọi người. Vị ấy giảng một pháp môn khác, giảng một phương pháp khác, chúng ta nghe xong sẽ ra sao? Rốt cuộc là có nên học theo hay không? Vì thế, khi có người khác đến giảng, công phu của chúng ta bị gián đoạn, bị xen tạp, chẳng thuần, có chương ngại rất lớn đối với sự thành tựu trong tu học của chúng ta. Vì

có pháp sư Thiên Huệ từ chùa Cao Môn vâng chỉ tiên kinh đàm Thiên. Qua đối đáp, vua thấy Thiên Huệ hầu như chẳng lãnh hội được ý chỉ của ngài Ngọc Lâm, bực tức quở: “Người còn biết gì về tông chỉ của quốc sư Ngọc Lâm hay chẳng?” Sư ngây người, không trả lời được. Do vậy, vua hạ lệnh Sư phải ngồi Thiên bảy ngày trong cung, tham cho thấu công án; nếu không, sẽ chém đầu ngay lập tức. Thiên Huệ tham Thiên suốt sáu ngày không thấu triệt, đến hôm cuối cùng, túng quá, chạy quanh Thiên Đường, chạy đến nổi gần như mê đi, té lăn ra, va đầu vào cột, liền tỉnh ngộ, trở về trả lời câu hỏi của vua. Vua hứa khả, từ đấy Thiên môn lập ra quy chế Bảo Hương. Cũng từ câu chuyện này, có thuyết nói, hương bản dùng trong Thiên Đường để cảnh tỉnh Thiên giả hiện thời chính là phỏng theo hình cây kiếm gỗ cầm trong tay của người lính canh chờ hết thời hạn bảy ngày sẽ chém đầu sư Thiên Huệ. Hiện thời, Bảo Hương thường được áp dụng sau khi ăn cơm, hoặc sau khi ngồi Thiên. Tuy gọi là “chạy”, nhưng chỉ là rào bước nhanh, lẹ hơn so với hành hương (đi kinh hành).

nguyên nhân này, nhất định chẳng thể thỉnh người khác đến giảng. Đồng thời, tôi quyết định chẳng thể giảng kinh điển khác, chỉ có thể giảng một bộ này, khiến cho mọi người nhất tâm nhất ý tu học, như vậy thì mới có thành tựu, mới thành tựu nhanh chóng, có thể chết sạch lòng mong ngóng, kháng khí tu học pháp môn này, trong thời gian ba năm, nhất định thành công.

Nhưng nói đến đây, quý vị cũng đừng sợ hãi, nhất định thành công, “vậy thì tôi đến đây, ba năm nữa sẽ phải chết, làm thế nào đây?” Ngay lập tức đánh trống rút lui, chẳng muốn đến nữa! Ba năm thành công, thưa quý vị, là sau ba năm nhất định có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi nào ra đi tùy thuộc quý vị, tự tại mà! Quý vị thích đi sớm một chút, được chứ, đi thành công! Thích ở lại thêm mấy năm cũng được, đó gọi là “sanh tử tự tại, thật sự liễu sanh tử”. Sanh tử tự tại, [tu tập chuyên nhất trong] thời gian ba năm là đủ rồi. Sở dĩ chúng ta tu học ba năm chẳng thể thành công là vì công phu gián đoạn, xen tạp, chẳng chuyên tâm, không sốt sắng tu học. Do vậy, nhất định phải cảnh giác, biết luân hồi thật sự khổ sở, muốn cầu mong xuất ly.

Phật, Tổ đã thấy rõ ràng tình trạng hiện thời của chúng ta, dùng pháp môn phương tiện này để kích thích, cổ vũ chúng ta, hồng chúng ta chán nhàm Sa Bà (tức là muốn tách lìa lục đạo luân hồi), ưa cầu Cực Lạc; nhưng đây chỉ là pháp phương tiện, còn pháp chân thật thì sao? Nhất định phải làm cho quý vị ngộ nhập bình đẳng, đó là pháp chân thật. Chỗ khác biệt giữa pháp môn này và các pháp môn Đại Thừa khác là nó chia quá trình tu hành thành hai phần:

1) Trước tiên bảo quý vị hãy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khi đến đó, chúng ta vẫn mang thân phận trời hay người, hoàn toàn chẳng phải là thành Phật. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là phàm phu, vẫn mang thân phận trời, người, vì sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư ở bên đó.

2) Sau khi đã đến đó, lại dạy quý vị chứng nhập pháp môn bình đẳng.

Vì thế, chia thành hai giai đoạn, không giống các pháp môn Đại Thừa khác! Những pháp môn Đại Thừa khác đều phải chứng nhập bình đẳng ở nơi đây, ví như Thiên Tông, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy rồi thì mới có thể vượt thoát sanh tử luân hồi; nhưng trong thế gian này mà đòi hỏi nâng cảnh giới của chính mình lên cao ngàn ấy, chắc chắn không phải kẻ bình thường nào cũng đều có thể làm được. Về Lý thì nói thông suốt, nhưng trên thực tế thì chẳng làm được!

Tham Thiền, trước tiên, quý vị phải hiểu rõ Thiền là gì, cách tham như thế nào cũng phải hiểu rõ, quyết chẳng thể tu mù, luyện đui! Định nghĩa của Thiền là “ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm”. Nói “tham” [Thiền] là lia cái tâm ý thức, người bình thường quyết chẳng thể làm được! Tâm ý thức là gì? Nói đơn giản, thức là tâm phân biệt. Trong hết thấy cảnh giới, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chẳng dùng cái tâm phân biệt, đó là “lia thức”. Ý là chấp trước, Mạt Na là chấp trước: Nhân ngã chấp, pháp ngã chấp. Trong hết thấy các pháp chẳng chấp trước, tách lia chấp trước là “lia ý”. Tâm càng khó hơn nữa! Tâm là gì? Giữ ấn tượng. Quý vị hãy nghĩ xem: Thấy sắc, nghe tiếng mà chẳng giữ lại ấn tượng, quý vị có thể làm được hay chẳng? Chẳng dễ dàng! Lia tâm ý thức, nói cách khác là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, đó là tâm thanh tịnh, đó mới gọi là “tham Thiền”. Chúng ta có thể làm được hay không? Ngũ Dục, Lục Trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ bày ra trước mắt, thật sự chẳng động tâm hay không? Nếu vẫn còn động tâm thì nói cách khác, ngay cả Sơ Thiền quý vị cũng chẳng có tư cách, vì sao? Trong tam giới, quý vị vẫn còn trong Dục Giới, vẫn khởi tâm động niệm đối với Ngũ Dục, Lục Trần; Thiền chắc chắn chẳng thể thành tựu! Dầu có một chút Định, nhưng Định ấy vẫn chưa đạt đến mức, vẫn chưa đạt đến Sơ Thiền, chúng ta nhất định phải hiểu rõ đạo lý này!

Chánh pháp và tà pháp, nói thật ra, chẳng khó phân biệt. Trong chánh pháp, không có tham, sân, si, mạn, tâm thanh tịnh. Trong tà pháp có ô nhiễm, kèm theo những thứ như tham, sân, si, danh vọng, lợi dưỡng. Dầu bản thân quý vị có công phu cao đến đâu đi nữa mà vẫn còn có cái tâm cầu danh cầu lợi, còn cái tâm lôi kéo tín đồ, còn có tâm làm chuyện náo nhiệt, thì là giả, là gạt người! Tâm địa thanh tịnh, tùy duyên, chứ không phan duyên, đó là chánh pháp. Trước hết, phải biện định chính mình đang tu tập chánh hay tà? Người khác tu tập, họ tu chánh hay tà chẳng liên quan gì đến ta, đó là chuyện của họ! Chính mình có đi theo đường tà hay không, điều này liên quan đến ta rất lớn! Vì vậy, biện định tà hay chánh là vì chính mình, chứ không vì người khác.

Chúng ta hãy suy nghĩ căn tánh của chính mình, có tư cách học Thiền hay chẳng? Bản thân tôi suy nghĩ, tôi không có tư cách, vì sao? Trong Ngũ Dục, Lục Trần, tôi khởi tâm động niệm! Những người học Thiền rất cao, tôi chỉ đành bội phục họ, họ có thể làm được, tôi làm chẳng được! Tôi tuyệt đối chẳng lừa gạt chính mình, tôi vẫn thật thà niệm Phật, cầu đời nghiệp vãng sanh. Thiền Tông không có đời nghiệp!

Tôi cũng hiểu Mật đôi chút, tôi cũng chẳng dám học, vì sao? Quá cao! Học không nổi! Chương Gia đại sư truyền cho tôi một câu chú, tôi làm không được. Ngài truyền cho tôi chú Lục Tự Đại Minh, tôi nghĩ rất nhiều đồng học đều biết niệm, nhưng biết niệm không có tác dụng, phải làm được (ý nói trì niệm đúng pháp) thì mới được! Chú ấy chẳng phải là hễ niệm bèn linh, mà là tâm chính mình phải tương ứng với chú. Vì thế, Mật pháp nói “tương ứng”; hễ chẳng tương ứng thì giống như miệng ca hát vậy, chẳng có tác dụng gì!

Ý nghĩa của chú Lục Tự Đại Minh là: “Giữ gìn sao cho thân tâm của chúng ta giống như hoa sen chẳng dính mấy trần!” Aum là thân, Mani là hoa sen, Padme là bảo trì, Hum là ý. Đây là văn phạm của ngoại quốc. Dịch theo cách hành văn của Trung Quốc sẽ là: Giữ gìn thân, ý (ý là tâm) giống như hoa sen. Hoa sen vượt khỏi bùn lầy, chẳng ô nhiễm! Bùn tượng trưng cho lục phàm; Ngũ Dục, Lục Trần, tượng trưng cho phàm phu, phía trên bùn còn có nước trong, nước tượng trưng cho tứ thánh. Mười pháp giới đều chẳng nhiễm, không chỉ chẳng nhiễm lục phàm, mà ngay cả tứ thánh cũng chẳng nhiễm. Nói cách khác, thế gian và xuất thế gian thấy đều chẳng nhiễm. Đó là gì? Nhất Chân pháp giới. Niệm câu chú này thì phải nâng cao cảnh giới của chính mình lên đến cảnh giới cao cả dường ấy. Vì thế, Mật pháp là miệng phải tụng chú, ý phải quán tưởng, tay phải kết ấn, tam mật tương ứng!

Tôi nghĩ pháp môn ấy quá phiền phức, chẳng dễ gì làm được, không thuận tiện như niệm Phật. Do vậy, nếu suy nghiệm kỹ càng nhiều pháp môn, sẽ thấy pháp môn này thuận tiện, ôn hòa, thích đáng, chắc chắn chẳng “xôi hỏng, bỏng không”; bởi lẽ, các pháp môn khác ắt phải đạt đến cảnh giới kha khá, tâm thật sự chẳng nhiễm trần, mới có thể vượt thoát. Pháp môn này chẳng cần cảnh giới cao dường ấy, chỉ cần chế ngự phiền não. Phiền não chưa đoạn, chế ngự là được rồi! Chế phục phiền não, tôi nghĩ mỗi cá nhân chúng ta đều có thể làm được, đoạn phiền não chẳng phải là chuyện mỗi cá nhân đều có thể làm được. Đây là sự thật ngàn vạn phần xác đáng. Vì thế, chúng tôi chọn lựa pháp môn này là có lý, pháp môn này thật sự phổ độ.

Vì thế, đến chỗ này, tổ sư lại khuyên khích chúng ta lần nữa. Chúng ta giống như “*điền oa, tỉnh phụ*”. “*Phụ*” (鮒) là “*tức ngư*” (鯽魚: cá diếc), là một loại cá nhỏ sống trong giếng. Chúng ta nay là loại căn tánh ấy. Đối với hạng người có căn tánh ấy, hãy nhanh chóng cho nó một chút nước, nó có thể hít không khí, có thể sống sót là tốt rồi, chẳng

thể sánh với đại bàng kim xí điều (Garuda)⁸⁶ được! Chúng ta phải tự nhận rõ căn tánh của chính mình, phải nhận rõ hoàn cảnh sống hiện thời của chính mình. Trong vô lượng pháp môn, chúng ta chọn lấy một pháp môn thích đáng, thích hợp với căn tánh của mình, lại chẳng gây trở ngại quá lớn đối với hoàn cảnh hiện thực và hoàn cảnh sống của chính mình. Tu học như thế sẽ dễ dàng. Pháp môn này đặc biệt nói đến hai thứ cảnh giới khổ và lạc khác nhau.

(Sớ) U' thị vô khổ lạc trung.

(疏) 於是無苦樂中。

(Sớ: Do vậy, trong không có khổ và vui).

“Vô khổ lạc” là Nhất Chân, đây là cái vốn có.

(Sớ) Thị khổ, thị lạc.

(疏) 示苦示樂。

(Sớ: Thị hiện khổ vui).

“Thị” là thị hiện.

(Sớ) Khổ dĩ chiết phục, lạc dĩ nhiếp thọ.

(疏) 苦以折伏，樂以攝受。

(Sớ: Dùng khổ để chiết phục, dùng vui để nhiếp thọ).

⁸⁶ Garuda (kinh thường phiên âm là Ca Lô La, hoặc dịch nghĩa là đại bàng kim xí điều - 大鵬金翅鳥) là một loại chim rất to, thân người có sắc vàng óng, có khuôn mặt là mặt người, trắng bóng, nhưng có mỏ chim ưng, đầu đội vương miện, cánh vàng pha sắc đỏ, giống như vàng ròng. Sải cánh rất to, có thể quạt nước biển tách ra làm đôi để bắt rồng ăn thịt. Trong Mật Tông, Ca Lô La là vật để cưỡi của Bắc Phương Bất Không Thành Tụ Phật. Các chùa ở Thái, Lào, Miên, Miến thường tạc hình tượng Ca Lô La (người Thái hay Lào gọi trại thành Krut, còn tiếng Indonesia/Mã Lai gọi trại thành geroda) ở các đầu kèo đỡ mái chùa vừa để trang trí vừa bảo vệ chùa. Nam Dương và Thái Lan dùng hình tượng Ca Lô La làm biểu tượng quốc gia, nhưng hình tượng chim Ca Lô La trong quốc huy Nam Dương có hình chim thuần túy, sắc vàng óng, không phải là hình tượng mình người, có cánh và chân chim, sắc đỏ như trong quốc huy Thái Lan.

Từ trong cảnh giới khô mà chúng ta tỉnh ngộ, tiếp nhận sự nhiếp thọ của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Chiết tắc khích kỳ ngoan mê, nhi linh khởi yếm ly.

(疏) 折則激其頑迷，而令起厭離。

(Sớ: Chiết là khích động kẻ u mê, bừng binh, khiến họ khởi lòng chán lìa).

Dụng ý thuyết pháp của đức Phật là ở chỗ này, khích lệ chúng ta. Chúng ta thật sự liễu giải hoàn cảnh hiện thực thì mới phát tâm rời khỏi thế giới này.

(Sớ) Nhiếp tắc dương kỳ giải đãi, nhi tử sanh hân nhạo.

(疏) 攝則揚其懈怠，而俾生欣樂。

(Sớ: Nhiếp là cổ vũ khiến kẻ biếng nhác phấn chấn, ngộ hậu họ sẽ sanh lòng vui ưa).

Tinh tấn và giải đãi, đây cũng là hai thứ đối lập. Vì sao người ta giải đãi? Quý vị chẳng có hứng thú làm việc, đương nhiên sẽ giải đãi. Nếu quý vị thấy công việc rất hứng thú, chẳng cần người khác đốc thúc, quý vị sẽ ngày đêm đều chẳng gián đoạn. Ví như đi học trong nhà trường, đọc sách giáo khoa, nếu những thứ ấy quá sâu, chẳng dễ gì thấu hiểu, quý vị đọc thấy chẳng thú vị gì, bèn biếng nhác, chẳng muốn đọc nữa. Quý vị xem tiểu thuyết, bảo quý vị đừng xem, đến đêm vẫn lén lút xem, xem đến sáng bạch vẫn không mệt mỏi. Vì sao? Quý vị cảm thấy rất hứng thú. Hễ điều gì khiến quý vị hứng thú, quý vị sẽ quên tuốt mệt nhọc, tự nhiên tinh tấn. Nếu quý vị chẳng thông hiểu thứ gì, quý vị sẽ cảm thấy nhạt nhẽo, không có cách nào tinh tấn được!

Do điều này chúng ta học Phật, đối với pháp môn này, ắt phải bồi dưỡng hứng thú. Bồi dưỡng hứng thú từ chỗ nào? Lý giải! Thật sự lý giải sẽ có hứng thú. Do vậy, không có hứng thú, chẳng thể dấy khởi Phật hiệu, đều là vì thiếu lý giải, nhận thức chưa rõ rệt. Thật sự nhận biết rõ rệt, giống những vị tổ sư đại đức từ xưa đến nay, người ta mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, họ niệm mười vạn câu Phật hiệu ra sao? Hứng thú niệm, chẳng mệt, chẳng ngán! Nếu quý vị mệt mỏi, thiếu tinh thần, niệm Phật hiệu mấy câu tinh thần bèn khôi phục, quả thật là như

thê! Đây là thật sự có nhận thức, thật sự hiểu rõ ý nghĩa ở trong đó. Vì thế, càng niệm càng hoan hỷ. Kinh điển cũng giống như vậy, nếu quý vị thật sự nhập môn, sẽ thấy ý vị trong đó còn có sức hấp dẫn lớn hơn tiểu thuyết. Bản thân tôi cảm nhận được điều này!

Tôi đọc kinh cả trăm lần, ngàn lần vẫn không chán, tôi xem tiểu thuyết tới mười lần, hai mươi lần. Từ hai mươi lần trở lên không muốn xem nữa. Sức mạnh của nó chỉ có ngàn ấy! Đây là nói những bộ tiểu thuyết trứ danh. Có những tác phẩm viết dở hơn một chút, đọc một lần xong chẳng muốn đọc lần thứ hai. Bốn bộ tiểu thuyết lớn⁸⁷ của Trung Quốc như Tam Quốc Diễn Nghĩa, Thủy Hử Truyện, Tây Du Ký, tôi có thể đọc mười lần những bộ tiểu thuyết trứ danh ấy. Đó là những sách tôi xem lúc nhỏ, thuở học Tiểu Học. Tôi học lên Sơ Trung (Trung Học đệ nhất cấp) không đọc nữa, chẳng còn hứng thú, chúng chẳng thể hấp dẫn tôi nữa! Nay xem kinh Phật khác hẳn. Kinh Phật là đọc lần nào cũng thấy thú vị, mỗi lượt xem đều có ý nghĩa mới, mỗi lượt xem đều có ngộ xứ. Đây mới là pháp hỷ sung mãn, ý nghĩa trong ấy không hề có cùng tận.

Từ lúc mới phát tâm, chúng ta đọc bộ kinh này, đọc mãi cho đến [chứng nhập địa vị] Đẳng Giác Bồ Tát vẫn đọc bộ kinh này, càng đọc càng thú vị, càng đọc càng thấy ý nghĩa trong ấy chẳng có cùng tận. Vì thế, chẳng thể giải đãi. Khi quý vị đọc mà chẳng thấy thú vị sẽ giải đãi. Quý vị đọc không thấy thú vị, đừng sợ, tuyệt đối chẳng phải là vừa mở đầu đọc mấy biến đã đọc thấy ý vị, giống như ăn cơm hay nhai thức ăn vậy, bình thường phải thông thả nhâm nháp thưởng thức hương vị, chứ [ăn theo kiểu] “nuốt trọn quả táo” chắc chắn sẽ chẳng thể phát hiện ý vị, phải đọc kỹ lưỡng, nhâm nại đọc, quý vị mới phát hiện thú vị ở trong ấy, mới thật sự có ngộ xứ.

(Sớ) Nhiên hậu, cứu tại nê đồ, thử hiềm ô uế, sạ văn tịnh diệu, tuần khởi nguyện cầu. Thử đại hỏa tu, bỉ thanh lương trì, viêm thiêu chúng sanh bất đắc bất tỵ thử nhi xu bỉ hĩ. Phương tiện độ sanh, pháp tự ưng nhĩ. Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, đắc Vô Sanh Nhân, phương ngộ thử tâm bản lai bình đẳng.

⁸⁷ Bốn bộ tiểu thuyết lớn của Trung Quốc, còn gọi là Tứ Đại Danh Trước, gồm Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, Thủy Hử Truyện của Thi Nại Am, Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân và Hồng Lôu Mộng của Tào Tuyết Cần. Ở đây, hòa thượng Tịnh Không không nhắc tới Hồng Lôu Mộng.

(疏) 然後久在泥塗，始嫌污穢，乍聞淨妙，浚起願求。此大火聚，彼清涼池，炎燒眾生不得不避此而趨彼矣。方便度生，法自應爾，生彼國已，見佛聞法，得無生忍，方悟此心本來平等。

(Sớ: Sau đây, ở trong đường bùn lầy đã lâu mới hiềm ô uế, vừa nghe sự tịnh diệu, liền hằng hái nguyện cầu. Cõi này là đồng lửa lớn, cõi kia là ao thanh lương, chúng sanh bị lửa dữ thiêu đốt, chẳng thể không tránh né nơi này, hướng về nơi kia. Phương tiện độ sanh pháp vốn là như thế. Sanh sang cõi ấy rồi, thấy Phật, nghe pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn, mới ngộ tâm này vốn sẵn bình đẳng).

Đây là nhân duyên thứ ba. Đại ý của đoạn này là: Từ vô thủy kiếp đến nay chúng sanh luân hồi trong lục đạo của thế gian này, đời đời kiếp kiếp đều là như thế, đây cũng là phương thức sinh hoạt quen thuộc của chúng ta trong hiện tại. Thật ra, nếu suy nghĩ kỹ, lục đạo luân hồi rất đáng sợ. Vì sao? Đời sau tốt đẹp hơn đời này, quá ư là ít! Luân hồi là lần sau kém hơn lần trước, vì sao? Quý vị hãy suy nghĩ, sẽ thấy đạo lý này chẳng khó hiểu, chẳng khó lãnh hội, mỗi một đời chúng ta tạo bao nhiêu tội nghiệp? Đời đời tích lũy lại, có tăng, chứ chẳng giảm, cuộc sống của quý vị càng về sau có dễ sống hơn ư? Chẳng thể dễ sống được!

Thưa cùng quý vị, thứ tội nghiệp ấy chẳng tiêu được! Phật môn nói tiêu tai, có lý luận và phương pháp tiêu tai, nhưng hiện thời mọi người đều hiểu lầm, tưởng là đến cửa Phật lạy lục Phật, niệm Phật, làm Phật sự kinh sám sẽ tiêu những tai nạn ấy. Nếu tội nghiệp nặng nề, thỉnh mấy vị pháp sư lạy Lương Hoàng Sám có tiêu tội hay chẳng? Đâu có đơn giản như vậy! Quý vị thấy: Không những chẳng tiêu tai, mà tai nạn còn tăng thêm, vì sao? Sử dụng Phật pháp sai lạc, thật sự là khó khăn, chẳng hiểu lý mà! Lầm lạc hiểu ý nghĩa theo mặt văn tự, ba đời chư Phật đều kêu oan uổng! Tiêu tai nạn từ chỗ nào? Tâm thanh tịnh. Tội từ tâm khởi, dùng tâm sám! Tâm quý vị mê, tâm ô nhiễm sẽ có vô lượng vô biên tai nạn, nhưng mê và nhiễm ấy mỗi đời sau càng nghiêm trọng hơn đời trước; vì thế, rất khó giác ngộ! Tâm thanh tịnh, tâm giác ngộ, tai nạn bèn tiêu trừ. Đạo lý ở chỗ này! Những vấn đề này trong phần chú giải kinh điển ở phần sau, sẽ lại thảo luận cặn kẽ.

Nay chúng ta mới nghe, “*sạ vãn tịnh diệu*” (vừa nghe sự tịnh diệu), nghe nói tại Tây Phương có thể giới như vậy, có chỗ tốt lành như thế, chúng ta mới phát tâm cầu nguyện. Tiếp theo đó là tỷ dụ. Chữ “*thử*” chỉ thế giới của chúng ta, “*đại hỏa tụ*” (đồng lửa lớn) tỷ dụ phiền não, tỷ dụ tội chướng. “*Bỉ thanh lương trì*” (cối kia là ao nước trong mát), chữ “*bỉ*” chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới, là xứ sở thanh lương tự tại. “*Viêm thiêu chúng sanh bất đắc bất tự thử nhi xu bỉ hĩ*” (Chúng sanh bị ngọn lửa dữ thiêu đốt chẳng thể không tránh né cối này, hướng về cối kia), khuyên chúng ta hãy nên giác ngộ, phát tâm rời khỏi Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc. Phương thức y như cũ vẫn là pháp phương tiện, “*phương tiện độ sanh, pháp tự ưng nhi*”; [nghĩa là] pháp môn phương tiện lẽ đương nhiên là như thế!

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy Phật, nghe pháp, nói thật

ra, đây mới là chính thức tu hành. Nay chúng ta tu Tây Phương Tịnh Độ có được tính là tu hành hay chẳng? Chẳng tính là thật sự tu hành! Chỉ tính là học chuẩn bị để thi vào trường (học luyện thi) mà thôi! Vào trường rồi mới chính thức theo học, hiện thời là công phu dự bị. Thật sự học Phật là học với ai? Học với A Di Đà Phật. Đến học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứ không phải ở nơi đây. Ở đây, chúng ta chỉ có một mục tiêu, tức là làm thế nào để đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà mục tiêu ấy nhất định phải hoàn thành trong một đời này, quyết định làm được! Người thật sự chiếu theo phương pháp này để tu hành, chúng tôi đã đích thân trông thấy, thật sự có người vãng sanh. Trong quá trình học Phật của tôi, thưa cùng quý vị, tôi thấy năm người đều là kẻ tại gia, chẳng giả tí nào, chẳng nhờ vào người khác trợ niệm để vãng sanh. Họ biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời. Cậy vào người khác trợ niệm thì chưa chắc, vẫn còn phải đánh dấu hỏi, rốt cuộc người ấy có thật sự vãng sanh hay chẳng, ai cũng chẳng dám nói [chắc chắn]. Chết rồi đem thiêu lưu lại xá-lợi hoặc lưu lại nhục thân, chỉ có thể chứng tỏ người ấy có chút công phu tu hành, chưa thể chứng minh người ấy đã vãng sanh. Xá-lợi thật sự sẽ kiên cố, chẳng thể nghiền nát được. Nếu xá-lợi mà dùng búa sắt đập liền vỡ, chẳng phải là chân thật. Ất cần phải biết trước lúc mất, không bệnh tật qua đời, đây mới là thật, chẳng giả. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là khẩn yếu.

“*Kiến Phật văn pháp, đắc Vô Sanh Nhân*” ngộ Vô Sanh là minh tâm kiến tánh, là Lý nhất tâm bất loạn, mà cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong bốn cõi Tây Phương, hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, khi ấy quý vị trở thành Pháp Thân đại sĩ, chẳng khác các vị Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Tầng cấp ấy nhất định phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới hoàn thành được! Do vậy, chỗ khác biệt lớn nhất giữa pháp môn Tịnh Độ và các pháp môn khác là ở chỗ này, tức là chia thành hai giai đoạn để tu học: Giai đoạn thứ nhất là hiện thời giữ lấy Tây Phương Tịnh Độ, giai đoạn thứ hai là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thành tựu. Những pháp môn khác không giống pháp môn này, phải thành tựu ở nơi đây! Điều này hết sức khó khăn. Hôm nay chúng tôi giảng đến đây!

Tập 57

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bảy mươi lăm, giảng đến đoạn thứ tư của phần Giáo Khởi Nhân Duyên, nói

về nhân duyên thứ tư:

(Huyền Nghĩa) Tứ, hóa đạo Nhị Thừa chấp Không bất tu Tịnh Độ giả, lương dĩ sạ đắc Ngã Không, tức sanh đām trệ, văn thuyết tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh, tâm bất hỷ nhạo, cố linh hồi Tiểu hướng Đại, phát ý vãng sanh.

(玄義) 四化導二乘執空不修淨土者，良以乍得我空，即生耽滯。聞說淨佛國土，教化眾生，心不喜樂，故令回小向大，發意往生。

(Huyền Nghĩa: Bốn là giáo hóa, hướng dẫn hàng Nhị Thừa chấp Không chẳng tu Tịnh Độ: Ấy là vì họ vừa đắc Ngã Không, bèn sanh lòng đăm chấp, vướng mắc, nghe nói đến cõi nước thanh tịnh của Phật và giáo hóa chúng sanh, lòng chẳng vui thích, nên [Đức Phật nói kinh A Di Đà] làm cho họ hồi Tiểu hướng Đại, dấy lên ý nguyện vãng sanh).

Đây là nhân duyên thứ tư: Đặc biệt nói với hàng Tiểu Thừa. “*Nhị Thừa*” là Thanh Văn và Duyên Giác, những người này chẳng tu Tịnh Độ. Nói cách khác, họ chấp trước khá nặng, được chút ít đã cho là đủ. Trong quá trình tu hành, đạt được thân tâm tự tại bèn rất thỏa mãn, ngừng ở đó, chẳng chịu tinh tấn tiến lên nữa! Đức Phật cũng hết sức từ bi đối với những người ấy, biết khuyết điểm của họ, dùng pháp môn Tịnh Độ để tiếp dẫn, thành tựu Phật quả rốt ráo cho họ.

(Diễn) Nhị Thừa chấp Không giả, Nhị Thừa nhân đơn tu chánh quán giả, đản niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác.

(演) 二乘執空者，二乘人單修正觀者，但念空無相無作。

(Diễn: “Nhị Thừa chấp Không”: Người Nhị Thừa chỉ tu pháp chánh quán bèn chỉ nghĩ tới Không, Vô Tướng, Vô Tác).

Pháp môn Tiểu Thừa rất nhiều, cũng có Tam Tạng Kinh - Luật - Luận hoàn bị, tông Thiên Thai phán định [Tiểu Thừa] là Tạng Giáo, có kinh Tiểu Thừa, luật Tiểu Thừa, luận Tiểu Thừa ba thứ đầy đủ, họ chiếu theo những thứ ấy để tu hành. Nguyên tắc và nguyên lý tu học của người

Tiểu Thừa là phá Ngã Chấp, phá Nhân Ngã Không; do vậy, họ phải niệm “Không, Vô Tướng, Vô Tác”.

(Diễn) *Kiểm tu trợ quán giả, đa do Tứ Không dĩ nhập Diệt Tận, cố giai chấp Không.*

(演) 兼修助觀者，多由四空以入滅盡，故皆執空。

(Diễn: *Người tu kèm thêm những pháp trợ quán thì phần nhiều dùng Tứ Không để nhập Diệt Tận, nên đều chấp Không).*

“Tứ Không” là Tứ Không Thiên. Công phu tu hành của người Tiểu Thừa là Cửu Thứ Đệ Định, phải trải qua Tứ Thiên, Tứ Không Định⁸⁸ rồi mới vượt thoát [tam giới]. Tứ Thiên và Tứ Không gộp thành Bát Định; tám món Thiên Định này đều là Thiên Định thế gian, chưa thể vượt thoát tam giới. Tu thành công [tám món Định này] bắt quá sanh vào Tứ Thiên Thiên⁸⁹ hoặc là Tứ Không Thiên. Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên thọ mạng rất dài, nhưng trong Tứ Thiên Thiên còn có Phật pháp, Tứ Không Thiên chẳng có Phật pháp. Chúng ta thường thấy kinh Phật nói tới “tam đồ bát nạn”, trong bát nạn có Tứ Không Thiên, tức Trường Thọ Thiên. Vì sao gọi là “gặp nạn”? Tuy đời này, quý vị sống trong thế gian, nhưng không có cơ hội nghe Phật pháp, đó là “gặp nạn”. Vì có cơ hội nghe Phật pháp, sẽ có cơ duyên vượt thoát tam giới. Hiện thời quý vị không có duyên phận này, đời này nhất định luống qua nên Phật pháp gọi điều này là “gặp nạn”. Tứ Không Thiên là một trong bát nạn. Bát Nạn là tám trường hợp không có cơ hội tiếp xúc Phật pháp.

⁸⁸ Tứ Không Định, gọi đủ là Tứ Không Xứ Định gồm: Không Xứ Định, Thức Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định và Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định.

⁸⁹ Tứ Thiên Thiên là bốn tầng trời là nơi cư trú của người đã đắc Tứ Thiên:

1. Sơ Thiên Thiên gồm các cõi trời Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên. Đại Phạm Vương làm chủ các tầng trời này.
2. Nhị Thiên Thiên gồm các tầng trời Thiệu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Cực Quang Tịnh Thiên (còn gọi là Quang Âm Thiên).
3. Tam Thiên Thiên gồm Thiệu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.
4. Tứ Thiên Thiên gồm Vô Vân Thiên, Phước Sanh Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên, và Sắc Cứu Cánh Thiên.

Bốn tầng trời này đều thuộc Sắc Giới. Từ cõi trời Vô Phiền Thiên trở lên là nơi ở của các bậc thánh nhân từ A La Hán trở lên, không còn luân hồi trong lục đạo, nên năm cõi trời (Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, và Sắc Cứu Cánh) được gọi chung là Ngũ Bất Hoàn Thiên hay Tịnh Cư Thiên.

Người Nhị Thừa có lợi căn và độn căn. Bạc lợi căn A La Hán có thể từ Tứ Thiên Thiên mà trực tiếp đốn siêu, nhanh chóng chứng đắc Cửu Thứ Đệ Định. Bạc độn căn A La Hán ắt phải trải qua Tứ Không Thiên, phải mất một thời gian khá dài mới có thể chứng quả A La Hán, đạt đến Cửu Thứ Đệ Định⁹⁰. Do điều này chúng ta biết: Chỉ dựa vào một mình công phu Thiền Định rất sâu thì chỉ có thể đoạn Phiền Não Chướng, phá Nhân Ngã Chấp, chưa thể phá Pháp Ngã Chấp, chẳng thể phá Sở Tri Chướng. Do vậy, người ấy chưa thể kiến tánh. Đó là người chỉ tu Thiền Định, từ Tứ Không Thiên mà nhập Diệt Tận Định. Diệt Tận Định chính là Cửu Thứ Đệ Định, trong quá khứ khi giảng kinh Lăng Nghiêm, chúng ta cũng thường thảo luận vấn đề này.

Do tập khí tu học trong nhiều đời nhiều kiếp, nên người ấy chấp trước Không, tức là chấp trước Pháp Không, biết con người là giả tướng, do nhân duyên Tứ Đại và Ngũ Âm hòa hợp mà hiện ra huyễn tướng. Do vậy, vị ấy chẳng chấp trước thân là Ngã. Nói cách khác, người Tiểu Thừa cao minh hơn phàm phu chúng ta nhiều lắm. Phàm phu chúng ta rất đáng thương, chấp trước cái thân này là Ngã, cho nên mới có luân hồi trong lục đạo. Người Tiểu Thừa đã hiểu thân này chẳng phải là ta, thân là Không, nhưng chẳng biết Ngũ Uẩn cũng là Không, chẳng hiểu đạo lý này! Chúng ta đọc Tâm Kinh: “*Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”, đó là Pháp Chấp cũng phá. Phá được Pháp Chấp sẽ minh tâm kiến tánh, người Tiểu Thừa không có cách nào đạt đến cảnh giới này. Đây là điều thứ nhất, nói rõ sự chấp trước của họ.

(Diễn) Hưu phục Thanh Văn nhân, đa u Tứ Đế trung, cư Diệt dĩ hưu, cảnh bất tiền tấn, thành Triền Không chủng.

(演) 又復聲聞人，多於四諦中，居滅已休，更不前進，成纏空種。

(Diễn:) Lại nữa, hàng Thanh Văn phần nhiều ngừng nghỉ nơi Trạch Diệt Vô Vi trong Tứ Đế, chẳng còn tiến lên nữa, trở thành hạng người bị Không trói buộc).

⁹⁰ Xin chú ý, lợi căn hay độn căn A La Hán ở đây là nói về người chưa chứng quả A La Hán. Nếu là lợi căn thì sẽ có thể nhanh chóng chứng quả A La Hán (đắc Cửu Thứ Đệ Định) ngay trong Tứ Thiên Thiên, không cần phải trải qua Tứ Không Thiên.

Đây là căn bệnh lớn thứ hai của người Tiểu Thừa. Phần trên nói về tập khí khó đoạn trong quá trình tu hành, còn phần này nói họ làm lẫn tưởng Thiên Chân Niết Bàn mà họ đã chứng đắc là rốt ráo. Tứ Đế là Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Diệt Đế là quả báo xuất thế gian. Đạo là nhân xuất thế gian. Hai thứ Khổ và Tập là nhân quả thế gian; Khổ là quả thế gian, tam giới đều khổ. Tập là phiền não, là cái nhân của tam giới. Tứ Đế Khổ - Tập - Diệt - Đạo là nói đến hai thứ nhân quả thế gian và xuất thế gian. Nếu chúng ta đọc Tứ Giáo của Thiên Thai Trí Giả đại sư sẽ biết Tứ Đế có Tứ Giáo Tứ Đế, mức độ sâu hay cạn trong ấy khác biệt rất lớn. Người Nhị Thừa tu Tạng Giáo Tứ Đế; nói cách khác là Sanh Diệt Tứ Đế, từ đầu đến cuối họ tuân thủ trong phạm vi ấy. Họ tu đạo, quá nửa là ba mươi bảy Đạo Phẩm. Pháp môn tu tập của người Tiểu Thừa hết sức nhiều, nhưng nói chung, chẳng ra ngoài ba mươi bảy Đạo Phẩm. Giống như trong Đại Thừa có vô lượng pháp môn, nhưng nói chung chẳng ra ngoài Lục Độ. Lục Độ là tổng cương lĩnh của Đại Thừa, ba mươi bảy đạo phẩm là cương lĩnh của Tiểu Thừa.

Họ đoạn hết Kiến Tư phiền não, chứng Tứ Quả La Hán; do vậy, ở trong cảnh giới ấy, cho rằng không còn có chuyện gì nữa! Tứ Quả La Hán không còn học nữa. Những thứ cần phải học họ đã học toàn bộ, tốt nghiệp rồi. Đích xác đã tốt nghiệp rồi, nhưng chẳng qua vị ấy tốt nghiệp Tiểu Học! Đoạn hết Kiến Tư phiền não, còn có Trần Sa và Vô Minh, nhưng chính vị ấy không biết. Nếu biết, nhất định sẽ hồi Tiểu hướng Đại. Vị ấy không biết, ngỡ mình đã đạt đến rốt ráo. “*Cư Diệt dĩ hưu*” (ở trong Diệt bèn ngừng nghỉ), “*Diệt*” là chứng đắc Trạch Diệt Vô Vi, chúng ta thường gọi là Thiên Chân Niết Bàn, chẳng còn tiến lên nữa, trụ ở trong ấy. Do vậy, trong kinh điển Đại Thừa, đức Thế Tôn thường quở trách bọn họ “*đọa vô vi khanh*” (rớt vào hầm vô vi). Thiên Chân Niết Bàn là “*hầm vô vi*”, đọa lạc trong chỗ này, rất đáng thương! Bất quá, La Hán tuyệt đối chẳng vĩnh viễn đọa trong hầm vô vi, tuy ở đây nói là “*cánh bất tiến tấn*” (chẳng còn tiến lên), nhưng điều này có tánh chất thời gian. Trong kinh điển thường nói: Bạc A La Hán chứng đắc Vô Vi, trụ trong cảnh giới ấy hai vạn đại kiếp rồi mới giác ngộ, mới quay đầu lại, thời gian này khá dài. Bích Chi Phật thông minh hơn La Hán, phải trụ [trong Thiên Chân Niết Bàn] một vạn đại kiếp mới có thể quay đầu. Kinh điển thường nói “*định tánh La Hán*” là nói đến hạng người này. Thời gian họ trụ trong cảnh giới Thiên Chân Niết Bàn khá dài, chẳng chịu tiến lên. “*Thành Triền Không chủng*”, bị Không trói buộc. Họ vượt

ngoài Hữu, nhưng chẳng thể vượt khỏi Không, bị Không trói buộc. Đây là nói về Tứ Quả Thanh Văn.

(Diễn) *Duyên Giác nhân đa ư giác minh trung, tức lập Niết Bàn, nhi bất tiền tấn, sanh bất hóa chủng.*

(演) 緣覺人多於覺明中，即立涅槃，而不前進，生不化種。

(Diễn: *Hàng Duyên Giác phần nhiều tương giác minh là Niết Bàn, chẳng còn tiến lên nữa, trở thành chủng tánh chẳng biến đổi).*

Duyên Giác là Bích Chi Phật, căn tánh bén nhạy hơn Thanh Văn. Họ tu Quán, từ Thập Nhị Nhân Duyên mà nhập đạo. Thanh Văn tu Định, từ Định nhập môn, đoạn Kiến Tư phiền não. Duyên Giác thông minh, không chỉ có Định mà còn có Giác Quán, từ mười hai nhân duyên mà nhập môn, hiểu “*nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không*” (các pháp từ nhân duyên sanh ra, ta nói chúng chính là Không). Đức Phật thường nói như thế! Các pháp sanh từ nhân duyên không có tự tánh, bản thể của nó chính là Không. Vị ấy hiểu được đạo lý này, cho nên có thể bỏ hết thấy pháp, chẳng chấp trước, nhưng cho rằng cảnh giới mà chính mình đã chứng đắc là Niết Bàn viên mãn rất ráo, chẳng biết cảnh giới của mình chẳng khác A La Hán cho mấy, chẳng cao minh hơn bao nhiêu, cũng là ở trong “*hàm vô vi*”; bởi lẽ, vị ấy cũng không biết rõ. Loại người này “*sanh bất hóa chủng*”, “*hóa*” là biến hóa, vị ấy ngừng nghĩ giữa chừng ở chỗ này.

(Diễn) *Cố đa chấp Không, bất tu Tịnh Độ giả.*

(演) 故多執空、不修淨土者。

(Diễn: *Vì thế, họ phần nhiều chấp Không, chẳng tu Tịnh Độ).*

Thanh Văn, Duyên Giác, hai hạng người này tu đến quả vị rất ráo trong Tiểu Thừa, đều chấp trước Không, [cho rằng] Không ấy chính là Niết Bàn, mà cũng là Diệt Đế trong Tứ Đế, chấp trước vào điều này. Do vậy, họ “*chẳng tu Tịnh Độ*”, tự nghĩ chính mình đã chứng đắc Niết Bàn, còn có gì để tu nữa sao? Chẳng chịu tu Tịnh Độ!

(Diễn) *Tự vị dĩ đắc Niết Bàn cố, hựu phục yếm ly hữu vi cố.*

(演)自謂已得涅槃故，又復厭離有為故。

(Diễn: Tự cho rằng mình đã đắc Niết Bàn, lại còn chán lìa hữu vi).

Một đấng là [cứ tưởng] tự mình đã chứng đắc Niết Bàn, “chúng đắc Niết Bàn” là thành Phật rồi, tự nghĩ mình đã viên mãn. Đấng khác là chẳng muốn tu thêm nữa. Đó là căn bệnh của họ, gốc bệnh ở chỗ này. Vì sao đức Phật khuyên hai hạng người này tu Tịnh Độ? Quý vị phải hiểu: Chỉ có pháp môn Tịnh Độ mới có thể giúp chúng ta đạt đến Niết Bàn rốt ráo. Họ chứng đắc Tương Tự Niết Bàn, chứ không phải là Niết Bàn rốt ráo, chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, chưa phá căn bản vô minh. Đức Phật chẳng dùng các pháp môn khác để dạy họ, mà dùng pháp môn Niệm Phật để dạy bảo họ, thật là đại từ đại bi. Nếu họ hồi tâm chuyển ý, niệm Phật, lập tức vãng sanh, trừ phi họ chẳng xoay chuyển ý niệm, chứ hễ ý niệm chuyển bèn vãng sanh, mà phẩm vị vãng sanh lại còn cao hơn chúng ta. Với trình độ của họ, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà là sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Vì sao? Họ đã đắc Sự nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm bất loạn là đoạn Kiến Tư phiền não, mỗi vị ấy đều đã đoạn Kiến Tư phiền não. Do vậy, chỉ cần hồi tâm phát nguyện liền thành bậc thượng thiện nhân trong cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đích xác là chẳng có một pháp môn nào thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng bằng pháp môn này. Vì sao đức Phật bảo họ niệm Phật? Đạo lý là ở chỗ này!

Do đây có thể biết: Nếu chúng ta niệm Phật, dầu công phu kém một chút, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng so với hàng Nhị Thừa chưa hồi Tiểu hướng Đại, chúng ta cao minh hơn họ quá nhiều, họ chẳng bằng chúng ta. Thế nhưng, người Nhị Thừa có mấy ai chịu hồi Tiểu hướng Đại? Chẳng dễ dàng! Thật sự nhập cảnh giới ấy, nếu quý vị muốn khuyên họ hồi Tiểu hướng Đại, quá khó khăn, gần như không thể nào! Đức Phật làm thế nào để khuyên họ? Họ đã thật sự chứng Cứu Thứ Độ Định, còn chưa nhập Niết Bàn; lúc ấy chính là cơ hội để khuyên bảo họ. Do vậy, dụng ý của Phật là nhắm vào bậc A La Hán trong lúc ấy. “Bậc A La Hán vào lúc ấy” là ai vậy? Chính là Thường Tùy Chúng của Thích Ca Mâu Ni Phật thường được nhắc tới trong kinh điển, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, chính là họ. Kinh này vừa mở đầu liền liệt kê mười sáu vị La Hán thượng thủ, đối với các vị ấy mà nói kinh này.

Những vị ấy có vãng sanh hay không? Tôi nghĩ họ chắc chắn vãng sanh. Bởi lẽ, đức Phật nhắm vào họ mà giảng [kinh này]. Khi đức Phật tại thế, những đệ tử chúng đắc A La Hán đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, huống gì đời sau!

Các vị tổ sư đại đức phiên dịch kinh điển và hoằng pháp trải qua các đời tại Trung Quốc, từ đời Tùy - Đường trở về trước gần như là những vị đã chứng Tam Quả, Tứ Quả rất ít thấy, nhưng Tam Quả rất nhiều; cho nên kinh này mới có thể dịch hay như vậy! Dịch kinh quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng! Phước báo của người Trung Quốc lớn hơn người ngoại quốc quá nhiều! Hiện thời người ngoại quốc đem kinh này dịch sang ngôn ngữ của họ hết sức khó khăn. Người tu hành chứng quả mới có năng lực theo đuổi công tác này, người bình thường không có năng lực dịch kinh. Vì sao? Trong bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Họ chẳng hiểu ý nghĩa chân thật trong kinh điển, hoàn toàn là phiên dịch văn tự, phiên toái rất lớn. Ý nghĩa của Phật pháp nằm ngoài văn tự, chẳng thể chiếu theo văn tự để phiên dịch. Cổ nhân thường nói: “*Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan*” (Dựa theo văn tự để hiểu nghĩa thì ba đời chư Phật đều kêu oan uổng!). “*Tam thế*” là quá khứ, hiện tại, vị lai. Ba đời chư Phật đều kêu oan uổng!

Mười mấy năm trước, thầy Lý gặp một người ngoại quốc cầm theo một cuốn Phật Học Từ Điển bằng tiếng Anh; thầy Lý bảo người ấy tra hai danh từ rồi nói ý nghĩa của chúng. Thầy Lý hỏi: “*Lưỡng Túc Tôn là gì?*” Người ấy nói: “*Cái tôn quý nhất ở giữa hai đùi!*” Thật Tướng là gì? Người ấy nói: “*Về ngoài chân thật*”. [Người ấy hiểu nghĩa theo mặt văn tự của từng chữ]: Thật là chân thật, Tướng là hình dáng bên ngoài! Hoàn toàn dựa theo văn tự để suy đoán ý nghĩa, làm sao dịch kinh được? Bởi đó, có thể hình dung người ngoại quốc dịch kinh ra sao, đích xác là chẳng dễ dàng! Người Hoa may mắn, các vị đại đức thuở dịch kinh, chú giải, giảng kinh đều là người tu hành chứng quả, có rất nhiều vị là Phật, Bồ Tát tái lai...

Đức Phật dùng pháp môn này để khuyên hàng Tiểu Thừa hãy mau chóng chứng đắc rốt ráo viên mãn. Đoạn này nhằm nêu rõ dụng ý của Ngài.

Tiếp theo đó là phân tích cận kề: Vì sao họ chẳng tu Tịnh Độ? “*Lương dĩ sạ đắc Ngã Không*” (ấy là vì vừa đắc Ngã Không), “*sạ đắc*” là vừa mới chứng đắc, hoan hỷ! Đoạn sạch phiền não khó có lắm, niềm vui ấy chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Đoạn sạch phiền não, vui sướng lắm! Nếu cảnh giới Niết Bàn chẳng vui sướng, họ đã sớm vứt bỏ

rồi! Người Tiểu Thừa chứng cảnh giới ấy hết sức sung sướng, chẳng muốn vứt bỏ, quý vị khuyển họ tu gì họ cũng chẳng chịu tu. Đến khi ấy, đức Phật khuyển họ cũng chẳng được.

(Diễn) Sạ đắc Ngã Không giả, Không hữu tứ chủng: Nhất Nhân Không, nhị Pháp Không, tam Không Không, tứ Không Không Diệc Không.

(演) 乍得我空者，空有四種：一人空，二法空，三空空，四空空亦空。

(Diễn: “Vừa đắc Ngã Không”: Có bốn loại Không: Một là Nhân Không, hai là Pháp Không, ba là Không Không, bốn là Không Không Cũng Là Không).

Do đây có thể biết: Có bốn tầng cấp. Tiểu Thừa A La Hán mới chứng đắc tầng thứ nhất. Tầng thứ hai là chứng đắc của Bồ Tát, chứng đắc Pháp Không, gọi là Quyền Giáo Bồ Tát. Thật Giáo Bồ Tát mới chứng đắc Không Không. Không Không Diệc Không là cảnh giới của Địa Thượng Bồ Tát, thật sự thanh tịnh.

“Sạ đắc Ngã Không” chứng đắc cảnh giới ấy, “*tức sanh đăm trệ*” (liền sanh đăm trước, vướng mắc), ngừng ở nơi đó, sanh lòng tham đăm, chấp trước.

(Diễn) Tức sanh đăm trệ giả, vị trầm không trệ tịch, đọa vô vi khanh, ẩm tam-muội tửu dã.

(演) 即生耽滯者，謂沈空滯寂，墮無為坑，飲三昧酒也。

(Diễn: “Liền sanh đăm trước, vướng mắc” nghĩa là chìm đăm nơi Không, vướng mắc nơi Tịch, đọa trong hầm vô vi, uống rượu tam-muội).

Hai câu này đều là tỷ dụ. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, còn dịch là Định. Tôi vừa mới nhắc tới Cửu Thứ Đệ Định, Chánh Thọ là sự hưởng thụ đúng mực, bình thường. Sự hưởng thụ của chúng ta chẳng đúng mực, bất bình thường, có năm thứ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Khổ, lạc, ưu, hỷ là bất bình thường. Xả Thọ là tâm tình rất bình tĩnh, không có khổ, lạc, ưu, hỷ, tuy rất tốt, nhưng

thời gian ngắn ngủi, tạm bợ, chẳng thể giữ gìn vĩnh viễn. Vĩnh viễn giữ được cảnh giới ấy thì là Định, tạm thời có cảnh giới ấy thì là Xả Thọ. Trên thực tế, Định là Xả Thọ.

Tâm không có ưu, hỷ, thân không có khổ, sướng. Đó gọi là sự hưởng thụ đúng mực, bình thường. Nay bậc A La Hán đã hoàn toàn chứng đắc, hoàn toàn đạt đến cảnh giới ấy. Do vậy, họ ngừng nghỉ nơi cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy thoải mái, hết sức tự tại. Đức Phật phê bình bọn họ “*đọa vô vi khanh, ẩm tam-muội tửu*” (đọa hàm vô vi, uống rượu tam-muội). Đã say tít rượu ấy, bất động, [dùng hình ảnh ấy] để hình dung bọn họ [đắm chìm trong Không Tịch].

(Diễn) Tịnh Phật quốc độ giáo hóa chúng sanh giả.

(演) 淨佛國土教化眾生者。

(Diễn: “Cõi Phật thanh tịnh, giáo hóa chúng sanh” là...)

Tuy nghe pháp Đại Thừa, họ cũng chẳng có hứng thú lắm, vì sao? Vì Bồ Tát đạo khó hành! Người Tiểu Thừa bỏ lìa hết thấy cảnh giới, đạt được thanh tịnh tự tại, thanh tịnh tịch diệt, còn Bồ Tát ắt phải tâm địa thanh tịnh tự tại ngay trong cảnh ồn náo, công phu cao hơn người Tiểu Thừa quá nhiều. Bồ Tát có thể chống lại sự dụ dỗ, mê hoặc, còn người Tiểu Thừa chưa thể, tôi né tránh anh, tôi không qua lại với anh, mong sao thanh tịnh tịch diệt! Vì vậy, người Tiểu Thừa chẳng có ý nguyện độ sanh. Chẳng phải là nói họ không độ chúng sanh, mà là nếu quý vị tìm đến họ, nếu họ ưa thích quý vị thì sẽ dạy bảo, nhất quyết chẳng chủ động dạy dỗ người khác. Quý vị đến tìm họ, nếu chẳng có duyên phận với họ, họ cũng chẳng tiếp nhận quý vị. Có duyên phận bèn tiếp nhận, chẳng giống như Bồ Tát đại từ đại bi dạy dỗ không phân biệt. Đây là tâm lượng bất động!

Chính vì người Tiểu Thừa chẳng muốn hóa độ chúng sanh, nên đối với cõi Phật thanh tịnh (tức Tây Phương Cực Lạc thế giới), họ chẳng có hứng thú. Vì sao chúng ta muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải hiểu rõ điều này! Nếu chẳng hiểu rõ, trong tương lai sẽ chẳng thể vãng sanh! Vì trong tương lai muốn hóa độ chúng sanh thì quý vị phải hoàn thành “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Nếu quý vị không có nguyện như vậy, sẽ chẳng đến thế giới Tây Phương được! Bởi lẽ, người trong thế giới Tây Phương ai nấy đều có tâm lượng rộng lớn, đều phát nguyện phổ độ chúng sanh. Quý vị phát nguyện về đó hưởng phước thì không được rồi! Mọi người không

có cách nào dung nạp quý vị cả! Tâm của người Tiểu Thừa là muốn tự mình hưởng phước, chẳng muốn chuốc lấy phiền phức, chẳng muốn độ chúng sanh. Do chí thú chẳng hợp nhau, nên họ chẳng muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Diễn) Tịnh Danh Kinh vân.

(演) 淨名經云。

(Diễn: Kinh Tịnh Danh nói).

Tịnh Danh Kinh chính là Duy Ma Cật Kinh.

(Diễn) Bồ Tát thủ u tịnh quốc, giai vị nhiều ích chư chúng sanh cố.

(演) 菩薩取於淨國，皆為饒益諸眾生故。

(Diễn: Bồ Tát giữ lấy cõi tịnh đều nhằm lợi ích các chúng sanh).

Duyên có như vậy, tiếp theo đây là nói về ba thứ Bồ Đề tâm.

(Diễn) Bảo Tích⁹¹, đương tri trực tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh lai sanh kỳ quốc.

(演) 寶積。當知直心是菩薩淨土，菩薩成佛時，不詭眾生來生其國。

(Diễn: Nay Bảo Tích! Hãy nên biết trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, những chúng sanh chẳng siểm khúc sẽ sanh về cõi Ngài).

Ở chỗ này, tuy là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, nhưng hiện thời chúng ta phải hiểu rõ, phải học vì đại hoàn cảnh và tiểu hoàn cảnh rất tương tự. A Di Đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc tại Tây phương, đó là

⁹¹ Trong Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh, Bảo Tích là tên một vị Trưởng Giả tại thành Tỳ Da Ly (Vaisālī), thượng thủ của năm trăm vị trưởng giả, nương theo Phật thân lực đến cúng dường, tán thán, rồi thưa hỏi: “*Bạch đức Thế Tôn! Năm trăm vị trưởng giả này đều đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện được nghe cõi Phật thanh tịnh. Kính mong đức Thế Tôn giảng về hạnh Tịnh Độ của Bồ Tát*”. Nhân đó, đức Phật bèn giảng phẩm đầu tiên của kinh Duy Ma Cật là phẩm Phật Quốc, trong đó có những câu được sách Diễn Nghĩa trích dẫn ở đây.

một đại đạo tràng, nay chúng ta ở trong cái thư viện nhỏ này là một tiêu đạo tràng. Tuy A Di Đà Phật có hồng nguyện tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh trong mười phương, Ngài hoàn toàn chẳng siểm mị, bợ đỡ họ: “Các vị nhất định phải sanh về chỗ tôi”, chẳng phải vậy! Quý vị muốn đến thì tôi hoan nghênh, chẳng muốn đến, tôi quyết chẳng ép buộc! Như vậy là đúng, Phật tâm mới thanh tịnh. Nếu thấy quý vị muốn đến bèn hoan hỷ, chẳng muốn đến bèn phiền não thì Phật vẫn là phàm phu! Quý vị hiểu rõ đạo lý này, chúng ta kiến lập đạo tràng bất luận lớn hay nhỏ ở chỗ này đều cũng giống như vậy. Tự viện từng lâm vào thời cổ ở Trung Quốc, người đến học bèn hoan nghênh, người chẳng muốn đến bèn chẳng mảy may cưỡng ép họ, quyết chẳng đi ra ngoài quảng cáo, đó là thái độ học Phật.

Cho đến việc giảng kinh thì thỉnh chúng nghe giảng kinh cũng là tự họ đến, cũng chẳng đi ra ngoài lôi kéo, chẳng giống như các tôn giáo khác phải đi ra ngoài lôi kéo người ta đến nghe, Phật giáo không có như thế! Phật giáo chỉ là tôi bảo quý vị: Nay ở đây chúng tôi có giảng kinh, đến hay không đến là chuyện của quý vị. Tôi chẳng báo cho quý vị biết, tức là tôi có lỗi với quý vị. Nói chung, tôi phải báo cho quý vị biết cơ hội này, quý vị muốn đến thì hoan nghênh, không muốn đến tôi cũng chẳng trách móc quý vị. Xưa kia, từng lâm tự viện giảng kinh bèn đem cái tràng treo trên cột cờ, người bên ngoài trông thấy: “Hôm nay chùa ấy có giảng kinh!” Ai thích nghe kinh thì đến, [nhà chùa] quyết chẳng đi ra ngoài lôi kéo người khác. Đó là trực tâm! Tuy hồng pháp lợi sanh, lợi lạc hết thảy chúng sanh, chớ nên đánh mất trực tâm của chính mình, đó là Tịnh Độ của Bồ Tát, tâm địa thanh tịnh lại lợi ích chúng sanh, lợi ích chúng sanh quyết chẳng đánh mất cái tâm thanh tịnh của chính mình.

(Diễn) Thâm tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, cụ túc công đức chúng sanh lai sanh kỳ quốc.

(演) 深心是菩薩淨土，菩薩成佛時，具足功德眾生來生其國。

(Diễn: Thâm tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sẽ sanh về cõi Ngài).

Nói đơn giản, “thâm tâm” là ưa thiện chuộng đức, đó là thâm tâm. Ưa thích hết thảy pháp lành. Bồ Tát thuần thiện, Phật là “chỉ u chí

thiện”⁹², phàm những chúng sanh ưa thích thiện hạnh sẽ tự nhiên kéo đến, Tây Phương Tịnh Độ có đạo lý như vậy đó. Lục đạo luân hồi có nguyên lý như thế này: Thật ra, quý vị sanh vào đường nào, chắc chắn chẳng phải do vua Diêm La phán quyết quý vị đi vào đường đó, cũng chẳng phải do Phật, Bồ Tát làm chủ tể bảo quý vị đi vào đó, mà do quý vị tự động đi vào! Đi vào bằng cách nào? Quý vị rất có hứng thú đối với nơi đó, chính là như Khổng lão phu tử đã nói trong phần Hệ Từ của kinh Dịch: “*Nhân dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân*” (người nhóm theo loài, vật tụ theo bày)⁹³, chí đồng đạo hợp mà! Kẻ thích làm ác, đều đi vào ác đạo, thấy cảnh giới ấy là “chí đồng đạo hợp”, bèn đi vào. Ưa thích thiện hạnh bèn đi vào thiện đạo.

Cổ nhiên nghiệp nhân trong lục đạo rất phức tạp, nhưng chủ yếu nhất thì [nghiệp nhân của] thiên đạo là Thập Thiện Nghiệp Đạo, [nghiệp nhân của] nhân đạo là Ngũ Giới. Trong đời quá khứ, tu Ngũ Giới, Ngũ Thường, “nhân, lễ, nghĩa, trí, tín” như Nho gia đã nói có cùng một tinh thần với Ngũ Giới [nhà Phật], đó gọi là “nhân cách”; trong lục đạo giữ được tư cách của nhân đạo. Tư cách để sanh lên trời là Thập Thiện, Tứ Thiên, Bát Định, Tứ Vô Lượng Tâm. Cõi trời có hai mươi tám tầng, sáu tầng ở phía dưới [thuộc về] Dục Giới Thiên lấy Thập Thiện làm chủ yếu, Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên lấy Thiên Định và Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả) làm chủ. Nghiệp nhân của ngạ quỷ đạo là keo kiệt, tham lam, [nghiệp nhân của] súc sanh đạo là ngu si, chẳng thể hiểu rõ đúng - sai, thiện - ác, lợi - hại, [nghiệp nhân của] địa ngục đạo là nóng giận. Trong kinh luận, đức Phật thường giảng về nghiệp nhân của lục đạo, chúng ta chớ nên không hiểu rõ! Nghiệp nhân của Thanh Văn là tu

⁹² Theo chú giải của Nho gia, “*chí u chí thiện*” nghĩa là đạt đến cảnh giới hoàn thiện tột bậc. Về sau, từ ngữ này được dùng với nghĩa rộng hơn là đã đạt đến cảnh giới tối cao, toàn thiện, và an trụ trong cảnh giới ấy, không để mất đi.

⁹³ Câu này hàm nghĩa những sự vật có cùng một tánh chất sẽ thu hút lẫn nhau, hoặc nói rộng hơn là phân chia sự vật theo tánh chất đặc trưng của chúng. Hệ Từ là một phần của Dịch Truyện, tức là những lời chú giải kinh Dịch, thường được coi là trước tác của Châu Văn Vương và Khổng Tử. Dịch Truyện bao gồm Thoán Truyện, Tượng Truyện, Văn Ngôn Truyện, Hệ Từ Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tụ Quái Truyện và Tạp Quái Truyện. Hệ Từ Truyện vốn là lời giải thích phần Hệ Từ. Theo quan điểm truyền thống do Châu Hy đề xướng, Châu Văn Vương và Châu Công giải thích mỗi quẻ trong kinh Dịch rồi buộc (hệ) dưới mỗi quẻ (thờ xưa chưa có giấy, những ghi chép được viết lên thẻ bằng tre), hợp thành kinh văn ngày nay của kinh Dịch. Hệ Từ Truyện do Khổng Tử viết nhằm giải thích Hệ Từ cũng như giải thích ý nghĩa chung của trọn bộ kinh Dịch.

pháp Tứ Đế, Duyên Giác tu Thập Nhị Nhân Duyên, Bồ Tát tu Lục Độ, Phật là tâm bình đẳng. Chân từ bình đẳng là cái nhân thành Phật. Nhìn từ chỗ này, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là nơi chí đồng đạo hợp. “*Cụ túc công đức*” (đầy đủ công đức), công đức là Tín - Nguyện - Hạnh.

(Diễn) *Nãi chí lục độ vạn hạnh đẳng.*

(演) 乃至六度萬行等。

(Diễn: *Cho đến lục độ vạn hạnh v.v...)*

Bồ Tát vãng sanh cõi ấy. Đối với Bồ Tát, nếu nói theo Biệt Giáo thì các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư hoặc sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Bậc Địa Thượng Bồ Tát nhất định sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Do vậy, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ nhất định phải phát nguyện giáo hóa chúng sanh, phải phát ra đại nguyện ấy. Đó là nói tới “*đầy đủ công đức, đầy đủ nhân lành*”. Người Tiểu Thừa thiếu khuyết chuyện này, chỉ độ chính mình, chẳng độ chúng sanh. Vì thế, họ rất khó tiếp nhận điều kiện này!

(Diễn) *Tâm bất hỷ nhạo giả, hướng do trước Hữu.*

(演) 心不喜樂者，向由著有。

(Diễn: *Tâm chẳng vui thích vì còn chấp Hữu).*

Một mực chấp vào Có.

(Diễn) *Cổ thọ luân hồi.*

(演) 故受輪迴。

(Diễn: *Nên hứng chịu luân hồi).*

Trước khi chúng đắc A La Hán, người ấy ở trong sanh tử luân hồi, nguyên nhân của sanh tử luân hồi là chấp Có: Có thiện, có ác, có tham, có sân, có si. Những thứ này quả thật đều chẳng có, chỉ là huyền giác trong mê tâm của quý vị. Nói theo cách bây giờ, chúng thuần túy là một thứ vọng tưởng trừu tượng chẳng có thật. Ví như tham, quý vị hãy hỏi quang phản chiếu cặn kẽ, tham ở nơi đâu? Trong bộ phận nào, tế bào nào của thân thể có tham? Tìm chẳng ra! Kinh Kim Cang nói: “*Tam tâm bất*

khả đắc” (ba tâm chẳng thể được). Tâm tham chẳng thể được, tâm si chẳng thể được, tâm sân khuê chẳng thể được, thiện tâm chẳng thể được, ác tâm chẳng thể được, quý vị tìm không ra. Những tâm ấy ở chỗ nào? Nếu biết chúng ở chỗ nào, sẽ dễ giải quyết lắm! Hiện thời kỹ thuật giải phẫu rất tiến bộ, tế bào nào có tâm tham bèn cắt bỏ đi, tâm tham chẳng còn nữa! Tìm chẳng ra, không hề có!

Thế nhưng có mấy ai trong bọn phàm nhân chúng ta hồi quang phản chiếu, tìm tòi phiền não của chính mình rốt cuộc là ở chỗ nào? Tìm Tham trọn chẳng thể được! Ví như chúng ta đẩy lên ý niệm Tham nơi cảnh giới, cổ đại đức thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chận*”. Quý vị đẩy lên tâm tham, đừng lo lắng, hễ tâm tham đẩy lên bèn ngay lập tức xoay chuyển nó, tâm tham ở nơi đâu? Quý vị tìm nó, nó sẽ không còn nữa. Đó gọi là Quán Chiếu. Chẳng thể quán chiếu thì dùng một câu Phật hiệu để thay thế, vì cái tâm quán chiếu phải rất vi tế, kẻ tâm ý thô tháo, hời hợt sẽ không thể làm được, công phu này rất khó thành tựu! Thực tại là chẳng thể được! Vì thế, oan uổng luân hồi trong lục đạo, chẳng có thứ ấy, chính mình ngỡ nó là có. Ngỡ là có? Chẳng phải là thật sự có ư? Chẳng phải thật sự có! Giả có! Chúng ta cần phải giác ngộ điều này!

Người Tiểu Thừa đến khi ấy cũng được coi là đã giác ngộ, đã chứng đắc Chánh Giác. Chánh Giác là biết Nhân Ngã Không, biết Kiến Tư phiền não đều là Không, người ấy mới có thể đoạn được. Nếu chẳng biết là Không, sẽ chẳng đoạn được! Người ấy biết Kiến Tư phiền não là trừu tượng, trọn chẳng thể được, đấy chỉ là một thứ quan niệm sai lầm mà thôi! Thật ra, đâu có chuyện ấy! Hiện tại, họ đã nhập cảnh giới này.

(Diễn) Luân hồi sạ tức.

(演) 輪迴乍息。

(Diễn: Luân hồi vừa dứt).

Vượt thoát lục đạo luân hồi, đắc tự tại. Người Nhị Thừa được giải thoát nửa phần, chưa giải thoát rốt ráo. Họ vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng còn thọ sanh trong tam giới nữa. Nếu họ lại sanh trong tam giới là do “*thừa nguyện tái lai*” (theo bổn nguyện trở lại), chứ không phải do nghiệp lực mà trở lại, họ do nguyện lực mà sanh. Phạm là những bậc do nguyện lực mà sanh thì đều đã hồi Tiểu hướng Đại. Nếu không hồi Tiểu hướng Đại, họ chẳng chịu trở lại, vì sao? Họ sanh vào đây nhằm giáo

hóa chúng sanh. Nếu không, họ sanh vào thế giới này chẳng có ý nghĩa gì hết! Vì thế, chẳng hỏi Tiểu hướng Đại, sẽ chẳng thể quay lại.

(Diễn) Vị trước thiên không Niết Bàn chi lạc.

(演) 味著偏空涅槃之樂。

(Diễn: Tham đắm niềm vui nơi Thiên Không Niết Bàn).

Do trong Thiên có pháp vị, họ bèn hưởng thụ. Chữ “vị” (味) tượng trưng cho sự hưởng thụ; sự hưởng thụ tối cao vô thượng [đôi với Tiểu Thừa] là “*Thiên Không Niết Bàn chi lạc*”. Cái Không này chẳng thể gọi là Chân Không, chỉ có thể gọi là Thiên Không, tức là chưa viên mãn Chân Không, chỉ có thể chứng đắc một phần. Do chẳng viên mãn nên gọi là Thiên Không (cái Không thiên lệch).

(Diễn) Văn thuyết Bồ Tát quảng hành vạn hạnh, Tịnh Độ hóa sanh, tự nhiên bất sanh nhất niệm háo nhạo chi tâm dã.

(演) 聞說菩薩廣行萬行，淨土化生，自然不生一念好樂之心也。

(Diễn: Nghe nói Bồ Tát rộng hành muôn hạnh, Tịnh Độ hóa sanh, tự nhiên chẳng sanh một tâm niệm ưa thích nào!)

Nghe nói Tịnh Độ phải thế nguyện học vô lượng pháp môn, phải thế nguyện độ vô biên chúng sanh, [họ bèn cảm thấy] chuyện này phiền phức quá, nhiều thêm một chuyện chẳng bằng bớt đi một chuyện, bớt đi một chuyện chẳng bằng không có chuyện gì. Đây là ý niệm của bậc A La Hán. Vì thế, đương nhiên họ chẳng muốn tiếp nhận, hứng thú chẳng dấy lên! Trạng huống của người Tiểu Thừa nói chung là như thế; nhưng đức Phật vẫn dùng các thứ phương tiện thiện xảo để dẫn dụ họ, khiến cho họ quay đầu. “*Cổ linh hồi Tiểu hướng Đại, phát ý vãng sanh*” (nên khiến cho họ hồi Tiểu hướng Đại, phát tâm vãng sanh). Đây là ý nghĩa thứ tư vì sao đức Phật nói kinh này. Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo, Liên Trì đại sư tự mình chú giải đoạn văn của Ngài.

(Sớ) Sạ đắc Ngã Không giả.

(疏) 乍得我空者。

(Sớ: Vừa đắc Ngã Không là...)

Ngài chú giải rất cặn kẽ, quả thật khiến cho chúng ta có thể thâm nhập kinh giáo. Quý vị thật sự đọc kỹ càng bộ Sớ Sao này thì hết thấy các kinh luận hễ tiếp xúc liền thông hiểu, bởi lẽ, tất cả những nguyên lý và nguyên tắc trong các kinh luận Đại Tiểu Thừa đều giống nhau, đúng là “*một kinh thông, hết thấy kinh thông*”. Nhưng quán thông bộ kinh này quả thật chẳng dễ dàng, nếu chúng ta không có bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư và sách Diễn Nghĩa của pháp sư Cố Đức, chúng ta chẳng dễ gì nhìn ra ý nghĩa trong kinh Di Đà.

(Sớ) *Tiểu Thừa dẫn ngộ Uẩn trung vô ngã, bất tri Uẩn diệt thị Không.*

(疏) 小乘但悟蘊中無我，不知蘊亦是空。

(Sớ: Tiểu Thừa chỉ ngộ vô ngã trong Uẩn, chẳng biết Uẩn cũng là Không).

Uẩn là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Năm loại này là phân chia tổng quát. Nếu chia tỉ mỉ, bất cứ một pháp nào sanh khởi đều có vô lượng nhân duyên, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói, hết sức phức tạp. Đức Phật quy nạp vô lượng nhân duyên thành năm loại lớn, gọi là Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn triển khai thành Bách Pháp, nhưng Bách Pháp vẫn là quy nạp của hết thấy các pháp. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã giảng rất rõ ràng. Vì thế, Ngũ Uẩn là hết thấy các pháp quy nạp lại, quy nạp thành năm loại lớn. Hết pháp thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài năm loại lớn này. Hữu tình chúng sanh là hiện tượng do năm loại nhân duyên lớn này hòa hợp sanh khởi. Sắc là vật chất, hiện thời chúng ta quy nạp Thọ, Tưởng, Hành, Thức thành tinh thần. Phàm là động vật, trừ nhục thể vật chất ra, còn có một bộ phận là tinh thần thì mới là một vật thể sống. Nếu là thực vật và khoáng vật thì không có bộ phận tinh thần, chỉ có Sắc. Trong Sắc lại nói đến Tứ Đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Mấy ngàn năm trước khoa học hoàn toàn chưa phát hiện kết cấu của vật chất, nhưng đức Phật đã nói đến Tứ Đại. Trong kinh điển, đức Phật thường nói: Hết thấy các tướng là một hiệp tướng. Một hiệp tướng mới là tướng thật sự bình đẳng, tức là tất cả hết thấy hiện tượng đều cùng do một loại vật chất tổ hợp thành.

Tứ Đại là bốn yếu tố vật chất. Địa là một vật thể, ngay cả vật nhỏ đến đâu đi nữa, nó vẫn là vật thể. Địa tượng trưng cho Thê, tức vật thể. Hỏa Đại tượng trưng cho ôn độ (độ ấm nóng), con người hiện thời gọi Hỏa là “dương điện” (positive). Thủy Đại tượng trưng cho độ ẩm, Thủy là [những vật chất] tích âm điện (negative). Phong Đại là sự chuyển động, chẳng ngưng lặng. Nay chúng ta gọi chúng là nguyên tử, điện tử, các hạt cơ bản (elementary particles), trong tương lai khoa học lại phân tích, còn có thể phát hiện những hạt nhỏ hơn nữa. Thật ra, từ mấy ngàn năm trước, đức Phật đã thấy được vật chất cơ bản, trong kinh đã nói rất rõ ràng. Vật chất nhỏ nhất được gọi là “*cực vi vi*”, Thiên Nhân của A La Hán không thể thấy được, nhưng Ngũ Nhân viên minh của Phật trông thấy rõ ràng. Tất cả vật chất đều do những vật chất cơ bản này (cực vi vi) sắp xếp, tổ hợp thành, nhưng chúng có công thức cấu tạo khác nhau. Do vậy, Phật pháp thấy hết thấy hiện tượng hoàn toàn bình đẳng. Cổ nhân tỷ dụ: “*Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng*”. Vật chất đều là hoàng kim, tuy làm thành các món đồ vật khác nhau, mấy ngàn thứ, mấy vạn hình thể khác nhau, nhưng nguyên liệu hoàn toàn tương đồng, giá trị giống hệt như nhau.

Ngũ Uẩn được chia thành hai loại: Một là tinh thần, hai là vật chất. Vì vậy, Ngũ Uẩn lại được quy nạp thành hai pháp là Sắc và Tâm. Sắc là nói về vật chất; trong Ngũ Uẩn, Tâm được chia ra thành bốn, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là Tâm; nhưng Thức là bản thể của Tâm, Thọ, Tưởng, Hành là tác dụng. A La Hán hiểu rõ Ngũ Uẩn vốn là có, trong Ngũ Uẩn không có Ngã, Ngã là giả. Ví như cái nhà, nhà là giả, những vật liệu xây dựng là thật. Nhà do những gì tạo thành? Vốn là cốt sắt, xi-măng, gạch, ngói, những thứ ấy là thật. Chúng ta xếp đặt những vật liệu xây dựng, cất thành một căn nhà. Vật liệu chất một đống thì chẳng gọi là “nhà”. Thật ra, nhà có sanh diệt hay không? Chẳng sanh, chẳng diệt. Sắp xếp lại thì vật liệu nhiều dường ấy, mà tách ra thì cũng là chùng ấy vật liệu, nhà chẳng có sanh diệt, chỉ có sự kết hợp là tụ hay tán mà thôi!

Thân người chúng ta cũng là hiện tượng (tướng được biến hiện) do Tứ Đại và Ngũ Uẩn tụ tập, con người chúng ta có sanh diệt hay chẳng? Chẳng có sanh diệt! Thật sự là không có! Nếu quý vị nghĩ con người có sanh diệt, có già chết, thì đó là huyền giác, quý vị đã thấy làm rồi! Không có sanh diệt, giống như cuốn sách này, đóng lại thành tập thì là một cuốn sách, sau khi tách ra thì chùng đó trang tách rời, hỏi quý vị có sách hay không? Không có sách! Sách có sanh hay chẳng? Không có! Đóng lại thì chẳng tăng thêm một trang nào, xả ra cũng chẳng bớt đi

trang nào, nó là nhân duyên tụ hay tán mà thôi! Khi tụ tập chẳng tăng, lúc tán chẳng giảm. Chẳng tăng, chẳng giảm, bất sanh, bất diệt. Tướng chân thật của hết thảy các pháp là như thế. Sanh thì hoan hỷ, diệt thì đau khổ. Đó là quý vị thấy lầm, hiểu lầm, chính mình chẳng liễu giải chân tướng sự thật, nên mới tự chuốc lấy phiền phức! Nếu thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, đâu có sanh tử! Nếu ý niệm sanh tử của một cá nhân đã bỏ được và ý niệm được - mất cũng chẳng còn nữa, người ấy sung sướng lắm! A La Hán chứng đắc cảnh giới này; vì thế, các Ngài hết sức sung sướng. Các Ngài hiểu Ngũ Uẩn vô ngã, nhưng chẳng hiểu Ngũ Uẩn cũng là Không. Ví như, chúng ta hiểu rõ cái nhà là giả, do các vật liệu xây dựng tụ hay tán mà hiện tướng sanh diệt. Thật ra, tìm chẳng được tướng sanh diệt. Nếu nghiên cứu những vật liệu ấy thì chúng cũng do nhân duyên tụ hợp, không có một pháp nào chẳng phải là nhân duyên tụ hợp. Đã do nhân duyên sanh thì nó hoàn toàn không có tự tánh. Tuy kinh Phật nói đến vật chất cơ bản, nhưng vật chất cơ bản do đâu mà có? Vẫn do nhân duyên hiển hiện, bởi vậy, bản thể của chúng chính là Không!

Vật chất cơ bản từ nơi nào đến? Từ Kiến Phần biến hiện, cũng là trong Không sanh ra Có. Nếu nói tới ba tế tướng trong A Lại Da Thức thì do một niệm bất giác trong bốn tánh nên có vô minh, từ vô minh sanh ra nghiệp tướng. Nghiệp tướng là tướng Động, từ trong cái Động ấy mà sanh ra Kiến, tức là tướng Thấy; nay chúng ta nói tướng Thấy là một bộ phận của tinh thần. Do vậy, vật chất do tinh thần biến hiện. Nói cách khác, tâm và vật có cùng một nguồn. Tâm và vật có thể chuyển biến lẫn nhau, nhưng các nhà khoa học hiện thời chưa đạt đến cảnh giới này. Hiện nay, các nhà khoa học biết năng lực và vật chất có thể chuyển biến thành lẫn nhau, nhưng đó là năng lực vật chất, chứ chưa phải tâm năng. Phật pháp nói tâm năng và vật chất có thể chuyển biến trở thành lẫn nhau. Nếu có thể đạt đến mục tiêu này, chúng ta sẽ tùy tâm sở dục (thuận theo lòng muốn) trong hết thảy các thứ thụ dụng.

Tây Phương Cực Lạc thế giới và các cõi nước Phật vì sao trang nghiêm dường ấy? Muốn mặc áo, y phục bèn ở trên thân. Muốn ăn gì, đồ ăn bèn hiện trước mặt, ăn xong cũng chẳng cần rửa chén, không hề có, biến mất. Trong cái nhìn của chúng ta, đúng là chuyện thần thoại tiểu thuyết! Thật ra, xét theo lý luận thì hoàn toàn hợp lý! Ngày nào chúng ta thật sự đạt đến mức tâm năng và vật chất có thể chuyển biến trở thành lẫn nhau, không có thứ gì chẳng phải là “tùy tâm sở dục”. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi khoa học tiến triển đến mức tột cùng.

Các nhà khoa học trong thế giới chúng ta tốt nhất là nên du học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, học lấy những môn khoa học cao minh nhất, viên mãn nhất, rốt ráo nhất. Đó là thật, chẳng phải giả! Những đại khoa học gia của phương Tây đích thực là những người thông minh bậc nhất của nhân loại, đáng tiếc là họ chưa hề tiếp xúc Phật pháp, chưa nghe kinh Phật. Nếu nghe kinh Phật, tiếp xúc Phật pháp, họ càng thông minh, nhất định sẽ phát minh nhiều thứ hơn nữa! Trong kinh Phật có rất nhiều khái thị chẳng thể nghĩ bàn, khoa học càng tiến bộ, càng có ích cho Phật pháp. Những thứ đức Phật đã giảng đều có thể chứng thực!

Do họ (Thanh Văn, Duyên Giác) chẳng biết Ngũ Uẩn là Không, Ngũ Uẩn đã là Không thì bộ phận tinh thần chẳng cần phải nói nữa! Ngay cả Sắc cũng là Không, Sắc cũng chẳng phải là chân thật. Chúng ta nói đến vật chất cơ bản nhất, chúng cũng chẳng thật sự tồn tại, cũng là pháp sanh bởi nhân duyên, duyên của chúng là nghiệp tướng, kiến tướng. Do vậy, mới biến hiện ra Tướng Phần, biến hiện tướng cảnh giới. Chẳng những phải có Thiên Định rất sâu, mà còn phải có trí huệ thật sự, thì mới có thể thấy rõ chân tướng sự thật này, giống như trong Tâm Kinh đã nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời*”. Đó chẳng phải là Bát Nhã nông cạn, mà là Bát Nhã sâu, trí huệ rất sâu! “*Hành*” là quán chiếu, chiếu kiến. “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”, hai pháp Sắc và Tâm đều trọn chẳng thể được! Đây là “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”. Họ cũng chẳng có Pháp Chấp, mà cũng chẳng chấp trước pháp, như vậy thì mới có thể chứng đắc Bồ Đề viên mãn rốt ráo. Người Nhị Thừa không có công phu này!

(Diễn) Đản ngộ Uẩn trung vô Ngã, bất tri Uẩn diệt thị Không giả, Không hữu nhị: Nhất Ngã Không, vị vô ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, thử thị Nhị Thừa sở chứng. Nhị Pháp Không, vị vô Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thử thị Bồ Tát sở chứng. Kim văn “Uẩn trung vô Ngã”, thị Ngã Không dã. “Uẩn diệt thị Không” thị Pháp Không dã. Tiểu Thừa quán thân bất tịnh, quán thọ thị khô, quán tâm vô thường, quán pháp vô Ngã. Cố ngộ Uẩn trung vô ngã. Nhược chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không, tắc thị đại Bồ Tát cảnh giới, cố bỉ bất tri.

(演) 但悟蘊中無我不知蘊亦是空者，空有二：一我空，謂無我、人、眾生、壽者，此是二乘所證。二法空，謂無色受想行識，此是菩薩所證。今文蘊中無我，是我空

也；蘊亦是空，是法空也。小乘觀身不淨，觀受是苦，觀心無常，觀法無我，故悟蘊中無我。若照見五蘊皆空，則是大菩薩境界，故彼不知。

(Diễn: “Nhưng ngộ Uẩn vô Ngã, chẳng biết Uẩn cũng là Không”. Không có hai thứ: Một là Ngã Không, tức là không có ta, người, chúng sanh, thọ giả; đây là điều được chứng bởi hàng Nhị Thừa. Hai là Pháp Không tức là không có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức, đây là sở chứng của Bồ Tát. Câu “trong Uẩn không có Ngã” trong đoạn văn này chính là Ngã Không. Câu “Uẩn cũng là Không” chính là Pháp Không. Tiểu Thừa quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã; cho nên ngộ trong Uẩn không có Ngã. Nếu chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không thì đó là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát, cho nên họ (những người Tiểu Thừa) chẳng biết).

Trong kinh Kim Cang, nửa bộ đầu nhằm phá Tứ Tướng: “*Nhược Bồ Tát hữu Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng, tức phi Bồ Tát*” (Nếu Bồ Tát có Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng thì chẳng phải là Bồ Tát), chẳng phải là Bồ Tát! Tiêu chuẩn thấp nhất của Bồ Tát là phải phá Tứ Tướng. Bồ Tát phá Tứ Tướng có công phu bình đẳng với bậc Tiểu Thừa A La Hán. Tiểu Thừa A La Hán phá Tứ Tướng, vô ngã! [Chỉ chứng đắc] vô ngã thì địa vị Bồ Tát ấy trong Đại Thừa không cao, thuộc vào địa vị Tam Hiền Bồ Tát, là địa vị Thất Tín trong Viên Giáo. Địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo là giai đoạn đầu của năm mươi một địa vị Bồ Tát trong Viên Giáo, giống như đi học: Lớp Một là Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đã phá Thân Kiến, chẳng còn chấp cái thân này là ta, nhưng còn có Ngã Chấp. Ất phải đạt đến Tứ Quả, mới phá Ngã Chấp. Vì sao? Đoạn Tư Hoặc rồi, tức là đã đoạn tham, sân, si, mạn, mới thật sự đạt đến Vô Ngã. Vì thế, cảnh giới của kinh Kim Cang là cảnh giới của địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo trở lên. Cảnh giới trong nửa sau của bộ kinh ấy cao lắm, phá Tứ Kiến. “*Nhược Bồ Tát hữu Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến, tức phi Bồ Tát*”. Cảnh giới này còn cao hơn cảnh giới trước. Trong phần trước là Phá Tướng, nhưng chưa Phá Kiến; trong phần sau là Phá Kiến, triệt để phá trừ, nhà Thiền gọi [cảnh giới này] là “*minh tâm kiến tánh*”. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Trụ trong Viên

Giáo trở lên được gọi là Pháp Thân đại sĩ, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không. Đó là cảnh giới của nửa sau bộ kinh Kim Cang.

Được nêu ra ở đây là Tiểu Thừa, người Tiểu Thừa tu ba mươi bảy đạo phẩm, chia thành bảy khoa mục. Bất luận tu học bất cứ pháp môn nào, đối với mười hai mục trong ba khoa Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, chẳng thể thiếu khuyết; pháp môn Niệm Phật của chúng ta cũng không phải là ngoại lệ! Đó gọi là Chánh Trợ Song Tu. Niệm Phật là chánh tu, nếu trong cuộc sống có thể thêm vào mười hai hạng mục thuộc ba khoa ấy thì chúng sẽ giúp chúng ta đặc nhất tâm, giúp chúng ta thành tựu “công phu thành phẩm”.

Trong Tứ Niệm Xứ, điều thứ nhất là “*quán thân bất tịnh*”. Chương ngại lớn nhất của chúng sanh là quá yêu tiếc thân thể của chính mình, đây là vì chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Chẳng yêu tiếc thân thể của chính mình cũng là làm lỗi, sai lầm, nhưng quá yêu tiếc thân thể cũng là sai lầm! Nhà Phật thường nói “*tá giả tu chân*” (nhờ cái giả để tu cái thật), [nếu chúng ta hiểu câu này có nghĩa là] chúng ta phải khéo gìn giữ thân thể này, dùng nó để tu Chân, [hiểu như vậy] là hiểu lầm! “*Tá giả*” thì Giả là gì? Phật pháp là giả, nhờ vào Phật pháp giả để tu chân tánh, chứ không phải là nhờ vào thân thể giả tạm. Do vậy, chỗ này đúng là chớ nên hiểu lầm chút nào! Hễ lầm lẫn sẽ sai lệch quá xa. Vì thế, phải hiểu: Thân bất tịnh. Đối với thân thể này, quý vị nhất định phải có một cách nhìn khác, có nhân sinh quan khác hẳn. Ta biết thân thể này bất tịnh, là công cụ mà thôi; nay ta phải khéo lợi dụng công cụ này. Ta muốn một phen thành tựu sự nghiệp, hãy khéo sử dụng cái thân này. Kẻ chẳng liễu giải chân tướng, coi thân này là chính mình. Đối với người liễu giải chân tướng, thân là công cụ của ta, là công cụ để ta thành Phật, liễu sanh tử, đoạn phiền não. Ta phải khéo lợi dụng nó, đừng làm hỏng nó, mà cũng chẳng yêu tiếc nó. Coi nó như tánh mạng thì vô ích, phải khéo vận dụng nó thì mới nên!

Thân thể quả thật là một cỗ máy. Nay chúng ta nói đến phần mềm (software) và phần cứng (hardware). Cỗ máy thân thể của chúng ta cũng giống như thế, phần mềm lẫn phần cứng đều có, tổ hợp lại. Nếu khéo sử dụng bộ máy này, nó sẽ sống một trăm, hai trăm năm là chuyện bình thường. Hễ đoạn mạng thì nói cách khác là chưa khéo vận dụng, chẳng biết bảo dưỡng (maintain), tự mình làm hư hỏng. Y học Trung Quốc quả thật phi phàm! Thầy tôi nghiên cứu y học Trung Quốc rất kỹ, cụ nói: “Y học Trung Quốc chẳng phải là trị bệnh, mà dạy con người làm thế nào để chẳng ngã bệnh, ngõ hầu có thể sống hai ba trăm tuổi!” Dự phòng thích

đáng lúc bình thường thì khi thật sự có bệnh, dùng châm cứu, như hiện thời nói tới phương pháp “*chỉ áp*” (bấm huyết). Trên thực tế, quả thật là bất đắc dĩ mới dùng thuốc. Thuốc thang là phương pháp trị liệu rất thấp kém, cách trị liệu bậc cao chẳng dùng đến thuốc! Hễ bị bệnh tật, nói chung là ở nơi nào đó bị chướng ngại! Chẳng hạn như huyết dịch tuần hoàn không tốt, bị bế tắc ở chỗ nào đó. Đả thông chỗ bế tắc ấy, người đó sẽ khôi phục sức khỏe, trở lại bình thường. Thầy thuốc thật sự cao minh nghe tiếng nói của quý vị, nhìn vào cử chỉ hành động của quý vị sẽ phán đoán mười năm, hai mươi năm sau quý vị bị bệnh ở đâu! Quán thân bất tịnh, khéo lợi dụng thân thể này, chẳng làm hỏng nó, giống như chúng ta có một chiếc xe, hoàn toàn hiểu rõ tánh năng (functionalities) của chiếc xe ấy, ta khéo lợi dụng nó để làm công cụ giao thông, tuổi thọ của nó sẽ lâu dài!

Thứ hai, “*quán thọ thị khổ*”: Đối với chính mình có sự cảnh giác càng lớn hơn nữa! Chẳng còn tham luyến sự luân hồi trong tam giới lục đạo, biết tam giới đều khổ, trong ấy chỉ có khổ, chẳng có vui.

Thứ ba, “*quán tâm vô thường*”: Tâm ở đây là tâm sanh diệt, tâm sanh diệt là vô thường, thoát nghĩ Đông rồi thoát nghĩ Tây, chẳng thể nghĩ mãi một chuyện gì. Nếu có thể nghĩ mãi một chuyện gì tức là người ấy đắc Định. Đó gọi là tam-muội. Đức Phật dạy chúng ta chỉ nghĩ tới A Di Đà Phật. Nếu chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối chỉ nghĩ tới A Di Đà Phật thì công phu đã thành phiền, hay nhất tâm bất loạn, thành tựu rồi! Phải mất bao lâu? Nếu trong một ngày quý vị thành công thì đích thực ngày hôm ấy quý vị đã thực hiện xong chuyện liễu sanh tử, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhưng nói thì rất đơn giản, quý vị hãy nghĩ xem, chẳng cần nói nhiều, năm phút là xong rồi, quý vị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, một mặt A Di Đà Phật, một mặt vẫn suy nghĩ loạn xạ; vì thế, chẳng có cách nào hết! Chúng ta thường phải rèn luyện điều này!

Vì sao có vọng tưởng? Vẫn là vì chưa buông xuống, chưa thấy thấu suốt. Chẳng biết chân tướng sự thật của hết thấy, chưa thấy thấu suốt! Chưa thấy thấu suốt, nên không buông xuống được! Nếu quý vị thật sự thấy thấu suốt, không gì chẳng buông xuống được! Thấy thấu suốt, sẽ buông xuống được! Buông xuống giúp quý vị thấy thấu suốt, thấy thấu suốt lại giúp quý vị buông xuống. Do vậy, chúng ta thấy thấu suốt một chút, hãy nhanh chóng buông xuống một chút. Nói là đã thấy thấu suốt mà vẫn chưa chịu buông xuống thì sự thấy thấu suốt của quý vị chỉ là thấy thấu suốt một tí xíu, công phu chẳng thể tiến bộ. Do vậy, hai

điều này (thấy thấu suốt và buông xuống) giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau. Càng buông xuống nhiều, cảnh giới thấy thấu suốt càng cao. Vì thế, một mặt thấy thấu suốt, một mặt phải buông xuống, tuyệt đối chớ nên tham luyến. Đừng nghĩ rằng: Thứ gì ta cũng buông xuống thì ta chẳng có thứ gì hết! Ngày mai chúng ta sống sót bằng cách nào đây? Quý vị còn chưa buông xuống, tức là vẫn chưa thấy thấu suốt. Thật sự thấy thấu suốt, phước báo tự nhiên! Buông xuống, trong mạng quý vị đã có thì tới lúc nó sẽ tự nhiên đưa tới. Dầu trong mạng sẵn có, [tài vật] đưa tới, chúng ta chỉ cần ăn no, mặc ấm, những thứ dư ra đều phải buông xuống. Bởi lẽ, tích trữ trong pháp giới là đáng tin cậy nhất, chẳng bị biến chất, mà cũng chẳng bị mất giá. Để ở chỗ nào cũng đều chẳng đáng tin cậy. Để ở trong ngân hàng có thể bị mất giá, để trong công ty hay cửa hàng của người ta có thể bị đóng cửa, đều là phiền toái, vẫn chẳng bằng đem bố thí. Bố thí hết, do quý vị không thụ dụng, nên phước báo vẫn còn. Không chỉ vẫn còn, mà còn tăng trưởng. Đó là người thông minh nhất.

Thứ tư là “*quán pháp vô Ngã*”, “*pháp*” là hết thấy vạn pháp. Hết thấy vạn pháp đều không có tự tánh, không có tự thể. Vì thế, Phật pháp

nói “*vạn pháp đều Không*”, do đạo lý này. Chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không. Đó là cảnh giới của đại Bồ Tát. Đối với người Tiểu Thừa, Ngũ Uẩn đều chẳng Không, nhưng nhân ngã đã Không rồi. Do vậy, đây là hai thứ cảnh giới khác nhau.

(Diễn) Diệc thị Không giả, dĩ Ngũ Âm pháp, tự tánh bất sanh, tức vô hữu diệt, bản lai Niết Bàn cố.

(演) 亦是空者，以五陰法，自性不生，則無有滅，本來涅槃故。

(Diễn: “Cũng là Không”: Do tự tánh của pháp Ngũ Âm chẳng sanh, nên chẳng có diệt, vốn là Niết Bàn).

Niết Bàn là tịch diệt.

(Sớ) Chấp cảnh vi Hữu, duy dục ty cảnh xu tịch, cố văn Tịnh Độ hóa sanh, tâm bất hỷ nhạo.

(疏) 執境為有，唯欲避境趨寂，故聞淨土化生，心不喜樂。

(Sớ: Chấp cảnh là Có, chỉ muốn tránh né cảnh, hướng về vắng lặng, nên nghe đến chuyện hóa sanh trong Tịnh Độ tâm chẳng vui ưa).

Vị ấy chưa thật sự triệt để hiểu rõ chân tướng sự thật, cho nên mới có sự hiểu lầm này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 58

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bảy mươi sáu:

(Sớ) Như chư Thanh Văn, bất kiến Xá Na thần lực, bất dự Bồ Tát đại hội, dĩ bản bất tán thuyết thập phương Phật sát thanh tịnh công đức cố.

(疏) 如諸聲聞，不見舍那神力，不與菩薩大會，以

本不讚說十方佛刹清淨功德故。

(Sớ: Như các Thanh Văn chẳng thấy thần lực của Lô Xá Na Phật, chẳng dự đại hội của Bồ Tát, vì họ vốn chẳng khen nói công đức thanh tịnh của mười phương cõi Phật).

Trong đoạn này, đại sư dẫn kinh Hoa Nghiêm để nói; thuở Phật tại thế, hàng Tiểu Thừa hạn cuộc trong phạm vi nhỏ bé, nên đức Phật rất ít khi bảo họ: “Có mười phương thế giới, có mười phương chư Phật”, vì sao? Họ chẳng thể tiếp nhận, cho nên đức Phật chỉ nói với họ về thế giới Sa Bà. Mãi cho đến ngày nay, những quốc gia Tiểu Thừa như Thái Lan chỉ thừa nhận có một vị Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trừ Thích Ca Mâu Ni Phật ra, chẳng thừa nhận có Phật ở phương khác, càng chẳng thừa nhận con người có thể tu hành thành Phật. Họ cho rằng tu hành tối đa chỉ có thể thành A La Hán, chẳng thể thành Phật. Thật ra, trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói rõ ràng: Đây là tập khí nhiều đời nhiều kiếp của họ, chứ không phải là ngẫu nhiên. Giống như người Trung Quốc, nói đến chư Phật nơi phương khác, thế giới nơi phương khác, chúng ta đều có thể tiếp nhận, đấy cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Đúng như trong xã hội hiện tại, có rất nhiều người nói chuyện quý thần với họ thì có người tin tưởng, có kẻ nhất quyết không tin tưởng, về căn bản là chẳng thể nào làm cho họ tin tưởng được; điều này cũng có quan hệ mật thiết với nhân duyên trong quá khứ.

Hạng người Tiểu Thừa do nhiều đời nhiều kiếp chưa từng tiếp xúc Phật pháp Đại Thừa, cũng chưa từng tham dự đại hội Bồ Tát nào (tức là pháp hội Đại Thừa), vì sao? Vì có những người từ bao kiếp lâu xa đến nay chưa hề tán thán Phật, Bồ Tát, họ chẳng có tí xíu ý nghĩ cung kính nào. Tuy chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi đối với họ, nhưng vì căn tánh của họ chưa chín muồi, tạm thời để họ qua một bên, chẳng hỏi tới. Vì sao Phật, Bồ Tát chẳng dùng pháp Đại Thừa để tiếp dẫn họ? Quý vị phải hiểu: Họ gặp gỡ pháp Đại Thừa, chẳng những không tán thán mà còn hủy báng, hủy báng là tạo tội nghiệp. Do đó, chư Phật, Bồ Tát vẫn vì lòng đại từ đại bi, tránh cho họ khỏi tạo tác ác nghiệp. Do vậy, chẳng nói tới mười phương Phật, cũng chẳng nói Phật pháp Đại Thừa với họ. Có phải là Phật, Bồ Tát chẳng quan tâm đến họ hay không? Chẳng phải vậy! Phật, Bồ Tát ứng hóa trước mặt bọn họ, nên dùng Tiểu Thừa để độ họ thì Phật, Bồ Tát bèn hiện thân Tiểu Thừa để độ thoát. Từ chỗ này mới thấy

được lòng từ bi thật sự của Phật, Bồ Tát, lũ tâm thường chúng ta chẳng thể nào tưởng tượng được!

Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo, đoạn văn ấy càng nói rõ hơn nữa:

(Sớ) Cổ vị Tiểu Thừa vô tha Phật chi thuyết, đại giáo hữu sát hải chi đàm.

(疏) 古謂小乘無他佛之說，大教有刹海之談。

(Sớ: Cổ nhân nói: “Tiểu Thừa không nói đến vị Phật nào khác, giáo pháp Đại Thừa bàn đến sát hải⁹⁴”).

Đây cũng là dẫn lời cổ đức để làm chứng.

(Sớ) Tư danh độc thiện chi lưu, diệc hiệu Độn A La Hán, thị dĩ giáo linh hồi đoạn diệt tâm, tu Tịnh Độ hạnh. Nãi tri chư Phật, Bồ Tát, bi trí hạnh nguyện, như thị quảng đại, như thị vô tận, tâm bất ngại cảnh, cảnh bất ngại tâm, nhất thiết chư pháp, bốn tánh tự không, chung nhật độ sanh, chung nhật vô độ, nhi đơn tu Thiền Định, bất nguyện vãng sanh, thị vi đại thất hĩ.

(疏) 斯名獨善之流，亦號鈍阿羅漢，是以教令回斷滅心，修淨土行。乃知諸佛菩薩，悲智行願，如是廣大，如是無盡，心不礙境，境不礙心。一切諸法，本性自空，終日度生，終日無度，而單修禪定，不願往生，是為大失矣。

(Sớ: Hạng người này được gọi là “hạng người chỉ biết tốt lành cho riêng mình”, còn gọi là Độn Căn A La Hán, cho nên phải dạy cho họ xoay cái tâm đoạn diệt lại, tu Tịnh Độ hạnh. Do vậy biết bi trí hạnh nguyện của chư Phật, Bồ Tát rộng lớn như thế, vô tận như thế, tâm chẳng ngại cảnh, cảnh chẳng ngại tâm. Hết thấy các pháp, bốn tánh của chúng tự rỗng không, suốt ngày độ sanh mà suốt ngày chẳng độ. Chỉ tu Thiền Định, chẳng nguyện vãng sanh, sẽ bị mất mát to lớn vậy).

⁹⁴ Sát (刹) là Phật sát, tức cõi Phật, còn gọi là “sát độ”. Một cõi Phật nhỏ nhất sẽ là một tam thiên đại thiên thế giới. Do có vô lượng vô biên cõi Phật chẳng thể tính kể được nên dùng chữ “hải” (biển cả) để hình dung số lượng các cõi Phật.

Câu nào cũng là lời chân thật.

(Diễn) *Cổ vị hạ, dẫn cổ ngữ vi chứng.*

(演) 古謂下，引古語為證。

(Diễn: Từ chữ “cổ nhân nói” trở đi, dẫn lời người xưa để làm chứng).

Từ câu “cổ vị Tiểu Thừa vô tha Phật chi thuyết” trở đi.

(Diễn) *Vô tha Phật chi thuyết giả, Tiểu Thừa dẫn tri hữu Thích Ca, bất tri thập phương chư Phật, thử cú ảnh lược Đại giáo hữu tha phương chư Phật.*

(演) 無他佛之說者，小乘但知有釋迦，不知十方諸佛，此句影略大教有他方諸佛。

(Diễn: “Vô tha Phật chi thuyết”: Tiểu Thừa chỉ biết có Phật Thích Ca, chẳng biết đến mười phương chư Phật. Câu này nói đại lược: Theo giáo pháp Đại Thừa, có chư Phật ở những phương khác).

Nhất định có chư Phật ở những phương khác thì về mặt giáo nghĩa mới có thể nói thông suốt được! Nhất là Phật pháp được kiến lập trên quan niệm tuyệt đối bình đẳng. Nếu không có chư Phật ở những phương khác thì sẽ giống như các tôn giáo thông thường rồi: Chỉ có một Thượng Đế, không có vị Thượng Đế thứ hai! Nói như vậy sẽ chẳng thông. Phật pháp nhằm dạy con người tôn kính sự bình đẳng ấy: Hết thầy chúng sanh đều có thể thành Phật. Huống chi trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật thẳng thừng bảo chúng ta: “*Hết thầy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Kinh Viên Giác cũng có câu giống như thế; đây mới thật sự là bình đẳng, là lời luận định rất ráo.

(Diễn) *Hữu sát hải chi đàm giả.*

(演) 有刹海之談者。

(Diễn: Có bàn đến “sát hải” là...)

Đây là Phật pháp Đại Thừa.

(Diễn) Như Hoa Tạng Thế Giới phẩm.

(演) 如華藏世界品。

(Diễn: Như trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới)

Đây là nói đến kinh Hoa Nghiêm, [trong kinh ấy], đức Phật dạy:

(Diễn) Hữu thập bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới chủng.

(演) 有十不可說佛刹微塵數世界種。

(Diễn: Có các thế giới chủng số lượng nhiều bằng số vi trần trong mười bất khả thuyết cõi Phật).

“Chủng” là chủng tử, có chủng tử lại có thể biến hiện ra vô lượng vô biên thế giới; vì vậy, thế giới quả thật vô lượng vô biên!

(Diễn) Nhất nhất thế giới chủng hữu nhị thập chủng vô tận thế giới.

(演) 一一世界種有二十種無盡世界。

(Diễn: Mỗi một thế giới chủng có hai mươi thứ thế giới vô tận).

Kinh Hoa Nghiêm nêu ra vũ trụ quan của Đại Thừa Phật giáo, quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Thử cú ảnh lược Tiểu Thừa duy tri hữu Sa Bà.

(演) 此句影略小乘唯知有娑婆。

(Diễn: Câu này nói đại lược: Tiểu Thừa chỉ biết có Sa Bà).

Người Tiểu Thừa chẳng biết có các thế giới nơi phương khác. Vũ trụ quan và nhân sinh quan của Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau, do vậy, tu hành và chứng quả khác nhau rất lớn.

Tiếp theo đây, [sách Diễn Nghĩa] giải thích đoạn văn “chư Phật, Bồ Tát, bi trí hạnh nguyện như thị quảng đại, như thị vô tận”.

(Diễn) Chư Phật, Bồ Tát cụ tam duyên bi.

(演) 諸佛菩薩，具三緣悲。

(Diễn: Chư Phật, Bồ Tát có ba thứ duyên bi).

“*Tam duyên bi*”, Bi là từ bi, chư vị phải nhớ: Đó là Chúng Sanh Duyên, Pháp Duyên và Vô Duyên. Thông thường, trong Phật pháp nói tới bốn thứ Duyên, ở đây chỉ nói ba duyên. Chúng sanh luôn là Ái Duyên Từ, [nghĩa là] tôi thích người nào đó, tôi đối xử rất từ bi đối với kẻ ấy. Quý vị phải hiểu: Từ bi là Ái, Ái là từ bi. Vì sao đức Phật chẳng nói Ái, mà nói từ bi? Điểm xuất phát khác nhau, Ái sanh từ Lý tánh thì gọi là từ bi, sanh từ cảm tình thì gọi là Ái. Vì thế, Ái và từ bi là một chuyện. Bởi lẽ, Ái bị biến thành ngũ dục, lục trần, bị ô nhiễm; còn từ bi chẳng ô nhiễm. Phàm là Lý tánh, chắc chắn chẳng bị ô nhiễm. Phàm là cảm tình, nhất định bị ô nhiễm. Trong bốn thứ Duyên này, duyên thứ nhất là ô nhiễm, Phật, Bồ Tát không có [loại duyên này]. Vì thế, không cần đến nó, chỉ nói ba thứ sau.

Nói thật ra, người thế gian cũng có Chúng Sanh Duyên Từ, ta thường nói là “*thôi kỷ cập nhân*” (suy từ mình mà nghĩ đến người), không có lòng riêng tư, người thế gian còn gọi nó là “lòng bác ái”, Nho gia gọi là “nhân ái”. A La Hán có Chúng Sanh Duyên Từ, Bồ Tát có Pháp Duyên Từ. Pháp Duyên Từ: Vạn pháp do nhân duyên sanh, thân tâm của ta cũng là pháp được sanh bởi nhân duyên, hết thảy chúng sanh cũng là pháp được sanh bởi nhân duyên. Chúng ta là pháp được sanh bởi cùng một nhân duyên. Điều này tiến bộ hơn Chúng Sanh Duyên Từ rất nhiều! Sở dĩ Bồ Tát giúp đỡ hết thảy chúng sanh là vì các Ngài cảm thấy lẽ đương nhiên là phải như thế, phải nên giúp đỡ; bởi lẽ, giúp đỡ chúng sanh chính là giúp chính mình. Ta và người chẳng hai, ta và người có cùng một Thể, đó là Pháp Duyên. Như Lai có Vô Duyên Từ, Duyên là điều kiện, Vô Duyên là không có điều kiện. Lòng yêu thương của đức Phật đối với hết thảy chúng sanh là vô điều kiện, “*đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*”.

(Diễn) Tứ Chủng Trí.

(演) 四種智。

(Diễn: Bốn thứ Trí).

Tứ Chúng Trí là Tứ Vô Ngại Biện Tài. Quý vị muốn giúp đỡ chúng sanh, đặc biệt là trong thế giới Sa Bà, người trong thế giới Sa Bà Nhĩ Căn lạnh lợi nhất. Do vậy, phải thuyết pháp cho họ. Vì họ thuyết pháp thì cần phải trọn đủ biện tài. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Phật, Bồ Tát có bốn thứ Vô Ngại Biện Tài, còn gọi là Tứ Vô Ngại Trí, ở đây gọi là Tứ Chúng Trí.

1) Thứ nhất là Nghĩa Vô Ngại Trí, Nghĩa là nghĩa lý. Người ấy có thể thấu hiểu cùng tận những nghĩa lý của vũ trụ và nhân sinh, chẳng bị chướng ngại về mặt nghĩa lý, đó là căn bản của Vô Ngại Biện Tài. Nói cách khác, hoàn toàn thông đạt lý luận, không bị chướng ngại. Đây là điều kiện trọng yếu nhất.

2) Thứ hai là Pháp Vô Ngại Trí, Pháp là phương pháp, vận dụng phương pháp hết sức xảo diệu, mà cũng vô chướng ngại.

3) Thứ ba là Từ Vô Ngại Trí. Tuy thông đạt lý luận, phương pháp thiện xảo, nhưng nếu ngôn từ chẳng thông suốt, cũng chẳng làm gì được! Vì thế, Phật, Bồ Tát ngôn từ vô ngại, ngôn ngữ không bị trở ngại.

4) Thứ tư là Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí. Người ấy thích nói, rất vui thích chỉ dạy người khác, vì đại chúng diễn thuyết. Nếu có đủ cả ba điều kiện trên nhưng người ấy không thích nói thì cũng chẳng có cách nào, vẫn chẳng thể giúp đỡ chúng sanh.

Người Tiểu Thừa chẳng có Tứ Vô Ngại Trí, chỉ có Phật và đại Bồ Tát mới có.

(Diễn) Niết Bàn ngũ hạnh.

(演) 涅槃五行。

(Diễn: Năm hạnh trong kinh Niết Bàn).

Chữ “*Niết Bàn*” chỉ kinh Niết Bàn. Theo kinh Niết Bàn, đức Phật và các Bồ Tát có năm thứ hạnh môn: Thứ nhất là Thánh Hạnh, thứ hai là Phạm Hạnh, thứ ba là Thiên Hạnh, thứ tư là Bệnh Hạnh, thứ năm là Anh Nhi Hạnh. Đây là năm phương thức tu hành khác nhau của Phật, Bồ Tát. Đối với năm phương thức khác nhau này, khi tiếp xúc với chúng sanh, không nhất định vận dụng một thứ nào, hề thứ nào thích đáng các Ngài liền vận dụng thứ ấy. Do vậy, vận dụng hết sức sống động, hết sức tự tại, trọn chẳng phải là chuyên học một thứ.

1) Loại thứ nhất là Thánh Hạnh. Thánh Hạnh là hoàn toàn nương vào Lý Thể do đức Phật đã tự chứng để hành. Nói cách khác, đây là cảnh

giới do Phật tự chứng, mà cũng là diện mục sẵn có của Phật. Chúng ta gọi nó là Thánh Hạnh giống như chúng ta đã thấy trong hết thảy các bộ đại kinh, đại luận.

2) Loại thứ hai là Phạm Hạnh. Phạm Hạnh là những điều nên ứng dụng trong giai đoạn tu hành. Thánh Hạnh là Tự Thụ Dụng của chư Phật, Bồ Tát, chẳng liên quan gì đến người khác; còn bốn thứ kia là phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sanh. Trong phương tiện thiện xảo, loại thứ nhất là Phạm Hạnh. Kinh dạy chúng ta, Phạm Hạnh là tu mười một thứ Không; sau đó, ở nơi đâu cũng chẳng bị nhiễm, có thể hòa quang đồng trần với hết thảy chúng sanh mà chẳng ô nhiễm. Thiên gia thường bảo [bản lãnh này] là “*bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (xuyên qua rừng trăm hoa, mẫu lá chẳng dính thân). Người ấy có bản lãnh này. Kinh Niết Bàn nói mười một thứ Không, còn Đại Trí Độ Luận nói mười tám thứ Không. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật cũng giảng nghĩa Không.

Trong mười một thứ Không, thứ nhất là Nội Không, “*nội*” là trong thân, tức là bên trong thân thể chúng ta. Tuy có cái thân tướng này, nhưng thân tướng này là pháp sanh bởi nhân duyên. Hễ là pháp sanh bởi nhân duyên thì bản thể của nó chính là Không, chẳng có bản thể, chẳng có tự thể, tìm tự thể chẳng được! Đây là Nội Không.

Thứ hai là Ngoại Không, “*ngoại*” là cảnh giới. Cảnh giới cũng là pháp sanh bởi nhân duyên.

Thứ ba là Nội Ngoại Không, thứ tư là Hữu Vi Không, thứ năm là Vô Vi Không. Hữu vi và vô vi là tạo tác. Không riêng gì hữu vi là Không, mà vô vi cũng là Không. Do điều này, chớ nên chấp trước cả hữu vi lẫn vô vi. Nếu quý vị chấp trước thì sai mất rồi. Pháp hữu vi là pháp sanh diệt, pháp vô vi và pháp hữu vi là kiến lập tương đối. Trong Bách Pháp, chín mươi bốn pháp trước thuộc về pháp hữu vi, sáu pháp sau⁹⁵ thuộc về pháp vô vi. Trong các pháp vô vi, chỉ có Chân Như Vô Vi là vô vi thật sự, năm thứ kia là Tương Tự Vô Vi. Đối với Vô Vi Không được nói đến ở đây, chẳng những bao gồm toàn bộ năm thứ Tương Tự

⁹⁵ Chín mươi bốn pháp trước được chia thành năm loại lớn là Tâm Pháp (tám thức), Tâm Sở Hữu Pháp (còn gọi tắt là Tâm Sở, gồm năm mươi một thứ như Xúc, Thọ, Tư, Tưởng, Tác Ý v.v...), Sắc Pháp (gồm mười một thứ như Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý...), Bất Tương Ứng Hành Pháp (gồm hai mươi bốn pháp như Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Dị Sanh Tánh v.v...). Sáu loại sau cùng là Vô Vi gồm sáu pháp tức Hư Không Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi, Phi Trạch Diệt Vô Vi, Bất Động Vô Vi, Tưởng Thọ Diệt Vô Vi, và Chân Như Vô Vi.

Vô Vi trước đó là Không, mà ngay cả Chân Như Vô Vi cũng chớ nên chấp trước. Hễ quý vị chấp trước là phạm sai lầm rồi, là mắc làm lỗi rồi!

Kế đó là Vô Thi Không, Tánh Không, Vô Sở Hữu Không, Đệ Nhất Nghĩa Không, Không Không và Đại Không. Mười một thứ Không này đại đồng tiểu dị với mười tám thứ Không⁹⁶ trong Đại Trí Độ Luận.

Kinh dạy chúng ta: Nếu Bồ Tát chứng đắc cảnh giới này, sẽ trụ trong Không Bình Đẳng tam-muội. Vì thế, nghĩa Không khá sâu, đừng nên hiểu Không là Vô. [Nếu hiểu] “Không” là cái gì cũng chẳng có, ý nghĩa này ai mà chẳng hiểu, đưa trẻ ba tuổi cũng biết! Trong Phật pháp, Không chẳng phải là như vậy. Không là Không trong “Không - Hữu bất nhị”, ý nghĩa này rất khó hiểu. Rành rành là có, Phật bảo là không; rõ ràng là không, Phật bảo là có. Không và Hữu như một, Không và Hữu chẳng hai! Đây mới là tinh hoa của nghĩa Không, một bộ kinh Đại Bát Nhã chủ yếu giảng giải đạo lý này!

Đây là nói về Phạm Hạnh, vì Phật, Bồ Tát biết hết thấy các pháp trong và ngoài thân tâm đều là pháp sanh bởi nhân duyên, không có tự tánh, trọn chẳng thể được! Vì thế, thứ gì các Ngài cũng đều chẳng chấp trước. Bản thân các Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước điều gì. Trong hết thấy các cảnh giới, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Vì thế, đương nhiên trong hết thấy cảnh giới, các Ngài chẳng nhiễm. Các Ngài biết tướng chân thật của hết thấy các pháp, kinh Kim Cang gọi tướng ấy là “*Thật Tướng của các pháp*” (chư pháp Thật Tướng), các Ngài hoàn toàn hiểu rõ, cho nên chẳng nhiễm trước, chẳng chấp trước mảy may. Nhằm dạy người học Đại Thừa, đức Phật thường dùng phương pháp này để chỉ dạy.

3) Loại thứ ba là Thiên Hạnh, Thiên được nói ở đây chính là Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Trong kinh, đức Phật nói có năm loại trời, Thiên có nghĩa là “cao”, cao ngất ở trên thì chúng ta gọi là Thiên. Trong năm loại Thiên, loại thứ nhất là Thế Gian Thiên, tức là vua trong loài người, giả gọi là Thiên, như [các hoàng đế Trung Hoa] xưng là Thiên Tử (con của trời). Loại thứ hai là Sanh Thiên, tức là người thật sự ở trên cõi trời (chư thiên), có thể sanh vào Thiên Đạo trong lục đạo. Thứ ba là Tịnh Thiên, Tịnh là thanh tịnh, thanh tịnh cũng mang ý nghĩa “chỗ cao cả”. Thứ tư là

⁹⁶ Mười tám món Không trong Đại Trí Độ Luận là Nội Không, Ngoại Không, Nội Ngoại Không, Không Không, Đại Không, Đệ Nhất Nghĩa Không, Hữu Vi Không, Vô Vi Không, Tất Cánh Không, Vô Thi Không, Tán Không, Tánh Không, Tự Tướng Không, Chư Pháp Không, Bất Khả Đắc Không, Vô Pháp Không, Hữu Pháp Không và Vô Pháp Hữu Pháp Không.

Nghĩa Thiên, tức vị “trời” về mặt nghĩa lý. Thứ năm là Đệ Nhất Nghĩa Thiên, tức là bậc nhất trong các vị “trời” về nghĩa lý. Chúng ta gọi Phật là Thiên Trung Thiên (vị trời của các vị trời), hoặc gọi Ngài là Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Ở đây, mang ý nghĩa: Danh xưng dựa trên nghĩa lý mà lập ra. Nghĩa lý tối cao vô thượng [nên gọi là Thiên]. Giáo nghĩa Đại Thừa thuộc loại này, chúng ta thường gọi nó là Đệ Nhất Nghĩa Đệ.

4) Loại thứ tư là Bệnh Hạnh, tức là thị hiện có các thứ phiền não và bệnh khổ giống như chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát đã đạt đến Lý Sự Vô Ngại, Sự Sự Vô Ngại, làm sao các Ngài còn có chướng ngại hay còn có phiền não cho được? Đó là biến hiện, nhằm răn nhắc chúng ta. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài cũng bị nhức đầu, đó là [thị hiện] nghiệp báo. Phước báo của đức Phật quá lớn, mà còn mắc quả báo ăn lúa mạch dành cho ngựa suốt ba tháng: Đi khát thực không có ai cúng dường, người ta bèn đem những thứ dành để nuôi ngựa cúng dường Ngài, Ngài cũng ăn⁹⁷. Khổng lão phu tử bị tuyệt lương ở đất Trần⁹⁸,

⁹⁷ Theo Phật Thuyết Hưng Khởi Hạnh Kinh, quyển hai, đức Thế Tôn và năm trăm vị A La Hán nhận lời thỉnh của Bà-la-môn A Chi Đạt cho phép ông ta cúng dường Phật và tăng đoàn suốt ba tháng an cư. Cúng dường được mấy hôm, A Chi Đạt bị ma gây loạn tâm, đăm mê ngũ dục, đóng chặt cửa hưởng lạc. Do vậy, đức Phật và năm trăm sa-môn bị đói, chư Tăng vào thành khát thực, nhưng suốt ba ngày chẳng xin được gì. Chỉ có một người nuôi ngựa lấy bớt phần lúa mạch nuôi ngựa cúng dường cho Phật và Tăng đoàn dùng tạm. Ngài A Nan đành đem lúa mạch nhờ người nấu thành cháo dâng lên Phật. Chư Tăng ngạc nhiên, thưa hỏi nguyên nhân vì sao đức Phật là Lương Túc Tôn mà còn phải ăn lúa ngựa. Đức Phật giảng: Trong quá khứ hết sức lâu xa, có Phật Như Lai hiệu là Tỳ Bà Diệp Như Lai, ngự tại đại thành Bàn Đầu Ma Bạt, có mười sáu vạn tám ngàn đại tỳ-kheo thường theo hầu. Quốc vương thành ấy và nhân dân kiên thành cúng dường Phật và tăng đoàn, khiến cơm áo không bao giờ thiếu khuyết. Trong thành ấy, có một giáo sĩ Bà La Môn tên là Nhân Đề Kỳ Lợi, tinh thông kinh điển Vệ Đà và các phương pháp xem tướng, dạy dỗ năm trăm đồng tử. Một hôm quốc vương thiết trai cúng Phật. Do trong đại chúng có một vị tỳ-kheo tên Di Lạc bị bệnh không thể dự trai, đức Phật Tỳ Bà Diệp đem một phần về cho Di Lạc. Khi quay về, Tỳ Bà Diệp Phật và chư Tăng đi qua núi của Nhân Đề Kỳ Lợi, Nhân Đề Kỳ Lợi quá ghen tức, giận dữ thóa mạ: “Lũ đạo nhân trọc đầu đáng ra phải ăn lúa mạch nuôi ngựa, chứ lẽ đâu được hưởng thức ăn ngon lành như thế?” Lại hỏi năm trăm học trò: “Thầy nói như vậy có đúng hay không?” Lũ học trò thưa: “Thầy nói không sai tí nào”. Bà La Môn lúc đó chính là thân ta hiện tại, còn năm trăm học trò chính là năm trăm vị La Hán hiện thời”.

⁹⁸ Theo Sử Ký, do thấy Lỗ Định Công hôn ám, ham mê nữ sắc, Tam Hoàn (ba gia đình hoàng tộc nước Lỗ) thừa cơ lũng đoạn triều chánh, Khổng Tử liền từ chức Đại Tư Khấu nước Lỗ, chu du các nước Vệ, Tào, Trịnh, Trần, Sái, Sở, Tống. Khi đó, do nước Ngô xua binh đánh nước Trần, nước Sở phái quân sang cứu. Đến biên giới đất

thánh nhân đây nhé! Phật là đáng phước huệ nhị túc tôn, phước báo viên mãn, đi khát thực không được, chẳng có gì ăn. Đây là thị hiện Bệnh Hạnh nhằm khải thị chúng ta: Tốt nhất là đừng tạo ác nghiệp. Quý vị đã tạo ác nghiệp, khi thành Phật vẫn phải chịu quả báo.

Nếu nói thành Phật vẫn phải chịu quả báo thì nói như vậy cũng thông. Vì sao? Có bốn loại Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta mà thị hiện loại Phật thấp nhất trong bốn loại Phật, tức là Tạng Giáo Phật. Tám tướng thành đạo là Tạng Giáo Phật. Ngài thật sự là đáng phước huệ vẹn toàn, viên mãn, là Viên Giáo Phật. Tạng Giáo Phật còn chưa kiến tánh, thuộc địa vị Thập Tín Bồ Tát. Thông Giáo Phật và Biệt Giáo Phật là Chánh Đẳng Chánh Giác, thuộc địa vị Thập Trụ Bồ Tát hay Thập Hạnh Bồ Tát, còn chưa đạt đến Thập Hồi Hướng, đối với Thập Địa càng chẳng phải bàn tới nữa! Thành Phật, Tạng, Thông, Biệt, Viên, Ngài thuộc loại Phật nào, chúng ta phải hiểu rõ. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn dưới thân phận Tạng Giáo Phật. Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này. Ngài thị hiện, quý vị biết Phật, Bồ Tát thị hiện Bệnh Hạnh nhằm cảnh tỉnh, sách tấn chúng ta “*thiện có thiện báo, ác có ác báo*”. Nếu quý vị tạo ác nghiệp, nhất là định nghiệp, thì khi thành Phật, hay thành Bồ Tát vẫn phải chịu quả báo. Vì thế, nhất định chớ nên tạo ác nghiệp. Do vậy, có lúc Phật, Bồ Tát thị hiện tạo tác ác nghiệp, thị hiện hứng chịu ác báo cho chúng ta thấy, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này!

Tăng Thượng Duyên có hai loại: Có thuận duyên và có nghịch duyên. Hết thấy những thứ hợp tình hợp lý là Thuận Tăng Thượng

Trần, Sở Chiêu Vương phái người thỉnh Khổng Tử đến gặp, Khổng Tử liền chuẩn bị rời đất Trần. Các quan đại phu nước Trần và Sái sợ nước Sở trọng dụng Khổng Tử, bèn vây hãm Khổng Tử tại cánh đồng giáp ranh biên giới Trần và Sái. Do đường không đi được, Khổng Tử và môn đệ phải nhịn đói suốt bảy ngày. Môn đệ nhiều người đói rũ, không dậy nổi, nhưng Khổng Tử vẫn thản nhiên. Về sau, Tử Cống trốn được, báo tin cho Sở Chiêu Vương, Sở Chiêu Vương bèn phái người đưa Khổng Tử ra khỏi đất Trần. Trần là một nước chư hầu nhỏ đời Châu. Người sáng lập đất Trần là Quy Mãn, hậu duệ của vua Thuấn. Sau khi phạt Trụ thành công, Châu Vũ Vương đã phong cho Quy Mãn làm Hồ Công, ban cho thái ấp ở đất Trần, nên từ đó, Quy Mãn được ban họ theo tên đất là Trần, lại được Châu Vũ Vương gả con gái là Thái Cơ cho. Nước Trần thuộc huyện Hoài Dương tỉnh Hà Nam, đóng đô tại Uyên Khâu, tiếp giáp các nước Sái, Kỷ, Tống, Sở và Tề. Trần bị diệt vong khi Ngô vương Phù Sai tấn công đoạt mất ba thành vào năm thứ ba mươi (năm 489 trước Công Nguyên) đời Trần Mẫn Công, Trần Mẫn Công cầu cứu Sở. Sở phái quân sang cứu, rồi Sở Huệ Vương thừa cơ sát nhập nước Trần vào lãnh thổ của Sở vào năm 478 trước Công Nguyên. Nước Trần biến mất từ đó.

Duyên. Hết thấy phiền não xấu hèn là Nghịch Tăng Thượng Duyên. Hai loại này đều vận dụng, quý vị sẽ thuận buồm xuôi gió trên Bò Tát đạo. Trong hai loại này, nếu chỉ sử dụng một loại, quý vị nhất định gặp chướng ngại. Chẳng hạn như chúng tôi nêu lên một thí dụ rất nông cạn, dễ thấy, quý vị đều biết: Trong lịch sử có một vị đại trung thần, yêu nước nhất là Nhạc Phi, nhắc đến ông ta, không ai chẳng biết. Tại Trung Quốc, gần như mỗi địa phương đều có Nhạc Vương Miếu (miếu thờ Nhạc Phi). Văn Miếu của Trung Quốc thờ Khổng lão phu tử, Võ Miếu thờ Quan Công và Nhạc Phi. Ông được đại chúng dân tộc tôn kính. Chúng ta thấy tượng Nhạc Phi, nghe nói đến Nhạc Phi bèn nghĩ phải tận trung báo quốc, đó là Thuận Tăng Thượng Duyên. Thấy tượng Tần Cối, Tần Cối cũng chẳng tầm thường, cũng là anh hùng dân tộc! Tôi nói lời này chắc quý vị chẳng vui lắm! Ông ta giáo huấn chúng ta rất lớn, vì trông thấy ông ta, chúng ta sẽ nghĩ chẳng thể làm Hán gian được! Một đảng là chánh diện dạy chúng ta, một đảng là phản diện dạy chúng ta. Công đức của hai người to như nhau! Trước kia có người hỏi tôi: “Tần Cối có đọa trong địa ngục A Tỳ hay không?” Tôi nói: “Tần Cối đã sớm sanh lên trời rồi!” Tượng hắc ta quỳ bên mộ Nhạc Vương tại Tây Hồ⁹⁹, người ta vừa thấy, mỗi người chửi hắc một tiếng, tội của hắc đã tiêu hết rồi! Hắc lại còn răn nhắc mọi người: “Làm Hán gian sẽ giống như thế đó, chúng ta nhất quyết chẳng dám làm Hán gian!” Có ý nghĩa giáo dục không gì lớn hơn ở trong đó. Một người là chánh diện dạy chúng ta, một người là phản diện dạy chúng ta. Hai người đều là thiện tri thức của chúng ta! Nếu quý vị biết dùng [thuận duyên và nghịch duyên], sẽ giống như Thiện Tài đồng tử, chẳng có ai không phải là thiện tri thức, chẳng có ai không phải là Phật, Bồ Tát, chẳng có ai không phải là người tạo đại lợi ích cho chúng ta! Nói chung, hai bên thuận và nghịch đều khéo vận dụng, quý vị sẽ chẳng có một chút chướng ngại nào!

⁹⁹ Ở Trung Quốc có khá nhiều hồ mang tên Tây Hồ, nhưng mộ Nhạc Phi ở Tây Hồ thuộc Hàng Châu, thắng cảnh của tỉnh Chiết Giang. Tại mộ Nhạc Phi, ngoài tượng sắt của vợ chồng Tần Cối ra, còn có tượng Mặc Sĩ Tạ và Trương Tuấn cùng quỳ chịu tội. Mặc Sĩ Tạ quê ở Dương Vũ, huyện Khai Phong, làm Giám Sát Ngự Sử, là tay chân của Tần Cối, chủ trương đầu hàng quân Kim. Chính hắc đã dâng sớ đàn hặc vu cáo Nhạc Phi phản nghịch, hại chết Nhạc Phi và con trai là Nhạc Vân, cũng như hãm hại Trương Hiến. Trương Tuấn làm tướng đời Nam Tống, do đó kỹ tài năng của Nhạc Phi nên bị Tần Cối mua chuộc, ngụy tạo chứng cứ để kết tội Nhạc Phi. Về sau hắc làm đến Thái Sư, chuyên vợ vét tài sản quốc gia.

5) Loại thứ năm là Anh Nhi Hạnh, trẻ thơ thiên chân vô tà. Bất luận đối với ai, đối với thiện nhân, đối với ác nhân, đối với người mình ưa thích, đối với người mình chán ghét, trẻ thơ không nói lời giả dối, không có vọng tâm. Do vậy, Phật, Bồ Tát đối đãi hết thảy mọi người đều dùng cái tâm chân thành. Hết thảy thiện hạnh và trực hạnh đều gọi là Anh Nhi Hạnh.

(Diễn) Vô tác tứ hoằng.

(演) 無作四宏。

(Diễn: Bốn hoằng thệ nguyện vô tác).

Tứ Hoằng là bốn hoằng thệ nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Tứ Hoằng Thệ Nguyện cũng chia thành đẳng cấp. Tạng Giáo là Sanh Diệt Tứ Hoằng, Thông Giáo là Vô Sanh Tứ Hoằng, Biệt Giáo là Vô Lượng Tứ Hoằng, Viên Giáo là Vô Tác Tứ Hoằng, làm mà không làm, không làm mà làm. Chư Phật, Bồ Tát trọn đủ ba thứ Duyên Từ, Tứ Vô Ngại Trí, năm hạnh Niết Bàn, Tứ Hoằng Thệ Nguyện Vô Tác.

(Diễn) Cố vi quảng đại vô tận.

(演) 故為廣大無盡。

(Diễn: Cho nên là rộng lớn vô tận).

Trong câu này, do tất cả đều là danh từ, bao hàm rất nhiều ý nghĩa, nhằm giải thích câu Bồ Tát “*bi trí hạnh nguyện, như thị quảng đại*” (bi trí hạnh nguyện rộng lớn như thế). Tiếp theo đây là giải thích câu “*như thị vô tận, tâm bất ngại cảnh, cảnh bất ngại tâm*” (vô tận như thế, tâm chẳng trở ngại cảnh, cảnh chẳng trở ngại tâm).

(Diễn) Tâm tức cảnh, cố bất ngại cảnh. Cảnh tức tâm, cố bất ngại tâm.

(演) 心即境，故不礙境。境即心，故不礙心。

(Diễn: Tâm chính là cảnh, nên chẳng ngại cảnh. Cảnh chính là tâm, nên chẳng ngại tâm).

Đây chính là ý nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm, tâm và cảnh là một Thể. Duy Thức gọi tâm là Kiến Phần, gọi cảnh là Tướng Phần. Hai phần Kiến và Tướng đều từ Tự Chứng Phần biến hiện ra. Tự Chứng Phần là bản thể, hai phần Kiến và Tướng [là bản thể] khởi tác dụng, từ Thể khởi Dụng, cho nên Kiến và Tướng có cùng nguồn, Kiến và Tướng có cùng một Thể. Do điều này, Kiến Phần và Tướng Phần chẳng có chướng ngại, đây là Lý Sự Vô Ngại, Sự Sự Vô Ngại, là pháp giới vô chướng ngại. Kinh Lăng Nghiêm cũng nói như thế, dưới đây nêu ra một thí dụ trong kinh Lăng Nghiêm.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: “Kiến dữ Kiến duyên, tịnh sở tướng tướng, như hư không hoa, bản vô sở hữu. Cổ vân bản tánh tự không”. Nhất thiết chư pháp, bất xuất Sắc, Tâm nhị chủng. Kim chúng sanh, thị Sắc pháp, độ sanh, thị tâm pháp. Kỳ nhất thiết tự không, khởi phi chung nhất độ sanh, chung nhất vô độ.

(演)楞嚴云：見與見緣，並所想相，如虛空花，本無所有，故云本性自空。一切諸法，不出色心二種。今眾生，是色法，度生，是心法，既一切自空，豈非終日度生，終日無度。

(Diễn: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Kiến và Kiến Duyên đều là tướng được tướng, giống như hoa đốm trên hư không, vốn vô sở hữu, nên nói bản tánh tự không”. Hết thấy các pháp chẳng ngoài hai thứ Sắc và Tâm, nay chúng sanh là Sắc pháp, độ sanh là Tâm pháp. Hết thấy đã là tự không, há chẳng phải là suốt ngày độ sanh mà suốt ngày chẳng độ?)

Đây là tổng hợp Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm, ý nghĩa hết sức rõ ràng. Kinh Lăng Nghiêm nói Kiến, chính là như Hoa Nghiêm nói đến tâm. “Kiến duyên” là cái được duyên¹⁰⁰ bởi Kiến; đó là Tướng Phần. “Tịnh sở tướng tướng” (đều là tướng được tướng): Tướng tướng vẫn là Tướng Phần. Ví như hết thấy sắc pháp trước mắt chúng ta, đó là Tướng Phần. Trong tâm chúng ta khởi lên một ý niệm, nay chúng ta tưởng tượng trạm xe lửa đang được sửa chữa thì ngay lập tức Tướng Phần của

¹⁰⁰ Chữ “duyên” ở đây chỉ tác dụng nhận biết. Chẳng hạn mắt thấy sắc thì nói là “Sắc được duyên bởi Nhãn Thức”. Kiến Duyên chính là Sắc được thấy bởi tánh Thấy (Kiến).

trạm xe lửa bèn nổi lên trong đầu óc của chúng ta. Đó cũng là Tướng Phần [Cái Tướng Phần ấy được gọi là Tướng Tướng, vì nó là đối tượng được hình thành do sự suy tưởng của ta]. Chúng ta hiểu rõ thứ Tướng Phần này, người khác không thấy; nhưng quý vị phải hiểu: Người khác nếu là phàm phu sẽ không trông thấy, nhưng nếu người ấy có công phu định lực khá sâu sẽ thấy được. Nếu quý vị chẳng động tâm, người ấy chẳng thể thấy quý vị. Quý vị khởi lên ý niệm, ngay lập tức người ấy sẽ thấy. Vì sao? Khởi niệm bèn có tướng, người ấy sẽ tìm được quý vị.

Trước kia, Thiên Tông có một công án: Thiên sư Kim Bích Phong có công phu định lực rất cao, chính Ngài biết thọ mạng đã tới, vua Diêm La phái tiểu quỷ đến bắt Ngài, Ngài làm sao? Nhập Định! Vì Ngài đã nhập Định, chẳng hiện tướng. Tiểu quỷ rất nóng ruột, nhưng không có cách nào, chẳng bắt được người sẽ chẳng thể hoàn thành nhiệm vụ. Nó nghe nói cái bát của Thiên sư Kim Bích Phong là bát báu, là vật được Ngài yêu quý nhất. Có người bảo với nó: “Người gỡ cái bát đó một tiếng, Sư sẽ lập tức xuất Định, vì sao? Sư rất yêu thích nó, sợ bị mất”. Tiểu quỷ gỡ cái bát đó, vừa gỡ, Sư bèn xuất Định, ngay lập tức bị bắt. Bị bắt rồi Sư mới biết bị lừa. Kết quả, trong lòng Sư bèn nghĩ: “Chớ nên cần cái bát ấy, còn có thứ gì chẳng bỏ sạch thì tâm chẳng thanh tịnh. A! Người có bắt ta cũng chẳng sợ!” Ngài vừa bị xiềng, lại nhập Định, kết quả tiểu quỷ lại không bắt được, lại gỡ bát, nhưng Ngài chẳng xuất Định, chẳng hiện hình, bắt chẳng được!

Chỉ cần trong tâm khởi ý niệm bèn hiện tướng. Quý vị hiện tướng, quỷ thần bèn tìm được quý vị. Người có công phu định lực cũng có thể thấy quý vị, chỉ có phàm phu mắt thịt là không biết. Do vậy, quý vị chẳng thể lừa gạt quỷ thần, chẳng thể gạt gẫm người Thiên Định rất sâu. Thường là người có công phu định lực sâu, quý vị và người ấy hai người ngồi đối diện nhau, trong tâm quý vị khởi tâm động niệm, người ấy đều biết ngay, thấy rất rõ ràng. Nói cách khác, ban đêm quý vị ngủ nằm mộng, người ấy cũng thấy rất rõ ràng. Vì sao? Có tướng! Không có tướng, người ấy sẽ chẳng thấy được! “*Tịnh sở tướng tướng*” (toàn là tướng được tướng): Điều này cũng thuộc vào Sắc pháp, gọi là Vô Biểu Sắc. Trong Sắc pháp bao gồm rất nhiều loại, có thô, có tế, Sắc pháp dẫu cực vi tế vẫn thuộc về Sắc pháp. Sắc pháp thô hay tế đều là chẳng có thật. Cái Có này là Huyền Hữu, mà cũng gọi là Diệu Hữu.

“*Như hư không hoa*”: Kinh Lăng Nghiêm thường dùng chuyện này làm tỷ dụ. Trong hư không có hoa đốm¹⁰¹, hư không đâu có hoa! Nếu con mắt bị bệnh, sẽ thấy trên hư không có hoa đốm. Con mắt hết bệnh, trên hư không chẳng còn hoa đốm nữa. Tròng mắt bị bệnh, quý vị nhìn vào đèn, sẽ thấy đèn có quang tròn, trong hư không có hoa đốm. Đây là do quý vị bị bệnh nên mới thấy. Đức Phật dùng tỷ dụ này để tỷ dụ Chân Như bản tánh của chúng ta có bệnh nên mới xuất hiện Kiến Phần, Tướng Phần, Sắc pháp và Tâm pháp. Nếu Chân Như bản tánh không có bệnh, những thứ ấy hoàn toàn chẳng có. Trong Chúng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã bảo: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rộng toang hoang) nhằm thuyết minh chân tướng sự thật này.

“*Bôn vô sở hữu*”: Hư không, thể giới, hết thấy muôn hình tượng vốn vô sở hữu. Hiện tại tuy là có, có những tướng ấy tồn tại, nhưng giống như chúng ta nằm mộng, đó là mộng cảnh. Chẳng thể nói là mộng không có, có chứ! Nhưng chẳng thể nói là có thật. Tuy có mà không, vì thế, Không và Hữu bất nhị. Nếu chúng ta coi thể giới hiện thực là mộng cảnh, cái tâm được - mất ở trong ấy sẽ chẳng còn nữa. Cái tâm được - mất đã chẳng còn thì phiền não sẽ đoạn. Tất cả những phiền não của chúng ta do đâu mà có? Lo được, lo mất. Nếu quý vị biết “đều là Không, vô sở hữu, chắc chắn là vô sở hữu, vô sở đắc” thì chính là thật sự đạt được. Tâm Kinh nói “*vô trí, diệt vô đắc*”, “*trí*” là trí huệ Bát Nhã, Bát Nhã năng chứng, “*đắc*” là Bồ Đề Niết Bàn, nói đến cảnh giới tối cao: Không có trí huệ Bát Nhã thì cũng chẳng có Bồ Đề Niết Bàn. Không có thì gọi là Chân Hữu. Nếu quý vị nghĩ là có, sẽ bị rắc rối liền. [Hễ thấy] có Bát Nhã, quý vị chẳng đạt được Bát Nhã. Có Bồ Đề, sẽ chẳng thể chứng đắc Bồ Đề. Có Niết Bàn sẽ chẳng thể đạt đến Niết Bàn. Đó là giả danh! Do bất đắc dĩ mà đức Phật nói với chúng ta [những danh từ ấy]. Nếu quý vị chấp trước nơi giả danh, quý vị sẽ chẳng đạt được thực tại. Ví như quý vị muốn đến thành phố Đài Bắc, thấy ở chỗ giáp ranh thành phố Đài Bắc ghi “Đài Bắc” bèn cho tám bảng ấy là Đài Bắc, làm mất rồi! Đó là giả danh, lìa giả danh sẽ thật sự đạt được. Chấp giả danh là thật thì làm rồi, lại mê hoặc mất rồi! Bát Nhã Tâm Kinh nói về Bát Nhã chân chánh, hết thấy các pháp đều bỏ, bỏ sạch sành sanh, đó là Bát Nhã hiện tiền.

¹⁰¹ Hoa đốm là những chấm sáng nhảy nhót lăng xăng trên không trung.

“*Bồn tánh tự không*”: “*Bồn tánh*” là Chân Như bồn tánh, là con người thật sự của chúng ta, “*tánh*” là thể tánh, Thiên gia gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bồn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Đó là bồn tánh. Bồn tánh là Không, Không chẳng phải là Vô. “Không” có thể hiện tướng, có thể biến hiện hết thảy tướng cảnh giới. Do bản thể của nó là Không, nên những cảnh giới được biến hiện bởi nó cũng là Không. Hết thảy các pháp đều do tự tánh biến hiện, là Tướng Phần của tự tánh.

“*Kim chúng sanh, thị Sắc pháp, độ sanh, thị Tâm pháp*” (nay chúng sanh là Sắc pháp, độ sanh là Tâm pháp): Phật, Bồ Tát phát tâm độ hết thảy chúng sanh, ý niệm độ hết thảy chúng sanh là Tâm pháp. Sắc pháp đã là Không thì Tâm pháp cũng là Không. Bởi thế, chư Phật, Bồ Tát “*chung nhật độ sanh, chung nhật vô độ*” (suốt ngày độ sanh, suốt ngày chẳng độ). Phật chẳng độ chúng sanh, nói theo Lý, quả thật là như thế. Nói theo Sự, Phật hằng ngày độ chúng sanh. Chẳng có ngày nào ngưng làm chuyện độ sanh, nhưng độ sanh xét theo Lý rốt ráo là Không. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát hằng ngày độ chúng sanh, tâm địa của các Ngài thanh tịnh, chẳng chấp Ngã Tướng, chẳng chấp Chúng Sanh Tướng, cũng chẳng chấp tướng công đức do độ chúng sanh. Vì thế, các Ngài thanh tịnh. Đó là sự Tự Thụ Dụng của chính các Ngài, tức là chính các Ngài hưởng thụ sự thanh tịnh khôn sánh. Trong sự hưởng thụ của chính mình, lại có thể lợi ích hết thảy chúng sanh, đó gọi là đại từ đại bi, là Tha Thụ Dụng. Đại từ đại bi chẳng trở ngại sự thanh tịnh của chính mình, mà sự thanh tịnh của chính mình chẳng trở ngại việc độ hết thảy chúng sanh, không bị trở ngại!

Người Tiểu Thừa chẳng liễu giải chân tướng này, cho nên họ bị chướng ngại. Họ nói: “Hết thảy mọi chuyện ta đều chẳng làm, ta sẽ thanh tịnh. Ta độ chúng sanh, giúp đỡ người khác sẽ bị phiền não, chẳng thanh tịnh”. Họ đối lập hai chuyện này thành hai cảnh giới khác nhau; do vậy, người Tiểu Thừa chẳng chịu phát tâm giúp đỡ người khác. Đại Thừa Bồ Tát biết “tự - tha bất nhị”, do vậy, độ chính là chẳng độ, chẳng độ chính là độ. “Chẳng độ” là nói về chính mình, còn “độ” là nói tới chuyện giúp đỡ người khác. Các vị ấy biết [hai chuyện ấy] là một, chẳng hai, do vậy, chúng ta chớ nên hiểu lầm ý nghĩa của hai câu này! [Nghe nói] “độ mà chẳng độ, chẳng độ mà độ” [bèn tưởng là] “ta chẳng độ, vì ta chẳng độ chính là độ”. Nếu dựa theo cách lập luận máy móc ấy, quý vị mỗi ngày ăn cơm, ăn chính là không ăn, không ăn chính là ăn, vậy thì

quý vị không ăn, coi thử quý vị có chịu được hay không? Không được!
Chưa đạt đến cảnh giới ấy!

(Diễn) “*Nãi tri*” *nhị tự*.

(演) 乃知二字。

(Diễn: Hai chữ “*bèn biết*”).

Hai chữ “*nãi tri*” ở trong câu “*nãi tri chư Phật*” (*bèn biết chư Phật*). Ý nghĩa của đoạn này rất sâu; vì thế, đại sư hết sức từ bi, nói rõ cặn kẽ với chúng ta. Hai chữ ấy nghĩa là...

(Diễn) *Trực quán chí “chung nhật vô độ”, trung hữu lưỡng tiết, “chư Phật Bồ Tát” tứ cú, ứng thượng văn “Tịnh Độ hóa sanh, tâm bất hỷ nhạo”. “Tâm bất ngại cảnh” lục cú, ứng thượng văn “chấp cảnh vi hữu, duy dục tỵ cảnh xu tịch”.*

(演) 直貫至終日無度，中有兩節，諸佛菩薩四句，應上文淨土化生，心不喜樂；心不礙境六句，應上文執境為有，唯欲避境趨寂。

(Diễn: Xuyên suốt cho đến câu “*suốt ngày chẳng độ*”, trong phần này có hai tiểu đoạn. Bốn câu “*chư Phật, Bồ Tát...*” tương ứng với đoạn “*Tịnh Độ hóa sanh, tâm chẳng vui thích*” trong phần trên. Sáu câu như “*tâm chẳng ngại cảnh*” v.v... tương ứng với đoạn “*chấp cảnh là có, chỉ muốn tránh cảnh, hướng về vắng lặng*” trong phần trên [tức phần *Huyền Nghĩa*]).

Đại Thừa và Tiểu Thừa có khái niệm khác nhau, hình thái ý thức không giống nhau. Người Tiểu Thừa tâm lượng hẹp hòi, không có lòng dạ rộng rãi như người Đại Thừa. Đây là hai thứ căn tánh hoàn toàn chẳng giống nhau.

(Diễn) *Đại suất Tiểu Thừa bệnh căn, chỉ tại đản ngộ Uẩn trung Vô Ngã.*

(演) 大率小乘病根，只在但悟蘊中無我。

(**Diễn:** Nói chung, gốc bệnh của Tiểu Thừa là chỉ ngộ rằng Uẩn là Vô Ngã).

Uẩn là Ngũ Uẩn, trong Ngũ Uẩn quả thật tìm chẳng được Ngã.

(**Diễn**) **Bất tri Uẩn diệt thị Không lưỡng cú.**

(**演**) **不知蘊亦是空兩句。**

(**Diễn:** Chẳng biết đến hai câu “Uẩn cũng là Không”...)

Đây là cái gốc bệnh của hàng Tiểu Thừa, chẳng biết “Ngũ Uẩn cũng là Không”. Nếu biết Ngũ Uẩn cũng là Không, sẽ chứng đắc Pháp Không. Đại Thừa Bồ Tát thông minh hơn họ, biết Nhân Ngã Không, mà Pháp Ngã vẫn là Không. Chẳng thể chấp trước Ngã, mà cũng chẳng thể chấp Pháp. Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Pháp thượng ung xả, hà hướng phi pháp*” (pháp còn nên xả, hướng là phi pháp). “*Pháp*” ở đây là Phật pháp. Vì sao Phật pháp mà phải bỏ? Thật ra, có pháp nào là Phật pháp? Bởi lẽ đó, đức Phật nói: Suốt đời Ngài, trong bốn mươi chín năm, Ngài chưa hề nói một câu pháp nào là có lý lắm chứ! Vì sao chưa hề thuyết pháp? Vì những lời Phật nói đều do chúng sanh hỏi. Chúng sanh có nghi vấn gì, hỏi Ngài, đức Phật liền giải đáp, giống như chúng sanh có bệnh, Phật pháp là thuốc, thuốc do đâu mà có? Thuốc do bệnh mà có. Nếu chẳng có bệnh, quý vị hãy nghĩ xem, thuốc từ chỗ nào mà có được? Gọi là “thuốc” là do bệnh mà lập ra. Bệnh đã hết, thuốc cũng chẳng còn!

Vì chúng sanh đang mê, nên đức Phật mới thuyết pháp nhằm khai ngộ họ. Hễ ngộ rồi, Phật pháp cũng chẳng còn nữa. Nếu ngộ rồi mà vẫn chấp trước vào pháp, thì lại là mê, mê nơi pháp! Vì thế, chúng sanh rất khó khai ngộ, luôn chấp trước. Đức Phật bảo quý vị: Pháp thế gian là pháp sanh tử trong lục đạo luân hồi, bảo quý vị phải bỏ nó, bỏ rồi thì như thế nào? Chấp trước Phật pháp! Thật chẳng biết chấp trước Phật pháp vẫn là pháp sanh tử, vì sao? Đức Phật bảo quý vị phá chấp trước, chứ chẳng bảo quý vị đổi sang chấp trước thứ khác. Thay đổi đối tượng thì có ích gì đâu? Chẳng hạn như đức Phật nói tham là phiền não, bảo quý vị đừng tham ái ngũ dục lục trần của thế gian, được rồi, quý vị không tham nữa, kết quả ra sao? Tham Phật pháp! Tâm tham chẳng biến đổi, chỉ là thay đổi đối tượng mà thôi!

Tâm tham là nghiệp nhân của ngã quý đạo trong lục đạo. Quý vị tham ái Phật pháp, tương lai vẫn đọa làm ngã quý. Đọa ngã quý đọa trọn

chẳng phải vì quý vị tham ái đối tượng mà bị đọa, mà do cái tâm tham của quý vị nặng nề nên bị đọa, chẳng cần biết quý vị tham đối tượng nào! Quý vị tham ác pháp, trong ngạ quỷ đạo sẽ làm vô tài quý rất khó. Quý vị tham Phật pháp, Phật pháp là thiện pháp, quý vị sẽ làm đa tài quý¹⁰² trong ngạ quỷ đạo, [đa tài hay vô tài] vẫn là quý! Phật pháp dạy quý vị đoạn tâm tham, chẳng bảo quý vị thay đổi đối tượng của lòng tham, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này! Do vậy, chúng ta phải xả pháp thế gian, mà Phật pháp cũng phải xả. Pháp thế gian chớ nên tham ái, mà Phật pháp cũng đừng nên tham ái, tâm chúng ta mới thanh tịnh, chúng ta niệm Phật mới có thể đạt được nhất tâm bất loạn. Hễ có tư hào tham lam, nhất tâm sẽ bị chướng ngại, quý vị niệm Phật muốn đạt đến nhất tâm chẳng dễ dàng! Thậm chí mong đạt công phu thành thiền cũng rất khó.

Tôi thường nói với quý vị: Trong quá trình chúng tôi tu học nhiều năm như thế, tự mình thể nghiệm sâu xa, công phu chẳng thể thành thực là do chưa trừ sạch những chướng ngại. Do vậy, trong vô lượng pháp môn, chỉ nên chọn lấy một môn. Nếu chọn quá nhiều, quý vị tham nhiều quá, chẳng dễ bỏ được! Chúng ta chỉ lấy một thứ, sẽ bỏ dễ dàng hơn. Quá nhiều sẽ bỏ cái này, vương vấn cái kia, bỏ cái kia lại vương vấn cái này, rắc rối to! Vì thế, chỉ có thể tu một pháp môn, đối với những pháp môn khác, chúng ta tán thán, quyết chẳng hủy báng. Giống như Thiện Tài đồng tử, đối với năm mươi ba vị thiện tri thức, tự mình khiêm hư, tôi chỉ học một pháp môn này. Người ta nói pháp môn kia hay, nhưng tôi đã

¹⁰² Nói vô tài hay đa tài chỉ là dựa trên khả năng có được ăn uống hay không mà phân loại. Ngạ quỷ (tiếng Phạn là Preta, do vậy, đôi khi còn phiên âm là Bệ Lệ Đa) gồm có ba loại:

1. Vô Tài Quỷ: Hoàn toàn không thể ăn uống, gồm có ba loại nhỏ:

- Cự Khẩu (Diêm Khẩu): Thức ăn lọt vào miệng liền biến thành lửa đỏ.
- Châm Khẩu: Cổ họng nhỏ như cái kim, không có cách nào nuốt đồ ăn được.
- Xú Khẩu: Miệng nứt nẻ hôi thối, không thể ăn uống được.

2. Thiếu Tài Quỷ: Được ăn uống đôi chút, gồm có ba loại Châm Mao (lông trên thân nhọn hoắt như cái kim), Xú Mao (thân thể đầy lông cứng, hôi thối), Anh (có bướm). Ba loại quỷ này do nghiệp báo chỉ ăn những thứ bất tịnh như phân, nước tiểu, máu mủ, đờm rãi, huyết dịch của phụ nữ đang sanh nở v.v...

3. Đa Tài Quỷ: Tuy vẫn rất đói khát, nhưng có cơ hội được ăn nhiều hơn hai loại quỷ Vô Tài và Thiếu Tài. Loại quỷ thần này gồm ba loại:

- Khí giả: Ăn những thứ vật do người cúng tế rồi bỏ đi.
- Thất giả: Ăn những vật do người ta để quên, bỏ sót.
- Đại thê: Những loài đại lực quỷ vương Dạ Xoa, La Sát, có sự hưởng thụ gần giống như chư thiên; nhưng vẫn chịu đựng khổ sở vì ăn uống, không được tự tại như chư thiên.

chọn pháp môn này, tôi vẫn đi theo con đường này đến cùng, tuyệt đối chẳng thay lòng đổi dạ. Pháp môn kia hay, tôi tán thán! Quý vị học theo pháp môn ấy, tôi cung kính, tôi kính ngưỡng, nhưng tôi vẫn học môn này của tôi, quyết định chẳng thay đổi. Trong một đời này, quý vị nhất định thành công! Phàm “thấy lạ, nghĩ khác” đều là bệnh nặng, tới khi nào mới có thể công phu thành phiền? Nhất tâm bất loạn càng chẳng thể nào [đạt được]! Chuyên tinh nơi một môn, tâm người ấy định. Kẻ “thấy lạ, nghĩ khác” tâm bất định. Tâm bất định bèn là sanh tử phàm phu. Nếu tâm định, sẽ có ngày nở mày, nở mặt!

(Diễn) Cố duy tri sở chứng vi cực, bất phục tri hữu Đại Thừa diệu dụng.

(Hán) 故唯知所證為極，不復知有大乘妙用。

(Diễn: Vi thế, [hàng Tiểu Thừa] chỉ biết sở chứng [của chính mình] là tốt cùng, chẳng biết còn có diệu dụng trong Đại Thừa).

Đây là nói về kiến giải của hàng Tiểu Thừa.

(Diễn) Văn Tịnh Độ hóa sanh, tự tâm bất hỷ nhạo dã. Kim nhật hồi tâm, nãi tri Đại Thừa diệu dụng như thị quảng đại, như thị vô tận nhĩ. Dĩ bất tri Uẩn diệt thị Không, cố bất tri nhất thiết phù trần huyễn hóa, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận.

(Hán) 聞淨土化生，自心不喜樂也。今日回心，乃知大乘妙用，如是廣大，如是無盡爾。以不知蘊亦是空，故不知一切浮塵幻化，當處出生，隨處滅盡。

(Diễn: Nghe chuyện hóa sanh trong cõi Tịnh Độ, tự tâm chẳng vui thích. Ngày nay hồi tâm mới biết diệu dụng của Đại Thừa rộng lớn như thế, vô tận như thế. Do chẳng biết Uẩn cũng là Không, nên chẳng biết hết thảy phù trần huyễn hóa xuất sanh ở nơi đâu, sẽ diệt tận ở nơi đó).

Ba câu này cũng là một đoạn kinh văn quan trọng trong kinh Lăng Nghiêm. “Nhất thiết phù trần huyễn hóa” (hết thảy phù trần huyễn hóa) bao gồm hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, nay chúng ta gọi chúng là “động vật, thực vật, khoáng vật” cho đến hiện tượng tự nhiên, toàn bộ đều bao gồm trong ấy. “Phù” (浮) là không thật, “trần”

(塵) là chẳng thanh tịnh. Ở đây, hai chữ này đều là tỷ dụ. “*Huyễn hóa*” là nói đến chân tướng của các pháp ấy, chúng chẳng phải là thật sự có, chẳng có thật, mà là huyễn có. Huyền có là giả có, chẳng phải có thật! Vì thế, người thông minh biết bản thể chính là Không, chẳng cần phải phân tích từ từ rồi mới biết nó là Không.

“*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”: Đây là nói về chân tướng của hết thảy các pháp. Nếu quý vị thật sự tham cứu thấu triệt câu này, dùng pháp môn Niệm Phật để nói, thì trong hiện tại, quý vị chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Trong Thiên Tông nói “minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ” là nói về cảnh giới này. Trong bài kệ Hội Hương có câu “*hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, ngộ cảnh giới nào vậy? Chính là cảnh giới này! Hết thảy vạn pháp xuất sanh từ chỗ nào, sẽ diệt tận ở nơi đó. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới biết chẳng đến, chẳng đi, không có đến, đi! Đây là chân tướng sự thật, nhưng chúng ta không có cách nào nhận biết chân tướng ấy. Chúng ta thấy hết thảy pháp diễn biến dần dần, dường như tiến triển dần dần; thật ra, chúng ta đã thấy làm! Sự thật chắc chắn không hề như thế, mà là như thường nói: “*Sanh diệt trong từng sát-na*”, cũng có thể nói là “*sanh diệt đồng thời*”. Do vậy, không có sanh diệt!

Trong kinh, đức Phật đã ban cho chúng ta một khái niệm, có phải là chân tướng sự thật hay chẳng rất khó nói, nhưng nói chung, chúng ta có thể nói là điều ấy nhất định hết sức gần với sự thật; bởi lẽ, sự thật đích xác chân thật sẽ không thể nói ra được! Đức Phật dạy: Trong một khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, ai khảy ngón tay? Chẳng phải là như chúng ta thông thả khảy ngón tay, kinh nói đến người mạnh mẽ. Người mạnh mẽ có sức khảy, khảy rất nhanh. Một phần sáu mươi của [thời gian] khảy ngón tay gọi là sát-na (ksana). Trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Người tầm thường như chúng ta khảy ngón tay, một giây có thể khảy bốn lần, bốn nhân sáu mươi nhân với chín trăm thì một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Cái gì sanh diệt? Thân thể của chúng ta, toàn thể vũ trụ là tướng cảnh giới; vì thế, tướng này là giả, chẳng thật!

Trước kia, người ta có thể lý giải chân tướng của nhân sinh và vũ trụ theo như lời Phật dạy, chúng ta ngày nay chẳng thể không bội phục họ, quả thật rất khó hiểu! Hiện thời, chúng ta nhờ vào công cụ khoa học mà dễ dàng thấu hiểu hơn nhiều! Ví như chúng ta xem phim ảnh, nhìn vào màn bạc, chúng ta thấy những hình tượng giống hệt như thật. Thật ra, chúng ta có cùng một nguyên lý “*sanh diệt trong từng sát-na*” như đức

Phật đã giảng. Trong một giây, ống kính đóng mở, thay đổi tám phim hai mươi bốn lần. Ống kính vừa mở liền chiếu ra một tấm phim, lại đóng lại để đổi sang tấm phim khác, rồi lại mở ra để chiếu tấm phim ấy cho quý vị xem. Trong một giây, ống kính đóng mở hai mươi bốn lần, tức là hai mươi bốn lần sanh diệt. Chúng ta thấy hình ảnh trong phim dường như là thật. Đức Phật bảo: Vũ trụ và nhân sinh này là một tấm màn bạc lớn để chiếu phim, tốc độ nhanh như thế nào? Trong một giây, đóng mở hai mươi một vạn sáu ngàn lần; vì thế, quý vị tưởng nó là thật. Đã thế, phim ảnh lại còn là phim lập thể (3D), quý vị chẳng có cách nào cảm nhận nó là giả!

Thật ra, chân tướng là như thế, đâu có sanh diệt! Không có sanh diệt, không có đến, đi! Quý vị nói từ nhà đến đây, có chuyện đó hay chăng? Không có chuyện ấy! Đó gọi là Không, là “Không nghĩa”. Biết tướng chân thật của hết thảy các pháp, quý vị mới hiểu hết thảy các pháp chắc chắn là bình đẳng, chắc chắn là không tịch. Chẳng chỉ là Không, mà còn thanh tịnh tịch diệt. Vậy thì trong hết thảy các pháp, quý vị quyết định chớ khởi tâm động niệm, đừng phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ nhập cảnh giới này, quý vị mới thật sự đạt được “tự tánh pháp giới do tự tâm biến hiện”, thụ dụng toàn thể, đắc đại tự tại. Giống như nằm mộng, chợt biết chính mình đang nằm mộng, biết chính mình đang nằm mộng rất tốt. Đang nằm mơ một giấc mộng lớn, [ngỡ mọi việc là thật], hóa ra chính là mộng! Trong mộng có thể tận tình hưởng thụ, người ấy cũng chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, vì sao? Biết nó là cảnh trong mộng, sự thụ dụng của chư Phật, Bồ Tát gọi là “*du hý thần thông*”, vì sao du hý (vui chơi)? Các Ngài biết chúng đều là giả, không có một pháp nào chân thật!

Hết thảy muôn hình tượng, thân tâm của chúng ta cũng giống như thế: Sanh ra ở nơi đâu, diệt tận ngay nơi đó. Đã biết là ở ngay nơi đó thì sẽ không có đến, đi. Đã biết nó sanh ra ngay một nơi, diệt tận cũng cùng một nơi, cho nên không có sanh diệt, bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất tịnh. Đây là nói về chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Đức Phật chứng đắc chân tướng này, Ngài thấy chân tướng sự thật này, vì sao nay chúng ta không thấy? Tâm chúng ta quá thô; thô đến nỗi ngay cả hình ảnh trong phim sanh diệt hai mươi bốn lần mà chúng ta còn bị lừa, chẳng thấy nó là bất sanh bất diệt. Huống chi trong một giây, đúng là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt, làm sao chúng ta có thể nhận biết được? Tâm quá thô! Thiên Định càng rất sâu, tâm càng vi tế. Trong kinh đức Phật dạy: Đến khi nào sẽ thấy được cảnh giới ấy? Bát Địa Bồ

Tát. Bát Địa Bồ Tát gọi là Bất Động Địa, đó là cảnh giới của bậc từ Bát Địa trở lên! Một câu kinh văn Lăng Nghiêm này là nói về ba tướng tế của A Lại Da Thức.

Đức Phật chẳng dối gạt người khác, mỗi một cá nhân trong tương lai đạt đến Bát Địa sẽ thấy xác thực! Nếu chúng đến Bát Địa mà chẳng thể thấy tình hình này thì đức Phật đã nói dối, đức Phật đã gạt người. Đức Phật chẳng hề gạt người! Chính quý vị đạt đến trình độ ấy, sẽ thấy được chân tướng sự thật, hiểu rõ ràng chân tướng!

Vì thế, hết thấy cảnh giới được nói trong kinh Phật đều là cảnh giới Hiện Lượng, [tức là cảnh giới] do chính đức Phật đích thân chứng, chẳng phải do suy tưởng, chẳng phải là suy diễn từ căn cứ lý luận và toán học, mà là đích thân thấy, ngũ nhãn viên minh, đích thân thấy tướng cảnh giới ấy. Đối với người niệm Phật, cảnh giới ấy là Lý nhất tâm bất loạn, nhưng người mới chứng Lý nhất tâm bất loạn vẫn chưa thể thấy. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là Lý nhất tâm, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng cho đến Bát Địa [đều là Lý nhất tâm]. Quý vị hãy nghĩ xem, trong Lý nhất tâm có mức độ sâu cạn khác nhau; Lý nhất tâm bất loạn rất sâu thì mới có thể thấy cảnh giới này. Hàng Tiểu Thừa đã nhập Cửu Thứ Đệ Định mà còn chưa thấy, huống gì chúng ta? Người Tiểu Thừa...

(Diễn) Toại chấp cảnh vi hữu.

(演) 遂執境為有。

(Diễn: Bèn chấp cảnh là Có).

Họ có thể phá Ngã Chấp, nhưng Pháp Chấp chẳng dễ phá, đạo lý là ở chỗ này. Cảnh giới là nói về pháp, họ (người Tiểu Thừa) nghĩ cảnh là có thật!

(Diễn) Duy dục tỵ cảnh xu tịch dã.

(演) 唯欲避境趨寂也。

(Diễn: Chỉ muốn tránh né cảnh, hướng đến vắng lặng).

Nay chúng ta nói là họ “trốn tránh hiện thực”, họ muốn tìm một nơi thanh tịnh tịch diệt để tu hành, tránh né những khó khăn, quấy nhiễu bên ngoài.

(Diễn) Kim nhật hồi tâm, nữ tri bản bất tương ngại, đương thể toàn không, độ nhi vô độ nhĩ.

(演) 今日回心，乃知本不相礙，當體全空，度而無度耳。

(Diễn): Nay hồi tâm mới biết tâm và cảnh vốn chẳng trở ngại lẫn nhau, bản thể của chúng hoàn toàn là Không, nên độ [chúng sanh] mà chẳng độ).

Nếu người ấy biết chân tướng sự thật, nhất định phát đại tâm, chẳng còn bàn cãi gì nữa, người ấy cũng phỏng theo chư Phật, Bồ Tát, chẳng đành lòng làm kẻ Tiểu Thừa, nhất định là như vậy, vì sao? Từ bi là tánh đức, là đức năng trong bản tánh tự nhiên khởi tác dụng, tánh đức nhất định hiện tiền. Do vậy, sự hiểu lầm này gọi là Sở Tri Chương: Người Nhị Thừa đoạn Phiền Não Chương, chưa phá Sở Tri Chương, phá Ngã Chấp, nhưng chưa phá Pháp Chấp. Có Pháp Chấp, có Sở Tri Chương, Tánh Đức trong tự tánh của người ấy chẳng thể hiện tiền. Đạo lý là ở chỗ này.

(Sớ) Nhi đơn tu Thiên Định, bất nguyện vãng sanh, thị vi đại thất hĩ.

(疏) 而單修禪定，不願往生，是為大失矣。

(Sớ): Chỉ tu Thiên Định, chẳng nguyện vãng sanh, là sự mất mát lớn lao).

Đây là nói về người Tiểu Thừa, người Tiểu Thừa chuyên tu Thiên Định, công phu Thiên Định rất sâu, đạt đến Đệ Cửu Định, chẳng muốn vãng sanh, tổn thất này quá lớn! Nếu một mai người ấy khai ngộ, Bồ Tát sẽ chỉ dạy người ấy, người ấy nghe xong sẽ hiểu rõ, tin tưởng, tiếp nhận, hễ quay đầu, hồi Tiểu hướng Đại, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Với loại

công phu này, người ấy chỉ cần quay đầu, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư; bởi lẽ, Định của người ấy chính là Sự nhất tâm bất loạn của người niệm Phật. Vì Sự nhất tâm là đoạn Kiến Tư phiền não, phá Ngã Chấp. Người Tiểu Thừa dùng công phu Thiền Định rất sâu để phá Ngã Chấp, đoạn Phiền Não Chướng. Vì thế, họ hồi Tiểu hướng Đại sẽ chẳng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, cao hơn những kẻ đối nghiệp vãng sanh chúng ta quá nhiều!

Kinh này cũng vì lòng đại từ đại bi nhằm giáo hóa, hướng dẫn hàng Nhị Thừa mà nói. Vì thế, trong Tục Phần, chúng ta thấy có mười sáu vị tôn giả, đều là đại diện của hàng Tiểu Thừa, ý nghĩa này hết sức rõ ràng. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.

Tập 59

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bảy mươi bảy, đây là nhân duyên thứ năm trong phần Biệt Nhân Duyên, giảng rõ vì sao Sơ Phát Tâm Bồ Tát phải thân cận Như Lai:

(Huyền Nghĩa) Ngũ, miễn tân Sơ Tâm Bồ Tát thân cận Như Lai giả, Sơ Phát Tâm Bồ Tát đại tâm tuy kiến, thắng nhẫn vị thành, sở vị: Nhược vũ chỉ khả triển chi, anh nhi do ưng bàng mẫu, nhập Chánh Định Tụ, thân bỉ Thế Tôn, phương đắc Nhân chứng Vô Sanh, chung thành Phật quả.

(玄義) 五、 勉進初心菩薩親近如來者， 初發心菩薩， 大心雖建， 勝忍未成， 所謂弱羽止可纏枝， 嬰兒猶應傍母， 入正定聚， 親彼世尊， 方得忍證無生， 終成佛果。

(Huyền Nghĩa: Năm là khuyên lơn, khích lệ hàng Sơ Tâm Bồ Tát thân cận Như Lai. Sơ Phát Tâm Bồ Tát tuy đã kiến lập đại tâm, nhưng Nhẫn thù thắng chưa thành, như thường nói: “Lông cánh yếu ớt chỉ có thể chuyền cành, trẻ thơ phải ở cạnh mẹ”. Nhập Chánh Định Tụ, thân cận đức Thế Tôn kia thì mới chứng được Vô Sanh Nhân, rốt cuộc thành tựu quả Phật).

Trước tiên chúng ta phải liễu giải: Sơ Tâm Bồ Tát là gì? Sơ Tâm là Sơ Phát Tâm. Sơ Phát Tâm Bồ Tát nhất định phải thân cận đức Phật thì mới có thể thành tựu. Cũng giống như chúng ta tu học, kẻ mới học

nhất định phải nương tựa thầy, tách rời thầy sẽ rất khó thành tựu. Dầu chính mình tu thành công, vẫn phải thân cận thầy để được thầy chỉ điểm, ấn chứng. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói về chuyện này rất rõ ràng. Đây là sự thừa.

(Diễn) Sơ Tâm Bồ Tát hữu tứ giáo bất đồng.

(演) 初心菩薩有四教不同。

(Diễn: Sơ Tâm Bồ Tát chia thành tứ giáo khác nhau).

Thoạt đầu, Ngẫu Ích đại sư học Thiên Thai; do vậy, trong trước tác, quá nửa là Ngài tuân theo cách phán giáo của tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai phán định giáo pháp trong cả một đời đức Thế Tôn thành bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên. Sơ Phát Tâm Bồ Tát có bốn giáo khác nhau.

(Diễn) Tạng Thông lưỡng giáo Bồ Tát, nãi chí Biệt Giáo Sơ Địa dĩ tiền, Viên Giáo Sơ Trụ dĩ tiền giai thị.

(演) 藏通兩教菩薩，乃至別教初地以前，圓教初住以前皆是。

(Diễn: Hàng Bồ Tát trong Tạng Giáo và Thông Giáo, cho đến người chưa chứng đắc Sơ Địa trong Biệt Giáo và kẻ chưa chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo đều là [hàng Sơ Tâm Bồ Tát]).

Phạm vi của Sơ Tâm Bồ Tát khá rộng lớn. Tạng, Thông, Biệt, Viên là do căn tánh của chúng sanh khác nhau, phân chia tổng quát thành bốn loại lớn, tức là bốn loại căn tánh khác nhau. Tạng Giáo Bồ Tát và Thông Giáo Bồ Tát đều gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. Trong Biệt Giáo, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương gồm bốn mươi địa vị đều gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. Dù thấy chữ Sơ Tâm chẳng phải chỉ kẻ vừa mới phát tâm, vì đã đạt đến địa vị Thập Hồi Hương trong Biệt Giáo mà vẫn gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. Nói theo Viên Giáo, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều là Sơ Tâm Bồ Tát. Do đây có thể biết: Trong các vị Sơ Tâm Bồ Tát, trình độ sâu hay cạn sai khác rất lớn. Giống như chúng ta nói đến Sơ Học, Tiểu Học là Sơ Học, từ lớp Một đến lớp Sáu đều gọi là Sơ Học, trọn chẳng phải chỉ có lớp Một của Tiểu Học mới gọi là Sơ Học. Đoạn văn này nhằm giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa ấy. Do đây có thể biết:

Hễ còn thuộc địa vị này, chắc chắn chẳng thể tách rời thầy. Đương nhiên vị thầy thù thắng nhất là Phật, chúng ta học Phật chẳng thể tách lia Phật. Trong thế gian hiện thời, Phật chẳng trụ thế, làm cách nào đây? Ất cần phải tìm một chỗ có Phật để thân cận Ngài, đó là đúng. Cũng vì ý nghĩa ấy mà đức Phật giảng giải bộ kinh này cho chúng ta. Tiếp theo đây là nói rõ lý do.

(Diễn) Hà dĩ cố? Quán Kinh Thượng Thượng phẩm phương chứng Sơ Địa.

(演) 何以故? 觀經上上品方登初地。

(Diễn:) Vì sao? Theo Quán Kinh, bậc Thượng Thượng phẩm [vãng sanh] mới chứng Sơ Địa).

Theo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh đã dạy, địa vị Sơ Địa này rất cuộc là địa vị như thế nào? Trong Tứ Giáo thì thuộc Sơ Địa của giáo nào? Ở đây nói rất rõ ràng: Là Sơ Địa trong Biệt Giáo.

(Diễn) Thử Sơ Địa giả, Viên Sơ Trụ dã.

(演) 此初地者, 圓初住也。

(Diễn:) Địa vị Sơ Địa này là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo).

Sơ Địa trong Biệt Giáo bằng với Sơ Trụ trong Viên Giáo.

(Diễn) Tắc thử Sơ Tâm Bồ Tát, thị Biệt Viên Địa Trụ dĩ tiền giai thị tự khả tưởng kiến.

(演) 則此初心菩薩, 是別圓地住以前皆是自可想見。

(Diễn:) Chính là Sơ Tâm Bồ Tát [được nói đến] ở đây. Đối với các địa vị trước khi chứng được Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo đều có thể tự suy nghĩ mà biết).

“Biệt Viên Địa Trụ dĩ tiền”: Trước khi đạt đến địa vị Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, “giai thị”: Đều là Sơ Tâm Bồ Tát, có tiêu chuẩn hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói: Trước khi đạt được Sơ Trụ, chắc chắn chẳng thể tách rời thầy! Chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát. Khi Ngài mới học chẳng hề lia thầy. Đi ra ngoài

tham học là khi nào? Khi đã chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo, đây cũng là Sơ Địa trong Biệt Giáo, thì mới đi tham học, có đủ tư cách lìa khỏi thầy để ra ngoài tham học. Trước khi đạt đến địa vị ấy, nhất quyết chớ nên lìa thầy. Nếu nói theo tầng cấp tu hành trong kinh này, trước khi đạt đến địa vị Lý nhất tâm bất loạn, đều gọi là Sơ Tâm Bồ Tát. Công phu thành phiến và Sự nhất tâm bất loạn đều thuộc địa vị Sơ Tâm, chứng đắc Lý nhất tâm sẽ bằng với bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo. Trước tiên, chúng ta phải hiểu rõ tiêu chuẩn của Sơ Tâm Bồ Tát, quả thật đều nhằm khuyên lơn, khích lệ chúng ta mà nói.

(Diễn) Hựu phục Khởi Tín Luận, Thập Tín vị nhân, cụ tín tâm nan tựu, đương cầu sanh Tịnh Độ, cập tín tâm thành tựu, nhi vị tín thành phát tâm, nãi thị tam tâm viên phát, chánh thị Viên Giáo Sơ Trụ, tác thử Sơ Tâm Bồ Tát, thị Biệt Viên Địa Trụ dĩ tiền giai thị, cánh khả tướng kiến. Biệt Viên ký như thử, Tạng Thông ích khả tri.

(演) 又復起信論，十信位人，懼信心難就，當求生淨土。及信心成就，而為信成發心，乃是三心圓發，正是圓教初住。則此初心菩薩，是別圓地住以前皆是，更可想見。別圓既如此，藏通益可知。

(Diễn: Lại nữa theo Khởi Tín Luận, hàng Thập Tín Bồ Tát sơ tín tâm khó thành tựu, hãy nên cầu sanh về Tịnh Độ. Đến khi tín tâm thành tựu thì do lòng tin đã thành tựu bèn phát tâm, ba tâm đều phát trọn vẹn, chính là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Do vậy, càng có thể suy xét để thấy căn kẽ: Những người chưa đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo đều là Sơ Tâm Bồ Tát. Biệt Giáo và Viên Giáo đã như thế thì càng biết rõ [những địa vị Bồ Tát trong] Tạng Giáo và Thông Giáo [đều là Sơ Tâm Bồ Tát]).

Ở đây nhằm giải thích chữ Sơ Tâm cho chúng ta, có thể nói là đã dẫn kinh điển để làm chứng cứ rất rõ rệt, quyết chẳng phải là do ý nghĩ suy lường của đại sư. Tiêu chuẩn theo như Khởi Tín Luận đã nói là tiêu chuẩn của Viên Giáo. Vì sao? Đại Thừa Khởi Tín Luận chẳng phải là Tiểu Thừa, nói cách khác, nó là tiêu chuẩn Đại Thừa. Theo tiêu chuẩn Đại Thừa, Sơ Tâm là các địa vị thuộc Thập Tín trong Viên Giáo. Những

vị Bồ Tát ấy đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, đó mới là địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo.

Hôm nay có một vị xuất gia bảo tôi: “Khắp một giải Thái Lan, Tích Lan (Sri Lanka) thuộc Đông Nam Á, người chứng quả A La Hán rất nhiều”. Tôi hỏi ông ta: “Ai nói?” Ông ta đáp: “Rất nhiều người nói!” Tôi nói: “Tôi ở Mỹ Quốc nghe nói rất nhiều người [tự xưng hay được người khác tuyên truyền] là Văn Thù Bồ Tát tái lai hoặc A Di Đà Phật tái lai!” Hiện thời tình hình này quá nhiều, thật hay giả? Kiến Tư phiền não đã đoạn thì mới là Tiểu Thừa A La Hán, minh tâm kiến tánh mới là Bồ Tát. Tiểu Thừa Sơ Quả, người như vậy chắc chắn chẳng tranh chấp với người khác, chẳng khởi ý niệm ấy! Nếu còn chuộng tiếng tăm, lợi dưỡng, còn muốn tranh danh đoạt lợi, nói mấy câu khó nghe bèn khó chịu, khen ngợi mấy câu bèn vui sướng khôn ngần, đó là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân! Vì vậy, nhất định đừng nên nghe và tin theo lời bịa đặt!

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Thời kỳ Mạt Pháp, chắc chắn là không có người tu hành chứng quả, chỉ có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Thời kỳ Chánh Pháp có người chứng quả. Thời kỳ Tượng Pháp không có Tứ Quả La Hán, tôi đa là chứng được Tam Quả. Thời kỳ Mạt Pháp, ngay cả Sơ Quả cũng chẳng dễ gì chứng đắc! Hiện tại, trong thế gian này, kẻ dùng lời lẽ quái đản hòng mê hoặc, gạt gẫm mọi người quá đông, ngay cả những người học cao còn bị gạt, bị họ lừa dối, đúng là ngu si, mê hoặc, điên đảo! Người có một tí kiến thức thông thường, đầu óc tỉnh táo sẽ chẳng bị lừa!

Trong quá khứ, tôi đã từng gặp một người, ông ta tu hành cũng khá lắm, nhưng tăng thượng mạn, tự nghĩ chính mình tu hành khá lắm, đã chứng quả A La Hán rồi. Ông ta đến nói với tôi, tôi hỏi ngược lại: “Chứng đắc A La Hán nhất định có sáu thứ thần thông, xe và người ở ngoài căn nhà này ông có thấy rõ ràng hay không?” Ông ta chẳng thấy! Tôi nói: “Điều ấy chứng minh ông chưa chứng A La Hán, vì ông đã chứng A La Hán sẽ có Thiên Nhãn Thông. Lòng tôi dấy lên một ý niệm, ông lập tức biết liền, vì A La Hán có Tha Tâm Thông”. Ông ta nói ông ta chẳng có [những thứ thần thông ấy]. Tôi nói: “Vậy là tôi có thể chứng minh ông chưa chứng đắc A La Hán”. Như vậy thì ông ta mới tin tưởng; ấy là vì trong khi tu hành, đạt được một chút khinh an, bèn tự cho là đã chứng quả!

Còn có người niệm Phật tưởng làm chính mình đã đắc nhất tâm bất loạn, thật ra là hiểu lầm. Kẻ ấy cũng chẳng gạt người, mà tự mình mê

hoặc, giống như đi đường: Kẻ ấy muốn đến Cao Hùng, đi đến Bản Kiều bèn tưởng lầm đã đến Cao Hùng, tôi đã đến nơi rồi! Kẻ ấy chẳng hề gạt người khác, mà tự mình lầm lẫn. Do vậy, học Phật không chỉ phải hiểu lý luận, phải hiểu phương pháp, mà còn phải hiểu biết cảnh giới, tự mình đã đạt đến trình độ nào phải hiểu rõ ràng, rành rẽ, đừng nên làm công phu thành phiến là nhất tâm bất loạn, chớ nên coi sự khinh an nhỏ nhất là công phu thành phiến.

Địa vị Thập Tín rất phi phạm! Địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo tương đương với Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn, địa vị Thất Tín bằng với A La Hán của Tiểu Thừa, Kiến Tư phiến nào thấy đều đoạn sạch. Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín tương đương với Bồ Tát trong Tạng Giáo và Thông Giáo. Các Bồ Tát trong Tạng Giáo và Thông Giáo tuy thuộc các địa vị ấy vẫn sợ tín tâm khó thể thành tựu, vì sao? Họ vẫn còn tiền tiền, lùi lùi, khó thể thành tựu! Do vậy, trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát khuyên những vị Bồ Tát ấy hãy nên phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Đến khi tín tâm thành tựu, tức là Thập Tín tâm viên mãn, nhập Sơ Trụ. Tín tâm đã thành, bèn phát tâm; do vậy, Sơ Trụ Bồ Tát được gọi là Phát Tâm Trụ. Vì sao gọi là Phát Tâm Trụ? Tiếp đó, sách Diễn Nghĩa trích dẫn câu “tam tâm viên phát”, đây chính là những tâm được nói trong Quán Kinh. “Tam tâm” là Bồ Đề tâm, trực tâm và thâm tâm, Khởi Tín Luận nói như vậy, còn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh bảo “tam tâm” là chí thành tâm, thâm tâm và phát nguyện hồi hướng tâm. “Tam tâm viên phát”: Viên là viên mãn, [viên phát là các tâm] thấy đều đã phát, cả ba tâm đều đã phát. Đó gọi là Phát Tâm Trụ Bồ Tát, tức Sơ Trụ trong Viên Giáo. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ cảnh giới này. Ba tâm đã phát trọn vẹn, thật sự phát, chẳng giống như chúng ta hiện thời phát Bồ Đề tâm ngoài miệng. Chúng ta miệng có, tâm không, chẳng có Bồ Đề tâm. Chúng ta phát Bồ Đề tâm, vẫn đối đãi với người khác bằng cái tâm quanh co, cong queo, chẳng phải là trực tâm, đãi người tiếp vật vẫn bằng tình ý hư giả, chẳng phải là chí thành tâm. Đối với chính mình, tâm chẳng thanh tịnh; đối với người khác tâm chẳng từ bi; phát cái tâm gì vậy?

Thật sự đạt đến địa vị này, đối với người niệm Phật, địa vị này là Lý nhất tâm bất loạn, đãi người tiếp vật tuyệt đối chân thành, không có mảy may hư giả nào, tâm địa của chính mình chắc chắn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đối đãi với bất cứ ai đều là bình đẳng từ bi, đó là người nhất tâm bất loạn, là tâm của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ

Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, tâm Bồ Tát đây! Do vậy, nhìn từ kinh luận, trước khi đạt đến địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo hay Sơ Địa trong Biệt Giáo, [các địa vị Bồ Tát khác] đều là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. Những vị Bồ Tát ấy nhất định phải thân cận Như Lai thì mới chẳng bị thoái chuyển. Từ đoạn kinh văn này, chúng ta có thể kết luận: Học Phật quan trọng nhất là phải giữ được cái tâm ban đầu, chẳng để cho nó lui sụt! Giữ gìn như thế nào? Hằng ngày phải nghe kinh, hằng ngày phải đọc kinh. Ba ngày chẳng đọc kinh, quý vị nhất định bị lui sụt. Chúng ta nghe kinh hằng ngày mà vẫn lui sụt, nhưng với một mức độ nhỏ hơn một chút; nếu chẳng nghe kinh thì làm sao được? Chẳng đọc kinh có làm sao được? Nhưng pháp duyên nghe kinh cũng chẳng dễ gì có nhiều! Khi không có ai giảng kinh, làm như thế nào đây? Chính mình phải phát tâm giảng, tìm mấy vị đồng học thay phiên nhau giảng, một người giảng, mấy người nghe. Nghe xong lại nghiên cứu, thảo luận, dùng phương thức ấy. Mấy người cùng đốc thúc lẫn nhau, chúng ta mới hòng có tiến bộ, mới chẳng đến nỗi lui sụt!

Do vậy, muốn tinh tấn chẳng lùi, nhất định phải nương tựa đồng học, nương tựa thầy chưa được, nương tựa thầy vẫn bị thoái chuyển! Thầy là người chỉ lối, đồng học là người kết bạn cùng đi với ta, đôi bên chiếu cố lẫn nhau. Người chỉ đường là thầy, quý vị có thể học với thầy một ngày mà thôi, thầy chỉ đường cho quý vị, nhưng đi theo con đường ấy sợ rằng phải đi mất bao nhiêu năm! Vì thế, cổ nhân nói: “*Nhất nhật vi sư*” (một ngày là thầy). Thầy chỉ cho quý vị một phương hướng, chỉ cần quý vị thật sự tuân thủ, tin giữ, không thay đổi, chắc chắn chẳng trái nghịch, sẽ có thể thành tựu! Không có nhân duyên theo thầy một thời gian dài thì học với thầy một ngày cũng được, thật sự có thể “đắc đạo” (tìm được đường lối). “*Đạo*” [ở đây] là đạo lý, đạo lộ (con đường), thật sự có được một con đường, hiểu rõ rồi, sau đây chính mình phải đi theo con đường ấy!

Tự mình muốn đi theo con đường ấy, nhất định phải kết bạn, nhất định phải có đồng học, đồng tham đạo hữu! Rèn giữa lẫn nhau, giới mài lẫn nhau, đạo nghiệp của chúng ta mới hòng thành công. Có thầy mà chẳng có bạn đồng học, chẳng thể thành tựu! Có đồng học mà chẳng có thầy, cũng chẳng thể thành tựu! Thầy và bạn là nhân tố quyết định sự thành công hay thất bại của chúng ta, mà cũng là điều kiện bậc nhất. Thân cận Như Lai, Như Lai là vị thầy tốt nhất, các vị thượng thiện nhân trong thế giới Tây Phương là đồng học lý tưởng nhất. Vừa mở đầu liền ban cho chúng ta đạo lý này: Ất cần phải thân cận Như Lai.

“*Sơ Phát Tâm Bồ Tát đại tâm tuy kiến, thắng nhân vị thành*” (Sơ Phát Tâm Bồ Tát tuy đã kiến lập tín tâm, nhưng Nhân thù thắng chưa thành tựu). Tiếp theo đó, sách Diễn Nghĩa nói rõ lý do: Vì sao người ấy phải thân cận Như Lai? Tuy đã phát đại tâm, đại tâm là Vô Thượng Bồ Đề tâm, tức A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, cái tâm ấy tuy đã phát, nhưng Nhân thù thắng chưa thành.

(Diễn) Đại tâm tuy kiến giả, Sơ Phát Tâm Bồ Tát, thượng cầu Phật quả, hạ hóa chúng sanh, bất đồng Nhị Thừa, bất cầu Phật đạo, bất giáo chúng sanh cố.

(演) 大心雖建者，初發心菩薩，上求佛果，下化眾生，不同二乘，不求佛道，不教眾生故。

(Diễn: “Đại tâm tuy đã lập”: *Sơ Phát Tâm Bồ Tát trên cầu Phật quả, dưới hóa độ chúng sanh, chẳng giống như Nhị Thừa chẳng cầu Phật đạo, chẳng giáo hóa chúng sanh).*

Người Tiểu Thừa quả thật là như thế, chính mình đã thành tựu Cửu Thử Đệ Định, đã đoạn Kiến Tư phiền não, bèn ngưng nghỉ, chẳng chịu cầu tiến lên nữa, cũng chẳng chịu giáo hóa chúng sanh, đó là hàng Nhị Thừa. Bồ Tát chẳng giống như vậy, họ đã phát đại Bồ Đề tâm, muốn “*thượng cầu Phật quả, hạ hóa chúng sanh*”. Tuy đã phát đại tâm, nhưng năng lực vẫn chưa đủ. Tâm có dư, nhưng sức chẳng đủ.

(Diễn) “Thắng Nhân vị thành”: *Thắng Nhân, Vô Sanh Pháp Nhân dã.*

(演) 勝忍未成，勝忍，無生法忍也。

(Diễn: “Thắng Nhân chưa thành”: *Thắng Nhân là Vô Sanh Pháp Nhân).*

Vị ấy chưa chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

(Diễn) Sơ Tâm Bồ Tát, phiền não vị trừ, vô minh vị phá, vị chứng Vô Sanh lý cố.

(演) 初心菩薩，煩惱未除，無明未破，未證無生理故。

(Diễn: Do Sơ Tâm Bồ Tát chưa trừ phiền não, chưa phá vô minh, chưa chứng lý Vô Sanh).

“*Phiền não vị trừ*”: Trước khi chứng được địa vị Lục Tín trong Thập Tín của Viên Giáo, chưa trừ phiền não. Địa vị Thất Tín tuy đã trừ phiền não, nhưng “*chưa phá vô minh*”. Từ Đệ Thất Tín đến Đệ Thập Tín cả bốn tầng cấp đều chưa phá vô minh, chưa kiến tánh. “*Vị chứng Vô Sanh lý cố*” (do chưa chứng lý Vô Sanh): Đối với hết thảy các pháp vốn chẳng sanh diệt, vị ấy chưa chứng đắc. Do vậy, đối với người thuộc địa vị này vẫn là tiên tiến lùi lùi, tuy đã phát tâm độ chúng sanh, nhưng gặp khó khăn.

Tiếp theo đó là tỷ dụ, “*sở vị nhược vũ chỉ khả triển chi*” (thường nói là lông cánh yếu thì chỉ có thể men theo cành), đây là nói về chim non: Chim non chưa trưởng thành, nó chỉ có thể nhảy chuyền theo cành, chưa thể bay lên, nếu bay lên sẽ rớt xuống. “*Anh nhi do ung bàng mẫu*” (trẻ thơ vẫn phải quanh quẩn bên mẹ): Đứa trẻ từ ba tuổi trở xuống chẳng thể rời khỏi mẹ, rời khỏi mẹ nó sẽ không có cách nào sống sót được. Từ ba tuổi trở lên, nó có tách rời khỏi mẹ, tách rời khỏi vòng tay ôm ấp. Trẻ thơ không có cách nào tách rời khỏi sự chăm bẵm của cha mẹ, dùng điều này để tỷ dụ hàng Sơ Tâm Bồ Tát.

“*Nhập Chánh Định Tụ, thân bỉ Thế Tôn, phương đắc Nhân chứng Vô Sanh, chung thành Phật quả*” (Nhập Chánh Định Tụ, thân cận vị Thế Tôn ấy mới chứng đắc Vô Sanh Nhân, rốt cuộc thành Phật quả): Nói rõ vị ấy nhất định phải nhập Chánh Định Tụ.

(Diễn) Chánh Định Tụ, chỉ Cực Lạc thế giới thuyết.

(演) 正定聚, 指極樂世界說。

(Diễn: “Chánh Định Tụ” là nói thế giới Cực Lạc).

Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn nhập Chánh Định Tụ. Chúng ta thường gọi Chánh Định Tụ là Niệm Phật tam-muội.

(Diễn) Dĩ bỉ độ nhân.

(演) 以彼土人。

(Diễn: Vì người trong cõi ấy).

Đây là nói về người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Diễn) *Giai hữu định lực, bất thoái chuyển cố.*

(Động) 皆有定力，不退轉故。

(Diễn) *Đều có định lực nên chẳng thoái chuyển).*

Hễ vãng sanh thế giới Tây Phương bèn viên chứng ba thứ Bất Thoái, cho nên gọi là Chánh Định Tự. Ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, viên chứng ba thứ Bất Thoái!

(Diễn) *Nhược luận đoạn Hoặc, tắc tín thành tựu phát tâm giả, phương danh nhập Chánh Định Tự, bỉ độ duy Thượng Phẩm Thượng Sanh giả thị dã.*

(Động) 若論斷惑，則信成就發心者，方名入正定聚，彼土唯上品上生者是也。

(Diễn) *Nếu luận định về đoạn Hoặc, người lòng tin thành tựu, phát tâm thì mới được gọi là “nhập Chánh Định Tự”, trong cõi ấy chỉ có bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh mới là như vậy).*

Ở đây lại có một ý nghĩa nữa. Ý nghĩa trong phần trước là nói: Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ nhập Chánh Định Tự, đây là chỗ thù thắng của thế giới Tây Phương, các thế giới phương khác và thế giới Sa Bà không có cách nào sánh bằng! Đây là chỗ đặc biệt thù thắng, chuyên nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. [Còn trong đoạn này] nhìn từ phương diện đoạn Hoặc, dựa theo lý luận thông thường để nói thì bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo mới là Chánh Định Tự, vì sao? Do Sơ Trụ trong Viên Giáo thật sự chứng đắc ba thứ Bất Thoái. Tiểu Thừa Sơ Quả chứng Vị Bất Thoái, từ Tứ Quả A La Hán trở lên chứng Hạnh Bất Thoái, từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên chứng Niệm Bất Thoái. Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo mới có ba thứ Bất Thoái; nhưng chỗ đặc biệt trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là chúng ta đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Tịnh Độ, thật ra chưa thành tựu địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo! Chúng ta chưa đoạn một phẩm nào trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc của tam giới mà vẫn có thể vãng sanh, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Lại còn hễ sanh về nơi đó, bèn viên chứng ba thứ Bất Thoái.

Tra khắp kinh điển, mười phương thế giới chư Phật thấy đều không có chuyện tiện nghi này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là có. Chỗ thù thắng của pháp môn này chính là ở chỗ này, đó là nói về “nhập Chánh Định Tự”.

“*Thân bị Thế Tôn*” (thân cận đức Thế Tôn ấy), chữ Thế Tôn chỉ A Di Đà Phật, “*phương đặc Nhẫn chứng Vô Sanh*” (mới chứng đặc Vô Sanh Pháp Nhẫn).

(Diễn) Nhẫn chứng Vô Sanh cú, thị đảo ngữ pháp.

(演) 忍證無生句，是倒語法。

(Diễn: Câu “Nhẫn chứng Vô Sanh” viết theo lối đảo ngữ).

Đây là lối đảo ngữ, phải hiểu là “*chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn*”.

(Diễn) Dĩ Pháp Nhẫn hữu tam chủng, nhất giả Âm Hưởng Nhẫn, nhị giả Nhu Thuận Nhẫn, tam giả Vô Sanh Nhẫn.

(演) 以法忍有三種，一者音響忍，二者柔順忍，三者無生忍。

(Diễn: Do Pháp Nhẫn có ba thứ: Một là Âm Hưởng Nhẫn, hai là Nhu Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Nhẫn).

Pháp Nhẫn có ba thứ, cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhẫn cao nhất. Chứng đặc Vô Sanh Nhẫn, tâm quý vị mới thật sự được thanh tịnh, bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh đều chẳng bị ngoại cảnh lay động, vì sao? Vì quý vị thật sự thấy được hết thấy các pháp vốn chẳng sanh, lẽ đâu có diệt? Chứng hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt thì gọi là Vô Sanh Nhẫn.

(Diễn) Kim vị sở chứng chi Nhẫn, nãi thị Vô Sanh dã.

(演) 今謂所證之忍，乃是無生也。

(Diễn: Nay nói đến Pháp Nhẫn được chứng thì chính là Vô Sanh vậy).

“*Nhẫn chứng Vô Sanh, chung thành Phật quả*” (chứng Vô Sanh Nhẫn, rốt ráo thành quả Phật): Từ nay trở đi tinh tấn, tiến lên cao hơn

nữa sẽ là Tịch Diệt Nhân. Tịch Diệt Nhân là quả địa Như Lai, viên mãn thành Phật!

(Huyền Nghĩa) Thừa đại nguyện phiệt, khổ hải độ sanh.

(玄義) 乘大願筏，苦海度生。

(Huyền Nghĩa: Nuơng bè đại nguyện độ chúng sanh trong biển khổ).

Đây mới là thực hiện hoằng nguyện do Bồ Tát đã phát trong lúc tu nhân, nhất định phải thực hiện nguyện vọng “*phổ độ chúng sanh*” này. Vì sao? Ngài có năng lực. Trong hết thủy cảnh giới như như bất động thì mới có năng lực. Thật ra, đối với câu nói này, chúng ta hãy nghĩ tới tôn giả Tu Bồ Đề trong kinh Kim Cang đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo nên độ chúng sanh như thế nào? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy tôn giả: Ông muốn độ chúng sanh thì ắt phải đạt đến “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. Cái gọi là “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*” ấy chính là Vô Sanh Pháp Nhân, ở đây gọi là “*Nhẫn chứng Vô Sanh*”, đây mới là phổ độ chúng sanh. Nếu chưa đạt đến địa vị này, độ chúng sanh sẽ bị ngã lòng. Quý vị dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi đối đãi người ta, người ta tâm địa ngoắt ngoéo, toan tính, hoài nghi quý vị, đối xử với quý vị bằng ác ý, xong rồi! Ta đối xử với hán bằng tâm lòng tốt đẹp như thế mà hán lại đáp trả như thế đó, xong luôn, không độ hán nữa, nhứt chí rồi! Ất cần phải chứng Vô Sanh Nhân, quý vị mới chẳng ngã lòng đối với những chúng sanh ương ngạnh khó giáo hóa trong thế giới Sa Bà. Bồ Tát dùng hảo tâm đối đãi chúng ta, chúng ta khởi ác ý đối với Ngài, thậm chí còn tổn hại, phá hoại, khinh nhục, thậm chí giết hại Ngài. Ngài như thế nào? Ngài chẳng chấp lấy tướng, như như bất động, Bồ Tát đạo mới chẳng thoái chuyển. Vì thế, người Tiểu Thừa chẳng thể không ngã lòng!

(Huyền Nghĩa) Như Trí Luận trung thuyết, thả phù lục tâm đọa lạc, trần kiếp Thanh Văn, ngư tử, Am La, túc vị minh kính.

(玄義) 如智論中說，且夫六心墮落，塵劫聲聞，魚子菴羅，足為明鏡。

(**Huyền Nghĩa:** Như trong Trí Độ Luận nói: “Ôi! Đã đạt Lục Trụ mà còn đọa lạc, làm Thanh Văn trong số kiếp nhiều như vi trần! Cá con, hoa xoài, đủ làm gương sáng”).

Ở đây, đại sư trích dẫn một đoạn công án trong Đại Trí Độ Luận đề giảng rõ.

(**Diễn**) *Thả phù lục tâm hạ, vị nhược bất cầu sanh Tịnh Độ, tiện dục khổ hải độ sanh, tắc hữu Xá Lợi đấng chi phúc triệt khả giám dã.*

(**演**) 且夫六心下，謂若不求生淨土，便欲苦海度生，則有舍利等之覆轍可鑑也。

(**Diễn:** Từ câu “thả phù lục tâm” trở xuống, ý nói: Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ mà cứ muốn độ chúng sanh trong biển khổ thì vết xe đổ của các vị như Xá Lợi Phất v.v... đủ để làm gương).

Những vị A La Hán như tôn giả Xá Lợi Phất phát tâm Bồ Tát, muốn phổ độ chúng sanh. Kết quả là ai nấy đều thoái chuyển, giống như “ngư tử”, cá đẻ trứng rất nhiều, nhưng thật sự trưởng thành rất ít.

(**Sớ**) *Trí Luận vân: “Cụ phược phàm phu, hữu đại bi tâm, dục sanh ác thế cứu khổ chúng sanh, vô hữu thị xứ”.*

(**疏**) 智論云：具縛凡夫，有大悲心，欲生惡世救苦眾生，無有是處。

(**Sớ:** *Trí Độ Luận chép: “Phàm phu đầy đầy phiền não, có tâm đại bi, muốn sanh vào đời ác để cứu khổ chúng sanh, chẳng thể có lẽ ấy!”*)

“Cụ phược” là đầy đủ phiền não.

(**Diễn**) “Cụ phược” phược tự, thị nội vị phiền não sở phược, “thanh sắc sở phược” phược tự, thị ngoại vị lục trần sở phược.

(**演**) 具縛縛字，是內為煩惱所縛；聲色所縛縛字，是外為六塵所縛。

(**Diễn:** Chữ Phục trong câu “cụ phục” là bên trong thì bị phiền não trói buộc. Chữ Phục trong câu “thanh sắc sở phục” là bên ngoài bị sáu trần trói buộc”).

“Cụ phục” là đầy đủ [các món trói buộc], trong có phiền não, ngoài có lục trần. Nói cách khác, trong chẳng thể “như như bất động”, trong động tâm, bên ngoài chấp tướng. Chỉ cần quý vị chấp tướng bên ngoài, bên trong động tâm thì gọi là “cụ phục phạm phu”, tức là phạm phu có trọn đủ các thứ trói buộc (triền phục). Nếu ở trong cảnh giới ấy mà quý vị muốn phát tâm Bồ Tát, học đòi Bồ Tát muốn cứu độ chúng sanh trong ác đạo thì đức Phật bảo là “vô hữu thị xứ” (không có lẽ ấy), tức là người làm chẳng được đâu! Đúng là tâm có thừa, nhưng sức chẳng đủ!

(**Sớ**) Hà dĩ cố?

(**疏**) 何以故?

(**Sớ:** Vì sao vậy?)

Vì sao quý vị không làm được?

(**Sớ**) Phiền não cường cố, vị đắc Nhẫn lực, tâm tùy cảnh chuyển, thanh sắc sở phục, tự độ tam đồ, yên năng cứu bi?

(**疏**) 煩惱強故，未得忍力，心隨境轉，聲色所縛，自墮三途，焉能救彼。

(**Sớ:** Do phiền não mạnh mẽ, chưa đắc Nhẫn lực, tâm bị chuyển theo cảnh, bị thanh sắc ràng buộc, tự độ trong tam đồ, làm sao có thể cứu người khác được?)

Đúng như tục ngữ đã nói: “Nê Bồ Tát quá hà, tự thân nan bảo” (Bồ Tát bằng đất sét qua sông, khó giữ nổi thân), độ chính mình còn chưa được, làm sao quý vị độ người khác? Những lời này, câu nào cũng đều là chân thật.

(**Diễn**) Vị đắc Nhẫn lực, thanh sắc sở phục giả, đắc Nhẫn Bồ Tát, thị sắc như manh, văn thanh như lung, sở vị “bách hoa tùng lý quá, nhất vật bất triêm thường”.

(演) 未得忍力聲色所縛者，得忍菩薩，視色如盲，聞聲如聾，所謂百花叢裡過，一物不沾裳。

(Diễn: “Chưa đắc Nhẫn lực, bị thanh sắc buộc ràng”: Bạc Bồ Tát đắc Nhẫn thấy sắc như mù, nghe tiếng như điếc, đó gọi là “vượt qua rừng trăm hoa, chẳng vật gì dính áo”).

Bạc Bồ Tát đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn có thể làm được [điều này]: Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng bị nhiễm. Kinh Kim Cang nói: “*Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”. Đó là bạc Bồ Tát đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

(Diễn) Bàn Công vân.

(演) 龐公云。

(Diễn: Ông Bàn Long Ẩn nói).

Đây là Bàn cư sĩ hết sức nổi tiếng, là bậc đại triệt đại ngộ trong Thiên Tông, ông ta nói...

(Diễn) Dẫn tự vô tâm u vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu.

(演) 但自無心於萬物，何妨萬物常圍繞。

(Diễn: Chỉ cần vô tâm đối với vạn vật thì vạn vật thường vây quanh đâu có trở ngại gì?)

Đây là một công án trừ danh trong Thiên Tông. “*Vô tâm*” là chẳng động tâm. Đối với bên ngoài chẳng có tâm phan duyên, đối với bên trong chẳng sanh tâm phiền não. Như vậy thì mới được!

(Diễn) Thiết nguưu bất phạ sư tử hống, khát tự mộc nhân khán hoa điều.

(演) 鐵牛不怕獅子吼，恰似木人看花鳥。

(Diễn: Trâu sắt chẳng sợ sư tử rống, hệt như người gỗ ngắm hoa, chim).

Trâu bằng sắt chẳng sợ tiếng sư tử rống, vì sao? Nó không có tâm! Người bằng gỗ đặt nơi đó cho nó ngấm hoa, ngấm chim, nó cũng chẳng động tâm, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Hai câu này là tỷ dụ, đến mức như vậy thì mới được, đó gọi là Nhẫn lực.

(Diễn) Kim bất nhiên dã.

(演) 今不然也。

(Diễn: Nay chẳng được như vậy).

Nay chúng ta suy nghĩ: Chúng ta có làm được hay không? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần có khởi tâm động niệm hay là không? Nếu vẫn khởi tâm động niệm thì quý vị là “*cụ phược phạm phu*”, nếu quý vị muốn độ chúng sanh khổ nạn, quý vị phải coi chừng, sợ rằng khó giữ được thân mình! Vì thế, độ chúng sanh nhất định phải có Định lực khá, phải có Nhẫn lực. Nếu không, chẳng có kẻ nào không đọa lạc! Nói thật đấy! Đọa lạc trong tiếng tăm, lợi dưỡng quá ư là nhiều! Người học Phật chúng ta ắt phải tự mình cảnh tỉnh, răn nhắc chuyện này. Vì thế, chúng ta phải phát tâm cầu sanh Tịnh Độ!

Chúng ta nói độ chúng sanh, nhưng độ chúng sanh là chuyện chưa thể bàn được! Có tư cách gì để nói chuyện độ chúng sanh? Chúng ta giúp đỡ người khác tu pháp môn này là phụ, chính mình cầu vãng sanh là chủ yếu. Phải nhận biết chủ và khách rõ ràng! Đợi khi ta đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn, khi ấy, thả chiếc bè Từ trở về thế giới Sa Bà, bèn lấy độ sanh làm chủ yếu, tự tu là chuyện phụ. Hiện tại, lấy tự độ làm chánh, độ người khác là chuyện kèm theo. Vì thế, đừng nên điên đảo [vai trò của] khách và chủ, thứ tự gốc và ngọn nhất định phải nhận biết rõ ràng. Hiện tại, chúng ta thấy Phật giáo suy đến mức như thế này, quán sát kỹ càng chẳng thể không đau lòng, nhưng chúng ta có thể cứu vãn được hay chẳng? Không có năng lực! Làm cách nào đây? Nhanh chóng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cứu người khác chẳng được thì trước hết hãy cứu chính mình, đó là chuyện khẩn yếu! Một nơi nhỏ nhoi này của chúng ta chính là một Tịnh Độ nhỏ bé, hiện thời còn là nơi chưa bị ô nhiễm trong Phật giáo, ở đây chuyên giảng kinh Di Đà, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đạo tràng của chúng ta là như vậy đó! Chúng ta có rất nhiều sự việc như in kinh, bố thí, lưu thông băng thâu âm, đó đều là chuyện kèm thêm,

chẳng khăn yếu. Chuyện khăn yếu là niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta cần phải nhận thức điều này rõ ràng!

Câu kệ tiếp càng nói rõ ràng hơn nữa: Chưa đắc Nhẫn lực, tâm nhất định bị cảnh chuyển. Tâm bị chuyển bởi cảnh thì tốt nhất là càng ít tiếp xúc cảnh giới bên ngoài càng tốt, thêm một chuyện chẳng bằng bớt đi một chuyện, bớt chuyện chẳng bằng không có chuyện gì! Cổ nhân nói rất hay: “*Tri sự đa thời, phiền não đa*” (Biết nhiều chuyện, lắm phiền não). Biết nhiều chuyện quá, phiền não càng lắm. “*Thức nhân đa xứ, thị phi đa*” (Biết nhiều người, lắm nỗi thị phi), quen biết nhiều người, sẽ lắm thị phi. Người không cần thiết phải quen biết thì chẳng cần quen biết, tránh né thị phi, chuyện chẳng cần thiết phải biết thì tốt nhất là không màng biết tới, trong tâm ít phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, như vậy mới là tốt! Một người tu hành chân chánh báo chí cũng chẳng đọc, radio cũng chẳng nghe, không có chuyện gì hết! Quý vị hỏi người ấy trong thiên hạ có chuyện gì? Chẳng biết! Thiên hạ thái bình, vô sự, sống ngày hôm nay rất thoải mái, không có chuyện gì hết! Sở dĩ tôi muốn sang Mỹ tu hành là vì đạo lý này. Tôi không hiểu tiếng Anh, mở báo chí ra, một chữ cũng chẳng biết. Mở TV, một câu tôi nghe cũng chẳng hiểu! Vì thế, thứ gì cũng chẳng cần; cho nên đến Mỹ quốc sẽ như người ta nói “*mất cũng mù, tai cũng điếc, chân cũng khập khiễng*”! Tốt lắm! Rất tốt để tu hành, chuyện gì cũng chẳng có, suốt ngày từ sáng đến tối thiên hạ thái bình. Ngay cả ngày Tết là ngày nào cũng quên tuốt, không biết luôn! Vì thế, tuy là sống trong đô thị của nước Mỹ, chẳng khác gì sống trong núi. Thật sự tự tại! Ở bên đó, mọi người sống cách nhau khá xa, công việc luôn bận túi bụi, không có thời gian đến kiếm quý vị nói chuyện gẫu, cũng rất khó kiếm ra thời gian để hỏi han, thật sự thanh tịnh, thật sự là đạo tràng tốt đẹp để dụng công tu hành. Vì thế, đối với người thật sự mong niệm Phật, tôi cảm thấy hoàn cảnh bên ấy tốt đẹp hơn bên đây quá nhiều!

Khi chẳng có năng lực xoay chuyển hoàn cảnh thì nhất định sẽ bị hoàn cảnh xoay chuyển, thường bị cảnh giới xoay chuyển, sẽ tự đọa vào tam đồ, phiền phức lớn lắm! Bị cảnh giới xoay chuyển thì quý vị hãy nghĩ xem: Làm sao chẳng thể khởi tham, sân, si? Thường xuyên khởi tham, sân, si, chúng ta bèn tạo nghiệp nhân tam đồ. Hằng ngày tạo nghiệp nhân tam ác đạo, làm sao trong tương lai chẳng đi vào đó được? Đọa tam đồ! Chính mình phải đọa tam đồ thì làm sao cứu độ hết thấy chúng sanh cho được?

(Sớ) Giả linh đắc sanh nhân trung, thánh đạo nan đắc, dĩ thí giới phước lực, hoặc tác vương thần, phú quý tự tại, túng ngộ tri thức, bất khăng tín tòng, hoang mê phóng dật, quảng tác chúng tội, điều thử đọa lạc.

(疏) 假令得生人中，聖道難得，以施戒福力，或作王臣，富貴自在，縱遇知識，不肯信從，荒迷放逸，廣作眾罪，繇此墮落。

(Sớ: Nếu được sanh trong loài người, khó đắc thánh đạo, do phước lực của bố thí và trì giới nên làm vua hay quan, phú quý tự tại, dẫu gặp gỡ tri thức, chẳng chịu tin theo, hoang đàng, mê muội, buông lung, rộng tạo các tội, do vậy bị đọa lạc).

Người ấy đời này tu hành tốt đẹp, thọ trì Ngũ Giới, Thập Thiện, giới luật tinh nghiêm, công phu Thiền Định sâu, tu phước, tu huệ, nhưng chẳng cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng sanh về Tịnh Độ, phiền phức xảy tới liền, đời thứ hai làm người, bèn làm quốc vương, đại thần, sanh trong gia đình phú quý, hưởng phước báo nhân thiên. Vì sao? Người ấy hưởng công đức lợi ích do bố thí, trì giới, suốt đời hưởng phước trong thế gian, hưởng phước báo nhân thiên, quên tuốt tu hành. Vì thế, đức Phật nói: “*Phú quý khó học đạo*”. Chẳng chịu tiếp tục học nữa, dẫu gặp gỡ thiện tri thức giảng giải Phật pháp, người ấy cũng chẳng tin tưởng.

Do vậy, có những người phú quý, kẻ có tiền học Phật như thế nào? Chùa miếu tổ chức pháp hội, họ đến làm công đức chủ, đến đó dâng hương. Chúng tôi giảng kinh ở đây, bảo họ ngồi ở đây nghe kinh hai tiếng đồng hồ [họ cảm thấy] giống như đang bị hành tội, không chịu được! Chắc chắn họ không tới, họ muốn đi khiêu vũ, đến vũ trường chơi hai tiếng đồng hồ, vui thú rất thoải mái. “*Bất khăng tín tòng*” (chẳng chịu tin theo): Họ chẳng chịu tin tưởng, chẳng chịu sốt sắng tu học. “*Hoang mê phóng dật, quảng tác chúng tội*” (hoang đàng, mê muội, buông lung, rộng tạo các tội): Hưởng hết phước báo đời này, đời sau nhất định đọa lạc. Đoạn này có ý nói: Một là đời này bèn đọa lạc, hai là dẫu đời này tu hành tốt đẹp, đời sau hưởng phước báo nhân thiên, hết hưởng hết phước báo thì vẫn bị đọa lạc. Nếu muốn chẳng đọa lạc, biện pháp duy nhất là cầu sanh Tịnh Độ. Tiếp theo đó lại có một đoạn tỷ dụ:

(Sớ) Hựu dụ nhị nhân cứu nịch.

(疏) 又喻二人救溺。

(Sớ: Lại nữa, ví như hai người cứu kẻ chết đuối).

Hai người muốn xuống nước để cứu người.

(Sớ) Trực nhập thủy cứu, bĩ thử câu nịch.

(疏) 直入水救, 彼此俱溺。

(Sớ: [Người thứ nhất] nhảy thẳng xuống nước để cứu, đôi bên cùng chết đuối).

Trông thấy có người bị rớt xuống nước, phát tâm rất khó có, cứu vớt người ấy, nhưng chính mình chẳng biết bơi, cứ nhảy đại xuống nước để liều mạng mà thôi! Đây là sai lầm.

(Sớ) Hữu phương tiện giả, vãng thủ thuyền phiệt, thừa chi cứu tiếp, giai đắc miễn nạn.

(疏) 有方便者, 往取船筏, 乘之救援, 皆得免難。

(Sớ: Kẻ có phương tiện bèn lấy thuyền, bè, chèo ra cứu vớt, [đôi bên] đều thoát nạn).

Đây là nói tới người thông minh, có trí huệ, ta không có năng lực thì ta dùng thuyền! Chính mình không có năng lực thì dùng Phật pháp! Đôi bên đều được cứu, ta chiếu theo pháp môn này để tu học, ta cũng dùng pháp môn này để khuyên người khác.

(Sớ) Tân phát ý Bồ Tát, diệc phục như thị, yếu tu cận Phật, đắc Vô Sanh Nhân dĩ, phương năng khổ hải cứu độ chúng sanh, như đắc thuyền giả.

(疏) 新發意菩薩, 亦復如是, 要須近佛, 得無生忍已, 方能苦海救度眾生, 如得船者。

(Sớ: Tân phát ý Bồ Tát cũng giống như thế, cần phải thân cận Phật, đắc Vô Sanh Nhân rồi mới có thể cứu độ chúng sanh trong biển khổ giống như kẻ có thuyền).

Nói rõ tỷ dụ này nhằm nói đến pháp nào.

(Sớ) Hựu vân, thí như anh nhi ly mẫu, hoặc đọa khanh tỉnh, hoặc khát nhũ tử.

(疏) 又云譬如嬰兒離母, 或墮坑井, 或渴乳死。

(Sớ: Lại nói, ví như trẻ thơ rời mẹ hoặc là té xuống hầm, giếng, hoặc chết vì khát sữa).

Nếu trẻ thơ lìa mẹ, không ai trông chừng, rất dễ phát sanh những chuyện bất ngờ khiến nó bị mất mạng, hoặc do không có ai bú mớm phải chết đói. Vì thế, cần phải nương tựa vào mẹ.

(Sớ) Hựu như nhược vũ, chỉ khả y thụ triển chi, xí cách thành tựu, phương năng phi không tự tại vô ngại.

(疏) 又如弱羽, 祇可依樹纏枝, 翅翮成就, 方能飛空自在無礙。

(Sớ: Lại như lông vũ yếu ớt (cánh chưa mọc đủ lông), chỉ có thể men theo cành, lông cánh đã phát triển trọn vẹn mới có thể bay trên không trung tự tại vô ngại).

Đây là tỷ dụ đạo lực lẫn định lực của Sơ Tâm Bồ Tát đều chẳng đủ. Chẳng thân cận Phật, làm sao thành tựu trí huệ, thành tựu Vô Sanh Pháp Nhân?

(Sớ) Phàm phu vô lực.

(疏) 凡夫無力。

(Sớ: Phàm phu không có sức).

Câu này cũng được giải thích.

(Diễn) Phàm phu vô lực hạ, đương song hiệp nhị dụ.

(演) 凡夫無力下, 當雙合二喻。

(Diễn: Từ “phàm phu vô lực” trở đi, hãy nên kết hợp hai tỷ dụ lại [để hiểu]).

Kết hợp hai thứ tỷ dụ trong phần trước.

(Diễn) *Vị nhược ly Di Đà, hoặc đọa tam đồ khanh tỉnh, hoặc khát pháp nhũ nhi vong.*

(演) 謂若離彌陀，或墮三途坑井，或渴法乳而亡。

(Diễn: *Nghĩa là nếu lìa Phật Di Đà, sẽ đọa trong hàm hố tam đồ, hoặc khát sữa pháp mà chết).*

Ghép tỷ dụ này với hai tỷ dụ trong phần trước.

(Diễn) *Hựu nhược cận Di Đà.*

(演) 又若近彌陀。

(Diễn: *Nếu lại thân cận Di Đà).*

“Cận” là thân cận. Nếu như chúng ta chịu thân cận A Di Đà Phật.

(Diễn) *Y Tịnh Độ chi thụ chi, thành Vô Sanh chi xí cách, phương năng phi tam giới chi không, tự tại vô ngại dã.*

(演) 依淨土之樹枝，成無生之翅翮，方能飛三界之空，自在無礙也。

(Diễn: *Nương vào cành cây Tịnh Độ, để thành trụ lông cánh Vô Sanh rồi mới có thể bay lên hư không tam giới tự tại vô ngại).*

Tỷ dụ này rất dễ hiểu.

(Sớ) *Duy ưng chuyên niệm A Di Đà Phật, sử thành tam-muội, lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, kiến Phật đắc Nhẫn, hoàn lai tam giới cứu độ chúng sanh.*

(疏) 唯應專念阿彌陀佛，使成三昧，臨終正念，決定往生，見佛得忍，還來三界救度眾生。

(Sớ: *Chỉ nên chuyên niệm A Di Đà Phật, khiến cho tam-muội thành trụ, lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, thấy Phật, đắc Nhẫn, trở lại tam giới cứu độ chúng sanh).*

Mấy câu này hết sức quan trọng. Trong phần trên đã nói nhiều như thế, chủ yếu là vì hai câu này, đi đường vòng, ở đây mới trở về chủ đề chính. Đoạn văn này là chủ đề chính, khuyên chúng ta chỉ có một con đường duy nhất, tức là phải nên “*chuyên niệm A Di Đà Phật*”. Nói “*chuyên niệm*” chính là nhất định chớ nên xen tạp. Có đồng tu đến nói với tôi về xen tạp như sau: “Niệm Phật càng nhiều vọng tưởng càng nhiều, làm như thế nào đây?” Tôi nói: “Xen tạp chẳng phải là xen tạp những thứ đó!” Niệm Phật xen tạp vọng tưởng là đương nhiên. Nếu quý vị không có vọng tưởng thì cũng chẳng cần phải niệm Phật, quý vị đã đắc nhất tâm bất loạn rồi, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn rồi! Do vậy, xen tạp là chuyện đương nhiên! “*Chẳng xen tạp*” là gì? Chẳng xen tạp các pháp môn khác! Chẳng xen tạp tham Thiền, chẳng xen tạp học Mật trì chú, [những pháp môn khác] thấy đều chẳng dùng tới, “*chẳng xen tạp*” có ý nghĩa như vậy. Kinh chỉ học một bộ, chúng ta chẳng xen tạp bộ thứ hai, vì sao? Kinh nào có tông chỉ của kinh này, có phương pháp tu hành [dành riêng] cho kinh ấy; nếu chúng ta học [kinh khác], nhất định sẽ bị ảnh hưởng. Vì vậy, thâm nhập một môn! Nếu hiềm Sớ Sao quá sâu, chẳng nắm được cương lĩnh thì quý vị học Yếu Giải, đơn giản, dễ hiểu!

Ở đây chúng tôi biên tập bộ Tây Phương Công Cứ, in chung bốn tác phẩm lại, nếu chiếu theo cuốn sách này để chuyên tu, quý vị chắc chắn vãng sanh trong một đời này. Một cuốn sách là đủ rồi. Nếu quý vị muốn biết nhiều hơn một chút, hãy đọc Sớ Sao Diễn Nghĩa, bộ này giảng ý nghĩa của kinh này hết sức thấu triệt, quả thật có thể giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín, chết sạch ý niệm mong ngóng, khẳng khái niệm một câu A Di Đà Phật, dụng ý của kinh là ở chỗ này: Khiến cho chúng ta đoạn nghi sanh tín, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, mục tiêu là thành tựu tam-muội, tam-muội là nhất tâm bất loạn. Niệm đến nhất tâm bất loạn thì trong một đời này quý vị nhất định vãng sanh.

“*Lâm chung chánh niệm*”: Chánh niệm là A Di Đà Phật, khi lâm chung chỉ có ý niệm này: Cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, quyết định không có ý niệm thứ hai. Nếu nói đợi đến lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền, sợ rằng chẳng kịp! Hãy nên huấn luyện trong lúc nào? Phải huấn luyện trong hiện thời. Trong mười hai thời, ta hy vọng vãng sanh Tịnh Độ. Hễ khởi tâm động niệm đều là nguyện vọng này: Trong một đời này sẽ thành tựu. Nay chúng ta hy vọng ăn món ngon lành, mặc y phục đẹp đẽ, xong rồi! Quý vị vẫn ở trong tam đồ lục đạo, Tây Phương Tịnh Độ chẳng có phần! Ta hy vọng xem kinh điển Đại Thừa, hy vọng

đả Thiên Thất, đều là làm chuyện linh tinh, đều là xen tạp, đều chẳng chuyên! Chúng ta mong trong một đời này nhất định có thành tựu thì phải chuyên! Chẳng chuyên sẽ chẳng được!

Thuở Ân Quang đại sư tại thế, đối với các học trò, Ngài đốc thúc rất nghiêm. Nếu đến ngôi chùa Ngài đang ở mấy lượt, bị Ngài trông thấy, Ngài liền quở: “Vì sao ngươi đến nơi đây?” “Con đến gặp thầy”. “Thầy có gì hay đâu mà gặp! Ngươi đã gặp mấy lần rồi, còn muốn gặp nữa ư?” Sư quở người ta! Ngay cả đạo tràng của lão nhân gia cũng chẳng chấp thuận quý vị tìm tới, huống chi đến chùa chiền các nơi! Lãng phí tinh thần và tài lực, đó vẫn là chuyện nhỏ! Đã xen tạp rồi, xen tạp lắm chuyện thị phi, xen tạp lắm nỗi phiền não không cần thiết. Xen tạp phiền não thị phi thì làm sao chuyên được?

Hiện thời, công phu của chúng ta chẳng thể thành phiền là do nguyên nhân nào? Xen tạp quá nhiều! Có thể niệm đến mức công phu thành phiền, sẽ quyết định năm chắc đời nghiệp vãng sanh, nhất định có phần trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư; nhưng nếu quý vị xen tạp chi đó, sẽ chẳng thể thành công. Bận tâm những chuyện tình cảm xã giao, sẽ lỡ làng chuyện vãng sanh. Thật sự đáng tiếc! Hãy bỏ sạch những thứ đó đi, chúng ta mất lòng vài người cũng không sao. Sau khi ta vãng sanh thành Phật, sẽ trở lại độ họ. Nay ta chẳng muốn mất lòng người khác, cả nể vài người, họ đọa trong tam đồ, ta cũng theo họ đọa trong tam đồ. Giống như cứu kẻ chết đuối, chính mình chẳng có bản lãnh, cũng đọa lạc giống y như họ! Điều này nhất quyết chẳng thể được!

“Phật sự” theo kiểu tình cảm xã giao hại con người đến chết! Nếu mọi người chúng ta thật sự hiểu rõ đạo lý này, từ nay trở đi chẳng nói đến chuyện tình cảm xã giao, trong đời này có lẽ nào chẳng thành tựu? Vì thế, nhất định phải hiểu rõ rệt mục đích này, muốn thành tựu tam-muội, hôm nay chúng tôi nói rõ hơn một chút: Nhất định phải thành tựu công phu thành phiền, trước hết phải cầu đạt được điều này. Đợi đến khi công phu đã thành phiền rồi, chúng ta lại nâng cao tiêu chuẩn lên một tầng nữa, chúng ta cầu Sự nhất tâm bất loạn. Đạt Sự nhất tâm bất loạn rồi, lại nâng cao tiêu chuẩn, lại cầu Lý nhất tâm bất loạn. Từ cạn đến sâu, sót sáng mà làm. Phật pháp chẳng nói đến tình cảm xã giao thông tục. Tình cảm xã giao thông tục là mê hoặc, điên đảo; Phật pháp là chánh tri,

chánh kiến. Có như vậy thì mới có thể chắc chắn vãng sanh; khi nào vãng sanh, chính mình hiểu rõ, biết trước lúc mất.

Nhất là trong xã hội hiện thời, trong tâm mọi người đều phải nên chuẩn bị, vì sao? Quý vị vừa tắt thở, bác sĩ bèn cấp cứu, giống như phải chịu tội! Trong kinh, đức Phật dạy: Sau khi thần thức rời khỏi thân thể con người, tức là sau khi tắt thở, tối thiểu là [trong vòng] tám tiếng đồng hồ chớ nên đụng chạm người ấy. Người ấy tuy đã tắt hơi, thần thức trọn chẳng lìa khỏi, quý vị nói năng người ấy vẫn còn có thể nghe, biết, tuy mắt người ấy nhắm, nhưng thần thức của người ấy vẫn thấy động tác của quý vị, tục ngữ thường nói là “linh hồn chưa rời khỏi [thân xác]”. Quý vị động vào thân thể người ấy, người ấy bị khổ não, có cảm giác đau khổ. Khi ấy, nếu người đó chẳng thể chịu đựng, sân tâm vừa nổi lên bèn đi vào tam ác đạo, công phu niệm Phật suốt cả một đời bị phí sạch!

Vì thế, nhất định phải niệm đến mức công phu thành tựu. Khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, ngay lập tức ra đi, bỏ lại thân thể này, mặc cho quý vị làm kiêu nào, chẳng ăn nhằm gì đến tôi, như vậy mới là tự tại! Điều này đòi hỏi phải có công phu thật sự. Không có công phu thật sự, chẳng thật sự biết trước lúc mất, Phật đến tiếp dẫn, quý vị sẽ chẳng tránh được nỗi khổ đó, mong bảo đảm chẳng bị đọa lạc quá ư khó khăn! Vì thế, chúng ta phát đại tâm là khá lắm, chúng sanh vô biên thế nguyện độ, khi nào sẽ độ? Đến khi chúng ta gặp Phật khai ngộ rồi, chúng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, khi ấy vào tam giới cứu độ chúng sanh, đó là không sai!

Do đây có thể biết: Đại sự duy nhất của chúng ta trong hiện thời là vãng sanh Tịnh Độ. Niệm niệm đều cầu vãng sanh. Dùng phương pháp nào? Niệm một câu A Di Đà Phật, khiến cho một câu Phật hiệu thật sự chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp. Có phiền não, vọng tưởng đừng sợ, hề có phiền não, vọng tưởng, Phật hiệu bèn dấy lên, đó là tốt nhất, quý vị cũng chẳng cần phải quan tâm. Niệm lâu ngày, phiền não tự nhiên ít đi, Phật hiệu dần dần đắc lực. Nếu hằng ngày nghĩ ta phiền não nhiều ngàn ấy, ta chẳng niệm thì không có, càng niệm càng nhiều, thôi thì chẳng niệm nữa! Như vậy thì quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng đoạn được phiền não! Do vậy, phải niệm! Càng có phiền não thì càng phải niệm Phật! Hôm nay tôi giảng đến chỗ này.

Tập 60

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang tám

mười:

(Sớ) Chánh Định Tụ giả, giản dị tà định, bất định.

(疏) 正定聚者，揀異邪定不定。

(Sớ: “Chánh Định Tụ” nhằm phân biệt [Định này] khác với tà định và bất định).

Đoạn văn này nhằm giải thích cho chúng ta biết: Bồ Tát muốn tự hành và hóa độ người khác ắt phải thành tựu định lực. Ở đây, định lực được gọi là Chánh Định Tụ. Tiếp theo đó, đại sư giải thích: Trong Thiền Định có chánh định và tà định; bất định chẳng cần phải nói tới. Tà định là gì? Phật pháp nói có nhiều thứ Định. Hễ tương ứng với tự tánh thì là chánh định, chẳng tương ứng với tự tánh là tà định. Dùng tiêu chuẩn này để phân biệt, để vạch giới hạn rạch ròi, chúng ta sẽ thấy chẳng khó hiểu lắm! So với những điều đã nói trên đây, so sánh giữa Thiền Định thế gian và Thiền Định xuất thế gian thì Thiền Định thế gian chẳng phải là chánh định. So sánh định xuất thế gian của hàng Tiểu Thừa và định của hàng Đại Thừa thì định của hàng Tiểu Thừa chẳng được coi là chánh định. Đây là nói theo cách so sánh. Phạm phu (tức là ngoại đạo) cũng có định, nhưng công phu Thiền Định ấy có thứ do họ tu được, có thứ do quỷ thần hay ma dựa thân khiến họ tự hồ cũng có những năng lực hiện hữu. Chúng ta đọc kinh Lăng Nghiêm thấy có năm mươi thứ Âm Ma, chúng ta có thể hiểu được [chuyện này]. Kinh đã nói rất rõ: Nếu ma rời khỏi, năng lực Định Huệ của kẻ ấy mất ngay! Do ma gia trì nên kẻ ấy có năng lực đó. Những thứ ấy đều là định của tà ma, ngoại đạo, chẳng thuộc về chánh pháp.

Nói theo pháp thế gian, Tứ Thiền Bát Định vẫn được coi là chánh định, nhưng nói theo pháp xuất thế gian, chẳng thể coi [Tứ Thiền Bát Định] là chánh định thật sự được! “Chánh định” được nói ở đây chẳng bị thoái chuyển. Chúng ta biết Tứ Thiền Bát Định vẫn còn bị thoái chuyển, vẫn bị mất đi. Do điều này có thể biết: Định được nói ở đây mức độ thấp nhất cũng là Cửu Thứ Độ Định được chứng bởi Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán. Do vì đặc Định này, từ đây trở đi, vị ấy không bị thoái chuyển. Vì thế, nói nghiêm ngặt, Chánh Định Tụ phải lấy điều sau đây làm tiêu chuẩn: Người ấy (tức người đắc Chánh Định Tụ) không bị thoái chuyển!

(Sớ) Sơ Tâm tiến thoái vị định.

(疏) 初心進退未定。

(Sớ: Hàng Sơ Tâm tiến lùi bất định).

Trong phần trên đã giải thích Sơ Tâm khá nhiều, kể cả các địa vị Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo cũng đều thuộc loại “Sơ Tâm tiến thoái vị định”. Xét theo tiêu chuẩn này, Chánh Định Tự nhất định phải kiến tánh; chẳng kiến tánh thì vẫn chưa thể coi là Chánh Định Tự. Tiêu chuẩn này khá cao, cao hơn A La Hán rất nhiều!

(Sớ) Kim sanh An Dưỡng, vô luận cao hạ, giai bất thoái chuyển cố.

(疏) 今生安養，無論高下，皆不退轉故。

(Sớ: Nay [những người] sanh về An Dưỡng, bất luận [phẩm vị] cao hay thấp đều là bất thoái chuyển).

Đây là pháp môn rất đặc biệt. Xét theo hết thầy kinh giáo để nói, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Viên Giáo, toàn viên, tức là viên mãn trọn vẹn. Bộ kinh này được một phần viên, rất nhiều chỗ lý luận và cảnh giới hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm được gọi là Đại Bất Khả Tư Nghị Kinh, kinh này được gọi là Bất Khả Tư Nghị Công Đức, quả thật có lý lắm! Tiếp theo đây là lời giải thích ý nghĩa chữ Tự.

(Sớ) Tự giả, hội dã, tức văn trung “chư thượng thiện nhân” chi hội.

(疏) 聚者會也，即文中諸上善人之會。

(Sớ: “Tự” là họp lại, tức là các vị thượng thiện nhân nhóm họp lại như trong kinh văn đã nói).

Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới chúng ta khác nhau. Trong thế giới của chúng ta, có người đắc công phu Thiên Định, có người chưa đạt được. Người đắc thì ít, kẻ chưa đắc đông đảo. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều đắc. Nói cách khác, ai nấy đều viên chứng ba thứ Bất Thoái; do vậy mới gọi là “thượng thiện tự hội”.

(Sớ) Kim vị nhập thứ tự trung.

(疏) 今謂入此聚中。

(Sớ: Nay nói “nhập trong Tụ ấy”).
Tức là dự vào bọn họ, tụ họp với họ.

(Sớ) Kiến Phật văn pháp cố.

(疏) 見佛聞法故。

(Sớ: Do thấy Phật, nghe pháp).

Do đây có thể biết: Nay chúng ta tu hành ở nơi đây, quả thật đều là công phu dự bị. Khi nào chúng ta mới thật sự bắt đầu tu hành? Nhất định là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thật sự bắt đầu tu hành. Kinh văn trong phần trước có nói “*phàm phu vô lực*”, tức là không có năng lực, cũng là nói về hàng Sơ Tâm Bồ Tát, “*duy ưn chuyên niệm A Di Đà Phật, sử thành tam-muội*” (chỉ nên chuyên niệm A Di Đà Phật khiến cho tam-muội thành tựu), tam-muội là nhất tâm bất loạn, “*lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, kiến Phật đắc Nhẫn, hoàn lai tam giới cứu độ chúng sanh*” (lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, thấy Phật, đắc Nhẫn, trở về tam giới cứu độ chúng sanh), mấy câu này hết sức khẩn yếu, chỉ dạy chúng ta mục tiêu và phương hướng để nỗ lực cả một đời này. Ở đây lại nói “*kiến Phật, văn pháp*” (thấy Phật, nghe pháp).

(Sớ) Lục tâm đọa lạc giả.

(疏) 六心墮落者。

(Sớ: Bạc Lục Trụ đọa lạc là...)

“*Lục tâm đọa lạc*” là gì? Ở đây có một câu chuyện cũ đáng cho chúng ta kiêng dè.

(Sớ) Thân Tử phát Bồ Tát tâm.

(疏) 身子發菩薩心。

(Sớ: Ngài Xá Lợi Phát phát Bồ Tát tâm).

“*Thân Tử*” là ngài Xá Lợi Phất. Tôn giả Xá Lợi Phất thị hiện làm Tiểu Thừa A La Hán. Hàng Tiểu Thừa không có Bồ Đề tâm, Ngài đột nhiên phát tâm hồi Tiểu hướng Đại, muốn tu Bồ Tát đạo, phát đại tâm.

(Sớ) Dĩ chứng Biệt Giáo Lục Trụ.

(疏) 已證別教六住。

(Sớ: Đã chứng địa vị Lục Trụ trong Biệt Giáo).

Chữ “*lục tâm*” có ý nghĩa này: Ngài đã chứng đắc địa vị Lục Trụ trong Biệt Giáo. Địa vị Thất Trụ trong Biệt Giáo mới bất thoái. Địa vị Thất Trụ trong Biệt Giáo bằng với Thất Tín trong Viên Giáo, đến khi ấy mới Bất Thoái. Ngài ở địa vị Lục Trụ, còn chưa đạt đến địa vị Thất Trụ.

(Sớ) Nhân phùng khát nhãn, toại thoái đại tâm, trầm luân ngũ đạo.

(疏) 因逢乞眼，遂退大心，沈淪五道。

(Sớ: Do gặp kẻ xin mắt bèn thoái thất đại tâm, trầm luân trong năm đường).

Sách Diễn Nghĩa chú giải [chuyện này] đơn giản như sau:

(Diễn) Dĩ chứng Lục Trụ giả, Biệt Giáo Thất Trụ phương danh Bất Thoái, kim chỉ chứng đệ lục, cố thượng hữu thoái duyên. Nhân phùng khát nhãn giả, Thân Tử nhân trung phát Đại Thừa tâm, nhân Thiên Đế hóa tác Bà La Môn, vị chi khát nhãn, Thân Tử dữ chi, Bà La Môn tức khí địa tiền đạp, do thị thoái thất đại tâm.

(演) 已證六住者，別教七住方名不退，今止證第六，故尚有退緣。因逢乞眼者，身子因中發大乘心，因天帝化作婆羅門，為之乞眼，身子與之，婆羅門即棄地踐踏，由是退失大心。

(Diễn: “Đã chứng Lục Trụ”: Thất Trụ trong Biệt Giáo mới gọi là Bất Thoái, nay chỉ chứng Lục Trụ, nên còn có duyên thoái thất. “Do gặp kẻ xin mắt”: Ngài Thân Tử trong lúc tu nhân, phát tâm Đại Thừa. Do Thiên Đế hóa làm Bà La Môn xin thí mắt, ngài Thân Tử tặng cho, Bà La

Môn liền vút xuống đất, giày xéo; do vậy, ngài Thân Tử thoái thất đại tâm).

Có câu chuyện xưa như vậy, quý vị nhất định phải hiểu rõ: Quý vị phát tâm hành Bồ Tát đạo, sẽ có những người cố ý đến làm khó dễ. Thật ra, những người đến làm khó dễ thường chẳng phải là người đơn giản. Ngài [Xá Lợi Phất] vừa phát đại Bồ Đề tâm, Đề Thích Thiên (Đạo Lợi Thiên Chúa) hóa thân đến khảo nghiệm xem Ngài phát tâm rốt cuộc là thật hay giả. Vừa bị khảo liền thất bại, không chịu đựng nổi khảo nghiệm! Nếu Ngài biết là Đạo Lợi Thiên Chúa đến khảo nghiệm, Ngài sẽ chẳng ngã lòng, nhưng Ngài đâu có biết! Đạo Lợi Thiên Chúa biến thành một vị Bà La Môn, làm một vị Bà La Môn [vừa thoát nhìn đã] cảm thấy [ông ta] hết sức đau khổ. Tôn giả Xá Lợi Phất gặp ông ta trên đường, bèn hỏi: “Ông gặp khó khăn gì, sao mà khổ sở đến thế?” Ông ta đáp: “Trong nhà tôi có người bệnh đáng thương vô cùng. Hiện thời đã tìm được một vị thầy thuốc hiếm có. Thầy thuốc kê toa cần phải dùng thứ dẫn thuốc¹⁰³, nhưng thứ dẫn thuốc ấy quá khó tìm. Tôi không có cách nào; do vậy, suốt ngày từ sáng đến tối chau mày nhăn mặt”. Tôn giả lại hỏi: “Thứ dẫn thuốc gì vậy?” Ông ta nói: “Phải tìm tròng mắt của một người thật sự tu đạo để làm thứ dẫn thuốc”. Tôn giả nói: “Chuyện ấy chẳng khó! Tôi là người thật sự tu đạo, tôi bỏ một mắt để ông làm thứ dẫn thuốc”, liền móc một con mắt trao cho ông ta.

Móc tròng mắt ra rồi, Bà La Môn nói: “Lão nhân gia làm rồi, thứ dẫn thuốc tôi cần nhất định phải là con mắt bên trái, ông móc con mắt bên phải, đáng tiếc! Tôi chẳng thể dùng được”. Tôn giả Xá Lợi Phất lại nói: “Sao ông chẳng nói sớm? Nói sớm thì tôi chỉ mù một mắt, vẫn còn một con mắt. Nay ông hại tôi đến nỗi cả hai con mắt đều mù”. Không có cách nào, móc nốt con mắt trái ra. Móc xong, chẳng còn con mắt nào. Bà La Môn cầm tròng mắt, ngửi một cái: “Con mắt này không được! Quá tệ”, vút xuống đất, giày xéo, không cần tới nữa! Tôn giả Xá Lợi Phất vừa nghe, tâm suy nghĩ: “Bồ Tát đạo khó hành, kể như xong, ta vẫn tu Tiểu Thừa vậy”. Từ Bồ Tát đạo lùi xuống lại lui về Tiểu Thừa. Do vậy,

¹⁰³ Nguyên văn “*dược dẫn tử*”: Theo y học Trung Quốc, có những món thuốc cần phải có một thứ dược liệu phụ có tác dụng dẫn dược lực của món thuốc chánh yếu đi vào đúng kinh lạc và bộ vị đang bị bệnh, cũng như tăng cường hiệu quả của môn thuốc chánh, hoặc có tác dụng giải bớt độc tánh, bảo vệ ruột gan của bệnh nhân. Món thuốc phụ ấy sẽ gọi là “*dược dẫn tử*”. Chất dẫn thuốc đa số là rượu, nước muối, mật ong, nước cơm chắt, nước gạo rang, nước đường, nước gừng, nước cam thảo v.v...

Bồ Tát đạo thật sự khó hành, khó nhẫn, mà có thể nhẫn được, khó hành mà có thể hành được! Chẳng phát tâm thì thôi, hễ phát tâm sẽ có thiên thân, quý thân đến khảo nghiệm quý vị. Nếu quý vị chẳng chân chánh phát tâm, nhất định sẽ thoái chuyển. Thật sự phát tâm, tâm người ấy thanh tịnh. Trong thuận cảnh nhất định chẳng sanh lòng hoan hỷ, trong nghịch cảnh chẳng sanh lòng sân hận, tâm ấy vĩnh viễn là thanh tịnh, từ bi, thật sự tu Bồ Tát đạo.

Sở cầu của Bồ Tát là cầu phước, cầu huệ. Trong pháp môn Niệm Phật, quý vị phải nhớ kỹ: Cầu huệ thì huệ sanh từ tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ. Phước đức do đâu mà có? Phước đức sanh từ tâm từ bi. Vì vậy, thanh tịnh, từ bi là phước huệ song tu. Thế nhưng thanh tịnh và từ bi đều phải lấy tâm bình đẳng làm cơ sở. Quý vị suy nghĩ: Nếu tâm chẳng bình đẳng, chắc chắn chẳng thanh tịnh. Nếu quý vị muốn thật sự thanh tịnh, nhất định phải tu bình đẳng trước, oán thân bình đẳng, sau đây tâm mới thanh tịnh, trí huệ mới tăng trưởng. Tâm thanh tịnh đối đãi với người khác sẽ là đại từ đại bi, cho nên có thể sanh ra vô lượng phước đức. Một người thật sự phát tâm tu hành nhất định phải nắm được cương lĩnh tu hành này, có như thế thì mới có thể thật sự thành tựu.

(Sớ) Trần kiếp Thanh Văn giả, hữu u Đại Thông Phật thế phát tâm, giai nhân thoái Đại, trần điểm kiếp lai, đọa Thanh Văn vị. Cổ kinh vân: “Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu”.

(疏) 塵劫聲聞者，有於大通佛世發心，皆因退大，塵點劫來，墮聲聞位，故經云：魚子菴羅華，菩薩初發心，三事因中多，及其結果少。

(Sớ: “Trần kiếp Thanh Văn”: Có những vị phát tâm vào thời Đại Thông Phật, đều vì thoái thất tâm Đại Thừa mà trong kiếp số nhiều như vi trần vẫn đọa trong địa vị Thanh Văn. Vì thế, kinh nói: “Cá con, bông hoa xoài, Bồ Tát sơ phát tâm, ba chuyện, nhân thật nhiều, kết quả quá ít ỏi”).

Đây là nói hàng Tiểu Thừa quá nửa không có cách gì phát tâm tu Bồ Tát đạo. Trong các vị A La Hán, có nhiều vị đã phát tâm từ thời Đại Thông Phật. Vào thời Đại Thông Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật mới

phát tâm học Phật, lão nhân gia đã thành Phật, nhưng những người tu hành cùng lúc với Ngài, còn có nhiều người mãi cho đến hiện tại vẫn thuộc địa vị Thanh Văn, vẫn là Tiểu Thừa A La Hán, nguyên nhân là vì ngã lòng, giống như ngài Xá Lợi Phất đã thị hiện. Bồ Tát đạo thật sự khó hành. Vì thế, trong kinh mới có mấy câu như thế này: “*Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu*”. Cá mỗi lần đẻ trứng đến mấy chục vạn, thật sự có thể phát triển thành cá cũng bắt quá vài con mà thôi. La Hán phát tâm tu Bồ Tát đạo cũng giống như thế: Người phát tâm rất nhiều, người thật sự có thể trở thành Bồ Tát như lông phượng, vảy lân, quá ít ỏi! Vì sao? Quý vị phải đột phá tầng tầng lớp lớp các cửa ải khó khăn, bất luận thử thách như thế nào cũng chẳng ngăn trở quý vị, quyết định chẳng ngã lòng, như vậy thì mới có thể thành công. Nói đến niệm Phật, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ so với phát Bồ Đề tâm quả thật dễ dàng hơn rất nhiều. Một câu Phật hiệu, trong một đời này, chúng ta thật sự có thể trì đến mức chẳng thoái thất [thì người làm được như vậy] cũng không nhiều! Nếu chẳng lui sụt, giống như trong phần trên chúng tôi đã nói “*chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp*”, chắc chắn vãng sanh trong một đời này! Gián đoạn, xen tạp là thoái tâm. Chuyện này cũng đáng để cho chúng ta cảnh tỉnh, dè chừng!

Tôi nhớ vào dịp Tết năm nọ, thầy Lý khai thị cho mọi người tại Liên Xã, vừa mở đầu, thầy nói: “Tết đến mọi người gặp nhau vui sướng tràn trề. Câu chào hỏi đầu tiên khi gặp mặt là cung hỷ phát tài; suy nghĩ cặn kẽ, có chuyện gì đáng mừng? Thọ mạng ít đi một năm, nghiệp chướng lại tăng thêm không ít. Nói nghiêm ngặt là bi ai, có gì đáng mừng đâu? Người thế gian điên đảo, lầm loạn, coi chuyện đáng buồn là đáng mừng, quên sạch sành sanh chuyện thật sự đáng mừng. Nếu chúng ta mỗi năm một nhạt bớt chuyện tình cảm thế gian, đạo niệm mỗi năm một nồng hậu hơn, đó là đáng mừng! Vẫn tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng nghĩ một câu Phật hiệu là chuyện đáng nên làm thì có gì đáng mừng đâu!” Người niệm Phật lui sụt nhiều, thành tựu ít ỏi, đạo lý là như vậy đó!

(Sớ) Dẫn thử dĩ minh Sơ Tâm Bồ Tát, do nghi thân cận Như Lai, đắc sở y quy, chung vô thoái chuyển cố.

(疏) 引此以明初心菩薩，猶宜親近如來，得所依歸，終無退轉故。

(Sớ: Dẫn điều này để chỉ rõ: Sơ Tâm Bồ Tát vẫn phải nên thân cận Như Lai hòng có chỗ nương về, trọn chẳng thoái chuyển).

Ý nghĩa của nhân duyên thứ năm khiến đức Phật nói kinh này là đây. Chúng ta nghe xong, mức độ thấp nhất là chúng ta chớ nên thoái chuyển đối với câu Phật hiệu này. Bồ Đề tâm thật sự có thể thoái chuyển, hy vọng câu Phật hiệu đừng bị thoái chuyển, hy vọng ý niệm vãng sanh chẳng bị mất đi. Có như vậy thì mới có thể “*thân cận Như Lai, đắc sở y quy, chung vô thoái chuyển*”. Chúng ta và Sơ Tâm Bồ Tát chẳng khác gì nhau!

(Huyền Nghĩa) Cố tri niệm Phật, Bồ Tát chi phụ, sanh dục Pháp Thân.

(玄義) 故知念佛，菩薩之父，生育法身。

(Huyền Nghĩa: Vì thế, biết niệm Phật là cha của Bồ Tát sanh thành Pháp Thân).

Nhục thân của chúng ta do cha mẹ mà có, Pháp Thân của chúng ta do đâu mà có? Do niệm Phật mà có!

(Sớ) Bồ Tát phụ giả, Hoa Nghiêm thập nhất kinh, Oai Quang đồng tử đồ Như Lai tướng hoạch thập chủng ích, thủ vân: Đắc Niệm Phật tam-muội, danh Vô Biên Hải Tạng môn.

(疏) 菩薩父者，華嚴十一經，威光童子睹如來相獲十種益，首云得念佛三昧，名無邊海藏門。

(Sớ: “Cha của Bồ Tát”: Theo cuốn mười một của kinh Hoa Nghiêm, Oai Quang đồng tử trông thấy tướng của Như Lai bèn đạt được mười thứ lợi ích, thứ đầu tiên là đắc môn Niệm Phật tam-muội có tên là Vô Biên Hải Tạng môn).

“*Hoa Nghiêm thập nhất kinh*” là quyển thứ mười một của bộ kinh [Bát Thập] Hoa Nghiêm. Trong quyển ấy nói về Đại Oai Quang đồng

tử¹⁰⁴. Liên Trì đại sư dẫn đoạn kinh văn này nhằm chứng minh Sơ Tâm Bồ Tát hãy nên thân cận Như Lai.

(Sớ) Sớ vị: Dĩ Niệm Phật tam-muội, Bồ Tát chi phụ, cố thủ minh chi.

(疏) 疏謂，以念佛三昧，菩薩之父，故首明之。

(Sớ: Lờ Sớ ghi: “Do Niệm Phật tam-muội là cha của Bồ Tát nên nêu ra đầu tiên”).

Chữ “Sớ” [trong câu “Sớ vị”] chỉ bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư. Niệm Phật là cha của Bồ Tát, Liên Trì nói lời này là dựa theo bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư, chứ không phải là chính Ngài tùy tiện đặt ra, mà thật sự là có căn cứ.

(Diễn) Đồ tướng hoạch ích giả, Hoa Nghiêm vân: Đại Oai Quang thái tử, đồ Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Chánh Giác.

(演) 睹相獲益者，華嚴云：大威光太子，睹波羅蜜善眼莊嚴王如來成正覺。

¹⁰⁴ Đây chính là phẩm thứ sáu, tức phẩm Tỳ Lô Giá Na trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Ngài Đại Oai Quang khi ấy là Thái Tử của vua Hỷ Kiến Thiện Huệ đến đạo tràng Ma Ni Hoa Chi Luân, thấy sức thần thông của Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương Như Lai mà được mười thứ lợi ích. Kinh chép: “Chư Phật tử! Các ông nên biết trong kiếp Đại Trang Nghiêm ấy có Hằng hà sa số tiểu kiếp, con người thọ hai tiểu kiếp. Chư Phật tử! Đức Nhất Thiết Công Đức Tu Di Thắng Vân Phật thọ mạng năm mươi ức năm. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, có Phật ra đời tên là Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương, cũng thành Chánh Giác trong khu rừng lớn Ma Ni Hoa Chi Luân ấy. Khi đó, Đại Oai Quang đồng tử thấy đức Như Lai ấy thành Đẳng Chánh Giác, hiện sức thần thông, liền đảnh Niệm Phật tam-muội, tên là Vô Biên Hải Tạng môn, liền đảnh đà-la-ni tên Đại Trí Lực Pháp Uyên, liền đảnh đại từ tên Phổ Tùy Chúng Sanh Điều Phục Độ Thoát, liền đảnh đại bi tên Biến Phủ Nhất Thiết Cảnh Giới Vân, liền đảnh đại hỷ tên Nhất Thiết Phật Công Đức Hải Oai Lực Tạng, liền đảnh đại xả tên Pháp Tánh Hư Không Bình Đẳng Thanh Tịnh, liền đảnh Bát Nhã Ba La Mật tên Tự Tánh Ly Cấu Pháp Giới Thanh Tịnh Thân, liền đảnh thần thông tên Vô Ngại Quang Phổ Tùy Hiện, liền đảnh biện tài tên Thiện Nhập Ly Cấu Uyên, liền đảnh trí quang tên Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng. Mười ngàn pháp môn như thế, thấy đều thông đạt”.

(Diễn: “Thấy tướng đạt được lợi ích”: Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thái tử Đại Oai Quang thấy Ba La Mật Thiện Nhân Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Chánh Giác).

Thái tử thấy Phật thị hiện thành Đẳng Chánh Giác, thấy rồi liền được mười thứ lợi ích. Điều thứ nhất trong mười thứ lợi ích là....

(Diễn) Thủ tự Niệm Phật tam-muội, danh Vô Biên Hải Tạng môn, chung chí đắc trí quang minh, danh Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng.

(演) 首自念佛三昧，名無邊海藏門，終至得智光明，名一切佛法清淨藏。

(Diễn: Đầu tiên là từ Niệm Phật tam-muội tên là Vô Biên Hải Tạng môn cho đến điều cuối cùng là đắc trí quang minh tên Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng).

Ở đây nêu lên điều đầu tiên và điều cuối cùng, tinh lược tám điều kia.

(Diễn) Dĩ thế nhân quán đức nhân chi dung, thượng năng ý tiêu, huống kiến Phật diệu tướng, ninh bất đắc ích dã.

(演) 以世人觀德人之容尚能意消，況見佛妙相，甯不得益也。

(Diễn: Do người đời nhìn thấy dung mạo của người có đức hạnh còn tiêu tan ý niệm [cần quấy], huống hồ trông thấy diệu tướng của Phật mà chẳng được lợi ích ư?)

Người thế gian trông thấy phong thái oai nghi của người có đạo đức, có tu trì, trong tâm chúng ta đều có cảm xúc [ngưỡng mộ], huống hồ thấy Phật! Chúng ta trông thấy tướng hảo của người khác, thấy oai nghi tốt đẹp, tự nhiên nghiêm túc, kính cẩn, vọng niệm tiêu mất. Một người đạo đức trong thế gian còn có sức mạnh như thế, huống hồ chư Phật Như Lai? Vì vậy, Oai Quang đồng tử thấy Phật có thể đạt được lợi ích, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Chỗ đặc biệt đáng được nhắc đến ở đây là “Niệm Phật tam-muội, Bồ Tát chi phụ” (Niệm Phật tam-muội là cha của Bồ Tát), dựa trên kinh Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nêu

tỏ ý nghĩa này. Bồ Tát muốn thành Phật thì trong vô lượng hạnh môn, nói thật ra, Niệm Phật là con đường tắt nhất. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy: Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, vị thiện hữu thứ nhất là tỳ-kheo Đức Vân, trong Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi Ngài là tỳ-kheo Cát Tường Vân. Phạn văn ghi giống nhau, người phiên dịch khác nhau. Ngài Thật Xoa Nan Đà dịch là Đức Vân, tôn giả Bát Nhã dịch thành Cát Tường Vân. Ngài dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Bộ sách Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Lời Sớ do Thanh Lương đại sư viết, Sớ là chú giải kinh văn. Lời Sao do Tông Mật đại sư soạn, Sao là chú giải của lời chú giải (Sớ). Ngài Thanh Lương là tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm, ngài Tông Mật là đời thứ năm, là học trò của ngài Thanh Lương. Đây là bản chú giải có uy tín nhất của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, nay chúng ta học kinh Hoa Nghiêm ắt phải lấy bản này làm căn cứ, chẳng thể đọc toàn bộ kinh Hoa Nghiêm thì đọc bản này là đủ rồi. Bản này là cô đọng của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, mà cũng là tinh hoa của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, chúng tôi đặc biệt cho tái bản để lưu thông hòng cúng dường quý vị, hy vọng quý vị hãy quý tiếc, nghiêm túc nghiên cứu. Kinh Hoa Nghiêm đề xướng pháp môn Niệm Phật, đặc biệt là pháp môn niệm A Di Đà Phật. Do vậy, trong chương Oai Quang đồng tử này cũng nói giống như vậy.

(Sớ) Lương diêu Bồ Tát dĩ phương tiện vi phụ, niệm Phật tức Chân thiệp Sự, thị phương tiện cố.

(疏)良繇菩薩以方便為父，念佛即真涉事，是方便故

•

(Sớ: Ấy là vì Bồ Tát lấy phương tiện làm cha, niệm Phật chính là Chân mà đồng thời lại liên quan đến Sự, nên là phương tiện).

Đây cũng là điều thường được nói trong các kinh Đại Thừa: “*Bồ Tát dĩ Bát Nhã vi mẫu, phương tiện vi phụ*” (Bồ Tát lấy Bát Nhã làm mẹ, phương tiện làm cha). Kinh Bát Nhã thường nói: Hết thầy chư Phật Như Lai từ Bát Nhã mà sanh ra. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư mở miệng nói câu đầu tiên, liền bảo mọi người: “*Luôn niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La*

Mật Đa”. Vì thế, Bát Nhã là mẹ của Phật. Phương tiện là Phương Tiện Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm giảng Thập Ba La Mật¹⁰⁵, Bát Nhã Ba La Mật là nói về Thật Trí, Căn Bản Trí; Phương Tiện Ba La Mật là Quyền Trí, Hậu Đắc Trí. Trí huệ Bát Nhã ứng dụng trong cuộc sống thường ngày thì là Phương Tiện Trí. Chúng ta ứng dụng Bát Nhã Ba La Mật Đa vào chuyện thường ngày: Ăn cơm, mặc áo, đãi người, tiếp vật, nó biến thành Phương Tiện Ba La Mật. Có Thể mà không có Dụng thì Bát Nhã không có ý nghĩa gì, thiếu giá trị! Vì vậy, vừa có Thể vừa có Dụng. Hơn nữa, Dụng [của Bát Nhã Ba La Mật Đa] không chỉ là Phương Tiện, nhưng tác dụng Phương Tiện lớn nhất, phía sau [Phương Tiện Bát Nhã] còn có Nguyện, Lực, Trí. Bốn thứ này đều gọi là Quyền Trí, đều gọi là Hậu Đắc Trí. Chúng ta niệm Phật, có phù hợp với Phương Tiện Ba La Mật như trong kinh Đại Thừa đã nói hay không? Phù hợp! Vì niệm Phật chính là Chân mà đồng thời lại liên quan đến Sự.

(Diễn) Lương do hạ.

(演)良由下。

(Diễn): Từ chữ “áy là vì” trở đi).

Nói về câu “*lương do Bồ Tát dĩ phương tiện vi phụ, niệm Phật tức Chân thiệp Sự, thị phương tiện cố*”.

(Diễn) Thị minh dĩ niệm Phật vi phụ.

(演)是明以念佛為父。

(Diễn): Nhằm giảng rõ ý “*lấy niệm Phật làm cha*”).

“*Minh*” là thuyết minh, nói rõ vì sao phải nói niệm Phật là cha của Bồ Tát.

(Diễn) Cái hữu nhị nghĩa: Nhất phương tiện nghĩa, nhị thân chủng nghĩa.

(演)蓋有二義：一方便義，二親種義。

¹⁰⁵ Thập Ba La Mật là Đản Na Ba La Mật (Bồ Thí Ba La Mật), Thi La Ba La Mật (Trì Giới Ba La Mật), Sạn Đề Ba La Mật (Nhân Nhục Ba La Mật), Tỳ Lê Da Ba La Mật (Tinh Tấn Ba La Mật), Thiên Na Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, Phương Tiện Ba La Mật, Nguyện Ba La Mật, Lực Ba La Mật, và Trí Ba La Mật.

(**Diễn:** Là vì có hai ý nghĩa: Một là nghĩa phương tiện, hai là nghĩa đích thân trao truyền, thật sự gieo trồng).

Trong pháp môn Niệm Phật có đủ hai ý nghĩa này. Trước hết, hãy nói về phương tiện.

(**Diễn**) **Tịnh Danh vân:** “**Trí Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ**”.

(**演**) 淨名云：**智度菩薩母，方便以為父。**

(**Diễn:** Kinh Tịnh Danh nói: “Trí Độ là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha”).

Tịnh Danh chính là Duy Ma Cật Kinh, trong kinh có hai câu như vậy.

(**Diễn**) **Nhi kim tức dĩ diệu tâm, duyên lịch danh hiệu, chánh thị tối thắng phương tiện, cố vi phụ dã.**

(**演**) 而今即以妙心，緣歷名號，正是最勝方便，故為父也。

(**Diễn:** Nay dùng ngay diệu tâm để duyên theo danh hiệu, đây chính là phương tiện tối thắng, cho nên [phương tiện] là cha vậy).

Sở dĩ Niệm Phật thật sự là phương tiện môn vì nó tương ứng với tự tánh và có thể tương ứng với chư Phật Như Lai. Ở chỗ này, chúng ta phải chú ý câu “*dĩ diệu tâm duyên lịch danh hiệu*” (dùng diệu tâm để duyên theo danh hiệu), hãy chú trọng chữ “*diệu tâm*”. Cái tâm niệm Phật hiện tại của chúng ta chẳng diệu; do vậy, chẳng dễ gì duyên theo Phật hiệu để thành tựu nhất tâm bất loạn. Nếu quý vị dùng diệu tâm, sẽ đặc nhất tâm bất loạn chẳng khó, đúng như kinh này đã nói: “*Nhược nhất nhật đáo nhược thất nhật*” (hoặc một ngày cho đến bảy ngày), không ai chẳng thành tựu! Nếu quý vị chẳng dùng diệu tâm, niệm suốt đời cũng chẳng thể thành tựu. Vì vậy, chữ này là chữ trọng yếu, mấu chốt [trong đoạn văn trên đây]. Vì sao tâm chúng ta không diệu? Vì chúng ta dùng tâm vọng tưởng, cái tâm ấy chẳng diệu. Suốt ngày từ sáng đến tối thời thời khắc khắc phân biệt, chấp trước, khởi vọng tưởng, dùng cái tâm ấy để niệm Phật, làm sao thành tựu nhất tâm bất loạn cho được?

Diệu tâm là gì? Chuyển bất diệu thành diệu. Trong hết thấy cảnh giới, Phật pháp thường nói là “*cảnh duyên*”, “*cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa người và người), bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta đều chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tâm ấy là diệu. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Cái tâm ấy chính là diệu tâm. Có thể dùng cái tâm ấy để niệm Phật, người lợi căn có thể đắc nhất tâm trong một ngày; nếu là căn tánh trì độn, bảy ngày cũng nhất định có thể chứng đắc. Vì vậy, hiện thời chúng ta dụng công [mà chẳng thành tựu là do] dùng cái tâm chưa đúng. Cách tu diệu tâm chúng tôi cũng đã nói rất nhiều rồi, trong cuốn Sớ Sao Diễn Nghĩa này, trong phần sau còn không ngừng nêu ra vấn đề này, hy vọng mọi người phải lưu ý, phải từ trong cảnh giới mà thấu hiểu, rèn luyện. Lại xem tiếp ý nghĩa thứ hai...

(Diễn) Thân chủng giả, thân truyền, chân chủng.

(演) 親種者，親傳真種。

(Diễn): “*Thân chủng*” là đích thân truyền trao, thật sự gieo trồng).

Chúng ta niệm Phật là [gieo] chủng tử thành Phật [vào tâm thức]. Quý vị niệm một câu Phật hiệu, nghĩ đến danh hiệu Phật, hoặc nghĩ đến tượng Phật, sẽ gieo chủng tử vào trong A Lại Da Thức, chủng tử gì vậy? Chủng tử Phật. Trong A Lại Da Thức của chúng ta vốn sẵn trọn đủ chủng tử của mười pháp giới, cái nào mạnh nhất, có sức mạnh mẽ nhất thì sẽ thọ báo trước. Chúng ta đã mong làm Phật, phải không ngừng tăng trưởng chủng tử thành Phật, những chủng tử khác sẽ bị tiêu trừ. Nói cách khác, những ý niệm lục đạo, Nhị Thừa nhất định chẳng dấy lên, chẳng khởi lên những ý niệm ấy, đoạn những duyên lục đạo và Nhị Thừa. Tuy có chủng tử, nhưng chúng chẳng khởi hiện hành. Nếu kết nhiều những chủng tử và các duyên Phật, Bồ Tát thì gọi là “*ức Phật, niệm Phật*”. “*Ức*” (憶) là tâm thường tưởng. Chúng ta đọc kinh cũng là “*ức Phật*”, đọc kinh là tiếp xúc với Phật, là nghe Phật thuyết pháp. Đây là thân cận Như Lai, huân tập chánh pháp, đó là “*ức Phật*”. Khi chẳng đọc kinh bèn niệm Phật. “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Đó là “*thân truyền, chân chủng*”.

(Diễn) *Nhi kim tức niệm bỉ Phật, thành ngã tự Phật.*

(演) 而今即念彼佛，成我自佛。

(Diễn): *Nhưng nay do niệm đức Phật kia mà thành tựu vị Phật của chính mình).*

Vì sao phải niệm Phật? Do đạo lý như vậy đó!

(Diễn) *Tức niệm bản Phật, thành kim tử Phật.*

(演) 即念本佛，成今始佛。

(Diễn): *Do niệm Bản Phật mà nay thành tựu Thi Giác Phật).*

“Niệm bỉ Phật” là niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, “thành ngã tự Phật” là chính mình thành Phật. Niệm lâu ngày chính mình sẽ biến thành A Di Đà Phật, biến thành Vô Lượng Giác. A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác. Niệm cho ra cái chân tâm, diệu tâm của chính mình. “Tức niệm bản Phật”: Bản Phật là Bản Sư, Bản Sư của thế giới Cực Lạc là A Di Đà Phật, Niệm Bản Sư Phật để thành tựu Thi Giác Phật của chính mình.

(Diễn) *Chánh thị thân truyền chân chủng, cố vi phụ dã.*

(演) 正是親傳真種，故為父也。

(Diễn): *Đây chính là đích thân truyền trao, thật sự gieo trồng, nên là cha vậy).*

Nói rõ đạo lý này! Nếu chẳng thật sự hiểu đạo lý này, chúng ta niệm Phật hiệu sẽ hoài nghi: Vì sao ta phải niệm? Niệm thì có gì tốt đẹp nhỉ? Ta chẳng niệm Phật, mà niệm “một, hai, ba, bốn, năm” thì có khác gì hay chẳng? Vì sao nhất định phải niệm Phật? Nói rõ đạo lý niệm Phật là ở chỗ này. Tiếp theo đó, lại nói niệm Phật là phương tiện, hễ dính dáng đến Sự thì là phương tiện.

(Diễn) *Tức Chân thiệp Sự giả, niệm thể bản Không, tức niệm xứ tức Chân.*

(演) 即真涉事者，念體本空，則念處即真。

(Diễn: “*Tức Chân thiệp Sự*”: *Bản thể của niệm vốn là Không nên niệm xứ chính là Chân*).

“*Bổn Không*” là nói về tâm, tức là “*diệu tâm*” như đã nói trong đoạn trên. Cái tâm hiện tại của chúng ta chẳng diệu, vì trong tâm chúng ta là có, chẳng phải không, trong tâm có quá nhiều những thứ tạp nhạp, vướng mắc ruột gan. Thật ra, quý vị vướng mắc nhiều thứ quả thật rất oan uổng, vì sao? Chúng không có! Chỉ là một vọng niệm mà thôi! Những thứ quý vị vướng mắc đều chẳng chân thật! Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Tướng cảnh giới bên ngoài đều là hư vọng, trong tâm quý vị hằng ngày vướng mắc những vọng tưởng, đấy là hư vọng, chẳng chân thật. Chúng được gọi chung là vọng tưởng, “*vọng*” (妄) là chẳng thật, trong Chân chẳng có vọng. Chân tâm là không tịch. Chúng ta niệm Phật thì phải dùng chân tâm để niệm, “*niệm Thể bổn Không*” (bản thể của niệm vốn là Không); do vậy, “*niệm xứ tức Chân*”. Cái tâm niệm Phật của chúng ta là chân tâm, là Chân Như, là bản tánh.

(Diễn) Bất phương niệm Phật.

(演) 不妨念佛。

(Diễn: *Chẳng trở ngại niệm Phật*).

Niệm Phật là Sự, Sự là giả, cái tâm năng niệm là chân, đức Phật được niệm là giả. Chân chẳng trở ngại giả, giả cũng chẳng trở ngại chân, xác thực là chẳng trở ngại!

(Diễn) Tác bất ngại thiệp Sự, tức Chân nhi bất thiệp Sự, thị Lý phi phương tiện. Thiệp Sự nhi bất tức Chân, thị hữu vi chi pháp, dữ vô vi cách, diệt phi phương tiện. Kim tức Chân nhi phục thiệp u Sự, thị danh phương tiện dã.

(演) 則不礙涉事。即真而不涉事，是理非方便，涉事而不即真，是有為之法，與無為隔，亦非方便。今即真而復涉於事，是名方便也。

(Diễn: *Cho nên chẳng ngại dính dáng đến Sự. Nếu chỉ là Chân mà chẳng dính dáng đến Sự thì là Lý, không phải là phương tiện. Nếu*

dính dáng đến Sự mà chẳng phải là Chân, sẽ là pháp hữu vi, cách biệt với pháp vô vi, nên cũng chẳng phải là phương tiện. Nay vừa là Chân mà còn dính dáng nơi Sự thì gọi là phương tiện).

Đây là nhằm giải thích niệm Phật vì sao mang ý nghĩa phương tiện trong kinh Đại Thừa, nói rõ ra. Ứng dụng nguyên lý và nguyên tắc này, cảnh giới [niệm Phật] ấy hết sức rộng lớn. Học Phật, căn tánh Viên Giáo và Biệt Giáo khác nhau. Căn tánh nhạy bén nhất là viên đốn, thành tựu dễ dàng. Vì sao? So ra, trong hết thảy cảnh giới, người ấy có thể thấy thấu suốt, buông xuống, không chấp trước quá mức. Vì thế, dễ dàng tiếp xúc pháp Nhất Thừa của Viên Giáo. Tạng, Thông, Biệt đều chẳng dễ dàng, vì sao? Họ cố chấp, đương nhiên cũng có mặt tốt, cũng có mặt rất đáng kính, nhưng khó thể tu học pháp môn viên đốn. [Tu học theo pháp môn] viên đốn sẽ nhanh chóng, thành tựu trong một đời! Căn tánh thuộc Tạng, Thông, Biệt theo đúng quy củ, thành tựu chậm chạp. Có khi quý vị thấy người căn tánh viên đốn không hợp quy củ, nhưng đích xác là thành tựu rất nhanh, vì sao? Lý Sự viên dung.

“*Tức Chân nhi bất thiệp Sự*”: Chỉ là Chân, chẳng dính đến Sự, “*thị Lý phi phương tiện*” (thì là Lý, chẳng phải là phương tiện). Nói cách khác, có Thể mà chẳng có Dụng; phương tiện là Dụng, là tác dụng. Cái Thể chân thật, có Thể mà không có Dụng cho nên chẳng Viên, không có cách gì nhập đạo, rất khó khăn. “*Thiệp Sự nhi bất tức Chân*”: Người ấy tách rời Lý và Sự, Thể và Dụng thành hai bên, tức là có Dụng mà chẳng có Thể. “*Thiệp Sự*” (dính dáng tới Sự) là có Dụng, “*nhi bất tức Chân*” (nhưng chẳng phải là Chân): Không có Thể, đó cũng là sai! Đây là pháp hữu vi; pháp hữu vi là pháp thế gian, có chướng ngại đối với pháp vô vi, có ngăn cách, đều chẳng phải là pháp phương tiện. Pháp phương tiện được nói trong Phật pháp chính là Thể và Dụng như một, Lý và Sự chẳng hai! Vừa có Thể vừa có Dụng, vừa có Lý vừa có Sự, Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, Thể chính là Dụng, Dụng chính là Thể, đó mới gọi là phương tiện. Chúng ta muốn học thì phải học đạo lý này.

Chúng tôi nói chuyện này cụ thể hơn một chút, dễ hiểu minh bạch hơn một chút thì Thể là gì? Thể là tâm thanh tịnh. Dụng là gì? Chính là chúng ta ăn cơm, mặc áo, đi người, tiếp vật, nói đến tu hành tức là tu cái tâm thanh tịnh trong lúc ăn cơm, mặc áo, đi người, tiếp vật mà thôi! Thanh tịnh, từ bi, bình đẳng trong lúc mặc áo, ăn cơm, đi người, tiếp vật, học điều này! Ở đây, lấy tâm bình đẳng làm cơ sở, tâm bình đẳng chính là trực tâm trong Bồ Đề tâm. Nói “trực tâm” thì sẽ không khó hiểu

cho lắm! Trên cùng với chư Phật, dưới cùng với hết thảy chúng sanh, hữu tình và vô tình thấy đều bình đẳng. Trong ấy, chắc chắn không có cao - thấp, lấy tâm này làm cơ sở.

Tự Thụ Dụng là thanh tịnh, Tha Thụ Dụng là từ bi. Đối đãi với người khác một niềm từ bi, chắc chắn là lòng từ bi bình đẳng. Từ bi chẳng trở ngại thanh tịnh, thanh tịnh và bình đẳng là một Thể, từ bi là khởi tác dụng, là ứng dụng nơi Sự. Người thế gian gọi tâm từ bi là lòng yêu thương, vì sao Phật pháp chẳng gọi từ bi là ái? Sợ quý vị mê muội! Lòng yêu thương xuất phát từ tâm bình đẳng, từ tâm thanh tịnh, bèn được đổi tên, gọi nó là “tâm từ bi”, mang ý nghĩa như thế đó. Tâm yêu thương bình thường của phàm nhân sanh từ cảm tình, đó là sai lầm, nó có Dụng, nhưng thiếu Thể. Nếu tác dụng ấy lại đồng thời có Thể thì ta chẳng gọi Dụng ấy là Ái mà thay bằng danh từ “từ bi”. Thật ra, từ bi là ái, ái là từ bi, nhưng điểm xuất phát khác nhau, một đẳng sanh từ tâm thanh tịnh, một đẳng sanh từ tâm ô nhiễm. Sanh từ tâm ô nhiễm thì gọi là ái, sanh từ tâm thanh tịnh thì gọi là từ bi.

Lại nói rõ hơn một chút, lòng từ bi sanh từ cái tâm thanh tịnh là chân ái. Vì sao? Nó chẳng biến đổi, là thật! Vì tâm thanh tịnh bình đẳng là chân tâm, chân tâm khởi tác dụng chân thật. Ái tâm (tâm yêu thương) sanh từ tình thức là giả, vì sao? Nó có thể biến đổi. Cha con cũng như vậy, cha đối với con cái lúc nhỏ rất mực yêu thương, khi con khôn lớn [cảm thấy] chán ghét khôn ngần! Tâm biến đổi rồi, chẳng yêu thương nữa. Lòng yêu thương ấy là giả, chẳng thật. Đối với hết thảy chúng sanh, tâm ái của Phật, Bồ Tát là thật, quyết định chẳng biến đổi. Quý vị cung kính Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát đối với quý vị từ bi. Quý vị hủy báng, nhục mạ, tổn hại các Ngài, các Ngài vẫn từ bi đối với quý vị, chẳng thay đổi. Chẳng thay đổi thì là thật, hễ có thay đổi sẽ là giả!

Trước khi đắc Chánh Định Tự, chúng ta luôn dùng cái tâm hư tình giả ý, dối mình, gạt người, khi nào sẽ dùng chân tâm? Từ trước đến nay chưa hề dùng! Cho dù quý vị nói thật lòng như thế nào, hai ngày sau sẽ thay đổi, chính mình phải hiểu: Bất cứ ai nói họ thật lòng, chúng ta cũng đừng nên tin, đừng để họ gạt. Bản thân chúng ta nói “tôi dùng chân tâm đối với người khác”, chúng ta biết chính mình đang tự lừa dối mình, vì cái tâm ấy khó thể tin cậy được, nó biến đổi. Nhập Chánh Định Tự rồi mới chẳng biến đổi, quý vị mới sử dụng chân tâm. Vì thế, Thể - Dụng, Lý - Sự nhất định phải phân biệt rõ ràng. Đó là ý nghĩa phương tiện trong Phật pháp.

(Diễn) *Hựu phục Chân vị chân lý, Sự vị niệm Phật.*

(演) 又復真謂真理，事謂念佛。

(Diễn: *Lại nữa, Chân là chân lý, Sự là niệm Phật).*

Nếu lại nói điều này theo pháp môn Niệm Phật thì...

(Diễn) *Tức Chân thiệp Sự giả, vị tuy tức quán Lý, nhi lịch niệm Phật, Sự dã.*

(演) 即真涉事者，謂雖即觀理，而歷念佛事也。

(Diễn: *“Tức Chân thiệp Sự” là tuy quán Lý, nhưng về mặt Sự vẫn luôn niệm Phật).*

Quán là Lý, niệm Phật là Sự.

(Diễn) *Thử ư phụ pháp thác Sự tùng hành, tam chủng Quán trung, chánh thị tùng hành lịch Sự quán Lý dã.*

(演) 此於附法託事從行，三種觀中，正是從行歷事觀理也。

(Diễn: *Đây chính là dựa trên pháp để hành theo mặt Sự. Trong ba thứ Quán, đây chính là cách hành theo mặt Sự để quán Lý).*

Đây là ý nghĩa phương tiện chân chánh trong pháp môn tu hành. Ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với câu “*tức dĩ diệu tâm, duyên lịch danh hiệu*” (liền dùng diệu tâm duyên nơi danh hiệu) trong phần trước, chỉ là nói cặn kẽ hơn một chút. Diệu tâm là quán Lý, Lý là Thể, Thể là không, tịch, linh, minh. Niệm Phật là Sự, từ Sự mà quán Lý, Lý - Sự bất nhị. Cách quán như thế nào? Tu Quán phải tự nhiên, đừng nên miễn cưỡng, mà cũng đừng cố ý. Hễ miễn cưỡng hay cố ý sẽ bị chướng ngại. Trong khi tâm chúng ta vừa khởi lên vọng tưởng, vừa nhận biết chính mình có vọng tưởng, liền ngay lập tức chuyển nó thành Phật hiệu, A Di Đà Phật. Đó là Quán, là Giác. Trong Giác có Quán. Quán gì vậy? Quý vị ắt phải hiểu giáo nghĩa. Chẳng hiểu giáo nghĩa, sẽ có Giác mà không có Quán! Hiểu được giáo nghĩa, trong ấy sẽ có cả Giác lẫn Quán. Hiểu rõ giáo nghĩa: Một câu Nam-mô A Di Đà Phật là Quy Y Vô Lượng Giác, giác

chứ không mê! Giác tâm là thanh tịnh, giác tâm chẳng có một vật, khi ấy sẽ vừa có Giác vừa có Quán.

Tuy có Giác, có Quán, câu Phật hiệu vẫn rành rẽ phân minh, chẳng có gián đoạn! Trong ấy vừa có Sự vừa có Lý, Lý chẳng ngại Sự, Sự chẳng ngại Lý, sẽ thành Lý Sự vô ngại pháp giới như trong kinh Hoa Nghiêm. Do một niệm có thể biến ra hết thấy sự tướng, thấy toàn thể vũ trụ và nhân sinh, không có một pháp nào chẳng phải là như thế, mà pháp nào cũng đều là [như thế], Lý Sự bất nhị, Lý Sự vô ngại. Trong khi ấy, quý vị nhất định có chỗ ngộ, ý nghĩa là như vậy đó! Thật ra, cảnh giới của kinh này chẳng phải chỉ có vậy, nếu nâng cao hơn nữa sẽ thành Sự Sự vô ngại. Lý Sự đã thuần thực, thấu tỏ rồi, bèn nhập Sự Sự vô ngại. Bất luận trong cảnh duyên nào, dù là hoàn cảnh vật chất hay hoàn cảnh nhân sự, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, tâm quý vị vĩnh viễn thanh tịnh, tuyệt đối chẳng bị ngoại cảnh xoay chuyển. Chẳng bị cảnh chuyển thì mới có thể chuyên cảnh, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển cảnh sẽ giống như Như Lai). “*Giống Như Lai*” chính là Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ cách tu này và cảnh giới của nó thì đối với việc niệm Phật cầu nhất tâm bất loạn, đích xác chẳng phải là chuyện khó. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý này, chẳng hiểu cảnh giới này, chúng ta siêng khổ niệm Phật suốt đời, niệm đến mức công phu thành phiến thì còn có thể được, chứ niệm đến nhất tâm bất loạn sẽ khó lắm! Chúng ta phải thường đọc tụng Di Đà Kinh Sớ Sao và Yếu Giải, quả thật những tác phẩm ấy sẽ giúp cho chúng ta đạt đến nhất tâm bất loạn trong một đời này. Không chỉ chính mình chắc chắn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà còn có thể nâng cao phẩm vị. Vì thế, những tác phẩm ấy có vô lượng công đức.

(Sớ) Thập Địa thí chung giả, Thập Địa văn trung, tụng sơ chi mạt, địa địa giai vân “nhất thiết sở tác bất ly niệm Phật”. Hựu vân: Viễn Hành Địa Bồ Tát, tuy tri nhất thiết quốc độ do như hư không, nhi năng dĩ thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ.

(疏) 十地始終者，十地文中，從初至末，地地皆云一切所作不離念佛。又云：遠行地菩薩，雖知一切國土猶如虛空，而能以清淨妙行莊嚴佛土。

(Sớ: “Mười Địa từ đầu đến cuối”: Trong kinh văn của phẩm Thập Địa [kinh Hoa Nghiêm], từ Địa đầu tiên đến Địa cuối cùng, Địa nào cũng đều nói “hết thấy việc làm chẳng rời niệm Phật”. Kinh lại nói: Viễn Hành Địa Bồ Tát tuy biết hết thấy cõi nước giống như hư không, nhưng có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật).

Đây là dẫn kinh văn từ phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm. Từ Sơ Địa, Sơ Địa là Hoan Hỷ Địa, cho đến Địa cuối cùng, tức Địa thứ mười là Pháp Vân Địa Bồ Tát, chúng ta thường gọi những vị Bồ Tát này là Ma Ha Tát. Những vị Bồ Tát được gọi là Địa Tiên chính là những người thuộc các địa vị trước khi chứng Sơ Địa. Đây là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Địa Thượng Bồ Tát là từ Sơ Địa trở lên, được gọi là Ma Ha Tát, đây là đại Bồ Tát. Những vị Bồ Tát này không một ai chẳng niệm Phật. “Địa địa giai vân nhất thiết sở tác bất ly niệm Phật” (Địa nào cũng đều nói hết thấy việc làm đều chẳng rời niệm Phật); đủ thấy tánh chất trọng yếu và thù thắng của pháp môn Niệm Phật.

“Hư vân” (lại nói), Viễn Hành Địa là Địa thứ bảy. Công phu của Thất Địa Bồ Tát bất phạm. Bát Địa là Bất Động Địa. Thất Địa Bồ Tát thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Từ kinh Nhân Vương, chúng ta thấy có Ngũ Nhãn Bồ Tát¹⁰⁶. Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Nếu nói lỏng tiêu chuẩn một chút, chúng ta nói bậc Sơ Trụ minh tâm kiến tánh mới chứng đắc [Vô Sanh Pháp Nhãn]; còn nói nghiêm ngặt thì Viễn Hành Địa Bồ Tát mới là thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Ngài biết “nhất thiết quốc độ do như hư không” (hết thấy cõi nước giống như hư không), tức là như kinh Kim Cang đã

¹⁰⁶ Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa nói tới Ngũ Nhãn Bồ Tát như sau:

1. Phục Nhãn: Đây là pháp nhãn được chứng bởi các Bồ Tát thuộc những địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, chưa đoạn chủng tử phiền não, nhưng đã chế ngự được phiền não, chẳng cho chúng hiện hành.
2. Tín Nhãn: Pháp nhãn của Sơ Địa cho đến Tam Địa Bồ Tát. Đã thấy pháp tánh, đạt được chánh tín.
3. Thuận Nhãn: Pháp nhãn của Bồ Tát từ Tứ Địa cho đến Lục Địa, thuận theo Bồ Đề đạo, hướng đến quả Vô Sanh.
4. Vô Sanh Nhãn: Pháp nhãn của bậc Bồ Tát từ Thất Địa cho đến Cửu Địa, ngộ nhập lý Vô Sanh nơi các pháp.
5. Tịch Diệt Nhãn: Pháp nhãn của Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác, đoạn sạch các Hoặc, chứng Niết Bàn tịch diệt.

nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Ngài không chỉ chẳng mảy may lưu luyến ngũ dục lục trần trong thế gian này, chẳng có mảy may tiêm nhiễm, mà đối với các cõi nước thanh tịnh do chư Phật đã hiện cũng chẳng tiêm nhiễm, vì sao? Trong mắt Ngài, thế giới Tây Phương Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng và thế giới Sa Bà của chúng ta chẳng hai, chẳng khác, vì sao? Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng! Thế giới Sa Bà là hư vọng, thế giới Cực Lạc cũng là hư vọng, thế giới Hoa Tạng cũng là hư vọng. Hư vọng và hư vọng bình đẳng, chẳng có sai biệt, tâm các Ngài thanh tịnh lắm!

Ngài trang nghiêm cõi Phật như thế nào? Báo ân Phật như thế nào? Vẫn là dùng thanh tịnh diệu hạnh. Thanh tịnh diệu hạnh là niệm Phật! Vẫn chẳng bỏ pháp môn Niệm Phật, vẫn chẳng bỏ ý niệm vãng sanh thế giới Tây Phương. Đó là bậc đại Bồ Tát thị hiện khuôn mẫu cho chúng ta thấy. Không chỉ Viễn Hành Địa Bồ Tát là như thế, mà qua kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, trong chương Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông, Ngài đã thị hiện rõ ràng: Đẳng Giác Bồ Tát vẫn là “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật, chúng ta hãy suy nghĩ xem Quán Thế Âm Bồ Tát có niệm Phật hay không? Đương nhiên niệm Phật! Văn Thù, Phổ Hiền càng chẳng cần phải nói nữa. Trong kinh Hoa Nghiêm đã có kinh văn nói rõ chuyện này! Những vị Bồ Tát ấy niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta hãy suy nghĩ: Đẳng Giác Bồ Tát còn phải niệm Phật cầu vãng sanh, thân phận chúng ta là như thế nào, chúng ta là hạng người gì, do lẽ nào mà chẳng niệm Phật?

(Diễn) Năng dĩ thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ giả, tri Không, bất trước Không, thị danh vi Chân Không.

(演) 能以清淨妙行莊嚴佛土者，知空不著空，是名為真空。

(Diễn: “Có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật”: Biết Không, chẳng chấp vào Không, nên gọi là Chân Không).

Nếu chấp trước Không thì sai lầm. Nói nghiêm ngặt, Phật pháp là phá chấp trước. Phàm phu chấp trước Có, đức Phật thường nói Không, phá trừ chấp trước Có của chúng ta. Hàng Nhị Thừa chấp trước Không,

đức Phật thuyết pháp cho họ điều gì cũng nói Có nhằm phá trừ sự Chấp Không của họ. Vì sao đức Phật lúc thì nói Không, khi thì nói Có? Giống như tự mình mâu thuẫn! Thật ra, chẳng phải vậy, nhằm phá chấp trước mà thôi! Đức Phật có thuyết pháp hay không? Đức Phật không thuyết pháp! Quý vị chấp trước Có, đức Phật nói Không để phá trừ sự chấp Có của quý vị. Sau khi đã phá trừ, cái Không ấy cũng chẳng còn! “Không” chính là một thủ đoạn để phá trừ sự chấp trước của quý vị. Quý vị chẳng chấp trước thì Không cũng chẳng có! Thế nhưng căn bệnh của chúng ta thường là nêu chẳng chấp vào một chuyện nào đó sẽ chẳng được! Hiện thời, chúng ta chấp Có, đức Phật nói Có là giả, là hư huyền, đừng chấp trước! Chúng ta bèn chấp trước Không! Chẳng chấp bên này, bèn chấp vào bên kia. Đức Phật dạy cả hai bên đừng chấp trước thì mới là Trung Đạo, quý vị lại chấp trước Trung Đạo, luôn là lâm lạc! Trung Đạo cũng không có, đều là bất đắc dĩ mà kiến lập đó thôi!

Phật pháp từ đầu đến cuối không gì chẳng nhằm phá chấp mà thôi! Nhất định phải hiểu rõ Chân Đế, chân lý này, đó gọi là Phật pháp. Hễ có chấp trước là sai, không có chấp trước là đúng. Hết thấy đều chẳng chấp trước thì là Phật. Nếu quý vị chấp trước “ta hết thấy đều chẳng chấp trước” thì quý vị vẫn là phàm phu, còn có chấp trước. Do vậy, nói đến chỗ chân thật này, đích xác là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xir diệt*”, chẳng thể mở miệng được! Mở miệng liền sai, động niệm ắt trật! Khi chẳng chấp trước hết thấy, quyết định chẳng động niệm. Hễ động niệm bèn chấp trước; do vậy, kinh thường nói: “*Khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai*” (mở miệng liền trật, khởi niệm liền sai).

(Diễn) Tịnh Danh vân: “Tuy tri chư Phật quốc cập dữ chúng sanh Không”.

(演) 淨名云: 雖知諸佛國及與眾生空。

(Diễn: Kinh Tịnh Danh dạy: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh đều là Không”).

Cõi nước và chúng sanh, hữu tình và vô tình, Sự có, Lý không, tướng có, tánh không!

(Diễn) Nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa u chúng sanh. Thử chứng Thất Địa niệm Phật vãng sanh dã.

(演) 而常修淨土，教化於眾生，此證七地念佛往生也。

(Diễn: Nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các chúng sanh. Đây là sự niệm Phật vãng sanh của bậc đã chứng Thất Địa).

Câu này trích dẫn kinh văn để chứng minh Thất Địa Bồ Tát niệm Phật vãng sanh. Thất Địa Bồ Tát biết thế giới, chúng sanh, quốc độ đều là huyền hóa, chẳng chân thật, Ngài thật sự chứng đắc Thật Tướng của các pháp, [Thật Tướng] là tướng chân thật của hết thảy các pháp, nhưng vẫn chẳng bỏ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Huống chi nay chúng ta là những kẻ còn đang mê, chưa chứng đắc Thật Tướng của các pháp, càng phải nên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới có thể chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, mới có thể viên thành Phật đạo. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Quyển II hết

“Hoan nghênh ân hành, công đức vô lượng”